

Mâu thuẫn lớn

GIỮA Chúa Kitô và Satan

Trong thời kỳ Cơ-đốc giáo

ELLEN VÀNG TRẮNG

Tác giả các Tổ phụ và Tiên tri, Ước muốn của mọi thời đại, Con đường đến với Chúa Kitô, Dụ ngôn Chúa Giêsu và các tác phẩm khác.

Tất cả các trích dẫn Kinh thánh trong tác phẩm này bằng ngôn ngữ gốc đều được lấy từ Kinh thánh, Phiên bản quốc tế mới, trừ khi có ghi chú khác.

Lời nói đầu

Bạn đọc thân mến, cuốn sách này được xuất bản không phải để nói với chúng ta rằng có tội lỗi, có bất hạnh và có khổ đau trên thế giới này.

Cuốn sách này được xuất bản không phải để cho chúng ta biết rằng có một sự tranh cãi không thể hòa giải giữa ánh sáng và bóng tối, tội lỗi và lẽ phải, sự sống và cái chết, đúng và sai. Trong thâm tâm, chúng ta biết điều này và chúng ta biết rằng chúng ta là những người tham gia, là diễn viên, trong cuộc xung đột này.

Nhưng mỗi chúng ta đôi khi lại có một ước muốn cháy bỏng muốn biết thêm về cuộc chiến khốc liệt này. Nó bắt đầu như thế nào? Hoặc: cô ấy luôn ở đây phải không? Những yếu tố nào là một phần của các khía cạnh phức tạp của nó? Tôi có quan hệ thế nào với cô ấy?

Trách nhiệm của tôi là gì? Tôi tồn tại trên thế giới này không phải do sự lựa chọn của riêng tôi. Điều ác hay điều tốt có ý nghĩa gì với tôi?

Các nguyên tắc chính liên quan là gì? Cuộc xung đột này sẽ kéo dài bao lâu? Kết thúc của bạn sẽ là gì? Phải chăng, như một số nhà khoa học nhận định, Trái đất sẽ chìm sâu vào màn đêm dày đặc, lạnh lẽo và vĩnh cửu? Hay sẽ có một tương lai tốt đẹp hơn, rạng ngời ánh sáng, ấm áp tình yêu vĩnh cửu của Thiên Chúa?

Câu hỏi còn sâu sắc hơn nữa: trong thâm tâm tôi, làm sao cuộc xung đột này, cuộc đấu tranh giữa dòng chảy ích kỷ và dòng chảy tình yêu, có thể được giải quyết mãi mãi trong chiến thắng của điều thiện? Kinh Thánh nói gì? Thiên Chúa phải dạy chúng ta điều gì về vấn đề vĩnh cửu và quan trọng này đối với mỗi tâm hồn?

Những câu hỏi như thế này đối đầu với chúng ta từ mọi phía. Chúng trở dậy một cách dai dẳng từ sâu thẳm trái tim chúng ta. Và họ yêu cầu những câu trả lời dứt khoát.

Chắc chắn, Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo ra trong chúng ta niềm khao khát điều gì đó tốt đẹp hơn, khao khát sự thật, sẽ không từ chối cung cấp cho chúng ta câu trả lời cho tất cả nhu cầu kiến thức này, vì "Chúa Giê-hô-va sẽ không làm bất cứ điều gì mà không tiết lộ bí mật của Ngài cho các tôi tớ Ngài, các nhà tiên tri."

Mục đích của tác phẩm này, bạn đọc thân mến, là giúp đỡ những tâm hồn đang gặp rắc rối tìm ra giải pháp chính xác cho tất cả những vấn đề này. Nó được viết bởi một người đã ném trái và khám phá rằng Chúa là tốt lành, và là người đã học được từ sự hiệp thông với Đức Chúa Trời và nghiên cứu Lời Ngài, rằng bí mật của Chúa dành cho những ai kính sợ Ngài và Ngài sẽ tiết lộ điều đó trong Giao ước của anh ấy.

Để chúng ta hiểu rõ hơn nội dung của cuộc xung đột vô cùng quan trọng liên quan đến sự sống của Vũ trụ này, tác giả đã trình bày cho chúng ta qua những bài học cụ thể, khách quan được rút ra từ hai mươi thế kỷ lịch sử gần đây.

Cuốn sách bắt đầu với những cảnh cuối buồn của câu chuyện về Giêrusalem, thành phố được Thiên Chúa chọn, sau khi từ chối Con Người trên Đồi Canvê, Đấng đến để cứu độ. Từ đó trở đi, cùng với tiến trình vĩ đại của các quốc gia, cuốn sách chỉ ra những cuộc bách hại mà dân Chúa phải gánh chịu trong những thế kỷ đầu tiên; sự bội đạo lớn của giáo hội tông truyền sau đó; sự thức tỉnh do cuộc Cải cách tạo ra, trong đó một số bản chất chính của cuộc xung đột được thể hiện rõ ràng; khủng khiếp

bài học từ việc Pháp bác bỏ các nguyên tắc công lý; sự phục sinh và tôn cao của Kinh thánh cũng như ảnh hưởng mang lại sự sống, có ích của chúng; sự thức tỉnh tôn giáo của những ngày sau rốt; sự tiết lộ nguồn rạng ngời của Lời Chúa, với những mạc khải kỳ diệu về ánh sáng và kiến thức để đáp trả cuộc nổi dậy của ma quỷ từ mọi sự lừa dối của bóng tối.

Cuộc xung đột sắp xảy ra và hiện tại, với những giới luật quan trọng liên quan và trong đó không ai có thể lựa chọn trung lập, rất đơn giản, rõ ràng và được phơi bày một cách mạnh mẽ.

Trên hết, chúng ta được thấy sự chiến thắng về vang và vĩnh cửu của cái thiện trước cái ác, của lẽ phải.

về sai trái, ánh sáng hơn bóng tối, niềm vui hơn nỗi buồn, sự sống hơn cái chết, hy vọng hơn tuyệt vọng, vinh quang hơn tủi nhục, và tình yêu vĩnh cửu, nhịn nhục hơn hận thù báo thù.

Những ấn bản trước đây của cuốn sách này đã đưa nhiều linh hồn đến với Vị Mục Tử đích thực. Các biên tập viên cầu nguyện rằng lần xuất bản này thậm chí còn có thể mang lại nhiều kết quả hơn nữa về tài sản vĩnh cửu.

BIÊN TẬP

Giới thiệu

Trước khi tội lỗi xâm nhập, Adam đã được hưởng sự hiệp thông công khai với Đấng Tạo Hóa của mình, nhưng vì con người đã xa cách Thiên Chúa do phạm tội nên loài người đã bị tước đoạt đặc ân cao quý này. Tuy nhiên, thông qua kế hoạch cứu chuộc, một con đường đã được mở ra mà qua đó cư dân trên Trái đất vẫn có thể có mối liên hệ với Thiên đường.

Đức Chúa Trời đã giao tiếp với loài người thông qua Thánh Linh của Ngài, và ánh sáng thiêng liêng đã được chiếu xuống thế giới qua những điều mặc khải dành cho những tội tử được chọn: "Con người đã nói từ Đức Chúa Trời, được thúc đẩy bởi Đức Thánh Linh". (II Phi-e-rơ 1:21).

Trong suốt 25 thế kỷ đầu tiên của lịch sử nhân loại, không có sự mặc khải bằng văn bản nào cả. Những người được Chúa dạy dỗ đã truyền đạt kiến thức của mình cho người khác và kiến thức này được truyền từ cha sang con qua nhiều thế hệ kế tiếp. Việc chuẩn bị Lời viết đã bắt đầu từ thời Môi-se. Sau đó, những điều mặc khải được Chúa soi dẫn đã được đưa vào một cuốn sách thiêng liêng. Công việc này tiếp tục trong một thời gian dài kéo dài 1.600 năm, từ Môi-se, nhà sử học về sự sáng tạo và luật pháp, đến Giăng, người ghi lại những lẽ thật cao cả nhất của phúc âm.

Kinh thánh chỉ ra Thiên Chúa là tác giả của nó, tuy nhiên, nó được viết bởi bàn tay con người và, với phong cách đa dạng của các cuốn sách khác nhau, nó thể hiện những đặc điểm của nhiều tác giả. Những lẽ thật được tiết lộ đều được Đức Chúa Trời soi dẫn (II Ti-mô-thê 3:16), tuy nhiên, chúng được diễn đạt bằng lời nói của con người. Đấng Vô tận, nhờ Đức Thánh Linh của Ngài, soi sáng tâm trí và trái tim của những tội tử Ngài. Ngài đã mặc khải chính Ngài qua những giấc mơ và khải tượng, những biểu tượng và hình tượng, cũng như những người mà lẽ thật được tiết lộ qua tư tưởng được thể hiện bằng ngôn ngữ loài người.

Mười Điều Răn được chính Đức Chúa Trời phán ra và được chính tay Ngài viết ra. Chúng là công việc của Chúa chứ không phải do con người tạo ra. Nhưng Kinh thánh, với những lẽ thật được Đức Chúa Trời soi dẫn, diễn đạt bằng ngôn ngữ loài người và trình bày mối liên hệ giữa thần thánh và con người. Sự kết hợp như vậy tồn tại trong bản chất của Đấng Christ, Đấng là Con Đức Chúa Trời và Con người. Điều này đúng với Kinh thánh và cả với Chúa Kitô: "Đấng là Lời đã trở nên xác thịt và sống giữa chúng ta". (Giăng 1:14).

Được viết vào những thời điểm khác nhau bởi những người khác nhau về địa vị, nghề nghiệp cũng như về khả năng trí tuệ và tâm linh, các sách trong Kinh thánh thể hiện sự tương phản rõ rệt về văn phong cũng như sự đa dạng về bản chất của các chủ đề được giải thích. Các hình thức diễn đạt khác nhau được các nhà văn khác nhau sử dụng.

Thường thì cùng một sự thật được tác giả này trình bày một cách nổi bật hơn tác giả khác. Vì các tác giả khác nhau trình bày một chủ đề theo những khía cạnh và mối quan hệ khác nhau, nên chúng có thể tỏ ra khác biệt hoặc mâu thuẫn đối với người đọc hời hợt và bất cẩn, nhưng người học trò chăm chú và tôn kính sẽ thấy trong bài viết của họ những hiểu biết rõ ràng nhất và nhận ra sự hài hòa cơ bản của chúng.

Được trình bày thông qua các cá nhân khác nhau, sự thật được thể hiện dưới nhiều khía cạnh đa dạng. Người viết có ấn tượng mạnh mẽ nhất với một khía cạnh của chủ đề; anh ta chọn ra những điểm phù hợp với kinh nghiệm hoặc khả năng nhận thức và đánh giá cao của mình. Những người khác tập trung vào một khía cạnh khác. Và mỗi người, dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, trình bày điều gây ấn tượng sâu sắc nhất trong tâm trí mình—một đặc điểm khác nhau về lẽ thật trong mỗi người, nhưng giữa tất cả đều có sự hòa hợp hoàn hảo. Và những sự thật được tiết lộ như vậy hợp nhất lại để tạo thành một tổng thể hoàn hảo, thích ứng để đáp ứng nhu cầu của con người trong mọi hoàn cảnh và trải nghiệm của cuộc sống.

Đức Chúa Trời vui lòng truyền đạt lẽ thật của Ngài cho thế giới thông qua các cơ quan của con người, và chính Ngài, thông qua Đức Thánh Linh của Ngài, đã ban cho những người có đủ tư cách và cho phép họ thực hiện công việc này. Ông hướng dẫn tâm trí con người trong việc lựa chọn những gì để nói và viết. Kho báu đã được giao phó cho những vật chứa trần thế, nhưng vẫn thuộc về Thiên đàng, lời chứng được đưa ra qua cách diễn đạt không hoàn hảo của ngôn ngữ con người, nhưng đó là lời chứng thiêng liêng, và đưa con ngoan ngoãn, tin tưởng của Chúa nhìn thấy trong đó vinh quang của quyền năng, thiêng liêng, đầy ân sủng và sự thật.

Trong Lời Ngài, Đức Chúa Trời đã giao phó cho loài người sự hiểu biết cần thiết để được cứu rỗi. Kinh thánh phải được chấp nhận như một sự mặc khải có thẩm quyền và không thể sai lầm về ý muốn của Ngài. Chúng là tiêu chuẩn của tính cách, là người tiết lộ các học thuyết và là bài kiểm tra kinh nghiệm. "Cả Kinh Thánh đều được Đức Chúa Trời soi dẫn, có ích cho sự dạy dỗ, bẻ trách, sửa trị, dạy người trong sự công bình, hầu cho người thuộc về Đức Chúa Trời được trang bị và sẵn sàng để làm mọi việc lành." (II Ti-mô-thê 3:16 và 17).

Tuy nhiên, việc Đức Chúa Trời bày tỏ ý muốn của Ngài cho loài người qua Lời Ngài không làm cho sự hiện diện và hướng dẫn liên tục của Đức Thánh Linh là không cần thiết. Ngược lại, Đấng Cứu Rỗi đã hứa Thánh Linh sẽ mở rộng Lời Chúa cho các tín đồ Ngài để làm sáng tỏ và áp dụng những lời dạy trong đó. Và vì chính Đức Thánh Linh là Đấng đã soi dẫn Kinh Thánh nên sự dạy dỗ của Ngài không thể trái ngược với Lời dạy của Ngài.

Thánh Linh đã không được ban—và cũng không bao giờ được ban—để thay thế Kinh thánh, vì Kinh thánh tuyên bố rõ ràng rằng Lời Chúa là tiêu chuẩn để kiểm tra mọi sự giảng dạy và kinh nghiệm. Sự đồ Giảng nói: "Hỡi kẻ rất yêu dấu, đừng tin vào mọi thần linh, nhưng hãy thử xem các thần linh có đến từ Đức Chúa Trời không, vì có nhiều tiên tri giả đã xuất hiện trong thế gian". (I Giảng 4:1).

Và Isaia tuyên bố: "Tuân theo lề luật và các điều răn! Nếu họ không nói theo lời này thì họ sẽ không bao giờ nhìn thấy ánh sáng." (Ê-sai 8:20).

Công việc của Đức Thánh Linh đã bị khiển trách nặng nề bởi những lỗi lầm của một tầng lớp, những người tuyên bố đã được soi sáng nhưng lại tuyên bố rằng không cần đến sự hướng dẫn của Lời Chúa nữa. Những ai thuộc về nó đều bị chi phối bởi những ấn tượng mà họ cho là tiếng nói của Chúa trong tâm hồn. Nhưng linh điều khiển họ không phải là Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Việc làm theo một cách bất cẩn những ấn tượng về Kinh thánh chỉ có thể dẫn đến sự nhầm lẫn, lừa dối và hủy hoại. Nó chỉ phục vụ cho những kế hoạch của kẻ ác. Vì chức vụ của Đức Thánh Linh có tầm quan trọng sống còn đối với hội thánh của Đấng Christ, nên đây là một trong những sự lừa dối của Sa-tan được thực hiện thông qua sai lầm của những kẻ cực đoan và cuồng tín, nhằm khinh thường công việc của Đức Thánh Linh và khiến dân sự của Đức Chúa Trời bỏ bê công việc của họ. nguồn sức mạnh mà chính Chúa đã ban cho.

Hòa hợp với Lời Đức Chúa Trời, Thánh Linh của Ngài tiếp tục công việc của Ngài trong suốt thời kỳ truyền giáo. Trong thời gian Kinh thánh của cả hai Giao ước được ban hành, Chúa Thánh Thần không ngừng truyền ánh sáng cho tâm trí mỗi người, bắt chước những điều mặc khải được đưa vào kinh điển thiêng liêng. Chính Kinh thánh tường thuật rằng, nhờ Đức Thánh Linh, con người đã nhận được sự cảnh báo, khiển trách, lời khuyên và chỉ dẫn về những vấn đề không liên quan đến việc truyền đạt Kinh thánh. Các nhà tiên tri từ những thời điểm khác nhau được đề cập đến nhưng không có lời tuyên bố nào được ghi lại. Tương tự như vậy, sau khi kết thúc kinh điển, Đức Thánh Linh vẫn tiếp tục công việc soi sáng, khuyên răn và an ủi con cái Đức Chúa Trời.

Chúa Giêsu đã hứa với các môn đệ của Người: "Nhưng Đấng Bảo Trợ là Thánh Thần mà Chúa Cha sẽ nhân danh Thầy sai đến, sẽ dạy anh em mọi điều và sẽ nhắc nhở anh em mọi điều Thầy đã bảo anh em". (Giăng 14:26). "Nhưng khi Thần lẽ thật đến, Ngài sẽ

sẽ hướng dẫn bạn vào mọi sự thật... và sẽ cho bạn biết điều gì sẽ xảy ra." (Giăng 16:13). Kinh thánh dạy rõ ràng rằng những lời hứa này, không chỉ giới hạn trong thời kỳ các sứ đồ, mà còn mở rộng đến hội thánh của Đấng Christ trong mọi thời đại. Đấng Cứu Rỗi bảo đảm với những người theo Ngài: "Ta luôn ở cùng các ngươi luôn cho đến tận thế." (Ma-thi-ơ 28:20). Và Phaolô tuyên bố rằng các ân tứ và sự biểu hiện của Thánh Linh đã được thực hiện trong hội thánh "để chuẩn bị các thánh đồ cho công việc của chức dịch, hầu cho thân thể Đấng Christ được gây dựng, cho đến khi tất cả chúng ta đạt đến sự hiệp một trong đức tin và sự hiểu biết." của Con Đức Chúa Trời, và đạt tới mức trưởng thành, đạt đến tầm vóc viên mãn của Đấng Christ." (Ê-phê-sô 4:12 và 13).

Sứ đồ đã cầu nguyện cho các tín đồ ở Ê-phê-sô: "Tôi cầu xin Đức Chúa Trời của Chúa chúng ta là Đức Chúa Giê-su Christ, là Cha vinh hiển, ban cho anh em thần khí khôn ngoan và khả thi để nhận biết Ngài. Tôi cũng cầu nguyện cho con mắt của lòng anh em được sáng tỏ, để anh em biết được niềm hy vọng mà Ngài đã kêu gọi chúng ta... và quyền năng lớn lao không gì sánh được của Ngài đối với chúng ta là những kẻ có lòng tin..." (Ê-phê-sô 1:17) -19). Chúc vụ của Chúa Thánh Thần, soi sáng sự hiểu biết và mở mang tâm trí những điều sâu xa trong Lời Thánh của Thiên Chúa, là ơn lành mà Thánh Phaolô cầu nguyện cho giáo hội Êphêsô.

Sau sự bày tỏ kỳ diệu của Đức Thánh Linh vào ngày Lễ Ngũ Tuần, Phi-e-rơ đã kêu gọi dân chúng ăn năn và chịu phép báp têm nhân danh Đấng Christ để được tha tội. Và ngài nói: "... Và họ sẽ nhận được ân sủng của Chúa Thánh Thần. Vì lời hứa dành cho anh em, cho con cái anh em và cho tất cả những người ở xa, vì tất cả những người mà Chúa là Thiên Chúa chúng ta sẽ kêu gọi" (Cv 2:38 và 39).

Liên quan trực tiếp đến những cảnh tượng trong ngày trọng đại của Đức Chúa Trời, Chúa, qua tiên tri Giô-ên, đã hứa về một sự biểu hiện đặc biệt của Thánh Linh Ngài (Giô-ên 2:28). Lời tiên tri này đã được ứng nghiệm một phần khi Đức Thánh Linh tuôn đổ vào ngày Lễ Ngũ Tuần, nhưng nó sẽ đạt đến mức hiện thực hóa trọn vẹn qua những biểu hiện của ân điển thiêng liêng sẽ chứng kiến sự hoàn thành công tác của phúc âm.

Cuộc xung đột lớn giữa thiện và ác sẽ gia tăng cường độ cho đến tận thế. Trong mọi thời đại, cơn thịnh nộ của Satan đã được thể hiện chống lại Giáo hội của Chúa Kitô. Đức Chúa Trời đã ban ân điển và Thánh Linh của Ngài cho dân sự để thêm sức cho họ đối mặt với quyền lực của kẻ ác. Khi các sứ đồ của Đấng Christ chuẩn bị đem phúc âm ra thế giới và ghi lại phúc âm cho các thế hệ tương lai, họ đặc biệt được ban cho sự soi sáng của Đức Thánh Linh. Nhưng khi Giáo hội tiến tới sự giải thoát cuối cùng, Satan hoạt động với quyền lực to lớn. Anh ta đi xuống "với cơn thịnh nộ lớn, biết rằng mình chỉ còn rất ít thời gian." (Khải huyền 12:12). Nó sẽ làm việc "với mọi quyền năng, bằng những dấu kỳ phép lạ lừa dối" (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:9). Trong sáu nghìn năm, bộ óc đặc quyền này, vốn từng là bộ óc cao nhất trong số các thiên thần, đã hoàn toàn tập trung vào công việc lừa dối và hủy hoại. Và tất cả chiều sâu của khả năng và sự tinh tế của Satan có được và tất cả sự tàn ác phát triển trong các trận chiến thế tục sẽ được áp dụng để chống lại dân Chúa trong cuộc xung đột cuối cùng. Trong thời điểm nguy hiểm này, những người theo Chúa Kitô phải lo báo cho thế giới lời cảnh báo về sự tái lâm của Chúa. Và một dân tộc phải chuẩn bị để đứng trước mặt Ngài khi Ngài đến, "không tì vết và không chỗ trách được".

(II Phi-e-rơ 3:14). Vào thời điểm đó, sự ban tặng đặc biệt về ân sủng và quyền năng thiêng liêng sẽ không kém phần cần thiết đối với giáo hội so với thời các sứ đồ.

Qua sự soi sáng của Chúa Thánh Thần, những cảnh tượng xung đột lâu dài giữa thiện và ác đã được mở ra cho tác giả của những trang này. Thỉnh thoảng, tôi được phép chiêm ngưỡng diễn biến của cuộc tranh cãi lớn giữa Chúa Kitô, Hoàng tử sự sống, Tác giả ơn cứu rỗi của chúng ta, và Satan, chúa tể sự ác, tác giả của tội lỗi, kẻ đầu tiên. kẻ vi phạm luật thánh của Đức Chúa Trời. Cùng một sự căm ghét đối với các nguyên tắc luật pháp của Chúa, cùng một chiến lược lừa dối qua đó tạo ra sai lầm

Có vẻ như đó là sự thật, luật pháp của con người thay thế luật pháp của Thiên Chúa, và con người bị dẫn đến tôn thờ tạo vật hơn là Đấng Tạo Hóa, có thể được mô tả xuyên suốt lịch sử quá khứ. Những nỗ lực của Satan nhằm xuyên tạc bản chất của Thiên Chúa, khiến con người có quan niệm sai lầm về Đấng Tạo Hóa và do đó nhìn Ngài với ánh mắt sợ hãi và căm ghét thay vì tình yêu; Những nỗ lực của họ nhằm loại bỏ luật pháp của Đức Chúa Trời, khiến người dân nghĩ rằng họ thoát khỏi những đòi hỏi của nó, và sự đàn áp những người dám chống lại sự lừa dối của nó, đã và đang tiếp tục đều đặn trong mọi thời đại. Chúng có thể được quan sát thấy trong lịch sử của các tổ phụ, các tiên tri, các tông đồ, các vị tử đạo và các nhà cải cách.

Trong cuộc xung đột lớn cuối cùng, Satan sẽ sử dụng cùng một chính sách, thể hiện cùng một tinh thần và hoạt động hướng tới cùng một mục đích, như trong mọi thời đại trước đó. Những gì đã, sẽ xảy ra, ngoại trừ việc cuộc đấu tranh sắp tới sẽ được đánh dấu bằng cường độ khủng khiếp mà thế giới chưa từng chứng kiến. Những sự lừa dối của Satan sẽ tinh vi hơn, những cuộc tấn công của hắn sẽ quyết tâm hơn. Nếu có thể được thì hắn sẽ lừa dối chính những người được chọn (Mác 13:22).

Khi Thánh Linh của Đức Chúa Trời bày tỏ cho tâm trí tôi những lẽ thật vĩ đại trong Lời Ngài cũng như những cảnh tượng trong quá khứ và tương lai, tôi được lệnh phải cho người khác biết những gì đã được tiết lộ cho tôi—để phác thảo lịch sử của cuộc tranh cãi trong những thế kỷ qua. và đặc biệt trình bày nó để làm sáng tỏ cuộc đấu tranh sắp xảy ra trong tương lai. Với mục đích này, tôi đã cố gắng lựa chọn và tập hợp các sự kiện trong lịch sử của nhà thờ, để theo dõi sự diễn biến của những sự thật vĩ đại và thử thách mà ở những thời kỳ khác nhau đã được công bố cho thế giới, khiến cho thế giới phẫn nộ. Satan đã kích động sự thù địch của giáo hội yêu thế giới, và điều này đã được duy trì nhờ lời chứng của những người “dù phải chết cũng không tiếc mạng sống mình” (Khải Huyền 12:11).

Trong những ghi chép này, chúng ta có thể thấy những điềm báo trước về cuộc xung đột trước mắt. Phân tích chúng dưới ánh sáng của Lời Chúa và qua sự soi sáng của Thánh Thần Ngài, chúng ta có thể khám phá ra những kế hoạch của tên ác quỷ và những mối nguy hiểm mà những người sẽ được tìm thấy “chắc chắn” trước Chúa tại thời điểm của Ngài. đang tới.

Những sự kiện trọng đại đánh dấu bước tiến của phong trào Cải Cách trong các thế kỷ qua là những vấn đề lịch sử được thế giới Tin Lành biết đến và thừa nhận rộng rãi. Đây là những sự thật mà không ai có thể phản bác được. Tôi đã trình bày câu chuyện này một cách ngắn gọn, phù hợp với độ dài của cuốn sách và sự ngắn gọn mà nhất thiết phải tuân theo. Các sự kiện được cô đọng lại thành một khoảng ngắn gọn vì chúng có vẻ phù hợp với sự hiểu biết đúng đắn về ứng dụng của nó. Trong một số trường hợp, nhà sử học đã nhóm các sự kiện lại với nhau để cung cấp một cái nhìn tổng quát về chủ đề hoặc tóm tắt các chi tiết một cách thích hợp, thì lời nói của ông ta đã được trích dẫn; nhưng, ngoại trừ một số trường hợp, không có ghi nhận cụ thể nào được đưa ra, vì chúng không được trích dẫn nhằm mục đích trích dẫn tác giả này như một người có thẩm quyền, mà vì tuyên bố của ông đưa ra một cách trình bày nhanh chóng và thuyết phục về chủ đề. Khi ghi lại kinh nghiệm và quan điểm của những người đã thực hiện công cuộc Cải cách vào thời đại chúng ta, đôi khi các tác phẩm đã xuất bản của họ cũng được sử dụng tương tự.

Mục đích của tác phẩm này không phải là trình bày những sự thật mới liên quan đến các trận chiến thời nguyên thủy mà là đưa ra ánh sáng những sự kiện và nguyên tắc có liên quan đến các sự kiện trong tương lai. Tuy nhiên, được coi là một phần của cuộc xung đột giữa thế lực ánh sáng và bóng tối, tất cả những ghi chép về quá khứ này dường như mang một ý nghĩa mới; và qua họ, ánh sáng được soi chiếu cho tương lai, soi sáng con đường của những người, giống như những nhà cải cách trong quá khứ, sẽ được kêu gọi làm chứng cho “lời Chúa và chứng tá của Chúa Giêsu Kitô”, ngay cả khi có nguy cơ mất đi quyền lợi của mình. tất cả hàng hóa trần thế.

Mục đích của cuốn sách này là làm sáng tỏ hiện trường của cuộc tranh cãi lớn giữa sự thật và sai lầm; đó là tiết lộ những mưu đồ của Sa-tan và những phương tiện mà hắn có thể chống lại thành công; nó là đưa ra một giải pháp thỏa đáng cho vấn đề lớn lao về sự ác, làm sáng tỏ nguồn gốc và tính chất cuối cùng của tội lỗi, cũng như thể hiện đầy đủ sự công bằng và nhân từ của Đức Chúa Trời trong mọi cách đối xử với các tạo vật của Ngài; và thể hiện tính chất thánh thiện và bất biến của luật pháp Ngài. Rằng nhờ ảnh hưởng của nó, các linh hồn có thể được giải thoát khỏi quyền lực của bóng tối và trở thành "những người được dự phần cơ nghiệp của các thánh trong ánh sáng", để ca ngợi Đấng đã yêu thương chúng ta và phó chính mình Ngài vì chúng ta. Đây là mong muốn chân thành của tác giả.

Ellen Gould trắng

Chương 1

Sự hủy diệt của Jerusalem

"À! Giá như bạn cũng biết, ít nhất là trong ngày này của bạn, điều gì thuộc về sự bình yên của bạn! Nhưng bây giờ điều này đã bị che giấu khỏi tầm mắt của bạn. Vì sẽ có những ngày kẻ thù của bạn sẽ bao vây bạn bằng chiến hào, và sẽ Chúng sẽ bao vây người, và chúng sẽ lật đổ người tứ bề, sẽ lật đổ người và con cái người ở giữa người, và sẽ không để hòn đá nào trên hòn đá nào trong người, vì người đã không biết thời điểm người được viếng thăm." (Lu-ca 19:42-44).

Từ đỉnh Núi Ô-liu, Chúa Giêsu ngắm nhìn Giêrusalem. Đẹp đẽ và bình yên là khung cảnh diễn ra trước mắt Ngài. Đó là thời điểm Lễ Vượt Qua, và các con trai của Gia-cóp từ khắp nơi đến tụ tập ở đó và tổ chức lễ hội lớn của quốc gia. Giữa những khu vườn, những vườn nho và những sườn dốc xanh tươi dành cho những người hành hương dựng lều là những ngọn đồi kè, những cung điện uy nghiêm và những pháo đài đồ sộ của thủ đô Israel. Con gái của Zion dường như nói một cách đầy kiêu hãnh, "Tôi ngồi với tư cách là nữ hoàng, và sẽ không... thấy khóc", lúc đó xinh đẹp và nghĩ rằng mình chắc chắn được Chúa ưu ái, giống như khi, nhiều thế kỷ trước, nhà thi sĩ hoàng gia ông đã hát: "Đẹp cho một địa điểm, và niềm vui của cả trái đất là Núi Zion... thành phố của vị Vua vĩ đại." (Thi Thiên 48:2). Trong tầm nhìn toàn cảnh lơ mơ các tòa nhà đền thờ trống rỗng. Những tia nắng mặt trời lặn chiếu sáng màu trắng như tuyết của những bức tường đá cẩm thạch và tỏa sáng từ cánh cổng vàng, tòa tháp và chóp. Ông là "vẻ đẹp hoàn hảo" - niềm tự hào của dân tộc Do Thái. Người con trai nào của Israel có thể chứng kiến cảnh tượng này mà không cảm thấy vui mừng và ngạc nhiên? Nhưng những suy nghĩ khác chiếm giữ tâm trí Chúa Giêsu. "Khi đến nơi, ngài thấy thành và khóc" (Lc 19:41). Giữa niềm vui chung của mọi người khi chiến thắng tiến vào, trong khi những cành cọ vẫy vẫy, trong khi những tiếng hoan hô vui mừng vang vọng khắp các ngọn đồi, và hàng ngàn tiếng nói được tuyên bố là Vua, Đấng Cứu Chuộc thế giới, Ngài cảm thấy bị áp bức bởi một nỗi đau buồn bất ngờ và bí ẩn. Ngài, Con Thiên Chúa, Đấng Hứa của Israel, Đấng có quyền năng chiến thắng cái chết và gọi những kẻ bị giam cầm ra khỏi nấm mồ, đã rơi nước mắt, không phải như là kết quả của một nỗi buồn chung, nhưng là một nỗi thống khổ mãnh liệt và không thể kìm nén.

Những giọt nước mắt của Ngài không dành cho chính Ngài, bởi vì Ngài biết rõ bước đi của Ngài sẽ đưa Ngài đến đâu. Trước mặt Ngài là Vườn Ghết-sê-ma-nê, cảnh tượng cơn hấp hối sắp đến của Ngài. Cổng Chiên cũng ở trong tầm mắt, qua đó các nạn nhân bị hiến tế trong nhiều thế kỷ đã được dẫn qua đó, cổng này sẽ được mở cho Ngài khi Ngài "như chiên con bị đem đi làm thịt" (Ê-sai 53:7). Cách đó không xa là đồi Can-vê, nơi bị đóng đinh. Trên con đường mà Chúa Kitô sắp bước đi, nỗi kinh hoàng của bóng tối dày đặc sẽ ập xuống khi Ngài dâng linh hồn mình làm của lễ chuộc tội. Tuy nhiên, không phải việc chiêm ngưỡng những cảnh tượng này đã phủ bóng lên Ngài trong giờ vui này. Không một chút ý niệm nào về nỗi thống khổ siêu phàm của Ngài đã che mờ tinh thần vị tha đó. Chúa Giêsu khóc cho số phận của hàng ngàn người bị kết án ở Giêrusalem - vì sự mù quáng và sự thống hối của những người Ngài đến để chúc lành và cứu rỗi.

Câu chuyện hơn một ngàn năm về ân huệ đặc biệt và sự chăm sóc bảo vệ của Thiên Chúa dành cho tuyển dân của Ngài đã mở ra trước mắt Chúa Giêsu. Có Núi Moriah, nơi mà Con Trai của Lời Hứa, với tư cách là một nạn nhân vàng phục, đã bị trói vào bàn thờ—một biểu tượng về lễ vật của Con Đức Chúa Trời (Sáng Thế Ký 22:9). Ở đó giao ước ban phước và lời hứa vinh quang về Đấng Mê-si đã được xác nhận với người cha của những người trung thành

(Sáng 22:16-18). Ở đó, ngọn lửa hiến tế bay lên trời từ sân đập lúa của Ornan, đã làm chệch hướng thanh kiếm của thiên thần hủy diệt (I Sử ký 21)—một biểu tượng phù hợp về sự hy sinh và hòa giải của Đấng Cứu Rỗi cho những người có tội. Giêrusalem đã được Thiên Chúa tôn vinh trên khắp trái đất. Chúa đã chọn Si-ôn, nơi Ngài mong muốn “làm nơi ở của Ngài” (Thi Thiên 132:13). Ở nơi đó, trong nhiều thế kỷ, các vị tiên tri thánh thiện đã đưa ra những thông điệp cảnh báo. Các thầy tế lễ ở đó đã lắc lư hương, và đám khói hương cùng với lời cầu nguyện của những người thờ phượng đã bay lên trước mặt Đức Chúa Trời. Ở đó, hàng ngày, máu của những con chiên bị giết chỉ về Chiên Con của Đức Chúa Trời được dâng lên. Ở đó, Đức Giê-hô-va đã bày tỏ sự hiện diện của Ngài trong đám mây vinh hiển trên ngai thương xót. Có chân của chiếc thang thần bí nối Đất với Trời (Sáng Thế Ký 28:12; Giăng 1:51) - qua đó các thiên thần của Đức Chúa Trời xuống và thăng lên, đồng thời mở đường đến Nơi Chí Thánh cho thế giới. Nếu Y-sơ-ra-ên, với tư cách là một quốc gia, giữ vững giao ước với Thiên đàng thì Giê-ru-sa-lem sẽ mãi mãi là dân được Đức Chúa Trời tuyển chọn (Giê-rê-mi 17:21-25). Nhưng lịch sử của những người được sủng ái là một kỷ lục về sự bội đạo và nổi loạn. Họ đã chống lại ân sủng thiên thượng, lạm dụng các đặc quyền của mình và coi thường các cơ hội.

Mặc dù dân Y-sơ-ra-ên đã chế nhạo các sứ giả của Đức Chúa Trời, khinh thường lời Ngài và ngược đãi các tiên tri của Ngài (II Sử ký 36:16), nhưng Ngài vẫn bày tỏ chính Ngài cho họ là “Chúa, là Đức Chúa Trời nhân từ và nhân từ, chậm giận, đầy yêu thương và nhân từ.” sự thật.” (Xuất 34:6); mặc dù bị tử chí nhiều lần, lòng thương xót của Ngài vẫn tiếp tục mà không cần lời cầu xin. Với tình yêu thương đạo đức hơn cả tình yêu của một người cha dành cho đứa con mình chăm sóc, Thiên Chúa đã sai họ “Lời của Người qua các sứ giả của Người, dậy sớm và sai họ đi; vì Người đã thương xót dân Người và nơi ở của Người”. (II Sử ký 36:15). Khi những lời khuyên răn, nài xin và khiển trách không thành công, Ngài đã ban cho họ món quà quý giá nhất của Thiên đàng; hơn nữa, Ngài đã đổ cả Thiên Đàng vào món quà đó.

Chính Con Thiên Chúa đã được sai đến để cầu xin thành phố không ăn năn. Chính Đấng Christ đã đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập như một cây nho tốt (Thi thiên 80:8). Chính tay Ngài đã đuổi dân Ngoại ra khỏi trước mặt họ. Ông đã trồng nó "trên một ngọn đồi màu mỡ." Sự chăm sóc của người cha đã xây dựng một hàng rào xung quanh nó. Ngài sai đầy tớ Ngài đến chăm sóc bà. Ngài kêu lên: “Còn điều gì có thể làm được hơn nữa cho vườn nho của Ta mà Ta chưa làm?” Vì khi Ngài mong nó kết trái thì nó lại sinh ra nho dại” (Ê-sai 5:1-4), vẫn hy vọng tìm được trái, nên Ngài đã đích thân đến vườn nho của Ngài, để có lẽ Ngài có thể cứu nó khỏi bị hủy diệt. Ngài đào xới xung quanh, cắt tỉa và chăm sóc nó một cách cẩn thận. Ngài không mệt mỏi trong nỗ lực cứu lấy vườn nho mà chính Ngài đã trồng.

Trong ba năm, Chúa của ánh sáng và vinh quang đã đến và đi giữa dân Ngài. Người “đi khắp nơi làm việc lành và chữa lành mọi người bị ma quỷ áp bức” (Cv 10:38), an ủi những tấm lòng tan vỡ, trả tự do cho những người bị cầm tù, cho người mù được sáng, kẻ què đi được và lắng nghe người điếc, chữa lành người cùi, làm người chết sống lại và rao giảng phúc âm cho người nghèo (Lu-ca 4:18; Ma-thi-ơ 11:5). Tất cả các tầng lớp này đều được gửi đến lời mời ân cần: “Hãy đến với Ta, tất cả những ai đang lao nhọc và gánh nặng, và Ta sẽ cho nghỉ ngơi bồi dưỡng.” (Ma-thi-ơ 11:28).

Mặc dù điều lành của Ngài bị báo ác và tình yêu của Ngài có sự ghét bỏ (Thi thiên 109:5), Chúa Giê-su vẫn tiếp tục kiên định trong sứ mệnh thương xót của Ngài. Những người tìm kiếm ân sủng của Ngài không bao giờ bị đẩy lùi. Là một lữ khách vô gia cư, với sự hèn hạ và cơ cực là phần sống hàng ngày của mình, Chúa chúng ta đã sống để phục vụ những nhu cầu của con người và xoa dịu những đau khổ của con người, đồng thời kêu gọi con người chấp nhận món quà sự sống. Những làn sóng thương xót bị đẩy lùi bởi những trái tim bướng bỉnh

họ trở lại trong một làn sóng tình yêu ngoan đạo và không thể diễn tả được mạnh mẽ hơn. Nhưng Y-sơ-ra-ên đã quay lưng lại với Người Bạn tốt nhất và Đấng Trợ Giúp duy nhất của mình. Những lời cầu xin tình yêu của Ngài đã bị khinh thường, những lời khuyên của Ngài bị bác bỏ và những lời cảnh báo của Ngài bị chế giễu.

Giờ hy vọng và tha thứ đang trôi qua nhanh chóng; chén thịnh nộ của Chúa bấy lâu nay đã bị giữ lại đã gần đầy. Những đám mây đã tụ tập qua nhiều thế kỷ bội đạo và nổi loạn, giờ đây chứa đầy bất hạnh, sắp ập đến với một dân tộc tội lỗi. Và người duy nhất có thể cứu họ khỏi sự hủy diệt sắp xảy ra đã bị khinh thường, sỉ nhục, chối bỏ và rồi bị đóng đinh.

Khi Đấng Christ bị treo trên thập tự giá ở Đồi Sọ, thời kỳ dân Y-sơ-ra-ên là một quốc gia được Đức Chúa Trời ưu ái và ban phước sẽ chấm dứt. Chỉ riêng việc mất đi một linh hồn thôi cũng là một tai họa vô cùng lớn lao hơn những lợi ích và sự giàu có của cả thế giới; nhưng khi Đấng Christ nhìn Giê-ru-sa-lem, sự tàn phá của cả thành phố, của cả dân tộc, nằm trước mặt Ngài. Thành phố đó, quốc gia đó đã từng là nơi được Đức Chúa Trời chọn, kho báu riêng của Ngài.

Các nhà tiên tri đã than khóc về sự bội đạo của Y-sơ-ra-ên và sự hoang tàn khủng khiếp mà tội lỗi của họ đã phải chịu. Giê-rê-mi muốn đôi mắt mình là nguồn lệ, để ngày đêm khóc thương cho cái chết của con gái dân mình, cho bầy chiên của Đức Giê-hô-va bị bắt (Giê-rê-mi 9:1; 13:17). Vậy thì nỗi đau của Đấng có cái nhìn tiên tri không phải kéo dài hàng năm mà là hàng thế kỷ! Ông chiêm ngưỡng thiên sứ hủy diệt giơ gươm tấn công thành phố vốn là nơi ngự của Đức Giê-hô-va từ lâu. Từ đỉnh Núi Ô-liu, cũng tại địa điểm sau này bị Titus và quân đội của ông ta chiếm đóng, Ngài nhìn qua thung lũng đến các sân và mái cổng linh thiêng, và với đôi mắt đẫm lệ, Ngài nhìn thấy, trong một viễn cảnh khủng khiếp, những bức tường bao quanh của chủ nhà nước ngoài. Anh nghe thấy tiếng bước chân của quân đội đang điều động chiến tranh. Và cả tiếng mẹ con khóc đòi bánh mì trong thành phố bị bao vây. Chúa Kitô đã nhìn thấy ngôi đền thánh và đẹp đẽ, những cung điện và tháp canh, tất cả đều bị đốt cháy và ở đó chỉ còn là một đống đổ nát đang bốc khói.

Nhìn xuống qua các thời đại, Ngài thấy dân giao ước rải rác khắp các vùng đất, giống như tàn tích của một con tàu bị đắm trên bờ biển hoang vắng. Trong sự trừng phạt tạm thời sắp giáng xuống con cái Giêrusalem, Chúa Kitô đã nhìn thấy ngum đầu tiên của chén thịnh nộ mà vào Ngày Phán xét Cuối cùng, con người phải uống cạn chén đó. Lòng thương xót Chúa và tình yêu dịu dàng được thể hiện trong những lời đau buồn này: "Giêrusalem, Giêrusalem, nơi giết chết các ngôn sứ và ném đá những người được sai đến với người! Đã bao nhiêu lần Ta muốn tụ tập các con người lại như gà mái túc con mình lại ấp trong cánh? , và cậu không muốn nó!" (Ma-thi-ơ 23:37). Ô! Nếu bạn biết, với tư cách là một quốc gia được ưu ái hơn tất cả những quốc gia khác, thời điểm bạn đến thăm và những điều thuộc về sự bình yên của bạn! Tôi đã kiểm chế thiên thần công lý, tôi đã mời bạn ăn năn, nhưng vô ích. Các người không chỉ xua đuổi và khước từ các tôi tớ, các sứ giả và các nhà tiên tri, mà còn là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, Đấng Cứu Chuộc của các người. Nếu bạn bị phá hủy, bạn phải chịu trách nhiệm một mình. "Và các người sẽ không đến với Ta để được sự sống." (Giăng 5:40).

Đấng Christ nhìn thấy ở Giê-ru-sa-lem một biểu tượng của thế giới cứng lòng trong sự vô tín và nổi loạn, và nhanh chóng hướng tới sự phán xét trừng phạt của Đức Chúa Trời. Những bất hạnh của một chủng tộc sa ngã, đè nén tâm hồn Ngài, buộc từ môi Ngài tiếng kêu tràn đầy cay đắng này. Ông nhìn thấy dấu vết tội lỗi được ghi lại trong những nỗi khổ khổ của con người, nước mắt và máu; Tâm Ngài rung động với lòng tử bi vô hạn đối với những phiền não, đau khổ của Trái đất và mong muốn xoa dịu tất cả. Nhưng ngay cả bàn tay của Ngài cũng không thể đảo ngược làn sóng bất hạnh của con người, vì ít người tìm kiếm nguồn hỗ trợ duy nhất. Ngài sẵn sàng trút linh hồn mình trong cái chết để mang lại sự cứu rỗi trong tầm tay.

Tuy nhiên, có ít người đến với Ngài để được sự sống.

Thượng Đế rơi nước mắt! Con Thiên Chúa vô hạn có tâm hồn bối rối, cúi đầu thống khổ! Cảnh tượng này khiến cả thiên đường phải kinh ngạc. Nó tiết lộ cho chúng ta thấy sự ác độc khủng khiếp của tội lỗi; cho thấy nhiệm vụ khó khăn như thế nào, ngay cả đối với quyền năng vô hạn, để cứu kẻ có tội khỏi hậu quả của việc vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời.

Chúa Giêsu nhìn vào thế hệ vừa qua đã thấy thế giới bị bao phủ bởi sự lừa dối tương tự như điều đã gây ra sự tàn phá thành Giêrusalem. Tội lỗi lớn nhất của người Do Thái là họ chối bỏ Đấng Christ; Tội lỗi lớn nhất của thế giới Cơ-đốc giáo là chối bỏ luật pháp của Đức Chúa Trời, nền tảng của sự cai trị của Ngài trên Thiên đường và Dưới đất. Các giới luật của Đức Giê-hô-va sẽ bị khinh thường và coi như không có giá trị gì. Hàng triệu người đang bị trói buộc bởi tội lỗi, nô lệ của Satan, phải chịu cái chết thứ hai, sẽ từ chối nghe những lời lẽ thật vào ngày hấn đến thăm. Sự mù quáng khủng khiếp! Điều vô nghĩa kỳ lạ!

Hai ngày trước lễ Phục sinh, khi Chúa Kitô rời khỏi đền thờ lần cuối, sau khi tố cáo sự đạo đức giả của các nhà lãnh đạo Do Thái, Ngài lại cùng các môn đệ đến Núi Ô-liu và ngồi với họ trên sườn cỏ, từ đó có một cái nhìn toàn cảnh của thành phố. Một lần nữa Ngài quan sát các bức tường, tháp và cung điện của nó.

Một lần nữa hãy chiêm ngưỡng ngôi chùa trong vẻ lộng lẫy quyền rũ của nó, một vương miện vẻ đẹp đội vương miện trên ngọn núi linh thiêng.

Một ngàn năm trước, tác giả Thi Thiên đã ca ngợi ân huệ của Đức Chúa Trời đối với dân Y-sơ-ra-ên khi biến nhà thánh thành nơi Ngài ngự: "Tại Salem có đền tạm Ngài, và nơi Ngài ngự tại Si-ôn". (Thi Thiên 76:2). Ngài "đã chọn chi tộc Giu-đa, núi Si-ôn mà Ngài yêu quý. Và Ngài đã xây dựng thánh điện Ngài như những nơi cao." (Thi Thiên 78:68 và 69). Ngôi đền đầu tiên được xây dựng vào thời kỳ thịnh vượng nhất trong lịch sử Israel.

Để thực hiện mục đích này, vua Đa-vít đã tích lũy kho báu lớn và kế hoạch xây dựng kho báu này được thực hiện bởi sự soi dẫn thiêng liêng (I Sử ký 28:12 và 19). Sa-lô-môn, vị vua khôn ngoan nhất của Y-sơ-ra-ên, đã hoàn thành công việc này. Ngôi đền này là tòa nhà tráng lệ nhất mà thế giới từng thấy. Tuy nhiên, Chúa đã tuyên bố qua tiên tri Haggai về ngôi đền thứ hai: "Sự vinh quang của ngôi nhà cuối cùng này sẽ lớn hơn vinh quang của ngôi nhà đầu tiên". Đức Giê-hô-va vạn quân phán: "Ta sẽ làm cho mọi dân tộc run sợ, và sự khao khát của mọi dân tộc sẽ đến, và ta sẽ làm cho ngôi nhà này tràn ngập vinh quang, Chúa các đạo quân phán vậy."

(A-ghê 2:9 và 7).

Sau khi Nê-bu-cát-nét-sa phá hủy ngôi đền, nó đã được xây dựng lại khoảng năm trăm năm trước khi Đấng Christ giáng sinh, bởi một dân tộc đã trở về sau một thời gian bị giam cầm lâu dài ở một đất nước bị phá hủy và gần như hoang tàn. Trong số họ có những ông già đã nhìn thấy sự vinh quang của ngôi đền Sa-lô-môn và đã khóc khi xây dựng nền móng của tòa nhà mới, vì họ cho rằng nó kém hơn nhiều so với ngôi đền đầu tiên. Cảm giác phổ biến được nhà tiên tri mô tả một cách hiệu quả: "Có ai trong số các bạn, sau khi ở lại, đã nhìn thấy ngôi nhà này trong ánh vinh quang ban đầu của nó? Và bây giờ các bạn thấy nó như thế nào?"

Trong mắt bạn, điều này chẳng là gì so với điều đó sao?" (A-ghê 2:3; Eze. 3:12).

Sau đó, lời hứa được ban ra rằng vinh quang của ngôi nhà cuối cùng này sẽ lớn hơn vinh quang của ngôi đền thờ đầu tiên.

Nhưng ngôi đền thứ hai không thể bằng ngôi đền thứ nhất về độ hoành tráng; ông cũng không được thánh hóa bởi những dấu hiệu hữu hình về sự hiện diện thiêng liêng xảy ra trong đền thờ của Sa-lô-môn. Không có biểu hiện nào của sức mạnh siêu nhiên để đánh dấu sự cống hiến của ông. Không có đám mây vinh quang nào được nhìn thấy trong thánh đường mới được xây dựng. Không có lửa từ trời nào giáng xuống thiêu rụi của lễ trên bàn thờ. "Shekinah" không còn ngự giữa các cherubim ở nơi thánh thiện nhất; hòm giao ước, nắp thi ân và bảng chứng không còn nữa. Không có tiếng nói nào từ trên trời có thể bày tỏ ý muốn của Đức Giê-hô-va cho vị linh mục đang thối mắc.

Trong nhiều thế kỷ, người Do Thái đã nỗ lực vô ích để chứng tỏ rằng lời hứa của Đức Chúa Trời qua A-ghê đã được ứng nghiệm; tuy nhiên, niềm tự hào và

sự vô tín đã làm mù tâm trí họ trước ý nghĩa thực sự của lời nói của nhà tiên tri. Ngôi đền thứ hai không được tôn vinh bằng đám mây vinh quang của Đức Giê-hô-va, mà có sự hiện diện sống động của Đấng mà thần tính trọn vẹn ngự trong thân xác-chính là Đức Chúa Trời được biểu hiện trong xác thịt. Thực ra, "Mong muốn của mọi quốc gia" đã đến với đền thờ của Ngài khi Con người ở Nazareth giảng dạy và chữa lành trong các tòa án thiêng liêng. Với sự hiện diện của Chúa Kitô, và chỉ với Ngài, ngôi đền thứ hai đã vượt qua ngôi đền thứ nhất về vinh quang. Nhưng dân Israel đã lấy đi của mình Ân Huệ Thiên Đàng, với vị Thầy khiêm nhường ngày ấy đã rời khỏi cổng vàng, vinh quang đã vĩnh viễn rời khỏi đền thờ. Bấy giờ lời của Đấng Cứu Rỗi đã được ứng nghiệm: "Này, nhà các ngươi sẽ bị bỏ hoang". (Ma-thi-ơ 23:38).

Các môn đệ vô cùng sợ hãi và kinh ngạc trước Đấng Christ đã báo trước lật đổ ngôi đền và mong muốn hiểu đầy đủ hơn ý nghĩa lời nói của Ngài. Sự giàu có, công việc và kỹ năng kiến trúc đã được chi tiêu một cách hào phóng trong hơn bốn mươi năm để nâng cao về huy hoàng của nó. Herod Đại đế đã phung phí cho ông cả của cải La Mã và Do Thái, và ngay cả hoàng đế của thế giới cũng làm giàu cho ông bằng những món quà của mình. Những khối đá cẩm thạch trắng khổng lồ, có kích thước gần như tuyệt vời, được mang trực tiếp từ Rome cho mục đích này, đã tạo thành một phần cấu trúc của nó. Các đệ tử thu hút sự chú ý của Thầy đến họ và nói: "Hãy nhìn những viên đá và những tòa nhà!" (Mác 13:1).

Trước những lời này, Chúa Giêsu đã đưa ra một câu trả lời long trọng và ấn tượng: "Quả thật, Ta nói với các ngươi, ở đây sẽ không còn hòn đá nào trên hòn đá nào mà không bị đổ xuống". (Ma-thi-ơ 24:2).

Với sự sụp đổ của Giêrusalem, các môn đệ liên kết các sự kiện Chúa Kitô đến trong vinh quang trần thế, để đảm nhận ngai vàng của đế chế hoàn vũ, trừng phạt những người Do Thái không ăn năn và giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của La Mã. Chúa đã bảo họ rằng Ngài sẽ đến lần thứ hai. Vì vậy, khi đề cập đến sự phán xét trên Giê-ru-sa-lem, tâm trí họ hướng về sự sắp đến đó, và khi họ nhóm lại với Đấng Cứu Rỗi trên Núi Ô-li-ve, họ hỏi: "Khi nào những điều này sẽ xảy ra, và có dấu hiệu nào về Ngài sẽ xảy ra? đến và ngày tận thế?" (Ma-thi-ơ 24:3).

Tương lai đã được che đậy một cách nhân từ khỏi các môn đệ. Nếu vào thời điểm đó, họ hiểu đầy đủ về hai sự kiện đáng sợ-sự đau khổ và cái chết của Đấng Cứu Chuộc cũng như sự tàn phá thành phố và đền thờ của Ngài-thì họ sẽ vô cùng kinh hãi. Đấng Christ đã trình bày trước mặt họ một bản tóm tắt về những bước chuyển quan trọng sẽ diễn ra trước thời điểm kết thúc. Khi đó, lời nói của ông không được hiểu đầy đủ. Nhưng ý nghĩa của chúng phải được tiết lộ khi dân Ngài cần sự hướng dẫn được ban cho họ. Lời tiên tri mà Ngài tuyên bố có hai ý nghĩa: trong khi nó báo trước sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem, nó cũng báo trước những nỗi kinh hoàng của

ngày trọng đại vừa qua.

Chúa Giêsu đã tuyên bố với các môn đệ đang lắng nghe Ngài những sự phán xét sẽ giáng xuống dân Israel bội đạo, và đặc biệt là sự báo thù sẽ giáng xuống họ vì họ đã chối bỏ và đóng đinh Đấng Mê-si. Những dấu hiệu không thể nhầm lẫn sẽ báo trước đỉnh điểm khủng khiếp. Giờ kinh hoàng sẽ đến bất ngờ và nhanh chóng. Và Đấng Cứu Rỗi đã cảnh báo những người theo Ngài: "Khi các ngươi thấy sự gớm ghiếc tàn nát, mà đấng tiên tri Đa-ni-ên đã nói đến, đứng trong thánh địa (ai đọc phải hiểu), thì ai ở xứ Giu-đê hãy trốn lên núi." (Ma-thi-ơ 24:15 và 16; Lu-ca 21:20). Khi các tiêu chuẩn thờ thần tượng của người La Mã được nâng lên ở vùng đất thánh, trải dài vài trăm thước bên ngoài các bức tường thành, thì những người theo Chúa Kitô phải tìm nơi an toàn trong chuyển bay. Khi nhìn thấy biển cảnh báo, những người muốn chạy trốn không thể nán lại. Khắp xứ Judea cũng như tại Giêrusalem, hiệu lệnh chạy trốn phải được tuân theo ngay lập tức. Người cuối cùng đã

trên nóc nhà, anh ta không được phép leo xuống ngay cả để cứu lấy những kho báu quý giá nhất của mình. Những người làm việc ngoài đồng hoặc vườn nho không nên mất thời gian quay về lấy quần áo bên ngoài, thứ thường bị vứt sang một bên khi làm việc dưới trời nắng nóng. Họ không nên do dự dù chỉ một giây, kéo bị lôi kéo vào sự hủy diệt chung.

Dưới triều đại của Herod, Jerusalem không chỉ được trang hoàng lộng lẫy mà với việc xây dựng các tháp, tường và pháo đài, cộng với sức mạnh tự nhiên về vị trí địa lý, thành phố này dường như không thể bị chinh phục. Bất cứ ai công khai dự đoán về sự hủy diệt của nó vào thời điểm đó sẽ được gọi là, giống như Nô-ê vào thời của ông, là một người đưa ra cảnh báo điên rồ. Nhưng Đấng Christ đã phán: "Trời đất sẽ qua đi, nhưng lời Ta sẽ không qua đâu". (Ma-thi-ơ 24:35). Vì tội lỗi và sự cứng lòng vô tín của họ, khiến số phận của họ bị định đoạt, nên cơn thịnh nộ đã được công bố chống lại Giê-ru-sa-lem.

Chúa đã tuyên bố qua tiên tri Mi-ca: "Hỡi những người lãnh đạo nhà Gia-cóp, và những người cai trị nhà Y-sơ-ra-ên, hãy nghe điều này bây giờ, những kẻ gồm ghiếc sự công bình và bóp méo mọi điều công bình, xây dựng Si-ôn bằng máu, và Giê-ru-sa-lem bằng sự bất công." Những kẻ cai trị nó lấy quà tặng mà tuyên án, các thầy tế lễ dạy dỗ vì lãi, và các tiên tri của nó bói toán vì tiền bạc, thế nhưng họ vẫn nương cậy vào Chúa mà nói rằng: Chúa há chẳng ở giữa chúng ta sao? (Mic. 3:9-11).

Những lời này mô tả chính xác những cư dân bại hoại ở Giê-ru-sa-lem, những người đầy tự cho mình là công chính. Mặc dù họ có ý định tuân thủ nghiêm ngặt các giới luật của luật pháp Đức Chúa Trời, nhưng họ đã vi phạm tất cả các nguyên tắc trong đó. Họ ghét Đấng Christ vì sự trong sạch và thánh khiết của Ngài đã phơi bày sự gian ác của chính họ cho họ, và họ cáo buộc Ngài là nguyên nhân gây ra mọi rắc rối đã xảy đến với họ do tội lỗi của họ. Mặc dù biết Ngài là vô tội nhưng họ tuyên bố cái chết của Ngài là cần thiết cho sự an ninh của quốc gia họ. Các nhà lãnh đạo Do Thái đã nói: "Nếu chúng ta rời bỏ Ngài như thế này thì mọi người sẽ tin vào Ngài, và người La Mã sẽ đến chiếm lấy nơi ở và dân tộc của chúng ta". (Giăng 11:48). Nếu Chúa Kitô hy sinh, họ một lần nữa có thể trở thành một dân tộc mạnh mẽ và đoàn kết. Vì vậy, họ lý luận và đồng ý với quyết định của thầy tế lễ thượng phẩm rằng thà một người chết còn hơn là cả dân tộc bị diệt vong.

Vì vậy, các nhà lãnh đạo Do Thái đã xây dựng "Zion bằng máu và Jerusalem bằng sự bất công". Hơn nữa, trong khi họ sát hại Đấng Cứu Rỗi của mình vì Ngài quở trách tội lỗi của họ, họ vẫn tự coi mình là dân được Chúa ưu ái và mong đợi Chúa giải cứu họ khỏi kẻ thù.

Nhà tiên tri tiếp tục: "Vì vậy, vì các người mà Si-ôn sẽ bị cày như ruộng, Giê-ru-sa-lem sẽ trở thành đồng đá, núi của nhà này sẽ trở thành nơi cao của rừng." (Mic. 3:12).

Bốn mươi năm sau khi Đấng Christ tuyên án Giê-ru-sa-lem, Chúa đã kéo dài sự phán xét của Ngài đối với thành phố và quốc gia. Thật tuyệt vời thay sự nhịn nhục lâu dài của Đức Chúa Trời đối với những người chối bỏ phúc âm của Ngài và những kẻ giết Con Ngài. Dù ngôn về cây không sinh trái tượng trưng cho cách Thiên Chúa đối xử với dân tộc Do Thái. Đã có mệnh lệnh: "Chặt đi, sao còn chiếm đất vô ích?" (Lu-ca 13:7). Nhưng lòng thương xót Chúa vẫn tha cho cô một thời gian ngắn. Có nhiều người Do Thái không biết gì về đặc tính và công tác của Đấng Christ. Và những đứa trẻ đã không được tận hưởng những cơ hội hay nhận được ánh sáng mà cha mẹ chúng đã từ chối. Qua lời rao giảng của các sứ đồ và những người cộng sự của họ, Đức Chúa Trời sẽ soi sáng họ. Họ sẽ được phép chứng kiến lời tiên tri đã được ứng nghiệm như thế nào, không chỉ trong sự ra đời và cuộc đời của Đấng Christ, mà còn trong

trong cái chết và sự phục sinh của Ngài. Trẻ em không bị kết án vì tội lỗi của cha mẹ. Nhưng khi biết về mọi ánh sáng đã ban cho cha mẹ mình, con cái lại khước từ ánh sáng bỏ sung đã ban cho họ, thì chúng trở nên dự phần tội lỗi của cha mình và gánh đầy tội ác của cha mình.

Sự nhịn nhục lâu dài của Đức Chúa Trời đối với Giê-ru-sa-lem chỉ càng khẳng định sự không ăn năn ngoan cố của người Do Thái. Trong lòng căm thù và tàn ác đối với các môn đệ của Chúa Giêsu, họ đã từ chối lời đề nghị thương xót cuối cùng. Sau đó, Đức Chúa Trời rút lại sự bảo vệ của Ngài khỏi họ và loại bỏ quyền lực kiềm chế của họ đối với Sa-tan và các thiên sứ của hắn, và đất nước bị phó mặc cho người lãnh đạo mà Ngài đã chọn. Các con cái của ông đã từ chối ân điển của Đấng Christ, điều có thể giúp họ khuất phục được những xung động xấu xa của mình, và giờ đây họ trở thành những người chiến thắng. Satan kích thích những đam mê thấp hèn và mãnh liệt nhất của tâm hồn. Đàn ông không suy nghĩ; chúng vượt quá lý trí - bị điều khiển bởi sự bốc đồng và giận dữ mù quáng. Họ đã trở thành Satan trong sự tàn ác của họ. Trong gia đình và quốc gia, giữa tầng lớp trên cũng như tầng lớp dưới đều có sự nghi ngờ, đố kỵ, hận thù, tranh chấp, nổi loạn và giết người. Không có an ninh ở bất cứ đâu. Bạn bè, người thân phản bội nhau. Cha mẹ giết con và con cái giết cha mẹ. Những người lãnh đạo nhân dân không có quyền tự quản lý mình. Những đam mê không được kiểm soát đã khiến chúng tôi trở thành bạo chúa. Người Do Thái đã chấp nhận lời chứng dối để kết án Con Thiên Chúa vô tội. Giờ đây những lời buộc tội sai lầm đã khiến cuộc sống của chính anh trở nên bất ổn. Bằng hành động của mình, họ đã nói từ lâu: "Hãy làm cho Đấng Thánh của Israel không còn hiện diện trước mặt chúng tôi nữa". (Ê-sai 30:11). Bây giờ mong muốn của bạn đã được thực hiện. Sự kính sợ Chúa sẽ không còn làm phiền họ nữa. Satan đứng đầu đất nước và các cơ quan dân sự và tôn giáo cao nhất đều nằm dưới sự cai trị của hắn.

Thủ lĩnh của các phe đối lập có khi liên kết với nhau để cướp bóc, tra tấn những nạn nhân bất hạnh, rồi lại lao vào nhau, giết hại không thương tiếc. Ngay cả sự thiêng liêng của ngôi đền cũng không hạn chế được sự hung dữ đáng sợ của chúng. Những người thờ cúng bị giết trước bàn thờ, và thánh đường bị ô nhiễm bởi xác của những người bị sát hại. Tuy nhiên, với suy đoán mù quáng và báng bổ của mình, những kẻ xúi giục công việc địa ngục này đã công khai tuyên bố rằng họ không sợ rằng Giê-ru-sa-lem sẽ bị phá hủy, vì đây chính là thành phố của Đức Chúa Trời. Để thiết lập quyền lực vững chắc hơn, họ hối lộ các tiên tri giả để tuyên bố, ngay cả khi quân đoàn La Mã bao vây ngôi đền, rằng người dân phải chờ đợi sự giải thoát nhờ sự can thiệp của thần thánh. Cho đến cuối cùng, đám đông vẫn giữ vững niềm tin rằng Đấng Tối Cao sẽ can thiệp để đánh bại kẻ thù của họ. Nhưng Y-sơ-ra-ên đã coi thường sự bảo vệ của Đức Chúa Trời và giờ đây không còn khả năng phòng thủ. Jerusalem bất hạnh! Bị chia cắt bởi những bất hòa trong nội bộ, với máu của những người con trai bị giết bởi bàn tay của nhau, nhuộm đỏ đường phố, trong khi quân đội nước ngoài phá hủy các công sự và giết chết những chiến binh của nó!

Tất cả những lời tiên đoán của Chúa Kitô về sự tàn phá của Jerusalem đã được ứng nghiệm từng chữ. Người Do Thái đã trải nghiệm sự thật trong lời cảnh cáo của Ngài: "Các người lấy thước nào mà đo, các người sẽ đo vậy".

(Ma-thi-ơ 7:2).

Những dấu kỳ phép lạ xuất hiện báo trước thảm họa và sự diệt vong. Vào giữa đêm, một luồng ánh sáng siêu nhiên chiếu rọi khắp miếu và bàn thờ. Phía trên những đám mây, lúc hoàng hôn, xe ngựa và binh lính tụ tập để chiến đấu. Các thầy tế lễ ban đêm trong thánh đường đều kinh hãi vì những âm thanh huyền bí. Mặt đất rung chuyển và vô số giọng nói vang lên: "Chúng ta hãy đi khỏi đây!" Cánh cửa lớn phía đông, nặng đến mức hai mươi người khó có thể đóng được, được giữ chặt bằng những song sắt to lớn, chắc chắn và cứng cáp.

cố định sâu trong vĩa hè bằng đá rắn chắc, nó mở cửa vào lúc nửa đêm mà không có bất kỳ tác nhân nào có thể nhìn thấy được.

Trong bảy năm, một người đàn ông tiếp tục đi lại trên các đường phố của Jerusalem, thông báo những điều bất hạnh sẽ xảy ra với thành phố. Ngày đêm ông hát một lời than thở lạ lùng: "Một tiếng nói từ phương Đông, một tiếng nói từ phương Tây, một tiếng nói từ bốn hướng gió! Một tiếng nói chống lại Giêrusalem và chống lại đền thờ!

Một tiếng nói chống lại chú rể và cô dâu! Một tiếng nói chống lại nhân dân!" Con vật kỳ lạ này bị bắt và đánh đòn, nhưng miệng hắn không hề than thở. Trước những lời lăng mạ và ngược đãi, hắn chỉ đáp lại: "Than ôi! Khốn cho Giêrusalem!" "Khốn thay! Khốn thay cho cư dân của nó!" Tiếng kêu cảnh báo của ông không ngừng cho đến khi ông bị giết trong cuộc vây hãm mà ông đã báo trước.

Không một Cơ-đốc nhân nào thiệt mạng trong sự tàn phá thành Giê-ru-sa-lem. Đấng Christ đã cảnh báo các môn đồ Ngài và tất cả những ai tin lời Ngài đang chờ đợi dấu hiệu đã hứa. Chúa Giêsu dạy: "Khi các con thấy quân đội bao vây Giêrusalem, hãy biết rằng sự hoang tàn của nó đã đến. Lúc đó ai ở miền Giuđê hãy trốn lên núi; ai ở giữa thành, hãy rời đi." (Lu-ca 21:20 và 21). Sau khi quân La Mã, dưới sự chỉ huy của Cestius, bao vây thành phố, họ dỡ bỏ vòng vây một cách khó hiểu khi mọi thứ dường như thuận lợi cho một cuộc tấn công ngay lập tức. Những người bị bao vây, không còn hy vọng kháng cự thành công, đang chuẩn bị đầu hàng thì tướng La Mã rút quân mà không có lý do rõ ràng. Nhưng sự quan phòng nhân từ của Thiên Chúa đã hướng dẫn các sự kiện vì lợi ích của dân Ngài. Dấu hiệu đã hứa đã được ban cho những Cơ-đốc nhân tương lai, và giờ đây họ được ban cho cơ hội để lưu ý đến lời cảnh báo của Đấng Cứu Rỗi. Các sự kiện được hướng dẫn theo cách mà cả người Do Thái lẫn người La Mã đều không ngăn cản những người theo đạo Cơ đốc trốn thoát. Với sự rút lui của Cestius, người Do Thái rời Jerusalem và truy đuổi đội quân đang rút lui, và trong khi cả hai lực lượng đều tham gia đầy đủ vào trận chiến, những người theo đạo Cơ đốc có cơ hội rời bỏ thành phố. Vào dịp này đất nước đã được giải phóng khỏi những kẻ thù có thể đã cố gắng ngăn chặn họ. Vào thời điểm bị bao vây, người Do Thái tập trung tại Giêrusalem để tham dự Lễ Lều. Bằng cách này, những người theo đạo Cơ đốc trên khắp đất nước đã có thể trốn thoát mà không bị quấy rối. Họ chạy trốn không chậm trễ đến một nơi an toàn—thành phố Pella, ở vùng đất Perea, bên kia sông Jordan.

Lực lượng Do Thái đang truy đuổi Cestius và quân đội của ông ta đã lùi về phía sau của họ một cách dã man như vậy, đe dọa hủy diệt hoàn toàn ông ta. Phải rất khó khăn người La Mã mới có thể hoàn thành việc rút quân. Người Do Thái trốn thoát gần như không có thương vong và chiến thắng trở về Jerusalem với chiến lợi phẩm của mình.

Tuy nhiên, thành công rõ ràng này chỉ mang lại cho họ tác hại. Ông khuyến khích một cuộc kháng cự ngoan cố chống lại người La Mã, điều này nhanh chóng mang đến sự bất hạnh không thể tả xiết cho thành phố diệt vong.

Thật khủng khiếp là những tai họa đã giáng xuống Jerusalem khi cuộc bao vây được tiếp tục bởi Titus Vespasian. Thành phố bị tấn công vào dịp Lễ Vượt Qua, khi hàng triệu người Do Thái tập trung bên trong các bức tường của nó. Kho thực phẩm dự trữ của họ, nếu được bảo quản cẩn thận thì có thể cung cấp cho người dân trong nhiều năm, trước đây đã bị phá hủy bởi sự ghen tị và trả thù giữa các phe phái tranh chấp, và giờ đây tất cả nỗi kinh hoàng của nạn đói đã phải trải qua. Một đầu lúa mì đã được bán với giá một ta-lăng. Cái đói khắc nghiệt đến mức đàn ông phải gặm da thối lủng, dép và lớp lót khiên của họ. Một số lượng lớn người dân lên ra ngoài vào ban đêm để hái những cây dại mọc bên ngoài tường thành, mặc dù nhiều người đã bị bắt và bị giết dưới sự tra tấn dã man. Thường thì những người trở về an toàn đều bị cướp đi những gì họ đã thu thập được với rủi ro lớn như vậy. Những hình thức tra tấn vô nhân đạo nhất

họ bị những kẻ nắm quyền gây ra, để buộc những người túng thiếu phải tiết lộ nguồn cung cấp cuối cùng và khan hiếm mà họ có thể đã cất giấu.

Và những hành vi tàn ác như vậy thường được thực hiện bởi những người đàn ông được nuôi dưỡng tốt và chỉ mong muốn tích trữ một kho lương thực cho tương lai.

Hàng ngàn người chết vì nạn đói và dịch bệnh. Tình cảm tự nhiên tưởng như đã bị phá hủy. Chồng lấy trộm của vợ, lấy trộm vợ của chồng. Trẻ em lấy thức ăn từ miệng cha mẹ già. Câu hỏi của nhà tiên tri: "Một người phụ nữ có thể quên quá nhiều về đứa con mình nuôi dưỡng sao?" (Ê-sai 49:15) đã nhận được câu trả lời bên trong các bức tường của thành phố bị kết án: "Bàn tay của những người đàn bà tin kính đã lược chín con mình; họ đã dùng chúng làm đồ ăn trong sự hủy diệt con gái dân Ta". (Lâm.

4:10). Một lần nữa, lời tiên tri cảnh báo được đưa ra từ mười bốn thế kỷ trước đó đã được ứng nghiệm: "Và đối với người phụ nữ dịu dàng và thanh tú nhất trong số các bạn, người chưa bao giờ cố gắng đặt chân lên trái đất, thì mắt cô ấy sẽ có ác ý chống lại người đàn ông của anh ta." lòng, chống lại con trai, con gái mình... và vì những đứa con mà ông ta có: vì ông ta sẽ ăn thịt chúng một cách bí mật vì thiếu thốn mọi thứ, trong cơn vây hãm và trong cơn khốn cùng mà kẻ thù của bạn sẽ dồn ép bạn ở trong cổng của bạn." (Phục truyền 28:56 và 57).

Các nhà lãnh đạo La Mã cố gắng khủng bố người Do Thái và do đó buộc họ phải đầu hàng. Những tù nhân chống cự thì khi bị giam đều bị đánh đòn, tra tấn và đóng đinh trước tường thành. Hàng trăm người bị giết hàng ngày theo cách này, và công việc khủng khiếp này tiếp tục cho đến khi dọc theo thung lũng Giô-sa-phát và trên các cây thánh giá ở Đồi Can-vê được dựng lên với số lượng lớn đến mức hầu như không có chỗ để di chuyển giữa chúng. Một cách khủng khiếp như vậy là lời nguyện kinh khủng được thốt ra trước tòa án Philatô: "Máu của hấn đổ xuống đầu chúng tôi và con cái chúng tôi". (Ma-thi-ơ 27:25).

Titus sẵn lòng chấm dứt cảnh tượng khủng khiếp đó và do đó tránh cho Giê-ru-sa-lem toàn bộ sự diệt vong. Anh kinh hãi khi nhìn thấy những xác chết chất thành đống trong thung lũng. Giống như một người bị mê hoặc, anh ta nhìn từ đỉnh Núi Ô-liu đến ngôi đền tráng lệ và ra lệnh không được chạm vào bất kỳ viên đá nào của nó. Trước khi cố gắng chiếm pháo đài, ông đã mạnh mẽ kêu gọi các nhà lãnh đạo Do Thái đừng ép ông phải xúc phạm thánh địa bằng máu. Nếu họ ra ngoài và chiến đấu ở nơi khác, sẽ không có người La Mã nào vi phạm sự thiêng liêng của ngôi đền.

Bản thân Josephus, bằng một lời kêu gọi rất hùng hồn, đã cầu xin những người đồng hương của mình đầu hàng, hãy cứu lấy bản thân, thành phố và nơi thờ cúng của họ. Tuy nhiên, lời nói của anh đã được đáp lại bằng những lời chửi rủa cay đắng. Những mũi tên bắn vào anh ta, người trung gian cuối cùng của con người, khi anh ta tiếp tục thúc giục họ. Người Do Thái đã từ chối những lời cầu xin của Con Đức Chúa Trời, và giờ đây những lời khuyên răn, nài xin chỉ khiến họ càng quyết tâm chống cự đến cùng. Những nỗ lực cứu ngôi đền của Titus đều vô ích. Một người nào đó vĩ đại hơn anh ta đã tuyên bố rằng sẽ không có hòn đá nào được lật lại. khác.

Sự cố chấp mù quáng của các nhà lãnh đạo Do Thái và những tội ác ghê tởm xảy ra trong thành phố bị bao vây đã tạo ra sự kinh hoàng và phẫn nộ trong người La Mã, và cuối cùng Titus quyết định tấn công ngôi đền bằng bạo lực. Tuy nhiên, anh xác định rằng, nếu có thể, nó sẽ không bị phá hủy. Nhưng mệnh lệnh của ông đã không được tuân theo.

Sau khi ông về lều nghỉ qua đêm, những người Do Thái ra khỏi đền thờ tấn công quân lính bên ngoài. Trong lúc giằng co, một ngọn đuốc đã được ném qua một khe hở ở hiên nhà, và ngay lập tức những căn phòng ốp gỗ tuyết tùng bao quanh tòa nhà thiêng liêng chìm trong biển lửa.

Tito chạy đến hiện trường cùng với các tướng lĩnh và lính lê dương và ra lệnh cho binh lính dập lửa. Lời nói của anh không được nghe thấy. Trong của bạn

Trong cơn giận dữ, binh lính ném đuốc vào những căn phòng cạnh ngôi đền, và dùng kiếm tiêu diệt số lượng lớn những người tìm nơi trú ẩn ở đó. Máu chảy như nước xuống các bậc thềm của ngôi đền. Hàng ngàn hàng ngàn người Do Thái đã thiệt mạng. Bên trên âm thanh của cuộc giao tranh, có thể nghe thấy những giọng nói đang la hét, "Ichabod!" - vinh quang đã biến mất.

Tito không thể kiềm chế được cơn tức giận của người lính. Anh ta bước vào tòa nhà thiêng liêng cùng với các sĩ quan của mình và kiểm tra bên trong nó. Sự huy hoàng mà họ nhìn thấy khiến họ kinh ngạc; và vì ngọn lửa vẫn chưa đến được thánh địa nên anh đã nỗ lực lần cuối để cứu nó. Nhảy vào giữa những người lính, anh một lần nữa hô hào họ chấm dứt cuộc chiến. Centurion Liberalis cố gắng áp đặt sự phục tùng cùng với nhân viên của mình; nhưng ngay cả sự tôn trọng đối với hoàng đế cũng không thể ngăn chặn được sự thù địch dữ dội chống lại người Do Thái, sự khốc liệt của trận chiến và sự mong đợi cướp bóc vô độ. Những người lính nhìn thấy mọi thứ xung quanh đều tỏa ra ánh sáng vàng, tỏa sáng rực rỡ trong ánh sáng dữ dội của ngọn lửa. Họ cho rằng kho báu khôn lường đã được tích lũy trong thánh đường.

Không để ý, một người lính ném ngọn đuốc đang cháy vào giữa bản lề cửa. Toàn bộ tòa nhà chìm trong biển lửa ngay lập tức. Khói và lửa mù mịt buộc các sĩ quan phải rút lui, và tòa nhà quý phái phải chịu số phận của nó.

"Đó là một cảnh tượng kinh hoàng đối với người La Mã. Còn với người Do Thái thì sao? Toàn bộ đỉnh đồi nhìn ra thành phố đang bốc cháy như một ngọn núi lửa. Các tòa nhà lần lượt sụp đổ với một tiếng va chạm khủng khiếp và bị nuốt chửng bởi ngọn núi lửa." vực thẳm lửa. Những mái nhà Những tòa tháp bằng gỗ tuyết tùng trông giống như những lưỡi lửa; những ngọn tháp vàng tỏa sáng như những tia sáng đỏ; những tháp cổng tung lên những cột lửa và khói. Những ngọn đồi lân cận được chiếu sáng; và những nhóm người vô danh đã được nhìn thấy chứng kiến với sự lo lắng khủng khiếp về tiến trình hủy diệt; những bức tường và các điểm cao của phần trên của thành phố chật kín những khuôn mặt, một số tái nhợt, với nỗi thống khổ tuyệt vọng, những người khác mang dấu ấn cơn thịnh nộ của sự trả thù vô ích. Tiếng la hét của lính La Mã khi họ di chuyển từ nơi này sang nơi khác, và tiếng la hét của những người nổi dậy đang chết trong biển lửa, hòa lẫn với tiếng ồn ào của đám cháy và tiếng sấm sét của gỗ đổ. Tiếng vọng từ núi đáp lại hoặc mang lại tiếng ồn ào của người ở nơi cao; tiếng la hét và than thở vang vọng dọc theo các bức tường. Những người đàn ông sắp chết đói đã gom hết sức lực cuối cùng của mình để kêu lên một tiếng kêu thống khổ và hoang tàn.

Bên trong thành phố, vụ thảm sát còn khủng khiếp hơn cảnh tượng nhìn thấy bên ngoài. Đàn ông và phụ nữ, già và trẻ, quân nổi dậy và linh mục, những người chiến đấu và những người cầu xin lòng thương xót, đều bị chém giết một cách bừa bãi. Số người chết vượt quá số kẻ giết người. Những người lính lê dương phải trèo qua những đống xác chết để thực hiện công việc tiêu diệt."

Sau khi ngôi đền bị phá hủy, toàn bộ thành phố nhanh chóng rơi vào tay người La Mã. Các nhà lãnh đạo Do Thái đã từ bỏ những tòa tháp không thể chinh phục được của họ và Titus thấy chúng trống rỗng. Ông kinh ngạc quan sát chúng và tuyên bố rằng Chúa đã trao chúng vào tay ông; vì không có cỗ máy chiến tranh nào, dù mạnh mẽ đến đâu, có thể thắng được những bức tường hùng vĩ đó. Cả thành phố và đền thờ đều bị phá bỏ đến tận nền móng, và nền đất nơi xây dựng ngôi nhà thánh bị "cày như ruộng" (Giê-rê-mi 26:18). Trong cuộc bao vây và tàn sát sau đó, hơn một triệu người đã thiệt mạng; những người sống sót bị bắt và bán làm nô lệ, bị kéo đến Rome để tô điểm cho chiến thắng của kẻ chiến thắng, bị ném cho thú dữ trong các nhà hát vòng tròn, hoặc bị phân tán khắp Trái đất như những kẻ lang thang vô gia cư.

Người Do Thái đã tự rèn cho mình những xiềng xích; họ đã rót đầy chén trả thù. Trong sự hủy diệt hoàn toàn xảy đến với họ với tư cách một quốc gia, và trong tất cả

những bất hạnh đi kèm với họ sau khi tan tán, họ chẳng là gì ngoài việc gặt những gì chính tay mình đã gieo. Nhà tiên tri nói: "Hỡi Israel, người đã phản nghịch Ta, người đã thất bại", "vì tội lỗi người mà người đã sa ngã". (Ose. 13:9; 14:1). Những đau khổ của họ thường được thể hiện như sự trừng phạt do sắc lệnh trực tiếp của Thiên Chúa thực hiện. Đây là cách kẻ lừa dối vĩ đại tìm cách che giấu công việc của chính mình. Bằng cách ngoan cố khước từ tình yêu và lòng thương xót của Thiên Chúa, người Do Thái đã khiến cho sự bảo vệ của Thiên Chúa bị rút khỏi họ, và Satan được phép kiểm soát họ theo ý muốn của hắn. Những hành động tàn ác khủng khiếp được thực hiện trong việc tàn phá Giêrusalem là một minh chứng cho quyền lực báo thù của Satan đối với những ai phục tùng sự kiểm soát của hắn.

Chúng ta không thể biết mình nợ Đấng Christ bao nhiêu về sự bình an và bảo vệ mà chúng ta được hưởng. Chính quyền năng kiểm chế của Đức Chúa Trời đã ngăn cản loài người hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của Sa-tan. Những người không vâng phục và vô ơn có lý do chính đáng để biết ơn lòng thương xót và sự nhịn nhục của Thiên Chúa, Đấng kiểm chế quyền lực độc ác và đòi truy của ma quỷ. Nhưng khi con người vượt quá giới hạn của sự khoan dung thiêng liêng thì hạn chế đó sẽ được dỡ bỏ. Đối với người có tội, Thiên Chúa không đóng vai trò là người thi hành bản án chống lại sự vi phạm; nhưng Ngài cho phép những ai khước từ lòng thương xót của Ngài được tự mình gặt lấy những gì họ đã gieo. Mỗi tia sáng bị khước từ, mỗi lời cảnh cáo bị khinh miệt hay bị bỏ qua, mỗi đam mê buông thả, mỗi sự vi phạm luật Chúa, đều là một hạt giống được gieo trồng để sinh ra một mùa gặt tất yếu. Thánh Linh của Đức Chúa Trời, bị chống cự một cách kiên trì, cuối cùng phải rút lui khỏi tội nhân, do đó không còn quyền năng nào để kiểm soát những đam mê xấu xa của linh hồn, và không có sự bảo vệ nào chống lại sự độc ác và thù nghịch của Sa-tan. Việc thành Giêrusalem bị phá hủy là một lời cảnh báo to lớn và long trọng đối với tất cả những ai đang đối xử nhẹ nhàng với những ân sủng thiêng liêng và chống lại những lời cầu xin của lòng thương xót của Thiên Chúa. Chúa bao giờ có lời chứng dứt khoát hơn thế về sự căm ghét tội lỗi của Thiên Chúa và về hình phạt chắc chắn sẽ giáng xuống kẻ có tội.

Lời tiên tri của Đấng Cứu Rỗi về sự phán xét giáng xuống Giê-ru-sa-lem sẽ có một sự ứng nghiệm khác, trong đó thảm kịch khủng khiếp đó chỉ là một cái bóng mờ nhạt. Trong số phận của thành phố được chọn, chúng ta có thể quan sát thấy sự lên án của một thế giới đã khước từ lòng thương xót của Thiên Chúa và hạ hê trước luật pháp của Ngài. Đen tối là những ghi chép về sự khốn khổ của con người mà Trái đất đã chứng kiến trong suốt nhiều thế kỷ tội ác kéo dài. Khi chiêm ngưỡng chúng, trái tim yếu ớt và tinh thần mòn mỏi. Hậu quả của việc coi thường quyền năng của Thiên đường là rất lớn, tuy nhiên, một kịch bản còn đen tối hơn được thể hiện trong những tiết lộ về tương lai. Những ghi chép trong quá khứ—những cuộc hỗn loạn, xung đột và cách mạng kéo dài, "áo giáp của những kẻ chiến đấu bằng tiếng ồn, và y phục dính đầy máu" (Ê-sai 9:5)—không là gì so với những gì đã xảy ra trong quá khứ. nỗi kinh hoàng của ngày đó khi Thánh Linh của Đức Chúa Trời sẽ hoàn toàn rút lui khỏi kẻ ác, không còn kiểm chế được sự bùng phát của đam mê con người và cơn thịnh nộ của Sa-tan! Khi đó, thế giới sẽ chứng kiến, hơn bao giờ hết, kết quả của sự cai trị của Satan.

Nhưng vào ngày đó, cũng như vào dịp thành Giê-ru-sa-lem bị phá hủy, dân của Đức Chúa Trời sẽ được giải cứu, "tất cả những người được ghi tên trong số những người sống" (Ê-sai 4:3). Chúa Kitô đã tuyên bố rằng Ngài sẽ đến lần thứ hai để quy tụ những người trung thành của Ngài: "Mọi dân tộc trên mặt đất sẽ than khóc, và họ sẽ thấy Con Người lấy quyền năng và vinh hiển lớn lao ngự trên mây trời mà đến. các thiên sứ thổi kèn lớn sẽ tập hợp những người được Ngài chọn từ khắp bốn phương, từ đầu trời này đến đầu kia." (Ma-thi-ơ 24:30 và 31). Khi đó những ai không chú ý đến phúc âm sẽ bị linh miệng Ngài tiêu diệt và bị hủy diệt bởi sự vinh hiển của sự tái lâm của Ngài (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:8).

Như Y-sơ-ra-ên ngày xưa, kẻ ác tự hủy diệt mình; họ bị hủy hoại bởi sự gian ác của chính họ. Kết quả của cuộc đời tội lỗi là họ đã lạc vào

xa rời sự hòa hợp với Đức Chúa Trời đến nỗi bản chất của họ đã trở nên sa đọa với cái ác, và sự biểu lộ vinh quang thiêng liêng đối với họ sẽ trở thành một ngọn lửa thiêu đốt.

Mọi người hãy hết sức cẩn thận kéo coi thường bài học được truyền đạt bằng lời của Đấng Christ. Giống như Ngài đã cảnh báo các môn đồ về sự tàn phá của Giê-ru-sa-lem, cho họ dấu hiệu thoát khỏi trận hỏa táng đang đến gần, Ngài cũng cảnh báo thế giới về ngày hủy diệt cuối cùng và cho thế giới những dấu hiệu sắp đến để tất cả những ai mong muốn có thể thoát khỏi cơn thịnh nộ sắp đến. Chúa Giê-su đã tuyên bố: "Sẽ có những điềm lạ trên mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao; còn dưới đất, các dân tộc sẽ phải khốn khổ". (Lu-ca 21:25; Ma-thi-ơ 24:29; Mác 13:24-26; Khải huyền 6:12-17). Những ai quan sát những điềm báo về sự tái lâm của Ngài phải biết rằng nó "đã gần, ở trước cửa".

(Ma-thi-ơ 24:33). "Vậy hãy tỉnh thức" (Mác 13:35), là lời cảnh cáo của Ngài. Những ai nghe theo lời khuyên sẽ không bị bỏ rơi trong bóng tối, để ngày đó bắt họ mà không hay biết. Tuy nhiên, đối với những người không theo dõi, "ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm trong ban đêm" (I Thess. 5:2).

Thế giới không sẵn sàng thừa nhận thông điệp lần này cũng như việc người Do Thái tiếp nhận lời cảnh báo của Đấng Cứu Rỗi về Giê-ru-sa-lem. Dù điều gì xảy ra đi nữa, ngày của Chúa sẽ bất ngờ đến với kẻ ác. Theo thói quen bất biến của bạn; tìm kiếm những người đàn ông tham gia vào thú vui, kinh doanh, thương mại và lòng tham lợi nhuận; với việc các nhà lãnh đạo của thế giới tôn giáo ca ngợi sự tiến bộ và văn hóa của thế giới, và người dân thấy mình bị ru ngủ trong sự an toàn giả tạo, thì, như một tên trộm lúc nửa đêm cướp phá ngôi nhà không được canh gác, sự hủy diệt bất ngờ sẽ ập đến với những kẻ bất cẩn và độc ác. , và "chúng sẽ không thoát được" (1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:3-5).

chương 2

Cuộc đàn áp vào những thế kỷ đầu

Khi Chúa Giêsu mạc khải cho các môn đệ về số phận của Giêrusalem và quang cảnh cuộc đến lần thứ hai, Người cũng báo trước trải nghiệm của dân Người từ lúc Người phải rời xa họ cho đến khi Người trở lại trong quyền năng và vinh quang để giải phóng dân Người. Từ Núi Ô-liu, Đấng Cứu Rỗi chiêm ngưỡng những cơn bão sắp ập xuống nhà thờ tông đồ; và thâm nhập sâu hơn vào tương lai, đôi mắt của Ngài nhận thấy những cơn bão dữ dội và tàn khốc sẽ ập đến với những người theo Ngài trong thời đại đen tối và bách hại sắp tới. Trong một vài câu ngắn gọn có ý nghĩa khủng khiếp, ông đã tiên đoán phần mà những kẻ cai trị thế gian này sẽ áp đặt lên hội thánh của Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 24:9, 21 và 22). Những người theo Đấng Christ phải đi trên con đường nhục nhã, sỉ nhục và đau khổ mà Thầy họ đã đi. Sự thù địch đã giáng xuống Đấng Cứu Chuộc của thế giới sẽ bộc lộ chống lại tất cả những ai tin vào danh Ngài.

Lịch sử của hội thánh đầu tiên đã chứng kiến sự ứng nghiệm lời của Đấng Cứu Rỗi. Quyền lực của trần thế và địa ngục hợp nhất chống lại Chúa Kitô nơi con người của những người theo Ngài. Chủ nghĩa ngoại giáo tiên đoán rằng nếu phúc âm chiến thắng, các đền thờ và bàn thờ của nó sẽ bị phá hủy; do đó, ông đã tập hợp lực lượng của mình để tiêu diệt Cơ đốc giáo. Ngọn lửa bách hại đã được thắp lên. Những người theo đạo Cơ đốc bị tước đoạt tài sản và bị trục xuất khỏi nhà của họ. Họ đã phải chịu đựng "một cơn hoạn nạn lớn lao" (Hê-bơ-rơ 10:32). "Họ đã trải qua sự chế nhạo và đánh đòn, thậm chí cả nhà tù và nhà tù." (Hê-bơ-rơ 11:36). Một số lượng lớn trong số họ đã niêm phong lời khai của mình bằng chính máu của mình. Quý tộc và nô lệ, giàu và nghèo, có học thức và thất học, đều bị giết không thương tiếc.

Những cuộc bách hại này bắt đầu dưới chính quyền của Nero, vào thời điểm Phaolô tử đạo, tiếp tục với mức độ dữ dội ít nhiều trong nhiều thế kỷ. Tín đồ Đấng Christ bị vu cáo về những tội ác khủng khiếp nhất và tội gây ra những tai họa lớn-nạn đói, dịch lệ và động đất. Khi họ trở thành mục tiêu của sự căm ghét và nghi ngờ của mọi người, những kẻ gièm pha xuất hiện, vì ham lợi, sẵn sàng phản bội người vô tội. Họ bị lên án là những kẻ nổi loạn chống lại đế quốc, kẻ thù của tôn giáo và kẻ gây hại cho xã hội. Một số lượng lớn chúng đã bị ném cho dã thú hoặc bị thiêu sống trong các nhà hát vòng tròn. Một số bị đóng đinh, một số khác được bọc bằng da thú dữ và ném vào đấu trường để chó xé xác. Hình phạt của anh ta thường được công chúng chú ý. Đám đông tụ tập để thưởng thức buổi biểu diễn và chào đón sự đau đớn tột cùng của các nạn nhân bằng tiếng cười và tiếng vỗ tay.

Bất cứ nơi nào họ tìm nơi ẩn náu, những người theo Chúa Kitô đều bị săn lùng như thú rừng. Họ buộc phải tìm nơi trú ẩn ở những nơi hoang vắng và vắng vẻ. "Cơ cực, đau khổ và bị ngược đãi (những người mà thế giới không xứng đáng), lang thang trong các sa mạc, trên núi, trong các hốc và hang động trên trái đất." (Hê-bơ-rơ 11:37 và 38). Hàng mộ cung cấp nơi trú ẩn cho hàng ngàn người. Bên dưới những ngọn đồi, bên ngoài ranh giới của Rome, những hành lang dài được đào xuyên qua đất và đá. Một mạng lưới lối đi tối tăm, phức tạp trải dài hàng dặm ngoài các bức tường thành. Trong những nơi cô lập dưới lòng đất này, những người theo Chúa Kitô đã chôn cất người chết của họ; và ở đó, khi bị nghi ngờ và bị đặt ngoài vòng pháp luật, họ đã tìm được một mái ấm. Khi Đấng ban sự sống thức tỉnh những người đã chiến đấu vì chính nghĩa, nhiều người đã tử đạo vì Chúa Kitô sẽ ra khỏi những hang động tối tăm này.

Dưới sự bách hại dã man nhất, những chứng nhân này của Chúa Giêsu đã giữ vững đức tin của họ một cách nguyên vẹn. Mặc dù bị tước đoạt mọi tiện nghi và ánh sáng mặt trời, vì quê hương của họ là trái tim tối tăm nhưng thân thiện của trái đất, họ không hề phàn nàn gì. Bằng những lời tin tưởng, kiên nhẫn và hy vọng, họ động viên nhau chịu đựng thiếu thốn và hoạn nạn. Việc mất đi mọi tiện nghi trần thế không thể buộc họ từ bỏ niềm tin nơi Đấng Christ. Thử thách và bất bở chỉ là những bước đưa họ đến gần hơn với sự yên nghỉ và phần thưởng.

Như đã xảy ra với các tông đồ của Đức Chúa Trời trong quá khứ, nhiều người "đã bị tra tấn, không chịu nhận sự giải thoát, để được sống lại tốt hơn" (Hê-bơ-rơ 11:35).

Họ nhớ lại lời Thầy của họ, rằng khi bị bách hại vì Chúa Kitô, họ phải vui mừng vì phần thưởng dành cho họ trên Thiên đàng sẽ rất lớn lao, vì các vị tiên tri cũng đã bị bách hại trước họ. Họ vui mừng vì thấy mình xứng đáng chịu đau khổ vì sự thật, và những giai điệu chiến thắng vang lên giữa tiếng nổ lách tách của ngọn lửa. Bằng đức tin, nhìn lên trên, họ thấy Đấng Christ và các thiên thần đang tựa vào các mái vòm trên trời, nhìn họ với sự quan tâm sâu sắc nhất và tán thành sự kiên định của họ. Có tiếng từ ngài Đức Chúa Trời phán với họ: "Hãy trung thành cho đến chết thì ta sẽ ban cho các ngươi mũ triều thiên của sự sống". (Khải huyền 2:10).

Những nỗ lực của Satan nhằm phá hủy hội thánh của Đấng Christ bằng bạo lực đều vô ích. Cuộc tranh cãi lớn về việc các môn đệ của Chúa Giêsu hy sinh mạng sống của mình vẫn không bị gián đoạn khi những người cầm cờ trung thành này bị mất chức. Họ đã chiến thắng nhờ thất bại. Các công tác viên của Đức Chúa Trời đã chết, nhưng công việc của Ngài vẫn tiếp tục với lòng quyết tâm. Phúc âm tiếp tục được truyền bá và số lượng tín đồ tiếp tục gia tăng. Anh ta đã thâm nhập vào những khu vực mà ngay cả những con đại bàng của Rome cũng không thể tiếp cận được. Một Cơ đốc nhân nói trong khi khuyên nhủ các thống đốc ngoại giáo đang khuyến khích đàn áp: "Các ông có thể giết chúng tôi, làm khổ chúng tôi và hành hạ chúng tôi. Sự gian ác của hấn thử thách sự yếu đuối của chúng ta, nhưng sự tàn ác như vậy chẳng ích gì.

Nó không gì khác hơn là một lời mời gọi mạnh mẽ để dẫn dắt người khác đến cùng một niềm xác tín. Chúng tôi càng được bạn thu hoạch nhiều, chúng tôi càng phát triển. Máu của người Kitô hữu là hạt giống."

Hàng ngàn người bị bắt và bị giết, nhưng những người khác đã nổi lên thế chỗ họ. Và những người tử đạo vì đức tin của họ đã được Chúa Kitô bảo đảm và được Ngài coi là người chiến thắng. Họ đã chiến đấu trong trận chiến tốt đẹp và họ sẽ nhận được vương miện vinh quang khi Đấng Christ đến. Nỗi đau khổ mà họ phải chịu đựng đã đưa các Kitô hữu đến gần nhau hơn và đến gần Đấng Cứu Chuộc hơn. Tám gương sống động của họ và lời chứng họ đưa ra vào lúc qua đời là một sự chứng thực vĩnh viễn ủng hộ sự thật; và, ở nơi ít được mong đợi nhất, thần dân của Satan đã rời bỏ sự phục vụ của hấn và nhập ngũ dưới ngọn cờ của Đấng Christ.

Vì vậy, Sa-tan đã lên kế hoạch chiến đấu thành công hơn chống lại chính phủ của Đức Chúa Trời bằng cách cấm cản của hấn trong nhà thờ Cơ-đốc giáo. Nếu những người theo Đấng Christ có thể bị lừa dối và làm mất lòng Đức Chúa Trời, thì sức mạnh, sự chịu đựng và sự kiên định của họ sẽ suy giảm và họ sẽ dễ dàng trở thành con mồi.

Kẻ thù lớn bây giờ đã cố gắng đạt được bằng sự xảo quyệt những gì mà hấn đã không đạt được bằng vũ lực. Sự bất bở chấm dứt và thay vào đó là sự cám dỗ nguy hiểm của sự thịnh vượng và danh dự thế gian. Những người thờ thần tượng đã dẫn đến việc tiếp nhận một phần đức tin Cơ đốc, trong khi bác bỏ những lẽ thật thiết yếu khác.

Họ tuyên xưng chấp nhận Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa và tin vào cái chết và sự phục sinh của Ngài; nhưng họ không tin chắc tội lỗi và cảm thấy không cần phải hối cải hay thay đổi tâm lòng. Với một số nhượng bộ từ phía mình, họ đề xuất rằng những người theo đạo Cơ đốc nên thỏa hiệp về những điều khác, để mọi người có thể đoàn kết dưới nền tảng niềm tin vào Chúa Kitô.

Bây giờ hội thánh đang gặp nguy hiểm khủng khiếp. Nhà tù, tra tấn, lửa và kiếm là những điều may mắn so với điều này. Một số Cơ-đốc nhân đứng vững, tuyên bố rằng họ sẽ không thỏa hiệp. Những người khác ủng hộ việc nhượng lại hoặc sửa đổi một số đặc điểm trong đức tin của họ và tham gia cùng những người đã chấp nhận một phần của Cơ đốc giáo, nhấn mạnh rằng đây có thể là phương tiện để hoàn thành việc cải đạo. Đó là thời điểm vô cùng đau khổ đối với những môn đồ trung thành của Đấng Christ. Dưới chiêu bài được gọi là Cơ đốc giáo, Sa-tan đã lên vào nhà thờ để làm băng hoại đức tin của họ và khiến tâm trí họ quay lưng lại với Lời lẽ thật.

Hầu hết những người theo đạo Cơ đốc cuối cùng đã đồng ý hạ thấp tiêu chuẩn của họ và một liên minh được hình thành giữa đạo Cơ đốc và ngoại giáo. Mặc dù những người thờ thần tượng tuyên bố đã hoán cải và hợp nhất với giáo hội, nhưng họ vẫn bám vào việc thờ ngẫu tượng, chỉ đổi đối tượng thờ phượng thành hình ảnh Chúa Giêsu, thậm chí cả Đức Mẹ Maria và các thánh. Chất men đáng ghét của việc thờ hình tượng được đưa vào hội thánh vẫn tiếp tục công việc tai hại của nó. Những học thuyết sai lầm, những nghi lễ mê tín và những nghi lễ thờ hình tượng đã được đưa vào đức tin và sự thờ phượng của họ. Khi những người theo Đấng Christ hợp lực với những kẻ thờ thần tượng, đạo Cơ đốc trở nên bại hoại và nhà thờ mất đi sự trong sạch và quyền lực. Tuy nhiên, có một số người không bị lạc lối bởi những sự lừa dối này. Họ vẫn giữ lòng trung thành với Tác giả của lẽ thật và chỉ thờ phượng một mình Đức Chúa Trời.

Luôn luôn có hai tầng lớp trong số những người tự xưng là môn đồ của Đấng Christ. Trong khi một người nghiên cứu về cuộc đời của Đấng Cứu Rỗi và nhiệt thành tìm cách sửa chữa những khuyết điểm của Ngài và tuân theo Mẫu mực, thì người kia lại né tránh những sự thật rõ ràng và thực tế vạch trần những sai sót của mình. Ngay cả ở thời điểm tốt nhất, nhà thờ cũng không hoàn toàn bao gồm những điều trong sáng, chân thật và chân thành. Đấng Cứu Rỗi của chúng ta đã dạy rằng những ai cố tình phạm tội sẽ không được chấp nhận vào hội thánh. Tuy nhiên, Ngài đã hợp nhất lại với Ngài những người có tính cách thiếu sót và ban cho họ những lợi ích từ những lời dạy và tấm gương của Ngài, để họ có cơ hội nhìn ra lỗi lầm của mình và sửa chữa chúng. Trong số mười hai sứ đồ có một kẻ phản bội. Judas được chấp nhận không phải vì những khiếm khuyết trong tính cách của anh ta, mà bất chấp chúng. Ông đã hiệp nhất với các môn đệ để, qua sự hướng dẫn và gương sáng của Chúa Kitô, ông có thể học được những gì tạo nên nhân cách Kitô giáo, và do đó được hướng dẫn để nhìn ra những lỗi lầm của mình, ăn năn, và nhờ sự trợ giúp của ân sủng Thiên Chúa, ông thanh tẩy tâm hồn mình". tuân theo sự thật." Nhưng Giuđa đã không bước đi trong ánh sáng được ân cần chiếu rọi trên ông. Bằng cách đắm chìm trong tội lỗi, hắn đã mời gọi sự cám dỗ của Satan. Những nét tính cách xấu của anh ta trở nên nổi trội. Anh ta khuất phục tâm trí của mình trước sự kiểm soát của thế lực bóng tối; Anh ta trở nên tức giận khi lỗi lầm của mình bị chỉ trích, do đó dẫn đến phạm tội phản bội Thầy mình. Vì vậy, tất cả những người yêu mến cái ác dưới lòng sùng đạo đều ghét những người quấy rối sự bình yên của họ bằng cách lên án con đường tội lỗi của họ. Khi một cơ hội thuận lợi xuất hiện, họ cũng giống như Giuđa, phản bội những người vì lợi ích của họ mà tìm cách chỉ trích họ.

Các sứ đồ tìm thấy trong hội thánh những người tỏ ra sùng đạo, trong khi họ lại thầm ấp ủ sự gian ác. A-na-ni-a và Sa-phi-ra hành động như những kẻ lừa dối, có ý định dâng của-lễ trọn vẹn cho Đức Chúa Trời, trong khi họ tham lam giữ lại phần cho mình. Thần lẽ thật đã tiết lộ cho các sứ đồ bản chất thực sự của những kẻ lừa dối này, và sự phán xét của Đức Chúa Trời đã giải phóng hội thánh khỏi vết nhơ đáng ghét này đối với sự trong sạch của hội thánh. Bằng chứng nổi bật này về Thánh Linh sáng suốt của Đấng Christ trong hội thánh là nỗi khiếp sợ đối với những kẻ đạo đức giả và những kẻ làm điều ác. Họ không còn có thể tiếp tục kết nối với những người, theo thói quen và tính cách, thường xuyên đại diện cho Chúa Kitô. Và khi những thử thách và bách hại xảy đến với những người theo Ngài, chỉ những ai sẵn sàng từ bỏ mọi thứ vì lẽ thật mới có thể trở thành môn đệ của Ngài. Vì vậy, trong khi cuộc đàn áp vẫn tiếp tục, hội thánh vẫn tiếp tục

tương đối tinh khiết. Nhưng khi sự sách nhiễu chấm dứt, những người cải đạo ít chân thành và tận tâm hơn đã gia nhập hội thánh, và con đường được mở ra cho Sa-tan xâm nhập.

Nhưng không có sự kết hợp nào giữa Hoàng tử ánh sáng và Hoàng tử bóng tối, và không thể có sự ràng buộc giữa những người đi theo họ. Khi những người theo đạo Cơ đốc đồng ý đoàn kết với những người không gì khác hơn là những người bán cải đạo từ ngoại giáo, họ đã đi lạc vào một con đường khiến họ ngày càng xa rời lẽ thật. Sa-tan vui mừng vì hắn đã thành công trong việc lừa dối một số lượng lớn tín đồ của Đấng Christ. Sau đó, ông tập trung quyền lực của mình để thống trị họ nhiều hơn và truyền cảm hứng cho họ bắt bỏ những ai vẫn trung thành với Chúa. Không ai hiểu rõ cách thức chống lại đức tin Kitô giáo đích thực bằng những người từng là người bảo vệ nó; và những kẻ bội giáo này, hợp nhất với những người đồng hành nửa ngoại đạo của họ, tập trung tấn công vào những đặc điểm thiết yếu nhất của các giáo lý của Đấng Christ.

Cần phải có một cuộc đấu tranh tuyệt vọng đối với những người trung thành và đứng vững trước những sự lừa dối và ghê tởm được đưa vào nhà thờ và nguy trang dưới áo choàng linh mục. Kinh Thánh không được chấp nhận như một tiêu chuẩn của đức tin. Học thuyết về tự do tôn giáo bị coi là dị giáo, và những người bảo vệ nó bị ghét bỏ và đặt ngoài vòng pháp luật.

Sau một cuộc xung đột kéo dài và gay gắt, một số ít tín hữu đã quyết định giải tán mọi liên minh với giáo hội bội đạo, nếu giáo hội này vẫn không chịu từ bỏ sự giả dối và thờ hình tượng. Họ thấy rằng sự biệt riêng là điều tuyệt đối cần thiết nếu họ muốn vâng theo Lời Chúa. Họ không dám dung túng những lỗi lầm chí mạng cho tâm hồn mình và nêu gương điều đó sẽ hàm ý nguy hiểm cho đức tin của con cái họ và con cháu của họ. Để bảo đảm hòa bình và hiệp nhất, họ sẵn sàng nhượng bộ bất cứ điều gì phù hợp với lòng trung thành với Thiên Chúa, nhưng họ cảm thấy rằng ngay cả hòa bình cũng sẽ đạt được với cái giá rất đắt bằng cách hy sinh các nguyên tắc. Nếu sự thống nhất chỉ có thể đạt được bằng cách thỏa hiệp với sự thật và công lý, thì hãy để có sự khác biệt và thậm chí là đấu tranh. Sẽ tốt cho hội thánh và thế giới nếu những nguyên tắc có tác dụng trong những tâm hồn trung thành này được hồi sinh trong trái tim của những người tuyên xưng Chúa. Có một sự thờ ơ đáng báo động đối với các giáo lý là trụ cột của đức tin Kitô giáo. Ý kiến cho rằng xét cho cùng thì chúng không cực kỳ quan trọng đang có cơ sở. Sự thoái hóa này đang củng cố bàn tay của các tay sai của Satan, đến nỗi những lý thuyết sai lầm và những ảo tưởng tai hại mà các tín đồ thời xưa đã vạch trần và chống lại bằng sự nguy hiểm đến tính mạng của mình, ngày nay lại được hàng ngàn người tự nhận là môn đồ của Chúa Kitô coi trọng. .

Những người theo đạo Thiên Chúa thời xưa thực sự là một dân tộc đặc biệt. Đường lối không chỗ trách được và đức tin không lay chuyển của ông là lời quả trách liên tục làm xáo trộn sự bình an của tội nhân. Mặc dù số lượng ít, không có của cải, địa vị hay danh hiệu danh dự, nhưng họ là nỗi kinh hoàng đối với những kẻ làm ác ở bất cứ nơi nào nhân cách và học thuyết của họ được biết đến. Hậu quả là họ bị kẻ ác ghét bỏ, cũng như Abel bị Cain phạm thượng ghét bỏ. Vì lý do tương tự như việc Cain giết Abel, những người tìm cách thoát khỏi sự kiềm chế của Chúa Thánh Thần đã giết chết dân Chúa. Cũng vì lý do đó mà người Do Thái đã từ chối và đóng đinh Đấng Cứu Rỗi - bởi vì sự trong sạch và thánh khiết trong tính cách của Chúa Giê-su là lời khiển trách liên tục đối với sự ích kỷ và bại hoại của họ. Từ thời Chúa Kitô cho đến nay, các môn đệ trung thành đã khơi dậy sự căm ghét và chống đối từ những người yêu mến và đi theo con đường tội lỗi.

Vậy thì làm sao Phúc âm có thể được gọi là thông điệp hòa bình? Khi tiên tri Ê-sai tiên đoán về sự ra đời của Đấng Mê-si, ông đã phong cho Ngài danh hiệu "Hoàng tử hòa bình". Khi các thiên thần báo tin cho các mục đồng rằng Chúa Kitô đã giáng sinh, họ đã hát vang khắp vùng đồng bằng Bêlem: "Vinh danh Thiên Chúa trên trời, bình an dưới thế, ân ban cho loài người". (Lu-ca 2:14). Có một sự mâu thuẫn rõ ràng giữa những lời tiên tri này và

lời của Chúa Kitô: "Tôi đến không phải để gửi hòa bình, mà là một thanh kiếm." (Ma-thi-ơ 10:34). Nhưng nếu hiểu đúng thì cả hai hoàn toàn hòa hợp. Tin Mừng là một thông điệp hòa bình. Cơ đốc giáo là một hệ thống mà nếu được tiếp nhận và tuân theo sẽ truyền bá hòa bình, hòa hợp và hạnh phúc trên khắp Trái đất. Đạo của Chúa Kitô sẽ đoàn kết trong tình huynh đệ thân thiết tất cả những ai chấp nhận giáo huấn của đạo này. Sứ mệnh của Chúa Giêsu là hòa giải con người với Thiên Chúa và do đó hòa giải với nhau. Nhưng nói chung, thế giới nằm dưới sự kiểm soát của Satan, kẻ thù cay đắng nhất của Chúa Kitô. Phúc âm trình bày cho họ những nguyên tắc sống hoàn toàn trái ngược với thói quen và ham muốn của họ, và họ nổi dậy chống lại nó. Họ ghét sự trong sạch bộc lộ và lên án tội lỗi của họ, đồng thời họ bắt bớ và tiêu diệt những ai cố gắng trình bày những tuyên bố công chính và thánh thiện của họ với họ. Theo nghĩa này—vì những lẽ thật cao quý mà nó trình bày, gây ra hận thù và xung đột—mà phúc âm được gọi là thanh gươm.

Sự quan phòng huyền nhiệm cho phép người công chính phải chịu sự bách hại dưới bàn tay của kẻ ác đã gây ra sự bối rối lớn lao cho nhiều người yếu đức tin. Một số thậm chí còn sẵn sàng từ chối lòng tin cậy vào Đức Chúa Trời, bởi vì Ngài cho phép những người hèn hạ nhất được thịnh vượng, trong khi những người tốt nhất và trong sạch nhất lại phải chịu đau khổ và dày vò bởi quyền lực tàn ác của Ngài. Người ta hỏi, làm sao Đấng công chính và nhân hậu, cũng như có quyền năng vô hạn, lại có thể chịu đựng được sự bất công và áp bức như vậy? Đây là một câu hỏi chúng tôi không có gì để làm với. Thiên Chúa đã ban cho chúng ta đủ bằng chứng về tình yêu của Ngài, và chúng ta không nên nghi ngờ lòng nhân lành của Ngài vì chúng ta không thể hiểu được những chuyển động trong sự quan phòng của Ngài. Biết trước những nghi ngờ sẽ đè nặng tâm hồn họ trong những ngày thử thách và tăm tối, Đấng Cứu Rỗi đã nói với các môn đồ của Ngài: "Hãy nhớ lời Thầy đã nói với anh em: Tôi tớ không lớn hơn chủ mình. Nếu họ đã bắt bớ Thầy, thì cũng đã bắt bớ bạn sẽ bức hại bạn." (Giăng 15:20). Chúa Giêsu đã chịu đau khổ vì chúng ta nhiều hơn bất kỳ môn đệ nào của Ngài có thể chịu đựng dưới sự tàn ác của những kẻ ác. Những ai được kêu gọi chịu tra tấn và tử đạo chẳng là gì khác hơn là bước theo bước chân của Con Thiên Chúa yêu dấu.

"Chúa không trì hoãn lời hứa của Ngài." (II Phi-e-rơ 3:9). Ngài không quên con cái của Ngài cũng như không coi thường họ; nhưng Ngài để cho kẻ ác bộc lộ bản chất thật của chúng, để ai muốn làm theo ý Ngài sẽ không bị lừa dối về chúng. Người công chính lại bị ném vào lò lửa hoạn nạn để chính họ được thanh tẩy, để gương mẫu của họ có thể thuyết phục người khác về tính thực tế của đức tin và sự tin kính, đồng thời để cách cư xử nhất quán của họ có thể lên án những kẻ ác và những kẻ không tin đạo.

Đức Chúa Trời cho phép kẻ ác thịnh vượng và bày tỏ sự thù nghịch chống lại Ngài, để khi chúng đã phạm đến mức độ gian ác của mình, tất cả đều có thể nhìn thấy công lý và lòng thương xót của Đức Chúa Trời trong sự hủy diệt hoàn toàn của chúng. Ngày báo thù đang đến gần, ngày mà tất cả những ai vi phạm luật pháp của Ngài và đàn áp dân Ngài sẽ nhận được phần thưởng xứng đáng cho việc làm của mình; khi mọi hành động tàn ác và bất công đối với các tín hữu của Thiên Chúa sẽ bị trừng phạt như thể đã làm với chính Chúa Kitô.

Có một vấn đề khác quan trọng hơn cần thu hút sự chú ý của các giáo hội ngày nay. Sứ đồ Phao-lô tuyên bố rằng "tất cả những ai muốn sống tin kính trong Đức Chúa Giê-su Christ đều sẽ bị bắt bớ" (II Ti-mô-thê 3:12). Vậy thì tại sao cuộc bức hại dường như hầu như không hoạt động? Lý do duy nhất là hội thánh đã tuân theo những tiêu chuẩn của thế gian và do đó không gây ra sự chống đối nào. Tôn giáo hiện nay trong thời đại của chúng ta không mang tính chất thuần khiết và thánh thiện như đức tin Cơ Đốc vào thời của Đấng Christ và các sứ đồ của Ngài. Chỉ vì tinh thần thoả hiệp với tội lỗi mà những lẽ thật cao cả của Lời Chúa lại bị coi thường một cách thờ ơ như vậy; bởi vì có quá ít lòng đạo đức quan trọng trong nhà thờ, nên Cơ đốc giáo dường như rất phổ biến trên thế giới.

Hãy để có sự hồi sinh về đức tin và quyền năng của hội thánh đầu tiên và tinh thần bất
bớ sẽ được hồi sinh, nhen nhóm lại ngọn lửa bất bớ.

Chương 3

Sự bội đạo

Sứ đồ Phao-lô, trong lá thư thứ hai gửi cho người Tê-sa-lô-ni-ca, đã tiên đoán về sự bội đạo lớn sẽ dẫn đến việc thiết lập quyền lực của giáo hoàng. Ông tuyên bố rằng ngày của Đấng Christ sẽ không đến "trừ khi sự bội đạo đến lần đầu tiên và kẻ tội lỗi, con của sự diệt vong, xuất hiện, kẻ chống đối và tự tôn mình chống lại mọi thứ được gọi là Đức Chúa Trời hoặc được tôn thờ; để được ngồi như Đức Chúa Trời trong đền Đức Chúa Trời, muốn ra về như Đức Chúa Trời" (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3 và 4). Hơn nữa, vị sứ đồ còn cảnh báo anh em mình rằng "sự bí ẩn của sự gian ác đang diễn ra" (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:7). Ngay cả trong những ngày đó, khi lên vào nhà thờ, ông đã nhìn thấy những sai sót sẽ dọn đường cho sự phát triển của chế độ giáo hoàng.

Dần dần, ban đầu một cách bí mật và âm thầm, sau đó công khai hơn khi nó có được quyền lực và kiểm soát tâm trí con người, bí ẩn về sự gian ác vẫn tiếp tục công việc báng bổ và lừa dối của nó. Hầu như không thể nhận thấy, phong tục ngoại giáo đã thâm nhập vào nhà thờ Thiên chúa giáo. Tinh thần thỏa hiệp và tuân thủ đã bị hạn chế trong một thời gian bởi những cuộc đàn áp khốc liệt mà giáo hội phải chịu đựng dưới thời ngoại giáo. Nhưng khi sự đàn áp chấm dứt và Cơ đốc giáo thâm nhập vào các cung điện và cung điện của các vị vua, nó đã gạt bỏ sự giản dị khiêm tốn của Đấng Christ và các sứ đồ của Ngài và đánh đổi nó lấy sự hào hoa và kiêu ngạo của các linh mục và nhà cai trị ngoại giáo. Thay vì những tuyên bố thiêng liêng, nhà thờ đặt những lý thuyết và truyền thống của con người. Cuộc cải đạo trên danh nghĩa của Constantine, vào đầu thế kỷ thứ tư, đã tạo ra niềm vui lớn lao, và thế giới, mặc áo công chính, bước vào nhà thờ. Bây giờ công việc tham nhũng đang tiến triển nhanh chóng. Chủ nghĩa ngoại giáo, mặc dù có vẻ bị đánh bại, đã trở nên chiến thắng. Linh của ông điều khiển hội thánh. Các học thuyết, nghi lễ và mê tín của họ đã được đưa vào đức tin và sự thờ phượng của những người tự xưng là tín đồ Đấng Christ.

Sự thỏa hiệp giữa ngoại giáo và Cơ đốc giáo này đã dẫn đến sự phát triển của "con người tội lỗi" được tiên đoán trong lời tiên tri, là kẻ chống đối Đức Chúa Trời và tự tôn mình lên trên Ngài. Hệ thống tôn giáo giả khổng lồ này là kiệt tác quyền lực của Sa-tan, một tượng đài cho nỗ lực của hắn nhằm ngồi lên ngai và cai trị trái đất theo ý muốn của hắn.

Sa-tan đã từng đấu tranh để cam kết với Đấng Christ. Ngài đến với Con Thiên Chúa trong sa mạc cám dỗ và chỉ cho Ngài tất cả các vương quốc trên thế giới và vinh quang của chúng, đề nghị giao tất cả chúng vào tay Ngài nếu Chúa Giêsu chỉ thừa nhận quyền tối cao của chúa tể bóng tối. Đấng Christ quở trách kẻ cám dỗ kiêu ngạo và buộc hắn phải rời đi. Nhưng Sa-tan thành công hơn trong việc bày ra những cám dỗ tương tự cho con người. Để đảm bảo danh dự và lợi thế thế gian, nhà thờ tìm kiếm sự ưu ái và ủng hộ của những người vĩ đại trên trái đất, và do đó đã từ chối Đấng Christ, ông bị xúi giục phải vâng phục người đại diện của Sa-tan—giám mục La Mã.

Một trong những học thuyết chính của Chủ nghĩa La Mã cho rằng giáo hoàng là người đứng đầu hữu hình của giáo hội hoàn vũ của Chúa Kitô, được trao quyền tối cao đối với các giám mục và mục sư ở mọi nơi trên thế giới. Hơn thế nữa, Giáo hoàng đã kiêu ngạo với các danh hiệu Thần thánh. Anh ta tự gọi mình là "Chúa là Giáo hoàng", tuyên bố là không thể sai lầm và yêu cầu tất cả mọi người phải tỏ lòng tôn kính với anh ta. Do đó, lời tuyên bố tương tự mà Sa-tan đưa ra trong đồng vắng cám dỗ vẫn được hắn tuyên bố thông qua nhà thờ ở Rô-ma, và vô số người sẵn sàng bày tỏ lòng tôn kính với hắn.

Nhưng những ai kính sợ và tôn kính Đức Chúa Trời phải đối mặt với sự tảo bạo này, giống như Đấng Christ đã phải đối mặt với những yêu cầu của kẻ thù xảo quyệt: “Người phải thờ phượng Chúa là Đức Chúa Trời của người và chỉ hầu việc một mình Ngài mà thôi”. (Lu-ca 4:8). Đức Chúa Trời không bao giờ ám chỉ trong Lời Ngài rằng Ngài bổ nhiệm một người làm đầu hội thánh. Học thuyết về quyền tối cao của giáo hoàng đối lập trực tiếp với những lời dạy trong Kinh thánh. Giáo hoàng không có quyền lực đối với nhà thờ của Chúa Kitô ngoại trừ việc tiếm quyền.

Những người theo chủ nghĩa La Mã nhất quyết buộc tội những người theo đạo Tin lành là dị giáo và cố tình tách khỏi nhà thờ chân chính. Nhưng những lời buộc tội này đúng hơn là áp dụng cho chính họ. Họ là những người đã hạ cờ Chúa Kitô và quay lưng lại với “đức tin đã truyền cho các thánh một lần đủ cả” (Jude 3).

Sa-tan biết rõ rằng Kinh Thánh sẽ giúp con người nhận ra những lời lừa dối và chống lại quyền lực của chúng. Chính nhờ Lời Chúa mà chính Đấng Cứu Thế đã đối mặt với những cuộc tấn công của Ngài. Với mỗi cuộc tấn công của satan, Đấng Christ giơ cao tấm khiên của lễ thật vĩnh cửu và phán: “Có lời chép”. Đối với mỗi lời đề nghị của kẻ thù, Ngài phản đối sự khôn ngoan và quyền năng của Lời Chúa. Để Sa-tan duy trì quyền thống trị của hắn trên loài người và thiết lập quyền lực của kẻ tiếm quyền giáo hoàng, hắn cần khiến họ không biết gì về Kinh thánh. Kinh thánh sẽ tôn vinh Đức Chúa Trời và đặt con người hữu hạn vào đúng vị trí của họ. Vì vậy, những sự thật thiêng liêng của nó cần phải được che giấu và đàn áp. Logic này đã được nhà thờ La Mã áp dụng. Trong hàng trăm năm việc lưu hành Kinh Thánh đã bị cấm đoán. Người dân bị cấm đọc nó hoặc cất nó trong nhà, và các linh mục và giám mục vô đạo đức đã giải thích những lời dạy của nó để bảo vệ những tuyên bố của họ. Do đó, giáo hoàng gần như được công nhận rộng rãi là đại diện của Chúa trên Trái đất, được trao quyền đối với nhà thờ và nhà nước.

Máy dò lỗi đã được gỡ bỏ, Satan làm việc theo ý muốn của mình. Lời tiên tri tuyên bố rằng giáo hoàng sẽ xem xét việc “thay đổi thời gian và luật pháp” (Đa-ni-ên 7:25). Điều này sẽ không mất nhiều thời gian để hoàn thành. Để cho phép những người cải đạo từ ngoại giáo thay thế cho việc thờ thần tượng và do đó thúc đẩy sự chấp nhận Cơ đốc giáo trên danh nghĩa của họ, việc tôn thờ ảnh tượng và thánh tích dần dần được đưa vào việc thờ cúng của Cơ đốc giáo. Sắc lệnh của đại hội đồng¹ cuối cùng đã thiết lập hệ thống thờ thần tượng. Để hoàn tất công việc phạm thánh, La Mã nghĩ có thể loại bỏ khỏi luật Chúa điều răn thứ hai là cấm thờ ảnh tượng, và chia ra điều răn thứ mười để bảo toàn số mười.

Tinh thần để dãi dối với ngoại giáo đã mở đường cho sự thiếu tôn trọng quyền lực trên trời thậm chí còn lớn hơn. Satan cũng quyết định phá rỗi điều răn thứ tư và cố gắng gạt bỏ ngày Sa-bát trị giá hàng triệu đô la, ngày mà Chúa ban phúc lành và thánh hóa²

, và thay vào đó, ông ca ngợi một lễ hội được những người ngoại đạo coi là “ngày đáng kính của Mặt trời”. Sự thay đổi này ban đầu không được thực hiện một cách công khai. Trong những thế kỷ đầu tiên, ngày Sabát đích thực được mọi Kitô hữu tuân giữ. Họ ghen tị với danh dự thiêng liêng và tin rằng luật pháp của Ngài là bất di bất dịch, nhiệt thành tuân theo tính chất thiêng liêng của các giới luật. Tuy nhiên, Satan rất tinh vi đã sử dụng các đặc vụ của mình để thực hiện các mục tiêu của mình. Để mọi người có thể thu hút sự chú ý của mình vào Chủ nhật, một lễ hội đã được tổ chức để tôn vinh sự phục sinh của Chúa Kitô. Các nghi lễ tôn giáo được tổ chức vào ngày đó, tuy nhiên, nó vẫn được coi là một ngày giải trí. Đồng thời, ngày Sa-bát vẫn được sốt sắng giữ.

Để dọn đường cho công việc mà hắn dự định hoàn thành, Sa-tan đã dẫn dắt người Do Thái, trước khi Đấng Christ đến, đặt ra những yêu cầu khắt khe nhất cho ngày Sa-bát, khiến việc tuân thủ ngày này trở thành một gánh nặng lớn. Giờ đây, lợi dụng ánh sáng giả mà ông đã đưa ra về ngày Sabát, ông coi thường ngày đó như một thể chế của người Do Thái. Chừng nào những người theo đạo Cơ đốc còn tiếp tục tuân theo

Chủ nhật là ngày nghỉ ngơi, Satan ra lệnh cho họ thể hiện lòng căm thù Do Thái giáo, và biến Thứ bảy thành ngày buồn bã, ăn chay và u sầu.

Vào nửa đầu thế kỷ thứ tư, Hoàng đế Constantine đã ban hành sắc lệnh biến ngày Chủ nhật thành ngày lễ công cộng trên khắp Đế quốc La Mã.³ Ngày mặt trời được thần dân ngoại giáo tôn kính và Cơ đốc giáo tôn vinh. Chính sách của hoàng đế là thống nhất những lợi ích xung đột giữa ngoại giáo và Cơ đốc giáo. Ông đã bị thuyết phục làm điều này bởi các giám mục của nhà thờ, những người bị thúc đẩy bởi tham vọng và khao khát quyền lực, nhận ra rằng nếu cả những người theo đạo Cơ đốc và những người ngoại giáo đều tuân theo cùng một ngày, thì điều đó sẽ thúc đẩy sự chấp nhận trên danh nghĩa của những người ngoại giáo đối với Cơ đốc giáo, do đó khiến ông trở nên khó khăn. phát triển quyền lực và vinh quang của nhà thờ. Nhưng mặc dù các Kitô hữu dần dần được hướng dẫn để tuân giữ Chúa Nhật như một mức độ thánh thiện nhất định, họ vẫn coi ngày Sabát đích thực là ngày thánh của Chúa và tuân giữ ngày này để tuân theo điều răn thứ tư.

Kẻ lừa dối vẫn chưa hoàn thành công việc của mình. Ông quyết tâm đoàn kết thế giới Cơ đốc giáo dưới ngọn cờ của mình và thực thi quyền lực của mình thông qua phó phó của mình, vị giáo hoàng kiêu hãnh, người tự nhận là người đại diện của Chúa Kitô.

Thông qua những người ngoại đạo nửa vời, những giáo sĩ đầy tham vọng và những giáo sĩ yêu thế giới, ông đã hoàn thành mục đích của mình. Các hội đồng lớn, tại đó các chức sắc nhà thờ từ khắp nơi trên thế giới tụ tập, thỉnh thoảng được tổ chức. Trong hầu hết mọi công đồng, ngày Sabát mà Thiên Chúa thiết lập đều được nhấn mạnh hơn một chút, trong khi ngày Chúa Nhật cũng được tôn cao tương tự. Vì vậy, một lễ hội của người ngoại giáo cuối cùng đã được tôn vinh như một thể chế thiêng liêng, trong khi ngày Sabát trong Kinh thánh được coi là di tích của đạo Do Thái, và việc tuân theo nó bị coi là một lời nguyền rủa.

Kẻ bội đạo vĩ đại đã thành công trong việc tự tôn mình "chống lại mọi điều được gọi là Đức Chúa Trời hoặc được tôn thờ" (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:4). Ông đã dám thay đổi giới luật duy nhất của luật Thiên Chúa vốn chỉ rõ một cách rõ ràng về Thiên Chúa hằng sống và chân thật cho toàn thể nhân loại. Trong điều răn thứ tư, Thiên Chúa được mặc khải là Đấng Tạo Hóa trời và đất và là, do đó được phân biệt với các vị thần giả. Ngày thứ bảy được thánh hóa để tưởng nhớ công trình sáng tạo và được coi là ngày nghỉ ngơi của con người. Nó được thiết lập để giữ cho Thiên Chúa luôn sống động trong tâm trí con người, như là nguồn gốc của mọi sinh vật và là đối tượng của sự tôn kính và tôn thờ. Sa-tan cố gắng khiến con người không còn trung thành với Đức Chúa Trời và không tuân theo luật pháp của Ngài. Vì vậy, ông tập trung nỗ lực đặc biệt chống lại điều răn chỉ về Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa.

Những người theo đạo Tin lành hiện nay nhấn mạnh rằng sự phục sinh của Chúa Kitô vào ngày Chủ nhật đã biến ngày đó thành ngày Sabát của Cơ đốc giáo. Nhưng bằng chứng kinh thánh để hỗ trợ cho tuyên bố này vẫn còn thiếu. Không có vinh dự nào được ban cho ngày đó bởi Đấng Christ hoặc các sứ đồ của Ngài. Việc tuân giữ Chúa Nhật như một cơ chế Kitô giáo có nguồn gốc từ "mâu nhiệm tội ác" (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:7), mà vào thời Thánh Phaolô, đã bắt đầu công việc của nó. Chúa đã nhận con trai của giáo hoàng này ở đâu và khi nào? Lý do chính đáng nào có thể được đưa ra cho một sự thay đổi mà Kinh thánh không cho phép?

Vào thế kỷ thứ sáu, chế độ giáo hoàng đã được thiết lập vững chắc. Trụ sở quyền lực của họ được thành lập tại kinh đô và giám mục Rome tuyên bố là người đứng đầu tất cả các nhà thờ. Ngoại giáo đã nhường chỗ cho giáo hoàng. Con rồng đã ban cho con thú "quyền năng, ngai và quyền năng lớn lao" (Khải huyền 13:2)¹.

Và do đó bắt đầu 1.260 năm áp bức của Giáo hoàng được báo trước trong các lời tiên tri của Đa-ni-ên và Khải Huyền.² Những người theo đạo Cơ đốc buộc phải lựa chọn giữa việc duy trì sự chính trực của mình và chấp nhận sự thờ phượng và các nghi lễ của Giáo hoàng, hoặc dành phần đời còn lại của mình trong ngục tối hoặc chịu cái chết trên mặt đất. giá tra tấn, trên cọc hoặc dưới rìu của đao phủ. Như vậy lời Chúa Giêsu đã ứng nghiệm: "Các con sẽ bị cha mẹ, anh em, họ hàng và bạn bè phản bội, họ sẽ giết một số người trong các con. Các con sẽ bị mọi người ghét bỏ vì danh Thầy". (Lu-ca 21:16 và

17). Cuộc bách hại giáng xuống các tín hữu một cách vô cùng giận dữ, hơn bao giờ hết, và thế giới trở thành một chiến trường rộng lớn. Trong hàng trăm năm, hội thánh của Đấng Christ đã tìm được nơi ẩn náu trong sự ẩn dật và tối tăm. Nhà tiên tri nói: "Tuy nhiên, người đàn bà đã trốn vào đồng vắng, nơi Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho bà một nơi để họ có thể nuôi bà ở đó trong một ngàn hai trăm sáu mươi ngày". (Khải Huyền 12:6).

Sự trở dậy quyền lực của Giáo hội La Mã đánh dấu sự khởi đầu của Thời kỳ Đen tối. Sức mạnh của anh càng mở rộng thì bóng tối càng sâu thêm. Đức tin đã được chuyển từ Chúa Kitô, nền tảng đích thực, sang Giáo hoàng Rôma. Thay vì tin cậy vào Con Thiên Chúa để được tha tội và được cứu rỗi đời đời, dân chúng lại trông cậy vào giáo hoàng, các linh mục và giám mục mà ngài đã ủy quyền. Họ được dạy rằng giáo hoàng là người trung gian trần thế của họ và không ai có thể đến với Chúa nếu không qua ông ấy và hơn nữa, ông ấy ở vị trí của Chúa và phải được mặc nhiên tuân theo.

Việc đi chệch khỏi những yêu cầu này là đủ lý do để đưa ra hình phạt nghiêm khắc nhất đối với thể xác và linh hồn của kẻ phạm tội. Do đó, tâm trí của mọi người đã chuyển hướng từ Chúa sang những kẻ sai lầm, sai lầm và độc ác, và tệ hơn nữa là đến chính hoàng tử bóng tối, kẻ thực thi quyền lực của mình thông qua họ. Tội lỗi đã được nguy trang thành sự thánh thiện.

Khi Kinh thánh bị đàn áp và con người bắt đầu cảm thấy mình tối cao, chúng ta chỉ có thể mong đợi sự gian lận, lừa dối và vô cùng gian ác. Với sự nâng cao của luật pháp và truyền thống của con người, sự bại hoại luôn xảy ra do việc gạt bỏ luật pháp của Đức Chúa Trời đã trở nên rõ ràng.

Đây là những ngày nguy hiểm đối với hội thánh của Đấng Christ. Quả thật số người cầm cờ trung thành rất ít. Mặc dù sự thật không phải là không được chứng minh, nhưng đôi khi có vẻ như sai lầm và mê tín sẽ hoàn toàn chiếm ưu thế, và tôn giáo chân chính sẽ bị trục xuất khỏi trái đất. Phúc âm đã bị lãng quên, nhưng các hình thức tôn giáo lại gia tăng và người dân phải gánh chịu những yêu cầu khắt khe.

Ông được dạy không chỉ coi giáo hoàng như người hòa giải mà còn tin tưởng vào những công việc phù hợp để chuộc tội. Những cuộc hành hương dài ngày, những hành động sám hối, thờ thánh tích, xây dựng nhà thờ, thánh đường và bàn thờ, nộp những khoản tiền lớn cho nhà thờ, những hành động này và nhiều hành động tương tự khác được ra lệnh để xoa dịu cơn thịnh nộ của Chúa hoặc để đảm bảo sự úy ái của Ngài, như thể Chúa ngang hàng với hỡi đàn ông, rằng Ngài nên tức giận vì những chuyện vặt vãnh hoặc tự xoa dịu mình bằng những lễ vật hoặc hành động sám hối!

Bất chấp sự phổ biến của thói xấu, ngay cả trong số các nhà lãnh đạo của nhà thờ La Mã, ảnh hưởng của nó dường như vẫn tăng lên đều đặn. Khoảng cuối thế kỷ thứ tám, những người theo chủ nghĩa Papist tuyên bố rằng vào thời kỳ đầu của nhà thờ, các giám mục ở Rome sở hữu cùng một quyền năng tâm linh mà ngày nay họ tuyên bố. Để chứng minh tuyên bố này, cần phải sử dụng một số phương tiện để mang lại cho anh ta bộ mặt quyền lực và những phương tiện này đã được cha đẻ của sự dối trá đề xuất. Các văn bản cổ xưa được các nhà sư giả mạo. Các sắc lệnh của hội đồng chưa từng được biết đến trước đây đã được phát hiện, thiết lập quyền lực tối cao toàn cầu của giáo hoàng ngay từ thời xa xưa nhất.

Và một hội thánh đã chối bỏ lẽ thật lại háo hức chấp nhận những sự lừa dối này.

Một số ít và những người trung tín xây dựng trên nền thật (I Cô-rinh-tô 3:10 và 11) đã bối rối và bị cản trở khi đổ đổ nát của các giáo lý sai lầm cản trở công việc. Giống như những người xây tường thành Giê-ru-sa-lem vào thời Nê-hê-mi, một số người đã sẵn sàng nói: "Sức lực của những người khuôn vác đã kiệt sức, và đổ đổ nát thì quá lớn đến nỗi chúng tôi không thể xây được bức tường". (Nê-hê-mi 4:10). Một mối vi liên tục đấu tranh chống lại sự bất bở, lừa đảo, gian ác và mọi trở ngại mà Sa-tan có thể nghĩ ra để cản trở sự tiến bộ của họ, một số người từng là thợ xây dựng trung thành đã trở nên chán nản; và vì hòa bình và an ninh của bạn

tài sản và mạng sống, bị chuyển từ nền tảng thực sự. Những người khác, không nản lòng trước sự chống đối của kẻ thù, đã mạnh dạn tuyên bố: "Đừng sợ chúng; hãy nhớ đến Chúa, Đấng vĩ đại và đáng kinh ngạc" (Nê-hê-mi 4:14); và họ tiếp tục công việc, mỗi người đeo gươm bên hông (Ê-phê-sô 6:17).

Tinh thần thù hận và chống lại sự thật đã truyền cảm hứng cho kẻ thù của Thiên Chúa trong mọi thời đại, và các tội tở của Ngài cũng phải cảnh giác và trung thành như vậy. Những lời của Đấng Christ nói với các môn đồ đầu tiên có thể áp dụng cho những người theo Ngài vào thời kỳ sau rốt: "Và những điều ta nói với các người, ta cũng nói với mọi người: Hãy tỉnh thức." (Mác 13:37).

Bóng tối dường như trở nên dày đặc hơn. Việc tôn thờ hình ảnh trở nên phổ biến hơn. Nền được đốt trước khi hình ảnh và lời cầu nguyện được dâng lên họ. Những phong tục và mê tín vô lý nhất đã thịnh hành. Tâm trí con người hoàn toàn bị mê tín điều khiển đến nỗi chính lý trí dường như đã mất đi ảnh hưởng của nó. Vì các linh mục và giám mục là những người ham vui, nhục dục và đòi bại, nên chỉ có thể mong đợi rằng những người trông cậy vào họ để được hướng dẫn sẽ đắm mình trong sự thiếu hiểu biết và thói xấu.

Một bước nữa trong quá trình thăng thiên của giáo hoàng đã được thực hiện vào thế kỷ 11, Giáo hoàng Gregory VII tuyên bố sự hoàn hảo của nhà thờ La Mã. Trong số những mệnh đề mà ông đưa ra có một mệnh đề tuyên bố rằng nhà thờ chưa bao giờ và sẽ không sai lầm, theo Kinh thánh. Nhưng bằng chứng kinh thánh không ủng hộ những tuyên bố này. Niềm kiêu hãnh của Giáo hoàng tuyên bố có quyền phế truất các hoàng đế và tuyên bố rằng không ai có thể lật lại bản án mà ông tuyên bố, nhưng ông có đặc quyền thu hồi quyết định của tất cả những người khác.

Một minh họa đặc biệt về tính cách chuyên chế của người ủng hộ tính không thể sai lầm này đã được trình bày trong cách đối xử của hoàng đế Đức Henry IV. Vì bị cho là không tôn trọng quyền lực của giáo hoàng nên vị quốc vương này đã bị vạ tuyệt thông và truất ngôi. Kinh hoàng trước sự đào ngũ và đe dọa của các hoàng tử của chính mình, những người được khuyến khích nổi dậy theo lệnh của Giáo hoàng, Henry cảm thấy cần phải làm hòa với La Mã. Cùng với vợ và một người hầu trung thành, ông đã vượt qua dãy Alps trong mùa đông để có thể hạ mình trước Giáo hoàng. Khi đến lâu đài nơi Gregory đã lui tới, anh ta được dẫn đến sân ngoài mà không có lính canh hộ tống và ở đó, trong cái lạnh mùa đông khắc nghiệt, đầu không che, chân trần và mặc bộ quần áo tồi tàn, anh ta chờ đợi sự cho phép của giáo hoàng để đi trước ông ấy.

Mãi cho đến khi Henry nhịn ăn ba ngày và xưng tội thì giáo hoàng mới chịu ân xá cho anh. Và thậm chí sau đó điều này đã được đưa ra với điều kiện hoàng đế phải chờ sự trừng phạt của Giáo hoàng trước khi lấy lại phẩm giá hoặc thực thi quyền lực hoàng gia của mình. Và Gregory, tự hào về chiến thắng này, đã khoe rằng nhiệm vụ của ông là "xoa dịu niềm kiêu hãnh của các vị vua".

Thật đáng ngạc nhiên biết bao khi có sự tương phản giữa tính kiêu căng thống trị của vị giáo hoàng kiêu ngạo này với sự ngoan ngoãn và hiền lành của Chúa Kitô, Đấng trình diện chính mình như đang cầu xin trước cửa tâm hồn để Ngài được nhận vào, để mang lại sự tha thứ và hòa bình với Ngài, và là Đấng đã giảng dạy. Các môn đệ của Người: "Còn ai muốn làm đầu anh em thì phải làm người phục vụ anh em". (Ma-thi-ơ 20:27).

Những thế kỷ sau chứng kiến sự sai lầm ngày càng gia tăng trong các học thuyết do La Mã giảng dạy. Ngay cả trước khi thành lập chế độ giáo hoàng, lời dạy của các triết gia ngoại giáo đã nhận được sự chú ý và có ảnh hưởng trong nhà thờ. Nhiều người tuyên bố đã cải đạo vẫn bám vào các nguyên lý triết học ngoại giáo của họ, và không chỉ tiếp tục nghiên cứu mà còn thuyết phục những người khác như một phương tiện để mở rộng ảnh hưởng của họ đối với những người ngoại giáo. Do đó, những sai lầm nghiêm trọng đã được đưa vào đức tin Cơ Đốc. Niềm tin vào sự bất tử tự nhiên của con người và nhận thức của con người về cái chết là nổi bật trong số

họ. Học thuyết này đã đặt nền tảng để Rôma thiết lập việc cầu khẩn các thánh và việc thờ phượng Đức Trinh Nữ Maria. Từ đó cũng xuất hiện tà giáo trừng phạt những kẻ không ăn năn, tà giáo này ngay lập tức được đưa vào đức tin của giáo hoàng.

Sau đó, con đường đã được chuẩn bị cho việc đưa ra một phát minh khác của ngoại giáo, mà La Mã gọi là luyện ngục, và được sử dụng để gây kinh hoàng cho đám đông cả tin và mê tín. Thông qua tà giáo này, nó khẳng định sự tồn tại của một nơi dày vò, trong đó những linh hồn không đáng bị đày đọa vĩnh viễn sẽ phải chịu hình phạt vì tội lỗi của mình và sau khi được giải thoát khỏi sự ô uế sẽ được nhận vào Thiên đàng.

Tuy nhiên, cần phải có một sự lừa dối khác để giúp La Mã lợi dụng nỗi sợ hãi và thói xấu của những người theo nó - học thuyết về sự ân xá. Sự tha thứ hoàn toàn các tội lỗi trong quá khứ, hiện tại và tương lai, cũng như sự tự do khỏi mọi đau đớn và hình phạt ngẫu nhiên, đã được hứa cho tất cả những ai tham gia vào các cuộc chiến tranh giáo hoàng để mở rộng quyền thống trị trần thế, trừng phạt kẻ thù của họ hoặc tiêu diệt những ai dám phủ nhận quyền tối cao tinh thần của họ. Người dân cũng được dạy rằng bằng cách trả tiền cho nhà thờ, họ có thể giải thoát bản thân khỏi tội lỗi và cũng giải thoát linh hồn của những người bạn đã khuất đang bị giam giữ trong ngọn lửa dày vò. Bằng những cách này, La Mã đã lấp đầy kho bạc của mình và ủng hộ sự lộng lẫy, sang trọng và xấu xa của những người được cho là đại diện của Ngài, những người không có nơi nào để tựa đầu.

Giáo lễ trong Kinh thánh về Bữa Tiệc Thánh đã được thay thế bằng lễ tế thần tượng của thánh lễ. Các linh mục giáo hoàng có ý định, bằng màn kịch cam vô nghĩa của mình, để biến bánh và rượu đơn giản thành Mình và Máu thật của Chúa Kitô. Với sự tự phụ báng bổ, họ công khai tuyên bố có quyền "tạo ra Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa của muôn vật". Tất cả những người theo đạo Thiên chúa đều bị yêu cầu, dưới hình phạt tử hình, phải tuyên bố đức tin của họ vào tà giáo khủng khiếp thách thức Thiên đường này.

Vào thế kỷ 13, cơ quan khủng khiếp nhất trong số những sáng tạo của giáo hoàng đã được thành lập - Tòa án Dị giáo. Hoàng tử bóng tối đang làm việc với các nhà lãnh đạo của hệ thống giáo hoàng. Trong các hội đồng bí mật của họ, Satan và các thiên thần của hắn kiểm soát tâm trí của những kẻ ác, trong khi, vô hình ở giữa họ, là một thiên thần của Đức Chúa Trời đã ghi lại những điều khủng khiếp về những sắc lệnh độc ác của mình, và viết nên lịch sử về những hành động quá đáng sợ để không ai có thể nhìn thấy. "Ba-by-lôn vĩ đại" đã "say máu các thánh". Những hình hài bị cắt xén của hàng triệu vị tử đạo đã kêu cầu Chúa để báo thù quyền lực bội đạo này.

Giáo hoàng trở thành kẻ chuyên quyền của thế giới. Các vị vua và hoàng đế cúi đầu trước các sắc lệnh của giáo hoàng La Mã. Số phận của con người, cả hiện tại và vĩnh cửu, dường như đều nằm trong tầm kiểm soát của anh ta. Trong nhiều thế kỷ, các học thuyết của La Mã đã được chấp nhận rộng rãi và rõ ràng, các nghi lễ của nó được thực hiện một cách tôn kính và các lễ hội của nó thường được tuân thủ. Các giáo sĩ của nó rất đáng kính trọng và được hỗ trợ một cách hào phóng. Chúa bao giờ nhà thờ La Mã đạt được phẩm giá, sự tráng lệ hay quyền lực lớn hơn thế.

Buổi trưa của giáo hoàng là nửa đêm đạo đức của thế giới. Kinh Thánh hầu như không được biết đến, không chỉ đối với người dân mà còn đối với các linh mục.

Giống như những người Pha-ri-si ngày xưa, các nhà lãnh đạo dân túy ghét ánh sáng sẽ phớt lờ tội lỗi của họ. Khi luật pháp của Đức Chúa Trời-tiêu chuẩn của sự công bình-bị loại bỏ, họ sử dụng quyền lực vô hạn và thực hành thói xấu không kiểm chế. Sự gian lận, háms lợi và đòi trụy chiếm ưu thế. Đàn ông không lùi bước trước bất kỳ tội ác nào có thể mang lại cho họ sự giàu có hoặc địa vị. Các cung điện của giáo hoàng và giám mục là nơi diễn ra sự trụy lạc tồi tệ nhất. Một số giáo hoàng đương nhiệm đã phạm những tội ác ghê tởm đến mức các thống đốc thế tục cố gắng phé truất các chức sắc giáo hội này,

như những con quái vật quá hèn hạ không thể dung thứ được. Trong nhiều thế kỷ, châu Âu không đạt được tiến bộ nào về kiến thức, nghệ thuật hay văn minh. Sự tê liệt về đạo đức và trí tuệ đã giáng xuống Cơ đốc giáo.

Tình trạng của thế giới dưới sự cai trị của Giáo hoàng cho thấy sự ứng nghiệm khủng khiếp và gây sốc của lời tiên tri Ô-sê: "Dân ta bị tiêu diệt vì thiếu kiến thức. người đã quên luật pháp của Đức Chúa Trời người, ta cũng sẽ quên con cái người". (Ô-sê 4:6); "Vì trong đó không có sự thật, tình yêu, hay sự hiểu biết về Thiên Chúa. Điều duy nhất chiếm ưu thế là khai man, nói dối, giết người, trộm cắp và ngoại tình, và có những vụ đột nhập, giết người và giết người." (Ô-sê 4:1 và 2).

Đó là kết quả của việc trục xuất Lời Chúa.

Chương 4

người Waldenses

Giữa bóng tối bao trùm trái đất trong thời gian dài dưới quyền tối cao của giáo hoàng, ánh sáng sự thật không thể bị dập tắt hoàn toàn. Trong mọi thời đại đều có những nhân chứng của Đức Chúa Trời—những người trân trọng đức tin của họ nơi Đấng Christ là đấng trung gian duy nhất giữa Đức Chúa Trời và con người, những người coi Kinh Thánh là quy tắc duy nhất của cuộc sống và những người giữ ngày Sa-bát chân chính là thánh. Thế giới nợ những người đàn ông này bao nhiêu, hậu thế sẽ không bao giờ biết được. Họ bị kết án là dị giáo, động cơ của họ bị thách thức, nhân cách của họ bị bôi nhọ, tác phẩm của họ bị cấm, bị bóp méo hoặc bị cắt xén. Tuy nhiên, họ vẫn kiên định và từ thế hệ này sang thế hệ khác duy trì niềm tin vào sự thuần khiết của nó như một di sản thiêng liêng留给 cho các thế hệ mai sau.

Lịch sử của dân Chúa trong những thế kỷ đen tối sau khi quyền lực tối cao của La Mã được thiết lập đã được viết trên Thiên đàng, nhưng nó có rất ít chỗ trong hồ sơ của con người. Rất ít dấu vết về sự tồn tại của anh ta có thể được tìm thấy ngoại trừ lời buộc tội của những kẻ bắt bớ anh ta. Chính sách của Rome là loại bỏ mọi dấu vết bất đồng quan điểm khỏi các học thuyết hoặc sắc lệnh của mình. Mọi thứ mà ông coi là dị giáo, dù là con người hay văn bản, đều bị phá hủy. Một biểu hiện nghi ngờ đơn giản, một câu hỏi về thẩm quyền của giáo điều của giáo hoàng, cũng đủ để cướp đi sinh mạng của người giàu hay người nghèo, cao hay thấp. Rome cũng nỗ lực phá bỏ mọi hồ sơ về sự tàn ác đối với những người bất đồng chính kiến. Các hội đồng Giáo hoàng ra lệnh ném những cuốn sách và tác phẩm có chứa những hồ sơ như vậy vào lửa. Trước khi phát minh ra máy in, sách có số lượng ít và được làm từ những chất liệu khó bảo quản. Vì vậy, có rất ít điều có thể làm để ngăn cản những người theo chủ nghĩa La Mã thực hiện mục đích của họ.

Không có nhà thờ nào trong giới hạn quyền tài phán của người La Mã được thoải mái lâu dài trong việc tận hưởng quyền tự do lương tâm. Ngay khi giáo hoàng nắm được quyền lực, nó đã giang tay ra để đè bẹp tất cả những ai từ chối thừa nhận quyền lực của nó; và các nhà thờ lần lượt phục tùng sự cai trị của ông.

Cơ đốc giáo nguyên thủy đã bén rễ từ rất sớm ở Vương quốc Anh. Phúc âm mà người Anh tiếp nhận trong những thế kỷ đầu tiên không bị ảnh hưởng bởi sự bội đạo của người La Mã. Cuộc đàn áp các hoàng đế ngoại giáo, kéo dài đến tận những bờ biển xa xôi này, là món quà duy nhất mà các nhà thờ đầu tiên ở Anh nhận được từ La Mã.

Nhiều Cơ đốc nhân chạy trốn cuộc đàn áp ở Anh đã tìm được nơi ẩn náu ở Scotland; từ đó sự thật được truyền đến Ireland, và ở tất cả các quốc gia này, sự thật đã được đón nhận một cách vui vẻ.

Khi người Saxon xâm chiếm nước Anh, chủ nghĩa ngoại giáo đã giành được quyền kiểm soát. Những kẻ chinh phục coi thường sự chỉ dẫn của nô lệ của họ, và những người theo đạo Cơ đốc buộc phải rút lui vào vùng núi hoang dã và đầm lầy. Tuy nhiên, ánh sáng bị che giấu một lúc vẫn tiếp tục tỏa sáng. Ở Scotland, một thế kỷ sau, nó tỏa sáng rực rỡ lan tỏa đến những vùng đất xa xôi nhất. Từ Ireland đã đến Columba ngoại đạo và các cộng tác viên của ông, những người đã tập hợp các tín hữu rải rác trên hòn đảo cô đơn Iona, biến nơi đó thành trung tâm lao động truyền giáo của họ. Trong số những nhà truyền giáo này có một người tuân theo ngày Sa-bát trong Kinh thánh, và do đó lễ thật này đã được giới thiệu trong dân chúng. Một trường học được thành lập ở Iona, từ đó các nhà truyền giáo rời đi, không chỉ đến Scotland và Anh, mà còn đến Đức, Thụy Sĩ và thậm chí cả Ý.

Nhưng Rome đã để mắt đến nước Anh và quyết tâm phục tùng nước này dưới sự thống trị của mình. Vào thế kỷ thứ sáu, các nhà truyền giáo của nó đã tiến hành cải đạo những người Saxon ngoại đạo. Họ được những kẻ man rợ kiêu hãnh đón nhận và khuyến khích hàng ngàn người tuyên xưng đức tin La Mã. Khi công việc tiến triển, các nhà lãnh đạo Popish và những người cải đạo của họ đã gặp gỡ những Cơ đốc nhân đầu tiên. Một sự tương phản nổi bật đã được thể hiện. Những người sau thì đơn giản, khiêm tốn và theo Kinh thánh về tính cách, học thuyết và cách cư xử, trong khi những người trước thể hiện sự mê tín, hào hoa và kiêu ngạo của giáo hoàng.

Sứ giả La Mã yêu cầu các nhà thờ Thiên chúa giáo này công nhận quyền tối cao của giáo hoàng có chủ quyền. Người Anh ngoan ngoãn trả lời rằng họ mong muốn yêu thương tất cả mọi người, nhưng giáo hoàng không có quyền tối cao trong nhà thờ, và họ chỉ có thể nhượng bộ ông ta sự phục tùng như mọi tín đồ của Chúa Kitô. Nhiều nỗ lực đã được thực hiện để khiến họ phải phục tùng La Mã, nhưng những Cơ đốc nhân khiêm tốn này, ngạc nhiên trước sự kiêu ngạo của các sứ giả của họ, đã trả lời một cách kiên quyết rằng họ không biết ai khác ngoài Đấng Christ. Sau đó, tinh thần thực sự của giáo hoàng đã được bộc lộ. Nhà lãnh đạo theo chủ nghĩa La Mã nói: "Nếu bạn không tiếp nhận những người anh em mang lại hòa bình cho bạn, bạn sẽ tiếp nhận những kẻ thù sẽ mang đến cho bạn chiến tranh. Nếu họ không đoàn kết với chúng tôi để chỉ cho người Saxon lối sống, họ sẽ nhận đòn chí mạng từ họ". Đây không phải là những lời đe dọa vu vơ. Chiến tranh, âm mưu và sự lừa dối đã được sử dụng để chống lại những nhân chứng đức tin trong Kinh thánh này, cho đến khi các nhà thờ ở Anh bị phá hủy hoặc buộc phải phục tùng quyền lực của giáo hoàng.

Ở những vùng đất nằm ngoài quyền tài phán của La Mã, đã tồn tại trong nhiều thế kỷ những nhóm Cơ đốc nhân gần như hoàn toàn không bị giáo hoàng tham nhũng. Họ bị bao vây bởi chủ nghĩa ngoại giáo và theo thời gian, họ bị ảnh hưởng bởi những sai sót của nó; nhưng họ vẫn tiếp tục coi Kinh thánh là quy tắc đức tin duy nhất của mình và tuân theo nhiều lẽ thật trong đó. Những Cơ đốc nhân này tin vào tính vĩnh viễn của luật pháp Đức Chúa Trời và tuân giữ ngày Sa-bát của điều răn thứ tư. Các nhà thờ duy trì đức tin và thực hành này đã tồn tại ở Trung Phi và giữa những người Armenia ở Châu Á.

Nhưng trong số những người chống lại sự lạm dụng quyền lực của giáo hoàng, người Waldenses vẫn là người đầu tiên. Tại chính vùng đất mà giáo hoàng đã thiết lập ngai vàng của mình, sự giả dối và tham nhũng của nó đã bị chống lại một cách kiên quyết nhất. Trong nhiều thế kỷ, các nhà thờ ở Piedmont đã duy trì nền độc lập của mình; nhưng đã đến lúc Rome yêu cầu ông phải phục tùng. Sau những cuộc đấu tranh không hiệu quả chống lại sự chuyên chế của hần, những người lãnh đạo của các nhà thờ này đã miễn cưỡng thừa nhận quyền lực tối cao mà cả trái đất dường như đều tôn kính. Tuy nhiên, có một số người đã từ chối cúi đầu trước thẩm quyền của giáo hoàng hoặc các giám mục. Họ quyết tâm duy trì lòng trung thành với Thiên Chúa và giữ gìn sự trong sạch và giản dị của đức tin. Sau đó là sự chia ly. Những người bám vào niềm tin cũ đã bỏ đi; một số từ bỏ dãy Alps bản địa và giương cao ngọn cờ sự thật ở những vùng đất xa lạ; những người khác rút lui đến những thung lũng chật hẹp biệt lập và những nơi ẩn náu trên núi đá, và ở đó họ được bảo toàn quyền tự do thờ phượng Đức Chúa Trời.

Đức tin mà những người theo đạo Thiên Chúa theo đạo Waldensian duy trì và giảng dạy trong nhiều thế kỷ trái ngược hẳn với những học thuyết sai lầm do La Mã truyền bá. Niềm tin tôn giáo của ông được thành lập dựa trên Lời Chúa, hệ thống hợp pháp của Cơ đốc giáo. Tuy nhiên, những người nông dân khiêm tốn đó trong những nơi ẩn náu tối tăm, bị cô lập với thế giới và gắn liền với công việc cực nhọc hàng ngày giữa bầy đàn và vườn nho của họ, đã không tự mình đạt đến sự thật đối lập với những giáo điều và dị giáo của giáo hội bội đạo. Gần đây đức tin của ông đã không được đón nhận. Niềm tin tôn giáo của ông được thừa hưởng từ cha mẹ. Họ đấu tranh cho đức tin của giáo hội sứ đồ—đức tin đã được truyền cho các thánh đồ" (Giu-đe 3). "Nhà thờ trong sa mạc" chứ không phải hệ thống cấp bậc kiêu hãnh ngự trị ở thủ đô vĩ đại của

thế giới, là hội thánh đích thực của Đấng Christ, là người bảo vệ kho tàng lễ thật mà Đức Chúa Trời đã ban cho dân Ngài để ban cho thế gian.

Một trong những nguyên nhân chính khiến hội thánh chân chính tách khỏi Rô-ma là sự căm ghét ngày Sa-bát trong Kinh thánh. Đúng như dự đoán trong lời tiên tri, quyền lực của giáo hoàng đã ném sự thật xuống đất. Luật pháp của Đức Chúa Trời đã bị chà đạp thành cát bụi, trong khi những truyền thống và phong tục của con người được tôn cao. Các nhà thờ dưới sự chỉ đạo của giáo hoàng đã sớm buộc phải tôn vinh Chúa nhật là ngày thánh. Giữa sai lầm phổ biến và sự mê tín, nhiều người, ngay cả trong số những người thật sự của Đức Chúa Trời, đã bối rối đến mức, trong khi giữ ngày Sa-bát, họ cũng kiêng làm việc vào Chủ nhật. Nhưng điều này không làm hài lòng các nhà lãnh đạo giáo hoàng. Họ yêu cầu không chỉ ngày Chúa nhật đó phải được giữ thánh mà còn ngày Sabát phải bị xúc phạm. Và họ tố cáo bằng những ngôn từ gay gắt hơn những ai dám tôn vinh ông. Chỉ bằng cách chạy trốn khỏi quyền lực của La Mã thì một số người mới có thể tuân theo luật pháp của Chúa trong hòa bình.

Người Waldenses là những người đầu tiên trong số tất cả các dân tộc ở Châu Âu có được bản dịch Kinh thánh. Hàng trăm năm trước cuộc Cải cách, họ đã có một cuốn Kinh thánh viết tay bằng tiếng mẹ đẻ của mình. Họ nắm trong tay sự thật không tì vết, và điều này khiến họ trở thành đối tượng đặc biệt của sự thù hận và bắt bớ. Họ tuyên bố rằng nhà thờ ở Rome đã bị Babylon bội đạo từ thời Khải Huyền và trước nguy cơ mất mạng, họ đã đứng lên chống lại sự thối nát của nó. Trong khi dưới áp lực liên tục của sự đàn áp kéo dài, nhiều người đã thỏa hiệp đức tin của mình, dần dần từ bỏ những nguyên tắc đặc biệt của mình, nhưng những người khác vẫn đứng vững trong lễ thật. Qua nhiều thế kỷ tăm tối và bội đạo, có những người theo đạo Waldens đã phủ nhận uy quyền tối cao của La Mã, bác bỏ việc thờ hình tượng như thờ hình tượng, và giữ ngày Sa-bát thật. Dưới những cơn bão chống đối khốc liệt nhất, họ vẫn giữ vững đức tin của mình. Mặc dù bị đâm bởi những ngọn giáo của người Savoyard và bị thiêu đốt bởi ngọn lửa của người La Mã, họ vẫn không thể lay chuyển trước Lời Chúa và danh dự của Ngài.

Đằng sau những thành lũy cao ngất của dãy núi, trong mọi thế kỷ là nơi ẩn náu của những người bị đàn áp và áp bức, người Waldenses đã tìm được nơi ẩn náu. Ở đó, ánh sáng của sự thật vẫn luôn cháy giữa bóng tối của thời Trung Cổ. Ở đó, suốt một ngàn năm, những nhân chứng của sự thật đã duy trì đức tin cổ xưa.

Đức Chúa Trời đã cung cấp cho dân Ngài một thánh đường hùng vĩ đầy ẩn tượng, phù hợp với những lễ thật quyền năng được giao phó cho họ. Đối với những người trung thành bị lưu đày, những ngọn núi là biểu tượng cho sự công bình không thay đổi của Đức Giê-hô-va. Họ chỉ cho con cái họ những đỉnh cao vượt lên trên họ với vẻ uy nghiêm không thể thay đổi, và kể cho chúng nghe về Đấng mà trong Ngài không có sự biến đổi cũng như bóng dáng của sự chuyển đổi, lời nói của Ngài tồn tại như núi vĩnh cửu. Đức Chúa Trời đã thiết lập các ngọn núi và thất lúng cho chúng bằng sức mạnh. Không có cánh tay nào ngoại trừ sức mạnh vô hạn có thể di chuyển họ khỏi vị trí của họ. Tương tự như vậy, Ngài đã thiết lập luật pháp của Ngài, nền tảng cho sự cai trị của Ngài trên Trời và dưới Đất. Cánh tay con người có thể chạm tới đồng loại và kết liễu mạng sống của họ, nhưng cánh tay đó sẽ bất lực trong việc nhổ bật những ngọn núi khỏi nền móng và ném chúng xuống biển, giống như việc thay đổi một điều răn trong luật pháp của Đức Giê-hô-va hoặc tiêu diệt một trong những luật pháp của Ngài. những lời hứa ban cho những ai làm theo ý muốn Ngài. Trung thành với luật Chúa, tôi tớ Chúa phải vững vàng như núi non bất di bất dịch.

Những ngọn núi bao quanh các thung lũng bên dưới là nhân chứng thường xuyên cho quyền năng sáng tạo của Chúa và là sự đảm bảo chắc chắn về sự chăm sóc bảo vệ của Ngài. Những người hành hương này học cách yêu thích những biểu tượng trầm lặng về sự hiện diện của Đức Giê-hô-va. Họ không hề than thở trước những khó khăn của số phận. Họ không bao giờ cảm thấy cô đơn trong sự cô độc của núi non. Họ biết ơn Chúa vì đã cung cấp cho họ nơi trú ẩn khỏi cơn thịnh nộ và sự tàn ác của loài người. Họ vui mừng vì được tự do thờ phượng Đức Chúa Trời.

Thông thường, khi bị kẻ thù truy đuổi, pháo đài trên núi cao

đã cung cấp cho họ sự phòng thủ an toàn. Từ những vách đá hùng vĩ, họ hát những lời ca ngợi Chúa, và quân đội của Rome không thể im lặng những bài hát tạ ơn của họ.

Tinh khiết, đơn giản và nhiệt thành là lòng đạo đức của những người theo Chúa Kitô này. Họ coi trọng các nguyên tắc của lễ thật hơn nhà cửa, đất đai, bạn bè, họ hàng và thậm chí cả mạng sống. Họ tìm cách cẩn thận ghi khắc những nguyên tắc này vào lòng giới trẻ. Ngay từ thời thơ ấu, thanh niên đã được dạy dỗ về Kinh thánh và được dạy phải tuân giữ một cách thiêng liêng những yêu cầu của luật pháp Đức Chúa Trời. Bản sao của Kinh thánh rất hiếm; vì lý do này mà những chân lý quý giá của nó đã được giao phó cho trí nhớ. Nhiều người có thể lặp lại nhiều phần của cả Cựu Ước và Tân Ước. Theo cách này, những suy nghĩ của Chúa được liên kết với khung cảnh tuyệt vời của thiên nhiên và những phước lành đơn giản của cuộc sống hàng ngày. Trẻ nhỏ học cách nhìn lên Thiên Chúa với lòng biết ơn, là Đấng ban phát mọi ân huệ và mọi niềm an ủi.

Cha mẹ luôn quan tâm và yêu thương con cái, họ rất khôn ngoan và không để chúng quen với việc buông thả bản thân. Trước mặt họ là một cuộc đời đau khổ và phiền não, và có lẽ là cái chết của một vị tử đạo. Từ nhỏ họ đã được giáo dục phải chịu đựng gian khổ, chịu khuất phục nhưng vẫn phải suy nghĩ và hành động cho chính mình. Ngay từ khi còn nhỏ, họ đã được dạy phải chịu trách nhiệm, được đo lường trong lời nói và hiểu được sự khôn ngoan của sự im lặng. Một lời nói không đúng lúc rơi vào tai kẻ thù có thể gây nguy hiểm không chỉ đến tính mạng của người nói ra mà còn của hàng trăm anh em của họ, bởi vì giống như sói săn mồi, kẻ thù của sự thật đã đàn áp những người dám đòi tự do cho mình. vì lợi ích. đức tin tôn giáo.

Người Waldensian đã hy sinh sự thịnh vượng lâu đời của mình vì sự thật, và với sự kiên nhẫn bền bỉ, họ đã chiến đấu để có miếng ăn hàng ngày. Mỗi mảnh đất canh tác giữa núi đều được phát triển cẩn thận. Các thung lũng và sườn dốc cần cỗi đã được khai thác để cho phép họ sản xuất. Kinh tế và sự từ bỏ bản thân nghiêm khắc là một phần của nền giáo dục mà bọn trẻ nhận được như di sản duy nhất của chúng. Họ được dạy rằng Chúa đã thiết kế cuộc sống theo kỷ luật và nhu cầu của họ sẽ chỉ được đáp ứng thông qua công việc cá nhân, tầm nhìn xa, sự quan tâm và đức tin. Quá trình này vất vả và mệt mỏi, nhưng mang lại lợi ích, đúng như những gì con người cần trong tình trạng sa ngã của mình; ngôi trường mà Chúa đã cung cấp để đào tạo và phát triển bạn.

Trong khi tuổi trẻ đã quen lao động gian khổ thì văn hóa trí tuệ cũng không bị bỏ quên. Những người trẻ được dạy rằng tất cả các khả năng của họ đều thuộc về Chúa và tất cả chúng đều phải được cải thiện và phát triển để phục vụ Ngài.

Các nhà thờ Waldensian, về sự thuần khiết và đơn giản, giống như nhà thờ thời các sứ đồ. Từ chối quyền tối cao của giáo hoàng và các giám mục, họ coi Kinh thánh là thẩm quyền duy nhất, tối cao và không thể sai lầm. Các mục sư của họ, không giống như các linh mục kiêu ngạo ở Rô-ma, đã noi gương Thầy của họ, Đấng "đến không phải để được phục vụ mà để phục vụ". (Ma-thi-ơ 20:28). Họ chặn đất đàn chiên của Chúa, dẫn họ đến những đồng cỏ xanh tươi và những dòng suối sống động của Lời Thánh của Ngài. Cách xa những địa danh hào hoa và kiêu hãnh của con người, người dân tự tấp, không phải trong những nhà thờ nguy nga và thánh đường vĩ đại, mà dưới bóng núi, trong thung lũng Alpine, hoặc, trong lúc nguy hiểm, trong một pháo đài bằng đá nào đó, để nghe tin từ tô-tô của Đấng Christ là lời lẽ thật. Các mục sư không chỉ rao giảng phúc âm mà còn thăm viếng bệnh nhân, dạy giáo lý cho trẻ em, khiển trách người phạm tội và làm việc để giải quyết tranh chấp cũng như thúc đẩy sự hòa hợp và tình yêu thương anh em. Trong thời bình họ được hỗ trợ bằng sự cúng dường tự nguyện của nhân dân; nhưng, giống như Paul,

người thợ may lều, mỗi người tham gia vào một nghề nào đó hoặc học một nghề nào đó mà nếu cần, anh ta có thể tự nuôi sống mình.

Giới trẻ nhận được sự hướng dẫn từ các mục sư của họ. Trong khi người ta chú ý đến các ngành học phổ thông thì Kinh Thánh là môn học chính. Các Phúc âm của Ma-thi-ơ và Giăng được ghi nhớ và cũng có nhiều thư tín. Họ cũng bận rộn sao chép Kinh thánh. Một số bản chép tay chứa toàn bộ Kinh Thánh, số khác chỉ có những đoạn trích ngắn, trong đó những người có khả năng giải thích Kinh Thánh sẽ thêm vào những lời giải thích đơn giản về văn bản. Như vậy đã phơi bày những kho tàng lẽ thật đã được giấu kín từ lâu bởi những người tìm cách tôn mình lên trên Đức Chúa Trời.

Bằng sự lao động kiên nhẫn và không mệt mỏi, đôi khi trong những hang động sâu và tối trên Trái đất, dưới ánh sáng của những ngọn đuốc, Kinh thánh đã được sao chép từng câu, từng chương. Vì thế công việc vẫn tiếp tục và ý muốn được bày tỏ của Đức Chúa Trời tỏa sáng như vàng ròng. Và nó tươi sáng, rõ ràng và mạnh mẽ hơn biết bao vì những thử thách mà tình yêu của họ đã trải qua, chỉ những người từng làm công việc tương tự mới hiểu được. Các thiên thần từ trên trời bao quanh những người lao động trung thành này.

Sa-tan đã xúi giục các linh mục và giáo phẩm của giáo hoàng chôn vùi Lời Sự thật dưới đồng rác rưởi sai lầm, dị giáo và mê tín, nhưng nó đã được bảo tồn không thể hư hỏng một cách tuyệt vời nhất qua mọi thời đại đen tối. Nó không mang dấu ấn của con người mà mang ấn tượng thiêng liêng. Con người đã không mệt mỏi trong nỗ lực làm lu mờ ý nghĩa đơn giản và trong sáng của Kinh thánh, và làm cho chúng mâu thuẫn với lời chứng của chính họ, nhưng, giống như chiếc tàu trên biển giông bão, Lời Chúa vượt qua những cơn bão đe dọa hủy diệt nó. Giống như mỏ có những mạch vàng và bạc phong phú ẩn dưới bề mặt và tất cả phải đào để khám phá những mạch quý giá của nó, nên Kinh Thánh có những kho tàng lẽ thật chỉ được tiết lộ cho những người tìm kiếm nghiêm túc, khiêm tốn và ngoan đạo. Đức Chúa Trời đã thiết kế Kinh Thánh làm sách giáo khoa cho toàn thể nhân loại, từ thời thơ ấu, tuổi trẻ đến khi trưởng thành, và để mọi lứa tuổi học tập. Ngài ban Lời Ngài cho loài người như sự mặc khải về chính Ngài. Mỗi chân lý mới được nhận ra là một sự mặc khải mới về đặc tính của Tác giả của nó. Việc nghiên cứu Kinh thánh là phương tiện được Đức Chúa Trời chỉ định nhằm đưa con người vào mối liên hệ mật thiết với Đấng Tạo Hóa và giúp họ hiểu biết rõ ràng hơn về ý muốn của Ngài. Chúng là phương tiện giao tiếp giữa Thiên Chúa và con người.

Mặc dù người Waldenses coi sự kính sợ Chúa là nguyên tắc của trí tuệ, nhưng họ không mù quáng trước tầm quan trọng của việc tiếp xúc với thế giới, với kiến thức con người và cuộc sống năng động, trong việc mở rộng tâm trí và đánh thức nhận thức. Từ các trường học trên núi của họ, một số thanh niên đã đến các cơ sở học tập ở các thành phố của Pháp hoặc Ý, nơi có nhiều lĩnh vực nghiên cứu, suy nghĩ và quan sát hơn ở dãy Alps quê hương của họ. Do đó, những người trẻ được cử đi đã bị cám dỗ, chứng kiến những điều xấu xa và phải đối mặt với những tay sai xảo quyệt của Satan, kẻ đã mang đến cho họ những tà giáo tinh vi nhất và những sự lừa dối nguy hiểm nhất. Nhưng nền giáo dục của họ từ thời thơ ấu đã chuẩn bị cho họ tất cả những điều này.

Ở những ngôi trường mà họ theo học, họ không được phép coi bất cứ ai là bạn tâm giao của mình. Quần áo của họ được thiết kế để che giấu kho báu lớn nhất của họ, những bản viết tay quý giá của Kinh Thánh. Họ mang theo mình những thành quả của nhiều tháng và nhiều năm làm việc chăm chỉ, và khi có thể làm như vậy mà không gây nghi ngờ, họ cẩn thận trao một phần vào tay những người có trái tim dửng dưng như rộng mở để đón nhận sự thật. Từ đầu gối của mẹ họ, thanh niên Vaudois đã được huấn luyện với mục đích này. Họ hiểu công việc của mình và thực hiện nó một cách trung thành. Việc cải đạo sang đức tin đích thực đã đạt được trong các cơ sở giáo dục này và thường là của họ

các nguyên tắc đã được nhìn thấy để thẩm vào toàn bộ trường học. Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo Popish không thể, bất chấp cuộc điều tra nghiêm ngặt nhất, phát hiện ra nguồn gốc của tà giáo được cho là đòi bại.

Tinh thần của Chúa Kitô là truyền giáo. Động lực đầu tiên của tâm lòng được đổi mới là dẫn dắt người khác đến với Đấng Cứu Rỗi. Đó là tinh thần của những người theo đạo Cơ đốc Waldensian. Họ cảm thấy rằng Đức Chúa Trời đòi hỏi họ nhiều hơn là chỉ đơn thuần bảo vệ lẽ thật trong sự thuần khiết của nó trong các nhà thờ; rằng nhiệm vụ của họ là để ánh sáng của họ chiếu rọi những người đang ở trong bóng tối. Qua Lời Chúa đầy quyền năng, họ đã tìm cách phá bỏ sự giam cầm mà La Mã đã áp đặt. Các mục sư theo trường phái Waldensian được đào tạo để trở thành những nhà truyền giáo; Tất cả những ai hy vọng được vào chức vụ đều phải có kinh nghiệm làm nhà truyền giáo trước tiên. Họ phải phục vụ ba năm trong khu vực truyền giáo nào đó trước khi phụ trách một hội thánh ở quê nhà. Việc phục vụ này, thoát khỏi đòi hỏi sự từ bỏ bản thân và hy sinh, là một sự dẫn nhập thích hợp vào đời sống mục vụ trong những thời điểm thử thách cho tâm hồn con người. Những thanh niên được thụ phong chức vụ thiêng liêng nhìn thấy trước mắt họ không phải viễn cảnh giàu có và vinh quang trần thế, mà là một cuộc sống vất vả và nguy hiểm, và có thể là số phận của một vị tử đạo.

Các nhà truyền giáo từng đôi một rời đi giống như cách Chúa Giêsu đã sai các môn đệ của Người đi. Nói chung, mỗi thanh niên được kết giao với một người đàn ông lớn tuổi và kinh nghiệm hơn, và dưới sự hướng dẫn của người bạn đồng hành của anh ta, người chịu trách nhiệm huấn luyện anh ta và người mà thanh niên nên nghe theo sự hướng dẫn của họ. Những đồng nghiệp này không phải lúc nào cũng ở bên nhau, nhưng họ thường gặp nhau để cầu nguyện và tư vấn, củng cố đức tin cho nhau.

Việc tiết lộ mục tiêu sứ mệnh của họ sẽ đảm bảo cho họ thất bại; do đó họ cẩn thận che giấu tính cách thật của mình. Mỗi bộ trưởng đều có kiến thức về một số ngành thương mại hoặc nghề nghiệp, và các nhà truyền giáo tiếp tục công việc của họ dưới vỏ bọc là một nghề nghiệp thế tục. Họ thường chọn làm thương gia hoặc người bán. Họ buôn bán những mặt hàng được chọn lọc và có giá trị, chẳng hạn như lụa, ren và đồ trang sức, những thứ không dễ tìm thấy vào thời đó, do đó tìm được đường vào ở những nơi, nếu không, họ sẽ bị đẩy lùi. Đồng thời, họ hướng lòng lên Thiên Chúa xin ơn khôn ngoan để dâng hiến một kho tàng quý hơn vàng hay đá quý. Họ mang theo bên mình những bản sao Kinh Thánh, dù trọn bộ hay một phần, và bất cứ khi nào có cơ hội, họ đều tặng chúng để thu hút sự chú ý của khách hàng đến những bản thảo này. Việc đọc Lời Chúa thường khơi dậy sự quan tâm và một số phần được vui lòng để lại cho những ai muốn đọc.

Công việc của những người truyền giáo này bắt đầu ở vùng đồng bằng và thung lũng dưới chân những ngọn núi của họ, nhưng đã vượt xa những giới hạn này. Với đôi chân trần và bộ quần áo mộc mạc được đánh dấu bằng chuyến đi, giống như Chủ nhân của họ, họ đi qua các thành phố lớn và đến những vùng đất xa xôi. Họ rải hạt giống quý giá khắp nơi. Các nhà thờ xuất hiện trên con đường của họ và máu của các vị tử đạo đã làm chứng cho sự thật. Ngày của Thiên Chúa sẽ tiết lộ mùa gặt phong phú của các linh hồn phát sinh từ công lao của những con người trung thành này. Được che đậy và âm thầm, Lời Chúa đang đi qua thế giới Kitô giáo và tìm được sự đón nhận vui vẻ trong gia đình và trái tim con người.

Đối với những người theo chủ nghĩa Waldensians, Kinh thánh không chỉ đơn thuần là bản ghi lại những cách Chúa đối xử với con người trong quá khứ, và là sự mặc khải về trách nhiệm và nghĩa vụ ở hiện tại, mà còn là sự tiết lộ về những nguy hiểm và vinh quang trong tương lai. Họ tin rằng sự kết thúc của mọi sự không còn xa nữa, và khi họ nghiên cứu Kinh Thánh với lời cầu nguyện và nước mắt, họ càng ấn tượng hơn với những lời tuyên bố quý giá trong Kinh Thánh cũng như bản phận của họ là làm cho người khác biết những lẽ thật cứu chuộc trong Kinh Thánh. Họ nhìn thấy kế hoạch cứu rỗi được mặc khải rõ ràng trong các trang thiêng liêng và tìm thấy niềm an ủi, hy vọng và bình an trong đức tin.

trong Chúa Giêsu. Khi ánh sáng soi sáng sự hiểu biết của họ và khiến tâm hồn họ vui vẻ, họ mong muốn chiếu tia sáng lên những người có liên quan đến bóng tối của lỗi lầm của giáo hoàng.

Họ thấy rằng dưới sự hướng dẫn của giáo hoàng và các linh mục, đám đông đang cố gắng một cách vô ích để được tha thứ cho sự đau khổ về thể xác do tội lỗi trong tâm hồn họ. Được dạy phải tin tưởng vào những việc lành sẽ cứu rỗi mình, họ luôn nhìn lại bản thân và suy nghĩ về thân phận tội lỗi của mình, thấy mình phải hứng chịu cơn thịnh nộ của Thiên Chúa, làm đau khổ cả tâm hồn lẫn thể xác mà không tìm được sự giải thoát. Bằng cách này, những tâm hồn tận tâm đã bị xiềng xích bởi các học thuyết của La Mã. Hàng ngàn người đã bỏ rơi bạn bè và người thân và sống cuộc sống của họ trong phòng giam của một tu viện. Bằng những cuộc nhịn ăn thường xuyên và những cuộc đánh đòn tàn ác, bằng những buổi cầu nguyện lúc nửa đêm, bằng việc phủ phục nhiều giờ trên những tảng đá lạnh lẽo và ẩm ướt trong căn phòng u ám của mình, bằng những cuộc hành hương dài ngày, bằng những hình thức sám hối nhục nhã và những hình thức tra tấn ghê tởm, hàng triệu người đã tìm kiếm sự bình yên cho lương tâm một cách vô ích. Bị đè nén bởi ý thức về tội lỗi và bị ám ảnh bởi nỗi sợ hãi trước cơn thịnh nộ trừng phạt của Thiên Chúa, nhiều người tiếp tục đau khổ cho đến khi bản chất kiệt quệ của họ không chịu khuất phục và không còn một tia sáng hay hy vọng nào, họ chìm vào trong mờ.

Người Waldenses mong muốn chia sẻ bánh sự sống với những linh hồn này, mặc khải cho họ những thông điệp bình an trong những lời hứa của Thiên Chúa và hướng họ đến với Chúa Kitô là niềm hy vọng cứu rỗi duy nhất của họ. Họ nói rằng học thuyết cho rằng việc lành có thể chuộc lỗi cho việc vi phạm Luật pháp của Đức Chúa Trời là sai lầm. Việc tin tưởng vào công đức của con người ngăn cản tâm nhìn về tình yêu vô hạn của Chúa Kitô. Chúa Giêsu đã chết như một của lễ hy sinh cho con người vì dòng dõi sa ngã không thể làm gì để tự đề cử mình cho Thiên Chúa. Công nghiệp của Đấng Cứu Thế bị đóng đinh và phục sinh là nền tảng của đức tin Kitô giáo. Sự phụ thuộc của linh hồn vào Đấng Christ là có thật, và mối liên hệ của nó với Ngài phải mật thiết như mối liên hệ giữa một cành với thân xác, hay một cành với cây nho.

Những lời dạy của các giáo hoàng và linh mục đã khiến con người coi tính cách của Thiên Chúa, và thậm chí cả tính cách của Chúa Kitô, là nghiêm khắc, đen tối và thù địch. Đấng Cứu Rỗi được miêu tả là thiếu sự đồng cảm với con người trong tình trạng sa ngã của họ, đến nỗi cần phải nhờ đến sự trung gian của các linh mục và các vị thánh. Những người được Lời Chúa soi sáng tâm trí mong muốn hưởng những linh hồn này đến với Chúa Giêsu là Đấng Cứu Độ đầy lòng thương xót và yêu thương của họ, với đôi tay dang rộng mời gọi tất cả mọi người đến với Ngài với gánh nặng tội lỗi, sự quan tâm và mệt mỏi. Họ nhằm mục đích loại bỏ những trở ngại mà Sa-tan đã dựng lên để con người không nhìn thấy những lời hứa và trực tiếp đến với Đức Chúa Trời, thú nhận tội lỗi của mình và nhận được sự tha thứ và bình an.

Nhà truyền giáo người Waldensian đã háo hức tiết lộ cho những người đang tìm hiểu những lẽ thật quý giá của phúc âm. Ông hết sức cẩn thận trình bày những phần Kinh Thánh đã được viết ra. Niềm vui lớn nhất của ông là mang lại hy vọng cho những tâm hồn tận tâm, đầy tội lỗi, những người chỉ có thể nhìn thoáng qua một vị Thiên Chúa đang báo thù và chờ đợi thi hành án. Với đôi môi run rẩy và đôi mắt đăm lệ, ngài thường quỳ gối khám phá cho anh em mình những lời hứa quý báu tiết lộ niềm hy vọng duy nhất của tội nhân. Như vậy, ánh sáng sự thật đã xuyên thấu tâm trí đen tối của nhiều người, đẩy lùi đám mây đen, cho đến khi Mặt trời Công lý chiếu sáng trong tâm hồn, mang lại sự chữa lành bằng những tia sáng của nó. Thường xảy ra trường hợp một phần Kinh thánh được đọc đi đọc lại nhiều lần và người nghe muốn lặp lại như thể để đảm bảo rằng mình đã nghe đúng. Tôi rất mong muốn được lặp lại những lời này: "Huyết của Con Ngài là Chúa Giê-su Christ làm sạch chúng ta khỏi mọi tội lỗi." (I Giăng 1:7). "Như ông Mô-sê đã treo con rắn trong hoang địa, Con Người cũng sẽ bị treo lên như vậy, để ai tin vào Người thì được sự sống đời đời". (Giăng 3:14 và 15).

Nhiều người không thể bị lừa dối về những yêu cầu của Rome. Họ đã thấy sự trung gian của con người hay thiên thần thay mặt cho tội nhân là vô ích biết bao.

Khi ánh sáng đích thực ló rạng trong tâm trí họ, họ vui mừng kêu lên: “Chúa Kitô là Linh mục của tôi, Máu Người là hy lễ của tôi; Bàn thờ của bạn là nơi xưng tội của tôi.” Họ hoàn toàn trông cậy vào công nghiệp của Chúa Giêsu, lặp đi lặp lại những lời: “Thật vậy, không có đức tin thì không thể đẹp lòng Thiên Chúa”. (Hê-bơ-rơ 11:6). “Và không có sự cứu rỗi ở ai khác; vì ở dưới trời chẳng có danh nào khác ban cho loài người để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu.” (Công vụ 4:12).

Sự đảm bảo về tình yêu thương của Đấng Cứu Rỗi dường như khó hiểu đối với một số linh hồn tội nghiệp bị bão giông cuốn đi. Sự nhẹ nhõm mà nó mang lại thật lớn lao, dòng ánh sáng tràn ngập trên họ đến nỗi họ dường như được đưa lên Thiên đường.

Tay ông tin tưởng đặt vào tay Chúa Giêsu; đôi chân của anh ấy đặt trên Rock of Ages. Mọi nỗi sợ hãi về cái chết đều bị xua tan. Bây giờ họ có thể thêm muốn nhà tù và cây cọc, nếu họ có thể tôn vinh danh Đấng Cứu Chuộc của họ như vậy.

Lời Chúa được đưa đến những nơi kín đáo và đôi khi được đọc cho một tâm hồn, đôi khi cho một nhóm nhỏ khao khát ánh sáng và sự thật. Thường thì cả buổi tối được dành theo cách này. Người nghe ngạc nhiên và ngưỡng mộ đến mức sử giả của lòng thương xót thường bị buộc phải ngừng đọc cho đến khi hiểu được tin tức về ơn cứu độ. Những lời như thế này đã được thốt ra nhiều lần: “Liệu Đức Chúa Trời có thực sự chấp nhận lễ vật của tôi không? Liệu Ngài có mỉm cười với tôi không? Bà n se tha thứ cho tôi chưa?” Lúc đó câu trả lời đã được đọc: “Hỡi những ai lao nhọc và gánh nặng, hãy đến với Ta, Ta sẽ cho nghỉ ngơi bồi dưỡng”.

(Ma-thi-ơ 11:28).

Đức tin bám chặt vào lời hứa và người ta đã vui mừng đáp lại: “Không còn những cuộc hành hương dài ngày nữa; không còn những cuộc hành trình đau đớn đến các hòm đựng thánh tích. Tôi có thể đến với Chúa Giêsu như chính tôi, tội lỗi và bất thánh, và Ngài sẽ không khinh thường lời cầu nguyện sám hối. “Tội lỗi của bạn đã được tha thứ.” Vâng, tội lỗi của tôi có thể được tha thứ!”

Một niềm vui thánh thiện tràn ngập trái tim và danh Chúa Giêsu được tôn vinh bằng lời khen ngợi và tạ ơn. Những tâm hồn hạnh phúc này trở về nhà của mình để truyền bá ánh sáng, lặp lại trải nghiệm mới của họ cho người khác theo cách tốt nhất có thể; kinh nghiệm rằng họ đã tìm thấy Con đường chân thật và sống động. Có một sức mạnh kỳ lạ và trang trọng trong lời Kinh thánh, nói thẳng vào trái tim của những người khao khát lẽ thật. Có ấy là tiếng nói của Chúa và mang lại niềm tin cho những người nghe cô ấy.

Sử giả của sự thật đã đi theo con đường của mình, nhưng về ngoài khiêm tốn, sự chân thành, nghiêm túc và lòng nhiệt thành sâu sắc của ông thường là đối tượng được quan sát. Trong nhiều trường hợp, người nghe không hỏi ông từ đâu đến và đi đâu. Lúc đầu, họ rất ngạc nhiên, rất ngạc nhiên, sau đó rất biết ơn và hạnh phúc, đến nỗi họ thậm chí không nghĩ đến việc hỏi anh bất cứ câu hỏi nào. Khi họ nhất quyết muốn đi cùng họ về nhà, anh trả lời rằng anh phải đi thăm những con chiên lạc trong đàn. “Liệu anh ấy có phải là thiên thần đến từ Thiên đường không?” họ hỏi.

Trong nhiều trường hợp, người ta không còn nhìn thấy sử giả của sự thật nữa. Anh ta du hành đến những vùng đất khác và dành phần đời còn lại của mình trong một ngục tối vô danh, hoặc có lẽ xương cốt của anh ta đang bị tẩy trắng ở nơi mà anh ta đã chứng kiến sự thật. Nhưng những lời anh để lại không thể tiêu hủy được.

Họ đang thực hiện công việc của mình trong trái tim con người; những kết quả may mắn sẽ chỉ được biết đầy đủ trong Sự phán xét.

Các nhà truyền giáo Waldensian đang xâm chiếm vương quốc của Satan, và thế lực bóng tối phải cảnh giác cao độ hơn. Mọi nỗ lực nhằm thúc đẩy sự thật đều bị hoàng tử tà ác theo dõi, và hắn đã kích động nỗi sợ hãi của các đặc vụ của mình.

Các nhà lãnh đạo Popish nhìn thấy mối nguy hiểm lớn cho chính nghĩa của họ trong công việc lao động của những người khiêm tốn này.

người lưu động. Nếu ánh sáng của sự thật được phép chiếu sáng không bị cản trở, nó sẽ xua tan những đám mây sai lầm nặng nề bao trùm nhân dân; nó sẽ hướng tâm trí con người chỉ về Chúa và cuối cùng phá hủy quyền lực tối cao của La Mã.

Sự tồn tại thực sự của dân tộc này, những người duy trì đức tin của nhà thờ cổ, là bằng chứng liên tục cho sự bội đạo của La Mã, và do đó đã kích động sự căm thù và đàn áp cay đắng nhất. Việc họ từ chối tuân theo Kinh thánh là một hành vi xúc phạm thường xuyên mà La Mã không thể dung thứ được. Cô đã quyết định quét sạch chúng khỏi bề mặt Trái đất. Bây giờ bắt đầu những cuộc thập tự chinh khùng khiếp nhất chống lại dân Chúa tại quê hương trên núi của họ. Những kẻ điều tra đang truy lùng anh và cảnh tượng Abel vô tội gục ngã trước Cain sát nhân thường xuyên được lặp lại.

Những vùng đất màu mỡ của họ hết lần này đến lần khác bị tàn phá, nhà cửa và nhà nguyện của họ bị cuốn trôi, đến nỗi nơi trước kia có những cánh đồng trù phú và nhà cửa của những người dân cần cù, giờ đây chỉ còn lại một sa mạc. Giống như con thú săn mồi ngày càng hung dữ hơn trước mùi vị của máu, cơn thịnh nộ của những người theo chủ nghĩa Giáo hoàng cũng trở nên mãnh liệt hơn trước những đau khổ của nạn nhân. Nhiều chứng nhân của đức tin thuần khiết này đã bị bắt bớ khắp vùng núi và bị săn lùng trong các thung lũng, nơi họ ẩn náu, bị bao vây trong những khu rừng rậm và những đỉnh núi đá.

Không thể đưa ra lời buộc tội nào chống lại tư cách đạo đức của giai cấp bị cấm này. Ngay cả kẻ thù của họ cũng tuyên bố họ là những người hiền hòa, trầm lặng và ngoan đạo. Tội lớn nhất của họ là không thờ phượng Thiên Chúa theo ý muốn của giáo hoàng. Đối với sự vi phạm này, mọi sự sỉ nhục, xúc phạm và tra tấn mà con người hoặc ma quỷ có thể nghĩ ra đều đổ dồn lên họ.

Khi Rome từng quyết tâm tiêu diệt giáo phái đáng ghét này, Giáo hoàng đã ban hành một sắc lệnh (Innocent VIII, 1487 AD) lên án họ là những kẻ dị giáo và giao chúng đi giết thịt. Họ không bị buộc tội là những kẻ lang thang, bắt lương hoặc mất trật tự, nhưng họ được tuyên bố là có vẻ ngoài đạo đức và thánh thiện đã quyến rũ "những con chiên của đàn chiên chân chính". Vì vậy, Đức Giáo Hoàng đã ra lệnh rằng "giáo phái độc ác và ghê tởm của kẻ ác", nếu họ không chịu từ bỏ, "phải bị nghiền nát như những con rắn độc". Anh ta có biết rằng chúng đã được ghi lại trong sách Thiên đàng, để đối đầu với anh ta trong Sự phán xét không? "Con thường làm điều đó với một trong những người anh em hèn mọn nhất của Ta, là con đã làm điều đó với Ta." (Ma-thi-ơ 25:40).

Con bò đực này kêu gọi tất cả các thành viên của nhà thờ tham gia cuộc thập tự chinh chống lại những kẻ dị giáo. Để khuyến khích việc tham gia vào công việc tàn ác này, cá nhân đã "được miễn khỏi mọi đau khổ và hình phạt của giáo hội, chung và cá nhân; con bò đực đã giải phóng tất cả những người tham gia cuộc thập tự chinh khỏi bất kỳ lời thề nào mà họ có thể đã tuyên thệ; nó hợp pháp hóa quyền sở hữu của họ đối với bất kỳ tài sản nào mà họ có thể có được một cách bất hợp pháp và hứa sẽ xóa bỏ mọi tội lỗi như giết bất kỳ kẻ dị giáo nào. Nó bãi bỏ tất cả các hợp đồng được ký kết có lợi cho Vaudois, ra lệnh cho người hầu của họ từ bỏ họ, cấm mọi người giúp đỡ họ và trao quyền cho mọi người chiếm hữu tài sản của họ. Tài liệu này bộc lộ rõ ràng tinh thần kiểm soát đằng sau hậu trường. Ở đây người ta nghe thấy tiếng gầm của con rồng chứ không phải tiếng của Chúa Kitô.

Các nhà lãnh đạo giáo hoàng không muốn buộc tính cách của mình phải tuân theo tiêu chuẩn cao cả của luật pháp Chúa, mà họ đã xây dựng tiêu chuẩn riêng của mình để tuân theo và quyết định ép buộc mọi người phải tuân theo nó, bởi vì La Mã muốn như vậy. Những thảm kịch khùng khiếp nhất đã được thực hiện. Các linh mục và giáo hoàng tham nhũng và báng bổ đang thực hiện công việc mà Sa-tan đã chỉ ra cho họ. Lòng thương xót không có chỗ trong bản chất của anh ta. Cùng một tinh thần đã đóng đinh Chúa Kitô và giết chết các tông đồ; giống nhau

kẻ đã xúi giục Nero khát máu chống lại các tín hữu vào thời của hắn, đang làm việc để loại bỏ những người được Chúa yêu quý trên trái đất.

Ngài đã chịu đựng những cuộc bách hại trải qua nhiều thế kỷ chống lại những người kính sợ Thiên Chúa với lòng kiên nhẫn và kiên trì để tôn vinh Đấng Cứu Chuộc của Ngài. Bất chấp những cuộc thập tự chinh chống lại họ và sự tàn sát tàn khốc mà họ phải chịu, họ vẫn tiếp tục cử những người truyền giáo đi truyền bá lẽ thật quý giá. Họ bị săn lùng đến chết, tuy nhiên, máu của họ đã tưới cho hạt giống được gieo và nó không ngừng sinh hoa trái. Vì vậy, người Waldenses đã làm chứng cho Chúa, nhiều thế kỷ trước khi Luther ra đời. Họ đã gieo trên nhiều vùng đất, họ đã gieo những hạt giống Cải cách bắt đầu từ thời Wycliffe, phát triển rất rộng và sâu vào thời Luther, và phải được tiến hành cho đến ngày tận thế bởi những người cũng sẵn sàng chịu đựng mọi thứ "vì vì lời Đức Chúa Trời và lời chứng của Đức Chúa Giê-xu" (Khải huyền 1:9).

Chương 5

John Wycliffe

Trước thời Cải Cách chỉ có vài bản Kinh Thánh, nhưng Đức Chúa Trời không cho phép Lời Ngài bị tuyệt chủng hoàn toàn. Sự thật của nó sẽ không bị che giấu mãi mãi. Ngài có thể dễ dàng cởi bỏ xiềng xích của lời sự sống, như Ngài có thể mở các cửa nhà tù và tháo chốt các cổng sắt để giải thoát các tội tử của Ngài. Ở các quốc gia khác nhau ở Châu Âu, Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã thúc đẩy con người tìm kiếm lẽ thật như những kho báu được giấu kín. Được hướng dẫn bởi Kinh thánh, họ nghiên cứu các trang thiêng liêng với sự quan tâm sâu sắc. Họ sẵn sàng chấp nhận ánh sáng, bất chấp cái giá phải trả. Mặc dù họ không thể nhìn rõ mọi thứ nhưng họ có thể nhận ra những sự thật đã bị che giấu từ lâu. Giống như những sứ giả được Thiên đường gửi đến, họ tiếp tục phá vỡ xiềng xích sai lầm, mê tín và kêu gọi những người đã bị nô lệ bấy lâu nay đứng lên tuyên bố tự do.

Ngoại trừ những người theo đạo Waldensians, trong nhiều thế kỷ, Lời Chúa đã bị nhốt trong những ngôn ngữ chỉ có các học giả mới biết, nhưng đã đến lúc Kinh thánh phải được dịch và trao tay cho người dân ở các vùng đất khác nhau trong nước của họ. tiếng mẹ đẻ. Thế giới đã qua nửa đêm. Những giờ phút đen tối tan biến và ở nhiều nơi những diêm báo về bình minh sắp đến đã xuất hiện.

Vào thế kỷ 14, "ngôi sao buổi sáng của cuộc Cải cách" xuất hiện ở Anh. John Wycliffe là người báo trước sự cải cách, không chỉ cho nước Anh, mà còn cho toàn bộ các tôn giáo theo đạo Thiên chúa. Cuộc biểu tình lớn chống lại Rome, mà ông được phép phát biểu, không bao giờ nên im lặng. Cuộc biểu tình này đã gây ra một cuộc đấu tranh dẫn đến sự giải phóng các cá nhân, nhà thờ và các quốc gia.

Wycliffe nhận được một nền giáo dục khai phóng và đối với anh, sự kính sợ Chúa là khởi đầu của sự khôn ngoan. Ông được biết đến ở trường đại học vì lòng đạo đức nhiệt thành cũng như tài năng vượt trội và trí tuệ phong phú. Trong cơn khát khao tri thức, anh tìm cách làm quen với mọi ngành kiến thức. Wycliffe được đào tạo về triết học kinh viện, giáo luật nhà thờ và luật dân sự, đặc biệt là luật của đất nước ông. Trong các tác phẩm sau này của ông, giá trị học vấn của ông trở nên rất rõ ràng. Sự quen thuộc hoàn toàn với triết lý suy đoán của thời đại đã giúp ông vạch trần những sai sót của nó, và bằng việc nghiên cứu luật pháp quốc gia và giáo hội, ông đã sẵn sàng tham gia vào một cuộc đấu tranh to lớn cho quyền tự do dân sự và tôn giáo. Trong khi sử dụng vũ khí rút ra từ Lời Chúa, kỷ luật trí tuệ mà ông có được trong trường học đã giúp ông hiểu được chiến thuật của các nhà thần học triết học. Sức mạnh của thiên tài, mức độ và hiệu quả của kiến thức của ông đã khiến cả bạn bè lẫn đối thủ đều kính trọng. Những người theo Wycliffe hài lòng thấy rằng nhà vô địch của họ đứng đầu trong số những bộ óc có đặc quyền nhất đất nước, và kẻ thù của ông đã bị ngăn chặn khỏi việc khinh thường chính nghĩa của cuộc Cải cách, bằng cách vạch trần sự thiếu hiểu biết hoặc điểm yếu của những người ủng hộ ông.

Khi Wycliffe còn học đại học, anh bắt đầu nghiên cứu Kinh Thánh. Vào thời đó, khi Kinh thánh chỉ tồn tại bằng các ngôn ngữ cổ xưa, các học giả đã có thể tìm đường đến nguồn gốc của lẽ thật, vốn bị đóng cửa đối với các tầng lớp mù chữ. Vì vậy, con đường đã được chuẩn bị sẵn cho công việc tương lai của Wycliffe với tư cách là một nhà cải cách. Những người có học thức đã nghiên cứu Lời Chúa và khám phá ra lẽ thật vĩ đại về ân điển nhưng không của Ngài được bày tỏ ở đó. Qua lời dạy của Ngài

họ truyền bá kiến thức về sự thật này và khiến những người khác tìm đến các Nhà tiên tri sống.

Khi sự chú ý của Wycliffe hướng vào Kinh thánh, ông đã cống hiến hết mình cho việc nghiên cứu của mình với cùng kỹ năng đã giúp ông thành thạo việc giảng dạy trong các trường học. Cho đến lúc đó, anh đã cảm thấy một nhu cầu to lớn mà cả việc học tập kinh viện cũng như những lời dạy của nhà thờ đều không thể đáp ứng được. Trong Lời Chúa, Wycliffe đã tìm thấy điều mà trước đây anh đã tìm kiếm một cách vô ích. Trong đó, ông nhìn thấy kế hoạch cứu rỗi được tiết lộ và Chúa Kitô được thể hiện là Đấng biện hộ duy nhất cho con người. Ông đã hiến thân phục vụ Chúa Kitô và quyết tâm công bố những chân lý mà ông đã khám phá được.

Giống như những nhà cải cách trong tương lai, Wycliffe không thể đoán trước được nó sẽ dẫn đến đâu khi bắt đầu công việc của mình. Ông không cố tình đặt mình vào thế đối lập với La Mã. Nhưng sự tận tâm với sự thật không thể không khiến anh ta xung đột với sự giả dối. Càng nhận ra rõ ràng những sai sót của giáo hoàng, ông càng kiên quyết trình bày lời dạy của Kinh thánh. Ông thấy rằng Rôma đã đánh đổi Lời Chúa lấy truyền thống của con người. Không hề sợ hãi, Wycliffe cáo buộc giới tu sĩ đã cấm Kinh thánh và yêu cầu trả lại Kinh thánh cho dân chúng cũng như thẩm quyền của nó được thiết lập trong nhà thờ. Ông là một giáo viên có năng lực, nhiệt thành và là một nhà thuyết giáo có tài hùng biện. Cuộc sống hàng ngày của ông là một minh chứng rõ ràng cho những lẽ thật mà ông đã công bố. Sự hiểu biết về Kinh Thánh, khả năng lý luận mạnh mẽ, đời sống trong sạch và lòng can đảm kiên cường đã khiến ông được mọi người quý trọng và tin tưởng. Nhiều người không hài lòng với đức tin trước đây của họ khi họ nhìn thấy sự gian ác đang thịnh hành trong Giáo hội La Mã, và họ hoan nghênh với niềm vui không che giấu những sự thật do Wycliffe trình bày. Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo Papist trở nên tức giận khi nhận ra rằng nhà cải cách này đang có ảnh hưởng lớn hơn họ.

Wycliffe là một người phát hiện sai sót nhạy bén và đã dũng cảm tấn công nhiều hành vi lạm dụng được chính quyền Rome trừng phạt. Khi giữ chức vụ tuyên úy của nhà vua, ông đã có lập trường dũng cảm chống lại việc nộp cống nạp mà giáo hoàng yêu cầu từ chủ quyền nước Anh, đồng thời cho thấy rằng tuyên bố của giáo hoàng về quyền lực đối với những người cai trị thế tục là trái ngược với cả lý trí và sự mặc khải. Những yêu cầu của giáo hoàng đã gây ra sự phẫn nộ lớn và những lời dạy của Wycliffe đang gây ảnh hưởng đến các nhà lãnh đạo quốc gia. Nhà vua và các quý tộc thống nhất phủ nhận những yêu sách của giáo hoàng về quyền lực tạm thời và từ chối cống nạp.

Vì vậy, một đòn mạnh đã giáng vào quyền lực tối cao của Giáo hoàng ở Anh.

Một tội ác khác mà nhà cải cách đã tiến hành một cuộc chiến lâu dài và kiên quyết chống lại đó là việc thiết lập trật tự của các tu sĩ khất sĩ. Những anh em này tràn ngập nước Anh, cản trở sự vĩ đại và thịnh vượng của đất nước. Công nghiệp, giáo dục, đạo đức, mọi thứ đều bị ảnh hưởng có hại. Cuộc sống nhàn rỗi và ăn xin của các nhà sư không chỉ tiêu hao tài nguyên của người dân mà còn coi thường công việc sản xuất. Tuổi trẻ đã mất tinh thần và hư hỏng. Nhờ ảnh hưởng của các tu sĩ, nhiều người đã bị lôi kéo vào tu viện và cống hiến đời sống tu viện, và điều này không những không có sự đồng ý của cha mẹ họ mà còn mà họ không hề hay biết và trái với mệnh lệnh của họ. Một trong những vị giáo phụ đầu tiên của Giáo hội La Mã, nhấn mạnh những yêu sách của đời sống đan tu trên những nghĩa vụ của lòng hiếu thảo và bổn phận, đã tuyên bố: "Mặc dù cha bạn nằm trước cửa nhà bạn, khóc lóc và than thở, và mẹ bạn chỉ cho bạn thấy thi thể đã che chở cho bạn và bộ ngực đã nuôi dưỡng bạn, hãy đặt chúng dưới chân bạn và đi thẳng đến Chúa Kitô". "Bởi sự vô nhân đạo khủng khiếp này", như Luther sau này đã đặt tên cho nó, "có mùi sói và sự chuyên chế hơn là của Cơ đốc giáo và con người", trái tim của những đứa trẻ đã chai đá chống lại cha mẹ chúng. Vì vậy, các nhà lãnh đạo giáo hoàng, giống như những người Pha-ri-si ngày xưa, đã gạt bỏ điều răn của Chúa vì lý do của họ.

truyền thống. Vì vậy, nhà cửa trở nên hoang tàn và cha mẹ không được bầu bạn cùng con trai và con gái của họ.

Ngay cả sinh viên tại các trường đại học cũng bị lừa dối bởi những lời trình bày sai trái của các nhà sư và bị xúi giục gia nhập giáo đoàn của họ. Nhiều người sau này đã hối hận vì hành động của mình vì đã hủy hoại cuộc đời mình và mang lại đau buồn cho cha mẹ. Nhưng một khi đã mắc vào bẫy thì họ không thể có được tự do. Nhiều bậc cha mẹ vì lo sợ ảnh hưởng của các nhà sư nên đã từ chối cho con đi học đại học. Số lượng học sinh theo học tại các trung tâm giáo dục lớn đã giảm. Trường học bị đập tắt và sự thiếu hiểu biết chiếm ưu thế.

Đức Thánh Cha đã ban cho các tu sĩ này quyền được xưng tội và ban ơn tha thứ. Điều này đã trở thành nguồn gốc của tội ác lớn lao. Với mong muốn tăng thu nhập của mình, các anh em sẵn sàng ban lệnh xá tội đến nỗi đủ loại tội phạm đã tìm đến họ, tình trạng này dẫn đến sự gia tăng nhanh chóng của những tệ nạn tồi tệ nhất. Những người bệnh tật và người nghèo phải chịu đau khổ, trong khi những khoản quyên góp được cho là để giảm bớt nhu cầu của họ lại được chuyển đến các nhà sư, những người đe dọa đòi người dân quyên góp, tố cáo sự vô đạo của những người đã từ chối bố thí theo mệnh lệnh của họ. Bất chấp sự nghèo khó của họ, sự giàu có của các tu sĩ không ngừng tăng lên, và những tòa nhà nguy nga cùng những chiếc bàn xa hoa của họ càng làm cho tình trạng nghèo đói ngày càng gia tăng của quốc gia trở nên rõ ràng hơn. Và, trong khi họ đang sống trong sự xa hoa và lạc thú, họ đã gửi những người đàn ông dốt nát đến thay họ, những người chỉ có thể kể những câu chuyện, truyền thuyết hấp dẫn và pha trò để mua vui cho mọi người và khiến họ càng tin tưởng hơn vào các nhà sư. Tuy nhiên, các tu sĩ vẫn tiếp tục kiểm soát đám đông mê tín, khiến họ tin rằng tất cả các nghĩa vụ tôn giáo đều được bao gồm trong sự công nhận quyền tối cao của Giáo hoàng, trong việc tôn thờ các vị thánh và quyên góp cho các tu sĩ, và điều này đủ để đảm bảo cho họ một vị trí trên Thiên đường.

Những người khôn ngoan và ngoan đạo đã nỗ lực vô ích để mang lại một cuộc cải cách trong các dòng tu này, nhưng Wycliffe, với tầm nhìn rõ ràng hơn, đã tấn công vào tận gốc rễ của cái ác bằng cách tuyên bố rằng bản thân hệ thống này là sai lầm và phải bị bãi bỏ. Cuộc thảo luận và điều tra đã được khơi dậy. Khi các tu sĩ đi khắp đất nước để ban lệnh ân xá của Giáo hoàng, nhiều người đã nghi ngờ khả năng nhận được sự tha thứ bằng tiền và hỏi liệu họ nên tìm kiếm sự tha thứ từ Chúa hay giáo hoàng La Mã. Không ít người cảnh giác trước khả năng của các tu sĩ, những người mà lòng tham không có giới hạn. Họ nói: "Các tu sĩ và giám mục của Rome đang nuốt chửng chúng tôi như một căn bệnh ung thư. Đức Chúa Trời phải giải cứu chúng ta nếu không dân chúng sẽ bị diệt vong." Để che đậy lòng tham của mình, các tu sĩ khát sí này tuyên bố noi gương Đấng Cứu Thế, tuyên bố rằng Chúa Giêsu và các môn đệ của Ngài đã được lòng bác ái của dân chúng ủng hộ. Sự giả vờ này đã gây tổn hại cho chính nghĩa của họ, vì nó khiến nhiều người đến với Kinh thánh để tự mình tìm hiểu sự thật—một kết quả mà La Mã ít mong muốn nhất so với tất cả những người khác. Tâm trí của con người hướng về Nguồn của sự thật, điều mà người La Mã đang che giấu.

Tuy nhiên, Wycliffe bắt đầu viết và xuất bản các chuyên luận chống lại các tu sĩ, không quá để tranh cãi với họ mà nhằm thu hút tâm trí của mọi người đến với những lời dạy của Kinh thánh và Tác giả của nó. Ông khẳng định rằng quyền lực ân xá hoặc vạ tuyệt thông thuộc về giáo hoàng không ở mức độ nào lớn hơn các linh mục thông thường, và rằng không ai có thể bị vạ tuyệt thông thực sự trừ khi người đó trước tiên phải chịu sự lên án của Thiên Chúa. Không có cách nào hiệu quả hơn ông ta có thể thực hiện việc phá hủy cơ cấu thống trị khổng lồ về mặt vật chất và tinh thần mà Giáo hoàng đã dựng lên, trong đó linh hồn và thể xác của hàng triệu người bị giam giữ.

Một lần nữa Wycliffe được triệu tập để bảo vệ quyền lợi của vương miện Anh trước sự can thiệp từ Rome và, được bổ nhiệm làm đại sứ hoàng gia, ông đã dành hai

năm ở Hà Lan, trong cuộc hội thảo với các đại biểu của Giáo hoàng. Tại đây, ông bắt đầu giao tiếp với các giáo sĩ ở Pháp, Ý và Tây Ban Nha, đồng thời có cơ hội xem xét tình hình và thu thập kiến thức về nhiều điều mà ông đã giấu kín ở Anh. Anh đã học được rất nhiều điều làm cơ sở cho công việc sau này của mình.

Ở những người đại diện của triều đình giáo hoàng này, ông đọc được tính cách thực sự và mục đích của hệ thống cấp bậc. Sau đó, ông trở lại Anh để lặp lại những lời dạy trước đó của mình một cách cởi mở hơn và nhiệt tình hơn, tuyên bố rằng lòng tham, niềm tự hào và sự lừa đảo là những vị thần của La Mã.

Trong một chuyên luận của mình, khi nói về giáo hoàng và những nhà sư tập của ông, ông nói: "Họ lấy đi từ vùng đất của chúng ta sự hỗ trợ của những người nghèo và hàng nghìn mác hàng năm, cũng như tiền của nhà vua, cho các bí tích và những điều tâm linh, vốn là tà giáo đáng nguyên rủa của tôn giáo, và khiến tất cả các tôn giáo theo đạo Cơ đốc đều ủng hộ và duy trì tà giáo của họ. Trên thực tế, ngay cả khi vương quốc của chúng ta sở hữu một núi vàng khổng lồ và không có người đàn ông nào khác nắm giữ nó, ngoại trừ người sưu tập của vị linh mục kiêu hãnh và thể tục này, theo thời gian, sự cao quý này sẽ cạn kiệt, vì anh ta lấy hết tiền từ chúng ta. Đất đai và Ngài không trả lại gì ngoài lời nguyên của Chúa vì tội giao thánh của mình."

Ngay sau khi trở về Anh, Wycliffe nhận được sự bổ nhiệm từ nhà vua đến hiệu trưởng Lutterworth. Đây là điều chắc chắn rằng ít nhất thì quốc vương không hề khó chịu trước những bài phát biểu rõ ràng của ông. Ảnh hưởng của Wycliffe được thể hiện trong việc định hình hành động của tòa án cũng như niềm tin của quốc gia.

Sấm sét của Giáo hoàng đã nhanh chóng ném vào anh ta. Ba con bò đực được phái đến Anh - một đến trường đại học, một đến nhà vua và một đến các quan chức - tất cả đều ra lệnh cho các biện pháp tức thời và dứt khoát để bịt miệng người thầy tà giáo. Tuy nhiên, trước khi những con bò đực đến, các giám mục, với lòng nhiệt thành, đã triệu tập Wycliffe đến trình diện trước mặt họ để xét xử. Nhưng hai trong số những hoàng tử quyền lực nhất vương quốc đã đi cùng anh ta đến tòa án, và người dân, bao vây tòa nhà và xông vào nó một cách dồn dập, khiến các thẩm phán đe dọa đến mức thủ tục tố tụng tạm thời bị đình chỉ, và Wycliffe được phép ra đi trong hòa bình.

Ngay sau đó, Edward III qua đời, người mà các giám mục lợi dụng tuổi cao của ông đã cố gắng gây ảnh hưởng chống lại nhà cải cách, và một người từng bảo vệ Wycliffe đã trở thành nhiếp chính của quốc gia.

Nhưng sự xuất hiện của những con bò đực của giáo hoàng đã đặt ra một mệnh lệnh bắt buộc phải bỏ tù những kẻ dị giáo trên khắp nước Anh. Những phép đo này hướng thẳng vào đồng lửa. Có vẻ như chắc chắn Wycliffe sẽ sớm trở thành nạn nhân của sự báo thù của Rome.

Nhưng Đấng đã từng tuyên bố trong quá khứ: "Đừng sợ. Ta là tấm khiên che chắn của con" (Sáng Thế Ký 15:1) một lần nữa giơ tay ra để bảo vệ tôi tớ Ngài. Cái chết đã đến, không phải với nhà cải cách, mà với vị giáo hoàng, người đã ra lệnh tiêu diệt ông ta. Gregory XI qua đời và các giáo sĩ tụ tập để xét xử Wycliffe đã giải tán.

Sự quan phòng của Thiên Chúa cũng thúc đẩy các sự kiện tạo cơ hội cho cuộc Cải cách phát triển. Sau cái chết của Gregory là sự bầu cử của hai giáo hoàng đối thủ. Hai thế lực xung đột nhau, mỗi thế lực đều được cho là không thể sai lầm, giờ đây đòi hỏi sự phục tùng. Mỗi người kêu gọi các tín hữu giúp anh ta tiến hành chiến tranh chống lại người khác, cũng cố các yêu cầu của anh ta bằng những lời nguyên rủa khủng khiếp chống lại kẻ thù của mình và những lời hứa về phần thưởng trên Thiên đường cho những ai ủng hộ anh ta. Những sự kiện này đã làm suy yếu đáng kể quyền lực của giáo hoàng. Các phe đối địch đã làm mọi cách để tấn công lẫn nhau, và Wycliffe được nghỉ ngơi một thời gian. Những lời chỉ trích và buộc tội lan truyền từ giáo hoàng này sang giáo hoàng khác, và những dòng máu đã đổ ra để ủng hộ những tuyên bố trái ngược nhau của họ. Tội ác và tai tiếng tràn ngập nhà thờ.

Trong khi đó, nhà cải cách, trong nơi ẩn náu yên tĩnh tại giáo xứ của ông ở Lutterworth,

làm việc siêng năng để chuyển sự chú ý của người dân từ các giáo hoàng tranh giành sang Chúa Giêsu, Hoàng tử Hòa bình.

Cuộc ly giáo, với tất cả sự ganh đua và tham nhũng mà nó gây ra, đã dọn đường cho cuộc Cải cách, giúp người dân nhận ra ai là giáo hoàng thực sự. Trong một chuyên luận mà ông đã xuất bản, "Sự ly giáo của các Giáo hoàng", Wycliffe kêu gọi mọi người xem xét liệu hai linh mục này có nói sự thật khi lên án nhau là Kẻ phản Kitô hay không. Ông nói: "Ma quỷ không còn ngự trị trong một mà là hai linh mục; cầu mong loài người, nhân danh Chúa Kitô, vượt qua cả hai."

Wycliffe, giống như Thầy của mình, đã rao giảng phúc âm cho người nghèo. Không hài lòng với việc truyền bá ánh sáng trong những ngôi nhà khiêm tốn trong giáo xứ của mình ở Lutterworth, ông bắt đầu đưa nó đến mọi miền của nước Anh. Để thực hiện ý định này, ông đã tổ chức một nhóm những nhà truyền giáo giản dị, sùng đạo, yêu mến lẽ thật và không muốn gì hơn ngoài việc phổ biến nó. Những người này đi khắp nơi, giảng dạy ở chợ, trên đường phố ở các thành phố lớn và trong các ngõ hẻm ở nông thôn. Họ đi tìm người già, người bệnh và người nghèo và truyền đạt cho họ tin mừng về ân sủng của Thiên Chúa.

Là giáo sư thần học tại Oxford, Wycliffe đã thuyết giảng Lời Chúa trong hội trường của trường đại học. Vì vậy, ngài đã trung thành tiết lộ sự thật cho các học trò dưới sự chăm sóc của mình đến nỗi ngài nhận được danh hiệu "Tiến sĩ Tin Mừng". Nhưng công việc vĩ đại nhất trong đời ông là dịch Kinh thánh sang tiếng Anh. Trong tác phẩm có tựa đề Sự thật và ý nghĩa của Kinh thánh, ông bày tỏ ý định dịch Kinh thánh để mọi người ở Anh có thể đọc được cuốn sách tuyệt vời bằng tiếng mẹ đẻ của mình.

công việc của Thiên Chúa.

Nhưng đột nhiên, công việc của họ bị gián đoạn. Dù chưa đến sáu mươi tuổi nhưng sự lao碌, học hành không ngừng và sự tấn công của kẻ thù đã làm hao mòn sức lực của ông và khiến ông già đi sớm. Wycliffe bị một căn bệnh nguy hiểm tấn công. Tin tức này đã tạo ra một niềm hân hoan lớn lao trong các anh em.

Bây giờ, họ nghĩ, anh ta sẽ cay đắng ăn năn về những tổn hại mà anh ta đã gây ra cho nhà thờ; họ nhanh chóng đến nơi ở của anh để nghe anh xưng tội. Đại diện của bốn dòng tu, cùng với sáu quan chức dân sự, tập trung xung quanh người đàn ông được cho là sắp chết. Họ nói: "Miệng của bạn có cái chết.

"Hãy thừa nhận lỗi lầm của bạn và rút lại trước mặt chúng tôi tất cả những gì bạn đã nói gây bất lợi cho chúng tôi." Nhà cải cách im lặng lắng nghe rồi ra lệnh cho người trợ lý nhắc ông ra khỏi giường; chăm chú nhìn họ trong khi chờ đợi sự tử chức của ngài, ngài nói bằng một giọng chắc nịch và mạnh mẽ, điều thường khiến họ run sợ: "Tôi sẽ không chết, nhưng tôi sẽ sống và tuyên bố những hành động xấu xa của các anh em." Ngạc nhiên và xấu hổ, các nhà sư nhanh chóng rời khỏi phòng.

Lời của Wycliffe đã trở thành sự thật. Ông sống để trao vào tay đồng bào của mình thứ vũ khí mạnh nhất chống lại La Mã, để trao cho họ Kinh thánh, công cụ được Thiên đường chỉ định để giải phóng, soi sáng và truyền giáo cho dân chúng.

Có rất nhiều trở ngại lớn phải vượt qua để thực hiện công việc này. Wycliffe bị bệnh tật đè nặng và biết rằng mình chỉ còn vài năm nữa để hoàn thành công việc; ông nhìn thấy sự chống đối mà ông phải đối mặt, nhưng, được khích lệ bởi những lời hứa của Lời Chúa, ông tiến về phía trước mà không sợ hãi bất cứ điều gì. Với sức mạnh dồi dào của trí tuệ và kinh nghiệm phong phú, ông đã được Chúa quan phòng đặc biệt gìn giữ và chuẩn bị cho công việc vĩ đại nhất của mình. Trong khi toàn bộ Kitô giáo đang chìm trong tình trạng hỗn loạn, nhà cải cách, trong giáo xứ của mình ở Lutterworth, không để ý đến cơn bão đang hoành hành bên ngoài mà chỉ tập trung vào nhiệm vụ được giao.

Cuối cùng công việc đã hoàn thành - bản dịch Kinh thánh đầu tiên được thực hiện. Lời Chúa đã được mở ra cho nước Anh. Người cải cách bây giờ không sợ tù hay cọc.

Ông đã đặt vào tay nhân dân Anh một ngọn đèn không bao giờ tắt. Khi trao tặng Kinh thánh cho những người đồng hương của mình, Wycliffe đã làm được nhiều điều hơn để phá vỡ xiềng xích của sự thiếu hiểu biết và thói xấu, để giải phóng và nâng cao đất nước của mình hơn là những chiến thắng rực rỡ nhất trên chiến trường.

Vì nghệ thuật in ấn vẫn chưa được biết đến nên chỉ có thể nhân bản Kinh Thánh bằng cách làm việc chậm chạp và mệt nhọc. Sự quan tâm đến việc có được cuốn sách lớn đến mức nhiều người đã tự nguyện tham gia vào công việc chép lại nó, nhưng thật khó để những người sao chép có thể đáp ứng được nhu cầu. Một số người mua giàu có nhất muốn có toàn bộ cuốn Kinh thánh. Những người khác chỉ mua một phần. Trong nhiều trường hợp, nhiều gia đình cùng nhau mua một cuốn. Vì vậy, Kinh thánh của Wycliffe nhanh chóng được đưa đến tận nhà mọi người.

Sự hấp dẫn đối với lý trí của con người đã thức tỉnh họ khỏi sự phục tùng thụ động trước những giáo điều của giáo hoàng. Lúc này Wycliffe dạy những học thuyết đặc biệt của đạo Tin lành-sự cứu rỗi nhờ đức tin nơi Đấng Christ và tính không thể sai lầm duy nhất của Kinh thánh. Những nhà thuyết giáo mà ông cử đã lưu hành Kinh thánh, cùng với các tác phẩm của nhà cải cách, với thành công đến mức đức tin mới đã được gần một nửa dân số nước Anh chấp nhận.

Sự xuất hiện của Kinh thánh khiến chính quyền nhà thờ phải lo sợ. Bây giờ họ phải đối mặt với một công cụ mạnh hơn Wycliffe rất nhiều, một đặc vụ mà vũ khí của họ ít được sử dụng. Vào thời điểm đó, ở Anh không có luật cấm Kinh Thánh vì trước đó nó chưa bao giờ được xuất bản bằng tiếng Anh.

phổ biến. Những luật như vậy sau đó đã được tạo ra và thực thi nghiêm ngặt. Trong khi đó, bất chấp nỗ lực của các linh mục, đôi khi vẫn có cơ hội để Lời Chúa được lưu hành.

Một lần nữa các nhà lãnh đạo giáo dân lại âm mưu làm im lặng tiếng nói của nhà cải cách. Anh ta liên tiếp được triệu tập để trình diện trước ba tòa án, nhưng đều vô ích. Đầu tiên, một hội đồng giám mục tuyên bố các bài viết của ông là dị giáo và thu phục vị vua trẻ Richard II về phía họ, nhận được sắc lệnh hoàng gia kết án bỏ tù tất cả những ai tuân theo các học thuyết bị lên án.

Wycliffe đã kháng cáo từ thượng hội đồng lên Quốc hội. Không hề sợ hãi, ông đã tố cáo hệ thống phân cấp trước hội đồng quốc gia và kêu gọi cải cách chống lại những hành vi lạm dụng to lớn mà nhà thờ đã trừng phạt. Với sức mạnh thuyết phục, ông đã miêu tả những hành vi chiếm đoạt và tham nhũng của giáo hoàng. Kẻ thù của ông đã bối rối. Bạn bè và những người ủng hộ Wycliffe buộc phải phục tùng, và bản thân nhà cải cách, ở tuổi cao, đơn độc và không có bạn bè, được cho là sẽ tự tin cúi đầu trước quyền lực tổng hợp của vương miện và mũ miện. Nhưng thay vào đó những người theo chủ nghĩa giáo hoàng lại thấy mình bị đánh bại. Nghị viện, bị đánh thức bởi những lời kêu gọi gây chấn động của Wycliffe, đã bãi bỏ sắc lệnh đàn áp, và nhà cải cách một lần nữa được trả tự do.

Lần thứ ba, anh ta bị đưa ra xét xử, và bây giờ là trước tòa án giáo hội cao nhất của vương quốc. Ở anh ta không có sự ưu ái nào đối với dị giáo.

Cuối cùng, trong đó, La Mã sẽ chiến thắng và công việc của nhà cải cách sẽ bị dừng lại. Những người theo chủ nghĩa giáo hoàng đã nghĩ như vậy. Nếu họ có thể hoàn thành mục đích của mình, Wycliffe sẽ buộc phải từ bỏ học thuyết của mình hoặc để tòa án đó trực tiếp chìm trong biển lửa.

Nhưng Wycliffe không rút lui; anh ta không thể sử dụng sự che giấu. Ông đã đứng cảm duy trì những lời dạy của mình và bác bỏ những lời buộc tội của những kẻ bức hại ông. Đánh mất bản thân cũng như địa vị của mình, anh ta triệu tập những người nghe mình trước tòa án thiêng liêng và cân nhắc những lời nguy hiểm và lừa dối của họ trên thang đo của sự thật vĩnh cửu. Quyền năng của Đức Thánh Linh được cảm nhận trong hội trường đó. Một niềm đam mê thiên đường thống trị người nghe của anh ấy. Họ dường như không có sức mạnh để rời khỏi nơi này. Giống như những mũi tên từ ống tên của Chúa, lời nói của nhà cải cách xuyên thấu tâm hồn họ. Lời buộc tội dị giáo mà họ đã gán cho anh ta đã được đổ lại cho chính họ. Mỗi

ông hỏi ai đã dám truyên bá lỗi lầm của họ? Vì lợi ích, để tiếp thị ân sủng của Thiên Chúa.

Cuối cùng anh ấy nói: "Anh nghĩ anh đang tranh giành với ai? Với một ông già bên bờ mộ? KHÔNG! Với sự thật, sự thật mạnh hơn bạn và sẽ chiến thắng bạn." Nói xong, ông rút lui khỏi hội nghị và không một đối thủ nào cố gắng ngăn cản ông.

Công việc của Wycliffe gần như đã hoàn thành; ngọn cờ sự thật mà anh mang theo bấy lâu nay gần như rơi khỏi tay anh. Nhưng một lần nữa anh ta phải làm chứng cho phúc âm. Sự thật phải được công bố từ chính thành trì của vương quốc sai lầm. Wycliffe được triệu tập đến trình diện trước tòa án giáo hoàng ở Rome, nơi thường xuyên phải đổ máu các vị thánh. Anh ta không hề nhận thức được mối nguy hiểm đang đe dọa mình, tuy nhiên, anh ta sẽ tuân theo lệnh triệu tập nếu không phải vì một cơn tê liệt khiến anh ta không thể thực hiện được chuyến đi. Nhưng dù ở Rome không ai có thể nghe thấy giọng nói của ông, ông vẫn có thể nói chuyện bằng thư. Và anh ấy đã làm như vậy.

Từ nhà xứ của mình, nhà cải cách đã viết một lá thư cho giáo hoàng, trong khi có ngữ điệu tôn trọng và tinh thần Kitô giáo, nhưng lại là một lời khiển trách gay gắt đối với sự hào hoa và kiêu hãnh của giáo hoàng. Ông nói: "Thật sự, tôi vui mừng được mở ra và tuyên bố cho mọi người đức tin mà tôi nắm giữ, đặc biệt là với Giám mục Rôma, người mà tôi cho là ngay thẳng và chân thật, sẽ sẵn lòng xác nhận cái gọi là đức tin của tôi, hoặc , nếu sai sẽ sửa lại. Thứ nhất, tôi tin rằng phúc âm của Chúa Kitô là toàn bộ luật pháp của Thiên Chúa... Tôi nói và khẳng định rằng giám mục của Rome, vì ông là đại diện của Chúa Kitô ở đây trên Trái đất, được liên kết nhiều hơn tất cả mọi người với luật phúc âm. Vì sự cao trọng giữa các môn đệ của Chúa Kitô không hệ tại ở phẩm giá hay danh dự trần thế, nhưng ở việc theo Chúa Kitô một cách chính xác và rất chặt chẽ trong đời sống và thái độ của Ngài... Chúa Kitô, vào thời điểm Ngài hành hương ở đây, là người nghèo nhất, bị khinh thường và khước từ. tất cả danh dự và quyền thống trị trần thế."

"Không một người trung thành nào được theo chính giáo hoàng hoặc bất kỳ vị thánh nào khác, ngoại trừ những điểm mà người đó đã theo Chúa Giêsu Kitô. Vì Phi-e-rơ và các con trai Giê-bê-đê, vì ham muốn danh vọng thế gian, trái ngược với việc theo bước chân Đấng Christ, đã phạm tội, và do đó không nên phạm những lỗi lầm này."

"Giáo hoàng phải để lại mọi quyền thống trị và cai trị thế tục cho quyền lực thế tục, và vì mục đích này, ngài phải thuyết phục và khuyến khích một cách hiệu quả tất cả các giáo sĩ của mình, như Chúa Kitô đã làm và đặc biệt là các tông đồ của Ngài."

"Nếu tôi phạm sai lầm ở bất kỳ điểm nào trong số này, tôi sẽ khiêm tốn chấp nhận sự sửa chữa và thậm chí là cái chết, nếu cần thiết. Nếu tôi có thể làm việc theo ý muốn và ước muốn của mình, chắc chắn tôi sẽ trình diện trước Giám mục Rôma. Nhưng Chúa lại muốn khác và dạy tôi vâng lời Chúa hơn là vâng lời người ta".

Cuối cùng, Wycliffe nói: "Chúng ta hãy cầu nguyện với Chúa là Thiên Chúa của chúng ta, rằng Ngài sẽ thúc đẩy Đức Giáo Hoàng của chúng ta, Urban VI, như ngài đã làm, để cùng với hàng giáo sĩ của mình, ngài có thể noi gương Chúa Giêsu Kitô trong cuộc sống và thái độ, và rằng họ có thể dạy dân chúng một cách hiệu quả, và rằng họ cũng có thể trung thành tuân theo họ."

Do đó, Wycliffe đã trình bày với giáo hoàng và các hồng y của ngài về sự hiền lành và khiêm tốn của Chúa Kitô, không chỉ cho họ mà còn cho toàn thể Kitô giáo thấy sự tương phản giữa họ và Thầy mà họ tuyên xưng là đại diện.

Wycliffe chắc chắn đã mong đợi rằng mạng sống của mình sẽ phải trả giá bằng lòng chung thủy. Nhà vua, giáo hoàng và các giám mục đã thống nhất thúc đẩy sự hủy hoại của ông ta, và có vẻ như chắc chắn rằng khoảng cách giữa ông ta và cây cọc nhiều nhất là vài tháng. Nhưng lòng dũng cảm của anh là không thể lay chuyển. "Tại sao bạn lại nói về việc tìm kiếm vương miện tử đạo xa xôi?" anh nói. "Hãy rao giảng phúc âm của Chúa Kitô cho các vị giám chức kiêu ngạo và việc tử đạo sẽ không

sẽ bị thiếu. Cái gì! Có nên sống và im lặng... Không bao giờ! Hãy để đòn đánh được thực hiện.

Tôi đang đợi sự xuất hiện của bạn."

Nhưng sự quan phòng của Chúa vẫn che chở tôi tớ Ngài. Con người suốt đời đã đứng cảm đứng lên bảo vệ sự thật, trước những hiểm nguy hàng ngày của cuộc sống, đã không trở thành nạn nhân trước lòng căm thù của kẻ thù. Wycliffe chưa bao giờ tìm cách bảo vệ mình, nhưng Chúa luôn là người bảo vệ anh. Và bây giờ, khi kẻ thù đã chắc chắn về con mồi của mình, bàn tay của Chúa đã đưa anh ta ra khỏi tầm tay của chúng. Tại nhà thờ của ông ở Lutterworth, khi chuẩn bị rước lễ, ông bị liệt và sớm từ bỏ mạng sống.

Chúa đã giao cho Wycliffe công việc của mình. Ông đã đặt lời lẽ thật vào miệng mình và có người canh gác xung quanh để lời này có thể đến được với mọi người. Mạng sống của ông được bảo vệ và công việc của ông kéo dài cho đến khi đặt nền móng cho công cuộc Cải cách vĩ đại.

Wycliffe nổi lên từ bóng tối của Thời kỳ Đen tối. Trước ông, không có ai có thể giúp ông định hình hệ thống cải cách của mình bằng công việc của mình. Được thúc đẩy, giống như Gioan Tẩy Giả, để thực hiện một sứ mệnh đặc biệt, ông là người báo trước một kỷ nguyên mới. Tuy nhiên, trong hệ thống chân lý mà ông trình bày có sự thống nhất và toàn vẹn mà những nhà cải cách theo sau ông không thể vượt qua, và một số người thậm chí một trăm năm sau cũng không đạt được. Nền móng đã được đặt rộng và sâu, cấu trúc vững chắc và chân thực đến mức những người đến sau ông không cần phải xây dựng lại.

Phong trào vĩ đại mà Wycliffe đã phát động nhằm giải phóng lương tâm và trí tuệ, đồng thời giải phóng các quốc gia từ lâu đã bị trói buộc bởi cỗ xe quái đản của Rome, có nguồn gốc từ Kinh thánh. Đây là nguồn gốc của dòng phước lành, giống như dòng nước sự sống, đã chảy từ thế kỷ XIV. Wycliffe chấp nhận Kinh thánh với đức tin ngăm như sự mặc khải được soi dẫn về ý muốn của Đức Chúa Trời, quy luật đầy đủ của đức tin và thực hành. Ông đã được giáo dục để tôn trọng nhà thờ Rome như một cơ quan có thẩm quyền thiêng liêng và không thể sai lầm, đồng thời chấp nhận với lòng tôn kính không nghi ngờ gì những lời dạy và phong tục đã được thiết lập từ một thiên niên kỷ trước. Nhưng ông đã từ bỏ tất cả những điều này để nghe Lời Thánh của Thiên Chúa. Đây là quyền lực mà ông kêu gọi mọi người thừa nhận.

Thay vì giáo hội lên tiếng thông qua giáo hoàng, ông tuyên bố rằng thẩm quyền thực sự duy nhất phải là tiếng nói của Chúa phán qua Lời Ngài. Và ông không chỉ dạy rằng Kinh thánh là sự mặc khải hoàn hảo về ý muốn của Đức Chúa Trời, mà còn dạy rằng Đức Thánh Linh là Người thông dịch duy nhất và rằng mọi người, qua việc nghiên cứu những lời dạy trong Kinh thánh, phải học biết bản phận của chính mình. Bằng cách này, Wycliffe đã chuyển tâm trí của mọi người từ Giáo hoàng và nhà thờ ở Rome sang Lời Chúa.

Ông là một trong những nhà cải cách vĩ đại nhất. Về bề rộng trí tuệ, tư tưởng sáng suốt, sự kiên định trong việc bảo vệ sự thật và sự dũng cảm khi bảo vệ nó, ông ít ai sánh bằng với ông. Sự trong sạch của cuộc sống, sự siêng năng không mệt mỏi trong học tập và làm việc, sự chính trực không thể mua chuộc, tình yêu Kitô giáo và lòng trung thành trong chức vụ của mình, là đặc điểm của những người cải cách đầu tiên. Và điều này bất chấp sự mù mờ về trí tuệ và sự băng hoại đạo đức của thời đại ông đang sống.

Nhân vật Wycliffe là minh chứng cho sức mạnh giáo dục và biến đổi của Kinh Thánh. Chính Kinh thánh đã tạo nên con người của anh ấy. Nỗ lực hiểu biết những chân lý vĩ đại của sự mặc khải mang lại sự tươi mới và sinh lực cho mọi khả năng. Nó mở rộng tâm trí, mài giũa nhận thức và rèn luyện khả năng phán đoán. Việc nghiên cứu Kinh Thánh sẽ nâng cao mọi suy nghĩ, cảm xúc và khát vọng mà không một nghiên cứu nào khác có thể làm được. Ngài ban cho sự ổn định về mục đích, sự kiên nhẫn, lòng can đảm và sức mạnh; nó rèn luyện tính cách và thánh hóa tâm hồn. Nghiên cứu Kinh thánh một cách cẩn thận và tôn kính-

đưa tâm trí tiếp xúc trực tiếp với Tâm trí Vô hạn - sẽ mang lại cho con người trên thế giới

trí tuệ mạnh mẽ và tích cực hơn, cũng như những nguyên tắc cao quý hơn bao giờ hết, là kết quả của quá trình đào tạo thành thạo nhất nhờ nguồn lực triết học của con người. Tác giả Thi Thiên nói: "Sự giải thích lời Chúa đem lại ánh sáng", "ban sự hiểu biết cho người đơn sơ" (Thi Thiên 119:130).

Những học thuyết do Wycliffe giảng dạy tiếp tục được lan rộng trong một thời gian. Những người theo ông, được biết đến với cái tên "Wycliphites hay Lollards", không chỉ vượt qua nước Anh mà còn lan sang các vùng đất khác mang theo kiến thức về phúc âm. Giờ đây người lãnh đạo của họ đã ra đi, những người thuyết giáo thậm chí còn làm việc nhiệt tình hơn trước, và đám đông kéo đến để nghe họ giảng dạy.

Một số người thuộc giới quý tộc, thậm chí cả vợ của nhà vua, cũng nằm trong số những người cải đạo. Ở nhiều nơi đã có một sự cải cách đáng chú ý trong cách cư xử của người dân, và những biểu tượng tôn thờ thần tượng của chủ nghĩa La Mã đã bị loại bỏ khỏi các nhà thờ. Nhưng chẳng bao lâu sau, một cơn bão bất bớ tàn khốc đã nổi ra trên những người dám chấp nhận Kinh Thánh là sự hướng dẫn của họ. Các quốc vương Anh, mong muốn củng cố quyền lực của mình thông qua sự ủng hộ của La Mã, đã không ngần ngại hy sinh những người cải cách. Lần đầu tiên trong lịch sử nước Anh, người ta ra lệnh đốt lửa trại để chống lại các môn đồ của Phúc âm. Tử đạo nối tiếp tử đạo. Những người ủng hộ sự thật, bị đặt ngoài vòng pháp luật và bị tra tấn, chỉ có thể trốn ra kêu vào tai Chúa các đạo quân. Bị săn đuổi như kẻ thù của nhà thờ và những kẻ phản bội vương quốc, họ tiếp tục rao giảng ở những nơi bí mật, tìm kiếm nơi trú ẩn tốt nhất có thể trong những ngôi nhà khiêm tốn của người nghèo, và thường ẩn náu ngay cả trong hồ và hang động.

Bất chấp cơn thịnh nộ bị bắt bớ, một cuộc biểu tình bình tĩnh, sùng đạo, nhiệt thành và kiên nhẫn chống lại sự băng hoại phổ biến của đức tin tôn giáo vẫn tiếp tục trong nhiều thế kỷ. Những Cơ-đốc nhân thời kỳ đầu đó chỉ hiểu biết một phần lẽ thật, tuy nhiên họ đã học cách yêu mến và vâng theo Lời Đức Chúa Trời, và kiên nhẫn chịu khổ vì Ngài. Giống như các môn đệ thời tông đồ, nhiều người đã hy sinh tài sản thế tục của mình vì Chúa Kitô. Những người được phép ở trong nhà riêng của họ vui vẻ che chở cho những người anh em bị trục xuất của họ, và khi họ cũng bị trục xuất, vui vẻ chấp nhận số phận của những người bị rút phép thông công.

Quả thật, hàng ngàn người, sợ hãi trước cơn thịnh nộ của những kẻ bách hại, đã giành được tự do nhờ hy sinh đức tin, và rời bỏ nhà tù trong trang phục của những người sám hối, để công khai việc từ bỏ của mình. Tuy nhiên, có một số lượng không nhỏ - kể cả những người xuất thân cao quý và những người có hoàn cảnh khiêm tốn - đã đứng cảm làm chứng cho sự thật trong ngục tối, trong "Tháp của Lollards" và giữa sự tra tấn và lửa cháy, vui mừng vì được sống. Được coi là xứng đáng để biết "sự tham gia vào những đau khổ của Ngài."

Những người theo chủ nghĩa giáo hoàng đã không thể áp đặt ý chí của họ lên Wycliffe trong suốt cuộc đời của anh ta, và lòng căm thù của họ không thể được thỏa mãn khi thi thể anh ta yên nghỉ trong nấm mồ. Theo sắc lệnh của Hội đồng Constance, hơn 40 năm sau cái chết của nhà cải cách, xương của ông được khai quật và đốt công khai và tro của ông được ném xuống một con suối gần đó. Một nhà văn cổ đại nói: "Dòng suối mang tro cốt của nó đến Avon, Avon đến Severn, Severn đến những vùng biển nhỏ và những vùng khác đến đại dương. Và vì vậy tro của Wycliffe là biểu tượng cho học thuyết của ông, hiện đang được phổ biến khắp thế giới." Kẻ thù ít hiểu được ý nghĩa của hành động độc ác của chúng.

Thông qua các bài viết của Wycliffe, John Huss, người Bohemia, đã từ bỏ nhiều sai lầm của Chủ nghĩa La Mã và tham gia vào công cuộc Cải cách. Như vậy, ở hai đất nước cách xa nhau này, hạt giống sự thật đã được gieo. Từ Bohemia công việc lan rộng đến những vùng đất khác. Tâm trí của đàn ông được hướng tới

Lời Chúa bị lãng quên từ lâu. Bàn tay thần thánh đang dọn đường cho cuộc Cải cách vĩ đại.

Chương 6

Huss và Jerome

Phúc âm đã được thành lập ở Bohemia ngay từ thế kỷ mới. Kinh thánh đã được dịch và việc thờ phượng công khai được tiến hành bằng ngôn ngữ của người dân. Nhưng khi quyền lực của giáo hoàng tăng lên thì Lời Chúa bị lu mờ. Gregory VII, người khoe khoang về việc "hủy diệt niềm kiêu hãnh của các vị vua", cũng không kém phần có ý định nô dịch người dân và do đó, đã lưu hành một sắc lệnh cấm thờ cúng công cộng bằng tiếng Bohemian. Đức Giáo Hoàng tuyên bố rằng "Thiên Chúa hài lòng vì việc thờ phượng Ngài được cử hành bằng một ngôn ngữ không rõ, và việc không tuân thủ quy tắc này đã dẫn đến nhiều tệ nạn và tà giáo." Do đó, Rôma ra lệnh tắt ánh sáng của Lời Chúa và giam giữ dân chúng. trong bóng tối. Nhưng Thiên đấng đã cung cấp những phương tiện khác để bảo tồn hội thánh.

Nhiều người theo chủ nghĩa Waldensians và Albigensians, bị đàn áp buộc phải rời bỏ nhà cửa ở Pháp và Ý, đã đến Bohemia. Dù không dám giảng dạy một cách công khai nhưng họ vẫn nhiệt tình làm việc trong bí mật. Như vậy đức tin đích thực đã được bảo tồn từ thế kỷ này sang thế kỷ khác.

Trước thời của Huss, ở Bohemia đã có nhiều người đứng lên công khai lên án nạn tham nhũng trong giáo hội và thói trụy lạc của người dân. Các tác phẩm của ông đã khơi dậy sự quan tâm rộng rãi. Nỗi sợ hãi về thứ bậc đã được đánh thức và

sự bách hại các môn đệ Tin Mừng. Buộc phải đi cúng trong rừng núi, họ bị quân lính truy lùng và nhiều người trong số họ đã bị giết.

Sau một thời gian, một sắc lệnh được ban hành đe dọa bất kỳ ai đi lạc khỏi giáo phái La Mã sẽ bị thiêu sống. Nhưng trong khi những người theo đạo Thiên chúa hy sinh mạng sống của mình, họ vẫn mong chờ chiến thắng cho chính nghĩa của mình. Một trong những người "dạy rằng sự cứu rỗi chỉ được tìm thấy nhờ đức tin vào Đấng Cứu Thế bị đóng đinh", đã tuyên bố khi chết: "Cơ thịnh nộ của kẻ thù của sự thật hiện đang tấn công chúng ta, nhưng nó sẽ không như thế này mãi mãi; một kẻ sẽ trỗi dậy đứng lên giữa dân chúng bình dân, không có gươm đao hay quyền lực, và họ sẽ không thể thắng được Ngài." Thời của Luther vẫn còn rất xa; nhưng ai đó đã nổi lên, ai đó có lời khai chống lại La Mã sẽ khuấy động các quốc gia.

João Huss có xuất thân khiêm tốn và mồ côi cha từ khi còn nhỏ do cái chết của cha mình. Người mẹ ngoan đạo của anh, coi trọng học vấn và sự kính sợ Chúa là tài sản quý giá nhất, đã tìm cách đảm bảo quyền thừa kế đó cho con trai mình. Huss học ở trường tỉnh, sau đó vào Đại học Praha, nơi anh được nhận vào học sinh nghèo. Anh được mẹ đi cùng trong chuyến đi; góa phụ và nghèo khó, không có tài sản thừa kế hay của cải trần thế để trao cho con trai mình. Nhưng khi họ đến gần thành phố lớn, cô quỳ xuống bên cạnh cậu thanh niên mồ côi cha và cầu xin Cha trên trời ban phúc lành cho cậu. Cô không hề tưởng tượng được lời cầu nguyện của mình sẽ được đáp lại như thế nào.

Tại trường Đại học, Huss sớm nổi bật nhờ sự chăm chỉ không biết mệt mỏi và sự tiến bộ nhanh chóng, trong khi cuộc sống không thể chê trách và cách cư xử nhẹ nhàng, lôi cuốn đã khiến anh được nhiều người đánh giá cao. Ông là một tín đồ chân thành của nhà thờ La Mã và là người nhiệt thành tìm kiếm những phước lành tinh thần mà nhà thờ này tuyên bố ban tặng. Nhân dịp mừng lễ kỷ niệm, anh đã đi xưng tội và lấy những đồng tiền cuối cùng trong số tiền tiết kiệm ít ỏi của mình. Ngài đã tham gia vào các cuộc rước để tham gia vào lời xá giải đã hứa. Sau khi học xong trung học, ngài vào chức linh mục. Nhanh chóng nổi tiếng, anh sớm được gọi vào triều đình. Ông cũng trở thành giáo sư và sau này là hiệu trưởng trường.

trường đại học nơi ông đã nhận được sự giáo dục của mình. Chỉ trong vài năm, cậu sinh viên nghèo đó đã trở thành niềm tự hào của đất nước và tên tuổi của cậu trở nên nổi tiếng khắp châu Âu.

Tuy nhiên, Huss đã bắt đầu công cuộc cải cách ở một lĩnh vực khác. Vài năm sau khi nhận chức linh mục, ông được bổ nhiệm làm linh mục giảng thuyết tại nhà nguyện Bêlem. Người sáng lập nhà nguyện đó đã bảo vệ việc rao giảng Kinh thánh bằng ngôn ngữ bình dân như một chủ đề có tầm quan trọng lớn. Bất chấp sự phản đối của Rome đối với hoạt động này, nó vẫn chưa hoàn toàn bị dừng lại ở Bohemia. Tuy nhiên, có sự thiếu hiểu biết lớn về Kinh thánh và những tội xấu tội tệ nhất vẫn phổ biến trong mọi người thuộc mọi tầng lớp xã hội. Huss đã công khai tố cáo những tệ nạn như vậy, kêu gọi Lời Chúa để củng cố các nguyên tắc về sự thật và sự trong sạch mà ông dự định thấm nhuần vào tâm trí mọi người.

Jerome, một công dân của Praha, người sau này trở nên thân thiết với Huss, khi trở về từ Anh, đã mang theo những bài viết của Wycliffe. Nữ hoàng Anh, người đã được cải đạo nhờ những lời dạy của Wycliffe, là một công chúa Bohemian và nhờ ảnh hưởng của bà, các tác phẩm của nhà cải cách cũng được lưu hành rộng rãi ở quê hương của bà. Huss đọc những tác phẩm này một cách thích thú và tin rằng tác giả của chúng là một Cơ đốc nhân chân thành. Ông có xu hướng xem xét những cải cách mà ông ủng hộ. Mặc dù không biết về điều đó nhưng Huss đã đi theo con đường đưa anh rời xa Rome.

Vào dịp đó, có hai người nước ngoài từ Anh đến Praha, những người biết rằng họ đã nhận được ánh sáng và đã đến để truyền bá nó ở vùng đất xa xôi đó. Bắt đầu bằng cuộc tấn công công khai vào quyền tối cao của giáo hoàng, họ nhanh chóng bị chính quyền im lặng; nhưng không chịu từ bỏ mục đích của mình, họ đã dùng đến các biện pháp khác. Là nghệ sĩ cũng như nhà thuyết giáo, họ tiếp tục rèn luyện kỹ năng của mình. Ở một nơi mở cửa cho công chúng, họ đã vẽ hai bức tranh. Một người tượng trưng cho việc Đấng Christ vào thành Giê-ru-sa-lem, "hiền lành và ngồi trên lưng lừa" (Ma-thi-ơ 21:5), theo sau là các môn đồ của Ngài, đi chân trần và mặc quần áo đi đường. Bức còn lại cho thấy một cuộc rước kiệu của giáo hoàng, với Giáo hoàng mặc áo choàng sang trọng và đội ba vương miện, cưỡi một con ngựa được trang điểm lộng lẫy, đi trước là những người thổi kèn và theo sau là các hồng y và giám mục trong những đồ trang sức rực rỡ.

Đây là một bài giảng thu hút sự chú ý của tất cả các lớp. Đám đông đến chiêm ngưỡng các bức tranh. Không ai có thể không hiểu đạo lý, và nhiều người đã có ấn tượng sâu sắc trước sự tương phản giữa sự hiền lành và khiêm nhường của Chúa Kitô là Thầy với sự kiêu ngạo và kiêu ngạo của giáo hoàng, tôi tớ của Ngài. Có sự náo động lớn ở Praha và sau một thời gian, những người nước ngoài nhận thấy cần phải rời đi như một biện pháp vì sự an toàn của bản thân. Nhưng bài học họ đã dạy không hề bị lãng quên. Những bức tranh đã gây ấn tượng sâu sắc trong tâm trí Huss, khiến ông nghiên cứu kỹ hơn về Kinh thánh và các tác phẩm của Wycliffe. Mặc dù chưa chuẩn bị sẵn sàng để chấp nhận tất cả những cải cách do Wycliffe chủ trương, nhưng ông đã nhìn rõ hơn tính cách thực sự của giáo hoàng, và với lòng nhiệt thành hơn nữa, ông bắt đầu tố cáo tính kiêu ngạo, tham vọng và sự thối nát của hệ thống cấp bậc.

Từ Bohemia, ánh sáng lan sang Đức khi những vụ xáo trộn ở Đại học Praha khiến hàng trăm sinh viên Đức phải rút lui. Nhiều người trong số họ đã nhận được kiến thức đầu tiên về Kinh thánh từ Huss, và khi trở về, họ đã truyền bá phúc âm tại quê hương của mình.

Tin tức về công việc ở Praha được truyền đến Rome, và Huss nhanh chóng nhận được lệnh triệu tập đến trình diện trước mặt giáo hoàng. Tuân theo sẽ là tự đặt mình vào cái chết chắc chắn. Nhà vua và hoàng hậu của Bohemia, trường Đại học, các thành viên của giới quý tộc và các quan chức chính phủ đã đoàn kết kêu gọi giáo hoàng cho phép Huss ở lại Praha và phản ứng lại Rome bằng cách đại diện. Thay vì chấp nhận yêu cầu này, giáo hoàng lại tiến hành truy tố và lên án Huss, tuyên bố thành phố Praha nằm trong tầm kiểm soát.

Một câu như vậy, vào thời điểm đó, dù được phát âm ở bất cứ đâu, đều gây ra sự báo động rộng rãi. Các nghi lễ đi kèm với nó được cử hành theo cách gây ra nỗi kinh hoàng cho những người coi giáo hoàng như đại diện của chính Chúa, người nắm giữ chìa khóa Thiên đường và Địa ngục, đồng thời sở hữu quyền đưa ra các phán xét cả về mặt vật chất lẫn tinh thần. Người ta tin rằng các cổng thiên thể đã bị đóng cửa đối với khu vực bị ảnh hưởng bởi lệnh cấm; và, cho đến khi giáo hoàng hài lòng dỡ bỏ vạ tuyệt thông, những người chết bị ngăn cản tiếp cận nơi ở của phước lành. Như một dấu hiệu của tai họa khủng khiếp này, tất cả các nghi lễ tôn giáo đều bị đình chỉ và các nhà thờ đóng cửa. Đám cưới được tổ chức ở sân nhà thờ. Người chết không được chôn cất trong khu đất thánh, và họ được đặt trong mương hoặc ruộng mà không có bất kỳ nghi thức tang lễ nào. Vì vậy, thông qua các biện pháp khơi gợi trí tưởng tượng, La Mã đã tìm cách hướng dẫn lương tâm con người.

Thành phố Praha rơi vào tình trạng hỗn loạn. Nhiều tầng lớp đã buộc tội Huss là nguyên nhân gây ra mọi tai họa của họ và yêu cầu bỏ rơi anh ta để trả thù cho Rome. Để xoa dịu cơn bão, nhà cải cách đã lui về quê hương một thời gian. Viết cho những người bạn mà ông đã rời bỏ ở Praha, ông nói: "Nếu tôi rút lui khỏi giữa các bạn, đó là để tuân theo giới răn và gương sáng của Chúa Giêsu Kitô, để không tạo cơ hội cho những người có ý đồ xấu xa tự chuốc lấy sự đọa đày vĩnh viễn cho chính họ". để tránh gây đau khổ và bách hại cho những người ngoan đạo, tôi cũng rút lui vì sợ các linh mục độc ác tiếp tục ngăn cấm việc rao giảng Lời Chúa giữa anh em. sự thật, nhờ đó, với sự giúp đỡ của Chúa, tôi sẵn sàng chết." Huss không làm gián đoạn công việc của mình mà đi khắp vùng lãnh thổ xung quanh, thuyết giảng cho những đám đông háo hức. Vì vậy, những biện pháp mà giáo hoàng thực hiện nhằm đàn áp phúc âm đã khiến nó được truyền bá rộng rãi hơn. "Chúng ta không thể làm gì chống lại sự thật, ngoại trừ thông qua sự thật."

(II Cô-rinh-tô 13:8).

"Tâm trí của Huss, vào thời điểm này trong sự nghiệp của ông, dường như là một cảnh xung đột đau đớn. Mặc dù nhà thờ đang tìm cách tiêu diệt ông bằng những tia sét, Huss vẫn không từ bỏ quyền lực của mình. Nhà thờ ở Rome đối với ông vẫn là vợ của Chúa Kitô, và giáo hoàng, người đại diện và đại diện của Chúa. Điều Huss đang đấu tranh là sự lạm dụng quyền lực, chứ không phải bản thân nguyên tắc. Điều này gây ra một xung đột khủng khiếp giữa sự hiểu biết của ông và các nguyên tắc lương tâm của ông. Nếu quyền lực Nó công bằng và không thể sai lầm, như anh ấy hiểu, làm sao anh ấy có thể cảm thấy buộc phải không tuân theo nó? Ông nghĩ rằng vâng lời là phạm tội; nhưng tại sao việc vâng phục một giáo hội không thể sai lầm lại tạo ra tình trạng như vậy? Đây là vấn đề mà Huss không thể giải quyết được; Đó là sự nghi ngờ dày vò anh từng giờ. Giải pháp có vẻ phù hợp nhất với ông là điều đã xảy ra, như vào thời Đấng Cứu Rỗi, rằng các thầy tế lễ của giáo hội đã trở thành những kẻ vô đạo và đang sử dụng quyền lực hợp pháp của mình cho những mục đích bất hợp pháp. Điều này khiến ông chấp nhận, để hướng dẫn cho chính mình và những người mà ông thuyết giảng, câu châm ngôn rằng các giới luật của Kinh thánh, được truyền qua sự hiểu biết, sẽ chỉ phôi lương tâm; nói cách khác, rằng Chúa, phán trong Kinh thánh, chứ không phải nhà thờ nói qua chức tư tế, là người hướng dẫn duy nhất không thể sai lầm."

Sau một thời gian, khi sự phấn khích ở Praha lắng xuống, Huss trở lại nhà nguyện của mình ở Bethlehem, để tiếp tục với lòng nhiệt thành và nhiệt tình hơn nữa trong việc rao giảng Lời Chúa. Kẻ thù của ông rất năng động và hùng mạnh, nhưng nữ hoàng và nhiều quý tộc là bạn của ông và phần lớn người dân đều ủng hộ ông. So sánh những lời dạy trong sáng, cao cả và đời sống thánh thiện của ông với những giáo điều hèn hạ mà những người theo chủ nghĩa La Mã rao giảng cũng như sự háms lợi và trác táng mà họ thực hành, nhiều người coi đó là một vinh dự khi được ở bên cạnh ông.

Cho đến nay Huss vẫn một mình lao động; tuy nhiên, bây giờ Jerome, người khi ở Anh đã chấp nhận những lời dạy của Wycliffe, đã tham gia vào công việc Cải cách. Từ đó cuộc sống của họ gắn liền với nhau và ngay cả khi chết họ cũng không bị chia cắt. Thiên tài xuất sắc, tài hùng biện và sự uyên bác - những năng khiếu được nhiều người ưa chuộng - đã được Jerome sở hữu ở mức độ xuất sắc; nhưng ở những phẩm chất tạo nên sức mạnh thực sự của tính cách, Huss còn vĩ đại hơn. Nhận thức bình tĩnh của anh ấy đóng vai trò như một cú hích đối với tinh thần bốc đồng của Jerônimo, người với sự khiêm tốn thực sự đã nhận ra giá trị của mình và phục tùng lời khuyên của anh ấy. Dưới sự nỗ lực chung của họ, cuộc Cải cách đã lan rộng nhanh hơn.

Đức Chúa Trời cho phép ánh sáng rực rỡ chiếu vào tâm trí những người được chọn này, tiết lộ cho họ nhiều lỗi lầm của La Mã. Nhưng họ đã không nhận được tất cả ánh sáng lẽ ra phải được trao cho thế giới. Thông qua những tội tở này của Ngài, Đức Chúa Trời đã đưa dân tộc ra khỏi bóng tối của chủ nghĩa La Mã. Tuy nhiên, có rất nhiều trở ngại lớn mà họ phải đối mặt, và Ngài đã dẫn dắt họ từng bước một tùy theo khả năng chịu đựng của họ. Họ không sẵn sàng đón nhận tất cả ánh sáng cùng một lúc. Giống như ánh sáng rực rỡ của Mặt trời giữa trưa đối với những người đã ở trong bóng tối từ lâu, nếu ánh sáng này xuất hiện, nó sẽ khiến họ lạc lối. Vì vậy, Ngài tiết lộ điều đó cho các nhà lãnh đạo từng chút một để người dân có thể tiếp nhận nó. Từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, những người lao động trung thành khác đã noi theo để dẫn dắt dân tộc ngày càng tiến xa hơn trên con đường Cải cách.

Và cuộc ly giáo trong nhà thờ vẫn tiếp tục. Ba giáo hoàng hiện đang tranh giành quyền lực tối cao, và cuộc đấu tranh của họ khiến các tôn giáo theo đạo Cơ đốc tràn ngập tội ác và rối loạn. Không bằng lòng với việc đưa ra lời nguyện rửa, họ dùng đến vũ khí tạm thời. Mỗi người đều đề xuất mua vũ khí và chiêu mộ binh lính. Về mặt logic, họ cần tiền; và để đạt được điều này, tất cả quà tặng, chức vụ và phước lành của nhà thờ đều được rao bán. Các linh mục cũng bắt chước cấp trên của họ đã dùng đến simony [mua hoặc bán bất hợp pháp các vật phẩm tâm linh như ân xá và bí tích, hoặc những thứ tạm thời liên quan đến những thứ tâm linh, chẳng hạn như lợi ích giáo hội] và chiến tranh để làm nhục đối thủ và củng cố quyền lực của chính họ. Huss lên tiếng phản đối những hành vi ghê tởm được dung túng nhân danh tôn giáo; và người dân công khai cáo buộc các nhà lãnh đạo theo chủ nghĩa La Mã là nguyên nhân gây ra những đau khổ đàn áp Kitô giáo.

Một lần nữa thành phố Praha dường như đang trên bờ vực của một cuộc xung đột đẫm máu. Như trong quá khứ, tội tở của Đức Chúa Trời bị buộc tội là "kẻ gây rối cho dân Y-sơ-ra-ên". (I Các Vua 18:17). Thành phố một lần nữa bị đặt dưới sự cấm đoán, và Huss lui về làng quê của mình. Lời chứng rất trung thực được đưa ra từ nhà thờ thân yêu của ông ở Belém đã kết thúc. Anh ta nên nói về một viễn cảnh rộng lớn hơn, với toàn thể Kitô giáo, trước khi hy sinh mạng sống mình để làm chứng cho sự thật.

Để chữa trị những tệ nạn đang gây rắc rối cho châu Âu, một hội đồng chung đã được triệu tập để họp ở Constance. Hội đồng này được triệu tập theo yêu cầu của Hoàng đế Sigismund, bởi một trong ba giáo hoàng đối thủ - John XXIII. Yêu cầu thành lập một hội đồng không được Giáo hoàng John đón nhận nồng nhiệt, người có tính cách và chính sách khó có thể chịu được một cuộc điều tra, ngay cả bởi các quan chức giáo hội lỏng lẻo về đạo đức như các giám mục thời đó. Tuy nhiên, giáo hoàng không dám đi ngược lại mong muốn của Sigismund.

Mục tiêu chính mà hội đồng cần đạt được là giải quyết tình trạng ly giáo trong nhà thờ và loại bỏ tận gốc tà giáo. Do đó, hai giáo hoàng phản diện được triệu tập đến tham dự hội nghị, đồng thời là người truyền bá chính các quan điểm mới - John Huss. Những người trước đây, vì sự an toàn của bản thân, đã không có mặt trực tiếp mà được đại diện bởi các đại biểu của họ. Giáo hoàng John, mặc dù bề ngoài là người triệu tập hội đồng, nhưng đã tham dự với nhiều lo lắng, nghi ngờ mục đích bí mật của hoàng đế là phết truất ông, sợ rằng ông sẽ bị gọi đến cảnh sát.

bạn lên tiếng cho những thói xấu đã làm ô nhục chiếc vương miện, cũng như những tội ác đã gây ra nó. Tuy nhiên, ông tiến vào thành phố Constance một cách vô cùng hào hoa, cùng với các quan chức cấp cao nhất và được hộ tống bởi một đoàn cận thần. Tất cả các giáo sĩ và chức sắc của thành phố, cùng với đông đảo người dân, đã ra chào đón họ. Trên đầu anh ta là một chiếc tán vàng, được bốn quan tòa cao nhất mang theo. Người chủ tiệc được khiêng trước mặt ông, và những bộ áo choàng sang trọng của các hồng y và quý tộc tạo nên sự phô trương đầy uy nghiêm.

Trong khi đó, một du khách khác đến gần Constance. Huss nhận thức được mối nguy hiểm đang đe dọa mình. Anh ta rời xa những người bạn của mình như thể sẽ không bao giờ gặp lại họ, và tiếp tục cuộc hành trình của mình mà nghi ngờ rằng mình đang hướng thẳng bước chân của mình về phía ngọn lửa. Mặc dù đã nhận được sự chỉ dẫn an toàn từ Vua Bohemia và một người khác từ Hoàng đế Sigismund trong khi đang trên hành trình, nhưng anh ấy đã sắp xếp mọi sự với suy nghĩ về khả năng cái chết của mình.

Trong một lá thư gửi cho những người bạn của mình ở Praha, ông nói: "Hỡi các anh em, tôi rời đi với sự bảo đảm an toàn từ nhà vua, để gặp vô số kẻ thù không đội trời chung của tôi... Tôi hoàn toàn tin tưởng vào Thiên Chúa toàn năng, vào Đấng Cứu Thế của tôi; tôi là chắc chắn rằng Ngài sẽ nghe những lời cầu nguyện nhiệt thành của bạn; rằng Ngài sẽ truyền sự khôn ngoan và khôn ngoan của Ngài vào miệng tôi, để tôi có thể chống lại chúng; và rằng Ngài sẽ ban cho tôi Thánh Linh của Ngài để củng cố tôi trong sự thật của Ngài, để tôi có thể can đảm đối mặt với cám dỗ, tù đày và nếu cần, một cái chết tàn khốc.

Chúa Giêsu Kitô đã chịu đau khổ vì những người thân yêu của Ngài. Có lẽ chúng ta nên ngạc nhiên rằng Ngài đã để lại cho chúng ta tấm gương của Ngài, để chính chúng ta có thể kiên nhẫn chịu đựng mọi sự vì sự cứu rỗi của chính mình? Ngài là Thiên Chúa và chúng ta là những tạo vật của Ngài; Ngài là Chúa và chúng ta là tôi tớ của Ngài; Ngài là Chúa của thế giới và chúng ta là những kẻ phạm trần đáng khinh. Tuy nhiên, Ngài đã chịu đau khổ! Vậy thì tại sao chúng ta lại không chịu đau khổ, đặc biệt khi đau khổ là một sự thanh lọc đối với chúng ta? Vì thế, hỡi người yêu dấu, nếu cái chết của tôi góp phần vào sự vinh hiển của Ngài, hãy cầu nguyện để nó đến nhanh chóng và để Ngài giúp tôi chịu đựng mọi tai họa một cách kiên trì.

Nhưng nếu tốt hơn là tôi nên quay lại với anh em, chúng ta hãy cầu nguyện với Chúa rằng Ngài sẽ làm điều đó một cách không tì vết, nghĩa là tôi sẽ không đàn áp một chút lẽ thật của Phúc Âm, để để lại cho anh em tôi một gương tốt để theo dõi. Vì lý do này, có lẽ bạn sẽ không bao giờ nhìn thấy mặt tôi ở Praha nữa; nhưng nếu ý muốn của Thiên Chúa toàn năng muốn phục hồi tôi cho bạn, chúng ta hãy tiến về phía trước với trái tim vững chắc hơn trong sự hiểu biết và tình yêu luật pháp của Ngài.

Trong một lá thư khác gửi cho một linh mục đã trở thành môn đệ của phúc âm, Huss đã nói với sự khiêm tốn sâu sắc về những sai lầm của chính mình, tự buộc tội mình "đã thích thú khi mặc những bộ trang phục sang trọng và đã dành hàng giờ cho những công việc vô giá trị."

Sau đó, ông thêm vào những lời khuyên cảm động này: "Nguyện sự vinh quang của Chúa và sự cứu rỗi các linh hồn chiếm giữ tâm trí bạn, chứ không phải việc sở hữu của cải và lợi ích. Hãy coi chừng việc trang hoàng ngôi nhà của bạn hơn tâm hồn bạn; và trên hết, hãy hướng sự quan tâm của bạn đến đền thờ tâm linh. Hãy ngoan đạo và khiêm tốn đối với người nghèo; và đừng tiêu tốn tài nguyên của bạn vào thú vui. Nếu bạn không sửa đổi cuộc sống của mình và kiềm chế những điều thừa thãi, tôi sợ rằng bạn sẽ bị trừng phạt nặng nề, như chính tôi... Bạn biết giáo lý của tôi, vì bạn đã nhận được những chỉ dẫn của tôi từ khi còn nhỏ. Vì vậy, tôi không cần phải viết nữa. Nhưng tôi yêu cầu bạn, bởi lòng thương xót của Chúa chúng ta, đừng bắt chước tôi trong bất kỳ sự phù phiếm nào mà bạn đã thấy tôi rơi vào." Ở mặt trước của bức thư, ông nói thêm: "Tôi yêu cầu bạn, bạn của tôi, đừng làm như vậy. hãy mở lá thư này ra trước khi bạn nhận được. Tôi chắc chắn rằng tôi đã chết rồi."

Trong cuộc hành trình của mình, Huss có thể quan sát khắp mọi nơi những dấu hiệu cho thấy sự truyền bá học thuyết của ông và sự ưu ái dành cho mục đích của ông. Người dân tụ tập để gặp anh ta, và ở một số thành phố, các quan tòa đã cùng anh ta đi khắp các đường phố.

Khi đến Constance, Huss được trao toàn quyền tự do. Đối với hành vi an toàn của hoàng đế đã được thêm vào sự bảo đảm cá nhân về sự bảo vệ từ Giáo hoàng. Tuy nhiên, vì phạm những tuyên bố long trọng và lặp đi lặp lại này, nhà cải cách đã bị bắt trong một thời gian ngắn theo lệnh của giáo hoàng và các hồng y, và bị tống vào ngục tối ghê tởm.

Tuy nhiên, Giáo hoàng thu được rất ít lợi ích từ sự phản bội của mình nên đã sớm bị nhốt trong cùng một nhà tù. Anh ta đã bị chứng minh trước hội đồng là phạm những tội ác hèn hạ nhất, ngoài tội giết người, tội buôn bán thánh và ngoại tình - "những tội lỗi không đáng nhắc tới." Vì vậy, cùng một hội đồng đã tuyên bố; và cuối cùng anh ta bị tước vương miện và tống vào tù. Các phản giáo hoàng cũng bị phế truất và một giáo hoàng mới được chọn.

Mặc dù thực tế là chính giáo hoàng đã bị truy tố vì những tội ác lớn hơn những tội mà Huss đã buộc tội các linh mục, và chống lại những tội mà ông đã yêu cầu cải cách, chính hội đồng đã loại bỏ giáo hoàng cũng tìm cách đê bẹp nhà cải cách. Việc Huss bị cầm tù đã gây ra sự phẫn nộ lớn ở Bohemia. Các quý tộc quyền lực đã phản đối kịch liệt trước hội đồng để chống lại sự phẫn nộ. Hoàng đế, người phản đối việc cho phép vi phạm quy tắc ứng xử an toàn, cũng phản đối việc truy tố Huss. Nhưng kẻ thù của nhà cải cách rất độc ác và kiên quyết. Họ kêu gọi những thành kiến, nỗi sợ hãi và lòng nhiệt thành của hoàng đế đối với nhà thờ.

Họ nghĩ ra những lập luận có sức thuyết phục lớn để chứng minh rằng hoàng đế có "quyền tự do hoàn toàn để không trung thành với một kẻ dị giáo", và rằng hội đồng, đứng trên hoàng đế, "không tuân theo lời nói của mình".

Suy yếu vì bệnh tật và tù đầy, vì không khí ô nhiễm và ẩm ướt của nhà tù đã khiến ông bị sốt gần như tử vong, Huss cuối cùng đã bị đưa ra trước hội đồng. Bị trói với xiềng xích, anh ta đứng trước sự chứng kiến của hoàng đế, người mà danh dự và thiện chí đã cam kết bảo vệ anh ta. Trong thời gian xét xử kéo dài, ông kiên quyết giữ vững sự thật, và trước sự chứng kiến của các chức sắc tập hợp của Giáo hội và Nhà nước, ông đã long trọng và trung thành phản đối sự đòi hỏi của hệ thống cấp bậc.

Khi được yêu cầu lựa chọn giữa việc từ bỏ học thuyết của mình hoặc cái chết, ông đã chấp nhận số phận của một vị tử đạo.

Ấn điển của Chúa đã nâng đỡ ông. Trong những tuần lễ đau khổ trước bản án cuối cùng, sự bình yên của Thiên đường tràn ngập tâm hồn anh. Anh nói với một người bạn: "Tôi viết lá thư này trong tù và hai tay bị còng, chờ đợi án tử hình vào ngày mai. Khi, với sự hỗ trợ của Chúa Giêsu Kitô, chúng ta lại thấy mình trong sự bình an ngon lành của cuộc sống tương lai, bạn sẽ biết Thiên Chúa đã tỏ lòng thương xót với tôi như thế nào và Ngài đã nâng đỡ tôi một cách hiệu quả như thế nào giữa những cám dỗ và thử thách."

Trong bóng tối của ngục tối, ông đã tiên đoán sự chiến thắng của đức tin chân chính. Trong giấc mơ, khi trở lại nhà nguyện ở Praha, nơi ông đã rao giảng phúc âm, ông thấy giáo hoàng và các giám mục của ông đang xóa những bức tranh về Chúa Kitô mà ông đã vẽ trên tường. Huss vô cùng lo lắng trước viễn cảnh này; nhưng ngày hôm sau nỗi đau buồn của anh đã chuyển thành niềm vui khi anh nhìn thấy nhiều nghệ sĩ đến thay thế các hình tượng với số lượng lớn hơn và màu sắc tươi sáng hơn. Khi tác phẩm của họ hoàn thành, các họa sĩ kêu lên với đám đông vây quanh họ: "Bây giờ, hãy để các giáo hoàng và giám mục đến; họ sẽ không bao giờ xóa chúng nữa!" Nhà cải cách nói khi thuật lại giấc mơ: "Tôi tin chắc rằng hình ảnh của Chúa Kitô sẽ không bao giờ bị xóa bỏ. Họ muốn phá hủy nó, nhưng nó sẽ được vẽ lại trong mọi trái tim bởi những nhà thuyết giáo giỏi hơn tôi rất nhiều".

Lần cuối cùng, Huss được đưa ra trước hội đồng, một hội đồng rộng lớn và rục rĩ - hoàng đế, các hoàng tử của đế quốc, các đại biểu hoàng gia, các hồng y, giám mục và linh mục, cùng một đám đông khổng lồ đã đến xem. Sự kiện trong ngày. Những nhân chứng của sự hy sinh vĩ đại đầu tiên này trong cuộc chiến lâu dài nhằm bảo vệ quyền tự do lương tâm đã được quy tụ từ khắp các vùng của Kitô giáo.

Được yêu cầu bày tỏ quyết định cuối cùng của mình, Huss tuyên bố rằng ông từ chối từ bỏ và, nhìn chằm chằm vào vị vua, người mà lời nói thỏa hiệp đã bị vi phạm một cách đáng xấu hổ, tuyên bố rằng ông đã xuất hiện trước hội đồng theo ý chí tự do của mình. niềm tin của công chúng và sự bảo vệ của hoàng đế có mặt ở đó"

Mặt Sigismund đỏ bừng bừng khi ánh mắt của mọi người có mặt trong cuộc họp đều dán chặt vào anh.

Sau khi tuyên án xong, buổi lễ xuống cấp bắt đầu. Các giám mục mặc cho tù nhân bộ áo linh mục, và khi nhận áo linh mục, ông nói: "Chúa Giêsu Kitô của chúng ta được phủ một chiếc áo trắng để xúc phạm khi Hêrôđê đưa Người đến trước Philatô." Bị thúc giục rút lui một lần nữa, ông trả lời và quay sang mọi người: "Vậy thì tôi sẽ chiêm ngưỡng Thiên đàng với bộ mặt nào?"

Tôi sẽ nhìn đám đông những người mà tôi đã thuyết giảng phúc âm thuần khiết cho họ như thế nào? KHÔNG! Tôi coi trọng sự cứu rỗi của bạn hơn cơ thể tội nghiệp này, giờ phải chết. "Bộ lễ phục lần lượt được cởi bỏ, và mỗi giám mục tuyên bố một lời nguyện khi thực hiện phần của mình trong buổi lễ. Cuối cùng, một chiếc vương miện hoặc mũ miện, được sơn trên đó Những hình bóng ma quỷ gồm ghiếc và dòng chữ "kẻ dị giáo" được đặt trên đầu anh ta. Huss sau đó nói: "Tôi rất vui lòng đội trên đầu chiếc vương miện ô nhục này vì Chúa, ôi Chúa Giêsu, Đấng đã đội một vương miện cho tôi của gai."

Được mặc trang phục như vậy, các vị giám chức đã thề nguyện linh hồn của mình với Satan. Huss nhìn lên trời và kêu lên: "Lạy Chúa Giêsu, con xin phó linh hồn con trong tay Chúa, vì Chúa đã cứu chuộc con".

Sau đó ông được giao cho chính quyền thế tục và đưa đến nơi hành quyết. Một đám rước khổng lồ đi cùng ngài: hàng trăm người có vũ trang, các linh mục và giám mục trong bộ lễ phục đất tiền và cư dân của Constance. Khi đã bị trói vào cọc và mọi thứ đã sẵn sàng để đốt, vị tử đạo một lần nữa được kêu gọi hãy tự cứu mình bằng cách từ bỏ những lỗi lầm của mình. "Tôi sẽ từ bỏ những lỗi lầm nào? Tôi không nhận mình có tội gì cả. Tôi cầu xin Chúa làm chứng rằng mọi điều tôi đã viết và rao giảng

nó nhằm mục đích giải cứu các linh hồn khỏi tội lỗi và diệt vong. Và do đó tôi sẽ vui lòng xác nhận bằng máu của mình sự thật mà tôi đã viết và rao giảng."

Khi ngọn lửa bắt đầu bao bọc ngài, ngài bắt đầu hát: "Lạy Chúa Giêsu, Con vua Đavít, xin thương xót con," và ngài tiếp tục hát cho đến khi giọng ngài im bất mãi mãi.

Ngay cả kẻ thù của ông cũng bị ấn tượng bởi hành động anh hùng của ông.

Một nhà viết giáo hoàng nhiệt thành, mô tả cuộc tử đạo của Huss và Jerome, những người chết ngay sau đó, nói: "Cả hai đều cư xử với sự cương quyết không thể lay chuyển khi giờ phút cuối cùng của họ đến gần. Họ chuẩn bị đốt lửa như chuẩn bị cho một tiệc cưới.

Họ không thốt ra một tiếng kêu đau đớn nào. Khi ngọn lửa bốc lên, họ bắt đầu hát những bài thánh ca, và cường độ của ngọn lửa khó có thể ngăn cản tiếng hát của họ."

Sau khi thi thể của Huss được hỏa táng hoàn toàn, tro của ông cùng với đất nơi chúng nằm trên đó được thu thập và ném xuống sông Rhine rồi được vận chuyển ra biển. Những kẻ bắt bớ ông tưởng tượng một cách vô ích rằng họ đã nhỏ bỏ những lễ thật mà ông rao giảng. Họ không thể ngờ rằng tro tàn bị cuốn xuống biển ngày ấy sẽ giống như hạt giống được rải khắp mọi quốc gia trên trái đất; rằng ở những vùng đất vẫn chưa được biết đến, họ sẽ sinh ra nhiều hoa trái để làm chứng về lễ thật. Giọng nói vang lên trong hội trường Constance đã đánh thức những tiếng vọng vang vọng trong mọi thời đại sau này. Huss không còn sống nữa, nhưng sự thật khiến ông chết sẽ không bao giờ lụi tàn. Tấm gương về đức tin và sự kiên định của ông sẽ khuyến khích nhiều người đứng vững vì lễ thật khi đối mặt với sự tra tấn và cái chết.

Vụ hành quyết ông đã cho cả thế giới thấy sự tàn ác xảo quyệt của Rome. Kẻ thù của

Trên thực tế, mặc dù họ không biết điều đó nhưng họ đã tiến tới chính nghĩa mà họ tìm cách tiêu diệt một cách vô ích.

Tuy nhiên, một ngọn lửa khác lại phải được thắp lên ở Constance. Máu của một nhân chứng khác sẽ làm chứng cho sự thật. Jerome, khi tạm biệt Huss trên đường đến hội đồng, đã khuyên anh hãy vững vàng và can đảm, đồng thời tuyên bố rằng, nếu rơi vào bất kỳ nguy hiểm nào, chính anh sẽ lao tới trợ giúp. Khi nghe tin nhà cải cách bị bắt, người đệ tử trung thành liền chuẩn bị thực hiện lời hứa của mình. Không có hành vi an toàn và chỉ có một người bạn đồng hành duy nhất, anh rời đến Constança. Khi đến đó, anh ta tin rằng mình chỉ đang gặp nguy hiểm mà không thể làm gì để giải thoát Huss. Jerônimo chạy trốn khỏi thành phố, nhưng bị bắt trên đường về nhà và bị cùm trở lại, bị một nhóm binh lính giam giữ. Trong lần xuất hiện đầu tiên trước hội đồng, những nỗ lực đáp lại những lời buộc tội chống lại anh ta đã vấp phải những tiếng kêu: "Hãy cùng anh ta đốt cháy! Hãy cùng đốt cháy!" Jerônimo bị tống vào ngục tối, cho ăn bánh mì, nước và bị xích trong tư thế khiến anh vô cùng đau khổ.

Sau vài tháng, sự tàn ác của việc giam cầm đã khiến anh mắc một căn bệnh nguy hiểm đến tính mạng. Kẻ thù của ông sợ rằng ông có thể trốn thoát khỏi tay họ nên đã đối xử với ông ít nghiêm khắc hơn, mặc dù ông vẫn ở tù một năm. Cái chết của Huss đã không mang lại kết quả như những người viết bài báo mong đợi. Việc vi phạm quy tắc ứng xử an toàn đã gây ra một làn sóng phản nộ, và như một biện pháp an toàn hơn, hội đồng đã quyết định, thay vì thiêu sống Jerome, buộc anh ta phải rút lui, nếu có thể. Anh ta bị đưa ra trước hội đồng và được đưa ra lựa chọn từ chức hoặc chết trên cọc. Cái chết, khi bắt đầu bị giam giữ, có lẽ là một hành động nhân ái so với những đau khổ khủng khiếp mà anh ta đã phải chịu đựng. Nhưng giờ đây, sức yếu đi vì bệnh tật, sự khắc nghiệt của ngục tối, sự tra tấn của sự lo lắng và hồi hộp, bị xa cách bạn bè và chán nản trước cái chết của Huss, lòng dũng cảm của Jerome đã suy giảm, và anh đồng ý phục tùng hội đồng. Ông cam kết tuân theo đức tin Công giáo và chấp nhận hành động của hội đồng trong việc lên án các học thuyết của Wycliffe và Huss, ngoại trừ "những chân lý thiêng liêng" mà họ đã dạy.

Nhờ thủ đoạn này, Jerônimo đã cố gắng làm im lặng tiếng nói của lương tâm và thoát khỏi cái chết. Nhưng trong sự cô độc của ngục tối, anh thấy rõ hơn những gì mình đã làm. Anh nghĩ đến lòng dũng cảm và lòng trung thành của Huss, và ngược lại, anh lại cân nhắc việc phủ nhận sự thật của chính mình. Anh nghĩ đến Thầy Chí Thánh mà anh đã cam kết phục vụ, và vì Ngài mà chịu chết trên thập tự giá. Trước khi rút kinh, ông đã tìm thấy niềm an ủi giữa mọi đau khổ của mình, trong sự chắc chắn về ân huệ của Thiên Chúa; nhưng giờ đây sự hối hận và nghi ngờ đang hành hạ tâm hồn anh. Anh ta biết rằng anh ta vẫn sẽ phải rút lui thêm nữa trước khi có thể hòa bình với Rome. Con đường mà anh ta đang đi sẽ chỉ kết thúc trong sự bội đạo hoàn toàn. Sau đó, ông đã đưa ra một quyết tâm: để thoát khỏi một thời gian đau khổ ngắn ngủi, ông sẽ không chối bỏ Chúa.

Sau đó, anh ta một lần nữa được đưa ra trước hội đồng. Sự trình bày của anh đã không làm hài lòng ban giám khảo. Cơ khát máu của anh ta, được kích thích bởi cái chết của Huss, đã kêu gọi những nạn nhân mới. Chỉ nhờ việc từ bỏ sự thật một cách không chút dè dặt, Jerônimo mới có thể bảo toàn được mạng sống của mình. Nhưng anh vẫn quyết tâm tuyên xưng đức tin của mình và theo người anh tử đạo vào trong biển lửa.

Anh ta từ bỏ sự cam chịu trước đó của mình và giống như một người sắp chết, long trọng yêu cầu cơ hội để bào chữa cho mình. Lo sợ ảnh hưởng của lời nói của ông, các giám mục nhấn mạnh rằng ông chỉ khẳng định hoặc phủ nhận sự thật của những cáo buộc chống lại ông. Jerome phản đối sự tàn ác và bất công như vậy.

"Bạn đã nhốt tôi suốt ba trăm bốn mươi ngày trong một nhà tù khủng khiếp," anh ta nói, "giữa sự bẩn thỉu, hôi hám và sự thiếu thốn lớn nhất của mọi thứ. Sau đó, bạn đưa tôi đến trước bạn, và lắng nghe những kẻ thù không đội trời chung của tôi." , bạn từ chối tôi. nếu bạn nghe tôi. Nếu bạn thực sự là những người khôn ngoan và những ngôi sao sáng của thế giới, hãy cẩn thận đừng phạm tội chống lại công lý. Còn tôi, tôi chỉ là một phạm nhân yếu đuối, mạng sống của tôi chẳng mấy quan trọng; và khi tôi khuyên bạn đừng đưa ra một bản án bất công, tôi ít nói cho mình hơn là cho bạn."

Yêu cầu của ông cuối cùng đã được chấp nhận. Trước sự chứng kiến của các thẩm phán, Giêrônimô đã quỳ xuống và cầu xin Chúa Thánh Thần hướng dẫn suy nghĩ và lời nói của ông, để ông không thể nói điều gì trái với sự thật hoặc không xứng đáng với Thầy mình. Vào ngày đó, lời hứa của Đức Chúa Trời dành cho các môn đồ đầu tiên đã được ứng nghiệm: "Các con sẽ bị điệu đến trước mặt các quan quyền và vua chúa vì Ta... , vì trong giờ đó các người sẽ được dạy điều phải nói. Vì không phải các người nói mà là Thánh Linh của Cha các người nói trong các người." (Ma-thi-ơ 10:18-20). Những lời nói của Jerome đã làm dấy lên sự ngạc nhiên và ngưỡng mộ, ngay cả trong số những kẻ thù của anh. Trong suốt một năm, ông đã bị giam trong ngục tối, không thể đọc hay thậm chí nhìn thấy, với sự đau khổ về thể xác và lo lắng về tinh thần. Tuy nhiên, những lập luận của ông được trình bày một cách rõ ràng và thuyết phục như thể ông có một cơ hội không bị cản trở để cống hiến hết mình cho việc nghiên cứu. Ông chỉ ra cho người nghe hàng dài những người thánh thiện đã bị kết án bởi những quan tòa bất công. Trong hầu hết mọi thế hệ đều có những người, mặc dù tìm cách nâng cao con người ở thời đại của họ, đã bị buộc tội và trục xuất, nhưng những người sau này đã chứng tỏ mình xứng đáng được tôn vinh. Chính Chúa Kitô đã bị tòa án bất công kết án là kẻ làm ác.

Trong phần kể lại của mình, Jerome đã đồng ý với sự công bằng của bản án kết án Huss. Tuy nhiên, bây giờ ngài đã tuyên bố ăn năn sám hối và làm chứng cho sự vô tội và thánh thiện của vị tử đạo. "Tôi biết João Huss từ khi anh ấy còn là một cậu bé," anh nói. "Ông ấy là một người xuất sắc, công bằng và thánh thiện; ông ấy đã bị kết án dù vô tội... Tôi, tôi cũng sẵn sàng chết. Tôi sẽ không rút lui trước những cực hình do kẻ thù và những nhân chứng giả chuẩn bị cho tôi, những kẻ một ngày nào đó sẽ phải khai trình về những hành vi lừa dối của mình trước Thiên Chúa vĩ đại, Đấng không gì có thể lừa dối được."

Khi tự trách mình vì đã phủ nhận sự thật, Jerome tiếp tục: "Trong số tất cả tội lỗi tôi đã phạm từ khi còn trẻ, không có tội nào nặng lên tinh thần tôi đến thế và khiến tôi ăn năn sâu sắc như tội lỗi tôi đã phạm trong lần này." nơi chí mạng, khi tôi chấp thuận bản án vô đạo đức được đưa ra chống lại Wycliffe và chống lại vị thánh tử đạo, John Huss, chủ nhân của tôi. Vâng, tôi thú nhận điều đó từ trái tim mình và tuyên bố với nỗi kinh hoàng rằng tôi đã nhượng bộ một cách nhục nhã khi vì sợ chết, tôi đã lên án học thuyết của họ. Vì vậy, tôi cầu xin Thiên Chúa toàn năng thương xót tha thứ cho tội lỗi của tôi, và đặc biệt là tội này, tội ác ghê tởm nhất." Chỉ vào các thẩm phán, ông nói một cách kiên quyết: "Các ông đã lên án Wycliffe và John Huss, không phải vì họ làm lung lay học thuyết." của nhà thờ, mà đơn giản vì họ bêu xấu những vụ bê bối của giới tăng lữ với thái độ không tán thành; sự hào hoa, kiêu ngạo của họ và tất cả những thói xấu của các giám mục và linh mục. Những điều họ tuyên bố và những điều không thể bác bỏ, tôi cũng nghĩ như vậy và tuyên bố như họ".

Lời nói của anh bị gián đoạn. Các vị giám mục run lên vì tức giận, hét lên: "Chúng ta cần gì phải chứng minh thêm nữa? Hãy tiêu diệt những kẻ dị giáo ngoan cố nhất!"

Không thể lay chuyển trước cơn bão, Jerome kêu lên: "Cái gì! Bạn có nghĩ rằng tôi sợ chết không? Bạn đã giữ tôi suốt một năm trong ngục tối khủng khiếp, khủng khiếp hơn cả cái chết. Bạn đối xử với tôi tàn nhẫn hơn một cái chết. Thỏ Nhĩ Kỳ Do Thái hay ngoại đạo, và thịt của tôi theo đúng nghĩa đen đã thối rữa trên xương trong

cuộc sống đầy đủ; tuy nhiên tôi không phàn nàn, vì than thở khó có thể làm cho một người trở nên mạnh mẽ trong trái tim và tinh thần; nhưng tôi không thể không bày tỏ sự ngạc nhiên của mình trước sự đã man khủng khiếp như vậy đối với một người theo đạo Thiên chúa."

Một lần nữa, cơn bão giận dữ lại bùng phát và Jerome bị tống vào tù. Tuy nhiên, có một số người trong hội đồng mà lời nói của Jerome đã gây ấn tượng sâu sắc và mong muốn cứu mạng anh ta. Ông đã được các chức sắc nhà thờ đến thăm, họ nhất quyết yêu cầu ông phục tùng hội đồng. Những triển vọng tươi sáng nhất đã đến với anh như phần thưởng cho việc từ bỏ sự phản đối của anh với La Mã. Tuy nhiên, giống như Thầy của mình khi vinh quang của thế giới được trao cho Ngài, Jerome vẫn kiên định.

"Hãy chứng minh cho tôi bằng Kinh thánh rằng tôi sai," anh ấy nói, "và tôi sẽ từ bỏ điều đó."

"Kinh thánh!" một trong những kẻ căm thù anh kêu lên; "mọi thứ đều phải do họ phán xét? Ai có thể hiểu được chúng cho đến khi nhà thờ giải thích chúng?"

Jerome trả lời: "Có phải truyền thống của con người đáng tin hơn phúc âm của Đấng Cứu Rỗi của chúng ta không?" "Phao-lô không khuyên những người ông viết thư hãy nghe theo truyền thống của loài người, nhưng ông nói: 'Hãy tra xem Kinh thánh.'"

"Dị giáo!" là câu trả lời; "Tôi hối hận vì đã lý luận với bạn quá nhiều thời gian. Tôi thấy rằng bạn đang bị ma quỷ điều khiển."

Chỉ bao lâu sau, bản án tử hình đã được thông qua đối với anh ta. Anh ta được đưa đến chính nơi Huss đã hy sinh mạng sống. Anh ấy tiếp tục ca hát và khuôn mặt anh ấy sáng lên niềm vui và sự bình yên. Ánh mắt của ông dán chặt vào Chúa Kitô, và cái chết đã không còn là nỗi kinh hoàng đối với ông. Khi đao phủ chuẩn bị châm lửa, hắn đi ngang qua phía sau vị tử đạo, nhưng hắn kêu lên: "Mạnh dạn tiến lên, châm lửa trước mặt tôi. Nếu tôi sợ thì tôi không nên ở đây".

Những lời cuối cùng anh nói khi ngọn lửa bốc lên xung quanh anh là một lời cầu nguyện. Anh kêu lên: "Lạy Chúa là Cha toàn năng, xin thương xót con và tha tội cho con; vì Chúa biết rằng con luôn yêu mến lẽ thật của Chúa". Giọng anh im bật, nhưng môi anh vẫn tiếp tục mấp máy cầu nguyện.

Khi ngọn lửa đã hoàn thành công việc của mình, tro của người tử đạo cùng với trái đất nơi họ an nghỉ được tập hợp lại và giống như của Huss, được ném xuống sông Rhine. Vì vậy, những người trung thành mang ánh sáng của Thiên Chúa đã bị diệt vong. Nhưng ánh sáng chân lý mà họ tuyên bố - ánh sáng tấm gương anh hùng của họ - không thể bị dập tắt. Con người có thể cố gắng làm chệch hướng Mặt trời khỏi quỹ đạo của nó, cũng như ngăn chặn bình minh của ngày đó đang ló dạng trên thế giới.

Vụ hành quyết Huss đã khơi dậy ngọn lửa phẫn nộ và kinh hoàng ở Bohemia. Cả nước cảm thấy ông đã trở thành nạn nhân của sự ác ý của các tu sĩ và sự phản bội của hoàng đế. Ông được tuyên bố là một người thầy trung thành của sự thật, và hội đồng ra quyết định xử tử ông đã bị buộc tội giết người. Học thuyết của ông giờ đây đã thu hút được sự chú ý lớn hơn bao giờ hết. Theo các sắc lệnh của Giáo hoàng, các tác phẩm của Wycliffe đã bị kết án trong lửa. Nhưng những người đã thoát khỏi sự hủy diệt giờ đây đã được đưa ra khỏi nơi ẩn náu và được nghiên cứu liên quan đến Kinh thánh hoặc những phần trong đó mà người ta có thể tiếp thu được. Và nhiều người do đó đã được dẫn dắt để chấp nhận đức tin Cải cách.

Những sát thủ của Huss đã không im lặng chứng kiến chiến thắng của chính nghĩa của họ. Giáo hoàng và hoàng đế đoàn kết để dẹp tan phong trào, và quân đội của Sigismund tràn vào Bohemia.

Nhưng một người giải phóng đã trở dậy. Zisca, người ngay sau khi chiến tranh bắt đầu đã bị mù hoàn toàn. Tuy nhiên, ông là một trong những vị tướng giỏi nhất trong thời đại của mình và là thủ lĩnh của người Bohemian. Tin tưởng vào sự giúp đỡ thiêng liêng và công lý cho chính nghĩa của họ, những người đó đã chống lại những đội quân hùng mạnh nhất có thể tấn công họ. Trong một số trường hợp,

Hoàng đế, tổ chức quân đội mới, xâm lược Bohemia chỉ để bị đẩy lùi một cách nhục nhã. Người Hussite đã vượt lên trên nỗi sợ chết và không gì có thể cưỡng lại được họ. Vài năm sau khi chiến tranh bắt đầu, Zisca dũng cảm qua đời, nhưng vị trí của anh ta được lấp đầy bởi Procopius, một vị tướng dũng cảm và có năng lực không kém, và ở một khía cạnh nào đó, là một nhà lãnh đạo tài ba hơn.

Biết chiến binh mù đã chết, kẻ thù của người Bohemia nghĩ rằng cơ hội lấy lại tất cả những gì đã mất là thuận lợi. Sau đó, Giáo hoàng phát động một chiến dịch chống lại người Hussites, và một lần nữa một lực lượng đông đảo tràn vào Bohemia, nhưng chỉ để chịu thất bại khủng khiếp. Một cuộc thập tự chinh khác diễn ra sau đó. Ở tất cả các quốc gia của Giáo hoàng ở Châu Âu, đàn ông, tiền bạc và đạn dược chiến tranh đều tập trung lại.

Đám đông tụ tập theo tiêu chuẩn của giáo hoàng, tin chắc rằng sau cùng thì những kẻ dị giáo Hussite sẽ bị tiêu diệt. Tự tin vào chiến thắng, lực lượng đông đảo tiến vào Bohemia. Người dân tụ tập lại để đẩy lùi nó. Hai đội quân tiếp cận nhau cho đến khi chỉ còn một con sông nằm giữa họ. Lực lượng đồng minh đông hơn rất nhiều, tuy nhiên, thay vì hung hãn lao vào tấn công người Hussite, họ lại im lặng, ngắm nhìn họ như bị mê hoặc. Sau đó, đột nhiên, một nỗi kinh hoàng bí ẩn ập xuống đội chủ nhà. Không cần giáng một đòn nào, lực lượng mạnh mẽ đó vỡ vụn và phân tán, như thể bị phân tán bởi một sức mạnh vô hình. Một số lượng lớn binh lính Đồng minh đã bị quân đội Hussite giết chết khi truy đuổi những kẻ đào tẩu. Một sự bao la

Chiến lợi phẩm rơi vào tay những người chiến thắng, do đó chiến tranh, thay vì làm họ nghèo đi, lại làm giàu cho người Bohemian.

Vài năm sau, dưới thời tân giáo hoàng, một chiến dịch khác lại được phát động. Như trước đây, đàn ông và phương tiện được đưa đến từ tất cả các quốc gia giáo hoàng ở Châu Âu. Thật là một sự khích lệ lớn lao dành cho những ai tham gia vào công việc nguy hiểm này. Mỗi quân thập tự chinh đều được đảm bảo sẽ được ân xá hoàn toàn đối với những tội ác ghê tởm nhất. Tất cả những người chết trong chiến tranh đều được hứa ban thưởng dồi dào trên Thiên đàng, và những người sống sót sẽ gạt hái được danh dự và giàu có trên chiến trường. Một lần nữa một đội quân đông đảo lại được tập hợp và vượt biên xâm chiếm Bohemia. Lực lượng Hussite đã rút lui trước họ, do đó kéo quân xâm lược ngày càng tiến sâu hơn vào vùng lãnh thổ.

trong nước và khiến họ tin tưởng vào chiến thắng trong tay. Cuối cùng, quân đội của Procopio dừng lại và quay lưng lại với kẻ thù, tiến vào trận chiến. Quân thập tự chinh phát hiện ra sai lầm của mình nên vẫn ở trong trại chờ cuộc tấn công. Khi nghe thấy tiếng ồn của lực lượng đang đến gần, ngay cả trước khi quân Hussite xuất hiện, quân Thập tự chinh lại hoảng sợ. Các hoàng tử, tướng lĩnh và binh lính cởi bỏ áo giáp, chạy trốn tứ phía.

Một cách vô ích, vị giáo hoàng, người lãnh đạo cuộc xâm lược, đã cố gắng tập hợp các lực lượng đang sợ hãi và vô tổ chức của mình. Dù đã nỗ lực rất nhiều nhưng bản thân anh cũng bị nuốt chửng bởi làn sóng chạy trốn. Thất bại hoàn toàn, và một lần nữa chiến lợi phẩm khổng lồ lại rơi vào tay kẻ chiến thắng.

Vì vậy, lần thứ hai, một đội quân khổng lồ được gửi đến bởi các quốc gia hùng mạnh nhất Châu Âu, một loạt chiến binh dũng cảm, được huấn luyện và trang bị cho trận chiến, đã bỏ chạy trước quân phòng thủ của một quốc gia nhỏ bé và yếu đuối mà không giáng một đòn nào. Trong đó có sự biểu hiện của sức mạnh thần thánh. Những kẻ xâm lược đã bị tấn công bởi nỗi kinh hoàng siêu nhiên. Đáng đã đánh bại quân đội của Pha-ra-ôn tại Biển Đỏ, Đáng đã khiến quân đội Ma-đi-an bỏ chạy trước Gideon và ba trăm quân của hắn, Đáng đã lật đổ lực lượng của Assyria kiêu ngạo chỉ trong một đêm, một lần nữa đã giơ tay ra để làm suy yếu quyền lực của kẻ áp bức. "Kìa, họ vô cùng sợ hãi, không còn sợ hãi gì nữa, vì Đức Chúa Trời đã rải xương cốt của những kẻ ở chung quanh người; người đã làm họ bối rối, bởi vì

Đức Chúa Trời đã từ bỏ họ" (Thi Thiên 53:5).

Các nhà lãnh đạo Giáo hoàng mất hy vọng chinh phục bằng vũ lực nên quyết định dùng đến biện pháp ngoại giao. Một thỏa hiệp đã được ký kết, mặc dù nó mang lại quyền tự do lương tâm cho người Bohemia, nhưng thực tế đã phản bội họ và giao họ cho quyền lực của La Mã. Người Bohemia đã nêu rõ bốn điểm làm điều kiện hòa bình với La Mã: tự do rao giảng Kinh thánh; quyền của toàn thể giáo hội được hiệp thông bánh và rượu, cũng như quyền sử dụng tiếng mẹ đẻ trong việc thờ phượng Thiên Chúa; việc loại trừ các giáo sĩ khỏi tất cả các cơ quan và chính quyền thế tục; và, trong các trường hợp phạm tội, quyền tài phán của tòa án dân sự được trao cho cả giáo sĩ và giáo dân. Tuy nhiên, chính quyền giáo hoàng cuối cùng đã đồng ý chấp nhận bốn điều khoản, tuy nhiên, quy định rằng quyền giải thích chúng, quyết định ý nghĩa chính xác của chúng, phải thuộc về giáo hội. Một hiệp ước đã được ký kết trên cơ sở này, và La Mã đã đạt được bằng cách che giấu và lừa đảo những gì mà cô ấy không đạt được bằng xung đột; bởi vì, bằng cách đưa ra cách giải thích của riêng mình cho các bài báo của Hussite cũng như Kinh thánh, cô ấy có thể hiểu sai ý nghĩa của chúng cho phù hợp với sở thích của mình.

Một tầng lớp lớn ở Bohemia nhận thấy điều này phản bội quyền tự do của họ nên đã không đồng ý với hiệp ước. Sự bất đồng và chia rẽ này sinh, dẫn đến xung đột và đổ máu giữa họ. Procopius cao quý đã bỏ mạng trong cuộc chiến này và nền tự do của Bohemia cũng vậy.

Sigismund, kẻ phản bội Huss và Jerome, giờ đã trở thành vua của Bohemia, và coi thường lời thề ủng hộ quyền lợi của người Bohemian, tiến hành thành lập chế độ giáo hoàng. Nhưng anh ta không thu được gì nhiều từ việc phục tùng Rome. Trong hai mươi năm cuộc đời ông đầy rẫy công việc và nguy hiểm. Quân đội của ông đã suy yếu và kho bạc của hoàng gia cạn kiệt sau một cuộc đấu tranh lâu dài và không có kết quả, và bây giờ, sau khi trị vì được một năm, ông qua đời, từ bỏ vương quốc của mình trên bờ vực nội chiến, và để lại cho hậu thế một cái tên đầy ô nhục. .

Bạo loạn, đánh nhau và đổ máu xảy ra sau đó. Một lần nữa quân đội nước ngoài xâm lược Bohemia, và những bất đồng nội bộ tiếp tục gây rắc rối cho đất nước. Những người vẫn trung thành với phúc âm đều bị bắt bớ đẫm máu.

Với việc những người anh em cổ xưa của họ chấp nhận La Mã và tiếp thu những lỗi lầm của nó, những người bám vào đức tin cũ cuối cùng đã thành lập một nhà thờ riêng biệt và lấy tên là "United Brethren". Hành động này đã mang lại cho họ những lời nguyện rủa từ mọi tầng lớp. Tuy nhiên, sự kiên định của anh là không thể lay chuyển. Buộc phải ẩn náu trong rừng và hang động, họ vẫn tụ tập để đọc Lời Chúa và thờ phượng trong sự thờ phượng của Ngài.

Thông qua các sứ giả được bí mật gửi đến các quốc gia khác nhau, họ biết được rằng đây đó có những người biệt lập đã thú nhận sự thật - một ít ở thành phố này và một ít ở thành phố kia, những đối tượng bị đàn áp như họ, và ở giữa dãy Alps họ có một nhà thờ cổ được thành lập trên nền tảng của Kinh thánh. Tin tức này đã được đón nhận một cách vô cùng vui mừng và thư từ đã được mở ra với những người theo đạo Cơ đốc Waldensian.

Vững vàng trong phúc âm, người dân Bohemia đã chờ đợi suốt đêm bị đàn áp, hướng mắt về phía chân trời trong giờ phút đen tối nhất, giống như những người đang chờ đợi bình minh. "Số phận của họ đã rơi vào những ngày ác độc, nhưng họ vẫn nhớ những lời của Huss, được Jerome lặp lại, rằng một thế kỷ phải trôi qua trước khi ngày bình minh xuất hiện. Đối với người Hussite, những lời này của Joseph đối với các bộ tộc nô lệ là như thế nào: 'Tôi chết; nhưng Chúa chắc chắn sẽ đến thăm bạn và đưa bạn lên khỏi vùng đất này.'" Vào khoảng năm 1470, cuộc đàn áp chấm dứt và một thời kỳ thịnh vượng tương đối tiếp theo. "Vào cuối thế kỷ này đã có hai trăm nhà thờ của 'United Brethren' ở Bohemia và Moravia." "Những người còn sót lại đã rất thịnh vượng khi thoát khỏi

cơn cuồng nộ hủy diệt của lửa và kiếm, có vinh dự được nhìn thấy bình minh của ngày đó
mà Huss đã tiên đoán.”

Chương 7

Luther tách khỏi Rome

Trước hết, trong số những người được mời gọi lãnh đạo giáo hội từ bóng tối giáo hoàng đến ánh sáng đức tin thuần khiết nhất, có Martin Luther. Nhiệt tình, nhiệt thành và tận tụy, không biết kính sợ ai khác ngoài Chúa và không nhận ra nền tảng nào khác cho đức tin tôn giáo ngoài Kinh thánh, Luther là con người của thời đại ông. Qua ông, Đức Chúa Trời đã hoàn thành một công việc vĩ đại nhằm cải cách hội thánh và soi sáng thế giới.

Giống như những người rao giảng phúc âm đầu tiên, Luther xuất thân từ những tầng lớp nghèo nhất. Những năm đầu đời của ông sống trong ngôi nhà khiêm nhường của một nông dân Đức. Trong công việc thợ mỏ vất vả hàng ngày, cha anh đã cung cấp phương tiện cho việc học hành của anh. Ông muốn con trai mình trở thành một luật sư, nhưng kế hoạch của Chúa là biến cậu thành người xây dựng ngôi đền vĩ đại đang được xây dựng dần dần qua nhiều thế kỷ.

Những nhu cầu, sự thiếu thốn và kỷ luật khắc nghiệt đã đến với ngôi trường mà Trí tuệ Vô hạn đã chuẩn bị cho Luther thực hiện sứ mệnh quan trọng của cuộc đời mình.

Cha của Luther là một người có ý chí mạnh mẽ và năng động, có cá tính mạnh mẽ, trung thực, kiên quyết và công bằng. Anh ấy trung thành với niềm tin về nghĩa vụ của mình, bất kể hậu quả ra sao. Ý thức chung chính đáng của ông đã khiến ông có cái nhìn chán ghét về cuộc sống tu viện. Anh ta rất khó chịu khi Luther vào tu viện mà không có sự đồng ý của anh ta. Phải hai năm sau người cha mới làm hòa được với con trai mình, và ngay cả khi đó quan điểm vẫn như cũ.

Cha mẹ của Luther rất quan tâm đến việc giáo dục và chuẩn bị cho con cái họ. Họ cố gắng dạy họ sự hiểu biết về Thiên Chúa và thực hành các nhân đức Kitô giáo. Những lời cầu nguyện của người cha, được con trai chứng kiến, thường đến tận Thiên đàng, để con trai có thể nhớ đến danh Chúa và một ngày nào đó giúp thăng tiến lễ thật của Ngài. Mọi lợi thế về đạo đức và văn hóa mà cuộc sống lao động cần cù của họ mang lại cho họ đều được cha mẹ họ háo hức chu cấp. Những nỗ lực của ngài rất chân thành và kiên trì để chuẩn bị cho con cái mình một cuộc sống đạo đức và hữu ích. Với tính cách cương nghị và nghị lực, đôi khi họ tỏ ra rất nghiêm khắc. Nhưng nhà cải cách, mặc dù ý thức được rằng họ đã sai lầm ở một số khía cạnh, vẫn thấy trong kỷ luật của họ có nhiều điều đáng tán thành hơn là lên án.

Ở trường học, nơi ông được gửi đến khi còn nhỏ, Luther bị đối xử khắc nghiệt và thậm chí bạo lực. Cha mẹ anh nghèo đến mức khi đi học từ nhà đến trường ở thành phố khác, anh phải đi hát từng nhà để kiếm thức ăn và có nhiều lúc anh đói. Những ý tưởng đen tối và mê tín về tôn giáo đang thịnh hành vào thời điểm đó, khiến ông sợ hãi. Ông nằm trong đêm với trái tim nặng trĩu, run rẩy nhìn về tương lai đen tối và thường xuyên kinh hãi khi nghĩ đến Thiên Chúa như một thẩm phán khắc khổ, không thể lay chuyển và một bạo chúa độc ác, thay vì là một Người Cha nhân từ trên trời. Ngay cả khi phải chịu rất nhiều sự chán nản, Luther vẫn kiên quyết tiếp tục hướng tới tiêu chuẩn cao về đạo đức và sự xuất sắc về trí tuệ đã thu hút tâm hồn ông.

Anh ta khao khát kiến thức và tính cách năng động và thực tế của tâm trí đã khiến anh ta khao khát những thứ vững chắc và hữu ích, thay vì phô trương và hời hợt. Ở tuổi mười tám, anh vào Đại học Erfurt, hoàn cảnh của anh thuận lợi hơn và triển vọng của anh tươi sáng hơn những năm đầu. Cha mẹ anh, đã cố gắng tiết kiệm và cố gắng để có đủ thu nhập đáp ứng nhu cầu của họ.

nhu cầu, có thể cung cấp mọi sự trợ giúp cần thiết. Ở một mức độ nào đó, ảnh hưởng của những người bạn thông minh đã làm giảm bớt những ảnh hưởng đen tối của quá trình học tập trước đây của anh. Anh ấy chuyên tâm nghiên cứu những tác giả giỏi nhất, siêng năng trân trọng những suy nghĩ quan trọng nhất của họ và biến trí tuệ của các nhà hiền triết thành của riêng mình. Ngay cả dưới sự kỷ luật nghiêm khắc của những nhà giáo dục đầu tiên, cô ấy đã thể hiện những dấu hiệu khác biệt; và với những ảnh hưởng thuận lợi, tâm trí của anh ấy phát triển nhanh chóng. Trí nhớ sâu sắc, trí tưởng tượng sống động, khả năng suy luận mạnh mẽ và khả năng áp dụng không mệt mỏi đã sớm đưa anh vượt lên trên các đồng nghiệp. Kỷ luật trí tuệ đã làm trưởng thành sự hiểu biết của anh ấy và đánh thức trong anh ấy hoạt động tinh thần và nhận thức nhạy bén đến mức chúng đang chuẩn bị cho anh ấy những xung đột trong cuộc sống.

Lòng kính sợ Chúa ngự trị trong lòng Luther, giúp ông duy trì mục đích kiên định và dẫn ông đến sự khiêm nhường sâu xa trước mặt Thiên Chúa. Anh luôn có ý thức về sự phụ thuộc của mình vào sự giúp đỡ thiêng liêng, và không quên bắt đầu mỗi ngày bằng lời cầu nguyện, trong khi trái tim anh không ngừng thờ ra lời cầu xin được hướng dẫn và hỗ trợ. Ngài thường nói: "Cầu nguyện tốt là phần tốt hơn của việc học tập".

Một ngày nọ, khi đang xem sách trong thư viện trường đại học, Luther phát hiện ra một cuốn Kinh thánh tiếng Latinh. Anh chưa bao giờ nhìn thấy một cuốn sách như vậy trước đây. Anh thậm chí còn phớt lờ sự tồn tại của nó. Ông đã nghe những phần Phúc âm và thư tín được đọc cho dân chúng trong các buổi thờ phượng công cộng và cho rằng chúng là toàn bộ Kinh thánh. Bây giờ, lần đầu tiên anh nhìn vào Lời Chúa trọn vẹn. Với sự pha trộn giữa sợ hãi và tò mò, anh ta nghiền ngẫm những trang thiêng liêng. Tim đập nhanh, tim đập nhanh, anh tự đọc những lời lẽ sống, dừng lại và thốt lên: "Ôi, giá như Chúa ban cho tôi một cuốn sách như vậy!" Các thiên thần trên trời đứng bên cạnh ông, và những tia sáng từ ngai của Đức Chúa Trời đã tiết lộ kho tàng lẽ thật cho sự hiểu biết của ông. Ông luôn sợ xúc phạm đến Chúa, nhưng bây giờ niềm tin sâu sắc về tình trạng tội lỗi của mình đã xâm chiếm ông hơn bao giờ hết.

Một ước muốn chân thành được giải thoát khỏi tội lỗi và tìm được sự bình an với Thiên Chúa đã dẫn ngài vào tu viện và hiến thân cho đời sống đan tu. Ở đó, anh ta phải thực hiện công việc khó khăn nhất và đi ăn xin từ nhà này sang nhà khác. Anh ấy đang ở độ tuổi mà sự tôn trọng và đánh giá cao được khao khát nhất, và những nhiệm vụ nhọc nhằn đó đã làm tổn thương sâu sắc đến cảm xúc tự nhiên của anh ấy. Nhưng anh kiên nhẫn chịu đựng sự sỉ nhục này, tin rằng điều đó là cần thiết vì tội lỗi của anh.

Mỗi giây phút có thể tận dụng được trong công việc hàng ngày, anh đều dành cho việc học, tránh nghỉ ngơi và thậm chí còn tiết kiệm thời gian cho những bữa ăn ít ỏi của mình. Trên hết, anh thích học Lời Đức Chúa Trời. Anh ấy đã phát hiện ra cuốn Kinh thánh bị xích vào tường tu viện và thường xuyên đến đó. Khi niềm tin chắc chắn về tội lỗi của anh ngày càng sâu sắc, anh đã tìm cách thông qua việc làm của mình để có được sự tha thứ và bình an. Anh ta đã sống một cuộc sống rất nghiêm ngặt, cố gắng nhịn ăn, cầu nguyện và đánh roi để khuất phục những tệ nạn trong bản chất của mình, mà cuộc sống tu viện không mang lại sự giải tỏa nào. Anh ta không tiếc bất kỳ sự hy sinh nào mà nhờ đó anh ta có thể có được tấm lòng trong sạch để có thể được Đức Chúa Trời chấp nhận. "Tôi thực sự là một tu sĩ ngoan đạo," sau này anh ấy nói, "và tuân theo các quy tắc của giáo đoàn một cách nghiêm ngặt hơn những gì tôi có thể bày tỏ. Nếu bất kỳ tu sĩ nào có thể đạt được Thiên đường nhờ công việc xuất gia của mình, tôi chắc chắn sẽ được hưởng điều đó. Nếu tôi tiếp tục, tôi sẽ phải chịu sự hành xác cho đến chết." Hậu quả của kỷ luật đau đớn này là anh ta mất đi sức lực và bắt đầu bị ngất xỉu và không bao giờ hồi phục hoàn toàn. Nhưng bất chấp mọi nỗ lực, tâm hồn nặng trĩu của anh vẫn không thấy nhẹ nhõm. Rốt cuộc, anh đã bị đẩy đến bờ vực tuyệt vọng.

Khi Luther cảm thấy dường như tất cả đã mất, Thiên Chúa đã dấy lên một người bạn và một người giúp đỡ. Staupitz thần thánh đã mở Lời Chúa cho tâm trí Luther và khiến anh ta rời xa chính mình, ngừng suy ngẫm về hình phạt đời đời vì vi phạm luật pháp của Chúa, và nhìn lên Chúa Giê-su, Đấng Cứu Rỗi tha thứ tội lỗi của anh ta. "Thay vì hành hạ bản thân vì tội lỗi, hãy lao vào vòng tay của Đấng Cứu Chuộc. Hãy tin cậy nơi Ngài--vào sự công chính của đời sống Ngài--vào sự chuộc tội bằng cái chết của Ngài. Hãy lắng nghe Con Thiên Chúa. Ngài đã trở thành con người để ban cho bạn sự đảm bảo về ân huệ thiêng liêng." "Hãy yêu mến Ngài, vì Ngài đã yêu bạn trước" Vị sứ giả của lòng thương xót đã nói như vậy. Lời nói của ông đã gây ấn tượng sâu sắc trong tâm trí Luther. Sau một cuộc đấu tranh mãnh liệt chống lại những sai lầm áp úp từ lâu, anh đã bám vào sự thật và sự bình yên đã đến với tâm hồn rắc rối của anh.

Luther được thụ phong linh mục và được mời từ tu viện đến giảng dạy tại Đại học Wittenberg. Ở đó, ông chuyên tâm nghiên cứu Kinh Thánh bằng các ngôn ngữ gốc. Anh bắt đầu nói chuyện về Kinh Thánh. Sách Thi thiên, Phúc âm và Thư tín đã được mở ra để đồng đạo người nghe thích thú hiểu được.

Staupitz, bạn và cấp trên của ông, đã thúc giục ông bước lên bục giảng và rao giảng Lời Chúa. Luther do dự, cảm thấy mình không xứng đáng để nói chuyện với dân chúng thay cho Đấng Christ. Anh ấy đã phải đấu tranh rất lâu trước khi chấp nhận yêu cầu của bạn bè. Luther vốn đã có quyền năng trong Kinh thánh và ân điển của Đức Chúa Trời ở trên ông. Tài hùng biện của ông đã thu hút người nghe và sự rõ ràng cũng như sức mạnh mà ông trình bày sự thật đã thâm nhập và thuyết phục sự hiểu biết của họ; lòng nhiệt thành của nhà sư đã chạm đến trái tim họ.

Luther vẫn là một người con đích thực của giáo hội giáo hoàng và không nghĩ sẽ có gì khác. Trong sự quan phòng của Chúa, ông được dẫn đến thăm Rome. Anh ấy đã thực hiện cuộc hành trình này bằng cách đi bộ, ở trong các tu viện trên đường đi. Trong một tu viện ở Ý, ông ngạc nhiên trước sự giàu có, lộng lẫy và sang trọng mà ông chứng kiến. Được úp đãi bởi thu nhập cao ngất ngưởng, các nhà sư sống trong những căn hộ lộng lẫy, trang điểm cho mình những bộ quần áo sang trọng và đắt tiền nhất, và dự tiệc trên những bàn tiệc xa hoa. Với những trần trở đau đớn, Luther đối chiếu khung cảnh này với lòng vị tha và sự cứng rắn của chính cuộc đời ông. Tâm trí anh bối rối.

Cuối cùng, anh nhìn thấy thành phố có bảy ngọn đồi ở phía xa. Với cảm xúc sâu sắc, anh ấy quỳ xuống đất và kêu lên: "Thánh Rome, tôi chào bạn!" Anh ta vào thành phố, viếng thăm các nhà thờ, lắng nghe những câu chuyện tuyệt vời được các linh mục và tu sĩ kể lại và thực hiện tất cả các nghi lễ cần thiết. Đầu đầu anh cũng chứng kiến những cảnh tượng khiến anh kinh ngạc và kinh hãi. Ông thấy rằng sự gian ác tồn tại trong mọi tầng lớp giáo sĩ. Anh ta nghe thấy những trò đùa khiếm nhã do các vị giám chức bày ra và kính hoàng trước những lời tục tĩu khùng khiep của họ, ngay cả trong thánh lễ. Khi hòa nhập với các tu sĩ và người dân, Luther đã chứng kiến sự phóng đảng và nhục dục. Bất cứ nơi nào anh quay lại, thay vì sự thánh thiện, anh đều thấy sự mạo phạm. Ông viết: "Thật không thể tin được những tội lỗi và sự tàn bạo đã xảy ra ở Rome; họ cần được nhìn thấy và nghe thấy để được tin tưởng. Đó là lý do tại sao người ta thường nói: 'Nếu có địa ngục, Rome sẽ được xây dựng trên đó'. Cô ấy là vực thẳm mà từ đó mọi tội lỗi phát sinh."

Theo một sắc lệnh gần đây, Đức Giáo Hoàng đã hứa ban ơn xá cho tất cả những ai quỳ gối trèo lên "cầu thang Philatô", được cho là đã được Đấng Cứu Thế của chúng ta đi xuống khi rời khỏi triều đình La Mã, và được vận chuyển một cách kỳ diệu từ Giêrusalem đến La Mã. Một ngày nọ, Luther đang sùng đạo leo lên những bậc thang này thì đột nhiên ông nghe thấy một giọng nói như sấm nói với ông: "Người công chính sẽ sống bởi đức tin".

Anh ta nhảy dựng lên và vội vã rời khỏi nơi đó, xấu hổ và kính hoàng. Bản văn Kinh thánh này không bao giờ mất đi sức mạnh trong tâm hồn vị tu sĩ người Đức. Từ đó trở đi, ông nhận thấy rõ hơn trước sự sai lầm của việc tin tưởng vào việc làm của con người để được cứu rỗi, và sự cần thiết của niềm tin thường xuyên vào công nghiệp của Chúa Kitô. Đôi mắt của anh ta đã được mở ra trước sự lừa dối của giáo hoàng và sẽ không bao giờ nhắm lại nữa. Khi anh quay lưng lại

đến Rome, ông cũng làm như vậy trong lòng và từ thời điểm đó, sự xa cách ngày càng lớn cho đến khi cắt đứt mọi liên hệ với nhà thờ giáo hoàng.

Khi trở về từ Rome, Luther nhận bằng tiến sĩ tại Đại học Wittenberg. Giờ đây, hơn bao giờ hết, anh được tự do cống hiến hết mình cho Kinh thánh mà anh vô cùng yêu thích. Ông đã long trọng thề sẽ nghiên cứu kỹ lưỡng và trung thành rao giảng Lời Chúa, chứ không phải những câu nói và học thuyết của các giáo hoàng, trong suốt cuộc đời mình. Ông không còn là một tu sĩ hay giáo viên đơn thuần nữa mà là một người được ủy quyền truyền bá Kinh thánh. Ông đã được kêu gọi làm mục tử để nuôi đàn chiên của Chúa, là đàn chiên đang đói khát lẽ thật. Ông kiên quyết tuyên bố rằng tín đồ Đấng Christ không được tiếp nhận giáo lý nào khác ngoài những giáo lý dựa trên thẩm quyền của Kinh thánh. Những lời này đã tàn phá nền tảng tối cao của giáo hoàng. Chúng chứa đựng nguyên tắc quan trọng của cuộc Cải cách.

Luther nhận thấy sự nguy hiểm của việc đề cao lý thuyết của con người lên trên Lời Chúa. Và ông đã mạnh dạn tấn công sự không chung thủy mang tính suy đoán của các học giả [các giáo sư đại học thời Trung cổ], đồng thời phản đối triết học và thần học vốn từ lâu đã có ảnh hưởng kiểm soát người dân. Ông tố cáo những kiến thức như vậy không những vô giá trị mà còn độc hại, đồng thời tìm cách chuyển tâm trí người nghe từ lời nguy biện của các triết gia và thần học sang những chân lý vĩnh cửu được các nhà tiên tri và sứ đồ trình bày.

Thông điệp mà anh ấy mang đến cho đám đông khao khát mẽ mẫn lời nói của anh ấy là quý giá. Trước đây họ chưa bao giờ được nghe những lời dạy như vậy. Tin vui về tình yêu thương của Đấng Cứu Rỗi, sự chắc chắn về sự tha thứ và sự bình an nhờ huyết chuộc tội của Ngài, đã làm cho lòng họ vui mừng và truyền cảm hứng cho họ về niềm hy vọng vĩnh cửu. Một ánh sáng đã được thắp lên ở Wittenberg, những tia sáng sẽ lan tới những nơi xa xôi nhất trên trái đất và sẽ ngày càng sáng hơn cho đến tận thế.

Nhưng ánh sáng và bóng tối không hòa hợp được. Giữa sự thật và sai lầm luôn có sự xung đột không thể tránh khỏi. Ủng hộ và bảo vệ người này chính là tấn công và lật đổ người kia. Đấng Cứu Rỗi của chúng ta đã tuyên bố: "Ta đến không phải để gửi bình an mà để đem gươm giáo." (Mat. 10:34) Luther đã tuyên bố, một vài năm sau khi bắt đầu Phong trào Cải cách: "Thiên Chúa không dẫn dắt tôi, Ngài thúc đẩy tôi tiến về phía trước. Tôi không làm chủ được hành động của chính mình. Tôi muốn sống hạnh phúc trong yên bình, nhưng tôi lại bị ném vào giữa sự hỗn loạn và cách mạng." Bây giờ anh ta sắp bị đẩy vào trận chiến.

Giáo hội La Mã đã thương mại hóa ân điển của Đức Chúa Trời. Bàn của những người đổi tiền (Mat. 21:12) được đặt cạnh bàn thờ của họ, và không khí vang lên tiếng la hét của người mua và người bán. Với lý do là gây quỹ để xây dựng nhà thờ Thánh Peter ở Rome, ân xá tội lỗi đã được rao bán công khai, dưới thẩm quyền của giáo hoàng. Với cái giá của tội ác, một ngôi đền phải được xây dựng để thờ phượng Đức Chúa Trời—viên đá góc nhà được đặt bằng tiền công của sự gian ác. Nhưng chính những phương tiện được sử dụng để tăng cường quyền lực của La Mã đã gây ra đòn chí mạng nhất cho quyền lực và sự vĩ đại của nó. Chính điều này đã làm nảy sinh những kẻ thù kiên quyết và thành công nhất của giáo hoàng, thúc đẩy cuộc chiến làm rung chuyển ngai vàng của giáo hoàng và khiến ba chiếc vương miện trên đầu giáo hoàng rung chuyển.

Viên chức được bổ nhiệm để quản lý việc bán ân xá ở Anh, tên là Tetzel, bị buộc tội về những tội ác hèn hạ nhất chống lại xã hội và chống lại Luật pháp của Chúa; nhưng, sau khi thoát khỏi hình phạt cho hành vi phạm tội của mình, anh ta đã được thuê để thúc đẩy các kế hoạch háo hức và vô đạo đức của giáo hoàng. Với lòng kiêu ngạo tốt độ, hấn lạp đi lạp lại những điều dối trá khét tiếng nhất và kể lại những câu chuyện hư cấu để đánh lừa những người cả tin, mê tín và thiếu hiểu biết. Nếu dân chúng có Lời Chúa trong tay, họ sẽ không bị lừa dối. Để giữ nó dưới sự kiểm soát của giáo hoàng và để tăng cường quyền lực và sự giàu có của những nhà lãnh đạo đầy tham vọng của nó, Kinh thánh đã được lấy ra khỏi nó.

Khi Tetzel vào một thành phố, một sứ giả đi trước anh ta thông báo: "Ân sủng của Chúa và Đức Thánh Cha đang ở trước cửa nhà bạn." Và dân chúng chào đón kẻ bán bỏ tự phụ như thể chính Thiên Chúa đã từ Thiên đường xuống với họ. Giao thông khét tiếng đã xâm nhập vào nhà thờ và Tetzel, lên bục giảng, đề cao ân xá như món quà quý giá nhất của Chúa. Nó tuyên bố rằng nhờ những giấy chứng nhận tha thứ này, mọi tội lỗi mà người mua muốn phạm sau này sẽ được tha thứ, và "sự ăn năn là không thể bỏ được". Hơn thế nữa, ông còn đảm bảo với người nghe rằng sự ân xá có khả năng cứu không chỉ người sống mà cả người chết; rằng vào đúng thời điểm đồng tiền kêu leng keng dưới đáy lồng ngực, linh hồn được ban ơn đã rời khỏi luyện ngục và hướng về Thiên đường.

Khi pháp sư Simon muốn lấy quyền từ các tông đồ để làm phép lạ, Phêrô đã trả lời ông ta: "Tiền bạc của ông sẽ bị tiêu hủy, vì ông tưởng rằng ân huệ của Thiên Chúa là nhờ tiền bạc" (Cv 8:20). Nhưng lời đề nghị của Tetzel đã được hàng ngàn người đón nhận một cách háo hức. Vàng và bạc chảy vào kho bạc. Sự cứu rỗi có thể mua được bằng tiền thì dễ dàng đạt được hơn sự cứu rỗi đòi hỏi sự hối cải, đức tin và nỗ lực siêng năng để chống lại và khắc phục tội lỗi.

Học thuyết về ân xá đã bị những người có học thức và sùng đạo trong nhà thờ La Mã phản đối, và có nhiều người không tin vào những tuyên bố trái ngược với cả lý trí lẫn sự mặc khải. Không có vị giám chức nào dám lên tiếng phản đối hành vi buôn bán gian ác này, nhưng tâm trí của mọi người đang trở nên bối rối và xấu hổ, và nhiều người lo lắng hỏi liệu Chúa có thực hiện một số công cụ nào đó để thanh lọc hội thánh của Ngài hay không.

Luther, mặc dù vẫn là một người theo giáo hoàng nghiêm khắc nhất, vẫn vô cùng kinh hãi trước những hành động bán bỏ của những kẻ buôn bán niềm đam mê. Nhiều người trong giáo đoàn của ông đã nhận được giấy chứng nhận ân xá đã sớm kháng cáo với mục sư của họ để thú nhận những tội lỗi khác nhau của họ và hy vọng được xá tội, không phải vì họ là những người sám hối và mong muốn cải tạo, mà trên cơ sở ân xá. Luther từ chối ban phép xá tội cho họ và cảnh báo họ rằng trừ khi họ ăn năn và cải cách cuộc sống, nếu không họ sẽ diệt vong trong tội lỗi của mình. Trong tâm trạng vô cùng bối rối, họ đến gặp Tetzel với lời phàn nàn rằng cha giải tội đã từ chối chứng nhận của họ. Và một số còn mạnh dạn yêu cầu trả lại tiền cho họ. Vị tu sĩ vô cùng tức giận. Ông ta thốt ra những lời nguyên rủa khùng khiếp nhất và ra lệnh đốt lửa ở các quảng trường công cộng và tuyên bố rằng ông ta đã nhận được lệnh của Giáo hoàng để "thiêu đốt những kẻ dị giáo dám chống lại sự ân xá thánh thiện nhất của ông ta".

Luther giờ đây đã mạnh dạn bước vào công việc của mình với tư cách là người đấu tranh cho sự thật. Giọng nói của ông vang lên từ bục giảng với giọng cảnh báo đầy nhiệt huyết và trang trọng. Ngài phơi bày trước dân chúng tính chất xúc phạm của tội lỗi, dạy họ rằng con người không thể bằng việc làm của mình để giảm bớt tội lỗi hoặc thoát khỏi sự trừng phạt của nó. Không gì có thể cứu được tội nhân ngoài sự ăn năn đối với Đức Chúa Trời và đức tin nơi Đấng Christ. Ân sủng của Chúa Kitô không thể có được; đó là một món quà miễn phí. Luther khuyên dân chúng không nên lãnh nhận các ân xá, nhưng hãy nhìn Đấng Cứu Chuộc bị đóng đinh bằng đức tin. Ông kể lại kinh nghiệm đau đớn của chính mình trong việc tìm kiếm sự nhọc nhằn và tự trừng phạt để đảm bảo sự cứu rỗi, đồng thời đảm bảo với người nghe rằng chính nhờ nhìn ra bên ngoài và tin vào Chúa Kitô mà ông đã tìm thấy sự bình an và niềm vui.

Trong khi Tetzel tiếp tục công việc kinh doanh và những hành động vô đạo đức của mình, Luther quyết định thực hiện một cuộc phản đối hiệu quả hơn chống lại những hành vi lạm dụng trắng trợn này. Một cơ hội thích hợp cho việc này sớm xuất hiện. Nhà thờ lâu đài Wittenberg có nhiều thánh tích mà vào một số ngày thánh nhất định, chúng được trưng bày cho công chúng. Tất cả những ai đến thăm nhà thờ và xưng tội đều được tha tội hoàn toàn. Dựa theo

Theo thông lệ ngày ấy, người dân đến dự rất đông. Một trong những dịp quan trọng nhất, lễ "Các Thánh" đang đến gần. Ngày hôm trước, Luther, cùng với đám đông đi đến nhà thờ, dán trên cửa nhà thờ một tài liệu chứa 95 mệnh đề chống lại giáo lý về ân xá. Anh ấy tuyên bố sẵn sàng bảo vệ họ tại trường đại học vào ngày hôm sau, chống lại bất kỳ ai muốn tấn công họ.

Đề xuất của ông đã thu hút sự chú ý rộng rãi. Chúng được đọc đi đọc lại và lặp đi lặp lại ở khắp mọi nơi. Sự phẫn khích lớn nảy sinh tại trường đại học và khắp thành phố. Bởi vì Những luận điểm này cho thấy rằng quyền tha tội và tha hình phạt chưa bao giờ được trao cho giáo hoàng hay bất kỳ người nào khác. Toàn bộ kế hoạch nuông chiều chỉ là một trò lừa bịp, một thủ đoạn nhằm tống tiền bằng cách lợi dụng sự mê tín của nhân dân, một thủ đoạn của Satan nhằm tiêu diệt linh hồn của tất cả những ai tin vào sự giả dối dối trá của hắn. Nó cũng được chứng minh rõ ràng rằng phúc âm của Đấng Christ là kho báu quý giá nhất của hội thánh, và ân điển của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong đó được ban miễn phí cho tất cả những ai tìm kiếm nó trong sự ăn năn và đức tin.

Các luận điểm của Luther đã gây ra cuộc thảo luận; nhưng không ai dám chấp nhận thử thách. Những câu hỏi mà ông đề xuất đã lan truyền khắp nước Đức trong vài ngày, và sau vài tuần, chúng vang dội khắp các nước theo đạo Cơ đốc. Nhiều người theo chủ nghĩa La Mã tận tụy đã chứng kiến và than thở về sự tội ác khủng khiếp đang lan tràn trong nhà thờ, nhưng không biết làm thế nào để ngăn chặn sự tiến bộ của nó, đã đọc những luận văn này với niềm vui lớn lao, nhận ra trong đó tiếng nói của Chúa. Họ cảm thấy rằng Chúa đã nhân tử ra tay ngăn chặn làn sóng tham nhũng đang gia tăng nhanh chóng từ triều đình La Mã. Các hoàng tử và quan tòa thậm chí vui mừng vì thế lực kiêu ngạo từ chối quyền kháng cáo các quyết định của mình sắp bị đàn áp.

Nhưng đám đông mê tín và ưa tội lỗi lại khiếp sợ khi những lời nguyền biện xoa dịu nỗi sợ hãi của họ bị quét sạch. Các giáo sĩ xảo quyệt, bị bắt khi đang thực hiện hành vi phê chuẩn tội ác và thấy thu nhập của họ đang gặp nguy hiểm, đã rất tức giận và cùng nhau bảo vệ những tham vọng của mình. Nhà cải cách bây giờ phải đối mặt với những lời buộc tội gay gắt. Một số người buộc tội anh ta hành động vội vàng và bốc đồng. Những người khác buộc tội anh ta tự phụ, tuyên bố rằng anh ta không được Chúa hướng dẫn, mà hành động một cách kiêu ngạo và kiêu ngạo. Luther trả lời: "Ai mà không biết rằng hiếm khi có ai cố vũ một ý tưởng mới mà không tỏ ra kiêu ngạo và không bị buộc tội là đã kích động xung đột?... Tại sao Chúa Kitô và tất cả các vị tử đạo lại bị giết? Bởi vì họ có vẻ như là những kẻ kiêu ngạo coi thường Chúa". sự khôn ngoan của thời đại họ đang sống, và bởi vì họ đưa ra những ý tưởng mới mà không hề khiêm tốn tham khảo ý kiến của những quan điểm cũ."

Một lần nữa, nhà cải cách tuyên bố: "Những gì tôi đang làm sẽ không được thực hiện bởi ý nghĩ của con người, mà bởi lời khuyên của Chúa. Nếu công việc là của Chúa, ai có thể ngăn cản nó? Nếu không, ai có thể tiến hành nó? Thậm chí không Ý muốn của con, không phải của họ cũng không phải của chúng con; nhưng là ý muốn của Cha, Ôi Cha thánh, Đấng ngự trên trời."

Mặc dù Luther được Thánh Linh của Đức Chúa Trời thúc đẩy để bắt đầu công việc của mình, nhưng ông không thể tiến hành công việc đó mà không có xung đột gay gắt. Những lời buộc tội của kẻ thù, sự bóp méo mục đích của anh ta cũng như những đề cập không công bằng và ác ý đến tính cách và động cơ của anh ta, ập đến với anh ta như một trận lũ tàn khốc và không hề có tác dụng. Ông đã nghĩ rằng các nhà lãnh đạo nhân dân, cả trong nhà thờ và trường học, sẽ vui vẻ tham gia cùng ông trong nỗ lực cải cách. Những lời động viên của những người có chức vụ cao đã mang lại cho anh niềm vui và hy vọng. Anh đã thấy trước một ngày tươi sáng hơn sẽ đến với nhà thờ. Nhưng sự nhiệt tình này đã biến thành sự chỉ trích và lên án. Nhiều chức sắc, cả

của Giáo hội và Nhà nước, tin chắc vào tính xác thực của luận điểm của mình; nhưng họ sớm nhận ra rằng việc chấp nhận những sự thật này sẽ kéo theo những thay đổi lớn lao. Khai sáng và cải cách người dân gần như là làm suy yếu quyền lực của La Mã, ngăn chặn hàng nghìn dòng thác hiện đang chảy vào kho bạc của nó, và do đó cắt đứt sự xa hoa và xa hoa của các nhà lãnh đạo giáo hoàng. Hơn nữa, việc dạy mọi người suy nghĩ và hành động như những người có trách nhiệm, chỉ nhìn vào Chúa Kitô để đạt được sự cứu rỗi, sẽ lật đổ ngai tòa giáo hoàng và hậu quả là hủy hoại thẩm quyền của chính họ. Vì lý do này, chính quyền đã bác bỏ sự hiểu biết do Thiên Chúa ban tặng, và tự chống lại Chúa Kitô và sự thật bằng cách chống lại người được sai đến để soi sáng cho họ.

Luther run rẩy khi nhìn lại chính mình, một người đàn ông đang chống lại những kẻ thống trị quyền lực nhất trên Trái đất. Đôi khi anh nghi ngờ liệu mình có thực sự được Chúa hướng dẫn để chống lại quyền lực của nhà thờ hay không. Ông viết: "Tôi là ai mà dám chống lại sự uy nghiêm của Giáo hoàng, người mà trước mặt các vị vua trên trái đất và cả thế giới phải run sợ." Trong tuyệt vọng, tôi thường lặn xuống. Nhưng ông không bị bỏ rơi trong sự chán nản: Khi sự hỗ trợ của con người không còn nữa, ông chỉ nhìn lên Chúa và biết rằng ông có thể hoàn toàn yên tâm tựa vào cánh tay toàn năng đó.

Luther đã viết cho một người bạn theo phong trào Cải cách: "Chúng ta không thể hiểu Kinh thánh bằng cách nghiên cứu hay bằng trí tuệ. Vì vậy, nhiệm vụ đầu tiên của bạn phải bắt đầu bằng lời cầu nguyện. Hãy cầu xin Chúa để Ngài thương xót bạn điều đó. Lòng thương xót dồi dào của Ngài là sự hiểu biết Lời Ngài. Không có người nào giải thích Lời Chúa ngoài chính Tác giả của Lời đó. Như chính Ngài đã phán: 'Và tất cả họ sẽ được Đức Chúa Trời dạy dỗ.' Đừng mong đợi điều gì từ việc học hỏi và sức mạnh trí tuệ của bạn, mà chỉ cần tin cậy vào Chúa và sự hướng dẫn của Thánh Linh Ngài. Hãy tin vào người có kinh nghiệm trong vấn đề này." Đây là một bài học vô cùng quan trọng dành cho những ai cảm thấy rằng Chúa đã kêu gọi họ với mục đích trình bày cho người khác những lẽ thật long trọng về thời điểm này. Những sự thật này sẽ kích động sự thù địch của Satan và những người yêu thích những câu chuyện ngụ ngôn mà hắn đã bịa ra. Để xung đột với quyền lực của sự dữ, cần có một điều gì đó hơn là sức mạnh của trí tuệ và trí tuệ con người.

Khi kẻ thù kêu gọi các phong tục và truyền thống, hoặc các tuyên bố và thẩm quyền của giáo hoàng, Luther đã gặp họ bằng Kinh thánh và chỉ Kinh thánh mà thôi. Đây là những lập luận mà họ không thể trả lời; vì lý do này mà những nô lệ của chủ nghĩa hình thức và mê tín đã kêu gọi máu của Người, như người Do Thái đã làm vì máu của Chúa Kitô. "Hắn là một kẻ dị giáo," những kẻ cuồng tín La Mã gầm lên. "Thật tội lỗi khi để hắn sống thêm một giờ nữa! Đưa hắn lên giá treo cổ ngay lập tức!" Tuy nhiên, Luther đã không trở thành nạn nhân của cơn thịnh nộ của ông ta. Chúa có một công việc cho anh ta và các thiên thần đã được gửi đến từ Thiên đường để bảo vệ anh ta. Tuy nhiên, nhiều người đã nhận được ánh sáng quý giá từ Luther, đã trở thành đối tượng cho cơn thịnh nộ của Satan, và vì sự thật đã can đảm chịu đựng sự tra tấn và cái chết.

Những lời dạy của Luther đã thu hút sự chú ý của những bộ óc biết suy nghĩ trên khắp nước Đức. Từ những bài giảng và bài viết của ông đã phát ra những tia sáng đánh thức và soi sáng cho hàng ngàn người. Một đức tin sống động đang thay thế chủ nghĩa hình thức đã chết mà nhà thờ đã duy trì từ lâu. Người dân ngày càng mất niềm tin vào những mê tín của chủ nghĩa La Mã. Những rào cản của định kiến đã sụp đổ. Lời Chúa qua đó Luther đã chứng minh mọi giáo lý và lời tuyên bố giống như một con dao hai lưỡi đâm vào lòng người. Khắp mọi nơi ước muốn tiến bộ tâm linh đã được đánh thức. Khắp nơi đều có sự đói khát công lý chưa từng có trong nhiều thế kỷ. Vì vậy, con mắt của mọi người

thời gian hướng đến những nghi lễ của con người và những người trung gian trần thế, giờ đây họ quay sang ăn năn và đức tin vào Chúa Kitô và Ngài bị đóng đinh.

Sự quan tâm rộng rãi này càng làm dấy lên nỗi lo sợ của chính quyền Giáo hoàng. Luther nhận được lệnh triệu tập đến Rome để trả lời cáo buộc dị giáo. Mệnh lệnh khiến bạn bè anh kinh hãi. Họ biết rất rõ mối nguy hiểm đang đe dọa Người trong thành phố thối nát này, nơi đã say máu các vị tử đạo của Chúa Giêsu. Họ phản đối việc ông đến Rome và yêu cầu ông được thăm vấn ở Đức.

Sự sắp xếp này cuối cùng đã được thực hiện và một giáo hoàng hợp pháp đã được chỉ định để xét xử vụ việc. Các chỉ thị mà giáo hoàng truyền đạt cho quan chức của ông nói rằng Luther đã bị tuyên bố là một kẻ dị giáo. Do đó, người thừa hành bị buộc tội "truy tố anh ta và buộc anh ta phải phục tùng ngay lập tức." Nếu anh ta vẫn không thể khuất phục và người thừa kế không chiếm hữu được người của anh ta, anh ta có quyền "kết án anh ta ở khắp mọi nơi trên nước Đức, lưu đày, nguyên rủa." và ra vạ tuyệt thông tất cả những ai có liên hệ với ông ta." Giáo hoàng cũng ra lệnh cho đại diện của mình, với mục đích nhỏ tận gốc rễ tà giáo nguy hiểm, ra vạ tuyệt thông tất cả mọi người, ngoại trừ hoàng đế, bất kể phẩm giá của họ trong nhà thờ hay nhà nước, và tất cả những ai từ chối làm như vậy bắt giữ Luther và những người theo ông ta, giao họ cho sự báo thù của La Mã.

Ở đây thể hiện tinh thần thực sự của giáo hoàng. Không có gợi ý nào về các nguyên tắc Cơ đốc giáo hoặc thậm chí công lý chung có thể được nhìn thấy xuyên suốt tài liệu. Luther ở xa Rome và không có cơ hội để giải thích hay bảo vệ quan điểm của mình. Tuy nhiên, trước khi vụ án của anh ta được điều tra, anh ta đã bị tuyên bố là một kẻ dị giáo, và cùng ngày đó anh ta đã bị cảnh cáo, buộc tội, xét xử và lên án; và tất cả những điều này bởi người tự xưng là cha thánh, người có thẩm quyền tối cao và không thể sai lầm duy nhất trong Giáo hội hoặc Nhà nước!

Vào thời điểm đó, khi Luther rất cần sự cảm thông và lời khuyên của một người bạn chân chính, thì sự quan phòng của Chúa đã gửi Philip Melancthon đến Wittenberg. Trẻ trung, khiêm tốn và nhút nhát trong cách cư xử, khả năng phán đoán đúng đắn, kiến thức sâu rộng và tài hùng biện thuyết phục, kết hợp với tính cách trong sáng và chính trực của Melancthon đã giành được sự ngưỡng mộ và quý trọng chung. Tài năng rực rỡ của anh ấy không nổi bật hơn bản chất hiền lành của anh ấy. Anh nhanh chóng trở thành một môn đệ nhiệt thành của phúc âm, người bạn trung thành nhất và sự hỗ trợ quý giá nhất của Luther. Lòng tốt, sự tận trọng và sự chính xác của ông là sự bổ sung cho lòng dũng cảm và nghị lực của nhà cải cách người Đức. Việc ông tuân thủ công việc đã tiếp thêm sức mạnh cho cuộc Cải cách và là nguồn phấn khích lớn lao cho Luther.

Augsburg đã được chỉ định làm nơi xét xử, và nhà cải cách đã lên đường đi bộ để thực hiện cuộc hành trình đến thành phố đó. Có những nỗi sợ hãi nghiêm trọng về anh ta. Những lời đe dọa công khai được đưa ra rằng anh ta sẽ bị bắt cóc và sát hại trên đường đi, và bạn bè của anh ta cầu xin anh ta đừng mạo hiểm. Họ thậm chí còn cầu xin anh rời Wittenberg một thời gian và tìm kiếm sự an toàn với những người sẵn lòng bảo vệ anh. Nhưng ông không muốn rời bỏ vị trí mà Chúa đã đặt để cho ông. Anh ta phải tiếp tục trung thành duy trì lẽ thật, bất chấp những cơn bão ập đến với anh ta. Ngôn ngữ của ông là: "Tôi giống như Giê-rê-mi, một người hay tranh đấu và xung đột; nhưng mối đe dọa của họ càng gia tăng, họ càng nhân lên niềm vui của tôi... Họ đã hủy hoại danh dự và danh tiếng của tôi. Tất cả những gì còn lại là của tôi." thân xác khốn khổ của tôi; hãy để họ lấy nó đi và như thế sẽ rút ngắn mạng sống của tôi đi vài giờ. Nhưng đối với linh hồn của tôi, họ sẽ không lấy được nó. Ai quyết tâm mang chân lý của Chúa Kitô đến cho thế giới thì phải chờ đợi cái chết bất cứ lúc nào."

Tin tức về việc Luther đến Augsburg đã mang lại sự hài lòng lớn lao cho vị giáo hoàng. Kẻ dị giáo nổi loạn đang thu hút sự chú ý của cả thế giới

bây giờ nó dường như nằm trong quyền lực của Rome, và người hợp pháp quyết định rằng Luther không nên trốn thoát. Nhà cải cách đã không tự trang bị cho mình cách cư xử an toàn. Bạn bè của anh ấy đã thúc giục anh ấy không xuất hiện trước quan đại diện mà không có sự bảo vệ này, và chính họ đã cố gắng giành được nó từ hoàng đế. Đại diện giáo hội của Rome có ý định buộc Luther, nếu có thể, phải rút lui hoặc nếu không làm được thì đưa ông đến Rome để chia sẻ số phận của Huss và Jerome. Vì vậy, thông qua các đặc vụ của mình, hắn đã làm mọi cách để xúi giục Luther xuất hiện với thái độ không an toàn và tin tưởng vào lòng mộ đạo của mình. Đây là điều mà nhà cải cách kiên quyết từ chối thực hiện. Cho đến khi nhận được tài liệu hứa hẹn sự bảo vệ của hoàng đế, Luther vẫn không xuất hiện trước sự chứng kiến của đại sứ Giáo hoàng.

Vì lý do chính trị, những người theo chủ nghĩa La Mã đã quyết định thu phục Luther nhờ vẻ ngoài lịch sự. Người đại diện, trong các cuộc phỏng vấn với anh ta, đã tuyên bố anh ta có tình bạn tuyệt vời, nhưng yêu cầu Luther phải ngậm phục tùng quyền lực của nhà thờ và nhượng bộ mọi điểm mà không cần thảo luận hay thắc mắc. Sứ thần của Giáo hoàng đã không đánh giá đúng tính cách của người mà ông phải đối phó. Đáp lại, Luther thể hiện sự tôn trọng của mình đối với nhà thờ, khát khao chân lý, sẵn sàng trả lời mọi phản đối đối với những gì ông đã dạy và đưa học thuyết của mình ra để kiểm tra một số trường đại học khét tiếng nhất. Nhưng đồng thời, ông phản đối hành vi của hồng y, người đã yêu cầu ông rút lui mà thậm chí không chứng minh được bất kỳ lỗi nào từ phía mình.

Câu trả lời duy nhất là: "Rút lại, rút lại!" Nhà cải cách cho thấy thái độ của ông được Kinh Thánh ủng hộ và tuyên bố kiên quyết rằng ông không thể từ bỏ lẽ thật. Di sản, không thể đáp lại lập luận của Luther, đã tung ra một cơn bão cáo buộc, khinh miệt và tâng bốc ông, xen kẽ với những trích dẫn từ truyền thống và những tuyên bố từ các giáo phụ, không cho nhà cải cách cơ hội lên tiếng. Nhận thấy rằng hội nghị tiếp tục theo cách này sẽ hoàn toàn vô ích, Luther cuối cùng đã miễn cưỡng được phép trình bày câu trả lời của mình bằng văn bản.

Ông nói khi viết thư cho một người bạn rằng "khi làm như vậy, những người bị áp bức được hưởng lợi ích kép: thứ nhất, những gì được viết ra có thể bị người khác phán xét; thứ hai, có cơ hội tốt hơn để giải quyết nỗi sợ hãi, nếu không thì lương tâm của một kẻ chuyên quyền kiêu ngạo và ba hoa, kẻ sẽ thống trị bằng ngôn ngữ bắt buộc của mình." Trong cuộc phỏng vấn sau đây, Luther đã trình bày rõ ràng, ngắn gọn và hiệu quả quan điểm của mình, được hỗ trợ đầy đủ bởi nhiều trích dẫn từ Kinh thánh. Tài liệu này sau khi được đọc to đã được Luther chuyển giao cho hồng y, tuy nhiên, ông đã ném nó sang một bên với vẻ khinh thường, tuyên bố rằng đây là một cụm từ ngữ vu vơ và những trích dẫn không liên quan. Luther, cảm thấy hoàn toàn bị thách thức, đã đối đầu với vị giám mục kiêu ngạo trên chính lập trường của mình—các truyền thống và giáo lý của nhà thờ—và hoàn toàn thách thức các giả định của ông ta.

Khi vị giám mục thấy lý lẽ của Luther không thể giải đáp được, ông mất hết tự chủ và giận dữ kêu lên: "Hãy rút lui nếu không tôi sẽ cử anh đến Rome để trình diện trước các thẩm phán được ủy nhiệm xét xử vụ án của anh. Hãy rút phép thông công anh ta, cả những người ủng hộ anh ta và những người ủng hộ anh ta." những người ủng hộ anh ta bất cứ lúc nào, ném họ ra khỏi nhà thờ." Và cuối cùng anh ta tuyên bố với giọng điệu kiêu kỳ và giận dữ: "Hãy rút lui hoặc không quay lại!"

Nhà cải cách nhanh chóng rút lui cùng với bạn bè của mình, do đó tuyên bố đầy đủ rằng không thể mong đợi sự rút lui nào từ phía ông. Đây không phải là mục đích mà đức hồng y đã đặt ra để đạt được. Anh ta đã khoe khoang về việc buộc Luther phải phục tùng bằng bạo lực. Giờ đây, chỉ còn lại một mình với những người đi theo, ông nhìn hết người này đến người khác, hoàn toàn thất vọng vì sự thất bại bất ngờ trong phương pháp của mình.

Những nỗ lực của Luther trong dịp này không phải là không có kết quả tốt. Đại hội đồng người có mặt đã có cơ hội so sánh hai người đàn ông và tự mình đánh giá tinh thần mà họ thể hiện cũng như sức mạnh và tính xác thực trong lập trường của họ. Sự tương phản thật ấn tượng làm sao! Nhà cải cách đơn sơ, khiêm tốn, kiên quyết, luôn ở trong sức mạnh của Thiên Chúa, với sự thật ở bên cạnh; người đại diện của giáo hoàng, tự phụ, độc đoán, kiêu kỳ và phi lý, không có một lý lẽ nào được rút ra từ Kinh thánh mà vẫn hét lên kịch liệt: "Hãy rút lui, nếu không ông sẽ bị đưa đến Rome để chịu hình phạt!"

Mặc dù Luther đã tự đảm bảo cho mình cách cư xử an toàn, những người theo chủ nghĩa La Mã vẫn âm mưu bắt và bỏ tù ông. Bạn bè của anh ta nhấn mạnh rằng việc anh ta kéo dài thời gian ở đó là vô ích và anh ta phải trở về Wittenberg ngay lập tức, và phải hết sức đề phòng để che giấu ý định của anh ta.

Đồng ý với những cân nhắc của bạn bè, anh rời Augsburg trước bình minh, trên lưng ngựa, chỉ đi cùng với một người hướng dẫn do quan tòa chỉ định. Với nhiều điếm báo, anh đi qua những con đường tối tăm và im lặng của thành phố. Những kẻ thù cảnh giác và tàn ác đang âm mưu hủy diệt anh. Liệu anh ta có thoát khỏi những cái bẫy đã giăng ra cho mình? Đây là những lúc lo lắng và cầu nguyện nhiệt thành. Luther đến một cánh cửa nhỏ trên tường thành.

Anh ta mở nó ra và cùng với người hướng dẫn đi qua nó mà không gặp vấn đề gì. Khi đã ra ngoài an toàn, những kẻ chạy trốn vội vã trốn thoát, và trước khi người thừa kế biết về sự ra đi của Luther, anh ta đã nằm ngoài tầm với của những kẻ truy đuổi. Satan và các sứ giả của hắn đã bị đánh bại. Người mà họ cho là thuộc quyền lực của họ đã trốn thoát như một con chim thoát khỏi bẫy của thợ săn.

Khi nghe tin Luther trốn thoát, người đại diện vô cùng ngạc nhiên và tức giận. Anh đã hy vọng nhận được vinh dự lớn lao vì sự khôn ngoan và kiên quyết của mình khi đối phó với kẻ gây rối trong hội thánh, nhưng niềm hy vọng của anh đã thất vọng. Anh ta trút giận qua một bức thư gửi cho Frederick, Tuyển hầu tước Saxony, gay gắt tố cáo Luther và yêu cầu Frederick cử nhà cải cách đến Rome hoặc trục xuất anh ta khỏi Saxony.

Để bảo vệ mình, Luther nhấn mạnh rằng giáo hoàng phải chỉ cho ông những sai sót của ông so với Kinh thánh, và long trọng cam kết từ bỏ các học thuyết của mình nếu chúng có thể mâu thuẫn với Lời Chúa. Và ông bày tỏ lòng biết ơn Chúa vì đã được coi là đáng chịu đau khổ vì một mục đích thiêng liêng như vậy.

Cử tri vẫn còn ít hiểu biết về các học thuyết Cải cách, nhưng bị ấn tượng sâu sắc trước sự chân thành, mạnh mẽ và trong sáng trong lời nói của Luther; và cho đến khi nhà cải cách được chứng minh là có sai sót, Frederick quyết định vẫn là người bảo vệ ông ta. Đáp lại yêu cầu của người đại diện, ông viết: "Vì Tiến sĩ Martinho xuất hiện ở Augsburg trước sự chứng kiến của bạn, bạn nên hài lòng. Chúng tôi không mong đợi bạn sẽ nỗ lực khiến ông ấy rút lui mà không khiến ông ấy bị thuyết phục về lỗi lầm của mình. Không có gì trong số đó những người uyên bác trong công quốc của chúng ta đã nói với chúng ta rằng học thuyết của Martin là vô đạo, chống Thiên chúa giáo hoặc dị giáo. Do đó, chúng ta phải từ chối gửi Luther đến Rome hoặc trục xuất ông ta khỏi Bang của chúng ta. "

Cử tri đã nhận thấy sự sụp đổ chung của các rào cản đạo đức trong xã hội. Một dự án cải tạo lớn là cần thiết. Những biện pháp phức tạp và tốn kém để hạn chế và trừng phạt tội phạm sẽ không cần thiết nếu con người chỉ nhận ra và tuân theo những điều răn của Thiên Chúa cũng như những mệnh lệnh của lương tâm trong sáng.

Ông nhận ra rằng Luther đang nỗ lực hướng tới mục tiêu này, và ông thậm chí vui mừng vì nhà thờ đang có ảnh hưởng tốt hơn.

Ông cũng thấy rằng, với tư cách là giáo sư tại trường Đại học, Luther đã đạt được thành công rõ rệt. Chỉ một năm trôi qua kể từ khi nhà cải cách công bố luận văn của mình

trong nhà thờ lâu đài, và số lượng người hành hương đến thăm nhà thờ trong lễ hội "All Saints" đã giảm mạnh. Rome đã vắng bóng những người thờ phượng và lễ vật, nhưng chỗ của họ đã được lấp đầy bởi một tầng lớp khác, những người hiện đã đến Wittenberg, không phải những người hành hương để tôn thờ thánh tích của họ mà là những sinh viên lấp đầy lớp học của họ. Các tác phẩm của Luther ở khắp mọi nơi đã khơi dậy mối quan tâm mới về Kinh thánh, và không chỉ từ khắp nơi trên nước Đức mà còn từ các vùng đất khác, sinh viên đổ xô đến trường Đại học. Những thanh niên đến Wittenberg lần đầu tiên "giơ tay lên trời và ca ngợi Chúa vì đã khiến ánh sáng chân lý chiếu rọi từ Wittenberg như đã chiếu rọi từ Núi Zion ngày xưa, để từ đó nó sẽ xuyên thấu nhất". những vùng đất xa xôi."

Luther vẫn chỉ được cải đạo một phần từ những sai lầm của chủ nghĩa La Mã. Nhưng ông giật mình khi so sánh Kinh thánh với các sắc lệnh và hiến pháp của giáo hoàng. Nhà cải cách viết: "Tôi đang đọc các sắc lệnh của giáo hoàng và... tôi không biết liệu giáo hoàng là kẻ phản Kitô hay tông đồ của hắn, theo cách mà Chúa Kitô được thể hiện một cách sai lầm và thậm chí bị đóng đinh trong đó." Tuy nhiên, Luther vẫn là người ủng hộ Giáo hội Rome vào thời điểm này và không nghĩ rằng mình sẽ tách khỏi sự hiệp thông của mình.

Các bài viết và học thuyết của Nhà Cải cách đã lan rộng khắp các quốc gia theo đạo Cơ đốc. Công việc mở rộng sang Thụy Sĩ và Hà Lan. Bản sao các tác phẩm của ông đã đến được Pháp và Tây Ban Nha. Ở Anh, những lời dạy của ông được đón nhận như lời lẽ sống. Sự thật cũng đến tai Bỉ và Ý. Hàng ngàn người đã thức tỉnh từ cơn mê phàm trần trước niềm vui và hy vọng của một đời sống đức tin.

Rome ngày càng trở nên bức tức hơn trước các cuộc tấn công của Luther, và một số đối thủ cuồng tín nhất của ông, thậm chí cả các bác sĩ tại các trường đại học Công giáo, đã tuyên bố rằng bất cứ ai giết vị tu sĩ nổi loạn sẽ không phạm tội. Một ngày nọ, một người lạ với khẩu súng giấu dưới áo choàng đến gần nhà cải cách và hỏi tại sao ông lại đi một mình. Luther trả lời: "Tôi ở trong tay Chúa".

"Anh ấy là sự giúp đỡ và là tấm khiên của tôi. Con người có thể làm gì được tôi?" Nghe những lời này, người lạ mặt tái mét và bỏ chạy, như thể đang trốn tránh sự hiện diện của thiên thần trên trời.

Rô-ma đã quyết định tiêu diệt Luther, nhưng Đức Chúa Trời là người bảo vệ ông. Học thuyết của ông được nghe thấy ở khắp mọi nơi - trong tu viện, trong nhà nông dân, trong lâu đài của quý tộc, trong các trường đại học và trong cung điện hoàng gia; và các quý tộc đang nổi lên từ mọi phía để duy trì nỗ lực của họ.

Chính trong dịp này, Luther, khi đọc các tác phẩm của Huss, đã thấy rằng sự thật vĩ đại về sự công chính hóa bằng đức tin mà chính ông tìm cách ủng hộ và giảng dạy, đã được nhà cải cách Bohemian rao giảng. Luther tuyên bố: "Tất cả chúng ta, Paul, Augustine và tôi, đều là người Hussite mà không biết điều đó!" Và ông nói tiếp: "Chắc chắn Thiên Chúa sẽ buộc thế giới phải chịu trách nhiệm về điều này, bởi vì sự thật đã được rao giảng cho Ngài một thế kỷ trước và đã bị đốt cháy! "

Trong lời kêu gọi hoàng đế và giới quý tộc Đức ủng hộ cuộc Cải cách Kitô giáo, Luther đã viết về giáo hoàng: "Thật là quái dị khi thấy ông ấy, người được gọi là đại diện của Chúa Kitô, lại tự hào về sự vĩ đại đến mức không một hoàng đế nào có thể sánh bằng. Điều này tượng trưng cho Chúa Giêsu nghèo khó và khiêm nhường hay Phêrô khiêm tốn? Họ nói, giáo hoàng là chúa tể thế giới! Nhưng Chúa Kitô, vị đại diện mà ngài tự hào, đã nói: 'Nước của Ta không thuộc về thế gian này'. một cha sở vượt xa cấp trên của bạn?"

Về các trường đại học, ông viết: "Tôi vô cùng lo sợ rằng các trường đại học sẽ trở thành những cánh cổng dẫn đến địa ngục trừ khi họ siêng năng giải thích Kinh thánh và khắc ghi chúng vào tâm hồn giới trẻ của chúng ta. Kinh Thánh không được tuân theo như một quy luật của cuộc sống. Mọi tổ chức mà Lời Chúa không được nghiên cứu kỹ lưỡng đều có xu hướng trở nên hư hỏng."

Lời kêu gọi này nhanh chóng lan truyền khắp nước Đức và gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến người dân. Cả nước náo động và vô số người được tập hợp xung quanh ngọn cờ Cải cách. Những người phản đối Luther, nhiệt thành mong muốn trả thù, đã thúc giục Giáo hoàng có hành động dứt khoát chống lại ông. Người ta đã ra lệnh rằng học thuyết của họ phải bị lên án ngay lập tức.

Sáu mươi ngày được cấp cho nhà cải cách và những người theo ông, sau đó, nếu họ không rút lui, tất cả sẽ bị rút phép thông công.

Đó là một cuộc khủng hoảng khủng khiếp đối với cuộc Cải cách. Trong nhiều thế kỷ, bản án vạ tuyệt thông của La Mã đã khiến các vị vua hùng mạnh khiếp sợ và khiến các đế quốc hùng mạnh phải chìm trong bất hạnh và hoang tàn. Những người mà số phận của anh ta giáng xuống đều được mọi người coi là sợ hãi và kinh hoàng. Mỗi quan hệ với những người bạn đồng hành của họ bị cắt đứt và họ bị coi như những kẻ ngoài vòng pháp luật nên bị sẵn lòng đến chết. Luther không mù quáng trước cơn bão sắp ập đến, nhưng ông đứng vững tin tưởng rằng Đấng Christ sẽ là chỗ dựa và tấm khiên cho ông. Với niềm tin và lòng can đảm của một vị tử đạo, ngài đã viết: "Điều gì sắp xảy ra, tôi không biết và tôi không muốn biết. Bất cứ nơi nào bão tố đến với tôi, tôi sẽ không sợ hãi. Ngay cả một chiếc lá rơi nếu không có ý muốn của Chúa." Cha của chúng ta. Ngài sẽ quan tâm đến chúng ta nhiều hơn biết bao! Thật dễ dàng chết vì Lời, vì Lời đó, đã trở nên xác thịt cho chúng ta, đã chết. Nếu chúng ta chết với Ngài, chúng ta sẽ sống với Ngài; và trải qua những gì Ngài đã đi trước chúng ta, chúng ta sẽ ở nơi Ngài ở và ở với Ngài mãi mãi."

Khi con bò đực của giáo hoàng đến tay Luther, ông nói: "Tôi khinh thường nó và chống lại nó vì coi nó là vô đạo và giả dối. Chính Chúa Kitô bị kết án trong đó. Tôi hãnh diện trước viễn cảnh đau khổ vì những lý do tốt đẹp nhất. Tôi đã cảm thấy tự do hơn vì tôi biết rằng giáo hoàng là kẻ phản Kitô và ngài vàng của ông ta là của chính Satan."

Tuy nhiên, nghị quyết của Rome không phải là không có hiệu lực. Nhà tù, tra tấn và gươm giáo là những vũ khí mạnh mẽ để buộc người ta phải vâng phục. Kẻ yếu đuối và mê tín run rẩy trước sắc lệnh của giáo hoàng; và trong khi có sự đồng cảm chung với Luther, nhiều người cảm thấy rằng cuộc sống quá đắt đỏ để có thể mạo hiểm vì Cải cách. Mọi thứ dường như cho thấy công việc của nhà cải cách sắp kết thúc.

Nhưng Luther vẫn giữ vững lòng dũng cảm của mình. Rome đã ném những lời nguyền rủa vào anh ta, và thế giới nhìn vào hoàn cảnh của anh ta và không nghi ngờ gì rằng anh ta sẽ chết hoặc buộc phải nhượng bộ. Nhưng với sức mạnh khủng khiếp, ông đã bãi bỏ bản án kết án và tuyên bố công khai quyết định rời bỏ giáo hội La Mã mãi mãi. Trước sự chứng kiến của đồng đạo sinh viên, bác sĩ và công dân thuộc mọi tầng lớp, Luther đã đốt sắc lệnh của giáo hoàng, với các luật, sắc lệnh và một số văn bản bảo vệ quyền lực của giáo hoàng.

"Kẻ thù của tôi, bằng cách đốt sách của tôi, đã có thể làm tổn hại đến sự thật trong tâm trí một số người và hủy hoại linh hồn của họ; vì lý do này, tôi, để trả thù, chấm dứt sách của họ. Một cuộc đấu tranh nghiêm túc vừa mới bắt đầu. Cho đến nay tôi chỉ đùa giỡn với Giáo hoàng. Tôi bắt đầu công việc này nhân danh Chúa, nó sẽ kết thúc mà không có tôi và bởi quyền năng của Ngài."

Luther đáp lại những lời buộc tội của kẻ thù, những người đã chế nhạo ông vì lý tưởng được cho là yếu kém của ông, rằng: "Ai biết được liệu Thiên Chúa có chọn và kêu gọi tôi thực hiện công việc cần thiết này hay không, và nếu những người nói chuyện này không sợ điều đó, coi thường điều đó". Còn tôi, khinh thường chính Đức Chúa Trời? Họ nói rằng tôi cô đơn. Điều đó không đúng, vì Đức Giê-hô-va ở cùng tôi. Theo hiểu biết của họ, Mô-i-se ở một mình khi rời khỏi Ai Cập; Ê-li ở một mình trong vương quốc của Vua A-háp; chỉ có Ê-sai một mình ở Giêrusalem; Ê-xê-chi-ên chỉ ở Ba-by-lôn... Hãy nghe đây, hỡi Rô-ma: Đức Chúa Trời không bao giờ chọn thầy tế lễ thượng phẩm hay bất kỳ nhân vật vĩ đại nào làm tiên tri, nhưng Ngài ưu tiên những người khiêm nhường và bị khinh thường, và thậm chí từng là mục sư A-mốt. thời đại các vị thánh buộc phải khiển trách các vị vua, hoàng tử, các linh mục phản bội và những nhà thông thái, một cách nguy hiểm

về cuộc đời của họ... Tôi không nói tôi là một Tiên tri; nhưng họ phải lo sợ chính vì tôi chỉ có một mình, trong khi về phía kẻ áp bức có rất nhiều người có địa vị xã hội cao, giàu có và thậm chí là những lá thư chế nhạo. Vâng, tôi cô đơn, nhưng thanh thản vì bên cạnh tôi có Lời Chúa. Và với vô số người ủng hộ họ, quyền lực vĩ đại nhất không còn ở bên họ nữa."

Tuy nhiên, không phải không có sự đấu tranh khủng khiếp với chính mình mà Luther quyết định dứt khoát tách khỏi nhà thờ. Vào khoảng thời gian này, ông viết: "Càng ngày tôi càng cảm thấy thật khó khăn biết bao khi gạt bỏ những đắn đo mà chúng ta đã thấm nhuần từ khi còn nhỏ. Ôi! Điều này khiến tôi đau đớn biết bao, mặc dù tôi có Kinh thánh đứng về phía mình để biện minh cho mình rằng tôi dám đứng một mình chống lại Giáo hoàng và coi ông ta là Kẻ phản Kitô! Những nỗi đau khổ của trái tim tôi là gì! Đã bao lần tôi cay đắng tự hỏi mình câu hỏi thường xuyên được thốt ra trên môi những người viết báo: 'Có phải chỉ mình bạn là khôn ngoan không? Có thể mọi người khác đều sai? Sẽ ra sao nếu cuối cùng chính bạn là người sai và đã lôi kéo rất nhiều linh hồn vào lỗi lầm của mình, ai sẽ bị kết án đời đời?' Vì thế tôi đã chiến đấu với chính mình và với Satan, cho đến khi

Đấng Christ, bằng Lời không thể sai lầm của Ngài, đã củng cố lòng tôi trước những nghi ngờ này."

Giáo hoàng đã đe dọa Luther sẽ bị vạ tuyệt thông nếu ông không rút lui, và lời đe dọa giờ đây đã được thực hiện. Một con bò đực mới được ban hành tuyên bố sự tách biệt cuối cùng của nhà cải cách khỏi Giáo hội La Mã, tố cáo ông ta là người bị Thiên đường nguyên rủa và bao gồm cả sự lên án tương tự đối với tất cả những người tiếp nhận học thuyết của ông. Cuộc chiến vĩ đại đã bắt đầu.

Sự chống đối là số phận của tất cả những người được Chúa tuyển dụng để trình bày những lẽ thật đặc biệt phù hợp với thời đại của Ngài. Có một lẽ thật hiện diện vào thời của Luther—một lẽ thật có tầm quan trọng đặc biệt vào thời đó. Có một lẽ thật hiện tại cho hội thánh ngày nay. Đáng làm mọi việc theo ý muốn của Ngài đã thấy thích hợp khi đặt con người vào những hoàn cảnh khác nhau và ra lệnh cho họ những nhiệm vụ phù hợp với thời đại họ sống và những điều kiện mà họ được đặt vào. Nếu họ coi trọng ánh sáng được ban cho họ, những góc nhìn rộng lớn nhất về sự thật sẽ mở ra trước mắt họ. Tuy nhiên, điều này không được đa số ngày nay mong muốn, cũng như những người theo chủ nghĩa La Mã phản đối Luther. Có cùng sự sẵn lòng chấp nhận những lý thuyết và truyền thống của con người thay cho Lời Chúa như thời xưa. Những người trình bày sự thật vào thời điểm này không nên mong đợi nhận được nhiều úc ái hơn những nhà cải cách đầu tiên. Cuộc xung đột lớn giữa sự thật và sai lầm, giữa Chúa Kitô và Satan, sẽ gia tăng cường độ cho đến cuối lịch sử thế giới này.

Chúa Giêsu nói với các môn đệ: "Nếu các con thuộc về thế gian thì thế gian sẽ yêu mến người thuộc về mình, nhưng vì các con không thuộc về thế gian, nhưng Thầy đã chọn các con từ giữa thế gian, nên thế gian ghét các con. mà Thầy đã bảo anh em: "Tôi tớ không lớn hơn chủ nhà. Nếu họ đã bắt bớ Thầy, thì họ cũng sẽ bắt bớ anh em; nếu họ đã giữ lời Thầy, thì họ cũng sẽ giữ lời anh em." (Giăng 15:19 và 20). Mặt khác, Chúa chúng ta đã tuyên bố rõ ràng: "Khôn cho các người khi tất cả những người trong các người đều nói tốt, vì cha ông họ đã làm như vậy với các tiên tri giả". (Lu-ca 6:26). Tinh thần thế gian ngày nay không còn hòa hợp với tinh thần của Chúa Kitô như thời trước nữa; và những người rao giảng Lời Chúa trong sự thuần khiết của nó giờ đây sẽ không được đón nhận nhiều hơn trước. Các hình thức phản đối sự thật có thể thay đổi, sự thù địch có thể ít công khai hơn vì nó tinh vi hơn; nhưng sự đối kháng tương tự vẫn tồn tại và sẽ bộc lộ cho đến tận thế.

Chương 8

Luther đối mặt với chế độ ăn kiêng của sâu bọ

Hoàng đế Charles V lên ngôi nước Đức, và các sứ giả từ Rome vội vã gửi lời chúc mừng đến ông và thuyết phục nhà vua sử dụng quyền lực của mình để chống lại cuộc Cải cách. Mặt khác, Frederick, Tuyển hầu tước của Saxony, người mà Charles phần lớn mang ơn vương miện, đã cầu xin ông đừng thực hiện bất kỳ bước nào chống lại Luther trước khi cho phép ông được diện kiến. Do đó, hoàng đế bị đặt vào tình thế vô cùng bối rối và xấu hổ. Những người theo chủ nghĩa Giáo hoàng sẽ không hài lòng với bất cứ điều gì ngoài một sắc lệnh của đế quốc kết án tử hình Luther. Đại cử tri đã tuyên bố chắc chắn rằng "cả bộ hạ lẫn bất kỳ ai khác đều chưa chứng minh được rằng các bài viết của Luther đã bị bác bỏ." Vì vậy, ông đã yêu cầu "rằng Dr. Luther được cung cấp cách xử an toàn để có thể tự mình trả lời trước tòa án gồm những thẩm phán khôn ngoan, ngoan đạo và vô tư."

Sự chú ý của tất cả các bên giờ đây tập trung vào cuộc họp của các Quốc gia Đức tại Worms ngay sau khi Charles lên ngôi hoàng đế. Có những vấn đề và lợi ích chính trị quan trọng cần được hội đồng quốc gia này xem xét. Lần đầu tiên, các hoàng tử Đức được gặp vị vua trẻ của họ trong một cuộc họp thảo luận. Các chức sắc của Giáo hội và Nhà nước đến từ khắp nơi trên quê hương. Những lãnh chúa xuất thân cao quý, đầy quyền lực và ghen tị với quyền thừa kế của mình; các giáo sĩ quý tộc, tự hào về quyền lực và ưu thế thứ bậc có ý thức của họ; các hiệp sĩ quý tộc và những người hầu có vũ trang của họ, cũng như các đại sứ từ nước ngoài và các quốc gia xa xôi, đều tập trung tại Worms. Tuy nhiên, trong cuộc họp đông đảo đó, chủ đề gây được sự quan tâm sâu sắc nhất là sự nghiệp của nhà cải cách Saxon.

Charles trước đó đã ra lệnh cho đại cử tri đưa Luther theo ông ta đến Quốc hội, đảm bảo cho ông ta được bảo vệ và hứa sẽ thảo luận tự do về các vấn đề đang tranh chấp với những người có thẩm quyền. Luther háo hức được diện kiến hoàng đế. Lúc đó sức khỏe của ông rất yếu. Mặc dù vậy, ông vẫn viết cho cử tri: "Nếu tôi không thể thực hiện chuyến hành trình đến Worms trong tình trạng sức khỏe tốt, tôi sẽ bị bệnh nặng đưa đến đó. Vì nếu hoàng đế triệu tập tôi, tôi không thể nghi ngờ rằng đây là lời kêu gọi của Chúa." Nếu họ muốn sử dụng bạo lực chống lại tôi, như họ có thể sẽ làm, vì chắc chắn không phải để lấy được thông tin từ tôi mà họ yêu cầu tôi phải xuất hiện trước mặt họ, tôi giao vấn đề này cho Chúa. ba người Y-sơ-ra-ên trong lò lửa vẫn còn sống và đang cai trị. Nếu Ngài không muốn cứu tôi thì mạng sống của tôi chẳng có ý nghĩa gì cả. Chúng ta hãy cẩn thận để Phúc âm không bị kẻ ác khinh miệt. Và cầu mong chúng ta đổ máu để bảo vệ họ thay vì để họ chiến thắng. Ai có thể nói liệu sự sống hay cái chết của tôi sẽ góp phần nhiều hơn vào việc cứu rỗi anh em tôi? Mong đợi mọi thứ từ tôi, ngoại trừ việc trốn thoát hoặc rút lui. Tôi không thể trốn thoát và thậm chí tôi còn không thể rút lui."

Khi tin tức lan truyền ở Worms rằng Luther sẽ xuất hiện trước Quốc hội, một sự phấn khích chung đã được tạo ra. Aleandro, quan đại diện của giáo hoàng, người được giao nhiệm vụ đặc biệt, đã rất hoảng hốt và tức giận. Ông thấy rằng kết quả sẽ là thảm họa đối với chính nghĩa của Giáo hoàng. Mở cuộc điều tra về một vụ án mà giáo hoàng đã tuyên án tử hình sẽ là coi thường quyền lực của giáo hoàng có chủ quyền. Hơn nữa, Aleandro lo ngại rằng

Những lập luận hùng hồn và mạnh mẽ của người đàn ông đó có thể khiến nhiều hoàng tử rời xa mục tiêu của giáo hoàng. Ông ta, một cách kịch liệt nhất, đã cảnh báo hoàng đế về việc Luther đến Worms. Trong khi đó, một con bò đực được xuất bản tuyên bố vạ tuyệt thông của Luther. Thực tế này, cộng thêm với lời trình bày của quan đại diện, đã khiến hoàng đế phải rút lui. Charles V đã viết cho đại cử tri rằng nếu Luther không rút lui thì ông ấy nên ở lại Wittenberg.

Không hài lòng với chiến thắng này, Aleandro đã làm việc với tất cả sức mạnh và sự sáng suốt trong khả năng của mình để có được niềm tin của Luther. Với sự kiên trì xứng đáng với chính nghĩa tốt nhất, ông đã làm mọi cách có thể để đưa vấn đề đến sự chú ý của các hoàng tử, quan chức và các thành viên khác trong hội đồng, cáo buộc nhà cải cách về tội xúi giục nổi loạn, nổi loạn và báng bổ. Nhưng sự mãnh liệt và niềm đam mê được thể hiện qua di sản đã bộc lộ rất rõ tinh thần thúc đẩy nó. Một nhà văn Popish nói: "Ghét và khao khát trả thù là động cơ của anh ta chứ không phải là lòng nhiệt thành thực sự đối với tôn giáo". Hầu hết các thành viên của Quốc hội đều có xu hướng ủng hộ mục tiêu của Luther.

Với lòng nhiệt thành tăng gấp đôi, Aleandro nhấn mạnh với hoàng đế về nhiệm vụ thi hành các sắc lệnh của Giáo hoàng. Tuy nhiên, theo luật pháp của Đức, điều này không thể thực hiện được nếu không có sự hợp tác của các hoàng tử, và cuối cùng, trước sự can ngăn của quan đại diện, Charles đã ra lệnh cho anh ta trình bày trường hợp của mình trước Chế độ ăn uống. "Đây là một ngày tuyệt vời đối với sứ thần. Cuộc họp thật ấn tượng; mục đích thậm chí còn lớn hơn. Aleander phải bảo vệ Rome, người mẹ và người tình của tất cả các nhà thờ." Anh ta nên chứng minh quyền tối thượng của Phi-e-rơ trước các công quốc tập hợp của Cơ đốc giáo. Anh ta sở hữu năng khiếu hùng biện và đã đạt đến đỉnh cao của sự huy hoàng trong dịp này. "Chúa quan phòng đã xác định rằng Rome phải xuất hiện và được bảo vệ bởi những nhà hùng biện khéo léo nhất của mình, trước sự chứng kiến của các tòa án uy nghiêm nhất, trước khi bị lên án." Với một số lo ngại, những người ủng hộ nhà cải cách đã báo trước tác động của bài phát biểu của Aleandro. Tuyển hầu tước Saxony không có mặt, nhưng dưới sự hướng dẫn của ông, một số cố vấn của ông đã có mặt ở đó để ghi chép bài phát biểu của sứ thần.

Với tất cả sức mạnh của sự uyên bác và tài hùng biện, Aleandro lên đường tiêu diệt sự thật. Ông đưa ra lời buộc tội nối tiếp lời buộc tội chống lại Luther, như kẻ thù của Giáo hội và Nhà nước, của người sống và kẻ chết, của giáo sĩ và giáo dân, của các công đồng và đặc biệt là của các Kitô hữu. Ông tuyên bố: "Có đủ tài liệu về những sai sót của Luther," ông tuyên bố, "để đảm bảo việc thiêu sống một trăm nghìn kẻ dị giáo."

Để kết luận, ông cố gắng khinh thường những người ủng hộ đức tin Cải cách: "Những người theo đạo Luther này là gì? Một đám đông hỗn tạp gồm những nhà ngữ pháp xác xược, những linh mục tham nhũng, những tu sĩ phóng đảng, những luật sư dốt nát, và những quý tộc suy thoái, cùng với những người dân thường mà họ đã lừa dối." và biến thái.

Đảng Công giáo vượt trội hơn biết bao về số lượng, trí thông minh và quyền lực! Một sắc lệnh nhất trí từ hội đồng lũng lầy này sẽ mở rộng tầm mắt của những người đơn giản, cho thấy sự nguy hiểm của những người thiếu cảnh giác, thiết lập những dao động và tiếp thêm sức mạnh cho những kẻ yếu đuối."

Với những vũ khí như vậy, những người bảo vệ sự thật đã bị tấn công ở mọi thời đại. Những lập luận tương tự vẫn được đưa ra để chống lại tất cả những ai dám trình bày, chống lại những sai lầm đã có, những lời dạy đơn giản và trực tiếp của Lời Chúa. "Những người rao giảng những học thuyết mới này là ai?" những người mong muốn một tôn giáo bình dân kêu lên. "Họ dốt nát, số lượng ít và thuộc tầng lớp nghèo.

Tuy nhiên, họ tuyên bố mình có lẽ thật và là dân được Đức Chúa Trời chọn. Họ không có khả năng và sai lầm. Hội thánh của chúng ta vượt trội về số lượng và ảnh hưởng biết bao! Giữa chúng ta có bao nhiêu người vĩ đại và lũng lầy! Về phía chúng ta có thêm bao nhiêu quyền lực!" Đây là những lập luận có ảnh hưởng đáng kể đến thế giới; nhưng ngày nay chúng không có tính thuyết phục hơn so với thời của Nhà Cải cách.

Cuộc Cải cách không kết thúc với Luther như nhiều người vẫn tưởng. Nó sẽ tiếp tục cho đến khi kết thúc lịch sử thế giới này. Luther đã có một công việc vĩ đại phải làm là phản ánh cho người khác ánh sáng mà Thiên Chúa cho phép chiếu soi trên ông. Tuy nhiên, anh ta đã không nhận được tất cả ánh sáng đáng lẽ phải được trao cho thế giới. Từ thời điểm đó cho đến ngày nay, ánh sáng mới liên tục chiếu rọi trên Kinh thánh và những lẽ thật mới liên tục được tiết lộ.

Bài giảng của đại biểu đã gây ấn tượng sâu sắc cho Quốc hội. Không có sự hiện diện của Luther, với những chân lý rõ ràng và thuyết phục của Lời Chúa, để đánh bại nhà vô địch của giáo hoàng. Không có nỗ lực nào được thực hiện để bảo vệ nhà cải cách. Một khuynh hướng chung được thể hiện không chỉ là lên án Luther và các học thuyết mà ông dạy, mà, nếu có thể, còn nhổ tận gốc tà giáo. Rome đã có cơ hội thuận lợi nhất để bảo vệ chính nghĩa của mình. Tất cả những gì cô có thể nói để bào chữa cho mình đều đã được bày tỏ. Nhưng chiến thắng rõ ràng là dấu hiệu của sự thất bại. Kể từ thời điểm đó, sự tương phản giữa sự thật và sai lầm sẽ được thấy rõ hơn khi các đối thủ bước vào một cuộc chiến công khai. Kể từ ngày đó trở đi, Rome sẽ không bao giờ cảm thấy an toàn như trước nữa.

Mặc dù hầu hết các thành viên của Quốc hội sẽ không ngần ngại giao Luther cho La Mã báo thù, nhưng nhiều người trong số họ đã nhìn thấy và lên án tình trạng tham nhũng tồn tại trong nhà thờ, đồng thời mong muốn xóa bỏ những hành vi ngược đãi mà người dân Đức phải gánh chịu do hậu quả của cuộc khủng bố. Sự tham nhũng và tham vọng của hệ thống cấp bậc. Người đại diện đã trình bày các quy định của giáo hoàng theo cách thuận lợi nhất. Sau đó, Chúa đã tác động đến một thành viên của Quốc hội để phân định thực sự những ảnh hưởng của chế độ chuyên chế của Giáo hoàng. Với sự cương quyết cao cả, Công tước George của Saxony đã đứng lên trong hội đồng quý tộc đó và chỉ ra một cách chính xác khủng khiếp những sự lừa dối và ghê tởm của chế độ giáo hoàng cũng như những kết quả khủng khiếp của chúng. Ông nói khi kết thúc bài phát biểu của mình: "Đây chỉ là một số trong những hành vi lạm dụng đang kêu gào chống lại Rome để được khắc phục. Mọi sự xấu hổ đều được đặt sang một bên và mục tiêu duy nhất và theo đuổi của họ là... tiền, luôn luôn là tiền! Vì vậy, những người đàn ông có nhiệm vụ giảng dạy sự thật, họ chỉ nói những điều dối trá và không những được dung thứ mà còn được khen thưởng, bởi vì họ càng nói dối thì lợi nhuận của họ càng lớn. họ nắm tay nhau... Than ôi! Đây là vụ bê bối do hàng giáo sĩ tạo ra, đã đẩy rất nhiều linh hồn đáng thương vào chỗ diệt vong đời đời. Một cuộc cải cách toàn diện phải được thực hiện."

Bản thân Luther không thể đưa ra lời tố cáo hiệu quả và thuyết phục hơn về sự lạm dụng của Giáo hoàng; và việc Công tước Jorge được tuyên bố là kẻ thù của nhà cải cách đã mang lại ảnh hưởng lớn hơn cho lời nói của ông.

Nếu mắt của tất cả các thành viên trong cộng đồng được mở ra vào lúc đó, họ sẽ thấy các thiên thần của Thiên Chúa ở giữa họ chiếu những tia sáng vào bóng tối sai lầm và mở rộng tâm trí để đón nhận sự thật. Chính quyền năng của Thiên Chúa chân lý và khôn ngoan đã chỉ đạo chính những kẻ thù của cuộc Cải cách, và do đó đã dọn đường cho công cuộc vĩ đại sắp diễn ra. Martin Luther không có mặt; nhưng tiếng nói của Đấng vĩ đại hơn Luther nhiều đã được nghe thấy trong hội nghị đó.

Một ủy ban đã sớm được Quốc hội bổ nhiệm để trình bày danh sách những sự áp bức của Giáo hoàng đã đè nặng lên người dân Đức. Danh sách này bao gồm một trăm lẻ một thông số kỹ thuật đã được trình lên hoàng đế, với yêu cầu ông phải thực hiện các bước ngay lập tức để khắc phục những hành vi lạm dụng này. Những người thỉnh nguyện nói: "Thật là lãng phí tâm hồn Kitô giáo, thật là bất công, thật là tống tiền, là thành quả hàng ngày của những hành vi tai tiếng mà người đứng đầu tinh thần của Kitô giáo chấp thuận! Sự hủy hoại và ô nhục của đất nước chúng ta phải được tránh." Do đó, chúng tôi khiêm tốn nhất nhưng hết sức khẩn trương cầu xin các bạn hãy thực hiện một cuộc cải cách tổng thể và tiếp tục công việc và tiến hành nó."

Hội đồng sau đó yêu cầu nhà cải cách phải trình diện trước nó. Bất chấp những lời cầu xin, phản đối và đe dọa của Aleander, hoàng đế cuối cùng cũng đồng ý và Luther được triệu tập tham dự Quốc hội. Với trích dẫn này, một hành vi an toàn đã được ban hành, đảm bảo anh ta sẽ trở lại nơi an toàn. Luther được đưa đến Wittenberg bởi một sứ giả được ủy nhiệm đặc biệt để dẫn ông đến Worms.

Bạn bè của Luther vô cùng sợ hãi và đau khổ. Biết được thành kiến, thù hận đối với anh, họ thậm chí còn sợ hành vi an toàn của anh sẽ không được tôn trọng và cầu xin anh đừng liều lĩnh gặp nguy hiểm. Anh ta phản đối: "Những người theo chủ nghĩa Papist không mấy muốn gặp tôi ở Worms, nhưng họ mong mỏi sự kết án và cái chết của tôi. Điều đó không quan trọng." Đừng cầu nguyện cho tôi, nhưng cầu nguyện cho Lời của Đức Chúa Trời... Đấng Christ sẽ ban cho tôi Thánh Linh Ngài để chiến thắng những kẻ hầu việc Sa-tan này. Tôi sẽ khinh thường chúng chừng nào tôi còn sống; Tôi sẽ vượt qua chúng bằng cái chết của mình. Họ đang bận rộn ở Worms nghĩ cách buộc tôi phải rút lui. Và sự rút lui của tôi sẽ là thế này: trước đây tôi đã nói rằng giáo hoàng là vị đại diện của Chúa Kitô; Hôm nay tôi nói rằng hắn là kẻ thù của Chúa chúng ta và là tông đồ của ma quỷ."

Luther không thực hiện cuộc hành trình đầy nguy hiểm của mình một mình. Ngoài sứ giả của triều đình, ba người bạn thân nhất của anh quyết định đi cùng anh. Melanchthon nhiệt tình muốn tham gia cùng họ. Trái tim của anh ấy gắn liền với trái tim của Luther và anh ấy mong muốn được theo ông ấy, nếu cần thiết, cho đến nhà tù và cái chết. Tuy nhiên, lời kêu gọi của họ đã bị bác bỏ. Nếu Luther diệt vong, hy vọng của cuộc Cải cách phải tập trung vào người cộng tác viên trẻ tuổi này. Khi từ biệt Melanchthon, Luther nói: "Nếu tôi không trở về và kẻ thù giết tôi, hãy tiếp tục giảng dạy và đứng vững trong sự thật. Hãy làm việc thay tôi. Nếu mạng sống của bạn được tha, cái chết của tôi sẽ không còn quan trọng nữa." Các sinh viên và người dân tụ tập chứng kiến sự ra đi của Luther đều vô cùng xúc động. Một đám đông đã cảm động vì phúc âm đã gửi lời từ biệt đầy nước mắt đến ông. Thế là nhà cải cách và những người đồng hành của ông khởi hành từ Wittenberg.

Trong cuộc hành trình, họ phát hiện ra rằng tâm trí của mọi người đang bị áp bức bởi những linh cảm đen tối. Ở một số thành phố mà họ đi qua, họ không được tôn vinh. Đến tối, khi họ dừng lại nghỉ ngơi, một linh mục bạn bày tỏ nỗi sợ hãi của mình bằng cách giơ trước mặt Luther bức chân dung của một nhà cải cách người Ý đã chịu tử đạo. Ngày hôm sau họ nhận được thông tin rằng các tác phẩm của Luther đã bị lên án ở Worms. Các sứ giả của triều đình đang công bố sắc lệnh của hoàng đế và kêu gọi người dân mang những tác phẩm bị cấm đến các quan tòa. Người đưa tin, lo sợ cho sự an toàn của Luther tại hội đồng, và đánh giá rằng quyết định của nhà cải cách có thể bị dao động, nên đã hỏi liệu ông có muốn tiếp tục hay không. Anh ta trả lời: "Tôi sẽ tiếp tục, mặc dù tôi sẽ bị cấm ở tất cả các thành phố."

Ở Erfurt, Luther đã được đón nhận một cách vinh dự. Được bao quanh bởi đám đông ngưỡng mộ, anh đi bộ trên những con phố nơi anh thường lang thang với chiếc túi ăn xin. Anh đến thăm phòng giam của mình trong tu viện và nghĩ về những cuộc đấu tranh mà ánh sáng tràn ngập nước Đức hiện nay đã chiếu vào tâm hồn anh. Luther được mời đến thuyết giảng một cách kiên quyết. Ông đã bị cấm giảng bài, nhưng sứ giả của hoàng gia đã cho phép ông, và người tu sĩ từng phục vụ trong tu viện giờ đã lên bục giảng.

Với đám đông đang tụ tập, Luther đã nói về những lời của Chúa Kitô: "Bình an cho anh em". Ông nói: "Các triết gia, bác sĩ và nhà văn đã cố gắng dạy con người cách đạt được sự sống đời đời nhưng họ đã không thành công. Bây giờ tôi sẽ nói cho các bạn biết: Đức Chúa Trời đã khiến một người sống lại từ cõi chết, là Chúa Giê-xu Christ, để Ngài có thể tiêu diệt cái chết, chuộc tội, và đóng các cổng địa ngục. Đây là công việc cứu rỗi. Đấng Christ đã chiến thắng! Đây là tin mừng! Và chúng ta được cứu bởi công việc của Ngài chứ không phải bởi công việc của chúng ta... Chúa Giê-xu Christ của chúng ta nói: 'Bình an cho bạn';

hãy nhìn vào bàn tay của tôi'. Điều này có nghĩa là: Hãy nhìn xem, hỡi người đàn ông! Chính Ta, chỉ một mình Ta, đã xóa bỏ tội lỗi của con và giải cứu con. Bây giờ các người được bình an, Chúa phán vậy."

Luther tiếp tục cho thấy rằng đức tin đích thực sẽ được thể hiện qua một đời sống thánh thiện. "Vì Đức Chúa Trời đã cứu chúng ta nên chúng ta hãy sắp xếp công việc của mình cho đẹp lòng Ngài. Bạn giàu có? Cầu mong sự giàu có của bạn đáp ứng được nhu cầu của người nghèo. Bạn nghèo à? Mong dịch vụ của bạn sẽ giúp được người giàu. Nếu công việc bạn làm chỉ dành cho bản thân bạn thì việc bạn phục vụ Chúa chỉ là sự tự phụ mà thôi".

Mọi người nghe mà mê mẩn. Bánh sự sống đã được phân phát cho những linh hồn đói khát đó. Đấng Christ đã được tôn cao trước mặt họ với tư cách là các giáo hoàng, các quan đại diện, các hoàng đế và các vị vua. Luther không đề cập đến vị trí đầy rủi ro của mình. Anh ta không tìm cách biến mình thành đối tượng của những suy nghĩ và sự cảm thông. Khi chiêm ngưỡng Chúa Kitô, ông đã đánh mất chính mình. Ông trốn đằng sau Người trên Đồi Canvê, chỉ tìm cách giới thiệu Chúa Giêsu là Đấng Cứu Chuộc của tội nhân.

Khi nhà cải cách tiếp tục cuộc hành trình của mình, khắp nơi ông đều được theo dõi với sự quan tâm đặc biệt. Một đám đông háo hức tụ tập xung quanh anh ta, và những giọng nói thân thiện cảnh báo anh ta về ý định của những người theo chủ nghĩa La Mã. Một số người nói: "Họ sẽ thiêu sống anh ấy và thi thể anh ấy sẽ biến thành tro bụi như họ đã làm với John Huss". Luther trả lời: "Mặc dù họ có thể đốt lửa suốt chặng đường từ Worms đến Wittenberg, nơi ngọn lửa có thể bốc lên tận trời, nhưng tôi sẽ nhân danh Chúa mà vượt qua họ và đứng trước họ. Tôi sẽ đi qua hàm của con hà mã đó và bẻ gãy." rằng nó tuyên xưng Chúa Giêsu Kitô."

Tin tức về việc anh đến Worms đã tạo ra một sự náo động khá lớn. Bạn bè lo sợ cho sự an toàn của anh; kẻ thù lo sợ cho sự thành công của chính nghĩa của họ. Những nỗ lực ngoan cường đã được thực hiện để ngăn cản anh ta vào thành phố. Trước sự xúi giục của những người theo chủ nghĩa giáo hoàng, anh ta nhất quyết đi đến lâu đài của một quý ông thân thiện, nơi mà người ta nói rằng mọi khó khăn đều có thể được giải quyết một cách thân thiện. Bạn bè của anh đã cố gắng đánh thức nỗi sợ hãi của anh bằng cách mô tả những mối nguy hiểm đang đe dọa anh. Mọi nỗ lực của anh đều thất bại. Luther, vẫn không lay chuyển, đã tuyên bố: "Ngay cả khi có nhiều ma quỷ ở Worms như số ngôi trên mái nhà của nó, tôi cũng sẽ vào đó."

Khi anh đến Worms, một đám đông khổng lồ đã tụ tập ở cổng thành để chào đón anh. Một cuộc tụ họp lớn như vậy chưa bao giờ được diễn ra, thậm chí còn không có để chào đón hoàng đế. Sự phấn khích rất mãnh liệt và từ giữa đám đông, một giọng nói xuyên thấu và đáng thương cất lên một bài thánh ca tang lễ như một lời cảnh báo cho Luther về số phận đang chờ đợi ông. "Chúa sẽ che chở cho tôi," anh nói khi bước ra khỏi xe ngựa.

Những người theo chủ nghĩa Giáo hoàng không tin rằng Luther thực sự đã mạo hiểm xuất hiện tại Worms, và sự xuất hiện của ông khiến họ kinh ngạc. Hoàng đế ngay lập tức cử các cố vấn của mình đến xem xét nên theo đuổi con đường nào. Một trong các giám mục, một người theo chủ nghĩa La Mã trung thành, đã tuyên bố: "Chúng tôi đã tranh luận về vấn đề này trong một thời gian dài. Cầu mong bệ hạ loại bỏ người đàn ông này một lần và mãi mãi. Chẳng phải Sigismund đã khiến John Huss bị thiêu trên cọc sao? Chúng ta thậm chí không bị buộc phải tuân theo hành vi an toàn của một kẻ dị giáo." "Không," hoàng đế nói; "Chúng ta phải giữ lời hứa." Do đó, người ta quyết định rằng nhà cải cách phải được lắng nghe.

Cả thành phố nóng lòng muốn gặp người đàn ông đáng chú ý này, và chẳng bao lâu sau, một đám đông du khách đã lấp đầy các quán trọ của ông. Luther vừa mới khỏi bệnh và cảm thấy mệt mỏi sau cuộc hành trình kéo dài hai tuần. Anh ta phải chuẩn bị đối mặt với những sự kiện quan trọng vào ngày hôm sau, và anh ta cần sự tĩnh lặng và nghỉ ngơi. Nhưng mong muốn được gặp anh ấy lớn đến mức anh ấy chỉ được nghỉ ngơi vài giờ khi các quý tộc, hiệp sĩ, linh mục và người dân tụ tập để gặp anh ấy. Trong số này có nhiều quý tộc đã rất dửng dưng cảm thính cầu hoàng đế cải cách để chống lại sự lạm dụng.

giáo hội và điều đó, chính Luther nói, "tất cả họ đã được giải thoát nhờ phúc âm của tôi." Kẻ thù cũng như bạn bè đều đến gặp nhà sư dũng cảm. Anh ấy luôn tiếp nhận họ với sự bình tĩnh không thay đổi, đáp lại mọi người bằng phẩm giá và sự khôn ngoan. Hành vi của anh ấy rất kiên quyết và dũng cảm. Khuôn mặt xanh xao, hốc hác, hằn dấu vết của sự làm việc chăm chỉ và bệnh tật, mang vẻ mặt tử tế và thậm chí còn vui vẻ. Sự trang trọng và nghiêm túc sâu sắc trong lời nói của ông đã mang lại cho ông một sức mạnh mà ngay cả kẻ thù của ông cũng không thể hoàn toàn chống lại được. Bạn bè cũng như kẻ thù đều ngạc nhiên. Một số người tin chắc rằng có một ảnh hưởng thiêng liêng nào đó đang giúp đỡ ông. Những người khác tuyên bố, như những người Pha-ri-si đã tuyên bố về Đấng Christ: "Ông ấy bị quỷ ám".

Ngày hôm sau, Luther được triệu tập đến trình diện trước Quốc hội. Một vị quan triều đình được giao nhiệm vụ dẫn ông đến khán phòng. Tuy nhiên, thật khó khăn để anh đến được nơi. Mọi đại lộ đều chật kín khán giả, háo hức muốn gặp vị tu sĩ đã dám chống lại quyền lực của giáo hoàng.

Khi anh ta chuẩn bị bước vào sự chứng kiến của các quan tòa, một vị tướng già, anh hùng trong nhiều trận chiến, đã nói một cách tử tế với anh ta: "Tội nghiệp tu sĩ! Tội nghiệp tu sĩ! Bạn phải đối mặt với một cuộc hành quân và chiến đấu như vậy, cả tôi và nhiều thuyền trưởng khác đều không làm được." từng đối mặt. "Chúng tôi biết trong những trận chiến đẫm máu nhất của chúng ta! Nhưng nếu mục đích của bạn là chính đáng và bạn tin chắc về điều đó, hãy tiến về phía trước nhân danh Chúa và đừng sợ gì cả. Chúa sẽ không bỏ rơi bạn."

Rốt cuộc, Luther xuất hiện trước hội đồng. Hoàng đế lên ngôi và được bao quanh bởi những nhân vật lừng lẫy nhất của đế quốc. Chưa bao giờ có người nào xuất hiện trước một đám đông uy nghiêm hơn đám đông mà Martin Luther phải trả lời vì đức tin của mình. "Bản thân sự tham dự này đã là một chiến thắng đáng chú ý trước giáo hoàng. Giáo hoàng đã lên án người đàn ông này và giờ đây ông ta đang đứng trước một tòa án mà chính hành động đó đã đặt mình lên trên giáo hoàng.

Ông ta đã đặt anh ta dưới sự cấm đoán, tách anh ta ra khỏi mọi hiệp hội loài người, tuy nhiên anh ta đã được triệu tập bằng ngôn ngữ tôn trọng và được tiếp đón trước hội đồng uy nghiêm nhất trên thế giới. Giáo hoàng đã kết án ông phải im lặng vĩnh viễn, và bây giờ ông sắp phát biểu trước hàng nghìn thánh giả chăm chú từ những nơi xa xôi nhất của Kitô giáo. Do đó, một cuộc cách mạng rộng lớn đã được thực hiện nhờ công cụ của Luther. Rome đã từ bỏ ngai vàng và chính giọng nói của một tu sĩ đã gây ra sự sỉ nhục này."

Trước sự chứng kiến của đám đông quyền lực và tầm cỡ đó, nhà cải cách xuất thân khiêm tốn tỏ ra e ngại và xấu hổ. Nhiều hoàng tử quan sát cảm xúc của ông, tiến đến gần ông và một người thì thầm với ông: "Đừng sợ những kẻ giết được thể xác nhưng không giết được linh hồn." Người khác nói: "Khi các người bị điệu đến trước các quan quyền và vua chúa vì Ta, thì Thánh Linh của Cha các người sẽ giúp các người những điều phải nói". Vì vậy, những lời của Đấng Christ đã được các vĩ nhân trên thế giới sử dụng để củng cố tôi tớ Ngài trong giờ thử thách.

Luther được đưa lên vị trí ngay cạnh ngai vàng của hoàng đế.

Một sự im lặng sâu sắc bao trùm toàn bộ hội đồng đang tập hợp. Sau đó, một quan chức triều đình đứng lên và chỉ vào tuyển tập các tác phẩm của Luther, yêu cầu nhà cải cách trả lời hai câu hỏi: liệu ông có công nhận chúng là của mình hay không và liệu ông có sẵn sàng rút lại những ý kiến được bày tỏ trong đó hay không. Sau khi đọc tựa đề các cuốn sách, Luther trả lời rằng đối với câu hỏi đầu tiên, ông nhận những cuốn sách là của mình.

Ngài nói: "Về vấn đề thứ hai, vì đây là vấn đề liên quan đến đức tin, sự cứu rỗi các linh hồn và Lời Chúa, là kho tàng lớn nhất và quý giá nhất dù ở trên trời hay dưới đất, sẽ là thiếu thận trọng và Thật nguy hiểm cho **tôi** nếu trả lời mà không suy nghĩ. Tôi có thể khẳng định ít hơn hoàn cảnh đòi hỏi hoặc nhiều hơn sự thật đòi hỏi; và trong mọi trường hợp

về những trường hợp bị đưa vào bản án Chúa Kitô: 'Ai chối Thầy trước mặt thiên hạ, thì Thầy cũng sẽ chối người ấy trước mặt Cha Thầy, Đấng ngự trên trời.' (Ma-thi-ơ 10:33). Vì lý do này, tôi khiêm tốn cầu xin Bệ hạ cho tôi thời gian để để tôi có thể đáp lại mà không xúc phạm đến Lời Chúa."

Khi đưa ra lời thỉnh cầu này, Luther đã hành động khôn ngoan. Thủ tục của ông đã thuyết phục được hội đồng rằng ông không hành động vì đam mê hay bốc đồng. Sự bình tĩnh và tự chủ như vậy, điều bất ngờ xảy ra ở một người từng tỏ ra dũng cảm và không linh hoạt, đã mang lại cho anh ta sức mạnh và giúp anh ta sau này phản ứng với sự thận trọng, quyết đoán, khôn ngoan và phẩm giá, khiến đối thủ của anh ta ngạc nhiên và thất vọng, đồng thời chỉ trích sự xấu xược và kiêu ngạo của anh ta.

Ngày hôm sau, anh ấy xuất hiện để đưa ra câu trả lời cuối cùng của mình. Trong giây lát, trái tim anh như muốn ngắt đi khi suy ngẫm về những thế lực kết hợp lại chống lại sự thật. Niềm tin của anh dao động; nỗi sợ hãi và run rẩy ập đến với anh, và anh trở thành con mồi của nỗi kinh hoàng. Nguy hiểm nhân lên trước mắt anh; kẻ thù của họ dường như sắp chiến thắng, thế lực bóng tối đang chiếm ưu thế. Những đám mây tụ tập trên Luther và dường như ngăn cách ông với Chúa. Ông mong mỏi sự bảo đảm rằng Chúa các đạo binh sẽ ở cùng ông. Trong nỗi thống khổ tinh thần, ông ngã úp mặt xuống và kêu lên với một trái tim tan vỡ và giằng xé mà không ai ngoài Chúa có thể hiểu hết: "Lạy Thiên Chúa toàn năng và vĩnh cửu, thế giới này thật đáng sợ biết bao! Nó mở miệng nuốt chửng tôi, và niềm tin của con nơi Ngài thật nhỏ bé biết bao... Nếu con dựa vào sức mạnh của thế giới này thì mọi chuyện sẽ kết thúc... Tiếng chuông báo tử đã vang lên rồi... Bản án đã vang ra... Ôi Chúa ơi, Xin giúp con chống lại mọi sự khôn ngoan của thế gian. Con xin Ngài làm điều này bằng chính quyền năng của Ngài... Công việc không phải của con mà là của Ngài. Con không có gì để chiến đấu với những vĩ nhân trên thế giới... Nhưng nguyên nhân là của Ngài... và đó là một nguyên nhân chính đáng và vĩnh cửu. Ôi Thiên Chúa trung thành và bất biến! Con không dựa vào bất cứ ai... Mọi thứ đến từ con người đều dao động; mọi thứ đến từ con người đều có xu hướng thất bại... Chúa đã chọn con cho công việc này... Vì vậy, lạy Chúa, ý Chúa được nên trọn; xin đừng quên con, vì Con yêu dấu của Chúa, Chúa Giêsu Kitô, Đấng Bảo vệ, tấm khiên và pháo đài của con."

Một sự quan phòng khôn ngoan đã giúp Luther hiểu được mối nguy hiểm và không tin tưởng vào sức mạnh của chính mình, liêu lĩnh dẫn thân vào nguy hiểm. Tuy nhiên, nỗi sợ hãi bị tra tấn hay cái chết dường như sắp xảy đến không phải là điều khiến anh bị nỗi kinh hoàng của nó đè bẹp. Anh ta phải đối mặt với cuộc khủng hoảng và cảm thấy mình không đủ năng lực để đối mặt với nó. Vì sự yếu đuối của mình, nguyên nhân của sự thật có thể bị tổn hại. Không phải vì sự an toàn của chính mình, mà vì sự chiến thắng của Phúc Âm mà Luther đã vật lộn với Đức Chúa Trời. Giống như Gia-cóp, trong đêm vật lộn bên dòng suối cô đơn đó, tâm hồn ông là nỗi thống khổ và xung đột. Giống như Giacóp, Luther đã thắng thế trước Thiên Chúa. Trong sự bất lực hoàn toàn của mình, đức tin của ông đã bám chặt vào Đấng Christ, Đấng Giải Cứu quyền năng. Anh được củng cố bởi niềm tin chắc chắn rằng anh sẽ không đơn độc trước hội đồng. Sự bình an trở lại trong tâm hồn ông và ông vui mừng vì được phép ca tụng Lời Chúa trước những kẻ cầm quyền trong nước.

Với tâm trí hướng về Thiên Chúa, Luther chuẩn bị cho cuộc chiến trước mặt Ngài. Anh ấy suy nghĩ về việc sắp xếp các câu trả lời của mình, xem xét các đoạn văn trong chính bài viết của mình và lấy bằng chứng thỏa đáng từ Kinh thánh để hỗ trợ cho quan điểm của mình. Sau đó, đặt tay trái lên Quyển sách thiêng liêng mở ra trước mặt, anh ta giơ tay phải lên trời và thề sẽ "liên tục bám chặt vào phúc âm và tự do tuyên xưng đức tin của mình, mặc dù điều đó có thể khiến anh ta phải trả giá bằng việc niêm phong lời khai của mình bằng chính lời chứng của mình." máu."

Khi Luther được giới thiệu lại trước sự hiện diện của Quốc hội, khuôn mặt của ông không hề tỏ ra sợ hãi hay xấu hổ. Điềm tĩnh và bình yên, nhưng dũng cảm và cao thượng, ông vẫn là nhân chứng cho Chúa giữa những người vĩ đại trên Trái đất. Chính thức

Imperial sau đó đã yêu cầu quyết định xem liệu họ có muốn rút lại các học thuyết của mình hay không. Luther đáp lại bằng một giọng điệu phục tùng và khiêm tốn, không có bạo lực hay đam mê. Thái độ của anh ấy rất nhút nhát và tôn trọng; tuy nhiên, anh lại tỏ ra tự tin và vui mừng khiến cả hội trường phải ngạc nhiên.

Luther nói: "Hỡi vị hoàng đế thanh thần nhất, những hoàng tử lừng lẫy, những quý tộc nhân hậu nhất," Luther nói, "tôi xuất hiện trước mặt ngài ngày hôm nay, theo mệnh lệnh của ngài, và tôi cầu xin bệ hạ uy nghiêm và uy nghiêm hãy lắng nghe với lòng nhân từ của Chúa, để sự bào chữa cho một lý do mà tôi khá chắc chắn là chính đáng và đúng sự thật. Nếu trong câu trả lời của tôi, tôi không tham dự nghi lễ của tòa án, hãy tha thứ cho tôi, vì tôi không quen với nghi thức của nó. Tôi chỉ là một tu sĩ nghèo, cư dân của tu viện và chỉ làm việc vì vinh quang của Thiên Chúa."

Sau đó, trả lời câu hỏi, ông tuyên bố rằng các tác phẩm đã xuất bản của ông không phải tất cả đều giống nhau. Trong một số trường hợp, ông đã xử lý đức tin và việc làm tốt, và ngay cả kẻ thù của ông cũng tuyên bố chúng không những vô hại mà còn mang lại lợi ích. Từ bỏ chúng một cách công khai sẽ là lên án những sự thật mà tất cả các bên đã thú nhận. Lớp thứ hai bao gồm các bài viết vạch trần sự tham nhũng và lạm dụng của giáo hoàng. Việc bãi bỏ chúng sẽ củng cố chế độ chuyên chế của La Mã, mở ra cánh cửa rộng lớn hơn cho nhiều kẻ bất kính lớn lao. Loại sách thứ ba của ông tấn công những cá nhân đã bảo vệ những tệ nạn hiện có. Về những điều này, Luther thẳng thắn thú nhận rằng ông đã bạo lực hơn mức cần thiết. Anh ta không tuyên bố mình không có lỗi lầm; nhưng ngay cả những cuốn sách này cũng không thể bị hủy bỏ, vì thái độ như vậy sẽ khuyến khích những kẻ thù của sự thật, những kẻ sau đó sẽ lợi dụng cơ hội để đàn áp dân Chúa một cách tàn ác hơn nữa.

"Tuy nhiên, tôi chẳng là gì ngoài một con người đơn thuần chứ không phải Chúa," anh tiếp tục. "Tôi sẽ tự bảo vệ mình như Chúa Kitô đã nói: 'Nếu tôi nói điều ác, hãy làm chứng cho điều ác.' Bởi lòng thương xót của Chúa, tôi cầu xin Bệ hạ hoặc bất cứ ai có thể chứng minh cho tôi thấy từ các bài viết của các nhà tiên tri và sử đồ rằng tôi đã sai. Ngay khi tôi bị thuyết phục, tôi sẽ ngay lập tức rút ra mọi lỗi lầm của mình và tôi sẽ là người đầu tiên ném sách của mình vào lửa."

"Điều tôi vừa nói cho thấy rằng tôi đã cân nhắc và cân nhắc những mối nguy hiểm mà tôi phải đối mặt; nhưng không hề nản lòng vì điều này, tôi rất vui mừng khi thấy rằng phúc âm, ngày nay cũng như trong quá khứ, là một nguyên nhân của sự xáo trộn và bất hòa. Đây là đặc điểm, số phận của Lời Chúa. Chúa Kitô đã nói: 'Ta đến không phải để gửi hòa bình đến trái đất, mà là đem gươm giáo.' Thiên Chúa thật tuyệt vời và khủng khiếp trong những lời khuyên của Ngài; chúng ta hãy cẩn thận kéo trong nỗ lực tránh bất hòa, chúng ta sẽ chống lại Lời thánh của Thiên Chúa và trút lên đầu chúng ta một trận lụt khủng khiếp với những nguy hiểm không thể giải quyết được của những thảm họa hiện tại và sự hoang tàn, vĩnh viễn... Tôi Tôi có thể trích dẫn nhiều ví dụ lấy từ những lời sấm truyền của Chúa, tôi có thể nói về các Pharaoh, các vị vua của Babylon và Israel, những người chưa bao giờ góp phần nhiều vào sự hủy diệt của chính mình hơn là khi, bằng những biện pháp có vẻ thận trọng hơn, họ nghĩ đến việc thiết lập quyền lực của mình. Chúa 'chuyển núi và họ không biết.'"

Luther nói bằng tiếng Đức. Anh ta được yêu cầu lặp lại những từ tương tự bằng tiếng Latinh. Mặc dù kiệt sức vì nỗ lực trước đó, anh ấy vẫn lặp lại bài phát biểu của mình với sự rõ ràng và năng lượng như trước. Sự quan phòng của Thiên Chúa đã hướng dẫn công việc của cộng đoàn. Tâm trí của nhiều hoàng tử đã bị mù quáng bởi sai lầm và mê tín đến nỗi, trong luận án đầu tiên, họ không nhìn thấy sức mạnh lý luận của Luther; nhưng sự lặp lại giúp họ nhận thức rõ ràng các điểm được đưa ra.

Những người ngoan cố nhắm mắt trước ánh sáng và quyết tâm không bị thuyết phục bởi sự thật đều rất tức giận trước sức ép của lời nói của Luther.

Khi ông ngừng nói, người phát ngôn của Quốc hội tỏ ra khó chịu: "Ông không

đã trả lời câu hỏi... Cần phải có một câu trả lời rõ ràng và chính xác... Bạn có định rút lui hay không?"

Nhà cải cách trả lời: "Vi Bệ hạ thanh thản nhất và các hoàng tử yêu cầu một câu trả lời đơn giản, rõ ràng và trực tiếp, tôi sẽ đưa ra và đó là điều này: Tôi không thể phục tùng đức tin của mình đối với giáo hoàng hay các hội đồng, bởi vì nó rõ ràng như rằng họ thường xuyên mắc sai lầm, thậm chí mâu thuẫn với chính mình. Nếu vậy, nếu tôi không bị thuyết phục bởi những bằng chứng rút ra từ Kinh thánh hoặc bởi những lý luận thuyết phục hơn, nếu tôi không hài lòng với những đoạn văn tôi đã trích dẫn, và nếu tư tưởng của tôi không phục tùng Lời Chúa như vậy, tôi không thể và sẽ không rút lui, vì thật không công bằng khi một Cơ-đốc nhân nói trái với lương tâm mình. giúp tôi với. Amen."

Như vậy người công chính đã đứng vững trên nền tảng vững chắc của Lời Đức Chúa Trời. Ánh sáng của Thiên đàng chiếu sáng khuôn mặt anh. Tính cách cao cả và trong sáng của ông, sự bình an và niềm vui trong lòng của ông, được thể hiện rõ ràng với tất cả mọi người khi ông làm chứng chống lại sức mạnh của sự sai lầm và làm chứng về tính ưu việt của đức tin chính phục thế giới.

Toàn bộ hội nghị im lặng một lúc vì kinh ngạc. Trong câu trả lời đầu tiên, Luther nói với giọng trầm, một cách tôn trọng và gần như phục tùng. Những người La Mã coi đây là bằng chứng cho thấy lòng dũng cảm của họ đang bắt đầu thất bại. Họ hiểu rằng yêu cầu thêm thời gian chỉ là khúc dạo đầu cho sự rút lui của họ. Bản thân Carlos khinh thường nhận thấy vẻ mặt mệt mỏi của nhà sư; trang phục khiêm tốn và cách ăn nói giản dị của ông đã tuyên bố: "Người đàn ông này sẽ không bao giờ biến tôi thành kẻ dị giáo." Sự can đảm và cương quyết mà Luther hiện đang thể hiện, cũng như sức mạnh và sự rõ ràng trong những cân nhắc của ông, khiến mọi người phải ngạc nhiên. Hoàng đế cảm động ngưỡng mộ và thốt lên: "Vi sư này nói với một trái tim gan dạ và lòng dũng cảm không gì lay chuyển được." Nhiều hoàng tử Đức nhìn người đại diện của đất nước họ với niềm tự hào và vui mừng.

Những người đồng tôn giáo của Rome đã bị đánh bại; nguyên nhân của họ giờ đây đã xuất hiện dưới một góc độ bất lợi hơn. Họ tìm cách duy trì sự thống trị của mình, không phải bằng cách viện dẫn Kinh thánh mà bằng cách sử dụng những lời đe dọa - lập luận không thể sai lầm của La Mã. Người phát ngôn của Chế độ ăn uống nói: "Nếu bạn không rút lui, Hoàng đế và các bang của Đế quốc sẽ xem xét cách đối phó với một kẻ dị giáo cố chấp."

Những người bạn của Luther, những người vui vẻ lắng nghe lời biện hộ cao quý của ông, đã run rẩy trước những lời này, nhưng chính bác sĩ lại bình tĩnh nói: "Xin Chúa giúp đỡ tôi, vì tôi không thể rút lui được điều gì".

Anh ta đã bị loại khỏi Chế độ ăn kiêng trong khi các hoàng tử đang tán gẫu. Có cảm giác rằng một cuộc khủng hoảng lớn đã đến. Việc Luther kiên trì từ chối phục tùng có thể ảnh hưởng đến lịch sử hội thánh trong nhiều thế kỷ. Người ta quyết định rằng anh ta sẽ có thêm một cơ hội để rút lui. Lần cuối cùng anh được đưa đến hội đồng. Một lần nữa câu hỏi được đặt ra là liệu ông có từ bỏ học thuyết của mình hay không. Luther nói: "Tôi không có câu trả lời nào khác ngoài câu tôi đã đưa ra." Rõ ràng là ông không thể bị thuyết phục, dù bằng những lời hứa hẹn hay đe dọa, để đầu hàng theo lệnh của La Mã.

Các thủ lĩnh theo đạo Papist cảm thấy ghê tởm vì sự cai trị của họ, vốn từng khiến các vị vua và quý tộc phải run sợ, lại bị một tu sĩ khiêm tốn coi thường. Họ khao khát làm cho anh ta cảm thấy phần nô bằng cách tra tấn thể xác. Nhưng Luther, hiểu được mối nguy hiểm mà mình đang gặp phải, đã nói chuyện với mọi người bằng sự bình tĩnh và nghiêm túc của người theo đạo Cơ đốc. Lời nói của anh không hề có chút kiêu ngạo, đăm mê và lừa dối. Anh ta đã đánh mất chính mình và những người vĩ đại đang vây quanh anh ta, và chỉ cảm thấy rằng anh ta đang ở trước sự hiện diện của Ai đó vô cùng cao cấp hơn các giáo hoàng, các quan chức, các vị vua và hoàng đế. Chúa Kitô đã nói qua chứng tá của Luther, với một sức mạnh và sự vĩ đại, vào thời điểm đó, đã khiến bạn bè cũng như kẻ thù phải kinh ngạc và sợ hãi. Thánh Thần của Thiên Chúa đã

có mặt tại hội đồng đó, gây ấn tượng với trái tim của những người đứng đầu để chế. Nhiều hoàng tử đã can đảm thừa nhận sự công bằng của chính nghĩa Luther. Họ đã bị thuyết phục về sự thật. Tuy nhiên, ở những nơi khác, ấn tượng nhận được đã bị mất.

Có một tầng lớp khác, vào thời điểm đó, không bày tỏ niềm tin chắc chắn của mình, nhưng họ đã tự mình nghiên cứu Kinh thánh và sau này trở thành những người ủng hộ trung thành cho cuộc Cải cách.

Tuyển hầu tước Frederick háo hức chờ đợi sự xuất hiện của Luther trước Quốc hội và vô cùng xúc động khi nghe bài phát biểu của ông. Với niềm vui mừng và tự hào, anh chứng kiến sự dũng cảm, kiên quyết và tự chủ của bác sĩ, và quyết định kiên quyết hơn trong việc bào chữa cho mình. Ông so sánh giữa các bên tranh chấp và thấy rằng sự khôn ngoan của các giáo hoàng, vua chúa và các quan chức đã bị sức mạnh của sự thật giảm xuống thành con số không. Giáo hoàng đã phải chịu một thất bại mà mọi quốc gia và mọi thời đại đều cảm nhận được.

Khi người thừa kế nhận ra tác động do bài phát biểu của Luther tạo ra, ông ta lo sợ, hơn bao giờ hết, đối với sự an toàn của sự cai trị của La Mã và quyết định sử dụng mọi phương tiện theo ý mình để đánh bại nhà cải cách. Sử dụng tất cả tài hùng biện và kỹ năng ngoại giao đã khiến mình trở nên nổi tiếng, ông đã trình bày với vị hoàng đế trẻ về sự ngu ngốc và nguy hiểm của việc hy sinh vì mục đích của một tu sĩ tầm thường, tình bạn và sự ủng hộ của triều đình La Mã hùng mạnh.

Lời nói của anh không phải là không có tác dụng. Một ngày sau phản hồi của Luther, Charles ra lệnh trình bày một thông điệp trước Quốc hội, tuyên bố quyết tâm tiếp tục chính sách của những người tiền nhiệm, duy trì và bảo vệ đạo Công giáo. Vì Luther đã không chịu từ bỏ những lỗi lầm của mình nên cần phải áp dụng những biện pháp nghiêm khắc nhất đối với ông và những tà giáo mà ông đã dạy. "Một tu sĩ đơn giản, bị lạc lối bởi sự điên rồ của chính mình, đã chống lại đức tin của Cơ đốc giáo.

Tôi sẽ hy sinh vương quốc, quyền lực, bạn bè, kho báu, thể xác và máu thịt, suy nghĩ và mạng sống của mình để ngăn chặn sự tiến triển của tội ác này. Tôi sắp cách chức Luther theo dòng Augustinô, cấm ông ta gây ra bất ổn nhỏ nhất trong dân chúng.

Sau đó, tôi sẽ thực hiện các biện pháp chống lại anh ta và những người theo giáo phái của anh ta, như những kẻ dị giáo ngoan cố, thông qua vạ tuyệt thông, cấm đoán và bằng mọi biện pháp cần thiết để tiêu diệt họ. Tôi kêu gọi các thành viên của các bang hãy cư xử như những Cơ đốc nhân trung thành." Mặc dù vậy, hoàng đế vẫn tuyên bố rằng hành vi an toàn của Luther cần phải được tôn trọng, và rằng, trước khi bất kỳ thủ tục tố tụng nào có thể được tiến hành chống lại ông, ông phải được phép về nhà an toàn. .

Hai ý kiến trái ngược nhau hiện đã được các thành viên của Quốc hội đưa ra. Các sứ giả và đại diện của Giáo hoàng một lần nữa yêu cầu coi thường hành vi an toàn của nhà cải cách. Họ lập luận: "Dòng sông Rhine nên nhận tro của ông ấy, giống như nó đã nhận tro của John Huss một thế kỷ trước." Các hoàng tử Đức, mặc dù họ bị thuyết phục bởi những người theo chủ nghĩa Giáo hoàng và bị tuyên bố là kẻ thù của Luther, nhưng vẫn phản đối hành vi vi phạm đức tin của công chúng như một vết nhơ đối với danh dự của quốc gia. Họ chỉ ra những tai họa xảy ra sau cái chết của Huss, và tuyên bố rằng họ không dám giáng xuống nước Đức cũng như vị hoàng đế trẻ tuổi của nước này sự lặp lại những tệ nạn khủng khiếp đó.

Bản thân Charles, trước lời đề nghị nhỏ nhặt, đã nói rằng ngay cả khi đức tin này bị trục xuất khỏi mọi trái tim, nó vẫn phải tìm nơi nương tựa ở các hoàng tử. Những kẻ thù theo chủ nghĩa giáo hoàng trung thành nhất của Luther sau đó nhất quyết yêu cầu xử lý nhà cải cách như Sigismund đã làm với Huss, giao ông ta cho nhà thờ chăm sóc; nhưng nhớ lại cảnh Huss, trong một cuộc họp công cộng, đã chỉ vào dây xích của mình để nhắc nhở nhà vua về lời đã cam kết của mình. Charles V tuyên bố: "Tôi không muốn đổ mặt vì xấu hổ như Sigismund."

Mặc dù vậy, Charles đã cố tình bác bỏ những sự thật do Luther trình bày. Quốc vương viết: "Tôi quyết tâm đi theo bước chân của những người tiên nhiệm". Anh đã quyết định rằng anh sẽ không rời bỏ con đường thông thường, thậm chí sẽ bước đi trên con đường của sự thật và công lý. Bởi vì cha mẹ anh đã làm như vậy nên anh sẽ ủng hộ giáo hoàng bằng tất cả sự tàn ác và tham nhũng của nó. Vì vậy, anh đã giữ vững lập trường của mình, từ chối chấp nhận bất kỳ ánh sáng nào ngoài những gì cha mẹ anh đã nhận được, hoặc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào mà họ không tham gia.

Ngày nay có rất nhiều người lựa chọn giữ vững phong tục, truyền thống của cha mẹ mình. Khi Chúa gửi thêm ánh sáng cho họ, họ từ chối nhận vì cha mẹ họ không ban cho họ ánh sáng đó nên họ không nhận. Chúng ta không được đặt ở nơi cha mẹ chúng ta, do đó bổn phận và trách nhiệm của chúng ta không giống cha mẹ. Chúng ta sẽ không được Đức Chúa Trời chấp nhận nếu noi gương cha mẹ để xác định bổn phận của mình, thay vì tự mình tìm kiếm Lời lẽ thật. Trách nhiệm của chúng ta lớn hơn trách nhiệm của tổ tiên. Chúng tôi chịu trách nhiệm về ánh sáng mà họ đã nhận được và ánh sáng đã được trao cho chúng tôi như một vật thừa kế; Chúng ta cũng chịu trách nhiệm về ánh sáng bổ sung đang chiếu rọi trên chúng ta từ Lời Chúa.

Chúa Giêsu nói với những người Do Thái không tin: "Nếu Ta không đến và nói chuyện với họ, họ đã không phạm tội, nhưng bây giờ họ không có lời bào chữa nào cho tội lỗi của mình". (Giăng 15:22). Quyền năng thiêng liêng tương tự đã nói qua Luther với hoàng đế và các hoàng tử nước Đức. Và khi ánh sáng chiếu rọi từ Lời Chúa, Thánh Linh của Ngài đã cầu xin lần cuối cùng với nhiều người trong hội chúng đó. Như Philatô, nhiều thế kỷ trước, đã để cho lòng kiêu hãnh và sự nổi tiếng khép kín lòng mình trước Đấng Cứu Chuộc của thế giới; Felix hèn nhát đã ra lệnh cho sứ giả của sự thật như thế nào: "Bây giờ anh hãy đi đi, khi có cơ hội tôi sẽ gọi anh"; như Agrippa kiêu hãnh thú nhận: "Bạn gần như thuyết phục được tôi biến tôi thành một Cơ đốc nhân!" (Cv 24:25; 26:28), tuy nhiên, ông đã đi chệch khỏi thông điệp do Thiên đường gửi đến, vì vậy Charles V, nhượng bộ trước những gợi ý của niềm kiêu hãnh trần tục và chính trị, đã quyết định từ chối ánh sáng của sự thật.

Tin đồn lan truyền rộng rãi về kế hoạch chống lại Luther, tạo ra sự phẫn khích lớn khắp thành phố. Nhà cải cách đã kết bạn với nhiều người, những người biết sự tàn ác xảo quyệt của La Mã đối với tất cả những ai dám vạch trần sự đồi bại của cô ấy, đã quyết tâm rằng mình sẽ không bị hy sinh. Hàng trăm quý tộc đã cam kết bảo vệ anh ta. Không ít người công khai tố cáo thông điệp của hoàng gia là thể hiện sự phục tùng kém cỏi trước quyền lực của La Mã. Các áp phích được dán trên cửa các ngôi nhà và những nơi công cộng, một số lên án và những người khác ủng hộ Luther.

Trên một trong số đó chỉ đơn giản viết những lời đầy ý nghĩa của nhà thông thái: "Khốn cho người, hỡi vùng đất có vua chỉ là một đứa trẻ!" (Truyền đạo 10:16). Sự nhiệt tình ủng hộ Luther trên khắp nước Đức đã thuyết phục cả hoàng đế và Nghị viện rằng bất kỳ sự bất công nào đối với Luther sẽ gây nguy hiểm cho hòa bình của đế quốc và thậm chí cả sự ổn định của đế chế. ngai vàng.

Frederick của Saxony duy trì một sự dè dặt đã được nghiên cứu, cẩn thận che giấu cảm xúc thực sự của mình đối với nhà cải cách, trong khi với sự cảnh giác không mệt mỏi, ông theo dõi mọi hành động của mình và của tất cả kẻ thù của mình. Nhưng có nhiều người không giấu được sự đồng cảm với Luther. Ông đã được các hoàng tử, bá tước, nam tước và những người nổi tiếng khác, cả giáo dân và giáo hội đến thăm. Spalatin viết: "Căn phòng nhỏ của bác sĩ không thể chứa hết những vị khách đến thăm." Mọi người nhìn ông như thể ông còn hơn cả con người. Ngay cả những người không có niềm tin vào học thuyết của ông cũng không thể không ngưỡng mộ sự chính trực cao cả đó khiến anh ta phải đối mặt với cái chết hơn là vi phạm lương tâm của mình.

Những nỗ lực cần mẫn đã được thực hiện để có được sự đồng ý của Luther để tiến hành một thỏa hiệp với La Mã. Các quý tộc và hoàng tử nói với anh rằng nếu anh tiếp tục nêu quan điểm của mình chống lại quan điểm của nhà thờ và hội đồng, anh sẽ sớm bị trục xuất khỏi đế chế và sẽ không còn quyền bào chữa nữa. Trước lời kêu gọi này, Luther đã trả lời: "Không thể rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô mà không bị xúc phạm... Vậy thì tại sao nỗi sợ nguy hiểm lại khiến tôi xa cách Chúa, và khỏi Lời thiêng liêng, vốn là sự thật duy nhất? Không! Tôi thà từ bỏ cơ thể, máu và mạng sống của mình còn hơn".

Một lần nữa anh ta lại bị thúc giục phải tuân theo sự phán xét của hoàng đế, và khi đó anh ta sẽ không còn phải sợ hãi nữa. Đáp lại, Luther nói: "Tôi hết lòng đồng ý rằng hoàng đế, các hoàng tử và thậm chí cả những Cơ đốc nhân khiêm tốn nhất, xem xét và đánh giá các bài viết của tôi; nhưng chỉ với một điều kiện: họ lấy Lời Chúa làm hướng dẫn. không có gì để làm ngoài việc phục tùng anh ta.

Lương tâm của tôi phụ thuộc vào Lời này và tôi bị ràng buộc bởi thẩm quyền của nó."

Trước một lời kêu gọi khác, anh ta trả lời: "Tôi đồng ý từ bỏ hành vi an toàn của mình, và tôi đặt sinh mạng và mạng sống của mình cho hoàng đế tùy ý sử dụng. Nhưng không bao giờ là Lời Chúa!" Ông tuyên bố sẵn sàng phục tùng quyết định của đại hội đồng, nhưng chỉ với điều kiện hội đồng quyết định phù hợp với Kinh thánh. "Khi nói đến Lời Chúa và đức tin, mọi Kitô hữu đều là thẩm phán giỏi như Giáo hoàng, ngay cả khi được hàng triệu hội đồng ủng hộ." Bọn bè cũng như đối thủ cuối cùng đều bị thuyết phục rằng mọi nỗ lực ủng hộ hòa giải đều vô ích.

Nếu nhà cải cách nhượng bộ dù chỉ một điểm thì Sa-tan và quân đội của hắn đã giành được chiến thắng. Nhưng sự kiên định không lay chuyển của ông chính là phương tiện giải phóng giáo hội và mở ra một kỷ nguyên mới tốt đẹp hơn. Ảnh hưởng của người đàn ông dám nghĩ và hành động cho chính mình trong các vấn đề tôn giáo này đã ảnh hưởng đến nhà thờ và thế giới, không chỉ trong thời đại của ông ta mà còn đến tất cả các thế hệ tương lai. Sự kiên quyết và trung thành của Ngài sẽ củng cố, cho đến tận thế, tất cả những ai đã trải qua trải nghiệm tương tự. Quyền năng và sự oai nghiêm của Đức Chúa Trời đứng trên lời khuyên của loài người, trên sức mạnh hùng mạnh của Sa-tan.

Theo lệnh của hoàng đế, Luther được lệnh trở về nhà. Anh ta biết rằng mệnh lệnh này sẽ được tuân theo bởi mệnh lệnh khác để lên án anh ta. Những đám mây đe dọa cuộn trên đường đi của họ. Nhưng rời Worms, lòng anh tràn ngập niềm vui và sự khen ngợi. Ông nói: "Chính ma quỷ đã canh giữ lâu đài của Giáo hoàng, nhưng Chúa Kitô đã đột nhập vào đó một cách rộng rãi, và ma quỷ buộc phải thú nhận rằng Chúa Giêsu mạnh hơn hắn."

Sau khi ra đi, vẫn mong muốn sự kiên định của mình không bị cuộc nổi loạn lấn át, Luther đã viết cho hoàng đế: "Chúa là nhân chứng của tôi, Đáng biết suy nghĩ của tôi, rằng tôi sẵn sàng hết lòng vâng phục Hoàng thượng dù tốt hay xấu." tin dữ, dù sống hay chết, không có ngoại lệ nào ngoài Lời Chúa, nhờ đó con người sống. Trong mọi việc ở đời này, lòng trung thành của tôi sẽ không lay chuyển, vì trong đó, thắng thua không liên quan gì đến sự cứu rỗi. Nhưng việc con người phải phục tùng con người trong những gì thuộc về sự sống vĩnh cửu là trái với ý muốn của Đức Chúa Trời. Sự phục tùng, trong các vấn đề tâm linh, là một sự sùng bái thực sự và chỉ nên dành cho Đáng Tạo Hóa."

Trên hành trình trở về từ Worms, sự đón tiếp của Luther còn vui vẻ hơn cả trên đường tới đó. Các giáo sĩ cao quý chào đón vị tu sĩ bị vạ tuyệt thông, và những người cai trị dân sự tôn vinh người đàn ông mà hoàng đế đã tố cáo. Ông nhất quyết rao giảng và, bất chấp lệnh cấm của hoàng gia, Luther một lần nữa lên bục giảng.

Ông tuyên bố: "Tôi chưa bao giờ cam kết còng tay Lời Chúa và tôi cũng sẽ như vậy." Không lâu sau khi ông rời Worms, những người theo chủ nghĩa giáo hoàng đã thuyết phục được hoàng đế ra lệnh cấm ông. Trong sắc lệnh này, Luther đã bị tố cáo

là "chính Satan dưới hình dáng một người đàn ông và bộ áo choàng của một tu sĩ." Người ta ra lệnh rằng, ngay khi hành vi an toàn hết hạn, phải thực hiện các biện pháp để làm gián đoạn công việc của anh ta. Tất cả mọi người đều bị cấm chào đón anh ta, cho anh ta thức ăn hoặc đồ uống, hoặc giúp đỡ hoặc hỗ trợ anh ta, bằng lời nói hoặc hành động, ở nơi công cộng hoặc riêng tư. Anh ta nên bị giam giữ và giao cho chính quyền bất cứ nơi nào anh ta được tìm thấy. Những người theo ông ta cũng phải bị bắt và bị tịch thu hàng hóa, tài sản. Các bài viết của ông sẽ bị tiêu hủy và cuối cùng tất cả những ai dám làm trái với sắc lệnh này sẽ bị ông lên án. Tuyển hầu tước Saxony và các hoàng tử thân thiện nhất của Luther đã rút khỏi Worms ngay sau khi ông rời đi, và sắc lệnh của hoàng đế đã nhận được sự chấp thuận của Quốc hội. Những người theo chủ nghĩa La Mã rất vui mừng. Họ coi số phận của cuộc Cải cách đã bị phong ấn.

Đức Chúa Trời đã cung cấp một lối thoát cho tôi tớ Ngài trong giờ phút nguy hiểm này. Một con mắt cảnh giác theo dõi hành động của Luther và một trái tim chân chính và cao thượng đã quyết định giải cứu ông. Rõ ràng là Rome sẽ không hài lòng với bất cứ điều gì ngoài cái chết của anh ta. Chỉ có sự che giấu mới có thể bảo vệ Luther khỏi hàm sư tử. Chúa đã ban sự khôn ngoan cho Frederick ở Saxony để phát triển một kế hoạch nhằm bảo tồn nhà cải cách. Với sự hợp tác của những người bạn thực sự, mục đích của cử tri đã hoàn thành và Luther đã được che giấu rất hiệu quả với bạn bè và kẻ thù của mình. Trên đường về nhà, anh ta bị bắt, bị tách khỏi những người hầu cận và nhanh chóng bị đưa xuyên rừng đến Wartburg, một pháo đài biệt lập trên núi. Việc bắt giữ và biến mất của ông được che giấu trong bí ẩn đến nỗi ngay cả Frederick cũng không biết trong một thời gian dài rằng Luther đã bị đưa đi đâu. Việc thiếu thông tin này không phải là không có lý. Chúng nào cử tri còn không biết về nơi ở của Luther thì không thể nói gì được. Frederico hài lòng khi biết rằng nhà cải cách đã được an toàn.

Xuân, hạ, thu đi qua và đông tới; Luther vẫn còn là một tù nhân. Aleandro và những người ủng hộ ông vui mừng khi ánh sáng Phúc Âm dường như sắp bị dập tắt. Nhưng thay vì làm như vậy, nhà cải cách đang đổ đầy ngọn đèn của mình từ nguồn chân lý, và ánh sáng của ông sẽ chiếu sáng rực rỡ hơn.

Trong sự an toàn thuận lợi của Wartburg, Luther đã vui mừng trong một thời gian vì được giải thoát khỏi sức nóng và sự hỗn loạn của trận chiến. Nhưng anh không thể tìm được sự thỏa mãn trong sự tĩnh lặng và nghỉ ngơi lâu dài. Đã quen với một cuộc sống hoạt động và xung đột gay gắt, anh khó có thể chịu đựng được việc không hoạt động. Trong những ngày cô đơn đó, tình trạng của hội thánh hiện lên trước mắt ông, và ông kêu lên trong tuyệt vọng: "Than ôi! Trong cơn thịnh nộ cuối cùng này của Đức Chúa Trời, chẳng có ai đứng vững như bức tường trước mặt Chúa và cứu Y-sơ-ra-ên!" Một lần nữa suy nghĩ của anh lại hướng về chính mình và anh sợ rằng mình sẽ bị buộc tội hèn nhát khi rút lui khỏi trận chiến. Anh tự trách mình vì sự lười biếng và buông thả của mình. Tuy nhiên, đồng thời, anh ta sản xuất hàng ngày nhiều hơn mức mà một người đàn ông có thể tưởng tượng được. Cây bút của ông không bao giờ nhàn rỗi. Khi kẻ thù của ông khoe rằng họ đã bắt Luther phải im lặng, họ ngạc nhiên và bối rối trước bằng chứng hữu hình cho thấy ông vẫn còn hoạt động. Một số lượng lớn tờ rơi từ ngòi bút của ông đã được lưu hành khắp nước Đức. Ông cũng đã cống hiến một sự phục vụ phi thường cho những người đồng hương của mình bằng cách dịch Tân Ước sang tiếng Đức. Từ đảo Patmos đầy đá của mình, ông tiếp tục rao giảng phúc âm và khiển trách những tội lỗi và sai lầm của thời đó trong gần một năm.

Không phải chỉ để bảo vệ Luther khỏi cơn thịnh nộ của kẻ thù, hay thậm chí để cho ông có một thời gian yên tĩnh cho những công việc quan trọng này, mà Đức Chúa Trời đã rút tôi tớ Ngài ra khỏi giai đoạn của đời sống công cộng. Có nhiều kết quả quý giá hơn những kết quả này đã đạt được. Trong sự cô độc và tối tăm của nơi ẩn náu trên núi,

Luther đã bị loại bỏ khỏi tầm nhìn của mọi sự hỗ trợ trần thế và bị loại bỏ khỏi những lời ca ngợi của con người. Vì vậy, anh ấy đã tránh được niềm kiêu hãnh và sự tự tin thường thấy khi đạt được thành công. Bằng đau khổ và tủi nhục, anh lại chuẩn bị bước đi an toàn trên những đỉnh cao chóng mặt mà anh đã đột ngột được nâng lên.

Khi con người vui mừng vì sự tự do mà sự thật mang lại cho họ, họ có xu hướng khen ngợi những người mà Chúa đã dùng để phá vỡ xiềng xích sai lầm và mê tín. Satan tìm cách khiến suy nghĩ và tình cảm của con người rời xa Đức Chúa Trời và gán chúng vào các tác nhân của con người. Anh ta hướng dẫn họ tôn vinh công cụ đơn thuần và phớt lờ Bàn tay chỉ đạo mọi sự kiện của Chúa Quan Phòng. Biết bao nhiêu nhà lãnh đạo tôn giáo được khen ngợi theo cách này thường đánh mất sự phụ thuộc vào Thiên Chúa và bị dẫn đến sự tin tưởng vào chính mình. Kết quả là, chúng tìm cách kiểm soát tâm trí và lương tâm của mọi người, những người có xu hướng trông cậy vào chúng để được hướng dẫn hơn là Lời Đức Chúa Trời. Công việc cải cách thường bị trì hoãn vì tinh thần này được những người bảo vệ nó trân trọng. Đức Chúa Trời muốn ngăn chặn sự nghiệp Cải cách rơi vào tình trạng nguy hiểm này. Ông mong muốn rằng một tác phẩm như vậy không phải nhận được những ấn tượng của con người mà là những ấn tượng của thần thánh. Con mắt của loài người đã hướng về Luther với tư cách là người giải thích lẽ thật, nhưng ông đã bị loại bỏ để mọi con mắt có thể hướng về Tác giả vĩnh cửu của lẽ thật.

Chương 9

Nhà cải cách Thụy Sĩ

Khi lựa chọn các công cụ để cải cách hội thánh, người ta cũng thấy kế hoạch thiêng liêng giống như trong việc thành lập hội thánh. Thiên chủ đi ngang qua các bậc vĩ nhân trên Trái đất, những người có chức tước và giàu có về vật chất, quen nhận được sự khen ngợi và tôn vinh với tư cách là người lãnh đạo nhân dân. Họ quá kiêu hãnh và tự tin về sự ưu việt khoe khoang của mình đến nỗi họ không thể bị uốn nắn để cảm thông với đồng loại và trở thành đồng nghiệp với Con người khiêm nhường ở Nazareth. Đối với những ngư dân mù chữ và cần cù ở Ga-li-lê, lời mời đã được đưa ra: "Hãy theo Ta, Ta sẽ khiến các người trở thành tay đánh lưới người" (Ma-thi-ơ 4:19). Những môn đệ này rất khiêm tốn và dễ tiếp thu. Họ càng ít bị ảnh hưởng bởi những lời dạy sai lầm của thời đại họ thì Đấng Christ càng hướng dẫn và huấn luyện họ để phục vụ Ngài càng thành công.

Điều này cũng xảy ra trong thời kỳ Đại Cải Cách. Những nhà cải cách vĩ đại là những người có cuộc sống khiêm tốn - những người hơn bất kỳ ai khác cùng thời, không kiêu ngạo về địa vị và không bị ảnh hưởng bởi sự không khoan dung và tham nhũng của giới tăng lữ. Kế hoạch của Chúa là sử dụng những công cụ khiêm tốn để đạt được những kết quả vĩ đại. Khi ấy, vinh quang sẽ không được ban cho loài người, nhưng cho Đấng tác động qua họ để vừa muốn vừa làm theo ý tốt của Ngài.

Vài tuần sau khi Luther chào đời trong túp lều của một người thợ mỏ ở Saxony, Ulrich Zwingli được sinh ra trong túp lều của người chăn cừu giữa dãy Alps. Bầu không khí bao quanh thời thơ ấu của Zwingli và những bài học đầu tiên của anh rất phù hợp để chuẩn bị cho sứ mệnh tương lai của anh. Được đưa đến những khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ, vẻ đẹp và sự cao cả tôn kính, tâm trí anh đã sớm có ấn tượng với cảm giác về sự vĩ đại, quyền năng và uy nghi của Chúa. Câu chuyện về những chiến công dũng cảm đạt được trên vùng núi quê hương đã đánh thức khát vọng tuổi trẻ của anh. Và bên cạnh người bà ngoan đạo của mình, anh đã lắng nghe một vài câu chuyện Kinh thánh quý giá mà bà đã thu thập được từ những truyền thuyết và truyền thống của nhà thờ. Với lòng say mê, ông được nghe về những việc làm vĩ đại của các tổ phụ và các tiên tri, của các mục đồng canh giữ đàn chiên của họ ở vùng núi Palestine, nơi các thiên thần đã loan báo cho họ về Hài nhi Bêlem và Người trên Đồi Canvê.

Giống như John Luther, cha của Zwingli mong muốn con trai mình được học hành và cậu bé được gửi từ thung lũng quê hương đến trường ngay từ khi còn nhỏ. Trí óc của cậu nhanh chóng phát triển, và việc tìm được những vị thầy có năng lực để hướng dẫn cậu sớm trở thành một vấn đề quan trọng. Năm mười ba tuổi, anh đến Bern, nơi có ngôi trường nổi tiếng nhất Thụy Sĩ. Tuy nhiên, ở đó, một mối nguy hiểm nảy sinh và đe dọa hủy hoại tương lai đầy hứa hẹn của cuộc đời anh. Các tu sĩ đã quyết tâm nỗ lực thu hút ngài vào tu viện. Các tu sĩ dòng Đa Minh và dòng Phanxicô cạnh tranh nhau để giành được sự ưu ái của quần chúng. Để đảm bảo lợi thế so với các đối thủ, họ đã không tiết kiệm đồ trang hoàng của nhà thờ, sự lộng lẫy của các nghi lễ phụng vụ cũng như sự hấp dẫn của các thánh tích và hình ảnh "làm phép lạ" nổi tiếng của họ. Dòng Đa Minh ở Berne thấy rằng nếu họ có thể thu phục được sinh viên trẻ tài năng này, họ sẽ đảm bảo được lợi ích và danh dự. Tuổi trẻ của ông, khả năng thiên bẩm của ông như một nhà hùng biện và nhà văn, cùng thiên tài về âm nhạc và thơ ca, sẽ có hiệu quả hơn tất cả sự hào hoa và phô trương của ông, trong việc thu hút mọi người đến phục vụ ông và do đó làm tăng thu nhập cho dòng tu của ông. Bằng sự lừa dối và xu nịnh quá mức, họ đã nỗ lực lôi kéo Zwingli vào tu viện của họ. Luther, khi còn là sinh viên, đã tự nhốt mình trong phòng giam ở một

tu viện, và anh ta sẽ bị lạc vào thế giới nếu Chúa không giải thoát anh ta. Zwingli sẽ không được phép gặp phải mối nguy hiểm tương tự.

Thật may mắn là cha anh đã được cảnh báo về kế hoạch của các tu sĩ. Ông không có ý định cho phép con trai mình theo đuổi cuộc sống nhàn rỗi và vô ích của tu sĩ. Ông nhận thấy khả năng hữu dụng trong tương lai của mình đang gặp nguy hiểm nên đã ra lệnh cho anh ta trở về nhà ngay lập tức.

Lệnh đã được tuân theo; nhưng chàng trai trẻ không thể hài lòng lắm ở thung lũng quê hương của mình, và anh nhanh chóng tiếp tục việc học của mình, sau một thời gian định cư ở Basel. Chính tại đó, Zwingli lần đầu tiên được nghe phúc âm về ân điển miễn phí của Chúa.

Wittembach, một giáo viên dạy ngôn ngữ cổ, trong khi học tiếng Hy Lạp và tiếng Do Thái, đã được hướng dẫn đến Kinh thánh, và bằng cách này, những tia sáng thần thánh đã chiếu vào tâm trí những học sinh dưới sự hướng dẫn của ông. Ông tuyên bố rằng có một chân lý lâu đời hơn và có giá trị lớn hơn rất nhiều so với những lý thuyết được các học giả và triết gia giảng dạy. Lẽ thật cổ xưa này là cái chết của Đấng Christ là cái giá duy nhất để chuộc tội nhân. Đối với Zwingli những lời này giống như những tia sáng đầu tiên trước bình minh.

Zwingli sớm được gọi từ Basel để gia nhập chức vụ của mình.

Công việc thực địa đầu tiên của anh là ở một cộng đồng vùng Alpine, không xa thung lũng quê hương anh. Sau khi được thụ phong linh mục, ngài "dành toàn bộ tâm hồn để tìm kiếm chân lý thiêng liêng; vì ông ấy nhận thức rõ," một nhà cải cách đương thời nói, "ông ấy phải biết rõ đàn chiên của Chúa Kitô được giao phó cho ai".

Càng tra cứu Kinh thánh, ông càng thấy rõ sự tương phản giữa lẽ thật trong đó và tà giáo của La Mã. Ông tuân theo Kinh thánh như Lời của Đức Chúa Trời, tiêu chuẩn duy nhất đầy đủ và không thể sai lầm. Anh thấy rằng cô ấy phải là thông dịch viên của chính mình. Ông không cố gắng giải thích Kinh thánh để ủng hộ một lý thuyết hay học thuyết đã được định sẵn, nhưng vẫn khẳng định rằng nhiệm vụ của ông là phải tìm hiểu xem lời dạy trực tiếp và hiển nhiên của Kinh thánh là gì. Ngài tìm kiếm mọi sự trợ giúp để có được sự hiểu biết đầy đủ và chính xác về ý nghĩa của nó, đồng thời ngài cầu xin sự giúp đỡ của Chúa Thánh Thần, Đấng mà ngài tuyên bố sẽ tỏ mình ra cho tất cả những ai tìm kiếm ngài với lòng chân thành và cầu nguyện.

"Kinh thánh," Zwingli nói, "đến từ Chúa, không phải từ con người. Và chính Thiên Chúa soi sáng sẽ làm cho bạn hiểu rằng lời nói đến từ Thiên Chúa. Lời Chúa... không thể thất bại; Mẹ là ánh sáng, Mẹ giải thích, Mẹ bộc lộ chính mình, Mẹ soi sáng tâm hồn bằng mọi sự cứu rỗi và ân sủng, Mẹ an ủi linh hồn trong Thiên Chúa, Mẹ hạ mình xuống, đến nỗi cô đánh mất chính mình, chối bỏ chính mình và ôm lấy Thiên Chúa." Sự thật trong những lời này của Zwingli đã được chứng minh. Nói về trải nghiệm của mình vào thời điểm này, sau này ông viết: "Khi tôi bắt đầu dành trọn tâm trí cho Kinh thánh, triết học và thần học (chủ nghĩa kinh viện) luôn khiến tôi không hài lòng. Cuối cùng, đây là điều tôi nói, 'Bạn phải bỏ lại mọi thứ lửa dối và tìm hiểu ý nghĩa của Chúa được giải thích hoàn toàn bằng Lời đơn giản của chính Ngài.' Sau đó, tôi bắt đầu cầu xin Đức Chúa Trời ban ánh sáng của Ngài và Kinh Thánh trở nên dễ hiểu hơn đối với tôi".

Học thuyết do Zwingli rao giảng không được Luther tiếp nhận. Đó là giáo lý của Đấng Christ. Nhà cải cách Thụy Sĩ nói: "Nếu Luther thuyết giảng về Chúa Kitô, thì ông ấy sẽ làm những gì tôi làm. Anh ấy đã dẫn dắt nhiều linh hồn đến với Chúa Kitô hơn tôi; Như chỉ thị. Tuy nhiên, tôi không có tên nào khác ngoài tên của Đấng Christ, Đấng mà tôi là người lính và là người đứng đầu duy nhất của tôi. Chưa bao giờ tôi viết một dòng nào cho Luther, hoặc Luther viết cho tôi. Và tại sao?... Rằng có thể hiển nhiên cho tất cả mọi người thấy chứng ngôn của Thánh Linh của Thượng Đế giống nhau như thế nào vì chúng ta, những người chưa hề giao tiếp với nhau, lại giảng dạy giáo lý của Chúa Giê Su Ky Tô với sự đồng nhất như vậy."

Năm 1516, Zwingli được mời trở thành nhà thuyết giáo tại tu viện ở Einsiedeln. Ở đó, ông có được cái nhìn cận cảnh về sự suy đồi của Rome và bắt đầu tạo ra ảnh hưởng với tư cách là một Nhà cải cách vượt xa quê hương của ông.

Dãy núi Alps bản địa. Một trong những điểm thu hút lớn nhất của Einsiedeln là hình ảnh của trình nữ được cho là có sức mạnh thực hiện phép lạ. Trên cổng tu viện có dòng chữ: "Ở đây có thể được xóa bỏ hoàn toàn tội lỗi." Những người hành hương vào mọi mùa đều đến nhà nguyện của Đức Trinh Nữ; nhưng vào lễ hội lớn hàng năm để thánh hiến nó, rất đông người đã đến từ khắp các vùng của Thụy Sĩ, và thậm chí từ Pháp và Đức. Zwingli, vô cùng đau khổ trước viễn cảnh này, đã nhân cơ hội này để tuyên bố tự do thông qua phúc âm cho những nô lệ mê tín này.

"Đừng tưởng tượng," ông nói, "rằng Chúa ở trong ngôi đền này nhiều hơn bất kỳ phần nào khác của tạo vật. Bất cứ nơi nào Ngài đã định sẵn nơi ở của bạn, Ngài ở xung quanh bạn và lắng nghe bạn... Sức mạnh nào có thể có được trong những lao động vô ích, những cuộc hành hương tẻ nhạt, những lễ vật, những lời cầu nguyện với các trình nữ và các thánh, để đảm bảo cho bạn được ân huệ của Chúa? Những từ được nhân lên trong lời cầu nguyện có ý nghĩa gì? Mũ trùm bóng loáng, đầu cạo trọc, áo dài thướt tha hay dép dát vàng có tác dụng gì? Thiên Chúa nhìn vào trái tim - và trái tim chúng ta ở xa Thiên Chúa." Ngài nói: "Chúa Kitô, Đấng đã hiến mình trên thập giá một lần đủ cả, là của lễ hy sinh thỏa đáng và là nạn nhân đời đời vì tội lỗi của mọi người tin Chúa".

Đối với nhiều thánh giả, những lời dạy này không được hoan nghênh. Họ cảm thấy thất vọng cay đắng khi thấy rằng cuộc hành trình mệt mỏi của họ đã trở nên vô ích. Họ không thể hiểu được sự tha thứ được ban miễn phí qua Đấng Christ.

Họ hài lòng với con đường dẫn tới Thiên đường cũ mà Rome đã vạch ra cho họ. Họ rút lui khỏi sự bối rối khi tìm kiếm thứ gì đó tốt hơn. Việc giao phó sự cứu rỗi của bạn cho các linh mục và giáo hoàng thì dễ hơn là tìm kiếm sự trong sạch của tâm hồn.

Nhưng một lớp khác lại vui mừng đón nhận tin tức về sự cứu chuộc qua Đấng Christ. Những sự tuân giữ do Rôma truyền lệnh đã không mang lại bình an cho tâm hồn, và nhờ đức tin họ đã chấp nhận máu của Đấng Cứu Rỗi làm vật chuộc lỗi. Những người này trở về nhà của mình để tiết lộ cho người khác ánh sáng quý giá mà họ đã nhận được. Bằng cách này, sự thật đã được truyền từ cộng đồng này sang cộng đồng khác, từ thành phố này sang thành phố khác, và số người hành hương đến tu viện trình nữ đã giảm đi rất nhiều. Các lời đề nghị bị giảm và do đó, lương của Zwingli bị giảm, người đã bị họ sa thải. Nhưng điều này chỉ mang lại cho anh niềm vui vì anh thấy rằng quyền lực của sự cuồng tín và mê tín đã bị phá vỡ.

Chính quyền Giáo hội không mù quáng trước công việc mà Zwingli đang thực hiện; nhưng cho đến thời điểm đó họ tránh can thiệp.

Với hy vọng vẫn bảo đảm được anh ta cho chính nghĩa của mình, họ đã nỗ lực thu phục anh ta bằng những lời xu nịnh, và trong khi đó sự thật đang dần chiếm được vị trí trong lòng mọi người.

Những nỗ lực của Zwingli tại Einsiedeln đã chuẩn bị cho anh ấy một lĩnh vực lớn hơn, và anh ấy sẽ sớm tham gia vào lĩnh vực này. Sau ba năm ở đó, ông được gọi đến văn phòng giảng thuyết ở nhà thờ lớn Zurich. Khi đó đây là thành phố quan trọng nhất trong liên bang Thụy Sĩ và ảnh hưởng của nó sẽ được cảm nhận rộng rãi. Tuy nhiên, các giáo sĩ được mời đến Zurich lại muốn tránh bất kỳ sự đổi mới nào và quyết tâm hướng dẫn anh ta về nhiệm vụ của mình.

Họ nói: "Bạn sẽ dốc hết sức lực của mình để thu thập các lễ vật từ hội chúng - không bỏ qua điều nhỏ nhặt nhất. Bạn sẽ khuyến khích họ trung thành, cả trên bục giảng và tòa giải tội, nộp tất cả tiền thập phân và lễ vật, đồng thời làm chứng bằng lễ vật của mình rằng họ quan tâm đến nhà thờ. Bạn sẽ siêng năng tăng cường các khoản đóng góp đến từ người bệnh, quần chúng và nói chung là tất cả các giáo lễ của giáo hội." "Ngoài việc cử hành các bí tích, rao giảng và đích thân chăm sóc đàn chiên," những người hướng dẫn của ngài nói thêm, "đây cũng là những nhiệm vụ của linh mục.

Nhưng để thực hiện những điều này, bạn có thể thuê người thay thế hành động thay bạn

- đặc biệt là trong việc rao giảng. Bạn chỉ được cử hành các bí tích cho những người đặc biệt khi được yêu cầu đặc biệt; Bạn không được phép quản lý chúng một cách bừa bãi đối với mọi người thuộc mọi tầng lớp.”

Zwingli im lặng lắng nghe những lời buộc tội này, và để đáp lại, sau khi bày tỏ lòng biết ơn về vinh dự được mời đến văn phòng quan trọng này, anh bắt đầu giải thích con đường mà anh dự định áp dụng. Ông nói: “Câu chuyện về Chúa Giêsu đã bị giấu kín quá lâu rồi. Mục đích của tôi là dạy về toàn bộ Tin Mừng theo Thánh Mát-thêu, chỉ nói từ các nguồn Kinh Thánh, nói từ mọi chiều sâu của nó, so sánh bản văn với bản văn, và sử dụng những lời cầu nguyện nhiệt thành và không ngừng nghỉ, để tôi có thể được phép khám phá những gì tâm trí của Chúa Thánh Thần. Vì vinh quang của Thiên Chúa, để ca ngợi Con Một của Ngài, vì phần rỗi các linh hồn và để giáo dục họ trong đức tin đích thực, mà tôi mong muốn thánh hiến thừa tác vụ của mình.” Mặc dù một số giáo sĩ không tán thành kế hoạch của ông và cố gắng **khuyên can ông**, Zwingli vẫn tỏ ra bình thản. Ông tuyên bố rằng ông không định giới thiệu bất kỳ phương pháp mới nào, mà là phương pháp cũ đã được nhà thờ sử dụng vào thời kỳ đầu, trong những ngày còn trong sạch của nó.

Sự quan tâm đã được đánh thức bởi những lễ thật mà ông dạy; và dân chúng tụ tập rất đông để nghe ông thuyết giảng. Nhiều người đã ngừng tham dự các cuộc họp từ lâu cũng nằm trong số thánh giả của ông. Ông bắt đầu chức vụ của mình bằng cách mở đầu các Tin Mừng, đọc và giải thích cho người nghe câu chuyện được soi dẫn về cuộc đời, những lời dạy và cái chết của Chúa Kitô. Ở đây, cũng như ở Einsiedeln, ông trình bày Lời Chúa là thẩm quyền duy nhất không thể sai lầm, và cái chết của Chúa Kitô là hy lễ trọn vẹn duy nhất. Ngài nói: “Chính là đến với Chúa Kitô mà tôi muốn dẫn các bạn đến với Chúa Kitô, nguồn ơn cứu độ thực sự”. Mọi người thuộc mọi tầng lớp tụ tập xung quanh nhà truyền giáo, từ các nhà lãnh đạo chính phủ, giáo viên đến các nghệ nhân và nông dân. Với sự quan tâm sâu sắc, họ lắng nghe những lời của ông. Ngài không chỉ công bố ơn cứu độ miễn phí mà còn mạnh dạn lên án những lừa dối và bại hoại của thời đó. Nhiều người trở về từ thánh đường ca ngợi Chúa. Họ nói: “Người này là người rao giảng lễ thật. Ngài sẽ là Môi-se của chúng ta, để dẫn chúng ta ra khỏi bóng tối của Ai Cập này.”

Nhưng mặc dù ban đầu tác phẩm của ông được đón nhận rất nhiệt tình nhưng sau một thời gian, sự phản đối ngày càng gia tăng. Các nhà sư bắt đầu cản trở công việc của ông và lên án những lời dạy của ông. Nhiều người tấn công anh ta bằng sự chế giễu và chế giễu; những người khác dùng đến sự xúc phạm và đe dọa. Nhưng Zwingli đã kiên nhẫn chịu đựng mọi người khi nói: “Nếu chúng ta muốn thu phục các linh hồn cho Chúa Giêsu, chúng ta phải học cách nhắm mắt trước nhiều điều cản đường chúng ta”.

Lúc này có một nhân tố mới thúc đẩy công cuộc cải cách. Một người Lucian được một người bạn theo đạo Cải cách ở Basel cử đến Zurich cùng với một số bài viết của Luther, người này cho rằng việc bán những cuốn sách này có thể là một phương tiện truyền bá ánh sáng mạnh mẽ. “Kiểm tra xem,” anh ấy viết cho Zwingli, “liệu Lucian này có đủ sự thận trọng và kỹ năng hay không; nếu vậy, hãy để anh ta mang anh ta từ thành phố này sang thành phố khác, từ làng này sang làng khác, từ làng này sang làng khác, và thậm chí từ nhà này sang nhà khác, khắp Thụy Sĩ, mang theo những bài viết của Luther, và đặc biệt là bài giảng của ông về lời cầu nguyện của Chúa. viết cho giáo dân. Càng được biết đến nhiều thì họ sẽ càng tìm được nhiều người mua.” Bằng cách này, ánh sáng đã tìm được lối vào.

Vào thời điểm Đức Chúa Trời đang chuẩn bị phá vỡ xiềng xích của sự ngu dốt và mê tín, thì chính Sa-tan hoạt động với sức mạnh lớn hơn để bao bọc loài người trong bóng tối và càng giữ chặt xiềng xích của họ hơn. Làm thế nào những người đàn ông đã đứng lên ở những nơi khác nhau để mang đến cho người dân sự tha thứ và

sự biện minh nhờ máu của Chúa Kitô, Rome bắt đầu với nguồn năng lượng mới để mở cửa thị trường trên khắp các tôn giáo theo đạo Thiên chúa, đề nghị tha thứ cho tiền bạc.

Mọi tội lỗi đều có cái giá của nó, và con người được đảm bảo sẽ được tự do phạm tội nếu kho bạc của nhà thờ luôn đầy ắp. Bằng cách này, cả hai phong trào đều tiến triển: một phong trào lấy tiền để tha tội; và điều kia là sự tha thứ qua Đấng Christ. La Mã cho phép tội lỗi, biến nó thành nguồn thu nhập; những người Cải cách lên án tội lỗi, và coi Đấng Christ là Đấng chuộc tội và Đấng Giải phóng.

Ở Đức, việc bán ân xá đã được ủy quyền cho các tu sĩ Đa Minh và được lãnh đạo bởi Tetzel khét tiếng. Ở Thụy Sĩ, việc buôn bán được đặt vào tay các tu sĩ dòng Phanxicô, dưới sự kiểm soát của Sanção, một tu sĩ người Ý. Lệnh trừng phạt đã phục vụ tốt cho nhà thờ, đảm bảo được những khoản tiền khổng lồ từ Đức và Thụy Sĩ để lấp đầy kho bạc của giáo hoàng. Giờ đây, ông đã băng qua Thụy Sĩ, thu hút đám đông lớn, xua đuổi những người nông dân nghèo với số tiền ít ỏi của họ và yêu cầu các tầng lớp giàu có quyên góp nhiều tiền. Nhưng ảnh hưởng của Cải cách đã được coi là hạn chế nạn buôn người, mặc dù nó không thể ngăn chặn được. Zwingli vẫn ở Einsiedeln khi Sanction, ngay sau khi vào Thụy Sĩ, đến với hoạt động buôn bán bất hợp pháp ở khu vực lân cận thành phố. Được thông báo về sứ mệnh của mình, nhà cải cách ngay lập tức đứng ra chống đối. Hai người không gặp nhau, nhưng Zwingli đã thành công trong việc vạch trần ý định của giáo đoàn đến nỗi anh buộc phải rời đi các quận khác.

Ở Zurich Zwingli nhiệt tình rao giảng chống lại những kẻ buôn bán ân xá; và khi Sanction đến gần nơi này, anh ta đã gặp một sứ giả của hội đồng, với giấy triệu tập nơi anh ta dự kiến sẽ đến. Cuối cùng anh ta đã đảm bảo được quyền nhập cảnh bằng mưu kế, nhưng bị từ chối mà không được ân xá một lần nào, và ngay sau đó rời Thụy Sĩ.

Một động lực mạnh mẽ đã được tạo ra để cải cách bởi sự xuất hiện của bệnh dịch, hay "cái chết lớn", quét qua Thụy Sĩ vào năm 1519. Do đó, khi mọi người phải đối mặt với kẻ hủy diệt, nhiều người đã cảm thấy họ thật vô ích và vô nghĩa. Giá trị là sự tha thứ mà họ mới có được; và họ khao khát một nền tảng vững chắc hơn cho đức tin của mình. Zwingli ở Zurich đổ bệnh; ông bị bệnh nặng đến nỗi mọi hy vọng hồi phục của ông đều bị dập tắt, và tin tức rằng ông đã chết được lan truyền rộng rãi. Trong giờ thử thách đó, niềm hy vọng và lòng can đảm của anh không thể lay chuyển. Ông nhìn vào thập tự giá trên đồi Can-vê với đức tin, tin cậy vào sự chuộc tội trọn vẹn. Khi ngài trở về từ cửa tử, ngài rao giảng Tin Mừng với lòng nhiệt thành hơn bao giờ hết; và lời nói của ông có sức mạnh phi thường. Mọi người vui mừng chào đón vị mục tử yêu quý của họ, người đã trở về với họ từ bờ mộ. Bản thân họ đã xuất thân từ việc chăm sóc người bệnh và

sắp chết, và họ cảm nhận được giá trị của phúc âm hơn bao giờ hết.

Zwingli đã hiểu rõ ràng về sự thật của nó và đã tự mình trải nghiệm đầy đủ hơn sức mạnh đổi mới của nó. Sự sa ngã của con người và kế hoạch cứu chuộc là những chủ đề mà ông đã suy ngẫm. Ngài nói: "Trong Adam, tất cả chúng ta đều đã chết, hoàn toàn bị hủy hoại trong sự bại hoại và sự kết án." "Nhưng Đấng Christ đã mua cho chúng ta sự cứu chuộc đời đời." "Niềm đam mê của anh ấy là sự hy sinh vĩnh cửu và có hiệu quả vĩnh viễn; Ngài làm thỏa mãn sự công bình thiêng liêng mãi mãi cho tất cả những ai tin cậy nơi Ngài với đức tin vững chắc, không lay chuyển." Tuy nhiên, ông nói rõ ràng rằng con người không được tự do, vì ân sủng của Chúa Kitô, để tiếp tục phạm tội. "Nơi nào có đức tin nơi Đức Chúa Trời, nơi đó có Đức Chúa Trời ngự; và ở đâu có Chúa, ở đó có lòng nhiệt thành được thức tỉnh, thúc đẩy và dẫn dắt con người làm việc lành."

Sự quan tâm đến lời rao giảng của Zwingli đến mức nhà thờ chật kín đến mức không thể chứa nổi đám đông đến nghe ông. Dần dần, khi họ có thể chịu đựng được, ông đã mở ra sự thật cho người nghe. Lúc đầu, ông cẩn thận không đưa ra những điểm có thể khiến họ cảnh giác và gây thành kiến. Công việc đầu tiên của ông là thu phục trái tim họ theo những lời dạy của Đấng Christ, làm họ mềm lòng bằng tình yêu thương của Ngài và nêu gương của Ngài trước mặt họ; và khi họ tiếp nhận các nguyên tắc phúc âm, những niềm tin và thực hành mê tín của họ chắc chắn sẽ bị từ bỏ.

Cuộc cải cách tiến triển từng bước ở Zurich. Trong tình trạng báo động, kẻ thù của ông đã đứng lên phản đối tích cực. Một năm trước đó, tu sĩ Wittenberg đã tuyên bố "không" với giáo hoàng và hoàng đế ở Worms, và bây giờ mọi thứ dường như cho thấy sự phản kháng tương tự trước những tham vọng của giáo hoàng ở Zurich. Các cuộc tấn công liên tục được thực hiện vào Zwingli. Trong doanh trại của giáo hoàng, thỉnh thoảng các môn đệ của Tin Mừng bị thiêu sống, nhưng điều này vẫn chưa đủ; giáo viên của tà giáo nên im lặng. Theo đó, giám mục Constancia cử ba đại biểu đến Hội đồng Zurich, cáo buộc Zwingli dạy dỗ người dân vi phạm luật lệ của nhà thờ, từ đó đe dọa hòa bình và trật tự xã hội. Ông lập luận rằng nếu quyền lực của nhà thờ bị gạt sang một bên thì tình trạng hỗn loạn phổ quát sẽ xảy ra. Zwingli trả lời rằng ông đã giảng dạy phúc âm ở Zurich trong bốn năm, "nơi yên tĩnh và thanh bình hơn bất kỳ thành phố nào khác trong liên bang". Ông nói: "Vậy thì không phải Cơ đốc giáo là biện pháp bảo vệ an ninh chung tốt nhất sao?"

Các đại biểu đã thúc giục các cố vấn ở lại nhà thờ, họ tuyên bố rằng bên ngoài nhà thờ sẽ không có sự cứu rỗi. Zwingli trả lời: "Đừng để lời buộc tội này lay chuyển bạn. Nền tảng của hội thánh là cùng một Vàng Đá, cùng một Đấng Christ, Đấng đã đặt tên cho Phi-e-rơ vì ông đã trung tín xứng nhận Ngài. Ở mọi quốc gia, bất cứ ai hết lòng tin vào Chúa Giêsu đều được Đức Chúa Trời chấp nhận. Đây thực sự là nhà thờ, bên ngoài không ai có thể được cứu". Kết quả của hội nghị, một trong những đại biểu của giám mục đã chấp nhận đức tin Cải cách.

Hội đồng từ chối hành động chống lại Zwingli, và Rome chuẩn bị cho một cuộc tấn công mới. Nhà cải cách, khi được cảnh báo về kế hoạch của kẻ thù, đã thốt lên: "Hãy để chúng đến; Tôi sợ chúng như vách đá nhô ra sợ những đợt sóng âm âm dưới chân nó." Những nỗ lực của các giáo sĩ chỉ làm tăng thêm mục đích mà họ tìm cách lật đổ. Sự thật tiếp tục lan rộng. Ở Đức, những người theo ông, chán nản trước sự biến mất của Luther, đã được khích lệ khi họ nhìn thấy sự tiến bộ của phúc âm ở Thụy Sĩ.

Ngay khi cuộc Cải cách được thành lập ở Zurich, thành quả của nó được thấy rõ hơn trong việc trấn áp thói xấu và thúc đẩy trật tự và hòa hợp. Zwingli viết: "Hòa bình ngự trị trong thành phố của chúng tôi; "Không tranh chấp, không đạo đức giả, không tham lam, không bất hòa. Sự kết hợp như vậy có thể đến từ đâu nếu không phải từ Chúa, và từ giáo lý của chúng ta, vốn mang lại cho chúng ta hoa trái hòa bình và lòng đạo đức?"

Những chiến thắng giành được trong cuộc Cải cách đã thúc đẩy những người theo chủ nghĩa La Mã thực hiện những nỗ lực quyết tâm hơn nữa để lật đổ họ. Nhận thấy cuộc đàn áp đã đạt được rất ít kết quả trong việc đàn áp công việc của Luther ở Đức, họ quyết định đáp ứng cuộc cải cách bằng chính vũ khí của mình. Họ sẽ tiếp tục tranh chấp với Zwingli, và sau khi giải quyết vấn đề, họ sẽ chắc chắn giành chiến thắng, tự mình chọn ra không chỉ địa điểm diễn ra cuộc đụng độ mà còn cả những trọng tài sẽ quyết định giữa các đối thủ. Và nếu họ có thể nắm quyền lực của Zwingli một lần, họ sẽ cẩn thận để anh ta không trốn thoát khỏi họ. Khi người lãnh đạo im lặng,

chuyển động có thể nhanh chóng bị khuất phục. Tuy nhiên, mục đích này đã được che giấu cẩn thận.

Cuộc thảo luận dự kiến diễn ra ở Baden; nhưng Zwingli không có mặt. Hội đồng Zurich, nghi ngờ về kế hoạch của những người theo chủ nghĩa giáo hoàng, và cảnh báo về những ngọn lửa đốt trong doanh trại của giáo hoàng dành cho những người tuyên xưng phúc âm, đã ngăn cản mục sư của họ gặp nguy hiểm này. Tại Zurich, ông sẵn sàng gặp tất cả các chiến binh mà Rome có thể cử đến; nhưng đi đến Baden, nơi máu của các vị tử đạo vì sự thật đã đổ gần đây, là đi đến cái chết chắc chắn.

Oecolampadius và Haller được chọn để đại diện cho những người theo chủ nghĩa Cải cách, trong khi Tiến sĩ Eck nổi tiếng, được sự ủng hộ của nhiều bác sĩ và giám mục uyên bác, là nhà vô địch của Rome.

Mặc dù Zwingli không có mặt tại hội nghị nhưng người ta vẫn cảm nhận được ảnh hưởng của anh ấy. Các thư ký đều do những người theo chủ nghĩa giáo hoàng lựa chọn, những người khác bị cấm ghi chép và bị phạt tử hình. Tuy nhiên, Zwingli vẫn nhận được một báo cáo trung thực hàng ngày về những gì được nói ở Baden. Mỗi đêm, một sinh viên có mặt tại cuộc tranh chấp đã ghi lại những lập luận được trình bày ngày hôm đó. Hai sinh viên khác đã chuyển những hồ sơ này cùng với những bức thư hàng ngày của Oecolampadius tới Zwingli, ở Zurich. Nhà cải cách đã trả lời, đưa ra lời khuyên và gợi ý. Những lá thư của ông được viết vào ban đêm, và các sinh viên cùng chúng trở về Baden vào buổi sáng.

Để trốn tránh sự cảnh giác của lính canh đóng ở cổng thành, những sứ giả này đội thùng gia cầm trên đầu và được phép đi qua mà không bị cản trở.

Bằng cách này, Zwingli đã duy trì cuộc chiến với những kẻ phản diện xảo quyệt của mình. Myconius cho biết, anh ấy "làm việc nhiều hơn bằng cách thiên định và hỗ trợ cuộc tranh luận cũng như truyền đạt lời khuyên của mình cho Baden, hơn những gì anh ấy có thể làm bằng cách tranh chấp giữa kẻ thù của mình."

Những người theo chủ nghĩa La Mã, tràn ngập niềm hân hoan trước chiến thắng, đã đến Baden trong trang phục sang trọng và trang sức bằng đồ trang sức. Họ sống xa hoa, bàn của họ được phục vụ những món ngon đắt tiền nhất và rượu vang hảo hạng. Gánh nặng nhiệm vụ giáo hội của họ được giảm bớt nhờ niềm vui và sự ăn mừng. Ngược lại rõ rệt là những người cải cách xuất hiện, những người bị người dân coi chẳng khá hơn gì một nhóm người ăn xin, và chế độ ăn uống điều độ của họ khiến họ phải ngồi lại bàn ăn trong thời gian ngắn. Người chủ nhà của Oecolampadius nhân cơ hội quan sát anh ta trong phòng, nhận thấy anh ta luôn tham gia vào việc học tập hoặc cầu nguyện, và vô cùng ngưỡng mộ, anh ta báo cáo rằng "kẻ dị giáo ít nhất cũng rất sùng đạo".

Tại hội nghị, "Eck kiêu ngạo trèo lên một bục giảng được trang trí lộng lẫy, trong khi Oecolampadius khiêm tốn, ăn mặc giản dị ngồi đối diện với đối thủ của mình trên một bục được xây dựng thô sơ." Giọng hát đầy nội lực và sự tự tin vô hạn của Eck chưa bao giờ làm anh thất vọng. Lòng nhiệt thành của anh được kích thích bởi hy vọng về vàng cũng như danh vọng; vì người bảo vệ đức tin sắp được thưởng một số tiền hậu hĩnh. Khi những cuộc tranh luận hay nhất không thành công, anh ta dùng đến những lời lăng mạ, thậm chí là chửi bới.

Oecolampadius, khiêm tốn và không tự tin vào bản thân, đã tránh cuộc chiến và bước vào cuộc chiến với lời tuyên bố long trọng: "Tôi không công nhận tiêu chuẩn công lý nào khác ngoài Lời Chúa". Mặc dù nhẹ nhàng và nhã nhặn trong cách xử lý, nhưng ông tỏ ra có năng lực và kiên quyết. Trong khi các đại diện của Rome, theo phong tục của họ, kêu gọi thẩm quyền của phong tục nhà thờ, thì nhà cải cách vẫn bám chặt vào Kinh thánh. Ông nói: "Ở Thụy Sĩ của chúng tôi, hải quan không có hiệu lực trừ khi chúng phù hợp với hiến pháp; Bây giờ, về vấn đề đức tin, Kinh Thánh là hiến pháp của chúng ta".

Sự tương phản giữa hai bên tranh chấp không phải là không có tác dụng. Lý luận bình tĩnh và rõ ràng của nhà cải cách, được trình bày một cách nhẹ nhàng và khiêm tốn, đã lôi cuốn những tâm trí trở nên ghê tởm trước những tuyên bố bạo lực và kiêu ngạo của Eck.

Cuộc thảo luận tiếp tục trong mười tám ngày. Cuối cùng, những người theo chủ nghĩa Giáo hoàng đã tuyên bố chiến thắng một cách hết sức tự tin. Đa số đại biểu đứng về phía La Mã, và Quốc hội tuyên bố rằng những người cải cách đã bị đánh bại, đồng thời tuyên bố rằng họ cùng với Zwingli, lãnh đạo của họ, đã bị loại khỏi nhà thờ. Nhưng thành quả của hội nghị đã cho thấy lợi thế nằm ở bên nào. Cuộc tranh luận đã tạo ra động lực lớn cho phong trào Tin lành, và không lâu sau đó các thành phố quan trọng như Bern và Basel đã tuyên bố ủng hộ cuộc Cải cách.

Chương 10

Tiến trình cải cách ở Đức

Sự biến mất bí ẩn của Luther đã gây ra sự kinh hoàng khắp nước Đức. Những câu hỏi về Luther vang lên khắp nơi. Những tin đồn mâu thuẫn nhất lan truyền về nhà cải cách, và nhiều người tin rằng ông đã bị sát hại. Có sự than thở lớn lao, không chỉ đối với những người bạn thân của ông, mà còn đối với hàng nghìn người đã không công khai đứng về phía Cải cách.

Nhiều người đã long trọng thề sẽ trả thù cho cái chết của ông.

Các nhà lãnh đạo La Mã kinh hãi nhận thấy mức độ cảm xúc đang dâng lên chống lại họ. Mặc dù lúc đầu, họ rất vui mừng trước cái chết được cho là của Luther, nhưng họ sớm muốn trốn tránh cơn thịnh nộ của người dân. Kẻ thù của anh ta đã không quá bối rối trước những hành động táo bạo của Luther khi anh ta ở giữa họ như họ đã từng thấy trước sự biến mất của anh ta. Những người trong cơn thịnh nộ tìm cách tiêu diệt nhà cải cách táo bạo giờ đây tràn ngập nỗi sợ hãi khi ông trở thành một kẻ bị giam cầm bắt bớ. Một người trong số họ nói: "Cách duy nhất chúng tôi có thể trốn thoát là thập đốc và đi khắp vùng đất để tìm kiếm Luther, cho đến khi chúng tôi có thể gửi ông ấy đến quốc gia mà họ mong muốn như vậy." Sắc lệnh của hoàng đế dường như bắt bớ. Các quan đại diện của Giáo hoàng tràn đầy phẫn nộ khi thấy rằng sắc lệnh thu hút ít sự chú ý hơn số phận của Luther.

Tin anh được an toàn dù là tù nhân đã xoa dịu nỗi sợ hãi của người dân, đồng thời vẫn khơi dậy sự nhiệt tình ủng hộ anh. Các bài viết của ông được đọc với sự háo hức hơn bao giờ hết. Ngày càng có nhiều người tham gia vào chính nghĩa của người dũng cảm, người đã bảo vệ Lời Chúa trong một trận chiến đáng sợ như vậy. Cuộc Cải cách không ngừng có được sức mạnh. Hạt giống Luther đã gieo đã nảy mầm khắp nơi. Sự vắng mặt của anh ấy đã thực hiện một nhiệm vụ mà sự hiện diện của anh ấy sẽ không thể hoàn thành được. Những công nhân khác bây giờ cảm thấy có trách nhiệm mới khi người lãnh đạo vĩ đại của họ đi vắng. Với niềm tin và lòng nhiệt thành được đổi mới, họ tiến tới làm mọi việc trong khả năng của mình, để công việc đã được bắt đầu một cách cao quý như vậy không bị cản trở.

Nhưng Satan không hề ngồi yên. Bây giờ ông ta đang cố gắng thực hiện điều mà ông ta đã làm với tất cả các phong trào cải cách khác - lừa dối và tiêu diệt người dân bằng cách cho họ xem tác phẩm giả thay vì tác phẩm thật. Giống như đã có những Christ giả vào thế kỷ thứ nhất của giáo hội Thiên chúa giáo, các tiên tri giả cũng xuất hiện vào thế kỷ 16.

Một số người, bị ảnh hưởng sâu sắc bởi sự phấn khích đang diễn ra trong thế giới tôn giáo, đã tưởng tượng mình nhận được những tiết lộ đặc biệt từ Thiên đàng, và tuyên bố rằng họ được Chúa ủy thác để thực hiện đến cùng cuộc Cải cách mà họ tuyên bố chỉ mới được Luther bắt đầu một cách rụt rè. Trên thực tế, họ đang hủy hoại chính công việc mà anh ấy đã làm. Họ bác bỏ nguyên tắc vĩ đại vốn là nền tảng của cuộc Cải cách - rằng Lời Chúa là quy tắc đầy đủ hơn của đức tin và thực hành; và họ đã thay thế sự hướng dẫn không thể sai lầm đó bằng những chuẩn mực có thể thay đổi và không chắc chắn về cảm xúc và ấn tượng của chính họ. Bằng hành động gạt bỏ máy dò lỗi và sự giả dối vĩ đại này, một con đường đã được mở ra cho Sa-tan để kiểm soát tâm trí theo ý muốn của hắn.

Một trong những nhà tiên tri này tuyên bố đã được thiên thần Gabriel hướng dẫn. Một sinh viên tham gia cùng anh đã rời bỏ việc học và tuyên bố rằng anh được Chúa ban tặng

với sự khôn ngoan để giải thích Lời Ngài. Những người khác có khuynh hướng cuồng tín một cách tự nhiên cũng tham gia cùng họ. Hành động của những người đam mê này đã tạo ra sự phản kích không nhỏ. Lời rao giảng của Luther đã đánh thức mọi người ở khắp mọi nơi ý thức về sự cần thiết phải cải cách, và giờ đây một số người thực sự chân thành đã bị lừa dối bởi những lời giả vờ của những nhà tiên tri mới này.

Những người lãnh đạo phong trào đã đến Wittenberg và cố gắng thuyết phục Melanchthon và các đồng minh của ông chấp nhận yêu cầu của họ. Họ nói: "Chúng tôi được Chúa sai đến để dạy dỗ dân chúng; chúng tôi đã nhận được những điều mặc khải đặc biệt từ chính Chúa và do đó chúng tôi biết điều gì sẽ xảy ra. Chúng tôi là các sứ đồ và tiên tri và chúng tôi kêu gọi Tiến sĩ John John. Luther, cũng như sự thật mà ông giảng dạy."

Những người cải cách rất ngạc nhiên và bối rối. Đây là một yếu tố mà họ chưa gặp phải và họ không biết phải đi theo con đường nào. Melanchthon nói: "Quả thực có những linh hồn khác thường trong những người này; nhưng linh hồn nào?... Một mặt, chúng ta hãy cẩn thận để không làm buồn Thánh Linh của Chúa, và mặt khác, đừng để bị quyến rũ bởi tinh thần của Chúa." Sa-tan."

Kết quả của việc giảng dạy mới sớm trở nên rõ ràng. Người ta đã dẫn đến việc bỏ bê Kinh Thánh hoặc hoàn toàn gạt nó sang một bên. Các trường học rơi vào tình trạng hỗn loạn. Sinh viên, từ chối mọi hạn chế, bỏ dở việc học và rời trường đại học. Những người tự cho mình có khả năng phục hồi và điều hành công cuộc Cải cách chỉ đưa nó đến bờ vực hoang tàn. Những người theo chủ nghĩa La Mã lấy lại sự tự tin và hò hét kêu lên: "Cố gắng thêm một lần nữa và mọi thứ sẽ là của chúng ta".

Luther, ở Wartburg, nghe chuyện đã xảy ra và nói với vợ vô cùng hối hận: "Tôi luôn hy vọng rằng Satan sẽ gửi đến cho chúng tôi bệnh dịch này". Ông hiểu tính chất thực sự của những tiên tri giả này và nhìn thấy mối nguy hiểm đang đe dọa chính nghĩa của lễ thật. Sự phản đối của giáo hoàng và hoàng đế đã không khiến ông đau khổ và bối rối như lúc này. Từ những người bạn tuyên xưng của Cải cách, những kẻ thù tồi tệ nhất của nó đã xuất hiện. Chính những lễ thật đã mang lại cho ông niềm vui và sự an ủi lớn lao như vậy lại bị lợi dụng để khuấy động xung đột và tạo ra sự hỗn loạn trong hội thánh.

Trong công cuộc Cải cách, Luther đã được Thánh Thần Thiên Chúa thúc đẩy và vượt xa chính mình. Anh ấy đã không đề xuất đảm nhận những vị trí như vậy như anh ấy đã làm. Nó chẳng là gì ngoài một công cụ trong tay Quyền lực vô hạn.

Tuy nhiên, anh thường cảm thấy rung động trước kết quả công việc của mình.

Nhà cải cách từng nói: "Nếu tôi biết học thuyết của tôi sẽ làm hại một con người, một con người, dù là khiêm tốn và vô danh - điều đó không thể xảy ra, vì đó chính là phúc âm - tôi thà đối mặt với cái chết gấp mười lần chứ không phải để đối diện với cái chết." rút lại."

Và vì vậy, chính Wittenberg, trung tâm thực sự của cuộc Cải cách, đã nhanh chóng rơi vào quyền lực của chủ nghĩa cuồng tín và vô luật pháp. Tình trạng khủng khiếp này không phải là kết quả của những lời dạy của Luther; nhưng trên khắp nước Đức, kẻ thù của ông đang buộc tội ông là nguyên nhân của tất cả. Trong tâm hồn cay đắng, đôi khi ông hỏi: "Liệu đây có phải là sự kết thúc của công cuộc Cải cách vĩ đại này không?" Một lần nữa, vật lộn với Chúa trong lời cầu nguyện, sự bình an lại tràn vào tâm hồn anh. "Công việc không phải của tôi mà là của bạn," anh nói; "bạn sẽ không để nó bị hư hỏng bởi sự mê tín hoặc cuồng tín." Nhưng ý nghĩ phải tránh xa cuộc xung đột lâu hơn nữa trong một cuộc khủng hoảng như vậy đã trở nên không thể chịu đựng được đối với Luther. Anh quyết tâm quay trở lại Wittenberg.

Không chậm trễ, anh bắt đầu cuộc hành trình đầy rủi ro. Anh ta nhận thấy mình đang chịu sự cấm đoán của đế chế. Kẻ thù có quyền lấy mạng anh; bạn bè của anh ấy bị cấm giúp đỡ anh ấy hoặc cho anh ấy nơi trú ẩn. Chính phủ đế quốc đang áp dụng các biện pháp nghiêm khắc nhất đối với những người ủng hộ mình. Nhưng nhà cải cách thấy rằng công việc của

Phúc Âm đang gặp nguy hiểm và nhân danh Chúa, ông đã dũng cảm chiến đấu vì lẽ thật.

Trong một lá thư gửi cho Tuyển hầu tước Saxony, sau khi tuyên bố ý định rời Wartburg, Luther nói: "Xin Ngài cho biết rằng tôi đang trở về Wittenberg dưới sự bảo vệ mạnh mẽ hơn nhiều so với sự bảo vệ của một Tuyển hầu tước. Tôi không nghĩ đến việc đó." cầu xin sự giúp đỡ của Ngài, Công chúa, và tôi không hề muốn sự bảo vệ của bạn mà mục đích của tôi là bảo vệ bạn. Nếu tôi biết rằng Hoàng thân có thể hoặc sẽ bảo vệ tôi, tôi sẽ không đến Wittenberg. Không một thanh kiếm thế tục nào có thể tiến lên vì lý do này; Chúa phải làm tất cả mà không cần sự giúp đỡ hay hợp tác của con người. Người có đức tin nhất sẽ có khả năng phòng thủ tốt nhất."

Trong lá thư thứ hai viết trên đường đến Wittenberg, Luther nói thêm: "Tôi sẵn sàng chịu đựng sự phản đối của Hoàng thượng và cơn thịnh nộ của cả thế giới. Chẳng phải cư dân Wittenberg là đàn chiên của tôi sao? Chúa đã không giao phó họ cho tôi." quan tâm? Và nếu cần thiết, tôi có nên hy sinh mạng sống của mình vì bạn không? Hơn nữa, tôi sợ rằng chúng ta có thể chứng kiến, trên khắp nước Đức, một cuộc cách mạng mà vì đó Chúa sẽ trừng phạt đất nước chúng ta."

Với sự quan tâm và khiêm nhường cao độ, nhưng với sự quyết đoán và cương quyết, ngài bắt đầu thực hiện nhiệm vụ của mình. Ông nói: "Bằng Lời Chúa, chúng ta phải bác bỏ và hủy bỏ những gì đã giành được quyền kiểm soát và kiểm soát bằng bạo lực. Tôi sẽ không dùng vũ lực chống lại những kẻ mê tín và không tin đạo... Đừng để ai bị ép buộc. Tôi đã làm việc vì tự do lương tâm. Tự do." là bản chất thực sự của đức tin."

Tin đồn nhanh chóng lan truyền khắp Wittenberg rằng Luther đã trở lại và sẽ đi rao giảng. Người từ mọi hướng tụ tập lại, nhà thờ đông đúc. Đi lên bục giảng với trí tuệ và lòng từ bi vĩ đại, Ngài chỉ dạy, khuyến khích và quở trách. Nói về hành vi của một số người đã sử dụng các biện pháp bạo lực để bãi bỏ Thánh lễ, ngài nói:

"Thánh lễ là một điều xấu xa, Thiên Chúa chống lại nó. Nó phải bị bãi bỏ, và tôi ước rằng trên toàn thế giới, bữa ăn tối Tin Mừng sẽ được thiết lập tại chỗ của nó. Nhưng đừng để ai bị tước đoạt khỏi Thánh lễ bằng vũ lực. Chúng ta phải rời đi." kết quả với Chúa. Không phải chúng ta phải hành động mà là Lời của Ngài. 'Và tại sao nó phải như thế này?', bạn sẽ hỏi. Bởi vì trái tim đàn ông không nằm trong tay tôi như đất sét trong tay thợ gốm. Chúng tôi có quyền lên tiếng nhưng không có quyền ép buộc. Chúng ta hãy rao giảng; phần còn lại thuộc về Chúa. Nếu dùng vũ lực thì tôi được lợi gì? Phong cách trên khuôn mặt, vẻ ngoài xinh đẹp, tính đồng nhất và đạo đức giả. Nhưng sẽ không có tấm lòng chân thành, không có niềm tin, không có tình yêu. Ở đâu họ thiếu thì mọi thứ đều thiếu, và tôi sẽ không tiếc tiền cho một chiến thắng như vậy. Chúa làm được nhiều điều nhờ sức mạnh đơn giản của Lời Ngài hơn là bạn, tôi và cả thế giới có thể làm được với tất cả nỗ lực của chúng ta cộng lại. Chúa chăm sóc trái tim và khi làm như vậy, mọi thứ đều chiến thắng."

"Tôi sẵn sàng rao giảng, tranh luận và viết lách; nhưng tôi sẽ không làm ai xấu hổ, vì đức tin là một hành động tự nguyện. Hãy nhớ những gì tôi đã làm. Tôi đứng lên chống lại giáo hoàng, những ân xá và những người theo chủ nghĩa giáo hoàng, nhưng không có bạo lực hay bạo loạn. Tôi đã trình bày Lời Chúa; Tôi đã giảng, tôi viết, rồi tôi dừng lại. Và trong khi tôi nằm xuống và ngủ... Lời mà tôi đã rao giảng đã đánh đổ Giáo hoàng, theo cách mà không hoàng tử hay hoàng đế nào từng giáng một đòn như vậy. Về phần mình, tôi hầu như không làm gì cả; sức mạnh của Lời đã hoàn thành mọi thứ. Nếu tôi dùng đến vũ lực, có lẽ cả nước Đức sẽ ngập trong máu. Nhưng hậu quả sẽ là gì? Sự hủy hoại và hủy diệt linh hồn và thể xác. Do đó, tôi đứng yên và để Lời Chúa lan truyền khắp chiều dài và chiều rộng của Trái đất."

Ngày qua ngày, suốt cả tuần, Luther tiếp tục rao giảng cho đám đông đang chờ đợi. Lời Chúa đã phá vỡ cơn hứng phấn cuồng tín. Quyền năng của phúc âm đã đưa những người sa ngã trở lại con đường lẽ thật.

Luther không muốn gặp những kẻ cuồng tín mà đường lối của họ đã gây ra tổn hại quá lớn. Anh biết rằng họ là những người có óc phán đoán điên rồ và đam mê vô kỷ luật, những người, mặc dù tự cho mình được Thiên đường đặc biệt soi sáng, nhưng sẽ không tha thứ cho bất kỳ sự mâu thuẫn nhỏ nhất nào, thậm chí cả những lời khiển trách hay lời khuyên tử tế nhất. Tin rằng mình có quyền thực thi quyền lực tối cao, họ yêu cầu mỗi người, không cần thắc mắc, phải thừa nhận yêu sách của mình. Nhưng khi họ yêu cầu một cuộc phỏng vấn với Luther, ông đã đồng ý gặp họ và thành công trong việc vạch trần các quyền được cho là của họ, đến nỗi những kẻ mạo danh đã sớm rời bỏ Wittenberg.

Chủ nghĩa cuồng tín đã được kiểm soát một thời gian; Tuy nhiên, vài năm sau, nó bùng phát với mức độ bạo lực lớn hơn và kết quả khủng khiếp hơn. Về những người lãnh đạo phong trào này, Luther nói: "Đối với họ, Kinh Thánh chỉ là một lá thư chết, và tất cả họ bắt đầu kêu lên: 'Thánh Linh! Thánh Linh!' Nhưng chắc chắn tôi sẽ không đi theo họ nếu tinh thần của họ dẫn dắt họ. Xin Chúa, với lòng thương xót của Ngài, gìn giữ tôi khỏi một giáo hội chỉ có những loại thánh như vậy. những người bệnh, những người biết và cảm nhận được tội lỗi của mình, và họ liên tục thờ dãi và kêu cầu Thiên Chúa, từ tận đáy lòng, để nhận được sự an ủi và hỗ trợ từ Ngài."

Thomaz Münzer, người tích cực nhất trong số những người cuồng tín, là một người có khả năng đáng kể, nếu được hướng dẫn đúng đắn, sẽ giúp anh ta làm được điều tốt; nhưng ông chưa học được những nguyên tắc cơ bản của tôn giáo chân chính. Anh ta tưởng tượng mình được Chúa định trước để cải cách thế giới, nhưng lại quên mất, như nhiều người đam mê khác, cuộc cải cách đó phải bắt đầu từ chính anh ta. Ông khao khát đạt được địa vị và ảnh hưởng, và không sẵn lòng đứng thứ hai, ngay cả sau Luther. Münzer tuyên bố rằng những người Cải cách, khi thay thế quyền lực của Giáo hoàng bằng quyền lực của Kinh thánh, chỉ đơn thuần là thiết lập một hình thức giáo hoàng khác. Ông tuyên bố đã được Chúa giao nhiệm vụ mang lại sự cải cách thực sự. Ông từng nói: "Người sở hữu tinh thần này sở hữu đức tin chân chính, mặc dù cả đời người đó chưa từng nhìn thấy Kinh thánh".

Những bậc thầy cuồng tín phục tùng sự thống trị của ấn tượng, hiểu mọi suy nghĩ và xung động đều là tiếng nói của Chúa; do đó, họ đã đi đến những thái cực lớn lao. Một số thậm chí còn đốt Kinh Thánh của họ và kêu lên: "Văn tự thì giết chết, nhưng Thánh Linh ban sự sống". Lời giảng dạy của Münzer đã khơi dậy ước muốn của con người về những điều kỳ diệu, đồng thời thỏa mãn niềm kiêu hãnh của con người bằng cách gần như đặt những ý tưởng và quan điểm của con người lên trên Lời Chúa. Học thuyết của ông đã được hàng ngàn người đón nhận. Chẳng bao lâu sau, ông chỉ trích mọi trật tự trong việc thờ cúng công cộng, và tuyên bố rằng tuân theo các hoàng tử là cố gắng phục vụ cả Chúa và Belial.

Tâm trí của người dân, vốn đã bắt đầu chối bỏ ách giáo hoàng, lại trở nên mất kiên nhẫn trước sự kiểm chế của quyền lực dân sự. Những lời dạy mang tính cách mạng của Münzer, tuyên bố sự trừng phạt của thần thánh, đã khiến họ thoát khỏi mọi sự kiểm soát và tự do kiểm chế những thành kiến và đam mê của mình. Tiếp theo đó là những cảnh tượng nổi loạn và xung đột khủng khiếp nhất, và những cánh đồng nước Đức dẫm máu.

Nỗi đau đớn về tâm hồn mà Luther đã trải qua một thời gian trước đây ở Erfurt, giờ đây đã áp bức ông với sức mạnh gấp đôi, khi ông quan sát thấy hậu quả của chủ nghĩa cuồng tín do cuộc Cải cách gây ra. Các hoàng tử giáo hoàng đã tuyên bố - và nhiều người sẵn sàng tin vào lời tuyên bố này - rằng cuộc nổi loạn là kết quả hợp pháp của các học thuyết của Luther. Mặc dù lời buộc tội này không có chút cơ sở nào nhưng nó không thể không

gây đau khổ lớn cho người cải cách. Việc chính nghĩa của sự thật bị coi thường, bị xếp vào loại cuồng tín thấp nhất, dường như vượt quá sức chịu đựng của anh ta. Mặt khác, những người lãnh đạo cuộc nổi dậy ghét Luther vì ông không chỉ phản đối học thuyết của họ và phủ nhận những tuyên bố của họ về nguồn cảm hứng thần thánh, mà còn vì ông coi họ là những kẻ nổi loạn chống lại chính quyền dân sự. Để trả thù, họ tố cáo ông là một kẻ thông thái đê tiện. Dường như anh ta đã tự chuốc lấy sự thù hận của cả hoàng tử và người dân.

Những người theo chủ nghĩa La Mã vui mừng, hy vọng chứng kiến sự suy tàn nhanh chóng của Cải cách; và họ đổ lỗi cho Luther ngay cả về những lỗi lầm mà ông đã rất cố gắng sửa chữa. Đáng cuồng tín, phản đối một cách sai lầm rằng họ đã bị đối xử vô cùng bất công, đã thành công trong việc giành được thiện cảm của một bộ phận lớn dân chúng, và, như mọi khi xảy ra với những người đứng về phía sai trái, họ được coi là những kẻ tử vì đạo. . Vì vậy, những người dốc hết sức lực để chống lại cuộc Cải cách đều được thương hại và ca ngợi là nạn nhân của sự tàn ác và áp bức. Đây là công việc của Sa-tan, bị kích động bởi tinh thần nổi loạn giống như hán đã thể hiện lúc đầu trên Thiên đường.

Sa-tan không ngừng tìm cách lừa dối con người gọi tội lỗi là công chính và công bình là tội lỗi. Công việc của anh ấy thành công biết bao! Biết bao lần những lời chỉ trích và khiển trách được chất lên các tội tử trung thành của Thiên Chúa, vì họ kiên trì bảo vệ sự thật! Những người không là gì khác ngoài tay sai của Satan được ca ngợi và tôn bốc, thậm chí được coi là những vị tử đạo, trong khi những người đáng được tôn trọng và hỗ trợ vì lòng trung thành với Thiên Chúa lại bị bỏ mặc, bị nghi ngờ và ngờ vực.

Sự thánh thiện giả tạo vẫn đang thực hiện công việc lừa dối của mình. Dưới nhiều hình thức, nó thể hiện cùng một tinh thần vào thời Luther, khiến tâm trí rời xa Kinh thánh và khiến con người đi theo cảm xúc và ấn tượng của riêng họ thay vì tuân theo luật pháp của Đức Chúa Trời. Đây là một trong những phát minh thành công nhất của Satan nhằm bôi nhọ sự trong sạch và lẽ thật.

Luther đã bảo vệ Phúc Âm một cách thân mật khỏi những cuộc tấn công đến từ mọi phía. Lời Chúa đã chứng tỏ là một vũ khí mạnh mẽ trong mọi cuộc xung đột. Với Lời này, ông đã chiến đấu chống lại quyền lực bị chiếm đoạt của giáo hoàng và triết lý duy lý của các học giả, đồng thời đứng vững như một tảng đá chống lại chủ nghĩa cuồng tín đang tìm cách liên minh với Phong trào Cải cách.

Mỗi yếu tố đối lập này, theo cách riêng của mình, gạt Kinh thánh sang một bên và đề cao trí tuệ của con người như nguồn gốc của chân lý và kiến thức tôn giáo. Chủ nghĩa duy lý thần tượng hóa lý trí và biến nó thành tiêu chuẩn cho tôn giáo. Chủ nghĩa La Mã, tự cho rằng vị giáo hoàng có chủ quyền của mình là nguồn cảm hứng bất nguồn từ dòng dõi liên tục từ các tông đồ, và không thể thay đổi qua mọi thời đại, tạo cơ hội dồi dào cho mọi hình thức hoang phí và tham nhũng ẩn náu dưới sự tôn nghiêm của ủy ban tông đồ. Nguồn cảm hứng mà Münzer và các cộng tác viên của ông dự định đến không đến từ nguồn nào cao hơn sự lập dị của trí tưởng tượng, và ảnh hưởng của nó đã lật đổ mọi quyền lực của con người hoặc thần thánh.

Cơ-đốc giáo đích thực tiếp nhận Lời Chúa như kho tàng lớn lao của lẽ thật được soi dẫn và là bằng chứng của mọi sự soi dẫn.

Khi trở về Wartburg, Luther đã hoàn thành bản dịch Tân Ước của mình, và do đó phúc âm được đặt vào tay người dân Đức bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của họ. Bản dịch này đã được tất cả những người yêu mến sự thật đón nhận với niềm vui lớn, nhưng lại bị những người ưa thích truyền thống và giới luật của con người bác bỏ một cách khinh miệt.

Các linh mục lo lắng khi nghĩ rằng dân thường giờ đây có thể thảo luận với họ về những giới luật của Lời Chúa, và do đó sự thiếu hiểu biết của chính họ đã bị vạch trần. Vũ khí lý luận xác thật của họ bắt lực trước lưới gươm của Thánh Linh. La Mã đã huy động mọi thẩm quyền của mình để ngăn chặn việc lưu hành Kinh thánh. Nhưng các sắc lệnh, lời nguyện rửa và tra tấn đều vô ích. Bà càng lên án và cấm Kinh Thánh thì người dân càng lo lắng không biết Sách Thánh thực sự dạy gì. Mọi người biết đọc đều háo hức tự mình nghiên cứu Lời Chúa. Họ mang nó theo, đọc đi đọc lại và không hài lòng cho đến khi ghi nhớ được nhiều phần Kinh thánh.

Nhận thấy Tân Ước được đón nhận nồng nhiệt, Luther ngay lập tức bắt đầu dịch Cựu Ước, xuất bản nó thành nhiều phần ngay sau khi ông hoàn thành chúng.

Các bài viết của Luther đã được đón nhận nồng nhiệt ở cả thành phố và các thị trấn nhỏ. "Tất cả những gì Luther và những người bạn của ông viết, những thứ khác được lưu hành khắp nơi. Các tu sĩ bị dẫn đến việc nhìn thấy sự bất hợp pháp của nghĩa vụ tu viện, mong muốn đánh đổi cuộc sống lười biếng để lấy một hoạt động, đã đi khắp các tỉnh để bán các tác phẩm của nhà cải cách và bạn bè của ông. Trong một thời gian ngắn đã bị xâm chiếm bởi những người phân phát dững cảm này".

Những bài viết này đã được nghiên cứu với sự quan tâm sâu sắc của người giàu cũng như người nghèo, người có học thức và người dốt nát. Vào ban đêm, giáo viên các trường làng đọc to cho các nhóm nhỏ tụ tập bên lò sưởi. Với mỗi nỗ lực, một số linh hồn đã bị thuyết phục về sự thật và vui mừng đón nhận lời Chúa, lần lượt nói cho người khác biết tin mừng.

Lời soi dẫn đã được chứng minh: "Sự giải thích lời Chúa đem lại ánh sáng, ban sự hiểu biết cho người đơn sơ". (Thi Thiên 119:130). Việc nghiên cứu Kinh Thánh đã tạo ra sự thay đổi mạnh mẽ trong tâm trí người ta. Sự cai trị của Giáo hoàng đã đặt một cái ách sắt lên thần dân của mình, khiến họ rơi vào tình trạng ngu dốt và suy thoái. Việc tuân thủ hình thức mê tín được duy trì một cách cẩn thận.

Nhưng trong tất cả sự phục vụ của anh ấy, trái tim và trí tuệ đóng góp rất ít. Lời rao giảng của Luther, trình bày những chân lý rõ ràng của Lời Chúa, và sau đó là chính Lời Chúa, được trao vào tay dân chúng, đã đánh thức những khả năng đang ngủ yên của họ, không chỉ thanh lọc và nâng cao bản chất tâm linh, mà còn truyền thêm sức mạnh và sinh lực mới cho con người. trí tuệ.

Mọi người thuộc mọi tầng lớp đều được nhìn thấy với Kinh thánh trên tay, bảo vệ các học thuyết của Cải cách. Những người theo chủ nghĩa Papist, những người đã giao việc nghiên cứu Kinh thánh cho các linh mục và tu sĩ, giờ đây kêu gọi họ tiến lên và tranh luận về những lời dạy mới. Nhưng vì không biết cả Kinh Thánh lẫn quyền năng của Thiên Chúa, các linh mục và tu sĩ đã hoàn toàn bị đánh bại bởi những người mà trước đây họ tổ cáo là vô học và lạc giáo. Một nhà văn Công giáo từng nói: "Thật không may, Luther đã thuyết phục những người theo ông chỉ đặt niềm tin vào những lời tiên tri trong Thánh thư". Đám đông tụ tập lại để nghe sự thật được ủng hộ bởi những người có trình độ học vấn thấp, thậm chí còn được họ thảo luận với các nhà thần học uyên bác và hùng hồn.

Công nhân, binh lính, phụ nữ và thậm chí cả trẻ em quen thuộc với những lời dạy trong Kinh thánh hơn các linh mục và bác sĩ uyên bác.

Sự tương phản giữa các môn đệ của phúc âm và những người bảo vệ sự mê tín của người theo chủ nghĩa La Mã không kém phần rõ ràng trong tầng lớp biết chữ cũng như trong tầng lớp bình dân. "Đối lập với những người bảo vệ hệ thống cấp bậc cũ, những người đã bỏ bê việc nghiên cứu ngôn ngữ và trau dồi văn học, là những thanh niên có tư tưởng cởi mở, hầu hết họ đều cống hiến cho việc nghiên cứu và tìm hiểu Kinh thánh và quen thuộc với

với kho tàng văn học cổ xưa. Được trời phú cho khả năng học hỏi nhanh, tâm hồn cao thượng và trái tim dũng cảm, những chàng trai trẻ này sớm đạt được trình độ thành thạo đến mức không ai có thể cạnh tranh được với họ". "Vì vậy, trong các cuộc họp công khai, những người bảo vệ trẻ tuổi của cuộc Cải cách này đã đối mặt với các bác sĩ theo chủ nghĩa La Mã và tấn công họ một cách dễ dàng và tự tin đến mức khiến họ xấu hổ về sự ngu ngốc của đối thủ và khiến họ phải chịu sự khinh thường đáng đả kích trước mọi người."

Khi giới tăng lữ La Mã thấy giáo đoàn của họ suy giảm, họ đã nhờ các quan tòa giúp đỡ, và bằng mọi cách họ có thể cố gắng giành lại khán giả cũ. Nhưng người ta đã phát hiện ra trong những lời dạy mới đáp ứng được nhu cầu của tâm hồn, và quay lưng lại với những người từ lâu đã cho họ ăn những cọng rơm vô dụng của những nghi lễ mê tín và truyền thống của con người.

Khi cuộc bách hại tái diễn chống lại những người dạy lẽ thật, họ đã lắng nghe lời Chúa Kitô: "Khi họ bắt bớ anh em ở thành phố này, hãy trốn sang thành phố khác". (Ma-thi-ơ 10:23). Do đó, ánh sáng xuyên thấu khắp nơi. Những kẻ chạy trốn đã tìm thấy ở một số nơi một cánh cửa hiếu khách mở ra cho họ, và sống ở đó, họ rao giảng Chúa Kitô, đôi khi trong nhà thờ hoặc, nếu bị từ chối đặc quyền này, tại nhà riêng hoặc ngoài trời. Bất cứ nơi nào họ có thể thu hút được khán giả đều là một ngôi đền thánh hiến. Sự thật, được tuyên bố với năng lượng và sự an toàn như vậy, được lan truyền với sức mạnh không thể cưỡng lại được.

Cả chính quyền giáo hội và dân sự đều được kêu gọi tiêu diệt tà giáo một cách vô ích. Họ dùng đến nhà tù, tra tấn, lửa và gươm một cách vô ích. Hàng ngàn tín đồ đã đóng ấn đức tin của họ bằng máu của chính họ, tuy nhiên, công việc vẫn tiếp tục. Cuộc bách hại chỉ nhằm mục đích truyền bá sự thật; và chủ nghĩa cuồng tín mà Sa-tan cố gắng hợp nhất với nó đã có kết quả là làm rõ hơn sự tương phản giữa công việc của Sa-tan và công việc của Đức Chúa Trời.

chương 11

Cuộc biểu tình của các hoàng tử

Một trong những chứng tử cao quý nhất mà cuộc Cải cách đưa ra là sự phản kháng của các hoàng tử Thiên Chúa giáo ở Đức tại Nghị viện Spira vào năm 1529. Lòng can đảm, đức tin và sự kiên định của những người này đối với Chúa đã mang lại quyền tự do tư tưởng và lương tâm cho thời gian tới. Sự phản đối của ông đã đặt cho nhà thờ Cải cách cái tên Tin lành. Các nguyên tắc của nó "là bản chất thực sự của đạo Tin lành".

Thời kỳ đen tối và đầy đe dọa đã đến với cuộc Cải cách. Bất chấp sắc lệnh của Worms tuyên bố Luther là kẻ ngoài vòng pháp luật và cấm giảng dạy hoặc tin vào các học thuyết của ông, sự khoan dung tôn giáo vẫn tồn tại trong đế quốc. Sự quan phòng của Thiên Chúa đã kiểm soát được các thế lực chống lại sự thật. Charles V quyết tâm dẹp tan cuộc Cải cách, nhưng nhiều khi giơ tay ra đòn chí mạng, ông buộc phải gạt nó sang một bên. Thông thường, việc hủy diệt ngay lập tức tất cả những gì dám chống lại La Mã dường như là điều không thể tránh khỏi. Nhưng vào thời điểm quan trọng, quân đội Thổ Nhĩ Kỳ xuất hiện ở biên giới phía đông, hoặc vua nước Pháp, hay thậm chí chính Giáo hoàng, ghen tị với sự vĩ đại ngày càng tăng của hoàng đế, đã gây chiến với ông ta. Vì vậy, giữa sự xung đột và hỗn loạn của các quốc gia, cuộc Cải cách vẫn được củng cố và lan rộng.

Rất cuộc, các vị vua theo chủ nghĩa La Mã đã buộc các vương quốc của họ phải cùng nhau chiến đấu chống lại những người cải cách. Chế độ ăn kiêng Espira, năm 1526, đã trao cho mỗi bang quyền tự do rộng rãi trong các vấn đề tôn giáo, cho đến khi có cuộc họp của đại hội đồng. Tuy nhiên, ngay sau khi những nguy hiểm dẫn đến sự nhượng bộ này qua đi, hoàng đế đã triệu tập Nghị viện lần thứ hai tại Espira vào năm 1529, với mục đích tiêu diệt tà giáo. Nếu có thể, nên ép các hoàng tử phản đối cuộc Cải cách bằng các biện pháp hòa bình; nhưng nếu những điều này không thành công, Charles đã sẵn sàng cầm kiếm.

Những người viết bài báo rất vui mừng. Họ xuất hiện ở Espira với số lượng lớn và công khai bày tỏ thái độ thù địch đối với những người cải cách và tất cả những người ủng hộ họ. Melancthon nói: "Chúng ta là sự hành quyết, sự căm ghét và rơm rạ của thế gian; nhưng Đấng Christ sẽ nhìn đến dân nghèo của Ngài và bảo vệ họ." Các hoàng tử theo đạo Tin lành tham dự Quốc hội đều bị cấm rao giảng phúc âm ngay cả tại nơi ở của họ. Nhưng người dân Espira khao khát Lời Chúa và, bất chấp lệnh cấm, hàng nghìn người vẫn tụ tập để dự các buổi lễ được tổ chức tại nhà nguyện của Tuyển hầu tước bang Saxony.

Điều này đã gây ra cuộc khủng hoảng. Một thông điệp của hoàng gia được thông báo tới Quốc hội rằng, vì nghị quyết trao quyền tự do lương tâm đã gây ra tình trạng rối loạn lớn nên hoàng đế đã yêu cầu bãi bỏ nó. Hành động độc đoán này đã gây ra sự phẫn nộ và khiến những người theo đạo Tin lành cảnh giác. Một người trong số họ nói: "Chúa Kitô lại rơi vào tay Caiapha và Philatô." Những người theo chủ nghĩa La Mã trở nên bạo lực hơn. Một nhà giáo hoàng mù quáng đã tuyên bố: "Người Thổ Nhĩ Kỳ tốt hơn người Luther; vì họ tuân theo những ngày kiêng ăn, còn người Luther vi phạm chúng. Nếu chúng ta phải lựa chọn giữa Kinh thánh của Chúa và những sai lầm cũ của nhà thờ, chúng ta nên bác bỏ điều đầu tiên." Melancthon nói: "Mỗi ngày, trong hội nghị đầy đủ, Faber ném một số viên đá mới chống lại những người theo đạo Tin lành."

Sự khoan dung tôn giáo đã được thiết lập hợp pháp và các quốc gia theo đạo Tin lành quyết định phản đối việc vi phạm quyền của họ. Luther, vẫn đang chịu lệnh cấm do sắc lệnh của Worms áp đặt, không được phép có mặt ở Espira; nhưng vị trí của anh ấy được cung cấp bởi các đồng nghiệp của anh ấy và các hoàng tử mà Chúa đã đẩy lên để bảo vệ chính nghĩa của Ngài trong tình huống khẩn cấp đó. Frederick cao quý của Saxony, cựu người bảo vệ

của Luther, đã qua đời, nhưng Công tước John, anh trai và người kế vị của ông, đã vui vẻ đón nhận cuộc Cải cách và, mặc dù là một người bạn của hòa bình, đã thể hiện nghị lực và lòng can đảm to lớn trong mọi vấn đề liên quan đến lợi ích của đức tin.

Các linh mục yêu cầu các quốc gia đã chấp nhận Cải cách phải ngậm phục tùng quyền tài phán của chủ nghĩa La Mã. Mặt khác, những người cải cách lại đòi hỏi sự tự do mà trước đây họ đã được trao cho họ. Họ không thể cho phép Rôma một lần nữa đặt dưới sự kiểm soát của mình những Quốc gia đã đón nhận Lời Chúa với niềm vui lớn lao.

Bằng sự đồng ý, cuối cùng người ta đề xuất rằng ở những nơi mà cuộc Cải cách chưa được thực hiện thì sắc lệnh của Worms nên được thi hành nghiêm ngặt; và rằng ở các Quốc gia theo đạo Tin lành "nơi có nguy cơ nổi dậy, không được đưa ra những cải cách mới, không được rao giảng về những điểm gây tranh cãi; việc cử hành Thánh lễ không được bị cản trở và không người Công giáo La Mã nào được phép theo đạo Luther." Biện pháp này đã được thông qua trong Quốc hội với sự hài lòng rất lớn của các linh mục và giáo hoàng.

Nếu sắc lệnh này được thi hành, cuộc Cải cách không thể lan rộng đến những nơi mà nó vẫn chưa được biết đến, cũng như không thể thiết lập trên những nền tảng vững chắc ở những nơi nó đã tồn tại. Quyền tự do ngôn luận sẽ bị cấm. Chuyển đổi sẽ không được phép. Và những hạn chế và cấm đoán này mà những người bạn của Cải cách buộc phải tuân theo ngay lập tức. Niềm hy vọng của thế giới dường như sắp bị dập tắt. Việc tái lập giáo phái giáo hoàng chắc chắn sẽ tạo ra sự hồi sinh của những hành vi lạm dụng xa xưa; và sẽ nhanh chóng có cơ hội để hoàn thành việc phá hủy một tác phẩm vốn đã bị rung chuyển dữ dội bởi sự cuồng tín và bất đồng chính kiến.

Khi nhóm truyền giáo họp lại để xin ý kiến, dường như mọi người đều nản lòng. Câu hỏi được truyền từ người này sang người khác: "Có thể làm được gì?" Những lợi ích to lớn của thế giới đang bị đe dọa. "Các nhà lãnh đạo Cải cách có nên phục tùng và chấp nhận sắc lệnh không? Làm sao những người cải cách, trong cuộc khủng hoảng to lớn này, có thể tranh cãi với chính mình một cách sai lầm như vậy! Họ có thể đưa ra bao nhiêu lý do và lý do chính đáng để biện minh cho sự phục tùng! Các ông hoàng Lutheran được đảm bảo quyền tự do thực hiện tôn giáo của họ. Lợi ích tương tự được mở rộng cho tất cả thần dân của họ, những người, trước khi biện pháp này được ban hành, đã chấp nhận các quan niệm của cuộc Cải cách. Điều này không làm họ vui mừng sao? những mối nguy hiểm và xung đột chưa biết liệu phe đối lập có khởi động chúng không?"

Ai có thể biết được những cơ hội mà tương lai sẽ nắm giữ? Chúng ta hãy ôm lấy hòa bình; Chúng ta hãy bám vào cành ô liu mà Rome đã kéo dài và chữa lành vết thương của nước Đức. Với những lập luận như thế này, những nhà cải cách có thể biện minh cho việc áp dụng một đường lối ứng xử mà chắc chắn sẽ dẫn tới sự hủy hoại hoàn toàn chính nghĩa của họ.

"May mắn thay, họ đã xem xét nguyên tắc mà thỏa thuận này dựa trên và hành động bởi đức tin. Nguyên tắc là gì? Rome có quyền ép buộc lương tâm và cấm tự do điều tra. Nhưng bản thân họ và những người theo đạo Tin lành của họ không được hưởng quyền tự do tôn giáo." ? Vâng, như một ân huệ được quy định đặc biệt trong thỏa thuận đó, nhưng không phải như một quyền. Trong tất cả những gì thỏa thuận đó thể hiện, nguyên tắc quyền lực cao nhất sẽ chiếm ưu thế; lương tâm vượt quá thẩm quyền. Rome là một thẩm phán không thể sai lầm và phải được tuân theo. Đồng ý với hiệp ước được đề xuất sẽ là một sự thừa nhận ảo rằng quyền tự do tôn giáo nên được giới hạn ở bang Sachsen đã được cải cách.

Đối với phần còn lại của Kitô giáo, việc tự do tìm hiểu và tuyên xưng đức tin Cải cách sẽ là tội ác và phải bị trừng phạt bằng ngục tối và cọc. Các hoàng tử có thể đồng ý hạn chế tự do tôn giáo không? Liệu họ có chấp nhận lời tuyên bố rằng Phong trào Cải cách đã thực hiện cuộc cải đạo cuối cùng và đã chinh phục được mảnh đất cuối cùng của mình không? Và rằng bất cứ nơi nào Rome thực hiện ảnh hưởng của mình vào thời điểm đó, nó sẽ tự tồn tại

tên miền của bạn? Liệu những người cải cách có thể tuyên bố rằng họ vô tội trước máu của hàng trăm, hàng ngàn người, để thực hiện thỏa thuận này, đã hy sinh mạng sống của mình trên đất của giáo hoàng? Làm như vậy sẽ là phản bội chính nghĩa của phúc âm và quyền tự do của các tôn giáo theo đạo Cơ đốc trong thời điểm quan trọng đó". Nếu không, họ sẽ hy sinh lãnh địa, danh hiệu cao quý và thậm chí cả mạng sống của mình.

Các hoàng tử quyết tâm: "Chúng ta hãy bác bỏ sắc lệnh này. Về vấn đề lương tâm, đa số không có quyền lực". Các đại biểu tuyên bố rằng nước Đức mắc nợ sắc lệnh khoan dung cho nền hòa bình mà nước này được hưởng, và việc bãi bỏ nó sẽ khiến toàn bộ đế chế rơi vào tình trạng bất ổn và chia rẽ. Họ tuyên bố: "Chế độ ăn kiêng không có quyền làm gì hơn ngoài việc bảo vệ quyền tự do tôn giáo cho đến khi Hội đồng họp." Bảo vệ quyền tự do lương tâm là nghĩa vụ của Nhà nước và đây là giới hạn thẩm quyền của Nhà nước trong các vấn đề tôn giáo. Bất kỳ chính phủ thế tục nào cố gắng điều chỉnh hoặc thực thi việc tuân thủ tôn giáo của chính quyền dân sự đều đang hy sinh chính nguyên tắc mà những người theo đạo Tin lành đã đấu tranh một cách cao cả.

Những người theo chủ nghĩa giáo hoàng quyết định chấm dứt cái mà họ cho là "sự cố chấp không kiểm soát". Họ bắt đầu bằng cách tìm cách gây chia rẽ giữa những người ủng hộ Cải cách, và đe dọa tất cả những người không công khai tuyên bố ủng hộ Cải cách. Đại diện của các thành phố tự do cuối cùng đã được triệu tập trước Quốc hội và họ được yêu cầu tuyên bố liệu họ có đồng ý với các điều khoản của đề xuất hay không.

Họ yêu cầu hoãn lại nhưng vô ích. Khi đưa vào thử nghiệm, gần một nửa ủng hộ Cải cách. Do đó, những người từ chối hy sinh quyền tự do lương tâm và quyền phán xét cá nhân đều biết rõ rằng vị trí của họ sẽ đưa họ đến sự chỉ trích, đàn áp và lên án. Một trong những đại biểu nói: "Chúng ta hoặc phải chối bỏ Lời Chúa hoặc bị thiêu rụi".

Vua Ferdinand, đại diện của hoàng đế tại Quốc hội, nhận thấy rằng sắc lệnh sẽ tạo ra sự chia rẽ nghiêm trọng trừ khi có thể thuyết phục được các hoàng tử chấp nhận và ủng hộ nó. Để đạt được mục đích này, anh đã thử nghệ thuật thuyết phục, dù biết rõ rằng việc sử dụng vũ lực với những người này sẽ chỉ khiến họ quyết tâm hơn. Ông yêu cầu các hoàng tử chấp nhận sắc lệnh, đảm bảo với họ rằng hành động như vậy sẽ làm hài lòng hoàng đế rất nhiều. Nhưng những người trung thành này nhìn nhận quyền lực cao hơn quyền lực của những người cai trị trên đất và bình tĩnh trả lời: "Chúng tôi sẽ vâng lời hoàng đế trong mọi việc có thể góp phần duy trì hòa bình và danh dự của Đức Chúa Trời".

Trước sự chứng kiến của Quốc hội, nhà vua cuối cùng đã thông báo rằng sắc lệnh sắp được công bố như một sắc lệnh của hoàng gia, và chỉ còn lại việc đại cử tri và những người bạn của ông ta phải phục tùng đa số. Nói xong, ông rút khỏi hội nghị, không cho những người cải cách có cơ hội cân nhắc hay trả lời. "Họ đã gửi sứ giả cầu xin Ferdinand quay trở lại một cách vô ích." Đối với lời thỉnh cầu này, ông trả lời đơn giản: "Đó là vấn đề đã được giải quyết; chỉ còn lại sự phục tùng."

Đảng đế quốc tin chắc rằng các hoàng tử Cơ đốc giáo sẽ coi Kinh thánh là cao hơn các học thuyết và giới luật của con người, và họ cũng biết rằng bất cứ nơi nào nguyên tắc này được chấp nhận, giáo hoàng cuối cùng sẽ bị đánh bại. Nhưng, như hàng nghìn người đã làm kể từ thời điểm đó, họ chỉ nhìn vào "những thứ được nhìn thấy", tự tăng bốc mình rằng chính nghĩa của hoàng đế và giáo hoàng là mạnh mẽ còn của những người cải cách thì yếu đuối. Nếu những người cải cách chỉ phụ thuộc vào sự trợ giúp của con người, họ sẽ bất lực như những người theo chủ nghĩa Giáo hoàng cho rằng. Mặc dù có số lượng ít và bất đồng với La Mã, nhưng họ có sức mạnh của mình. Họ kháng cáo "từ quyết định của Quốc hội tới Kinh thánh của Sự thật, và từ Hoàng đế Đức tới Vua của Trời và Đất".

Khi Ferdinando từ chối xem xét những lời kết tội theo lương tâm của anh ta, các hoàng tử quyết định không để ý đến sự vắng mặt của anh ta mà ngay lập tức đưa anh ta đi.

phản đối trước hội đồng quốc gia. Một tuyên bố long trọng đã được soạn thảo và trình lên Quốc hội:

"Chúng tôi phản đối trước Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa, Đấng Duy trì, Đấng Cứu Chuộc và Đấng Cứu Độ duy nhất của chúng tôi, và là Đấng một ngày nào đó sẽ là Thẩm phán của chúng tôi, cũng như trước tất cả mọi người và mọi tạo vật, rằng chúng tôi, vì chính chúng tôi và mọi người, không đồng ý và cũng không chúng ta có tuân theo sắc lệnh đã đề ra, trong bất cứ điều gì trái ngược với Chúa, với Lời của Ngài, với quyền lương tâm của chúng ta, với sự cứu rỗi linh hồn của chúng ta... Chúng ta không thể khẳng định rằng khi Thiên Chúa toàn năng kêu gọi một người đến với sự hiểu biết của Ngài, anh ta không dám chấp nhận kiến thức thiêng liêng này... Không có giáo lý chân chính nào khác ngoài những gì phù hợp với Lời Chúa. Chúa cấm dạy bất kỳ đức tin nào khác. Kinh thánh, với một văn bản được giải thích bởi các văn bản rõ ràng hơn khác, Do đó, nhờ ân sủng thiêng liêng, chúng tôi quyết tâm duy trì việc rao giảng Lời thánh thuần khiết của Ngài, như được chứa đựng trong thánh thư của Cựu Ước và Tân Ước, mà không cần thêm vào bất cứ điều gì với họ. Lời này là lẽ thật duy nhất. Đó là quy luật chắc chắn cho mọi giáo lý và cuộc sống, và không bao giờ có thể thất bại hay lừa dối chúng ta. Ai xây dựng trên nền tảng này sẽ chống lại mọi quyền lực của địa ngục, bất chấp mọi sự phù phiếm của con người đang dàn trận chống lại họ, những thứ sẽ sụp đổ trước mặt Chúa. Vì lý do này, chúng tôi từ chối cái ách áp đặt lên chúng tôi. Đồng thời, chúng tôi kỳ vọng rằng Bộ hạ sẽ đối xử với chúng tôi như một hoàng tử Cơ đốc giáo, người yêu Chúa trên hết mọi sự. Chúng tôi tuyên bố sẵn sàng trao cho các bạn, cũng như các bạn, những quý tộc nhân tử, tất cả tình cảm và sự vâng lời vốn là nghĩa vụ chính đáng và hợp pháp của chúng tôi."

Một ấn tượng sâu sắc đã được tạo ra đối với Chế độ ăn kiêng. Hầu hết các thành viên của Quốc hội đều ngạc nhiên và lo lắng trước lòng dũng cảm của những người theo đạo Tin lành. Tương lai dường như đầy giông bão và không chắc chắn đối với họ. Sự chia rẽ, xung đột và đổ máu dường như không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, những người cải cách được đảm bảo về công lý cho chính nghĩa của mình và tin tưởng vào cánh tay của Đấng toàn năng, lại tràn đầy dũng khí và sự kiên định.

Cuộc biểu tình phản đối quyền của các thống đốc dân sự trong việc lập pháp về các vấn đề liên quan đến linh hồn và Chúa, đồng thời tuyên bố cùng với các nhà tiên tri và sứ đồ: "Chúng ta phải vâng lời Chúa hơn là vâng lời loài người". Tài liệu này cũng bác bỏ quyền lực độc đoán của nhà thờ và thiết lập nguyên tắc không thể sai lầm rằng mọi lời dạy của con người phải tuân theo lời sấm truyền của thánh thánh. Những người theo đạo Tin lành đã vứt bỏ ách thống trị của con người và tôn vinh Đấng Christ là Đấng tối cao trong hội thánh, và Lời của Ngài là thẩm quyền cao nhất trên bục giảng. Quyền lực của lương tâm được đặt lên trên quyền lực của Nhà nước, và quyền lực của Kinh thánh được đặt lên trên nhà thờ hữu hình. Vương miện của Chúa Kitô được nâng lên phía trên vương miện của giáo hoàng và vương miện của hoàng đế. Hơn nữa, những người theo đạo Tin lành đã khẳng định quyền tự do bày tỏ niềm tin của họ về sự thật.

Họ không chỉ tin và vâng phục mà còn dạy những gì Lời Chúa trình bày, đồng thời phủ nhận quyền can thiệp của quan tòa hoặc linh mục. Cuộc biểu tình Espira là một bằng chứng long trọng chống lại sự không khoan dung tôn giáo và là sự khẳng định quyền của tất cả mọi người được thờ phượng Chúa theo tiếng gọi của lương tâm họ.

Tuyên bố đã được đưa ra. Nó được viết trong ký ức của hàng ngàn người và được ghi vào thiên thư, nơi không nỗ lực nào của con người có thể xóa được. Toàn bộ nước Đức theo đạo Tin lành đều coi cuộc biểu tình như một cách thể hiện đức tin của mình. Ở mọi nơi, con người đều suy ngẫm về lời tuyên bố này về lời hứa về một kỷ nguyên mới và tốt đẹp hơn. Một trong những hoàng tử đã nói với những người theo đạo Tin lành ở Espira: "Xin Đấng Toàn năng, Đấng đã ban cho các bạn ân sủng để xứng nhận Ngài một cách hăng hái, tự do và không sợ hãi, gìn giữ các bạn trong sự kiên định của Cơ đốc nhân này cho đến ngày vĩnh cửu."

Nếu Phong trào Cải cách, sau khi đạt được thành công, đồng ý thỏa hiệp để được thế giới ưu ái, thì đó là sự bất trung với Thiên Chúa và với chính mình, và do đó tự chuốc lấy sự hủy diệt của chính mình. Kinh nghiệm của những nhà cải cách cao quý này chứa đựng một bài học cho mọi thời đại sau này. Cách hành động của Sa-tan chống lại Đức Chúa Trời và Lời Ngài không hề thay đổi. Ông vẫn phản đối việc dùng Kinh Thánh làm kim chỉ nam cho cuộc sống, giống như ông đã làm vào thế kỷ 16. Trong thời đại của chúng ta, đang có sự từ bỏ công khai các giáo lý và giới luật trong Kinh thánh, và cần phải quay trở lại với nguyên tắc Tin lành vĩ đại - Kinh thánh và chỉ Kinh thánh, như một quy tắc của đức tin và thực hành. Satan vẫn đang dùng mọi thủ đoạn hãn có thể có để phá hủy tự do tôn giáo. Thế lực chống Cơ đốc giáo mà những người theo đạo Tin lành ở Espira bác bỏ giờ đây đang có sức sống mới đang tìm cách thiết lập lại quyền lực tối cao đã mất của mình. Sự gấn bó không thể lay chuyển với Lời Chúa được thể hiện trong cuộc khủng hoảng của Phong trào Cải cách là niềm hy vọng duy nhất cho cuộc cải cách ngày nay.

Sau đó, những dấu hiệu nguy hiểm xuất hiện đối với người Tin Lành. Cũng có những dấu hiệu cho thấy bàn tay thần linh đã mở rộng để bảo vệ các tín hữu. Lúc này Melanchthon vội vàng đưa người bạn Grynaeus đến sông Rhine qua các đường phố ở Spira, thúc giục anh ta băng qua sông ngay lập tức. Grynaeus ngạc nhiên muốn biết lý do bỏ trốn đột ngột như vậy. Melanchthon nói: "Một người đàn ông lớn tuổi có vẻ ngoài nghiêm trang và trang nghiêm, nhưng tôi không quen biết, xuất hiện trước mặt tôi và nói: 'Trong một phút nữa, thừa phát lại sẽ được Ferdinando cử đến bắt Grynaeus.'" Trên bờ sông Rhine, Melanchthon đợi cho đến khi nước sông chen vào giữa người bạn thân yêu của anh và những kẻ đang tìm cách lấy mạng anh, cuối cùng khi nhìn thấy anh ở phía bên kia, anh nói: "Anh ấy đã thoát khỏi hàm độc ác của những kẻ khát máu vô tội. "

Grynaeus từng có quan hệ với một bác sĩ giáo dân nổi tiếng, nhưng sau khi bị sốc bởi một trong những bài giảng của ông, Grynaeus đã đến gặp ông và cầu xin ông đừng gây chiến chống lại sự thật nữa. Người viết giáo hoàng che giấu sự tức giận của mình, nhưng ngay lập tức đến gặp nhà vua và xin lệnh bắt giữ người theo đạo Tin lành. Khi Melanchthon trở về nhà, anh được thông báo rằng sau khi anh rời đi, các sĩ quan đã đến tìm Grynaeus và lục soát ngôi nhà từ trên xuống dưới. Melanchthon sau đó thấy Chúa đã cứu bạn mình nên sai một thiên thần thánh thiện đến cảnh báo anh ta.

Cuộc cải cách phải đạt được vị trí ưu việt hơn trước các thế lực trên trái đất. Các hoàng tử theo đạo Tin lành không được Vua Ferdinand lắng nghe, nhưng họ phải có cơ hội trình bày lý do của mình trước sự chứng kiến của hoàng đế và các chức sắc của Giáo hội và Nhà nước đang họp trong hội đồng. Để xoa dịu những bất đồng đang làm xáo trộn đế chế, Charles V, vào năm sau cuộc phản đối của Espira, đã triệu tập một Nghị viện ở Augsburg, tuyên bố ý định đích thân chủ trì nó. Các hoàng tử theo đạo Tin lành được triệu tập để xuất hiện.

Những mối nguy hiểm lớn đe dọa cuộc Cải cách; nhưng các luật sư của họ vẫn giao phó chính nghĩa của họ cho Chúa và tự cam kết sẽ đứng vững về phía phúc âm. Tuyển hầu tước Saxony đã được các cố vấn của ông khuyên không nên tham dự Quốc hội. Họ nói rằng hoàng đế yêu cầu sự có mặt của các hoàng tử để dụ họ vào bẫy. "Không phải điều đó có nghĩa là mạo hiểm mọi thứ và nhốt mình trong bức tường của một thành phố có kẻ thù hùng mạnh sao?" Tuy nhiên, những người khác lại tuyên bố một cách cao thượng: "Hãy để các hoàng tử chỉ cứ xử với lòng can đảm, thì chính nghĩa của Chúa sẽ được cứu." Luther nói: "Thiên Chúa của chúng ta là thành tín và sẽ không bỏ rơi chúng ta". Đại cử tri và đoàn tùy tùng rời đi Augsburg. Mọi người đều nhận thức được mối nguy hiểm đang đe dọa, và nhiều người ra đi với khuôn mặt buồn bã và trái tim bối rối. Nhưng Luther, người đi cùng họ đến Coburg, đã khuyến khích niềm tin đang chập chờn của họ bằng cách hát một bài thánh ca được sáng tác trong thời gian đó.

chuyến đi: "Một lâu đài vững chắc là Chúa của chúng ta." Nhiều điếm báo đau buồn đã bị xua tan, và nhiều trái tim nặng trĩu đã được xoa dịu trước âm thanh của những giai điệu đầy cảm hứng.

Các hoàng tử cải cách quyết tâm đưa ra tuyên bố một cách có hệ thống về quan điểm của họ được hỗ trợ bởi bằng chứng rút ra từ Kinh thánh để trình bày trước Quốc hội; và việc xây dựng nó được giao cho Luther, Melanchthon và các cộng sự của họ.

Lời Tuyên xưng này đã được những người Tin lành chấp nhận như một sự bày tỏ đức tin của họ, và họ tập hợp lại để ghi tên mình vào văn kiện quan trọng này. Đây là một thời gian trang trọng và đầy thử thách. Các nhà cải cách lo lắng rằng mục tiêu của họ không bị nhầm lẫn với các vấn đề chính trị. Họ cảm thấy rằng cuộc Cải cách không được gây ảnh hưởng nào khác ngoài ảnh hưởng đến từ Lời Chúa.

Khi các hoàng tử Thiên chúa giáo tụ tập để ký vào bản Tuyên xưng, Melanchthon xen vào nói: "Việc đề xuất những điều này là trách nhiệm của các nhà thần học và mục sư, trong khi quyền lực của các cường quốc trên trái đất phải được dành cho những vấn đề khác." John xứ Saxony trả lời: "Xin Chúa đừng loại trừ tôi.

Tôi quyết tâm thực hiện bổn phận của mình mà không lo lắng về vương miện của mình. Tôi muốn xưng nhận Chúa. Đối với tôi, mũ và áo choàng bầu cử của tôi không quý bằng cây thánh giá của Chúa Giêsu Kitô." Nói xong, ông ký tên. Một hoàng tử khác vừa cầm bút vừa nói: "Nếu danh dự của Chúa Giêsu Kitô của tôi yêu cầu điều đó, Tôi sẵn sàng bỏ lại tài sản và cuộc sống của mình." "Tôi thà từ bỏ thần dân và quốc gia của mình; Tôi thà rời bỏ đất nước của cha tôi với cây gậy trong tay," ông nói tiếp, "còn hơn là nhận bất kỳ giáo lý nào khác ngoài giáo lý có trong Tuyên xưng này." Đó là đức tin và lòng can đảm của những người của Chúa.

Đến thời điểm cố định để xuất hiện trước mặt hoàng đế. Charles V, ngồi trên ngai vàng, được bao quanh bởi các cử tri và hoàng thân, đã nhường chỗ cho những người cải cách theo đạo Tin lành. Lời tuyên xưng đức tin của ông đã được đọc. Trong cuộc họp tháng Tám đó, những chân lý của phúc âm đã được trình bày rõ ràng, và những sai lầm của giáo hội giáo hoàng cũng vậy. Ngày đó đã được tuyên bố một cách đúng đắn là "ngày vĩ đại nhất của cuộc Cải cách, và là một trong những ngày vinh quang nhất trong lịch sử Kitô giáo và thế giới".

Tuy nhiên, đã vài năm trôi qua kể từ khi tu sĩ Wittenberg đứng một mình tại Worms, trước hội đồng quốc gia. Giờ đây, ở vị trí của họ là những hoàng tử cao quý và quyền lực nhất của đế chế. Luther bị cấm xuất hiện ở Augsburg, nhưng ông vẫn có mặt để phát biểu và cầu nguyện. Ông viết: "Tôi rung động vui mừng được sống cho đến giờ này, khi Chúa Kitô được tôn vinh công khai bởi những vị xứng tội lừng lẫy trong một cộng đoàn vinh quang như vậy". Lời Kinh thánh đã nói đã được ứng nghiệm: "Tôi sẽ nói chứng cứ Ngài trước mặt các vua". (Thi Thiên 119:46).

Vào thời Phao-lô, phúc âm mà ông đã bị cầm tù đã được trình bày trước các hoàng tử và quý tộc của kinh đô. Cũng trong dịp đó, điều hoàng đế cấm giảng trên bục giảng đã được công bố trong cung điện. Điều mà nhiều người cho là không phù hợp để người hầu nghe được đã được các nhà cai trị và lãnh chúa của đế chế nghe thấy với sự ngạc nhiên. Các vị vua và các vĩ nhân đều có mặt trong khán phòng; Các hoàng tử đăng quang là những người thuyết giáo và bài giảng là chân lý thiêng liêng của hoàng gia.

Một nhà văn nói: "Kể từ thời các sứ đồ, chưa bao giờ có công việc nào vĩ đại hơn hoặc lời tuyên xưng Chúa Giêsu Kitô hoành tráng hơn".

Một giám mục người Popish tuyên bố: "Mọi điều người Luther nói đều đúng; chúng tôi không thể phủ nhận điều đó". "Bạn có thể bác bỏ Lời thú nhận của cử tri và các đồng minh của ông ấy bằng những lý do chắc chắn không?", một giáo sĩ khác hỏi Tiến sĩ Eck. Câu trả lời là: "Không phải với những bài viết của các sứ đồ và các nhà tiên tri"; "nhưng với những người cha của nhà thờ và hội đồng thì đúng vậy!" Người hỏi trả lời: "Tôi hiểu rằng những người theo đạo Luther, như bạn nói, tuân theo Kinh thánh và chúng tôi ở ngoài họ." Một số hoàng tử Đức đã theo đạo Cải cách. Chính hoàng đế đã tuyên bố rằng người xưa

Những người theo đạo Tin lành chẳng là gì ngoài sự thật. Lời Xưng Tội đã được dịch sang nhiều thứ tiếng, lưu hành khắp châu Âu và được hàng triệu người trong các thế hệ kế tiếp chấp nhận như một cách thể hiện đức tin của họ.

Những tội tở trung thành của Đức Chúa Trời không làm việc một mình. Dù "các vua, thế lực và tà linh ở các nơi cao" tập hợp lại để chống lại họ, Chúa vẫn không quên dân Ngài. Nếu của bạn đã được mở mắt và họ sẽ thấy bằng chứng mạnh mẽ tương tự về sự hiện diện và sự giúp đỡ thiêng liêng được ban cho các vị tiên tri thời xưa. Khi người hầu của Ê-li-sê chỉ cho chủ mình thấy đội quân thù địch đang bao vây họ, loại trừ mọi khả năng trốn thoát, nhà tiên tri đã cầu nguyện: "Lạy Chúa, con cầu xin Ngài mở mắt cho ông được thấy". (II Các Vua 6:17). Và kia, ngọn núi đầy rẫy xe ngựa và ngựa lửa, đạo binh của Thiên đàng đóng quân ở đó để bảo vệ người của Đức Chúa Trời. Vì vậy, các thiên thần đã bảo vệ những người lao động trong chính nghĩa Cải cách.

Một trong những nguyên tắc vững chắc nhất của Luther là không được kêu gọi quyền lực thế tục để ủng hộ cuộc Cải cách và không được kêu gọi vũ khí để bảo vệ cuộc Cải cách. Luther vui mừng vì phúc âm đã được các hoàng tử của đế quốc tuyên xưng; nhưng khi họ đề nghị liên minh với nhau trong một liên minh phòng thủ, ông tuyên bố rằng "giáo lý phúc âm sẽ chỉ được bảo vệ bởi một mình Chúa... Càng ít người can thiệp vào công việc thì sự can thiệp của Chúa nhân danh nó càng đáng ngạc nhiên." Theo quan điểm của ông, các biện pháp phòng ngừa chính trị là do nỗi sợ hãi không đáng có và sự ngờ vực tội lỗi".

Khi những kẻ thù hùng mạnh đang hợp nhất để gây ra sự sụp đổ của đức tin Cải cách, và hàng ngàn lưỡi gươm dường như sẵn sàng chống lại nó, Luther đã viết: "Satan đang nổi giận; các linh mục gian ác đang hội ý với nhau, và chúng ta đang bị đe dọa bởi chiến tranh. Thúc giục dân chúng chiến đấu dũng cảm trước ngai của Chúa, bằng đức tin và lời cầu nguyện, để những kẻ thù của chúng ta, bị Thánh Linh của Đức Chúa Trời đánh bại, có thể buộc phải hòa bình. Nhu cầu cấp bách nhất của chúng ta, điều đầu tiên chúng ta phải làm là để cầu nguyện. Hãy để mọi người biết rằng vào giờ này họ đang phải đối mặt với lưỡi gươm và cơn thịnh nộ của ma quỷ. Hãy để họ cầu nguyện.

Một lần nữa, vào một thời điểm sau đó, khi đề cập đến liên minh do các hoàng tử cải cách đề xuất, ông tuyên bố rằng vũ khí duy nhất được sử dụng trong cuộc chiến này phải là "thanh kiếm của Thần". Ông viết cho đại cử tri Saxony: "Chúng tôi không thể trước lương tâm của mình chấp thuận liên minh được đề xuất. Chúa Giê-su Kitô của chúng ta đủ quyền năng và có thể tìm ra mọi cách và phương tiện để giải cứu chúng ta khỏi nguy hiểm và xua tan suy nghĩ của những hoàng tử độc ác... Chúa Kitô cho chúng ta Ngài đang kiểm tra xem liệu chúng ta có sẵn sàng vâng theo Lời Ngài hay không, và liệu chúng ta có coi đó là lẽ thật không thể sai lầm hay không. Chúng ta thà chết mười lần còn hơn coi Phúc âm là nguyên nhân gây đổ máu, hoặc bị thương bởi bất kỳ hành động nào trên phần của chúng ta. Đúng hơn, chúng ta hãy kiên nhẫn chịu đựng và, như tác giả Thi Thiên nói, hãy bị coi như chiên bị đưa vào lò sát sinh. Và thay vì trả thù hay tự vệ, chúng ta hãy nhường chỗ cho cơn thịnh nộ của Thiên Chúa. Xin bệ hạ đừng sợ hãi. Chúng ta sẽ cầu nguyện nhiều hơn kẻ thù của chúng ta bằng sự khỏe khoắn của chúng. Chỉ mong đừng để tay ngài vấy máu của anh em ngài. Nếu hoàng đế yêu cầu giao chúng tôi cho triều đình của ông ấy, chúng tôi đã sẵn sàng xuất hiện. Bạn không thể bảo vệ đức tin; Mọi người nên tin tưởng vào rủi ro của riêng mình."

Từ nơi cầu nguyện bí mật đã xuất hiện sức mạnh làm rung chuyển thế giới trong cuộc Cải cách vĩ đại. Ở đó, với sự bình tĩnh thánh thiện, các tội tở của Chúa đã đặt chân lên tảng đá chứa đựng những lời hứa của Ngài. Trong cuộc chiến ở Augsburg, Luther không ngày nào mà không dành ít nhất ba giờ để cầu nguyện. Thời gian này được tách ra khỏi những giờ thuận lợi nhất cho việc học tập. Trong sự riêng tư trong căn phòng của mình, người ta nghe thấy anh trút hết tâm hồn

trước Thiên Chúa bằng những lời đầy tôn thờ, kính sợ và hy vọng, như thể đang nói với một người bạn. Ông nói: "Con biết rằng Chúa là Cha và là Thiên Chúa của chúng con, và Chúa sẽ giải tán những kẻ bắt bớ con cái Chúa, vì chính Chúa cũng đang gặp nguy hiểm với chúng con. Tất cả công việc này là của Chúa và chỉ do Chúa thúc đẩy". . . rằng chúng ta đặt tay lên hấn. Vậy hãy bảo vệ chúng ta, Cha ơi! Gửi Melancthon, người đang bị đè nặng bởi gánh nặng của sự lo lắng và sợ hãi, ông đã viết: "Ân sủng và bình an trong Chúa Kitô! Tôi nói vậy, chứ không phải trong Chúa Kitô, chứ không phải trong thế gian. Amen! Tôi hết sức căm ghét những mối quan tâm cực đoan này đang tiêu tốn Ngài. Nếu chính nghĩa không chính đáng, hãy từ bỏ nó; nếu chính nghĩa chính đáng, tại sao chúng ta lại đi ngược lại lời hứa của Đấng đã sai chúng ta đi ngủ mà không sợ hãi? Chúa Kitô sẽ không thất bại trong công việc công lý và chân lý. Ngài hằng sống, Ngài hiển trị ; vậy thì chúng ta có thể có nỗi sợ hãi nào?"

Chúa đã nghe tiếng kêu than của tôi tớ Ngài. Ông đã ban cho các hoàng tử và các bộ trưởng ân sủng và lòng can đảm để bảo vệ sự thật chống lại những kẻ thống trị bóng tối của thế giới này.

Chúa phán: "Này Ta đặt ở Si-ôn tảng đá góc nhà được chọn lọc và quý giá; ai tin vào đó sẽ không bị hổ thẹn". (I Phi-e-rơ 2:6). Những nhà cải cách Tin Lành đã xây dựng trên Đấng Christ, và các cửa địa ngục sẽ không thắng được họ.

Chương 12

Cuộc cải cách của Pháp

Cuộc biểu tình Espira và Lời thú tội Augsburg, đánh dấu chiến thắng của cuộc Cải cách ở Đức, kéo theo nhiều năm xung đột và đen tối. Bị suy yếu bởi sự chia rẽ giữa các tín đồ, bị tấn công bởi những kẻ thù hùng mạnh, đạo Tin lành dường như đã bị hủy diệt hoàn toàn. Hàng ngàn người đã niêm phong lời khai của họ bằng máu của chính họ. Nội chiến nổ ra và chính nghĩa Tin lành bị một trong những người ủng hộ chính của nó phản bội. Những hoàng tử cải lương cao quý nhất đều rơi vào tay hoàng đế và bị bắt làm tù binh từ thành phố này sang thành phố khác. Nhưng vào thời điểm chiến thắng rõ ràng của mình, hoàng đế đã thất bại. Anh ta nhìn thấy con mồi đã bị giết khỏi tay mình, và cuối cùng buộc phải chấp nhận các học thuyết mà việc loại bỏ mà anh ta đã tham vọng cả đời phải đạt được. Anh ta đã mạo hiểm vương quốc, kho báu và mạng sống của mình để tiêu diệt tà giáo. Giờ đây, ông thấy quân đội của mình kiệt sức vì chiến trận, kho báu cạn kiệt, nhiều vương quốc của ông bị đe dọa nổi dậy, trong khi đức tin mà ông đã cố gắng đàn áp một cách vô ích đang lan rộng khắp nơi. Charles V đã tiến hành chiến tranh chống lại Quyền lực toàn năng. Chúa đã phán: "Hãy có ánh sáng", nhưng hoàng đế đã tìm cách giữ cho bóng tối không bị chạm tới. Mục đích của ông đã thất bại và sớm già đi và kiệt sức sau cuộc đấu tranh lâu dài, ông từ bỏ ngai vàng và chôn mình trong một tu viện.

Ở Thụy Sĩ, cũng như ở Đức, những ngày đen tối đã nảy sinh đối với cuộc Cải cách. Trong khi nhiều bang chấp nhận đức tin Cải cách, những bang khác lại kiên trì mù quáng với tín ngưỡng của Rome. Cuộc đàn áp của ông đối với những người mong muốn nhận được lễ thật cuối cùng đã dẫn đến nội chiến. Ulrich Zwingli và nhiều người đã tham gia cùng ông trong cuộc Cải cách đã ngã xuống cánh đồng Cappel đầm máu. Oecolampadius, bị vượt qua bởi những nghịch lý khủng khiếp này, đã chết ngay sau đó. Rome đã chiến thắng và ở nhiều nơi dường như đã sẵn sàng lấy lại tất cả những gì đã mất. Nhưng Ngài, Đấng có lời khuyên từ đời đời, đã không từ bỏ chính nghĩa và dân của Ngài. Bàn tay của Ngài sẽ mang lại cho họ sự giải thoát. Ở những vùng đất khác, Ngài đã thức tỉnh công nhân thực hiện cuộc Cải cách.

Ở Pháp, trước khi tên của Luther được biết đến như một nhà cải cách, ngày đã bắt đầu rạng sáng. Một trong những người đầu tiên bước ra ánh sáng là ông già Lefèvre, một người có học thức rộng, giáo sư tại Đại học Paris, đồng thời là một nhà giáo hoàng chân thành và nhiệt thành. Khi nghiên cứu văn học cổ, ông chú ý đến Kinh Thánh và giới thiệu việc nghiên cứu Kinh Thánh cho các học trò của mình. Lefèvre là một người nhiệt tình tôn thờ các vị thánh và đã đảm nhận việc chuẩn bị lịch sử các vị thánh và các vị tử đạo, như được trình bày trong các truyền thuyết của nhà thờ. Đây là một công việc đòi hỏi nhiều công sức, nhưng anh ấy đã đạt được tiến bộ đáng kể khi nghĩ rằng mình có thể nhận được sự trợ giúp rất hữu ích về Kinh thánh, anh ấy bắt đầu nghiên cứu vì mục đích đó. Ở đó, ông thực sự đã tìm thấy những đề cập đến các vị thánh, nhưng không được trình bày trong lịch La Mã. Một luồng ánh sáng thần thánh tràn vào tâm trí anh.

Ngạc nhiên và chán ghét, anh từ bỏ nhiệm vụ được đề xuất và dâng mình cho Lời Chúa.

Chẳng bao lâu sau, anh bắt đầu giảng dạy những lẽ thật quý giá mà anh đã khám phá ra. Năm 1512, trước khi Luther hay Zwingli bắt đầu công cuộc Cải cách, Lefèvre đã viết: "Chính Thiên Chúa là Đấng ban cho chúng ta, bằng đức tin, sự công chính mà nhờ ân sủng, chúng ta sẽ được công chính hóa để được sự sống vĩnh cửu". Khi bàn về các mầu nhiệm cứu chuộc, ngài kêu lên: "Ôi! Sự thay thế này thật vĩ đại khôn tả - Người vô tội bị kết án và người có tội được tự do; Người có phúc chịu lời nguyền và người bị nguyền rủa nhận được phúc lành; Sự sống chết và kẻ chết sống; Vinh quang chìm trong bóng tối và ai

Anh ta không biết gì ngoài sự bối rối trên khuôn mặt và được bao phủ bởi vinh quang bên trong, vinh quang mà con mắt xác thịt không thể nhìn thấy."

Và trong khi dạy rằng vinh quang cứu độ chỉ thuộc về Thiên Chúa, ngài cũng tuyên bố rằng nhiệm vụ vâng phục thuộc về con người. Ông nói: "Nếu bạn là thành viên của hội thánh Chúa Kitô, bạn là thành viên của thân thể Ngài; nếu bạn là thành viên của thân thể Ngài, thì bạn được tràn đầy bản chất thiêng liêng... Ôi! Giá như con người chỉ có thể họ sẽ hiểu được đặc ân này, họ sẽ sống trong sạch, khiết tịnh và thánh thiện biết bao, và họ sẽ coi tất cả vinh quang của thế gian này là đáng ghê tởm biết bao khi so sánh với vinh quang bên trong, vinh quang đó mà con mắt xác thịt không thể nhìn thấy."

Có một số học sinh của Lefèvre đã háo hức lắng nghe những lời của ông, và rất lâu sau khi giọng nói của giáo viên đã im lặng, họ vẫn tiếp tục tuyên bố sự thật. Một trong số đó là Guilherme Farel. Là con trai của cha mẹ ngoan đạo và được dạy phải chấp nhận những lời dạy của nhà thờ với đức tin ngấm, anh ta có thể, giống như sứ đồ Phao-lô, đã tuyên bố một cách kính trọng: "Theo giáo phái nghiêm khắc nhất trong tôn giáo của chúng ta, tôi sống theo một người Pha-ri-si." (Công vụ 26:5). Là một người theo chủ nghĩa La Mã trung thành, ông có lòng nhiệt thành muốn tiêu diệt tất cả những ai dám chống lại nhà thờ. "Tôi nghiêng rằng như một con sói giận dữ," sau này ông tuyên bố khi đề cập đến thời điểm đó trong cuộc đời mình, "khi tôi nghe ai đó nói chống lại Giáo hoàng." Ông từng là một người thờ phượng không biết mệt mỏi các vị thánh cùng với Levèvre, khi ông đi vòng quanh các nhà thờ ở Paris, thờ phượng trên các bàn thờ và trang hoàng các thánh tích bằng các lễ vật. Nhưng những việc tuân giữ này không mang lại bình an cho tâm hồn. Mọi việc sám hối ngài thực hiện đều không thể xóa bỏ được niềm tin tội lỗi đang đè nặng lên tâm hồn ngài. Như thể đó là tiếng nói từ Thiên đường, Levèvre nghe thấy lời của nhà cải cách: "Sự cứu rỗi là miễn phí. Người vô tội bị kết án, và kẻ phạm tội được trắng án. Chỉ có thập tự giá của Chúa Kitô mới mở được cánh cửa Thiên đường và đóng những cánh cửa địa ngục . "

Farel vui vẻ chấp nhận sự thật. Theo gương hoán cải của Thánh Phao-lô, ngài đã chuyển từ tình trạng bị giam cầm theo truyền thống sang sự tự do của con cái Thiên Chúa. Ngài nói: "Thay vì có trái tim sắt nhân của một con sói đang háu đói, tôi đã bình tĩnh trở về, như một con chiên hiền lành và vô hại, đã hoàn toàn quay lưng lại với Đức Giáo Hoàng và dâng mình cho Chúa Giêsu Kitô".

Trong khi Lefèvre tiếp tục truyền bá ánh sáng cho các học trò của mình, Farel, cũng nhiệt thành vì chính nghĩa của Chúa Kitô như khi còn là giáo hoàng, đã đi ra ngoài để công bố sự thật trước công chúng. Một chức sắc của nhà thờ, Giám mục của Meaux, đã tham gia cùng ông ngay sau đó. Những vị thầy nổi tiếng khác nhờ kỹ năng và sự uyên bác của họ đã tham gia vào việc rao giảng phúc âm, lôi kéo được mọi tầng lớp tín đồ, từ gia đình các nghệ nhân và nông dân, cho đến cung điện hoàng gia. Em gái của Francis I, vị vua trị vì lúc bấy giờ, đã chấp nhận đức tin Cải cách. Bản thân nhà vua và hoàng hậu dường như đã có lúc ứ ái bà, và với rất nhiều hy vọng, những người cải cách đã mong chờ thời điểm nước Pháp sẽ giành được phúc âm.

Nhưng, hy vọng của họ đã không thành hiện thực. Những hoạn nạn và bách hại đang chờ đợi các môn đệ của Chúa Kitô. Tuy nhiên, điều này đã được che đậy một cách nhân từ khỏi tầm mắt của họ. Một thời kỳ bình yên diễn ra để họ có thêm sức mạnh đương đầu với giông bão; và cuộc Cải cách tiến triển nhanh chóng. Giám mục Meaux đã nhiệt tình làm việc trong giáo phận của mình để hướng dẫn cả giáo sĩ lẫn người dân.

Các linh mục ngu dốt và vô đạo đức đã bị loại bỏ và, trong chừng mực có thể, được thay thế bằng những người có học thức và lòng đạo đức. Vị giám mục rất mong muốn người dân của ông có thể tự mình tiếp cận Lời Chúa và điều này đã sớm được thực hiện. Lefèvre đảm nhận việc dịch Tân Ước, đồng thời cuốn Kinh thánh tiếng Đức của Luther được in ở Wittenberg, Tân Ước bằng tiếng Pháp được xuất bản ở Meaux. Giám mục đã không tiếc công sức và chi phí để phổ biến nó

trong giáo xứ của họ, và chẳng bao lâu sau, nông dân ở Meaux đã sở hữu Kinh thánh.

Giống như những lữ khách sắp chết khát vui mừng chào đón nguồn nước sống, những linh hồn này đã nhận được thông điệp từ Thiên đường, những người làm ruộng và thợ thủ công trong xưởng đã tự khuyến khích mình trong công việc vất vả hàng ngày bằng cách nói về những lễ thật quý giá của Kinh thánh. Buổi tối, thay vì đến quán rượu, họ tụ tập tại nhà nhau để đọc Lời Chúa và hiệp nhất cầu nguyện và ca ngợi. Một sự thay đổi lớn đã sớm thể hiện ở những cộng đồng này. Mặc dù họ thuộc tầng lớp khiêm tốn nhất, là những nông dân chăm chỉ và mù chữ, nhưng sức mạnh biến đổi và nâng cao tinh thần của ân sủng Thiên Chúa đã được nhìn thấy trong cuộc sống của họ. Khiêm tốn, yêu thương và thánh thiện, họ vẫn là những nhân chứng về những gì phúc âm sẽ mang lại cho những ai đón nhận nó một cách chân thành.

Ánh sáng thấp ở Meaux tỏa những tia sáng ra xa. Mỗi ngày số lượng người cải đạo tăng lên. Cơ thịnh nộ của hệ thống cấp bậc có lúc do nhà vua kiểm soát, người coi thường sự cuồng tín hẹp hòi của các tu sĩ; nhưng cuối cùng các thủ lĩnh của Giáo hoàng đã thắng thế. Cỗ phần cho ngọn lửa đã tăng lên. Giám mục của Meaux, buộc phải lựa chọn giữa tiền đặt cược và sự rút lui, đã chấp nhận con đường dễ dàng hơn. Nhưng bất chấp sự sa ngã của con đầu đàn, đàn vẫn đứng vững. Nhiều người đã làm chứng cho sự thật giữa ngọn lửa. Bằng lòng can đảm và lòng trung thành trong việc tử đạo, những Kitô hữu khiêm tốn này đã nói chuyện với hàng ngàn người, trong thời bình, chưa bao giờ được nghe chứng tá của họ.

Không chỉ những người khiêm nhường và nghèo khó, giữa đau khổ và nhạo báng, mới dám làm chứng cho Chúa Kitô. Trong các đại sảnh cao quý của lâu đài và cung điện, có những linh hồn hoàng gia mà đối với họ sự thật được coi trọng hơn của cải, địa vị xã hội hay thậm chí là mạng sống. Áo giáp của quý tộc ẩn giấu một tinh thần cao cả và kiên quyết hơn áo choàng và mũ của giám mục. Luis de Berquin sinh ra đã cao quý, một hiệp sĩ dũng cảm và nhã nhặn, tận tâm học tập, tinh tế trong cách cư xử và đạo đức không thể lay chuyển. Một nhà văn nói: "Ông ấy là một người trung thành tuân theo các sắc lệnh của Giáo hoàng và là một người phục vụ tận tình trong các thánh lễ và các buổi thuyết pháp. Và ông ấy tôn vinh tất cả những đức tính khác này bằng cách có ác cảm đặc biệt với chủ nghĩa Lutheranism." Tuy nhiên, giống như rất nhiều người khác, được Chúa quan phòng hướng đến Kinh thánh, ông ngạc nhiên khi thấy ở đó không phải những lời dạy của giáo hoàng mà là những học thuyết của Luther. Từ đó trở đi ông đã cống hiến hết mình cho sự nghiệp Phúc âm.

"Người có văn hóa nhất trong các quý tộc Pháp", thiên tài và tài hùng biện, lòng dũng cảm bất khuất, lòng nhiệt thành anh hùng và tầm ảnh hưởng trong triều đình, vì ông là người được nhà vua sủng ái, khiến ông được nhiều người coi là có duyên trở thành nhà cải cách đất nước. : "Berquin lẽ ra đã là một Luther thứ hai, nếu ông ấy tìm thấy ở Francis I một đại cử tri thứ hai." "Ông ấy còn tệ hơn Luther," những người theo chủ nghĩa giáo hoàng kêu lên. Thực sự, ông là người mà những người theo chủ nghĩa La Mã ở Pháp sợ hãi nhất. Họ tống ông vào tù như một kẻ dị giáo, nhưng ông được nhà vua thả ra. Trong nhiều năm, ông đã duy trì một cuộc đấu tranh liên tục. Đức Phanxicô, dao động giữa Rôma và cuộc Cải cách, lần lượt dung túng và kiềm chế lòng nhiệt thành mãnh liệt của các tu sĩ. Berquin đã bị chính quyền Giáo hoàng bỏ tù ba lần, chỉ được thả ra bởi vị quốc vương, người ngưỡng mộ thiên tài và tính cách cao thượng của ông, đã từ chối hy sinh ông cho cái ác của hệ thống cấp bậc.

Berquin đã nhiều lần được cảnh báo về mối nguy hiểm đang đe dọa ông ở Pháp, và ông được khuyến khích đi theo bước chân của những người đã từng tìm thấy sự an toàn trong cuộc lưu đày tự nguyện. Erasmus nhút nhát và thiếu thời gian, người, dù có tất cả sự uyên bác uyên bác của mình, lại thiếu sự vĩ đại về mặt đạo đức để duy trì cuộc sống và danh dự phục vụ sự thật, đã viết cho Berquin: "Xin được cử làm đại sứ ở nước ngoài nào đó; hãy đi tới Nước Đức. Bạn biết Bede và những người khác giống như anh ta; anh ta là một con quái vật ngàn đầu phun chất độc vào

mọi nơi. Kẻ thù của bạn là quân đoàn. Nếu chính nghĩa của bạn tốt hơn chính nghĩa của Chúa Giêsu Kitô, họ sẽ không để bạn đi cho đến khi họ tiêu diệt bạn một cách thảm hại. Đừng quá tin tưởng vào sự bảo vệ của nhà vua. Dù thế nào đi nữa, đừng bắt tôi vào khoa thần học."

Nhưng khi mối nguy hiểm ngày càng lớn, lòng nhiệt thành của Berquin càng trở nên mạnh mẽ hơn. Vì vậy, thay vì áp dụng chính sách và lời khuyên khiêm tốn của Erasmus, ông quyết định thực hiện các biện pháp can đảm hơn nữa. Anh ta không chỉ tiếp tục bảo vệ sự thật mà còn tấn công lối làm. Lời buộc tội dị giáo mà những người theo chủ nghĩa La Mã đang tìm cách chống lại ông sẽ bị phản bác lại chính họ. Đối thủ tích cực và gay gắt nhất của ông là các bác sĩ và tu sĩ uyên bác của khoa thần học của Đại học Paris vĩ đại, một trong những cơ quan giáo hội cao nhất ở cả thành phố và quốc gia. Từ bài viết của những bác sĩ này, Berquin đã đưa ra 12 mệnh đề mà ông công khai tuyên bố là "trái ngược với Kinh thánh và do đó, là dị giáo", đồng thời kêu gọi nhà vua để người có quyền làm thẩm phán trong cuộc tranh cãi này.

Nhà vua, không muốn từ chối cơ hội đối đầu với sức mạnh và sự sắc bén của các nhà vô địch đối lập, đồng thời vui mừng trước cơ hội hạ thấp niềm kiêu hãnh của những tu sĩ kiêu kỳ này, đã mời những người theo chủ nghĩa La Mã bảo vệ chính nghĩa của họ thông qua Kinh thánh. Họ biết rõ loại vũ khí này sẽ chẳng mang lại lợi ích gì cho họ. Nhà tù, tra tấn và đốt cháy là những vũ khí mà họ biết rõ nhất. Bây giờ trò chơi đã thay đổi và họ thấy mình sắp rơi vào cái hố mà họ định ném Berquin vào. Kinh ngạc, nhìn quanh, họ tìm cách trốn thoát.

Chính vào dịp đó, ở một góc đường phố, một bức ảnh Đức Trinh Nữ Maria bị cắt xẻo đã xuất hiện. Có sự bức tức lớn trong thành phố. Đám đông người dân tụ tập tại hiện trường với vẻ mặt than thở và phẫn nộ. Nhà vua cũng vô cùng kích động. Đây là một tình huống mà các tu sĩ có thể lợi dụng và họ đã nhanh chóng tận dụng điều đó. Họ kêu lên: "Đây là thành quả của học thuyết Berquin". "Mọi thứ sắp bị hủy hoại - tôn giáo, luật pháp, chính ngay vàng - bởi âm mưu của người Lutheran này."

Berquin lại bị bỏ tù. Nhà vua rời Paris và do đó các tu sĩ được tự do làm những gì họ muốn. Nhà cải cách bị xét xử và bị kết án tử hình; và lo sợ Francisco vẫn can thiệp để cứu mình nên bản án đã được thi hành ngay trong ngày tuyên án. Đến trưa, Berquin bị đưa đến nơi hành quyết. Một đám đông khổng lồ tụ tập để chứng kiến sự việc, và có nhiều người ngạc nhiên và lo lắng khi thấy nạn nhân được chọn trong số những gia đình tốt nhất, có giá trị nhất và cao quý nhất ở Pháp. Sự kinh ngạc, phẫn nộ, khinh bỉ và căm ghét cay đắng hiện rõ trên khuôn mặt của đám đông không ngừng nghĩ đó; nhưng trên một khuôn mặt không có cái bóng nào lơ lửng. Suy nghĩ của người tử đạo khác xa với cảnh tượng hỗn loạn đó; anh ta chỉ ý thức được sự hiện diện của Chúa mình.

Chiếc xe khốn khổ mà anh đang lái, ánh mắt ủ rũ của những kẻ truy đuổi anh, cái chết khủng khiếp mà anh đang hướng tới, Berquin không lắng nghe những điều này. Đáng sống và bị giết và sống mãi mãi, người nắm giữ chìa khóa của cái chết và địa ngục, đã ở bên cạnh anh. Về mặt của Berquin rạng rỡ với ánh sáng và sự bình yên của Thiên đường, ông đã mặc một bộ trang phục dễ chịu, mặc "một chiếc áo choàng nhung, một chiếc áo chèn bằng sa tanh và gấm hoa, và đôi tất vàng." Ông sắp làm chứng về đức tin của mình trước sự hiện diện của Vua của các vị vua và Vũ trụ đang chờ đợi; và không có dấu hiệu than thở nào có thể làm lu mờ niềm vui của ông.

Khi cuộc rước di chuyển chậm rãi qua các đường phố đông đúc, người dân ghi nhận với sự ngưỡng mộ về nền hòa bình thanh bình, chiến thắng hân hoan mà nó mang lại trong ánh mắt và dáng vẻ của nó. Họ nói: "Ông ấy giống như một người ngồi trong đền thờ và suy ngẫm về những điều thiêng liêng".

Giữa ngọn lửa, Berquin cố gắng nói vài lời với người dân; nhưng các nhà sư, lo sợ kết quả, bắt đầu la hét và binh lính đập vũ khí, và tiếng ồn át đi giọng nói của vị tử đạo. Vì vậy, vào năm 1529, cơ quan có thẩm quyền về văn học và giáo hội cao nhất của Paris văn minh, đã "đưa ra cho người dân năm 1793 một ví dụ thực tế về cách đàn ông bóp nghẹt những lời thiêng liêng của một người sắp chết trước giá treo cổ."

Berquin bị bóp cổ và cơ thể bị thiêu rụi trong biển lửa. Tin ngài qua đời đã gây đau buồn cho bạn bè Cải Cách khắp nước Pháp. Nhưng tấm gương của ông không phải là vô ích. Các nhân chứng của sự thật nói: "Chúng tôi cũng sẵn sàng đối mặt với cái chết một cách vui vẻ, hướng mắt về cuộc sống sắp tới".

Trong cuộc đàn áp ở Meaux, các giáo viên của đức tin Cải cách đã bị hủy bỏ giấy phép rao giảng và họ rời đi sang các lĩnh vực khác. Lefèvre sau một thời gian đã tới Đức. Farel trở về quê hương, miền đông nước Pháp, với mục đích truyền bá ánh sáng vào môi trường tuổi thơ của mình. Tin tức về những gì đang xảy ra ở Meaux đã được đón nhận, và lẽ thật mà ông giảng dạy với lòng nhiệt thành không chút sợ hãi đã tìm được người nghe. Chẳng bao lâu sau, chính quyền đã ra lệnh bịt miệng anh ta và anh ta bị trục xuất khỏi thành phố. Dù không thể làm việc công nữa nhưng ông đã băng qua đồng bằng và làng mạc, dạy học tại nhà riêng, trên những đồng cỏ hẻo lánh, tìm nơi trú ẩn trong rừng và giữa những hang đá từng là nơi ẩn náu của tuổi trẻ. Chúa đang chuẩn bị cho ông những thử thách lớn hơn. Farel nói: "Những thập tự giá, sự bất bớ và sự phục kích của Satan mà tôi đã quen thuộc, và chúng thực sự vượt quá khả năng của tôi có thể chịu đựng được, nhưng Thiên Chúa là Cha tôi; Ngài đã giúp đỡ tôi và sẽ giúp đỡ tôi". với sức mạnh cần thiết."

Giống như thời các sứ đồ, sự bất bớ đã góp phần "mang lại lợi ích lớn hơn cho Phúc âm" (Phi-líp 1:12). Bị cấm đến Paris và Meaux, "những người tán mác khắp nơi đi rao giảng Lời Chúa" (Cv 8:4). Và thế là ánh sáng đã được gửi đến nhiều tỉnh xa xôi nhất của nước Pháp.

Đức Chúa Trời vẫn đang chuẩn bị những người làm công để đẩy mạnh mục đích của Ngài. Tại một trong những trường học ở Paris, có một thanh niên trầm tính, thiên định, bộc lộ những dấu hiệu của một trí óc mạnh mẽ và sắc bén, không kém phần nổi bật bởi lối sống đúng mực, lòng nhiệt thành trí tuệ và lòng sùng đạo. Thiên tài và khả năng áp dụng của anh ấy đã sớm khiến anh ấy trở thành niềm tự hào của trường đại học, và người ta đã dự đoán rằng John Calvin sẽ là một trong những người bảo vệ tài năng và danh giá nhất của nhà thờ. Nhưng một tia sáng thần thánh đã xuyên thấu những bức tường của chủ nghĩa kinh viện và mê tín mà Calvin thấy mình bị mắc kẹt trong đó. Anh ta nghe về những học thuyết mới với sự run rẩy, không nghi ngờ gì rằng những kẻ dị giáo đáng bị kết án bằng lửa. Tuy nhiên, một cách vô thức, ông đã phải đối mặt với tà giáo và buộc phải kiểm tra sức mạnh của thần học La Mã trong việc chống lại giáo lý Tin lành.

Một người anh em họ của Calvin đã tham gia các nhà cải cách đang ở Paris. Hai người họ hàng thường xuyên gặp gỡ và cùng nhau thảo luận những vấn đề đang gây rắc rối cho các tôn giáo theo đạo Thiên chúa. "Chỉ có hai tôn giáo trên thế giới", Olivetan theo đạo Tin lành nói. "Loại tôn giáo đầu tiên là tôn giáo do con người tạo ra, và trong đó con người được cứu rỗi nhờ các nghi lễ và việc lành; loại kia là tôn giáo được mặc khải trong Kinh thánh và dạy con người tìm kiếm sự cứu rỗi chỉ từ ân điển miễn phí của Chúa." Calvin kêu lên: "Tôi không muốn học thuyết mới nào của bạn cả". "Bạn có nghĩ rằng tôi đã sống trong sai lầm suốt những ngày qua không?"

Nhưng trong tâm trí ông đã trở dậy những tư tưởng mà ý chí không thể xua đuổi được. Một mình trong phòng, anh ngẫm nghĩ về lời nói của anh họ. Sự kết án tội lỗi bám chặt lấy anh. Calvin thấy mình không có người cầu thay trước sự chứng kiến của một Thẩm phán công bằng và thánh thiện. Sự trung gian của các vị thánh, những việc lành, những nghi lễ của nhà thờ, tất cả đều bất lực trong việc chuộc tội. Anh không thể nhìn thấy gì trước mặt ngoài bóng tối của sự tuyệt vọng vĩnh viễn. Các bác sĩ của nhà thờ cố gắng chữa trị cho anh ta một cách vô ích.

anh bất hạnh. Việc xưng tội và sám hối đều vô ích vì không thể hòa giải linh hồn với Thiên Chúa.

Khi đang tham gia vào những cuộc đấu tranh vô ích này, Calvin tình cờ đến thăm một quảng trường công cộng và chứng kiến cảnh một kẻ dị giáo bị thiêu sống ở đó. Ông ngạc nhiên trước vẻ bình an hiện rõ trên gương mặt vị tử đạo. Giữa sự tra tấn của cái chết khủng khiếp đó và dưới sự lên án khủng khiếp nhất của nhà thờ, anh đã thể hiện đức tin và lòng dũng cảm đến nỗi người sinh viên trẻ phải đau đớn đối mặt với sự tuyệt vọng và bóng tối của chính mình, mặc dù sống trong sự vâng phục nghiêm ngặt nhất đối với nhà thờ. Ông biết rằng những kẻ dị giáo ủng hộ đức tin của họ nơi Kinh Thánh. Anh quyết tâm nghiên cứu cô và khám phá, nếu có thể, bí mật về niềm vui của cô.

Trong Kinh Thánh, ông đã khám phá ra Đấng Christ. Và Ngài kêu lên: "Lạy Cha, sự hy sinh của Cha đã xoa dịu cơn thịnh nộ của Cha; Máu Cha đã rửa sạch sự ô uế của con; Thập giá của Cha đã gánh lấy lời nguyền rủa của con; Cái chết của Cha đã chuộc tội cho con. Chúng con đã tạo ra cho mình nhiều điều vô nghĩa, nhưng Cha đã làm như vậy. Đặt Lời Chúa trước mặt tôi như một ngọn đuốc, và Chúa đã chạm đến trái tim tôi, để tôi có thể ghé thăm mọi công đức khác, ngoại trừ những công đức của Chúa Giêsu."

Calvin đã được giáo dục để làm linh mục. Khi mới mười hai tuổi, ông đã được bổ nhiệm vào chức vụ tuyên úy của một nhà thờ nhỏ, và được giám mục địa phương cắt tóc theo quy định của nhà thờ. Ông không được thánh hiến, cũng không hoàn thành nhiệm vụ của một linh mục, nhưng ông trở thành thành viên của hàng giáo sĩ, duy trì chức vụ của mình và nhận trợ cấp theo đó.

Giờ đây, cảm thấy rằng mình không bao giờ có thể trở thành linh mục, ông đã dành một thời gian để nghiên cứu luật pháp, nhưng cuối cùng lại từ bỏ mục đích này và quyết định cống hiến cuộc đời mình cho Tin Mừng. Tuy nhiên, anh ấy do dự về việc trở thành một nhà thuyết giáo trước công chúng. Bản chất anh là người nhút nhát và cảm thấy choáng ngợp trước trách nhiệm nghiêm túc của vị trí này, muốn cống hiến hết mình cho việc học. Tuy nhiên, lời kêu gọi nhiệt thành của bạn bè cuối cùng đã thành công trong việc nhận được sự đồng ý của anh. Ông nói: "Thật tuyệt vời khi một người có nguồn gốc khiêm tốn như vậy lại được tôn vinh lên phẩm giá cao cả như vậy".

Một cách thanh thản, Calvin bắt đầu công việc của mình và lời nói của ông giống như những giọt sương tươi mát rơi xuống trái đất. Anh ấy đã rời Paris và hiện đang ở một thị trấn tỉnh lẻ, dưới sự bảo vệ của Công chúa Margaret, người yêu mến phúc âm, đã mở rộng sự bảo vệ của ông đối với các đệ tử của mình. Calvin vẫn còn trẻ, tính tình hiền lành và khiêm tốn. Công việc của ông bắt đầu tại nhà của người dân. Được bao quanh bởi các thành viên trong gia đình, anh đọc Kinh thánh và mở ra những lễ thật về sự cứu rỗi cho người nghe. Những người nghe tin đã đem tin mừng đến cho người khác, và chẳng bao lâu sau, Thầy đi từ thành phố đến những thị trấn và làng mạc xa xôi nhất. Anh ta đã vào được cả lâu đài lẫn túp lều và tiếp tục đặt nền móng cho những nhà thờ làm chứng táo bạo cho sự thật.

Sau vài tháng, anh lại đến Paris. Có một sự phấn khích bất thường trong giới đàn ông biết chữ và có học thức. Việc nghiên cứu các ngôn ngữ cổ đã đưa con người đến với Kinh thánh, và nhiều người trước đây chưa hề rung động trước những lễ thật của nó giờ đây đã thảo luận về chúng một cách háo hức và thậm chí còn chiến đấu với những nhà vô địch của chủ nghĩa La Mã.

Calvin, mặc dù là một chiến binh khéo léo trong các lĩnh vực tranh cãi tôn giáo, nhưng lại có sứ mệnh phải hoàn thành cao hơn nhiều so với những nhà thần học ồn ào đó.

Tâm trí đàn ông đang hỗn loạn và đã đến lúc tiết lộ sự thật cho họ.

Trong khi các hội trường đại học tràn ngập tiếng ồn ào của các cuộc thảo luận thần học, thì Calvin đi từ nhà này sang nhà khác, mở Kinh thánh cho mọi người, kể cho họ nghe về Đấng Christ và Ngài bị đóng đinh.

Trong sự quan phòng của Chúa, Paris sẽ nhận được một lời mời khác để chấp nhận Phúc âm. Lời kêu gọi của Lefèvre và Farel bị từ chối, nhưng một lần nữa thông điệp lại được mọi tầng lớp ở thủ đô vĩ đại này lắng nghe. Nhà vua chịu ảnh hưởng

lợi ích chính trị, vẫn chưa ủng hộ La Mã chống lại cuộc Cải cách. Tuy nhiên, Margaret vẫn nuôi hy vọng rằng đạo Tin lành sẽ chiến thắng ở Pháp. Cô quyết tâm rằng đức tin Cải cách nên được rao giảng ở Paris. Trong thời gian nhà vua vắng mặt, ông đã ra lệnh cho một mục sư Tin lành đến thuyết giảng trong các nhà thờ của thành phố. Điều này bị các chức sắc của Giáo hoàng cấm, công chúa đã mở cửa cung điện. Một trong những hội trường được chuẩn bị làm nhà nguyện và người ta thông báo rằng hàng ngày, vào một thời điểm cụ thể, một bài giảng sẽ được giảng và các công dân thuộc mọi tầng lớp và hoàn cảnh đều được mời. Đám đông tụ tập để tham gia nghi lễ tôn giáo. Không chỉ nhà nguyện mà cả tiền sảnh và đại sảnh đều chật kín người. Hàng ngàn người tụ tập mỗi ngày -

quý tộc, chính khách, luật sư, thương gia và nghệ nhân. Nhà vua thay vì cấm các cuộc tụ họp này lại ra lệnh mở cửa hai nhà thờ ở Paris. Chưa bao giờ thành phố lại cảm động đến vậy trước Lời Chúa. Tinh thần sự sống từ Thiên đường dường như tỏa ra phúc lành cho con người. Sự tiết độ, trong sạch, trật tự và công việc đã thay thế cho sự say xỉn, trụy lạc, cãi vã và lừa dối.

Nhưng hệ thống phân cấp không hoạt động. Nhà vua vẫn từ chối can thiệp để ngăn chặn việc rao giảng, và những người theo chủ nghĩa giáo hoàng đã quay sang dân chúng. Không có phương tiện nào được dùng để đánh thức nỗi sợ hãi, thành kiến và sự cuồng tín của đám đông ngu dốt và mê tín. mù quáng khuất phục trước những người thầy giả của mình, Paris, giống như Jerusalem cổ đại, không biết thời gian cô đến thăm cũng như những thứ thuộc về sự bình yên của cô. Trong hai năm Lời Chúa đã được rao giảng ở thủ đô; nhưng mặc dù có nhiều người chấp nhận phúc âm nhưng hầu hết mọi người đều từ chối nó.

Francis đã thể hiện sự khoan dung chỉ để phục vụ mục đích riêng của mình, và những người theo chủ nghĩa Giáo hoàng đã có thể lấy lại quyền lực của họ đối với quốc vương. Các nhà thờ lại đóng cửa và đốt lửa trại.

Calvin vẫn ở Paris, chuẩn bị tinh thần thông qua việc học tập, thiền định và cầu nguyện cho công việc tương lai của mình và tiếp tục truyền bá ánh sáng. Tuy nhiên, cuối cùng, sự nghi ngờ đã dấy lên đối với anh ta. Chính quyền quyết định kết án anh ta trong ngọn lửa. Tự cho rằng mình an toàn trong nơi ẩn náu, anh không hề biết đến mối nguy hiểm khi bạn bè vội vã chạy đến phòng anh với tin báo cảnh sát đang tới bắt anh. Đúng lúc đó, có tiếng gõ lớn ở cửa ngoài.

Không có một khoảnh khắc nào để lưỡng lự. Một số người bạn chặn các sĩ quan ở cửa, trong khi những người khác giúp nhà cải cách đi xuống qua một trong các cửa sổ, và anh ta nhanh chóng chạy trốn đến vùng ngoại ô thành phố. Tìm nơi trú ẩn trong túp lều của một người bạn công nhân theo phong trào Cải cách, Calvin cải trang trong chiếc áo choàng của chủ nhà và vác một chiếc cuốc trên vai, bắt đầu cuộc hành trình của mình. Đi về phía nam, anh lại tìm thấy nơi trú ẩn trong lãnh địa của Margaret.

Trong vài tháng, nhà cải cách vẫn ở đó an toàn, dưới sự bảo vệ của những người bạn quyền lực và chuyên tâm học tập như trước. Nhưng tấm lòng của ông đã quyết tâm truyền giáo cho nước Pháp, và ông không thể ngừng hoạt động lâu được. Ngay khi cơn bão dịu đi, Calvin đã tìm kiếm một lĩnh vực công việc mới ở Poitiers, nơi có một trường đại học và nơi những ý kiến mới đã được đón nhận nồng nhiệt. Mọi người thuộc mọi tầng lớp đều vui vẻ nghe phúc âm. Không có sự rao giảng công khai, nhưng trong nhà của quan tòa, trong phòng riêng của ông, và đôi khi trong một khu vườn công cộng, Calvin đã giảng giải những lời về sự sống đời đời cho những ai muốn nghe. Sau một thời gian, khi số lượng thính giả tăng lên, người ta cho rằng tụ tập bên ngoài thành phố sẽ an toàn hơn. Một hang động được chọn làm điểm hẹn bên cạnh một hẻm núi sâu và hẹp, nơi có cây cối và đá nổi bật khiến sự cô lập càng thêm trọn vẹn. Các nhóm nhỏ rời thành phố dọc theo những con đường khác nhau hướng về nơi đó. Ở nơi biệt lập này, Kinh thánh đã được đọc và giải thích. Bữa tối lần đầu tiên được tổ chức ở đó.

của Chúa bởi những người theo đạo Tin lành ở Pháp. Từ hội thánh nhỏ bé này, nhiều nhà truyền giáo trung thành được phái đi làm việc.

Một lần nữa Calvin trở lại Paris. Ngay cả khi đó ông vẫn không thể từ bỏ hy vọng rằng nước Pháp, với tư cách là một quốc gia, sẽ chấp nhận cuộc Cải cách. Tuy nhiên, hầu như tất cả các cửa làm việc đều đóng kín. Việc giảng dạy phúc âm là đi thẳng vào lửa. Cuối cùng anh quyết định sang Đức. Anh ta vừa rời khỏi nước Pháp thì cơn bão ập đến với những người theo đạo Tin lành, điều mà nếu anh ta vẫn ở trong nước, chắc chắn sẽ khiến nước này bị hủy hoại chung.

Các nhà cải cách người Pháp, lo lắng muốn thấy đất nước của họ bắt kịp Đức và Thụy Sĩ, đã quyết định giáng một đòn nặng nề vào những mê tín của La Mã, điều sẽ đánh thức cả dân tộc. Vì vậy, các áp phích chống quần chúng đã được phân phát khắp nước Pháp. Thay vì thúc đẩy sự tiến bộ của Phong trào Cải cách, phong trào nhiệt thành nhưng không đúng lúc này đã gây ra sự hủy hoại không chỉ cho những người tuyên truyền mà còn cho những người bạn theo đạo Cải cách trên khắp nước Pháp. Ông đã trao cho những người theo chủ nghĩa La Mã điều mà họ mong muốn từ lâu - một cái cớ để kêu gọi tiêu diệt hoàn toàn những kẻ dị giáo như những kẻ kích động nguy hiểm cho sự ổn định của ngai vàng và hòa bình của đất nước.

Bởi một bàn tay giấu mặt nào đó - dù là của một người bạn bất cần hay của một kẻ thù xảo quyệt, người ta chưa bao giờ biết đến - một trong những tấm áp phích đã được dán trên cửa phòng riêng của nhà vua. Vương gia tràn ngập kinh hãi. Trong vai trò đó, những điều mê tín vốn được tôn kính trong nhiều thế kỷ đã bị tấn công gay gắt. Và sự táo bạo chưa từng có khi đưa ra những tuyên bố trực tiếp và đáng sợ này trước sự chứng kiến của hoàng gia đã làm dấy lên cơn thịnh nộ của nhà vua. Trong sự kinh ngạc của mình, nhà vua run rẩy và không nói nên lời một lúc lâu.

Sau đó, cơn thịnh nộ của ông được thể hiện qua những lời khùng khiếp này: "Hãy bắt tất cả họ và để chủ nghĩa Lutheran bị tiêu diệt hoàn toàn." Cái chết đã được đức. Nhà vua đã hoàn toàn quyết định đứng về phía La Mã.

Các bước ngay lập tức được thực hiện để bắt giữ mọi người theo đạo Luther ở Paris. Một nghệ nhân nghèo, một tín đồ của đức tin cải cách, người đã quen với việc kêu gọi các tín đồ đến các cuộc họp bí mật, đã bị bắt và bị đe dọa tử hình ngay lập tức trên cọc, ông buộc phải dẫn sứ giả của Giáo hoàng đến nhà của mọi người theo đạo Tin lành trong thành phố. Anh ta kính hoàng trước lời đề nghị bản thủ, nhưng nỗi sợ hãi về ngọn lửa đã chiếm ưu thế và anh ta đồng ý phản bội những người anh em của mình. Đi trước chủ nhà và được bao quanh bởi đám rước gồm các linh mục, lưu hương, tu sĩ và binh lính, Morin, thám tử hoàng gia, cùng với kẻ phản bội, bước đi chậm rãi và im lặng qua các đường phố trong thành phố. Cuộc biểu tình đó bề ngoài là để tôn vinh "bí tích thánh", một hành động chuộc tội cho sự xúc phạm của những người theo đạo Tin lành đối với quần chúng. Nhưng bên dưới cuộc diễu hành đó là một mục đích chết người. Khi họ đến trước nhà một người theo đạo Lutheran, kẻ phản bội ra hiệu nhưng không nói lời nào. Cuộc rước dừng lại, ngôi nhà bị đột nhập, gia đình bị bắt và còng tay, cuộc rước kinh hoàng tiếp tục tìm kiếm những nạn nhân mới. "Không có ngôi nhà nào được tha, dù lớn hay nhỏ, và thậm chí cả các trường cao đẳng của Đại học Paris... Morin đã làm rung chuyển toàn bộ thành phố... Triều đại khủng bố đã bắt đầu."

Các nạn nhân bị giết bằng cách tra tấn dã man, với mệnh lệnh đặc biệt là giảm lửa để kéo dài sự đau đớn của họ. Nhưng những tín đồ này đã chết như những người chiến thắng. Sự thành tín của Ngài không thể lay chuyển và sự bình an của Ngài không bị xáo trộn. Những kẻ truy đuổi họ, bắt lạt trong việc di chuyển họ khỏi sự kiên định kiên cường của họ, cảm thấy bị đánh bại. "Giá treo cổ được phân phát khắp các vùng lân cận của Paris, và những đống lửa cháy trong nhiều ngày liên tiếp, nhằm mục đích truyền bá các cuộc hành quyết nhằm thúc đẩy sự khùng bó của tà giáo. Tuy nhiên, lợi thế vẫn thuộc về phúc âm. Toàn bộ Paris đã có thể nhìn thấy những gì ý kiến mới đã tạo ra loại người nào. Không có bụi giảng như trên cọc tử đạo. Niềm vui thanh thản rạng ngời trên khuôn mặt của những người đó khi họ bước đến nơi hành hình; sự anh hùng của họ giữa ngọn lửa tàn khốc; sự hiền lành của họ

tha thứ cho những vết thương, họ đã biến sự giận dữ thành thương hại ở nhiều người và hận thù thành tình yêu, cầu xin Phúc âm bằng tài hùng biện không thể cưỡng lại được.”

Các linh mục, muốn giữ cho sự giận dữ của quần chúng luôn bùng cháy, đã thúc đẩy việc phổ biến những cáo buộc khủng khiếp nhất chống lại những người theo đạo Tin lành. Họ bị buộc tội âm mưu tàn sát người Công giáo, gây ra sự sụp đổ của chính quyền và ám sát nhà vua. Không một chút bằng chứng nào được thêm vào để chứng minh cho các cáo buộc. Tuy nhiên, những lời tiên tri về cái ác này sẽ được ứng nghiệm, trong những hoàn cảnh rất khác nhau và vì những nguyên nhân có tính chất trái ngược. Những sự tàn ác mà người Công giáo gây ra cho những người theo đạo Tin lành vô tội, đã tích lũy rất nhiều quả báo, và nhiều thế kỷ sau, đã tạo ra sự diệt vong tương tự mà họ đã dự đoán sắp xảy ra với nhà vua, chính phủ và thần dân của ông.

Những điều này được tạo ra bởi những kẻ ngoại đạo và chính những người theo chủ nghĩa giáo hoàng. Không phải đạo Tin lành được thành lập mà là việc loại bỏ nó, ba thế kỷ sau, đã mang đến cho nước Pháp những tai họa khủng khiếp này.

Sự nghi ngờ, ngờ vực và khủng bố giờ đây tràn ngập mọi tầng lớp trong xã hội. Trong bối cảnh báo động chung, người ta thấy rằng lời dạy của Luther đã tác động sâu sắc đến tâm trí của những người đàn ông nổi tiếng nhất về trình độ học vấn, tầm ảnh hưởng và tính cách xuất sắc. Những vị trí được tin nhiệm và danh dự bỗng chốc bị bỏ trống. Thợ thủ công, thợ in, sinh viên, giáo sư đại học, tác giả và thậm chí cả cận thần đều biến mất. Hàng trăm người đã trốn khỏi Paris, tự nguyện lưu vong khỏi quê hương, do đó, trong nhiều trường hợp, đã đưa ra thông báo đầu tiên rằng họ chấp nhận đức tin Cải cách. Những người viết sách kinh ngạc nhìn quanh khi nghĩ rằng những kẻ dị giáo không bị nghi ngờ đã được dung túng trong số họ. Cơ thịnh nộ của anh ta chuyển hướng sang vô số nạn nhân khiếm tốn hơn trong tầm tay của anh ta. Các nhà tù trở nên quá đông đúc, và không khí dường như bị che phủ bởi làn khói của những ngọn lửa rực cháy, thấp sáng cho những người tuyên xưng phúc âm.

Francis I đã tự hào là người lãnh đạo phong trào vĩ đại phục hưng kiến thức đánh dấu sự khởi đầu của thế kỷ 16. Ông rất vui mừng được tập hợp tại triều đình của mình những thư từ từ tất cả các nước. Tình yêu tri thức và sự khinh thường của ông đối với sự ngu dốt và mê tín của các tu sĩ, ít nhất một phần là do mức độ khoan dung dành cho phong trào Cải cách. Nhưng, được khích lệ bởi lòng nhiệt thành tràn ngập tà giáo, người bảo trợ tri thức này đã ban hành một sắc lệnh tuyên bố bãi bỏ báo chí trên toàn nước Pháp! Đức Phanxicô I trình bày một trong nhiều ví dụ được ghi lại cho thấy rằng văn hóa trí tuệ không phải là biện pháp bảo vệ chống lại sự bất khoan dung và đàn áp tôn giáo.

Thông qua một buổi lễ công khai long trọng, nước Pháp đã cam kết hoàn toàn tiêu diệt đạo Tin lành. Các linh mục yêu cầu sự xúc phạm đến Thượng đế, với sự lên án của quần chúng, phải được chuộc bằng máu, và nhà vua, vì lợi ích của người dân của mình, đã công khai trừng phạt hành động khủng khiếp đó.

Ngày 21 tháng 1 năm 1535 được ấn định cho buổi lễ kinh hoàng. Nỗi sợ hãi mê tín và lòng hận thù cuồng tín của cả dân tộc đã dấy lên. Paris tràn ngập những đám đông đến từ tất cả các vùng lân cận, đổ ra đường. Ngày phải bắt đầu bằng một cuộc rước kiệu rộng lớn và hoành tráng. “Đọc đường đi, những ngôi nhà treo rèm tang thương. Vào những khoảng thời gian nhất định, các bàn thờ được dựng lên” và trước mỗi cánh cửa có một ngọn đuốc được thắp sáng để tôn vinh “bí tích thánh”. Trước bình minh, cuộc rước diễn ra trong cung điện của nhà vua.

Sau thánh giá và cờ của các giáo xứ là người dân từng đôi đi bộ và mang theo đuốc. Bốn dòng tu sĩ đi theo trong trang phục đặc biệt của họ. Sau đó là một bộ sưu tập lớn các di tích nổi tiếng. Sau đó cưỡi những giáo sĩ cao quý trong bộ áo choàng màu tím và đỏ tươi và trang sức bằng đá quý, một sự phô trương rực rỡ và rực rỡ.

Chủ tiệc được Giám mục Paris khiêng dưới bầu trời di động lộng lẫy, được chở bởi bốn hoàng tử cấp cao. Theo sau họ là nhà vua, không có vương miện và áo choàng hoàng gia, đầu cúi xuống và không che đầu, tay cầm một ngọn nến mỏng. Như vậy, Vua nước Pháp xuất hiện công khai trong sự sỉ nhục, không phải vì những thói xấu làm ô uế tâm hồn ông hay vì máu vô tội vấy bẩn bàn tay ông, mà vì tội trọng của thần dân đã dám lên án quần chúng. Ngay sau ông là hoàng hậu và các quan chức nhà nước cũng đi từng đôi một, mỗi người cầm một ngọn đuốc thấp sáng.

Là một phần của chương trình nghị sự trong ngày, đích thân nhà vua đã phát biểu trước các quan chức cấp cao của vương quốc, tại sảnh chính của cung điện giám mục. Với vẻ mặt buồn bã, ông xuất hiện trước mặt họ và với những lời lẽ hùng hồn cảm động, ông bày tỏ sự tiếc nuối về "tội ác, sự báng bổ, ngày đau buồn và ô nhục" đã xảy ra với đất nước. Và ông kêu gọi mọi thần dân trung thành giúp đỡ trong việc loại bỏ tà giáo sâu bệnh đang đe dọa hủy hoại nước Pháp. "Thưa các ngài, tôi thực sự là vua của các ngài," ông nói, "nếu tôi biết rằng một trong các chi của tôi bị vấy bẩn hoặc ô nhiễm bởi sự thói nát ghê tởm này, tôi sẽ giao nó cho các ngài để cắt bỏ. Hơn nữa, nếu tôi nhìn thấy một trong những đứa con của tôi bị nhiễm bệnh, tôi sẽ không tha cho nó... chính tôi sẽ giao nó và hiến tế nó cho Chúa." Nước mắt làm nghẹn giọng ông và toàn thể cộng đoàn cùng khóc, đồng thanh kêu lên: "Chúng tôi sẽ sống chết vì đạo Công giáo!"

Bóng tối của quốc gia từng chối bỏ ánh sáng sự thật trở nên khủng khiếp. "Ân sủng mang lại sự cứu rỗi" đã được thể hiện, nhưng nước Pháp, sau khi chiêm ngưỡng sức mạnh và sự thánh thiện của nó, sau khi hàng ngàn người bị vẻ đẹp thần thánh của nó thu hút, sau khi các thành phố và ngôi làng nhỏ được chiếu sáng bởi ánh hào quang của nó, đã từ chối nó. ánh sáng. Họ đã từ chối món quà thiên thượng khi nó được trao cho họ. Họ đã gọi thiện là ác và ác là tốt, cho đến khi họ trở thành nạn nhân của sự lừa dối của chính mình. Giờ đây, mặc dù họ thực sự tin rằng họ đang phục vụ Chúa bằng cách bắt bớ dân Ngài, nhưng sự chân thành của họ không khiến họ trở nên vô tội. Ánh sáng lẽ ra có thể cứu họ khỏi sự lừa dối làm ô nhiễm linh hồn họ bằng tội ác máu, họ đã tự ý từ chối.

Lời thề long trọng nhằm tiêu diệt tà giáo được thực hiện tại nhà thờ lớn, nơi mà khoảng ba thế kỷ sau, "Nữ thần Lý trí" sẽ được tôn vinh bởi một quốc gia đã quên mất Thiên Chúa hàng sống. Một lần nữa đoàn rước lại được thành lập và các đại diện của Pháp rời đi để bắt đầu công việc mà họ đã thề sẽ làm. Định kỳ dọc theo tuyến đường trở về của đám rước đã được dựng lên để hành quyết những kẻ dị giáo, và theo kế hoạch, khi nhà vua đến gần, lửa trại sẽ được đốt lên để ông có thể chiêm ngưỡng cảnh tượng khủng khiếp.

Những chi tiết về sự tra tấn mà những nhân chứng của Chúa Kitô phải chịu đựng thật quá sốc để kể lại. Về phía các nạn nhân không hề có sự do dự. Khi được yêu cầu rút lại, một trong những người bị kết án đã trả lời: "Tôi chỉ tin vào những gì các nhà tiên tri và các sứ đồ đã rao giảng trước đây, và những gì mà tất cả các vị thánh đã tin. Đức tin của tôi có một niềm tin vào Thiên Chúa sẽ chống lại mọi quyền lực của địa ngục."

Nhiều lần đoàn rước dừng lại ở những nơi bị tra tấn. Sau khi trở về điểm xuất phát, cung điện hoàng gia, đám đông giải tán và nhà vua cùng các quan chức trở về nhà, rất hài lòng với những sự kiện xảy ra ngày hôm đó và tự chúc mừng rằng công việc vừa mới bắt đầu sẽ tiếp tục cho đến khi tà giáo bị tiêu diệt hoàn toàn.

Phúc âm hòa bình mà Pháp đã bác bỏ sẽ bị xóa bỏ một cách hiệu quả, và kết quả sẽ là khủng khiếp. Vào ngày 21 tháng 1 năm 1793, hai trăm năm mươi tám năm kể từ ngày Pháp cam kết

Khi cuộc đàn áp những người cải cách hoàn toàn chấm dứt, một cuộc rước khác, với mục đích rất khác, đã băng qua đường phố Paris. "Một lần nữa, nhà vua lại là nhân vật chính, lại có những cuộc bạo loạn và náo động. Lại có tiếng kêu cứu thêm nhiều nạn nhân.

Một lần nữa những giá treo cổ màu đen lại được dựng lên, và một lần nữa những cảnh tượng thường nhật lại kết thúc bằng những cuộc hành quyết khủng khiếp. Louis XVI, đang chiến đấu với những người cai ngục và đao phủ, bị kéo lên đoạn đầu đài và bị giữ ở đó bằng vũ lực cho đến khi bị một nhát rìu và cái đầu bị chặt của ông rơi xuống bệ. "Nhà vua không phải là nạn nhân duy nhất. Gần nơi ở của Sau khi bị hành quyết, hai nghìn tám trăm người đã bị máy chém giết chết trong những ngày đẫm máu của triều đại khủng bố.

Cuộc Cải cách đã giới thiệu Kinh thánh mở cho thế giới, tiết lộ những giới luật của luật pháp Thiên Chúa và nhấn mạnh vào những tuyên bố của nó liên quan đến lương tâm con người. Tình yêu vô hạn đã bày tỏ trước mắt con người những luật lệ và nguyên tắc của Thiên đàng, Thiên Chúa đã phán: "Vậy hãy tuân giữ và thực hành chúng, vì đây sẽ là sự khôn ngoan và hiểu biết của con trước mắt thiên hạ, những người sẽ nghe tất cả những luật lệ này và họ sẽ làm theo. nói: Những vĩ nhân này chỉ là những người khôn ngoan và hiểu biết." (Phục truyền 4:6). Khi nước Pháp từ chối món quà của Thiên đàng, nó đã gieo mầm mống của tình trạng hỗn loạn và hủy hoại, và sự vận hành không thể sai lầm của luật nhân quả đã dẫn đến Cách mạng và Triều đại Khủng bố.

Rất lâu trước cuộc đàn áp do các quảng cáo gây ra, Farel dũng cảm và nhiệt thành đã buộc phải chạy trốn khỏi quê hương. Ông đã đến Thụy Sĩ và thông qua công việc vất vả của mình để hỗ trợ công việc của Zwingli, ông đã giúp tạo ra sự cân bằng có lợi cho cuộc Cải cách. Những năm cuối đời của ông đã sống ở đất nước đó, nhưng ông vẫn tiếp tục gây ảnh hưởng quyết định đến cuộc Cải cách ở Pháp. Trong những năm đầu tiên sống lưu vong, nỗ lực của ông đặc biệt tập trung vào việc truyền bá phúc âm tại quê hương của mình. Ông đã dành thời gian đáng kể để thuyết giảng cho những người đồng hương sống ở khu vực gần biên giới, nơi ông luôn cảnh giác không mệt mỏi theo dõi cuộc xung đột và đưa ra những lời động viên và lời khuyên để hỗ trợ. Với sự hỗ trợ của những người lưu vong khác, các tác phẩm của các nhà cải cách người Đức đã được dịch sang tiếng Pháp và cùng với Kinh thánh Gallic, được in với số lượng lớn.

Thông qua hoạt động của những người phân phát sách, những tác phẩm này đã được bán rộng rãi ở Pháp. Chúng được cung cấp cho những người phân phát sách với giá thấp, và do đó lợi nhuận từ việc bán hàng giúp họ tiếp tục công việc.

Farel bắt đầu công việc của mình ở Thụy Sĩ dưới vỏ bọc khiêm tốn là một giáo viên tiểu học. Đến một giáo xứ biệt lập, ngài tận tâm giáo dục trẻ em. Ngoài những môn học thông thường, ông còn thận trọng giới thiệu những chân lý trong Kinh thánh với hy vọng đến được với các bậc cha mẹ thông qua con cái. Có một số người tin nhưng các thầy tế lễ đã can thiệp ngăn cản công việc, dân quê mê tín nổi lên chống đối. "Đây không thể là phúc âm của Chúa Kitô," các linh mục nhấn mạnh, "vì việc rao giảng của nó không mang lại hòa bình mà là chiến tranh." Tương tự như các môn đệ đầu tiên, khi bị bách hại ở thành phố này, Ngài trốn sang thành phố khác. Từ làng này sang làng khác, từ thành phố này sang thành phố khác, Farel đi bộ, chịu đựng cái đói, cái lạnh và sự mệt mỏi, khắp nơi đều nguy hiểm đến tính mạng. Ông thuyết giảng ở các khu chợ, nhà thờ và đôi khi trên bục giảng của các thánh đường. Có những lúc, tôi thấy nhà thờ vắng người nghe; những lần khác, bài giảng của ông bị gián đoạn bởi những tiếng la hét và chế nhạo. Và một lần nữa anh ta lại bị giật ra khỏi bục giảng một cách thô bạo. Đã hơn một lần anh bị đám đông tóm lấy và đánh gần chết. Dù thường xuyên bị đẩy lùi nhưng anh vẫn quay lại tấn công với sự kiên trì không mệt mỏi. Và, hết lần này đến lần khác, ông quan sát thấy các thị trấn và thành phố từng là thành trì của giáo hoàng đã mở cửa đón nhận phúc âm. Giáo xứ nhỏ mà trước đây ông từng làm việc đã sớm chấp nhận đức tin Cải cách. Các thành phố Morat và Neuchatel cũng từ bỏ các nghi lễ La Mã và loại bỏ các hình ảnh thờ thần tượng khỏi nhà thờ của họ.

Farel từ lâu đã muốn thực hiện tiêu chuẩn sống theo đạo Tin lành ở Geneva. Nếu thành phố này có thể bị chinh phục, nó sẽ là trung tâm Cải cách ở Pháp, Thụy Sĩ và Ý. Với mục tiêu này, ông tiếp tục công việc của mình cho đến khi nhiều thành phố và làng mạc xung quanh bị chinh phục. Sau đó, cùng với một người bạn, anh ấy vào Geneva. Ông chỉ được phép giảng hai bài giảng. Các linh mục, đã nỗ lực vô ích để khiến chính quyền dân sự lên án ông, đã triệu tập ông đến trình diện trước một hội đồng giáo hội. Họ đến đó với vũ khí giấu dưới quần áo, quyết tâm giết anh. Bên ngoài hội trường, một đám đông giận dữ đã tụ tập, mang theo dùi cui và kiếm, để đảm bảo rằng Farel sẽ bị giết nếu trốn thoát khỏi hội đồng. Tuy nhiên, sự hiện diện của các quan tòa và lực lượng vũ trang đã cứu anh ta. Sáng sớm hôm sau, anh và người bạn đồng hành được dẫn qua hồ đến nơi an toàn. Như vậy đã kết thúc nỗ lực đầu tiên của ông trong việc truyền giáo ở Geneva.

Đối với thí nghiệm tiếp theo, một nhạc cụ còn khiêm tốn hơn đã được chọn, một thanh niên có vẻ ngoài ôn hòa đến mức ngay cả những người bạn theo phong trào Cải cách cũng đối xử lạnh lùng. Nhưng anh có thể làm gì khi Farel bị từ chối? Làm sao một người có chút can đảm và kinh nghiệm có thể chống chọi được với cơn bão mà trước đó những người mạnh mẽ và dũng cảm nhất đã buộc phải chạy trốn? Chúa phán: "Không phải bởi sức mạnh hay quyền năng, nhưng bởi Thánh Linh của Ta". (Xa 4:6). "Thiên Chúa đã chọn những gì yếu đuối ở thế gian này để làm khuất phục những gì mạnh mẽ." "Vì sự ngu xuẩn của Đức Chúa Trời còn khôn ngoan hơn loài người, và sự yếu đuối của Đức Chúa Trời mạnh hơn loài người". (I Cô-rinh-tô 1:27 và 25).

Froment bắt đầu công việc của mình với tư cách là một giáo viên tiểu học. Những chân lý ông dạy bọn trẻ ở trường được chúng lặp lại ở nhà. Chẳng bao lâu sau, các bậc phụ huynh đến nghe giải thích Kinh Thánh cho đến khi lớp học đầy ắp những người chăm chú lắng nghe. Các bản sao của Tân Ước và các tờ chuyên đề đã được phân phát rộng rãi và đến tay nhiều người không dám công khai lắng nghe các giáo lý mới. Sau một thời gian, nhà truyền giáo này cũng buộc phải chạy trốn, nhưng những lễ thật ông dạy đã chiếm lĩnh tâm trí mọi người. Cuộc Cải cách đã được thực hiện và tiếp tục được củng cố và mở rộng. Các nhà truyền giáo quay trở lại, và nhờ công sức của họ, việc thờ phượng Tin lành cuối cùng đã được thành lập ở Geneva.

Thành phố đã tuyên bố tham gia cuộc Cải cách khi Calvin, sau nhiều cuộc lang thang và đau khổ, đã đi qua các cổng của nó. Trở về sau chuyến thăm quê hương lần cuối, anh đang trên đường đến Basel thì tìm thấy một con đường trực tiếp bị quân đội của Charles V chiếm đóng, anh buộc phải đi một con đường vòng qua Geneva.

Farel đã nhận ra bàn tay của Chúa trong chuyến viếng thăm này. Mặc dù Geneva đã chấp nhận đức tin Cải cách, nhưng vẫn còn một công việc lớn lao phải được thực hiện ở đó. Con người không trở lại với Chúa với tư cách là cộng đồng mà là với tư cách cá nhân. Công việc tái sinh phải được thực hiện trong trái tim và lương tâm bởi quyền năng của Chúa Thánh Thần, chứ không phải bởi các sắc lệnh của hội đồng. Mặc dù người dân Geneva đã bác bỏ quyền lực của Rome, nhưng họ vẫn chưa sẵn sàng từ bỏ những tệ nạn đã phát triển mạnh mẽ dưới sự cai trị của nó. Để thiết lập ở đó những nguyên tắc thuần túy của phúc âm, và chuẩn bị cho những người này đảm nhận một cách xứng đáng vị trí mà Chúa Quan phòng dường như đã kêu gọi họ, không phải là một nhiệm vụ dễ dàng.

Farel tin tưởng rằng anh đã tìm thấy ở Calvino một người mà anh có thể hợp tác trong công việc này. Nhân danh Chúa, ông long trọng và ngay lập tức cầu xin nhà truyền giáo trẻ ở lại đó và làm việc. Calvino sợ hãi lùi lại. Nhút nhát và yêu chuộng hòa bình, anh ngại tiếp xúc với tinh thần táo bạo, độc lập và thậm chí bạo lực của người Genevan đó. Sự tinh tế của sức khỏe, cùng với thói quen học tập của bạn,

khiến anh ta phải tìm cách rút lui. Tin rằng qua ngòi bút của mình, ông có thể phục vụ tốt hơn cho sự nghiệp cải cách, ông muốn tìm một nơi ẩn dật im lặng và ở đó, thông qua báo chí, hướng dẫn và gây dựng các nhà thờ. Tuy nhiên, lời khuyên răn trịnh trọng của Farel đến với anh như một lời kêu gọi trực tiếp từ Thiên đường, và anh không dám từ chối. Anh ấy nói: "Đối với tôi, dường như bàn tay của Chúa đã từ trên trời đưa ra và nắm lấy anh ấy, cố định anh ấy vào đúng nơi mà anh ấy nóng lòng muốn rời đi".

Vào thời điểm đó, những mối nguy hiểm lớn bao quanh chính nghĩa Tin Lành. Lời nguyện rửa của Giáo hoàng vang dội chống lại Geneva, và các quốc gia hùng mạnh đe dọa hủy diệt thành phố này. Làm thế nào thành phố nhỏ này có thể chống lại hệ thống phân cấp quyền lực thường xuyên buộc các vị vua và hoàng đế phải phục tùng? Làm sao cô có thể đối mặt với quân đội của những kẻ chinh phục vĩ đại trên thế giới?

Trong suốt đạo Tin lành theo đạo Cơ-đốc bị đe dọa bởi những kẻ thù ghê gớm. Sau những chiến thắng đầu tiên của cuộc Cải cách, La Mã đã triệu tập các lực lượng mới với hy vọng mang lại sự hủy diệt. Vào thời điểm này, trật tự của Dòng Tên đã được thành lập, mệnh lệnh tàn ác, vô lương tâm và quyền lực nhất trong số tất cả các nhà vô địch của giáo hoàng. Bị tách biệt khỏi mọi ràng buộc trần thế và lợi ích của con người, đứng trước tiếng kêu của tình cảm tự nhiên, với toàn bộ lý trí và lương tâm bị chai sạn, họ không biết đến những quy tắc hay mối liên hệ nào khác ngoài những quy tắc hay mối liên hệ của chính hội; và không có nhiệm vụ nào khác ngoài việc mở rộng quyền lực của mình. Phúc âm của Chúa Kitô đã giúp những người theo Ngài đối mặt với nguy hiểm và can đảm chịu đựng đau khổ qua cái lạnh, đói khát, lao động vất vả và nghèo đói, để giương cao ngọn cờ chân lý trước sự tra tấn, ngục tối và cây cột. Để chống lại những thế lực này, Dòng Tên đã truyền cảm hứng cho những người theo mình bằng chủ nghĩa cuồng tín khiến họ có thể chịu đựng những nguy hiểm tương tự và chống lại sức mạnh của sự thật cũng như mọi vũ khí lửa đối. Đối với họ, không có tội ác nào lớn đến mức họ có thể phạm, không có sự lừa dối nào hèn hạ đến mức thực hiện, không có sự nguy trang nào khó giả định đến thế. Tuyên khấn vĩnh viễn sự nghèo khó và khiêm tốn, mục tiêu nghiên cứu của họ là đạt được sự giàu có và quyền lực để cống hiến hết mình cho việc tiêu diệt đạo Tin lành và tái lập quyền tối cao của giáo hoàng.

Khi xuất hiện với tư cách là thành viên trong dòng, họ mặc trang phục thánh thiện, viếng thăm các nhà tù và bệnh viện, chăm sóc người bệnh và người nghèo, tuyên bố từ bỏ thế gian và mang danh thánh Chúa Giêsu, Đấng đi khắp nơi làm điều thiện. Nhưng bên dưới vẻ ngoài ngây thơ này, những mục đích tội ác và chết người nhất đã được ẩn giấu. Nguyên tắc cơ bản của trật tự là mục đích biện minh cho phương tiện. Theo bộ luật này, việc nói dối, trộm cắp, khai man, giết người không những được tha thứ mà còn đáng khen ngợi khi chúng phục vụ lợi ích của nhà thờ. Ẩn mình dưới nhiều lớp vỏ khác nhau, họ chuẩn bị sẵn sàng cho các chức năng của nhà nước, vươn lên trở thành cố vấn cho các vị vua và định hình nền chính trị của các quốc gia. Họ trở thành người hầu để làm gián điệp cho chủ nhân. Họ thành lập trường học cho con cái của hoàng tử và quý tộc, và trường học cho dân thường. Và con cái của các bậc cha mẹ theo đạo Tin lành bị buộc phải tuân theo các nghi lễ của giáo hoàng. Tất cả sự hào hoa và phô trương bên ngoài của sự thờ phụng của người La Mã đều được trình bày nhằm mục đích làm rối trí tâm trí, mù quáng và quyến rũ trí tưởng tượng.

Như vậy, sự tự do mà cha mẹ đã chiến đấu và đổ máu để giành được đã bị con cái phản bội. Dòng Tên nhanh chóng lan rộng khắp châu Âu, và bất cứ nơi nào họ đến đều có sự phục hưng của chế độ giáo hoàng.

Để trao cho họ quyền lực lớn hơn, một con bò đực của Giáo hoàng đã được ban hành để tái lập Tòa án dị giáo. Bất chấp sự ghê tởm chung mà nó được coi là, ngay cả ở các nước Công giáo, tòa án hành quyết này một lần nữa được thành lập bởi các nhà lãnh đạo giáo hoàng, và sự tàn bạo, quá khủng khiếp đến mức không thể đưa ra ánh sáng, vẫn được lặp lại trong các ngục tối bí mật của nó. Ở nhiều quốc gia, hàng ngàn, hàng ngàn bông hoa của dân tộc, những người trong sáng và cao quý nhất, những người trí thức và có học thức cao nhất, ngoan đạo và

Những mục sư tận tụy, những công dân cần cù và yêu nước, những học giả lỗi lạc, những nghệ sĩ tài năng và những nghệ nhân lành nghề đã bị giết hoặc buộc phải chạy trốn sang những vùng đất khác.

Đó là những phương tiện mà La Mã đã sử dụng để dập tắt ánh sáng của cuộc Cải cách, tước bỏ Kinh thánh khỏi tay con người và khôi phục lại sự ngu dốt và mê tín của Thời kỳ Đen tối. Nhưng dưới sự ban phước của Đức Chúa Trời và công lao của những con người cao quý mà Ngài đã đẩy lên để kế vị Luther, đạo Tin lành đã không bị lật đổ. Không phải nhờ sự ưu ái hay vòng tay của các hoàng tử mà anh có được sức mạnh. Những quốc gia nhỏ nhất, những quốc gia khiêm tốn nhất và ít hùng mạnh nhất đã trở thành thành trì của ông. Đó là Geneva nhỏ bé, giữa những kẻ thù hùng mạnh nhất đang âm mưu hủy diệt nó; đó là Hà Lan với những bờ biển đầy cát dọc theo Biển Bắc, đang chiến đấu chống lại sự chuyên chế của Tây Ban Nha, quốc gia lớn nhất và giàu có nhất khi đó; chính Thụy Điển lạnh lùng và vô trùng đã đạt được những chiến thắng trong cuộc Cải cách.

Trong khoảng ba mươi năm, Calvin làm việc ở Geneva, đầu tiên là thành lập một nhà thờ ở đó tiếp nhận đạo đức của Kinh thánh, và sau đó thúc đẩy cuộc Cải cách trên khắp châu Âu. Hành vi của ông với tư cách là một nhà lãnh đạo công không phải là không có lỗi, cũng như các học thuyết của ông không có sai sót.

Nhưng ông đã có công trong việc ban hành những chân lý có tầm quan trọng đặc biệt vào thời đại của ông, trong việc duy trì các nguyên tắc của đạo Tin lành chống lại trào lưu nhanh chóng của chế độ giáo hoàng, và trong việc thúc đẩy cuộc sống giản dị và trong sạch trong các nhà thờ Cải cách, thay vì kiêu ngạo và tham nhũng. bởi sự giảng dạy của chủ nghĩa La Mã.

Từ Geneva, các ấn phẩm và giáo viên xuất hiện để phổ biến các học thuyết cải cách. Đến thời điểm này, những người bị đàn áp từ tất cả các quốc gia đã quay sang tìm kiếm sự hướng dẫn, lời khuyên và sự khích lệ. Thành phố của Calvin trở thành nơi ẩn náu cho những nhà cải cách bị đàn áp từ khắp Tây Âu. Chạy trốn những cơn bão khủng khiếp kéo dài hàng thế kỷ, những kẻ chạy trốn đã đến được cổng Geneva.

Đói khát, bị thương, mất nhà cửa và người thân, họ được đón tiếp một cách thân tình, vui vẻ và đối xử dịu dàng. Và tìm được một ngôi nhà ở đó, họ đã chúc phúc cho thành phố nơi họ nhận nuôi bằng kỹ năng, trí tuệ và lòng đạo đức của mình. Nhiều người tìm nơi ẩn náu ở đó đã trở về quê hương của họ để chống lại sự chuyên chế của La Mã. John Knox, nhà cải cách dũng cảm người Scotland, không ít người theo Thanh giáo ở Anh, những người theo đạo Tin lành ở Hà Lan và Tây Ban Nha, và những người theo đạo Huguenot ở Pháp, đã mang từ Geneva ngọn đuốc sự thật đến soi sáng bóng tối của quê hương họ.

Chương 13

Cuộc cải cách ở Hà Lan và Scandinavia

Ở Hà Lan, chế độ chuyên chế của giáo hoàng đã gây ra một làn sóng phản đối quyết liệt từ rất sớm. Bảy trăm năm trước thời Luther, vị giáo hoàng La Mã đã bị chỉ trích một cách không sợ hãi bởi hai giám mục, những người được cử đi sứ quán đến Rôma, đã biết rõ bản chất thực sự của "Tòa thánh". "Đức Chúa Trời đã biến nhà thờ thành nữ hoàng và vợ của Ngài, một sự cung cấp cao quý và vĩnh cửu cho gia đình Ngài, ban cho nhà thờ một cửa hồi môn không bị hư hỏng hay hư hỏng, đồng thời ban cho nhà thờ một vương miện và vương trượng vĩnh cửu. Mọi điều có lợi, bạn đều như kẻ trộm, ngăn chặn. Bạn ngồi trong đền thờ như Thượng đế. Thay vì là người chặn cửa, bạn đã trở thành sói đối với đàn cừu. Ông muốn chúng tôi tin rằng ông là giám mục tối cao, trong khi ông chẳng khác gì một tên bạo chúa... Dù phải là đầy tớ của đầy tớ, như ông tự gọi mình, nhưng ông âm mưu trở thành chúa tể của các lãnh chúa... Ông mang theo sự khinh thường dựa trên các điều răn của Đức Chúa Trời... Đức Thánh Linh là Đấng xây dựng tất cả các nhà thờ trên khắp trái đất... Thành phố của Đức Chúa Trời chúng ta, mà chúng ta là công dân, vươn tới tất cả các vùng trên trời và lớn hơn thành phố được gọi là Babylon bởi các nhà tiên tri thánh thiện, tự xưng là thần thánh và ngang hàng với Thiên đàng, và tự hào rằng trí tuệ của nó là bất tử. Và cuối cùng, mặc dù không có lý do, nhưng anh ấy nói rằng anh ấy chưa bao giờ phạm sai lầm và thậm chí không thể phạm sai lầm."

Những người khác đứng lên từ thế kỷ này sang thế kỷ khác để lặp lại cuộc phản kháng này. Và những người thầy đầu tiên đó, được biết đến với nhiều cái tên khác nhau và đã đi qua nhiều quốc gia khác nhau, mang đặc điểm của những nhà truyền giáo Waldensian, truyền bá kiến thức về phúc âm khắp nơi và thâm nhập vào Hà Lan. Học thuyết của ông lan truyền nhanh chóng. Họ đã dịch Kinh thánh Waldensian sang tiếng Hà Lan. Họ nói: "Có một lợi thế lớn trong đó. Nó không có những câu chuyện cười, ngụ ngôn, chuyện vặt, sai lầm, nhưng chứa đựng những lời lẽ thật. Quả thực, đây đó có một lớp vỏ cứng, nhưng ngay cả ở đó cũng có thể dễ dàng khám phá được bản chất và vị ngọt của những gì tốt lành và thánh thiện." Những người bạn có đức tin cổ xưa vào thế kỷ 12 đã viết như vậy.

Trong lúc đó, các cuộc đàn áp của người La Mã bắt đầu; nhưng giữa ngọn lửa và sự tra tấn, các tín đồ vẫn tiếp tục gia tăng, tuyên bố kiên quyết rằng Kinh thánh là cơ quan có thẩm quyền không thể sai lầm duy nhất trong các vấn đề tôn giáo, và rằng "không ai nên bị ép buộc phải tin mà phải chiến thắng bằng cách rao giảng."

Những lời dạy của Luther đã tìm thấy nền tảng thích hợp ở các Quốc gia Thấp, và những người đàn ông nhiệt thành và trung thành đã đứng lên rao giảng phúc âm. Menno Simons đến từ một trong những tỉnh của Hà Lan. Lớn lên như một người Công giáo La Mã và được thụ phong linh mục, ông hoàn toàn không biết gì về Kinh thánh và không muốn đọc nó vì sợ bị dụ dỗ vào tà giáo. Khi một mối nghi ngờ liên quan đến học thuyết biến thể đề nặng lên tâm trí anh, anh hiểu đó là một sự cám dỗ từ Satan và qua lời cầu nguyện và xưng tội, anh đã cố gắng loại bỏ nó, nhưng vô ích. Tham gia vào những cảnh ăn chơi trác táng, anh ra sức dập tắt tiếng nói tố cáo của lương tâm; tuy nhiên, không đạt được thành công.

Sau một thời gian, anh được dẫn đi nghiên cứu Tân Ước. Cuộc kiểm tra này cùng với các bài viết của Luther đã khiến ông chấp nhận đức tin Cải cách. Ngay sau đó, anh chứng kiến, tại một ngôi làng lân cận, cảnh chặt đầu một người đàn ông bị kết án vì tội rửa tội lại. Điều này khiến anh nghiên cứu Kinh Thánh về vấn đề rửa tội cho trẻ sơ sinh. Ông không tìm thấy bằng chứng nào trong Kinh thánh để biện minh cho điều đó, nhưng ông thấy rằng sự ăn năn và đức tin là tất cả những gì cần thiết để nhận phép báp têm.

Menno rời bỏ nhà thờ La Mã và cống hiến cuộc đời mình để giảng dạy những lẽ thật mà ông đã nhận được. Ở Đức và cả ở Hà Lan, một tầng lớp cuồng tín đã nổi lên để bảo vệ những học thuyết vô lý và nổi loạn, xúc phạm trật tự và lễ nghi, đồng thời gây ra bạo lực và nổi dậy. Menno đã nhìn thấy những kết quả tai hại mà phong trào này chắc chắn sẽ dẫn đến, và bằng tất cả sức lực của mình, ông phản đối những lời dạy sai lầm và những kế hoạch man rợ của những kẻ cuồng tín. Tuy nhiên, có nhiều người đã bị những kẻ cuồng tín này dẫn dắt lạc lối, nhưng họ đã từ bỏ những học thuyết độc hại của mình.

Vẫn còn nhiều hậu duệ của những người theo đạo Cơ đốc cổ đại, thành quả của giáo lý Waldensian. Menno đã làm việc giữa các tầng lớp này một cách hết sức nhiệt tình và thành công.

Trong hai mươi lăm năm, ông cùng vợ con đi du lịch, chịu đựng rất nhiều khó khăn, thiếu thốn và thường xuyên gặp nguy hiểm đến tính mạng. Ông đi qua Hà Lan và miền bắc nước Đức, chủ yếu làm việc trong tầng lớp khiêm tốn hơn, nhưng có ảnh hưởng sâu rộng. Vốn có tài hùng biện, tuy trình độ học vấn hạn chế, nhưng ông là người chính trực không thay đổi, tinh thần khiêm tốn và cách cư xử hòa nhã, chân thành và nhiệt thành, gương mẫu trong đời sống những giới luật mà ông đã dạy nên được mọi người tin tưởng. Những người theo ông bị phân tán và áp bức. Họ đau khổ rất nhiều vì bị nhầm lẫn với những tín đồ cuồng tín của Münster. Bất chấp mọi thứ, một số lượng lớn đã được cải đạo nhờ các tác phẩm của ông.

Không nơi nào các học thuyết Cải cách bị bác bỏ một cách tàn nhẫn hơn ở các Nước vùng Thấp. Ở một số quốc gia, những người ủng hộ ông đã phải chịu đựng sự đàn áp khủng khiếp như vậy. Ở Đức, Charles V đã đặt cuộc Cải cách ra ngoài vòng pháp luật và sẵn sàng thiêu rụi tất cả những người ủng hộ nó; nhưng các hoàng tử đã đứng lên làm rào cản chống lại sự chuyên chế của ông ta. Ở các nước vùng thấp, quyền lực của ông lớn hơn và các sắc lệnh đàn áp nối tiếp nhau nhanh chóng. Đọc Kinh thánh, nghe, giảng Kinh thánh hay thậm chí nói về Kinh thánh là phạm tội đáng chết trong lửa. Cầu nguyện Chúa một cách bí mật, không cúi đầu trước ảnh tượng hoặc hát thánh vịnh cũng bị trừng phạt bằng cái chết. Ngay cả những người từ bỏ những lỗi lầm được cho là của mình cũng bị lên án. Nếu là đàn ông, họ sẽ chết vì gươm; nếu là phụ nữ, họ sẽ bị chôn sống. Những người vẫn trung thành phải chịu hình phạt tương tự. Hàng ngàn người đã thiệt mạng dưới triều đại của Charles và Philip II.

Một lần nọ, cả một gia đình bị đưa ra trước tòa án dị giáo, bị buộc tội bỏ lễ và thờ cúng tại nhà. Trong quá trình điều tra các hành vi bí mật của mình, người con út trả lời: "Chúng tôi quỳ xuống và cầu nguyện rằng Chúa sẽ soi sáng tâm trí chúng tôi và tha thứ cho tội lỗi của chúng tôi. Chúng tôi cầu nguyện cho chủ quyền của chúng tôi, rằng vương quốc của ông ấy có thể thịnh vượng và cuộc sống của ông ấy hạnh phúc; chúng tôi các quan tòa của chúng tôi hãy cầu nguyện để Chúa có thể bảo vệ họ." Một số giám khảo vô cùng xúc động; tuy nhiên, người cha và một trong những người con trai đã bị kết án thiêu sống.

Cơn thịnh nộ của những kẻ bách hại tương xứng với đức tin của các vị tử đạo. Không chỉ nam giới, mà cả những quý cô, thiếu nữ thanh tú cũng thể hiện lòng dũng cảm kiên quyết. "Những người vợ đứng cạnh chồng bên đồng lửa, khi bị ngọn lửa thiêu rụi, họ thì thầm những lời an ủi hoặc hát thánh vịnh để khích lệ chồng. Các thiếu nữ nằm trong ngôi mộ sống của họ, như thể họ đang vào phòng để ngủ qua đêm. ; hoặc họ hướng tới giá treo cổ và ngọn lửa trong bộ quần áo đẹp nhất của họ, như thể họ đang đi dự đám cưới của chính mình."

Giống như vào thời mà tà giáo tìm cách tiêu diệt phúc âm, "máu của những người theo đạo Thiên Chúa là hạt giống". Cuộc đàn áp nhằm mục đích gia tăng số lượng nhân chứng cho sự thật. Năm này qua năm khác, vị vua bị dày vò đến phát điên trước ý chí kiên cường không thể khuất phục của nhân dân, kiên quyết thực hiện công việc tàn ác của mình nhưng vô ích. Dưới sự cao quý

William xứ Orange, cuộc Cách mạng cuối cùng đã mang lại cho Hà Lan quyền tự do thờ phượng Chúa.

Ở vùng núi Piedmont, trên đồng bằng nước Pháp và trên các bãi biển ở Hà Lan, sự tiến triển của phúc âm được đánh dấu bằng máu của các môn đồ. Nhưng ở các nước phía bắc nó đã tìm thấy sự xâm nhập hòa bình. Các sinh viên ở Wittenberg, trở về nhà, mang đức tin Cải cách đến Scandinavia. Việc xuất bản các tác phẩm của Luther cũng lan truyền ánh sáng. Những người dân giản dị, mạnh mẽ ở miền Bắc đã từ bỏ sự tham nhũng, hào hoa và mê tín của La Mã để đón nhận sự thuần khiết, giản dị và những lễ thật mang lại sự sống của Kinh thánh.

Tausen, "Nhà cải cách Đan Mạch", là con trai của một nông dân. Ngay từ khi còn nhỏ, cậu bé đã bộc lộ dấu hiệu trí tuệ mạnh mẽ; Tôi khao khát kiến thức; nhưng điều này đã bị từ chối đối với anh bởi những điều kiện mà cha mẹ anh gặp phải, và anh phải vào tu viện. Ở đó, lối sống trong sạch, cùng với sự siêng năng và trung thành của ngài đã được bề trên ưu ái. Một phân tích cho thấy anh ta có một tài năng hứa hẹn sẽ phục vụ tốt cho nhà thờ trong tương lai. Người ta quyết định rằng họ nên cho anh ta học tại một trong những trường đại học ở Đức hoặc Hà Lan. Cậu sinh viên trẻ được phép chọn trường cho mình với điều kiện đó không phải là trường Wittenberg. Không nên để giới học thuật tiếp xúc với chất độc dị giáo. Đó là điều các anh em đã nói.

Tausen đến thành phố Cologne, nơi mà ngày nay vẫn là một trong những pháo đài của chủ nghĩa La Mã. Ở đó, anh nhanh chóng trở nên chán ghét chủ nghĩa thần bí của các giáo viên.

Vào khoảng thời gian này, ông đã lấy được bản sao các bài viết của Luther.

Anh ấy đọc chúng với sự ngạc nhiên và thích thú, vô cùng mong muốn được nhận sự hướng dẫn cá nhân từ nhà cải cách. Nhưng để đạt được điều này, anh ta sẽ phải mạo hiểm xúc phạm bề trên tu viện của mình và mất đi sự ủng hộ của anh ta. Anh sớm đưa ra quyết định của mình và ngay sau đó đăng ký làm sinh viên tại Wittenberg.

Trở về Đan Mạch, ông trở lại tu viện của mình. Vào thời điểm hiện tại, không ai nghi ngờ rằng ông là người có cảm tình với Luther. Tausen không tiết lộ bí mật của mình, nhưng anh cố gắng, không khơi dậy thành kiến của những người bạn đồng hành, để dẫn dắt họ đến một đức tin trong sáng hơn và một cuộc sống thánh thiện hơn. Ông mở Kinh thánh cho họ và giải thích ý nghĩa thực sự của nó, cuối cùng rao giảng cho họ Đấng Christ là sự công bình của tội nhân và là hy vọng cứu rỗi duy nhất của họ. Cơ thịnh nộ của vị tiền nhiệm thật lớn, người đã đặt hy vọng phi thường vào Tausen với tư cách là một luật sư dũng cảm của Rome. Ngay lập tức, ông được chuyển từ tu viện này sang tu viện khác và bị giam trong phòng giam dưới sự giám sát chặt chẽ.

Trước sự kinh hoàng của những người giám hộ mới, nhiều tu sĩ đã sớm tuyên bố chuyển sang đạo Tin lành. Qua song sắt phòng giam, Tausen đã truyền đạt cho những người bạn đồng hành của mình kiến thức về sự thật. Nếu những linh mục Đan Mạch đó thành thạo trong kế hoạch của nhà thờ để đối phó với tà giáo thì tiếng nói của Tausen sẽ không bao giờ được nghe thấy nữa. Nhưng thay vì chôn anh ta trong ngục tối dưới lòng đất nào đó, họ đã trục xuất anh ta khỏi tu viện. Bây giờ họ đã bắt lục.

Một sắc lệnh hoàng gia được ban hành gần đây nhằm bảo vệ những người dạy học thuyết mới.

Tausen bắt đầu rao giảng. Các nhà thờ được mở cửa đón tiếp ông và dân chúng đổ xô đến nghe ông.

Những người khác cũng đang rao giảng Lời Chúa. Tân Ước, được dịch sang tiếng Đan Mạch, được lưu hành rộng rãi. Những nỗ lực của những người theo chủ nghĩa Giáo hoàng nhằm phá hủy tác phẩm đã dẫn đến sự mở rộng lớn nhất của nó và không lâu sau đó, Đan Mạch thú nhận đã chấp nhận cải cách.

Ở Thụy Điển cũng vậy, những chàng trai trẻ uống nước từ đài phun nước ở Wittenberg đã mang nguồn nước sự sống đến cho đồng hương của họ. Hai trong số những người lãnh đạo cuộc Cải cách Thụy Điển, Olaf và Laurentius Petri, con trai của một thợ rèn ở Orebro, đã học với Luther và Melancthon,

và những lễ thật mà họ đã học được thì họ đã siêng năng giảng dạy. Là nhà cải cách vĩ đại, Olaf đã thức tỉnh nhân dân bằng lòng nhiệt thành và tài hùng biện của mình, trong khi Laurentius, giống như Melanchthon, là một trí thức với tính tình điềm tĩnh và chín chắn. Cả hai đều là những người có lòng đạo đức nhiệt thành, có năng khiếu thần học sâu sắc và lòng can đảm kiên định trong việc phổ biến chân lý. Phe đối lập theo chủ nghĩa Giáo hoàng không thể vắng mặt. Các linh mục Công giáo đã kích động những người ngu dốt và mê tín. Olaf Petri thường xuyên bị đám đông cướp bóc và nhiều lần suýt thoát chết. Tuy nhiên, những nhà cải cách này lại được nhà vua sủng ái và bảo vệ. Dưới sự cai trị của Giáo hội Rome, người dân rơi vào cảnh nghèo đói và bị đè bẹp bởi sự áp bức. Bị tước đoạt Kinh Thánh, có một tôn giáo chỉ có những hình thức và nghi lễ không mang lại chút ánh sáng nào cho tâm trí, họ đang quay trở lại với những niềm tin và thực hành ngoại giáo mê tín của tổ tiên ngoại giáo của họ. Đất nước bị chia rẽ thành các phe phái tranh giành nhau, cuộc đấu tranh liên tục của họ càng làm tăng thêm sự khổ khổ cho mọi người. Nhà vua quyết tâm cải tổ nhà nước và nhà thờ, đồng thời vui vẻ tiếp nhận những trợ thủ đắc lực đó trong cuộc chiến chống lại La Mã.

Trước sự chứng kiến của quốc vương và những người đứng đầu Thụy Điển, Olaf Petri, với khả năng tuyệt vời, đã bảo vệ học thuyết về đức tin Cải cách trước những kẻ vô địch La Mã. Ông tuyên bố rằng những lời dạy của các giáo phụ chỉ được tiếp nhận khi chúng phù hợp với Kinh thánh; rằng các giáo lý thiết yếu của đức tin được trình bày rõ ràng và đơn giản trong Kinh thánh để mọi người đều có thể hiểu được. Chúa Kitô đã nói: "Giáo lý của tôi không phải của tôi mà là của Đấng đã sai tôi" (Ga 7:16); và Phao-lô tuyên bố rằng nếu ông rao giảng bất kỳ phúc âm nào khác với phúc âm ông đã nhận được thì ông sẽ bị nguyền rủa (Ga-la-ti 1:8). Nhà cải cách nói: "Vậy thì làm sao những người khác dám ban hành những giáo điều theo ý muốn của họ, áp đặt chúng như những điều cần thiết cho sự cứu rỗi?" Ông cho thấy các sắc lệnh của nhà thờ không có thẩm quyền khi đi ngược lại các điều răn của Đức Chúa Trời, và ông ủng hộ nguyên tắc vĩ đại của đạo Tin lành rằng "Kinh thánh và chỉ có Kinh thánh" mới là quy tắc của đức tin và thực hành.

Cuộc tranh luận này, mặc dù được tiến hành ở một giai đoạn tương đối mù mờ, nhưng nhằm "cho chúng ta thấy phẩm chất của những người đã hình thành nên giai cấp và cấp bậc của đội quân cải cách. Khi chú ý đến các trung tâm rực rỡ của Wittenberg và Zurich cũng như những tên tuổi lừng lẫy như Luther và Melanchthon, Zwingli và Oecolampadius, chúng ta có thể nghe rằng đây là những người lãnh đạo phong trào, nhưng cấp dưới thì không giống họ. Chà, chúng ta hãy quay sang nhà hát ít người biết đến của Thụy Điển và những cái tên khiêm tốn của Olaf và Laurentius Petri - từ bậc thầy đến đệ tử - chúng ta tìm thấy gì? Không phải những kẻ bút chiến dốt nát, bẽ phái và ồn ào; cách xa nó! Chúng tôi thấy những người đã nghiên cứu Lời Chúa và biết rất rõ cách sử dụng những vũ khí mà kho vũ khí trong Kinh thánh đã cung cấp cho họ. Các học giả và nhà thần học đã giành được chiến thắng dễ dàng trước những người nguy hiểm trong trường phái và các quan chức ở Rome."

Kết quả của cuộc tranh chấp này là nhà vua Thụy Điển đã chấp nhận đức tin Tin lành, và không lâu sau đó quốc hội đã tuyên bố ủng hộ ông. Tân Ước đã được Olaf Petri dịch sang tiếng Thụy Điển và để đáp lại mong muốn của nhà vua, hai anh em đã đảm nhận việc dịch toàn bộ Kinh thánh. Như vậy, lần đầu tiên người dân Thụy Điển đã đón nhận Lời Chúa bằng tiếng mẹ đẻ của mình. Quốc hội đã ra lệnh rằng các bộ trưởng trên toàn vương quốc phải giải thích Kinh thánh và dạy trẻ em trong trường học đọc Kinh thánh.

Bóng tối của sự ngu dốt và mê tín đã bị xua tan một cách chắc chắn và liên tục bởi ánh sáng phúc lành của phúc âm. Thoát khỏi sự áp bức của La Mã, quốc gia này đã đạt được sức mạnh và sự vĩ đại mà trước đây chưa từng đạt được. Thụy Điển trở thành một trong những thành trì của đạo Tin Lành. Một thế kỷ sau, trong thời điểm hết sức nguy hiểm, quốc gia nhỏ bé và cho đến nay vẫn còn yếu kém này là quốc gia duy nhất ở châu Âu dám đưa tay giúp đỡ để giải phóng thế giới.

Đức trong những cuộc đấu tranh khủng khiếp của Chiến tranh Ba mươi năm. Toàn bộ Bắc Âu dường như lại sắp rơi vào sự thống trị của La Mã. Chính quân đội Thụy Điển đã giúp Đức chống lại làn sóng thành công của giáo hoàng, giành được sự khoan dung đối với những người theo đạo Tin lành - những người theo chủ nghĩa Calvin và cả những người theo đạo Luther - và tái lập quyền tự do lương tâm ở những quốc gia đã chấp nhận Cải cách.

Chương 14

Các nhà cải cách tiếng Anh khác

(Tyndale, Latimer, Wishart, Knox, Cranmer và Ridley)

Trong khi Luther đang mở Kinh thánh cho người dân Đức, vốn vẫn bị đóng cửa cho đến lúc đó, Tyndale được Thánh Linh của Chúa thúc đẩy làm điều tương tự cho nước Anh. Kinh thánh của Wycliffe đã được dịch từ văn bản tiếng Latinh, có nhiều lỗi.

Nó chưa bao giờ được in và giá thành của các bản thảo cao đến mức chỉ một số người giàu có hoặc quý tộc mới có được chúng; Hơn nữa, bị nhà thờ nghiêm cấm nên Sách Thánh được phổ biến tương đối ít. Năm 1516, một năm trước khi luận đề của Luther xuất hiện, Erasmus đã xuất bản phiên bản Tân Ước Hy Lạp-Latin của mình. Bây giờ, lần đầu tiên Lời Chúa được in bằng ngôn ngữ gốc. Trong tác phẩm này, nhiều lỗi ở các phiên bản trước đã được sửa chữa, ý nghĩa được làm rõ hơn. Điều này khiến nhiều người trong tầng lớp có học thức hiểu biết rõ hơn về lẽ thật và tạo động lực mới cho công cuộc Cải cách. Nhưng phần lớn dân chúng vẫn bị ngăn cản tiếp nhận Lời Chúa. Tyndale phải hoàn thành công việc của Wycliffe trong việc tặng Kinh thánh cho những người đồng hương của mình.

Là một sinh viên siêng năng và nhiệt thành tìm kiếm lẽ thật, anh ấy đã nhận được phúc âm của Cựu ước Erasmus bằng tiếng Hy Lạp. Ông không sợ hãi rao giảng niềm tin của mình, nhắc lại rằng mọi giáo lý đều được Kinh thánh chứng minh. Trước tuyên bố của người Popish rằng nhà thờ đã ban cho Kinh thánh và chỉ có cô mới có thể giải thích được, Tyndale trả lời: "Bạn có biết ai đã dạy đại bàng tìm con mồi không? Đức Chúa Trời cũng dạy những đứa con đói khát của Ngài tìm thấy Cha trong Lời Ngài. đã cho chúng tôi Kinh Thánh, chính các ông đã giấu chúng tôi. Chính các ông đã đốt những người dạy chúng, và nếu có thể, các ông cũng đốt chính Kinh Thánh."

Lời rao giảng của Tyndale đã gây được sự chú ý lớn. Nhiều người đã chấp nhận sự thật. Nhưng các linh mục đã cảnh giác, và ngay khi ông vừa rời khỏi cánh đồng, họ đã cố gắng phá hủy công việc của ông bằng cách đe dọa và vu khống. Hết lần này đến lần khác họ đã thành công trong công việc của mình. Tyndale kêu lên: "Có thể làm gì được? Trong khi tôi gieo hạt ở một nơi, kẻ thù đã phá hủy cánh đồng mà tôi vừa rời đi. Tôi không thể có mặt ở khắp mọi nơi. Ôi! Nếu những người theo đạo Cơ đốc có Kinh thánh bằng ngôn ngữ riêng của họ thì có thể chính họ phản đối những kẻ nguy hiểm này. Không có Kinh thánh thì không thể xác định giáo dân trong lẽ thật."

Một mục đích mới sau đó chiếm hữu tâm trí của bạn. Ông nói: "Các bài thánh vịnh được hát trong đền thờ Đức Giê-hô-va bằng ngôn ngữ của Y-sơ-ra-ên; và liệu ngôn ngữ nước Anh có nói lên phúc âm giữa chúng ta không?... Nhà thờ có nên có ít ánh sáng vào buổi trưa hơn lúc bình minh không?... Những người theo đạo Cơ đốc nên đọc Tân Ước bằng tiếng mẹ đẻ của họ." Các bác sĩ và giáo viên của nhà thờ Chỉ qua Kinh thánh con người mới có thể đạt đến sự thật. "Người tin bác sĩ này, người khác tin bác sĩ kia... Bây giờ, mỗi tác giả này đều mâu thuẫn với nhau. Vậy làm thế nào chúng ta có thể biết điều này hay điều kia nói đúng hay sai?... Làm thế nào?... Chắc chắn là từ Lời Chúa."

Không lâu sau, một bác sĩ Công giáo uyên bác, gây tranh cãi với ông, đã thốt lên: "Thà chúng ta không có luật lệ của Chúa còn hơn là không có luật của Giáo hoàng." Tyndale trả lời: "Tôi bất chấp giáo hoàng và mọi luật lệ của ông ấy; và nếu Chúa tha mạng cho tôi, tôi sẽ sớm làm cho một cậu bé cầm cày biết nhiều Kinh thánh hơn bạn."

Mục đích mà Tyndale đã bắt đầu nuôi dưỡng là cung cấp cho mọi người Kinh thánh Tân Ước bằng ngôn ngữ của họ giờ đây đã được xác nhận và ông ngay lập tức cống hiến hết mình cho công việc đó. Bị đuổi khỏi nhà do bị đàn áp, anh đến London và tiếp tục công việc ở đó một thời gian mà không bị quấy rầy. Nhưng một lần nữa bạo lực của những người theo chủ nghĩa giáo hoàng đã buộc ông phải chạy trốn. Cả nước Anh dường như đang tập trung vào anh ta; nên anh quyết định tìm nơi trú ẩn ở Đức. Ở đó ông bắt đầu in Tân Ước bằng tiếng Anh. Hai lần công việc bị gián đoạn; nhưng khi bị cấm in ấn ở thành phố này, ông đã chuyển sang thành phố khác. Cuối cùng, anh đến Worms, nơi mà vài năm trước đó, Luther đã bảo vệ phúc âm trước Quốc hội. Ở thành phố cổ đó có nhiều bạn bè theo phong trào Cải cách, và Tyndale tiếp tục công việc của mình mà không gặp bất kỳ trở ngại nào. Ba nghìn bản Tân Ước nhanh chóng được hoàn thành và một ấn bản khác cũng được chuẩn bị trong cùng năm đó.

Với quyết tâm và sự kiên trì cao độ, anh tiếp tục công việc của mình. Mặc dù chính quyền Anh đặt các bẫy của họ dưới sự giám sát chặt chẽ nhất, nhưng Lời Chúa vẫn được bí mật mang đến London bằng nhiều cách khác nhau, và từ đó được lưu hành khắp đất nước. Những người theo chủ nghĩa giáo hoàng đã cố gắng che đậy sự thật nhưng vô ích. Giám mục của Durham từng mua toàn bộ kho Kinh thánh của một người bán sách là bạn của Tyndale, với mục đích tiêu hủy chúng, do đó được cho là sẽ cản trở rất nhiều đến công việc. Nhưng ngược lại, với số tiền được cung cấp như vậy, người ta đã mua được tài liệu để xuất bản mới và tốt hơn, nếu không thì sẽ không thể xuất bản được. Sau đó, khi Tyndale bị bắt, **anh ta** được trả tự do với điều kiện phải tiết lộ tên của những người đã giúp anh ta trang trải chi phí in Kinh thánh. Anh ta trả lời rằng Giám mục của Durham đã làm được nhiều việc hơn bất kỳ ai khác, vì bằng cách trả giá cao cho những cuốn sách mà ông ta sở hữu, ông ta đã giúp chúng tiến hành với tinh thần tốt.

Tyndale bị phản bội và giao vào tay kẻ thù, phải ngồi tù nhiều tháng. Cuối cùng, ông đã làm chứng cho đức tin của mình, chịu cái chết tử đạo; nhưng những vũ khí mà ông chuẩn bị đã giúp những người lính khác tiếp tục chiến đấu trong suốt nhiều thế kỷ, ngay cả trong thời đại của chúng ta.

Latimer lập luận trên bục giảng rằng Kinh thánh nên được đọc bằng ngôn ngữ của người dân. Nó nói: "Tác giả của Kinh thánh là chính Thiên Chúa và Kinh thánh này tham gia vào quyền năng và sự vĩnh cửu của Tác giả nó. Không có vua, hoàng đế, quan tòa hay thống đốc nào được miễn tuân theo nó. Chúng ta hãy cẩn thận với những con đường tắt trong truyền thống của con người, đầy đá, cây bụi và cây bị bật gốc. Chúng ta hãy đi theo con đường thẳng của Lời Chúa. Chúng ta không nên lo lắng về những gì cha mẹ đã làm mà thay vào đó là những gì họ đáng lẽ phải làm."

Barnes và Frith, những người bạn trung thành của Tyndale, đã đứng lên bảo vệ sự thật. Theo sau họ là nhà Ridley và Cranmer. Những người lãnh đạo cuộc Cải cách ở Anh này là những người có học thức, và hầu hết trong số họ đều được đánh giá cao vì lòng nhiệt thành và lòng sùng đạo trong cộng đồng La Mã. Sự phản đối của ông đối với giáo hoàng xuất phát từ việc ông biết những sai sót của "Tòa thánh". Sự quen thuộc của anh với những bí ẩn của Babylon đã mang lại sức mạnh lớn hơn cho những lời chứng chống lại cô ấy.

Latimer nói: "Bạn có biết ai là vị giám mục siêng năng nhất nước Anh không? Tôi thấy bạn nghe và nghe rằng tôi nên cho biết tên của ông ấy. Tôi sẽ nói với bạn: đó là ma quỷ. Ông ấy không bao giờ rời khỏi giáo phận của mình. Bạn đứng bao giờ rời xa anh ấy." sẽ thấy nhàn rỗi.

Hãy tìm anh ấy bất cứ khi nào bạn muốn và anh ấy sẽ luôn ở nhà, luôn bên cạnh chiếc cày của mình. Bạn sẽ không bao giờ thấy anh ta cầu thả, tôi đảm bảo với bạn. Nơi ma quỷ trú ngụ giống như thế này: ra ngoài với sách và vào trong với nền; ra ngoài với Kinh thánh và vào với chuỗi tràng hạt; ra ngoài với ánh sáng phúc âm và đến trong ánh nến, vâng, vào buổi trưa! Dưới thập giá Chúa Kitô, luyện ngục muôn năm; cởi bỏ quần áo, người trần truồng, người nghèo và người

không hợp lệ; và sống việc trang trí các hình ảnh và trang trí vui vẻ bằng đá và gỗ; Thất bại với Thiên Chúa và Lời Chí Thánh của Ngài, xuất hiện các truyền thống, các hội đồng nhân loại và một Giáo hoàng vô cảm. Ô! Mong rằng các vị giám mục của chúng ta hãy siêng năng gieo hạt giống giáo lý tốt lành, như Satan gieo cỏ dại!"

Nguyên tắc vĩ đại được những nhà cải cách đó duy trì, nguyên tắc đã được bảo vệ bởi gia đình Waldenses, Wycliffe, John Huss, Luther, Zwingli và những người theo họ, là thẩm quyền không thể sai lầm của Kinh thánh như một quy tắc của đức tin và thực hành. Họ tranh cãi về quyền của các giáo hoàng, hội đồng, giáo phụ và các vị vua trong việc kiểm soát lương tâm trong các vấn đề tôn giáo. Kinh thánh là thẩm quyền của họ và bằng những lời dạy trong đó, họ đã kiểm tra mọi học thuyết và sự giả vờ.

Đức tin nơi Đức Chúa Trời và Lời Ngài đã nâng đỡ những người thánh thiện đó khi họ hy sinh mạng sống mình. Latimer nói với người bạn đồng hành tử đạo của mình khi ngọn lửa sắp tắt tiếng: "Hãy yên tâm; chúng ta sẽ thấp sáng ngày hôm nay, ở Anh, nơi mà nhờ ân sủng của Chúa, tôi hy vọng, sẽ không bao giờ bị dập tắt."

Ở Scotland, hạt giống lễ thật do Columba và những người cộng tác của ông gieo trồng chưa bao giờ bị tiêu diệt hoàn toàn. Trong hàng trăm năm, sau khi các giáo hội ở Anh quy phục La Mã, các giáo hội ở Scotland vẫn duy trì được quyền tự do của mình. Tuy nhiên, vào thế kỷ 12, giáo hoàng đã tự thành lập ở đó và không có quốc gia nào khác có quyền thống trị tuyệt đối hơn. Không nơi nào bóng tối sâu hơn. Tuy nhiên, những tia sáng xuất hiện ở đó để xuyên qua bóng tối và mang đến lời hứa hẹn về một ngày sắp tới. Gia đình Lollards, đến từ Anh Quốc mang theo Kinh thánh và những lời dạy của Wycliffe, đã làm rất nhiều việc để bảo tồn kiến thức về phúc âm, và mỗi thế kỷ đều có những nhân chứng và những người tử vì đạo.

Cùng với việc mở đầu cuộc Cải cách vĩ đại là các tác phẩm của Luther, và sau đó là Tân Ước bằng tiếng Anh của Tyndale. Không để ý đến thứ bậc, những sứ giả này âm thầm băng qua những ngọn núi và thung lũng, thấp lên ngọn đước chân lý gần như đã tắt ngấm ở Scotland, và dập tắt công việc mà La Mã đã làm trong bốn thế kỷ bị áp bức.

Sau đó, máu của các vị tử đạo đã tạo động lực mới cho phong trào. Các nhà lãnh đạo giáo hoàng, đột nhiên nhận ra mối nguy hiểm đang đe dọa chính nghĩa của họ, đã thiêu rụi một số người con cao quý và danh giá nhất của Scotland. Họ không làm gì khác hơn là dựng lên một bục giảng, từ đó lời nói của những nhân chứng sắp chết đó được vang lên khắp đất nước, khuấy động tâm hồn người dân với mục đích vững chắc là rũ bỏ xiềng xích của La Mã.

Hamilton và Wishart, cao quý về tính cách cũng như xuất thân, với một số lượng lớn đệ tử khiêm tốn hơn, đã hy sinh mạng sống của mình. Nhưng từ giàn thiêu Wishart rực lửa đã xuất hiện một người mà ngọn lửa không nên im lặng, một người, bên dưới Chúa, sẽ giáng đòn chí mạng vào sự cai trị của giáo hoàng ở Scotland.

John Knox đã từ bỏ những truyền thống và chủ nghĩa thần bí của nhà thờ để nuôi dưỡng những lễ thật của Lời Chúa; và những lời dạy của Wishart đã khẳng định quyết tâm của ông từ bỏ sự hiệp thông của Rome và gia nhập những nhà cải cách đang bị đàn áp.

Được những người bạn đồng hành thuyết phục đảm nhận chức vụ thuyết giáo, anh trốn tránh trách nhiệm của mình và chỉ sau những ngày sống ẩn dật và mâu thuẫn đau đớn với chính mình, anh mới đồng ý. Nhưng sau khi nhận chức, ông đã tiến về phía trước với quyết tâm kiên cường và lòng dũng cảm không lay chuyển cho đến hết cuộc đời.

Nhà cải cách trung thành và chân chính này đã không sợ mặt con người. Ngọn lửa tử đạo bùng cháy xung quanh ngài chỉ càng kích thích lòng nhiệt thành của ngài mạnh mẽ hơn. Với chiếc riu của tên đao phủ treo trên đầu đầy đe dọa,

Ông giữ vững lập trường của mình, giáng những đòn mạnh mẽ sang phải trái để tiêu diệt việc thờ thần tượng.

Khi đối mặt với Nữ hoàng Scotland, nơi mà trước sự hiện diện của bà, lòng nhiệt thành của nhiều nhà lãnh đạo Tin lành đã suy yếu, John Knox đã đưa ra lời chứng vững chắc về sự thật. Nó sẽ không thể giành được bằng cách nuông chiều; sẽ không nhượng bộ trước những lời đe dọa.

Nữ hoàng buộc tội ông là dị giáo. Bà tuyên bố rằng ông đã dạy người dân tiếp nhận một tôn giáo bị Nhà nước cấm và do đó đã vi phạm điều răn của Chúa là ra lệnh cho thần dân phải tuân theo các hoàng tử của họ. Knox trả lời một cách chắc chắn: "Vì tôn giáo chân chính không bắt nguồn từ các hoàng tử, cũng không nhận quyền lực từ họ, mà chỉ từ Chúa vĩnh cửu, thần dân không bị buộc phải tuân theo tôn giáo của mình theo sở thích của các hoàng tử. Vì điều đó thường xảy ra rằng các hoàng tử, của tất cả những người khác, đều là những người không biết nhiều nhất về tôn giáo thực sự của Chúa... Nếu tất cả dòng dõi của Áp-ra-ham đều theo tôn giáo của Pha-ra-ôn, những người mà họ là thần dân trong một thời gian dài, thì tôi hỏi bà, thưa bà: bà sẽ theo tôn giáo nào nếu có tôn giáo nào thì sẽ tồn tại trên Trái đất?... Và vì vậy bạn có thể thấy rằng thần dân không bắt buộc phải theo tôn giáo của các hoàng tử của họ, mặc dù nên tôn trọng họ."

Nữ hoàng Mary nói: "Bạn giải thích Kinh thánh theo một cách và họ [the Các bậc thầy La Mã] một khác. Tôi nên tin ai và ai sẽ là thẩm phán?"

"Bạn phải tin vào Chúa, Đấng nói rõ ràng trong Lời của Ngài," nhà cải cách trả lời; "và ngoài những gì Lời dạy, các con không được tin vào điều này hay điều kia. Lời Chúa tự nó rất rõ ràng; và nếu ở bất cứ nơi nào có bóng tối, Chúa Thánh Thần, Đấng không bao giờ mâu thuẫn với chính Ngài. Nó thậm chí còn giải thích vấn đề nhiều hơn rõ ràng ở những nơi khác. Vì vậy không thể còn nghi ngờ gì nữa, ngoại trừ những người ngoan cố không biết gì." Đây là những sự thật mà nhà cải cách dũng cảm, bất chấp nguy hiểm đến tính mạng, đã nói với hoàng gia. Với lòng dũng cảm bất khuất, ông đã duy trì mục đích của mình, cầu nguyện và chiến đấu trong các trận chiến của Chúa, cho đến khi Scotland có thể tự giải phóng khỏi chế độ giáo hoàng.

Ở Anh, việc coi đạo Tin lành là quốc giáo đã làm chậm lại nhưng không chấm dứt hoàn toàn cuộc đàn áp. Mặc dù nhiều học thuyết của La Mã đã bị loại bỏ nhưng không ít hình thức của chúng vẫn được duy trì. Quyền lực tối cao của giáo hoàng đã bị bác bỏ, nhưng thay vào đó, quốc vương được phong làm người đứng đầu nhà thờ. Trong buổi thờ phượng của hội thánh vẫn còn có sự khác biệt lớn lao với sự thuần khiết và đơn giản của phúc âm. Nguyên tắc vĩ đại về sự khoan dung tôn giáo vẫn chưa được hiểu rõ. Mặc dù những hành động tàn ác khủng khiếp mà La Mã thực hiện để chống lại tà giáo hiếm khi được các nhà cai trị Tin lành sử dụng, nhưng quyền thờ phượng Chúa theo tiếng gọi của lương tâm của mỗi người vẫn chưa được công nhận. Mọi người được yêu cầu phải chấp nhận các giáo lý và tuân theo các hình thức thờ cúng do nhà thờ thành lập quy định. Những người bất đồng chính kiến đã phải chịu đựng sự đàn áp, ở mức độ ít hay nhiều, trong hàng trăm năm.

Vào thế kỷ 17, hàng nghìn mục sư đã bị sa thải. Người dân bị cấm, bị phạt nặng, bỏ tù và trục xuất, tham dự bất kỳ cuộc tụ họp tôn giáo nào ngoại trừ những cuộc tụ họp được nhà thờ cho phép. Những tâm hồn trung thành không thể tránh khỏi việc tụ tập lại để thờ phượng Chúa buộc phải tụ họp trong những con hẻm tối tăm, trong những căn gác xép u ám, và vào một số mùa nhất định, vào lúc nửa đêm trong rừng. Trong sâu thẳm khu rừng chào đón, một ngôi đền do chính Thiên Chúa dựng lên, những đứa con của Chúa bị tản lạc và bị bách hại tụ tập lại để trút hết tâm hồn trong lời cầu nguyện và ca ngợi.

Nhưng bất chấp mọi biện pháp phòng ngừa, nhiều người vẫn phải chịu đau khổ vì đức tin của mình. Các nhà tù đã quá đông đúc. Các gia đình bị chia cắt. Nhiều người đã bị đày đến những vùng đất xa lạ.

Tuy nhiên, Đức Chúa Trời ở cùng dân Ngài và sự bất bớ không thể dập tắt lời chứng của họ. Nhiều người bị buộc phải di cư sang Mỹ, vượt đại dương, và ở đó họ đã đặt nền móng cho quyền tự do dân sự và tôn giáo, vốn là thành trì và vinh quang của đất nước đó.

Một lần nữa, giống như những gì đã xảy ra trong thời các tông đồ, sự bách hại có lợi cho Tin Mừng. Trong ngục tối buồn nôn, đầy rẫy những kẻ phóng túng và tội phạm, John Bunyan đã hít thở bầu không khí thực sự của Thiên đường; và ở đó ông đã viết câu chuyện ngụ ngôn tuyệt vời về cuộc hành trình của người hành hương từ vùng đất bị hủy diệt đến thành phố trên trời. Trong gần hai trăm năm, giọng nói từ Nhà tù Bedford đã vang lên với sức mạnh mãnh liệt đến trái tim con người. Sự tiến bộ của người hành hương và ân sủng dồi dào đối với thủ lĩnh tội nhân, tác giả Bunyan, đã hướng dẫn nhiều bước chân trên con đường sống.

Baxter, Flavel, Alleine, và những người có tài năng, học vấn và kinh nghiệm Kitô giáo sâu sắc khác, đã đứng lên can đảm bảo vệ đức tin từng được cam kết với các thánh. Công việc do những người này thực hiện, bị những kẻ thống trị thế giới này lên án và bác bỏ, không bao giờ có thể bị hủy diệt. Nguồn Sự Sống và Phương Pháp Ân Sủng, do Flavel viết, đã dạy hàng ngàn người tin tưởng giao phó việc chăm sóc linh hồn họ cho Đấng Christ. Mục sư Cải cách của Baxter đã chứng tỏ là một phước lành cho nhiều người mong muốn sự phục hưng công việc của Chúa, và The Eternal Rest of the Saints đã thực hiện công việc của mình trong việc dẫn dắt các linh hồn vào "phần còn lại vẫn còn dành cho dân Chúa."

Một trăm năm sau, vào thời điểm tâm linh đen tối nhất, Whitefield và anh em nhà Wesley xuất hiện với tư cách là người mang ánh sáng cho Chúa. Dưới sự cai trị của nhà thờ đã được thành lập, người dân nước Anh chìm vào tình trạng suy thoái tôn giáo khó có thể phân biệt được với ngoại giáo. Tôn giáo tự nhiên là môn học ưa thích của giới tăng lữ và bao gồm phần lớn thần học của họ. Tầng lớp cao hơn coi thường lòng đạo đức và tự hào rằng mình vượt lên trên cái mà họ gọi là chủ nghĩa cuồng tín. Các tầng lớp thấp hơn phần lớn là những người thiếu hiểu biết và bị bỏ rơi, trong khi nhà thờ không còn đủ can đảm hay đức tin để ủng hộ chính nghĩa tan vỡ của sự thật.

Học thuyết vĩ đại về sự công chính hóa bởi đức tin, được Luther dạy rõ ràng, gần như đã bị quên lãng hoàn toàn; và nguyên tắc của người La Mã tin tưởng vào việc làm tốt để được cứu đã được áp dụng. Whitefield và anh em nhà Wesley, những thành viên của nhà thờ đã thành lập, là những người chân thành cầu xin ân huệ thiêng liêng, và điều này họ dạy là phải có được một cuộc sống đạo đức và tuân theo các giáo lễ tôn giáo.

Khi Charles Wesley bị bệnh và cảm thấy cái chết đang đến gần đến gần, người ta hỏi điều gì đã củng cố niềm hy vọng của ông về cuộc sống vĩnh cửu. Câu trả lời của anh ấy là: "Tôi đã nỗ lực hết sức để phục vụ Chúa." Khi người bạn đặt câu hỏi dường như không hoàn toàn hài lòng với câu trả lời của mình, Wesley nghĩ: "Cái gì! Những nỗ lực của mình không phải là cơ sở đủ để hy vọng sao? Liệu anh ấy có tức đi những nỗ lực của tôi không? Tôi không còn gì để tin cậy." Đó là bóng tối dày đặc đã bao trùm hội thánh, che giấu sự chuộc tội, cướp đi vinh quang của Đấng Christ và khiến tâm trí con người quay lưng lại với hy vọng cứu rỗi duy nhất của họ—máu của Đấng Cứu Chuộc bị đóng đinh.

Wesley và các cộng sự của ông đã nhận ra rằng tôn giáo chân chính được thiết lập trong trái tim và luật pháp của Đức Chúa Trời áp dụng cho cả suy nghĩ cũng như lời nói và hành động. Bị thuyết phục về sự cần thiết của trái tim trong sạch, cũng như sự đúng đắn trong hành vi bên ngoài, họ nhiệt tình dẫn thân sống một cuộc sống mới. Bằng những nỗ lực siêng năng và ngoan đạo nhất, họ đã cố gắng hết mình để kiểm soát những tệ nạn trong lòng tự nhiên. Họ sống một cuộc đời từ bỏ chính mình, bác ái và khiêm tốn, tuân thủ hết sức nghiêm túc và chính xác mọi biện pháp mà họ tin rằng có thể đạt được điều họ mong muốn nhất - sự thánh thiện sẽ bảo đảm cho ân huệ của Thiên Chúa. Nhưng họ đã không đạt được

mục tiêu mà họ đặt ra để đạt được. Những nỗ lực của họ nhằm giải thoát bản thân khỏi sự kết án tội lỗi hoặc phá bỏ quyền lực của tội lỗi đều vô ích. Đây chính là cuộc đấu tranh mà Luther đã trải qua trong phòng giam của mình ở Erfurt. Câu hỏi tương tự đã dày vò tâm hồn anh - "Làm sao con người có thể biện minh cho mình trước Chúa?" (Gióp 9:2).

Ngon lửa chân lý thiêng liêng, gần như đã tắt ngấm trên các bàn thờ của đạo Tin lành, sẽ được thắp lại trong ngọn đuốc cổ xưa được truyền lại qua nhiều thời đại bởi những người theo đạo Thiên Chúa ở Bohemia. Sau cuộc Cải cách, đạo Tin lành ở Bohemia đã bị đám đông người La Mã chà đạp. Tất cả những ai không chịu từ bỏ sự thật đều bị buộc phải chạy trốn. Một số người trong số này tìm nơi ẩn náu ở Sachsen và duy trì đức tin cổ xưa ở đó. Chính từ con cháu của những Cơ đốc nhân này, ánh sáng đã chiếu rọi cho Wesley và những người bạn đồng hành của anh.

John và Charles Wesley, sau khi được thụ phong mục vụ, đã được cử đi truyền giáo ở Mỹ. Trên tàu có một nhóm người Moravians.

Những cơn bão dữ dội ập đến với họ trong cuộc vượt biển, và John Wesley, khi đối mặt với cái chết, cảm thấy rằng ông không có sự đảm bảo nào về sự bình an với Chúa. Mặt khác, người Đức lại thể hiện sự bình tĩnh và tự tin mà họ chưa từng biết đến.

"Cách đây rất lâu," ông nói, "tôi đã quan sát thấy hành vi của họ rất nghiêm túc. Họ liên tục đưa ra bằng chứng về sự khiêm tốn của mình, thực hiện những công việc tầm thường cho những hành khách khác mà không một người Anh nào đảm nhận; và điều này mà không hề muốn hoặc không nhận được." trả tiền, nói rằng điều đó tốt cho tâm lòng kiêu ngạo của họ, và rằng Đấng Cứu Rỗi, người yêu của họ đã làm nhiều điều hơn cho họ, và mỗi ngày đều cho họ cơ hội thể hiện sự nhu mì mà không sự xúc phạm nào có thể ảnh hưởng được.

Nếu bị xô đẩy, đánh đập hoặc bị đánh ngã, họ sẽ đứng dậy và bỏ đi.

Không có lời phàn nàn nào thoát ra khỏi miệng anh ta. Sau đó có cơ hội để chứng minh liệu họ có thoát khỏi tinh thần cũng như sợ hãi, kiêu ngạo, giận dữ và trả thù hay không. Giữa bài thánh vịnh mà họ bắt đầu thờ phượng, biển nổi cơn thịnh nộ, xé nát cánh buồm chính, phủ kín con tàu và tràn ra boong tàu, như thể vực thẳm lớn đã nuốt chửng chúng tôi. Một sự phản đối kịch liệt đã nổ ra giữa những người Anh. Người Đức bình tĩnh tiếp tục hát. Sau đó tôi hỏi một người trong số họ: 'Bạn không sợ sao?' Anh ấy trả lời: 'Cảm ơn Chúa, không!' Tôi hỏi: 'Nhưng đàn bà và trẻ con của anh không sợ sao?' Anh ấy nhẹ nhàng trả lời: 'Không, phụ nữ và trẻ em của chúng tôi không sợ chết'".

Đến Savannah, Wesley ở lại một thời gian với những người Moravians, bị ấn tượng sâu sắc bởi cách cư xử theo đạo Cơ đốc của họ. Về một trong những nghi lễ tôn giáo của ông, vốn thể hiện sự tương phản rõ rệt với nghi lễ thờ cúng mang tính hình thức của Giáo hội Anh, ông viết: "Sự đơn giản tuyệt vời cũng như sự trang trọng của nó gần như khiến tôi quên mất mười bảy thế kỷ đã trôi qua." , và hãy tưởng tượng mình đang ở một trong những hội đồng không có hình thức hay bộ máy nào, tuy nhiên, với sự thể hiện của Tinh thần và quyền năng."

Khi trở về Anh, Wesley, dưới sự hướng dẫn của một nhà truyền giáo người Moravian, đã hiểu rõ hơn về đức tin trong Kinh thánh. Anh tin rằng mình cần phải từ bỏ mọi niềm tin vào công việc của mình để được cứu, và tin hoàn toàn vào "Chiên Thiên Chúa, Đấng xóa tội trần gian". Tại một cuộc họp của Hiệp hội Moravian ở Luân Đôn, Luther đã đọc một tuyên bố mô tả sự thay đổi mà Thánh Linh của Đức Chúa Trời tác động trong lòng người tín đồ. Khi Wesley nghe cô nói, niềm tin bùng cháy trong tâm hồn anh.

"Tôi thấy lòng mình ấm áp lạ lùng", anh nói. "Tôi cảm thấy rằng tôi tin cậy nơi Đấng Christ, và chỉ nơi Ngài thôi, để được cứu; và tôi tin chắc rằng Ngài đã xóa bỏ tội lỗi của tôi, kể cả tội lỗi của tôi, và đã cứu tôi khỏi luật pháp của tội lỗi và sự chết."

Trải qua một thời gian dài nỗ lực mệt mỏi và cô đơn, nhiều năm từ bỏ nghiêm khắc, bị trách móc và sỉ nhục, Wesley vẫn tập trung vào mục đích duy nhất của mình là tìm kiếm Chúa. Bây giờ anh đã tìm thấy Ngài và

anh đã phát hiện ra rằng ân sủng mà anh đã cố gắng đạt được thông qua việc cầu nguyện và ăn chay, bỏ thí và từ bỏ bản thân, là một món quà "không cần tiền và không cần trả giá".

Khi đã vững vàng trong đức tin nơi Đấng Christ, tâm hồn ông cháy bỏng niềm khao khát truyền bá khắp nơi sự hiểu biết về phúc âm vinh quang về ân điển nhưng không của Đức Chúa Trời. Ông nói: "Tôi coi cả thế giới như giáo xứ của mình, dù tôi ở bất kỳ nơi nào. Tôi coi đó là nghĩa vụ chính đáng và thiêng liêng của mình là phải tuyên bố cho tất cả những ai sẵn sàng lắng nghe tin vui về sự cứu rỗi."

Anh tiếp tục cuộc sống khắc nghiệt và vị tha của mình, bây giờ không phải là nền tảng mà là sản phẩm của đức tin; không phải là rễ mà là hoa trái của sự thánh thiện. Ân sủng của Thiên Chúa trong Chúa Kitô là nền tảng cho niềm hy vọng của người Kitô hữu và ân sủng này sẽ thể hiện qua sự vâng phục. Cuộc đời của Wesley dành riêng cho việc rao giảng những lẽ thật vĩ đại mà ông đã nhận được: sự xưng công chính nhờ đức tin vào huyết chuộc tội của Đấng Christ và quyền năng đổi mới của Đức Thánh Linh trong lòng, sinh ra hoa trái trong một đời sống theo gương Đấng Christ.

Whitefield và anh em nhà Wesley đã được chuẩn bị cho công việc của họ nhờ những niềm tin cá nhân sâu sắc và lâu dài về tình trạng hư mất của chính họ. Và để có thể chịu đựng khó khăn, với tư cách là những người lính giỏi của Chúa Kitô, họ đã phải chịu những thử thách nảy lửa của sự chế giễu, nhục mạ và bắt bớ, cả ở trường Đại học lẫn khi họ bắt đầu mục vụ. Họ và một số người khác có cảm tình với họ đã bị những đồng nghiệp không tin đạo của họ gọi là những người theo Phương pháp một cách chế nhạo, một cái tên mà ngày nay được một trong những giáo phái lớn nhất ở Anh và Mỹ coi là vinh dự.

Là thành viên của Giáo hội Anh, họ bị ràng buộc chặt chẽ bởi các hình thức thờ phượng của mình, nhưng Chúa đã đặt cho họ một tiêu chuẩn cao hơn trong Lời Ngài. Đức Thánh Linh thôi thúc họ rao giảng về Đấng Christ và Ngài bị đóng đinh. Quyền năng của Đấng Tối Cao đồng hành với công việc của họ. Hàng ngàn người đã bị thuyết phục và thực sự hoán cải. Điều cần thiết là những con cừu này phải được bảo vệ khỏi bị sói ăn thịt. Wesley không nghĩ đến việc thành lập một giáo phái tôn giáo mới mà tổ chức chúng thành một thực thể mà ông gọi là Liên minh Giám lý.

Bí ẩn và đau đớn là sự chống đối mà các nhà truyền giáo này phải đối mặt từ giáo hội đã thành lập. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời, trong sự khôn ngoan của Ngài, đã chỉ đạo các sự kiện theo cách mà cuộc Cải cách có thể bắt đầu ngay trong chính nhà thờ. Nếu nó tiến hành hoàn toàn từ bên ngoài, nó sẽ không thâm nhập được vào nơi cần thiết nhất. Nhưng vì những người thuyết giảng về cuộc phục hưng đều là thành viên của nhà thờ và làm việc trong khuôn khổ của nhà thờ ở bất cứ nơi nào họ có thể tìm thấy cơ hội, lẽ thật sẽ thâm nhập vào những nơi mà lẽ ra cánh cửa vẫn đóng.

Một số giáo sĩ đã thức tỉnh sau cơn mê đạo đức và trở thành những nhà truyền giáo nhiệt thành trong chính giáo xứ của họ. Những nhà thờ từng bị chủ nghĩa hình thức hóa đá đã được hồi sinh.

Vào thời Wesley, cũng như mọi thời đại trong lịch sử hội thánh, những người đàn ông với những ân tứ khác nhau đều thực hiện công việc mà họ được chỉ định làm. Họ không đồng ý về tất cả các điểm của giáo lý, nhưng tất cả đều được Thánh Linh của Đức Chúa Trời thúc đẩy và đoàn kết trong mục tiêu toàn diện là chinh phục các linh hồn cho Đấng Christ. Những bất đồng giữa Whitefield và anh em nhà Wesley từng có nguy cơ tạo ra sự chia rẽ; nhưng vì họ là học sinh trong trường của Chúa Kitô nên họ đã được hòa giải bằng sự kiên nhẫn và tình yêu thương. Họ không có thời gian để tranh cãi, trong khi lỗi lầm và sự gian ác lan tràn khắp nơi, và những kẻ tội lỗi đang vội vã bị hủy diệt.

Tội tở của Đức Chúa Trời đã đi trên con đường gặp gheñh. Những người có ảnh hưởng và học thức đã sử dụng quyền lực của mình để chống lại họ. Sau một thời gian, nhiều giáo sĩ bắt đầu thể hiện thái độ thù địch có chủ ý với họ, và cánh cửa các nhà thờ đều đóng lại.

cho đức tin thuần khiết và cho những người tuyên bố nó. Hành vi của giới tăng lữ khi tố cáo họ trên bục giảng đã khuấy động các yếu tố đen tối, ngu dốt và gian ác. Hết lần này đến lần khác, John Wesley thoát chết nhờ phép lạ của lòng thương xót Chúa. Khi cơn thịnh nộ của đám đông nổi lên chống lại anh ta và dường như không còn lối thoát, một thiên thần trong hình dạng con người đến bên cạnh anh ta và đám đông rút lui. Vì vậy tội tở của Đấng Christ đã rời khỏi nơi nguy hiểm mà không hề hấn gì.

Về việc được giải thoát khỏi những người giận dữ trong một dịp như vậy, Wesley kể lại: "Nhiều người cố gắng đẩy tôi khi chúng tôi xuống đồi trên con đường trơn trượt để vào thành phố. Tôi tin rằng nếu tôi ngã, tôi sẽ khó đứng dậy được nữa. Nhưng tôi Rốt cuộc thì tôi không hề bị vấp ngã." , và tôi thậm chí còn không hề bị trượt chân dù là một chút cho đến khi tôi hoàn toàn nằm ngoài tầm với của họ... Mặc dù nhiều người đã cố tóm lấy cổ áo và quần áo của tôi rồi ném tôi xuống đất nhưng họ không thể "Dừng giữ tôi bằng bất cứ cách nào. Một trong những kẻ tấn công đã giữ chặt tôi trên vạt áo ghi lê của tôi, nó đã sớm nằm trong tay hắn. Vạt còn lại, trong túi có một tờ tiền, chỉ bị xé làm đôi... Một người đàn ông khỏe mạnh đứng ngay sau tôi định đánh tôi nhiều lần bằng một chiếc dùi cui to bằng gỗ sồi, nếu ông ta đánh vào sau đầu tôi chỉ một lần thì ông ta sẽ tránh cho tôi khỏi bị khó chịu thêm. những cú đánh bị chệch hướng, tôi không biết làm thế nào, tôi không thể di chuyển sang phải hoặc sang trái... Một người khác chạy qua đám đông và giơ tay định tấn công tôi, đột nhiên hạ xuống và chỉ chạm nhẹ vào tôi. cái đầu, nói: 'Cái gì? Anh ta có mái tóc mềm mại!'... Những người đàn ông đầu tiên thay đổi trái tim là những anh hùng của thành phố, những nhà lãnh đạo dân chúng mọi thời đại, một trong số họ là người đoạt giải.

"Bằng những bước nhẹ nhàng mà Chúa chuẩn bị cho chúng ta theo ý muốn của Ngài! Hai năm trước, một mảnh gạch sượt qua vai tôi. Đã một năm trôi qua kể từ khi một hòn đá đập vào giữa hai mắt tôi. Tháng trước tôi bị một đòn, và đêm nay hai, một trước khi chúng tôi đến thành phố, và một người khác sau khi chúng tôi rời đi; nhưng cả hai đều không có kết quả gì, mặc dù một người đàn ông dùng hết sức đánh vào ngực tôi và một người khác vào miệng, với lực mạnh đến mức máu lập tức chảy ra. những cú đánh đó không hề đau đớn hơn là bị một cọng rơm đập vào."

Những người theo Giám lý thời kỳ đầu đó, cả người dân lẫn những người thuyết giáo, đã phải chịu đựng sự chế giễu và bắt bớ, cả từ những người trong nhà thờ lẫn từ những người công khai vô tôn giáo, những người tức giận trước những thông tin họ cung cấp. Họ bị đưa ra xét xử trước các tòa án công lý, các tòa án tư pháp chỉ trên danh nghĩa, vì công lý rất hiếm có ở các tòa án hợp pháp thời đó. Họ thường phải chịu đựng bạo lực từ những kẻ bắt bớ họ. Đám đông đi từ nhà này sang nhà khác để phá hủy đồ đạc và tài sản, cướp bóc bất cứ thứ gì chúng muốn và ngược đãi đàn ông, phụ nữ và trẻ em một cách dã man. Trong một số trường hợp, các thông báo công khai đã được đăng tải kêu gọi những người muốn giúp phá cửa sổ và cướp phá nhà của những người theo đạo Methodist hãy ra trình báo.

gặp nhau vào một ngày, thời gian và địa điểm nhất định. Những hành vi vi phạm trắng trợn cả luật con người và luật thiên liêng đều không bị trừng phạt. Một cuộc đàn áp có hệ thống đã được thực hiện chống lại một dân tộc mà tội ác duy nhất của họ là tìm cách đưa bước chân của tội nhân từ con đường hủy diệt đến con đường thánh thiện.

John Wesley cho biết khi đề cập đến những cáo buộc chống lại ông và các đồng minh của ông: "Một số người cáo buộc rằng học thuyết của những người này là sai lầm, sai lầm và nhiệt tình; rằng chúng mới và chưa từng được nghe đến cho đến gần đây. Chúng là chủ nghĩa Quakerism, cố chấp và Giáo hoàng." . Toàn bộ sự tưởng tượng này giờ đây đã bị cắt tận gốc, mọi nhánh của lời dạy này đã được chứng minh rõ ràng là giáo lý rõ ràng của Kinh thánh được giải thích bởi chính giáo hội của chúng ta. Vì vậy, nó không thể sai cũng không thể sai, vì Kinh thánh là sự thật. Những người khác cho rằng: 'Học thuyết của bạn quá cứng nhắc; họ

họ làm cho con đường lên thiên đường trở nên rất hẹp.' Và trên thực tế, đây là sự phản đối ban đầu, vì nó gần như là sự phản đối duy nhất trong một thời gian, và nó nằm bí mật ở dưới cùng của hàng nghìn phản đối khác xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Nhưng liệu họ có làm cho con đường lên Thiên đàng hẹp hơn đường lối mà Chúa chúng ta và các tông đồ của Ngài đã làm không? Giáo lý của bạn có chặt chẽ hơn giáo lý của Kinh Thánh không? Chỉ hãy xem xét một số đoạn văn rõ ràng: 'Người phải yêu mến Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn, hết sức lực và hết trí khôn người!' 'Mọi lời nói suông mà con người nói ra, họ sẽ phải khai trình vào ngày phán xét.' 'Dù ăn, uống hay làm bất cứ việc gì khác, hãy làm mọi sự vì vinh quang của Chúa.'

"Nếu giáo lý của họ nghiêm khắc hơn thế này thì họ có tội; nhưng trong lương tâm bạn biết rằng không phải vậy. Và ai có thể bớt nghiêm khắc hơn một chút mà không làm hư hỏng Lời Chúa? không, anh ta không thể giảm bớt bất cứ điều gì, anh ta không thể giảm bớt bất cứ điều gì. Anh ta buộc phải tuyên bố với tất cả mọi người, "Tôi không thể giảm bớt Kinh thánh theo ý thích của bạn. Bạn phải tiến lên chúng nếu không sẽ bị diệt vong mãi mãi." Tiếng kêu phổ biến là: sự thiếu vắng lòng bác ái của những người này! Không có lòng bác ái, họ?! Theo nghĩa nào? Họ không cho kẻ đói ăn, hay cho kẻ trần truồng mặc? Không, không phải vậy. Họ không có lỗi trong việc này. Nhưng họ phán xét một cách tàn nhẫn! Họ nghĩ rằng không ai có thể tự cứu mình ngoài những người đi theo con đường riêng của họ."

Sự suy thoái tinh thần xảy ra ở Anh ngay trước thời điểm của Wesley, phần lớn là kết quả của việc giảng dạy phản khoa học. Nhiều người cho rằng Chúa Kitô đã bãi bỏ luật luân lý và do đó, người theo đạo Thiên Chúa không bị buộc phải tuân theo luật đó; rằng người tin Chúa được giải thoát khỏi "sự ràng buộc của những việc lành". Những người khác, mặc dù thừa nhận tính vĩnh viễn của luật, lại tuyên bố rằng các mục sư không cần thiết phải khuyến khích dân chúng tuân theo các giới luật của luật, vì những người mà Chúa đã chọn để được cứu sẽ "do sự thúc đẩy không thể cưỡng lại của ân sủng thiêng liêng, dẫn đến việc thực hành." về lòng đạo đức và đức hạnh", trong khi những người bị tiền định phải chịu án phạt đời đời "không có đủ sức mạnh để tuân theo luật thiêng liêng".

Còn những người khác nữa, bảo vệ luận điểm "những người được tuyển chọn không thể bị mất ân sủng cũng như mất đi ân huệ của Thiên Chúa", đã đi đến kết luận thậm chí còn đáng ghê tởm hơn rằng "những hành động vô đạo mà họ phạm thực ra không phải là tội lỗi, cũng như không bị coi là vi phạm luật Chúa và rằng, do đó, họ không cần phải thú nhận tội lỗi của mình hoặc từ bỏ chúng để ăn năn." Vì vậy, họ tuyên bố rằng ngay cả một trong những tội lỗi ghê tởm nhất, "được mọi người coi là sự vi phạm nghiêm trọng luật Thiên Chúa, cũng không phải là tội trước mặt Thiên Chúa", nếu do một trong những người được chọn phạm, "vì đó là một trong những tội thiết yếu". và đặc điểm nổi bật của những người được chọn, đó là họ không thể làm điều gì trái lòng Chúa và bị luật pháp Ngài cấm."

Học thuyết quái dị này về cơ bản giống với học thuyết mà những người theo chủ nghĩa La Mã dạy, khẳng định "rằng giáo hoàng có thể thoát khỏi việc tuân thủ luật pháp và sửa chữa những gì sai bằng cách sửa chữa và thay đổi luật"; rằng "anh ta có thể tuyên bố những bản án và phán quyết trái ngược với luật pháp của Thiên Chúa và con người." Tất cả những điều này cho thấy nguồn cảm hứng của cùng một tinh thần chủ nhân, vâng, của cùng một người, trong số những cư dân vô tội của Thiên đường, đã bắt đầu công việc tìm cách dỡ bỏ những hạn chế chính đáng của luật pháp Chúa.

Học thuyết về các mệnh lệnh thiêng liêng, vốn cố định một cách không thể thay đổi được tính cách của con người, đã khiến nhiều người gần như chối bỏ luật pháp của Chúa. Wesley kiên trì phản đối những sai sót của các nhà thần học chống luật pháp, chứng tỏ rằng học thuyết dẫn đến lập trường chống luật pháp là trái với Kinh thánh. "Ân sủng của thần

đã hiện ra, đem ơn cứu rỗi đến cho mọi người." "Đó là điều tốt đẹp và đẹp lòng Đức Chúa Trời, Đấng Cứu Rỗi chúng ta, Đấng muốn cho mọi người được cứu rỗi và nhận biết lẽ thật. Vì chỉ có một Thiên Chúa, và một Đấng Trung Gian giữa Thiên Chúa và loài người, là con người Giêsu Kitô, Đấng đã hiến thân làm giá chuộc cho mọi người." (Tít 2:11; I Tim. 2:3-6) . Thánh Thần Thiên Chúa thì tự do được ban để giúp mọi người nắm được phương tiện cứu rỗi. Như vậy, Chúa Kitô, "Ánh sáng thật," "soi sáng mọi người đến thế gian" (Ga 1:9). ngoan cố từ chối món quà sự sống.

Đáp lại tuyên bố rằng qua cái chết của Chúa Kitô, các giới luật của Mười Điều Răn đã bị bãi bỏ cùng với luật nghi lễ, Wesley nói: "Luật đạo đức, có trong Mười Điều Răn và được các tiên tri thi hành, không bị Chúa Kitô bãi bỏ.

Mục đích Ngài đến không phải để thu hồi bất kỳ phần nào trong đó. Đó là một luật không bao giờ có thể bị bãi bỏ, luật này 'không thay đổi như nhân chứng trung thành trên Thiên đàng'... Nó đã tồn tại từ khi tạo ra thế giới, được 'viết không phải trên bảng đá, mà trong trái tim của tất cả mọi người. con người, khi họ rời bỏ bàn tay của Đấng Tạo Hóa. Và mặc dù những chữ cái từng được viết bởi ngón tay của Chúa giờ đây phần lớn đã bị tội lỗi làm biến dạng, nhưng chúng không thể bị xóa bỏ hoàn toàn, trong khi chúng ta vẫn còn ý thức được phần nào về thiện và ác. Mỗi phần của luật này phải có hiệu lực đối với toàn thể nhân loại và vào mọi lúc. Nó không phụ thuộc vào thời gian, địa điểm hay bất kỳ hoàn cảnh nào khác có thể thay đổi, mà phụ thuộc vào bản chất của Thiên Chúa và bản chất của con người, cũng như mối quan hệ bất biến giữa cái này với cái kia."

"Ta đến không phải để hủy diệt, nhưng để hoàn thành"... Không một chút nghi ngờ, điều Chúa Giêsu muốn nói khi nói điều này là (phù hợp với mọi điều có trước và những gì có sau): 'Ta đến để thiết lập nó trong sự viên mãn của các con. , bất chấp mọi cách giải thích sai lầm của con người; Tôi đã đưa ra một quan điểm đầy đủ và sáng suốt bất cứ điều gì mơ hồ hoặc mơ hồ trong đó. Tôi đã tuyên bố mục đích đầy đủ và thực sự của mọi phần trong đó; để chỉ ra chiều dài, chiều rộng đầy đủ và chiều dài của mọi điều răn chứa đựng trong đó, chiều cao và chiều sâu, sự thuần khiết và tâm linh không thể tưởng tượng được của nó, trong tất cả các phần của nó'."

Wesley khẳng định sự hòa hợp hoàn hảo giữa luật pháp và phúc âm. "Do đó, có thể hình dung được mối liên hệ chặt chẽ nhất giữa luật pháp và phúc âm. Một mặt, luật pháp liên tục mở ra cho chúng ta con đường đến với phúc âm và chỉ cho chúng ta hướng tới nó; mặt khác, phúc âm liên tục mở ra cho chúng ta. hướng chúng ta đến việc chu toàn lề luật một cách chính xác nhất, chẳng hạn, luật đòi hỏi chúng ta phải kính mến Thiên Chúa và người lân cận, hiền lành, khiêm tốn và thánh thiện, chúng ta cảm thấy mình không đủ tư cách để thực hiện những điều này. Vâng, 'điều này là không thể đối với con người'. Nhưng chúng ta thấy lời hứa rằng Thiên Chúa ban cho chúng ta tình yêu này và làm cho chúng ta khiêm nhường, hiền lành và thánh thiện. Chúng tôi sử dụng phúc âm này, những tin tức may mắn này. Và điều này được thực hiện cho chúng tôi theo đức tin của chúng tôi; và 'sự công bình của luật pháp được nên trọn trong chúng ta bởi đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ.'"

Wesley nói: "Trong hàng ngũ kẻ thù cao nhất của phúc âm Đấng Christ, là những người 'phán xét luật pháp' một cách công khai và rõ ràng, 'nói xấu luật pháp', những kẻ dạy người ta vi phạm (hoàn tác, nói dối, giải phóng) từ nghĩa vụ)) không chỉ những điều răn nhỏ nhất mà còn là những điều răn lớn nhất, mà tất cả chúng cùng một lúc... Điều đáng ngạc nhiên nhất trong tất cả các tình huống đi kèm với sự lừa dối lớn lao này là những người chấp nhận nó thực sự tin rằng họ đang tôn vinh Đấng Christ bằng cách lật đổ Luật pháp của Ngài , và những người đang ca ngợi chức vụ của Ngài trong khi thực ra, họ đang phá hủy giáo lý của Ngài! Đúng vậy, họ tôn vinh Ngài giống như Giu-đa đã làm khi hắn nói: 'Con chào Thầy và hôn Thầy.' Và Ngài cũng có thể nói một cách công bằng với từng người trong số họ: 'Các người lấy cái hôn để phản bội Con Người sao?' Đây không gì khác hơn là phản bội Ngài bằng một

hôn, nói về máu của Ngài và cởi bỏ vương miện của Ngài. Coi thường bất kỳ phần nào trong luật pháp của Ngài với lý do thúc đẩy sự phát triển của phúc âm. Thật ra, không ai rao giảng một đức tin kiểu này, trực tiếp hay gián tiếp có xu hướng loại trừ bất kỳ điều gì về sự vâng phục, hoặc ai rao giảng Chúa Kitô với mục đích, theo một cách nào đó, hủy bỏ hoặc làm suy yếu điều răn nhỏ nhất của Thiên Chúa. Anh ta sẽ không thể thoát khỏi lời buộc tội này."

Đối với những người lập luận rằng "việc rao giảng phúc âm đáp ứng mọi mục đích của luật pháp", Wesley trả lời: "Chúng tôi hoàn toàn phủ nhận điều này. Nó không tương ứng với mục đích đầu tiên của chính luật pháp, cụ thể là thuyết phục con người về tội lỗi, để đánh thức những người vẫn đang ngủ say bên bờ vực địa ngục." Sứ đồ Phao-lô tuyên bố rằng "bởi luật pháp người ta nhận biết tội lỗi"; "và trước khi con người bị kết án về tội lỗi, họ sẽ không thực sự cảm thấy cần đến huyết chuộc tội của Đấng Christ... 'Những người khỏe mạnh không cần thầy thuốc', như chính Chúa chúng ta đã nhận xét, 'nhưng những người đau ốm' ". Do đó, thật vô lý khi mời một bác sĩ cho những người khỏe mạnh, hoặc ít nhất những người nghĩ rằng họ khỏe mạnh. Trước tiên, bạn phải thuyết phục họ rằng họ bị bệnh, nếu không họ sẽ không biết ơn bạn vì công việc đó. Đó là cũng vô lý không kém khi dâng Chúa Kitô cho những người có trái tim khỏe mạnh và chưa khiêm nhường."

Vì vậy, trong khi rao giảng phúc âm về ân điển của Đức Chúa Trời, Wesley, giống như Thầy của mình, đã tìm cách tôn vinh luật pháp và làm cho nó trở nên vinh hiển. Ông đã trung thành thực hiện công việc Chúa giao phó và những kết quả mà ông được phép chiêm ngưỡng là vinh quang. Vào cuối cuộc đời dài hơn tám mươi năm của ngài, trải qua hơn nửa thế kỷ trong mục vụ lưu động, những người theo ngài được tuyên bố đã lên đến hơn nửa triệu linh hồn. Nhưng vô số người, nhờ công lao của Ngài, đã được nâng lên từ sự hủy hoại và suy thoái của tội lỗi để đến một cuộc sống trong sạch hơn và cao hơn, và số người nhờ sự dạy dỗ của Ngài đã đạt được kinh nghiệm sâu sắc hơn và phong phú hơn, sẽ không bao giờ được biết đến cho đến khi cả gia đình của những người được cứu chuộc được cứu chuộc. Được đoàn tụ trong vương quốc của Chúa. Cuộc đời của ông dạy cho mỗi Cơ-đốc nhân một bài học vô giá. Cầu mong đức tin và sự khiêm nhường, lòng nhiệt thành, lòng vị tha và lòng sùng kính không mệt mỏi của người tôi tớ Chúa Kitô này được phản ánh trong các giáo hội ngày nay!

Chương 15

Kinh thánh và Cách mạng Pháp

Vào thế kỷ 16, cuộc Cải cách, giới thiệu cho người dân một cuốn Kinh thánh mở, đã tìm cách được giới thiệu ở tất cả các nước Châu Âu. Một số quốc gia chào đón cô ấy với niềm vui, như một sứ giả từ Thiên đường, ở những vùng đất khác, ở một mức độ lớn, giáo hoàng đã thành công trong việc ngăn chặn sự xâm nhập của cô ấy; và ánh sáng của kiến thức Kinh thánh, cùng với những ảnh hưởng cao quý của nó, gần như bị loại bỏ hoàn toàn. Ở một quốc gia nào đó, mặc dù ánh sáng đã lọt vào nhưng nó không được hiểu rõ do bóng tối dày đặc. Trong nhiều thế kỷ, sự thật và sai lầm tranh giành quyền thống trị. Rốt cuộc, cái ác đã chiến thắng và sự thật trên trời đã bị bác bỏ. "Đây là sự kết án, ánh sáng đã đến thế gian, mà người ta ưa bóng tối hơn ánh sáng." (Giăng 3:19). Đất nước bị bỏ lại để gặt hái kết quả của sự lựa chọn mà nó đã đưa ra. Sự kiểm chế của Thánh Linh Đức Chúa Trời đã được cất bỏ khỏi một dân tộc khinh thường món quà ân điển của Ngài. Cái ác đã được phép đạt đến điểm trưởng thành. Và cả thế giới đã nhìn thấy thành quả của việc tự nguyện từ chối ánh sáng.

Cuộc chiến chống lại Kinh thánh, kéo dài nhiều thế kỷ ở Pháp, đã đạt đến đỉnh điểm trong bối cảnh Cách mạng. Trận hỏa hoạn khủng khiếp này chỉ là kết quả không thể tránh khỏi của việc loại bỏ Kinh thánh. Nó cho thế giới thấy minh họa đáng chú ý nhất về việc thực hiện chính sách của Giáo hoàng - một minh chứng về những kết quả mà giáo lý của Rome đã hướng tới trong hơn một nghìn năm để tạo ra.

Sự cấm đoán của Kinh thánh trong thời kỳ giáo hoàng nắm quyền tối cao đã được các nhà tiên tri tiên đoán; và Khải Huyền cũng chỉ ra những hậu quả khủng khiếp sẽ xảy ra, đặc biệt là ở Pháp, do sự thống trị của "con người tội lỗi".

Thiên thần của Chúa nói: "Họ sẽ chà đạp thành thánh trong bốn mươi hai tháng. Và tôi sẽ trao quyền lực cho hai Nhân chứng của tôi, và họ sẽ nói tiên tri trong một ngàn, hai trăm sáu mươi ngày, mặc bao gai... Khi họ đã làm chứng xong, con thú từ vực thẳm trời dậy sẽ gây chiến với họ, sẽ thắng và giết họ, xác của họ sẽ nằm trên đường phố của thành phố lớn, mà về mặt tâm linh được gọi là Sô-dôm và Ai Cập, nơi Chúa của họ cũng bị đóng đinh... Và những người sống trên Trái đất sẽ vui mừng vì họ, sẽ vui mừng và sẽ gửi quà cho nhau, bởi vì hai nhà tiên tri này đã hành hạ những người sống trên Trái đất. Trong ba ngày rưỡi ấy, thần khí sự sống của Đức Chúa Trời nhập vào họ; họ đứng dậy, và những ai nhìn thấy họ đều vô cùng kinh hãi." (Khải Huyền 11:2-11).

Khoảng thời gian được đề cập ở đây - "bốn mươi hai tháng" và "một nghìn, hai trăm sáu mươi ngày" - đề cập đến cùng một khoảng thời gian, đại diện cho thời đại mà nhà thờ của Chúa Kitô phải chịu sự áp bức từ La Mã. 1.260 năm quyền lực tối cao của giáo hoàng bắt đầu từ việc thành lập chế độ giáo hoàng vào năm 538 sau Công nguyên và do đó kết thúc vào năm 1798. Trong thời gian đó, quân đội Pháp xâm chiếm Rome và bắt giữ giáo hoàng làm tù binh, người đã chết khi bị lưu đày. Mặc dù một giáo hoàng mới đã được bầu ra ngay sau đó, nhưng hệ thống phân cấp của giáo hoàng kể từ đó chưa bao giờ có thể thực thi được quyền lực mà nó từng sở hữu.

Cuộc đàn áp hội thánh đã không tiếp tục trong suốt thời gian 1.260 năm. Đức Chúa Trời vì lòng thương xót dân Ngài đã rút ngắn thời gian thử thách rực lửa của họ. Tiên tri về "cơn đại nạn" sẽ xảy đến với hội thánh, Đấng Cứu Rỗi đã nói: "Nếu những ngày đó không được rút ngắn lại thì không xác thịt nào được cứu; nhưng vì những người được chọn, những ngày đó sẽ được rút ngắn lại". (Ma-thi-ơ 24:22). Nhờ ảnh hưởng của Phong trào Cải cách, cuộc đàn áp chấm dứt trước năm 1798.

Khi đề cập đến hai nhân chứng, vị tiên tri nói thêm: "Đây là hai cây ô-liu và hai chân đèn, trước mặt Đức Chúa Trời của cả trái đất". Người viết Thi Thiên nói: "Lời Chúa là ngọn đèn cho chân tôi, là ánh sáng cho đường lối tôi". (Khải huyền 11:4; Thi. 119:105). Hai nhân chứng đại diện cho Kinh thánh Cựu Ước và Tân Ước. Cả hai đều là những chứng nhân quan trọng về nguồn gốc và sự trường tồn của luật Thiên Chúa. Cả hai cũng là những chứng nhân của kế hoạch cứu độ. Những hình bóng, sự hy sinh và những lời tiên tri trong Cựu Ước hướng đến Đấng Cứu Rỗi sắp đến. Các sách phúc âm và thư tín trong Tân Ước nói về Đấng Cứu Thế đã đến theo cách chính xác được tiên đoán theo hình bóng và lời tiên tri.

"Họ sẽ mặc áo bao gai mà nói tiên tri trong một ngàn hai trăm sáu mươi ngày." Trong phần lớn thời gian này, các nhân chứng của Chúa vẫn ở trong tình trạng mù mờ. Quyền lực của giáo hoàng đã tìm cách che giấu Lời lẽ thật khỏi người dân và đặt những nhân chứng giả trước mặt họ để chống lại lời khai của họ. Khi Kinh Thánh bị chính quyền tôn giáo và thế tục cấm đoán; khi lời chứng của họ bị xuyên tạc, và con người và ma quỷ đã nỗ lực hết sức để nghĩ ra những phương tiện khiến tâm trí con người rời xa Sách; khi những người dám tuyên bố sự thật thiêng liêng của họ bị săn lùng, phản bội, tra tấn, chôn trong ngục tối, tử đạo vì đức tin của họ, hoặc bị buộc phải chạy trốn đến các vùng núi kiên cố và các hố và hang động trên Trái đất—thì những nhân chứng trung thành mà họ nói tiên tri với bao gai.

Tuy nhiên, họ vẫn tiếp tục làm chứng trong suốt thời gian 1.260 năm.

Trong thời kỳ đen tối nhất, có những người trung thành yêu mến Lời Chúa và ghen tị với danh dự thiêng liêng. Những tội tử trung thành này đã được ban cho sự khôn ngoan, quyền năng và thẩm quyền để rao truyền lẽ thật của Ngài từ lâu.

"Nếu ai muốn làm hại họ, lửa sẽ ra từ miệng họ thiêu đốt kẻ thù của họ; nếu ai muốn làm hại họ thì phải bị giết." (Ngày tận thế.

11:5). Con người sẽ không thể chà đạp Lời Chúa mà không bị trừng phạt. Ý nghĩa của lời tố cáo đáng sợ này được trình bày trong chương kết thúc sách Khải Huyền: "Tôi làm chứng cho mọi người nghe những lời tiên tri trong sách này rằng nếu ai thêm thắt điều gì vào đó, thì Đức Chúa Trời sẽ giáng cho họ những tai họa đã chép ở Kinh Thánh. sách này; và nếu ai bớt lời nào trong sách tiên tri này, thì Đức Chúa Trời sẽ cất lấy phần họ về cây sự sống và thành thánh đã chép trong sách này." (Kh 22:18 và 19).

Đó là những lời cảnh báo mà Đức Chúa Trời đã đưa ra để ngăn cản con người thay đổi theo bất kỳ cách nào những gì Ngài đã mặc khải hoặc truyền lệnh. Những lời tố cáo long trọng này áp dụng cho tất cả những ai do ảnh hưởng của họ khiến con người xem nhẹ luật pháp của Đức Chúa Trời. Chúng sẽ làm cho những người quả quyết một cách bất kính rằng việc tuân theo luật pháp của Đức Chúa Trời hay không là một vấn đề không mấy quan trọng. Tất cả những ai đề cao ý kiến riêng của mình lên trên sự mặc khải thiêng liêng, tất cả những ai thay đổi ý nghĩa đơn giản của Kinh thánh để phù hợp với ý muốn của mình hoặc để phù hợp với thế giới, đều đang gánh lấy trách nhiệm to lớn cho mình. Lời thành văn, luật pháp của Đức Chúa Trời, sẽ đo lường tính cách của mỗi người và lên án những ai cho rằng mình thiếu sót trong bài kiểm tra không thể sai lầm này.

"Khi họ [hoàn thành] lời khai của mình." Khoảng thời gian mà hai nhân chứng được cho là mặc áo bao tải để nói tiên tri đã kết thúc vào năm 1798. Khi công việc của họ dần hoàn thành trong bóng tối, một cuộc chiến đã nổ ra chống lại họ để giành lấy sức mạnh được đại diện là "quái vật trở dậy từ vực sâu". Ở nhiều quốc gia châu Âu, các quyền lực thống trị Giáo hội và Nhà nước trong nhiều thế kỷ đã bị Satan kiểm soát thông qua giáo hoàng. Tuy nhiên, ở đây, một biểu hiện mới của sức mạnh ma quỷ đã được tiết lộ.

Chính sách của Rome, với niềm tin tôn kính Kinh thánh, đã giữ nó bằng một ngôn ngữ không xác định và giấu kín khỏi mọi người. Dưới sự cai trị của ông, các nhân chứng đã nói tiên tri "trong trang phục bao gai". Nhưng một thế lực khác, con thú từ vực thẳm, sẽ trở dậy để công khai tuyên chiến chống lại Lời Chúa.

"Thành phố vĩ đại" nơi các đường phố nơi các nhân chứng bị giết, và nơi đặt xác của họ, "được gọi về mặt tâm linh là Sô-đôm và Ai Cập." Trong số tất cả các quốc gia được trình bày trong lịch sử Kinh thánh, Ai Cập đã phủ nhận sự tồn tại của Đức Chúa Trời hằng sống và chống lại những lời răn dạy của Ngài. , một cách cực kỳ táo bạo. Chưa có vị vua nào dám mạo hiểm nổi dậy chống lại quyền lực của Thiên đường một cách kiêu ngạo hơn vua Ai Cập. Khi thông điệp được Moses đưa ra, nhân danh Chúa, Pharaoh đã tự hào trả lời: "Chúa là ai Tôi sẽ nghe tiếng ai để thả Y-sơ-ra-ên đi? Tôi không biết Chúa, tôi cũng sẽ không để Y-sơ-ra-ên đi" (Xuất Ê-díp-tô 5:2). Đây là chủ nghĩa vô thần; và quốc gia đại diện bởi Ai Cập sẽ bày tỏ sự phủ nhận tương tự đối với những lời tuyên bố của Đức Chúa Trời hằng sống và một tinh thần tương tự. của sự vô tín và thách thức. "Thành phố lớn" cũng được so sánh "về mặt tâm linh" với Sô-đôm. Sự bại hoại của Sô-đôm trong việc vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời biểu hiện đặc biệt ở sự phóng túng. Và tội lỗi này cũng phải là một đặc điểm nổi bật của quốc gia sắp phải chịu đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của văn bản thiêng liêng.

Theo lời của nhà tiên tri, ngay trước năm 1798, một thế lực nào đó có nguồn gốc và đặc tính của quỷ Satan sẽ trở dậy gây chiến với Kinh thánh. Và tại vùng đất mà lời chứng của hai nhân chứng của Thiên Chúa bị im lặng, chủ nghĩa vô thần của Pharaoh và sự phóng đảng của Sodom sẽ được thể hiện.

Lời tiên tri này đã được ứng nghiệm chính xác và ấn tượng nhất trong lịch sử nước Pháp. Trong cuộc Cách mạng năm 1793, "lần đầu tiên thế giới được nghe thấy một nhóm người sinh ra và được giáo dục trong nền văn minh, nắm quyền cai trị một trong những quốc gia châu Âu vĩ đại nhất, đồng lòng lên tiếng phủ nhận sự thật trang nghiêm nhất rằng tâm hồn con người tiếp nhận và nhất trí từ bỏ tín ngưỡng, thờ phụng Thần linh". "Pháp là quốc gia duy nhất trên thế giới có một hồ sơ xác thực được lưu giữ rằng, với tư cách là một quốc gia, nước này đã giơ tay chống lại Tác giả của Vũ trụ. Sự tràn lan của những kẻ bàng bô, vô số kẻ ngoại đạo, đã và vẫn tiếp tục ở Anh, Đức, Tây Ban Nha và các vùng đất khác; nhưng Pháp nổi bật trong lịch sử thế giới với tư cách là Quốc gia duy nhất, theo sắc lệnh của Hội đồng Lập pháp, tuyên bố rằng không có Chúa, và trong đó toàn bộ dân số thủ đô của nó và một rộng lớn ở hầu hết các nơi khác, cả phụ nữ và nam giới đều nhảy múa và ca hát vui mừng khi nghe được lời tuyên bố khét tiếng này."

Pháp cũng thể hiện những đặc điểm đặc biệt hơn cả Sodom. Trong Cách mạng, có một tình trạng suy thoái đạo đức và tham nhũng rõ ràng tương tự như tình trạng đã gây ra sự tàn phá cho các thành phố ở vùng đồng bằng. Và nhà sử học này đã cùng nhau trình bày chủ nghĩa vô thần và sự phóng túng của nước Pháp, theo sự tiết lộ của lời tiên tri: "Có mối liên hệ chặt chẽ với những luật liên quan đến tôn giáo này, đó là điều đã làm suy giảm sự kết hợp của hôn nhân - sự tham gia thiêng liêng nhất mà con người có thể hình thành, và mà tính lâu dài của nó dẫn đến sự củng cố xã hội mạnh mẽ hơn - đến trạng thái của một hợp đồng dân sự đơn thuần có tính chất tạm thời, trong đó một trong hai người có thể tham gia và hủy bỏ, theo ý muốn của họ... Nếu lũ quỷ đã tự mình khám phá một cách hiệu quả hơn để tiêu diệt những gì đáng kính, duyên dáng hoặc lâu dài trong cuộc sống gia đình, đồng thời đạt được sự chắc chắn rằng sự tai hại mà họ tạo ra sẽ kéo dài từ thế hệ này sang thế hệ khác, họ không thể có được. đã nghĩ ra một kế hoạch hiệu quả hơn, hiệu quả hơn là làm suy thoái hôn nhân... Sophie Arnoult, một nữ diễn viên nổi tiếng với những câu nói hóm hỉnh, đã mô tả hôn nhân cộng hòa là 'bí tích của tội ngoại tình'."

"Nơi Chúa của bạn cũng bị đóng đinh." Đặc điểm tiên tri này cũng đã được Pháp thực hiện. Không có quốc gia nào có tinh thần thù địch với Chúa Kitô được thể hiện một cách trắng trợn hơn. Không có quốc gia nào sự thật lại gặp phải sự chống đối gay gắt và quyết liệt hơn thế. Trong cuộc đàn áp của Pháp đối với những người tuyên xưng phúc âm, nước này đã đóng đinh Chúa Kitô dưới hình thức các môn đệ của Ngài.

Thế kỷ này qua thế kỷ khác, máu của các vị thánh đã đổ ra. Trong khi những người Waldensians hy sinh mạng sống của họ ở vùng núi Piedmont, "vì lời của Chúa và lời chứng của Chúa Giêsu Kitô," lời chứng tương tự về sự thật đã được đưa ra bởi những người anh em của họ, những người Albigensians ở Pháp. Vào thời Cải cách, các môn đệ của ông đã bị giết bằng những hình thức tra tấn khủng khiếp. Vua và các quý tộc, các quý bà thuộc tầng lớp cao quý và các trinh nữ xinh đẹp, niềm kiêu hãnh và quý phái của dân tộc, đã từng ngắm nhìn nỗi thống khổ của các vị tử đạo của Chúa Giêsu. Những người Huguenot dũng cảm, đấu tranh cho những quyền lợi thiêng liêng nhất của trái tim con người, đã đổ máu trên nhiều chiến trường khốc liệt. Những người theo đạo Tin lành bị coi là những kẻ ngoài vòng pháp luật, và họ phải trả giá đắt; họ bị săn đuổi như thú rừng.

"Nhà thờ trong sa mạc", một số ít hậu duệ của những người theo đạo Cơ đốc cổ xưa sống sót ở Pháp thế kỷ 18, ẩn náu ở vùng núi phía Nam, vẫn trân trọng đức tin của cha ông. Liều lĩnh tụ tập vào ban đêm trên các sườn núi hay những đầm lầy vắng vẻ, họ bị kỵ binh truy lùng và bị kéo làm nô lệ vĩnh viễn trên các thuyền buồm. "Những người Pháp trong sáng nhất, có văn hóa nhất và thông minh nhất đều bị xiềng xích, tra tấn khủng khiếp giữa những tên trộm và kẻ giết người." Những người khác, được đối xử nhân từ hơn, bị bắn một cách máu lạnh, quỳ xuống và cầu nguyện, không có khả năng tự vệ và bị bỏ rơi. Hàng trăm người đàn ông lớn tuổi, phụ nữ không có khả năng tự vệ và trẻ em vô tội đã bị giết và không được chôn cất trên mặt đất, đúng nơi họ tụ tập. Băng qua hai bên núi hoặc rừng, nơi họ từng tụ tập, không hiếm người ta tìm thấy "ở mỗi bước đi xác chết nằm rải rác trên cỏ, hoặc treo trên cây". Những cánh đồng của nó, "bị tàn phá bởi gươm, rìu và lửa, trở nên rộng lớn và u ám".

"Những tội ác này không xảy ra trong Thời kỳ Tăm tối, mà trong thời đại viên mãn và rực rỡ, "khi khoa học được trau dồi và chữ viết phát triển; khi các giáo sĩ trong triều đình và thủ đô là những người có học thức và có tài hùng biện, thể hiện rất nhiều vẻ hiền lành." và từ thiện."

Nhưng tội ác ghê tởm nhất trong danh mục tội ác đen tối, hành động ma quỷ khủng khiếp nhất trong tất cả các thế kỷ kinh hoàng, là vụ thảm sát Thánh Bartholomew. Thế giới vẫn còn nhớ, rùng mình kinh hãi trước cảnh tượng cuộc tấn công vô cùng hèn nhát và tàn ác đó. Vua nước Pháp, được các linh mục và quan chức La Mã thuyết phục, đã phê chuẩn công việc khủng khiếp này. Tiếng chuông lớn của cung điện vang lên trong đêm khuya là tín hiệu cho cuộc thảm sát. Hàng nghìn người theo đạo Tin lành ngủ yên trong nhà, tin tưởng vào danh dự bị tổn hại của nhà vua, đã bị lôi ra ngoài mà không báo trước và bị sát hại một cách máu lạnh.

Satan, dưới con người của những kẻ cuồng tín ở La Mã, nắm quyền. Như Đấng Christ là Đấng Lãnh đạo vô hình của dân Ngài trong việc giải thoát họ khỏi ách nô lệ của người Ai Cập, nên Sa-tan là kẻ cầm đầu vô hình của thần dân Ngài trong công việc tàn ác này nhằm gia tăng số lượng các vị tử đạo. Trong bảy ngày, vụ thảm sát tiếp tục ở Paris; ba sự hung dữ đầu tiên không thể tưởng tượng được. Và cuộc tàn sát không chỉ giới hạn ở thành phố mà theo lệnh đặc biệt của nhà vua, nó mở rộng ra tất cả các tỉnh, thành phố có người theo đạo Tin lành. Cả tuổi tác lẫn giới tính đều không được tôn trọng. Không phải đứa trẻ ngây thơ cũng như người đàn ông tóc bạc. Quý tộc và nông dân, già và trẻ, mẹ và con, đều bị tiêu diệt cùng nhau. Cuộc tàn sát kéo dài hai tháng trên khắp nước Pháp. Bảy vạn bông hoa đẹp của quốc gia bị diệt vong.

"Giáo hoàng Gregory XIII nhận được tin về số phận của những người Huguenot với niềm vui không kiềm chế được. Mong muốn của trái tim ông đã được thỏa mãn và Charles IX giờ đây đã là đứa con trai yêu quý của ông.

Rome vui mừng khôn xiết. Những khẩu đại bác của lâu đài Santo Angelo vang lên trong màn chào mừng đầy lễ hội. Tiếng chuông ngân vang trong từng ngọn tháp. Ngọn lửa bập bùng suốt đêm. Và Gregory, với sự hỗ trợ của các hồng y và linh mục, đi theo trong đám rước hoành tráng đến nhà thờ São Luís, nơi hồng y Lorraine hát bài Te Deum... Tiếng kêu của đám đông đau đớn là bản hòa âm nhẹ nhàng cho triều đình Rome. Một huy chương đã được trao để tưởng nhớ vụ thảm sát về vàng. Một bức tranh đã được vẽ vẫn còn tồn tại ở Vatican, mô tả các sự kiện chính của Thánh Bartholomew. Giáo hoàng nóng lòng bày tỏ lòng biết ơn đối với Charles vì hành vi ngoan ngoãn của anh ta, nên đã gửi cho anh ta Bông hồng vàng. Và từ các bức giảng ở Rome, các nhà thuyết giáo hùng hồn đã ca ngợi Charles, Catherine và các nhà lãnh đạo quân sự là những người sáng lập mới của nhà thờ giáo hoàng."

Chính tinh thần ma quỷ đã kích động vụ thảm sát Thánh Bartholomew cũng đã chỉ đạo các cảnh Cách mạng. Chúa Giêsu Kitô bị tuyên bố là kẻ mạo danh và tiếng kêu chế giễu của những người Pháp không có đức tin là: "Đè bẹp kẻ khốn nạn!" nghĩa là Chúa Kitô. Sự báng bổ ngang ngược và sự bất kính ghê tởm luôn song hành với nhau, và loài người thấp kém nhất, những con quái vật tàn ác và xấu xa đáng khinh bỉ nhất, lại là những kẻ được tôn cao nhất. Trong tất cả sự tôn kính tối cao này đã được dành cho Satan, trong khi Chúa Kitô, với đặc tính chân lý, tinh khiết và tình yêu hy sinh quên mình, đã bị đóng đinh.

"Con thú từ vực sâu đi lên sẽ giao chiến với chúng, nó sẽ thắng chúng và giết đi." Quyền lực vô thần cai trị ở Pháp trong Cách mạng và Triều đại Khủng bố, đã tiến hành một cuộc chiến tranh chống lại Thiên Chúa và Lời thánh của Ngài như chưa bao giờ được chứng kiến trên khắp thế giới. Lời Chúa đã bị quốc hội cấm. Kinh thánh được thu thập và đốt công khai giữa mọi biểu hiện chế nhạo có thể và có thể tưởng tượng được. Luật pháp của Chúa bị chà đạp dưới chân. Các tổ chức Kinh Thánh đã bị bãi bỏ. Ngày nghỉ hàng tuần được dành riêng, và thay vào đó, ngày thứ mười được dành cho việc vui chơi và báng bổ. Việc rửa tội và rước lễ đều bị cấm. Những thông báo được dán nổi bật trong các nghĩa trang tuyên bố rằng cái chết chỉ là một giấc mơ.

Vĩnh hằng.

Người ta nói rằng sự kính sợ Chúa còn lâu mới là khởi đầu của sự khôn ngoan mà đó là khởi đầu của sự ngu ngốc. Tất cả các tôn giáo đều bị cấm ngoại trừ tôn giáo tự do và đất nước. "Giám mục hiến pháp của Paris bị buộc phải đóng vai chính trong trò hề trớ trêu và tai tiếng nhất từng được dàn dựng trước một đại diện quốc gia. Ông ấy được đưa ra trong toàn bộ đám rước và buộc phải tuyên bố trước Đại hội rằng ông ấy đã giảng dạy trong nhiều năm, về mọi mặt, là một mưu đồ của linh mục không có nền tảng về Lịch sử hoặc sự thật thiêng liêng. Cô phủ nhận một cách long trọng và rõ ràng sự tồn tại của Thần thánh mà cô tận tâm tôn thờ, và sau đó cống hiến hết mình để bày tỏ lòng tôn kính đối với tự do, bình đẳng, đức hạnh và đạo đức. Sau đó, ông đặt đồ trang sức giám mục của mình lên bàn và nhận được cái ôm huynh đệ từ chủ tịch Công ước. Một số linh mục bỏ đạo đã noi gương vị giám chức này".

"Và những người sống trên trái đất sẽ vui mừng và vui mừng và gửi quà cho nhau: bởi vì hai nhà tiên tri này đã làm khổ những người sống trên trái đất." Nước Pháp ngoại giáo đã làm câm lặng tiếng nói trách móc của hai chứng nhân Thiên Chúa. Lời lẽ thật nằm chết trên các đường phố, và những người ghét những hạn chế và tuyên bố của luật pháp Đức Chúa Trời đều rất vui mừng. Đàn ông

công khai thách thức Vua Thiên Đàng. Giống như những kẻ tội lỗi ngày xưa, họ kêu lên: "Làm sao Thiên Chúa biết được? Hay: Đấng Tối Cao có tri thức không?" (Thi Thiên 73:11).

Với sự táo bạo báng bổ, gần như không thể tin được, một trong những linh mục của trật tự mới đã nói: "Chúa ơi, nếu Chúa tồn tại, hãy trả thù cho tên bị xúc phạm của Ngài. Tôi thách thức Ngài! Chúa vẫn im lặng; không dám phóng sấm sét của Ngài. Sau đó, ai sẽ tin vào sự tồn tại của Ngài." "Thật là một tiếng vọng chính xác cho câu hỏi của Pha-ra-ôn: "Chúa là ai mà tôi phải vâng theo tiếng Ngài?" "Tôi không biết Chúa!"

"Kẻ ngu ngốc nói trong lòng rằng: Không có Chúa." (Thi Thiên 14:1). Và Chúa tuyên bố về những kẻ bóp méo sự thật: "Sự điên rồ của họ sẽ được hiển thị cho tất cả mọi người." (II Ti-mô-thê 3:9). Sau khi nước Pháp từ bỏ việc tôn thờ Thiên Chúa hằng sống, "Đấng Cao cả và Cao siêu ngự trong cõi vĩnh hằng", không lâu sau đó nước này lại rơi vào tình trạng thờ thần tượng hèn hạ thông qua việc tôn thờ nữ thần Lý trí, trong con người của một người phụ nữ phóng khoáng. Và điều này xảy ra trong quốc hội đại diện của quốc gia, và trước sự chứng kiến của các cơ quan lập pháp và dân sự cao nhất của quốc gia! Nhà sử học nói: "Một trong những nghi lễ của thời kỳ hoang dã đó vẫn có một không hai vì sự vô lý kết hợp với sự vô đạo của nó. Cảnh cửa hội nghị mở ra cho một ban nhạc kèn đồng, theo sau là các thành viên của cơ quan thành phố, những người bước vào đám rước long trọng hát một bài ca." bài thánh ca ca ngợi tự do và sự hộ tống, như đối tượng tôn thờ trong tương lai của họ, một người phụ nữ đeo mạng che mặt và người mà họ gọi là nữ thần Lý trí. Đưa ra trước chính quyền, tấm màn che được gỡ bỏ khỏi người cô ấy bằng nghi lễ trọng thể và đặt ở phía bên phải của tổng thống, nhân dịp đó bà được công nhận là một vũ công opera... Đối với người này, với tư cách là đại diện hợp pháp nhất cho lý do mà họ tôn thờ, Hội nghị Quốc gia Pháp đã bày tỏ lòng tôn kính trước công chúng. , và phong tước của Nữ thần Lý trí đã được lập lại và bắt chước khắp đất nước, ở những nơi mà người dân mong muốn sống theo Cách mạng."

Diễn giả giới thiệu sự sùng bái Lý trí cho biết: "Chủ nghĩa cuồng tín lập pháp đã mất đi ảnh hưởng và được thay thế bằng lý trí. Chúng ta đã từ bỏ những ngôi đền của nó. Những thứ này đã được cải tạo. Ngày nay, đám đông khổng lồ đang tụ tập dưới mái nhà Gothic, nơi lần đầu tiên sẽ vang lên tiếng nói của sự thật. Ở đó, người Pháp sẽ tôn vinh sự tôn sùng Tự do và Lý trí thực sự. Ở đó, chúng tôi sẽ trình bày mong muốn thịnh vượng của mình với quân đội của nước Cộng hòa. Ở đó chúng ta sẽ từ bỏ việc thờ cúng các thần tượng vô tri để đi theo Lý trí - hình ảnh sống động này, kiệt tác của tạo hóa." Khi nữ thần được trình diện trước Hội nghị, diễn giả nắm lấy tay cô và quay về phía đại chúng và nói: " Phàm nhân , hãy ngừng run rẩy trước tiếng sấm vô hại của Chúa mà chính nỗi sợ hãi của bạn đã tạo ra. Từ bây giờ đừng thừa nhận bất kỳ thần thánh nào khác ngoài Lý trí. Tôi cung cấp cho bạn hình ảnh cao quý và thuần khiết nhất của bạn. Nếu bạn cần những thần tượng, hãy chỉ hy sinh những thần tượng như thế này. Hãy gục ngã trước thượng viện uy nghiêm của tự do, bức màn của Lý trí."

"Nữ thần sau khi được chủ tịch ôm hôn đã được đưa lên một chiếc ô tô lộng lẫy và được đưa giữa đám đông mừng đến Nhà thờ Đức Bà để thay thế Thần thánh. Tại đây, Người được nâng lên bàn thờ chính và nhận được sự tôn thờ của mọi người. hiện tại."

Sau đó không lâu là việc đốt Kinh thánh một cách công khai. Và "Hiệp hội Bảo tàng Bình dân bước vào hội trường thành phố và thốt lên: "Vive la Raison!" Và mang trên đầu cây gậy phản còn lại đã cháy dở của một số cuốn sách, bao gồm cả các ấn bản cô đọng của Cựu Ước và Tân Ước, đã "hết hạn trong một trận hỏa hoạn lớn", như tổng thống đã nói, "tất cả những điều ngu xuẩn đã gây ra cho loài người". làm."

Chính giáo hoàng đã bắt đầu công việc mà chủ nghĩa vô thần hiện đang hoàn thành. Chính sách của Rome đã tạo ra những điều kiện xã hội, chính trị và tôn giáo

họ đã nhanh chóng khiến nước Pháp bị hủy hoại. Một nhà văn, khi nói về sự khủng khiếp của Cách mạng, đã nói: "Quả thật, những sự thái quá này phải được quy cho ngài vàng và nhà thờ". Với công lý nghiêm khắc, họ phải bị quy cho nhà thờ. Giáo hoàng đã đầu độc tâm trí của các vị vua chống lại cuộc Cải cách, như kẻ thù của vương miện và là một yếu tố bất hòa có thể gây tổn hại đến hòa bình và hòa hợp của dân tộc. Chính thiên tài của La Mã đã truyền cảm hứng cho sự tàn ác khủng khiếp nhất và sự áp bức đau đớn nhất bắt nguồn từ

ngài vàng.

Tinh thần tự do đồng hành cùng Kinh Thánh. Bất cứ nơi nào phúc âm được tiếp nhận, tâm trí mọi người được đánh thức. Họ bắt đầu phá bỏ những xiềng xích đã trói buộc họ làm nô lệ cho sự ngu dốt, thói xấu và mê tín. Họ bắt đầu suy nghĩ và hành động như đàn ông. Các quốc vương nhìn thấy điều này đều lo sợ vì sự chuyên quyền của chính mình.

Rome đã không chậm chạp trong việc khơi dậy nỗi sợ hãi cuồng nhiệt của các vị vua. Giáo hoàng nói với nhiếp chính nước Pháp vào năm 1525: "Sự điên cuồng này [Tin lành] sẽ không chỉ tiêu diệt tôn giáo, mà còn hủy diệt tất cả các chế độ chính trị, giới quý tộc, luật pháp, mệnh lệnh và giai cấp". Vài năm sau, một vị chức sắc giáo dân cảnh báo nhà vua: "Nếu ngài muốn bảo toàn nguyên vẹn quyền chủ quyền của mình; nếu ngài muốn giữ cho các quốc gia phải phục tùng uy nghi của ngài, trong hòa bình, hãy can đảm bảo vệ đức tin Công giáo và khuất phục mọi kẻ thù của ngài bằng cách lực lượng." Và các nhà thần học đã khơi dậy những thành kiến của người dân, tuyên bố rằng giáo lý Tin Lành "kích động con người tiến hành những đổi mới và ngu xuẩn; nó tước đoạt tình cảm tận tụy của nhà vua đối với thần dân của ông và tàn phá cả Giáo hội và Nhà nước." Bằng cách này, La Mã đã khiến nước Pháp trở nên thù địch với cuộc Cải cách. "Đó là để duy trì ngài vàng, bảo vệ các quý tộc và bảo vệ luật pháp, mà Thanh gươm đàn áp lần đầu tiên được rút ra ở Pháp."

Những người cai trị đất nước hầu như không dự đoán được kết quả của chính sách tai hại này. Lời giảng dạy của Kinh thánh sẽ khắc sâu vào tâm trí và trái tim của người dân những nguyên tắc công bằng, tiết độ, chân lý, công bằng và nhân từ, vốn là nền tảng cho sự thịnh vượng của quốc gia. "Sự công bình tôn cao các nước." Bằng cách này, "ngôi vua được thiết lập nhờ công lý" (Châm ngôn 14:34; 16:12). "Hậu quả của sự công chính sẽ là hòa bình, hoạt động của sự công chính sẽ được yên nghỉ và an ninh mãi mãi". (Ê-sai 32:17). Ai tuân theo luật thiêng liêng sẽ thực sự tôn trọng luật pháp của đất nước mình. Người kính sợ Thiên Chúa sẽ tôn trọng nhà vua khi thực thi mọi quyền hành chính đáng và hợp pháp. Nhưng nước Pháp bất hạnh đã căm Kinh thánh và trục xuất các môn đồ của nó. Thế kỷ này qua thế kỷ khác, những con người có nguyên tắc và chính trực, những con người có trí tuệ nhạy bén và sức mạnh đạo đức, những người đã can đảm bày tỏ niềm xác tín và đức tin của mình để chịu đau khổ vì sự thật, trong nhiều thế kỷ, những người này đã làm nô lệ trên tàu thuyền, bỏ mạng trên cọc, hoặc mục nát trong các ô ngục tối. Hàng ngàn người đã tìm thấy sự an toàn trong chuyến bay; và điều này tiếp tục trong hai trăm năm mười năm sau khi bắt đầu cuộc Cải cách.

"Hầu như không có một thế hệ người Pháp nào trong thời kỳ dài này không chứng kiến cuộc chạy trốn của các môn đệ Tin Mừng để thoát khỏi cơn thịnh nộ điên cuồng của kẻ bắt bớ, mang theo trí thông minh, nghệ thuật, công nghiệp, trật tự, trong đó, thông thường, họ phát triển mạnh mẽ, nổi bật, nhờ làm giàu cho vùng đất nơi họ trú ẩn. Và tương ứng với việc họ mang đến cho các quốc gia khác những món quà chính xác này, họ đã tước đi những món quà chính xác này của đất nước mình. Được bảo tồn ở Pháp; nếu trong ba trăm năm này, năng lực công nghiệp của những người lưu vong đã canh tác đất đai của họ; nếu trong suốt ba trăm năm này, năng khiếu nghệ thuật của họ đã được sử dụng để hoàn thiện sản xuất của họ; nếu, trong ba thế kỷ này, thiên tài sáng tạo và khả năng phân tích của họ đã làm phong phú thêm nền văn học của họ và trau dồi khoa học của họ; nếu sự khôn ngoan của ông ấy hướng dẫn các hội đồng của mình, lòng dũng cảm của ông ấy đang chiến đấu trong các trận chiến, và sự công bằng của ông ấy là đưa ra luật pháp, và nếu tôn giáo của Kinh thánh là

để củng cố trí tuệ và cai trị lương tâm của người dân, vinh quang sẽ bao trùm nước Pháp ngày nay! Thật là một quốc gia vĩ đại, thịnh vượng và hạnh phúc, đáng lẽ phải là hình mẫu cho các quốc gia khác!

"Nhưng chủ nghĩa cuồng tín mù quáng và không thể tha thứ đã trục xuất khỏi lãnh thổ của mình mọi giáo viên đạo đức, mọi nhà vô địch về trật tự, mọi người bảo vệ ngai vàng trung thực, nói với những người lẽ ra sẽ mang lại 'danh tiếng và vinh quang' cho đất nước trên Trái đất: 'Hãy chọn những gì bạn muốn: đồng lửa hoặc sự lưu đày.' Cuối cùng, Nhà nước đã sụp đổ hoàn toàn; không còn lương tâm nào bị cấm đoán; không còn tôn giáo nào bị kéo lên cọc; không còn lòng yêu nước bị trục xuất." Và Cách mạng, với tất cả những nỗi kinh hoàng của nó, là một kết quả tai hại.

"Với chuyển bay của người Huguenot, sự suy thoái chung bắt đầu ở Pháp. Các thành phố sản xuất thịnh vượng chìm vào suy tàn; các huyện màu mỡ trở lại trạng thái bỏ hoang tự nhiên; Sự đàn áp về trí tuệ và suy thoái đạo đức theo sau một thời kỳ tiến bộ bất thường. Paris đã trở thành một ngôi nhà nghèo rộng lớn, và người ta ước tính rằng, khi Cách mạng bùng nổ, hai trăm nghìn người nghèo đã đến ăn xin từ thiện dưới bàn tay của nhà vua. Chỉ có Dòng Tên mới thịnh vượng giữa một quốc gia suy đồi, và cai trị bằng sự chuyên chế khủng khiếp đối với các nhà thờ, trường học, nhà tù và nhà bếp."

Phúc âm lẽ ra đã cho phép nước Pháp tìm ra giải pháp cho các vấn đề chính trị và xã hội làm cản trở năng lực của giới tăng lữ, nhà vua và các nhà lập pháp, và cuối cùng đẩy đất nước vào tình trạng hỗn loạn và hoang tàn. Tuy nhiên, dưới sự cai trị của La Mã, người dân đã đánh mất những bài học đầy ân phúc của Đấng Cứu Rỗi về sự quên mình và tình yêu thương vị tha. Họ đã chuyển hướng khỏi việc thực hành sự tử bỏ bản thân vì lợi ích của người khác. Người giàu không bị quở trách vì áp bức người nghèo; người nghèo không nhận được sự giúp đỡ nào vì tình trạng nô lệ và suy thoái của họ. Sự ích kỷ của những người giàu có và quyền lực ngày càng lộ rõ và áp bức. Trong nhiều thế kỷ, lòng tham và sự trụy lạc của giới quý tộc đã dẫn đến sự áp bức bóc lột của nông dân. Người giàu bóc lột người nghèo, người nghèo ghét người giàu.

Ở nhiều tỉnh, tài sản nằm trong tay quý tộc và tầng lớp lao động chỉ là tá điền. Họ thấy mình bị chủ nhân thương xót và buộc phải phục tùng những yêu cầu cắt cổ của họ. Gánh nặng hỗ trợ cả Giáo hội và Nhà nước đặt lên vai tầng lớp trung lưu và hạ lưu, những người bị chính quyền dân sự và giới tăng lữ đánh thuế nặng nề. "Niềm vui của giới quý tộc được coi là luật tối cao; nông dân và nông dân có thể chết đói mà những kẻ áp bức họ không phải lo lắng về điều đó... Người dân buộc phải luôn luôn hỏi ý kiến lợi ích riêng của chủ sở hữu. Cuộc sống của người công nhân nông nghiệp là một công việc không ngừng nghỉ và nỗi khổ cùng không nguôi, nếu họ dám khiêu nại, những lời bất bình của họ sẽ bị coi thường một cách xác xược. Tòa án công lý luôn xét xử vụ án cho nhà quý tộc, ưu tiên cho nông dân. Có sức mạnh của luật pháp, nhờ vào hệ thống tham nhũng phổ quát này. Trong số thuế thu được từ công dân bình thường bởi một bên là các ông trùm thế tục và bên kia là giới tăng lữ, thậm chí không có một nửa nào được phân bổ cho kho bạc hoàng gia hoặc giám mục. Và phần còn lại bị lãng phí vào đạo đức đồi trụy. Và những người làm nghèo đồng hương của họ theo cách đó được miễn thuế, và được bổ nhiệm theo pháp luật hoặc phong tục vào tất cả các chức vụ trong Nhà nước. Các tầng lớp đặc quyền lên tới khoảng một trăm năm mươi nghìn cá nhân, và sự thỏa mãn mà hàng triệu người đã bị kết án phải có một cuộc sống suy thoái và vô vọng."

Triều đình đã bị khuất phục vì dục vọng và trụy lạc. Có rất ít sự tin tưởng tồn tại giữa người dân và những người cai trị. Người ta dấy lên nghi ngờ về tất cả các biện pháp của chính phủ, là vô lý và ích kỷ. Hơn nữa thế kỷ trước Cách mạng, ngai vàng đã bị Louis XV chiếm giữ, người ngay cả trong thời kỳ khó khăn đó,

Ông nổi tiếng là một vị vua buông thả, phù phiếm và gợi cảm. Với một tầng lớp quý tộc sa đọa và độc ác, một tầng lớp thấp hèn và ngu dốt, một Nhà nước bị lung lay về tài chính và một dân tộc phần nộ, không cần phải có con mắt của một nhà tiên tri cũng có thể thấy trước một cuộc nổi dậy khủng khiếp sắp xảy ra. Trước những lời cảnh báo của các cố vấn, nhà vua thường trả lời: "Hãy cố gắng để mọi chuyện tiếp tục cho đến khi ta còn sống; sau khi ta chết, chuyện gì xảy ra cũng thế." Thật vô ích khi nhà vua nhất quyết yêu cầu cải cách. Anh ta nhìn thấy những tệ nạn, nhưng không có can đảm cũng như nghị lực để đối mặt với chúng. Tuy nhiên, sự tàn phá sắp xảy ra với nước Pháp thực sự được thể hiện qua câu trả lời lưỡi biếng và ích kỷ của ông: "Sau tôi là lũ lụt!"

Lợi dụng sự ghen tị của các vị vua và các giai cấp thống trị, La Mã đã tác động để họ giữ người dân làm nô lệ, biết rõ rằng Nhà nước sẽ suy yếu, và bằng cách này, có ý định bắt giữ cả hoàng tử và người dân. Bằng chính sách rất khôn ngoan, ông nhận ra rằng, để nô dịch đàn ông một cách hiệu quả, xiềng xích phải được áp dụng cho tâm hồn họ, và cách chắc chắn nhất để ngăn họ thoát khỏi cảnh nô lệ là khiến họ không có khả năng tự giải phóng. Khủng khiếp hơn ngàn lần nỗi đau thể xác do chính sách của ông gây ra là sự suy thoái đạo đức. Bị tước đoạt Kinh Thánh và phó mặc cho những lời dạy của chủ nghĩa cuồng tín và ích kỷ, người dân chìm đắm trong sự thiếu hiểu biết và mê tín và chìm đắm trong những thói hư tật xấu, đến mức họ hoàn toàn không có khả năng tự quản lý mình.

Nhưng kết quả của tất cả những điều này hoàn toàn khác với những gì Rome đã lên kế hoạch. Thay vì bắt quân chúng mù quáng phục tùng những giáo điều của mình, công việc của ông đã khiến họ trở thành những người không có niềm tin và trở thành những nhà cách mạng. Họ coi thường chủ nghĩa La Mã như một chính sách giáo sĩ. Họ coi giới tăng lữ là một đảng áp bức. Vị thần duy nhất họ biết là vị thần của Rome; lời giảng dạy của ông là tôn giáo duy nhất. Họ coi tham vọng và sự tàn ác của mình là thành quả hợp pháp của Kinh thánh và họ không muốn liên quan gì đến điều đó.

La Mã đã xuyên tạc bản chất của Đức Chúa Trời và xuyên tạc những lời tuyên bố của Ngài, và giờ đây loài người đã bác bỏ cả Kinh thánh lẫn Tác giả của nó. Nó đã đòi hỏi niềm tin mù quáng vào những giáo điều của mình, dưới sự chấp thuận được cho là của Kinh thánh. Để phản ứng lại, Voltaire và những người đồng đạo của ông đã hoàn toàn gạt bỏ Lời Chúa, gieo rắc chất độc vô tín khắp nơi. Rome đã chà đạp nhân dân dưới chân bằng sự chuyên chế sắt đá của nó; bây giờ quân chúng, bị suy thoái và tàn bạo, trong sự tách rời khỏi chế độ chuyên chế, đã vứt bỏ mọi hạn chế. Tức giận trước sự lừa đảo trắng trợn mà họ đã tôn vinh bấy lâu nay, họ cùng nhau bác bỏ sự thật và sự giả dối; và nhằm lẫn giữa sự trụy lạc với tự do, những nô lệ của thói xấu lại hân hoan với sự tự do tưởng tượng của họ.

Vào đầu cuộc Cách mạng, thông qua sự nhượng bộ của nhà vua, người dân được phép có quyền đại diện lớn hơn giới quý tộc và giáo sĩ cộng lại. Vì vậy, cán cân quyền lực nằm trong tay ông. Nhưng họ không sẵn sàng sử dụng nó một cách khôn ngoan và tiết kiệm. Mong muốn sửa chữa những tệ nạn mà họ đã phải gánh chịu, họ quyết tâm thực hiện việc tái thiết xã hội. Một đám đông bị ngược đãi, trong tâm trí đầy những ký ức cay đắng đã được nuôi dưỡng từ lâu, đã quyết định thay đổi hoàn toàn tình trạng khốn khổ không thể chịu đựng nổi đó, trả thù những kẻ mà họ cho là tác giả gây ra đau khổ cho mình. Những người bị áp bức đã thực hiện bài học mà họ đã học được từ chế độ chuyên chế, và trở thành kẻ áp bức những kẻ đã chà đạp họ.

Nước Pháp bắt hạnh đã gặt lấy máu của mùa màng mình đã gieo. Kết quả của việc họ khuấy phục trước quyền lực chính phục của La Mã thật khủng khiếp. Pháp ở đâu, dưới

ảnh hưởng của chủ nghĩa La Mã, đốt lửa trại đầu tiên vào thời kỳ đầu của cuộc Cải cách, và cuộc Cách mạng đã dựng lên máy chém đầu tiên. Vào đúng thời điểm các vị tử đạo đầu tiên của đạo Tin Lành bị thiêu vào thế kỷ 16, các nạn nhân đầu tiên bị chém vào thế kỷ 18. Bằng cách từ chối phúc âm có thể mang lại sự chữa lành cho mình, nước Pháp đã mở ra cánh cửa cho sự vô tín và sự hủy hoại. Khi những hạn chế của luật pháp Chúa bị gạt sang một bên, người ta thấy rằng luật pháp của con người không đủ khả năng để ngăn chặn những làn sóng đam mê mãnh liệt của con người, và do đó đất nước rơi vào tình trạng nổi loạn và hỗn loạn. Cuộc chiến chống lại Kinh thánh đã mở ra một kỷ nguyên còn tồn tại trong lịch sử thế giới với tên gọi "Triều đại khủng bố". Hòa bình và hạnh phúc đã bị trục xuất khỏi ngôi nhà và trái tim của con người. Không ai cảm thấy an toàn. Cái gì hôm nay thành công thì ngày mai lại là mục tiêu nghi ngờ, lên án. Bạo lực và lòng tham đã thực hiện sự kiểm soát không thể phủ nhận.

Nhà vua, giáo sĩ và giới quý tộc buộc phải khuất phục trước sự tàn bạo của một dân tộc đầy kích động và điên cuồng. Khát khao trả thù của anh chỉ được dập tắt khi nhà vua bị hành quyết; và những người đã ra lệnh giết anh ta đã sớm theo anh ta lên đoạn đầu đài. Lệnh hành quyết chung tất cả những người bị nghi ngờ có hành vi thù địch chống lại Cách mạng đã được ra lệnh. Các nhà tù quá đông đúc, với số lượng tù nhân lên tới hơn hai trăm nghìn tù nhân. Các thành phố của vương quốc tràn ngập cảnh tượng kinh dị. Một đảng của những nhà cách mạng chống lại một đảng khác, và nước Pháp trở thành nơi tranh chấp rộng lớn của quần chúng đối lập bị kiểm soát bởi cơn cuồng nộ của niềm đam mê của họ. "Ở Paris, cuộc bạo loạn này nối tiếp cuộc bạo loạn khác, và người dân bị chia thành nhiều phe phái, những người dường như không có ý định gì khác ngoài việc tiêu diệt lẫn nhau." Và để làm trầm trọng thêm tình trạng khốn cùng chung, đất nước này đã vướng vào một cuộc chiến tranh kéo dài và tàn khốc với các cường quốc châu Âu. "Đất nước gần như phá sản, quân đội biểu tình phản đối việc chậm trả lương, người dân Paris chết đói, các tỉnh bị bọn cướp hành hạ, và nền văn minh gần như bị dập tắt bởi tình trạng hỗn loạn và phóng túng."

Người dân đã học rất rõ những bài học về sự tàn ác và tra tấn mà La Mã đã dày công dạy dỗ. Ngày trả thù cuối cùng đã đến. Bây giờ không còn các môn đệ của Chúa Giêsu đang ở trong ngục tối và chịu đau khổ nữa.

Các tín đồ đã bị diệt vong từ lâu hoặc bị đày đi lưu đày. Rome giờ đây cảm nhận được sức mạnh tàn nhẫn của những kẻ mà cô đã huấn luyện để thích thú với những hành động khát máu. "Tám gương đàn áp mà giới giáo sĩ Pháp đã thể hiện trong nhiều thế kỷ, giờ đây đã trở nên chống lại chính nó một cách mạnh mẽ. Các giàn giáo chuyển sang màu đỏ máu của các linh mục. Các phòng trưng bày và nhà tù, từng chứa đầy người Huguenot, giờ đây đã chật cứng với những kẻ bắt bớ họ. Bị xích vào băng ghế hoặc làm việc bằng mái chèo, các giáo sĩ Công giáo La Mã đã trải qua tất cả những bất hạnh mà nhà thờ của họ đã tự nguyện gây ra cho những kẻ dị giáo ôn hòa."

"Rồi đến những ngày mà bộ luật man rợ nhất được thi hành bởi những tòa án man rợ nhất, trong đó không ai có thể chào hỏi hàng xóm của mình hoặc cầu nguyện... mà không có nguy cơ phạm tội tử hình, trong đó gián điệp rình rập ở mọi góc ngách. nơi mỗi buổi sáng máy chém hoạt động nhanh chóng và không ngừng nghỉ; nơi nhà tù đầy ắp như hầm chứa một con tàu nô lệ; nơi máu sủi bọt từ máng xối chảy xuống sông Seine..."

Trong khi những đoàn xe chở nạn nhân được đưa tới điểm đến chết người qua các đường phố Paris, thì các thống đốc, những người mà ủy ban có chủ quyền đã cử đến các tỉnh, lại vui mừng trước một vụ tàn ác quá mức chưa từng có ngay cả ở thủ đô. Lưỡi của cỗ máy chết người lên xuống rất chậm để thực hiện công việc giết chóc của nó. Hàng dài tù nhân bị hạ gục bởi hỏa lực súng máy. Có những lỗ thủng dưới đáy thuyền chật cứng người. Lyon đã trở thành sa mạc. Ở Arras, ngay cả lòng thương xót tàn nhẫn của cái chết nhanh chóng cũng bị từ chối đối với tù nhân. Đ

Đọc theo sông Loire, từ Saumur ra biển, những đàn quạ và diều lớn ăn thịt những xác chết trần trụi, quần lấy nhau trong những cái ôm gớm ghiếc. Không có lòng thương xót nào được thể hiện đối với giới tính hoặc tuổi tác. Con số các chàng trai, cô gái mười bảy tuổi bị chính quyền hành quyết đó sát hại phải tính đến hàng trăm. Những đứa trẻ nhỏ bị tách khỏi mẹ một cách bạo lực sẽ bị ném từ giáo này sang giáo khác dọc theo hàng ngũ Jacobean." Trong khoảng thời gian mười năm ngắn ngủi, hàng triệu người đã bị giết.

Tất cả điều này xảy ra như ý muốn của Satan. Chính vì lý do này mà trong nhiều thế kỷ, ông đã làm việc. Chính sách của nó là lừa dối từ đầu đến cuối, và mục đích chắc chắn của nó là mang lại bất hạnh và đau khổ cho con người, làm biến dạng và làm ô uế công việc của Đức Chúa Trời, làm sai lệch mục đích thiêng liêng của lòng nhân từ và tình yêu, và do đó gây ra đau buồn trong lòng nhân loại. Sau đó, bằng nghệ thuật lừa dối của mình, hắn làm mù tâm trí con người và khiến họ buộc tội Chúa về những tội ác do việc làm của hắn, như thể tất cả những đau khổ này là kết quả của kế hoạch của Tào hóa. Tương tự như vậy, khi những người bị quyền lực tàn ác của hắn làm suy thoái và tàn bạo có được tự do, hắn lại xúi giục họ thực hiện những hành vi thái quá và tàn bạo. Vì vậy, hình ảnh phóng túng không kiểm chế này được những kẻ bạo chúa, áp bức chỉ ra như một minh họa cho kết quả của tự do.

Khi phát hiện ra lỗi nguy trang, Satan chỉ che đậy nó dưới một diện mạo khác, và đám đông vẫn đón nhận nó một cách háo hức như lúc đầu. Khi người dân phát hiện ra rằng Chủ nghĩa La Mã là một sự lừa dối, và Sa-tan không còn có thể dẫn dắt họ vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời thông qua người đại diện này nữa, hắn đã xúi giục họ coi tất cả các tôn giáo là một trò lừa bịp và Kinh thánh là một câu chuyện ngụ ngôn; và gạt bỏ các luật lệ của Đức Chúa Trời, họ buông mình vào sự gian ác tràn lan.

Sai lầm chết người đã mang đến bất hạnh cho người dân nước Pháp là sự thiếu hiểu biết về sự thật duy nhất và vĩ đại này: quyền tự do hợp pháp nằm trong những quy định của luật pháp Chúa. "À! Nếu các người nghe theo các điều răn của Ta!

Bấy giờ sự bình an của các người sẽ như dòng sông, và sự công bình của các người sẽ như sóng biển." Đức Giê-hô-va phán: "Kẻ ác không có sự bình an." Nhưng ai nghe theo Ta sẽ ở yên ổn, không sợ hãi gì cả. của điều ác." (Ê-sai 48:18 và 22; Châm-ngôn 1:33).

Những người vô thần, những người không tin và những kẻ bội đạo chống lại luật pháp của Đức Chúa Trời và buộc tội nó; những kết quả ảnh hưởng của họ chứng minh rằng hạnh phúc của con người gắn liền với việc tuân theo các quy luật thiêng liêng. Những ai chưa đọc bài học này trong Sách của Thiên Chúa được mời đọc trong lịch sử các dân tộc.

Khi Sa-tan hoạt động thông qua hội thánh Rô-ma để lôi kéo con người khỏi sự vâng phục, hắn đã khiến hoạt động của mình bị che giấu và công việc của hắn được nguy trang đến mức hậu quả là sự suy thoái và đau khổ không được coi là kết quả của sự vi phạm. Và sức mạnh của anh ta đã bị vô hiệu hóa rất nhiều bởi hoạt động của Thánh Linh Đức Chúa Trời đến nỗi các mục đích của anh ta đã bị cản trở để đạt được thành tựu trọn vẹn. Người ta không nghĩ đến kết quả trong mối tương quan với nguyên nhân cũng như không khám phá ra nguồn gốc của những đau khổ của mình. Nhưng trong cuộc Cách mạng, luật lệ của Chúa đã bị Hội đồng Quốc gia coi thường. Và trong triều đại khủng bố diễn ra sau đó, mọi người đều có thể thấy được sự vận hành của nhân quả.

Khi Pháp công khai cấm Kinh thánh, những kẻ độc ác và những linh hồn đen tối đã vui mừng khi thực hiện được mục tiêu hằng mong ước của mình: một vương quốc được giải phóng khỏi sự ràng buộc của luật pháp Chúa. Bởi vì bản án chống lại việc ác không được áp dụng ngay lập tức, nên lòng con người "chuyên làm điều ác" (Truyền đạo 8:11). Nhưng việc vi phạm luật pháp công bằng và ngay thẳng chắc chắn sẽ dẫn đến đau khổ và hủy hoại. Tuy nhiên, mặc dù không bị trừng phạt ngay lập tức, nhưng sự bất kính của con người chắc chắn sẽ bị lên án. Nhiều thế kỷ bội đạo và tội ác đã tích lũy cơn thịnh nộ cho ngày báo ứng. Và khi chén tội ác của họ đã đầy, những kẻ khinh thường

Đức Chúa Trời đã nhận ra quá muộn rằng sự kiên nhẫn của Ngài đã cạn kiệt là điều khủng khiếp như thế nào. Thần ôn hòa của Đức Chúa Trời, Đấng đặt ra giới hạn cho sức mạnh tàn ác của Sa-tan, phần lớn đã bị loại bỏ, và kẻ chỉ thích thú với sự bất hạnh của con người được tự do thực hiện ý muốn của mình. Những kẻ đã chọn phục vụ cho cuộc nổi loạn sẽ bị bỏ lại để gặt hái thành quả của nó, cho đến khi trái đất tràn ngập những tội ác khủng khiếp đến mức ngòi bút không thể diễn tả được. Từ các tỉnh bị tàn phá và các thành phố đổ nát, một tiếng kêu khủng khiếp vang lên, một tiếng kêu đau đớn cay đắng. Nước Pháp rung chuyển như có động đất. Tôn giáo, luật pháp, trật tự xã hội, gia đình, Nhà nước và Giáo hội, mọi thứ đều bị phá hủy bởi bàn tay độc ác nổi lên chống lại luật pháp của Chúa. Người khôn ngoan đã nói thật: "Kẻ ác sẽ sa ngã vì sự gian ác của chính mình". "Dầu kẻ tội lỗi làm điều ác trăm lần mà vẫn được trường thọ, tôi biết chắc chắn rằng điều đó sẽ tốt cho những người kính sợ Đức Chúa Trời, cho những ai kính sợ Ngài. Nhưng sẽ không tốt cho kẻ ác." (Truyện đạo 8:12 và 13). "Họ ghét kiến thức và không thích sự kính sợ Chúa"; "Vì vậy, họ sẽ ăn trái của đường lối mình và hài lòng với lời khuyên của chính mình." (Châm ngôn 1:29 và 31).

Những chứng nhân trung thành của Thiên Chúa, bị giết bởi quyền lực lộng ngôn trỗi dậy "từ vực thẳm", không nên im lặng nữa. "Sau ba ngày rưỡi ấy, thần khí sự sống của Đức Chúa Trời nhập vào họ; họ đứng dậy, và những ai nhìn thấy họ đều vô cùng sợ hãi." (Khải huyền 11:11). Vào năm 1793, sắc lệnh bãi bỏ Kinh Thánh đã được Quốc hội Pháp thông qua. Ba năm rưỡi sau, một nghị quyết bãi bỏ sắc lệnh và chấp nhận sự khoan dung đối với Kinh thánh đã được cùng viện lập pháp thông qua. Thế giới đã kinh ngạc trước tội lỗi to lớn do việc từ chối các Lời tiên tri thiêng liêng, và con người nhận ra sự cần thiết phải có niềm tin vào Chúa và Lời của Ngài là nền tảng của đức hạnh và đạo đức. Đức Giê-hô-va phán: "Các người đã thách thức và phạm thượng ai? Các người đã lớn tiếng và ngược mắt lên cao chống lại ai? Chống lại Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên." (Ê-sai 37:23).

"Vì thế, này, Ta sẽ cho chúng biết, lần này Ta sẽ cho chúng biết tay Ta và quyền năng của Ta, và chúng sẽ biết rằng Danh Ta là Chúa." (Giê-rê-mi 16:21).

Về hai nhân chứng, nhà tiên tri cũng tuyên bố: "Và họ nghe một tiếng lớn từ Trời bảo họ rằng: Hãy lên đây. Và họ đã lên trời trong một đám mây; và kẻ thù của họ đã nhìn thấy họ." (Khải huyền 11:12). Kể từ khi Pháp gây chiến với hai nhân chứng của Chúa, họ đã được vinh danh hơn bao giờ hết. Năm 1804, Hiệp hội Kinh thánh Anh và Nước ngoài được thành lập. Sau đó xuất hiện các tổ chức tương tự với nhiều chi nhánh trên lục địa Châu Âu. Năm 1816, Hiệp hội Kinh thánh Hoa Kỳ được thành lập. Khi Hiệp hội Anh được thành lập, Kinh thánh đã được in và phân phối bằng 50 thứ tiếng. Kể từ đó nó đã được dịch sang hơn hai trăm ngôn ngữ và tiếng địa phương. Nhờ nỗ lực của Hiệp hội Kinh Thánh, kể từ năm 1804, hơn 187.000.000 bản Kinh Thánh đã được phân phát.

Trong suốt 50 năm trước năm 1792, người ta ít chú ý đến công việc của các cơ quan đại diện nước ngoài. Không có xã hội mới nào được thành lập và chỉ có một số ít nhà thờ cố gắng truyền bá Cơ đốc giáo ở những vùng đất ngoại giáo. Tuy nhiên, đến cuối thế kỷ 18, một sự thay đổi lớn đã diễn ra. Đàn ông không hài lòng với kết quả của chủ nghĩa duy lý và hiểu sự cần thiết của sự mặc khải thiêng liêng và tôn giáo thực nghiệm. Carey tận tụy, người vào năm 1793 đã trở thành nhà truyền giáo người Anh đầu tiên đến Ấn Độ, đã thắp lại ngọn lửa nỗ lực truyền giáo ở Anh. Ở Mỹ, hai mươi năm sau, lòng nhiệt thành của một hội sinh viên, trong số đó có Adoniram Judson, đã dẫn đến việc thành lập Hội đồng Truyền giáo Nước ngoài Hoa Kỳ, dưới sự bảo trợ của họ, Judson đã đi truyền giáo từ Hoa Kỳ đến Miến Điện. Kể từ thời điểm đó, công việc của các cơ quan truyền giáo nước ngoài đã có sự phát triển chưa từng thấy.

Những cải tiến về in ấn đã thúc đẩy công việc lưu hành Kinh Thánh. Sự giao tiếp ngày càng dễ dàng giữa các quốc gia khác nhau, việc phá bỏ những rào cản cũ của định kiến và chủ nghĩa độc quyền quốc gia, cũng như việc Giáo hoàng Rome mất quyền lực thế tục, đã mở đường cho Lời Chúa xâm nhập. Trong một số năm, Kinh thánh đã được bán không bị cản trở trên các đường phố ở Rome và hiện đang được mang đến mọi nơi trên thế giới có người ở.

Voltaire không có đức tin từng ngạo mạn nói: "Tôi chán nghe người ta nói rằng có mười hai người thành lập đạo Cơ đốc. Tôi sẽ chứng minh rằng chỉ một người thôi cũng đủ để chấm dứt nó". Hơn hai trăm năm đã trôi qua kể từ khi ông qua đời. Hàng triệu người đã gia nhập cuộc chiến chống lại Kinh Thánh. Nhưng nó còn lâu mới bị phá hủy đến nỗi, vào thời Voltaire có một trăm bản, thì ngày nay có mười nghìn, hay đúng hơn là một trăm nghìn bản Sách của Chúa. Theo lời của một nhà cải cách cổ xưa đối với nhà thờ Thiên chúa giáo: "Kinh thánh là một cái đe đã làm mòn nhiều búa". Chúa đã phán: "Mọi công cụ chuẩn bị để chống lại người sẽ không thịnh vượng, và mọi lưỡi nổi lên để phán xét người, người sẽ lên án". (Ê-sai 54:17).

"Lời của Thiên Chúa chúng ta tồn tại mãi mãi." "Mọi điều răn của Ngài đều thành tín, tồn tại đời đời, được thực hiện trong lẽ thật và sự công bình." (Thi Thiên 111:7 và 8). Bất cứ thứ gì được xây dựng trên uy quyền của con người sẽ bị phá bỏ; nhưng những gì được đặt trên nền tảng của Lời Chúa không thay đổi sẽ tồn tại mãi mãi.

Chương 16

Những người cha hành hương

Các nhà cải cách người Anh, mặc dù đã từ bỏ các học thuyết của Chủ nghĩa La Mã, vẫn bảo tồn nhiều hình thức của nó. Vì vậy, trong khi bác bỏ quyền lực và tín ngưỡng của La Mã, không ít phong tục và nghi lễ của La Mã đã được đưa vào việc thờ cúng của Giáo hội Anh giáo. Người ta lập luận rằng những điều này không liên quan đến vấn đề lương tâm. Tuy nhiên, mặc dù không được quy định trong Kinh thánh và do đó không cần thiết nhưng chúng không nên bị cấm vì chúng không chứa đựng điều gì xấu xa về bản chất. Việc tuân thủ của họ có xu hướng thu hẹp hồ sơ ngăn cách các nhà thờ Cải cách ở Rome. Người ta kết luận rằng họ sẽ thúc đẩy sự chấp nhận đức tin Tin Lành của những người theo chủ nghĩa La Mã.

Những lập luận này có vẻ thuyết phục đối với những người bảo thủ và những người thỏa hiệp. Tuy nhiên, có một lớp khác lại không nghĩ như vậy. Theo quan điểm của ông, việc những phong tục này có xu hướng bắc cầu qua vực thẳm giữa La Mã và cuộc Cải cách là một lập luận không thể bác bỏ chống lại việc bảo tồn chúng. Họ coi những hình thức này là đặc biệt của chế độ nô lệ mà họ đã được giải phóng và họ cảm thấy không có ý định quay trở lại. Họ lý luận rằng, trong Lời của Ngài, Đức Chúa Trời đã thiết lập những hướng dẫn cho sự thờ phượng của Ngài và con người không được tự do bỏ sung hoặc xóa bỏ những hướng dẫn đó. Sự khởi đầu của sự bội đạo lớn bao gồm việc biến thẩm quyền của hội thánh thành một sự bỏ sung cho thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Rô-ma bắt đầu áp đặt những gì Chúa không cấm, và cuối cùng cấm những gì Ngài đã truyền lệnh rõ ràng.

Nhiều người tha thiết mong muốn trở lại với sự thuần khiết và đơn giản vốn là đặc điểm của hội thánh đầu tiên. Họ coi nhiều phong tục do Giáo hội Anh giáo thiết lập là tương đài cho việc thờ thần tượng, và không thể tham gia cùng bái nó nếu có lương tâm trong sáng. Nhưng nhà thờ, với sự hỗ trợ của chính quyền dân sự, không cho phép bất đồng quan điểm nào về hình thức của nó. Luật pháp yêu cầu phải tham dự các buổi lễ và việc tụ tập trái phép bị cấm và bị phạt tù, lưu đày và tử hình.

Vào đầu thế kỷ 17, vị vua mới lên ngôi của nước Anh đã tuyên bố quyết định buộc những người Thanh giáo phải "tuân theo hoặc bị ảnh hưởng - rời khỏi đất nước hoặc tệ hơn". Bị bắt bớ và bỏ tù, họ không thể nhìn thấy bất kỳ dấu hiệu nào về những ngày tốt đẹp hơn trong tương lai, và họ đầu hàng với niềm tin rằng, đối với những người muốn phụng sự Chúa theo tiếng gọi của lương tâm mình, "Nước Anh đã mãi mãi không còn là một nơi có thể sinh sống được nữa." Cuối cùng, một số người đã quyết định tìm nơi ẩn náu ở Hà Lan. Ở đó, họ gặp phải khó khăn, mất mát và tù đày. Mục đích của họ đã bị cản trở, họ bị phản bội và giao vào tay kẻ thù. Nhưng sự kiên trì kiên cường cuối cùng đã chiến thắng, và họ tìm được nơi trú ẩn trên những bờ biển thân thiện của nước cộng hòa Hà Lan.

Để trốn thoát, họ đã bỏ lại nhà cửa, tài sản và sinh kế. Họ là những người xa lạ ở một vùng đất xa lạ, giữa một dân tộc có ngôn ngữ và phong tục khác nhau. Họ buộc phải làm những nghề mới và khác mà họ chưa quen để kiếm sống. Những người đàn ông trung niên cả đời cày cấy giờ đây phải học nghề cơ khí. Nhưng họ vui vẻ chấp nhận hoàn cảnh và không lãng phí thời gian vào việc lười biếng hay than vãn. Mặc dù thường xuyên bị áp bức bởi nghèo đói, họ vẫn tạ ơn Chúa vì những phúc lành vẫn ban cho họ và tìm thấy niềm vui trong sự hiệp thông thiêng liêng không bị quấy rầy. "Họ đã biết

những người là những người hành hương và không để ý nhiều đến những thứ này mà chỉ ngược mắt lên Thiên đường, quê hương thân yêu nhất của họ và xoa dịu tâm hồn họ."

Giữa cảnh lưu đày và khó khăn, tình yêu và đức tin của ông ngày càng mạnh mẽ. Họ tin cậy vào những lời hứa của Chúa và Ngài không bao giờ làm họ thất vọng trong những lúc cần thiết. Các thiên thần của họ luôn ở bên cạnh để động viên và hỗ trợ họ. Và khi bàn tay của Thiên Chúa dường như hướng họ vượt biển đến một vùng đất mà ở đó họ có thể thành lập một Nhà nước cho riêng mình và để lại cho con cháu một di sản quý giá về tự do tôn giáo, họ đã tiến bước không chút do dự, theo con đường mà Chúa Quan Phòng đã chỉ cho họ. .

Đức Chúa Trời đã cho phép những thử thách xảy đến với dân Ngài để chuẩn bị cho họ hoàn thành mục đích đầy ân điển của Ngài. Hội thánh đã bị hạ xuống để có thể được tôn cao. Chúa sắp tiết lộ quyền năng của Ngài thay cho cô ấy, để cho thế giới một minh chứng khác rằng Ngài sẽ không bỏ rơi những ai tin cậy nơi Ngài. Ngài đã thực hiện quyền kiểm soát các sự kiện, khiến cơn thịnh nộ của Sa-tan và những âm mưu của kẻ ác trở lại vinh quang của Ngài và dẫn đến

Đứa người của bạn đến nơi an toàn. Sự bách hại và lưu đày đang mở đường cho tự do.

Khi ban đầu bị buộc phải tách khỏi Giáo hội Anh giáo, những người Thanh giáo đã hợp nhất trong giao ước long trọng với tư cách là những người tự do của Chúa, "đi theo mọi đường lối của Ngài đã được biết đến hoặc được biết đến." Đây là tinh thần thực sự của cuộc Cải cách, nguyên tắc sống còn của đạo Tin lành. Chính vì mục đích này mà những người hành hương đã rời Hà Lan để tìm kiếm một ngôi nhà ở Tân Thế giới. John Robinson, mục sư của họ, người đã bị Chúa quan phòng ngăn cản việc đi cùng họ, đã nói trong bài diễn văn từ biệt những người lưu vong:

"Hỡi anh em, chúng ta sắp chia tay, và Chúa biết liệu tôi có còn sống để nhìn thấy mặt anh em hay không. Nhưng dù Chúa có cho phép hay không, tôi khuyên bạn trước mặt Chúa và các thánh thiên thần của Ngài đừng theo tôi xa hơn tôi đã theo Chúa Kitô. Nếu Chúa tiết lộ bất cứ điều gì cho bạn thông qua bất kỳ công cụ nào khác của Ngài, hãy sẵn sàng đón nhận nó như bạn đã luôn nhận được bất kỳ kỳ lễ thật nào qua chức vụ của tôi; vì tôi chắc chắn rằng Chúa có nhiều lễ thật và ánh sáng hơn để tỏa ra từ Lời Ngài."

"Về phần mình, tôi không thể than thở đủ về tình trạng của các nhà thờ cải cách, vốn đã đạt đến một mức độ nào đó trong tôn giáo của họ và không đi xa hơn những công cụ cải cách của họ. Tuy nhiên, những người theo đạo Luther không thể bị lôi kéo để đi xa hơn những gì Luther đã thấy, và những người theo chủ nghĩa Calvin, bạn hiểu đấy, đã dừng lại ở nơi họ bị bỏ lại bởi con người vĩ đại của Chúa, người chưa nhìn thấy tất cả mọi thứ. Đây là một nỗi khổ khổ mà chúng ta có nhiều điều phải hối tiếc; vì mặc dù họ là những ngọn đèn chiếu sáng trong thời đại của họ, nhưng họ đã không thâm nhập được toàn bộ lời khuyên của Chúa. Nhưng nếu họ còn sống đến hôm nay, họ sẽ sẵn sàng đón nhận ánh sáng bổ sung giống như ánh sáng lần đầu tiên họ nhận được."

"Hãy nhớ giao ước của giáo hội bạn, trong đó bạn đã đồng ý bước đi trong mọi đường lối của Chúa, dù được biết hay chưa được biết đến. Hãy nhớ lời hứa và giao ước với Chúa và với nhau mà bạn đã lập, để đón nhận mọi ánh sáng và sự thật được tiết lộ cho bạn từ Lời được viết ra của Ngài. Nhưng hơn nữa, hãy cẩn thận, tôi cầu xin bạn, về những gì bạn nhận được là sự thật. Hãy kiểm tra nó, xem xét nó, so sánh nó với những câu lẽ thật khác trước khi họ nhận được nó; vì không thể nào thế giới Cơ đốc giáo sẽ thoát ra khỏi bóng tối tinh thần nặng nề gần đây và cần đạt được sự hoàn thiện về kiến thức ngay lập tức."

Chính khát vọng tự do lương tâm đã truyền cảm hứng cho những người hành hương đối mặt với những nguy hiểm của cuộc hành trình dài vượt biển, chịu đựng những gian khổ và

những nguy hiểm của rừng rậm và, với sự phù hộ của Chúa, trên các bãi biển của nước Mỹ, nền tảng của một quốc gia hùng mạnh. Dù chân thành và kính sợ Chúa nhưng những người hành hương vẫn chưa hiểu được nguyên tắc vĩ đại của sự khoan dung tôn giáo. Sự tự do mà họ đã hy sinh rất nhiều để có được nên họ không sẵn sàng trao lại cho người khác một cách tương tự. "Rất ít, ngay cả trong số những nhà tư tưởng và nhà đạo đức lỗi lạc nhất của thế kỷ XVII, có quan niệm đúng đắn về nguyên tắc vĩ đại rút ra từ những lời dạy của Tân Ước, trong đó thừa nhận Thiên Chúa là thẩm phán duy nhất đối với đức tin của con người." Học thuyết cho rằng Thiên Chúa đã giao phó cho giáo hội quyền quản lý lương tâm cũng như xác định và trừng phạt tà giáo là một trong những sai lầm sâu xa nhất của giáo hoàng.

Mặc dù những người theo chủ nghĩa Cải cách bác bỏ tín ngưỡng của La Mã nhưng họ không hoàn toàn thoát khỏi tinh thần cố chấp của La Mã. Bóng tối dày đặc mà trong suốt nhiều thế kỷ thống trị lâu dài, Giáo hoàng đã bao trùm toàn bộ các nước theo đạo Cơ đốc, vẫn chưa bị xua tan hoàn toàn. Một trong những mục sư hàng đầu của Thuộc địa Vịnh Massachusetts đã nói: "Chính sự khoan dung đã khiến thế giới chống lại Cơ đốc giáo; và nhà thờ không bao giờ bị tổn hại bởi sự trừng phạt của những kẻ dị giáo". Những người thực dân đã thông qua một quy định quy định rằng chỉ những thành viên của nhà thờ mới có thể tham gia vào chính quyền dân sự.

Một loại nhà thờ nhà nước được thành lập, và tất cả người dân có nghĩa vụ đóng góp vào việc duy trì giới tăng lữ; các quan tòa được trao quyền để diệt trừ tà giáo.

Vì vậy, quyền lực thế tục vẫn nằm trong tay nhà thờ. Không mất nhiều thời gian để những biện pháp này dẫn đến một kết quả tất yếu: sự đàn áp.

Mười một năm sau khi thành lập thuộc địa đầu tiên, Roger Williams du hành đến Tân Thế giới.

Giống như những người hành hương đầu tiên, ông đến để được hưởng tự do tôn giáo; nhưng, không giống như họ, anh đã nhìn thấy điều mà rất ít người cùng thời với anh từng thấy, rằng quyền tự do này là một quyền không thể xâm phạm của tất cả mọi người, bất kể tín ngưỡng của họ. Anh ấy là một người nhiệt thành tìm kiếm sự thật, và cùng với Robinson, anh ấy cho rằng không thể nào nhận được tất cả ánh sáng của Lời Chúa.

Williams "là người đầu tiên trong Cơ đốc giáo hiện đại khẳng định một cách đầy đủ học thuyết về tự do lương tâm, sự bình đẳng về ý kiến trước pháp luật." Ông tuyên bố rằng nhiệm vụ của quan tòa là hạn chế tội phạm, nhưng không bao giờ kiểm soát lương tâm. Ông nói: "Công chúng hoặc các quan tòa có thể quyết định điều gì là do con người phải làm; nhưng khi họ cố gắng quy định nghĩa vụ của con người đối với Chúa, thì họ không đứng chỗ và không thể có sự an toàn; vì đó là rõ ràng rằng nếu quan tòa có quyền lực này, ông ta có thể ban hành một tập hợp quan điểm hoặc niềm tin hôm nay và ngày mai khác, như đã được thực hiện ở Anh bởi các vị vua và hoàng hậu khác nhau, cũng như bởi các giáo hoàng và hội đồng khác nhau trong Giáo hội La Mã, để niềm tin này trở thành Nó sẽ là một đống khó hiểu."

Việc tham dự các buổi lễ chính thức của nhà thờ bị yêu cầu phải chịu hình phạt tiền hoặc phạt tù. "Williams lên án luật; đạo luật tồi tệ nhất trong bộ luật Anh là quy định bắt buộc phải đến nhà thờ giáo xứ. Ông cho rằng việc ép buộc đàn ông tham gia những người có tín ngưỡng khác là vi phạm trắng trợn các quyền tự nhiên của họ; lôi kéo đàn ông vào việc thờ phượng." công khai những người phi tôn giáo và những người không sẵn lòng làm như vậy, dường như đòi hỏi sự đạo đức giả. Ông cũng nói rằng "không ai bị buộc phải cung cấp hoặc trả tiền cho việc đó trái với ý muốn của họ. học thuyết, 'người lao động không xứng đáng với tiền công của mình sao?' 'Có,' anh ta trả lời, "từ những người sẽ thuê anh ta."

Roger Williams được kính trọng và yêu mến như một mục sư trung thành và một người có tài năng hiếm có, tính chính trực kiên cường và lòng nhân từ thực sự; tuy nhiên, sự phù nhận không thể thay đổi của ông đối với quyền của các thẩm phán dân sự có thẩm quyền đối với nhà thờ, và lời thỉnh cầu tự do tôn giáo của ông, không thể được dung thứ. Người ta nhấn mạnh rằng việc áp dụng học thuyết mới này sẽ "lật đổ Nhà nước và chính phủ cơ bản của đất nước." Williams bị kết án trực xuất khỏi các thuộc địa và cuối cùng, để tránh bị bỏ tù, ông đã bị kết án

buộc phải chạy trốn đến một khu rừng hoang sơ, giữa cái lạnh và những cơn bão mùa đông.

Anh ấy nói: "Trong mười bốn tuần, tôi bị thời tiết khắc nghiệt hành hạ một cách đau đớn, không biết bánh mì hay giường ngủ là gì. Nhưng những con quạ đã cho tôi ăn trong sa mạc." Và một cái cây rỗng thường được dùng làm nơi trú ẩn cho anh ta. Do đó, Roger Williams tiếp tục chuyến bay đầy đau đớn của mình qua tuyết và những khu rừng chưa được khám phá, cho đến khi ông tìm được nơi ẩn náu cùng một bộ lạc Da Đỏ, những người mà ông đã giành được sự tin tưởng và tình cảm của họ khi cố gắng giảng dạy cho họ các lễ thật của phúc âm.

Cuối cùng, sau nhiều tháng thay đổi và lang thang, tiến tới các bãi biển của Vịnh Narragansett, Williams đã đặt nền móng cho Nhà nước đầu tiên của thời hiện đại, theo nghĩa rộng nhất, đã công nhận quyền tự do tôn giáo. Nguyên tắc cơ bản tại thuộc địa của Roger Williams là "mọi người phải được tự do thờ phượng Chúa theo lời khuyên của lương tâm mình." Tiểu bang Rhode Island nhỏ bé của ông đã trở thành nơi ẩn náu của những người bị áp bức, phát triển và thịnh vượng cho đến khi có những nguyên tắc cơ bản—tự do dân sự và tôn giáo—

chúng đã trở thành nền tảng của Cộng hòa Mỹ.

Trong văn kiện cao quý và cổ xưa mà tổ tiên chúng ta đã thiết lập làm bản hiến chương về các quyền của họ - Tuyên ngôn Độc lập - họ đã tuyên bố: "Chúng tôi coi những sự thật này là hiển nhiên rằng mọi người sinh ra đều bình đẳng; rằng họ được Tạo hóa ban cho những quyền năng nhất định." những quyền bất khả xâm phạm, trong đó có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Và Hiến pháp bảo đảm bằng những điều khoản rõ ràng nhất, tính bất khả xâm phạm của lương tâm: "Không có điều kiện tiên quyết về tôn giáo nào được yêu cầu làm tiêu chuẩn cho bất kỳ chức vụ nào được công chúng tín nhiệm ở Hoa Kỳ." "Quốc hội sẽ không đưa ra luật nào tôn trọng việc thành lập tôn giáo hoặc cấm việc tự do thực hiện tôn giáo."

"Các tác giả của Hiến pháp đã công nhận nguyên tắc vĩnh cửu rằng mối quan hệ của con người với Thiên Chúa của họ vượt trên luật pháp của con người, và quyền lương tâm của con người là bất khả xâm phạm. Không cần phải có lý luận phức tạp để thiết lập sự thật này. Chúng tôi nhận thức được điều đó trong sâu thẳm tâm hồn mình. Chính lương tâm này, bất chấp luật lệ con người, đã chịu đựng rất nhiều vị tử đạo trong sự tra tấn và ngọn lửa.

Họ cảm thấy rằng bổn phận của họ đối với Đức Chúa Trời cao hơn các mệnh lệnh của con người và không ai có thể thực thi quyền lực đối với lương tâm của họ. Đó là một nguyên tắc bẩm sinh mà không gì có thể xóa bỏ được".

Khi tin tức lan truyền khắp các nước châu Âu, kể về một vùng đất nơi mọi người có thể tận hưởng thành quả lao động của chính mình, tuân theo niềm tin của lương tâm mình, hàng nghìn người đã đổ xô đến bờ biển Tân Thế giới.

Các thuộc địa nhân lên nhanh chóng. "Massachusetts, theo luật đặc biệt, đã hoan nghênh và cung cấp sự hỗ trợ, với chi phí của Nhà nước, cho những người theo đạo Cơ đốc thuộc bất kỳ quốc tịch nào chạy trốn qua Đại Tây Dương 'để thoát khỏi chiến tranh hoặc nạn đói, hoặc sự áp bức của những kẻ bắt bớ họ.' và những người bị áp bức là do họ bị áp bức. pháp luật, khách của cộng đồng." Hai mươi năm sau cuộc đổ bộ đầu tiên ở Plymouth, hàng ngàn Người hành hương khác đã định cư ở New England.

Để đảm bảo mục tiêu mà họ tìm kiếm, "họ hài lòng với việc kiếm được thu nhập hạn chế để đổi lấy một cuộc sống tằn tiện và làm việc chăm chỉ. Họ không đòi hỏi gì từ đất đai ngoài sự thu hồi hợp lý từ sức lao động của chính họ. Không có tầm nhìn vàng nào tạo ra một sự hiểu lầm." ánh sáng trên con đường của họ... Họ bằng lòng với sự tiến bộ chậm rãi nhưng chắc chắn của chính sách xã hội của mình. Họ kiên nhẫn chịu đựng cảnh thiếu thốn của những vùng hoang vu, tưới cây tự do bằng nước mắt và mồ hôi trên trán, cho đến khi thấm sâu rễ trong lòng đất".

Kinh thánh được coi là nền tảng của đức tin, nguồn gốc của sự khôn ngoan và hiến chương của tự do. Các nguyên tắc của nó đã được giảng dạy một cách siêng năng trong gia đình, trường học và nhà thờ, và kết quả của nó được thể hiện ở tính tiết kiệm, thông minh, trong sạch và tiết độ. Người ta có thể cư trú nhiều năm trong các khu định cư của người Thanh giáo, "và không nhìn thấy một người say rượu, nghe thấy một lời nguyền rủa hay gặp một người ăn xin." Người ta đã chứng minh rằng các nguyên tắc Kinh Thánh là sự bảo vệ chắc chắn nhất cho sự vĩ đại của quốc gia. Các thuộc địa yếu kém và biệt lập đã trở thành liên minh của các quốc gia hùng mạnh, và thế giới ghi nhận với sự ngưỡng mộ về hòa bình và thịnh vượng của "một nhà thờ không có giáo hoàng và một nhà nước không có vua".

Nhưng đám đông liên tục bị thu hút đến các bãi biển ở Mỹ, được thúc đẩy bởi những động cơ hoàn toàn trái ngược với những động cơ đã lay động những người hành hương đầu tiên. Trong khi đức tin và sự thuần khiết nguyên thủy có sức mạnh rộng rãi và định hình, tuy nhiên ảnh hưởng của chúng ngày càng ít đi khi số lượng những người chỉ tìm kiếm lợi ích trần thế ngày càng tăng.

Đạo luật được những người thực dân đầu tiên thông qua, chỉ cho phép các thành viên nhà thờ có quyền bầu cử và giữ chức vụ công, đã gây ra những kết quả tai hại nhất. Biện pháp này đã được chấp nhận như một phương tiện để bảo vệ sự trong sạch của Nhà nước, nhưng nó đã dẫn đến sự thối nát của nhà thờ. Vì nghề tôn giáo là điều kiện để có quyền bầu cử và giữ chức vụ công, nhiều người, chỉ vì lý do lợi ích trần thế, đã gia nhập nhà thờ mà không hề thay đổi ý định. Do đó, ở một mức độ đáng kể, các nhà thờ bao gồm những người chưa cải đạo. Ngay cả trong chức vụ cũng có những người không chỉ mắc những lỗi lầm về giáo lý mà còn không biết gì về quyền năng đổi mới của Đức Thánh Linh. Như vậy một lần nữa người ta đã chứng minh những kết quả xấu xa thường được chứng kiến trong lịch sử của giáo hội, từ thời Constantine cho đến nay, của nỗ lực xây dựng giáo hội với sự giúp đỡ của Nhà nước, kêu gọi quyền lực thế tục ủng hộ chính quyền. Phúc Âm của Đấng đã tuyên bố: "Nước của Ta không thuộc về thế gian này". (Giăng 18:36). Sự kết hợp giữa Giáo hội và Nhà nước, dù có thể rất nhỏ, và mặc dù nó có vẻ kéo thế giới đến gần nhà thờ hơn, nhưng trên thực tế, nó chỉ đưa thế giới đến gần hơn với thế giới.

Nguyên tắc vĩ đại được Robinson và Roger Williams ủng hộ một cách cao quý—chân lý đó là tiến bộ, rằng các Cơ đốc nhân phải sẵn sàng chấp nhận mọi ánh sáng có thể tỏa ra từ Lời Thánh của Đức Chúa Trời—đã bị con cháu của họ đánh mất. Các giáo hội Tin Lành ở Mỹ cũng như ở Châu Âu, vốn rất được ưu ái nhờ nhận được phước lành của cuộc Cải cách, đã không thể tiến lên trên con đường đã vạch ra. Mặc dù thỉnh thoảng có nổ ra cuộc chiến giữa những người trung thành để công bố sự thật mới và vạch trần sai lầm đã áp ủ từ lâu, nhưng đa số, như những người Do Thái thời Chúa Kitô hay những người theo Giáo hoàng thời Luther, đều bằng lòng tin như họ đã tin. và sống như họ đã sống.

Hậu quả là tôn giáo lại thoái hóa thành chủ nghĩa hình thức, và những sai lầm, mê tín vốn có thể bị gạt sang một bên nếu giáo hội tiếp tục bước đi dưới ánh sáng của Lời Chúa, vẫn được giữ lại trong lòng. Do đó, tinh thần được Phong trào Cải cách truyền cảm hứng dần dần biến mất, cho đến khi có nhu cầu cải cách trong các nhà thờ Tin Lành cũng như trong nhà thờ La Mã vào thời Luther. Có cùng tính trần tục và sự thờ ơ về mặt tâm linh, cùng sự tôn trọng ý kiến của con người và việc thay thế các lý thuyết của con người bằng những lời dạy của Lời Chúa.

Sự lưu hành rộng rãi của Kinh thánh vào đầu thế kỷ 19, và do đó, ánh sáng vĩ đại chiếu rọi trên thế giới, đã không dẫn đến sự tiến bộ tương ứng về kiến thức về chân lý mặc khải và tôn giáo thực nghiệm. Satan không thể, như trong các thế kỷ trước, tước đoạt Lời Chúa của dân chúng. Cái này đã được đặt

trong tầm tay của mọi người. Tuy nhiên, với ý định vẫn hoàn thành mục tiêu của mình, ông đã khiến nhiều người coi nó không mấy quan trọng. Người ta xao lãng việc nghiên cứu Kinh Thánh và do đó tiếp tục chấp nhận những cách giải thích sai lạc và ưa chuộng những giáo lý không có nền tảng trong Kinh Thánh.

Nhận thấy nỗ lực bóp nát lẽ thật bằng sự đàn áp đã thất bại, Sa-tan lại sử dụng kế hoạch thỏa hiệp, dẫn đến sự bội đạo lớn và sự hình thành của Giáo hội La Mã. Ông xúi giục những người theo đạo Thiên Chúa liên minh với chính họ, không phải với những người ngoại đạo, mà với những người, bằng sự tận tâm với những thứ của thế gian này, đã chứng tỏ mình là những người thực sự thờ thần tượng cũng như những người tôn thờ các tượng chạm. Và kết quả của sự liên minh này lúc đó cũng không kém phần nguy hại so với những thế kỷ trước: lòng kiêu hãnh và sự phung phí được khuyến khích dưới chiêu bài tôn giáo, và các nhà thờ trở nên thối nát. Sa-tan tiếp tục bóp méo các giáo lý của Kinh Thánh, và những truyền thống từng hủy hoại hàng triệu người giờ đây đã ăn sâu vào tận gốc rễ. Nhà thờ ủng hộ và bảo vệ những truyền thống này, thay vì tranh giành "đức tin đã từng được trao cho các vị thánh". Đó là những nguyên tắc mà các nhà cải cách đã làm rất nhiều và đã bị suy thoái rất nhiều.

Chương 17

Báo buổi sáng

Một trong những lễ thật trang trọng và vinh quang nhất được bày tỏ trong Kinh Thánh là về sự đến lần thứ hai của Đấng Christ để hoàn thành công cuộc cứu chuộc vĩ đại. Dân Chúa, từ lâu lang thang trong "miền bóng tối của sự chết", được ban cho một niềm hy vọng quý giá và đầy niềm vui, nơi lời hứa về sự xuất hiện của Đấng là "sự sống lại và là sự sống", để "cầm lấy" họ. những đứa trẻ bị đày ải trở về nhà. Giáo lý về sự đến lần thứ hai thực sự là bài chủ đạo của Kinh Thánh.

Kể từ ngày cặp đôi đầu tiên quay lưng lại với Vườn Địa Đàng, những đứa con đức tin đã chờ đợi sự xuất hiện của Đấng Hứa sẽ phá vỡ quyền lực của kẻ hủy diệt và đưa họ trở lại Thiên đường đã mất. Các vị thánh thời xưa trông đợi Đấng Mê-si đến trong vinh quang, như là sự viên mãn niềm hy vọng của họ. Enoch, chỉ là hậu duệ thứ bảy của những người sống ở Vườn Địa đàng, và là người đã đồng hành cùng Chúa trên Trái đất trong ba thế kỷ, được phép chiêm ngưỡng sự xuất hiện của Đấng Giải phóng từ xa. Ông tuyên bố: "Này, Chúa đang đến cùng với hàng ngàn vị thánh của Ngài để thi hành sự phán xét trên tất cả mọi người." (Giu-đe 14 và 15). Tộc trưởng Job, trong đêm đau khổ, đã thốt lên với sự tin tưởng không thể lay chuyển: "Tôi biết rằng Đấng Cứu Chuộc của tôi hằng sống, và cuối cùng Ngài sẽ sống lại trên Trái đất. tuy nhiên trong xác thịt của tôi, tôi sẽ nhìn thấy Chúa. Tôi sẽ nhìn thấy Ngài. qua chính tôi, và mắt tôi chứ không ai khác sẽ nhìn thấy Ngài." (Gióp 19:25-27).

Việc Chúa Kitô đến để khai mở vương quốc công chính đã truyền cảm hứng cho những phát ngôn cao siêu và cảm động nhất của các tác giả thánh. Các nhà thơ và nhà tiên tri trong Kinh thánh đã nhấn mạnh đến điều đó bằng những lời lẽ được nung nấu bằng ngọn lửa thiên đường. Tác giả Thi Thiên hát về quyền năng và uy nghi của Vua Y-sơ-ra-ên: "Từ Si-ôn, vẻ đẹp hoàn hảo, Đức Chúa Trời đã chiếu sáng. Đức Chúa Trời chúng ta sẽ đến, chẳng hề im lặng... Ngài sẽ gọi trời từ trên cao và đất để xét đoán dân Ngài" (Thi Thiên 50:2-4). vui mừng thay, nếu trái đất... trước mặt Chúa, vì Ngài đến, vì Ngài đến để phán xét trái đất: Ngài sẽ xét xử thế gian theo sự công bình, và các dân tộc bằng lễ thật của Ngài." (Thi Thiên 96:11- 13).

Tiên tri Isaia đã nói: "Hỡi những kẻ sống trong bụi đất, hãy thức dậy và vui mừng, vì sương của các người sẽ như sương cỏ, và đất sẽ xua đuổi kẻ chết". "Người chết của bạn sẽ sống, người chết của bạn sẽ sống lại." Ngài sẽ xóa bỏ sự chết mãi mãi, Chúa Giê-hô-va sẽ lau nước mắt trên mọi khuôn mặt, cất đi sự sỉ nhục của dân Ngài trên khắp trái đất, vì Chúa đã phán điều đó. Và trong ngày đó, điều đó sẽ được nói ra. "Này đây là Thiên Chúa chúng ta, Đấng chúng ta trông đợi, Người sẽ cứu chúng ta; đây là Chúa, Đấng chúng ta trông đợi, chúng ta sẽ vui hưởng và vui mừng trong ơn cứu độ của Người." (Ê-sai 26:19; 25:8 và 9).

Và Ha-ba-cúc, được chiêm ngưỡng một khái tượng thánh, đã nhìn thấy sự xuất hiện của Ngài. "Đức Chúa Trời đến từ Thê-man, Đấng Thánh đến từ núi Pha-ran. Sự vinh hiển Ngài bao phủ các tầng trời, và trái đất tràn ngập sự ca ngợi Ngài. Và sự sáng chói của Ngài giống như ánh sáng." "Ngài đứng yên mà đo đất; Ngài nhìn và phân rẽ các nước; các núi non đời đời bị vỡ tan tành, các đồi đời đời bị cong xuống; bước đi đời đời thuộc về Ngài." "Chúa đã bước đi trên ngựa và xe cứu rỗi của Ngài." "Núi non nhìn thấy Ngài liền run rẩy:... vực sâu cất tiếng, giơ cao tay. Mặt trời và Mặt trăng đứng yên trong nơi ở của mình; họ bước đi trong ánh sáng của những mũi tên của Ngài, trong ánh sáng của tia chớp của Chúa. Ngọn giáo của bạn." "Bạn đã ra ngoài để cứu người của bạn, để cứu Đấng được xúc dầu của bạn." (Ha 3:3-13).

Khi Đấng Cứu Rỗi chuẩn bị rời xa các môn đồ, Ngài an ủi họ trong nỗi buồn với sự bảo đảm rằng Ngài sẽ trở lại: "Lòng các người chờ hề bối rối... Trong nhà Cha Ta có nhiều chỗ ở... Ta sẽ chuẩn bị cho các người một chỗ ở." . Và nếu tôi đi và bạn

Hãy dọn chỗ, ta sẽ lại đến đem các ngươi đến cùng ta" (Giăng 14:1-3). "Khi Con Người ngự trong vinh hiển mà đến với các thiên sứ thánh, thì Ngài sẽ ngồi trên ngai vinh hiển của Ngài. Và mọi dân tộc sẽ nhóm lại trước mặt Ngài" (Ma-thi-ơ 25:31 và 32).

Các thiên thần đứng trên Núi Ô-liu sau khi Chúa Kitô thăng thiên lập lại với các môn đệ lời hứa về sự trở lại của Ngài: "Chúa Giêsu này, Đấng đã được cất lên trời khỏi các ông, cũng sẽ đến giống như cách các ông đã thấy Người lên trời. . ." (Công vụ 1:11). Và sứ đồ Phao-lô, nhờ Thánh Linh soi dẫn, đã làm chứng: "Chính Chúa sẽ từ trời giáng xuống với tiếng kêu lớn, bằng tiếng của Tổng lãnh thiên thần và bằng tiếng kèn của Đức Chúa Trời". (Tô-i-thê 4:16). Nhà tiên tri của Bát-mô đã nói: "Này, Ngài đến giữa đám mây và mọi mắt sẽ thấy Ngài." (Khải Huyền 1:7).

Xung quanh sự tái lâm của Ngài, hãy tập hợp những vinh quang của "sự khôi phục vạn vật mà Đức Chúa Trời đã phán qua miệng tất cả các thánh tiên tri của Ngài ngay từ đầu". (Công vụ 3:2). Khi đó, sự thống trị kéo dài của sự ác, "các vương quốc của thế gian sẽ trở thành vương quốc của Chúa chúng ta và Đấng Christ của Ngài, và Ngài sẽ trị vì đời đời" (Khải Huyền 11:15). "Vinh quang của Chúa sẽ được bày tỏ, và mọi xác thịt sẽ cùng nhau nhìn thấy (.). Chúa Giê-hô-va sẽ đem đến sự công bình và sự ca ngợi giữa mọi dân tộc (.). Ngài sẽ là mào triều vinh hiển, và vòng hoa xinh đẹp, cho phần còn lại của dân Ngài" (Ê-sai 40:5; 61:11; 28:5).

Khi đó, vương quốc hòa bình và được mong đợi từ lâu của Đấng Mê-si sẽ được thành lập trên khắp thiên đường. "Chúa sẽ an ủi Si-ôn; Ngài sẽ an ủi mọi nơi hoang vu của nó, và sẽ làm cho sa mạc của nó giống như vườn Ê-đen, và sa mạc của nó nên như khu vườn của Chúa." "Vinh quang của Lebanon đã được trao cho anh ấy, sự xuất sắc của Carmel và Sharon." "Họ sẽ không bao giờ gọi bạn là: Bị bỏ rơi, đất của bạn cũng sẽ không được gọi là: Hoang vu; nhưng họ sẽ gọi bạn là: Niềm vui của tôi; và đất đai của bạn: Beulah." "Như chú rể vui mừng vì cô dâu, thì Thiên Chúa của bạn cũng vui mừng vì bạn". (Ê-sai 51:3; 35:2; 62:4 và 5).

Sự tái lâm của Chúa trong mọi thời đại luôn là niềm hy vọng của những người thật sự theo Ngài. Lời hứa chia tay của Đấng Cứu Rỗi trên Núi Ô-liu, rằng Ngài sẽ trở lại, soi sáng tương lai cho các môn đồ của Ngài, khiến tâm hồn họ tràn ngập niềm vui và hy vọng, những điều mà nỗi buồn không thể dập tắt cũng như thử thách không thể che mờ. Giữa đau khổ và bất bở, "sự xuất hiện của Đức Chúa Trời vĩ đại và Đấng Cứu Rỗi chúng ta là Chúa Giê-xu Christ" là "niềm hy vọng phước hạnh". Khi các tín hữu ở Tê-sa-lô-ni-ca đầy đau buồn khi chôn cất những người thân yêu đã chết, những người hy vọng sống để chứng kiến sự tái lâm của Chúa, thì Phao-lô, thầy của họ, đã chỉ cho họ sự sống lại sẽ diễn ra vào thời điểm Đấng Cứu Thế đến. Sau đó, những người chết trong Đấng Christ sẽ sống lại, và cùng với những người sống, họ sẽ được cất lên gặp Chúa trên không trung. Ngài nói: "Và vì vậy, chúng ta sẽ luôn ở với Chúa. Vì vậy, hãy an ủi nhau bằng những lời này". (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:16-18).

Trên hòn đảo đá Patmos, người môn đệ yêu dấu nghe thấy lời hứa: "Chắc chắn tôi sẽ sớm đến", và câu trả lời đầy khao khát của anh ấy tóm tắt lời cầu nguyện của giáo hội trong suốt cuộc hành hương: "Amen, lạy Chúa Giêsu, xin hãy đến". (Khải huyền 22:20).

Từ ngục tối, cây cọc, giá treo cổ, nơi các vị thánh và các vị tử đạo làm chứng cho sự thật, trải qua nhiều thế kỷ biểu hiện đức tin và niềm hy vọng của họ. Một trong những Cơ-đốc nhân này nói: "Vì tin chắc về sự sống lại của cá nhân Đấng Christ, và do đó là của chính họ, vào lúc Chúa Giê-su tái lâm, nên họ khinh thường cái chết và nghĩ rằng họ vượt qua được nó". Có thể "sống lại tự do." Họ chờ đợi "Chúa đến từ Thiên đường, trên mây, với vinh quang của Cha Ngài," "mang lại thời kỳ của vương quốc cho những người công chính." Người Waldensians cũng áp ủ đức tin tương tự. Wycliffe đã chờ đợi sự xuất hiện của Đấng Cứu Chuộc là niềm hy vọng của giáo hội.

Luther tuyên bố: "Tôi thực sự tin chắc rằng ngày phán xét sẽ không còn quá ba trăm năm nữa. Thiên Chúa không muốn và không thể chịu đựng thế gian này

tà ác còn lâu hơn nữa." "Ngày trọng đại đã gần kề khi vương quốc của những kẻ gồm ghiếc sẽ bị lật đổ."

Melanchthon nói: "Thế giới cũ này không còn xa nữa mới kết thúc. Calvin mời gọi các Kitô hữu "đừng ngần ngại, nhiệt thành mong muốn ngày Chúa Kitô đến là ngày tốt lành nhất trong mọi sự kiện" và tuyên bố rằng "toàn bộ gia đình tín hữu sẽ luôn quan tâm đến ngày đó". Ông nói: "Chúng ta phải đói khát Chúa Kitô, chúng ta phải tìm kiếm Ngài, hãy ngắm nhìn Ngài, cho đến khi rạng đông của ngày trọng đại đó, khi Chúa của chúng ta biểu lộ vinh quang của vương quốc Ngài."

Knox, nhà cải cách người Scotland, nói: "Chúa Jesus của chúng ta há chẳng đem xác thịt của chúng ta lên thiên đàng sao, và Ngài sẽ không trở lại sao? Chúng ta biết Ngài sẽ trở lại, và điều đó ngay lập tức." Ridley và Latimer, những người đã hy sinh mạng sống của mình cho sự thật, đã chờ đợi sự tái lâm của Chúa trong đức tin. Ridley viết: "Tôi tin chắc rằng thế giới sẽ đi đến hồi kết. Cùng với Gioan, tôi tớ Chúa, chúng ta hãy kêu lên trong lòng với Đấng Cứu Độ là Chúa Kitô: Lạy Chúa Giêsu, xin hãy đến".

Baxter nói: "Đối với tôi, những ý nghĩ về sự tái lâm của Chúa thật ngọt ngào và vui tươi". "Công việc của đức tin và đức tính của các thánh đồ là yêu mến sự hiện ra của Ngài và tìm kiếm niềm hy vọng phước hạnh. Nếu cái chết là kẻ thù cuối cùng bị tiêu diệt trong sự sống lại, chúng ta có thể biết những người tin Chúa sẽ khao khát sự trở lại lần thứ hai một cách nhiệt thành như thế nào. Chúa Kitô và cầu nguyện để nó được hoàn thành, khi cuộc chinh phục trọn vẹn và cuối cùng sẽ hoàn tất. những linh hồn." "Hãy nhanh lên, Chúa ơi, ngày may mắn này!" Đó là niềm hy vọng của giáo hội tông đồ, "hội thánh trong vùng hoang dã" và những người cải cách.

Lời tiên tri không chỉ báo trước cách thức và mục đích sự đến của Chúa Kitô, mà còn đưa ra những dấu hiệu để con người có thể biết được sự gần gũi của Ngài. Chúa Giêsu nói: "Sẽ có những dấu lạ trên mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao". (Lu-ca 21:25). "Mặt trời sẽ tối tăm, Mặt trăng sẽ không sáng, các ngôi sao sẽ từ trên trời rơi xuống, các quyền lực trên trời sẽ rung động, rồi họ sẽ thấy Con Người ngự trên mây mà đến". , với sức mạnh và vinh quang to lớn." (Mác 13:24-26). Do đó, John, nhà mặc khải, đã mô tả dấu hiệu đầu tiên trước sự đến lần thứ hai: "Có một trận động đất lớn, mặt trời trở nên tối đen như vải xô, và mặt trăng trở nên giống như máu". (Khải huyền 6:12).

Những dấu hiệu này đã được chứng kiến trước đầu thế kỷ 19. Để ứng nghiệm lời tiên tri này, vào năm 1755, trận động đất khủng khiếp nhất chưa từng được ghi lại trong lịch sử đã xảy ra. Mặc dù thường được gọi là trận động đất Lisbon, nhưng nó đã lan rộng ra hầu hết Châu Âu, Châu Phi và Bắc Mỹ. Nó được cảm nhận ở Greenland, Tây Ấn, Đảo Madeira, Na Uy và Thụy Điển, Anh và Ireland. Nó đạt tới phạm vi mở rộng hơn mười triệu km². Ở Châu Phi, cú sốc cũng dữ dội như ở Châu Âu. Phần lớn Algeria đã bị phá hủy; và cách Maroc một đoạn ngắn, một ngôi làng có từ 8 đến 10 nghìn dân đã bị nuốt chửng. Một cơn sóng lớn quét qua bờ biển Tây Ban Nha và Châu Phi, nhấn chìm các thành phố và gây ra sự tàn phá lớn.

Chính tại Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, cú sốc đã lên đến đỉnh điểm. Người ta nói rằng ở Cádiz dòng chảy ngược của biển đạt tới độ cao 20 mét. Những ngọn núi, "một số trong những ngọn núi lớn nhất ở Bồ Đào Nha, bị rung chuyển mạnh mẽ, như thể từ nền móng của chúng; và một số trong chúng có đỉnh bị nứt và tách ra một cách đáng kinh ngạc, và khối lượng khổng lồ từ chúng bị ném xuống các thung lũng bên dưới. Những ngọn núi này thậm chí còn được chứng kiến phát ra lửa."

Tại Lisbon, "một âm thanh như sấm sét vang lên dưới lòng đất và ngay sau đó xảy ra một chấn động dữ dội phá hủy phần lớn thành phố. Chỉ trong khoảng sáu phút, 60.000 người đã thiệt mạng. Biển lần đầu tiên rút đi."

để thanh khô; sau đó nó quay trở lại, cao hơn mức bình thường khoảng 15 mét." "Tình huống đặc biệt nhất xảy ra ở Lisbon trong thảm họa là vụ chìm tàu mới, được xây dựng hoàn toàn bằng đá cẩm thạch, với chi phí rất lớn. Một lượng lớn người đã tụ tập ở đó để đảm bảo an toàn, vì đây là nơi họ có thể được bảo vệ khỏi những mảnh vỡ rơi xuống; Tuy nhiên, đột nhiên, cầu tàu chìm cùng với tất cả người trên đó và không có thi thể nào nổi lên mặt nước."

Cú sốc của trận động đất "ngay sau đó là sự sụp đổ của tất cả các nhà thờ và tu viện, gần như tất cả các tòa nhà công cộng lớn và một phần tư số ngôi nhà. Trong khoảng hai giờ, đám cháy bùng phát ở các khu khác nhau, và với hậu quả như vậy." cơn thịnh nộ kéo dài gần ba ngày, khiến thành phố hoàn toàn hoang tàn. Trận động đất xảy ra vào một ngày linh thiêng, khi các nhà thờ và tu viện chặt kín người, và rất ít người trốn thoát được." "Nỗi kinh hoàng của người dân vượt quá những gì có thể mô tả. Không ai khóc; thảm kịch không thể vượt qua nước mắt. Họ chạy từ bên này sang bên kia trong cơn mê sảng, kinh hoàng và kinh ngạc, đập mặt và ngực kêu lên: 'Xin thương xót! Đó là ngày tận thế!' Các bà mẹ quên mất con mình, mang theo những cây thánh giá mà chạy trong kinh hãi. Thật không may, nhiều người đã chạy đến các nhà thờ để tìm kiếm sự bảo vệ; nhưng bí tích được phôi bày một cách vô ích; các sinh vật tội nghiệp ôm lấy các bàn thờ một cách vô ích; các hình tượng, các linh mục và dân chúng bị chôn vùi trong đồng đổ nát chung."

Người ta ước tính có chín mươi nghìn người đã thiệt mạng vào ngày định mệnh đó.

Hai mươi lăm năm sau, dấu hiệu tiếp theo được đề cập trong lời tiên tri xuất hiện-sự tối tăm của Mặt trời và Mặt trăng.Điều khiến sự thật này trở nên ấn tượng hơn là thời điểm ứng nghiệm đã được ấn định chính xác. Trong cuộc trò chuyện của Đấng Cứu Rỗi với các môn đồ của Ngài trên Núi Ô-liu, sau khi mô tả thời gian thử thách kéo dài của giáo hội-1.260 năm bị giáo hoàng bắt bớ mà Ngài hứa sẽ rút ngắn-Ngài đã đề cập đến một số sự kiện xảy ra trước khi Ngài đến, và ấn định thời điểm mà điều đầu tiên trong số này được chứng kiến: "Trong những ngày đó, sau cơn hoạn nạn đó, Mặt trời sẽ tối tăm, Mặt trăng sẽ không chiếu sáng." (Mác 13:24). Khoảng thời gian 1.260 ngày hoặc năm kết thúc vào năm 1798. Một phần tư thế kỷ trước đó, cuộc đàn áp gần như đã chấm dứt hoàn toàn. Giữa hai ngày này, theo lời của Chúa Kitô, Mặt trời sẽ tối dần. Vào ngày 19 tháng 5 năm 1780, lời tiên tri này đã được ứng nghiệm.

"Gần như hiện tượng duy nhất thuộc loại này được coi là hiện tượng bí ẩn nhất và vẫn chưa được giải thích... xảy ra vào ngày đen tối ngày 19 tháng 5 năm 1780 - bóng tối khó giải thích nhất bao trùm toàn bộ bầu trời và bầu khí quyển có thể nhìn thấy ở New England." Việc bóng tối không phải do nhật thực được chứng minh rõ ràng từ việc Mặt trăng tròn. Nó không được tạo ra bởi các đám mây hoặc mật độ khí quyển, vì ở một số địa điểm bị ảnh hưởng bởi bóng tối, bầu trời trong đến mức có thể nhìn thấy các ngôi sao. Về việc khoa học không thể chỉ ra nguyên nhân thỏa đáng cho biểu hiện này, nhà thiên văn học Herschel tuyên bố: "Ngày đen tối ở Bắc Mỹ là một trong những hiện tượng tuyệt vời của Tự nhiên mà triết học bối rối khi cố gắng giải thích".

"Độ rộng của bóng tối cũng rất đáng chú ý. Nó được quan sát thấy nhiều nhất vùng phía đông của New England; về phía tây tới những vùng xa xôi nhất của Connecticut và Albany, New York; về phía nam, hiện tượng này được quan sát dọc theo toàn bộ bờ biển; về phía bắc, cho đến tận nơi các khu định cư của người Mỹ mở rộng. Negro có lẽ đã vượt quá những giới hạn này, nhưng các thuật ngữ chính xác chưa bao giờ được biết đến một cách chắc chắn. Về thời lượng của nó, nó kéo dài ở khu vực lân cận Boston ít nhất là mười bốn hoặc mười lăm giờ."

"Buổi sáng trời trong xanh và dễ chịu, nhưng vào khoảng 8 giờ, người ta quan sát thấy điều gì đó bất thường trên Mặt trời, không có mây nhưng không khí nặng nề và có vẻ ngoài khác thường.

có khói và Mặt trời có màu vàng nhạt, chẳng bao lâu sau nó ngày càng tối hơn cho đến khi hoàn toàn bị che khuất khỏi tầm nhìn ". Có "bóng tối lúc nửa đêm vào giữa trưa".

"Điều đã xảy ra đã gây ra sự báo động và đau khổ tột độ cho đám đông cũng như nỗi kinh hoàng cho toàn thể tạo vật. Những con chim nhà ngơ ngác về chỗ đậu, những con chim ngơ ngác về tổ; gia súc đã trở về chuồng của chúng." Những con ếch bắt đầu kêu và những con diều đêm bắt đầu kêu. Gà trống gáy như bình minh. Nông dân buộc phải bỏ việc trên đồng ruộng. Tất cả các hoạt động kinh doanh đều bị đình chỉ và nến được thắp sáng trong nhà. "Cơ quan lập pháp Connecticut đang họp ở thành phố Hartford, nhưng không thể tiếp tục công việc của mình. Mọi thứ đều có vẻ ngoài và bóng tối của màn đêm."

Tiếp theo là bóng tối dày đặc trong ngày, một hoặc hai giờ trước khi màn đêm buông xuống, bầu trời trong xanh một phần và mặt trời xuất hiện, mặc dù vẫn bị che khuất bởi sương mù đen dày đặc. Nhưng sau khoảng thời gian này là bóng tối rất gần quay trở lại, khiến nửa đầu của đêm trở nên tối tăm khủng khiếp, vượt xa trải nghiệm trước đó mà có lẽ hàng triệu người đã từng trải qua. Từ lúc mặt trời lặn cho đến nửa đêm, không có tia sáng nào từ Mặt trăng hay các ngôi sao xuyên qua bầu khí quyển. Đây được gọi là "bóng tối của mọi bóng tối". Một nhân chứng cho biết: "Lúc đó tôi chỉ có thể tưởng tượng rằng nếu tất cả các vật thể phát sáng trong Vũ trụ bị bao phủ bởi bóng tối không thể xuyên thủng hoặc bị loại bỏ khỏi sự tồn tại thì bóng tối sẽ không thể trọn vẹn hơn". Đêm, dường như đã đầy, "nó không tạo ra một chút tác dụng nào để xua tan bóng tối của ngôi mộ." Sau nửa đêm, bóng tối biến mất và Mặt trăng, khi hiện rõ, có hình dạng như máu.

Nhà thơ Whittier đã mô tả ngày đáng nhớ này như sau:

"Đó là vào một ngày tháng Năm năm xa xôi
Trong số một nghìn bảy trăm tám mươi đã rơi xuống,
Về cuộc sống ngọt ngào nở rộ của mùa xuân,
Trên trái đất mát mẻ và bầu trời đêm,
Sự kinh hoàng của bóng tối lớn
Đàn ông cầu nguyện và phụ nữ khóc
Mọi tai đều chăm chú
Để nghe tiếng kèn hủy diệt
Rung chuyển bầu trời tối tăm."

Ngày 19 tháng 5 năm 1780 được Lịch sử ghi là "Ngày đen tối". Kể từ thời Moses, không có khoảng thời gian đen tối nào có mật độ, quy mô và thời lượng bằng nhau từng được ghi lại. Sự mô tả sự kiện này, như được thi sĩ và sử gia đưa ra, chỉ là tiếng vọng của lời Chúa được tiên tri Giê-ên ghi lại, hai ngàn năm trăm năm trước khi nó ứng nghiệm: "Mặt trời sẽ trở nên tối tăm, và Mặt trăng vào máu trước ngày lớn và khủng khiếp của Chúa đến." (Giê-ên 2:31).

Chúa Kitô đã truyền lệnh cho dân Ngài quan sát những dấu hiệu về sự đến của Ngài và vui mừng khi họ nhìn thấy những dấu hiệu của vị Vua sắp đến của họ. đang ở gần." Ngài chỉ cho những người theo Ngài những cây nở hoa vào mùa xuân và nói: "Khi chúng nở hoa, khi nhìn thấy chúng, các người tự biết rằng mùa hè đang đến gần. Các người cũng vậy, khi thấy những điều này xảy ra, hãy biết rằng vương quốc của Đức Chúa Trời gần." (Lu-ca 21:28, 30 và 31).

Nhưng khi tinh thần khiêm tốn và tận tâm trong nhà thờ nhường chỗ cho sự kiêu ngạo và chủ nghĩa hình thức, tình yêu dành cho Đấng Christ và niềm tin vào sự tái lâm của Ngài đã nguội lạnh. Bị cuốn hút vào chủ nghĩa vật chất và theo đuổi thú vui, những người xưng mình theo Chúa đã trở nên mù quáng trước những chỉ dẫn của Đấng Cứu Rỗi liên quan đến những dấu hiệu về sự xuất hiện của Ngài. Học thuyết của

sự xuất hiện lần thứ hai đã bị bỏ quên; các văn bản đề cập đến nó đã bị che khuất bởi những cách giải thích sai lầm, đến mức bị phớt lờ và lãng quên ở một mức độ lớn. Điều này đặc biệt xảy ra ở các nhà thờ ở Mỹ. Sự tự do và thoải mái mà mọi tầng lớp trong xã hội được hưởng; ước muốn đầy tham vọng về sự giàu có và sang trọng, tạo ra sự tận tâm sâu sắc để kiếm tiền; Việc háo hức theo đuổi danh tiếng và quyền lực, dường như nằm trong tầm tay của mọi người, đã khiến con người tập trung lợi ích và hy vọng vào những sự việc của cuộc sống này, và đặt vào một tương lai rất xa cái ngày trọng thể khi trật tự hiện tại của mọi thứ sẽ qua đi.

Khi Đấng Cứu Rỗi thu hút sự chú ý của những người theo Ngài đến những dấu hiệu về sự tái lâm của Ngài, Ngài đã báo trước tình trạng suy thoái thuộc linh sẽ tồn tại ngay trước khi Ngài đến lần thứ hai. Giống như thời Nô-ê, sẽ có hoạt động và sự nhộn nhịp của công việc kinh doanh tràn tục và theo đuổi những thú vui-mua, bán, trồng trọt, xây dựng, cưới, gả-với sự quên lãng Đức Chúa Trời và cuộc sống mai sau. Đối với những người sống trong thời đó, lời khuyên của Chúa Kitô là: "Anh em hãy đề phòng, kéo lòng mình ra khỏi sự tham ăn, say sưa và lo lắng sự đời, kéo ngày đó bất ngờ ập đến với anh em". "Vậy anh em hãy luôn tỉnh thức và cầu nguyện, hầu đủ sức tránh mọi điều sắp xảy đến và đứng vững trước mặt Con Người." (Lu-ca 21:34 và 36).

Tình trạng của hội thánh lúc này được biểu thị bằng lời của Đấng Cứu Rỗi được ghi trong Khải Huyền: "Có danh sống, mà chết". Và đối với những người từ chối thức tỉnh khỏi cảm giác an toàn bất cần của mình, lời cảnh báo nghiêm túc này được đưa ra: "Nếu bạn không canh chừng, tôi sẽ đến với bạn như một tên trộm, và bạn sẽ không biết lúc nào tôi sẽ đến với bạn." (Kh 3:1 và 3).

Con người cần phải nhận thức được mối nguy hiểm mà họ sẽ gặp phải; đứng dậy với ý định chuẩn bị cho các sự kiện long trọng liên quan đến việc kết thúc thời gian xét xử. Tiên tri của Thiên Chúa tuyên bố: "Ngày của Chúa là ngày vĩ đại và rất khủng khiếp, và ai có thể chịu đựng được?" Ai sẽ đứng vững khi "Người có đôi mắt trong sáng đến mức không thể nhìn thấy điều ác và không thể nhìn thấy sự phiến toái?" (Giô-ên 2:11; Ha-bơ-rơ 1:13). Dành cho những người kêu lên: "Chúa ơi! Chúng tôi... Chúng tôi biết Ngài", thế nhưng họ đã vi phạm giao ước của Ngài và chạy theo thần khác (Ô-sê 8:2 và 1; Thi thiên 16:4), giấu sự gian ác trong lòng và ưa thích các đường lối bất chính, vì những kẻ này Ngày của Chúa là ngày tối tăm chứ không phải ánh sáng, "bóng tối hoàn toàn không có chút ánh sáng nào" (A-mốt 5:20) "Và sẽ xảy ra vào lúc đó," Chúa phán, "Ta sẽ dùng đèn lồng lục soát Giê-ru-sa-lem và trừng phạt Những kẻ ngồi trên phân chúng nó mà nói trong lòng rằng: Đức Giê-hô-va chẳng làm điều thiện cũng chẳng làm điều ác" (Sô-phô-va 1:12). "Ta sẽ phạt sự ác trên thế gian, phạt kẻ ác là tội ác chúng nó; Ta sẽ chấm dứt sự kiêu ngạo của những kẻ táo bạo, và hạ bệ sự kiêu ngạo của những kẻ bạo chúa." (Ê-sai 13:11). "Bạc cũng như vàng của họ đều không thể cứu được họ"; "Trang trại của họ sẽ bị cướp bóc và nhà cửa của họ sẽ bị tàn phá." (Soph. 1:18 và 13).

Nhà tiên tri Jeremiah, thấy trước thời điểm khủng khiếp này, đã thốt lên: "Tôi bị thương trong lòng!" "Ta không thể im lặng, vì người, hơi linh hồn ta, đã nghe thấy tiếng kèn và tiếng chiến tranh. Sự tan vỡ nói tiếp sự tan vỡ đã được công bố." (Giê-rê-mi 4:19 và 20).

"Ngày ấy là ngày thanh nộ, ngày đau khổ và khao khát, ngày náo động và hoang tàn, ngày u ám và mờ mịt, ngày mây và bóng tối dày đặc, ngày của tiếng kèn và tiếng reo hò." (Soph. 1:15 và 16). "Ngày, ngày của Chúa đến. để làm cho mặt đất trở nên hoang vu và tiêu diệt những kẻ tội lỗi trên đó." (Ê-sai 13:9).

Trước ngày trọng đại, Lời Chúa, bằng ngôn ngữ trang trọng và ấn tượng nhất, kêu gọi dân Ngài thức tỉnh khỏi trạng thái hôn mê tâm linh và tìm kiếm mặt Ngài với lòng ăn năn và khiêm nhường: "Hãy thổi kèn ở Si-ôn, và hãy kêu lớn tiếng." tiếng trên núi thánh của Ta, hãy để mọi cư dân trên trái đất gặp rắc rối, vì ngày của Chúa

hãy đến, Ngài đang đến gần." "Hãy thánh hóa việc kiêng ăn, công bố ngày cấm. Hãy tập hợp dân chúng, thánh hóa hội chúng, tập hợp các trưởng lão, tập hợp các trẻ nhỏ... chú rể hãy ra khỏi phòng mình, và cô dâu hãy ra khỏi phòng mình. Các tư tế, thừa tác viên của Chúa, hãy khóc giữa hiên nhà và bàn thờ".

"Hãy hết lòng trở về với Ta, kiêng ăn, khóc lóc và than khóc. Hãy xé lòng chứ đừng xé áo, và quay về với Chúa là Thiên Chúa của các người, vì Ngài là Đấng nhân từ, từ bi, chậm giận. , và dồi dào lòng nhân từ." (Giô-ên 2:1, 15-17, 12 và 13).

Để chuẩn bị cho một dân tộc đứng vững trong ngày của Đức Chúa Trời, một công cuộc cải cách vĩ đại sẽ diễn ra. Đức Chúa Trời thấy rằng nhiều người đã tuyên xưng Ngài không xây dựng cõi vĩnh hằng, và với lòng thương xót của Ngài, Ngài sắp gửi một thông điệp cảnh báo nhằm đánh thức họ khỏi trạng thái sống sờ và dẫn dắt họ sẵn sàng cho sự tái lâm của Chúa họ.

Lời cảnh báo này được ghi lại trong Khải Huyền 14. Ở đó, thông điệp ba phần được thể hiện như đã được các đấng trên trời công bố, và ngay sau đó là sự đến của Con người "để mang lại mùa gặt trên đất". Lời cảnh báo đầu tiên công bố sự phán xét sắp đến. Nhà tiên tri chiêm ngưỡng một thiên sứ bay "ở giữa trời, có Tin Lành đời đời, đặt rao truyền cho dân cư trên đất, cho mọi nước, mọi chi phái, mọi thứ tiếng, và mọi dân tộc, đồng thời kêu lớn tiếng rằng: Hãy sợ hãi! Đức Chúa Trời. , và tôn vinh Ngài; vì giờ phán xét của Ngài đã đến. Và hãy thờ phượng Đấng dựng nên trời, đất, biển và các suối nước." (Khải Huyền 14:6 và 7).

Thông điệp này được tuyên bố là một phần của "phúc âm đời đời". Công việc rao giảng phúc âm không được giao phó cho các thiên sứ mà cho loài người. Các thiên thần thánh thiện đã được tuyển dụng để chỉ đạo công việc này; họ đã lãnh đạo những phong trào vĩ đại nhằm cứu rỗi nhân loại; nhưng việc rao giảng phúc âm thực sự được thực hiện bởi các tông đồ của Chúa Kitô trên trái đất.

Những người trung thành, vâng theo sự thúc giục của Thánh Linh Đức Chúa Trời và những lời dạy trong Lời Ngài, phải công bố lời cảnh báo này cho thế giới. Họ là những người đã lắng nghe "lời các đấng tiên tri" chắc chắn, "ánh sáng chiếu soi trong nơi tối tăm, cho đến khi rạng đông và sao mai xuất hiện" (II Phi-e-rơ 1:19). Họ đã tìm kiếm sự hiểu biết về Đức Chúa Trời trên hết mọi kho báu được giấu kín, coi Ngài "quý hơn của bạc và lợi tức của Ngài hơn vàng ròng" (Châm ngôn 3:14). Và Chúa đã tiết lộ cho họ những điều vĩ đại của vương quốc. "Bí quyết của Chúa dành cho người kính sợ Ngài, và Ngài sẽ tỏ cho họ biết giao ước của Ngài." (Thi Thiên 25:14).

Không phải những người lãnh đạo hội thánh hiểu lẽ thật này và cam kết công bố nó. Nếu họ là những người canh gác trung thành, siêng năng và cầu nguyện tra cứu Kinh thánh, thì họ đã biết thời gian của ban đêm; những lời tiên tri sẽ tiết lộ cho họ những sự kiện sắp diễn ra. Tuy nhiên, họ đã không chiếm giữ vị trí của mình và thông điệp được đưa ra bởi một lớp khác. Chúa Giêsu đã dạy: "Hãy bước đi khi còn ánh sáng kéo bóng tối bắt kịp bạn". (Giăng 12:35). Những người quay lưng lại với ánh sáng mà Thiên Chúa đã ban cho họ, hoặc không tìm kiếm ánh sáng khi nó ở trong tầm tay của họ, sẽ bị bỏ lại trong bóng tối. Nhưng Đấng Cứu Rỗi tuyên bố: "Ai theo Ta sẽ không đi trong bóng tối nhưng có ánh sáng của sự sống". (Giăng 8:12). Bất cứ ai có mục đích đơn giản, chân thành theo đuổi ánh sáng đã nhận được sẽ nhận được ánh sáng hơn. Một ngôi sao sáng nào đó sẽ được gửi đến linh hồn đó để hướng dẫn nó vào mọi sự thật.

Vào thời điểm Chúa Kitô đến lần thứ nhất, các tư tế và kinh sư của thành thánh, những người được giao phó các lời tiên tri của Thiên Chúa, có thể nhận ra các dấu chỉ của thời đại và công bố sự xuất hiện của Đấng Hứa. Lời tiên tri của Mi-chê chỉ ra chính xác nơi Ngài sinh ra (Mi-chê 5:2); Đa-ni-ên chỉ rõ thời điểm Ngài đến (Đa-ni-ên 9:25). Đức Chúa Trời đã giao phó những lời tiên tri này cho các nhà lãnh đạo người Do Thái chăm sóc. Họ sẽ là

Họ sẽ không có lý do gì nếu họ không biết hoặc không tuyên bố với dân chúng rằng sự đến của Đấng Mê-si đã gần kề. Sự thiếu hiểu biết của họ là kết quả của sự sơ suất tội lỗi. Người Do Thái đang dựng tượng đài cho các nhà tiên tri đã chết, trong khi vì tôn trọng những vĩ nhân trên trái đất, họ lại bày tỏ lòng kính trọng đối với những tội tử của Sa-tan. Bị cuốn vào những cuộc đấu tranh đầy tham vọng để giành lấy địa vị và sự thống trị giữa loài người, họ đã đánh mất những vinh dự thiêng liêng mà Vua Thiên Đàng ban cho họ.

Với sự quan tâm sâu sắc và tôn kính, các trưởng lão của Y-sơ-ra-ên lẽ ra phải nghiên cứu địa điểm, thời gian và hoàn cảnh của sự kiện vĩ đại nhất trong lịch sử thế giới—sự đến của Con Đức Chúa Trời để hoàn thành việc cứu chuộc nhân loại. Tất cả mọi người phải theo dõi và chờ đợi để họ có thể thấy mình là một trong những người đầu tiên chào đón Đấng Cứu Chuộc thế giới.

Nhưng sau đó! Tại Bethlehem, hai du khách mệt mỏi từ những ngọn đồi ở Nazareth đã đi dọc theo con đường hẹp đến cuối phía đông của thành phố, tìm kiếm một nơi nghỉ ngơi và trú ẩn qua đêm trong vô vọng. Không có cánh cửa nào mở ra để chào đón họ. Dưới một túp lều tồi tàn được chuẩn bị cho gia súc, cuối cùng họ cũng tìm được nơi ẩn náu, và ở đó Đấng Cứu Thế đã ra đời.

Các thiên thần trên trời đã nhìn thấy vinh quang mà Con Thiên Chúa chia sẻ với Chúa Cha trước khi thế giới tồn tại, và hết sức mong muốn sự xuất hiện của Ngài trên Trái đất, như một sự kiện tràn ngập niềm vui to lớn cho tất cả mọi người.

Các thiên thần được bổ nhiệm để mang tin vui đến cho những người đã sẵn sàng đón nhận và những người vui lòng thông báo tin vui đó cho cư dân trên đất.

Đấng Christ đã hạ mình bằng cách mang lấy bản chất con người. Ngài phải gánh chịu vô số bất hạnh khi biến linh hồn mình thành của lễ chuộc tội.

Tuy nhiên, các thiên thần mong muốn rằng ngay cả khi bị hạ nhục, Con Đấng Tối Cao vẫn có thể xuất hiện trước mặt loài người với phẩm giá và vinh quang phù hợp với đặc tính của Người.

Liệu những vĩ nhân trên Trái đất có tập trung tại thủ đô của Israel để chào đón sự tái lâm của Ngài không? Liệu các đạo binh thiên thần có giới thiệu Ngài trước đám đông đang mong đợi không?

Một thiên thần đến thăm Trái đất để xem ai sẵn sàng chào đón Chúa Giê-su. Tuy nhiên, anh không thể phân biệt được bất kỳ dấu hiệu mong đợi nào. Ông không nghe thấy tiếng ca ngợi hay chiến thắng nào, nói rằng thời điểm Đấng Messia đến đã gần kề. Thiên thần bay lượn một lúc trên thành phố đã chọn và ngồi trên nền nơi sự hiện diện của thần thánh đã thể hiện trong nhiều thế kỷ; nhưng ngay cả ở đó anh ấy cũng nhận thấy sự thờ ơ tương tự. Các thầy tế lễ, với vẻ hào hoa và kiêu hãnh, đang dâng những vật tế lễ ô uế trong đền thờ.

Những người Pha-ri-si lớn tiếng nói với dân chúng hoặc cầu nguyện một cách tự phụ ở các góc phố. Trong các cung điện hoàng gia, trong các hội đồng triết gia, trong các trường học giáo sĩ, tất cả đều không chú ý đến sự thật tuyệt vời đã khiến cả Thiên đường tràn ngập niềm vui và lời khen ngợi, rằng Đấng Cứu Chuộc loài người sắp xuất hiện trên Trái đất.

Không có bằng chứng nào cho thấy Đấng Christ được mong đợi và không có sự chuẩn bị nào cho Hoàng tử Sự sống được thực hiện. Với sự kinh ngạc, sứ giả trên trời sắp trở về Thiên đàng với tin xấu hổ thì phát hiện ra một số người chặn cừu đang canh giữ đàn chiên của họ vào ban đêm và chiêm ngưỡng bầu trời đầy sao, suy ngẫm về lời tiên tri về Đấng Mê-si sẽ đến Trái đất, khao khát sự xuất hiện của Đấng Christ. Đấng cứu chuộc thế giới.

Có một nhóm người chuẩn bị đón nhận thông điệp từ thiên đàng. Và bỗng nhiên sứ thần Chúa hiện đến loan báo một tin vui trọng đại. Thiên quang tràn ngập khắp đồng bằng; vô số thiên thần xuất hiện và, như thể niềm vui quá lớn lao đến mức không một sứ giả nào có thể mang đến từ Thiên đường, vô số giọng nói vang lên thành một bài thánh ca mà một ngày nào đó tất cả các quốc gia được cứu sẽ hát: "Vinh danh Thiên Chúa trong đỉnh cao, hòa bình trên trái đất, thiện chí đối với con người." (Lu-ca 2:14).

Ồ! Thật là một bài học mà câu chuyện tuyệt vời này của Belém mang lại! Nó quả trách sự vô tín, tính kiêu ngạo và sự tự mãn của chúng ta biết bao! Cô ấy khuyên nhủ chúng ta phải cẩn thận biết bao, để điều đó không xảy ra do sự sơ suất tội ác của chúng ta

chúng ta cũng đừng phân biệt những dấu hiệu của thời đại, và do đó không biết ngày chúng ta được viếng thăm!

Không chỉ trên những ngọn đồi xứ Giu-đê hay giữa những mục đồng khiêm tốn mà các thiên thần mới thấy những người đang chờ đợi Đấng Mê-si đến. Trong xứ dân ngoại cũng có những người chờ đợi Ngài. Đây là những triết gia khôn ngoan, giàu có và cao quý đến từ phương Đông. Những sinh viên của Tự nhiên, những nhà ảo thuật đã nhìn thấy Chúa trong công việc của Ngài. Từ Kinh thánh tiếng Do Thái, họ đã biết về Ngôi sao sẽ mọc lên từ Gia-cóp, và với lòng khao khát mong chờ Ngài đến, Đấng không chỉ là "Niềm an ủi của dân Y-sơ-ra-ên" mà còn là "Ánh sáng soi sáng cho dân ngoại" và "sự cứu rỗi cho đến tận cùng trái đất" (Lu-ca 2:25 và 32; Công vụ 13:47). Họ là những người tìm kiếm ánh sáng, và ánh sáng từ Ngài Đức Chúa Trời soi đường cho đôi chân họ. Trong khi các thầy tế lễ và giáo sĩ ở Giê-ru-sa-lem, những người bảo vệ và giảng giải lẽ thật được bỏ nhiệm, bị bao phủ trong bóng tối, thì ngôi sao được gửi từ Thiên đường đã hướng dẫn những người ngoại bang đến nơi sinh của Vị Vua mới sinh.

Đối với "những ai trông đợi Ngài được cứu" (Hê-bơ-rơ 9:28) thì Đấng Christ sẽ hiện ra lần thứ hai mà không phạm tội. các nhà lãnh đạo tôn giáo của nhân dân.

Họ đã thất bại trong việc duy trì mối liên hệ của mình với Chúa và họ từ chối ánh sáng từ Thiên đường. Vì vậy, những điều đó không được kể vào những điều được sứ đồ Phao-lô mô tả: "Hỡi anh em, anh em chẳng ở trong bóng tối nữa, đến nỗi ngày đó như kẻ trộm rình rập anh em; vì tất cả các bạn đều là con cái của ánh sáng và con cái của ban ngày; chúng ta không thuộc về đêm tối cũng không thuộc về bóng tối" (I Tê-sa-lô-ni-ca 5:4 và 5).

Những người canh gác trên tường thành Si-ôn lẽ ra phải là những người đầu tiên biết tin tức về sự giáng lâm của Đấng Cứu Rỗi, những người đầu tiên lên tiếng về sự đến gần của Ngài, những người đầu tiên cảnh báo dân chúng để họ có thể chuẩn bị cho sự đến của Ngài. Tuy nhiên, những người này lại lười biếng, mơ về hòa bình và an ninh, trong khi dân chúng thì ngủ quên trong tội lỗi của mình. Chúa Giê-su nhìn hội thánh của Ngài như một cây vả cần cỗi, phủ đầy lá kiêu kỳ nhưng lại không có trái quý giá. Có sự kiêu hãnh tuân giữ các hình thức tôn giáo, trong khi lại thiếu tinh thần khiêm tốn, sám hối và đức tin thực sự - những điều duy nhất có thể làm cho việc phục vụ được Thiên Chúa chấp nhận. Thay vì những ân sủng của Thánh Thần, sự kiêu ngạo, chủ nghĩa hình thức, kiêu căng, ích kỷ và áp bức đã được biểu hiện. Một giáo hội bội đạo đã nhắm mắt trước những dấu hiệu của thời đại. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời không bỏ rơi họ, Ngài cũng không để lòng thành tín của Ngài làm họ thất vọng; nhưng họ đã quay lưng lại với Chúa và tách mình ra khỏi tình yêu của Ngài. Như thế họ không chịu thực hiện những điều kiện, những lời hứa thiêng liêng đã không được thực hiện đối với họ.

Đây là hậu quả chắc chắn của việc bỏ bê và không tận hưởng ánh sáng và đặc ân mà Chúa ban. Trừ khi nhà thờ đi theo con đường mà Chúa Quan Phòng mở ra, chấp nhận mọi tia sáng, hoàn thành mọi nghĩa vụ được giao cho mình, nếu không thì tôn giáo chắc chắn sẽ thoái hóa thành việc tuân theo các hình thức, và tinh thần đạo đức sống còn sẽ biến mất. Lẽ thật này đã được minh họa nhiều lần trong lịch sử hội thánh.

Đức Chúa Trời đòi hỏi dân Ngài phải làm những công việc đức tin và sự vâng phục tương xứng với những phước lành và đặc ân được ban. Sự vâng phục đòi hỏi sự hy sinh và liên quan đến thập tự giá, đó là lý do tại sao rất nhiều người tự xưng là môn đồ của Đấng Christ từ chối nhận ánh sáng Thiên đàng và giống như người Do Thái thời xưa, không biết thời điểm Ngài viếng thăm (Lu-ca. 19:44). Vì sự kiêu ngạo và vô tín của họ, Chúa đã gạt họ sang một bên và mặc khải lẽ thật của Ngài cho những người, giống như những người chăn chiên ở Bê-lem và những nhà thông thái ở phương Đông, đã chú ý đến tất cả ánh sáng mà họ nhận được.

Chương 18

Một nhà cải cách người Mỹ

Một người nông dân đáng kính và lương thiện, từng bị nghi ngờ về thẩm quyền thiêng liêng của Kinh thánh, nhưng lại chân thành mong muốn biết sự thật, là người được Đức Chúa Trời đặc biệt chọn để bắt đầu công bố sự tái lâm của Đấng Christ. Giống như nhiều nhà cải cách, William Miller đã đấu tranh chống lại nghèo đói ngay từ đầu đời, nhờ đó học được những bài học lớn về hoạt động và sự tử bỏ bản thân. Các thành viên trong gia đình mà ông thuộc về đều có đặc điểm là có tinh thần độc lập, yêu tự do, có khả năng phản kháng và lòng yêu nước nồng nàn, những đức tính cũng nổi bật trong tính cách của họ. Cha của ông từng là đại úy trong quân đội trong Cách mạng, và những hy sinh mà ông đã thực hiện trong những cuộc đấu tranh và đau khổ của thời kỳ đau khổ đó có thể là do hoàn cảnh khó khăn trong những năm đầu đời của Miller.

Miller được trời phú cho một thể chất khỏe mạnh và ngay từ khi còn nhỏ, anh đã thể hiện sức mạnh trí tuệ vượt trội. Khi nó lớn lên và phát triển, tài sản này càng trở nên đáng chú ý hơn. Trí óc của anh ấy rất năng động và phát triển tốt và Miller sở hữu niềm khao khát kiến thức sâu sắc. Mặc dù không được hưởng những lợi thế của một nền giáo dục hàn lâm, nhưng niềm đam mê học tập và thói quen suy nghĩ cẩn thận cũng như óc phê bình nhạy bén đã khiến ông trở thành một người có óc phán đoán đúng đắn và tầm nhìn rộng. Anh ta có một tư cách đạo đức không thể chê trách và một danh tiếng đáng ghen tị, thường được đánh giá cao vì tính chính trực, tính cẩn thận và lòng nhân từ. Với rất nhiều năng lượng và sự áp dụng, ban đầu anh ấy đã có thể đạt được năng lực trong khi vẫn duy trì thói quen học tập của mình. Miller đảm nhận một số chức vụ dân sự và quân sự với danh dự, và con đường dẫn đến sự giàu có và danh dự dường như rộng mở với anh ta.

Mẹ ông là một phụ nữ khét tiếng sùng đạo, và thời thơ ấu ông đã chịu ảnh hưởng của những ấn tượng tôn giáo. Tuy nhiên, khi đến tuổi trưởng thành, anh ấy đã kết giao với những người theo chủ nghĩa thần thánh, những người có ảnh hưởng mạnh mẽ bắt nguồn từ thực tế rằng họ nói chung là những công dân tốt và những người đàn ông có tính cách hào phóng và nhân từ. Sống giữa các tổ chức Cơ đốc giáo, ở một mức độ nào đó, tính cách của anh đã được hình thành bởi môi trường của anh. Những món quà tốt lành khiến họ tôn trọng và tin cậy là do ảnh hưởng của Kinh thánh, nhưng những món quà tốt lành này đã bị biến chất để chống lại Lời Chúa. Bằng cách kết giao với những người đàn ông này, Miller đã bị dẫn đến việc chấp nhận tình cảm của họ. Những cách giải thích kinh thánh vào thời đó đã đưa ra những khó khăn dường như không thể vượt qua đối với ông; tuy nhiên, niềm tin mới của ông, mặc dù nó đặt Kinh thánh sang một bên, nhưng không có gì tốt hơn để thay thế nó và không làm ông hài lòng. Bất chấp mọi thứ, ông vẫn tiếp tục giữ quan điểm này trong khoảng mười hai năm. Nhưng ở tuổi ba mươi bốn, Đức Thánh Linh đã in ấn vào lòng ông ý thức về tình trạng tội nhân của ông. Ông nhận thấy trong niềm tin trước đây của mình không có gì đảm bảo cho hạnh phúc bên kia nấm mồ. Tương lai thật đen tối và bi thảm.

Sau này nhắc lại cảm xúc của mình lúc đó, ông nói:

"Sự hủy diệt là một ý nghĩ lạnh lùng, chán nản, và trách nhiệm giải trình đồng nghĩa với sự hủy diệt chắc chắn dành cho tất cả mọi người. Bầu trời như đồng trên đầu tôi và trái đất như sắt dưới chân tôi. Sự vĩnh cửu, nó là gì? Và tại sao cái chết lại tồn tại? Tôi càng thấy vậy. Càng ngẫm nghĩ, càng đi xa khỏi giải pháp, càng nghĩ, kết luận của tôi càng rời rạc. Tôi cố gắng ngừng suy nghĩ, nhưng suy nghĩ của tôi không thể kiểm soát được. Tôi thực sự cảm thấy

khổ sở, nhưng tôi không hiểu lý do. Tôi lảm bảm phàn nàn mà không biết là ai. Tôi biết có điều gì đó không ổn, nhưng tôi không biết tìm ra điều gì đúng ở đâu và như thế nào. Tôi rất tiếc, nhưng không có hy vọng."

Miller tiếp tục ở trạng thái này trong vài tháng. Anh ấy nói: "Đột nhiên, hình ảnh của một Đấng Cứu Rỗi in sâu vào tâm trí tôi. Dường như có một Đấng tốt lành và nhân ái đến mức chuộc tội cho những vi phạm của chúng ta, nhờ đó cứu chúng ta khỏi bị hình phạt của tội lỗi. Tôi ngay lập tức cảm nhận được Đấng Cứu Rỗi này phải nhân từ biết bao, và tôi tưởng tượng rằng tôi có thể lao mình vào vòng tay của Ngài và tin cậy vào lòng thương xót của Ngài. Nhưng câu hỏi đặt ra là: làm thế nào có thể chứng minh được sự tồn tại của Đấng này? Tôi không thể có được bằng chứng nào về điều đó, Salvador, hay thậm chí là đất nước tương lai.

"Tôi thấy rằng Kinh Thánh tiết lộ chính xác Đấng Cứu Rỗi mà tôi cần; và tôi bối rối khi khám phá ra làm thế nào mà một cuốn sách tẻ nhạt lại phát triển những nguyên tắc thích ứng một cách hoàn hảo đến vậy với nhu cầu của một thế giới sa ngã. Tôi buộc phải thừa nhận rằng Kinh Thánh được cho là một sự mặc khải." từ Chúa. Chúng trở thành niềm vui của tôi, và tôi tìm thấy nơi Chúa Giê-su một người bạn. Đối với tôi, Đấng Cứu Rỗi trở thành người đầu tiên trong số mười ngàn người, và Kinh thánh, vốn đen tối và mâu thuẫn, giờ đây đã trở thành ngọn đèn cho chân tôi và ánh sáng cho tôi. tâm hồn. con đường. Tâm trí tôi tĩnh lại và tôi hài lòng. Tôi phát hiện ra rằng Chúa là Thiên Chúa như một tảng đá giữa đại dương cuộc sống.

Kinh Thánh đã trở thành nghiên cứu chính của tôi và tôi có thể thành thật nói rằng tôi rất thích thú xem xét nó. Tôi thấy rằng tôi thậm chí còn chưa được kể một nửa điều đó.

Tôi ngạc nhiên vì trước đây tôi chưa từng thấy vẻ đẹp và vinh quang của nó; và tôi rất ngạc nhiên khi đã từ chối nó. Tôi thấy rằng tất cả những gì được bộc lộ trong đó là điều mà trái tim tôi hằng mong ước, và là phương thuốc chữa lành mọi bệnh tật của tâm hồn. Tôi không còn hứng thú với việc đọc những thứ khác và chuyên tâm vào việc đạt được sự khôn ngoan của Chúa."

Bây giờ anh ấy đã công khai tuyên xưng đức tin của mình vào tôn giáo mà anh ấy đã coi thường. Nhưng những người bạn đồng hành không tin tưởng của ông không mất nhiều thời gian để nhớ lại tất cả các lý lẽ và không mất nhiều thời gian để đưa ra tất cả những quan niệm mà chính Miller đã tạo ra để chống lại thẩm quyền thiêng liêng của Kinh thánh. Khi đó, ông không sẵn sàng trả lời họ, nhưng lý luận rằng nếu Kinh thánh là sự mặc khải từ Đức Chúa Trời thì nó phải nhất quán với chính nó, được ban ra để hướng dẫn con người và do đó phù hợp với sự hiểu biết của con người. Anh quyết định tự mình nghiên cứu Kinh Thánh và tìm hiểu xem liệu những mâu thuẫn rõ ràng có thể hòa hợp được hay không.

Cố gắng gạt bỏ mọi định kiến và từ bỏ các bình luận tư vấn, ông so sánh câu này với câu khác, tìm kiếm sự trợ giúp trong các tài liệu tham khảo bên lề và sự phù hợp trong Kinh thánh. Ông tiếp tục nghiên cứu của mình một cách có hệ thống và có phương pháp. Bắt đầu với cuốn sách Sáng thế ký và đọc từng câu một, Miller tiến hành không nhanh hơn mức cho phép ông làm rõ ý nghĩa của nhiều đoạn văn và giải phóng ông khỏi mọi khó khăn. Khi tìm thấy điều gì đó mơ hồ, ông có thói quen so sánh nó với tất cả các văn bản khác dường như có mối liên hệ nào đó với chủ đề đang nghiên cứu. Anh ấy cho phép mỗi từ hình thành mối quan hệ riêng với chủ đề của văn bản và nếu quan điểm của anh ấy về đoạn văn hài hòa với từng văn bản song song thì khó khăn đã được giải quyết. Vì vậy, bất cứ khi nào anh gặp một đoạn văn khó hiểu, anh đều tìm ra lời giải thích ở đâu đó trong Kinh thánh. Khi anh nghiên cứu với lời cầu nguyện nhiệt thành để đạt được sự soi sáng thiêng liêng, điều mà trước đây anh có vẻ khó hiểu giờ đây đã trở nên rõ ràng. Ông đã trải nghiệm sự thật trong lời của tác giả Thi Thiên: "Sự giải thích Lời Chúa đem lại ánh sáng, ban sự hiểu biết cho người thật thà". (Thi Thiên 119:130).

Với sự quan tâm sâu sắc, ông nghiên cứu các sách Đa-ni-ên và Khải Huyền, áp dụng các nguyên tắc giải nghĩa tương tự như khi xem xét các phần khác của sách.

Kinh thánh, và ông vô cùng vui mừng khi phát hiện ra rằng những biểu tượng tiên tri có thể hiểu được. Ông thấy rằng những lời tiên tri, trong chừng mực chúng được ứng nghiệm, đều rất đúng nghĩa đen; rằng tất cả các hình tượng, ẩn dụ, ngụ ngôn, so sánh, v.v. khác nhau đều được giải thích bằng ngữ cảnh trực tiếp của chúng hoặc các thuật ngữ mà chúng được diễn đạt đã được định nghĩa trong các văn bản kinh thánh khác; và khi được giải thích như vậy, chúng nên được hiểu theo nghĩa đen. Ông nói: "Do đó, tôi bị thuyết phục rằng Kinh Thánh là một hệ thống chứa đựng lẽ thật được mặc khải, được trình bày rõ ràng và đơn giản đến mức người lữ hành, dù có thể là kẻ ngốc, cũng không cần phải sai lầm". Trong đó, ông từng bước nghiên cứu những dòng tiên tri vĩ đại, các thiên thần trên trời đang hướng dẫn tâm trí ông và mở ra Kinh thánh cho ông hiểu.

Áp dụng cách ứng nghiệm những lời tiên tri trong quá khứ làm tiêu chí để phân tích những lời tiên tri vẫn còn trong tương lai, ông tin chắc rằng quan điểm phổ biến về vương quốc tâm linh của Đấng Christ - một thiên niên kỷ tạm thời trước ngày tận thế - đã làm như vậy. không được Lời Chúa hỗ trợ. Học thuyết này hướng tới một ngàn năm công bình và hòa bình trước khi Chúa đến, xua tan nỗi kinh hoàng về ngày của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, điều này có thể dễ chịu nhưng lại trái ngược với lời dạy của Đấng Christ và các sứ đồ của Ngài, là những người đã tuyên bố rằng lúa mì và cỏ lùng phải cùng mọc lên cho đến mùa gặt, ngày tận thế (Ma-thi-ơ 13:30, 38-41).) ; rằng "những kẻ độc ác, dối trá sẽ ngày càng tồi tệ"; rằng "trong những ngày sau rốt sẽ có những thời kỳ khó khăn" (II Ti-mô-thê 3:13 và 1); và rằng vương quốc bóng tối sẽ tiếp tục cho đến khi Chúa đến, bị linh của miệng Ngài tiêu diệt và bị hủy diệt bởi sự sáng láng khi Ngài đến (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:8).

Học thuyết về sự biến đổi của thế giới và vương quốc tâm linh của Đấng Christ không được giáo hội tông đồ bảo vệ. Nó thường không được những người theo đạo Cơ đốc chấp nhận cho đến khoảng đầu thế kỷ 18. Giống như tất cả các lỗi khác, kết quả của nó là âm tính. Nó dạy con người mong đợi sự tái lâm của Chúa trong một tương lai rất xa, và ngăn cản họ lắng nghe những dấu hiệu báo trước sự đến gần của Ngài. Nó tạo ra trong họ một cảm giác tin tưởng và an toàn không có cơ sở vững chắc, khiến nhiều người bỏ bê việc chuẩn bị cần thiết cho cuộc gặp gỡ với Chúa của họ.

Miller phát hiện ra rằng sự đến theo nghĩa đen của Đấng Christ đã được dạy đầy đủ trong Kinh thánh. Thánh Phaolô nói: "Chính Chúa sẽ từ trời xuống với tiếng kêu lớn, bằng tiếng của Tổng lãnh thiên thần và bằng tiếng kèn của Thiên Chúa". (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:16). Và Đấng Cứu Rỗi tuyên bố: "Họ sẽ thấy Con Người đến trên mây trời với quyền năng và vinh hiển lớn lao". "Như tia chớp đến từ phương Đông và đến phương Tây, thì sự Con Người đến cũng thế ấy". (Ma-thi-ơ 24:30 và 27). Anh ta phải được đồng hành bởi tất cả các thiên binh. "Con Người sẽ đến trong sự vinh hiển của Ngài, có hết thảy các thiên sứ thánh theo Ngài" (Ma-thi-ơ 25:31). "Ngài sẽ sai các thiên sứ Ngài thổi kèn lớn, và họ sẽ nhóm những người được chọn của Ngài lại." (Ma-thi-ơ 24:31).

Khi Ngài đến, những người chết công chính sẽ được sống lại và những người sống công chính sẽ được biến đổi. Phaolô nói: "Chúng ta không ngủ hết, nhưng hết thảy đều sẽ biến hóa, trong giây lát, ở tiếng kèn cuối cùng; vì kèn sẽ thổi, kẻ chết đều sống lại được không hay hư nát, và chúng ta đều sống lại không hay hư nát". sẽ được thay đổi. Vì đây phải là cái hư hoại nếu nó mặc lấy sự bất hoại, và hãy để cái hay chết mặc lấy sự bất tử. (I Cô-rinh-tô 15:51-53).

Và trong thư gửi tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca, sau khi mô tả việc Chúa đến, thánh tông đồ nói: "Những kẻ chết trong Chúa Kitô sẽ sống lại trước. Khi đó chúng ta, những kẻ còn sống và còn ở lại, sẽ được cùng với họ được cất lên trên mây, để gặp Chúa". Chúa ngự trên không trung nên chúng ta sẽ luôn ở bên Chúa". (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:16 và 17).

Dân Chúa sẽ không thể nhận được vương quốc trước khi Đấng Christ đích thân đến. Đấng Cứu Rỗi phán: "Khi Con người ngự trong sự vinh hiển mà đến với các thiên sứ thánh, thì Ngài sẽ ngồi trên ngôi vinh hiển của Ngài, mọi dân tộc sẽ nhóm lại trước mặt Ngài, và Ngài sẽ phân rẽ một người khỏi khác, như người chăn chiên tách chiên ra khỏi dê, chiên ở bên phải, dê ở bên trái. Bấy giờ vua sẽ phán cùng những người ở bên phải rằng: Hỡi những kẻ Cha ta ban phước, hãy đến. , hãy thừa kế vương quốc đã chuẩn bị cho các người từ khi tạo dựng thế giới." (Ma-thi-ơ 25:31-34). Qua các bản văn đã trích dẫn, chúng ta đã thấy rằng khi Con Người đến, kẻ chết sẽ sống lại không hư nát và kẻ sống sẽ được biến đổi. Bằng sự biến đổi vĩ đại này, họ sẵn sàng đón nhận vương quốc, vì Thánh Phaolô nói: "Xác thịt và máu không thể thừa hưởng vương quốc Thiên Chúa, sự hư nát cũng không thể thừa sự bất hoại". (I Cô-rinh-tô 15:50). Con người, trong tình trạng hiện tại, là phạm nhân và dễ hư nát, nhưng vương quốc của Đức Chúa Trời sẽ không thể hư hoại và sẽ tồn tại mãi mãi. Vì vậy, con người, trong tình trạng hiện tại, không thể vào vương quốc của Đức Chúa Trời. Nhưng khi Chúa Giêsu đến, Ngài sẽ ban sự bất tử cho dân Ngài; và sau đó anh ta sẽ kêu gọi họ sở hữu vương quốc mà cho đến lúc đó, họ chỉ là người thừa kế.

Những văn bản này và những văn bản khác cho Miller thấy rõ ràng rằng những sự kiện thường được mong đợi sẽ diễn ra trước khi Đấng Christ đến, chẳng hạn như sự thống trị hòa bình phổ quát và việc thiết lập triều đại của Đức Chúa Trời trên trái đất, sẽ xảy ra sau lần đến thứ hai. Hơn nữa, tất cả các dấu hiệu về thời đại và tình trạng của thế giới đều tương ứng với lời mô tả mang tính tiên tri về những ngày sau rốt. Người ta đi đến kết luận, chỉ từ việc nghiên cứu Kinh thánh, rằng thời kỳ được ấn định cho sự tồn tại liên tục của Trái đất ở trạng thái hiện tại sắp kết thúc. Miller nói: "Một bằng chứng khác gây ấn tượng sâu sắc trong tâm trí tôi là niên đại của Kinh thánh. Tôi phát hiện ra rằng những sự kiện được tiên đoán đã xảy ra hoàn thành trong quá khứ, thường xảy ra trong một thời gian nhất định. Một trăm hai mươi năm nước lụt (Sáng Thế Ký 6:3), bảy ngày trước đó, với bốn mươi ngày mưa được báo trước (Sáng Thế Ký 7:4), bốn trăm năm dòng dõi Áp-ra-ham tạm trú (Sáng Thế Ký 7:4). . 15:13), ba ngày trong giấc mơ của quan tể tướng và quan trưởng làm bánh (Sáng thế Ký 40:12-20); bảy năm của Pha-ra-ôn (Sáng Thế Ký 41:28-54), bốn mươi năm trong sa mạc (Dân Số Ký 14:34), ba năm rưỡi đói kém (I Các Vua 17:1; xem Lu-ca 4:25) ; bảy mươi năm bị giam cầm (Giê-rê-mi 25:11), bảy kỳ Nê-bu-cát-nét-sa (Đa-ni-ên 4:13-16), và bảy tuần, sáu mươi hai tuần, và một tuần, tức là bảy mươi tuần, được xác định cho người Do Thái (Đa-ni-ên 9:24-27), những sự kiện bị giới hạn bởi thời gian đó vốn là những vấn đề mang tính tiên tri, sau đó đã được ứng nghiệm theo những lời tiên đoán của họ."

Do đó, khi ông tìm thấy trong quá trình nghiên cứu Kinh Thánh của mình một số giai đoạn theo trình tự thời gian mà theo sự hiểu biết của ông, kéo dài cho đến lần Chúa Kitô đến lần thứ hai, ông không thể không coi chúng là "những thời điểm đã được ấn định" mà Thiên Chúa đã mặc khải cho Chúa. người hầu. Môi-se nói: "Những điều bí mật dành cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta, còn những điều được tiết lộ là dành cho chúng ta và con cháu chúng ta mãi mãi" (Phục truyền 29:29); và Chúa tuyên bố qua tiên tri Amos rằng "Ngài sẽ không làm gì trừ phi Ngài tiết lộ bí mật của Ngài cho các tôi tớ Ngài là các tiên tri" (Amos 3:7). Do đó, những người học Lời Đức Chúa Trời có thể tin tưởng mong đợi những sự kiện kỳ diệu nhất sẽ xảy ra trong lịch sử loài người như được ghi trong Kinh thánh lẽ thật.

Miller nói: "Như ông đã hoàn toàn bị thuyết phục rằng 'cả Kinh thánh đều được Đức Chúa Trời soi dẫn' đều có ích; rằng nó không bao giờ xuất phát từ ý muốn của con người, mà được thực hiện khi những người thánh thiện được Đức Thánh Linh tác động (II Phi-e-rơ 1):21), và được viết 'vì sự giảng dạy của chúng tôi', 'nhờ sự kiên nhẫn và an ủi của Kinh thánh, chúng ta có thể có hy vọng', không thể không coi các phần theo trình tự thời gian của Kinh thánh khác hơn là hướng đến sự xem xét nghiêm túc của chúng ta như bất kỳ phần nào khác. phần khác

cô ấy. Do đó, tôi cảm thấy rằng, khi cố gắng hiểu những gì Thiên Chúa, với lòng thương xót của Ngài, đã chọn mặc khải cho chúng ta, tôi không có quyền bỏ qua các giai đoạn tiên tri."

Lời tiên tri dường như tiết lộ rõ ràng nhất về thời điểm của sự hiện diện lần thứ hai là trong Đa-ni-ên 8:14: "Cho đến hai ngàn ba trăm buổi tối và buổi sáng, nơi thánh sẽ được thanh sạch." Theo quy tắc của mình là coi Kinh thánh là người giải thích riêng, Miller phát hiện ra rằng một ngày trong lời tiên tri mang tính biểu tượng đại diện cho một năm (Ds 14:34; Ê-xê-chiên 4:6); thấy rằng khoảng thời gian 2.300 ngày tiên tri, hay những năm theo nghĩa đen, sẽ kéo dài vượt xa thời kỳ cuối của thời kỳ Do Thái, do đó thời gian đó không thể ám chỉ nơi thánh của thời kỳ đó. Miller đồng ý với quan điểm được chấp nhận rộng rãi rằng, trong thời đại Cơ đốc giáo, Trái đất là nơi tôn nghiêm, và do đó hiểu rằng việc thanh lọc thánh địa được dự đoán trong Đa-ni-ên 8:14 sẽ tượng trưng cho việc làm sạch Trái đất bằng lửa vào lần tái lâm của Chúa Kitô. Miller kết luận rằng nếu có thể tìm được điểm khởi đầu chính xác cho 2.300 ngày thì có thể dễ dàng xác định được thời điểm của cuộc tái lâm. Như vậy sẽ được tiết lộ về thời kỳ viên mãn vĩ đại đó, "thời điểm mà nhà nước hiện tại, với tất cả niềm kiêu hãnh và quyền lực, sự hào hoa và phù phiếm, sự độc ác và áp bức, sẽ chấm dứt... khi lời nguyền sẽ được loại bỏ khỏi trái đất, sự chết sẽ bị hủy diệt, khi tôi tớ Chúa, các nhà tiên tri, các thánh đồ và tất cả những ai kính sợ danh Ngài sẽ được khen thưởng, và những kẻ hủy diệt trái đất sẽ bị hủy diệt."

Với lòng nhiệt thành mới và sâu sắc hơn, Miller tiếp tục xem xét các lời tiên tri, dành cả ngày lẫn đêm để nghiên cứu những gì mà giờ đây đối với anh dường như có tầm quan trọng to lớn và thu hút sự quan tâm. Trong chương 8 của Daniel, anh ấy không tìm thấy manh mối nào về điểm bắt đầu của 2.300 ngày. Thiên thần Gabriel, mặc dù đã được lệnh phải làm cho Daniel hiểu được Khải tượng, nhưng chỉ giải thích một phần cho anh ta. Khi sự bất ngờ khủng khiếp sắp xảy ra với hội thánh xảy ra trước sự hiện diện của nhà tiên tri, sức mạnh thể chất của ông đã rời bỏ ông. Anh ta không thể chịu đựng được nữa và thiên thần đã rời xa anh ta một thời gian. Daniel ngất xỉu và ốm vài ngày. "Tôi rất ngạc nhiên trước cảnh tượng đó," anh nói, "và không ai có thể hiểu được nó."

Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã truyền lệnh cho sứ giả của Ngài: "Hãy ban cho người này Khải tượng để hiểu biết". Ủy ban này phải được đáp ứng. Để vâng lời cô, một thời gian sau, thiên thần quay lại gặp Daniel và nói: "Bây giờ tôi ra ngoài để làm cho anh hiểu ý nghĩa"; "Hãy nắm bắt đầy đủ ý nghĩa của từ và hiểu được tầm nhìn." (Đa-ni-ên 9:22 và 23). Chỉ có một điểm trong Khải tượng của chương 8 không được giải thích, đó là vấn đề liên quan đến thời gian - khoảng thời gian 2.300 ngày. Sau đó, thiên thần tiếp tục giải thích, chủ yếu nhấn mạnh vào chủ đề thời gian:

"Bảy mươi tuần lễ được ấn định cho dân Ngài và thành thánh của Ngài. Hãy biết và hiểu: từ khi ra lệnh trùng tu và xây dựng Giê-ru-sa-lem, cho đến Đấng Mê-si, Hoàng tử, bảy tuần và sáu mươi hai tuần; các đường phố sẽ được xây dựng lại, nhưng trong thời kỳ khó khăn. Và sau sáu mươi hai tuần, Đấng Mê-si sẽ bị bắt đi, và Ngài sẽ không còn nữa... Ngài sẽ lập giao ước với nhiều người trong một tuần; và vào giữa tuần lễ, người ấy sẽ dâng của lễ và của lễ chay."

(Đa-ni-ên 9:24-27).

Thiên sứ đã được phái đến Đa-ni-ên nhằm mục đích giải thích rõ ràng cho ông điểm mà ông không hiểu được trong Khải tượng ở chương 8: lời tuyên bố liên quan đến thời gian: "Cho đến hai ngàn ba trăm buổi tối và buổi sáng, nơi thánh sẽ được thanh sạch." Sau khi mời nhà tiên tri Đa-ni-ên xem xét "sự việc và hiểu Khải tượng," những lời đầu tiên của thiên sứ là: "Bảy mươi tuần lễ đã định cho dân người và thành thánh của người". Từ ở đây dịch là "quyết tâm" có nghĩa đen là "cắt đứt" hoặc "tách rời". Thiên sứ khẳng định rằng bảy mươi tuần lễ tượng trưng cho 490 năm được biệt riêng ra và đặc biệt thuộc về người Do Thái. Nhưng tách biệt khỏi cái gì?

Vì 2.300 ngày là thời gian duy nhất được đề cập trong chương 8 nên chúng phải là khoảng thời gian mà bảy mươi tuần lễ được tách ra. Do đó, bảy mươi tuần phải là một phần của 2.300 ngày và hai giai đoạn phải bắt đầu cùng một lúc. Thiên thần tuyên bố rằng bảy mươi tuần sẽ được tính từ ngày ban hành lệnh khôi phục và xây dựng Jerusalem. Nếu ngày của mệnh lệnh này có thể được tìm thấy thì điểm bắt đầu của khoảng thời gian 2.300 ngày sẽ được tìm ra.

Trong chương 7 của Ezra, sắc lệnh được ghi lại (Ezr. 7:12-26). Ở dạng hoàn chỉnh nhất, nó được Artaxerxes, vua Ba Tư, ban hành vào năm 457 trước Công nguyên. Nhưng trong Ezra 6:14, người ta nói rằng nhà của Chúa ở Jerusalem được xây dựng "theo lệnh [hoặc sắc lệnh] của Cyrus, Darius và Artaxerxes, vua Ba Tư." Ba vị vua này, bằng cách khởi xướng, xác nhận và hoàn thiện sắc lệnh, đã hoàn thiện nó theo yêu cầu của lời tiên tri để đánh dấu sự khởi đầu của 2.300 năm. Lấy năm 457 trước Công nguyên, thời điểm sắc lệnh được hoàn thành, làm ngày ban hành lệnh, có vẻ như toàn bộ đặc điểm tiên tri đã được ứng nghiệm đầy đủ.

"Từ khi ban hành lệnh khôi phục và xây dựng Giê-ru-sa-lem, cho đến Đấng Mê-si, Hoàng tử, bảy tuần sáu mươi hai tuần" - tức là sáu mươi chín tuần, hay 483 năm. Sắc lệnh của Artaxerxes có hiệu lực vào mùa thu năm 457 trước Công nguyên. Kể từ ngày đó, kéo dài 483 năm cho đến mùa thu năm 27 sau Công nguyên. Vào thời điểm đó lời tiên tri này đã được ứng nghiệm. Từ "Messiah" có nghĩa là "Đấng được xức dầu". Vào mùa thu năm 27 sau Công Nguyên, Chúa Kitô đã được Gioan Tẩy Giả làm phép rửa và nhận được sự xức dầu của Thánh Thần. Sứ đồ Phi-e-rơ làm chứng rằng "Đức Chúa Trời đã xức dầu cho Đức Chúa Giê-su người Na-xa-rét bằng Đức Thánh Linh và quyền năng". (Công vụ 10:38). Và chính Đấng Cứu Rỗi đã tuyên bố: "Thánh Linh của Chúa ngự trên Ta, vì Ngài đã xức dầu cho Ta để rao giảng Tin Mừng cho người nghèo." (Lu-ca 4:18). Sau khi chịu phép rửa, Chúa Giêsu đến miền Galilê, "rao giảng Tin Mừng về Nước Thiên Chúa và nói rằng: Thời đã trọn". (Mác 1:14 và 15).

"Và Ngài sẽ lập giao ước với nhiều người trong một tuần." "Tuần" được đề cập ở đây là tuần cuối cùng trong bảy mươi tuần; Đây là bảy năm cuối cùng của thời kỳ được ấn định đặc biệt cho người Do Thái. Trong thời gian này, kéo dài từ năm 27 đến năm 34 sau Công Nguyên, Chúa Kitô, trước tiên là đích thân và sau đó qua các môn đệ, đã đưa ra lời mời gọi phúc âm đặc biệt cho người Do Thái. Khi các sứ đồ ra đi với tin mừng về vương quốc, lời chỉ dẫn của Đấng Cứu Rỗi là: "Đừng đi vào đường dân chúng, cũng đừng vào các thành của người Sa-ma-ri, nhưng hãy đến với những con chiên lạc của nhà Y-sơ-ra-ên". (Ma-thi-ơ 10:5 và 6).

"Vào giữa tuần lễ, người ấy sẽ chấm dứt tế lễ và thịt dâng." Vào năm 31 SCN, ba năm rưỡi sau lễ rửa tội, Chúa chúng ta bị đóng đinh. Với của lễ hy sinh lớn lao được dâng trên Đồi Sọ, Ngài đã chấm dứt hệ thống của lễ trong 4.000 năm hướng về Chiên Con của Đức Chúa Trời. Type đã gặp antitype và mọi lễ hiến tế và lễ vật của hệ thống nghi lễ đều chấm dứt.

Bảy mươi tuần hay 490 năm được ban đặc biệt cho người Do Thái đã kết thúc, như chúng ta đã thấy, vào năm 34 sau Công nguyên. Vào thời điểm đó, theo đạo luật của Tòa Công luận Do Thái, cả nước đã phong ấn việc từ chối phúc âm do sự tử đạo của Ê-tiên. và sự bách hại những người theo Chúa Kitô. Như vậy, sứ điệp cứu độ, không còn giới hạn cho những người được chọn, đã được trao cho thế giới. Các môn đệ, bị bắt bớ buộc phải chạy trốn khỏi Giêrusalem, "đi khắp nơi rao giảng Lời Chúa".

"Phi-líp đi xuống thành Sa-ma-ri, rao giảng Đấng Christ cho họ." (Công vụ 8:5). Phi-e-rơ, được Đức Chúa Trời hướng dẫn, đã mở Phúc Âm cho Cột-nây, viên đội trưởng của Sê-sa-rê, một người kính sợ Đức Chúa Trời; và Phao-lô sốt sắng, đã được chinh phục bởi đức tin Cơ đốc, được giao nhiệm vụ mang tin vui đến cho dân ngoại tử xa (Công vụ 8:4 và 5; 22:21).

Cho đến nay mọi chi tiết cụ thể của lời tiên tri đã được ứng nghiệm một cách nghiêm ngặt, và thời điểm bắt đầu của bảy mươi tuần đã được thiết lập vượt qua mọi tranh cãi vào năm 457 trước Công nguyên, với thời gian của nó.

kết thúc vào năm 34 sau Công Nguyên Dựa trên những dữ liệu này, không có khó khăn gì trong việc tìm ra điểm cuối của 2.300 ngày. Tách bảy mươi tuần hay 490 ngày khỏi 2.300 ngày, vẫn còn 1.810 ngày. Sau khi kết thúc 490 ngày, 1.810 ngày vẫn phải được hoàn thành. Từ năm thứ 34 của thời đại chúng ta, 1.810 năm sẽ kéo dài cho đến năm 1844.

Do đó, 2.300 ngày trong Đa-ni-ên 8:14 đã kết thúc vào năm 1844. Khi kết thúc thời kỳ tiên tri vĩ đại này, theo lời chứng của thiên sứ Đức Chúa Trời, "nơi thánh sẽ được thanh tẩy". Như vậy, thời điểm thanh tẩy đền thánh - thời điểm mà hầu hết mọi người đều tin rằng sẽ xảy ra vào thời điểm Chúa Kitô đến lần thứ hai - đã được ấn định dứt khoát.

Miller và những người bạn đồng hành của ông ban đầu tin rằng 2.300 ngày sẽ kết thúc vào mùa xuân năm 1844, trong khi lời tiên tri lại chỉ về mùa thu năm đó. Việc giải thích sai điểm này mang lại sự thất vọng và bối rối cho những người đã ấn định ngày đầu tiên là ngày Chúa đến. Nhưng điều này ít nhất không ảnh hưởng đến sức mạnh của lập luận rằng 2.300 ngày kết thúc vào năm 1844, và rằng sự kiện trọng đại tượng trưng cho việc thanh tẩy thánh địa sẽ diễn ra sau đó.

Tận tâm nghiên cứu Kinh thánh với mục đích chứng minh rằng chúng là sự mặc khải của Đức Chúa Trời, Miller lúc đầu không có chút mong đợi nào về việc đạt được kết luận mà ông đã đạt được. Bản thân anh ta khó có thể công nhận kết quả điều tra của mình. Nhưng bằng chứng kinh thánh quá rõ ràng và mạnh mẽ để có thể gạt sang một bên.

Ông đã dành hai năm để nghiên cứu Kinh thánh, cho đến năm 1818, ông long trọng kết luận rằng trong khoảng 25 năm nữa, Đấng Christ sẽ xuất hiện để cứu chuộc dân Ngài. Miller đã diễn đạt điều đó theo cách này: "Không cần thiết phải nói về niềm vui tràn ngập trong lòng tôi, về viễn cảnh dễ chịu, cũng như về ước muốn tha thiết của tâm hồn tôi được tham gia vào niềm vui của những người được cứu chuộc. Vậy thì Kinh thánh là dành cho tôi." , một cuốn sách mới. Quả thực, nó là một bữa tiệc của lý trí. Tất cả những điều đó đối với tôi là mơ hồ, huyền bí hoặc mơ hồ trong những lời dạy của nó, đã bị xua tan khỏi tâm trí tôi trước ánh sáng trong trẻo giờ đây đang chiếu rọi từ những trang thiêng liêng của nó. Và ôi!, đối với tôi lẽ thật dường như tươi sáng và huy hoàng biết bao! Tất cả những mâu thuẫn và mâu thuẫn mà trước đây tôi tìm thấy trong Lời đã biến mất, và mặc dù có nhiều phần tôi chưa hiểu thỏa đáng, nhưng vẫn có rất nhiều ánh sáng đã tỏa sáng từ nó để soi sáng tâm trí đen tối trước đây của tôi, khiến tôi cảm thấy thích thú khi nghiên cứu Kinh thánh, một sự thỏa mãn mà trước đây tôi chưa bao giờ nghĩ có thể có được từ những lời dạy của Kinh thánh".

"Với niềm tin chắc chắn rằng những sự kiện trọng đại này đã được báo trước trong Kinh thánh sẽ sớm được ứng nghiệm, một câu hỏi có sức mạnh to lớn đã nảy sinh trước mắt tôi, liên quan đến nghĩa vụ của tôi đối với thế giới, dựa trên những bằng chứng đã ảnh hưởng đến tâm trí tôi." Miller Anh không thể không cảm thấy rằng nhiệm vụ của anh là chia sẻ với người khác ánh sáng mà anh đã nhận được, anh mong gặp phải sự chống đối của kẻ ác, nhưng anh tin rằng tất cả các Cơ đốc nhân sẽ vui mừng với hy vọng được nhìn thấy Đấng Cứu Rỗi, Đấng mà họ đã tuyên xưng. Nỗi sợ hãi duy nhất của ông là, trong niềm vui lớn lao trước viễn cảnh về sự giải cứu vinh quang sắp xảy ra, nhiều người sẽ tiếp nhận giáo lý mà không xem xét Kinh thánh một cách đầy đủ để làm bằng chứng cho lẽ thật của nó.

Vì vậy, ông ngần ngại trình bày vì sợ mắc sai lầm và trở thành phương tiện dẫn dắt người khác lạc lối. Do đó, anh ta buộc phải xem xét lại các bằng chứng ủng hộ những kết luận mà anh ta đã đưa ra và xem xét cẩn thận mọi khó khăn xuất hiện trong đầu anh ta. Ông thấy rằng những sự phản đối biến mất trước ánh sáng của Lời Chúa, giống như sương mù trước tia nắng, và 5 năm trải qua theo cách này đã khiến ông hoàn toàn bị thuyết phục về tính đúng đắn của ý kiến của mình.

Và giờ đây, nhiệm vụ làm cho người khác biết những gì anh tin là đã được dạy rất rõ ràng trong Kinh thánh đã đè nặng lên anh một sức mạnh mới. Miller thú nhận: "Khi tôi bắt đầu công việc kinh doanh của mình, nó cứ vang lên trong tai tôi: 'Hãy đi và nói với thế giới về mối nguy hiểm mà nó đang gặp phải'. Câu văn thường xuyên xảy ra trong đầu tôi là: 'Nếu ta nói với kẻ ác, hỡi kẻ ác, người chắc chắn sẽ chết; và người không nói để khiến kẻ ác từ bỏ đường lối của nó, thì kẻ ác đó sẽ chết trong tội ác của nó, nhưng Ta sẽ đòi máu nó từ tay người. Nhưng khi người đã ra lệnh khiến kẻ ác từ bỏ đường lối mình, và nó sẽ không từ bỏ đường lối mình, thì nó sẽ chết trong tội ác mình, nhưng người đã giải cứu mình. linh hồn.' (Ê-xê-chi-ên 33:8, 9). Tôi cảm thấy rằng nếu kẻ ác có thể được cảnh cáo một cách hữu hiệu, thì nhiều người trong số họ sẽ ăn năn; và nếu họ không được cảnh cáo, máu của họ có thể sẽ phải đến tay tôi."

Anh bắt đầu trình bày quan điểm của mình một cách riêng tư khi có cơ hội, cầu nguyện rằng một mục sư nào đó có thể cảm nhận được sức mạnh của họ và cống hiến hết mình cho việc ban hành chúng. Nhưng Miller không thể xóa bỏ niềm tin rằng anh ta có nghĩa vụ cá nhân phải hoàn thành khi đưa ra lời cảnh báo. Những lời đó luôn vang vọng trong tâm trí anh: "Hãy đi nói cho cả thế giới biết điều này, tôi sẽ đòi máu của họ đến tay anh". Ông đã chờ đợi chín năm, với gánh nặng đè nặng lên tâm hồn, cho đến năm 1831, lần đầu tiên ông công khai đưa ra lý do cho đức tin của mình.

Giống như Ê-li-sê được kêu gọi khi ông đang cày bò trên đồng, để nhận tám áo thánh hiến cho chức vụ tiên tri, William Miller cũng được mời rời khỏi cái cày và mở ra những màu nhiệm của vương quốc Đức Chúa Trời cho sự hiểu biết của người dân. Với nỗi sợ hãi, ông bắt đầu công việc của mình, dẫn dắt người nghe từng bước qua các giai đoạn tiên tri cho đến lần xuất hiện thứ hai của Đấng Christ. Với mỗi nỗ lực, anh ấy có được sức mạnh và lòng can đảm, nhận thấy sự quan tâm to lớn mà lời nói của anh ấy khơi dậy.

Chỉ theo yêu cầu của những người anh em của mình, những người mà anh ta đã nghe thấy tiếng gọi của Chúa, Miller mới đồng ý trình bày quan điểm của mình trước công chúng. Khi đó ông đã năm mươi tuổi và không quen nói trước công chúng. Anh cảm thấy choáng ngợp với cảm giác mình không đủ năng lực cho công việc trước mắt. Nhưng ngay từ đầu, công cuộc cứu rỗi các linh hồn của ngài đã được chúc phúc một cách đáng chú ý. Sau hội nghị đầu tiên của ông là một cuộc thức tỉnh tôn giáo, trong đó toàn bộ ba mươi gia đình đã được cải đạo, ngoại trừ hai người. Anh ấy ngay lập tức bị thuyết phục để nói chuyện ở những nơi khác, và hầu hết mọi nơi công việc của anh ấy đều mang lại sự phục hưng cho công việc của Đức Chúa Trời. Những người tội lỗi đã được cải đạo, những người theo đạo Thiên chúa được thức tỉnh để tận hiến nhiều hơn, những người theo thuyết thần giáo và những người không tin đã nhận ra lẽ thật của Kinh thánh và tôn giáo Cơ đốc. Lời chứng của những người mà ông làm việc cùng là: "Anh ấy đã tiếp cận được một tầng lớp những người không chịu ảnh hưởng của những người đàn ông khác." Lời rao giảng của ông được tính toán để đánh thức dư luận về các chủ đề lớn của tôn giáo, đồng thời kiểm tra tính trần tục và nhục dục ngày càng tăng của thời đó.

Ở hầu hết mọi thành phố đều có rất nhiều, thậm chí hàng trăm người cải đạo nhờ lời rao giảng của ông. Ở nhiều nơi, các nhà thờ Tin lành của hầu hết các giáo phái đều mở cửa chào đón ông, và những lời mời làm việc thường đến từ các mục sư của các giáo đoàn khác nhau. Miller đã đặt ra một quy tắc bất biến là không làm việc ở bất cứ nơi nào mà anh ta không được mời; tuy nhiên, anh sớm nhận ra rằng không thể đáp ứng được một nửa số yêu cầu được đưa ra cho mình.

Nhiều người không chấp nhận quan điểm của ông về thời gian chính xác của cuộc tái lâm đã bị thuyết phục về sự chắc chắn và sự gần kề của Chúa Kitô cũng như sự cần thiết phải chuẩn bị. Ở một số thành phố lớn, công việc của ông đã gây ấn tượng rõ rệt. Những người bán đồ uống từ bỏ việc buôn bán và biến cửa hàng của họ thành phòng họp; ổ cờ bạc đã bị đóng cửa.

người đã nhiều năm không bước vào nhà thờ. Các buổi nhóm cầu nguyện được tổ chức bởi nhiều giáo phái khác nhau ở những khu vực lân cận khác nhau, hầu như mỗi giờ trong ngày; Các doanh nhân gặp nhau vào giữa trưa để cầu nguyện và khen ngợi. Không có sự phấn khích kỳ lạ mà là một sự trang trọng gần như bao trùm trong tâm trí mọi người. Công việc của ông, giống như công việc của những nhà cải cách đầu tiên, có xu hướng thuyết phục sự hiểu biết và đánh thức lương tâm hơn là chỉ kích thích cảm xúc.

Năm 1833, Miller nhận được giấy phép thuyết giảng từ Nhà thờ Baptist mà ông thuộc về. Một số lượng lớn các mục sư trong giáo phái của ông cũng tán thành công việc của ông. Và chính với sự chấp thuận chính thức này mà anh ấy đã tiếp tục công việc của mình.

Ông đi du lịch và thuyết giảng không ngừng, mặc dù công việc cá nhân của ông chủ yếu giới hạn ở New England và Trung Hoa. Trong nhiều năm, chi phí của ông hoàn toàn được trang trải bằng nguồn lực của chính mình. Sau đó, anh ta không bao giờ nhận đủ tiền để trang trải chi phí đi lại đến những nơi anh ta được mời đến. Vì vậy, các công trình công cộng của ông, không chỉ mang lại lợi ích về mặt tiền bạc, mà còn là gánh nặng lớn đối với tài sản của ông, gánh nặng này giảm dần trong giai đoạn này của cuộc đời ông. Miller có một gia đình đông con; nhưng vì mọi người ở đó đều tiết kiệm và cần cù nên trang trại của anh ấy đủ nuôi sống mọi người.

Vào năm 1833, hai năm sau khi Miller bắt đầu công khai trình bày bằng chứng về sự sắp đến của Đấng Christ, dấu hiệu cuối cùng mà Đấng Cứu Rỗi đã hứa là dấu hiệu cho thấy sự đến lần thứ hai của Ngài đã xuất hiện. Chúa Giêsu đã nói: "Các ngôi sao sẽ từ trên trời rơi xuống". (Ma-thi-ơ 24:29). Và Thánh Gioan, trong Sách Khải Huyền, đã tuyên bố khi chiêm ngưỡng những cảnh tượng báo trước ngày của Thiên Chúa: "Và các ngôi sao trên trời rơi xuống đất, như khi cây và rụng những trái chưa chín bị gió mạnh rung chuyển".

(Khải huyền 6:13). Lời tiên tri này đã được ứng nghiệm một cách đáng kinh ngạc trong trận mưa thiên thạch lớn vào ngày 13 tháng 11 năm 1833. Đây là màn trình diễn sao băng quy mô và tuyệt vời nhất từng được ghi nhận trong lịch sử. "Toàn bộ bầu trời trên khắp nước Mỹ đã hỗn loạn dữ dội trong nhiều giờ. Chưa có hiện tượng thiên thể nào từng xảy ra ở đất nước này, kể từ những giai đoạn đầu của thời kỳ thuộc địa, được một tầng lớp này ngưỡng mộ hoặc một tầng lớp khác nhìn nhận với sự sợ hãi và cảnh giác như vậy." "Sự thăng hoa và vẻ đẹp khủng khiếp của nó vẫn còn đọng lại trong tâm trí nhiều người... Chưa bao giờ có trận mưa rào dữ dội hơn sự rơi của các thiên thạch xuống Trái đất. Đông, Tây, Bắc và Nam, mọi thứ đều giống nhau.

Nói một cách dễ hiểu, toàn bộ bầu trời dường như đang chuyển động... Màn hình hiển thị, như được mô tả trong Prof. Silliman, được nhìn thấy trên khắp Bắc Mỹ... Từ hai giờ cho đến rạng sáng, bầu trời hoàn toàn yên tĩnh và không một gợn mây, một chuỗi ánh sáng rực rỡ không ngừng được duy trì trong suốt bầu trời."

"Không ngôn ngữ nào có thể diễn tả thực sự sự huy hoàng của màn trình diễn tráng lệ đó... không ai chưa từng chứng kiến nó có thể hình dung đầy đủ về sự vinh quang của nó. Dường như toàn bộ bầu trời đầy sao đã tụ tập lại tại một điểm gần thiên đỉnh, và các ngôi sao đồng loạt được phóng ra với tốc độ tia chớp, đến mọi nơi ở chân trời nhưng vẫn không hết.

Hàng nghìn người nhanh chóng nối tiếp hàng nghìn người, như thể được tạo ra cho dịp này vậy." "Không thể nào hình dung được hình ảnh chính xác hơn về cây sung rụng quả khi bị một cơn gió mạnh thổi bay."

Một ngày sau cảnh tượng đó, Henry Dana Ward đã mô tả hiện tượng kỳ diệu này như sau: "Tôi cho rằng chưa có triết gia hay học giả nào nói đến hoặc ghi lại một sự kiện tương tự như sự kiện sáng hôm qua. Một nhà tiên tri, 1800 năm trước, đã tiên đoán chính xác điều đó - nếu chúng ta không gặp khó khăn gì khi hiểu sao băng có nghĩa là sao rơi, thì theo nghĩa duy nhất thì điều này có thể đúng theo nghĩa đen."

Do đó, người ta biết được dấu hiệu cuối cùng về việc Chúa đến, mà Chúa Giêsu đã tuyên bố với các môn đệ của Người: "Khi các con thấy tất cả những điều này, hãy biết rằng Người đang ở trước cửa". (Ma-thi-ơ 24:33). Sau những dấu lạ này, Gioan thấy biến cố trọng đại tiếp theo sắp xảy ra: các tầng trời cuộn lại như giấy da, đất rung chuyển, núi non đảo dời khỏi vị trí của chúng, và những kẻ ác khiếp hãi tột độ, tìm cách chạy trốn khỏi sự hiện diện của Chúa. Con người.

Nhiều người chứng kiến sự sụp đổ của các vì sao coi đó là điềm báo về sự phán xét sắp tới - "một loại khủng khiếp, một điềm báo chắc chắn, một dấu hiệu nhân từ của ngày vĩ đại và khủng khiếp." Bằng cách này, sự chú ý của người dân hướng đến việc ứng nghiệm lời tiên tri, và nhiều người đã được hướng dẫn để chú ý đến lời cảnh báo về cuộc tái lâm lần thứ hai.

Vào năm 1840, một lời tiên tri đáng chú ý khác được ứng nghiệm đã thu hút sự quan tâm chung. Hai năm trước đó, Josiah Litch, một trong những mục sư hàng đầu rao giảng về Mùa Vọng thứ hai, đã xuất bản một bài giải thích về Khải huyền 9, dự đoán sự sụp đổ của Đế chế Ottoman và không chỉ chỉ rõ năm mà còn cả ngày chính xác mà sự kiện đó sẽ diễn ra. Theo lời giải thích của ông, vốn chỉ đơn giản là vấn đề tính toán các giai đoạn tiên tri trong Kinh thánh, chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ sẽ từ bỏ nền độc lập vào ngày 11 tháng 8 năm 1840. Lời tiên đoán đã được công bố rộng rãi và hàng nghìn người đã theo dõi diễn biến các sự kiện với sự quan tâm đặc biệt.

Vào thời điểm đó, Thổ Nhĩ Kỳ, thông qua các đại sứ của mình, đã chấp nhận sự bảo vệ của các cường quốc đồng minh của Châu Âu, và do đó đặt mình dưới sự kiểm soát của các quốc gia theo đạo Cơ đốc. Sự kiện này đã ứng nghiệm chính xác lời tiên tri. Khi điều này được biết đến, nhiều người đã bị thuyết phục về tính đúng đắn của các nguyên tắc giải thích lời tiên tri được Miller và các cộng sự của ông áp dụng, và động lực tuyệt vời đã được tạo ra cho phong trào Mùa Vọng. Những người có học thức và luôn sát cánh cùng Miller, cả trong việc thuyết giảng lẫn công bố quan điểm của ông, và từ năm 1840 đến năm 1844, tác phẩm đã lan rộng nhanh chóng.

Guilherme Miller có năng lực trí tuệ tuyệt vời, có kỷ luật bằng cách suy ngẫm và học tập. Với những khả năng này, ông đã bổ sung thêm trí tuệ của Thiên đường, hợp nhất bản thân với Nguồn trí tuệ. Miller là một người có giá trị lớn, luôn được mọi người kính trọng và quý mến ở bất cứ nơi nào mà tính chính trực và sự xuất sắc về mặt đạo đức được coi trọng. Kết hợp tấm lòng nhân hậu thực sự với sự khiêm nhường Kitô giáo cộng với khả năng tự chủ, ngài quan tâm và niềm nở với mọi người, sẵn sàng lắng nghe ý kiến của người khác và cân nhắc lý lẽ của họ. Không có niềm đam mê hay sự phấn khích, ông đã chứng minh mọi lý thuyết và giáo lý bằng Lời Chúa. Lý luận chắc chắn cộng với sự hiểu biết sâu sắc về Kinh Thánh đã giúp ông bác bỏ lỗi lầm và vạch trần sự giả dối.

Tuy nhiên, anh ta đã không thực hiện công việc của mình mà không gặp phải sự phản đối gay gắt. Cũng như những nhà cải cách đầu tiên, những chân lý mà ông trình bày không được các giáo sư tôn giáo bình dân đón nhận. Vì không thể ủng hộ quan điểm của mình thông qua Kinh thánh, họ buộc phải sử dụng những câu trích dẫn và học thuyết từ đàn ông, từ truyền thống của các giáo phụ. Tuy nhiên, Lời Chúa là lời chứng duy nhất được các nhà giảng thuyết chấp nhận về sự thật của Mùa Vọng. "Kinh thánh, và chỉ Kinh thánh thôi," là mặt khẩu của anh ấy. Việc thiếu các lập luận theo kinh thánh của những người phản đối đã được bù đắp bằng sự chế nhạo và chế nhạo. Người ta đã dùng thì giờ, phương tiện và tài năng để vu khống những người có tội duy nhất là vui mừng chờ đợi sự trở lại của Chúa và cố gắng sống cuộc đời thánh thiện và khuyến khích người khác chuẩn bị cho sự xuất hiện của Ngài.

Những nỗ lực đã được thực hiện một cách siêng năng nhằm hướng tâm trí của mọi người ra khỏi vấn đề về cuộc tái lâm lần thứ hai. Việc nghiên cứu những lời tiên tri liên quan đến sự tái lâm của Đấng Christ và ngày tận thế được coi là một tội lỗi, một điều mà con người phải xấu hổ. Vì thế mục vụ bình dân đã tìm cách làm xói mòn niềm tin vào Lời Chúa. Việc giảng dạy của bạn

Nó khiến nhiều người trở thành những người không tin đạo và nhiều người cảm thấy có quyền hành động theo những ham muốn vô đạo đức của chính mình. Vì vậy, các tác giả quy tất cả tội ác này cho những người Cơ Đốc Phục Lâm.

Mặc dù lấp đầy ngôi nhà của những thánh giả chăm chú và thông minh, tên của Miller hiếm khi được báo chí tôn giáo nhắc đến ngoại trừ mục đích buộc tội và chế giễu. Những kẻ bất cẩn và vô đạo, được khuyến khích bởi địa vị của các vị thầy tôn giáo, đã dùng đến những cách diễn đạt ô nhục, những lời giễu cợt báng bổ và thô tục, trong nỗ lực của họ nhằm gây xúc phạm đến ngài và công việc của ngài. Người đàn ông tóc hoa râm, người đã rời bỏ ngôi nhà tiện nghi để tự mình đi du lịch từ thành phố này sang thành phố khác, từ làng này sang làng khác, làm việc không ngừng nghỉ để mang đến cho thế giới lời cảnh báo long trọng về sự phán xét sắp tới, đã bị lên án một cách hèn hạ là kẻ mù quáng, kẻ nói dối, và một kẻ vô lại.

Sự chế giễu, dối trá và xúc phạm chồng chất lên ngài đã gây ra những phản đối phẫn nộ, ngay cả từ báo chí thế tục. Việc đối xử với một chủ đề có vẻ uy nghi và hậu quả thảm khốc như vậy một cách khinh suất và giễu cợt đã được những người thế gian tuyên bố không chỉ để mua vui với cảm xúc của những người bảo vệ nó, mà còn "để chế nhạo ngày phán xét, để chế nhạo chính Đức Chúa Trời, và chế nhạo sự khùng khiep của triều đình Ngài."

Kẻ chủ mưu của mọi tội ác không chỉ tìm cách chống lại tác dụng của thông điệp Giáng sinh mà còn tìm cách tiêu diệt chính sứ giả. Miller đã áp dụng lẽ thật của Kinh Thánh vào lòng người nghe một cách thực tế, quở trách tội lỗi của họ và làm xáo trộn sự tự mãn của họ. Những lời nói rõ ràng và sắc bén của anh ta đã khơi dậy sự thù hận. Sự phản đối của các thành viên nhà thờ đối với thông điệp của ông đã khuyến khích các tầng lớp thấp hơn tiến xa hơn. Kẻ thù âm mưu lấy mạng anh khi anh rời khỏi nơi hẹn. Nhưng các thiên sứ của Đức Chúa Trời có mặt giữa đám đông, và một trong số họ, trong hình dạng con người, nắm lấy cánh tay tội tử của Chúa và dẫn anh ta ra khỏi đám đông giằng dũa một cách an toàn. Công việc của hấn vẫn chưa hoàn thành, Satan và các sứ giả của hấn đã thất vọng vì kế hoạch của chúng thất bại.

Bất chấp mọi sự phản đối, sự quan tâm đến phong trào Cơ Đốc Phục Lâm vẫn tiếp tục gia tăng. Từ hàng chục và hàng trăm, các hội thánh đã phát triển lên đến hàng ngàn. Có nhiều khả năng tiếp cận các nhà thờ khác nhau, nhưng sau một thời gian, tinh thần phản đối những người cải đạo này bộc lộ, và các nhà thờ bắt đầu có biện pháp kỷ luật đối với những người ủng hộ quan điểm của Miller. Hành động này đã gây ra phản ứng từ ngòi bút của ông gửi đến những người theo đạo Cơ Đốc thuộc mọi giáo phái, yêu cầu rằng, nếu học thuyết của họ sai, thì lỗi của họ phải được Kinh thánh chỉ ra cho họ.

Ông nói: "Chúng tôi đã tin vào điều gì mà Lời Chúa không truyền lệnh cho chúng tôi, mà chính bạn thừa nhận là quy tắc, quy tắc duy nhất, cho đức tin và thực hành của bạn? Chúng tôi đã làm gì mà gây ra những lời tố cáo bạo lực như vậy đối với chúng tôi nhiều như vậy? khỏi bực giảng và báo chí, đồng thời đưa ra lý do chính đáng để loại chúng tôi [những người Cơ Đốc Phục Lâm] khỏi nhà thờ và cộng đồng của bạn?" "Nếu chúng tôi sai lầm, tôi yêu cầu bạn chỉ cho chúng tôi biết lỗi lầm của chúng tôi nằm ở chỗ nào. Hãy cho chúng tôi thấy từ Lời Chúa rằng chúng tôi sai lầm. Chúng tôi đã bị chế giễu đủ rồi. Điều đó không bao giờ có thể thuyết phục chúng tôi rằng chúng tôi đang làm việc sai lầm. Chỉ có Lời Chúa mới có thể thay đổi quan điểm của chúng ta. Kết luận của chúng tôi được rút ra bằng sự cân nhắc và cầu nguyện, như chúng tôi đã thấy bằng chứng trong Kinh thánh."

Trong mọi thời đại, những lời cảnh báo mà Chúa gửi đến thế giới thông qua các tội tử của Ngài đều gặp phải sự hoài nghi và vô tín tương tự. Khi sự gian ác của những người thời tiền hồng thủy buộc Chúa phải mang nước lụt đến trên trái đất, trước tiên Ngài cho họ biết mục đích của Ngài, để họ có cơ hội từ bỏ con đường gian ác của mình. Trong một trăm hai mươi năm, lời cảnh báo vang lên bên tai thế hệ đó là phải ăn năn, dưới hình phạt của cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời phải bộc lộ.

nhằm tiêu diệt chúng. Nhưng đối với họ, thông điệp đó giống như một câu chuyện vu vơ và họ không tin vào điều đó. Được khuyến khích bởi sự bất kính của chính mình, họ đã chế nhạo sứ giả của Thiên Chúa, coi thường những lời cầu xin của ông và thậm chí buộc tội ông là người tự phụ. Làm sao một người đàn ông dám đứng lên chống lại tất cả những người vĩ đại trên Trái đất? Nếu thông điệp của Nô-ê là sự thật thì tại sao cả thế giới không nhìn thấy và tin vào điều đó? Lời của một người chống lại sự khôn ngoan của hàng ngàn người! Họ không muốn công nhận lời cảnh báo cũng như không tìm nơi ẩn náu trong hòm.

Những kẻ chế giễu chỉ vào những sự vật của Tự nhiên - sự nối tiếp không thay đổi của các mùa, bầu trời xanh không bao giờ đổ mưa, những cánh đồng xanh tươi được làm tươi mới bởi sương đêm dịu dàng - và kêu lên, "Ông ấy không nói ngụ ngôn sao?" Họ chế giễu tuyên bố rằng người rao giảng công lý là một kẻ cuồng nhiệt; và họ tiếp tục háo hức tìm kiếm thú vui, quyết tâm theo con đường xấu xa của mình hơn bao giờ hết. Nhưng sự vô tín của họ không ngăn cản được sự kiện đã được tiên tri. Đức Chúa Trời đã chịu đựng sự vô đạo của họ từ lâu, cho họ nhiều cơ hội để ăn năn. Nhưng đến thời điểm đã định, sự phán xét của Chúa giáng xuống những kẻ khước từ lòng thương xót của Ngài.

Đấng Christ tuyên bố rằng sẽ có sự vô tín giống như vậy về sự đến lần thứ hai của Ngài. Như những người ở thời Nô-ê đã không biết Ngài, "cho đến khi cơn hồng thủy đến và cuốn đi tất cả, thì cũng sẽ như vậy," theo lời của Đấng Cứu Rỗi, "sự đến của Con Người" (Ma-thi-ơ 24:39). Khi những người được xưng tụng của Đức Chúa Trời đang hợp nhất với thế giới, sống như những người trên thế giới đang sống và hợp nhất với họ trong những thú vui bị cấm đoán; khi sự xa hoa của thế gian trở thành sự xa hoa của giáo hội; Khi tiếng chuông hôn nhân vang lên, tất cả đều nhìn về tương lai mong đợi nhiều năm thịnh vượng trần thế, rồi đột nhiên, như tia chớp từ trên trời, sẽ chấm dứt những ảo ảnh tươi sáng và những hy vọng lừa dối của họ.

Giống như Đức Chúa Trời đã ủy thác cho tôi tớ Ngài cảnh báo thế giới về trận lụt sắp tới, Ngài cũng sai những sứ giả được chọn để thông báo về sự phán xét cuối cùng sắp đến. Và giống như những người cùng thời với Nô-ê cười nhạo những lời tiên đoán của người rao giảng sự công bình, thì vào thời Miller, nhiều người ngay cả trong số những người xưng nhận Chúa cũng chế giễu những lời cảnh báo.

Và tại sao giáo lý và lời rao giảng về sự tái lâm của Đấng Christ lại được các nhà thờ đón nhận một cách kém cỏi như vậy? Trong khi đối với kẻ ác, sự xuất hiện của Chúa mang lại đau khổ và hoang tàn, thì đối với người công chính, nó tràn ngập niềm vui và hy vọng. Sự thật vĩ đại này đã là niềm an ủi cho các tín hữu của Thiên Chúa qua mọi thời đại. Tại sao nàg, giống như Tác giả của mình, lại trở thành "hòn đá gậy vấp ngã và vấp phạm" cho những người đã tuyên xưng Ngài? Chính Chúa chúng ta đã hứa với các môn đệ của Ngài: "Nếu Thầy đi dọn chỗ cho các con, Thầy sẽ trở lại và đem các con về với Thầy". (Giăng 14:3). Chính Đấng Cứu Thế đầy lòng thương xót, đã thấy trước sự cô đơn và đau buồn của những người theo Ngài, đã ủy thác cho các thiên thần an ủi họ rồi bảo đảm rằng Ngài sẽ đích thân đến lần nữa, giống như Ngài đã thăng thiên. để xem cảnh cuối cùng [về Đấng](#) mà họ yêu mến, sự chú ý của họ đổ dồn vào câu nói: "Hỡi những người Galilê, sao các bạn ngược mắt lên trời? Chúa Giêsu này, Đấng đã được cất lên trời khỏi các bạn, cũng sẽ đến như các bạn." đã thấy Ngài lên Thiên Đàng." (Công vụ 1:11). Niềm hy vọng lại được nhen nhóm bởi thông điệp thiên thần. Các môn đệ "trở về Giêrusalem với lòng vui mừng khôn xiết. Họ luôn ở trong đền thờ ca ngợi và chúc tụng Thiên Chúa" (Lc 24:52 và 53). Họ không vui mừng vì Chúa Giêsu đã rời xa họ, và họ bị bỏ lại để đấu tranh với những thử thách và cám dỗ của thế gian, nhưng vì lời đảm bảo của thiên thần rằng Ngài sẽ trở lại.

Việc loan báo Chúa Kitô sắp đến bây giờ, giống như khi các thiên thần loan báo cho các mục đồng ở Bêlem, là một tin mừng vui mừng lớn lao. Những người

thực sự yêu mến Đấng Cứu Rỗi, họ không thể không vui mừng đón nhận lời loan báo tìm thấy trong Lời Chúa, rằng Đấng mà họ đặt hy vọng vào sự sống đời đời làm trung tâm, sẽ đến tái lâm, không để bị sỉ nhục, khinh thường và khước từ, như đã xảy ra trong lần đến lần thứ nhất của Ngài. , nhưng với quyền năng và vinh quang để cứu chuộc dân Ngài. Chính những người không yêu mến Đấng Cứu Rỗi mới mong Ngài đừng đến. Và không thể có bằng chứng nào thuyết phục hơn cho thấy các nhà thờ đã quay lưng lại với Chúa hơn là sự khó chịu và thù địch được khơi dậy bởi thông điệp được gửi đến từ Thiên đường này.

Những người chấp nhận giáo lý sắp đến đều được đánh thức sự cần thiết phải ăn năn và khiêm nhường trước mặt Chúa. Nhiều người từ lâu đã do dự giữa Chúa Kitô và thế gian; Bây giờ họ hiểu rằng đã đến lúc phải đứng lên. Những điều thuộc về cõi vĩnh hằng đã trở thành một thực tế khác thường đối với họ. Thiên đường đã đến gần và họ cảm thấy có lỗi trước mặt Chúa. Người Kitô hữu được đánh thức một đời sống thiêng liêng mới. Họ cảm thấy thời gian rất ngắn ngủi và những gì họ phải làm cho đồng loại phải được hoàn thành nhanh chóng. Trái đất lùi xa và sự vĩnh hằng dường như mở ra trước mắt họ; và linh hồn, với tất cả những gì liên quan đến hạnh phúc hay bất hạnh vĩnh cửu của nó, cảm thấy rằng mọi mục đích trần tục đang trở nên lu mờ. Thánh Thần Thiên Chúa ngự trên họ, ban sức mạnh cho những lời kêu gọi nhiệt thành gửi đến anh em họ và những người tội lỗi hãy chuẩn bị cho ngày của Thiên Chúa. Lời chứng thầm lặng trong cuộc sống hàng ngày của ông là lời khiển trách liên tục đối với các thành viên hội thánh chính thức, chưa tận hiến. Những người này không muốn bị quấy rầy trong việc theo đuổi thú vui, sự cống hiến cho lợi nhuận và tham vọng danh dự trần thế. Vì lý do này, sự thù địch và chống đối đã nảy sinh chống lại đức tin Cơ Đốc Phục Lâm và những người tuyên bố đức tin đó.

Khi những lập luận liên quan đến thời kỳ tiên tri tỏ ra không thể bác bỏ được, những người phản đối đã cố gắng ngăn cản việc điều tra chủ đề này bằng cách dạy rằng những lời tiên tri đã được niêm phong. Bằng cách này, những người theo đạo Tin lành đã theo bước chân của những người theo chủ nghĩa La Mã. Trong khi nhà thờ giáo hoàng ngăn cản mọi người có Kinh thánh, thì các nhà thờ Tin lành bảo vệ quan điểm cho rằng một phần quan trọng của Lời Thánh - phần trình bày những lẽ thật đặc biệt áp dụng cho thời đại chúng ta - không thể hiểu được.

Các bộ trưởng và người dân tuyên bố rằng những lời tiên tri của Đa-ni-ên và Khải Huyền là những điều bí ẩn không thể hiểu được. Nhưng Đấng Christ kêu gọi các môn đồ chú ý đến những lời của tiên tri Đa-ni-ên liên quan đến những sự kiện sẽ xảy ra trong thời đại của họ, và phán: "Ai đọc hãy hiểu". (Ma-thi-ơ 24:15). Và lời khẳng định rằng Ngày tận thế là một bí ẩn không thể hiểu được, lại mâu thuẫn với chính tựa đề của cuốn sách: "Sự mặc khải của Chúa Giêsu Kitô mà Thiên Chúa đã ban cho Ngài để tỏ cho các tôi tớ Ngài những điều sắp xảy ra... Chà - Phước cho người đọc và những người nghe những lời tiên tri này và tuân giữ những điều đã viết ở đó, vì thời giờ đã gần đến." (Khải Huyền 1:1-3).

Nhà tiên tri đã nói: "Phúc cho ai đọc được". Có những người sẽ không đọc; phước lành không dành cho những điều này. "Và những người nghe thấy." Cũng có một số người từ chối nghe bất cứ điều gì liên quan đến những lời tiên tri; phước lành không dành cho lớp đó. "Và họ giữ những điều được viết trong đó." Nhiều người từ chối chú ý đến những lời cảnh báo và chỉ dẫn trong Khải Huyền. Không ai trong số này có thể nhận được phước lành đã được hứa. Tất cả những ai chế nhạo các đối tượng của lời tiên tri, chế nhạo các biểu tượng ở đó đều được trưng bày một cách long trọng; Tất cả những ai từ chối cải cách cuộc sống của mình và chuẩn bị cho việc Con Người đến sẽ không được chúc phúc.

Trước lời chứng của Linh hứng, làm sao người ta dám dạy rằng Ngày tận thế là một bí ẩn vượt quá tầm hiểu biết của con người? Anh ấy là một bí ẩn được tiết lộ, một cuốn sách mở. Việc nghiên cứu Khải Huyền hướng tâm trí đến

những lời tiên tri của Đa-ni-ên, và cả hai đều trình bày lời chỉ dẫn quan trọng nhất mà Đức Chúa Trời ban cho con người, cũng như liên quan đến những sự kiện sẽ diễn ra vào ngày cuối cùng của lịch sử thế giới này.

John đã được xem những cảnh có sự quan tâm sâu sắc và thú vị đối với trải nghiệm ở nhà thờ. Ông nhìn thấy tình thế, những nguy hiểm, những xung đột và sự giải cứu cuối cùng của dân Chúa. Ông ghi lại những thông điệp cuối cùng nhằm làm chín mùa màng trên Trái đất, dù là bó lúa cho kho thiên đường hay bó lúa cho ngọn lửa hủy diệt. Những vấn đề có tầm quan trọng to lớn đã được tiết lộ cho anh ta, đặc biệt là đối với giáo hội sau này, để những người tử sai lầm quay sang lẽ thật có thể được hướng dẫn về những nguy hiểm và xung đột mà họ sẽ gặp phải. Không ai cần phải mù mờ về những gì sắp xảy ra trên Trái đất.

Vậy tại sao lại có sự thiếu hiểu biết phổ biến về một phần quan trọng của Sách Thánh? Tại sao lại có sự miễn cưỡng chung này trong việc tìm hiểu những lời dạy của Ngài? Đây là kết quả của nỗ lực nghiên cứu của hoàng tử bóng tối nhằm che giấu con người những gì thể hiện rõ ràng những sai lầm của họ. Vì lý do này, Chúa Kitô, Đấng Mặc khải, đoán trước được cuộc đấu tranh sẽ diễn ra chống lại việc nghiên cứu về Ngày tận thế, đã ban phước lành cho tất cả những ai đọc, nghe và tuân theo những lời tiên tri.

Chương 19

Ánh sáng xuyên qua bóng tối

Công việc của Thiên Chúa trên Trái đất thể hiện, từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, một sự tương đồng đáng chú ý trong mỗi cuộc cải cách hoặc phong trào tôn giáo vĩ đại. Những nguyên tắc trong cách Đức Chúa Trời đối xử với con người luôn giống nhau. Những chuyển động quan trọng của hiện tại diễn ra song song với những chuyển động trong quá khứ, và kinh nghiệm của hội thánh thời kỳ đầu có những bài học có giá trị lớn cho thời đại chúng ta.

Không có lẽ thật nào được dạy rõ ràng trong Kinh Thánh hơn lẽ thật mà Đức Chúa Trời, bởi Đức Thánh Linh của Ngài, đặc biệt chỉ đạo cho các tôi tớ của Ngài trên đất, trong những phong trào vĩ đại nhằm thực hiện công việc cứu rỗi. Con người là công cụ trong tay Đức Chúa Trời, được Ngài sử dụng để hoàn thành mục đích ân điển và lòng thương xót của Ngài. Mọi người đều có phần của mình để chơi; mỗi người được ban cho một lượng ánh sáng phù hợp với nhu cầu của thời đại mình và đủ để giúp họ thực hiện công việc Chúa giao phó. Nhưng không một người nào, dù được Thiên Chúa tôn vinh, lại đạt được sự hiểu biết đầy đủ về kế hoạch cứu chuộc vĩ đại, hoặc thậm chí đánh giá hoàn hảo mục đích thiêng liêng trong công việc được chỉ định cho thời đại của mình. Bạn

Con người không hiểu hết những gì Đức Chúa Trời muốn hoàn thành thông qua công việc Ngài giao cho họ làm. Họ không thể hiểu được, từ mọi góc độ, sứ điệp mà họ công bố nhân danh Ngài.

"Bạn sẽ đạt được đường lối của Chúa hay bạn sẽ đạt đến sự hoàn hảo của Đấng toàn năng?" Đức Giê-hô-va phán: "Ý tưởng Ta không phải là ý tưởng các người, đường lối các người cũng không phải đường lối Ta. Vì trời cao hơn đất bao nhiêu thì đường lối Ta cao hơn đường lối các người và ý tưởng Ta cũng cao hơn ý tưởng các người bấy nhiêu". "Ta là Thiên Chúa, không có thần nào khác, không có thần nào giống như Ta, Đấng tuyên bố sự kết thúc từ đầu và từ xa xưa những điều chưa xảy ra." (Gióp 11:7; Ê-sai 55:8 và 9; 46:9 và 10).

Ngay cả các nhà tiên tri, những người được Thánh Linh soi sáng đặc biệt cũng không hoàn toàn nắm bắt được ý nghĩa của những điều mặc khải được giao phó cho họ. Ý nghĩa cần được làm rõ theo thời gian và dân Chúa cần những hướng dẫn trong đó.

Khi viết về sự cứu rỗi được Phúc âm đưa ra ánh sáng, Phi-e-rơ viết: "Các đấng tiên tri, những người đã nói tiên tri về ân điển ban cho anh em, đã chuyên tâm hỏi thăm và xử lý về sự cứu rỗi đó, khi nào và lúc nào Thần Linh của Đấng Christ ở trong họ đã chỉ ra trước khi làm chứng về những đau khổ sẽ đến với Đấng Christ và vinh quang sẽ theo sau họ. Người ta đã tiết lộ rằng họ đã phục vụ không phải cho chính họ mà cho chúng ta." (I Phi-e-rơ 1:10-12).

Mặc dù các nhà tiên tri không được cung cấp sự hiểu biết đầy đủ về những điều đã được mặc khải cho họ, nhưng họ vẫn hăng hái tìm cách nhận được tất cả ánh sáng mà Đức Chúa Trời vui lòng bày tỏ. "Họ đã hỏi thăm và giải quyết một cách siêng năng," "tìm hiểu xem thời gian hay dịp nào mà Thánh Linh của Đấng Christ ở trong họ đã chỉ ra." Thật là một bài học cho dân sự của Đức Chúa Trời trong kỷ nguyên Cơ đốc giáo, vì những lời tiên tri này đã được ban cho các tôi tớ Ngài vì lợi ích của họ! "Những người được tiết lộ điều đó không phải cho chính họ mà cho chúng tôi, họ đã phục vụ." Hãy quan sát cách các thánh đồ của Đức Chúa Trời "tìm hiểu và siêng năng xử lý" những điều mặc khải được ban cho họ trong nhiều thế hệ sau. Hãy đối chiếu lòng nhiệt thành thánh thiện của bạn với sự thờ ơ thờ ơ mà

những người được yêu mến thời gần đây hãy trân trọng món quà trời ban này. Thật là một sự quở trách đối với sự thờ ơ buông thả, yêu thế gian bằng lòng tuyên bố rằng những lời tiên tri không thể hiểu được!

Mặc dù tâm trí hữu hạn của con người không có khả năng thâm nhập vào những lời khuyên của Đấng Vô hạn hoặc hiểu biết đầy đủ về hoạt động của các mục đích của Ngài, nhưng điều thường xuyên xảy ra là do một số sai lầm hoặc sơ suất từ phía họ, họ hiểu rất mơ hồ các thông điệp của Thiên đàng. Hiếm khi tâm trí của con người, và thậm chí cả những tội tở của Đức Chúa Trời, bị mù quáng bởi những ý kiến, truyền thống và những lời dạy sai lầm của loài người, đến nỗi họ chỉ có thể nắm bắt được một phần những điều vĩ đại mà Ngài đã mặc khải trong Lời Ngài. Điều đó đã xảy ra với các môn đồ của Đấng Christ, ngay cả khi Đấng Cứu Rỗi ở với họ. Tâm trí của họ đã đắm đuối ý tưởng phổ biến về Đấng Mê-si như một hoàng tử tạm thời, người sẽ tôn vinh Y-sơ-ra-ên lên ngai vàng của một đế quốc hoàn vũ, đến nỗi họ không hiểu được ý nghĩa của những lời Ngài báo trước về những đau khổ và cái chết của Ngài.

Chính Chúa Kitô đã sai họ với thông điệp: "Thời gian đã trọn, vương quốc Thiên Chúa đã đến gần. Hãy sám hối và tin vào Tin Mừng". (Mác 1:15).

Thông điệp đó dựa trên lời tiên tri của Đa-ni-ên 9. Thiên sứ đã tuyên bố rằng sáu mươi chín tuần sẽ kéo dài cho đến khi "Hoàng tử Đấng Mê-si" và với những hy vọng lớn lao và sự mong đợi vui mừng, các môn đồ mong chờ sự thành lập vương quốc của Đấng Mê-si. . ở Jerusalem, để cai trị toàn bộ trái đất.

Họ rao giảng sứ điệp mà Chúa Kitô đã giao phó cho họ, mặc dù họ không hiểu ý nghĩa của nó. Mặc dù thông báo của họ dựa trên Đa-ni-ên 9:25, nhưng trong câu tiếp theo của cùng chương đó, họ không thấy Đấng Mê-si sẽ bị đem đi. Ngay từ khi sinh ra, trái tim của các môn đệ đã hướng tới vinh quang được mong đợi của một đế chế trần thế, và điều này đã khiến họ mù quáng không hiểu được những chi tiết cụ thể của lời tiên tri và những lời của Chúa Kitô.

Họ đã hoàn thành nhiệm vụ của mình bằng cách trình bày với dân tộc Do Thái lời mời gọi lòng thương xót, và rồi, vào đúng thời điểm họ mong đợi được thấy Chúa ngự lên ngai vua Đa-vít, họ đã thấy Ngài bị bắt như một kẻ làm ác, bị đánh đòn, chế nhạo, lên án và trừng phạt. được treo trên thập tự giá của Đức Chúa Trời. Nỗi tuyệt vọng và thống khổ nào đã đè nặng tâm hồn các môn đệ trong những ngày Chúa của họ an giấc trong mồ!

Chúa Kitô đã đến vào thời điểm chính xác và theo cách được tiên đoán trong lời tiên tri. Lời chứng của Kinh Thánh đã được ứng nghiệm trong từng chi tiết chức vụ của Ngài. Ông đã rao giảng thông điệp về sự cứu rỗi và "Lời Ngài có thẩm quyền". Tấm lòng của những người nghe Ngài đã làm chứng rằng Ngài đến từ Thiên đàng, Lời và Thánh Linh của Đức Chúa Trời chứng thực sứ mệnh thiêng liêng của Con Ngài.

Các đệ tử vẫn gắn bó với Thầy kính yêu một cách vô bờ bến. Và mặc dù vậy, tâm trí họ vẫn bị bao phủ bởi sự không chắc chắn và nghi ngờ. Do đó, trong nỗi thống khổ của mình, họ đã không nhớ đến những lời của Chúa Kitô đã chỉ ra trước sự đau khổ và cái chết của Ngài. Nếu Chúa Giê-su người Na-xa-rét là Đấng Mê-si thật, liệu họ có rơi vào cay đắng và thất vọng không? Đây là mối nghi ngờ đã hành hạ tâm hồn họ khi Đấng Cứu Rỗi nằm trong mộ, trong những giờ vô vọng của ngày Sa-bát trải qua giữa cái chết và sự phục sinh của Ngài.

Mặc dù đem hoạn nạn mang bóng tối đến cho những người theo Chúa Giêsu, nhưng họ vẫn không bị bỏ rơi. Nhà tiên tri nói: "Nếu tôi ở trong bóng tối, Chúa sẽ là ánh sáng của tôi... Ngài sẽ đưa tôi ra ánh sáng, và tôi sẽ thấy sự công bình của Ngài." "Bóng tối chưa che khuất con khỏi Chúa, nhưng đêm soi sáng như ban ngày; bóng tối và ánh sáng đối với Chúa đều như nhau." Chúa phán: "Người công chính nhận được ánh sáng trong bóng tối". "Ta sẽ dẫn kẻ mù đi trên con đường chúng chưa hề biết, Ta sẽ khiến chúng đi trong những con đường chúng chưa hề biết; Ta sẽ biến bóng tối trước mặt chúng thành ánh sáng, và những điều cong queo Ta sẽ làm thẳng."

Ta sẽ làm mọi việc cho họ, và sẽ không bao giờ bỏ rơi họ" (Mic. 7:8 và 9; Thi thiên 139:12; 112:4; Ê-sai 42:16).

Lời loan báo do các môn đệ nhân danh Chúa đã đúng trong mọi chi tiết, và những sự kiện mà lời loan báo ấy chỉ đến giờ đây đang diễn ra. Thông điệp của ngài là: "Thời đã mãn, vương quốc của Thiên Chúa đã đến gần". Vào cuối "thời gian", sáu mươi chín tuần lễ của Đa-ni-ên 9 mà

họ nên mở rộng đến Đấng Mê-si, "Đấng được xúc dầu", Đấng Christ đã nhận được sự xúc dầu của Thánh Linh, sau lễ báp têm của Ngài ở sông Giô-đanh bởi Giảng Báp-tít. Và "vương quốc của Thiên Chúa" mà họ tuyên bố đã gần kề, đã được thiết lập nhờ cái chết của Chúa Kitô. Vương quốc này không phải là một đế chế trần thế như họ đã được dạy để tin. Cũng không phải vương quốc bất diệt trong tương lai sẽ được thiết lập khi "vương quốc, quyền thống trị và uy nghi của các vương quốc dưới khắp thiên đường sẽ được ban cho dân thuộc các thánh của Đấng Tối Cao" - một vương quốc trường tồn, trong mà "tất cả các quyền thống trị họ sẽ phục vụ và vâng lời Ngài" (Dan. 7:27). Như được dùng trong Kinh thánh, cụm từ "vương quốc của Đức Chúa Trời" được dùng cho cả vương quốc ân điển và vương quốc vinh quang. Vương quốc ân sủng được Thánh Phaolô thể hiện trong thư gửi tín hữu Do Thái. Sau khi chỉ về Chúa Kitô, Đấng Cầu Thay đầy lòng thương xót, Đấng có thể "đồng cảm với những sự yếu đuối của chúng ta", vị tông đồ nói: "Vậy chúng ta hãy vững lòng đến gần ngài ân sủng, để được thương xót và tìm được ân sủng". (Hê-bơ-rơ 4:16).

Ngài ân điển tượng trưng cho vương quốc ân điển; vì sự tồn tại của một ngài vàng ngọc ý sự tồn tại của một vương quốc. Trong nhiều dụ ngôn của Ngài, Chúa Kitô dùng cụm từ "nước thiên đàng" để chỉ công việc ân sủng thiêng liêng trong trái tim con người.

Như vậy ngài vinh quang tượng trưng cho vương quốc vinh quang; và vương quốc này được ám chỉ bằng lời của Đấng Cứu Rỗi: "Khi Con người đến trong sự vinh hiển với các thiên sứ thánh cùng với Ngài, thì Ngài sẽ ngồi trên ngôi vinh hiển của Ngài; và mọi dân tộc sẽ nhóm lại trước anh ấy." (Ma-thi-ơ 25:31 và 32). Vương quốc này vẫn còn trong tương lai.

Nó sẽ không được thiết lập cho đến khi Đấng Christ đến lần thứ hai.

Vương quốc ân sủng được thiết lập ngay sau sự sa ngã của con người, khi một kế hoạch cứu chuộc loài người tội lỗi được vạch ra. Khi đó Ngài tồn tại trong mục đích của Đức Chúa Trời và bởi lời hứa của Ngài, và nhờ đức tin mà loài người có thể trở thành thần dân của Ngài. Nhưng trên thực tế nó không được thiết lập cho đến khi Chúa Kitô qua đời. Ngay cả sau khi bắt đầu chức vụ trên đất của Ngài, Đấng Cứu Rỗi, mệt mỏi vì sự ngoan cố và vô ơn của con người, đã có thể từ bỏ sự hy sinh trên Đồi Sọ. Ở Ghết-sê-ma-nê, chén hoạn nạn rung chuyển trong tay Ngài. Khi đó anh ta có thể lau mồ hôi đầm máu trên trán và bỏ mặc chúng tộc tội lỗi bị diệt vong trong sự gian ác của họ. Nếu Ngài làm điều này thì sẽ không có sự cứu chuộc cho con người sa ngã. Nhưng khi Đấng Cứu Rỗi phó sự sống của Ngài và kêu lên trong hơi thở cuối cùng: "Mọi việc đã được trọn", thì việc hoàn thành kế hoạch cứu chuộc khi đó đã được đảm bảo. Lời hứa cứu rỗi dành cho cặp vợ chồng tội lỗi ở vườn Ê-đen đã được phê chuẩn. Vương quốc ân điển vốn tồn tại trước đây nhờ lời hứa của Đức Chúa Trời, sau đó đã được thiết lập.

Vì vậy, cái chết của Chúa Kitô - chính sự kiện mà các môn đệ coi là sự tiêu diệt cuối cùng niềm hy vọng của họ - đã xác nhận họ mãi mãi. Mặc dù điều này mang đến cho họ sự thất vọng khủng khiếp, nhưng đó là bằng chứng quan trọng nhất cho thấy niềm tin của họ là đúng. Biến cố khiến họ rơi nước mắt và tuyệt vọng lại là biến cố mở ra cánh cửa hy vọng cho mỗi đứa con của Adam, trong đó cuộc sống tương lai và hạnh phúc vĩnh cửu của tất cả các tín hữu của Thiên Chúa, ở mọi thời đại, đều được đặt làm trung tâm.

Mục đích của lòng thương xót vô biên đã đạt được thành tựu, mặc dù chúng gây thất vọng cho các môn đệ. Mặc dù tấm lòng của họ đã được chinh phục bởi ân điển thiêng liêng và quyền năng của những lời giảng dạy của Đấng đã nói như chưa từng có người nào nói ra, nhưng trọn lẫn với tình yêu vàng ròng của họ dành cho Chúa Giê-su là sự kết hợp giữa tính kiêu ngạo và tham vọng của con người.

ích kỷ. Ngay cả ở phòng cao, vào giờ trọng thể khi Thầy của họ sắp bước vào dưới bóng vườn Ghết-sê-ma-nê, “giữa họ đã xảy ra tranh chấp, xem ai là người lớn nhất” (Lc 22:24). Tầm nhìn của họ bị chiếm giữ bởi ngai vàng, vương miện và vinh quang, trong khi ngay trước mặt họ là sự xấu hổ và thống khổ của khu vườn, tòa án, thập tự giá trên Đồi Sọ. Chính lòng kiêu ngạo và khao khát vinh quang trần thế đã khiến họ ngoan cố bám vào sự dạy dỗ sai lầm trong thời của họ, và bỏ qua những lời của Đấng Cứu Rỗi cho thấy bản chất thực sự của vương quốc Ngài, và chỉ ra nỗi thống khổ và cái chết của Ngài. . Và những lỗi này đã dẫn đến bài kiểm tra-sắc nét nhưng cần thiết-được phép sửa chữa. Mặc dù các môn đồ đã hiểu sai ý nghĩa sứ điệp của Ngài và thấy những kỳ vọng của họ bị thất vọng, nhưng họ vẫn rao giảng lời cảnh báo mà Đức Chúa Trời ban cho họ, và Chúa sẽ ban thưởng cho đức tin của họ và tôn vinh sự vâng phục của họ. Họ được giao phó công việc loan báo Tin Mừng vinh hiển của Chúa Phục Sinh cho muôn dân. Chính vì mục đích chuẩn bị cho họ cho công việc này mà họ đã được phép trải qua những trải nghiệm tưởng chừng như rất cay đắng.

Sau khi sống lại, Chúa Giêsu hiện ra với các môn đệ trên đường Emmau, và “bắt đầu từ ông Mô-sê và tất cả các ngôn sứ, giải thích cho họ những điều liên quan đến [Người](#) trong cả Kinh Thánh” (Lc 24:27). Lòng các đệ tử rung động. Niềm tin của anh đã được đánh thức. Họ đã được sinh lại để có “niềm hy vọng sống” (1 Phi-e-rơ 1:3), ngay cả trước khi Chúa Giê-su bày tỏ chính Ngài cho họ. Mục đích của Ngài là soi sáng sự hiểu biết của họ, thiết lập niềm tin của họ vào “lời tiên tri chắc chắn”. Ngài muốn lễ thật ăn sâu vào tâm trí họ, không chỉ vì nó được hỗ trợ bởi lời chứng cá nhân của Ngài, mà còn vì những bằng chứng không thể nghi ngờ được đưa ra bởi các biểu tượng và hình bóng của luật nghi lễ cũng như những lời tiên tri trong Cựu Ước. Những người theo Chúa Kitô cần phải có một đức tin sáng suốt, không chỉ vì lợi ích của chính họ, mà còn để họ có thể mang sự hiểu biết về Chúa Kitô đến với thế giới. Và bước đầu tiên trong việc truyền đạt kiến thức này, Chúa Giêsu đã hướng dẫn các môn đệ của Người đến với “Mô-sê và các ngôn sứ”. Đây là lời chứng được Đấng Cứu Rỗi phục sinh đưa ra về giá trị và tầm quan trọng của Kinh Thánh Cựu Ước.

Quả là một sự thay đổi đã diễn ra trong tâm hồn các môn đệ khi họ một lần nữa nhìn thấy dung nhan yêu dấu của Thầy! (Lu-ca 24:32). Theo một nghĩa đầy đủ và hoàn hảo hơn trước, họ đã “tìm thấy Đấng mà Mô-i-se đã viết trong luật pháp và các lời tiên tri”. Sự bất ổn, thống khổ và tuyệt vọng đã nhường chỗ cho sự an toàn hoàn hảo và một đức tin được soi sáng. Không có gì đáng ngạc nhiên khi sau khi Chúa thăng thiên, các môn đệ “luôn ở trong đền thờ, ngợi khen và chúc tụng Chúa”. Người dân, chỉ biết về cái chết ô nhục của Đấng Cứu Rỗi, đã cố gắng nhìn thấy trên khuôn mặt Ngài vẻ buồn bã, bối rối và thất bại, nhưng họ nhìn thấy niềm vui và chiến thắng ở đó. Những môn đệ này đã nhận được sự chuẩn bị nào cho công việc sắp tới của họ! Họ đã vượt qua thử thách khủng khiếp nhất mà họ có thể trải qua, và đã chứng kiến, khi sự hiểu biết của con người đã mất đi mọi thứ, thì Lời Chúa đã được ứng nghiệm một cách đặc thắng như thế nào. Từ đó trở đi, điều gì có thể làm lung lay niềm tin hay làm nguội đi tình yêu nồng cháy của họ? Trong nỗi buồn thảm nhất, họ có được “niềm an ủi vững chắc”, và một niềm hy vọng “như chiếc neo vững chắc và vững chắc của tâm hồn” (Dt 6:18 và 19). Họ đã là những nhân chứng cho sự khôn ngoan và quyền năng của Thiên Chúa và tin chắc rằng “không phải cái chết, sự sống, thiên thần, quyền lực, quyền lực, hiện tại, tương lai, chiều cao, chiều sâu, hay bất kỳ tạo vật nào khác”. “, có thể tách họ ra khỏi “tình yêu của Thiên Chúa thể hiện nơi Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta”. Họ nói: “Trong tất cả những điều này, chúng ta còn hơn cả những kẻ chiến thắng nhờ Đấng đã yêu thương chúng ta”. (Rô-ma 8:38, 39 và 37). “Lời Chúa đứng vững đời đời”. (I Phi-e-rơ 1:25). Và “ai sẽ lên án họ? Vì chính Chúa Kitô đã chết, hay đúng hơn là Đấng đã sống lại từ cõi chết, đang ngự bên hữu Thiên Chúa và cũng chuyển cầu cho chúng ta” (Rm 8:34).

Chúa phán: "Dân Ta sẽ không bị xấu hổ mãi mãi". (Giô-ên 2:26). "Tiếng khóc có thể kéo dài một đêm, nhưng niềm vui sẽ đến vào buổi sáng." (Thi Thiên 30:5). Vào ngày phục sinh, những môn đồ này đã gặp Đấng Cứu Rỗi và lòng họ bùng cháy khi nghe lời Ngài; khi họ nhìn đầu, tay chân bị thương vì yêu; Trước khi thăng thiên, Chúa Giêsu đưa các ông đến Bêtanیا và giơ tay chúc lành cho các ông, Người truyền lệnh cho các ông: "Các con hãy đi khắp thế gian rao giảng Tin Mừng" và nói thêm: "Này đây Thầy ở cùng các con mọi ngày" (Mác 16:15, Ma-thi-ơ 28:20); vào ngày Lễ Ngũ Tuần, Đấng Yên Ủi đã hứa giáng xuống và quyền năng từ trên cao được ban cho họ, và linh hồn của các tín đồ run rẩy trước sự hiện diện có ý thức của Chúa, Đấng đã thăng thiên - khi đó, ngay cả khi con đường của họ có để vượt qua, như Chúa Giêsu muốn, qua sự hy sinh và tử đạo, trao đổi chức vụ phúc âm của ân sủng Ngài, với "vương miện công chính" sẽ được nhận khi Đấng Christ đến, để lấy vinh quang của ngai vàng trên đất đã được ban cho. hy vọng làm môn đệ đầu tiên của họ? ? Đấng "có thể làm nhiều hơn điều chúng ta cầu xin và suy nghĩ" đã ban cho họ, cùng với việc chia sẻ những đau khổ của Ngài, sự hiệp thông niềm vui của Ngài -

niềm vui "làm cho nhiều con cái được vinh hiển", niềm vui khôn tả - "sự vinh hiển nặng nề đời đời," mà Phao-lô nói, "sự hoạn nạn nhẹ của chúng ta chỉ trong chốc lát" không thể so sánh được.

Kinh nghiệm của các môn đệ đã rao giảng "phúc âm của vương quốc" vào lần Chúa Kitô đến lần thứ nhất cũng giống như kinh nghiệm của những người công bố thông điệp về sự đến lần thứ hai của Ngài. Ngay khi các môn đồ ra đi rao giảng: "Thời đã trọn, vương quốc Đức Chúa Trời đã đến gần", Miller và những người đồng hành của ông tuyên bố rằng thời kỳ tiên tri dài nhất và cuối cùng được trình bày trong Kinh thánh sắp kết thúc, sự phán xét đã đến gần và rằng vương quốc vĩnh cửu sẽ được thành lập. Lời rao giảng của các môn đồ về thời gian dựa trên bảy mươi tuần lễ trong Đa-ni-ên 9. Thông điệp do Miller và những người đồng hành của ông trình bày đã thông báo về việc kết thúc 2.300 ngày trong Đa-ni-ên 8:14, trong đó có bảy mươi tuần lễ. Việc rao giảng của mỗi người đều dựa trên việc ứng nghiệm một phần khác nhau của cùng một thời kỳ tiên tri vĩ đại.

Tương tự như những môn đệ đầu tiên, William Miller và những người bạn đồng hành của ông cũng chưa hiểu hết ý nghĩa của thông điệp mà họ đang truyền bá. Những sai lầm đã tồn tại từ lâu và được áp ú trong hội thánh đã ngăn cản chúng ta đạt được sự giải thích chính xác về một điểm rất quan trọng của lời tiên tri. Vì vậy, dù rao giảng thông điệp mà Chúa đã ủy thác cho họ truyền bá cho thế giới, họ vẫn phải chịu thất vọng vì đã hiểu sai về ý nghĩa của nó.

Khi giải thích Đa-ni-ên 8:14, "Cho đến hai ngàn ba trăm buổi tối và buổi sáng, nơi thánh sẽ được thanh sạch," Miller, như đã nói, đã chấp nhận quan điểm được chấp nhận rộng rãi rằng trái đất là nơi thánh, và ông tin rằng đó là nơi thánh. sự thanh lọc tượng trưng cho sự thanh lọc Trái đất bằng lửa khi Chúa đến. Do đó, khi ông phát hiện ra rằng thời hạn 2.300 ngày chắc chắn đã được tiên đoán trước, ông kết luận rằng điều này tiết lộ thời điểm xảy ra cuộc tái lâm. Sai lầm của ông xuất phát từ việc chấp nhận quan niệm phổ biến về những gì cấu thành nên thánh địa.

Trong hệ thống điển hình - vốn là hình bóng của sự hy sinh và chức tư tế của Chúa Kitô - việc thanh tẩy thánh đường là nghi lễ cuối cùng được thầy tế lễ thượng phẩm thực hiện trong chu kỳ nghi lễ hàng năm được thực hiện. Đó là công việc chuộc tội cuối cùng-loại bỏ hoặc xóa bỏ tội lỗi của Y-sơ-ra-ên. Nó tượng trưng cho công việc cuối cùng trong chức vụ của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm trên thiên đàng, trong việc loại bỏ hoặc xóa bỏ tội lỗi của dân Ngài, tội lỗi đã được ghi lại một cách trung thực trong các biên sử trên trời. Dịch vụ này bao gồm công việc điều tra và xét xử; và điều này ngay trước sự xuất hiện của

Đấng Christ ngự trên mây trời với quyền năng và vinh hiển lớn lao, vì khi Ngài đến thì mọi vụ việc đều đã được giải quyết xong rồi. Chúa Giê-su nói: "Phần thưởng của Thầy ở với Thầy, để trả cho mỗi người tùy theo công việc của họ". (Khải huyền 22:12). Chính công việc phán xét này ngay trước sự đến lần thứ hai đã được công bố trong thông điệp của thiên sứ thứ nhất trong Khải Huyền 14:7: "Hãy kính sợ Đức Chúa Trời và tôn vinh Ngài; vì giờ phán xét của Ngài đã đến."

Những người công bố lời cảnh báo này đã đưa ra thông điệp phù hợp vào đúng thời điểm. Nhưng đúng như các môn đồ đầu tiên đã tuyên bố: "Thời đã trọn, vương quốc Đức Chúa Trời đã đến gần" dựa trên lời tiên tri của Đa-ni-ên 9, trong khi không nhận ra rằng cái chết của Đấng Mê-si đã được báo trước trong cùng một văn bản, Miller và những người bạn đồng hành của ông. Họ cũng rao giảng thông điệp dựa trên Đa-ni-ên 8:14 và Khải Huyền 14:7, và không thấy rằng có những thông điệp khác được tiết lộ trong Khải Huyền 14, những thông điệp này cũng nên được trình bày trước khi Chúa đến. Giống như các môn đồ đã nhầm lẫn về việc vương quốc sẽ được thành lập vào cuối bảy mươi tuần lễ, những người Cơ Đốc Phục Lâm cũng nhầm lẫn về sự kiện sẽ xảy ra vào cuối 2.300 ngày. Trong cả hai trường hợp đều có sự chấp nhận hoặc gán bó với những lỗi lầm phổ biến, khiến tâm trí họ không còn tin vào sự thật. Cả hai lớp đều thực hiện ý muốn của Đức Chúa Trời bằng cách trình bày thông điệp mà Ngài muốn họ đưa ra, và cả hai, do hiểu sai về thông điệp tương ứng của mình, nên cả hai đều phải chịu thất vọng.

Mặc dù vậy, Đức Chúa Trời đã hoàn thành mục đích thương xót của Ngài, cho phép lời cảnh báo về sự phán xét được đưa ra chính xác như vốn có. Ngày trọng đại đã đến gần và, nhờ sự quan phòng của Thiên Chúa, dân chúng đã bị thử thách trong thời gian đã định, để tiết lộ cho họ biết điều gì đang diễn ra trong tâm hồn họ. Thông điệp này nhằm mục đích thử nghiệm và thanh lọc hội thánh. Người ta phải được dẫn dắt để xem liệu tình cảm của họ dành cho thế gian này hay dành cho Đấng Christ và thiên đàng. bây giờ họ phải chứng minh tình yêu của mình. Họ có sẵn sàng từ bỏ những hy vọng và tham vọng trần thế, vui mừng chào đón sự xuất hiện của Chúa không? Thông điệp nhằm mục đích giúp họ nhận ra trạng thái tâm linh thực sự của mình.

Mẹ được sai đến với lòng thương xót để đánh thức họ để họ tìm kiếm Chúa với lòng ăn năn và khiêm nhường.

Hơn nữa, sự thất vọng của họ, mặc dù gây ra bởi sự hiểu lầm về thông điệp mà họ truyền tải, lẽ ra đã mang lại điều tốt cho họ. Anh ta sẽ thử lòng những người tuyên bố đã nhận được lời cảnh báo. Khi đối mặt với sự thất vọng, liệu họ có vội vã từ chối trải nghiệm của mình, từ bỏ niềm tin vào Lời Chúa không? Hay họ sẽ cầu nguyện và khiêm nhường tìm cách nhận ra chỗ nào họ không hiểu được ý nghĩa của lời tiên tri? Có bao nhiêu người đã bị lay động bởi sự sợ hãi, xung động hay phản kích? Có bao nhiêu người thiếu kiên quyết và không tin?

Vô số người tuyên bố yêu thích sự xuất hiện của Chúa. Khi được kêu gọi để chịu đựng sự khinh miệt và lên án của thế giới cũng như thử thách của sự chậm trễ và thất vọng, liệu họ có từ bỏ đức tin của mình không? Bởi vì ban đầu họ không hiểu hành động của Chúa đối với họ, liệu họ có bác bỏ những lẽ thật được hỗ trợ bởi lời chứng rõ ràng nhất của Lời thiêng liêng không?

Bài kiểm tra này sẽ tiết lộ sức mạnh của những người có đức tin thực sự đã tuân theo những gì họ tin là sự dạy dỗ của Lời Chúa và Thánh Linh. Nó sẽ dạy cho họ - điều mà chỉ trải nghiệm này mới có thể làm được - mỗi nguy hiểm khi chấp nhận các lý thuyết và cách giải thích của con người, thay vì coi Kinh thánh là lời giải thích của riêng họ. Đối với những đứa con của đức tin, sự bối rối và buồn bã do lỗi lầm của chúng gây ra sẽ mang lại sự sửa chữa cần thiết. Họ sẽ được hướng dẫn để nghiên cứu sâu hơn về lời tiên tri. Họ sẽ học cách xem xét cẩn thận hơn nền tảng đức tin của mình và từ chối mọi thứ

điều đó, mặc dù được thế giới Cơ đốc giáo chấp nhận rộng rãi, nhưng lại không dựa trên Kinh thánh về lẽ thật.

Đối với những tín đồ này, cũng như đối với các môn đồ đầu tiên, những gì họ thấy khó hiểu vào thời điểm bị thử thách sẽ trở nên rõ ràng hơn sau này. Khi họ nhìn thấy "sự kết thúc của Chúa" (Gia-cơ 5:11), họ sẽ biết rằng, bất chấp thử thách do lỗi lầm của họ gây ra, mục đích thiêng liêng của tình yêu đối với họ đã được thực hiện một cách chắc chắn. Qua kinh nghiệm đầy phước hạnh, họ sẽ học được rằng Ngài "rất nhân từ và nhân từ"; rằng mọi đường lối của Ngài "là lòng thương xót và lẽ thật cho những ai giữ giao ước và chứng cứ của Ngài."

Chương 20

Một sự thức tỉnh tôn giáo vĩ đại

Sự thức tỉnh tôn giáo vĩ đại dưới sự công bố về sự trở lại sắp xảy ra của Chúa Kitô nó đã được báo trước trong lời tiên tri về sứ điệp của vị thiên sứ đầu tiên trong Khải Huyền 14. Một thiên sứ được nhìn thấy đang bay "ở giữa trời và có Phúc Âm đời đời để rao truyền cho dân cư trên đất, cho mọi quốc gia, và họ hàng, ngôn ngữ và dân tộc." "Với một tiếng nói lớn", ông công bố thông điệp: "Hãy kính sợ Đức Chúa Trời và tôn vinh Ngài; vì giờ phán xét của Ngài đã đến. Và hãy thờ phượng Đấng dựng nên trời, đất, biển và các suối nước." (Khải Huyền 14:6 và 7).

Điều quan trọng là người ta nói rằng một thiên thần là người báo trước lời cảnh báo này. Bởi sự tinh khiết, vinh quang và quyền năng của sứ giả trên trời, trí tuệ thiêng liêng thấy phù hợp để thể hiện tính chất cao quý của công việc được thực hiện bởi thông điệp cũng như quyền năng và vinh quang sẽ hỗ trợ nó. Và chuyến bay của thiên thần "qua giữa thiên đàng", "giọng nói lớn" mà lời cảnh báo được thốt ra, và sự truyền bá của nó đến tất cả "những người sống trên trái đất... tới mọi quốc gia, chủng tộc, ngôn ngữ và mọi dân tộc". ", chứng minh tốc độ và phạm vi toàn cầu của phong trào.

Bản thân thông điệp này đã làm sáng tỏ thời điểm mà phong trào này phải diễn ra. Nó được tuyên bố là một phần của "phúc âm vĩnh cửu" và thông báo về việc mở cuộc phán xét. Thông điệp cứu rỗi đã được rao giảng trong mọi thế kỷ; nhưng thông điệp này là một phần của phúc âm chỉ có thể được công bố trong những ngày sau rốt, vì chỉ khi đó giờ phán xét mới đúng là giờ phán xét. Những lời tiên tri trình bày một loạt các sự kiện dẫn đến việc mở ra cuộc phán xét. Điều này đặc biệt đúng trong sách Đa-ni-ên. Tuy nhiên, trong phần này của lời tiên tri về những ngày sau rốt, Đa-ni-ên được lệnh phải đóng và niêm phong cuốn sách cho đến "thời kỳ cuối cùng". Thông điệp liên quan đến sự phán xét không thể được công bố cho đến khi thời điểm phán xét đến, dựa trên sự ứng nghiệm của những lời tiên tri này. Tuy nhiên, nhà tiên tri nói vào thời kỳ cuối cùng, "nhiều người sẽ chạy từ nơi này đến nơi khác, và kiến thức sẽ nhân lên" (Đan. 12:4).

Sứ đồ Phao-lô cảnh báo hội thánh đừng mong đợi sự xuất hiện của Đấng Christ vào thời của họ. Ông nói: "Vì điều đó sẽ không xảy ra trừ phi có sự bội đạo trước tiên và kẻ tội lỗi lộ diện". (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3). Chúng ta sẽ không thể chờ đợi sự tái lâm của Chúa cho đến sau cuộc bội đạo lớn lao và thời gian trị vì lâu dài của "con người tội lỗi". "Người của tội lỗi", còn được gọi là "bí ẩn của sự gian ác", "đứa con của sự diệt vong" và "kẻ vô luật pháp", đại diện cho chế độ giáo hoàng, như các nhà tiên tri đã báo trước, sẽ duy trì quyền lực tối cao của mình trong 1.260 năm. Thời kỳ này kết thúc vào năm 1798. Sự đến của Đấng Christ không thể xảy ra trước thời điểm đó. Với lời cảnh báo của mình, Thánh Phaolô đề cập đến toàn bộ thời kỳ Kitô giáo cho đến năm 1798. Đó là thời điểm mà thông điệp về sự đến lần thứ hai của Chúa Kitô phải được công bố.

Không có thông điệp nào như vậy được công bố trong nhiều thế kỷ qua. Phao-lô, như chúng ta đã thấy, đã không rao giảng điều đó. Ông cho các anh em biết rằng sự đến của Chúa sẽ xảy ra trong một tương lai rất xa. Những người cải cách đã không rao giảng điều đó. Martin Luther nghĩ rằng sự phán xét sẽ xảy ra khoảng 300 năm sau, kể từ thời của ông. Nhưng kể từ năm 1798, sách Đa-ni-ên đã được mở ra và kiến thức về những lời tiên tri đã tăng lên; Nhiều người đã công bố thông điệp long trọng về sự phán xét sắp xảy ra.

Giống như cuộc cải cách vĩ đại vào thế kỷ 16, phong trào Mùa Vọng phát sinh đồng thời ở các quốc gia khác nhau theo đạo Thiên Chúa. Cả ở châu Âu và ở

Ở Mỹ, những người có đức tin và cầu nguyện đã được hướng dẫn để nghiên cứu những lời tiên tri và khi xem xét kỹ lưỡng bản báo cáo được soi dẫn, họ thấy rằng có bằng chứng thuyết phục cho thấy sự kết thúc của mọi sự đã gần. Ở những quốc gia khác nhau, có những nhóm Cơ-đốc nhân biệt lập, chỉ nhờ nghiên cứu Kinh thánh mà thôi, họ đã khám phá ra rằng sự đến của Đấng Cứu Rỗi đã gần kề.

Năm 1821, ba năm sau khi Miller giải thích những lời tiên tri về thời điểm phán xét, Tiến sĩ Joseph Wolff, "nhà truyền giáo cho thế giới," bắt đầu công bố sự tái lâm của Chúa. Wolff sinh ra ở Đức, gốc Do Thái, có cha là giáo sĩ Do Thái. Khi còn rất trẻ, anh đã bị thuyết phục về lẽ thật của đạo Cơ-đốc. Sở hữu một trí óc ham học hỏi và năng động, ông là một người không ngừng lắng nghe những cuộc trò chuyện diễn ra trong nhà cha mình, khi những người Do Thái ngoan đạo tụ tập hàng ngày để kể lại những hy vọng và mong đợi của dân tộc họ, về vinh quang của Đấng Mê-si sắp đến và sự phục hồi của Y-sơ-ra-ên. Một ngày nọ, nghe nói về Chúa Giêsu Nazareth, cậu bé hỏi Ngài là ai.

"Một người Do Thái có tài năng không gì sánh được," là câu trả lời; "nhưng vì Ngài tự xưng là Đấng Mê-si nên tòa án Do Thái đã kết án tử hình Ngài." Người hỏi đáp: "Tại sao Jerusalem vẫn bị phá hủy và chúng tôi đang bị giam cầm?" Người cha đáp: "Khốn cho chúng tôi! Khốn cho chúng tôi, vì người Do Thái đã sát hại các nhà tiên tri."

Ngay lập tức, một ý nghĩ thoáng qua trong đầu cậu bé: "Có lẽ Chúa Giêsu người Nazareth là một nhà tiên tri, và người Do Thái đã giết Ngài dù Ngài vô tội". Cảm giác này mạnh mẽ đến nỗi, mặc dù không được phép vào nhà thờ Thiên chúa giáo, nhưng anh vẫn thường nán lại bên ngoài để nghe thuyết giảng.

Lúc mới bảy tuổi, Wolff đang khoe khoang với một người hàng xóm lớn tuổi theo đạo Thiên Chúa về chiến thắng trong tương lai của Israel trước sự xuất hiện của Đấng Mê-si thì ông già tử tế nói: "Con trai thân yêu của tôi, tôi sẽ cho con biết Đấng Mê-si chính đáng là ai. Đó là Chúa Giê-su" của Nazareth, người mà tổ tiên các ông đã đóng đinh như họ đã làm với các tiên tri thời xưa. Các ông hãy về nhà đọc sách Isaia chương thứ 53, và các ông sẽ tin chắc rằng Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa." Ngay lập tức, một niềm tin mạnh mẽ xâm chiếm cậu bé Wolff. Cậu về nhà, đọc đoạn văn và ngạc nhiên thấy nó đã được ứng nghiệm hoàn hảo nơi Chúa Giêsu người Nazareth như thế nào. lời tiên tri, nhưng ông phải đối mặt với sự im lặng khắc khổ đến mức không bao giờ dám quay lại chủ đề này, tuy nhiên, điều này chỉ làm tăng thêm mong muốn tìm hiểu thêm về đạo Thiên Chúa của ông.

Kiến thức mà anh tìm kiếm đã được cẩn thận giữ kín trong ngôi nhà Do Thái của anh; nhưng, khi mới 11 tuổi, Wolff đã rời nhà cha mẹ và đi ra ngoài thế giới để tự học và lựa chọn tôn giáo cũng như nghề nghiệp của mình. Anh ta tìm được một ngôi nhà tạm thời giữa những người thân của mình, nhưng không lâu sau đó anh ta bị trục xuất khỏi đó như một kẻ bội đạo và, một mình và không một xu dính túi, anh ta phải vạch ra con đường riêng của mình giữa những người xa lạ. Ông đi hết nơi này đến nơi khác, chăm chỉ học tập và kiếm được sự hỗ trợ từ việc dạy tiếng Do Thái. Nhờ ảnh hưởng của một giáo sư Công giáo, ông đã được dẫn dắt để chấp nhận đức tin La Mã. Sau đó, ông quyết định trở thành một nhà truyền giáo giữa đồng bào của mình. Với mục tiêu này, vài năm sau, ông tiếp tục học tại Trường Cao đẳng Tuyên truyền ở Rome. Ở đó, thói quen suy nghĩ độc lập và thẳng thắn trong lời nói bị coi là tà giáo.

Wolff đã công khai tấn công sự lạm dụng của nhà thờ và nhấn mạnh vào sự cần thiết phải cải cách. Mặc dù lúc đầu ông được các quan chức giáo hoàng đối xử đặc biệt ưu ái, nhưng sau một thời gian, họ đã đuổi ông rời khỏi Rome. Dưới sự giám sát của nhà thờ, ông đi hết nơi này đến nơi khác cho đến khi rõ ràng là ông không bao giờ có thể phục tùng chế độ nô lệ của người La Mã. Anh ta bị tuyên bố là kẻ nổi loạn và được tự do đi bất cứ nơi nào anh ta tìm thấy.

tốt hơn. Sau đó, ông đến Anh và tuyên xưng đức tin Tin lành, gia nhập Giáo hội Anh giáo. Sau hai năm nghiên cứu, ông bắt đầu truyền giáo vào năm 1821.

Khi Wolff chấp nhận lẽ thật vĩ đại về sự đến lần thứ nhất của Đấng Christ với tư cách là một "người từng trải sự đau buồn và đã quen lao động", ông cũng thấy rằng những lời tiên tri trình bày rõ ràng như nhau về sự đến lần thứ hai của Ngài với quyền năng và vinh quang. Và trong khi ông tìm cách dẫn dắt dân mình đến với Chúa Giê-su người Na-xa-rét là Đấng đã hứa, và chỉ cho họ thấy sự đến lần thứ nhất của Ngài trong sự sỉ nhục như một của lễ hy sinh cho tội lỗi của loài người, ông cũng dạy họ lần đến thứ hai của Ngài với tư cách là vua và Đấng giải cứu.

Ngài nói: "Chúa Giê-su Nazareth, Đấng Messia đích thực, tay chân bị đâm thủng; người bị dẫn đến lò sát sinh như một con cừu; là một người từng đau khổ và từng trải qua lao động; Đấng, sau khi vương trượng được cất khỏi Giu-đa, và quyền ban luật pháp từ giữa hai chân Ngài, đã đến lần thứ nhất, sẽ đến lần thứ hai trong đám mây trên trời, với tiếng kèn của tổng lãnh thiên thần, và sẽ đứng trên Núi của Quả ô liu"; "và quyền thống trị các tạo vật từng được trao cho A-đam và bị ông đánh mất (Sáng thế ký 1:26; 3:17), sẽ được trao cho Chúa Giê-su. Anh ta sẽ là vua trên khắp Trái đất. Những tiếng rên rỉ và than thở của tạo vật sẽ chấm dứt, và những bài ca ngợi khen và tạ ơn sẽ vang lên... Khi Chúa Giê-su đến trong vinh quang của Cha Ngài, cùng với các thiên thần thánh... những tín đồ đã chết sẽ sống lại trước tiên (I Tê-sa-lô-ni-ca 4: 16; I Cô-rinh-tô 15:23). Đây là điều mà các Kitô hữu chúng ta gọi là sự phục sinh đầu tiên. Khi đó, vương quốc động vật sẽ thay đổi bản chất của nó (Ê-sai 11:6-9) và sẽ phục tùng Chúa Giê-su (Thi thiên 8). Hòa bình toàn cầu sẽ thắng thế... Chúa sẽ một lần nữa nhìn vào Trái đất và nói: Này, mọi thứ đều rất tốt đẹp."

Wolff tin rằng sự tái lâm của Chúa đã gần kề và cách giải thích của ông về các thời kỳ tiên tri đã đặt dấu chấm hết trong vòng vài năm kể từ thời điểm Miller chỉ ra. Đối với những người nhấn mạnh vào câu: "Không ai biết về ngày và giờ đó", nói rằng con người không nên muốn biết bất cứ điều gì liên quan đến sự gần gũi của Mùa Vọng, Wolff trả lời: "Có phải Chúa chúng ta đã nói rằng ngày và giờ không bao giờ nên như vậy? Không, Ngài đã ban cho chúng ta những dấu hiệu về thời gian, để ít nhất chúng ta có thể biết được sự đến của Ngài sắp đến, như người ta biết lá cây và báo hiệu mùa hè (Ma-thi-ơ 24:32)? không chỉ để đọc nhà tiên tri Daniel, mà còn để hiểu ông? Và trong chính cuốn sách của Daniel, nơi người ta nói rằng các từ sẽ bị đóng lại cho đến thời điểm kết thúc (như trường hợp ở thời của ông), đó là đã tuyên bố rằng "nhiều người sẽ chạy từ nơi này đến nơi khác" (cách diễn đạt trong tiếng Do Thái có nghĩa là quan sát và suy nghĩ về thời gian) và "kiến thức" (liên quan đến thời gian) "sẽ nhân lên" (Đa-ni-ên 12:4). không có ý nói rằng thời gian gần nhau sẽ không được biết đến, nhưng ngày và giờ chính xác sẽ không nằm trong tầm hiểu biết của con người. Ngài phán rằng Ngài sẽ được biết đến đầy đủ nhờ những dấu hiệu của thời đại, nhằm mục đích thúc giục chúng ta chuẩn bị cho sự đến của Ngài, giống như Nô-ê đã chuẩn bị cho chiếc tàu vậy."

Về hệ thống giải thích phổ biến hoặc giải thích sai Kinh thánh, Wolff viết: "Phần lớn giáo hội Thiên chúa giáo đã quay lưng lại với ý nghĩa rõ ràng của Kinh thánh và quay sang hệ thống huyền ảo của Phật tử. Họ tin rằng tương lai hạnh phúc của nhân loại sẽ bao gồm việc bay, và giả sử rằng khi họ đọc người Do Thái phải hiểu dân ngoại; và khi họ đọc Jerusalem họ phải hiểu nhà thờ. Khi nói Trái đất, nó có nghĩa là Thiên đường; và khi Chúa đến, họ phải hiểu được sự tiến bộ của các hội truyền giáo; và việc đi lên núi của nhà Chúa có nghĩa là một cuộc tụ họp đồng đảo những người theo Giám lý."

Trong 24 năm, từ 1821 đến 1845, Wolff đã đi du lịch nhiều nơi ở Châu Phi, thăm Ai Cập và Ethiopia; qua châu Á, nó đi qua Palestine, Syria, Ba Tư, Uzbekistan và Ấn Độ. Ông cũng đã đến thăm Hoa Kỳ và trong chuyến đi của mình

thuyết giảng trên đảo Saint Helena. Ông đến New York vào tháng 8 năm 1837, và sau khi diễn thuyết ở thành phố đó, ông đã thuyết giảng ở Philadelphia và Baltimore và cuối cùng đến Washington. Ở đó, ông nói, "thông qua một đề xuất do cựu tổng thống John Quincy Adams trình bày tại một trong các viện của Quốc hội, viện lập pháp đó đã cho phép tôi sử dụng Hội trường Quốc hội để diễn thuyết mà tôi đã thuyết trình vào ngày thứ Bảy, với sự hiện diện của tất cả các thành viên của Quốc hội, giám mục của Virginia, các giáo sĩ và công dân của Washington. Vinh dự tương tự cũng được dành cho tôi bởi các thành viên của chính phủ New Jersey và Pennsylvania, với sự hiện diện của họ, tôi đã nói về những nghiên cứu của tôi ở Châu Á và cả của vương quốc cá nhân của Chúa Giêsu Kitô."

Tiến sĩ Wolff du hành qua những quốc gia man rợ nhất mà không có sự bảo vệ của bất kỳ cơ quan chức năng châu Âu nào, gặp rất nhiều khó khăn và bị bao vây bởi vô số nguy hiểm. Ông bị đánh đập và bỏ đói, bị bán làm nô lệ và bị kết án tử hình ba lần. Anh từng là nạn nhân của bọn cướp và có khi suýt chết khát. Trong một lần, anh ta bị cướp và mọi thứ anh ta sở hữu đều bị lấy đi. Anh ta phải đi bộ hàng trăm km qua những ngọn núi, với tuyết rơi trên mặt và đôi chân trần và lạnh cóng do tiếp xúc với mặt đất băng giá.

Khi được cảnh báo không được mang vũ khí vào giữa các bộ lạc man rợ và thù địch, ông tuyên bố rằng ông được trang bị bằng lời cầu nguyện, lòng nhiệt thành với Chúa Kitô và niềm tin vào sự giúp đỡ của Ngài. Anh ấy nói: "Tôi cũng được ban cho tình yêu của Chúa và người lân cận trong trái tim tôi, và cuốn Kinh thánh trong tay tôi." Đi đâu ông cũng mang theo Kinh thánh bằng tiếng Do Thái và tiếng Anh. Về một trong những chuyến hành trình cuối cùng của mình, anh ấy nói: "Tôi luôn mở cuốn Kinh thánh trong tay. Tôi cảm thấy rằng sức mạnh của tôi nằm trong Sách và sức mạnh của nó sẽ nâng đỡ tôi."

Vì vậy, anh ấy đã kiên trì làm việc cho đến khi thông điệp phán xét được truyền đến phần lớn địa cầu có thể sinh sống được. Trong số những người Do Thái, Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Tư, Ấn Độ giáo và nhiều dân tộc và chủng tộc khác, ông đã phân phát Lời Chúa bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, và khắp nơi công bố vương quốc sắp xảy ra của Đấng Mê-si.

Trong chuyến du hành qua Uzbekistan, anh đã gặp được giáo lý về sự tái lâm sớm của Chúa được một dân tộc xa xôi và biệt lập tuyên xưng. Về người Ả Rập ở Yemen, ông nói: "Họ sở hữu một cuốn sách tên là 'Seera', trong đó có thông tin về sự tái lâm lần thứ hai của Chúa Kitô và vương quốc của Ngài trong vinh quang, và họ mong đợi những sự kiện trọng đại sẽ xảy ra vào năm 1840." "Ở Yemen, tôi đã ở sáu ngày với người Rechabes. Họ không uống rượu, không trồng vườn nho, không gieo hạt và sống trong lều; họ nhớ những lời của Giô-na-đáp, con trai Rê-cáp. Trong số đó có trẻ em của Israel thuộc chi tộc Dan... những người đang chờ đợi, cùng với các con trai của Rehab, sự xuất hiện sắp tới của Đấng Messia trên mây trời."

Một niềm tin tương tự cũng được tìm thấy bởi một nhà truyền giáo khác ở Tartary. Một linh mục Tartar hỏi nhà truyền giáo khi nào Chúa Kitô sẽ đến lần thứ hai. Khi nhà truyền giáo trả lời rằng ông không biết gì về điều đó, vị linh mục có vẻ rất ngạc nhiên trước sự thiếu hiểu biết như vậy của một người tự xưng là giáo sư Kinh thánh và tuyên bố niềm tin của chính mình, dựa trên lời tiên tri, rằng Chúa Kitô sẽ đến vào năm 1844.

Ngay từ năm 1826, sứ điệp Mùa Vọng đã bắt đầu được rao giảng ở Anh. Phong trào ở đó không có hình thức xác định như ở Mỹ. Thời điểm chính xác của Mùa Vọng thường không được dạy nhiều, nhưng sự thật vĩ đại về việc Chúa Kitô sắp đến trong quyền năng và vinh quang đã được công bố rành rộ. Và điều này không chỉ xảy ra giữa những người bất đồng chính kiến và những người không tuân thủ. Mourante Brock, một nhà văn người Anh, nói rằng khoảng bảy trăm mục sư của Giáo hội Anh giáo đã tham gia vào việc rao giảng "phúc âm của vương quốc" này. Thông điệp chỉ năm 1844 là thời điểm Chúa đến cũng được đưa ra ở Anh. Các ấn phẩm Cơ Đốc Phục Lâm từ Hoa Kỳ được phổ biến rộng rãi. Sách và tạp chí được tái bản ở Anh. VÀ

Năm 1842, Robert Winter, một người Anh bẩm sinh đã tiếp nhận đức tin Cơ Đốc Phục Lâm ở Mỹ, trở về quê hương để loan báo sự xuất hiện của Chúa. Nhiều người đã tham gia cùng ông trong công việc và thông điệp phán xét đã được công bố ở nhiều vùng khác nhau của nước Anh.

Ở Nam Mỹ, giữa sự man rợ và hiểm độc của các linh mục, Lacunza, một tu sĩ Dòng Tên người Tây Ban Nha, đã biết đến Kinh thánh và nhờ đó nhận được sự thật về sự trở lại của Chúa Kitô sắp đến. Tuy nhiên, bị buộc phải đưa ra lời cảnh báo và mong muốn thoát khỏi sự chỉ trích của Rome, ông đã công bố quan điểm của mình dưới bút danh "Rabbi Ben-Israel", tự nhận mình là một người Do Thái đã cải đạo. Lacunza sống ở thế kỷ 18, nhưng phải đến khoảng năm 1825, cuốn sách của ông, khi thâm nhập vào thành phố London, mới được dịch sang tiếng Anh. Việc xuất bản nó nhằm mục đích làm sâu sắc thêm mối quan tâm vốn đã được khơi dậy ở Anh đối với chủ đề về cuộc đến lần thứ hai.

Vào thế kỷ 18, Bengel, một mục sư Lutheran, một học giả và nhà phê bình Kinh thánh nổi tiếng, đã giảng dạy giáo lý này ở Đức. Sau khi hoàn thành chương trình học của mình, Bengel đã cống hiến hết mình cho việc nghiên cứu thần học, "mà tính cách nghiêm túc và tôn giáo trong tinh thần của ông, được đào sâu và củng cố bởi nền giáo dục và kỷ luật của ông, đã khiến ông nghiêng về một cách tự nhiên. Giống như những người trẻ có bản chất chiêm niệm khác đến trước và sau ngài, ngài phải đối mặt với những nghi ngờ và khó khăn mang tính chất tôn giáo. Và ông đề cập đến, với nhiều cảm xúc, về 'nhiều mũi tên xuyên qua trái tim tội nghiệp của ông và khiến tuổi trẻ của ông trở nên vô cùng khó chịu đựng.'" Khi tuyên thệ nhậm chức thành viên của hội nghị Wuerttemberg, ông đã đấu tranh cho chính nghĩa của tự do tôn giáo, nhấn mạnh rằng "mọi quyền tự do hợp lý phải được trao cho những người cảm thấy bị lương tâm buộc phải rút lui khỏi giáo hội đã được thành lập." Hiệu quả tốt đẹp của chính sách này vẫn còn được cảm nhận ở quê hương ông.

Khi ông đang chuẩn bị bài giảng về Khải Huyền 21, cho "Chúa nhật Mùa Vọng", thì ánh sáng về sự tái lâm của Chúa Kitô đã lóe lên trong tâm trí Bengel. Những lời tiên tri về Ngày tận thế đã được tiết lộ cho sự hiểu biết của anh ta hơn bao giờ hết.

Bị thúc đẩy bởi ý thức về tầm quan trọng to lớn và vinh quang siêu xuất sắc của những cảnh tượng do nhà tiên tri trình bày, ông buộc phải đi chệch khỏi việc suy ngẫm về chủ đề này trong một thời gian. Trên bục giảng, chủ đề này lại xuất hiện trước mặt anh với tất cả sức mạnh và sự sống động của nó. Kể từ đó, ông chuyên tâm nghiên cứu những lời tiên tri, đặc biệt là những lời tiên tri về Ngày tận thế, và nhanh chóng kết luận và tin rằng chúng chỉ ra sự sắp đến của Chúa Kitô. Ngày mà ông xác định là thời điểm xuất hiện lần thứ hai chỉ khác vài năm so với ngày mà Miller vẫn duy trì sau này.

Các bài viết của Bengel đã được truyền bá khắp các đạo Cơ Đốc. Quan điểm của ông về lời tiên tri nhìn chung đã được đón nhận nồng nhiệt ở quê hương Wuerttemberg của ông và ở một mức độ nào đó ở các vùng khác của Đức. Phong trào vẫn tiếp tục sau khi ông qua đời và sứ điệp Mùa Vọng đã được vang lên ở Đức đồng thời thu hút sự chú ý của người dân ở các vùng đất khác. Lúc đầu, một số tín đồ đến Nga và thành lập các thuộc địa ở đó. Vì thế, niềm tin vào sự sắp đến của Chúa Kitô vẫn được các giáo hội Đức tại quốc gia này duy trì.

Ánh sáng cũng chiếu rọi ở Pháp và Thụy Sĩ. Tại Geneva, nơi Farel và Calvin đã phổ biến những chân lý của cuộc cải cách, Gausson đã rao giảng thông điệp về cuộc tái lâm lần thứ hai. Khi còn là sinh viên, Gausson đã gặp phải tinh thần duy lý đã xâm chiếm toàn bộ châu Âu vào cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19. Khi bước vào chức vụ, ông không những không biết gì về đức tin chân chính mà còn có khuynh hướng hoài nghi. Khi còn trẻ, ông đã quan tâm đến việc nghiên cứu các lời tiên tri.

Sau khi đọc Lịch sử cổ đại của Rollin, sự chú ý của anh ấy đổ dồn vào chương thứ hai của Daniel, và Gausson ngạc nhiên về độ chính xác kỳ diệu mà lời tiên tri đã được ứng nghiệm, như chính anh ấy đã thấy trong lời kể của nhà sử học. Ở đó

là bằng chứng cho sự soi dẫn của Kinh thánh, đã giúp ông như một chiếc neo giữa những hiểm nguy của những năm gần đây. Anh ta không thể hài lòng với những lời dạy của chủ nghĩa duy lý và khi nghiên cứu Kinh thánh và tìm kiếm ánh sáng rõ ràng hơn, sau một thời gian nhất định, anh ta đã dẫn đến một đức tin tích cực.

Khi tiếp tục nghiên cứu những lời tiên tri, ông hiểu rằng sự đến của Chúa đã gần kề. Ấn tượng trước sự trang trọng và tầm quan trọng của chân lý vĩ đại này, ông mong muốn đem nó đến với mọi người; nhưng niềm tin phổ biến rằng những lời tiên tri của Daniel là những điều bí ẩn và không thể hiểu được đã là một trở ngại nghiêm trọng trên con đường của anh ấy. Cuối cùng anh ấy đã quyết định, như Farel đã làm trước đây vào năm 1534, truyền giáo ở Geneva, bắt đầu từ trẻ em, qua đó ông hy vọng sẽ thu hút được sự quan tâm của các bậc cha mẹ.

Ông nói về mục tiêu của mình trong nhiệm vụ này: "Tôi muốn mọi người hiểu rằng không phải vì tôi coi nó là thứ yếu, mà trái lại, vì giá trị to lớn của nó nên tôi muốn trình bày nó trong một cách quen thuộc, và tôi đã nói chuyện với bọn trẻ.

Tôi muốn được lắng nghe và tôi sợ rằng mình sẽ không được lắng nghe nếu nói chuyện với người lớn trước. Vì thế tôi quyết định đến với những người trẻ tuổi hơn. Tôi tập hợp khán giả là trẻ em; nếu nhóm phát triển; nếu bạn thấy họ lắng nghe với sự thích thú và hài lòng; Nếu các em hiểu và giải thích được chủ đề, tôi đảm bảo rằng tôi có thể sớm thực hiện buổi học thứ hai và đến lượt người lớn sẽ thấy rằng việc đó đáng để ngồi xuống và nghiên cứu.

Khi điều này được thực hiện, chính nghĩa đã thắng."

Nỗ lực đã thành công. Khi nói chuyện với trẻ em, người lớn sẽ đến lắng nghe. Các phòng trưng bày trong nhà thờ của ông tràn ngập những thính giả chăm chú. Trong số này có những người đàn ông có địa vị xã hội và hiểu biết cao, cũng có những người lạ và người nước ngoài đến thăm Geneva. Vì vậy, tin nhắn đã được đưa đến các phần khác.

Được khích lệ bởi thành công của mình, Gaussen đã xuất bản các bài học của mình với hy vọng thúc đẩy việc nghiên cứu sách tiên tri trong các nhà thờ nói tiếng Pháp. Gaussen nói: "Việc xuất bản những hướng dẫn dành cho trẻ em là nói với những người lớn thường bỏ qua những cuốn sách như vậy với lý do sai lầm rằng chúng khó hiểu: 'Làm sao chúng lại khó hiểu khi con cái chúng ta hiểu chúng?'": "Tôi rất mong muốn phổ biến, nếu có thể, sự hiểu biết về những lời tiên tri trong đàn chiên của chúng tôi." "Thực sự thì không có nghiên cứu nào mà đối với tôi có vẻ đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thời đại." "Chính nhờ Người mà chúng ta phải chuẩn bị cho cơn đại nạn sắp xảy ra, đồng thời trông đợi và chờ đợi Chúa Giêsu Kitô".

Mặc dù là một trong những nhà truyền giáo nổi tiếng và được yêu mến nhất bằng tiếng Pháp, Gaussen, sau một thời gian, đã bị đình chỉ chức vụ vì tội chính là sử dụng Kinh thánh để dạy giới trẻ, thay vì sách giáo lý của nhà thờ - một cuốn sách hướng dẫn nhằm chán và duy lý, gần như không có niềm tin tích cực. Sau đó, ông trở thành giáo viên tại một trường thần học và vào Chủ nhật, ông tiếp tục công việc giáo lý viên, giảng dạy cho trẻ em và hướng dẫn chúng về Kinh thánh. Các tác phẩm của ông về lời tiên tri cũng khơi dậy sự quan tâm sâu sắc. Từ chức giáo sư, thông qua báo chí và nghề nghiệp yêu thích của mình là giáo viên dạy trẻ, Gaussen tiếp tục gây ảnh hưởng rộng lớn trong nhiều năm và đóng vai trò là công cụ thu hút sự chú ý của nhiều người đến việc nghiên cứu những lời tiên tri nói về lần đến tiếp theo của Chúa.

Ở Scandinavia, thông điệp mùa vọng cũng được rao giảng và thu hút nhiều sự quan tâm. Nhiều người đã thức tỉnh khỏi sự an toàn bất cẩn của mình để thú nhận và từ bỏ tội lỗi, tìm kiếm sự tha thứ nhân danh Chúa Kitô. Nhưng các giáo sĩ của nhà thờ nhà nước phản đối phong trào, và do ảnh hưởng của họ, một số người rao giảng thông điệp đã bị tống vào tù. Ở nhiều nơi mà những người rao giảng về sự tái lâm sắp xảy ra của Chúa đã bị buộc phải im lặng, Đức Chúa Trời thấy thích hợp để gửi thông điệp theo cách

kỳ diệu qua những đứa trẻ nhỏ. Vì họ còn là trẻ vị thành niên nên luật pháp Tiểu bang không thể áp đặt bất kỳ lệnh cấm nào đối với họ và do đó họ được phép nói chuyện mà không bị quấy rối.

Phong trào diễn ra chủ yếu trong các tầng lớp khiêm tốn nhất, người dân tập trung tại nhà của những người công nhân giản dị nhất để nghe lời cảnh báo. Bản thân các nhà thuyết giáo trẻ em phần lớn là những cư dân nghèo trong túp lều. Một số trong số họ không quá sáu hoặc tám tuổi; và, mặc dù cuộc sống của họ làm chứng rằng họ yêu mến Đấng Cứu Rỗi và tìm cách sống tuân theo các điều răn thiêng liêng của Đức Chúa Trời, nhưng nhìn chung, họ chỉ thể hiện khả năng và trí thông minh thường thấy ở trẻ em ở độ tuổi đó. Tuy nhiên, khi đứng trước dân chúng, rõ ràng là họ đã bị lay động bởi một ảnh hưởng vượt quá năng khiếu bẩm sinh của họ. Giọng nói và cung cách của họ đã được biến đổi, và với sức mạnh trang trọng, họ đưa ra lời cảnh báo về sự phán xét, sử dụng chính những lời trong Kinh thánh: "Hãy kính sợ Đức Chúa Trời và tôn vinh Ngài, vì giờ phán xét của Ngài đã đến". Họ quả trách tội lỗi của dân chúng, không chỉ lên án sự vô đạo đức và thói xấu, mà còn chỉ trích thói thế gian và sự bội đạo, đồng thời khuyên người nghe hãy vội vàng chạy trốn cơn thịnh nộ sắp đến.

Mọi người nghe mà run rẩy. Thánh Linh đầy thuyết phục của Đức Chúa Trời đã phán vào lòng họ. Nhiều người được hướng dẫn tìm kiếm Kinh Thánh với mối quan tâm mới và sâu sắc hơn; kẻ gian ác và vô đạo đức đã sửa đổi cuộc sống của họ; những người khác từ bỏ những hành vi không trung thực của họ. Một công việc như vậy đã được thực hiện đến nỗi ngay cả các mục sư của nhà thờ Nhà nước cũng buộc phải thừa nhận rằng bàn tay của Chúa đang ở trong phong trào.

Ý muốn thiêng liêng là tin tức về Đấng Cứu Rỗi sẽ đến được truyền đi ở các nước Scandinavi; và khi tiếng nói của các tôi tớ Ngài im bật, Ngài đặt Thánh Linh của Ngài lên con cái để công việc có thể được hoàn thành. Khi Chúa Giêsu đến gần Giêrusalem cùng với đám đông hân hoan, với những giọng nói chiến thắng và những cành cọ vẫy tay tung hô Người là Con vua Đavít, những người Phariseu ghen tị đã yêu cầu Người làm họ im lặng. Nhưng Chúa Giêsu trả lời họ rằng tất cả những điều này là sự ứng nghiệm của lời tiên tri, và nếu những tiếng nói đó im lặng thì đá sẽ kêu lên. Dân chúng, bị đe dọa bởi những lời đe dọa của các linh mục và hoàng tử, đã ngừng rao giảng vui vẻ khi họ tiến vào cổng Giêrusalem; nhưng rồi lũ trẻ, trong khuôn viên đền thờ, vẫy cành cọ, hát đồng ca, kêu lên: "Hoan hô Con vua Đa-vít!" (Ma-thi-ơ 21:8-16). Khi những người Pha-ri-si vô cùng bất bình, nói với Ngài: "Thầy có nghe họ nói gì không?" Như Đức Chúa Trời đã làm việc qua trẻ em vào thời điểm Đấng Christ đến lần đầu tiên, Ngài cũng làm việc qua chúng để truyền đạt thông điệp về lần đến thứ hai của Ngài. Lời Chúa phải được ứng nghiệm để việc loan báo Đấng Cứu Thế đến được loan truyền cho mọi dân tộc, ngôn ngữ và quốc gia.

Guilherme Miller và các cộng tác viên của ông được giao sứ mệnh rao giảng lời cảnh báo này ở Mỹ. Đất nước này đã trở thành trung tâm của phong trào Mùa Vọng vĩ đại. Chính ở đó lời tiên tri về sứ điệp của thiên thần đầu tiên đã được ứng nghiệm trực tiếp nhất. Những bài viết của Miller và những người bạn đồng hành đã được đưa đến những vùng đất xa xôi. Cho toàn thế giới, bất cứ nơi nào các nhà truyền giáo thâm nhập, tin vui về sự tái lâm của Chúa Kitô đều được gửi đến. Khắp mọi nơi thông điệp của phúc âm vĩnh cửu đã được truyền bá: "Hãy kính sợ Đức Chúa Trời và tôn vinh Ngài, vì giờ phán xét của Ngài đã đến".

Lời chứng của những lời tiên tri dường như chỉ ra sự xuất hiện của Chúa Kitô vào mùa xuân năm 1844 đã in sâu vào tâm trí mọi người. Khi thông điệp được chuyển từ bang này sang bang khác, khắp nơi đều nhận được sự quan tâm lớn. Nhiều người tin chắc rằng những lập luận rút ra từ thời kỳ tiên tri là đúng và hy sinh lòng kiêu hãnh về ý kiến của mình, họ vui vẻ đón nhận sự thật. Một số

Các mục sư gạt bỏ những ý tưởng và tình cảm bè phái của mình, từ bỏ tiền lương và nhà thờ, đồng lòng tuyên bố sự xuất hiện của Chúa Giêsu. Tuy nhiên, tương đối ít mục sư chấp nhận thông điệp này. Vì vậy, nó đã được truyền vào tay phần lớn là những giáo dân khiêm tốn. Nông dân rời bỏ đồng ruộng, cơ khí hóa công cụ, buôn bán hàng hóa, chuyên nghiệp hóa vị trí của họ. Bất chấp tất cả những điều này, số lượng công nhân vẫn còn ít so với khối lượng công việc phải thực hiện. Tình trạng của một hội thánh không tin kính và một thế giới nằm trong sự gian ác là gánh nặng đối với tâm hồn của những người canh gác chân chính, và họ sẵn lòng chịu đựng cực nhọc, thiếu thốn và đau khổ để có thể kêu gọi loài người ăn năn để được cứu. Mặc dù bị Sa-tan phản đối nhưng công việc vẫn tiếp tục đều đặn và lẽ thật đến được hàng ngàn người chấp nhận.

Khắp mọi nơi đều nghe thấy lời chứng sâu sắc, cảnh báo tội nhân, cả thế gian lẫn hội thánh, hãy chạy trốn khỏi cơn thịnh nộ sắp đến. Giống như Gioan Tẩy Giả, tiền thân của Chúa Kitô, các nhà truyền giáo đã kể rìu vào gốc cây và kêu gọi mọi người hãy sinh hoa trái xứng đáng với lòng sám hối. Những lời kêu gọi gây xôn xao dư luận của họ trái ngược hẳn với những lời đảm bảo về hòa bình và an ninh mà họ đã nghe được từ các bực giảng bình dân; và bất cứ nơi nào thông điệp được truyền đi, nó đều khiến mọi người cảm động. Lời chứng đơn giản, trực tiếp của Kinh thánh, chạm đến tâm hồn nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần, mang theo nó một sức mạnh xác tín mà ít ai có thể cưỡng lại được hoàn toàn. Những người theo đạo đã bị lung lay trước sự an toàn giả tạo của họ. Họ nhìn thấy sự bội đạo, tính thế gian và sự vô tín, sự kiêu ngạo và ích kỷ của ông. Nhiều người đã tìm kiếm Chúa với lòng ăn năn và tủi nhục. Những tình cảm bấy lâu nay vẫn bám chặt vào những điều trần thế giờ đây đã được cố định trên thiên đàng, Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trên họ, và với tấm lòng mềm mại và khuất phục, họ hiệp nhau kêu lên: "Hãy kính sợ Đức Chúa Trời và tôn vinh Ngài; vì giờ phán xét của Ngài đã đến".

Trong nước mắt, tội nhân hỏi: "Tôi phải làm gì để được cứu?" Những người có cuộc đời bị đánh dấu bởi sự bất lương đều mong muốn được bồi thường. Tất cả những ai tìm thấy sự bình an trong Đấng Christ đều muốn người khác cũng được chia sẻ phước lành này. Tấm lòng của cha mẹ đã trở lại với con cái, và tấm lòng của con cái đã trở lại với cha mẹ chúng. Những rào cản kiêu hãnh và dè dặt đã bị phá bỏ. Những lời thú nhận chân thành đã được thực hiện, và các thành viên trong gia đình đã làm việc để cứu rỗi những người thân thiết và thân yêu nhất của họ. Tiếng nói cầu thay nhiệt thành thường được nghe thấy. Khắp nơi đều có những tâm hồn đang đau khổ sâu sắc, cầu xin Chúa. Nhiều người đã chiến đấu suốt đêm để cầu nguyện cho sự chắc chắn về sự tha thứ tội lỗi của họ, hoặc cho sự hoán cải của người thân hoặc hàng xóm của họ.

Tất cả các lớp tập trung vào các buổi họp của Cơ Đốc Phục Lâm. Giàu và nghèo, vĩ đại và khiêm tốn, vì nhiều lý do khác nhau, họ nóng lòng muốn được nghe giáo lý về cuộc tái lâm của Chúa. Chúa kiểm soát tinh thần chống đối trong khi các tội tở của Ngài giải thích lý do đức tin của họ. Đôi khi nhạc cụ yếu; nhưng Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã ban quyền năng cho lẽ thật của Ngài. Người ta cảm nhận được sự hiện diện của các thiên thần thánh thiện trong những hội thánh này và nhiều người đã tham gia cùng các tín hữu hàng ngày. Khi những bằng chứng về sự sắp đến của Chúa Kitô được lặp lại, đám đông khổng lồ hoàn toàn im lặng lắng nghe những lời long trọng. Trời và Đất dường như xích lại gần nhau hơn. Quyền năng của Chúa được cảm nhận ở người già, người trẻ cũng như người trung niên. Đàn ông về nhà với lời khen trên môi, và âm thanh vui tươi vang vọng trong không khí đêm tĩnh lặng. Không ai tham dự những cuộc họp đó có thể quên được những cảnh tượng hết sức thú vị.

Việc công bố thời điểm xác định cho sự xuất hiện của Chúa Kitô đã gây ra sự phản đối lớn từ nhiều người thuộc mọi tầng lớp, từ mục sư, trên bục giảng, đến

tội nhân táo bạo nhất. Những lời tiên tri đã được ứng nghiệm: "Trong những ngày sau rốt sẽ có những kẻ nhạo báng đến, bước theo tư duy mình mà nói rằng: Lời hứa về sự đến của Ngài ở đâu? Vì từ khi tổ phụ đã yên nghỉ, mọi sự vẫn y nguyên như thuở ban đầu". sự sáng tạo." (II Phi-e-rơ 3:3 và 4). Nhiều người tuyên bố yêu mến Đấng Cứu Rỗi đã tuyên bố rằng họ không phản đối giáo lý về sự đến lần thứ hai. Chúng chỉ trái ngược với việc thiết lập một thời gian xác định. Nhưng đôi mắt dò xét của Chúa đọc được tâm lòng của họ. Họ không muốn nghe về việc Chúa Kitô đến để phán xét thế giới một cách công bằng. Họ từng là những đầy tớ không chung thủy; công việc của họ không chịu nổi sự kiểm tra của Thiên Chúa, Đấng dò xét tâm hồn và họ sợ gặp Chúa. Giống như người Do Thái vào thời Đấng Christ đến lần đầu tiên, họ không sẵn sàng chào đón Ngài. Họ không những từ chối lắng nghe những lý lẽ rõ ràng của Kinh Thánh mà còn chế nhạo những người đang chờ đợi Chúa.

Sa-tan và các thiên thần của hắn đã hân hoan và lăng mạ Chúa Kitô và các thiên thần thánh thiện, bởi vì những người đã tuyên xưng Ngài có quá ít tình yêu dành cho Ngài đến nỗi họ không mong muốn sự xuất hiện của Ngài.

"Không ai biết ngày giờ đó" là lập luận được đưa ra thường xuyên nhất bởi những người bác bỏ đức tin Mùa Vọng.

Văn bản thiêng liêng nói: "Không ai biết về ngày và giờ đó, không phải các thiên thần trên trời, cũng không phải Con, mà chỉ có Cha Ta." (Ma-thi-ơ 24:36). Những người chờ đợi Chúa đã đưa ra lời giải thích rõ ràng và hài hòa về đoạn văn này, và những người chống đối đã sử dụng sai đoạn văn này đã được làm rõ. Những lời này đã được Chúa Kitô nói trong cuộc trò chuyện đáng nhớ với các môn đệ trên Núi Ô-liu, sau khi Ngài rời khỏi đền thờ lần cuối cùng. Các môn đệ đã đặt câu hỏi: "Dấu hiệu Chúa đến và ngày tận thế sẽ là điềm gì?" Chúa Giêsu ra dấu hiệu cho họ và nói: "Khi các ông thấy những điều này, hãy biết rằng Người đang ở gần cửa". (Ma-thi-ơ 24:3 và 33). Một tuyên bố của Chúa không được thốt ra để tiêu diệt một tuyên bố khác. Mặc dù không ai biết ngày giờ Ngài đến, nhưng chúng ta được hướng dẫn về điều đó và buộc phải biết khi nào Ngài đến gần. Hơn nữa, chúng ta được dạy rằng thờ ơ với lời cảnh báo, từ chối biết về nó, hoặc không biết khi nào sự tái lâm của Ngài sắp đến, sẽ gây tai hại cho chúng ta cũng như đối với những người sống trong thời Nô-ê. không biết khi nào lũ lụt sẽ đến. Và câu chuyện ngụ ngôn được ghi trong cùng một chương so sánh người đầy tớ trung thành với kẻ không chung thủy và tuyên bố một lời nguyện rủa đối với kẻ đã nói trong lòng: "Chúa tôi sẽ đến muộn". Nó tiết lộ cách mà Đấng Christ sẽ quan sát và ban thưởng cho những người Ngài thấy đang theo dõi và rao giảng sự tái lâm của Ngài, cũng như những người phủ nhận điều đó. Ngài phán: "Hãy canh thức; Phúc thay đầy tớ nào khi Chúa đến mà thấy phục vụ như vậy". (Ma-thi-ơ 24:42-

51). "Nếu người không canh chừng, ta sẽ đến tấn công người như kẻ trộm, và người sẽ không biết giờ nào ta sẽ tấn công người." (Khải Huyền 3:3).

Phao-lô nói về một lớp người mà sự xuất hiện của Chúa sẽ bất ngờ: "Ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm trong ban đêm, vì khi người ta nói rằng: Bình an và yên ổn thì sự hủy diệt thành linh ập đến trên họ. .. và họ sẽ không thể nào trốn thoát được." Và ông nói thêm, đối với những ai chú ý đến lời cảnh báo của Đấng Cứu Rỗi: "Hỡi anh em, anh em không còn ở trong bóng tối nữa, kéo ngày đó đến với anh em như kẻ trộm: vì anh em hết thảy là con cái sự sáng, con cái của ban ngày: chúng ta là không phải của đêm hay bóng tối." (I Tê-sa-lô-ni-ca 5:2-5).

Do đó, người ta đã chứng minh rằng Kinh thánh không đưa ra sự đảm bảo nào cho những người vẫn không biết gì về sự sắp đến của Đấng Christ. Nhưng những người chỉ muốn một cái cớ để bác bỏ sự thật đã bị tạt tai trước lời giải thích này; và những lời "Không ai biết được ngày giờ đó" tiếp tục được lặp đi lặp lại bởi những kẻ táo bạo chế nhạo và thậm chí bởi những mục sư tự xưng là Chúa Kitô.

Khi mọi người thức tỉnh và bắt đầu hỏi về con đường cứu rỗi,

Các giáo sư tôn giáo đứng giữa họ và lẽ thật, tìm cách xoa dịu nỗi sợ hãi của họ thông qua những cách giải thích sai lầm về Lời Chúa. Những người canh gác bất trung đã tham gia vào công việc của kẻ lừa dối vĩ đại, kêu lên: "Hòa bình, Hòa bình!", khi Thiên Chúa chưa nói đến hòa bình. Giống như những người Pha-ri-si vào thời Chúa Giê-su, nhiều người từ chối vào vương quốc Thiên đàng và cản trở những người bước vào. Máu của những linh hồn này sẽ được yêu cầu trong tay bạn.

Những người khiêm tốn và tận hiến nhất trong nhà thờ thường là những người đầu tiên nhận được thông điệp. Những người tự mình nghiên cứu Kinh thánh không thể không nhận thấy tính chất trái Kinh thánh của những quan điểm phổ biến về lời tiên tri, và ở đâu người dân không bị kiểm soát bởi ảnh hưởng của giới giáo phẩm, ở bất cứ nơi nào họ tự mình tìm kiếm Lời Chúa, giáo lý về sự xuất hiện. chỉ cần so sánh với Kinh thánh để thiết lập thẩm quyền thiêng liêng của nó.

Nhiều người đã bị bắt bớ bởi những anh em không tin đạo của mình. Để duy trì vị trí của mình trong hội thánh, một số người đồng ý không nói gì về hy vọng của mình. Tuy nhiên, những người khác cảm thấy rằng lòng trung thành với Đức Chúa Trời đã ngăn cản họ che giấu những lẽ thật mà Ngài đã giao phó cho họ. Không ít người đã bị tách khỏi mối thông công của hội thánh chỉ vì lý do duy nhất là bày tỏ niềm tin vào sự tái lâm của Đấng Christ. Rất quý giá đối với những người đã chịu đựng sự thử thách đức tin của mình là những lời của vị tiên tri: "Những người anh em của người, những kẻ ghét người và xa cách người vì danh ta, hãy nói: Chúa được tôn vinh; nhưng Ngài sẽ hiện ra để người vui mừng.", và họ sẽ bị bối rối." (Ê-sai 66:5).

Các thiên thần của Thiên Chúa quan tâm sâu sắc nhất đến kết quả của lời cảnh báo. Khi có sự bác bỏ thông điệp chung của các nhà thờ, các thiên thần đã rút lui với nỗi đau buồn tột cùng. Tuy nhiên, có nhiều người chưa được thử thách về sự thật của Mùa Vọng. Nhiều người đã bị chồng, vợ, cha mẹ hoặc con cái lừa dối và bị làm cho tin rằng việc nghe những lời dị giáo do những người Cơ Đốc Phục Lâm rao giảng là một tội lỗi. Các thiên thần được lệnh phải trung thành trông chừng những linh hồn đó; vì một ánh sáng khác từ Ngài Đức Chúa Trời vẫn sẽ chiếu rọi trên họ.

Với niềm khao khát khôn tả, những người đã nhận được thông điệp chờ đợi sự xuất hiện của Đấng Cứu Rỗi. Thời điểm họ mong được gặp Ngài đã gần kề. Họ chờ đợi giờ phút này trong sự trang nghiêm bình tĩnh. Họ được an nghỉ trong sự hiệp thông ngọt ngào với Thiên Chúa, một sự bảo đảm cho sự bình an lẽ ra sẽ thuộc về họ trong tương lai tươi sáng. Không ai đã trải qua niềm hy vọng và tin tưởng này có thể quên được những giờ phút chờ đợi quý giá đó. Một vài tuần trước thời điểm đã định, hầu hết các công việc thế tục đều bị gác lại. Những tín đồ chân thành xem xét cẩn thận từng suy nghĩ và cảm xúc trong lòng họ, như thể họ đang nằm trên giường bệnh và chỉ còn cách nhắm mắt lại những cảnh trần thế trong chốc lát.

Không có việc may "quần áo để thăng thiên", nhưng mọi người đều cảm thấy cần có bằng chứng bên trong rằng họ đã chuẩn bị để gặp Đấng Cứu Rỗi; trang phục trắng của họ tượng trưng cho sự trong sạch của tâm hồn—những nhân vật được tẩy sạch tội lỗi bằng máu chuộc tội của Đấng Christ. Tôi ước gì vẫn còn nơi những người tuyên xưng Thiên Chúa tinh thần tự xem xét nội tâm, cùng một đức tin kiên quyết và nhiệt thành! Nếu họ tiếp tục hạ mình trước mặt Chúa và kiên trì gửi lời cầu xin đến Ngài thương xót, thì họ đã có được một trải nghiệm phong phú hơn nhiều so với những gì họ đang có.

Có rất ít lời cầu nguyện, rất ít sự xác tín thực sự về tội lỗi, và việc thiếu đức tin sống động khiến nhiều người thiếu đi ân sủng dồi dào mà Đấng Cứu Chuộc ban cho chúng ta.

Đức Chúa Trời có ý định thử thách dân Ngài. Bàn tay của ông đã che giấu một lỗi trong việc tính toán các thời kỳ tiên tri. Những người Cơ Đốc Phục Lâm đã không phát hiện ra lỗi này, và nó cũng không được những đối thủ uyên bác nhất của họ phát hiện ra. Những người này nói: "Việc ông kể về các thời kỳ tiên tri là chính xác. Một sự kiện trọng đại nào đó sắp diễn ra.

địa điểm; nhưng đó không phải là điều ông Miller dự đoán; mà là sự hoán cải của thế giới chứ không phải sự đến lần thứ hai của Chúa Kitô."

Thời gian mong đợi đã qua và Chúa Kitô vẫn chưa xuất hiện để giải thoát dân Người. Những người có đức tin và tình yêu chân thành đã chờ đợi Đấng Cứu Rỗi đều phải trải qua sự thất vọng cay đắng. Tuy nhiên, mục đích của Đức Chúa Trời đã được hoàn thành. Ngài đang thử thách tấm lòng của những người tuyên bố mong đợi sự xuất hiện của Ngài. Có nhiều người trong số họ bị lay động không vì động cơ nào cao hơn nỗi sợ hãi. Việc tuyên xưng đức tin của họ đã không ảnh hưởng đến trái tim hay cuộc sống của họ. Khi sự kiện được mong đợi đã không xảy ra, họ tuyên bố rằng họ không hề thất vọng. Họ chưa bao giờ tin rằng Đấng Christ sẽ đến. Đây là những người đầu tiên chế giễu nỗi buồn của những tín đồ chân chính.

Nhưng Chúa Giêsu và toàn thể thiên binh đã nhìn với tình yêu thương và cảm thông đối với những người trung thành bị thử thách, bất chấp sự thất vọng của họ. Nếu bức màn ngăn cách giữa cái hữu hình và cái vô hình có thể được vén sang một bên, người ta sẽ thấy các thiên thần đang đến gần những linh hồn trung thành đó và che chắn họ khỏi mũi tên của Satan.

Chương 21

Cảnh báo bị từ chối

Khi rao giảng giáo lý về sự đến lần thứ hai, William Miller và các cộng sự của ông đã làm việc với mục đích duy nhất là thức tỉnh con người để chuẩn bị cho sự phán xét. Họ đã tìm cách mở rộng tầm mắt của những người tuyên xưng tôn giáo về niềm hy vọng thực sự của giáo hội và nhu cầu trải nghiệm Kitô giáo sâu sắc hơn. Họ cũng làm việc để đánh thức những người chưa cải đạo để buộc họ phải ăn năn và quay trở lại với Chúa ngay lập tức. "Họ không cố gắng chuyển đổi đàn ông sang một giáo phái hay đảng phái tôn giáo. Vì vậy, họ làm việc chăm chỉ giữa tất cả các đảng phái và giáo phái mà không can thiệp vào tổ chức hoặc kỷ luật của họ."

Miller nói: "Trong tất cả công việc của mình, tôi chưa bao giờ có mong muốn hay nghĩ đến việc thiết lập bất kỳ lợi ích nào tách biệt với lợi ích của các giáo phái hiện có, hoặc mang lại lợi ích cho người này nhưng lại gây bất lợi cho người khác. Tôi nghĩ đến việc ưu ái tất cả họ. Giả sử rằng tất cả những người theo đạo Cơ đốc đều sẽ làm như vậy." hãy vui mừng—đang ở trong viễn cảnh về sự tái lâm của Đấng Christ, và rằng những người không nhìn thấy mọi thứ như tôi thấy cũng sẽ yêu mến không kém những người chấp nhận giáo lý này, tôi không nghĩ rằng cần phải tổ chức các cuộc họp riêng biệt. mong muốn là hoán cải các linh hồn về với Thiên Chúa, thông báo cho thế giới về cuộc phán xét sắp tới và thuyết phục đồng bào của tôi chuẩn bị tâm hồn để họ có thể tìm thấy sự bình an với Thiên Chúa của họ. các nhà thờ hiện có khác nhau."

Vì công việc của ông có xu hướng xây dựng lại các nhà thờ nên nó đã được đánh giá cao trong một thời gian. Nhưng khi các mục sư và các nhà lãnh đạo tôn giáo quyết định chống lại giáo lý về sự tái lâm và muốn ngăn chặn mọi sự kích động về chủ đề này, họ không chỉ phản đối nó trên bục giảng mà còn từ chối các thành viên của họ đặc quyền tham dự các buổi thuyết giảng về sự xuất hiện lần thứ hai, hoặc thậm chí nói về niềm hy vọng như vậy trong các buổi nhóm của hội thánh. Vì vậy, các tín đồ thấy mình ở trong một tình thế hết sức khốn khổ và bối rối. Họ yêu mến hội thánh của họ và từ chối tách khỏi họ. Nhưng khi họ thấy lời chứng của Lời Đức Chúa Trời bị gạt sang một bên và bị từ chối quyền điều tra những lời tiên tri, họ cảm thấy lòng trung thành với Đức Chúa Trời không cho phép họ phục tùng. Những người tìm cách ngăn chặn lời chứng của Lời Đức Chúa Trời không thể bị coi là một phần của hội thánh của Đấng Christ, "trụ cột và nền tảng của lễ thật". Do đó, họ cảm thấy có lý khi cắt đứt mối quan hệ với họ. Vào mùa hè năm 1844, khoảng năm mươi nghìn thành viên đã rời bỏ nhà thờ của họ.

Vào thời điểm này, một sự thay đổi đáng chú ý đã được quan sát thấy ở hầu hết các nhà thờ ở Hoa Kỳ. Trong nhiều năm, người ta đã ghi nhận sự tuân theo dần dần nhưng không thay đổi đối với các tập quán và tập quán trần thế cũng như sự sa sút tương ứng trong đời sống tâm linh đích thực. Nhưng năm đó, có bằng chứng cho thấy sự suy giảm đột ngột và rõ rệt ở hầu hết các hội thánh trong nước. Mặc dù không ai có thể xác định chính xác nguyên nhân, nhưng sự thật này đã được bình luận và ghi nhận rộng rãi, cả trên báo chí lẫn trên bục giảng.

Tại một cuộc họp của linh mục Philadelphia, ông Barnes, tác giả của một bài bình luận được sử dụng nhiều và là mục sư của một trong những nhà thờ hàng đầu của thành phố đó, đã tuyên bố "rằng ông đã phục vụ trong hai mươi năm và chưa bao giờ, cho đến lễ rước lễ cuối cùng, nếu ông thực hiện giáo lễ mà không nhận được số lượng người cải đạo nhiều hơn hoặc ít hơn. Nhưng bây giờ không có sự thức tỉnh, không có sự hoán cải, không có sự gia tăng rõ ràng về ân sủng nơi những người tuyên xưng là Kitô hữu, và không có ai đến văn phòng của ngài."

làm việc để nói về sự cứu rỗi linh hồn của họ. Với sự phát triển trong kinh doanh và triển vọng tươi sáng của thương mại và công nghiệp, xu hướng hướng tới tính trần tục ngày càng tăng. Điều này xảy ra ở mọi giáo phái."

Tháng 2 cùng năm, PGS. Finney của trường Cao đẳng Oberlin nói: "Chúng tôi đã biết trước sự thật rằng, nói chung, các giáo hội Tin lành ở đất nước chúng tôi đều thờ ơ và thù địch với hầu hết mọi cuộc cải cách đạo đức của thời đại. Có một số ngoại lệ nhất định, nhưng chưa đủ để tình trạng không còn phổ biến. Chúng ta cũng có một thực tế chứng thực khác—sự thiếu vắng gần như phổ biến của việc phục hồi ảnh hưởng trong các nhà thờ. Sự thờ ơ về tinh thần xâm chiếm hầu hết mọi thứ và sâu sắc khủng khiếp; Đây là điều mà báo chí tôn giáo khắp cả nước chứng thực. Ở một mức độ lớn hơn, các thành viên trong nhà thờ đang trở thành những người yêu thích thời trang, chung tay với kẻ ác trong các hoạt động vui chơi, khiêu vũ và lễ hội, v.v. Nhưng chúng ta không cần phải tập trung vào chủ đề đau đớn này. Chỉ cần biết rằng các bằng chứng đang ngày càng tích tụ và đổ xuống chúng ta là đủ, đủ để cho thấy rằng các giáo hội nói chung đang trở nên suy thoái một cách đáng buồn. Họ đã rời xa Chúa và Ngài cũng đã rời xa họ".

Và một trong những biên tập viên của Kính viễn vọng Tôn giáo đã làm chứng: "Chúng tôi chưa bao giờ chứng kiến sự suy thoái tôn giáo như hiện nay. Quả thật, giáo hội nên thức tỉnh và tìm kiếm nguyên nhân gây ra bệnh tật của mình, vì mọi người yêu mến Zion đều phải làm điều này. Khi chúng ta nhớ rằng có rất ít trường hợp hoán cải thực sự, và trước sự ăn năn và cứng rắn gần như không thể so sánh được của tội nhân, chúng ta gần như vô tình kêu lên: 'Có phải Thiên Chúa đã quên thương xót chúng ta? hay: cánh cửa lòng thương xót đã đóng lại rồi sao?'"

Tình trạng như vậy không bao giờ tồn tại trong hội thánh mà không có nguyên nhân. Bóng tối thiêng liêng bao trùm các quốc gia, giáo hội và cá nhân không phải do sự tùy tiện rút lui sự trợ giúp của ân sủng Thiên Chúa, mà là do con người bỏ qua hoặc khước từ ánh sáng thần linh. Một ví dụ nổi bật về sự thật này được trình bày trong lịch sử dân tộc Do Thái vào thời Chúa Giêsu Kitô. Bởi sự sùng kính của họ đối với thế gian và sự quên lãng Đức Chúa Trời và Lời Ngài, sự hiểu biết của họ trở nên tối tăm và tầm lòng của họ trở nên trần tục và nhục dục. Vì vậy, họ không biết gì về sự xuất hiện của Đấng Mê-si, và vì kiêu ngạo và vô tín, họ đã khước từ Đấng Cứu Chuộc. Ngay cả khi đó Đức Chúa Trời cũng không rút khỏi dân tộc Do Thái sự hiểu biết hoặc sự tham gia vào các phước lành của sự cứu rỗi. Nhưng những người chối bỏ lẽ thật sẽ mất hết lòng khao khát món quà trên trời. Họ đã "đổi bóng tối lấy ánh sáng, ánh sáng lấy bóng tối," cho đến khi ánh sáng trong họ trở nên tối tăm; và bóng tối này lớn lao biết bao!

Một phần chính sách của Satan là khiến đàn ông giữ lại các hình thức tôn giáo, mặc dù tinh thần sùng đạo sống còn có thể hoàn toàn vắng bóng. Sau khi từ chối phúc âm, người Do Thái tiếp tục nhiệt thành duy trì các nghi lễ cổ xưa của họ; Họ bảo tồn nghiêm ngặt chủ nghĩa độc quyền dân tộc, mặc dù không thừa nhận rằng sự hiện diện của Chúa không còn ở giữa họ. Lời tiên tri của Daniel đã chỉ rõ ràng về thời điểm Đấng Mê-si đến và dự đoán trực tiếp về cái chết của Ngài, đến nỗi họ làm mọi cách để ngăn cản việc nghiên cứu nó, và cuối cùng các giáo sĩ Do Thái đã tuyên bố lời nguyền đối với tất cả những ai cố gắng tính toán thời gian. Dân Israel vẫn mù quáng và không ăn năn suốt một ngàn chín trăm năm, thờ ơ với ân điển cứu rỗi, quên đi các phước lành của Phúc âm, và như một lời cảnh báo long trọng và khủng khiếp về mối nguy hiểm từ chối ánh sáng Thiên đàng.

Bất cứ nơi nào một nguyên nhân như vậy tồn tại, những kết quả tương tự sẽ theo sau. Người cố tình kìm nén niềm tin về nghĩa vụ của mình vì chúng cản trở khuynh hướng của anh ta cuối cùng sẽ mất khả năng phân biệt giữa sự thật và sai lầm. Sự hiểu biết trở nên mơ hồ, lương tâm trở nên vô cảm, trái tim chai cứng, và

tâm hồn bị tách rời khỏi Thiên Chúa. Nơi nào thông điệp về lẽ thật thiêng liêng bị coi thường và xem nhẹ, nơi đó hội thánh bị bao phủ trong bóng tối; đức tin và tình yêu trở nên nguội lạnh, sự chia rẽ và xa lánh xuất hiện. Các thành viên của Giáo hội tập trung lợi ích và sức lực của họ vào những nỗ lực trần thế, và những tội nhân trở nên chai cứng trong sự không ăn năn của họ.

Thông điệp của thiên thần đầu tiên trong Khải Huyền 14, thông báo về giờ phán xét thiêng liêng và kêu gọi loài người kính sợ và thờ phượng Đức Chúa Trời, được thiết kế để tách những người được xưng nhận là Đức Chúa Trời khỏi những ảnh hưởng sa đọa của thế giới và đánh thức họ nhận thức về sự tồn tại của mình. con người thật, tình trạng trần tục và bội đạo. Trong thông điệp này, Chúa đã gửi đến hội thánh một lời cảnh báo rằng, nếu nó được chấp nhận, sẽ sửa chữa những tệ nạn đã ngăn cách nó với Ngài. Nếu họ nhận được thông điệp từ Thiên đàng, hạ mình xuống trước Chúa và tha thiết tìm cách đứng trước sự hiện diện của Ngài, thì Thánh Linh và quyền năng của Đức Chúa Trời sẽ được biểu lộ ở giữa họ. Giáo hội sẽ một lần nữa đạt được trạng thái hạnh phúc của sự hiệp nhất, đức tin và tình yêu đã tồn tại trong thời các tông đồ, khi các tín hữu "một lòng một dạ" và "dùng cảm rao giảng Lời Chúa", khi "Chúa thêm vào hội thánh những người sẽ được cứu" (Công vụ 4:32 và 31; 2:47).

Nếu những người tuyên xưng Chúa đã nhận được ánh sáng chiếu soi từ Lời Thánh của Ngài, họ sẽ đạt được sự hiệp nhất mà Chúa Kitô đã cầu nguyện, và điều mà vị tông đồ mô tả là "sự hiệp nhất của Thánh Thần trong mối dây hòa bình". Ngài nói: "Có một thân thể và một Thánh Thần, giống như anh em đã được kêu gọi trong một niềm hy vọng cho sự kêu gọi của mình; một Chúa, một đức tin, một phép rửa." (Ê-phê-sô 4:3-5).

Đó là những kết quả đầy phước hạnh mà những người chấp nhận thông điệp mùa vọng đã trải qua. Họ "đến từ các giáo phái khác nhau và các rào cản giáo phái của họ đã bị phá bỏ; Những tín ngưỡng xung đột đã được giảm xuống thành các nguyên tử. Niềm hy vọng trái Kinh thánh về một thiên niên kỷ trên đất đã bị gạt sang một bên, và những quan điểm sai lầm về sự đến lần thứ hai đã được sửa chữa; niềm tự hào và sự phù hợp với thế giới đã bị cuốn đi. Lỗi đã được sửa. Những trái tim thống nhất trong tình bạn ngọt ngào, tình yêu và niềm vui ngự trị tối cao. Nếu học thuyết này làm điều này cho một số ít người tiếp nhận nó, thì nó cũng sẽ làm như vậy cho tất cả mọi người nếu họ cũng chấp nhận nó.

Nhưng nhìn chung các nhà thờ đã bác bỏ nó. Các thừa tác viên của ông, những người với tư cách là "những người canh gác nhà Israel" lẽ ra phải là những người đầu tiên nhận ra những dấu hiệu về việc Chúa Giêsu đến, đã không học được sự thật, từ chứng ngôn của các tiên tri hoặc từ những dấu chỉ của thời đại. Khi những hy vọng và tham vọng trần thế tràn ngập tâm hồn họ, tình yêu của họ dành cho Đức Chúa Trời và đức tin nơi Lời Ngài trở nên nguội lạnh; và khi giáo lý về sự đến được trình bày, nó chỉ khơi dậy những thành kiến và sự vô tín của họ. Thực tế là thông điệp này, ở một mức độ lớn, được rao giảng bởi giáo dân, được đưa ra như một lập luận chống lại nó. Như trong quá khứ, lời chứng rõ ràng của Lời Đức Chúa Trời phản đối câu hỏi: "Có ai trong số các quan trưởng hoặc người Pha-ri-si tin không?" Và nhận thấy nhiệm vụ bác bỏ những lập luận rút ra từ thời kỳ tiên tri là khó khăn, nhiều người không khuyến khích việc nghiên cứu những lời tiên tri, dạy rằng những cuốn sách tiên tri đã bị niêm phong và không nên hiểu. Đám đông, ngâm tin tưởng các mục sư của mình, đã từ chối nghe lời cảnh báo; còn những người khác tuy tin chắc vào sự thật nhưng cũng không dám thú nhận kéo bị "đuổi ra khỏi hội đường". Thông điệp mà Thiên Chúa đã gửi đến để thử thách và thanh lọc giáo hội đã bộc lộ một cách chắc chắn rằng số lượng những người đã đặt tình cảm của họ vào thế gian này nhiều hơn là vào Chúa Kitô. Mối liên kết ràng buộc họ với Trái đất mạnh hơn sức hấp dẫn của thiên thể. Họ thích lắng nghe tiếng nói của trí tuệ thế gian và quay lưng lại với sứ điệp tìm kiếm sự thật.

Khi từ chối lời cảnh báo của thiên thần đầu tiên, họ coi thường những phương tiện mà Thiên đấng đã cung cấp để họ được phục hồi. Họ coi thường sứ giả nhân từ đáng lẽ đã sửa chữa những tệ nạn đã ngăn cách họ với Chúa, và với động lực lớn hơn, họ một lần nữa tìm kiếm tình bạn với thế giới. Đây là nguyên nhân của tình trạng khủng khiếp của tính trần tục, sự bội đạo và cái chết thuộc linh tồn tại trong các hội thánh vào năm 1844.

Trong Khải Huyền 14, theo sau thiên thần đầu tiên là thiên thần thứ hai, người tuyên bố: "Babylon đã sụp đổ, thành phố vĩ đại đó đã sụp đổ, khiến tất cả các quốc gia phải uống rượu thịnh nộ của sự gian dâm của nó." (Khải Huyền 14:8). Thuật ngữ "Babylon" có nguồn gốc từ "Babel" và có nghĩa là sự nhầm lẫn. Nó được sử dụng trong Kinh thánh để chỉ các hình thức tôn giáo sai lầm hoặc bội đạo. Trong Khải Huyền, chương 17, Babylon được tượng trưng bởi một người phụ nữ, một hình ảnh được dùng trong Kinh thánh làm biểu tượng của nhà thờ; một người phụ nữ đức hạnh đại diện cho hội thánh thuần khiết, một người phụ nữ hèn hạ tượng trưng cho hội thánh bội đạo.

Trong Kinh thánh, tính chất thiêng liêng và lâu dài của mối quan hệ giữa Chúa Kitô và Giáo hội của Ngài được thể hiện bằng sự kết hợp vợ chồng. Chúa đã liên kết dân Ngài với chính Ngài qua một giao ước long trọng, hứa sẽ là Thiên Chúa của họ, và họ cam kết mình thuộc về Ngài và chỉ một mình Ngài mà thôi. Chúa phán: "Ta sẽ cưới người cho ta mãi mãi; Ta sẽ cưới người cho ta trong sự công bình, trong sự phán xét, trong sự nhân từ và trong sự thương xót." (Ô-sê 2:19). Và một lần nữa: "Anh sẽ cưới em." (Giê-rê-mi 3:14). Và Phao-lô sử dụng hình ảnh tương tự trong Tân Ước khi ông nói: "Vì ta đã chuẩn bị cho người dâng người như một trinh nữ thuần khiết cho một người chồng, là Đấng Christ." (II Cô-rinh-tô 11:2).

Sự bất trung của hội thánh đối với Đấng Christ khi để lòng tin cậy và tình cảm của mình lạc xa Ngài và để cho tình yêu trần thế chiếm giữ tâm hồn được so sánh với việc vi phạm lời thề hôn nhân. Tội lỗi của Israel khi quay lưng lại với Chúa được thể hiện dưới hình ảnh này; và tình yêu tuyệt vời của Đức Chúa Trời mà họ khinh thường được miêu tả một cách cảm động: "Chúa Giê-hô-va phán: Ta đã thề với các người và lập giao ước với các người, và các người đã thuộc về Ta". "Và em vô cùng xinh đẹp và thịnh vượng cho đến khi em trở thành nữ hoàng. Và danh tiếng của em lan truyền khắp các quốc gia vì vẻ đẹp của em, vì em thật hoàn hảo vì vinh quang của Ta mà Ta đã đặt trên em...

Nhưng người đã tin cậy vào sắc đẹp của mình, và đã làm hư hỏng mình vì danh tiếng của mình." Đức Giê-hô-va phán: "Như một người đàn bà bội bạc lia bỏ bạn mình, thế nào các người cũng phản bội ta, hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, như Đức Giê-hô-va phán vậy"; "như một người đàn bà ngoại tình, trong chỗ chồng, tiếp người lạ" (Ê-xê-chiên 16:8, 13-15 và 32; Giê-rê-mi 3:20).

Ngôn ngữ tương tự được sử dụng trong Tân Ước để chống lại những người tự xưng là Kitô hữu, những người tìm kiếm tình bạn với thế gian và đặt nó lên trên ân huệ của Thiên Chúa. Sứ đồ Gia-cơ nói: "Hỡi những kẻ ngoại tình và đàn bà ngoại tình, các người không biết rằng làm bạn với thế gian là thù nghịch với Đức Chúa Trời sao? Vậy ai muốn làm bạn với thế gian thì tự coi mình là kẻ thù của Đức Chúa Trời".

Người phụ nữ trong Khải Huyền 17, Babylon, được mô tả là "mặc áo tím và đỏ tươi, trang sức bằng vàng, đá quý và ngọc trai; tay cầm một chiếc cốc vàng chứa đầy những thứ ghê tởm và bản thi... trên trán có viết tên: Bí ẩn, Babylon vĩ đại, mẹ của các hoạt động mại dâm." Nhà tiên tri nói: "Tôi thấy người đàn bà đó say huyết các thánh đồ và huyết các chứng nhân của Đức Chúa Giê-su". Nó cũng tuyên bố rằng Babylon là "thành phố vĩ đại cai trị các vị vua trên trái đất" (Khải Huyền 17:4-6 và 18). Quyền lực trong nhiều thế kỷ đã duy trì sự kiểm soát chuyên quyền đối với các quốc vương của đạo Cơ đốc là La Mã. Màu tím và đỏ tươi, vàng, ngọc trai và đá quý khắc họa một cách sống động sự lộng lẫy và hào hoa của hoàng gia được thể hiện bởi Tòa thánh La Mã kiêu ngạo. Và không có quyền lực nào khác có thể được tuyên bố thực sự là "say máu các thánh" như giáo hội đã bách hại đã man những người theo Chúa Kitô. Babylon cũng bị buộc tội có quan hệ bất hợp pháp với "các vị vua của Trái đất". Đó là do sự loại bỏ Chúa và

liên minh với những người ngoại giáo khiến giáo hội Do Thái trở thành gái điếm; và Rome, cũng tự làm hư mình bằng cách tìm kiếm sự hỗ trợ từ các thế lực trên thế giới, cũng nhận được sự lên án tương tự.

Babylon được cho là "mẹ của gái mại dâm". Các con gái của ông nên tượng trưng cho những giáo hội bám vào giáo lý và truyền thống của họ, noi gương hy sinh lẽ thật và sự chấp thuận của Chúa để hình thành một liên minh bất hợp pháp với thế giới. Thông điệp của Khải Huyền 14 tuyên bố về sự sụp đổ của Babylon phải áp dụng cho các tổ chức tôn giáo từng trong sạch nhưng sau đó đã trở nên đồi trụy. Vì thông điệp này tuân theo lời cảnh báo về Sự phán xét nên nó phải được công bố trong những ngày sau rốt; do đó, nó không thể chỉ nói đến Giáo hội La Mã, vì giáo hội đó đã ở trong tình trạng sa ngã trong nhiều thế kỷ.

Hơn nữa, trong chương 18 của sách Khải Huyền, trong một thông điệp vẫn còn ở tương lai, dân Đức Chúa Trời được mời rời khỏi Ba-by-lôn. Theo văn bản kinh thánh này, nhiều người trong dân Chúa chắc hẳn vẫn còn ở Ba-by-lôn. Và ngày nay những tập đoàn tôn giáo nào có đa số tín đồ Đấng Christ? Không còn nghi ngờ gì nữa, trong các nhà thờ khác nhau tuyên xưng đức tin Tin Lành. Vào thời điểm xuất hiện, những hội thánh này đã đảm nhận một vị trí cao quý bên cạnh Đức Chúa Trời và lẽ thật cũng như phước lành của Ngài luôn ở bên họ. Ngay cả thế giới vô tín cũng buộc phải thừa nhận những kết quả có lợi sau khi chấp nhận các nguyên tắc phúc âm. Như lời của nhà tiên tri nói với Y-sơ-ra-ên: "Danh tiếng của người đã đồn ra khắp các dân tộc vì vẻ đẹp của người, vì người hoàn hảo vì vinh quang của Ta mà ta đã đặt trên người, Chúa Giê-hô-va phán vậy".

(Ê-xê-chiêl 16:14). Nhưng họ rơi vào cùng một ước muốn là sự nguyên rửa và hủy diệt của Y-sơ-ra-ên - mong muốn bắt chước các tập tục và tìm kiếm tình bạn với những kẻ ác. "Bạn tin tưởng vào vẻ đẹp của mình và làm hỏng bản thân vì sự nổi tiếng của mình."

Nhiều giáo hội Tin Lành đang noi gương La Mã trong việc liên minh độc ác với "các vị vua trần gian". Các giáo hội nhà nước, thông qua mối quan hệ với các chính phủ thế tục và với các giáo phái khác, tìm kiếm sự ưu ái của thế giới. Và thuật ngữ "Babylon" - sự nhầm lẫn - có thể được áp dụng một cách thích hợp cho các tổ chức này; tất cả đều tuyên bố lấy giáo lý của họ từ Kinh thánh, tuy nhiên, họ bị chia thành vô số giáo phái, với những tín ngưỡng và lý thuyết hoàn toàn trái ngược nhau.

Ngoài sự kết hợp tội lỗi với thế gian, các giáo hội tách khỏi Rôma còn có những đặc điểm khác của nó. Một tác phẩm của Công giáo La Mã - Catholic Christian Instructed - cáo buộc: "Nếu Giáo hội Rome phạm tội thờ ngẫu tượng liên quan đến các thánh, thì con gái của bà, Giáo hội Anh giáo, cũng phạm tội tương tự, vì giáo hội này có mười nhà thờ dành riêng cho Đức Maria cho một nhà thờ được cung hiến. với Chúa Kitô." Và ông Hopkins, trong một chuyên luận về Thiên niên kỷ, tuyên bố: "Không có lý do gì để coi tinh thần và thực hành chống Kitô giáo bị giới hạn trong cái mà ngày nay được gọi là Giáo hội Rome. Các giáo hội Tin lành có rất nhiều kẻ địch lại Đấng Christ trong đó, và còn lâu mới được cải cách hoàn toàn khỏi sự tham nhũng và gian ác."

Về việc tách Giáo hội Trưởng lão khỏi Giáo hội Rôma, Tiến sĩ viết.

Guthrie: "Ba trăm năm trước, nhà thờ của chúng tôi, với một cuốn Kinh thánh mở trên biểu ngữ và khẩu hiệu 'Tìm kiếm Kinh thánh' trên sổ đăng ký, đã diễu hành ra khỏi cổng Rome."

Rồi tiếp theo ông hỏi một câu quan trọng: "Họ có ra khỏi Ba-by-lôn trong sạch không?"

Charles Spurgeon nói: "Giáo hội Anh giáo dường như bị nuốt chửng hoàn toàn bởi chủ nghĩa bí tích; nhưng sự không phù hợp dường như gần như bị xé nát một cách ác độc bởi sự không chung thủy về mặt triết học. Những người mà chúng ta mong đợi những điều tốt đẹp hơn đang dần lạc lối khỏi nền tảng của đức tin." ... Tôi nghĩ, chính trái tim của nước Anh đã bị ăn mòn vì sự bất trung đáng trách, vốn vẫn dám trèo lên bục giảng và tự gọi mình là Cơ đốc giáo."

Nguồn gốc của sự bội đạo lớn lao này là gì? Lần đầu tiên Giáo hội đã rời xa sự đơn giản của phúc âm như thế nào? Thông qua việc tuân thủ các thực hành của ngoại giáo, để tạo điều kiện thuận lợi cho những người ngoại giáo chấp nhận Cơ đốc giáo. Sứ đồ Phao-lô đã tuyên bố rằng ngay cả vào thời của ông, "sự huyền nhiệm của sự bất chính vẫn đang diễn ra" (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:7). Trong suốt cuộc đời của các sứ đồ, Giáo hội vẫn tương đối trong sạch. "Nhưng đến cuối thế kỷ thứ hai Thế kỷ, hầu hết các nhà thờ đều khoác lên mình một hình thức mới. Sự giản dị nguyên thủy đã biến mất, và không thể nhận ra, sau khi các môn đệ cũ xuống mồ, con cái của họ, cùng với những người mới cải đạo. dẫn đầu và tu sửa lại chính nghĩa." Để đảm bảo sự xuất hiện của những người mới cải đạo, tiêu chuẩn cao quý của đức tin Cơ đốc đã bị hạ thấp và kết quả là "một cơn lũ ngoại giáo đã xâm chiếm nhà thờ, mang theo những phong tục, tập tục và thần tượng của nó". Vì đạo Cơ đốc đã nhận được sự ưu ái và ủng hộ của những người cai trị thế tục nên nó được quần chúng chấp nhận trên danh nghĩa.

Chẳng phải quá trình tương tự đã được lặp lại ở hầu hết các nhà thờ tự gọi mình là Tin lành sao? Khi những người sáng lập qua đời, những người có tinh thần cải cách thực sự, con cháu của họ sẽ tiếp quản và đưa ra một mô hình mới cho sự nghiệp. Trong khi họ mù quáng tuân theo tín ngưỡng của cha mình và từ chối chấp nhận trước bất kỳ sự thật nào, thì con cái của những người theo chủ nghĩa cải cách lại rời xa tấm gương khiêm nhường, sự chối bỏ bản thân và từ bỏ thế giới do cha họ đặt ra. Do đó sự đơn giản nguyên thủy biến mất. Một làn sóng trần tục tràn ngập hội thánh và kéo theo những phong tục, tập tục và thần tượng của hội thánh.

Ồ đó! Tình bạn với thế gian, tức là "sự thù nghịch chống lại Thiên Chúa", được trân trọng đến mức đáng sợ trong số những người tuyên xưng là môn đệ của Chúa Kitô! Biết bao nhiêu giáo hội bình dân trên khắp các tôn giáo tự xưng theo Đấng Christ đã rời xa các tiêu chuẩn của Kinh Thánh về sự khiêm nhường, chối bỏ, đơn giản và tin kính! John Wesley đã diễn đạt điều đó theo cách này khi nói về cách sử dụng tiền đúng đắn: "Đừng lãng phí bất kỳ phần nào của tài năng quý giá như vậy, chỉ để thỏa mãn sự ham muốn của mắt, vào những bộ quần áo thừa thãi hoặc đất tiền hoặc những đồ trang sức không cần thiết. Đừng tiêu tiền." bất kỳ phần nào của nó để trang trí ngôi nhà của bạn; trong những đồ nội thất đất tiền hoặc không cần thiết; trong những bức tranh, bức tranh và mạ vàng đất tiền." "Đừng có kế hoạch gì để thỏa mãn dục vọng của cuộc sống, để giành được sự ngưỡng mộ hay khen ngợi của đàn ông." "Miễn là bạn làm điều tốt cho chính mình, mọi người sẽ nói tốt về bạn." "Chỉ cần bạn mặc trang phục màu tím và vải lanh mịn, sống xa hoa mỗi ngày, chắc chắn sẽ có nhiều người tán thưởng sở thích tao nhã, sự hào phóng và lòng hiếu khách của bạn. Nhưng đừng mua sự tán thưởng của đàn ông với giá cao như vậy. Đúng hơn, hãy hài lòng với sự vinh hiển đến từ Đức Chúa Trời." Nhưng ở nhiều nhà thờ vào thời ông, việc giảng dạy như vậy lại bị đối xử một cách thờ ơ.

Nghề tôn giáo đã trở nên phổ biến trên thế giới. Những người cai trị, chính trị gia, luật sư, bác sĩ, thương gia, tham gia nhà thờ như một phương tiện để đảm bảo sự tôn trọng và tin cậy của xã hội cũng như thúc đẩy lợi ích trần thế của chính họ. Vì vậy, họ tìm cách che đậy những giao dịch bất chính của mình dưới danh nghĩa Cơ đốc giáo. Các giáo phái tôn giáo đa dạng, được củng cố bởi sự giàu có và ảnh hưởng của những người thế gian đã được rửa tội, thậm chí còn làm nhiều hơn nữa để đạt được sự nổi tiếng và sự bảo trợ lớn hơn. Những nhà thờ lộng lẫy, được tôn tạo theo phong cách xa hoa nhất, được dựng lên trên những đại lộ nổi tiếng nhất. Người thờ cúng mặc trang phục thời trang đắt tiền. Một mục sư tài năng được trả lương cao để chiêu đãi và thu hút mọi người. Những bài giảng của ông không được đề cập đến những tội lỗi phổ biến mà phải mượt mà, dễ nghe đối với những đôi tai sành điệu. Bằng cách này, những người yêu thời trang vô đạo đức sẽ được ghi vào sách nhà thờ và tội lỗi của họ được che giấu dưới sự tuyên xưng lòng đạo đức.

Bình luận về thái độ hiện nay của những người tự xưng là Kitô hữu đối với thế giới, một trong những tờ báo thế tục lớn nói: "Không thể nhận thấy, nhà thờ đã tuân theo tinh thần của thời đại và điều chỉnh các hình thức thờ phượng của mình cho phù hợp với nhu cầu hiện đại". "Tất cả những điều thực sự góp phần làm cho tôn giáo trở nên hấp dẫn, nhà thờ hiện nay đều sử dụng làm công cụ của mình." Và một nhà văn của tờ New York Independent đã nói điều này về Chủ nghĩa Giám lý ngày nay: "Ranh giới ngăn cách giữa người sùng đạo và người không tôn giáo biến mất thành một thứ ánh sáng chạng vạng, và những người nhiệt thành ở cả hai bên đều quyết tâm loại bỏ mọi khác biệt giữa cách sống của bạn. diễn xuất và giải trí." "Sự phổ biến của tôn giáo phần lớn có xu hướng làm tăng số lượng những người mong muốn bảo đảm lợi ích của tôn giáo mà không thành thật thực hiện nghĩa vụ của mình."

Howard Crosby nói: "Nhà thờ của Đức Chúa Trời ngày nay đang ve vãn thế giới. Các thành viên của nó đang cố gắng đưa nó đến mức độ của những kẻ vô đạo. Khiêu vũ, sân khấu, nghệ thuật khỏa thân và dâm dăng, những xa hoa xã hội với tất cả đạo đức phóng khoáng của chúng đang xâm chiếm những giới hạn thiêng liêng." Và để thỏa mãn tính trần tục của mình, những người theo đạo Thiên chúa đang thực hiện nhiều giao dịch liên quan đến thời gian ăn chay, lễ Phục sinh và việc trang trí nhà thờ. , và những người theo đạo Tin lành đang nhanh chóng tiến đến mức phải hứng chịu sự tàn phá tương tự".

Trong làn sóng trần tục và theo đuổi thú vui này, sự hy sinh và hy sinh vì tình yêu của Chúa Kitô gần như hoàn toàn bị mất đi. "Một số nam nữ hiện đang hoạt động trong các nhà thờ của chúng tôi đã được giáo dục, khi còn nhỏ, phải hy sinh để có thể cống hiến hoặc làm điều gì đó cho Đấng Christ." Tuy nhiên, "nếu bây giờ cần tiền... thì không nên yêu cầu ai đưa ra. Ồ không!

Có một hội chợ, những vở kịch, những vở hài kịch, những bữa tối cổ điển hoặc thứ gì đó để ăn - thứ gì đó sẽ khiến mọi người thích thú."

Thống đốc Washburn của Wisconsin, trong thông điệp hàng năm của mình, đã tuyên bố: "Các trưng bày của nhà thờ, các cuộc rút thăm tử thiện, xổ số vì mục đích tử thiện và các mục đích khác, gói giải thưởng và các hình thức phân phát giải thưởng khác thực sự là một điểm nóng của tội phạm. ; chúng là những trò chơi may rủi do chính họ thực hiện." Ông nói rằng tinh thần cờ bạc nguy hiểm được các cơ quan này kích thích, kích động và duy trì, ở một mức độ mà những công dân tốt hầu như không biết đến.

Tinh thần tuân theo thế giới đang xâm chiếm các nhà thờ trên khắp các tôn giáo theo đạo Cơ-đốc. Robert Atkins, trong một bài giảng ở London, đã vẽ ra một bức tranh u ám về sự suy thoái tinh thần phổ biến ở Anh: "Những người công chính thực sự đang biến mất khỏi trái đất, và không ai ghi nhớ điều đó vào lòng họ. Ngày nay, trong mọi nhà thờ, những người tự xưng là tôn giáo là những người yêu thế gian và tuân theo Ngài, họ cũng là những người yêu thích tiện nghi và khao khát trở thành đối tượng được tôn trọng. Họ được mời gọi chịu đau khổ với Chúa Kitô, nhưng họ rút lui trước mọi lời sỉ nhục ... được khắc trên mặt tiền của mỗi nhà thờ. Nếu họ nhận ra điều này, nếu họ cảm nhận được điều này thì có thể có hy vọng, nhưng khi đó họ lại kêu lên: 'Tôi giàu có, tôi giàu có và tôi chẳng thiếu thốn gì'."

Tội lỗi lớn nhất của Ba-by-lôn là nó đã "cho muôn dân uống rượu thanh nộ của sự gian dâm của nó". Chiếc cốc say đắm mà cô ấy tặng cho thế giới này đại diện cho những học thuyết sai lầm mà cô ấy đã áp dụng do mối liên hệ bất chính của cô ấy với những người vĩ đại trên Trái đất. Tình bạn với thế giới đã làm băng hoại đức tin của cô và đến lượt cô, lại gây ra ảnh hưởng băng hoại trên thế giới, dạy thế giới những học thuyết phản đối những khẳng định rõ ràng nhất của Thánh thư.

La Mã đàn áp Kinh thánh của người dân và yêu cầu tất cả mọi người phải chấp nhận lời dạy của họ thay vì chính Kinh thánh. Công việc của cuộc Cải Cách là mang Lời Chúa trở lại với dân chúng. Nhưng, chẳng phải điều đó cũng đúng khi nói rằng trong các nhà thờ của

Có phải con người trong thời đại chúng ta được dạy phải đặt đức tin vào tín điều và giáo lý của giáo phái của họ hơn là vào Kinh thánh không? Charles Beecher, khi nói về các nhà thờ Tin lành, đã nói: "Con người chùn bước trước bất kỳ lời nói thô lỗ nào nói ra chống lại niềm tin của họ, với cùng sự nhạy cảm mà các giáo phụ thánh thiện đã rút lại trước một lời nói hung hăng chống lại việc tôn kính các thánh và các vị tử đạo, mà họ đã làm. Tự nuôi sống mình... Các giáo phái Tin lành vì thế đã trói tay lẫn nhau, cũng như của chính họ, theo cách mà trong số họ, một người tuyệt đối không thể trở thành nhà truyền giáo ở bất cứ đâu nếu không chấp nhận một số sách ngoài Kinh thánh... Không có gì là tưởng tượng trong tuyên bố rằng quyền lực của tín ngưỡng hiện đang bắt đầu cấm Kinh thánh, đúng như những gì La Mã đã làm, mặc dù tình vi hơn nhiều.

Khi những giáo sư trung thành giảng giải Lời Chúa, những người có học thức xuất hiện, những mục sư tuyên bố là hiểu Kinh thánh, những người tố cáo giáo lý đúng đắn là tà giáo, do đó xua đuổi những người tìm kiếm lẽ thật. Nếu thế giới không say sưa say sưa với rượu Babylon, thì nhiều người đã bị thuyết phục và hoán cải bởi những lẽ thật rõ ràng và sâu sắc của Lời Chúa. Nhưng niềm tin tôn giáo dường như quá mơ hồ và mâu thuẫn đến nỗi người ta không biết nên tin vào điều gì là sự thật. Tội không ăn năn của thế giới nằm ngay trước cửa nhà thờ.

Thông điệp của thiên sứ thứ hai trong Khải Huyền 14 lần đầu tiên được rao giảng vào mùa hè năm 1844, sau đó được áp dụng trực tiếp hơn cho các nhà thờ ở Hoa Kỳ, nơi mà lời cảnh báo về sự phán xét đã được công bố rộng rãi nhất và thường bị bác bỏ, cũng như nơi mà sự suy tàn của giáo hội nhà thờ đã nhanh hơn. Tuy nhiên, thông điệp của thiên thần thứ hai đã không đạt được sự ứng nghiệm trọn vẹn vào năm 1844. Các nhà thờ thời đó đã trải qua sự sa sút về mặt đạo đức do từ chối ánh sáng của thông điệp Mùa Vọng; nhưng mùa thu này vẫn chưa trọn vẹn. Bằng cách tiếp tục bác bỏ những sự thật đặc biệt trong thời gian này, chúng đã ngày càng tụt dốc. Tuy nhiên, vẫn chưa thể nói rằng "Babylon đã sụp đổ... kẻ đã bắt tất cả các quốc gia uống rượu thạnh nộ của sự gian dâm của nó". Cô ấy vẫn chưa bắt tất cả các quốc gia uống rượu này. Có một tinh thần tuân theo thế giới và thờ ơ với những sự thật đang thử nghiệm trong thời đại chúng ta, và nó đang có chỗ đứng trong các giáo hội theo đạo Tin Lành, ở tất cả các quốc gia theo đạo Cơ đốc. Và những nhà thờ này được đưa vào lời tố cáo long trọng và khủng khiếp của thiên thần thứ hai. Nhưng công việc bội đạo vẫn chưa đạt đến đỉnh điểm.

Lời Thánh tuyên bố rằng trước khi Chúa đến, Sa-tan sẽ thực hiện "bằng đủ quyền năng, dấu kỳ, phép lạ dối trá, và bằng mọi cách gian dối gian ác"; và "những ai không đón nhận lòng yêu mến lẽ thật để được cứu" sẽ bị phó mặc cho "hoạt động sai lầm, để họ tin vào sự dối trá" (II Têss. 2:9-11). Cho đến khi đạt được điều kiện này và sự hợp nhất của nhà thờ với thế giới được hoàn thành đầy đủ trong khắp các tôn giáo theo đạo Cơ đốc, thì sự sụp đổ hoàn toàn của Babylon sẽ không xảy ra. Sự thay đổi đang diễn ra dần dần và sự ứng nghiệm hoàn hảo của Khải Huyền 14:8 vẫn còn trong tương lai.

Bất chấp bóng tối tâm linh và sự xa lánh Thiên Chúa tồn tại trong các nhà thờ vốn tạo thành Babylon, đại đa số những người theo chân chính của Chúa Kitô vẫn đang hiệp thông với Ngài. Có nhiều người trong số họ chưa bao giờ nghe nói đến những lẽ thật đặc biệt lần này. Không ít người không hài lòng với tình trạng hiện tại của mình và mong mỏi có được ánh sáng rõ ràng hơn. Họ nhìn hình ảnh Chúa Kitô trong các giáo hội mà họ liên kết một cách vô ích. Khi những giáo phái này ngày càng rời xa sự thật và liên minh chặt chẽ hơn với thế giới, sự khác biệt giữa hai giai cấp sẽ ngày càng gia tăng và điều này cuối cùng sẽ dẫn đến sự chia rẽ. Sẽ đến lúc những người hết lòng yêu mến Đức Chúa Trời sẽ không còn liên kết với những người "ưa chuộng sự vui chơi hơn là yêu mến Đức Chúa Trời, bề ngoài giữ điều nhân đức nhưng chối bỏ quyền năng của điều đó".

Khải Huyền chương 18 chỉ ra thời điểm, do việc bác bỏ lời cảnh báo ba lần trong Khải Huyền 14:6-12, hội thánh sẽ hoàn toàn đạt được tình trạng đã được báo trước bởi thiên thần thứ hai, và dân của Đức Chúa Trời vẫn còn ở Ba-by-lôn sẽ được kêu gọi đến tách biệt - sự hiệp thông của họ. Thông điệp này là thông điệp cuối cùng được trao cho thế giới và nó sẽ hoàn thành công việc của mình. Khi những kẻ "không tin lẽ thật, nhưng ưa điều ác" (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:12) bị gạt sang một bên để chấp nhận sự lừa dối lớn lao và tin vào sự dối trá, thì ánh sáng lẽ thật sẽ chiếu sáng trên tất cả những ai có tấm lòng rộng mở. để tiếp nhận nó, và tất cả con cái Chúa còn ở lại Ba-by-lôn sẽ nghe theo lời kêu gọi, "Hỡi dân Ta, hãy ra khỏi thành ấy." (Khải Huyền 18:4).

Chương 22

Lời tiên tri đã ứng nghiệm

Vào mùa xuân năm 1844, khi thời gian đã trôi qua khi lần đầu tiên người ta mong đợi Chúa đến, những ai đã tin tưởng chờ đợi sự hiện đến của Ngài đã có lúc trở thành nạn nhân của sự nghi ngờ và không chắc chắn. Bất chấp sự thật rằng thế gian coi họ như những kẻ bại trận hoàn toàn và cảm thấy rằng họ đã áp ú một ảo tưởng, nguồn an ủi của họ vẫn là Lời Chúa. Nhiều người tiếp tục tra cứu Kinh Thánh, nghiên cứu kỹ các lời tiên tri để hiểu rõ hơn. Lời chứng của Kinh thánh ủng hộ quan điểm của ông dường như rõ ràng và thuyết phục. Những dấu hiệu không thể hiểu sai chỉ ra sự đến gần của Chúa Kitô. Phước lành đặc biệt của Chúa, cả trong việc biến đổi tội nhân lẫn phục hồi đời sống thiêng liêng giữa các Cơ-đốc nhân, đã chứng thực rằng thông điệp đến từ thiên đàng. kinh nghiệm trong quá khứ của bạn.

Xen kẽ với những lời tiên tri mà họ đã coi là áp dụng cho thời điểm đến lần thứ hai, là một hướng dẫn đặc biệt phù hợp với tình trạng không chắc chắn và hoài nghi của họ, khuyến khích họ kiên nhẫn chờ đợi với sự đảm bảo rằng những gì mà bây giờ họ chưa hiểu rõ sẽ được thực hiện. rõ ràng, đúng thời hạn.

Trong số những lời tiên tri này có lời tiên tri của Ha-ba-cúc, chương 2:1-4: "Ta sẽ canh phòng, đứng trên đồn lũy và canh chừng, để xem Đấng đang nói với ta và điều ta sẽ trả lời khi ta bị buộc tội." . Bây giờ Chúa trả lời tôi rằng: Hãy viết khái tượng và viết rõ trên bảng, để ai đi ngang qua cũng có thể đọc được. nói dối. Nếu nó trì hoãn, hãy chờ đợi, vì chắc chắn nó sẽ đến, nó sẽ không trì hoãn. Và kia, tâm hồn nó phồng lên, nó không ngay thẳng trong nó; nhưng người công chính sẽ sống bởi đức tin của mình."

Ngay từ năm 1842, lời hướng dẫn trong lời tiên tri về việc viết khái tượng và làm cho nó dễ đọc trên máy tính bảng, để bất cứ ai đi ngang qua đều có thể đọc được, đã gợi ý cho Charles Fitch chuẩn bị một sơ đồ tiên tri với mục đích minh họa những khái tượng. của Đa-ni-ên và Khải Huyền. Việc xuất bản bức tranh minh họa này được coi là việc hoàn thành mệnh lệnh do Ha-ba-cúc đưa ra. Vào thời điểm đó, không ai nhận thấy rằng sự chậm trễ rõ ràng trong việc ứng nghiệm khái tượng, một thời điểm trì hoãn, đã được trình bày trong cùng một lời tiên tri. Sau sự thất vọng, văn bản này có vẻ rất có ý nghĩa: "Khái tượng vẫn còn trong thời gian đã định, và cho đến cuối cùng, anh ấy sẽ nói, và sẽ không nói dối. Nếu anh ấy chậm trễ, hãy đợi anh ấy, vì anh ấy chắc chắn sẽ đến, anh ấy sẽ không chờ đợi... Người công chính bởi đức tin mình sẽ sống."

Một phần lời tiên tri của Ezekiel cũng là nguồn sức mạnh và niềm an ủi cho những người tin Chúa. "Có lời Đức Giê-hô-va phán với tôi rằng: Hỡi con người, trong đất Y-sơ-ra-ên có lời các người nói rằng: Ngày sẽ dài và mọi khái tượng sẽ biến mất? Vì vậy, hãy nói với chúng rằng: Như vậy Chúa Giê-hô-va phán: ... Những ngày đã đến và lời của mọi khái tượng... Ta sẽ nói, lời ta nói sẽ ứng nghiệm, không hề trì hoãn." "Chúng thuộc nhà Y-sơ-ra-ên nói rằng: Khái tượng mà người này thấy còn kéo dài nhiều ngày, và người nói tiên tri về những thời xa xưa. Vậy nên hãy nói với chúng rằng: Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Chẳng lời nào của ta sẽ bị trì hoãn nữa và lời Thầy đã nói sẽ được ứng nghiệm". (Ê-xê-chiên 12:21-25, 27 và 28).

Những tín hữu trông đợi vui mừng, tin rằng Đấng biết sự cuối cùng ngay từ đầu đã nhìn xuống qua các thời đại và thấy trước sự thất vọng của họ,

ông đã cho họ những lời động viên và hy vọng. Nếu không có những phần Kinh Thánh khuyên nhủ họ hãy kiên nhẫn chờ đợi và giữ lòng tin cậy vững chắc vào Lời Chúa, thì đức tin của họ đã thất bại trong giờ thử thách đó.

Dụ ngôn mười cô trinh nữ trong Ma-thi-ơ 25 cũng minh họa kinh nghiệm của những người Cơ Đốc Phục Lâm. Trong Ma-thi-ơ 24, để trả lời câu hỏi của các môn đồ liên quan đến những dấu hiệu về sự đến và ngày tận thế của Ngài, Đấng Christ đã chỉ ra một số sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử thế giới và hội thánh, từ lần đến thứ nhất đến lần thứ hai của Ngài. , chẳng hạn như: sự tàn phá của Jerusalem, cơn đại nạn của nhà thờ dưới sự đàn áp của giáo hoàng và ngoại giáo, sự tối tăm của Mặt trời và Mặt trăng, và sự sụp đổ của các ngôi sao. Sau đó, Ngài nói về việc Ngài đến trong vương quốc của Ngài và đề xuất dụ ngôn mô tả hai loại đầy tớ đang chờ đợi sự xuất hiện của Ngài. Chương 25 mở đầu bằng những lời này: "Rồi nước thiên đàng sẽ giống như mười trinh nữ". Ở đây, hội thánh sống trong những ngày sau rốt được chỉ ra, cũng chính là hội thánh được đề cập ở cuối chương 24. Trong dụ ngôn này, trải nghiệm của hội thánh được minh họa bằng những sự kiện trong một đám cưới ở phương Đông.

"Khi ấy, Nước Trời sẽ giống như chuyện mười cô trinh nữ cầm đèn đi đón chàng rể. Trong đó có năm cô khôn và năm cô dại. Những người đàn bà điên mang theo đèn mà không mang theo dầu. Nhưng người khôn ngoan mang theo dầu trong bình cùng với đèn. Khi chàng rể đến muộn, mọi người đều ngủ và ngủ say, nhưng đến nửa đêm có tiếng kêu: Chàng rể đến, ra đón".

Sự xuất hiện của Chúa Kitô, như được thông báo bởi thông điệp của thiên thần đầu tiên, được hiểu là tượng trưng cho sự xuất hiện của chàng rể. Cuộc cải cách sâu rộng dưới sự công bố về sự tái lâm sắp xảy ra của Ngài cũng diễn ra song song với sự ra đi của các trinh nữ. Trong dụ ngôn này, cũng như trong Ma-thi-ơ 24, có hai giai cấp được đại diện. Tất cả họ đều cầm đèn, Kinh thánh, và dưới ánh sáng của nó, họ đi ra đón chàng rể. Nhưng trong khi "kẻ dại cầm đèn mà không mang dầu theo", "người khôn mang theo dầu trong bình và đèn của mình". Lớp cuối cùng đã nhận được ân sủng của Thiên Chúa và quyền năng tái sinh, soi sáng của Chúa Thánh Thần, biến Lời Ngài thành ngọn đèn cho đôi chân và ánh sáng soi đường. Trong lòng kính sợ Thiên Chúa, họ đã nghiên cứu Kinh Thánh để tìm hiểu sự thật, và với lòng nhiệt thành cao cả, họ tìm kiếm sự trong sạch trong tâm hồn và cuộc sống. Họ có kinh nghiệm cá nhân, niềm tin vào Chúa và Lời của Ngài, những điều không thể bị phá hủy bởi sự thất vọng và chậm trễ. Những người khác thì "mang đèn mà không mang theo dầu". Những thứ này đã được di chuyển một cách ngẫu hứng. Nỗi sợ hãi của họ đã được kích thích bởi thông điệp long trọng, nhưng họ đã phụ thuộc vào đức tin của anh em mình và hài lòng với ánh sáng lung linh của những cảm xúc tốt đẹp, không có sự hiểu biết đầy đủ hơn về sự thật và về công việc ân sủng đích thực trong Chúa. trái tim. Họ đã ra đi để gặp Chúa, tràn đầy hy vọng vào triển vọng được phần thưởng ngay lập tức; nhưng họ đã không chuẩn bị cho sự chậm trễ và thất vọng. Khi thử thách đến, đức tin của họ thất bại và ánh sáng của họ bị tối tăm.

"Và khi chú rể đến muộn, tất cả đều ngủ và ngủ quên." Sự chậm trễ của chú rể tượng trưng cho thời gian trôi qua mà Chúa được mong đợi, sự thất vọng và sự chậm trễ rõ ràng. Trong thời điểm bất ổn này, sự quan tâm của những người hời hợt và hời hợt. sự thờ ơ chẳng bao lâu bắt đầu sụp đổ, và những nỗ lực của họ yếu đi, nhưng những người có đức tin dựa trên sự hiểu biết cá nhân về Kinh thánh thì có một tảng đá dưới chân mà những làn sóng thất vọng không thể lay chuyển được. một lớp thờ ơ và từ bỏ đức tin, một lớp khác kiên nhẫn chờ đợi cho đến khi ánh sáng rõ ràng hơn đến với họ, tuy nhiên, vào đêm thử thách, lớp cuối cùng dường như đã thua cuộc, ở một mức độ nhất định.

điểm, lòng nhiệt thành và sự tận tâm của anh ấy. Những kẻ phù phiếm và thờ ơ không còn có thể đứng vững trong đức tin của anh em mình. Mọi người đều cần phải tự mình đứng lên hoặc ngã xuống.

Lúc này, chủ nghĩa cuồng tín bắt đầu xuất hiện. Một số người tự nhận là những tín đồ sốt sắng trong thông điệp đã từ chối Lời Chúa như sự hướng dẫn duy nhất không thể sai lầm, và cho rằng mình được Thánh Linh dẫn dắt, họ đã để mình kiểm soát cảm xúc, ấn tượng và trí tưởng tượng của chính mình. Có một số người tỏ ra sốt sắng mù quáng và cuồng tín, lên án tất cả những ai không chấp thuận thủ tục của họ. Những ý tưởng và hành động cuồng tín của họ không tìm được sự đồng cảm trong đại hội lớn những người Cơ Đốc Phục Lâm, nhưng họ lại mang đến sự sỉ nhục cho chính nghĩa của sự thật.

Bằng những cách này, Sa-tan đang tìm cách chống lại công tác của Đức Chúa Trời và khiến nó bị hủy diệt. Người dân đã bị khuấy động mạnh mẽ bởi phong trào Cơ Đốc Phục Lâm và hàng ngàn tội nhân đã được cải đạo. Những người trung thành tận tâm cố gắng cho công việc rao giảng sự thật, ngay cả trong những lúc trì hoãn. Hoàng tử tà ác đang mất đi thần dân của mình, và để gây ra sự sỉ nhục cho chính nghĩa của Thiên Chúa, hắn đã tìm cách lừa dối một số người tuyên xưng đức tin để thực hành những điều cực đoan. Các đặc vụ của nó đã sẵn sàng phát hiện mọi lỗi lầm, lỗi lầm và hành động bất tiện, đồng thời công bố chúng theo những quan điểm cường điệu nhất để khiến những người Cơ Đốc Phục Lâm và đức tin của họ trở nên ghê tởm.

Vì vậy, càng nhiều người tuyên xưng đức tin vào lần đến thứ hai, trong khi quyền lực của ông kiểm soát trái tim họ thì ông càng thu được lợi thế lớn trong việc kêu gọi sự chú ý đến họ với tư cách là đại diện của toàn thể tín đồ.

Satan là "kẻ buộc tội anh em chúng ta", và chính tinh thần của hắn đã thôi thúc con người dò xét những lỗi lầm và khuyết điểm của dân Chúa và đưa chúng ra ánh sáng, trong khi những việc làm tốt của họ bị bỏ qua. Ngài luôn tích cực khi Thiên Chúa làm việc để cứu rỗi các linh hồn. Khi con cái Đức Chúa Trời ra mắt Chúa, Sa-tan cũng đi vào giữa họ. Vào mỗi cuộc phục hưng, ông sẵn sàng giới thiệu những người có tâm lòng không thánh thiện và tâm trí không cân bằng. Khi những người này chấp nhận một số điểm của lễ thật và có được một vị trí trong số những người tin tưởng, anh ta sẽ thông qua họ để đưa ra những lý thuyết nhằm đánh lừa những người bất cẩn. Không một người nào chúng tỏ mình là một Cơ-đốc nhân chân chính bằng cách được kết hợp với con cái Đức Chúa Trời, ngay cả trong nhà thờ và quanh bàn ăn của Chúa. Satan thường được tìm thấy ở đó vào những dịp trang trọng nhất, dưới hình dạng những người mà hắn có thể sử dụng làm tay sai cho mình.

Hoàng tử tà ác tranh giành từng tấc đất mà dân Chúa trên đó tiến tới trên hành trình hướng tới thành phố trên trời. Trong toàn bộ lịch sử của Giáo hội, không có cuộc cải cách nào được tiến hành mà không gặp phải những trở ngại nghiêm trọng. Vì vậy, đó là vào thời của Phao-lô.

Bất cứ nơi nào thánh tông đồ xây dựng nhà thờ, có một số người tuyên bố đón nhận đức tin, nhưng lại xâm nhập vào các tà giáo mà nếu được chấp nhận thì cuối cùng sẽ dập tắt lòng yêu mến chân lý.

Luther cũng phải chịu đựng sự bối rối và đau khổ lớn lao trước hành vi của những người cuồng tín, những người tự nhận mình là người phát ngôn trực tiếp cho Chúa và do đó, họ đặt ý tưởng và quan điểm của riêng mình lên trên lời chứng của Kinh thánh. Nhiều người thiếu đức tin và kinh nghiệm, nhưng lại có sự tự tin đáng kể và thích nghe hoặc kể một số tin tức, đã bị lừa dối bởi những lời giả vờ của các giáo viên mới và đã cùng với các tay sai của Satan thực hiện công việc phá bỏ những gì Chúa đã thúc giục Luther nêu lên. . Và gia đình Wesley cùng những người khác đã ban phước cho thế giới bằng ảnh hưởng và đức tin của họ, từng bước phải đối mặt với sự lừa dối của Sa-tan, kẻ đã dẫn dắt những người không cân bằng, cực đoan và không thánh thiện đến đủ loại chủ nghĩa cuồng tín.

Guilherme Miller không hề có thiện cảm với những ảnh hưởng dẫn tới chủ nghĩa cuồng tín. Ông tuyên bố, cũng như Luther, rằng mọi tinh thần đều phải được Lời Chúa kiểm tra. "Ma quỷ có quyền lực rất lớn đối với tâm trí của một số người trong thời đại chúng ta. Và làm sao chúng ta biết họ thuộc về thần linh nào? Kinh thánh trả lời: 'Nhìn vào trái của chúng, bạn sẽ nhận biết được chúng.'" thế giới, và chúng tôi được lệnh

Thử chúng đi. Tinh thần không hướng dẫn chúng ta sống tiết độ, công chính và tin kính trong thế giới ngày nay không phải là Thánh Linh của Đấng Christ. Tôi ngày càng tin chắc rằng Sa-tan có liên quan nhiều đến những phong trào mất trật tự này". "Nhiều người trong chúng ta tuyên bố mình đã được thánh hóa hoàn toàn đang theo truyền thống của loài người và dường như không biết gì về lẽ thật giống như những người khác không đưa ra những tuyên bố như vậy." "Tinh thần sai lầm sẽ dẫn chúng ta xa khỏi lẽ thật, và Thánh Linh của Đức Chúa Trời sẽ dẫn chúng ta đến lẽ thật. Nhưng, bạn hãy nói xem, một người có thể mắc lỗi lầm và nghĩ rằng mình có lẽ thật. Sau đó thì sao? Chúng tôi trả lời: Thánh Thần và Ngôi Lời đồng ý. Nếu một người tự xét đoán mình theo Lời Chúa và tìm thấy sự hòa hợp hoàn hảo trong Lời Chúa, thì người đó có thể tin rằng mình ở trong lẽ thật; nhưng, nếu anh ta phát hiện ra rằng tinh thần mà anh ta được dẫn dắt không hài hòa với toàn bộ nội dung của luật pháp hoặc Sách của Chúa, thì anh ta hãy bước đi cẩn thận để không rơi vào bẫy của ma quỷ." "Tôi thường thu được nhiều bằng chứng về lòng đạo đức nội tâm từ một cái nhìn được soi sáng, một khuôn mặt đầm nước mắt, một lời nói đứt quãng hơn là từ tất cả những ồn ào của Kitô giáo."

Trong thời kỳ Cải cách, kẻ thù của nó đã đổ lỗi cho tất cả những tệ nạn của chủ nghĩa cuồng tín đối với những người đang nỗ lực chống lại nó. Những người phản đối phong trào Cơ Đốc Phục Lâm cũng có thái độ tương tự. Và không hài lòng với việc xuyên tạc và ngoại suy những sai sót của những kẻ cực đoan và cuồng tín, họ còn tung ra những tin đồn bất lợi không có chút sự thật nào. Những người này bị thúc đẩy bởi thành kiến và hận thù. Sự bình an của họ bị xáo trộn bởi lời công bố rằng Chúa Kitô đang ở trước cửa. Họ lo sợ điều này có thể đúng và hy vọng nó không phải như vậy, và đây là lý do dẫn đến cuộc chiến chống lại những người Cơ Đốc Phục Lâm và đức tin của họ.

Việc một số người cuồng tín đã thâm nhập vào hàng ngũ những người Cơ Đốc Phục Lâm không phải là lý do chính đáng hơn để quyết định rằng phong trào này không đến từ Chúa, xét đến sự hiện diện của những kẻ cuồng tín và lừa dối trong hội thánh vào thời Phao-lô hoặc Luther, điều này cũng không có lý do gì để bào chữa. đủ để lên án công việc của họ. Xin cho dân Chúa thức tỉnh và nhiệt thành bắt đầu công cuộc sám hối và cải cách; hãy tra cứu Kinh Thánh để tìm hiểu sự thật nơi Chúa Giêsu; dâng mình trọn vẹn cho Đức Chúa Trời, và sẽ không thiếu bằng chứng cho thấy Sa-tan vẫn còn hoạt động và cảnh giác. Với tất cả sự lừa dối có thể, anh ta sẽ thể hiện sức mạnh của mình, kêu gọi sự giúp đỡ của các thiên thần sa ngã trong vương quốc của anh ta.

Không phải lời công bố về cuộc tái lâm đã tạo ra sự cuồng tín và chia rẽ. Những điều này xuất hiện vào mùa hè năm 1844, khi những người theo đạo Cơ Đốc Phục Lâm bị nghi ngờ và bối rối về vị trí thực sự của họ. Việc rao giảng sứ điệp của thiên thần đầu tiên và "tiếng kêu lúc nửa đêm" có xu hướng trực tiếp trấn áp sự cuồng tín và chia rẽ, những người tham gia các phong trào long trọng này đều hòa hợp. Tâm hồn họ tràn ngập tình yêu dành cho nhau và cho Chúa Giêsu, Đấng mà họ hy vọng sẽ sớm được nhìn thấy. Một đức tin, một niềm hy vọng hạnh phúc, đã nâng họ lên trên sự kiểm soát của bất kỳ ảnh hưởng nào của con người, chứng tỏ họ là một lá chắn chống lại sự tấn công của Sa-tan.

"Khi chàng rể đến, mọi người đều ngủ và ngủ thiếp đi. Nhưng đến nửa đêm có tiếng kêu: Chàng rể đến, tôi ra đón. Bấy giờ tất cả các trinh nữ đều chỗi dậy, sửa đèn của mình." (Ma-thi-ơ 25:5-7). Vào mùa hè năm 1844, giữa khoảng thời gian được coi là kết thúc 2.300 ngày và mùa thu cùng năm, cho đến khoảng thời gian được phát hiện sau này được cho là sẽ kéo dài, thông điệp đã được công bố đúng như lời Kinh Thánh: "Chàng Rể đến đây!"

Điều thúc đẩy phong trào này là việc phát hiện ra rằng sắc lệnh của Artaxerxes về việc khôi phục Jerusalem, vốn là điểm khởi đầu cho thời kỳ

2.300 ngày, có hiệu lực vào mùa thu năm 457 trước Công nguyên, chứ không phải vào đầu năm như đã được cân nhắc lúc đầu. Bắt đầu đếm từ mùa thu năm 457, 2.300 năm kết thúc vào mùa thu năm 1844.

Các lập luận dựa trên các biểu tượng trong Cựu Ước cũng chỉ ra rằng mùa thu là thời điểm diễn ra sự kiện tượng trưng cho việc "thanh lọc thánh địa". Điều này trở nên rất rõ ràng khi sự chú ý chuyển sang cách ứng nghiệm các biểu tượng liên quan đến sự đến lần thứ nhất của Chúa Kitô.

Sự hy sinh của con chiên Vượt Qua là hình bóng của cái chết của Chúa Kitô. Phao-lô nói: "Chúa Kitô, Lễ Vượt Qua của chúng ta, đã hy sinh vì chúng ta". (I Cô-rinh-tô 5:7). Bó lúa đầu mùa được đưa ra đũa qua đũa lại trước mặt Chúa vào dịp lễ Phục sinh, tượng trưng cho sự phục sinh của Đấng Christ. Phao-lô tuyên bố khi nói về sự phục sinh của Chúa và toàn thể dân Ngài: "Đấng Christ là trái đầu mùa, sau đó là những kẻ thuộc về Đấng Christ khi Ngài đến". (I Cô-rinh-tô 15:23).

Tượng tự như bó lúa vẫy tay, là bó lúa chín đầu tiên trước mùa gặt, Đấng Christ là trái đầu mùa của mùa gặt bất tử của những người được cứu chuộc, những người trong sự sống lại trong tương lai sẽ được tập hợp vào kho thóc thiêng liêng.

Những hình bóng này đã được ứng nghiệm không chỉ về sự kiện mà còn về thời gian. Vào ngày thứ mười bốn của tháng đầu tiên của người Do Thái, chính ngày và tháng mà trong mười lăm thế kỷ dài, Chiên Con Vượt Qua đã bị giết, Chúa Kitô, sau khi dự Lễ Vượt Qua với các môn đệ, đã thiết lập lễ hội để tưởng nhớ chính Ngài. cái chết là "Chiên Thiên Chúa Đấng xóa tội trần gian". Cũng trong đêm đó, Ngài bị bàn tay độc ác giam cầm, bị đóng đinh và bị giết. Và, như hình bóng của những bó lúa vẫy, Chúa chúng ta đã sống lại từ cõi chết vào ngày thứ ba, là "trái đầu mùa của những kẻ ngủ" (1 Cô-rinh-tô 15:20), một tấm gương về tất cả những người công chính được sống lại mà "thân thể bị giết" sẽ được biến đổi, nên giống thân xác vinh hiển của Ngài"

(Phi-líp 3:21).

Theo cách tượng tự, những hình thức đề cập đến lần đến thứ hai phải được thực hiện vào thời điểm được chỉ định bởi buổi lễ tượng trưng. Trong hệ thống Môi-se, việc thanh tẩy nơi thánh hay ngày đại chuộc tội xảy ra vào ngày thứ mười của tháng thứ bảy Do Thái (Lê-vi Ký 16:29-34), khi thầy tế lễ thượng phẩm làm lễ chuộc tội cho toàn dân Y-sơ-ra-ên và do đó xóa bỏ tội lỗi của họ khỏi nơi thánh, ông đi ra và chúc phước cho dân chúng. Vì vậy, người ta tin rằng Chúa Kitô, Thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta, sẽ xuất hiện để thanh lọc trái đất bằng cách tiêu diệt tội lỗi và những người tội lỗi, đồng thời ban thưởng sự bất tử cho những người đang mong đợi Ngài. Ngày mười tháng bảy, ngày đại lễ chuộc tội, thời gian thanh tẩy thánh đường, năm 1844 rơi vào ngày 22 tháng 10, được hiểu là thời điểm Chúa đến. Điều này phù hợp với bằng chứng đã được đưa ra rằng 2.300 ngày sẽ kết thúc vào mùa thu và kết luận dường như không thể cưỡng lại được.

Trong dụ ngôn của Ma-thi-ơ 25, sau thời gian chờ đợi và buồn ngủ là lúc Chàng Rể đến. Điều này phù hợp với những lập luận được trình bày, cả từ lời tiên tri lẫn từ các biểu tượng. Họ truyền tải niềm tin chắc chắn về tính chân thực của mình; và "tiếng kêu lúc nửa đêm" được hàng nghìn tín đồ công bố.

Như sóng biển, phong trào lan rộng khắp cả nước. Ông đi từ thành phố này sang thành phố khác, từ làng này sang làng khác, đến những vùng xa xôi nhất của đất nước, cho đến khi dân Chúa đang trông đợi hoàn toàn thức tỉnh. Sự cuồng tín biến mất trước lời tuyên bố này, giống như sương sớm trước khi mặt trời mọc. Những người có đức tin nhận thấy những nghi ngờ và bối rối của họ được loại bỏ, niềm hy vọng và lòng can đảm làm sống động trái tim họ.

Công việc không có những thái cực luôn bộc lộ khi có sự phấn khích của con người mà không có sự kiểm soát của Lời và Thánh Linh của Đức Chúa Trời.

Về đặc điểm, nó giống như thời kỳ sỉ nhục và trở về với Chúa, thời kỳ ở Israel cổ đại, tuân theo những thông điệp cảnh báo từ các tôi tớ của Ngài. Nó mang những đặc điểm luôn đánh dấu công tác của Đức Chúa Trời trong mọi thời đại. Có

một chút niềm vui ngây ngất, nhưng sâu sắc hơn trong việc tìm kiếm con tim, thú nhận tội lỗi và từ bỏ thế gian. Chuẩn bị gặp Chúa là gánh nặng của những linh hồn đang hấp hối. Có sự cầu nguyện bền bỉ và sự dâng mình hoàn toàn cho Chúa.

Khi mô tả tác phẩm đó, Miller tuyên bố: "Không có biểu hiện nào của niềm vui; nó như thể bị trì hoãn đến một thời điểm trong tương lai, khi cả Trời và Đất sẽ cùng nhau vui mừng, với niềm vui khôn tả, tràn đầy vinh quang. Không có lời tung hô: những điều đó cũng được dành riêng cho Thiên đàng. Các ca sĩ im lặng; họ chờ đợi để gia nhập vào đoàn thiên thần, ca đoàn thiên đường. Không có xung đột cảm xúc: tất cả đều có cùng một trái tim và khối óc." Một người tham gia phong trào khác đã làm chứng: "Nó tạo ra ở khắp mọi nơi sự tìm kiếm sâu sắc nhất trong trái tim và sự khiêm tốn của tâm hồn. Nó tạo ra sự khinh miệt đối với những thứ của thế giới này, sự cô lập khỏi những tranh cãi và thù địch, thú nhận tội lỗi lầm, chán nản trước Chúa và những lời cầu xin". của những tấm lòng sám hối với Ngài để được tha thứ và chấp nhận. Việc rao giảng đã gây ra sự hạ mình và phủ phục của tâm hồn mà chúng ta chưa từng chứng kiến trước đây. Như Chúa đã truyền dạy qua tiên tri Giô-ên, khi ngày trọng đại của Đức Chúa Trời đến gần, nó tạo ra sự xé nát của trái tim chứ không phải quần áo, và trở về với Chúa bằng cách kiêng ăn, khóc lóc và than thở. Như Đức Chúa Trời đã phán qua tiên tri Xa-cha-ri, thần khí ân sủng và lời cầu xin đã đổ xuống trên con cái Ngài, họ nhìn lên Đấng họ đã đam mê, có sự than thở lớn lao trên Trái đất... và những người chờ đợi Chúa đều phải chịu đau khổ trước mặt Ngài."

Trong số tất cả các phong trào tôn giáo lớn kể từ thời các sứ đồ, không có phong trào nào thoát khỏi sự bất toàn của con người và sự lừa dối của Satan hơn sự sụp đổ năm 1844. Ngay cả ngày nay, sau nhiều năm trôi qua, tất cả những ai là thành viên của phong trào đó và là những người đứng vững trên nền tảng lẽ thật, vẫn cảm nhận được ảnh hưởng thiêng liêng của công việc đầy phước lành đó, và làm chứng rằng công việc đó đến từ Thượng Đế.

Khi có tiếng kêu: "Chàng Rể đến đây, hãy ra đón Người", người chờ đợi "đứng dậy sửa đèn"; Họ nghiên cứu Lời Chúa với sự quan tâm sâu sắc chưa từng thấy trước đây. Các thiên thần được gửi đến từ Thiên đường để đánh thức những người đang chán nản và chuẩn bị cho họ đón nhận thông điệp. Công việc này không được thực hiện bởi sự khôn ngoan và hiểu biết của con người mà bởi quyền năng của Đức Chúa Trời. Không phải những người tài năng nhất, nhưng những người khiêm tốn và tận hiến nhất mới là những người đầu tiên nghe và tuân theo tiếng gọi. Nông dân bỏ hoa màu trên đồng, thợ cơ khí đặt dụng cụ xuống và vui mừng rơi nước mắt để đưa ra lời cảnh báo.

Những người ban đầu quản lý chính nghĩa nằm trong số những người cuối cùng tham gia phong trào này. Nói chung, các nhà thờ đã đóng cửa trước thông điệp này và một số lượng lớn những người đã nhận được nó đã rút lui khỏi họ. Trong sự quan phòng của Thiên Chúa, lời tuyên bố này đã kết hợp với sứ điệp của thiên thần thứ hai và mang lại sức mạnh cho công việc.

Thông điệp "Chàng Rể đến đây" không phải là vấn đề gây tranh cãi, mặc dù bằng chứng của Kinh thánh rất rõ ràng và có tính thuyết phục. Cô ấy được đi kèm với một sức mạnh thúc đẩy chạm đến tâm hồn. Không có sự nghi ngờ hay thắc mắc nào cả. Nhân dịp Chúa Kitô khải hoàn tiến vào Giêrusalem, dân chúng từ khắp nơi trên Trái đất tụ tập để tham gia lễ hội, đã đổ về Núi Ô-liu và cùng với đám đồng hộ tống Chúa Giêsu, họ đã bị choáng ngợp bởi sự phấn khích của sự kiện đó. giờ, và giúp làm tăng thêm tiếng kêu: "Chúc tụng Đấng nhân danh Chúa mà đến". (Ma-thi-ơ 21:9). Tương tự như vậy, những người không tin tụ tập tại các buổi họp của Cơ Đốc Phục Lâm—một số vì tò mò, số khác chỉ nhằm mục đích chế nhạo—cảm nhận được sức mạnh thuyết phục của thông điệp: "Chàng Rể đến đây!"

Vào thời điểm đó, có đức tin nhận được sự đáp lời cho lời cầu nguyện - đức tin hưởng tới phần thưởng. Như mưa xối xả trên mặt đất khô cằn, Thánh Thần ân sủng ngự xuống

cho những ai nhiệt thành tìm kiếm Ngài. Những ai đang hy vọng sớm được mặt đối mặt với Đấng Cứu Chuộc của mình đều cảm thấy một niềm vui long trọng và không tả xiết. Quyền năng chuyển động của Đức Thánh Linh đã làm mềm lòng những tấm lòng khi Ngài ban phước lành dồi dào cho những tín đồ trung thành.

Một cách cẩn thận và trang trọng, những người nhận được tin nhắn đã đến thời điểm họ mong đợi được gặp Chúa của mình. Mỗi buổi sáng, họ cảm thấy nhiệm vụ đầu tiên của mình là phải đảm bảo mình được Chúa chấp nhận. Tâm hồn họ đoàn kết chặt chẽ và họ cầu nguyện rất nhiều cho nhau. Họ thường tụ tập ở những nơi hẻo lánh để giao tiếp với Chúa, và tiếng cầu nguyện từ đồng ruộng và rừng cây vọng lên Thiên đàng. Đối với họ, sự chần chừ về sự chấp thuận của Đấng Cứu Rỗi cần thiết hơn cả thức ăn hàng ngày, và nếu có bất cứ điều gì khiến tinh thần họ u ám, họ sẽ không nghỉ ngơi cho đến khi nó biến mất. Cảm nhận được chứng tá của ân sủng tha thứ, họ khao khát được nhìn thấy Đấng mà tâm hồn họ yêu mến.

Nhưng một lần nữa họ lại phải chịu thất vọng. Thời gian mong đợi trôi qua mà Đấng Cứu Thế vẫn chưa xuất hiện. Với niềm tin tưởng không thể lay chuyển, họ đã chờ đợi Chúa đến, và bây giờ họ cảm thấy như Đức Maria đến mộ Đấng Cứu Thế và thấy nó trống rỗng, kêu lên trong nước mắt: "Người ta đã lấy mất Chúa của tôi rồi, và tôi không biết họ để Người ở đâu". (Giăng 20:13).

Một cảm giác sợ hãi, nỗi sợ hãi rằng thông điệp đó có thể là sự thật, đã tạm thời kiềm chế thế giới vô tín. Sau một thời gian, cảm giác này không biến mất ngay lập tức. Lúc đầu họ không dám chiến thắng những người thất vọng. Nhưng vì không thấy có dấu hiệu nào cho thấy cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời nên họ đã thoát khỏi nỗi sợ hãi và tiếp tục thái độ trách móc và chế giễu.

Một tầng lớp đông đảo từng tuyên bố tin vào sự sắp đến của Chúa đã từ bỏ đức tin của mình. Một số người từng tự tin lại bị tổn thương sâu sắc bởi lòng kiêu hãnh của mình đến mức dường như họ bị xa lánh khỏi thế giới. Giống như Giô-na, họ phàn nàn về Thiên Chúa và thích cái chết hơn là sự sống. Những người trước đây có đức tin dựa trên ý kiến của người khác chứ không phải Lời Chúa giờ đây lại sẵn sàng thay đổi quan điểm của mình. Những kẻ chế nhạo đã lôi kéo những kẻ yếu đuối và hèn nhát vào hàng ngũ của chúng, và tất cả những người này thống nhất tuyên bố rằng bây giờ sẽ không còn nỗi sợ hãi hay kỳ vọng nào nữa. Thời gian đã trôi qua, Chúa vẫn chưa đến và thế giới có thể vẫn như cũ trong hàng ngàn năm.

Những tín hữu nhiệt thành và chân thành đã từ bỏ mọi thứ vì Đấng Christ, và cảm nhận được sự hiện diện của Ngài hơn bao giờ hết. Như họ tin, họ đã truyền đạt lời cảnh báo cuối cùng cho thế giới và mong đợi sẽ sớm được đón nhận vào sự đồng hành của Thầy thiên liêng và các thiên thần trên trời. Ở một mức độ lớn, họ đã tách mình ra khỏi nhóm những người không nhận được tin nhắn. Với lòng khao khát mãnh liệt, họ đã cầu nguyện: "Lạy Chúa Giêsu, xin hãy đến mau". Nhưng Ngài đã không đến. Và giờ đây, phải chịu lại gánh nặng của những lo toan và bối rối trong cuộc sống, chịu đựng sự mỉa mai và khinh miệt của thế giới chế giễu, đó là một thử thách khủng khiếp đối với đức tin và sự kiên nhẫn.

Tuy nhiên, sự thất vọng này không lớn bằng nỗi thất vọng mà các môn đệ đã trải qua vào thời điểm Chúa Kitô hiện đến lần đầu tiên. Khi Chúa Giê-su đắc thắng tiến vào Giê-ru-sa-lem, những người theo Ngài tin rằng Ngài sắp lên ngôi Đa-vít và giải phóng dân Y-sơ-ra-ên khỏi những kẻ áp bức. Tràn đầy hy vọng và hân hoan chờ đợi, họ tranh nhau cơ hội tôn vinh Vua mình, nhiều người trải áo ngoài như tấm thảm dọc đường Chúa Kitô đi, hoặc đặt những cành lá cọ trước mặt Ngài. Trong niềm hân hoan nhiệt thành, họ cùng nhau tung hô: "Hoan hô Con Vua Đa-vít!" Khi những người Pha-ri-sêu bối rối và khó chịu vì sự vui mừng bộc phát này, muốn Chúa Giêsu quở trách các môn đệ, Người đáp: "Nếu họ im lặng, đá sẽ kêu lên". (Lu-ca 19:40).
Lời tiên tri nên

hoàn thành. Các môn đệ đang phục vụ mục đích thiêng liêng. Tuy nhiên, họ đã phải chịu sự thất vọng cay đắng. Trong vòng vài ngày họ sẽ chứng kiến cái chết đau đớn của Đấng Cứu Rỗi và chôn Ngài trong mồ. Những mong đợi của họ đã không được thực hiện dù chỉ một điều cụ thể, và niềm hy vọng của họ đã chết cùng với Chúa Giê-su.

Cho đến khi Chúa của họ sống lại một cách khả hoàn từ trong mộ, họ không thể nhận ra rằng mọi điều đã được báo trước trong lời tiên tri, và "rằng Đấng Christ phải chịu đau khổ và sống lại từ cõi chết" (Cv 17:3).

Năm thế kỷ trước đó, Chúa đã tuyên bố qua tiên tri Xa-cha-ri: "Hỡi thiếu nữ Sion, hãy vui mừng khôn xiết; hãy vui mừng đi, hỡi thiếu nữ Giê-ru-sa-lem; kia, Vua của người, Đấng công chính và là Đấng Cứu Độ, nghèo khổ và cõi lữa, sẽ đến với người". con lữa, con của con lữa." (Xa 9:9). Nếu các môn đồ nhận ra rằng Đấng Christ đang hướng tới sự phán xét và cái chết của Ngài thì họ đã không ứng nghiệm lời tiên tri này.

Tương tự như vậy, William Miller và những người bạn đồng hành của ông đã ứng nghiệm lời tiên tri và công bố thông điệp mà Inspiration đã tiên đoán rằng họ sẽ đưa ra cho thế giới, nhưng nếu họ đã hiểu hết những lời tiên tri bộc lộ sự thất vọng của họ và một thông điệp khác phải được công bố cho tất cả các quốc gia. trước khi Chúa đến, họ đã không thực hiện công việc. Thông điệp của thiên thần thứ nhất và thứ hai đã được đưa ra đúng thời điểm và hoàn thành công việc mà Đức Chúa Trời dự định họ hoàn thành.

Thế giới đã theo dõi với hy vọng rằng nếu thời gian trôi qua và Đấng Christ không đến thì toàn bộ hệ thống Cơ Đốc Phục Lâm sẽ bị bỏ rơi. Nhưng trong khi nhiều người, dưới sự cảm dỗ mạnh mẽ, đã đầu hàng đức tin của mình, thì vẫn có một số người vẫn kiên định. Hoa quả của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm: tinh thần khiêm nhường và tìm kiếm trong tâm hồn, từ bỏ thế gian và cải cách đời sống, đi kèm với công việc, đã làm chứng rằng đó là công việc của Thiên Chúa. Họ không dám phủ nhận rằng quyền năng của Đức Thánh Linh đã làm chứng cho lời rao giảng về sự đến lần thứ hai, và họ không thể tìm thấy bất kỳ sai sót nào trong cách tính toán của họ về các thời kỳ tiên tri. Những đối thủ có năng lực nhất của ông cũng không thể phá hủy hệ thống giải thích tiên tri của ông. Họ không thể, nếu không có bằng chứng Kinh Thánh, từ bỏ những quan điểm đã đạt được nhờ sự nghiên cứu Kinh Thánh nhiệt thành và tận tâm, được thực hiện bởi tâm trí được soi sáng bởi Thánh Linh của Đức Chúa Trời và tấm lòng bùng sáng bởi quyền năng sống của Ngài; những lập trường đã đứng vững trước sự chỉ trích gay gắt nhất và sự phản đối gay gắt nhất của các giáo sư tôn giáo bình dân và các nhà hiền triết trên thế giới này, và đã đứng vững trước sức mạnh tổng hợp của khoa học và tài hùng biện, cũng như sự sỉ nhục và khinh miệt của những người nổi tiếng và của những người lớp khiêm tốn.

Thực sự đã có sai sót liên quan đến sự kiện được mong đợi, nhưng ngay cả điều này cũng không thể làm lung lay niềm tin của anh vào Lời Chúa. Khi Giô-na tuyên bố trên đường phố Ni-ni-ve rằng trong vòng bốn mươi ngày thành phố sẽ bị lật đổ, Chúa đã chấp nhận sự sỉ nhục của dân Ni-ni-ve và kéo dài thời gian ân sủng của họ. Tuy nhiên, thông điệp của Giô-na đến từ Đức Chúa Trời và Ni-ni-ve đã bị thử thách theo ý muốn của Ngài. Những người Cơ Đốc Phục Lâm tin rằng Đức Chúa Trời cũng đã sai họ đến để đưa ra lời cảnh báo về sự phán xét theo cách tương tự. Họ nói: "Bà đã thử thách trái tim của tất cả những ai nghe bà, khơi dậy ước muốn về sự xuất hiện của Chúa, hoặc tạo ra ít nhiều sự căm ghét rõ ràng, nhưng được Chúa biết đến khi Ngài đến. Bà đã đánh dấu một dòng để những ai xem xét lòng của họ có thể biết họ sẽ đứng về phía nào nếu Chúa đến vào thời điểm đó. họ sẽ kêu la để đá và núi đổ xuống trên họ, để giấu họ khỏi mặt Đấng ngồi trên ngai và khỏi cơn thịnh nộ của Chiên Con. Vì vậy, chúng tôi tin rằng Đức Chúa Trời đã thử thách dân chúng và đức tin của họ, và xem liệu họ có rút lui khỏi

vị trí mà anh ta thấy phù hợp để đặt anh ta; và họ sẽ từ bỏ thế giới này, đặt niềm tin tuyệt đối vào công việc của Thiên Chúa."

Cảm xúc của những người vẫn tin rằng Chúa đã hướng dẫn họ trong trải nghiệm của họ được thể hiện qua những lời này của William Miller: "Nếu tôi phải sống lại cuộc đời mình, với cùng một bằng chứng mà tôi đã có khi đó về việc thành thật với Chúa và con người, Tôi sẽ làm mọi việc như tôi đã làm." "Tôi hy vọng tôi đã giặt sạch quần áo dính máu của các linh hồn. Tôi cảm thấy rằng, trong chứng mực có thể, tôi thoát khỏi mọi tội lỗi trong sự lên án của họ." Người của Chúa này viết: "Mặc dù tôi đã hai lần thất vọng, nhưng tôi vẫn chưa nản lòng hay nản lòng". "Niềm hy vọng của tôi vào sự tái lâm của Chúa Kitô vẫn vững chắc hơn bao giờ hết. Tôi chỉ làm điều mà sau nhiều năm cân nhắc tinh tảo, tôi cảm thấy đó là nghĩa vụ trọng đại của mình phải thực hiện. Nếu tôi sai lầm thì đó là về phía lòng bác ái." , tình yêu dành cho đồng loại và niềm tin vào nghĩa vụ đối với Chúa." "Tôi biết một điều: tôi chỉ rao giảng những gì tôi tin, và bàn tay của Chúa đã đồng hành cùng tôi. Quyền năng của Ngài được thể hiện trong công việc và rất nhiều điều tốt đẹp đã được thực hiện." "Có vẻ như hàng ngàn người đã được dẫn dắt đến nghiên cứu Kinh thánh nhờ lời tiên tri thời đó; và nhờ cách này, nhờ đức tin và việc rảy máu Chúa Kitô, họ đã được hòa giải với Thiên Chúa." "Tôi chưa bao giờ tán thành nụ cười tán thưởng của những kẻ kiêu ngạo, tôi cũng không nản lòng khi thế giới nhìn chúng ta với thái độ khinh bỉ. Hôm nay tôi sẽ không mua chuộc sự ưu ái của họ, tôi cũng sẽ không vượt quá lời kêu gọi của nghĩa vụ để xoa dịu lòng căm thù của họ. Tôi sẽ làm như vậy." Đừng bao giờ yêu cầu họ tha mạng cho tôi, tôi cũng sẽ không rút lui. Nếu Chúa quan phòng đòi hỏi như vậy, tôi sẽ sẵn sàng hạ bệ cô ấy."

Thiên Chúa đã không bỏ rơi dân Ngài. Thánh Linh của Ngài vẫn ở lại với những người không liêu lĩnh từ chối ánh sáng mà họ đã nhận được, cũng không tố cáo phong trào Cơ Đốc Phục Lâm. Trong Thư gửi tín hữu Do Thái có những lời khích lệ và cảnh báo dành cho những ai đang bị thử thách và chờ đợi trong cuộc khủng hoảng này: "Đừng bỏ đi niềm tin tưởng của mình, là niềm tin có phần thưởng lớn lao. Vì bạn cần sự kiên nhẫn, để sau khi làm xong việc theo ý muốn của Đức Chúa Trời, nguyện các người nhận được lời hứa. Vì còn ít thời gian, điều gì đến sẽ đến, không chậm trễ. Nhưng người công bình sẽ sống bởi đức tin; và nếu họ rút lui, Linh hồn Ta chẳng vui chút nào. Nhưng chúng ta, chúng ta không phải là những người rút lui cho đến tận diệt, mà là những người tin vào sự cứu rỗi của linh hồn." (Hê-bơ-rơ 10:35-39).

Lời cảnh báo này được gửi đến hội thánh của những ngày sau rốt được thể hiện rõ qua những lời ám chỉ sự đến gần của Chúa: "Vì còn một ít thời gian nữa, Đáng đến sẽ đến, và không trì hoãn." Nó được chỉ ra rõ ràng rằng sẽ có một sự chậm trễ rõ ràng, và Chúa dường như sẽ trì hoãn. Lời chỉ dẫn được đưa ra ở đây hoàn toàn phù hợp với kinh nghiệm của những người Cơ Đốc Phục Lâm vào thời điểm đó. Những người được đề cập ở đây có nguy cơ bị chìm đắm trong đức tin. Họ đã làm trọn ý muốn của Đức Chúa Trời bằng cách đi theo sự dẫn dắt của Thánh Linh và Lời Ngài. Tuy nhiên, họ không thể hiểu được mục đích của Ngài trong kinh nghiệm quá khứ cũng như không nhìn thấy con đường phía trước. Sau đó họ bị cám dỗ để nghi ngờ liệu Chúa có thực sự hướng dẫn họ hay không. Vào thời điểm đó, câu nói được áp dụng: "Nhưng người công chính sẽ sống nhờ đức tin". Bất chấp ánh sáng rực rỡ của "tiếng kêu lúc nửa đêm" chiếu rọi trên đường đi của họ, mặc dù đã nhìn thấy những dấu ấn của những lời tiên tri được mở ra và sự ứng nghiệm nhanh chóng của những dấu hiệu báo trước sự sắp đến của Chúa Kitô, nhưng họ vẫn bước đi bằng mắt thấy. . Nhưng giờ đây, bị áp bức bởi những hy vọng thất vọng, họ chỉ có thể kháng cự bằng đức tin nơi Đức Chúa Trời và Lời Ngài. Thế giới chế nhạo đang nói: "Bạn đã bị lừa dối. Hãy từ bỏ đức tin của mình và nói rằng phong trào Cơ Đốc Phục Lâm đến từ Sa-tan". Tuy nhiên, Lời Đức Chúa Trời đã tuyên bố: "Nếu hấn rút lui, linh hồn Ta chẳng lấy làm vui lòng chút nào". Từ bỏ đức tin của bạn bây giờ và phủ nhận quyền năng của Chúa Thánh Thần đã hỗ trợ thông điệp sẽ là rút lui vào diệt vong. Họ được khuyến khích giữ vững lòng kiên định trước những lời của Thánh Phaolô: "Đừng vứt bỏ niềm tin tưởng của mình"; "bạn cần kiên nhẫn", "vì vẫn còn một chút

đúng kỳ, Đấng phải đến sẽ đến, không chậm trễ." Cách chắc chắn duy nhất của họ là bám chặt lấy ánh sáng mà họ đã nhận được từ Đức Chúa Trời, giữ chặt những lời hứa của Ngài, và tiếp tục nghiên cứu Kinh thánh, quan sát và kiên nhẫn chờ đợi, để nhận được ánh sáng lớn hơn.

Chương 23

Thánh địa là gì?

Trên hết, văn bản này vừa trở thành nền tảng vừa là trụ cột trung tâm của đức tin Cơ Đốc Phục Lâm, là câu tuyên bố: "Cho đến hai nghìn ba trăm buổi tối và buổi sáng, thánh đường sẽ được thanh tẩy." (Đa-ni-ên 8:14). Những lời này đã quen thuộc với tất cả các tín đồ vào thời điểm Chúa sắp đến. Qua miệng của hàng ngàn người, lời tiên tri này được lặp đi lặp lại như mật khẩu đức tin của họ. Mọi người đều cảm thấy rằng những kỳ vọng tươi sáng nhất và những hy vọng ấp ủ của họ đều phụ thuộc vào những sự kiện được dự đoán trong đó. Những ngày tiên tri này được cho là sẽ kết thúc vào mùa thu năm 1844. Giống như phần còn lại của thế giới Cơ Đốc giáo, những người Cơ Đốc Phục Lâm vào thời điểm này cho rằng trái đất, hoặc một phần nào đó của nó, là nơi tôn nghiêm. Họ hiểu rằng việc thanh lọc thánh đường là sự thanh lọc Trái đất dưới ngọn lửa của ngày vĩ đại cuối cùng, và điều này sẽ diễn ra vào thời điểm đến lần thứ hai. Do đó kết luận rằng Chúa Kitô sẽ trở lại Trái đất vào năm 1844.

Nhưng thời gian đã đề nghị trôi qua mà Chúa vẫn không đến. Những người tin Chúa biết rằng Lời Chúa không thể thất bại; cách giải thích của bạn về lời tiên tri chắc chắn là sai lầm. Tuy nhiên, lỗi ở đâu? Nhiều người đã đại đột cắt đứt nút thắt khó khăn bằng cách phủ nhận rằng 2.300 ngày đã kết thúc vào năm 1844. Không có lý do nào có thể được đưa ra cho điều này ngoại trừ việc Đấng Christ đã không đến vào thời điểm mong đợi. Họ lập luận rằng nếu những ngày tiên tri kết thúc vào năm 1844, thì Chúa Kitô sẽ quay trở lại để thanh tẩy thánh địa bằng cách thanh lọc Trái đất bằng lửa; và vì Ngài không hiện ra nên ngày tháng không thể kết thúc được.

Chấp nhận kết luận này cũng giống như việc từ bỏ số lượng thời kỳ tiên tri trước đó. Người ta thấy rằng 2.300 ngày bắt đầu khi lệnh khôi phục và xây dựng Jerusalem của Artaxerxes có hiệu lực vào mùa thu năm 457 trước Công nguyên. Lấy ngày đó làm điểm khởi đầu, người ta thấy rằng có sự hài hòa hoàn hảo trong việc áp dụng tất cả các sự kiện đã được tiên đoán trong lời giải thích của Đa-ni-ên 9:25-27. Sáu mươi chín tuần, 483 năm đầu tiên của thời kỳ vĩ đại 23 thế kỷ, hưởng tới Đấng Messia, Đấng được xúc dầu. Phép rửa và xúc dầu của Chúa Kitô bằng Chúa Thánh Thần, vào năm 27 của thời đại chúng ta, đã hoàn toàn đáp ứng tiêu chuẩn này. Vào giữa tuần thứ bảy mươi, Đấng Mê-si sẽ bị đem đi. Ba năm rưỡi sau lễ rửa tội của Ngài; Mùa xuân năm 31, Chúa Kitô bị đóng đinh. Bảy mươi tuần lễ, hay 490 năm, đặc biệt nên đề cập đến người Do Thái. Khi thời kỳ này kết thúc, dân tộc đã niêm phong sự chối bỏ Chúa Kitô bằng việc bách hại các môn đệ của Người, và vào năm 34, các tông đồ đã hưởng công việc của họ tới Dân Ngoại. Khi kết thúc 490 năm đầu tiên, tách khỏi thời kỳ vĩ đại 2.300, vẫn còn 1.810 năm nữa. Dựa trên năm thứ 34 của thời đại chúng ta, 1.810 năm đến năm 1844. Và thiên thần nói: "Sau đó, thánh đường sẽ được thanh tẩy". Tất cả các thông số kỹ thuật trước đó của lời tiên tri chắc chắn đã được ứng nghiệm vào thời điểm đã định. tính toán này, ngoại trừ rằng, vào thời điểm đó, không có sự kiện nào được coi là hoàn thành việc thanh lọc thánh đường diễn ra vào năm 1844. Phủ nhận rằng những ngày đã kết thúc vào thời điểm đó là khiến toàn bộ vấn đề trở nên bối rối và từ bỏ quan điểm điều đó đã được thiết lập thông qua sự ứng nghiệm không thể sai lầm của lời tiên tri.

Nhưng Đức Chúa Trời đang dẫn dắt dân Ngài trong phong trào Cơ Đốc Phục Lâm vĩ đại. Quyền năng và vinh quang của Ngài đã tham gia vào công việc, và Ngài sẽ không cho phép nó kết thúc trong bóng tối và thất vọng, bị bôi xấu là sự phản kích giả tạo và cuồng tín. Ngài sẽ không để lời Ngài bị bao phủ bởi sự nghi ngờ và không chắc chắn. Mặc dù thực tế là nhiều người có

Loại bỏ cách tính toán trước đó về các thời kỳ tiên tri, phủ nhận tính chính xác của phong trào dựa trên nó, những người khác không có khuynh hướng từ bỏ các quan điểm về đức tin và kinh nghiệm đã được Kinh thánh và lời chứng của Thánh Linh Đức Chúa Trời ủng hộ. Họ tin rằng họ đã áp dụng các nguyên tắc giải thích hợp pháp khi nghiên cứu các lời tiên tri, và nhiệm vụ của họ là phải tuân theo những lẽ thật đã được khám phá và tiếp tục các tiêu chí tương tự của nghiên cứu Kinh thánh. Với lời cầu nguyện tha thiết, họ xem xét lập trường của mình và nghiên cứu Kinh Thánh để khám phá ra lỗi lầm của mình. Vì họ không thể thấy có sai sót nào trong việc tính toán các thời kỳ tiên tri, nên họ được hướng dẫn để xem xét chủ đề đền thánh một cách đặc biệt hơn.

Trong quá trình điều tra, họ biết được rằng không có bằng chứng kinh thánh nào ủng hộ cách giải thích phổ biến rằng Trái đất là nơi tôn nghiêm. Tuy nhiên, họ đã khám phá ra trong Kinh thánh lời giải thích đầy đủ về chủ đề của thánh địa, tính chất, vị trí và các dịch vụ của nó. Chứng từ của các tác giả thánh rất rõ ràng và rộng rãi đến nỗi nó đặt vấn đề vượt quá mọi thắc mắc. Sứ đồ Phao-lô, trong Thư gửi người Hê-bơ-rơ, nói: "Người đầu tiên cũng có những nghi lễ thờ phượng Đức Chúa Trời và một nơi thánh dưới đất. Vì một đền tạm đã được chuẩn bị trước, trong đó có chân đèn, bàn và bánh của sự dâng hiến, được gọi là nơi thánh, nhưng sau bức màn thứ hai là đền tạm được gọi là nơi chí thánh, có lư hương bằng vàng, hòm giao ước bọc vàng chung quanh, trong đó có một cái bình bằng vàng, trong đó có ma-na, cây gậy của A-rôn đã nảy chồi, các bảng giao ước, và trên hòm có hình chê-ru-bim vinh quang che phủ nắp thi ân."

(Hê-bơ-rơ 9:1-5).

Nơi thánh mà Phao-lô đề cập đến ở đây là đền tạm do Môi-se dựng lên theo lệnh của Đức Chúa Trời, là nơi ở trên đất của Đấng Tối Cao. "Và họ sẽ biến Ta thành nơi thánh, và Ta sẽ ở giữa họ" (Xuất Ê-díp-tô ký 25:8), là lời chỉ dẫn được ban cho Môi-se khi ở trên núi với Đức Chúa Trời. Dân Y-sơ-ra-ên đang hành trình qua sa mạc và đền tạm được xây dựng theo cách có thể vận chuyển từ nơi này đến nơi khác. Tuy nhiên, cấu trúc của nó rất tráng lệ. Các bức tường được làm bằng những tấm ván vuông góc phủ vàng và các phụ kiện chân đế được làm bằng bạc. Mái nhà của nó được tạo thành bởi một loạt rèm hoặc tấm che, bên ngoài được làm bằng da và bên trong làm bằng vải lanh mịn được chạm khắc rất đẹp với hình các thiên thần. Ngoài sân ngoài, nơi đặt bàn thờ dâng của lễ thiêu, bản thân đền tạm còn có hai ngăn, gọi là nơi thánh và nơi thánh nhất, được ngăn cách bằng một tấm màn hoặc màn che đẹp đẽ và lộng lẫy; một tấm màn tương tự đã đóng lối vào ngăn đầu tiên.

Trong nơi thánh có chân đèn, nằm ở phía nam của đền tạm, có bảy ngọn đèn chiếu sáng cho nơi thánh cả ngày lẫn đêm. Ở phía bắc là bàn bánh hiến diện; và trước bức màn ngăn cách nơi thánh với nơi rất thánh là bàn thờ xông hương bằng vàng và từ đó đám mây thơm ngát, với những lời cầu nguyện của dân Y-sơ-ra-ên, hằng ngày bay lên trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

Trong nơi cực thánh có hòm giao ước, một chiếc rương bằng gỗ quý dát vàng, và có hai tấm bia đá trên đó Đức Chúa Trời khắc luật Mười Điều Răn. Phía trên hòm, tạo thành lớp phủ thiêng liêng là nắp xá tội, một tác phẩm nghệ thuật lộng lẫy có hai chê-ru-bim ở mỗi bên, hoàn toàn làm bằng vàng nguyên khối. Trong ngăn này, sự hiện diện thiêng liêng được biểu hiện trong đám mây vinh quang rõ ràng giữa các chê-ru-bim.

Sau khi người Do Thái định cư ở Ca-na-an, đền tạm được thay thế bằng đền thờ Sa-lô-môn, mặc dù là một cấu trúc cố định và có quy mô lớn hơn nhưng vẫn có cùng tỷ lệ và được bố trí theo cách tương tự như đền thờ

trước. Dưới hình thức này, thánh đường đã tồn tại-ngoại trừ khi nó bị tàn phá vào thời Đa-ni-ên-cho đến khi bị người La Mã phá hủy vào năm 70 trước Công Nguyên.

Đây là nơi tôn nghiêm duy nhất từng tồn tại trên Trái đất và Kinh thánh cung cấp cho chúng ta một số thông tin về nó. Phao-lô tuyên bố đây là nơi thánh của giao ước đầu tiên. Nhưng phải chăng giao ước mới không có nơi thánh?

Lật lại sách Hê-bơ-rơ, những người tìm kiếm lẽ thật đã tìm thấy sự tồn tại của nơi thánh thứ hai-hay nơi thánh của giao ước mới-ngụ ý trong những lời nói trên của Phao-lô: "Và, nơi thánh đầu tiên cũng có những giáo lễ thờ phượng Đức Chúa Trời và một nơi thánh." Và việc sử dụng từ "cũng" xác định rằng trước đây Phao-lô đã đề cập đến nơi thánh này. Quay trở lại phần đầu của chương trước, họ đọc: "Bây giờ, tóm lại những gì chúng tôi đã nói là, chúng tôi có một vị thượng tế như vậy, người ngồi trên trời, bên phải ngai của Đấng uy nghiêm, thừa tác viên của thánh đường." , và của đền tạm đích thực, mà Chúa đã thành lập, không phải con người." (Hê-bơ-rơ 8:1 và 2).

Ở đây nơi thánh của giao ước mới được tiết lộ. Đền thánh của giao ước đầu tiên do con người dựng lên, do Môi-se xây dựng. Cái sau được xây dựng bởi Chúa chứ không phải bởi con người. Trong thánh đường đó, các linh mục trần thế thực hiện nhiệm vụ của họ; trong điều này, Đấng Christ, Thầy tế lễ thượng phẩm vĩ đại của chúng ta, phục vụ bên hữu Đức Chúa Trời. Một nơi tôn nghiêm ở Trái đất, nơi còn lại ở Thiên đường.

Hơn nữa, đền tạm được Môi-se xây dựng theo khuôn mẫu.

Chúa đã truyền lệnh cho ông: "Người hãy làm theo mọi điều Ta chỉ cho người về kiểu dáng của Đền tạm và kiểu dáng của tất cả các vật dụng trong đó." Và một lần nữa mệnh lệnh được ban ra: "Vậy hãy cẩn thận làm điều đó." theo kiểu mẫu đã được chỉ cho các người trên núi" (Xuất 25:9 và 40). Và Phao-lô nói rằng đền tạm đầu tiên là "một ẩn dụ về thời hiện tại, trong đó lễ vật và của lễ được dâng lên" ; rằng những nơi thánh của nó là "những điều ở trên trời"; rằng những thầy tế lễ dâng lễ vật theo luật pháp là "một tấm gương và cái bóng của những điều trên trời", và rằng "Chúa Kitô đã không vào đền thánh do tay người ta làm ra, một hình bóng của Đấng thật, nhưng ở cùng một Thiên đàng, để hiện ra cho chúng ta trước mặt Thiên Chúa" (Dt 9:9 và 23; 8:5; 9:24).

Đền thánh trên trời mà Chúa Giêsu phục vụ thay cho chúng ta là bản gốc vĩ đại, trong đó đền thánh do Môi-se xây dựng là một bản sao. Đức Chúa Trời đặt Thánh Linh Ngài trên những người xây dựng đền thánh trên đất. Kỹ năng nghệ thuật được sử dụng trong việc xây dựng nó là biểu hiện của trí tuệ thần thánh. Các bức tường có hình dáng bằng vàng ròng, phản chiếu ánh sáng của bảy ngọn đèn trên chân nến vàng theo mọi hướng. Bàn dâng bánh và bàn thờ xông hương sáng ngời như vàng ròng. Tấm màn tuyệt đẹp tạo thành trần nhà, được trang trí bằng hình các thiên thần màu xanh lam, tím và đỏ tươi, càng làm tăng thêm vẻ đẹp của khung cảnh. Và bên ngoài bức màn thứ hai là shekinah thánh, sự biểu hiện hữu hình của vinh quang của Đức Chúa Trời, mà trước đó không ai ngoại trừ thầy tế lễ thượng phẩm có thể bước vào và sống. Vẻ huy hoàng không thể so sánh được của đền tạm dưới đất phản chiếu trước mắt con người về vinh quang của đền thờ trên trời, nơi Chúa Kitô, Tiền thân của chúng ta, phục vụ chúng ta trước ngai Thiên Chúa. Nơi ngự của Vua trên muôn vua, trong đó có hàng ngàn hàng ngàn người phục vụ Ngài và hàng triệu triệu đứng trước mặt Ngài (Đa-ni-ên 7:10); Ngôi đền này, tràn đầy vinh quang của ngai vàng vĩnh cửu, nơi các seraphim, những người bảo vệ rực rỡ của nó, che mặt để tôn thờ, có thể tìm thấy trong bất kỳ công trình kiến trúc tráng lệ nào từng được xây dựng bởi bàn tay con người nhưng chỉ là sự phản chiếu mờ nhạt của sự rộng lớn và vinh quang của nó. Tuy nhiên, những lẽ thật quan trọng liên quan đến đền thờ trên trời và công việc vĩ đại được thực hiện ở đó để cứu chuộc con người đã được giảng dạy bởi đền thờ trên đất và các dịch vụ của nó.

Các thánh địa của thánh địa trên trời được thể hiện bằng hai gian của thánh địa dưới đất. Sứ đồ Giăng đã được ban cho khái tượng về đền thờ của Đức Chúa Trời trên Thiên đàng. Ở đó ông nhìn thấy bảy ngọn đèn lửa cháy sáng trước ngài (Khải huyền 4:5). Ông nhìn thấy một thiên sứ "có một lư hương bằng vàng, và được ban cho nhiều hương để đặt cùng với lời cầu nguyện của các thánh đồ trên bàn thờ vàng ở trước ngài" (Khải. 8:3). Nhà tiên tri được phép chiêm ngưỡng ngân đầu tiên của thánh địa trên trời. Ở đó, ông nhìn thấy "bảy ngọn đèn lửa" và "bàn thờ bằng vàng", tượng trưng bằng chân đèn vàng và bàn thờ xông hương của thánh địa trần thế.

Một lần nữa "đền thờ của Đức Chúa Trời lại mở ra trên trời" (Khải huyền 11:19), và Ngài nhìn vào nơi thánh nhất, bên trong bức màn bên trong. Ở đó, ông quan sát thấy "hòm giao ước của Ngài", được tượng trưng bởi chiếc bình thiêng liêng do Môi-se chế tạo để lưu giữ luật pháp của Đức Chúa Trời.

Vì vậy, những người đang nghiên cứu chủ đề này đã tìm thấy bằng chứng không thể chối cãi về sự tồn tại của một nơi tôn nghiêm trên Thiên đàng, Moses đã xây dựng nơi tôn nghiêm dưới đất theo mô hình đã được chỉ cho ông. Phao-lô dạy rằng mô hình này là nơi tôn nghiêm thực sự trên Thiên đàng và John làm chứng rằng ông cũng đã nhìn thấy nó trên Thiên đàng.

Trong đền thờ trên trời, nơi ngự của Đức Chúa Trời, ngài Ngài được thiết lập trong sự công bình và phán xét. Ở nơi thánh thiện nhất là luật pháp của Ngài, quy tắc công lý vĩ đại mà toàn thể nhân loại được thử thách. Hòm bia đựng các bảng luật được che phủ bởi ngài thương xót, trước đó Chúa Kitô cầu nguyện, qua máu của Ngài, thay mặt cho tội nhân. Đây là cách thức thể hiện sự kết hợp giữa công lý và lòng thương xót trong kế hoạch cứu chuộc con người. Chỉ có trí tuệ vô hạn mới có thể nghĩ ra sự kết hợp này, và chỉ có sức mạnh vô hạn mới có thể thực hiện được nó. Đây là sự kết nối khiến toàn bộ Thiên đàng tràn ngập sự ngạc nhiên và tôn thờ. Các chê-ru-bim của đền thánh dưới đất đang cung kính nhìn lên ngài thương xót, tượng trưng cho sự quan tâm của đạo quân trên trời đối với công cuộc cứu chuộc. Đây là mẫu nhiệm của lòng thương xót mà các thiên thần mong muốn tham dự: Thiên Chúa có thể công chính trong khi biện minh cho tội nhân ăn năn và đổi mới mối quan hệ của Ngài với dòng giống sa ngã; rằng Đấng Christ có thể hạ mình để vực dậy vô số người từ vực thẳm hoang tàn và **mặc cho họ** bộ y phục không tì vết của sự công bình của chính Ngài, để họ có thể cùng với các thiên thần không bao giờ sa ngã và ở mãi mãi trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

Công việc của Đấng Christ với tư cách là người cầu thay cho con người được trình bày trong lời tiên tri tuyệt vời của Xa-cha-ri, về Ngài, "có tên là Nhánh". Tiên tri nói: "Chính Ngài sẽ xây dựng đền thờ Đức Giê-hô-va, Ngài sẽ vinh hiển, ngồi cai trị trên ngài Ngài, làm thầy tế lễ trên ngài Ngài, và sẽ có lời bàn luận hòa bình giữa cả hai". (Xa 6:13).

"Chính Ngài sẽ xây dựng đền thờ của Chúa." Bằng sự hy sinh và trung gian của Ngài, Đấng Christ vừa là nền tảng vừa là người xây dựng hội thánh của Đức Chúa Trời. Sứ đồ Phao-lô chỉ về Ngài là "hòn đá góc nhà; trong đó cả tòa nhà lắp khít vào nhau sẽ trở thành đền thánh trong Chúa. Ông nói: "Trong Ngài, anh em cũng được xây dựng nên một nơi ở của Đức Chúa Trời trong Thánh Linh" (Ê-phê-sô 2:20-22).

Anh ấy sẽ "lấy vinh quang." Vinh quang của sự cứu chuộc loài người sa ngã thuộc về Đấng Christ. Qua các thời đại vĩnh cửu, bài hát của những người được chuộc sẽ là: "Kính dâng Đấng đã yêu thương chúng ta và lấy huyết Ngài rửa sạch tội lỗi chúng ta...cho Ngài vinh hiển và quyền năng đời đời vô cùng." (Kh 1: 5 và 6).

"Và Ngài sẽ ngồi cai trị trên ngài của Ngài, và sẽ làm thầy tế lễ trên ngài của Ngài." Ngài chưa "ngồi trên ngài vinh quang"; vương quốc vinh quang vẫn chưa được thiết lập. Chỉ sau khi kết thúc công việc trung gian của Ngài, Thiên Chúa mới ban cho Ngài "ngôi vua Đa-vít tồ phụ Ngài", một vương quốc "sẽ không bao giờ cùng" (Lu-ca 1:32 và 33). Với tư cách là thầy tế lễ, Đấng Christ hiện đang ngồi với Cha trên ngài của Ngài (Khải huyền 3:21). Trên ngài, với Hữu thể vĩnh cửu và tự hữu, chính Ngài là Đấng "mang lấy sự yếu đuối của chúng ta, và

Ngài đã gánh lấy nỗi buồn của chúng tôi"; Đấng "đã bị cám dỗ đủ mọi cách nhưng chẳng phạm tội" để "giúp đỡ những ai bị cám dỗ". ; Dt 4:15; 2:18; I Gioan 2:1). Lời chuyển cầu của Người là của một thân xác bị thương tích và bị hành hạ, của một cuộc sống tinh tuyền. Những bàn tay bị thương, bên sườn bị đâm, bàn chân bị đâm, cầu xin cho con người sa ngã, sự chuộc lỗi của họ đã được mua với giá vô hạn.

"Và sẽ có lời bàn hòa giữa cả hai." Tình yêu của Chúa Cha, cũng không kém gì tình yêu của Chúa Con, là nguồn ơn cứu độ cho dòng giống lạc mất. Chúa Giêsu đã nói với các môn đệ trước khi từ trần: "Thầy đừng nói với bạn rằng tôi sẽ cầu nguyện với Chúa Cha cho bạn; vì chính Cha yêu thương anh em" (Giăng 16:26 và 27). "Đức Chúa Trời ở trong Đấng Christ khiến thế gian hòa giải với chính Ngài" (II Cô-rinh-tô 5:19). giữa hai người sẽ bình an." "Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một, để ai tin vào Con của Người thì không bị hư mất mà được sự sống đời đời" (Ga 3,16).

Câu hỏi "Nơi thánh là gì?" đã được trả lời rõ ràng trong Kinh Thánh. Thuật ngữ "thánh địa" như được sử dụng trong Kinh Thánh, trước hết đề cập đến đền tạm do Môi-se xây dựng như một hình mẫu cho những điều trên trời, và thứ hai, nói đến "đền tạm thật sự" trên Thiên đàng, mà đền tạm dưới đất chỉ về. , buổi lễ điển hình đã kết thúc. "Đền tạm thật" trên Thiên đàng là nơi tôn nghiêm của giao ước mới. Và khi lời tiên tri trong Đa-ni-ên 8:14 được ứng nghiệm trong thời kỳ này, nơi tôn nghiêm mà nó đề cập đến chỉ có thể là nơi tôn nghiêm của giao ước mới. Khi kết thúc 2.300 ngày, trong nhiều thế kỷ không còn nơi thánh nào trên Trái đất, nên lời tiên tri "Cho đến hai nghìn ba trăm buổi tối và buổi sáng; và nơi thánh sẽ được thanh tẩy", chắc chắn chỉ về nơi thánh trên trời.

Tuy nhiên, câu hỏi quan trọng nhất vẫn chưa được trả lời: việc thanh tẩy thánh đường là gì? Kinh thánh Cựu Ước đã nêu rõ rằng có một buổi lễ như vậy liên quan đến đền thánh trên đất. Nhưng liệu trên thiên đường có thứ gì có thể được thanh lọc không? Trong Hê-bơ-rơ 9, sự thanh tẩy cả nơi thánh dưới đất và trên trời được dạy đầy đủ. "Theo luật, hầu hết mọi vật đều được thanh tẩy bằng máu, và không đổ máu thì không có sự tha thứ. Vì vậy, hình dáng của những vật ở trên Thiên đàng phải được thanh tẩy theo cách này [bằng máu] của loài vật], nhưng chính những vật ở trên trời lại có của lễ tốt hơn những vật này" (Hê-bơ-rơ 9:22 và 23), tức là bằng huyết báu của Đấng Christ.

Sự thanh lọc, cả trong dịch vụ thông thường và thực tế, đều được thực hiện bằng máu. Đầu tiên là máu động vật, cuối cùng là máu Chúa Kitô. Thánh Phaolô đưa ra lý do tại sao việc thanh tẩy này phải được thực hiện bằng máu vì thực tế là không đổ máu thì không có sự tha thứ. Sự tha thứ, hay hành động tẩy sạch tội lỗi, là một công việc phải hoàn thành. Nhưng làm sao có thể có tội lỗi liên quan đến thánh đường, dù ở trên Thiên đàng hay dưới đất? Điều này có thể được hiểu bằng cách ám chỉ sự thờ phượng mang tính biểu tượng; vì các thầy tế lễ hành lễ trên Trái đất đóng vai trò là "tấm gương và cái bóng của những điều trên trời" (Hê-bơ-rơ 8: 5).

Chức vụ của đền thánh dưới đất bao gồm hai phần: các thầy tế lễ hầu việc hàng ngày trong nơi thánh, trong khi mỗi năm một lần thầy tế lễ thượng phẩm thực hiện công việc chuộc tội đặc biệt trong nơi thánh nhất, để thanh tẩy nơi thánh. Ngày qua ngày, tội nhân ăn năn mang lễ vật đến trước cửa đền tạm, đặt tay lên đầu nạn nhân, xưng tội, rồi chuyển chúng thành hình dạng của chính mình cho của lễ vô tội. Con vật sau đó đã bị giết. Sứ đồ nói: "Không đổ huyết thì tội lỗi không được tha". "Sự sống của xác thịt nằm trong máu." (Lê-vi Ký 17:11). Luật pháp bị vi phạm của Thiên Chúa đòi hỏi sự sống của người vi phạm. Huyết tượng trưng cho sự sống hư mất của tội nhân, tội lỗi của họ đã bị

do nạn nhân đảm nhận, được thầy tế lễ đưa vào nơi thánh và rắc trước tấm màn, đằng sau là chiếc hòm đựng luật pháp mà tội nhân đã vi phạm.

Qua nghi lễ này, tội lỗi được chuyển vào nơi thánh theo nghĩa bóng. Trong một số trường hợp, máu không được đưa đến thánh địa; nhưng xác của nạn nhân sau đó sẽ được thầy tế lễ ăn, như Mô-i-se đã truyền cho các con trai A-rôn rằng: Đức Giê-hô-va đã ban thịt đó cho các người, để các người gánh lấy tội lỗi của hội chúng. (Lev.

10:17). Cả hai nghi lễ đều tượng trưng như nhau cho việc chuyển tội lỗi của hối nhân vào đền thánh.

Đây là công việc được tiếp tục, ngày này qua ngày khác, trong suốt cả năm. Do đó, tội lỗi của Y-sơ-ra-ên đã được chuyển đến nơi thánh và một công việc đặc biệt trở nên cấp thiết để loại bỏ chúng. Đức Chúa Trời ra lệnh chuộc tội cho từng ngãi thánh. "Người sẽ làm lễ chuộc tội cho nơi thánh về những sự ô uế của dân Y-sơ-ra-ên, và những sự vi phạm của họ, theo mọi tội lỗi của họ; và người sẽ làm như vậy cho lều hội chúng ở giữa những sự ô uế của họ. ."

Một lễ chuộc tội cũng phải được thực hiện cho bàn thờ, để tẩy sạch nó "vì sự ô uế của con cái Y-sơ-ra-ên, những sự vi phạm và mọi tội lỗi của họ."

(Lê-vi Ký 16:16 và 19).

Mỗi năm một lần, vào ngày đại lễ chuộc tội, thầy tế lễ vào nơi rất thánh để thanh tẩy nơi thánh. Công việc được thực hiện ở đó đã hoàn thành chu kỳ hàng năm của Bộ. Vào ngày chuộc tội, hai con dê được mang đến cửa đền tạm, và người ta bắt thăm cho chúng, "một thăm dành cho Chúa, một thăm dành cho con dê tế thần" (Lê-vi Ký 16:8). Con dê trúng thăm của Chúa sẽ bị giết làm của lễ chuộc tội cho dân chúng. Và thầy tế lễ phải lấy huyết con dê vào trong màn và rảy trên nắp xá tội và trước vật đựng lòng thương xót. Huyết cũng phải được rảy trên bàn thờ xông hương ở phía trước bức màn.

"A-rôn sẽ đặt cả hai tay mình lên đầu con dê còn sống, xúng trên đó mọi gian ác của dân Y-sơ-ra-ên, mọi vi phạm của họ, tùy theo mọi tội lỗi của họ; rồi người sẽ đặt chúng trên đầu con dê. dê, và sai người dẫn nó vào sa mạc, bởi một người được chỉ định để thực hiện mục đích đó, để con dê đó sẽ gánh chịu mọi tội ác của chúng ở vùng đất hoang vắng." (Lê-vi Ký 16:21 và 22). Con dê tế thần không thể quay trở lại trại của Israel được nữa, và người dẫn dắt anh ta cần phải tắm rửa và giặt quần áo trước khi trở về trại.

Toàn bộ buổi lễ này nhằm mục đích gây ấn tượng với dân Y-sơ-ra-ên về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời và sự ghê tởm tội lỗi của Ngài. Và hơn nữa, hãy cho họ thấy rằng họ không thể tiếp xúc với tội lỗi mà không làm ô uế chính mình. Mỗi người được yêu cầu phải làm khổ tâm hồn mình trong khi công việc chuộc tội vẫn tiếp tục. Mọi hoạt động chung phải được đặt sang một bên, và toàn thể cộng đoàn Israel được triệu tập để dành cả ngày trong sự khiêm nhường trang trọng trước mặt Thiên Chúa, với việc cầu nguyện, ăn chay và kiểm điểm tâm hồn sâu sắc.

Những lễ thật quan trọng liên quan đến sự chuộc tội đã được giảng dạy bởi buổi lễ điển hình. Một người thay thế đã được chấp nhận thay cho tội nhân; nhưng tội lỗi không được xóa bỏ bằng máu của nạn nhân. Bằng cách này, một phương tiện đã được cung cấp để anh ta được chuyển đến thánh đường. Bằng cách dâng máu, tội nhân nhận biết thẩm quyền của luật pháp, thú nhận tội lỗi của mình và bày tỏ mong muốn được tha thứ qua đức tin vào Đấng Cứu Chuộc sắp đến. Nhưng anh vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi sự lên án của pháp luật. Vào ngày chuộc tội, thầy tế lễ thượng phẩm lấy của lễ từ hội chúng, vào nơi rất thánh với huyết của lễ đó, rưới lên nắp thương xót, trực tiếp trên luật pháp, để thỏa mãn các yêu cầu của mình. Sau đó, trong vai trò trung gian, ông đã gánh lấy tội lỗi và loại bỏ chúng khỏi thánh đường.

Đặt tay lên đầu vật tế thần, ông thú nhận mọi tội lỗi

theo nghĩa bóng là chuyển chúng từ chính mình sang con dê. Sau đó ông đưa họ đi thật xa và coi như họ mãi mãi bị xa cách nhân dân.

Đây là buổi lễ được thực hiện như "một tấm gương và cái bóng của những điều trên trời." Và những gì đã được thực hiện một cách hình tượng trong chức vụ của đền thánh dưới đất thì được thực hiện một cách thực tế trong chức vụ của đền thánh trên trời. Sau khi thăng thiên, Đấng Cứu Rỗi bắt đầu công việc của Ngài với tư cách là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm. Thánh Phaolô nói: "Chúa Kitô đã không bước vào đền thánh được tạo nên bởi bàn tay, hình ảnh của Đấng thật, nhưng vào chính Thiên đàng, để bây giờ xuất hiện trước mặt Thiên Chúa vì chúng ta". (Hê-bơ-rơ 9:24).

Trong suốt cả năm, thừa tác vụ tư tế trong ngăn đầu tiên của cung thánh, "trong bức màn" làm thành cửa và ngăn cách thánh địa với hành lang bên ngoài, tượng trưng cho công việc thừa tác vụ mà Chúa Kitô đã bắt đầu bằng việc lên Trời. thầy tế lễ trong chức vụ hằng ngày, để dâng lên trước mặt Đức Chúa Trời huyết của lễ chuộc tội, cũng như hương bay lên theo lời cầu nguyện của dân Y-sơ-ra-ên. Vì vậy, Đấng Christ cầu xin trước Chúa Cha và qua huyết của Ngài thay cho các tội nhân, và cũng bày tỏ trước mặt Ngài, với hương thơm quý giá của sự công chính của Ngài, những lời cầu nguyện của các tín hữu ăn năn. Đây là công việc mục vụ trong căn hộ đầu tiên của thánh địa trên trời.

Ở đó đức tin của các môn đệ đã đồng hành cùng Chúa Giêsu khi Người lên trời trước mắt họ. Niềm hy vọng của họ khi đó tập trung vào đó, và niềm hy vọng này, Thánh Phaolô nói, "chúng ta có như một cái neo của linh hồn, chắc chắn và vững chắc, vươn tới bên trong bức màn, nơi Chúa Giêsu, Đấng Tiên Hô của chúng ta, đã đi vào vì chúng ta, được tạo nên đời đời." Thượng tế."

"Không phải bằng máu dê và bê, nhưng bằng máu của chính mình, Ngài đã vào nơi thánh một lần, sau khi hoàn thành sự cứu chuộc đời đời." (Hê-bơ-rơ 6:19 và 20; 9:12).

Trong mười tám thế kỷ, công việc mục vụ này tiếp tục diễn ra ở ngăn đầu tiên của cung thánh. Máu của Chúa Kitô, được hiến dâng thay cho những tín hữu ăn năn, bảo đảm cho họ được tha thứ và được Chúa Cha chấp nhận; thế nhưng tội lỗi của họ vẫn còn được ghi vào sổ sách. Cũng giống như trong buổi lễ điển hình, có công tác chuộc tội vào cuối mỗi năm, vì vậy trước khi công tác cứu chuộc con người của Đấng Christ hoàn tất, cũng có công tác chuộc tội để loại bỏ tội lỗi khỏi nơi thánh. Đây là dịch vụ bắt đầu khi hết 2.300 ngày. Vào dịp đó, như tiên tri Đa-ni-ên đã báo trước, Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta đã bước vào nơi thánh thiện nhất để thực hiện giai đoạn cuối cùng trong công việc trọng thể của Ngài-

thanh tẩy thánh đường.

Giống như tội lỗi của dân chúng đã từng được đức tin đặt lên trên của lễ chuộc tội, và qua huyết của nạn nhân được chuyển vào nơi thánh trên đất, thì trong thời kỳ của giao ước mới, tội lỗi của người ăn năn cũng được đặt lên bởi đức tin. trên Đấng Christ và trên thực tế, đã được chuyển đến đền thánh trên trời. Và giống như việc thanh tẩy điển hình của thánh địa dưới đất được hoàn thành bằng việc loại bỏ những tội lỗi mà nó đã bị ô nhiễm, thì việc thanh lọc thực sự của thánh đường trên trời phải được thực hiện bằng việc loại bỏ hoặc xóa bỏ những tội lỗi được ghi lại ở đó. .

Nhưng trước khi điều này có thể được thực hiện, cần phải kiểm tra sổ sách để xác định xem ai, nhờ sự ăn năn tội lỗi và đức tin nơi Đấng Kỳ Tô, được hưởng những lợi ích từ sự chuộc tội của Ngài. Vì vậy, việc thanh tẩy nơi thánh bao gồm một cuộc điều tra-một sự phán xét. Công việc này phải được thực hiện trước khi Đấng Christ đến để giải cứu dân Ngài, vì khi Ngài đến, phần thưởng của Ngài sẽ ở bên Ngài để ban cho mỗi người tùy theo công việc của họ (Khải Huyền 22:12).

Vì vậy, những người đi theo ánh sáng của lời tiên tri đã thấy rằng, thay vì Chúa Giêsu đến trần gian, vào cuối 2.300 ngày, năm 1844, Chúa chúng ta đã vào nơi cực thánh là thánh địa trên trời, để thực hiện công việc cứu độ. kết thúc lễ chuộc tội, chuẩn bị đón Chúa đến.

Người ta cũng thấy rằng, trong khi của lễ chuộc tội chỉ về Đấng Christ là của lễ hy sinh, và thầy tế lễ thượng phẩm đại diện cho Ngài là người trung gian, thì vật tế thần tiêu biểu cho Sa-tan, tác giả của tội lỗi và là kẻ mà cuối cùng tội lỗi của những kẻ ăn năn thực sự sẽ đổ lên trên. Khi thầy tế lễ thượng phẩm nhờ huyết của lễ chuộc sự mắc lỗi mà cất tội lỗi ra khỏi nơi thánh, ông đặt chúng lên trên con dê tế thần. Khi Đấng Christ, nhờ quyền năng và công đức của chính huyết Ngài, cất tội lỗi của dân Ngài khỏi đền thánh trên trời, khi kết thúc chức vụ của Ngài, Ngài sẽ đặt chúng lên Sa-tan, kẻ, khi thi hành sự phán xét, phải chịu hình phạt cuối cùng. Con dê tế thần bị đưa đến một vùng đất hoang, không bao giờ quay trở lại hội chúng Y-sơ-ra-ên. Như vậy, Sa-tan sẽ mãi mãi bị trục xuất khỏi sự hiện diện của Đức Chúa Trời và dân Ngài, và bị loại khỏi sự tồn tại trong sự hủy diệt cuối cùng của tội lỗi và những người có tội.

Chương 24

Trong Nơi Chí Thánh

Chủ đề của thánh đường là chìa khóa tiết lộ bí ẩn của sự thất vọng năm 1844. Nó tiết lộ một hệ thống hoàn chỉnh gồm các lễ thật hài hòa và liên kết với nhau, cho thấy bàn tay thần thánh đã chỉ đạo phong trào Cơ Đốc Phục Lâm vĩ đại, tiết lộ bản phận hiện tại và đưa ra ánh sáng vị trí và công việc của dân Ngài. Giống như các môn đệ của Chúa Giêsu sau đêm khủng khiếp đầy thống khổ và thất vọng, những người Cơ Đốc Phục Lâm "vui mừng khôn xiết khi nhìn thấy Chúa", và những người, bởi đức tin, đã trông đợi ngày Chúa đến lần thứ hai, cũng vui mừng. Họ đã chờ đợi Ngài hiện ra trong vinh quang để ban thưởng cho các tông đồ Ngài. Khi niềm hy vọng của họ tan vỡ, họ không nhìn thấy Chúa Giêsu và, giống như Đức Maria tại mộ, họ than thở: "Họ đã lấy mất Chúa của tôi và tôi không biết họ để Người ở đâu". Giờ đây, trong Nơi Chí Thánh, họ lại nhìn thấy Ngài, Thầy Tế lễ Thượng phẩm đầy lòng thương xót của họ, sẵn sàng xuất hiện với tư cách là Vua và Đấng Giải cứu của họ. Ánh sáng phát ra từ thánh đường soi sáng quá khứ, hiện tại và tương lai.

Họ biết rằng Thiên Chúa đã dẫn dắt họ qua sự quan phòng không thể sai lầm của Ngài. Mặc dù, giống như các môn đệ đầu tiên, họ không hiểu được thông điệp họ truyền tải, nhưng nó đứng ở nhiều khía cạnh. Bằng cách công bố điều đó, họ đã hoàn thành mục đích thiêng liêng và công việc của họ không hề vô ích [trước mặt](#) Chúa.

Được tái sinh "đến một niềm hy vọng sống động", họ đã hân hoan "với niềm vui không tả xiết và đầy vinh quang".

Cả lời tiên tri trong Đa-ni-ên 8:14: "Cho đến hai ngàn ba trăm buổi tối và buổi sáng, nơi thánh sẽ được thanh sạch", lẫn thông điệp của thiên sứ đầu tiên: "Hãy kính sợ Đức Chúa Trời và tôn vinh Ngài; vì giờ phán xét của Ngài đã đến", ám chỉ chức vụ của Đấng Christ tại nơi rất thánh, Sự Phán xét Điều tra, chứ không phải sự đến của Đấng Christ để cứu chuộc dân Ngài và tiêu diệt kẻ ác. trong việc đếm các thời kỳ tiên tri, nhưng trong sự kiện diễn ra vào cuối ngày 2.300. Vì sai lầm này, các tín đồ đã phải chịu thất vọng, tuy nhiên, mọi thứ được lời tiên tri tiên đoán và mọi thứ mà các văn bản Kinh thánh đảm bảo với họ Cùng lúc họ than thở về sự thất vọng của những hy vọng của mình, một sự kiện đã xảy ra mà sứ điệp đã báo trước và phải ứng nghiệm trước khi Chúa hiện ra để ban thưởng cho các tông đồ Ngài.

Chúa Kitô đã đến, không phải đến Trái đất như mong đợi, nhưng, như đã được báo trước trong buổi lễ điển hình, đến nơi thánh thiêng nhất là đền thờ trên trời của Thiên Chúa. Nhà tiên tri Đa-ni-ên cho biết Ngài đang đến vào thời điểm đó với Đấng Cổ Đại: "Tôi nhìn trong khải tượng ban đêm, và kìa, có một người giống như Con Người đến trên mây trời: và Ngài đi" không hướng về Trái đất, nhưng "đến với Đấng Thượng Cổ và đưa Ngài đến gần Ngài."

(Đa-ni-ên 7:13).

Sự đến này cũng được tiên tri Malachi báo trước: "Bỗng nhiên, Chúa, Đấng các người tìm kiếm, sẽ đến trong đền thờ của Người, Thiên thần của giao ước mà các người mong muốn; này, Người đến, Chúa các đạo quân phán vậy". (Mal. 3:1). Việc Chúa đến đền thờ của Ngài thật bất ngờ và bất ngờ đối với dân Ngài. Họ đã không tìm kiếm Ngài ở đó. Họ mong đợi Chúa trở lại trần gian, "như ngọn lửa hừng, báo thù những kẻ không biết Đức Chúa Trời và những kẻ không vâng phục Phúc Âm" (II Tê-sa-lô-ni-ca 1:8).

Nhưng dân chúng chưa sẵn sàng gặp Chúa của họ. Họ vẫn còn một công việc chuẩn bị cần được thực hiện. Ánh sáng đã chiếu xuống để hướng tâm trí họ hướng về đền thờ Đức Chúa Trời ở trên trời. Và khi họ lấy đức tin bước theo Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm trong

Chức vụ của họ ở đó, những nhiệm vụ mới đã được tiết lộ cho họ. Một thông điệp cảnh báo và hướng dẫn khác sẽ được đưa ra cho hội thánh.

Ngôn sứ nói: "Nhưng ai có thể chịu nổi ngày Người đến? Và ai sẽ có thể sống sót khi Ngài xuất hiện? Vì Ngài giống như ngọn lửa của thợ kim hoàn và giống như kali của thợ làm đầy. Ngài sẽ ngồi làm thợ nấu chảy và lọc bạc; Ngài sẽ thanh tẩy con cháu Lê-vi và tinh luyện họ như vàng và bạc; họ sẽ mang lễ vật công bình đến cho Chúa." (Mal. 3:2 và 3). Những người đang sống trên trái đất khi lời cầu bầu của Chúa Kitô trong thánh đường trên trời chấm dứt phải đứng trước mặt một Thiên Chúa thánh thiện mà không cần có người trung gian. Y phục của người ấy phải không tì vết, tính cách của người ấy phải được tẩy sạch tội lỗi bằng huyết rảy. Nhờ ân sủng của Thiên Chúa và những nỗ lực siêng năng của chính họ, họ phải là người chiến thắng trong cuộc chiến chống lại cái ác. Trong khi Cuộc Phán xét Điều tra vẫn tiếp tục diễn ra trên Thiên đàng, trong khi tội lỗi của những tín đồ ăn năn đang được loại bỏ khỏi nơi thánh, thì phải có một công việc thanh tẩy hoặc tách biệt tội lỗi đặc biệt giữa dân sự của Đức Chúa Trời trên đất. Công việc này được trình bày rõ ràng nhất trong các thông điệp của Khải Huyền 14.

Khi công tác này hoàn tất, những người theo Đấng Christ sẽ sẵn sàng cho sự xuất hiện của Ngài. "Bấy giờ lễ vật của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem sẽ đẹp lòng Chúa như ngày xưa và những năm đầu." (Mal. 3:4). Vì vậy, Hội thánh mà Chúa chúng ta phải tiếp nhận cho chính Ngài khi Ngài đến phải là "một Hội thánh vinh hiển, không vết, không nhăn hay bất cứ điều gì giống như vậy, nhưng thánh khiết và không tì vết". (Ê-phê-sô 5:27). Rồi nàng sẽ trở dậy như bình minh ban ngày, đẹp như mặt trăng, thuần khiết như mặt trời, mạnh mẽ như đội quân giương cờ xí?" (Bài hát 6:10).

Ngoài việc Chúa đến đền thờ của Ngài, Ma-la-chi còn tiên đoán trong những lời này sự đến lần thứ hai của Ngài, việc Ngài đến để thi hành sự phán xét, bằng những lời này: "Và ta sẽ đến gần các ngươi để phán xét; ta sẽ nhanh chóng làm chứng chống lại các ngươi." những kẻ phù phép, những kẻ ngoại tình, những kẻ thù địch, những kẻ lừa gạt người hành hương, và làm hư hoại quyền lợi của người góa bụa, trẻ mồ côi và khách lạ, và những kẻ không kính sợ Ta, Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy. " (Mal. 3:5). Giu-đe đề cập đến cảnh tượng tương tự khi ông nói: "Này, Chúa sẽ đến cùng với hàng ngàn vị thánh của Ngài để thi hành sự phán xét trên tất cả và lên án mọi kẻ vô đạo trong số họ vì mọi hành động gian ác của họ". (Giu-đe 14 và 15). Lần đến này và việc Chúa đến đền thờ của Ngài là những sự kiện khác nhau và riêng biệt.

Cả việc Chúa Kitô đến với tư cách là Thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta đến nơi thánh nhất để thanh tẩy nơi thánh và được tiên tri Đa-ni-ên nhắc đến trong chương 8, câu 14; cũng như việc Con người đến với Đấng Thượng Cổ, như được ghi trong Đa-ni-ên 7:13; cũng như việc Chúa đến đền thờ của Ngài do Malachi tiên đoán, đều là những mô tả về cùng một sự kiện. Điều này cũng được thể hiện bằng việc người chồng đến dự đám cưới, được Chúa Kitô mô tả trong dụ ngôn mười trinh nữ, được trình bày ở chương 25 của Phúc âm Mátthêu.

Vào mùa hè và mùa thu năm 1844, lời tuyên bố được đưa ra: "Chàng rể đến!" Hai hạng người đại diện là trinh nữ khôn ngoan và trinh nữ dại dột sau đó đã được phát triển. Một lớp vui mừng chờ đợi sự xuất hiện của Chúa và đã siêng năng chuẩn bị để gặp Ngài. Một tầng lớp khác, bị ảnh hưởng bởi nỗi sợ hãi và hành động bốc đồng, đã hài lòng với lý thuyết về sự thật, lại thấy mình bị tước đoạt ân sủng của Chúa. Trong dụ ngôn, khi Chàng Rể đến, "những người đã sẵn sàng cùng Ngài vào dự tiệc cưới". Sự xuất hiện của Chàng Rể được đề cập ở đây xảy ra trước lễ cưới. Đám cưới tượng trưng cho việc Chúa Kitô tiếp nhận vương quốc. Thành thánh, Jerusalem Mới, là thủ đô và đại diện của vương quốc, được gọi là "cô dâu, vợ của Chiên Con". Thiên thần nói với Gioan: "Hãy đến, tôi sẽ chỉ cho ông thấy vợ của Chiên Con". Nhà tiên tri nói: "Và Ngài đã mang tôi đi trong tinh thần, và chỉ cho tôi thành phố vĩ đại, thành Giê-ru-sa-lem thánh thiện, từ Đức Chúa Trời từ trời xuống." (Kh 21:9 và 10). TRONG

Vì vậy, rất rõ ràng, cô dâu đại diện cho thành thánh, và các trinh nữ đi đón Chàng Rể là biểu tượng của nhà thờ. Trong Khải Huyền có viết rằng dân sự của Đức Chúa Trời được mời dự tiệc cưới (Khải Huyền 19:9). Là khách mời, họ cũng không thể được đại diện làm cô dâu. Như tiên tri Đa-ni-ên đã tuyên bố, Đấng Christ sẽ nhận được quyền thống trị, danh dự và vương quốc từ Đấng Thượng Cổ trên Thiên đàng"; Ngài sẽ nhận Giê-ru-sa-lem Mới, thủ đô của vương quốc Ngài, "được chuẩn bị như cô dâu trang điểm cho chồng mình" (Đa-ni-ên 7). :14; Khải huyền 21:2) Sau khi nhận được vương quốc, Ngài sẽ đến trong vinh quang với tư cách là Vua của các vua và Chúa của các chúa, để cứu chuộc dân Ngài, những người sẽ ngồi "với Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp", tại Bàn tiệc của Ngài trong vương quốc của Ngài (Ma-thi-ơ 8:11; Lu-ca 22:30), để dự tiệc cưới Chiên Con.

Lời tuyên bố: "Chàng Rể đến đây!", được đưa ra vào mùa hè năm 1844, đã khiến hàng ngàn người chờ đợi sự xuất hiện ngay lập tức của Chúa. Vào thời điểm đã định, Chàng Rể không đến Trái đất như mọi người mong đợi, mà đến Thượng Cổ trên Thiên đàng, đến đám cưới, tiệc chiêu đãi vương quốc của Ngài. "Những người đã sẵn sàng thì cùng Ngài vào dự tiệc cưới, và cửa đóng lại." Họ không nên có mặt trực tiếp tại đám cưới; vì những điều này diễn ra trên Thiên đàng trong khi chúng ở trên Trái đất. Những người theo Chúa Kitô phải chờ đợi "Chúa của họ sau tiệc cưới trở về" (Lc 12:36). Nhưng họ phải hiểu công tác của Ngài và đi theo Ngài bằng đức tin khi Ngài đến gần Đức Chúa Trời. Theo nghĩa này, họ được cho là sẽ đi dự đám cưới.

Trong dụ ngôn, những người có dầu trong bình và những người có đèn mới bước vào tiệc cưới. Những người, với sự hiểu biết về lẽ thật thu được từ Kinh thánh, cũng có Thánh Linh và ân điển của Đức Chúa Trời, và những người, trong đêm thử thách cay đắng, đã kiên nhẫn chờ đợi, tìm kiếm trong Kinh thánh một ánh sáng rõ ràng hơn về vấn đề này, những người này nhận ra lẽ thật liên quan đến đền thánh trên trời và sự thay đổi trong chức vụ của Đấng Cứu Rỗi, và bởi đức tin họ đã đi theo Ngài trong công việc của Ngài tại nơi thánh đó.

Và tất cả những ai, dựa trên lời chứng của Kinh thánh, chấp nhận những lẽ thật giống nhau, đi theo Đấng Christ bởi đức tin, khi Ngài bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời để thực hiện công việc hòa giải cuối cùng, và khi kết thúc công việc đó nhận được vương quốc của Ngài, tất cả những điều này đều được thể hiện giống như đi dự đám cưới.

Trong dụ ngôn được đưa ra trong Ma-thi-ơ 22, hình ảnh tương tự về một đám cưới được trình bày, và Cuộc Phán xét Điều tra được thể hiện như diễn ra trước đám cưới. Trước lễ cưới, nhà vua đến quan sát các quan khách (Ma-thi-ơ 22:11), và xem mọi người có được trang điểm bằng y phục cưới hay không, y phục tinh khiết có đặc tính được giặt và làm trắng trong máu Con Chiên (Khải huyền 7: 14). Bất cứ ai được phát hiện không có những bộ quần áo này đều bị vứt bỏ, nhưng tất cả những ai mặc bộ đồ cưới sau khi kiểm tra đều được Đức Chúa Trời chấp nhận và coi là xứng đáng dự phần vào vương quốc của Ngài và ngồi trên ngai của Ngài. Công việc kiểm tra tính cách, xác định ai được chuẩn bị cho vương quốc của Thiên Chúa, là công việc của Sự Phán xét Điều tra, công việc cuối cùng của đền thánh trên trời.

Khi công việc điều tra kết thúc, khi vụ án của tất cả những người tuyên xưng mình là môn đệ Chúa Kitô trong mọi thế kỷ đã được xem xét, thì lúc đó và chỉ khi đó thời gian thử thách mới khép lại, cánh cửa thương xót sẽ đóng lại.

Như vậy, chỉ bằng một câu ngắn gọn: "Những người đã sẵn lòng thì cùng Ngài đến dự tiệc cưới, cửa đóng lại", chúng ta được dẫn qua chức vụ cuối cùng của Đấng Cứu Thế, đến thời kỳ mà công cuộc vĩ đại cứu rỗi loài người sẽ được hoàn thành.

Việc phục vụ nơi thánh dưới đất, như chúng ta đã thấy, là một kiểu phục vụ được thực hiện trong nơi thánh trên trời, khi thầy tế lễ thượng phẩm bước vào nơi rất thánh, vào ngày chuộc tội, chức vụ của ngài thứ nhất chấm dứt. . Đức Chúa Trời đã truyền dạy: "Không ai được ở trong hội mạc khi vào làm lễ chuộc tội trong nơi thánh, cho đến khi đi ra." (Lê-vi Ký 16:17). Vì thế khi Chúa Kitô bước vào

tại nơi rất thánh để thực hiện công tác kết thúc công cuộc chuộc tội, Ngài kết thúc chức vụ của mình ở ngân thứ nhất. Tuy nhiên, khi chức vụ ở ngân thứ nhất kết thúc thì chức vụ ở ngân thứ hai lại bắt đầu ngay. Trong nghi lễ điển hình, khi thầy tế lễ thượng phẩm rời nơi thánh vào ngày chuộc tội, ông đến trước mặt Đức Chúa Trời để dâng huyết của lễ chuộc tội cho mọi người Y-sơ-ra-ên thực sự ăn năn tội lỗi của mình. Bằng cách này, Đấng Christ chỉ hoàn thành một phần công việc của Ngài với tư cách là Đấng Cầu Thay cho chúng ta, để bắt đầu một phần khác, và vẫn dùng huyết Ngài cầu xin trước mặt Đức Chúa Cha thay cho tội nhân.

Vấn đề này đã không được những người Cơ Đốc Phục Lâm hiểu vào năm 1844. Sau một thời gian trôi qua khi Đấng Cứu Rỗi được mong đợi, họ vẫn tin rằng sự đến của Ngài đã gần kề. Họ bảo vệ ý kiến cho rằng họ đã gặp phải một cuộc khủng hoảng quan trọng và công việc của Đấng Christ với tư cách là Người cầu thay cho con người trước Đức Chúa Trời đã kết thúc. Họ dường như được Thánh Kinh dạy rằng thời gian thử thách dành cho con người sẽ kết thúc một thời gian ngắn trước khi Chúa đến trên mây trời. Họ cho rằng giáo lý này được thể hiện rõ ràng trong những đoạn văn chỉ ra thời điểm con người sẽ tìm kiếm, gõ cửa và khóc lóc trước cửa ân sủng nhưng sẽ không được mở. Giữa họ có một câu hỏi là liệu ngày mà họ chờ đợi sự đến của Đấng Christ có đúng hơn là đánh dấu sự khởi đầu của thời kỳ ngay trước sự đến của Ngài hay không. Sau khi được cảnh báo về sự phán xét sắp đến, họ cảm thấy rằng công việc của họ đối với thế giới đã xong, và họ đánh mất trong tâm hồn gánh nặng lao khổ để cứu rỗi tội nhân, trong khi đối với họ, dường như họ thấy sự khinh miệt táo bạo và báng bổ của kẻ ác. là một bằng chứng khác cho thấy Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã bị rút lui khỏi những người khước từ ân điển Ngài. Tất cả những điều này khẳng định họ tin rằng thời gian quản chế đã qua, hay như chính họ đã nói: "Cánh cửa quản chế đã đóng lại".

Tuy nhiên, một ánh sáng rõ ràng hơn đã lộ dạng khi cuộc điều tra về vấn đề thánh địa. Sau đó, họ thấy rằng họ đã đúng khi tin rằng thời điểm kết thúc 2.300 ngày vào năm 1844 đánh dấu một cuộc khủng hoảng lớn. Mặc dù đúng là cánh cửa hy vọng và ân sủng mà qua đó con người, trong suốt mười tám thế kỷ, có thể đến với Thiên Chúa đã đóng lại, nhưng một cánh cửa khác đã được mở ra và qua đó, sự tha tội đã được ban cho con người, nhờ sự chuyển cầu của Chúa Kitô ở nơi quan trọng nhất. thánh thiện. Ngài đã kết thúc một phần chức vụ của mình, chỉ để nhường chỗ cho phần khác. Vẫn còn một "cánh cửa mở" dẫn vào đền thánh trên trời, nơi Đấng Christ đang phục vụ thay cho tội nhân.

Giờ đây, người ta hiểu việc áp dụng những lời của Chúa Kitô trong Sách Khải Huyền gửi cho giáo hội vào thời đó: "Đây là lời phán của Đấng thánh thiện, Đấng chân thật, Đấng có chìa khóa của Đa-vít; Đấng mở thì không ai đóng được. đóng lại thì không ai mở được." Ta biết các công việc người. Và này, ta đã mở trước mặt người một cái cửa, không ai có thể đóng được." (Kh 3:7 và 8).

Những ai bởi đức tin bước theo Chúa Giê-su trong công cuộc chuộc tội vĩ đại sẽ nhận được những lợi ích từ sự trung gian của Ngài thay cho họ; trong khi những người từ chối ánh sáng được trình bày trong mục vụ cầu thay này thì không được hưởng lợi từ nó. Những người Do Thái từ chối ánh sáng được ban cho vào lần tái lâm đầu tiên của Đấng Christ và không chịu tin Ngài là Đấng Cứu Rỗi của thế gian sẽ không thể nhận được sự tha thứ qua Ngài. Sau khi thăng thiên, khi Chúa Giêsu nhờ công nghiệp máu của Ngài mà vào cung thánh trên trời để đổ xuống cho các môn đệ những phúc lành do Ngài trung gian, thì người Do Thái bị bỏ lại trong bóng tối hoàn toàn và tiếp tục dâng những của lễ và lễ vật vô ích. Chức vụ của hình bóng và bóng tối đã kết thúc. Cánh cửa mà ngày xưa con người có thể đến với Thiên Chúa, nay đã không còn mở nữa. Người Do Thái đã từ chối tìm kiếm Ngài như là phương tiện duy nhất để có thể tìm thấy Ngài—thông qua chức vụ trong đền thánh trên trời. Kết quả là họ không đạt được sự hiệp thông với Thiên Chúa. Đối với họ cánh cửa đã đóng lại. KHÔNG

họ có sự hiểu biết về Đấng Christ là của lễ thật và là đấng trung gian duy nhất trước mặt Đức Chúa Trời; do đó họ không thể nhận được những lợi ích từ sự trung gian của Ngài.

Tình trạng của những người Do Thái không tin Chúa minh họa tình trạng của những người bất cần và không tin Chúa trong số những người tự xưng là Cơ Đốc nhân, những người sẵn sàng phớt lờ công việc của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm nhân từ của chúng ta. Trong nghi thức điển hình, khi vị thượng tế bước vào nơi thánh, toàn thể dân Israel phải tập hợp quanh cung thánh, và một cách trang trọng nhất, hạ mình xuống trước mặt Thiên Chúa, để họ nhận được sự tha tội và không bị loại trừ. từ hội chúng. Điều quan trọng hơn biết bao trong ngày chuộc tội không điển hình này là chúng ta phải hiểu công việc của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm và biết những nhiệm vụ mà chúng ta phải thực hiện.

Con người không thể từ chối mà không bị trừng phạt những lời cảnh báo mà Thiên Chúa gửi đến họ với lòng thương xót của Ngài. Thông điệp được Thiên đường gửi đến thế giới vào thời Nô-ê, và sự cứu rỗi của con người phụ thuộc vào cách ông đối xử với nó. Bởi vì họ từ chối lời cảnh báo, Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã bị rút lui khỏi dòng giống tội lỗi, và loài người bị diệt vong trong nước lụt. Vào thời của Áp-ra-ham, lòng thương xót không còn biện hộ cho những cư dân có tội của Sô-đôm, và tất cả, ngoại trừ Lót, vợ ông và hai con gái, đều bị lửa từ trời thiêu rụi. Con Đức Chúa Trời đã tuyên bố với những người Do Thái vô tín thuộc thế hệ đó: "Nhà các ngươi sẽ bị bỏ hoang". (Ma-thi-ơ 23:38). Nhìn về những ngày cuối cùng, Quyền năng vô hạn cũng tuyên bố về những người "không nhận được lòng yêu mến lẽ thật để được cứu": "Vì vậy, Đức Chúa Trời sẽ sai chúng làm những việc lầm lạc, để chúng tin vào sự dối trá; để chúng có thể xét xử mọi kẻ không tin lẽ thật, nhưng ưa sự gian ác".

(II Tê-sa-lô-ni-ca 2:10-12). Bởi vì họ từ chối những lời dạy của Lời Ngài, nên Đức Chúa Trời rút Thánh Linh của Ngài và để họ bị mắc bẫy bởi chính sự lừa dối mà họ vô cùng yêu thích.

Nhưng Đấng Christ vẫn cầu thay cho con người và ánh sáng sẽ được ban cho những ai tìm kiếm nó. Mặc dù lúc đầu những người Cơ Đốc Phục Lâm không hiểu điều này, nhưng sau đó nó trở nên rõ ràng khi các văn bản Kinh thánh xác định vị trí thực sự của họ bắt đầu được mở ra trước mắt họ.

Thời gian trôi qua vào năm 1844 kéo theo thời kỳ thử thách lớn lao đối với những người vẫn giữ vững đức tin Cơ Đốc Phục Lâm. Sự nhẹ nhõm duy nhất của họ, xét về vị trí thực sự của họ, là ánh sáng hướng tâm trí họ tới thánh địa trên trời. Một số từ bỏ đức tin vào số lượng thời kỳ tiên tri trước đó, và cho rằng lực lượng con người hoặc các cơ quan của satan có ảnh hưởng mạnh mẽ của Chúa Thánh Thần đã đồng hành cùng phong trào Cơ Đốc Phục Lâm. Một lớp khác kiên trì tuân theo lời dạy mà Chúa đã hướng dẫn họ trong kinh nghiệm quá khứ, và khi họ chờ đợi, quan sát và cầu nguyện để biết ý muốn của Đức Chúa Trời, họ thấy rằng Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm vĩ đại của họ đã bắt đầu một phần khác trong giáo vụ của Ngài, và , đồng hành cùng Ngài bằng đức tin, họ cũng được dẫn dắt để xem công việc cuối cùng của nhà thờ. Họ hiểu rõ hơn về thông điệp của thiên thần thứ nhất và thứ hai, và họ đã sẵn sàng tiếp nhận và đưa ra cho thế giới lời cảnh báo long trọng của thiên thần thứ ba trong Khải Huyền 14.

Chương 25

Luật bất biến của Chúa

“Đền thờ Đức Chúa Trời mở ra trên trời, hòm giao ước Ngài hiện ra trong đền thờ Ngài”. (Khải huyền 11:19). Hòm giao ước của Đức Chúa Trời ở trong nơi chí thánh, hay nơi rất thánh, ngăn thứ hai của đền thánh. Để phục vụ đền tạm trần gian, nơi được coi là “tám gương và bóng tối của những điều trên trời”, căn phòng này chỉ có thể được vào vào ngày đại lễ chuộc tội, để thanh tẩy cung thánh.

Vì vậy, lời thông báo rằng đền thờ của Đức Chúa Trời đã được mở trên Thiên đàng và hòm giao ước của Ngài đã được nhìn thấy ở đó cho thấy nơi rất thánh của đền thánh trên trời đã được mở ra vào năm 1844, khi Đấng Christ vào đó để thực hiện công việc của Chúa. kết thúc sự chuộc tội. Những người bởi đức tin đã đồng hành cùng Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm vĩ đại của họ, khi Ngài bắt đầu chức vụ của Ngài trong nơi rất thánh, đã nhìn thấy hòm giao ước của Ngài. Sau khi nghiên cứu chủ đề về đền thánh, họ hiểu được sự thay đổi được thực hiện trong chức vụ của Đấng Cứu Rỗi, và thấy Ngài hiện đang hành lễ trước hòm giao ước của Đức Chúa Trời, phó huyết Ngài thay cho tội nhân.

Hòm bia tạm dưới đất có hai bảng đá, trên đó có khắc các giới răn về luật pháp của Đức Chúa Trời. Chiếc hòm chỉ đơn thuần là nơi chứa đựng những bảng luật pháp, nhưng sự hiện diện của những lời răn thiêng liêng này đã mang lại cho nó giá trị và sự thiêng liêng. Khi đền thờ trên trời được mở ra, người ta có thể nhìn thấy hòm giao ước. Trong Nơi Chí Thánh, trong thánh đường trên trời, luật thiêng liêng được bảo tồn một cách thiêng liêng—luật được chính Thiên Chúa công bố giữa sấm sét ở Sinai và được chính ngón tay của Ngài viết trên những tấm đá.

Luật pháp của Thiên Chúa nơi thánh đường là bản gốc vĩ đại, từ đó những lời răn dạy trên bảng đá do Môi-se ghi lại trong Ngũ Kinh là bản chép không thể sai lầm. Những ai hiểu được điểm quan trọng này sẽ thấy được tính chất thiêng liêng và bất biến của luật Chúa. Họ nhận ra, hơn bao giờ hết, sức mạnh của lời nói của Đấng Cứu Rỗi: “Cho đến khi trời đất qua đi, thì một chấm một phết trong luật pháp sẽ không qua đi.” (Ma-thi-ơ 5:18). Luật pháp của Thiên Chúa, là sự mặc khải ý muốn của Ngài, là sự chuyển dịch đặc tính của Ngài, phải tồn tại mãi mãi, “như một nhân chứng trung thành trên Thiên đàng”. Không có điều răn nào bị bãi bỏ; không một dấu chấm hay tiêu đề nào được thay đổi.

Tác giả Thi Thiên nói: “Lạy Chúa, lời Ngài ngự trên trời mãi mãi”. “Mọi điều răn Ngài đều thành tín, tồn tại đời đời” (Thi Thiên 119:89; 111:7 và 8).

Trọng tâm của Mười Điều Răn là điều răn thứ tư, như được công bố lần đầu: “Hãy nhớ ngày Sabát để làm ngày thánh. Trong sáu ngày, người sẽ lao động và làm mọi công việc của mình, nhưng ngày thứ bảy là ngày Sabát của Chúa, Thiên Chúa của người; Người không được làm bất cứ công việc gì, người, con trai, con gái, tôi trai, tớ gái, súc vật của người, hay khách lạ ở trong cổng người cũng không được làm công việc gì.

Vì trong sáu ngày, Chúa đã tạo nên trời, đất, biển và vạn vật trong đó, và vào ngày thứ bảy, Ngài nghỉ ngơi; vì vậy Chúa đã ban phước cho ngày Sa-bát và thánh hóa ngày ấy” (Xuất-tô ký 20:8-11).

Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã tác động vào lòng những người nghiên cứu Lời Ngài. Trong tâm trí họ có sự thuyết phục rằng họ đã vi phạm điều răn này một cách thiếu hiểu biết khi không tôn trọng ngày nghỉ của Đấng Tạo Hóa. Sau đó, họ bắt đầu xem xét lý do tại sao phải giữ ngày thứ nhất trong tuần thay vì ngày mà Đức Chúa Trời đã thánh hóa. Họ không thể tìm thấy bất kỳ bằng chứng nào trong

Kinh thánh nói rằng điều răn thứ tư đã bị bãi bỏ hoặc ngày Sabát đã được thay đổi. Phước lành đầu tiên được thánh hóa vào ngày thứ bảy chưa bao giờ bị loại bỏ. Họ đã chân thành tìm cách hiểu biết và thực hiện ý muốn thiêng liêng.

Giờ đây, thấy mình là những kẻ vi phạm luật pháp của Ngài, nỗi buồn tràn ngập trong lòng họ và họ bày tỏ lòng trung thành với Đức Chúa Trời bằng cách tuân giữ ngày Sa-bát thánh của Ngài.

Nhiều nỗ lực to lớn đã được thực hiện để chấm dứt đức tin của họ.

Không ai có thể không thấy rằng nếu nơi thánh dưới đất là hình ảnh hoặc mô hình của thiên đàng, thì luật pháp được ký thác trong hòm trần gian là bản sao chính xác của luật pháp được tìm thấy trong hòm trên trời; và rằng việc chấp nhận lẽ thật của đền thánh trên trời bao gồm việc công nhận những yêu cầu của luật pháp Đức Chúa Trời, và nghĩa vụ về ngày Sa-bát của điều răn thứ tư. Trong đó ẩn chứa bí mật của sự phản đối gay gắt và kiên quyết đối với cách giải thích hài hòa của Kinh thánh, vốn tiết lộ chức vụ của Đấng Christ trong đền thánh trên trời.

Con người tìm cách đóng cánh cửa Chúa đã mở và mở cánh cửa Chúa đã đóng lại. Nhưng "Kẻ mở thì không ai đóng được, đóng thì không ai mở được" đã phán: "Này, ta đặt trước mặt các ngươi một cái cửa mở, không ai đóng được". (Kh 3:7 và 8).

Đấng Christ đã mở cánh cửa hay chức vụ của nơi rất thánh. Ánh sáng chiếu rọi từ cánh cửa mở này trong thánh đường trên trời, và điều răn thứ tư có trong luật pháp được quy định ở đó đã được thể hiện. Những gì Thiên Chúa đã thiết lập thì không ai có thể phá hủy được.

Những người chấp nhận ánh sáng liên quan đến sự trung gian của Đấng Christ và tính vĩnh viễn của luật pháp Đức Chúa Trời đã phát hiện ra rằng đây là những lẽ thật được nêu trong chương 14 của Khải Huyền. Các thông điệp trong chương này tạo thành một lời cảnh báo ba lần nhằm chuẩn bị cho cư dân trên Trái đất đón nhận sự tái lâm của Chúa. Lời loan báo: "Giờ phán xét của Ngài đã đến", ám chỉ công việc khép lại sứ vụ của Chúa Kitô để cứu rỗi nhân loại. Nó công bố một sự thật phải được công bố cho đến khi lời cầu thay của Đấng Cứu Rỗi kết thúc và Ngài quay trở lại Trái đất để tìm kiếm dân của Ngài. Công việc phán xét, bắt đầu từ năm 1844, phải tiếp tục cho đến khi vụ án của tất cả mọi người, cả người sống và người chết đều được giải quyết. Theo đó nó sẽ kéo dài cho đến hết thời gian ân sủng của con người. Để loài người có thể được chuẩn bị và đứng trước sự phán xét, sứ điệp truyền lệnh phải kính sợ Đức Chúa Trời và tôn vinh Ngài, "và thờ phượng Đấng đã dựng nên trời, đất, biển và các suối nước." Kết quả của việc chấp nhận những thông điệp này được thể hiện bằng câu: "Đây là những người tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa và đức tin vào Chúa Giêsu". Để chuẩn bị cho sự phán xét, con người cần phải tuân giữ luật pháp của Đức Chúa Trời. Luật này sẽ là tiêu chuẩn của tính cách trong phán xét. Sứ đồ Phao-lô tuyên bố: "Tất cả những ai phạm tội theo luật pháp sẽ bị luật pháp xét xử... Vào ngày mà Đức Chúa Trời sẽ lấy Đức Chúa Giê-su Christ xét xử những điều kín nhiệm của loài người". Và ông còn nói thêm: "Ai thực hành luật pháp sẽ được xưng công chính" (Rô-ma 2:12-16). Đức tin là điều cần thiết để tuân theo luật Chúa; vì "không có đức tin thì không thể làm hài lòng Ngài." "Và bất cứ điều gì không phải bởi đức tin đều là tội lỗi." (Hê-bơ-rơ 11:6; Rô-ma 14:23).

Qua sứ điệp của thiên thần thứ nhất, loài người được mời gọi kính sợ Thiên Chúa, tôn vinh Ngài và thờ Ngài là Đấng Tạo Hóa trời đất. Để làm được điều này, họ phải tuân theo luật pháp của Ngài. Người khôn ngoan nói: "Hãy kính sợ Thiên Chúa và tuân giữ các điều răn của Người, vì đây là bản phận của mỗi người". (Truyền đạo 12:13). Nếu không tuân theo các điều răn của Ngài thì không có sự thờ phượng nào có thể làm hài lòng Đức Chúa Trời. "Đây là tình yêu của Thiên Chúa, đó là chúng ta tuân giữ các điều răn của Ngài." "Ai ngoan tai không nghe luật pháp, thì lời cầu nguyện của người ấy cũng là điều gớm ghiếc." (I Giăng 5:3; Châm ngôn 28:9).

Nghĩa vụ thờ phượng Đức Chúa Trời dựa trên thực tế rằng Ngài là Đấng Tạo Hóa và tất cả chúng sinh khác đều có được sự tồn tại của họ là nhờ Ngài. Và trong Kinh thánh, bất cứ nơi nào quyền tôn kính và thờ phượng của Ngài cao hơn các vị thần của ngoại đạo được thể hiện, bằng chứng về quyền năng sáng tạo của Ngài đều được trích dẫn. "Mọi thần của loài người đều là hư không, nhưng Đức Giê-hô-va đã tạo nên trời." (Thi Thiên 96:5). "Vậy thì Chúa sẽ làm cho tôi giống tôi với ai, để tôi có thể trở thành

có giống nhau không? Hãy ngược mắt lên cao mà xem ai đã tạo ra những vật này." "Chúa là Đấng dựng nên trời, là Đức Chúa Trời đã dựng nên trái đất và làm ra nó, phán như vậy; ...Ta là Chúa, không có ai khác." (Ê-sai 40:25 và 26; 45:18). Tác giả Thi Thiên nói: "Hãy biết rằng Chúa là Đức Chúa Trời: chính Ngài, chứ không phải chúng ta, là Đấng biến chúng con thành một dân tộc của Ngài." "Hãy đến, chúng ta hãy thờ phượng và phủ phục; chúng ta hãy quỳ gối trước Chúa là Đấng đã tạo dựng nên chúng ta" (Tv 100:3; 95:6). Và các thánh đồ thờ phượng Thiên Chúa trên trời tuyên bố tại sao họ phải tôn kính Ngài: "Lạy Chúa, Ngài đáng được đón nhận". vinh quang, danh dự và quyền lực; vì Chúa đã sáng tạo muôn vật" (Khải huyền 4:11).

Trong Khải Huyền 14, loài người được kêu gọi thờ phượng Đấng Tạo Hóa; và lời tiên tri nêu bật một lớp người, nhờ thông điệp ba phần, đang tuân giữ các điều răn của Đức Chúa Trời. Một trong những điều răn này hướng thẳng đến Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa. Giời thứ tư nói: "Ngày thứ bảy là ngày Sabát của Chúa, Thiên Chúa của bạn... vì trong sáu ngày, Chúa đã tạo nên trời và đất, biển và vạn vật trong đó, và vào ngày thứ bảy, Ngài nghỉ ngơi; vậy nên ông đã chúc phước cho Chúa ngày Sa-bát và thánh hóa ngày đó." (Ví dụ 20:10 và 11). Liên quan đến ngày Sabát, Chúa nói rằng đó cũng là "dấu hiệu... để các người biết rằng Ta là Chúa, Thiên Chúa của các người" (Ê-xê-chiên 20:20). Và lý do được đưa ra là: "Vì trong sáu ngày Chúa đã tạo nên trời và đất, đến ngày thứ bảy Ngài nghỉ ngơi và lấy lại sức lực". (Ví dụ 31:17).

"Tầm quan trọng của ngày Thứ Bảy như một ngày tưởng nhớ công trình sáng tạo là nó luôn thể hiện lý do thực sự để thờ phượng Thiên Chúa", bởi vì Ngài là Đấng Tạo Hóa và chúng ta là thụ tạo của Ngài. "Do đó, ngày Sa-bát là nền tảng của sự thờ phượng Đức Chúa Trời, vì nó dạy lẽ thật vĩ đại này theo cách ấn tượng nhất, và không có tổ chức nào khác làm điều này. Cơ sở thực sự cho sự thờ phượng Đức Chúa Trời, không chỉ đơn thuần là sự thờ phượng vào ngày thứ bảy." , nhưng trên hết sự thờ phượng nằm ở sự phân biệt giữa Đấng Tạo Hóa và các tạo vật của Ngài. Sự thật quan trọng này không bao giờ có thể trở nên lỗi thời và không bao giờ được quên." Để luôn ghi nhớ lẽ thật này trong tâm trí con người mà Đức Chúa Trời đã thiết lập ngày Sa-bát ở vườn Ê-đen; và bao lâu sự thật rằng Ngài là Đấng Tạo Hóa của chúng ta tiếp tục là lý do tại sao chúng ta nên thờ phượng Ngài thì ngày Sa-bát sẽ vẫn là dấu hiệu và ngày kỷ niệm của nó. Nếu ngày Sa-bát được tuân thủ trên toàn cầu thì suy nghĩ và tình cảm của con người sẽ hướng về Đấng Tạo Hóa như một đối tượng để tôn kính và thờ phượng, và sẽ không bao giờ có người thờ hình tượng, người vô thần hoặc người không tin. Việc giữ ngày Sabát là dấu hiệu của lòng trung thành với Thiên Chúa thật, "Đấng tạo thành trời, đất, biển và các suối nước". Hóa ra thông điệp ra lệnh cho con người thờ phượng Đức Chúa Trời và tuân giữ các điều răn của Ngài, đặc biệt kêu gọi họ tuân theo điều răn thứ tư.

Ngược lại với những người tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa và có đức tin vào Chúa Giêsu, vị thiên thần thứ ba chỉ ra một hạng người khác, những lỗi lầm của họ, ông đưa ra một lời cảnh báo nghiêm trọng và đáng sợ: "Nếu ai thờ lạy con thú và hình ảnh nó, và chịu dấu vết trên trán hoặc trên tay, hắn cũng sẽ uống rượu thịnh nộ của Đức Chúa Trời". (Khải Huyền 14:9 và 10). Cần phải giải thích chính xác các ký hiệu được sử dụng trong thông báo này. Con thú, hình ảnh và dấu hiệu tượng trưng cho điều gì?

Chuỗi lời tiên tri trong đó những biểu tượng này được tìm thấy bắt đầu từ chương 12 của sách Khải Huyền, với con rồng đã tìm cách tiêu diệt Chúa Kitô khi Ngài giáng sinh. Con rồng bị tuyên bố là Sa-tan (Khải huyền 12:9); chính ông là người đã hành động Hêrôđê để giết Đấng Cứu Thế. Nhưng tác nhân chính của Satan trong việc tiến hành chiến tranh chống lại Đấng Christ và dân Ngài trong những thế kỷ đầu tiên của kỷ nguyên Cơ-đốc giáo là Đế quốc La Mã, trong đó ngoại giáo là tôn giáo thống trị. Vì vậy, mặc dù con rồng chủ yếu đại diện cho Satan, nhưng theo nghĩa thứ yếu, nó là biểu tượng của La Mã ngoại giáo.

Trong chương 13, một con thú khác "giống như con báo" được mô tả, mà con rồng đã ban cho "sức mạnh, ngai vàng và sức mạnh to lớn của nó". Biểu tượng này, giống như hầu hết

Những người theo đạo Tin lành tin rằng, đại diện cho giáo hoàng, người kế vị quyền lực, ngai vàng và quyền lực từng thuộc sở hữu của Đế chế La Mã cổ đại. Về con thú giống như con báo, người ta tuyên bố: "Nó được ban cho cái miệng nói những lời kiêu ngạo và phạm thượng... Nó mở miệng ra những lời phạm đến Đức Chúa Trời, phạm đến danh Ngài, đền tạm Ngài và những người ở trong đó". trời, nó lại được phép giao chiến với các thánh đồ và được thắng. Lời tiên tri này, gần giống với lời tiên tri được mô tả là phần đầu nhỏ của Đa-ni-ên 7, chắc chắn chỉ về giáo hoàng.

"Anh ấy đã được trao quyền để tiếp tục trong bốn mươi hai tháng." Và nhà tiên tri nói, "Tôi thấy một trong những cái đầu của anh ta như thể nó bị thương đến chết." Lại nữa: "Nếu ai dẫn tù binh thì sẽ bị tù; nếu ai dùng gươm giết người thì phải bị giết bằng gươm". Bốn mươi hai tháng cũng giống như "kỳ, kỳ và nửa kỳ", ba năm rưỡi hay 1.260 ngày trong Đa-ni-ên 7, trong thời gian đó quyền lực của giáo hoàng sẽ áp bức dân Chúa. Thời kỳ này, như đã nêu trong các chương trước, bắt đầu với việc thành lập chế độ giáo hoàng vào năm 538 sau Công nguyên. C., và kết thúc vào năm 1798. Nhân dịp đó, khi chế độ giáo hoàng bị bãi bỏ và giáo hoàng bị quân Pháp bắt giữ, quyền lực của giáo hoàng bị trọng thương và lời tiên tri đã ứng nghiệm: "Nếu ai bị bắt, bị giam cầm sẽ ."

Tại thời điểm này, một biểu tượng khác được giới thiệu. Nhà tiên tri nói: "Tôi thấy một con thú khác từ dưới đất trỗi dậy, có hai sừng như sừng chiên con". (Khải huyền 13:11). Cả hình dáng bên ngoài và cách thức xuất hiện của con thú này đều cho thấy rằng quốc gia mà nó đại diện khác với những quốc gia được xác định dưới các biểu tượng trước đó. Các vương quốc vĩ đại thống trị thế giới được nhà tiên tri Đa-ni-ên giới thiệu như những con thú săn mồi, chúng trỗi dậy khi "bốn cơn gió trên trời giao chiến trong biển lớn" (Đa-ni-ên 7:2). Trong Khải Huyền 17, một thiên sứ đã nói rõ rằng nước đại diện cho "các dân tộc, các đoàn thể, các quốc gia và các thứ tiếng" (câu 15). Gió là biểu tượng của xung đột. Bốn ngọn gió trời giao tranh trên biển lớn tượng trưng cho những cảnh tượng chinh phục và cách mạng khủng khiếp, qua đó các vương quốc giành được quyền lực.

Nhưng con thú có sừng giống như con cừu non được nhìn thấy "từ dưới đất trỗi dậy". Thay vì tiêu diệt các cường quốc khác để tự thành lập, quốc gia được đại diện phải xuất hiện trên lãnh thổ trước đây không có người ở, phát triển dần dần và hòa bình. Do đó, nó không thể phát sinh từ giữa các quốc gia đông dân và hiếu chiến của Thế giới cũ—biển hỗn loạn của "các dân tộc, các quần thể, các quốc gia và ngôn ngữ." Đất nước này phải được tìm kiếm ở lục địa phía Tây.

Quốc gia Tân Thế giới nào đã tìm thấy chính mình vào năm 1798, vươn lên nắm quyền, thể hiện những dấu hiệu về sức mạnh và sự vĩ đại, đồng thời thu hút sự chú ý của thế giới? Việc áp dụng biểu tượng không còn nghi ngờ gì nữa. Một quốc gia, và chỉ một quốc gia, đáp ứng các tiêu chuẩn của lời tiên tri chỉ rõ ràng về Hợp chủng quốc Bắc Mỹ. Nhiều lần suy nghĩ, gần như chính xác từng lời của người viết thiêng liêng, dường như được người nói và sử gia sử dụng một cách vô thức để mô tả sự ra đời và phát triển của dân tộc này. Con thú được nhìn thấy "mọc lên từ trái đất"; và, theo các dịch giả, từ ở đây được dịch là "vươn lên" có nghĩa đen là "lớn lên hoặc đâm chồi như một cái cây". Và, như chúng ta đã có cơ hội thấy, quốc gia này sẽ xuất hiện trên một lãnh thổ trước đây không có người ở. Một nhà văn nổi tiếng, mô tả sự xuất hiện của Hoa Kỳ, nói về "bí ẩn về nguồn gốc từ sự trống rỗng" và nói: "Giống như một hạt giống thâm lặng, chúng tôi đã phát triển thành một đế chế". Một tờ báo châu Âu năm 1850 đã nói về Hoa Kỳ như một đế quốc kỳ diệu đang nổi lên, và "giữa sự im lặng của trái đất, quyền lực và niềm kiêu hãnh ngày càng lớn mạnh." Edward Everett, trong một bài giảng về những người hành hương lập quốc, đã nói: "Họ đã làm như vậy không tìm kiếm một nơi hẻo lánh, vô hại vì sự tối tăm và

được bảo vệ khỏi sự đàn áp của những kẻ chuyên quyền, nơi mà nhà thờ nhỏ ở Leyden có thể được hưởng quyền tự do lương tâm? Hãy nhìn xem những vùng đất hùng mạnh mà trên đó, trong cuộc chinh phục hòa bình... họ đã dựng những cây thánh giá!"

"Và anh ta có hai cái sừng giống như một con cừu non." Những chiếc sừng giống như con cừu non biểu thị tuổi trẻ, sự ngây thơ và ngoan ngoãn, thể hiện một cách khéo léo tính cách của Hoa Kỳ khi được giới thiệu với nhà tiên tri là "đang trỗi dậy" vào năm 1798. Những người theo đạo Cơ đốc lưu vong lần đầu tiên trốn sang Mỹ đã xin tị nạn khỏi sự áp bức của hoàng gia và sự không khoan dung của giới tu sĩ, và quyết tâm thành lập một chính phủ trên nền tảng rộng rãi của tự do dân sự và tôn giáo. Tuyên ngôn Độc lập khẳng định một chân lý vĩ đại rằng "mọi người sinh ra đều bình đẳng" và được ban cho quyền bất khả xâm phạm là "được sống, được tự do và mưu cầu hạnh phúc". Và Hiến pháp bảo đảm cho người dân quyền thành lập chính quyền tự chủ, bảo đảm các đại biểu được bầu bằng phổ thông đầu phiếu xây dựng và quản lý pháp luật. Quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo cũng được đảm bảo, mọi người được phép thờ phượng Chúa theo tiếng gọi của lương tâm mình.

Chủ nghĩa Cộng hòa và Tin lành đã trở thành những nguyên tắc cơ bản của quốc gia.

Những nguyên tắc này là bí mật của quyền lực và sự thịnh vượng của bạn. Những người bị áp bức và bất lực trên khắp các tôn giáo theo đạo Cơ-đốc đã hướng về vùng đất này với sự quan tâm và hy vọng. Hàng triệu người đã đến bờ biển của nước này và Hoa Kỳ đã giành được vị trí ưu việt trong số các quốc gia hùng mạnh nhất trên Trái đất.

Nhưng con thú có sừng như chiên con "nói như rồng. Nó thi hành mọi quyền phép của con thú thứ nhất trước mặt nó, khiến đất và dân cư ở đó phải thờ lạy con thú thứ nhất, có vết thương chí mạng đã được chữa lành. E ... bảo những người sống trên Trái đất làm tượng cho con thú đã nhận vết thương bằng gươm và đã sống" (Khải huyền 13:11-14).

Những chiếc sừng giống như con cừu non và giọng nói giống như rồng của biểu tượng này cho thấy sự mâu thuẫn nổi bật giữa những gì quốc gia đại diện tuyên bố và những gì quốc gia đó thực hành. "Lời nói" của một quốc gia là hành động của các cơ quan lập pháp và tư pháp của quốc gia đó. Bằng hành động như vậy, ông ta sẽ mâu thuẫn với các nguyên tắc tự do và hòa bình mà ông ta đã thiết lập làm nền tảng cho chính sách của mình. Lời tiên đoán hẳn sẽ nói "như rồng" và thi hành "tất cả quyền năng của con thú đầu tiên" báo trước rõ ràng sự phát triển của một tinh thần cố chấp và bất bớ được thể hiện qua các quốc gia đại diện bởi con rồng và con thú giống báo. tuyên bố rằng con thú hai sừng khiến "trái đất và những người sống ở đó phải tôn thờ con thú đầu tiên" cho thấy rằng quyền lực của quốc gia đó phải được thực thi để thực thi một số sự tuân thủ vốn là một hành động tôn kính giáo hoàng.

Thái độ như vậy sẽ trực tiếp trái ngược với các nguyên tắc của chính phủ này, đặc điểm của các thể chế tự do của nó, các tuyên bố trực tiếp và trang trọng của Tuyên ngôn Độc lập và Hiến pháp. Những người sáng lập quốc gia đã khôn ngoan tìm cách tránh việc giáo hội sử dụng quyền lực thế tục, với kết quả không thể tránh khỏi là sự không khoan dung và đàn áp. Hiến pháp quy định rằng "Quốc hội sẽ không đưa ra luật nào tôn trọng việc thành lập tôn giáo hoặc cấm tự do thực hiện tôn giáo" và rằng "không có bằng chứng nào về tính chất tôn giáo sẽ được yêu cầu làm tiêu chuẩn cho bất kỳ chức vụ tín nhiệm nào ở Hoa Kỳ." . Chỉ khi vi phạm trắng trợn những biện pháp bảo vệ quyền tự do của quốc gia này thì chính quyền dân sự mới có thể áp đặt bất kỳ việc tuân thủ tôn giáo nào. Nhưng sự mâu thuẫn trong quan điểm đó không lớn hơn sự mâu thuẫn được thể hiện bằng biểu tượng. Đó là con thú có sừng giống như sừng cừu, tự xưng là trong sạch, nhân từ và vô hại, nói như rồng.

“Hãy bảo dân cư trên đất làm tượng cho con thú.” Ở đây trình bày rõ ràng hình thức chính phủ trong đó quyền lập pháp đến từ người dân; bằng chứng thuyết phục nhất cho thấy Hoa Kỳ chính là quốc gia được nhắc đến trong lời tiên tri.

Nhưng “hình tượng con thú” là gì? Và nó nên được hình thành như thế nào? Hình tượng này được tạo ra bởi con thú có hai sừng và là hình ảnh của con thú đầu tiên. Nó còn được gọi là hình ảnh của con thú. Vì vậy, để biết hình ảnh là gì và được tạo thành như thế nào, chúng ta cần nghiên cứu đặc điểm của chính con thú - ngôi giáo hoàng. Khi hội thánh đầu tiên trở nên hư hỏng do quay lưng lại với sự đơn giản của phúc âm và chấp nhận những nghi lễ và phong tục ngoại giáo, hội thánh đã đánh mất Thánh Linh và quyền năng của Đức Chúa Trời. Và để kiểm soát lương tâm của người dân, ông đã tìm kiếm sự ủng hộ từ thế lực thế tục. Kết quả của thái độ này là giáo hoàng, một giáo hội kiểm soát quyền lực của Nhà nước và sử dụng nó để đạt được mục đích riêng của mình, đặc biệt là trong việc trừng phạt những kẻ “dị giáo”. Để Hoa Kỳ tạo dựng được hình ảnh của con thú, quyền lực tôn giáo phải kiểm soát quyền lực dân sự, để quyền lực nhà nước được nhà thờ sử dụng nhằm đạt được những mục tiêu riêng của mình.

Bất cứ khi nào Giáo hội giành được quyền lực thế tục, Giáo hội sẽ dùng nó để trừng phạt những người không đồng ý với học thuyết của mình. Các giáo hội Tin lành đã theo chân Rome bằng cách thành lập liên minh với các thế lực thế tục cũng bày tỏ mong muốn hạn chế quyền tự do lương tâm. Một ví dụ về điều này có thể được thấy trong cuộc đàn áp kéo dài những người bất đồng chính kiến của Giáo hội Anh giáo. Trong thế kỷ 16 và 17, hàng nghìn mục sư không theo chủ nghĩa tuân thủ đã bị buộc phải rời bỏ nhà thờ của họ, và nhiều người, cả mục sư lẫn người dân, phải chịu phạt tiền, bỏ tù, tra tấn và tử đạo.

Chính sự bội đạo đã khiến hội thánh đầu tiên phải tìm đến chính quyền dân sự để được giúp đỡ, và điều này đã mở đường cho sự phát triển của chế độ giáo hoàng-con thú. Phao-lô nói rằng “sự bội đạo” sẽ đến, và “kẻ tội lỗi” sẽ lộ diện (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3). Vì vậy, sự bội đạo trong hội thánh sẽ dọn đường cho việc hình thành hình tượng con thú. Và Kinh Thánh tuyên bố rằng trước khi Chúa đến sẽ có tình trạng suy thoái tôn giáo tương tự như những thế kỷ đầu tiên. “Trong những ngày sau rốt, những thời kỳ khó khăn sẽ đến. Vì sẽ có những người tư kỹ, tham lam, khoe khoang, kiêu ngạo, lộng ngôn, không vâng lời cha mẹ, bội bạc, phạm thượng, vô tình, khó hòa giải, hay vu khống, không tiết độ, hung ác.”, không yêu người lành, phản bội, cố chấp, kiêu ngạo, ưa thích sự vui chơi hơn là yêu mến Đức Chúa Trời, bề ngoài giữ điều nhân đức nhưng chối bỏ quyền năng của điều đó”. (II Ti-mô-thê 3:1-5). “Nhưng Đức Thánh Linh phán rõ ràng rằng trong đời sau rốt, có mấy kẻ sẽ bội đạo mà theo các thần lửa dối và đạo lý của ma quỷ”. (I Ti-mô-thê 4:1). Sa-tan sẽ hành động “với đủ quyền năng, dấu lạ, phép lạ giả dối, và mọi cách gian dối gian ác.” Và tất cả những ai “không đón nhận lòng yêu mến lẽ thật để được cứu” sẽ được tự do chấp nhận “hoạt động sai lầm để tin vào lời dối trá” (II Têss. 2:9-11). Khi đạt đến trạng thái bất kính như vậy, kết quả tương tự như trong những thế kỷ đầu tiên sẽ được thể hiện rõ ràng.

Nhiều tín ngưỡng đa dạng trong các nhà thờ Tin lành được nhiều người coi là bằng chứng rõ ràng rằng không thể thực hiện được nỗ lực nào nhằm đảm bảo sự thống nhất được thực thi. Nhưng đã nhiều năm nay, trong các nhà thờ theo đạo Tin lành, một cảm giác mạnh mẽ và ngày càng gia tăng ủng hộ sự hợp nhất dựa trên những quan điểm chung về giáo lý. Để đảm bảo sự tuân thủ như vậy, phải tránh bất kỳ cuộc thảo luận nào về các chủ đề không có sự đồng thuận, bất chấp tầm quan trọng của chúng theo quan điểm Kinh Thánh.

Charles Beecher, trong một bài giảng năm 1846, đã tuyên bố rằng chức vụ của “các giáo phái Tin lành Phúc âm” “không chỉ được hình thành dưới sự khủng khiếp của

áp lực của nỗi sợ hãi đơn giản của con người, nhưng anh ta cũng sống, di chuyển và thờ trong một môi trường của những thứ hoàn toàn bại hoại, và luôn kêu gọi mọi yếu tố thấp nhất trong bản chất của mình, để che giấu sự thật và quỳ gối trước quyền lực của sự bội đạo. Đó chẳng phải là cách mọi chuyện đã diễn ra với Rome sao? Chẳng phải chúng ta lại đi theo đường lối của Ngài sao? Và chúng ta có thể thấy gì ngay trước mắt? Một hội đồng chung khác! Một hội nghị thế giới! Một giao ước phúc âm và tín điều phổ quát!" Khi điều này được thực hiện, thì trong nỗ lực đảm bảo sự thống nhất hoàn toàn, sẽ chỉ có một bước là dùng đến vũ lực. Khi các giáo hội chính của Hoa Kỳ, thống nhất về những điểm giáo lý chung giữa họ Nếu họ tác động đến Nhà nước để thực thi các sắc lệnh và hỗ trợ các thể chế của mình, thì nước Mỹ theo đạo Tin lành sẽ hình thành hình ảnh của hệ thống phân cấp La Mã, và việc áp dụng các hình phạt dân sự đối với những người bất đồng chính kiến sẽ là kết quả tất yếu.

Con thú hai sừng "khiến mọi người, lớn nhỏ, giàu nghèo, tự do hay nô lệ, đều phải đeo một dấu trên tay phải hoặc trên trán, để không ai có thể mua bán ngoại trừ người có dấu đó, hoặc tên của con thú, hoặc số của tên nó" (Khải Huyền 13:16 và 17). Lời cảnh báo của thiên thần thứ ba là: "Nếu ai thờ lạy con thú và hình tượng nó, đồng thời nhận dấu ấn nó trên trán hoặc trên tay, thì kẻ đó cũng sẽ uống rượu thịnh nộ của Đức Chúa Trời". "Con thú" được đề cập trong thông điệp này, được chỉ huy bởi con thú hai sừng, là con thú đầu tiên hay con báo giống con báo trong Khải huyền 13-giáo hoàng. "Hình tượng con thú" tượng trưng cho hình thức Tin Lành bội đạo sẽ phát triển khi các giáo hội Tin Lành tìm kiếm sự trợ giúp của chính quyền dân sự để áp đặt giáo điều của mình. "Dấu hiệu của con thú" vẫn chưa được xác định.

Sau lời cảnh báo chống lại việc thờ lạy con thú và hình ảnh nó, lời tiên tri tuyên bố: "Đây là những kẻ giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và giữ lòng tin Đức Chúa Giê-su". Vì vậy, xét rằng những người tuân giữ các điều răn của Đức Chúa Trời được đặt đối lập với những người tôn thờ con thú và hình ảnh của nó và nhận dấu ấn của nó, thì một mặt là việc tuân thủ luật pháp của Đức Chúa Trời và mặt khác là vi phạm nó, phải phân biệt giữa những người thờ phượng Đức Chúa Trời và những người thờ phượng con thú.

Đặc điểm đặc biệt của con thú, và do đó, của hình ảnh nó, là việc vi phạm các điều răn của Thiên Chúa. Về chiếc sừng nhỏ, ngôi vị giáo hoàng, nhà tiên tri Đa-ni-ên nói: "Ngài sẽ lo thay đổi thời thế và luật pháp". (Đa-ni-ên 7:25). Và Phao-lô coi quyền lực này là "kẻ phạm tội", kẻ tự cho mình tôn cao mình trên Đức Chúa Trời. Một lời tiên tri là sự bổ sung cho lời tiên tri kia. Chỉ bằng cách thay đổi luật pháp của Đức Chúa Trời, giáo hoàng mới có thể tự tôn mình lên trên Chúa. Bất cứ ai tận tâm tuân theo luật đã được thay đổi như vậy sẽ tôn vinh tối cao quyền lực đã thực hiện sự thay đổi đó. Hành động tuân theo luật lệ của Giáo hoàng như vậy sẽ là dấu hiệu của lòng trung thành với Giáo hoàng hơn là với Thiên Chúa.

Giáo hoàng đã cố gắng thay đổi luật pháp của Thiên Chúa. Điều răn thứ hai cấm thờ ảnh tượng đã bị loại bỏ khỏi luật, và điều răn thứ tư được thay đổi để cho phép giữ ngày thứ nhất thay vì ngày thứ bảy là ngày Sa-bát. Nhưng những người theo chủ nghĩa Giáo hoàng nhấn mạnh, lý do bỏ qua điều răn thứ hai là không cần thiết vì nó được bao gồm trong điều răn thứ nhất, và họ đang đưa ra luật pháp chính xác những gì Thiên Chúa muốn làm cho con người hiểu. Đây không thể là sự thay đổi được tiên đoán bởi nhà tiên tri. Một sự thay đổi có chủ ý, có chủ ý được trình bày. "Anh ấy sẽ quan tâm đến việc thay đổi thời gian và luật pháp." Sự thay đổi trong điều răn thứ tư ứng nghiệm chính xác lời tiên tri. Cơ quan duy nhất bị cáo buộc cho việc này là của Giáo hội. Ở đây quyền lực của giáo hoàng công khai đặt mình lên trên Thiên Chúa.

Trong khi những người tôn thờ Thiên Chúa sẽ nổi bật đặc biệt bởi sự tôn trọng điều răn thứ tư, vì đây là dấu hiệu quyền năng sáng tạo của Ngài và là bằng chứng cho

Quyền được tôn kính và tôn kính của con người, những kẻ tôn thờ con thú sẽ nổi bật vì những nỗ lực nhằm phá bỏ đài tưởng niệm Đấng Tạo Hóa và tôn vinh thể chế La Mã. Chính vì quan điểm ủng hộ ngày Chủ nhật mà giáo hoàng bắt đầu đưa ra những tuyên bố ngạo mạn của mình. Nguồn lực đầu tiên ông yêu cầu từ chính quyền Nhà nước là áp đặt việc tuân giữ Chúa Nhật là "ngày của Chúa". Nhưng Kinh Thánh cho biết ngày thứ bảy chứ không phải ngày đầu tiên là ngày của Chúa. Chúa Kitô đã nói: "Con Người là Chúa của ngày Sabát". Điều răn thứ tư dạy: "Ngày thứ bảy là ngày Sabát của Chúa". Và qua tiên tri Isaia, Chúa gọi đó là: "Ngày thánh của Ta". (Biển.

2:28; Là một. 58:13).

Tuyên bố thường được tuyên bố rằng Đấng Christ đã thay đổi ngày Sa-bát đã bị chính lời nói của Ngài bác bỏ. Trong bài giảng trên núi, Ngài đã phán: "Đừng tưởng rằng ta đến để hủy bỏ luật pháp hay các lời tiên tri; ta đến không phải để bãi bỏ mà để làm trọn. Vì ta quả thật nói cùng các người, cho đến khi trời đất qua đi, trong luật pháp không bỏ sót một chấm một phết nào mà mọi sự đều không được trọn vẹn. Ai vi phạm một trong những điều răn nhỏ nhất và dạy dỗ người ta như vậy, sẽ bị gọi là nhỏ nhất trong Nước Trời; nhưng ai làm trọn và dạy dỗ những điều đó sẽ được xưng là vĩ đại trong Nước Trời." (Ma-thi-ơ 5:17-19).

Có một thực tế thường được những người theo đạo Tin lành chấp nhận là không nơi nào trong Kinh thánh cho phép thay đổi ngày Sa-bát. Điều này được tuyên bố thẳng thắn trong các ấn phẩm do American Tract Society và American Sunday School Union xuất bản. Một trong những tác phẩm này công nhận "sự im lặng hoàn toàn của Tân Ước liên quan đến một điều răn rõ ràng cho ngày Chúa nhật hoặc những quy tắc nhất định để tuân theo nó".

Một người khác nói: "Cho đến thời điểm Chúa Kitô chết, không có sự thay đổi nào được thực hiện trong ngày"; và, "theo như hồ sơ cho thấy, họ [các sứ đồ] không đưa ra mệnh lệnh rõ ràng nào ra lệnh bỏ ngày Sa-bát thứ bảy và việc tuân theo ngày đầu tiên trong tuần."

Người Công giáo La Mã thừa nhận rằng sự thay đổi ngày Sa-bát là do nhà thờ của họ thực hiện và tuyên bố rằng những người theo đạo Tin lành, bằng cách tuân theo ngày Chủ nhật, đang công nhận quyền lực của nhà thờ La Mã. Trong Sách Giáo Lý Công Giáo Của Đạo Thiên Chúa, để trả lời câu hỏi về ngày phải tuân giữ điều răn thứ tư, có câu này: "Theo luật cũ, ngày Sa-bát là ngày thánh, nhưng giáo hội, chỉ thị bởi Chúa Giêsu Kitô, và được hướng dẫn bởi Thánh Thần Thiên Chúa, đã thay thế Thứ Bảy bằng Chúa Nhật, vì vậy bây giờ chúng ta thánh hóa ngày đầu tiên chứ không phải ngày thứ bảy. Chúa nhật bây giờ có nghĩa là ngày của Chúa."

Như một dấu hiệu cho thấy quyền lực của Giáo hội Công giáo, các tác giả theo đạo Giáo hoàng trích dẫn "chính hành động thay đổi ngày Sabát thành Chúa nhật, điều mà những người theo đạo Tin lành thừa nhận... bởi vì trong việc tuân thủ nghiêm ngặt ngày Chúa nhật, họ thừa nhận quyền của nhà thờ trong việc ấn định các ngày lễ và áp đặt chúng." chịu sự trừng phạt của người phạm tội". Vậy thì sự thay đổi ngày Sabát là gì nếu không phải là dấu hiệu quyền lực của Giáo hội La Mã hay "dấu hiệu của con thú"?

Nhà thờ Rome đã không từ bỏ quyền tối cao của mình. Và khi thế giới và các nhà thờ Tin lành chấp nhận một ngày nghỉ ngơi sau quá trình sáng tạo của họ, mặc dù bác bỏ ngày Sa-bát trong Kinh thánh, nhưng họ hầu như thừa nhận những tuyên bố này. Họ có thể viện dẫn quyền lực của truyền thống và các giáo phụ để thay đổi, nhưng khi làm như vậy, họ bỏ qua chính nguyên tắc tách biệt họ với La Mã, đó là "Kinh thánh và chỉ một mình Kinh thánh là tôn giáo của người Tin lành." Những người theo giáo hoàng có thể thấy rằng họ đang tự lừa dối mình, tự động nhắm mắt làm ngơ trước những sự thật liên quan đến vụ án. Khi phong trào Chủ nhật nhận được sự ủng hộ, họ tự chúc mừng, cảm thấy yên tâm rằng phong trào này sẽ tập hợp toàn bộ thế giới Tin lành dưới ngọn cờ của Rome.

Những người theo chủ nghĩa La Mã tuyên bố rằng "việc tuân thủ Chủ nhật của những người theo đạo Tin lành là một sự tôn vinh mà họ phải trả, bất chấp mọi thứ, đối với quyền lực của Giáo hội [Công giáo]." Việc các nhà thờ Tin lành áp đặt việc tuân giữ Chúa nhật là sự ép buộc tôn thờ giáo hoàng - con thú. Những ai hiểu được những yêu cầu của điều răn thứ tư, chọn tuân theo ngày Sa-bát giả thay vì ngày Sa-bát thật, do đó bày tỏ lòng tôn kính đối với quyền lực mà chỉ mình nó được truyền lệnh. Nhưng chính trong hành động áp đặt nghĩa vụ tôn giáo thông qua quyền lực thế tục, các nhà thờ sẽ tạo ra hình ảnh của con thú. Do đó, việc áp dụng việc giữ ngày Chúa nhật ở Hoa Kỳ là một sự bắt buộc phải tôn thờ con thú và hình ảnh của nó.

Nhưng những người theo đạo Cơ-đốc thuộc các thế hệ trước đã tuân giữ ngày Chủ nhật, cho rằng khi làm như vậy họ đang giữ ngày Sa-bát trong Kinh thánh. Ngày nay có những Cơ-đốc nhân chân chính trong mọi nhà thờ, không ngoại trừ cộng đồng Công giáo La Mã, những người thành thật tin rằng Chúa Nhật là ngày Sa-bát được Đức Chúa Trời thiết lập. Đức Chúa Trời chấp nhận sự thành thật về mục đích và sự chính trực. Nhưng khi việc tuân giữ Chúa nhật trở thành bắt buộc và thế giới được soi sáng về nghĩa vụ của ngày Sabát hợp pháp, thì bất cứ ai vi phạm điều răn của Thiên Chúa là tuân theo giới răn không có thẩm quyền cao hơn giới răn của Rôma, sẽ tôn vinh ngôi vị giáo hoàng hơn Thiên Chúa. Bạn sẽ bày tỏ lòng kính trọng đối với Rome và quyền lực áp đặt thể chế do Rome ra lệnh. Bạn sẽ tôn thờ con thú và hình ảnh của nó. Khi đàn ông từ chối một thể chế mà Đức Chúa Trời tuyên bố là dấu hiệu của thẩm quyền và danh dự của Ngài thay vào đó là thể chế mà La Mã đã chọn làm dấu hiệu cho quyền lực tối cao của mình, thì họ đang chấp nhận dấu hiệu trung thành với La Mã - "dấu hiệu của con thú". Khi câu hỏi này được đặt ra rõ ràng trước dân chúng và dân chúng phải lựa chọn giữa các điều răn của Đức Chúa Trời và các điều răn của con người, thì những ai tiếp tục vi phạm sẽ nhận được "dấu hiệu của con thú".

Mối đe dọa đáng sợ nhất từng xảy ra với con người nằm trong thông điệp của thiên thần thứ ba. Đó sẽ là một tội lỗi khủng khiếp sẽ lôi kéo cơn thịnh nộ của Thiên Chúa, không trọn lẫn với lòng thương xót. Đàn ông không nên mù mờ về chủ đề quan trọng này; lời cảnh báo chống lại tội lỗi như vậy phải được đưa ra cho thế giới trước khi các cuộc phán xét của Thiên Chúa đến, để tất cả mọi người có thể biết tại sao những hình phạt này lại được áp dụng và có cơ hội thoát khỏi chúng. Lời tiên tri tuyên bố rằng thiên sứ đầu tiên sẽ loan báo cho "mọi nước, mọi chi phái, mọi ngôn ngữ và mọi dân tộc". Lời cảnh báo của thiên thần thứ ba, một phần của thông điệp ba bên, cũng không kém phần phổ biến. Nó được thể hiện trong lời tiên tri như được tuyên bố bằng một giọng lớn, bởi một thiên thần bay qua giữa thiên đường và thu hút sự chú ý của thế giới.

Kết quả của cuộc tranh chấp này, toàn bộ Cơ đốc giáo sẽ bị chia thành hai giai cấp lớn - những người tuân giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin của Chúa Giê-su, và những người tôn thờ con thú cùng hình ảnh của nó và nhận dấu hiệu của nó. Mặc dù nhà thờ và Nhà nước phối hợp quyền lực của mình để buộc "tất cả mọi người, lớn và nhỏ, giàu và nghèo, tự do và nô lệ", phải nhận "dấu hiệu của con thú" (Khải huyền 13:16), tuy nhiên người dân của Chúa sẽ không nhận được nó. Nhà tiên tri của Bát-mô chiêm ngưỡng "những người đã chiến thắng con thú, hình ảnh, dấu ấn của nó và số lượng tên của nó, những người đứng bên biển thủy tinh và có đàn hạc của Đức Chúa Trời. Và họ đã hát bài hát của Moses và bài hát của Chiên Con" (Apoc. 15: 2 và 3).

Chương 26

Một công cuộc cải cách

Công việc cải cách ngày Sa-bát sẽ được thực hiện trong những ngày sau rốt đã được báo trước trong lời tiên tri của Ê-sai: "Đức Giê-hô-va phán thế này: Hãy giữ sự xét đoán và làm sự công bình; vì sự cứu rỗi của Ta đã sẵn sàng đến, và sự công bình của Ta sẽ được bày tỏ." ... Phước cho người làm điều này, và con người nắm giữ điều này, giữ mình khỏi xúc phạm ngày Sa-bát, và giữ tay mình khỏi làm điều ác. "Kính gửi con cái những người ngoại quốc đến với Chúa để phục vụ Ngài và yêu mến danh Chúa, và do đó là tôi tớ của Ngài, tất cả những ai giữ ngày Sabát và không xúc phạm ngày ấy, và những ai tuân theo giao ước của Ta, Ta cũng vậy. sẽ đưa họ lên núi thánh của Ta và Ta sẽ cử hành họ trong nhà cầu nguyện của Ta." (Ê-sai 56:1, 2, 6 và 7).

Những lời này áp dụng cho thời kỳ Cơ-đốc giáo, như được thể hiện trong bối cảnh: "Chúa Giê-hô-va, Đấng tập hợp những người Y-sơ-ra-ên bị phân tán, phán như vậy: Ta sẽ tập hợp những người khác cho những người tập hợp lại cho Ngài." (Ê-sai 56:8). Ở đây việc tập hợp dân ngoại được phúc âm thúc đẩy đã được báo trước. Và phước lành sẽ được ban cho những ai tôn trọng ngày Sa-bát. Vì vậy, nghĩa vụ của điều răn thứ tư sẽ vượt ra ngoài sự đóng đinh, sự phục sinh và sự thắng thiên của Đấng Christ, cho đến thời điểm mà các tôi tớ của Ngài phải rao giảng sứ điệp tin mừng cho mọi quốc gia.

Chúa ra lệnh qua vị tiên tri này: "Hãy ràng buộc lời chứng, niêm phong luật pháp giữa các môn đệ của Ta". (Ê-sai 8:16). Dấu ấn của luật pháp Thiên Chúa được tìm thấy trong điều răn thứ tư. Riêng điều này, trong số mười, không chỉ ghi tên mà còn cả chức danh của Nhà lập pháp. Ông tuyên bố Ngài là Đấng Tạo Hóa của trời và đất, và do đó thể hiện quyền tôn kính và thờ phượng của Ngài trên hết. Ngoại trừ giới luật này, không có điều gì trong điều răn cho thấy luật được ban hành bởi thẩm quyền của ai. Khi ngày Sa-bát được thay đổi bởi quyền lực của giáo hoàng, con dấu đã được gỡ bỏ khỏi luật pháp. Các môn đệ của Chúa Giêsu được mời gọi tái lập và tôn vinh ngày Sabát của điều răn thứ tư lên vị trí xứng đáng của nó như một ngày tưởng niệm Đấng Tạo Hóa và là dấu chỉ quyền năng của Ngài.

"Theo luật pháp và lời chứng!" Trong khi có rất nhiều học thuyết và lý thuyết mâu thuẫn nhau, luật pháp của Chúa là quy tắc không thể sai lầm duy nhất mà qua đó mọi ý kiến, học thuyết và lý thuyết phải được kiểm tra. Nhà tiên tri đã nói: "Nếu họ không nói theo lời này, họ sẽ không bao giờ nhìn thấy bình minh". (Ê-sai 8:20).

Người ta lại truyền lệnh: "Hãy kêu lớn tiếng, đừng chần chừ, hãy cất tiếng lên như kèn, và tuyên bố cho dân Ta biết sự vi phạm của chúng, và cho nhà Gia-cóp tội lỗi của chúng". Đó không phải là thể giới gian ác, mà là những người mà Chúa chỉ định là "dân của Ta", những người sẽ bị khiển trách vì những vi phạm của họ. Ngài còn tuyên bố thêm: "Tuy nhiên, hằng ngày họ vẫn tìm kiếm Ta, vui vì biết đường lối Ta, như một dân làm theo sự công bình, và không bỏ mạng lệnh của Đức Chúa Trời mình". (Ê-sai 58:1 và 2). Ở đây nổi bật lên một tầng lớp tự coi mình là công chính và dường như tỏ ra rất quan tâm đến việc phụng sự Chúa; nhưng sự khiển trách nặng nề và long trọng của Đấng dò lòng chứng tỏ họ đang chà đạp lên những lời răn thiêng liêng.

Do đó, nhà tiên tri đã phân biệt sắc lệnh đã bị lãng quên: "Từ thế hệ này sang thế hệ khác, bạn sẽ lập nền móng, người ta sẽ gọi bạn là người sửa chữa những chỗ bị hư hỏng, là người sửa lại các đường để ở. Ngày Sa-bát, và việc làm theo ý mình trong ngày thánh của Ta, và nếu các người gọi ngày Sa-bát là ngày vui thích, là ngày thánh của Chúa, đáng tôn trọng và tôn trọng nó, không đi theo đường lối riêng của mình, cũng không giả vờ làm theo ý mình, cũng không nói lời riêng mình, thì sẽ vui mừng trong Chúa."

(Ê-sai 58:12-14). Lời tiên tri này cũng áp dụng cho thời đại chúng ta. Sự vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời xảy ra khi ngày Sa-bát bị quyền lực của người La Mã thay đổi. Nhưng đã đến lúc thể chế thiêng liêng phải được khôi phục. Chỗ hư hỏng phải được sửa chữa, nền móng cho bao thế hệ phải được xây dựng.

Được thánh hóa bởi sự an nghỉ và phước lành của Đấng Tạo Hóa, ngày Sa-bát được A-đam giữ trong sự vô tội trong vườn Ê-đen thánh thiện; của Adam sau khi sa ngã và ăn năn, sau khi bị trục xuất khỏi nơi ở hạnh phúc của mình. Nó được bảo vệ bởi tất cả các tộc trưởng, từ Abel đến Nô-ê công chính và từ Áp-ra-ham đến Gia-cốp. Khi những người được chọn bị giam cầm ở Ai Cập, nhiều người, giữa tình trạng thờ thần tượng đang thịnh hành, đã đánh mất kiến thức về luật pháp của Đức Chúa Trời. Nhưng khi Chúa giải cứu Y-sơ-ra-ên, Ngài công bố luật pháp của Ngài một cách hết sức hoành tráng cho đám đông tụ tập, để họ có thể biết ý muốn của Ngài, kính sợ Ngài và vâng phục Ngài mãi mãi.

Từ ngày đó đến nay, sự hiểu biết về luật pháp của Đức Chúa Trời vẫn được bảo tồn trên trái đất, và ngày Sa-bát của điều răn thứ tư vẫn được giữ. Mặc dù "kẻ tội lỗi" đã tìm cách chà đạp ngày thánh của Thiên Chúa, tuy nhiên, ngay cả trong thời kỳ thống trị của tên Phẫn Kitô, vẫn có những linh hồn trung thành ẩn náu trong những nơi cô tịch, tôn trọng các điều răn thánh. Kể từ cuộc Cải cách, ở mọi thế hệ đều có một số người đã duy trì việc tuân thủ nó. Mặc dù thường xuyên bị buộc tội và bắt bớ, nhưng một bằng chứng liên tục đã được đưa ra về tính vĩnh cửu của luật pháp Thiên Chúa và nghĩa vụ thiêng liêng của Ngày Sabát Sáng tạo.

Những lễ thật này, như được nêu trong Khải Huyền 14, liên quan đến "phúc âm đời đời", sẽ phân biệt hội thánh của Đấng Christ vào thời điểm Ngài xuất hiện. Vì kết quả của thông điệp ba phần được công bố: "Đây là những người tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa và đức tin vào Chúa Giêsu". Và sứ điệp này là sứ điệp cuối cùng được đưa ra trước khi Chúa đến. Ngay sau lời tuyên bố này, nhà tiên tri đã nhìn thấy Con Người đến trong vinh quang và thu hoạch mùa màng trên Trái đất.

Những người nhận được ánh sáng về thánh điển và luật bất di bất dịch của Thiên Chúa đều tràn ngập niềm vui và nhiệt huyết khi nhìn thấy vẻ đẹp và sự hài hòa của hệ thống chân lý được mạc khải cho sự hiểu biết của họ. Họ ước mong rằng ánh sáng dường như rất quý giá đối với họ có thể được truyền đến tất cả các Kitô hữu. Và họ chỉ có thể tin rằng cô sẽ được chấp nhận một cách vui vẻ. Nhưng những lễ thật khiến họ xung đột với thế gian lại không được nhiều người tự xưng là môn đồ Đấng Christ đón nhận.

Việc tuân theo điều răn thứ tư đòi hỏi phải có sự hy sinh, điều mà hầu hết mọi người đều rút lui.

Khi những đòi hỏi của ngày Sa-bát được đưa ra, nhiều người đã lý luận theo quan điểm thế gian. Họ nói: "Chúng tôi luôn giữ ngày Chủ nhật, cha ông chúng tôi cũng giữ ngày đó, và nhiều người tốt bụng ngoan đạo đã chết trong hạnh phúc khi giữ ngày này. Nếu họ đúng thì chúng tôi cũng vậy. Việc tuân theo ngày Sa-bát mới này sẽ khiến chúng tôi bị loại khỏi hòa hợp với thế giới và chúng ta sẽ không có ảnh hưởng gì đến anh ta. Một nhóm nhỏ những người giữ ngày thứ bảy có thể làm gì chống lại cả thế giới giữ ngày Chủ nhật? Chính bằng những lập luận tương tự mà người Do Thái cố gắng biện minh cho việc họ từ chối Đấng Christ. Cha mẹ ông đã được Thiên Chúa chấp nhận bằng việc dâng lễ vật hiến tế; và tại sao bọn trẻ không thể tìm thấy sự cứu rỗi bằng cách làm theo cùng một đường hướng hành động? Tương tự như vậy, vào thời Luther, những người theo chủ nghĩa Papist lập luận rằng những Cơ đốc nhân chân chính đã chết trong đức tin Công giáo và do đó tôn giáo là đủ để được cứu rỗi. Lý luận như vậy tỏ ra là một rào cản hữu hiệu chống lại mọi tiến bộ trong đức tin hoặc thực hành tôn giáo.

Nhiều người nhấn mạnh rằng việc giữ ngày Chúa nhật đã là một giáo lý đã được thiết lập và là một phong tục phổ biến trong nhà thờ trong nhiều thế kỷ. Chống lại lập luận này, người ta đã chứng minh rằng ngày Sa-bát và việc tuân thủ ngày này có lịch sử lâu đời hơn.

được truyền bá, thậm chí còn lâu đời như chính thế giới và chịu sự trừng phạt của cả Chúa và các thiên thần. Khi nền tảng của Trái đất được đặt, khi các ngôi sao mai cùng nhau ca hát và tất cả con cái Chúa vui mừng, thì nền tảng của ngày Sa-bát đã được đặt (Gióp 38:6 và 7; Sáng thế Ký 2:1-3). Tổ chức này xứng đáng đòi hỏi sự tôn kính của chúng ta. Nó không được ra lệnh bởi bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào của con người và không dựa trên truyền thống của con người. Nó được Đấng Thượng Cổ thiết lập và được ấn định bởi Lời vĩnh cửu của Ngài.

Khi người dân chú ý đến chủ đề cải cách ngày Sa-bát, các mục sư nổi tiếng đã xuyên tạc Lời Chúa, đưa ra những cách giải thích theo cách khiến những tâm trí thắc mắc phải yên lặng. Và những người không tự mình tra cứu Kinh thánh đều hài lòng khi chấp nhận những kết luận phù hợp với mong muốn của họ. Bằng những lập luận và nguy biện, bằng những truyền thống của các tổ phụ và chính quyền giáo hội, nhiều người đã cố gắng hủy diệt sự thật. Những người bảo vệ lẽ thật Kinh Thánh đã dựa vào Kinh Thánh để bảo vệ giá trị pháp lý của điều răn thứ tư. Những người khiêm tốn, chỉ được trang bị Lời lẽ thật, đã phải đối mặt với sự tấn công của những người có học thức, những người ngạc nhiên và phẫn nộ khi phát hiện ra rằng những lời nguy biện hùng hồn của họ bắt lực trước lối lý luận đơn giản và trực tiếp của những người thông thạo Kinh thánh hơn là những sự tinh tế trong học thuật. .

Vì thiếu lời chứng của Kinh Thánh có lợi cho họ, nhiều người, với sự kiên trì không biết mệt mỏi, đã khăng khăng lập luận của mình, quên mất cách lý luận tương tự đã được sử dụng để chống lại Đấng Christ và các sứ đồ của Ngài: "Tại sao những người lỗi lạc của chúng ta không hiểu câu hỏi về ngày Sa-bát này? hãy tin như bạn. Bạn không thể đúng và tất cả những người biết chữ trên thế giới đều có thể sai."

Để bác bỏ lý luận như vậy, chỉ cần trích dẫn những lời dạy trong Kinh thánh và lịch sử Chúa đối xử với dân Ngài qua mọi thời đại. Đức Chúa Trời hành động thông qua những người nghe tiếng Ngài và tuân theo nó, thông qua những người, nếu cần, nói ra những sự thật khó chịu và không ngại khiển trách những tội lỗi phổ biến. Lý do Chúa không thường xuyên chọn những người có học thức và có địa vị cao để lãnh đạo các phong trào cải cách là vì họ tin cậy vào các tín điều, lý thuyết và hệ thống thần học của mình và không cảm thấy cần được Đức Chúa Trời dạy dỗ. Chỉ những người có mối liên hệ cá nhân với Nguồn trí tuệ mới có thể hiểu hoặc giải thích Kinh thánh. Những người có trình độ học vấn thấp đôi khi được kêu gọi công bố sự thật, không phải vì họ mù chữ, mà vì họ không đủ khả năng để được Thiên Chúa dạy dỗ. Họ học trong trường của Chúa Kitô và sự khiêm nhường và vâng lời của họ khiến họ trở nên vĩ đại. Bằng cách giao phó cho họ sự hiểu biết về chân lý của Ngài, Thiên Chúa ban cho họ một vinh dự mà những vinh quang trần thế và sự vĩ đại của con người trở nên vô nghĩa.

Hầu hết những người Cơ Đốc Phục Lâm đều bác bỏ những lẽ thật liên quan đến nơi thánh và luật pháp của Đức Chúa Trời, và nhiều người cũng từ bỏ đức tin của họ vào phong trào Cơ Đốc Phục Lâm, chấp nhận những quan điểm sai lầm và mâu thuẫn về những lời tiên tri áp dụng cho công việc đó. Một số người đã mắc sai lầm khi liên tục ấn định thời gian xác định cho sự tái lâm của Đấng Christ. Ánh sáng hiện đang tỏa ra từ thánh địa sẽ cho họ thấy rằng không có thời kỳ tiên tri nào kéo dài cho đến lần đến thứ hai; rằng thời gian chính xác của sự kiện này không được dự đoán. Nhưng, quay lưng lại với ánh sáng, họ tiếp tục đánh dấu thời điểm Chúa tái lâm nhiều lần và thường thất vọng.

Khi hội thánh ở Tê-sa-lô-ni-ca nghe được những ý kiến vô căn cứ về sự đến của Đấng Christ, sứ đồ Phao-lô khuyên họ nên cẩn thận kiểm tra những hy vọng và mong đợi của mình bằng Lời Đức Chúa Trời. Ông trích dẫn cho họ những lời tiên tri tiết lộ những sự việc xảy ra trước khi Đấng Christ đến và cho họ thấy rằng họ không có cơ sở để chờ đợi Chúa vào thời của họ. "Đừng để ai lừa dối anh em bằng bất cứ cách nào" (II Thess.

2:3), là những lời cảnh báo của ông. Nếu họ nhượng bộ những kỳ vọng không được Kinh thánh chấp nhận, họ sẽ bị dẫn vào một hành động sai lầm; sự thất vọng sẽ khiến họ bị những người không tin khinh miệt và họ có nguy cơ rơi vào tình trạng chán nản, bị cám dỗ nghi ngờ những lẽ thật thiết yếu cho sự cứu rỗi của họ. Lời khuyên của sứ đồ dành cho người Tê-sa-lô-ni-ca chứa đựng một bài học quan trọng cho những người đang sống trong những ngày sau rốt. Nhiều người Cơ Đốc Phục Lâm cảm thấy rằng trừ khi họ có thể đặt đức tin vào một thời điểm nhất định cho sự tái lâm của Chúa, nếu không họ sẽ không thể sốt sắng và siêng năng trong công việc chuẩn bị. Nhưng khi niềm hy vọng của họ liên tục bị kích động rồi bị phá hủy, đức tin của họ bị sốc đến mức họ gần như không thể bị ấn tượng bởi những sự thật vĩ đại của lời tiên tri.

Việc rao giảng về thời điểm xác định cho sự phán xét, trong việc công bố sứ điệp đầu tiên, đã được Chúa ra lệnh. Việc tính toán các giai đoạn tiên tri làm cơ sở cho thông điệp này, đặt thời điểm kết thúc 2.300 ngày vào mùa thu năm 1844, vẫn không bị cản trở. Những nỗ lực lặp đi lặp lại để tìm ra những niên đại mới cho sự bắt đầu và kết thúc của các thời kỳ tiên tri cũng như những lý luận sai lầm cần thiết để ủng hộ những quan điểm như vậy không chỉ làm chệch hướng tâm trí khỏi sự thật hiện tại mà còn khiến mọi nỗ lực giải thích những lời tiên tri trở nên khinh thường. Thời gian xác định càng được ấn định cho lần đến thứ hai càng thường xuyên và nó càng được giảng dạy rộng rãi thì nó càng phục vụ tốt hơn cho mục đích của Sa-tan. Sau thời gian, hấn xúi giục chế nhạo và khinh miệt những người bảo vệ mình, và do đó gây ra sự sỉ nhục đối với phong trào Cơ Đốc Phục Lâm vĩ đại vào năm 1843 và 1844. Những người vẫn tiếp tục sai lầm này cuối cùng sẽ ấn định ngày Chúa Kitô đến trong một tương lai rất xa. Do đó, họ sẽ bị dẫn đến sự an toàn giả tạo và sẽ không phát hiện ra sự giả dối cho đến khi quá muộn.

Lịch sử của Israel cổ đại là một ví dụ nổi bật về kinh nghiệm trong quá khứ của nhóm người Cơ Đốc Phục Lâm. Đức Chúa Trời đã hướng dẫn dân Ngài trong phong trào Cơ Đốc Phục Lâm, giống như Ngài đã dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập. Trong nỗi thất vọng lớn lao, đức tin của ông đã bị thử thách giống như đức tin của người Do Thái ở Biển Đỏ. Nếu họ vẫn tin cậy vào bàn tay hướng dẫn đã ở cùng họ trong kinh nghiệm trước đây, thì họ đã nhìn thấy sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Nếu tất cả những người cùng cộng tác trong công tác năm 1844 đều chấp nhận và công bố sứ điệp của thiên sứ thứ ba trong quyền năng của Đức Thánh Linh, thì Chúa đã làm việc một cách hiệu quả nhờ nỗ lực của họ. Một dòng ánh sáng sẽ được chiếu xuống thế giới. Cư dân trên Trái đất lẽ ra đã được cảnh báo từ nhiều năm trước, công việc đóng cửa sẽ hoàn thành và Đấng Christ sẽ đến để cứu chuộc dân Ngài.

Ý muốn của Đức Chúa Trời không phải là dân Y-sơ-ra-ên phải lang thang bốn mươi năm trong sa mạc. Ông mong muốn **dẫn họ** thẳng đến vùng đất Canaan và thiết lập họ ở đó như một dân tộc thánh thiện và hạnh phúc. Nhưng "họ không thể vào được vì lòng vô tín" (Hê. 3:19). Vì sự liêu linh và bội đạo mà họ đã bỏ mạng trong đồng vắng, và những người khác được sống lại để vào Đất Hứa. Theo cách tương tự, đó không phải là ý muốn thiêng liêng khi sự tái lâm của Đấng Christ bị trì hoãn quá lâu và dân của Ngài phải ở lại nhiều năm trong thế giới tội lỗi và đau buồn này. Nhưng sự vô tín đã phân rẽ họ khỏi Đức Chúa Trời. Như thể từ chối thực hiện công việc mà anh đã chỉ ra, những người khác đứng lên tuyên bố thông điệp. Vì lòng thương xót thế gian, Chúa Giêsu trì hoãn sự đến của Ngài để tội nhân có cơ hội nghe lời cảnh báo và tìm nơi trú ẩn **trong Ngài** trước khi cơn thịnh nộ của Thiên Chúa trút xuống.

Ngày nay, cũng như các thời đại trước đây, việc trình bày một chân lý nhằm bác bỏ tội lỗi và sai lầm của thời đại sẽ khơi dậy sự chống đối. "Ai làm ác thì ghét ánh sáng, không đến cùng ánh sáng, kẻo việc làm của mình bị chê trách." (Giăng 3:20).

Khi đàn ông thấy rằng họ không thể duy trì vị trí của mình theo Kinh thánh, nhiều người

họ quyết tâm bảo vệ nó trước mọi nguy hiểm, và với tinh thần độc ác, họ tấn công tính cách và động cơ của những người đứng ra bảo vệ sự thật không được lòng dân. Đây là chính sách tương tự đã được tuân thủ mọi lúc. Ê-li bị tuyên bố là kẻ gây rối loạn của Y-sơ-ra-ên, Giê-rê-mi bị buộc tội là kẻ phản bội, Phao-lô phạm tội xúc phạm đền thờ. Từ đó đến nay, những ai mong muốn trung thành với chân lý đều bị tố cáo là nổi loạn, dị giáo hoặc bè phái. Đám đông quá vô tín để chấp nhận lời tiên tri chắc chắn sẽ nhận được lời buộc tội chống lại những kẻ dám khiển trách tội lỗi thời hiện đại với sự căm giận không thể nghi ngờ. Tâm trạng này sẽ ngày càng tăng lên. Và Kinh Thánh dạy rõ ràng rằng sắp đến một thời điểm mà luật pháp của Nhà nước sẽ xung đột với luật pháp của Đức Chúa Trời đến nỗi bất cứ ai muốn tuân theo mọi giới luật của Đức Chúa Trời sẽ phải đối mặt với sự khiển trách và trừng phạt như một kẻ làm điều ác.

Theo quan điểm này, nhiệm vụ của sứ giả sự thật là gì? Liệu anh ta có kết luận rằng sự thật không nên được trình bày, vì trong nhiều trường hợp, kết quả duy nhất của nó là khiến đàn ông trốn tránh hoặc chống lại những yêu cầu của nó? KHÔNG; ông không có lý do gì lớn hơn để từ chối lời chứng của Lời Chúa vì nó gây ra sự phản đối, hơn những gì những người cải cách ban đầu đã làm. Lời tuyên xưng đức tin của các thánh, các vị tử đạo được ghi chép lại để cho thế hệ sau. Những tấm gương sống động về sự thánh thiện và sự chính trực kiên định đó đã đến với chúng ta để khơi dậy lòng can đảm nơi những người ngày nay được mời gọi đứng lên làm chứng nhân cho Thiên Chúa.

Họ đã nhận được ân sủng và sự thật, không phải cho riêng họ mà để qua họ, sự hiểu biết về Thiên Chúa có thể soi sáng trái đất. Đức Chúa Trời có soi sáng cho tôi tớ Ngài trong thế hệ này không? Vì vậy, họ nên để nó tỏa sáng với thế giới.

Vào thời xa xưa, Chúa đã tuyên bố với một người nhân danh Ngài: "Nhà Y-sơ-ra-ên sẽ không nghe người, vì chúng sẽ không nghe Ta". Tuy nhiên, Ngài đã phán: "Các người sẽ nói cho họ nghe lời Ta, dù họ nghe hay không nghe". (Ê-xêch.

3:7; 2:7). Đối với tôi tớ của Đức Chúa Trời, vào lúc này, mệnh lệnh được ban ra: "Hãy cất tiếng lên như tiếng kèn và tuyên bố cho dân Ta biết sự vi phạm của chúng, và cho nhà Gia-cốp tội lỗi của chúng". Trong chừng mực cơ hội cho phép, mỗi người đã nhận được ánh sáng lẽ thật đều phải chịu cùng một trách nhiệm trang trọng và khủng khiếp giống như vị tiên tri của Y Sơ Ra Ên, người mà Chúa đã phán với người rằng: "Hỡi con trai của vua, hãy đến với người." Nay ta, Ta đã lập người canh gác nhà Y-sơ-ra-ên, nên người sẽ nghe lời từ miệng Ta và công bố cho chúng từ Ta. Nếu Ta bảo kẻ ác rằng: Hỡi kẻ ác, người chắc chắn sẽ chết, và người sẽ chết. Chớ nói để khiến kẻ ác lìa bỏ đường lối mình, thì kẻ ác đó sẽ chết trong tội ác mình, nhưng ta sẽ đòi máu nó nơi tay người. , nó không từ bỏ đường lối mình, nó sẽ chết trong tội ác mình, nhưng người đã cứu được linh hồn mình." (Ê-xê-chiên 33:7-9).

Trở ngại lớn nhất cho cả việc chấp nhận và công bố sự thật là nó gây ra sự bất tiện và xấu hổ. Đây là lập luận duy nhất chống lại sự thật mà những người bảo vệ nó chưa bao giờ có thể bác bỏ. Nhưng điều này không làm lung lay những người theo Chúa Kitô chân chính. Những điều này không chờ đợi sự thật trở nên phổ biến. Xác tín về bản phận của mình, họ cố tình chấp nhận thập tự giá, đồng lòng với sứ đồ Phao-lô, rằng "sự hoạn nạn nhẹ và tạm thời sẽ mang lại cho chúng ta vinh quang cao cả và vĩnh cửu hơn" (II Cô-rinh-tô 4:17), "có ", như một người xưa, "sự sỉ nhục của Đấng Christ còn giàu có hơn kho báu của Ai Cập" (Hê-bơ-rơ 11:26).

Dù nghề nghiệp của họ là gì, chỉ những người phục vụ thế giới trong trái tim họ mới hành động chính trị hơn là nguyên tắc trong các vấn đề tôn giáo. Chúng ta phải chọn điều đúng vì nó đúng và để lại hậu quả cho Chúa. Đối với những người có nguyên tắc, đức tin và lòng dũng cảm, thế giới mang ơn những vĩ nhân

cải cách. Thông qua những người như vậy, công việc cải cách vào thời điểm này phải được tiến hành.

Chúa phán thế này: "Hãy nghe Ta, hỡi những người biết sự công chính, những người trong đó Luật pháp của Ta là trọng tâm: Đừng sợ sự sỉ nhục của loài người, cũng đừng bối rối trước những lời lăng mạ của họ, vì sâu bướm sẽ ăn thịt bạn như chiếc áo, và sâu bọ sẽ ăn thịt bạn như len; nhưng sự công chính của Ta sẽ tồn tại mãi mãi, và sự cứu rỗi của Ta sẽ còn từ thế hệ này sang thế hệ khác" (Ê-sai 51:7 và 8).

Chương 27

Sự hồi sinh hiện đại

Bất cứ nơi nào Lời Chúa được rao giảng một cách trung thành thì kết quả theo sau đó chứng thực nguồn gốc thiêng liêng của nó. Thánh Linh của Đức Chúa Trời đồng hành với sứ điệp của các tông đồ Ngài và lời ấy được công bố một cách đầy quyền năng. Những người tội lỗi cảm thấy lương tâm của họ thức tỉnh. "Ánh sáng soi sáng mọi người đến thế gian" đã làm sáng tỏ những căn phòng bí mật trong tâm hồn họ và những điều ẩn giấu trong bóng tối đã được lộ rõ. Niềm tin sâu sắc đã chiếm lấy tâm trí và trái tim của họ. Họ bị thuyết phục về tội lỗi, sự công bình và sự phán xét sắp đến. Họ bị chiếm hữu bởi ý thức về công lý của Đức Giê-hô-va và cảm thấy nỗi kinh hoàng khi phải xuất hiện trong tội lỗi và sự ô uế của mình trước Đấng Tìm kiếm tấm lòng. Trong nỗi thống khổ, họ kêu lên: "Ai sẽ giải thoát tôi khỏi thân xác của cái chết này?" Khi thập tự giá trên Đồi Can-vê, với sự hy sinh vô hạn vì tội lỗi của loài người, được bày tỏ, họ thấy rằng không có gì ngoài công nghiệp của Đấng Christ mới đủ để chuộc tội cho họ; chỉ những điều này mới có thể hòa giải con người với Đức Chúa Trời. Với đức tin và lòng khiêm nhường, họ đã đón nhận Chiên Thiên Chúa, Đấng xóa tội trần gian. Nhờ huyết của Chúa Giê-xu họ đã "được tha mọi tội lỗi trong quá khứ".

Các linh hồn đã sinh hoa trái đáng sấm hối. Họ đã tin, chịu phép báp têm và chối dục để bước đi trong đời sống mới—những tạo vật mới trong Chúa Giê-xu Christ. Không phải để làm theo những ước muốn trước đây của họ, mà bằng niềm tin vào Con Thiên Chúa, đi theo bước chân của Ngài, phản ánh tính cách của Ngài và thanh lọc bản thân như Ngài là người trong sạch. Những điều họ từng ghét, giờ họ yêu thích; và những điều họ từng yêu thích, giờ đây họ ghét. Kẻ kiêu ngạo và ngạo mạn trở nên hiền lành và khiêm nhường trong lòng. Sự kiêu ngạo và kiêu ngạo trở nên nghiêm túc và khiêm tốn. Kẻ phàm tục trở nên cung kính, kẻ say rượu trở nên tỉnh táo, kẻ phóng đãng trở nên trong sạch. Những kiểu cách phù phiếm của thế gian đã bị gạt sang một bên. Những người theo đạo Thiên Chúa không tìm kiếm "những gì ở bên ngoài, chẳng hạn như tóc xoắn, đồ trang sức bằng vàng, quần áo; nhưng phải là con người bề trong của tấm lòng, kết hợp với bộ áo không thể hư nát là một tâm hồn hiền lành và yên lặng, là điều có giá trị lớn trước mặt Đức Chúa Trời" (I Phi-e-rơ 3:3 và 4).

Các cuộc phục hưng tạo ra sự tìm kiếm sâu sắc trong lòng và sự khiêm nhường. Chúng được đặc trưng bởi những lời kêu gọi long trọng và nhiệt thành đối với tội nhân, bằng lòng cảm thương dịu dàng để nhận được máu của Chúa Kitô. Những người nam nữ đã cầu nguyện và chiến đấu với Thiên Chúa để cứu rỗi các linh hồn. Hoa trái của những sự thức tỉnh như vậy được thấy nơi những tâm hồn không chùn bước từ bỏ chính mình và hy sinh, nhưng vui mừng vì thấy mình xứng đáng chịu tử nhục và thử thách vì Chúa Kitô. Người ta đã chiêm ngưỡng sự biến đổi cuộc đời của những người tuyên xưng danh Chúa Giêsu. Cộng đồng được hưởng lợi từ ảnh hưởng của ông. Họ hiệp lại với Đấng Christ và gieo trong Thánh Linh để gạt sự sống đời đời.

Về họ, có thể nói: "Bạn buồn bã để ăn năn... Vì nỗi buồn của Chúa sinh ra sự ăn năn để được cứu, điều này không gây đau buồn cho ai; nhưng nỗi buồn của thế gian tạo ra cái chết. Bởi vì điều này đã tạo ra bao nhiêu sự quan tâm trong bạn, những người mà theo Chúa, đã đau buồn! Thật là phòng thủ, thật là phẫn nộ, thật là sợ hãi, thật là khao khát, thật nhiệt thành, thật là trả thù! Với tất cả những bằng chứng này cho thấy bạn vô tội trong vấn đề này." (II Cô-rinh-tô 7:9-11).

Đây là kết quả công tác của Thánh Linh Đức Chúa Trời. Không có bằng chứng nào về sự ăn năn thực sự trừ khi anh ta thực hiện một cuộc cải cách. Nếu người có tội trả lại lời cầm giữ, trả lại những gì đã trộm cắp, xưng tội, yêu mến Đức Chúa Trời và đồng loại, thì có được không?

hãy chắc chắn rằng bạn đã tìm thấy sự bình an với Chúa. Đó là những ảnh hưởng trong những năm đầu tiên sau sự thức tỉnh tôn giáo. Được đánh giá dựa trên thành quả của họ, họ được biết đến như những người được Chúa ban phước trong việc cứu rỗi loài người và nâng cao nhân loại.

Nhưng nhiều cuộc phục hưng hiện đại đã thể hiện sự tương phản rõ rệt với những biểu hiện của ân sủng thiêng liêng mà trong những ngày đầu đã tham dự vào công việc lao động của các tông đồ Chúa. Đúng là có một sự quan tâm rộng rãi được khơi dậy, nhiều người tuyên xưng cải đạo và có rất nhiều người đến nhà thờ; Tuy nhiên, kết quả không đảm bảo có sự quan tâm tương ứng và thực sự đến đời sống tinh thần. Ánh sáng cháy được một lúc sẽ tắt, để lại bóng tối dày đặc hơn trước.

Những cuộc phục hưng phổ biến thường được thực hiện nhờ sự lôi cuốn trí tưởng tượng, sự phấn khích của cảm xúc và sự thỏa mãn vì yêu thích những điều mới mẻ và đáng ngạc nhiên. Do đó, những người cải đạo ít mong muốn nghe lẽ thật trong Kinh thánh, ít quan tâm đến lời chứng của các nhà tiên tri và sứ đồ. Trừ khi buổi lễ tôn giáo có điều gì đó giật gân, nếu không nó sẽ không có sức hấp dẫn đối với họ. Thông điệp lôi cuốn lý trí vô tư sẽ không nhận được phản hồi nào. Những lời cảnh báo rõ ràng của Lời Chúa về lợi ích đời đời của Ngài không phải là

đã nghe.

Đối với mỗi tâm hồn thực sự hoán cải, mối quan hệ với Thiên Chúa và với những gì vĩnh cửu sẽ là chủ đề lớn của cuộc sống. Nhưng trong các nhà thờ bình dân ngày nay, tinh thần dâng mình cho Chúa ở đâu? Những người cải đạo không từ bỏ niềm kiêu hãnh và tình yêu của họ đối với thế giới. Họ không còn sẵn sàng từ bỏ bản thân, gác thập giá mình và đi theo Chúa Giêsu hiền lành và khiêm nhường như trước khi họ hoán cải. Tôn giáo đã trở thành môn thể thao của những kẻ ngoại đạo và hoài nghi vì nhiều người mang tên tôn giáo không biết gì về các nguyên tắc của tôn giáo. Quyền năng của sự tin kính gần như đã mất đi trong nhiều Hội thánh. Những cuộc dã ngoại, sân khấu và triển lãm trong nhà thờ, những ngôi nhà sang trọng, những cuộc trưng bày cá nhân đã khiến chúng ta rời xa Chúa. Đất đai, của cải và những công việc trần thế làm mê hoặc tâm trí, và những thứ thuộc về mối quan tâm vĩnh viễn hầu như không nhận được sự chú ý dù chỉ trong chốc lát.

Bất chấp sự suy giảm rộng rãi về đức tin và lòng đạo đức, vẫn có những tín đồ chân chính của Chúa Kitô trong các nhà thờ này. Trước cuộc viếng thăm cuối cùng của các cuộc phán xét thiêng liêng trên Trái đất, sẽ có một sự hồi sinh trong dân của Chúa về lòng đạo đức nguyên thủy mà chưa bao giờ được chứng kiến kể từ thời các tông đồ. Thánh Linh và quyền năng của Đức Chúa Trời sẽ đổ xuống trên con cái Ngài. Vào lúc đó, nhiều người sẽ tách mình ra khỏi những hội thánh mà trong đó tình yêu thế gian đã thay thế tình yêu của Đức Chúa Trời và Lời Ngài. Nhiều người, cả mục sư lẫn người dân, sẽ vui vẻ chấp nhận những sự thật vĩ đại mà Thiên Chúa đã quyết định công bố vào thời của họ, để chuẩn bị cho dân tộc đón nhận lần Chúa đến lần thứ hai. Kẻ thù của các linh hồn muốn cản trở công việc này; và trước thời điểm diễn ra hành động đó, anh ta sẽ cố gắng ngăn chặn nó bằng cách giới thiệu hàng giả. Trong các nhà thờ mà hần có thể đặt dưới quyền lực lửa đối của mình, hần sẽ làm ra vẻ như thể một phước lành rất đặc biệt đang được tuôn đổ; điều mà nhiều người nghĩ sẽ mang tính tôn giáo lớn sẽ xảy ra. Đám đông sẽ vui mừng vì Chúa đang làm những điều kỳ diệu cho họ khi công việc đó là của một thần linh khác. Dưới sự nguy trang tôn giáo, Satan sẽ tìm cách mở rộng ảnh hưởng của mình trên thế giới Cơ đốc giáo.

Trong nhiều cuộc phục hưng đã xảy ra trong suốt nửa thế kỷ qua, những ảnh hưởng tương tự đã tác động, ở mức độ ít hay nhiều, và sẽ được biểu hiện trong các phong trào lớn hơn trong tương lai. Có sự phấn khích về mặt cảm xúc, sự pha trộn giữa đúng và sai, rất thích hợp để lừa dối. Tuy nhiên, không ai cần phải bị lừa dối. Dưới ánh sáng Lời Chúa, không khó để xác định bản chất của những phong trào này. Bất cứ khi nào đàn ông bỏ qua lời chứng của

Kinh thánh, quay lưng lại với những sự thật rõ ràng và có tính chứng thực vốn đòi hỏi sự từ bỏ bản thân và từ bỏ thế gian, chúng ta có thể chắc chắn rằng phước lành của Thiên Chúa đã không được ban cho. Và từ quy luật mà chính Chúa Kitô đã ban hành, “cứ xem hoa quả mà nhận biết” (Mt 7:16), rõ ràng những phong trào này không phải là công việc của Thánh Thần Thiên Chúa.

Trong lễ thật của Lời Ngài, Đức Chúa Trời đã ban cho loài người sự mặc khải về chính Ngài, và đối với tất cả những ai chấp nhận chúng, họ là tể tướng chống lại sự lừa dối của Sa-tan. Chính việc bỏ qua những sự thật này đã mở ra cánh cửa cho những tệ nạn đang lan tràn trong thế giới tôn giáo. Bản chất và tầm quan trọng của luật pháp Chúa phần lớn đã bị lãng quên. Một quan niệm sai lầm về đặc tính, tính vĩnh viễn và tính chất bắt buộc của luật Thiên Chúa đã dẫn đến những sai lầm liên quan đến việc hoán cải và thánh hóa, và dẫn đến việc hạ thấp tiêu chuẩn đạo đức trong giáo hội.

Đây là bí mật của việc thiếu Thánh Linh và quyền năng của Đức Chúa Trời trong các cuộc phục hưng ở thời đại chúng ta.

Trong các giáo phái khác nhau, có những người đàn ông đáng chú ý vì lòng đạo đức của họ và sự thật này được công nhận và lên án. Giáo sư Edward Park, khi trình bày những mối nguy hiểm về tôn giáo ngày nay, đã nói một cách khéo léo: “Một nguồn nguy hiểm là việc bỏ bê bục giảng để thi hành luật thiêng liêng. Trong những ngày đầu, bục giảng là tiếng vọng của lương tâm...”

Những nhà thuyết giáo nổi tiếng nhất của chúng ta đã thể hiện sự uy nghiêm áp đảo trong các bài phát biểu của mình, noi gương Thầy của họ và đề cao luật pháp, những lời răn dạy và những lời đe dọa của luật pháp. Họ lặp lại hai câu châm ngôn tuyệt vời rằng luật pháp là bản ghi lại những sự hoàn hảo của Thiên Chúa, và người không yêu luật pháp thì không yêu mến phúc âm, vì cả luật pháp và phúc âm đều là tấm gương phản ánh bản chất thực sự của Đức Chúa Trời. Mối nguy hiểm này dẫn đến mối nguy hiểm khác, đó là đánh giá thấp sự ác tính của tội lỗi, mức độ nghiêm trọng và tác hại của nó.

Tương xứng với sự công bằng của điều răn là sự bất công khi không tuân theo nó.”

“Liên quan đến những mối nguy hiểm đã được đề cập là sự coi thường công lý của Chúa.

Xu hướng của bục giảng hiện đại là tách biệt công lý thiêng liêng khỏi lòng nhân từ thiêng liêng, nhấn chìm nó trong một cảm xúc hơn là tôn vinh nó thành một nguyên tắc. Lãng kính thần học mới tách biệt những gì Thiên Chúa đã kết hợp lại với nhau. Luật thiêng liêng là thiện hay ác? Đó là một điều tốt.

Cho nên công lý là tốt, vì đó là sự sẵn sàng tuân thủ pháp luật. Từ thói quen đánh giá thấp luật pháp và công lý của Thiên Chúa cũng như phạm vi và nhược điểm của sự bất tuân của con người, con người dễ dàng rơi vào thói quen coi thường ân sủng mang lại sự chuộc tội.” Do đó, phúc âm mất đi giá trị và tầm quan trọng của nó trong tâm trí con người, những người sớm thấy mình sẵn sàng gạt Kinh thánh sang một bên.

Nhiều giáo sư tôn giáo khẳng định rằng Đấng Christ, qua cái chết của Ngài, đã bãi bỏ luật pháp, và từ đó loài người thoát khỏi những đòi hỏi của luật pháp. Có một số người coi nó như một cái ách hành xác, và trái ngược với tình trạng nô lệ của luật pháp, thể hiện sự tự do được hưởng theo phúc âm.

Nhưng các nhà tiên tri và các sứ đồ đã không làm như vậy đối với luật thánh của Đức Chúa Trời. Đa-vít nói: “Tôi sẽ bước đi trong tự do, Vì tôi đã tìm kiếm các giềng mối Chúa”. (Thi Thiên 119:45) Sứ đồ Gia-cơ, người viết sau cái chết của Đấng Christ, gọi mười điều răn là “luật pháp hoàng gia” và “luật tự do hoàn hảo” (Gia-cơ 2:8; 1:25). Và vị mặc khải, nửa thế kỷ sau khi bị đóng đinh, đã tuyên bố một phước lành cho những ai “tuân giữ các điều răn của Ngài, để họ có được quyền năng trên cây sự sống và có thể qua các cổng mà vào thành” (Apoc.

22:14-Phiên bản tiếng Mỹ đã được sửa đổi và sửa chữa).

Khẳng định rằng Đấng Christ qua cái chết của Ngài đã bãi bỏ luật pháp của Cha Ngài là vô căn cứ. Nếu luật pháp có thể được thay đổi hoặc bãi bỏ thì Đấng Christ đã không cần phải chết để cứu con người khỏi hình phạt của tội lỗi. Cái chết của Chúa Kitô, không hề bãi bỏ lề luật, đã chứng minh rằng nó bất biến. Con Đức Chúa Trời đến để “ca ngợi và làm vinh hiển luật pháp” (Ê-sai 42:21). Ngài phán: “Các người đừng tưởng ta đến để bãi bỏ Luật pháp hay các lời tiên tri.”, “cho đến khi trời đất qua đi, không một chấm một phết”.

nó sẽ không bao giờ vượt quá Luật pháp” (Ma-thi-ơ 5:17 và 18). Và về chính Ngài, Ngài tuyên bố: “Ôi lạy Thiên Chúa của con, con vui lòng làm theo ý muốn của Ngài; Trong lòng tôi có luật pháp của Ngài.” (Thi Thiên 40:8)

Luật pháp của Chúa, về bản chất, là bất biến. Nó là sự mặc khải về ý chí và tính cách của Tác giả nó. Thiên Chúa là tình yêu và luật của Ngài là tình yêu. Hai nguyên tắc lớn của nó là tình yêu Thiên Chúa và tình yêu con người. “Tuân theo pháp luật là yêu thương.” (Rô.

13:10). Bản chất của Thiên Chúa là công lý và sự thật; đó là bản chất của luật pháp của Ngài. Tác giả Thi Thiên nói: “Luật pháp Chúa là lẽ thật... Mọi điều răn Chúa đều là sự công bình”. (Muối.

119:142, 172). Và sứ đồ Phao-lô tuyên bố: “Luật pháp là thánh; và điều răn là thánh, công bình và tốt lành.” (Rô-ma 7:12). Luật pháp là sự thể hiện tâm trí và ý muốn của Thiên Chúa, phải có giá trị lâu dài như Tác giả của nó.

Đó là công việc hoán cải và thánh hóa để hòa giải con người với Thiên Chúa, đưa họ hòa hợp với các nguyên tắc luật pháp của Ngài. Ban đầu, con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa. Ngài hoàn toàn hòa hợp với bản chất và luật pháp của Đức Chúa Trời; những nguyên tắc công lý đã được khắc ghi trong trái tim anh. Nhưng tội lỗi đã khiến ông xa cách Đấng Tạo Hóa. Anh không còn phản chiếu hình ảnh thần thánh nữa. Lòng ông đã chiến đấu chống lại những nguyên tắc của luật pháp Đức Chúa Trời. “Sự chăm về xác thịt nghịch với Đức Chúa Trời, vì nó không phục dưới luật pháp Đức Chúa Trời, và cũng không thể phục được”. (Rô-ma 8:7) Nhưng “Đức Chúa Trời yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con một của Ngài” để con người có thể được hòa giải với Đức Chúa Trời. Nhờ công nghiệp của Chúa Kitô, họ có thể được phục hồi sự hòa hợp với Đấng Tạo Hóa của mình. Tâm hồn bạn cần được đổi mới nhờ ân sủng Thiên Chúa; anh ấy cần một cuộc sống mới từ trên cao. Sự thay đổi này là sự tái sinh, nếu không có sự tái sinh đó, Chúa Giêsu nói: “Ngài

không thể thấy được Nước Thiên Chúa”.

Bước đầu tiên hướng tới sự hòa giải với Thiên Chúa là sự xác tín về tội lỗi. “Tội lỗi là sự vi phạm luật pháp.” (I Giăng 3:4) “Bởi luật pháp mà người ta biết tội lỗi”. (Rô-ma 3:20). Để nhận ra tội lỗi của mình, tội nhân phải kiểm tra tính cách của mình bằng tiêu chuẩn công lý vĩ đại của Thiên Chúa. Anh ấy là tấm gương phản ánh sự hoàn hảo của một nhân cách chính trực và giúp một người nhận ra những khuyết điểm của chính mình.

Luật pháp tiết lộ tội lỗi của con người nhưng không cung cấp bất kỳ phương thuốc nào cho chúng. Trong khi nó hứa sự sống cho kẻ vâng phục, nó tuyên bố rằng cái chết là số phận của kẻ phạm tội. Chỉ có phúc âm của Đấng Christ mới có thể giải thoát bạn khỏi sự lên án hoặc sự ô nhiễm của tội lỗi. Con người phải thực hiện sự ăn năn trước Đức Chúa Trời, luật pháp của Ngài đã bị vi phạm, cũng như đức tin nơi Đấng Christ và sự hy sinh chuộc tội của Ngài. Do đó, anh ta nhận được “sự tha tội trong quá khứ” và trở thành người dự phần vào bản chất thiêng liêng. Bây giờ anh ta là con Thiên Chúa, đã nhận được tinh thần làm nghĩa tử, qua đó anh ta kêu lên: “Abba, Cha ơi!”

Bây giờ anh ta có được tự do vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời không? Phao-lô nói: “Vậy chúng ta lấy đức tin mà vô hiệu hóa luật pháp sao? Không hoàn toàn không! Trước đó, chúng tôi xác nhận luật.” “Làm sao chúng ta còn sống trong tội lỗi, những người đã chết vì tội lỗi?” (Rô-ma 3:21 và 6:2). Và Thánh Gioan khẳng định: “Vì yêu mến Thiên Chúa là chúng ta tuân giữ các điều răn của Người; Bây giờ các điều răn của Ngài không có gì nghiêm trọng.” (I Giăng 5:3). Trong sự tái sinh, tấm lòng được hòa hợp với Đức Chúa Trời vì nó được điều chỉnh theo luật pháp của Ngài. Khi sự biến đổi mạnh mẽ này diễn ra nơi tội nhân, người ấy chuyển từ sự chết sang sự sống, từ tội lỗi đến sự thánh thiện, từ vi phạm và nổi loạn đến vâng phục và trung thành. Cuộc sống xa cách Thiên Chúa cũ đã chấm dứt; Một cuộc sống mới hòa giải, đức tin và tình yêu bắt đầu. Khi đó “sự công bình của luật pháp” được thực hiện “trong chúng ta, là những kẻ không bước đi theo xác thịt, nhưng bước đi theo Thánh Linh” (Rô-ma 8:4). Và ngôn ngữ của tâm hồn sẽ là “con yêu mến luật Chúa biết bao! Đó là sự thiên định của tôi suốt cả ngày!” (Thi Thiên 119:97).

“Luật pháp Chúa thật hoàn hảo và phục hồi tâm hồn.” (Thi Thiên 19:7). Không có luật pháp, con người không có quan niệm chính xác về sự trong sạch và thánh khiết của Đức Chúa Trời, hay về tội lỗi và sự ô uế của chính mình. Họ không có niềm tin thực sự về tội lỗi và cảm thấy không cần thiết

của sự ăn năn. Không nhìn thấy tình trạng hư mất của mình là những người vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời, họ không hiểu mình cần có huyết chuộc tội của Đấng Christ. Niềm hy vọng cứu rỗi được chấp nhận mà không cần phải có một sự thay đổi tận căn trong tâm hồn hay cải cách đời sống. Vì vậy, có rất nhiều cuộc cải đạo hời hợt và có nhiều người gia nhập hội thánh mà không gia nhập Đấng Christ.

Hơn nữa, những lý thuyết sai lầm về sự thánh hóa phát sinh từ việc coi thường hoặc bác bỏ luật thiêng liêng có một vị trí nổi bật trong các phong trào tôn giáo hiện đại. Những lý thuyết này sai lầm về mặt học thuyết và nguy hiểm về kết quả thực tế; và thực tế là họ thường có thái độ dễ tiếp thu khiến cho việc mọi người phải hiểu rõ ràng những gì Kinh thánh dạy về điểm này càng trở nên thiết yếu.

Sự thánh hóa đích thực là một giáo lý trong Kinh Thánh. Sứ đồ Phao-lô, trong lá thư gửi hội thánh Ê-phê-sô, tuyên bố: "Vì đây là ý muốn của Đức Chúa Trời, đó là sự thánh hóa anh em". Và ông cầu xin: "Cầu xin Thiên Chúa bình an thánh hóa anh em trong mọi việc" (I Thess. 4:3 và 5:23). Kinh Thánh dạy rõ ràng sự thánh hóa là gì và làm thế nào để đạt được sự thánh hóa. Đấng Cứu Rỗi đã cầu nguyện cho các môn đồ của Ngài:

"Hãy thánh hóa họ trong sự thật; lời nói của bạn là sự thật. (Giăng 17:17). Và Phao-lô dạy rằng người tin Chúa phải được Thánh Linh thánh hóa (Rô-ma 15:16). Công việc của Thánh Linh là gì? Chúa Giê-su đã nói với các môn đệ của Ngài: "Nhưng khi Thần Khí sự thật đến, Người sẽ dẫn các con vào sự thật toàn vẹn". (Giăng 16:13). Và tác giả Thi Thiên nói: "Luật Ngài là lẽ thật". Nhờ Lời và Thánh Linh của Đức Chúa Trời, những nguyên tắc công lý vĩ đại thể hiện trong luật pháp của Ngài được mở ra cho loài người. Và vì luật pháp của Đức Chúa Trời là "thánh khiết, công bằng và tốt lành", một bản ghi chép của sự hoàn hảo thiêng liêng, nên một tính cách được hình thành để tuân theo luật đó sẽ là thánh thiện. Đấng Christ là tấm gương hoàn hảo về tính cách như vậy. Ngài phán: "Ta đã vâng giữ các điều răn của Cha Ta". "Tôi luôn làm những gì đẹp lòng Ngài."

(Giăng 15:10; 8:29). Những người theo Chúa Kitô, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, trở nên giống như Ngài để hình thành những tính cách phù hợp với các nguyên tắc luật thánh của Ngài. Đây là sự thánh hóa theo Kinh thánh.

Công việc này chỉ có thể được hoàn thành nhờ đức tin vào Đấng Christ, nhờ quyền năng của Đức Thánh Linh hoạt động trong người tín hữu. Phao-lô khuyên các tín đồ: "Hãy thực hiện sự cứu rỗi của mình với sự sợ hãi và run rẩy; vì chính Đức Chúa Trời tác động trong anh em vừa muốn vừa làm theo ý tốt Ngài." (Phi-líp 2:12 và 13). Người Cơ Đốc sẽ cảm nhận được sự thúc giục của tội lỗi, nhưng sẽ duy trì một cuộc chiến liên tục chống lại nó. Đây là nơi cần đến sự giúp đỡ của Chúa Kitô. Sự yếu đuối của con người kết hợp với sức mạnh thần linh và đức tin kêu lên: "Tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã ban cho chúng ta chiến thắng nhờ Chúa chúng ta là Đức Giê-su Kitô". (I Cô-rinh-tô 15:57).

Kinh Thánh cho thấy rõ ràng công việc thánh hóa có tính tiến bộ.

Khi hoán cải, tội nhân tìm được sự bình an với Đức Chúa Trời nhờ huyết chuộc tội, cuộc sống của người ấy mới chỉ bắt đầu. Bây giờ anh ta phải tiếp tục "cho đến khi hoàn thiện"; Sứ đồ Phao-lô nói: "Nhưng tôi cứ làm một điều: quên đi những sự ở đằng sau, mà chạy theo những sự ở phía trước, tôi nhắm mục đích mà theo đuổi." , hướng tới giải thưởng về sự kêu gọi cao cả của Đức Chúa Trời trong Đức Chúa Giê-su Christ." (Phi-líp 3:13 và 14) Và Phi-e-rô trình bày cho chúng ta các bước để đạt được sự thánh hóa theo Kinh Thánh: "Vì lý do đó, anh em hãy gom hết lòng siêng năng của mình lại, hãy gắn nhân đức với đức tin, với nhân đức, với tri thức, với tri thức, với sự tự chủ." có sự tiết độ, có sự nhịn nhục; có sự nhịn nhục, có sự tin kính; có sự tin kính, có tình anh em; có tình anh em, có tình yêu thương... vì nếu làm như vậy, anh em sẽ không bao giờ vấp ngã." (II Phi-e-rô 1:5-10).

Những người trải nghiệm sự thánh hóa theo Kinh thánh sẽ thể hiện tinh thần khiêm nhường. Giống như Mô-sê, họ đã nhìn thấy khả năng về sự uy nghi khủng khiếp của Đấng Thánh, và thấy sự bất xứng của chính họ trái ngược với sự thanh khiết và hoàn hảo cao cả của Thiên Chúa vô hạn.

Tiên tri Daniel là một ví dụ về sự thánh hóa thực sự. Cuộc sống trường thọ của ông tràn đầy sự phục vụ cao cả cho Thầy mình. Ông là người được Trời "rất yêu quý". Tuy nhiên, thay vì tự cho mình là người trong sạch và thánh khiết, vị tiên tri đáng kính này lại đồng nhất mình với thực tế tội lỗi của Y-sơ-ra-ên, khi ông cầu xin Đức Chúa Trời thay cho dân tộc mình: "Chúng tôi không cầu nguyện trước mặt Ngài, tin cậy vào sự công chính của chúng tôi, nhưng trong vô số lòng thương xót của Ngài." "Chúng tôi đã phạm tội và làm điều ác." Và ông tuyên bố: "Tôi vẫn nói, cầu nguyện, xưng thú tội lỗi của mình và tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên tôi." (Đa-ni-ên 9:18, 15 và 20). Và vào thời kỳ cuối cùng, khi Con Thiên Chúa hiện ra để dạy dỗ ông, ông đã kêu lên: "Tôi ở lại một mình và nhìn thấy thị kiến vĩ đại này, và trong tôi chẳng còn chút sức lực nào; mặt tôi biến sắc và trở nên biến dạng, và tôi không còn sức lực nữa." (Đa-ni-ên 10:8).

Khi Gióp nghe tiếng Chúa phát ra từ cơn gió lốc, ông nói một cách dứt khoát: "Vì vậy, tôi ghê tởm chính mình và ăn năn trong tro bụi". (Gióp 42:6). Đó là khi ngôn sứ Isaia nhìn thấy vinh quang của Chúa và nghe thấy thiên thần kêu lên: "Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Đức Chúa, Thiên Chúa các đạo binh", vị tiên tri kêu lên: "Khốn nạn cho tôi, tôi chết mất". (Ê-sai 6:3, 5). Phao-lô, sau khi được dịch lên tầng trời thứ ba và nghe những điều mà con người không thể diễn tả được, đã tự nhận mình là "người hèn mọn nhất trong mọi vị thánh" (II Cô-rinh-tô 12:2-4; Ê-phê-sô. 3:8). Chính Gioan, người môn đệ được yêu mến, đã tựa vào ngực Chúa Giêsu và chiêm ngưỡng vinh quang của Người, người đã ngã xuống như chết dưới chân thiên thần (Kh 22:8).

Không thể có sự tự đề cao, không thể có sự khoe khoang về sự tự do khỏi tội lỗi của những người bước đi dưới bóng thập giá Đồi Can-vê. Họ cảm thấy rằng chính tội lỗi của họ đã gây ra nỗi thống khổ làm tan nát trái tim của Con Thiên Chúa, và ý nghĩ này sẽ dẫn họ đến sự sỉ nhục của chính mình. Những người sống gần gũi nhất với Chúa Giêsu nhận định rõ ràng nhất sự yếu đuối và tội lỗi của con người, và niềm hy vọng duy nhất của họ nằm ở công nghiệp của Đấng Cứu Thế chịu đóng đinh và phục sinh.

Sự thánh hóa hiện đang trở nên nổi bật trong giới tôn giáo mang theo tinh thần tự tôn cao và thiếu tôn trọng luật pháp của Đức Chúa Trời, khiến nó trở nên xa lạ với tôn giáo của Kinh thánh. Những người ủng hộ nó dạy rằng sự thánh hóa là một công việc tức thời, nhờ đó, chỉ nhờ đức tin mà thôi, có thể đạt được sự thánh thiện hoàn hảo.

Họ nói: "Chỉ cần tin tưởng thì phước lành sẽ thuộc về bạn". Người ta không tin rằng cần phải có thêm bất kỳ nỗ lực nào từ phía người nhận. Đồng thời, họ phủ nhận thẩm quyền của luật Chúa, nhấn mạnh rằng họ được tự do khỏi nghĩa vụ tuân giữ các điều răn; Nhưng liệu con người có thể thánh thiện, phù hợp với ý muốn và đặc tính của Đức Chúa Trời mà không hòa hợp với các nguyên tắc biểu hiện bản chất và ý muốn của Ngài, đồng thời tiết lộ những điều đẹp lòng Ngài không?

Mong muốn có một tôn giáo dễ dàng, không đòi hỏi đấu tranh, không chối bỏ bản thân, cũng không tách biệt khỏi những điên rồ của thế giới, đã khiến học thuyết về đức tin, và chỉ đức tin, trở thành một giáo lý phổ biến; Nhưng Lời Chúa nói gì? Sứ đồ Gia-cơ nói như sau: "Hỡi anh em, có ích gì nếu người ta nói mình có đức tin mà không có việc làm?

Liệu đức tin như vậy có thể cứu được anh ta không?... Bạn có muốn chắc chắn rằng, hỡi người ngu ngốc, rằng đức tin không có việc làm là vô hiệu? Chẳng phải nhờ việc làm mà Áp-ra-ham, tổ phụ chúng ta, được xưng công chính khi dâng con trai mình là Y-sác lên bàn thờ sao? Bạn thấy đức tin phối hợp với việc làm của ông như thế nào; thật ra, chính nhờ việc làm mà đức tin được thành tựu... Anh em thấy người ta được xưng công chính chỉ nhờ việc làm chứ không chỉ nhờ đức tin mà thôi."

(Gia-cơ 2:14-24)

Lời chứng của Lời Đức Chúa Trời chống lại giáo lý lừa dối về đức tin không có việc làm này. Không phải đức tin đòi hỏi sự ưu ái của Thiên đàng mà không tuân theo những điều kiện mà lòng thương xót được ban cho. Đây là sự giả định, vì đức tin chân chính có nền tảng là những lời hứa và điều khoản của Kinh thánh.

Đừng ai tự lừa dối mình với suy nghĩ rằng mình có thể trở thành một vị thánh trong khi cố tình vi phạm một trong những lời tuyên bố của Chúa. Việc phạm một tội lỗi đã biết làm im lặng tiếng nói làm chứng của Thánh Linh, và tách linh hồn ra khỏi Đức Chúa Trời.

"Tội lỗi là sự vi phạm luật pháp." Và "ai phạm tội thì chưa thấy và chưa biết Ngài" (1 Giăng 3:6). Mặc dù John, trong các thư tín của mình, đề cập rất nhiều đến tình yêu, nhưng ông không ngần ngại bộc lộ bản chất thực sự của tầng lớp đó, những người cho rằng mình đã được thánh hóa, trong khi họ sống vi phạm luật pháp của Chúa. "Ai nói: Tôi biết Ngài mà không tuân giữ các điều răn của Ngài là kẻ nói dối, và lẽ thật không ở trong người ấy. Nhưng ai giữ lời Ngài thì lòng yêu mến Đức Chúa Trời thật sự được nên trọn vẹn trong người ấy." (I Giăng 2:4 và 5). Đây là bằng chứng về lời tuyên xưng đức tin của mỗi người. Chúng ta không thể gán sự thánh thiện cho một người nếu không [so sánh anh ta](#) với tiêu chuẩn duy nhất về sự thánh thiện trên Thiên đàng và dưới đất. Nếu con người không cảm thấy sức nặng của luật đạo đức; nếu họ giảm thiểu và xem nhẹ những giới răn thiêng liêng, nếu họ vi phạm một trong những điều răn nhỏ nhất và dạy dỗ con người theo cách này, thì những điều đó sẽ không có giá trị gì trước mắt Trời và chúng ta có thể biết rằng những lời cáo buộc của họ là vô căn cứ.

Và việc họ tuyên bố mình vô tội chính là bằng chứng cho thấy họ còn rất xa sự thánh thiện. Đó là bởi vì họ không có ý tưởng thực sự nào về sự trong sạch và thánh thiện vô hạn của Đức Chúa Trời, hay ý thức về việc họ phải trở thành gì để hòa hợp với đặc tính của Ngài; bởi vì họ không có quan niệm thực sự về sự trong sạch và vẻ đẹp quyền rũ cao cả của Chúa Giêsu cũng như về sự ác độc của tội lỗi, nên con người tự coi mình là những vị thánh. Khoảng cách giữa họ và Đấng Christ càng lớn, quan niệm của họ về đặc tính và những lời tuyên bố của Đức Chúa Trời càng không đúng đắn thì họ càng tỏ ra công bình trong mắt họ.

Sự thánh hóa được trình bày trong Kinh thánh liên quan đến toàn bộ con người - tinh thần, tâm hồn và thể xác. Phaolô cầu nguyện cho người Tê-sa-lô-ni-ca rằng "linh hồn, linh hồn và thể xác của anh em được gìn giữ một cách không chỗ trách được khi Chúa chúng ta là Đức Chúa Giê-su Christ đến" (1 Tê-s. 5:23). Ông lại viết cho các tín hữu: "Vậy, hỡi anh em, bởi sự thương xót của Đức Chúa Trời, tôi nài xin anh em dâng thân thể mình làm của lễ sống và thánh, đẹp lòng Đức Chúa Trời, đó là sự thờ phượng phải lễ của anh em". (Rô-ma 12:1). Vào thời Y-sơ-ra-ên xưa, mỗi lễ vật dâng lên Đức Chúa Trời đều được xem xét kỹ lưỡng. Nếu tìm thấy bất kỳ khuyết điểm nào trong con vật đã dâng, nó sẽ bị từ chối, vì Đức Chúa Trời đã truyền rằng của lễ phải "không tì vết". Vì vậy, các Kitô hữu được mời dâng thân xác mình "làm của lễ sống động, thánh thiện và đẹp lòng Thiên Chúa". Để làm được điều này, toàn bộ sức lực của bạn phải được bảo toàn ở trạng thái tốt nhất có thể. Mọi hành vi làm suy yếu sức mạnh thể chất hoặc tinh thần đều làm con người mất khả năng phục vụ Đấng Tạo Hóa. Liệu Chúa có hài lòng với điều gì kém hơn điều tốt nhất mà chúng ta có thể dâng hiến không? Chúa Giêsu đã dạy: "Người phải hết lòng yêu mến Chúa là Thiên Chúa của người".

Những ai hết lòng yêu mến Thiên Chúa sẽ muốn phụng sự Ngài cách tốt nhất trong đời mình và sẽ không ngừng tìm cách vận dụng mọi khả năng của con người mình để hòa hợp với các quy luật thúc đẩy khả năng làm theo thánh ý của họ. Họ sẽ không làm suy yếu hoặc làm ô uế lễ vật mà họ phải dâng lên Cha trên trời bằng cách chiều theo sự thèm muốn hoặc đam mê.

Sứ đồ Phi-e-rơ nói: "Hỡi anh em yêu dấu, tôi khuyên anh em, là khách hành hương và khách lạ, hãy tránh xa những đam mê xác thịt, là điều gây chiến với tâm hồn". (I Phi-e-rơ 2:11). Mọi sự nuông chiều tội lỗi đều có xu hướng làm cùn mòn các khả năng và làm suy yếu nhận thức tâm trí và thiêng liêng, và Lời hay Thánh Linh của Đức Chúa Trời chỉ tạo ra một ấn tượng mờ nhạt trong lòng. Thánh Phaolô viết cho giáo đoàn Côrintô nói: "Chúng ta hãy tẩy sạch mình khỏi mọi điều ô uế, cả về xác thịt lẫn tinh thần, hãy hoàn thiện sự thánh thiện của chúng ta trong sự kính sợ Thiên Chúa". (II Cô-rinh-tô 7:1). Và với những hoa trái của Thánh Thần: "Tình yêu, niềm vui, bình an,

nhịn nhục, nhân từ, hiền lành, trung tín, mềm mại, tiết độ". (Ga-la-ti 5:22 và 23).

Bất chấp những lời tuyên bố được soi dẫn này, biết bao nhiêu người tự xưng là Cơ-đốc nhân đang lãng phí sức lực của mình vào việc theo đuổi lợi lộc hoặc tôn thờ thờ trang; biết bao nhiêu người đang hạ thấp phẩm chất đàn ông của mình theo hình ảnh thần thánh bằng cách háu ăn, uống rượu và tìm kiếm những thú vui bị cấm đoán. Và hội thánh, thay vì quở trách, lại thường khuyến khích điều ác bằng cách lôi kéo sự thèm ăn, ham muốn lợi lộc, hoặc ham muốn lạc thú, để lấp đầy kho tàng của mình, mà tình yêu của Đấng Christ quá yếu không thể cung cấp được. Nếu Chúa Giêsu bước vào các nhà thờ ngày nay và suy ngẫm về các lễ hội và hoạt động buôn bán tục tĩu được khai thác ở đó nhân danh tôn giáo, chẳng phải Ngài sẽ trục xuất những kẻ phạm thượng này giống như Ngài đã trục xuất những người đổi tiền ra khỏi đền thờ sao?

Sứ đồ Gia-cơ tuyên bố rằng sự khôn ngoan từ trên là "tinh khiết đầu tiên". Nếu anh ta phải gặp những người lấy danh Chúa Giêsu quý giá trên đôi môi nhiễm thuốc lá, hơi thở và con người bị nhiễm mùi hôi hám đáng ghét của nó, những người làm ô nhiễm không khí thiên đàng và buộc mọi người xung quanh phải hít phải chất độc, anh ta sẽ tiếp xúc với một thực hành trái ngược với sự trong sạch của phúc âm và liệu anh ta có lên án nó là "trần thế, nhục dục và ma quỷ" không? Những nô lệ thuốc lá, tuyên bố sở hữu phước lành của sự thánh hóa hoàn toàn, nói về hy vọng của họ về Thiên đàng, nhưng Lời Chúa tuyên bố rõ ràng rằng "Không có gì ô uế sẽ lọt vào đó". (Ngày 21.27).

"Bạn không biết rằng thân xác bạn là đền thờ của Chúa Thánh Thần, Đấng ngự trong bạn, Đấng mà bạn có từ Thiên Chúa, và bạn không phải là của riêng bạn sao? Bởi vì bạn đã được mua với một mức giá. Vậy bây giờ hãy tôn vinh Thiên Chúa nơi thân xác anh." (I Cô-rinh-tô 6:19 và 20). Người có thân xác là đền thờ của Chúa Thánh Thần sẽ không bị nô lệ bởi một thói quen độc hại. Năng lượng của anh ấy thuộc về Chúa Kitô, người đã mua anh ấy bằng giá máu. Tài sản của bạn là của Chúa. Làm sao anh ta có thể thoát khỏi tội lỗi bằng cách tiêu tán số vốn được giao phó? Những người tuyên xưng là Kitô hữu hàng năm chi tiêu một số tiền khổng lồ vào những ân xá vô ích và nguy hại, trong khi các linh hồn đang hư mất vì thiếu Lời sự sống. Đức Chúa Trời bị cướp đi phần mười và lễ vật, trong khi họ tiêu thụ trên bàn thờ của dục vọng hủy diệt nhiều hơn số tiền họ ban phát để giúp đỡ người nghèo hoặc hỗ trợ phúc âm. Nếu tất cả những người xưng mình là môn đồ của Đấng Christ đều thực sự được thánh hóa, thì phước tiện của họ, thay vì chi tiêu cho những ân xá không cần thiết và thậm chí có hại, sẽ được đưa vào kho tàng của Chúa, và các Cơ đốc nhân sẽ nêu gương tiết độ, từ bỏ bản thân và hy sinh. . Khi đó họ sẽ là ánh sáng của thế giới.

Thế giới bị bỏ rơi cho sự trịch thượng của chính nó. "Sự tham dục của xác thịt, sự mê tham của mắt, và sự kiêu ngạo của đời" đang thống trị quần chúng. Nhưng những người theo Chúa Kitô có một sự kêu gọi thánh thiện hơn. "Đi đi, đi đi, ra khỏi đó, đừng chạm vào bất cứ thứ gì ô uế." (Ê-sai 52:11). Dưới ánh sáng của Lời Chúa, chúng ta có lý khi tuyên bố rằng sự thánh hóa không thực hiện việc từ bỏ hoàn toàn các hoạt động tội lỗi và những thỏa mãn trần thế là không chân chính.

Đối với những người đáp ứng các điều kiện: "Hãy ra đi, ra đi, ra khỏi đó, đừng chạm vào đồ ô uế", lời hứa của Đức Chúa Trời là: "Ta sẽ tiếp nhận các ngươi, Ta sẽ là Cha các ngươi, và các ngươi sẽ là con trai con gái Ta, CHÚA Toàn Năng phán vậy." (II Cô-rinh-tô 6:17 và 18). Đặc ân và nghĩa vụ của mỗi Cơ-đốc nhân là có được kinh nghiệm phong phú và phong phú về những điều thuộc về Đức Chúa Trời. Chúa Giêsu nói: "Tôi là ánh sáng thế gian; ai theo Ta sẽ không bước đi trong bóng tối; trái lại, người ấy sẽ có được ánh sáng của sự sống". (Giăng 8:12). "Nhưng đường người công bình giống như ánh bình minh, càng lúc càng sáng hơn cho đến ngày trọn vẹn." (Châm ngôn 4:18). Mỗi bước đức tin và vâng phục sẽ đưa linh hồn đến gần hơn với Ánh Sáng của thế gian, nơi không hề có bóng tối. Những tia sáng rực rỡ từ Mặt trời Công chính chiếu vào các tội tở của Đức Chúa Trời và họ phải phản chiếu chúng. Khi các ngôi sao cho chúng ta biết về ánh sáng rực rỡ trên bầu trời

Trời, vinh quang của Ngài làm cho họ sáng ngời, vì vậy những người theo đạo Thiên Chúa nên thể hiện rằng có một Thiên Chúa ngự trên ngai của Vũ trụ, có nhân cách đáng được ca ngợi và bắt chước. Những ân sủng của Thánh Thần Ngài, sự trong sạch và thánh thiện trong nhân cách của Ngài, sẽ được thể hiện nơi những nhân chứng của Ngài.

Thánh Phaolô, trong thư gửi tín hữu Cô-lô-sê, trình bày những ơn lành phong phú được ban cho con cái Thiên Chúa. Ngài nói: "Vì lý do đó, từ ngày chúng tôi nghe tin, chúng tôi đã không ngừng cầu nguyện cho anh em và xin cho anh em được tràn đầy sự hiểu biết về ý muốn Ngài, với mọi sự khôn ngoan và hiểu biết thiêng liêng; để anh em có thể sống xứng đáng với Chúa, theo ý muốn Ngài trọn vẹn, sinh hoa kết quả mọi việc lành và lớn lên trong sự hiểu biết đầy đủ về Thiên Chúa; được thêm sức mạnh bằng mọi quyền năng, theo sức mạnh vinh quang của Ngài, để chịu đựng mọi sự kiên trì và nhịn nhục; cùng với sự vui mừng." (Cô-lô-se 1:9-11).

Một lần nữa, ông viết về mong muốn của mình là các anh em ở Ê-phê-sô có thể hiểu được đặc quyền cao cả của người theo đạo Cơ-đốc. Ngài đặt trước họ, bằng ngôn ngữ toàn diện nhất, sức mạnh và kiến thức tuyệt vời mà họ có thể sở hữu với tư cách là con trai và con gái của Đấng Tối Cao. Đối với họ, điều thuộc về họ là "được củng cố bằng quyền năng nhờ Thánh Linh của Ngài trong con người bên trong [được] đâm rễ và đặt nền tảng trong tình yêu thương, để các bạn có thể cùng với tất cả các thánh hiểu được chiều rộng, chiều dài và chiều cao, chiều sâu và chiều sâu là gì." nhận biết tình yêu của Đấng Christ, là tình yêu vượt quá sự hiểu biết, để anh em được tràn đầy mọi sự sung mãn của Đức Chúa Trời" (Ê-phê-sô 3:16-19).

Ở đây, những đỉnh cao mà chúng ta có thể đạt tới nhờ đức tin nơi những lời hứa của Cha Thiên Thượng được tiết lộ. Nhờ công nghiệp của Chúa Kitô, chúng ta được vào ngai quyền năng vô hạn. "Đấng đã không tiếc chính Con mình, nhưng vì chúng ta hết thảy mà phó Con ấy, thì ở với Con ấy, Ngài há chẳng ban cho chúng ta mọi sự sao?" (Rô-ma 8:32). Chúa Cha đã ban Thánh Thần của Người cho Chúa Con một cách không giới hạn, và chúng ta cũng có thể tham dự vào sự trọn vẹn đó. Chúa Giêsu nói: "Nếu các người là kẻ xấu còn biết cho con cái mình vật tốt, huống chi Cha các người trên trời lại chẳng ban Thánh Thần cho người xin Người sao?"

(Lu-ca 11:13). "Và bất cứ điều gì con cầu xin nhân danh Ta, Ta sẽ làm điều đó." (Giăng 14:14). "Hãy xin thì sẽ được, để niềm vui của các con được trọn vẹn." (Giăng 16:24).

Trong khi đời sống của người Kitô hữu được đặc trưng bởi sự khiêm nhường, nó không được đánh dấu bằng nỗi buồn và sự tự ti. Ý muốn của Cha Thiên Thượng không phải là chúng ta luôn ở trong sự kết án và bóng tối. Không có bằng chứng nào về sự khiêm tốn thực sự khi bước đi với cái đầu cúi xuống và trái tim tràn ngập những suy nghĩ về bản thân. Chúng ta có thể đến với Chúa Giêsu và được thanh tẩy và đứng trước luật pháp mà không bị sỉ nhục và hối hận. " Cho nên hiện nay chẳng còn có sự đoán phạt nào cho những kẻ ở trong Đức Chúa Giê-su Christ, là những kẻ không bước đi theo xác thịt nhưng bước đi theo thần khí." (Rô-ma 8: 1).

Qua Chúa Giê-su, những đứa con sa ngã của A-đam trở thành "con cái Đức Chúa Trời".

"Vì cả Đấng thánh hóa và những người được thánh hóa đều đến từ một người. Đó là lý do tại sao Ngài không xấu hổ khi gọi họ là anh em". (Ê-bơ-rơ 2:11). Đời sống của người Kitô hữu phải là đời sống đức tin, chiến thắng và vui mừng nơi Thiên Chúa. "Vì mọi người được Thiên Chúa sinh ra đều chiến thắng thế gian; và đây là chiến thắng vượt qua thế giới: đức tin của chúng ta." (I Giăng 5:4).

Nê-hê-mi, tôi tớ của Đức Chúa Trời, đã nói với lòng tin chắc: "Vì niềm vui của Chúa là sức mạnh của anh em". (Nê-hem 8:10). Và Thánh Phaolô đã nói: "Hãy vui mừng luôn mãi trong Chúa; Tôi lại nói: hãy vui mừng." "Hãy luôn vui mừng. Cầu nguyện không ngừng. Trong mọi việc hãy tạ ơn, vì đây là ý muốn của Đức Chúa Trời trong Chúa Giê-su Christ dành cho anh em." (I Tê-sa-lô-ni-ca 5:16-18).

Đó là những thành quả của việc hoán cải và thánh hóa theo Kinh thánh; và bởi vì những nguyên tắc công chính vĩ đại được đặt ra trong luật pháp của Đức Chúa Trời lại bị đối xử rất thờ ơ trong thế giới Cơ đốc giáo, nên những thành quả này rất hiếm khi được nhìn thấy. Đây là lý do tại sao người ta thấy rất ít về công việc sâu sắc và lâu dài của Thánh Linh Đức Chúa Trời đã đánh dấu những cuộc phục hưng trong những năm trước.

Chính nhờ chiêm niệm mà chúng ta được biến đổi. Khi những giới luật thiêng liêng mà Thiên Chúa dùng để chỉ cho con người sự hoàn hảo và thánh thiện bị bỏ qua

về tính cách của Ngài và tâm trí của những người bị thu hút bởi những lời dạy và lý thuyết của con người, không có gì đáng ngạc nhiên khi lòng đạo đức thực tế trong nhà thờ đã suy giảm. Đức Chúa phán: "Dân Ta đã phạm hai tội ác: chúng đã rời bỏ Ta, nguồn nước sống, và đào những bể chứa nước, bể bể, không chứa được nước". (Giê-rê-mi 2:13).

"Phước cho người nào chẳng theo mưu kế của kẻ ác... Nhưng lấy làm vui vẻ về luật pháp của Chúa, và suy gẫm luật pháp ấy ngày và đêm. Người ấy như cây trồng gần dòng nước, đến mùa thì sinh bông trái, lá nó cũng chẳng tàn héo; và mọi việc anh ấy làm sẽ thành công." (Thi Thiên 1:1-3). "Đức Giê-hô-va phán như vậy: Hãy đứng bên đường mà xem, hãy hỏi đường xưa, nào là đường tốt; hãy bước đi trong đó và bạn sẽ tìm thấy sự bình yên cho tâm hồn mình." (Giê-rê-mi 6: 16).

Chương 28

Bản án điều tra

Nhà tiên tri Đa-ni-ên nói: "Tôi cứ nhìn cho đến khi các ngai đã được dựng lên, và Đấng Thượng Cổ ngồi xuống; Áo Ngai trắng như tuyết, tóc trên đầu Ngai như len nguyên chất; Ngai của Ngai là ngọn lửa, và các bánh xe của nó là lửa cháy. Một dòng sông lửa chảy ra từ trước mặt Ngai; hàng ngàn hàng ngàn phục vụ Ngai, và hàng vạn hàng vạn đứng trước mặt Ngai; phiên tòa diễn ra và sổ sách được mở ra."

(Đa-ni-ên 7:9 và 10).

Do đó, nhà tiên tri đã được trình bày khái tượng về một ngày trọng đại và trang trọng, khi tính cách và cuộc đời của loài người sẽ được xem xét trước Đấng Phán xét của cả trái đất, và mỗi người sẽ nhận được phần thưởng "tùy theo công việc của mình". Đấng Thượng Cổ là Thiên Chúa, là Cha, tác giả Thánh Vịnh nói: "Trước khi núi non chưa hình thành, trước khi trái đất và thế giới được hình thành, từ cõi đời đời cho đến cõi đời đời, Chúa là Thiên Chúa". (Thi Thiên 90:2). Chính Ngai là nguồn mạch của mọi hữu thể, của mọi luật lệ, là Đấng phải chủ tọa Cuộc Phán Xét. Và các thiên thần thánh, với tư cách là thừa tác viên và nhân chứng, với số lượng "vô số", tham dự phiên tòa lớn này.

"Tôi đang nhìn trong khái tượng ban đêm, thì này, có một Đấng giống như Con Người đến giữa mây trời, đến với Đấng Thượng Cổ, và người ta đưa Ngai đến gần Ngai. Ngai được ban quyền thống trị và vinh quang, và vương quốc, để các dân tộc, quốc gia và đàn ông thuộc mọi ngôn ngữ phục vụ Ngai; Quyền thống trị của Ngai là quyền thống trị đời đời, không bao giờ mai một, và vương quốc của Ngai sẽ không bao giờ bị tiêu diệt." (Đa-ni-ên 7:13 và 14). Sự đến của Đấng Christ được mô tả ở đây không phải là lần đến trần gian thứ hai của Ngai. Ngai đến với Đấng Cổ Đại trên Thiên đàng để nhận quyền thống trị, vinh quang và vương quốc sẽ được trao cho Ngai khi Ngai kết thúc công việc trung gian của Ngai. Chính sự sắp đến này, chứ không phải việc Ngai trở lại Trái đất, đã được tiên đoán trong lời tiên tri sẽ ứng nghiệm vào cuối 2.300 ngày, vào năm 1844. Được sự hỗ trợ của các thiên thần trên trời, Thầy Tế lễ Thượng phẩm vĩ đại của chúng ta đi vào Nơi Chí Thánh và xuất hiện ở đó. Trước sự hiện diện của Chúa để thực hiện những hành động cuối cùng trong chức vụ của Ngai có lợi cho con người, thì hành Phán quyết Điều tra và chuộc tội cho tất cả những ai được coi là xứng đáng nhận được lợi ích của nó.

Trong buổi lễ điển hình, chỉ những người đã đến trước mặt Đức Chúa Trời với sự xưng tội và ăn năn, và những người vi phạm qua máu của lễ chuộc tội mới được chuyển đến nơi thánh mới tham gia buổi lễ vào ngày chuộc tội.

Vì vậy, trong ngày cuối cùng vĩ đại của sự chuộc tội và Phán xét Điều tra, những trường hợp duy nhất được xem xét là những trường hợp của những người đã tuyên xưng Chúa. Việc phán xét kẻ ác là một công việc riêng biệt và diễn ra sau này. "Vì đã đến lúc phán xét bắt đầu tại nhà Đức Chúa Trời; Bây giờ, nếu chúng ta đến trước, thì số phận của những kẻ không vâng phục âm của Đức Chúa Trời sẽ ra sao?" (I Phi-e-rơ 4:17).

Các sổ sách trên Thiên đàng, trong đó tên và việc làm của con người được ghi lại, nhằm xác định các quyết định của Sự phán xét. Nhà tiên tri Đa-ni-ên nói: "Tòa án đã họp, sách mở ra". John, nhà mặc khải, mô tả cảnh tượng tương tự, cho biết thêm: "Một cuốn sách khác, Sách Sự Sống, đã được mở ra. Và người chết bị phán xét theo việc làm của họ, theo những gì đã được viết trong sách." (Khải huyền 20:12).

Sách sự sống ghi tên tất cả những người đã tham gia phụng sự Chúa. Chúa Giêsu nói với các môn đệ của Ngai: "Hãy vui mừng, không phải vì các linh hồn khuất phục các con, nhưng vì tên các con đã được ghi trên trời". (Lu-ca 10:20). Phao-lô nói về những người đồng công trung thành của ông, "tên họ được ghi trong sách sự sống" (Phi-líp 4:3). Đa-ni-ên mong chờ "một thời kỳ khốn khó chưa từng có", tuyên bố rằng dân Đức Chúa Trời

“Hễ ai có tên trong sách” sẽ được giải thoát khỏi hấn (Đa-ni-ên 12:1). Và người mặc khải nói rằng chỉ những người có tên “được ghi trong sách sự sống của Chiên Con” mới được vào thành của Đức Chúa Trời (Khải Huyền 21:27).

“Có một bản ghi nhớ được viết trước mặt Ngài,” trong đó ghi lại những việc lành của “những người kính sợ Chúa và những người nhớ đến danh Ngài” (Mal. 3:16). Những lời đức tin và hành động yêu thương của ông đã được ghi lại trên Thiên đàng, Nê-hê-mi đề cập đến điều này khi ông nói: “Xin nhớ đến tôi và đừng xóa bỏ những lòng tốt tôi đã làm cho nhà Đức Chúa Trời tôi và vì sự hầu việc Ngài”. Trong sổ tưởng niệm của Thiên Chúa, mọi hành vi công lý đều được trường tồn. Ở đó, mọi cám dỗ đều bị chống lại, mọi tội ác đều bị chiến thắng, từng lời thương xót dịu dàng bày tỏ, đều được ghi lại một cách trung thực. Và mọi hành động hy sinh, mọi đau khổ, buồn phiền chịu đựng vì Chúa Kitô đều được đánh dấu ở đó. Người viết Thi Thiên nói: “Chúa đếm bước tôi khi tôi bị bắt bớ; Bạn đã thu thập những giọt nước mắt của tôi trong chai của bạn; chúng há chẳng được viết trong sách Ngài sao?” (Thi Thiên 56:8).

Ngoài ra còn có một hồ sơ về tội lỗi của đàn ông. “Vì Đức Chúa Trời sẽ xét xử mọi việc, kể cả những việc giấu kín, dù thiện hay ác.” (Truyền đạo 12:14). “Tôi nói cho bạn biết, mọi lời nói bất cẩn của đàn ông, họ sẽ phải giải trình vào Ngày Phán xét; vì bởi lời nói mà người sẽ được xưng công bình, và bởi lời nói mà người sẽ bị đoán phạt.” (Ma-thi-ơ 12:36, 37). Những mục đích và động cơ bí mật xuất hiện trong bản tường thuật không thể sai lầm, vì Chúa “sẽ phơi bày những điều giấu kín trong bóng tối, nhưng cũng sẽ tiết lộ những tư tưởng trong lòng” (1 Cô-rinh-tô 4:5). “Này, [có chép] trước mặt Ta... tội ác của các người và tội lỗi của tổ phụ các người cộng lại” (Ê-sai 65: 6 và 7).

Công việc của mỗi người đều được Đức Chúa Trời xem xét và ghi lại bằng sự trung thành hay không trung thành của họ. Đối lập với mọi cái tên trong các cuốn sách trên trời được đặt, với độ chính xác khủng khiếp, mọi lời nói bất công, mọi hành động ích kỷ, mọi bổn phận chưa hoàn thành và mọi tội lỗi thầm kín, cùng với mọi thói đạo đức giả xảo quyệt, việc coi thường những lời cảnh báo và quả trách của Trời, thời gian và những cơ hội bị lãng phí, ảnh hưởng tốt hay xấu, với tất cả những kết quả sâu rộng của nó, đều được thiên thần viết lách ghi nhận.

Luật pháp của Đức Chúa Trời là tiêu chuẩn để đánh giá tính cách và cuộc đời của con người trong Ngày phán xét. Sa-lô-môn khôn ngoan nói: “Hãy kính sợ Đức Chúa Trời và tuân giữ các điều răn Ngài; vì đây là nghĩa vụ của mỗi người. Vì Đức Chúa Trời sẽ xét xử mọi việc.” (Truyền đạo 12:13 và 14). Sứ đồ Gia-cơ khuyên các anh em: “Hãy nói như những kẻ phải chịu luật pháp tự do đoán xét”. (Gia-cơ 2:12). Những ai được coi là xứng đáng trong Sự Phán xét sẽ được dự phần vào sự sống lại của những người công chính. Chúa Giêsu nói: “Nhưng những ai được kể là đáng hưởng phúc đời sau và sống lại từ cõi chết... thì ngang hàng với các thiên thần và là con cái Thiên Chúa, là con cái của sự sống lại”. (Lu-ca 20:35 và 36). Và một lần nữa Ngài tuyên bố rằng “những ai làm lành sẽ [ra] để sống lại để được sống” (Giăng 5:29). Những người chết chính đáng sẽ không được sống lại cho đến sau Sự phán xét, trong đó họ được coi là xứng đáng với “sự sống lại của cuộc sống”. Vì lý do này, họ sẽ không có mặt trực tiếp tại tòa khi hồ sơ của họ được xem xét và vụ án của họ được quyết định.

Chúa Giêsu sẽ xuất hiện với tư cách là Đấng Biện Hộ cho bạn, để bào chữa cho bạn trước mặt Thiên Chúa. “Nhưng nếu có ai phạm tội, thì chúng ta có Đấng biện hộ trước mặt Đức Chúa Cha, là Đức Chúa Giê-xu Christ Đấng Công Bình”. (I Giăng 2:1). “Vì Đấng Christ không vào nơi thánh do tay người ta dựng nên, nhưng vào chính thiên đàng, để hiện ra trước mặt Đức Chúa Trời vì chúng ta.” “Vì vậy, Ngài cũng có thể cứu rỗi hoàn toàn những ai đến với Đức Chúa Trời qua Ngài, luôn sống để cầu thay cho họ.” (Hê-bơ-rơ 9:24; 7:35).

Khi các sổ ghi chép được mở ra vào ngày Phán xét, cuộc đời của tất cả những ai tin vào Chúa Giê-su đều được xem xét lại trước mặt Đức Chúa Trời. Bắt đầu từ những người

lần đầu tiên sống trên Trái đất, Người biện hộ của chúng ta trình bày các trường hợp của từng thể hệ kế tiếp và kết thúc bằng các trường hợp của người sống. Mọi cái tên đều được nhắc đến và mọi trường hợp đều được điều tra nghiêm ngặt. Những cái tên được chấp nhận và những cái tên bị từ chối. Khi ai đó có những tội lỗi không ăn năn và không được tha thứ mà vẫn còn trong sổ ghi chép, tên của họ sẽ bị xóa khỏi sổ sự sống và sổ ghi những việc lành của họ sẽ bị xóa khỏi sổ ghi nhớ của Đức Chúa Trời. Chúa phán với Môi-se: "Ta sẽ xóa khỏi sách của Ta tất cả những ai phạm tội chống lại Ta." (Ví dụ 32:33). Và Ngài đã nói với nhà tiên tri Ê-xê-chi-ên: "Nhưng nếu người công chính từ bỏ sự công bình của mình và phạm tội... những việc công bình nó đã làm sẽ không được nhớ đến; vì tội nó đã phạm, và tội nó đã phạm, nó sẽ chết trong đó". (Ê-xê-chi-ên 18:24).

Tất cả những ai thực sự ăn năn tội lỗi của mình và bởi đức tin đã nhận lấy huyết của Đấng Christ làm của lễ chuộc tội, đều được tha thứ bên cạnh tên của họ trong các sách trên trời. Khi họ trở thành những người dự phần vào sự công bình của Đấng Christ và có đức tính phù hợp với luật pháp của Đức Chúa Trời, tội lỗi của họ sẽ được xóa bỏ và họ sẽ được coi là xứng đáng được sống đời đời. Chúa tuyên bố qua tiên tri Ê-sai: "Ta, chính ta, là Đấng vì cơ Ta mà xóa bỏ những vi phạm của các người, và ta không nhớ đến tội lỗi của các người." (Ê-sai 43:25). Chúa Giêsu nói: "Ai thắng sẽ được mặc áo dài trắng, và Ta sẽ không xóa tên người ấy khỏi Sách Sự Sống; ngược lại, Ta sẽ tuyên xưng tên người ấy trước mặt Cha Ta và trước các thiên thần của Người." (Ngày tận thế.

3:5). "Vậy nên ai xưng Ta trước mặt người ta, thì Ta cũng sẽ xưng kẻ ấy trước mặt Cha Ta ở trên trời; nhưng ai chối Ta trước mặt người ta, thì Ta cũng sẽ chối họ trước mặt Cha Ta ở trên trời." (Ma-thi-ơ 10:32 và 33).

Mỗi quan tâm sâu sắc nhất của con người đối với các phán quyết của các tòa án trần thế chỉ thể hiện một cách mờ nhạt sự quan tâm được thể hiện ở các tòa án trên trời khi những cái tên được ghi trong Sách Sự Sống được xem xét lại trước Thẩm phán của toàn Trái đất. Đấng Cầu Thay thiêng liêng trình bày lời cầu xin rằng tất cả những ai đã chiến thắng nhờ đức tin vào máu của Ngài có thể được tha thứ cho những vi phạm của mình, được phục hồi về ngôi nhà Ê-đen của họ và được đăng quang làm người đồng thừa kế với Ngài về "quyền thống trị đầu tiên". Sa-tan, trong nỗ lực cám dỗ và lừa dối loài người chúng ta, đã nghĩ rằng hắn có thể cản trở kế hoạch thiêng liêng trong việc tạo dựng con người, nhưng giờ đây Đấng Christ kêu gọi thực hiện kế hoạch của Ngài, như thể con người chưa bao giờ sa ngã. Ngài không chỉ yêu cầu dân Ngài được tha thứ và được xưng công chính trọn vẹn, mà còn được dự phần vào vinh quang của Ngài và được ngồi trên ngai của Ngài.

Trong khi Chúa Giê-su đang cầu xin những đối tượng được hưởng ân điển của Ngài thì Sa-tan cáo buộc họ trước mặt Đức Chúa Trời là những kẻ vi phạm. Tên lửa dối vĩ đại đã tìm cách dẫn dắt họ đến thái độ hoài nghi, khiến họ mất niềm tin vào Thiên Chúa, tách họ ra khỏi tình yêu của Ngài và khiến họ vi phạm luật lệ của Ngài. Bây giờ ông chỉ ra thành tích cuộc đời của họ, đến những khiếm khuyết trong tính cách, sự khác biệt với Đấng Christ, những kẻ đã làm ô danh Đấng Cứu Chuộc của họ, đến tất cả những tội lỗi mà hắn đã xúi giục họ phạm, và vì những điều này mà hắn tuyên bố họ là thần dân của mình.

Chúa Giêsu không tha tội cho họ, nhưng tỏ ra ăn năn và đức tin, đồng thời xin ơn tha thứ cho họ, giơ đôi tay bị thương trước mặt Chúa Cha và các thánh thiên thần mà nói: "Ta biết đích danh các người. Tôi đã khắc chúng vào lòng bàn tay mình." "Của lễ đẹp lòng Đức Chúa Trời là một tâm hồn tan nát; một tấm lòng tan nát và thống hối, Chúa sẽ không khinh thường nó đâu, lạy Chúa." (Thi Thiên 51:17). Và với kẻ tố cáo dân Ngài, Ngài tuyên bố: "Hỡi Sa-tan, Chúa quả trách người; phải, Chúa, Đấng đã chọn Giêrusalem, đã quả trách người; Đây không phải là một thương hiệu được lấy ra từ lửa sao? (Xa 3:2). Đấng Christ sẽ mặc cho những người trung tín của Ngài sự công bình của chính Ngài để có thể trình bày họ trước Cha Ngài như "một Hội thánh vinh hiển, không vết, không nhăn, không chi giống như vậy" (Ê-phê-sô 5:27). Tên của họ vẫn còn

được ghi trong sách sự sống và về họ có viết: "Họ sẽ mặc áo trắng bước đi với Ta, vì họ xứng đáng" (Khải huyền 3:4).

Bằng cách này, lời hứa của giao ước mới sẽ được ứng nghiệm trọn vẹn: "Ta sẽ tha sự gian ác chúng nó và chẳng nhớ tội chúng nó nữa". Đức Giê-hô-va phán: "Trong những ngày đó và vào lúc đó, tội lỗi của Y-sơ-ra-ên sẽ bị truy tìm, và sẽ không còn nữa; tội lỗi của Giu-đa, nhưng chúng sẽ không được tìm thấy." (Giê-rê-mi 31:34; 50:20). "Vào ngày đó Nhánh của Chúa sẽ đẹp đẽ và vinh quang; và hoa quả của xứ là niềm kiêu hãnh và sự trang sức cho những người Y-sơ-ra-ên được cứu. Liệu những người còn sót lại của Si-ôn và những người ở lại Giê-ru-sa-lem có được gọi là thánh không; tất cả những người đã được đăng ký suốt đời tại Giê-ru-sa-lem." (Ê-sai 4:2 và 3).

Công việc Phán xét Điều tra và việc tẩy sạch tội lỗi phải được hoàn thành trước khi Chúa đến lần thứ hai. Vì người chết phải bị xét xử theo những điều ghi trong sách nên tội lỗi của con người không thể được xóa bỏ trước khi kết thúc Sự phán xét, nơi vụ án của họ được điều tra. Sứ đồ Phi-e-rơ tuyên bố một cách dứt khoát rằng tội lỗi của những người tin Chúa sẽ được xóa bỏ khi "thời kỳ thứ thái đến, và, Ngài sẽ sai Đấng Christ đã được chỉ định cho anh em là Đấng Chúa Giê-su" (Công vụ 3:20). Khi Cuộc Phán xét Điều tra khép lại, Đấng Christ sẽ đến và phần thưởng của Ngài sẽ ở bên Ngài để ban cho mỗi người tùy theo việc làm của họ.

Trong nghi lễ điển hình, thầy tế lễ thượng phẩm, sau khi làm lễ chuộc tội cho dân Y-sơ-ra-ên, sẽ bước ra và chúc phước cho hội chúng. Do đó, Đấng Christ, khi kết thúc công việc của Ngài với tư cách là Đấng Trung Bảo, sẽ hiện ra "lần thứ hai, vô tội, cho những ai chờ đợi Ngài để được cứu" (Hê-bơ-rơ 9:28), để ban phước cho dân sự đang mong đợi của Ngài sự sống đời đời. Giống như thầy tế lễ thượng phẩm, sau khi cất bỏ tội lỗi khỏi nơi thánh, đã xưng tội trên đầu của con dê tế thần, thì Đấng Christ cũng sẽ đổ mọi tội lỗi này lên Sa-tan, kẻ gây ra và xúi giục tội lỗi. Con dê tế thần, gánh tội lỗi của Y-sơ-ra-ên, đã được sai đến đến sa mạc (Lv 16:22). Bằng cách này, Satan, đối mặt với tội lỗi mà hắn đã khiến dân Chúa phạm phải, sẽ bị giam giữ trên Trái đất trong một nghìn năm, sau đó sẽ trở nên hoang tàn, không có cư dân và cuối cùng sẽ phải chịu hình phạt hoàn toàn là tội lỗi trong chúng ta. ngọn lửa sẽ tiêu diệt tất cả những kẻ ác. Như vậy, kế hoạch cứu chuộc vĩ đại sẽ đạt đến mức hoàn thành trong việc loại bỏ tội lỗi cuối cùng và giải thoát tất cả những ai sẵn lòng từ bỏ sự dữ.

Vào thời điểm ấn định cho Cuộc Phán Xét, tức là hết 2.300 ngày, vào năm 1844, công việc điều tra và loại bỏ tội lỗi bắt đầu. Tất cả những ai đã từng tuyên xưng danh Chúa Kitô đều phải vượt qua sự giám sát chặt chẽ của Ngài. Cả kẻ sống lẫn kẻ chết đều phải bị xét xử "theo việc làm của họ, theo lời đã chép trong sách".

Những tội lỗi chưa được ăn năn và từ bỏ sẽ không được tha thứ và bị xóa khỏi sổ sách mà vẫn ở đó để làm chứng chống lại tội nhân trong ngày của Đấng Chúa Trời. Anh ta có thể đã thực hiện những hành động xấu xa của mình vào ban ngày hoặc trong bóng tối của ban đêm, nhưng những điều này sẽ được phơi bày và biểu lộ rõ ràng trước Đấng mà chúng ta phải đối phó. Các thiên sứ của Đấng Chúa Trời đã chứng kiến mọi tội lỗi và ghi lại nó trong những hồ sơ không thể sai lầm. Tội lỗi có thể đã bị che giấu, chối bỏ, che đậy khỏi cha mẹ, vợ con và bạn bè. Không ai khác ngoài chính thủ phạm có thể may mắn nghĩ ngờ về hành động xấu xa đó, nhưng điều đó đã được thể hiện rõ ràng trước trí tuệ thiên thượng. Bóng tối của màn đêm đen tối nhất, những bí mật của mọi nghệ thuật lừa dối không đủ để che đậy một ý nghĩ nào về kiến thức của Đấng vĩnh hằng. Đức Chúa Trời có hồ sơ chính xác về mọi tài khoản không công bằng và mọi giao dịch không trung thực. Anh ta không bị lừa dối bởi vẻ ngoài tin kính. Ngài không mắc sai lầm nào trong việc đánh giá tính cách của mình. Con người có thể bị lừa dối bởi những kẻ có lòng hư hỏng, nhưng Chúa xuyên thấu mọi ngụy trang và đọc được đời sống nội tâm.

Ý nghĩ này mới trang nghiêm làm sao! Ngày qua ngày, đi vào cõi vĩnh hằng, nó đưa tập sách ghi chép của mình vào thiên thư. Lời nói một khi đã nói, việc làm một khi đã làm thì không thể rút lại được nữa. Thiên thần ghi lại cả thiện và ác. Kẻ chinh phục trần gian mạnh mẽ nhất không thể đảo ngược kỷ lục của một ngày. Hành động, lời nói và thậm chí cả những động cơ thầm kín nhất của chúng ta đều đóng vai trò quyết định vận mệnh hạnh phúc hay bất hạnh của chúng ta. Dù bị chúng ta lãng quên nhưng họ sẽ đưa ra lời khai để biện minh hoặc lên án.

Vì đặc điểm khuôn mặt được tái tạo với độ chính xác tuyệt đối trong nhiếp ảnh, nên tính cách cũng được mô tả một cách trung thực trong các cuốn sách trên trời. Tuy nhiên, người ta lại ít chú ý đến biên bản này vốn đang nằm trước con mắt cảnh giác của các thiên thần. Nếu tấm màn ngăn cách thế giới hữu hình và vô hình được vén lên và con cái loài người chiêm ngưỡng thiên thần ghi lại từng lời nói và hành động mà phải đối mặt một lần nữa trong Ngày Phán xét, thì bao nhiêu lời nói hàng ngày sẽ bị dừng lại, bao nhiêu hành vi sẽ còn lại hoàn tác!

Lúc Phán xét, việc sử dụng từng tài năng sẽ được kiểm tra kỹ lưỡng. Chúng ta đã sử dụng số vốn mà Trời giao phó như thế nào? Khi Ngài đến, Chúa có nhận được điều gì đáng quan tâm không? Chúng ta có cải thiện được năng lực thể chất và trí tuệ được giao phó cho chúng ta vì vinh quang của Thiên Chúa và phúc lành của thế giới không? Chúng ta đã sử dụng thời gian, ngòi bút, tiếng nói, tiền bạc và ảnh hưởng của mình như thế nào? Chúng ta đã làm gì cho Chúa Kitô nơi người nghèo, người đau khổ, trẻ mồ côi và góa phụ? Đức Chúa Trời đã biến chúng ta thành người lưu giữ Lời Thánh của Ngài; chúng ta đã làm gì với ánh sáng và lẽ thật được ban cho để làm cho loài người khôn ngoan để được cứu rỗi? Việc tuyên xưng đức tin đơn thuần nơi Đấng Christ không có giá trị gì, mà chỉ có tình yêu thương được bày tỏ qua việc làm mới được coi là chân thật. Chỉ có tình yêu, trước mặt Thiên đàng, mới làm nên bất kỳ hành động nào có giá trị. Bất cứ điều gì được thực hiện trong tình yêu thương, dù có vẻ nhỏ nhặt trong mắt con người, đều được Chúa chấp nhận và ban thưởng.

Sự ích kỷ tiềm ẩn của con người vẫn được bộc lộ trong thiên thư. Có một hồ sơ về những bổn phận chưa được hoàn thành đối với người khác, về việc quên mất những lời tuyên bố của Đấng Cứu Rỗi. Ở đó họ sẽ thấy thời gian, tư tưởng và sức lực vốn thuộc về Đấng Christ lại bị trao vào tay Sa-tan thương xuyên như thế nào. Kỷ lục về các thiên thần được đưa lên Thiên đàng thật đáng buồn. Những sinh vật thông minh, những người tự xưng là tín đồ của Đấng Christ, lại tập trung vào việc đạt được của cải trần thế hoặc tận hưởng những thú vui trần thế. Tiền bạc, thời gian và sức lực bị hy sinh để phô trương và buông thả; Tuy nhiên, rất ít khoảnh khắc dành riêng cho việc cầu nguyện, nghiên cứu Kinh thánh, hạ mình và xưng thú tội lỗi.

Sa-tan sáng chế ra vô số thiết bị để chiếm giữ tâm trí chúng ta, khiến chúng ta không tập trung vào công việc mà lẽ ra chúng ta nên làm quen tốt hơn. Kẻ lừa dối ghét những sự thật vĩ đại tiết lộ sự hy sinh chuộc tội và Đấng Trung gian Toàn năng. Anh ta biết tất cả phụ thuộc vào việc quay lưng lại với Chúa Giê-su và lẽ thật của Ngài.

Những ai muốn tận hưởng những lợi ích từ sự trung gian của Đấng Cứu Rỗi thì không được phép để bất cứ điều gì cản trở bổn phận của mình phải hoàn thiện sự thánh khiết trong sự kính sợ Đức Chúa Trời. Những giờ phút quý báu, thay vì dùng vào thú vui, sự phô trương hay theo đuổi lợi nhuận, nên dành cho việc nhiệt thành và tận tâm nghiên cứu Lời lẽ thật. Dân Chúa phải hiểu rõ chủ đề về đền thánh và Bản án điều tra. Tất cả đều cần có sự hiểu biết về chức vụ và công việc của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm vĩ đại của mình. Nếu không, họ sẽ không thể thực hành đức tin cần thiết vào thời điểm này hoặc chiếm được vị trí mà Đức Chúa Trời muốn họ đảm nhận. Mỗi cá nhân có một tâm hồn để cứu rỗi hoặc để

thua. Mỗi người phải đối mặt trực tiếp với Thảm phán vĩ đại. Vậy thì điều quan trọng biết bao là mỗi người phải thường xuyên chiêm ngưỡng khung cảnh long trọng nơi Phán xét diễn ra và các cuốn sách được mở ra, khi cùng với Đa-ni-ên, mỗi cá nhân phải ở trong số phận của mình vào ngày tận thế.

Tất cả những ai đã nhận được ánh sáng về những chủ đề này đều phải làm chứng cho những chân lý vĩ đại mà Thiên Chúa đã cam kết với họ. Đền thánh trên trời là trung tâm thực sự của công việc Chúa Kitô làm thay cho họ. Nó liên quan đến mọi linh hồn sống trên Trái đất. Xin tỏ lộ cho chúng con kế hoạch cứu chuộc, đưa chúng con đến ngày tận thế và mạc khải kết cục thắng lợi của cuộc xung đột giữa công lý và tội lỗi. Điều cực kỳ quan trọng là mọi người phải điều tra sâu những vấn đề này và có thể trả lời những người yêu cầu họ giải thích niềm hy vọng mà họ đặt vào đó.

Sự cầu thay của Đấng Christ thay cho con người trong đền thánh trên trời cũng cần thiết cho kế hoạch cứu rỗi giống như cái chết của Ngài trên thập tự giá. Bằng cái chết của Ngài, Ngài đã bắt đầu công tác này, và sau khi phục sinh, Ngài thăng thiên để hoàn thành nó. Bởi đức tin, chúng ta phải cùng Ngài bước vào bên kia bức màn "nơi mà Chúa Giê-su, là người đi trước, đã bước vào vì chúng ta" (Hê-bơ-rơ 6:20). Ở đó ánh sáng của Calvary được phản ánh. Ở đó chúng ta có thể nhận thức rõ ràng hơn về những mẫu nhiệm cứu chuộc. Sự cứu rỗi của con người được thực hiện với cái giá phải trả là vô tận đối với Thiên đàng; sự hy sinh được thực hiện tương đương với những yêu cầu đầy đủ nhất về luật pháp đã bị vi phạm của Đức Chúa Trời. Chúa Giêsu đã mở đường đến ngai của Chúa Cha, và qua sự trung gian của Ngài, ước muốn chân thành của tất cả những ai đến với Ngài trong đức tin có thể được trình bày trước mặt Thiên Chúa.

"Người nào che đậy sự vi phạm mình sẽ không bao giờ thịnh vượng; nhưng ai xưng thú và từ bỏ chúng sẽ được thương xót." (Châm ngôn 28:13). Nếu những người che giấu và bào chữa lỗi lầm của mình có thể thấy cách Sa-tan hân hoan về họ và cách hấn chế nhạo Đấng Christ và các thánh thiên sứ qua hành vi của họ, thì họ sẽ vội vàng thú nhận tội lỗi của mình và từ bỏ chúng. Thông qua những khiếm khuyết trong tính cách, Satan hoạt động để giành quyền kiểm soát toàn bộ tâm trí và hấn biết rằng nếu trân trọng những điều này thì hấn sẽ thành công trong nỗ lực của mình. Vì vậy, hấn không ngừng tìm cách đánh lừa những người theo Chúa Kitô bằng sự nguy hiểm chết người của mình khiến họ không thể thắng được. Nhưng Chúa Giêsu ban bàn tay và thân thể bị thương của Người để ban ân huệ, và tuyên bố với tất cả những ai theo Người: "Ơn của Thầy đủ cho anh em rồi". (II Cô-rinh-tô 12:9). "Hãy mang lấy ách của Ta và học theo Ta, vì Ta hiền lành và khiêm nhường trong lòng, và linh hồn các con sẽ tìm được bình an. Bởi vì của tôi

Ách thì êm ái và gánh Ta nhẹ nhàng." (Ma-thi-ơ 11:29, 30). Đừng để ai coi khuyết điểm của bạn là không thể chữa được. Đức Chúa Trời sẽ ban đức tin và ân điển để chiến thắng họ.

Hiện nay chúng ta đang sống trong ngày chuộc tội trọng đại. Trong buổi lễ diễn hình, trong khi thầy tế lễ thượng phẩm làm lễ chuộc tội cho dân Y-sơ-ra-ên, tất cả đều phải làm khổ tâm hồn mình bằng cách ăn năn tội lỗi và chịu sỉ nhục trước mặt Đức Chúa Trời, vì sợ bị loại khỏi dân chúng. Tương tự như vậy, tất cả những ai được ghi tên vào sổ sự sống giờ đây, trong những ngày thử thách còn lại, phải làm tâm hồn mình đau khổ trước mặt Chúa bằng sự đau buồn vì tội lỗi và sự ăn năn thực sự. Phải có sự giám sát sâu sắc và trung thực của trái tim. Phải từ bỏ tinh thần nhẹ nhàng và phù phiếm mà nhiều người tuyên xưng là Kitô hữu ưa thích. Có một cuộc đấu tranh khốc liệt trước tất cả những ai muốn khuất phục những khuynh hướng xấu xa đang tranh giành quyền thống trị. Công việc chuẩn bị mang tính cá nhân. Chúng ta không được cứu theo nhóm. Sự trong sạch và tận tâm của một người không đáp ứng được nhu cầu về những phẩm chất này ở người khác. Mặc dù tất cả các quốc gia phải đứng ra phán xét trước Đức Chúa Trời, tuy nhiên Ngài sẽ xem xét trường hợp của từng cá nhân với sự xem xét kỹ lưỡng và sâu sắc như thể không có người nào khác trên trái đất. Mỗi cái phải được thử và tìm ra mà không có vết ố, nếp nhăn hay bất cứ thứ gì tương tự.

Trang trọng là những cảnh liên quan đến việc kết thúc công cuộc chuộc tội. Những lợi ích liên quan đến nó là rất quan trọng. Phiên tòa hiện đang diễn ra tại

thánh đường thiên đường. Trong hơn bốn mươi năm, công việc này đã được tiến hành. Chẳng bao lâu nữa - không ai biết nhanh đến mức nào - cô ấy sẽ chuyển sang trường hợp của người sống. Cuộc đời chúng ta phải được xét lại trước sự hiện diện oai nghiêm của Chúa. Vào thời điểm này, hơn bao giờ hết, điều thích hợp là mọi tâm hồn nên chú ý đến lời cảnh báo của Đấng Cứu Rỗi: "Hãy tỉnh thức và cầu nguyện, vì các con không biết khi nào thì giờ đến". (Mác 13:33). "Và nếu người không canh chừng, ta sẽ đến tấn công người như kẻ trộm, và người sẽ không biết giờ nào ta sẽ tấn công người." (Khải Huyền 3:3).

Khi công việc của Bản án điều tra hoàn thành, số phận của mọi người nó sẽ được quyết định cho sự sống hay cái chết. Cuộc phán xét kết thúc ngay trước khi Chúa xuất hiện trên mây trời. Chúa Kitô, nhìn vào thời điểm này, tuyên bố trong Khải Huyền: "Ai bắt công vẫn phải bắt công; ai bán thì vẫn phải bán; và người công chính vẫn thực thi công lý; và ai là thánh, hãy để người ấy được thánh hóa nữa. Nay, ta đến mau chóng, mang theo phần thưởng của ta, để chia cho mỗi người tùy theo công việc của họ." (Kh 22:11 và 12).

Người chính trực và kẻ ác vẫn sẽ sống trên Trái đất trong trạng thái phàm trần; con người sẽ trồng trọt, xây dựng, ăn uống, tất cả đều không biết rằng quyết định cuối cùng và không thể thay đổi đã được tuyên bố tại nơi thánh trên trời.

Trước trận Đại hồng thủy, sau khi Nô-ê vào tàu, Đức Chúa Trời nhốt ông vào trong con tàu mệnh mông và bỏ kẻ ác ở ngoài, nhưng trong bảy ngày, dân chúng không biết rằng sự diệt vong của mình đã được xác định nên vẫn tiếp tục cuộc sống bất cẩn, ham mê lạc thú và ché nhạo những kẻ khác. Cảnh báo về sự diệt vong sắp xảy ra. Đấng Cứu Rỗi đã phán: "Việc Con Người đến cũng sẽ như vậy." (Ma-thi-ơ 24:39). Âm thầm, không bị chú ý như tên trộm lúc nửa đêm, giờ quyết định sẽ đến, đánh dấu việc ấn định số phận của mỗi người, sự rút lại cuối cùng của lời thương xót đối với những kẻ có tội.

"Vậy hãy canh chừng. Kẻo hấn bất ngờ đến và thấy bạn đang ngủ."

(Mác 13:35 và 36). Nguy hiểm thay tình trạng của những người chán ngấm nhìn mà quay sang những điểm hấp dẫn của thế giới. Trong khi người kinh doanh mãi mê theo đuổi lợi lộc, trong khi người ham mê lạc thú tìm cách thỏa mãn dục vọng của mình, trong khi nô lệ của thời trang đang tô điểm cho mình, thì đó có thể là lúc Quan tòa của cả Trái đất tuyên án: "Nặng, bạn bị cân trên cân và thấy thiếu."

(Đa-ni-ên 5:27).

Chương 29

Nguồn gốc của cái ác

Đối với nhiều người, nguồn gốc của tội lỗi và lý do tồn tại của nó là nguồn gốc của sự bối rối lớn lao. Họ nhìn thấy công việc của cái ác với những kết quả khủng khiếp là bất hạnh và hoang tàn, đồng thời đặt câu hỏi làm thế nào tất cả những điều này có thể tồn tại dưới sự cai trị của một Đấng có trí tuệ, quyền năng và tình yêu vô hạn. Đây là một bí ẩn mà họ không thể tìm ra lời giải thích. Và, trong sự không chắc chắn và nghi ngờ, họ mù quáng trước những chân lý được mạc khải đầy đủ trong Lời Chúa, những chân lý thiết yếu cho sự cứu rỗi. Có những người, khi nghiên cứu về sự tồn tại của tội lỗi, cố gắng thăm dò điều mà Thiên Chúa chưa bao giờ mặc khải; do đó họ không tìm ra giải pháp cho những khó khăn của mình. Những người có khuynh hướng nghi ngờ và tranh cãi thì bám vào điều này như một cái cớ để bác bỏ những lời trong Sách Thánh. Tuy nhiên, những người khác không đạt được sự hiểu biết thỏa đáng về vấn đề lớn lao của sự ác bởi vì truyền thống và sự giải thích sai lầm đã làm lu mờ sự dạy dỗ của Kinh thánh về đặc tính của Đức Chúa Trời, bản chất sự cai trị của Ngài và các nguyên tắc Ngài xử lý tội lỗi.

Không thể giải thích nguồn gốc của tội lỗi theo cách cung cấp những lý do cho sự tồn tại của nó. Tuy nhiên, có thể hiểu đủ về nguồn gốc cũng như ý định cuối cùng của nó, để sự công bằng và nhân từ của Đức Chúa Trời trong mọi cách Ngài đối xử với cái ác được thể hiện đầy đủ. Không có điều gì được dạy rõ ràng hơn trong Kinh Thánh hơn là Đức Chúa Trời không hề chịu trách nhiệm về sự xâm nhập của tội lỗi. Và không có sự tùy tiện thu hồi ân sủng thiêng liêng, cũng như không có sự thiếu hụt trong sự cai trị thiêng liêng để tạo cơ hội cho cuộc nổi dậy. Tội lỗi là một kẻ xâm nhập mà sự hiện diện của nó không thể giải thích được lý do. Nó thật bí ẩn và không thể giải thích được; tha thứ cho anh ta tương đương với việc bảo vệ anh ta. Nếu có thể tìm ra lời bào chữa nào đó cho sự xuất hiện của nó, hoặc có thể đưa ra nguyên nhân tồn tại của nó, thì nó sẽ không còn là tội nữa. Định nghĩa duy nhất của chúng ta về tội lỗi được đưa ra trong Lời Chúa, đó là: "vi phạm luật pháp". Ngài là sự vận hành của một nguyên tắc xung đột với luật pháp vĩ đại của tình yêu, vốn là nền tảng của sự cai trị thiêng liêng.

Trước sự xâm nhập của cái ác, khắp Vũ trụ có hòa bình và niềm vui. Mọi thứ đều hoàn toàn hài hòa với ý muốn của Đấng Tạo Hóa. Tình yêu dành cho Thiên Chúa là cao nhất và tình yêu dành cho nhau là vô tư. Đấng Christ, Ngôi Lời, Con Độc Sinh của Đức Chúa Trời, là một với Đức Chúa Cha vĩnh cửu—một về bản chất, tính cách và mục đích—Đấng duy nhất trong toàn bộ Vũ trụ có thể đi vào mọi lời khuyên và mục đích của Đức Chúa Trời. Qua Chúa Kitô, Chúa Cha đã tác động vào việc tạo dựng nên mọi sinh vật trên trời. "Trong Ngài, mọi vật trên trời đều được tạo dựng... dù là ngai vàng, quyền thống trị, quyền lực hay quyền lực (Cô-lô-se 1:16). Đối với Đấng Christ, cũng như với Đức Chúa Cha, toàn thể Thiên đàng đều trung thành với Ngài.

Vì luật yêu thương là nền tảng cho sự cai trị của Đức Chúa Trời, nên hạnh phúc của mọi loài thọ tạo tùy thuộc vào sự hòa hợp hoàn hảo của họ với những nguyên tắc công bằng vĩ đại của Ngài. Đức Chúa Trời mong muốn mọi tạo vật của Ngài đều yêu thương phục vụ—sự tôn kính xuất phát từ sự đánh giá sáng suốt về đặc tính của Ngài. Ngài không thích việc bị ép buộc phải vâng phục, và ban cho mọi người quyền tự do ý chí để họ có thể tự nguyện phục vụ Ngài. Tuy nhiên, có một người thích làm hỏng sự tự do này hơn. Tội lỗi bắt nguồn từ người, sau Đấng Christ, là người được Đức Chúa Trời tôn kính nhất, có quyền lực và vinh quang cao nhất trong số các cư dân trên Thiên đàng.

Ông là cherubim đầu tiên, thánh thiện và vô nhiễm. "Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Người là thước đo, đầy khôn ngoan và đẹp để trọn vẹn. Người ở trong vườn Ê-đen, vườn của Đức Chúa Trời; mọi viên đá quý đều che phủ người." "Người là một chê-ru-bim được xúc dầu để bảo vệ, và ta đã lập người; người ở trên núi thánh của Đức Chúa Trời, giữa những hòn đá rực lửa mà người bước đi. Người vốn trọn vẹn trong đường lối mình, từ ngày người được tạo dựng, cho đến khi sự gian ác xuất hiện." được tìm thấy trong bạn." (Ê-xê-chiên 28:12-15).

Lucifer lẽ ra vẫn được Thiên Chúa ưu ái, được toàn thể đoàn thiên thần yêu mến và tôn vinh, sử dụng các khả năng cao quý của mình để chúc lành cho người khác và tôn vinh Đấng Tạo Hóa của mình. Tuy nhiên, nhà tiên tri đã nói: "Trái tim của bạn đã được nâng cao vì vẻ đẹp của bạn, bạn đã làm hỏng trí tuệ của mình vì sự rạng rỡ của bạn." (Ê-xê-chiên 28:17). Dần dần, Lucifer dần thỏa mãn ham muốn tự đề cao bản thân. "Bạn quý trọng trái tim mình như thể nó là trái tim của Chúa." "Và bạn đã nói... Tôi sẽ tôn cao ngai vàng của mình trên các ngôi sao của Chúa, và tôi sẽ ngồi trên núi của hội chúng... Tôi sẽ lên trên những đám mây cao nhất, và tôi sẽ giống như Đấng Tối Cao." (Ê-xê-chiên 28:6; Ê-sai 14:13 và 14). Thay vì tìm cách đặt Thiên Chúa lên vị trí tối cao trong tình cảm và lòng trung thành của các tạo vật của Ngài, Lucifer đã nỗ lực tài tình để giành được sự phục vụ và tôn kính của họ dành cho chính mình.

Ham muốn vinh dự mà Chúa Cha vô cùng đã ban cho Con Ngài, vị hoàng tử thiên thần này đã khao khát quyền lực vốn là đặc quyền độc quyền của Chúa Kitô.

Toàn thể Thiên đàng vui mừng phần chiếu vinh quang của Đấng Tạo Hóa và ca ngợi Ngài. Và trong khi Thiên Chúa được vinh danh như vậy, tất cả đều bình an và vui vẻ. Nhưng một nốt nhạc không phù hợp giờ đây đã làm xáo trộn sự hòa hợp của thiên đàng. Việc phục vụ và đề cao bản thân, trái với kế hoạch của Đấng Tạo Hóa, đã khơi dậy trong tâm trí những linh cảm xấu mà vinh quang của Thiên Chúa là tối cao. Các hội đồng trên trời đã kêu gọi Lucifer. Con Thiên Chúa đã trình bày cho ngài sự cao cả, tốt lành và công bằng của Đấng Tạo Hóa cũng như tính chất thiêng liêng và bất biến của luật pháp Ngài. Chính Đức Chúa Trời đã thiết lập trật tự của Thiên đàng; và, bằng cách quay lưng lại với cô ấy, Lucifer sẽ làm ô danh Đấng Tạo Hóa của mình, tự chuốc lấy sự hủy hoại cho chính mình. Nhưng lời cảnh báo được đưa ra với tình yêu thương và lòng thương xót vô hạn chỉ đánh thức tinh thần phản kháng. Lucifer để cho sự ghen tị với Đấng Christ chiếm ưu thế, và hấn trở nên quyết tâm hơn.

Niềm tự hào về vinh quang của chính mình đã thúc đẩy khát vọng giành quyền tối cao. Những danh hiệu cao quý được trao cho Lucifer không được đánh giá cao như một món quà từ Thiên Chúa và không khơi dậy lòng biết ơn đối với Đấng Tạo Hóa. Anh ta tự hào về sự rạng ngời và tôn vinh của mình, và khao khát được ngang hàng với Chúa. Ông được chủ nhà trên trời yêu mến và tôn kính. Các thiên thần vui mừng thực hiện mệnh lệnh của ông, và ông được mặc lấy sự khôn ngoan và vinh quang hơn tất cả. Tuy nhiên, Con Thiên Chúa là Đấng Tối Cao Thiên Đàng được công nhận, có quyền năng và thẩm quyền ngang bằng với Chúa Cha, Chúa Kitô tham gia vào mọi lời khuyên của Thiên Chúa, trong khi Lucifer do đó không được phép thâm nhập vào các mục đích thiêng liêng.

Thiên sứ quyền năng đặt câu hỏi: "Tại sao Đấng Christ lại có quyền tối cao? Tại sao Ngài lại được tôn vinh hơn Lucifer?"

Rời khỏi vị trí của mình trước sự hiện diện trực tiếp của Chúa, Lucifer đi ra ngoài để gieo rắc tinh thần bất mãn giữa các thiên thần. Hành động trong bí mật bí ẩn và che giấu mục đích thực sự của mình trong một thời gian dưới vẻ ngoài tôn kính Chúa, anh ta cố gắng khơi dậy sự bất mãn với luật lệ quản lý các thiên thể, cho rằng họ áp đặt những hạn chế không cần thiết đối với họ. Cho rằng chúng được cấu tạo bởi bản chất thánh thiện, ông nhấn mạnh rằng các thiên thần phải tuân theo mệnh lệnh của ý chí riêng của họ. Anh ta cố gắng thu hút sự đồng cảm với chính mình, tuyên bố rằng Thiên Chúa đã đối xử bất công với anh ta bằng cách trao vinh dự tối cao cho Chúa Kitô. Ông khẳng định rằng khi khao khát quyền lực và danh dự lớn hơn, ông không có mục đích tự đề cao bản thân mà tìm cách đảm bảo tự do cho tất cả cư dân trên Thiên đàng, để bằng những phương tiện này, họ có thể đạt được trạng thái tồn tại cao hơn.

Thiên Chúa, với lòng thương xót lớn lao của Ngài, đã chịu đựng Lucifer trong một thời gian dài. Anh ta đã không bị loại bỏ ngay lập tức khỏi vị trí cao của mình khi lần đầu tiên thể hiện tinh thần bất mãn, ngay cả khi anh ta bắt đầu trình bày những tuyên bố sai lầm của mình trước các thiên thần trung thành. Trong một thời gian dài, anh ta được giữ trên Thiên đường, nhiều lần được đề nghị tha thứ với điều kiện phải ăn năn và phục tòng. Những nỗ lực mà chỉ có tình yêu thương và trí tuệ vô hạn mới có thể nghĩ ra đã được thực hiện để thuyết phục anh ta về lỗi lầm của mình. Tinh thần bất mãn chưa bao giờ được biết đến trên Thiên đường, bản thân Lucifer lúc đầu cũng không thể nhìn thấy mình đang hướng tới đâu; anh không hiểu bản chất thực sự của cảm xúc của mình. Nhưng Lucifer được cho thấy rằng sự bất mãn của anh ta không có lý do gì, tin chắc rằng anh ta đã sai, rằng những lời tuyên bố của thần thánh là chính đáng, và rằng anh ta nên thừa nhận chúng trước toàn thể Thiên đường. Nếu anh ta làm như vậy, anh ta có thể cứu được chính mình và nhiều thiên thần. . Tại thời điểm này, ông vẫn chưa hoàn toàn từ bỏ lòng trung thành của mình với Chúa. Mặc dù ông đã mất đi vị trí cherub cherub, nhưng nếu ông sẵn lòng quay trở lại với Đức Chúa Trời, nhận ra sự khôn ngoan của Đấng Tạo Hóa và hài lòng với việc lấp đầy vị trí đã được chỉ định cho mình trong kế hoạch vĩ đại của Ngài, ông sẽ được phục hồi chức vụ của mình. . Nhưng niềm tự hào đã ngăn cản anh ta phục tòng. Anh ta kiên trì bảo vệ hành vi của mình, biện hộ rằng không cần phải ăn năn, rồi hoàn toàn lao vào cuộc tranh cãi lớn chống lại Đấng Tạo Hóa của mình.

Sau đó, tất cả các khả năng của bộ óc đặc quyền của anh ta đều được sử dụng vào công việc lừa dối, nhằm mục đích lấy được thiện cảm của các thiên thần dưới quyền chỉ huy của anh ta. Chính việc Chúa Kitô cảnh báo và khuyên nhủ vị thiên thần cao quý này đã bị bóp méo để phục vụ cho những mưu đồ phản bội của hắn. Đối với những người có sự tin tưởng tột độ gắn bó họ chặt chẽ nhất với hắn, Sa-tan tuyên bố rằng hắn đã bị xét xử bất công, lập luận rằng địa vị của hắn không được tôn trọng và quyền tự do của hắn bị hạn chế. Từ việc xuyên tạc những lời của Chúa Kitô, ông ta đi đến chỗ quanh co và dối trá trắng trợn, buộc tội Con Thiên Chúa đang cố làm nhục ông ta trước các cư dân trên Thiên đường, và tất cả những người mà ông ta không thể lật đổ và lôi kéo về phía mình, ông ta buộc tội là thờ ơ với lợi ích của các thiên thần. Chính công việc mà chính ông đang làm, ông đã giao phó cho những ai vẫn trung thành với Đức Chúa Trời. Và để bào chữa cho lời buộc tội của Thiên Chúa đối với mình, ông đã bóp méo lời nói và hành động của Đấng Tạo Hóa. Chiến thuật của hắn là gây bối rối cho các thiên thần bằng những lập luận tinh vi liên quan đến mục đích thiêng liêng. Mọi thứ đơn giản đều được ông bao bọc bằng sự bí ẩn, và bằng sự xuyên tạc xảo quyệt, ông đặt ra nghi ngờ về những lời tuyên bố rõ ràng nhất của Đức Giê-hô-va. Vị trí cao quý của ông, trong mối liên hệ mật thiết với sự quản lý thần thánh, đã mang lại sức mạnh to lớn cho các lập luận của ông, và nhiều người đã bị lôi kéo tham gia cùng ông trong cuộc nổi dậy chống lại quyền lực của Thiên đường.

Đức Chúa Trời, trong sự khôn ngoan của Ngài, đã cho phép Sa-tan tiếp tục công việc của hắn cho đến khi tinh thần bất mãn chín muồi thành sự nổi loạn tích cực. Điều này là cần thiết để kế hoạch của anh ta được phát triển đầy đủ, để mọi người có thể nhìn thấy bản chất và xu hướng thực sự của anh ta. Là một thiên sứ được xúc dầu, Lucifer đã được tôn vinh rất cao; Được các thiên nhân vô cùng yêu mến, ảnh hưởng của ông đối với họ rất mạnh mẽ. Chính phủ của Đức Chúa Trời không chỉ bao gồm cư dân trên Thiên đường, mà còn bao gồm tất cả các thế giới mà Ngài đã tạo ra; và Satan nghĩ rằng nếu hắn có thể dẫn dắt các thiên thần trên Thiên đường nổi loạn thì hắn cũng có thể làm như vậy ở các thế giới khác. Anh ta đã khéo léo trình bày khía cạnh vấn đề của mình, sử dụng ngụy biện và lừa đảo để đảm bảo đạt được mục tiêu của mình. Khả năng lừa dối của hắn rất lớn; và bằng cách ngụy trang dưới lớp áo giả dối, anh ta đã có thể giành được lợi thế. Ngay cả những thiên thần trung thành cũng không thể phân biệt đầy đủ tính cách của anh ta hoặc biết công việc của anh ta đang hướng tới đâu.

Satan đã được tôn vinh rất cao và mọi hành động của hắn đều bị che giấu trong bí ẩn đến mức rất khó để các thiên thần tiết lộ bản chất thực sự công việc của hắn. Trước khi nó phát triển đầy đủ, tội lỗi sẽ không xuất hiện ở mức độ ác tính thực sự của nó. Cho đến lúc đó điều đó vẫn chưa xảy ra trong Vũ trụ của Chúa, và các đấng thánh thiện không hề có quan niệm gì về bản chất và sự ngoan cố của nó. Họ không thể nhận ra những hậu quả thảm khốc có thể xảy ra nếu gạt bỏ luật pháp thiêng liêng. Lúc đầu, Sa-tan đã che giấu công việc của mình dưới lời tuyên bố xảo quyệt là trung thành với Đức Chúa Trời. Anh ta tuyên bố rằng anh ta tìm cách nâng cao danh dự của Chúa, sự ổn định của chính phủ của Ngài và lợi ích của tất cả cư dân trên Thiên đường. Để loại bỏ sự bất mãn. Khi ông nhấn mạnh rằng những thay đổi phải được thực hiện theo trật tự và luật pháp của chính phủ Chúa, đó là vì những thay đổi đó là cần thiết để duy trì sự hòa hợp trên Thiên đường.

Khi xử lý tội lỗi, Đức Chúa Trời chỉ có thể sử dụng sự công bằng và lẽ thật. Sa-tan có thể sử dụng điều mà Đức Chúa Trời sẽ không sử dụng: nịnh nọt và lừa dối. Kẻ thù đã tìm cách làm sai lệch Lời của Đức Chúa Trời và trình bày sai kế hoạch cai trị của Ngài trước các thiên thần, nói rằng Chúa không công bằng khi ban hành luật lệ và quy tắc cho cư dân trên Thiên đường; rằng khi đòi hỏi sự phục tùng và tuân phục từ các tạo vật của Ngài, Ngài chỉ đơn giản là tìm cách tôn cao chính mình. Vì vậy, điều cần phải được chứng minh trước cư dân trên Thiên đường cũng như tất cả các thế giới được tạo dựng là chính phủ của Đức Chúa Trời là công bằng và luật pháp của Ngài là hoàn hảo. Satan đã tỏ ra rằng hắn đang tìm cách thúc đẩy lợi ích của Vũ trụ. Mọi người đều phải hiểu rõ tính cách thực sự của kẻ tiếm quyền và mục tiêu thực sự của hắn.

Sa-tan cho rằng sự bất hòa mà hành vi của hắn đã gây ra trên Thiên đường là do luật pháp và chính phủ của Đức Chúa Trời. Ông tuyên bố rằng mọi điều ác đều là kết quả của sự quản lý thần thánh. Ông lập luận rằng mục đích của ông là cải thiện các quy chế của Đức Giê-hô-va. Vì vậy, anh ta cần phải chứng minh bản chất của những tuyên bố của mình và tác động của những thay đổi được cho là của anh ta đối với luật thiêng liêng. Công việc của chính anh ta nên lên án anh ta. Sa-tan đã tuyên bố ngay từ đầu rằng hắn không hề nổi loạn. Toàn bộ Vũ trụ sẽ nhìn thấy sự vạch mặt của kẻ lừa dối.

Ngay cả khi người ta quyết định rằng hắn không thể ở lại Thiên đường được nữa, Trí tuệ Vô hạn vẫn không tiêu diệt được Satan. Vì chỉ có sự phục vụ yêu thương mới được Thiên Chúa chấp nhận nên lòng trung thành của các tạo vật của Ngài phải dựa trên niềm tin vào sự công bằng và lòng nhân từ của Ngài. Cư dân trên Thiên đường và các thế giới khác, không sẵn sàng hiểu bản chất hoặc hậu quả của tội lỗi, vào thời điểm đó không thể hiểu được công lý và lòng thương xót của Thiên Chúa trong sự hủy diệt cuối cùng của Satan. Nếu Ngài bị loại bỏ ngay lập tức, họ sẽ phục vụ Chúa vì sợ hãi hơn là vì yêu thương. Ảnh hưởng của kẻ lừa dối sẽ không bị tiêu diệt hoàn toàn, tinh thần nổi loạn cũng không bị tiêu diệt hoàn toàn. Thiên Chúa sẽ cho phép cái ác hoàn toàn trưởng thành. Vì lợi ích của toàn bộ Vũ trụ trong suốt nhiều thế kỷ vô tận, Satan nên phát triển đầy đủ hơn các nguyên tắc của mình, để tất cả các loài thọ tạo có thể nhìn nhận những lời buộc tội của hắn chống lại chính quyền thần thánh dưới ánh sáng thực sự của chúng; rằng công lý và lòng thương xót của Thiên Chúa cũng như sự bất biến của luật pháp Ngài có thể mãi mãi vượt xa mọi nghi ngờ.

Sự phản loạn của Sa-tan là dành cho mọi thời đại để trở thành một bài học cho toàn thể vũ trụ, một bằng chứng vĩnh viễn về bản chất và hậu quả khủng khiếp của tội lỗi. Kết quả của sự cai trị của Sa-tan, ảnh hưởng của nó đối với cả loài người lẫn thiên sứ, sẽ cho thấy hậu quả của việc gạt bỏ thẩm quyền thiêng liêng. Họ sẽ chứng thực rằng hạnh phúc của mọi sinh vật mà Ngài tạo ra phụ thuộc vào sự tồn tại của chính phủ và luật pháp của Đức Chúa Trời. Bằng cách này, câu chuyện về trải nghiệm khủng khiếp của cuộc nổi loạn

nó phải là sự bảo vệ vĩnh viễn cho tất cả các trí thông minh thánh thiện, ngăn ngừa họ bị lừa dối về bản chất của sự vi phạm, và giải thoát họ khỏi phạm tội và chịu hình phạt của nó.

Cho đến khi cuộc xung đột trên Thiên đường kết thúc, kẻ soán ngôi vĩ đại vẫn tiếp tục biện minh cho mình. Khi được thông báo rằng hắn và tất cả những người đồng tình với hắn sẽ bị trục xuất khỏi thiên đường hạnh phúc, thủ lĩnh phiến quân đã mạnh dạn tuyên bố khinh thường luật pháp của Đấng Tạo Hóa. Ông lặp lại tuyên bố của mình rằng các thiên thần không cần phải bị kiểm soát mà nên được tự do làm theo ý muốn của riêng họ, điều này sẽ luôn dẫn dắt họ một cách chính đáng. Anh ta tố cáo các quy chế thần thánh là sự hạn chế quyền tự do của anh ta, tuyên bố rằng mục đích của anh ta là bãi bỏ luật. Ông cũng nói rằng, không bị hạn chế này, các thiên binh có thể đạt đến trạng thái hiện sinh cao quý và vinh quang hơn.

Bằng sự đồng ý chung, Sa-tan và đội quân của hắn đổ lỗi hoàn toàn cho sự phản nghịch của chúng đối với Đấng Christ, tuyên bố rằng nếu chúng không bị buộc tội thì chúng đã không đứng dậy. Do đó, cương quyết và thách thức sự bất trung của mình, tìm cách lật đổ chính quyền của Đức Chúa Trời trong vô vọng, phản đối một cách báng bổ rằng họ đã là nạn nhân vô tội của một thế lực áp bức, kẻ nổi loạn và những người đồng tình với hắn cuối cùng đã bị trục xuất khỏi Thiên đường.

Chính tinh thần đã gây ra cuộc nổi loạn trên Thiên đường vẫn thúc đẩy cuộc nổi loạn trên Trái đất. Sa-tan đã áp dụng chính sách tương tự đối với loài người cũng như đối với các thiên thần. Tinh thần của ông bây giờ ngự trị trên những đứa trẻ không vâng lời. Theo gương ngài, loài người tìm cách phá vỡ sự áp đặt của luật pháp Đức Chúa Trời và hứa hẹn sự tự do thông qua việc vi phạm các giới luật thánh thiện của ngài. Sự khiển trách tội lỗi vẫn đánh thức tinh thần hận thù và phản kháng. Khi những thông điệp cảnh báo của Đức Chúa Trời được gửi đến lương tâm, Sa-tan dẫn dắt con người biện minh cho bản thân và tìm kiếm sự thông cảm từ người khác về đường lối tội lỗi của họ. Thay vì sửa chữa lỗi lầm của mình, họ lại trở nên tức giận với người khiển trách họ, như thể người đó là nguyên nhân gây ra khó khăn. Từ thời Abel công chính cho đến thời đại chúng ta, tinh thần đó đã được thể hiện đối với những ai dám lên án tội lỗi.

Bằng cách bóp méo đặc tính thiêng liêng mà hắn đã sử dụng trên Thiên đàng, khiến Chúa bị coi là chuyên quyền và không khoan nhượng, Sa-tan đã xúi giục loài người phạm tội. Và sau khi đã thành công trong mục đích của mình, ông tuyên bố rằng những hạn chế bất công của Đức Chúa Trời đã dẫn đến sự suy thoái của con người, giống như chúng đã tạo ra sự nổi loạn của chính ông.

Nhưng chính Đấng Hằng Hữu đã công bố đặc tính của Ngài: "Giê-hô-va là Đức Chúa Trời nhân từ và nhân hậu, chậm giận, đầy dẫy ân huệ và thành thật, ban ơn đến ngàn đời, tha điều gian ác, vi phạm và tội lỗi; chẳng kể kẻ có tội là đáng vô tội." (Ví dụ 34:6 và 7).

Bằng cách trục xuất Sa-tan khỏi Thiên đàng, Đức Chúa Trời đã tuyên bố sự công bình của Ngài và duy trì sự vinh hiển của ngài Ngài. Nhưng khi con người phạm tội bằng cách chiều theo sự lừa dối của tinh thần bội đạo này, Đức Chúa Trời đã chứng tỏ tình yêu thương của Ngài bằng cách hy sinh Con Một của Ngài để chết thay cho dòng giống sa ngã. Bản chất của Thiên Chúa được tiết lộ trong sự chuộc tội. Lập luận mạnh mẽ về thập tự giá chứng minh cho toàn bộ Vũ trụ rằng con đường tội lỗi, do Lucifer chọn, không bao giờ có thể bị quy cho chính quyền thần thánh.

Trong cuộc xung đột giữa Đấng Christ và Sa-tan trong chức vụ trên đất của Đấng Cứu Rỗi, bản chất của kẻ lừa dối vĩ đại đã bị vạch trần. Không gì có thể loại bỏ Satan khỏi tình cảm của các thiên thần trên trời và toàn bộ Vũ trụ trung thành một cách hiệu quả bằng cuộc đấu tranh tàn khốc của hắn chống lại Đấng Cứu Chuộc của thế giới. Sự báng bổ táo bạo của việc hắn tự phụ đòi Đấng Christ phải tỏ lòng tôn kính với hắn, sự táo bạo vô ích của hắn khi đưa Ngài lên đỉnh núi và đỉnh đền thờ, ý định độc ác xuất phát từ hắn.

nhất quyết đòi Chúa chúng ta ném mình từ độ cao chóng mặt, ác tâm không biết mệt mỏi tấn công Ngài hết nơi này đến nơi khác, khiến tâm hồn các linh mục và dân chúng khước từ tình yêu của Ngài, và tiếng kêu cuối cùng: "Đóng đinh Ngài, đóng đinh Ngài" - All về điều này đã làm đầy lên sự kinh ngạc và phẫn nộ của Vũ trụ.

Chính Satan đã xúi giục thế giới chối bỏ Đấng Christ. Vua ác quỷ đã dùng hết quyền lực và trí sáng suốt của mình để tiêu diệt Chúa Giêsu; vì ông thấy rằng lòng thương xót và tình yêu thương của Đấng Cứu Rỗi, lòng trắc ẩn và sự ngọt ngào dịu dàng của Ngài, đang đại diện cho thế giới về đặc tính của Đức Chúa Trời. Sa-tan phản đối mọi lời tuyên bố của Con người, và hắn thuê đàn ông làm tay sai của mình để lấp đầy cuộc đời của Đấng Cứu Rỗi bằng đau khổ và buồn phiền. Sự nguy hiểm và giả dối mà hắn dùng để làm xấu mặt công cuộc của Chúa Giêsu, sự căm ghét rõ ràng đối với những đứa trẻ không vâng lời, những lời buộc tội tàn nhẫn của hắn đối với Đấng có cuộc đời tốt lành chưa từng có, tất cả đều xuất phát từ mong muốn trả thù sâu xa. Những ngọn lửa ghen tị và ác ý bị dập tắt, của hận thù và trả thù, đã bùng phát trên Đồi Canvê chống lại Con Thiên Chúa, trong khi cả Thiên đàng nhìn cảnh tượng đó trong nỗi kinh hoàng thảm lặng.

Khi sự hy sinh vĩ đại được hoàn thành, Chúa Kitô thăng thiên, từ chối việc thờ phượng của các thiên thần cho đến khi Ngài đưa ra yêu cầu: "Tôi muốn rằng tôi ở đâu thì họ cũng ở đó." (Giăng 17:24). Rồi với tình yêu và quyền năng không thể diễn tả được, câu trả lời từ ngai của Chúa Cha đã đến: "Và tất cả các thiên thần của Thiên Chúa phải thờ phượng Ngài."

(Hê-bơ-rơ 1:6). Không có vết nhơ nào trên Chúa Giêsu. Sự sỉ nhục của Ngài đã chấm dứt, sự hy sinh của Ngài đã trọn, và danh trên hết mọi danh đã được ban cho Ngài.

Bây giờ tội lỗi của Satan đã được thể hiện mà không có bất kỳ lời bào chữa nào. Anh ta đã bộc lộ bản chất thật của mình là một kẻ nói dối và một kẻ giết người. Rõ ràng là tinh thần mà ông đã cai trị con cái của những người dưới quyền của ông, điều mà ông sẽ thể hiện nếu được phép kiểm soát cư dân trên Thiên đàng. và sự thăng hoa. Tuy nhiên, những gì được nhìn thấy là sự thoái hóa và nô lệ.

Sự tố cáo dối trá của Sa-tan về đặc tính và sự cai trị của Đức Chúa Trời đã xuất hiện dưới ánh sáng thực sự của họ. Ông cáo buộc Đức Chúa Trời chỉ tìm kiếm sự tôn cao của chính Ngài bằng cách yêu cầu các tạo vật của Ngài phải phục tùng và vâng lời, đồng thời tuyên bố rằng, trong khi Đấng Tạo Hóa yêu cầu tất cả những người khác phải từ bỏ bản thân thì chính Ngài lại không thực hiện điều đó và không hy sinh. Giờ đây, điều trở nên rõ ràng hơn là Đấng Thống trị Vũ trụ, để cứu rỗi dòng giống sa ngã và tội lỗi, đã thực hiện hy sinh lớn lao nhất mà tình yêu có thể đảm nhận, vì "Thiên Chúa ở trong Chúa Kitô, hòa giải thế giới với chính Ngài" (II Cor. 5:19). Người ta cũng thấy rằng trong khi Lucifer mở cửa cho tội lỗi xâm nhập, vì ham muốn danh dự và quyền lực tối cao, thì Chúa Kitô, để tiêu diệt tội lỗi, đã hạ mình và vâng phục cho đến chết.

Đức Chúa Trời đã bày tỏ sự ác cảm của Ngài đối với những nguyên tắc nổi loạn. Toàn thể Thiên đàng đã nhìn thấy sự công chính của Ngài được bày tỏ trong cả việc lên án Sa-tan lẫn sự cứu chuộc con người. Lucifer đã tuyên bố rằng nếu luật pháp của Chúa là bất biến và hình phạt của nó không thể có hiệu lực hồi tố, thì tất cả những kẻ vi phạm sẽ mãi mãi bị loại trừ khỏi ân huệ của Đấng Tạo Hóa. Kẻ ác đã lập luận rằng chúng tộc tội lỗi đã tự đặt mình vượt xa tầm cứu chuộc và do đó là con mồi chính đáng của nó. Nhưng cái chết của Đấng Christ là một lập luận không thể chối cãi có lợi cho con người. Hình phạt của luật pháp giáng xuống Đấng ngang hàng với Thiên Chúa, và con người được tự do chấp nhận sự công chính của Chúa Kitô, và qua đời sống sám hối và khiêm nhường, có thể chiến thắng, như Con Thiên Chúa chiến thắng quyền lực của Satan. . . Như vậy, Thiên Chúa là Đấng công chính và công chính cho tất cả những ai tin vào Chúa Giêsu.

Nhưng Đấng Christ đến thế gian không phải chỉ để hoàn thành sự cứu chuộc con người để chịu đau khổ và chịu chết. Ngài đến để "tôn vinh luật pháp" và "làm cho nó vinh hiển". KHÔNG

Chỉ để cư dân trên thế giới này có thể đánh giá cao luật pháp như lẽ ra nó phải được đánh giá cao, nhưng để chứng minh cho tất cả các thế giới trong Vũ trụ rằng luật của Chúa là bất biến. Nếu những lời tuyên bố của họ có thể bị gạt sang một bên, Con Thiên Chúa sẽ không cần phải hy sinh mạng sống của mình để chuộc lỗi vì đã vi phạm các giới luật thánh thiện. Cái chết của Chúa Kitô đã được chứng minh là không thể thay đổi được. Sự hy sinh mà tình yêu vô hạn đã thúc đẩy Chúa Cha và Chúa Con thực hiện để tội nhân được cứu chuộc, chứng tỏ cho toàn thể Vũ trụ (và chỉ có kế hoạch đền tội này mới đủ để thực hiện) rằng công lý và lòng thương xót là nền tảng của luật pháp và chính quyền của Thiên Chúa.

Trong cuộc phán xét cuối cùng, một lần nữa sẽ chứng minh rằng không có nguyên nhân nào cho sự tồn tại của tội lỗi. Khi Đấng Thẩm phán của toàn Trái đất hỏi Satan: "Tại sao người nổi loạn chống lại Ta và cướp đi thần dân của vương quốc của Ta?", kẻ gây ra cái ác sẽ không thể đưa ra bất kỳ câu trả lời nào. Mọi miệng sẽ bị bịt lại và tất cả những kẻ phản loạn sẽ không nói nên lời.

Thập giá Đồi Can-vê, trong khi tuyên bố tính bất biến của luật pháp, tuyên bố với Vũ trụ rằng tiền công của tội lỗi là sự chết. Trong tiếng kêu đau đớn của Đấng Cứu Rỗi đang hấp hối: "Mọi việc đã được trọn", vang lên lời phán quyết tử hình dành cho Sa-tan. Cuộc tranh cãi lớn kéo dài bấy lâu nay đã được quyết định, việc diệt trừ cái ác cuối cùng đã được xác nhận. Con Thiên Chúa đã đi qua cửa mồ, để "bằng cái chết Người có thể tiêu diệt kẻ cầm quyền sự chết là ma quỷ" (Dt 2:14).

Ham muốn tự tôn của Lucifer đã khiến hắn nói: "Tôi sẽ nâng ngai vàng của mình lên trên các vì sao của Chúa...Tôi sẽ giống như Đấng Tối Cao." Chúa tuyên bố: "Và ta đã biến người thành tro bụi trên trái đất... và người sẽ không còn nữa mãi mãi." (Ê-sai 14:13 và 14; Ê-xê-chiên 28:18 và 19). Khi ngày đó đến, "cháy như lò lửa... mọi kẻ kiêu ngạo và mọi kẻ làm ác sẽ như trấu; và ngày đến sẽ thiêu rụi chúng nó, Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy, để Ngài sẽ không để chúng lại dù là gốc hay cành." (Mal. 4:1).

Toàn bộ Vũ trụ sẽ trở thành nhân chứng cho bản chất và hậu quả của tội lỗi. Và sự tiêu diệt dứt khoát của họ, mà lúc đầu có thể gây ra sự sợ hãi cho các thiên thần và làm ô nhục Thiên Chúa, giờ đây sẽ minh oan cho tình yêu của Ngài và thiết lập danh dự của Ngài trước toàn thể Vũ trụ gồm những sinh vật vui thích làm theo ý muốn của Ngài và trong lòng họ tuân theo luật pháp của Ngài. Sự ác sẽ không bao giờ biểu hiện nữa. Lời Chúa phán: "Rắc rối sẽ không xảy ra hai lần". (Na-hum 1:9). Luật pháp của Đức Chúa Trời mà Sa-tan nắm giữ dưới ách nô lệ sẽ được tôn sùng là luật tự do. Một tạo vật đã được thử thách và thử nghiệm sẽ không bao giờ rời xa lòng trung thành với Đấng mà đặc tính của Ngài được biểu lộ trọn vẹn trước mặt họ như một biểu hiện của tình yêu khôn lường và sự khôn ngoan vô hạn.

Chương 30

Sự thù hận giữa con người và Satan

“Ta sẽ gây mối thù giữa người và người đàn bà, giữa dòng dõi người và dòng giống người ấy; dòng giống đó sẽ đánh vào đầu người, và người sẽ cắn vào gót nó” (Sáng Thế Ký 3:15). Câu thần thánh tuyên bố chống lại Satan sau sự sa ngã của con người cũng là một lời tiên tri đến mọi thời đại cho đến thời điểm cuối cùng, báo trước cuộc xung đột lớn mà tất cả các chủng tộc đàn ông sống trên Trái đất sẽ tham gia.

Đức Chúa Trời phán: “Ta sẽ gây sự thù nghịch.” Sự thù hận này không phải là tự nhiên. Khi con người vi phạm Luật thiêng liêng, bản chất của họ trở nên xấu xa và họ trở nên hòa hợp chứ không hề mâu thuẫn với Sa-tan. Không có sự thù địch tự nhiên giữa con người tội lỗi và kẻ gây ra tội lỗi. Cả hai đều trở nên tà ác do hậu quả của sự bội đạo. Kẻ bội đạo không ngừng nghĩ trừ khi nhận được sự cảm thông và ủng hộ bằng cách lôi kéo người khác noi gương mình. Vì lý do này, các thiên thần sa ngã và những kẻ ác hợp nhất trong tình bạn tuyệt vọng. Nếu Đức Chúa Trời không đặc biệt can thiệp, Sa-tan và con người sẽ liên minh chống lại Thiên đàng, và thay vì nuôi dưỡng sự thù địch với Sa-tan trong lòng, toàn bộ gia đình nhân loại sẽ đoàn kết chống lại Đức Chúa Trời.

Sa-tan cám dỗ con người phạm tội, giống như hắn đã xúi giục các thiên thần nổi loạn, để có thể bảo đảm sự hợp tác trong cuộc đấu tranh chống lại Thiên đàng. Trong khi có sự bất đồng về tất cả các điểm khác, họ kiên quyết thống nhất chống lại thẩm quyền của Đấng ban hành luật của vũ trụ. Nhưng khi Sa-tan nghe lời tuyên bố rằng sẽ có sự thù địch giữa hắn và người phụ nữ, giữa dòng dõi của hắn và dòng dõi của cô ấy, hắn nhận ra rằng những nỗ lực làm sa đọa bản chất con người của hắn sẽ bị dừng lại; rằng bằng cách nào đó con người phải có khả năng chống lại sức mạnh của nó.

Điều khơi dậy sự thù địch của Satan đối với nhân loại là vì nhân loại, thông qua Chúa Kitô, là đối tượng của Tình Yêu và Lòng Thương Xót của Thiên Chúa. Nó mong muốn cản trở kế hoạch cứu chuộc con người của Thiên Chúa, làm ô danh Đức Chúa Trời, bằng cách làm biến dạng và làm hư hỏng công việc của tay Ngài; hắn sẽ gây ra đau đớn trên Thiên đường, đồng thời lấp đầy Trái đất bằng lời nguyền và sự hoang tàn. Và ông coi tất cả những tệ nạn này là kết quả của công việc Chúa tạo ra con người.

Chính ân sủng mà Chúa Kitô gieo vào tâm hồn đã tạo ra trong con người sự thù địch chống lại Satan. Nếu không có ân sủng hoá cải và sức mạnh đổi mới này, con người sẽ vẫn là nô lệ của Satan, một tội tớ luôn sẵn sàng thực hiện mệnh lệnh của hắn. Nhưng nguyên tắc mới được đưa vào tâm hồn tạo ra một cuộc xung đột mà cho đến nay hòa bình vẫn ngự trị. Quyền năng mà Chúa Kitô ban cho con người có khả năng chống lại kẻ bạo chúa và kẻ tiếm quyền. Ai ghét tội lỗi thay vì yêu nó, ai chống lại và chiến thắng những đam mê ngự trị trong lòng mình, cho thấy rằng một nguyên tắc hoạt động trong mình hoàn toàn đến từ trên cao.

Sự đối kháng tồn tại giữa tinh thần của Chúa Kitô và tinh thần của Satan được thể hiện rõ ràng nhất trong việc thế giới tiếp nhận Chúa Giêsu. Không phải vì Ngài xuất hiện mà không có sự giàu sang, hào hoa hay sang trọng của thế gian mà người Do Thái bị dẫn đến việc từ chối Ngài. Họ thấy rằng Ngài sở hữu một quyền năng có thể bù đắp nhiều hơn cho sự thiếu hụt những lợi thế bề ngoài đó. Nhưng sự trong sạch và thánh thiện của Đấng Christ đã khiến Ngài căm ghét kẻ ác. Cuộc đời từ bỏ bản thân và sùng kính vô tội của ông là một lời quả trách vĩnh viễn đối với một dân tộc kiêu ngạo và nhục cảm. Đó là điều đã đánh thức tôi

thù nghịch với Con Thiên Chúa. Sa-tan và các thiên sứ ác của hắn đã liên kết với những kẻ ác. Mọi quyền lực bội giáo đều âm mưu chống lại người bảo vệ lẽ thật.

Sự thù nghịch tương tự đã được biểu hiện chống lại Thầy cũng được thể hiện đối với những người theo Chúa Kitô. Bất cứ ai nhìn thấy bản chất ghê tởm của tội lỗi và với sức mạnh từ trên cao chống lại sự cám dỗ, chắc chắn sẽ khơi dậy cơn thịnh nộ của Satan và thần dân của hắn. Sự căm thù đối với các nguyên tắc thuần túy của lẽ thật cũng như sự buộc tội và ngược đãi những người ủng hộ chúng sẽ tồn tại chừng nào tội lỗi và những người tội lỗi còn tồn tại. Những người theo Đấng Christ và những tội tở của Sa-tan không thể hòa hợp được. Sự sỉ nhục của Thập giá vẫn chưa biến mất. "Tất cả những ai muốn sống tin kính trong Chúa Giê-xu Christ đều sẽ bị bắt bớ" (II Ti-mô-thê 3:12).

Các đặc vụ của Satan liên tục làm việc dưới sự chỉ đạo của hắn để thiết lập quyền lực và xây dựng vương quốc của hắn để chống lại Chính phủ của Chúa.

Để đạt được mục đích này, họ tìm cách đánh lừa các môn đệ của Chúa Kitô và dụ dỗ họ từ bỏ sự vâng phục của họ. Giống như người lãnh đạo của mình, họ bóp méo và xuyên tạc Kinh thánh để đạt được mục tiêu. Giống như Sa-tan cố gắng tung ra những lời buộc tội chống lại Đức Chúa Trời, tay sai của hắn cũng tìm cách tung ra những lời buộc tội sai trái chống lại dân sự của Đức Chúa Trời. Thần linh đã giết Chúa Kitô xúi giục những kẻ ác tiêu diệt các môn đệ của Ngài. Tất cả những điều này đã được báo trước trong lời tiên tri đầu tiên: "Ta sẽ làm cho mây cùng người nữ, dòng dõi mây cùng dòng dõi người nữ nghịch thù nhau". Và cứ thế nó sẽ xảy ra cho đến tận thế.

Satan tập hợp tất cả lực lượng của mình và ném tất cả sức mạnh của mình vào trận chiến. Tại sao bạn không gặp phải sự kháng cự lớn hơn? Tại sao những người lính của Chúa Kitô lại ngủ quên và thờ ơ như vậy? Tại sao họ lại tỏ ra thờ ơ đến vậy? Bởi vì anh ta có quá ít sự hiệp thông thực sự với Chúa Kitô; bởi vì họ quá thiếu vắng Thánh Linh của Ngài. Đối với họ, tội lỗi không đáng ghê tởm và đáng ghê tởm như đối với Thầy của họ. Họ không đối mặt với nó, như Chúa Kitô đã làm, bằng sự kháng cự quyết liệt và cương quyết. Họ không hiểu được sự độc ác và ác độc tột cùng của tội lỗi, đồng thời mù quáng trước tính cách và quyền lực của chúa tể bóng tối. Có rất ít sự thù địch chống lại Sa-tan và các công việc của hắn vì có quá nhiều sự thiếu hiểu biết về quyền lực và sự gian ác của hắn, cũng như mức độ to lớn của cuộc đấu tranh của hắn chống lại Đấng Christ và hội thánh của Ngài. Đám đông đang bị lừa dối về mặt này.

Họ không biết rằng kẻ thù của họ là một vị tướng quyền lực, kẻ điều khiển tâm trí của các thiên thần ác và là kẻ, với những kế hoạch được phát triển khéo léo và những động tác rất khéo léo, đang gây chiến chống lại Chúa Kitô để ngăn cản sự cứu rỗi các linh hồn. Trong số những người tuyên xưng là Cơ đốc nhân, và ngay cả trong số những người truyền giáo phúc âm, hiếm khi nhắc đến Sa-tan, ngoại trừ có lẽ được đề cập ngẫu nhiên trên bục giảng. Họ nhắm mắt làm ngơ trước bằng chứng về hoạt động liên tục và thành công của họ; họ bỏ qua nhiều cảnh báo về sự tinh vi của nó; họ dường như không biết đến sự tồn tại của chính mình.

Trong khi con người không biết về lỗi lầm của mình thì kẻ thù luôn cảnh giác này luôn rình rập đường đi của họ. Nó đang đưa sự hiện diện của nó vào mọi góc ngách trong nhà, vào mọi đường phố trong thành phố của chúng ta, vào các nhà thờ, vào các hội đồng quốc gia, vào các tòa án, gây nhầm lẫn, lừa dối, dụ dỗ, hủy hoại khắp nơi linh hồn và thể xác của đàn ông, đàn bà và trẻ em. , chia cắt gia đình, gieo rắc hận thù, ganh đua, xung đột và giết người. Và thế giới Thiên chúa giáo dường như coi những thứ này như thể chính Chúa đã sắp đặt chúng, và chúng phải tồn tại.

Sa-tan liên tục tìm cách chiến thắng dân Chúa bằng cách phá bỏ những rào cản ngăn cách họ với thế giới. Dân Y-sơ-ra-ên xưa đã bị quyến rũ vào tội lỗi khi họ mạo hiểm kết giao bất chính với Dân Ngoại. Tương tự như vậy, Israel hiện đại đang bị lừa dối. "Thần của đời này đã làm mù tâm trí những kẻ chẳng tin, để ánh sáng Phúc Âm vinh hiển của Đấng Christ, là hình ảnh của Đức Chúa Trời, không chiếu soi họ" (II Cô-rinh-tô 4:4). Tất cả

những người không kiên quyết theo Đấng Christ thì là tôi tớ của Sa-tan. Trong tâm lòng chưa được tái sinh có tình yêu tội lỗi, sẵn sàng trân trọng và tha thứ cho nó. Trong trái tim được đổi mới có lòng căm ghét tội lỗi và kiên quyết chống lại nó.

Khi những Cơ-đốc nhân chọn xã hội của những kẻ gian ác và những người không tin Chúa, họ dễ bị cám dỗ. Satan ẩn nấp ở những nơi dễ thấy và lén lút bịt mắt họ bằng tấm bịt mắt lừa đảo. Họ không thể thấy rằng những người bạn như vậy được tính toán để làm hại họ, và trong khi họ lúc nào cũng giống thế giới về tính cách, lời nói và hành động, họ ngày càng trở nên mù quáng.

Việc tuân theo các phong tục của thế giới sẽ biến nhà thờ thành thế giới; nó không bao giờ biến thế giới thành Chúa Kitô. Quen thuộc với tội lỗi chắc chắn sẽ làm cho nó bớt ghê tởm hơn. Ai chọn kết bạn với tôi tớ của Sa-tan sẽ sớm hết sợ Chủ mình. Khi, trên đường thực hiện nghĩa vụ, chúng ta bị thử thách, như Đa-ni-ên đã gặp trong triều đình, chúng ta có thể tin chắc rằng Đức Chúa Trời bảo vệ chúng ta; nhưng nếu chúng ta phó mặc cho sự cám dỗ thì sớm hay muộn chúng ta cũng sẽ sa ngã.

Kẻ cám dỗ thường hoạt động thành công nhất thông qua những người ít bị nghi ngờ nằm dưới sự kiểm soát của hắn. Những người có tài năng và học vấn đều được ngưỡng mộ và tôn vinh, như thế những đức tính này có thể bù đắp cho sự thiếu kính sợ Chúa hoặc khiến con người xứng đáng được Ngài ưu ái. Xét theo nghĩa hẹp, tài năng và văn hóa là quà tặng của Thiên Chúa, nhưng khi chúng được dùng để thay thế lòng đạo đức, khi thay vì kéo linh hồn đến gần Thiên Chúa hơn, chúng lại tạo khoảng cách với Ngài, thì chúng trở thành một lời nguyền và một cạm bẫy. Nhiều người có ý kiến phổ biến rằng tất cả những người có vẻ lịch sự hoặc tinh tế, theo một nghĩa nào đó, đều phải là tín đồ Đấng Christ. Chưa bao giờ có một sai lầm lớn hơn thế. Những phẩm chất này phải tô điểm cho tính cách của mỗi Cơ đốc nhân, vì chúng sẽ có ảnh hưởng mạnh mẽ ủng hộ tôn giáo chân chính; nhưng chúng phải được thánh hiến cho Chúa, nếu không chúng cũng là sức mạnh của cái ác. Có nhiều người có trí tuệ và cách cư xử tốt sẽ không dừng lại ở điều thường được gọi là hành động vô đạo đức; nó chẳng qua là một công cụ bóng loáng trong tay Sa-tan. Tính chất phản bội, lừa dối trong ảnh hưởng và tấm gương của họ khiến họ trở thành kẻ thù nguy hiểm hơn cho chính nghĩa của Chúa hơn là những người ngu dốt và thất học.

Qua lời cầu nguyện nhiệt thành và sự tin cậy nơi Đức Chúa Trời, Sa-lô-môn đã đạt được sự khôn ngoan khiến thế giới phải kinh ngạc và ngạc nhiên. Nhưng khi Ngài từ bỏ nguồn sức mạnh của mình và tiến tới với niềm tin vào chính mình, Ngài đã sa ngã, trở thành nạn nhân của sự cám dỗ. Sau đó, những khả năng tuyệt vời đã được ban cho vị vua khôn ngoan nhất này chỉ khiến ông trở thành một tác nhân hiệu quả hơn trong việc chống lại kẻ thù của các linh hồn.

Trong khi Sa-tan liên tục tìm cách làm mù tâm trí họ trước sự thật rằng các Cơ-đốc nhân không bao giờ quên rằng họ "chiến đấu không phải chống lại thịt và huyết, nhưng chống lại các quyền lực, các thế lực, các chúa tể bóng tối của thế gian này, và các thần dữ ở các nơi trên trời" (Ê-phê-sô 6:12). Lời cảnh báo đầy soi dẫn này đang vang vọng qua nhiều thế kỷ cho đến thời đại chúng ta: "Hãy tiết độ và cảnh giác, vì ma quỷ gầm thét như sư tử, đang tìm mọi để nuốt chửng" (1 Phi-e-rơ 5:8).

"Hãy mang lấy mọi khí giới của Đức Chúa Trời, để có thể đứng vững trước âm mưu của ma quỷ" (Ê-phê-sô 6:11).

Từ thời Adam cho đến thời đại chúng ta, kẻ thù lớn của chúng ta đã sử dụng quyền lực để áp bức và hủy diệt. Hiện anh ta đang chuẩn bị cho chiến dịch mới nhất chống lại nhà thờ. Tất cả những ai cố gắng đi theo Chúa Giêsu sẽ bị đưa vào cuộc xung đột với kẻ thù không đội trời chung này. Người Kitô hữu càng bắt chước gương mẫu Thiên Chúa bao nhiêu thì càng chắc chắn mình sẽ trở thành mục tiêu tấn công của

Satan. Tất cả những ai tích cực tham gia vào công việc của Thiên Chúa, tìm cách vạch trần những lừa dối của tên ác quỷ và giới thiệu Chúa Kitô trước dân chúng, sẽ có thể tham gia vào lời chứng của Thánh Phaolô, trong đó ngài nói về việc phục vụ Thiên Chúa với tất cả lòng khiêm tốn của mình. tâm trí. , với nhiều nước mắt và căm dỗ.

Sa-tan đã tấn công Đấng Christ bằng những căm dỗ bạo lực và tinh vi nhất, nhưng trong mỗi cuộc xung đột, Ngài đều bị cự tuyệt. Những trận chiến đó diễn ra có lợi cho chúng ta, những chiến thắng đó giúp chúng ta có thể giành chiến thắng. Đấng Christ sẽ ban sức mạnh cho tất cả những ai tìm kiếm nó. Không ai có thể bị Satan đánh bại nếu không có sự đồng ý của chính mình. Kẻ căm dỗ không có quyền năng kiểm soát ý chí hay ép buộc linh hồn phạm tội. Nó có thể gây đau khổ nhưng không làm ô nhiễm. Nó có thể gây ra đau khổ, nhưng không gây ra tham nhũng. Việc Đấng Christ chiến thắng sẽ truyền cảm hứng cho những người theo Ngài lòng can đảm để chiến đấu chống lại tội lỗi và Sa-tan bằng tất cả sức lực của họ.

Chương 31

Hoạt động của ác linh

Mối quan hệ của thế giới hữu hình với thế giới vô hình, chức vụ của các thiên thần và hoạt động của các ác thần được bộc lộ rõ ràng trong Kinh thánh và gắn bó chặt chẽ với lịch sử nhân loại. Ngày càng có xu hướng không tin vào sự tồn tại của các linh hồn ma quỷ, trong khi các thiên thần thánh thiện "phục vụ những người sẽ thừa hưởng sự cứu rỗi" (Hê-bơ-rơ 1:14) được nhiều người coi là linh hồn của người chết. Nhưng Kinh thánh không chỉ dạy về sự tồn tại của thiên thần, cả thiện lẫn ác, mà còn đưa ra những bằng chứng không thể nghi ngờ rằng đây không phải là linh hồn của người chết.

Trước khi tạo dựng nên con người, các thiên thần đã tồn tại, vì khi trái đất được đặt nền móng, "các ngôi sao buổi sáng ca ngợi và mọi con cái Thiên Chúa reo hò" (Gióp 38:7). Sau khi con người sa ngã, các thiên thần được phái đến để bảo vệ cây sự sống, và điều này xảy ra trước khi con người qua đời. Thiên thần có bản chất cao hơn con người, vì tác giả Thi Thiên nói rằng con người được tạo ra "thấp hơn thiên thần một chút" (Thi Thiên 8:6).

Kinh Thánh cho chúng ta thông tin về số lượng, quyền năng và vinh quang của các đấng trên trời, mối liên hệ của họ với sự cai trị của Đức Chúa Trời cũng như mối quan hệ của họ với công cuộc cứu chuộc.

"Chúa đã lập ngai Ngài trên các tầng trời, và vương quốc Ngài thống trị muôn vật." Và nhà tiên tri nói: "Tôi nghe thấy tiếng nói của nhiều thiên thần xung quanh ngai vàng". Họ phục vụ trong phòng ngai vàng của Vua trên muôn vua, "các thiên sứ đầy quyền năng", "các thừa tác viên của Ngài, những người thi hành mệnh lệnh của Ngài," "và vâng theo lời Ngài" (Thi Thiên 103:19-21; Khải Huyền 5:11). Mười ngàn lần vạn và hàng ngàn ngàn là những sứ giả trên trời được tiên tri Đa-ni-ên nhìn thấy. Sứ đồ Phao-lô gọi họ là "vô số thiên sứ" (Hê-bơ-rơ 12:22). Với tư cách là sứ giả của Đức Chúa Trời, họ tiến tới "như chớp" (Ê-xê-chi-ên 1:14), vinh quang của họ thật rực rỡ và chuyển bay của họ thật nhanh chóng. Thiên sứ hiện ra tại mộ Chúa, với "diện mạo như chớp, áo trắng như tuyết" khiến lính canh run rẩy vì sợ hãi, và họ "như chết" (Ma-thi-ơ 28:3 và 4) . . . Khi San-chê-ríp, người A-si-ri kiêu ngạo, nói phạm thượng, xúc phạm Đức Chúa Trời và đe dọa hủy diệt dân Y-sơ-ra-ên, "rồi xảy ra ngay trong đêm đó, một thiên sứ của Đức Giê-hô-va đi ra giết trong trại quân A-si-ri một trăm tám mươi lăm ngàn người. " "Tất cả những người dũng cảm, những người lãnh đạo và chỉ huy" của đạo quân San-chê-ríp đều bị "tiêu diệt". "Rồi vua hổ thẹn trở về quê hương mình" (II Các Vua 19:35; II Sử ký 32:21).

Các thiên thần được sai đi thực hiện sứ mệnh thương xót con cái Thiên Chúa. Gửi đến Áp-ra-ham, với những lời hứa ban phước để giải cứu Lót công chính khỏi cái chết bằng lửa; đến Ê-li, khi ông sắp chết vì mệt mỏi và đói khát trong sa mạc; đến Elisha, với những cỗ xe và ngựa lửa bao quanh thành phố nhỏ, nơi ông bị kẻ thù bao vây; với Daniel, khi ông tìm kiếm sự khôn ngoan thiêng liêng trong triều đình của một vị vua ngoại giáo, hoặc bị bỏ rơi để trở thành con mồi của sư tử; đối với Phê-rô, người bị kết án tử hình trong ngục của Hê-rô-đê; cho các tù nhân ở Philippi; gửi đến Phaolô và những người bạn đồng hành của ông trong đêm giông bão trên biển; mở tâm trí Cốt-nây để tiếp nhận phúc âm; sai phái đến Phi-e-rơ, với sứ điệp cứu rỗi người ngoại bang - do đó, trong mọi thời đại, các thiên sứ thánh đã phục vụ dân Chúa.

Một thiên thần hộ mệnh được bổ nhiệm cho mỗi tín đồ của Chúa Kitô. Những người canh gác trên trời này bảo vệ người công chính khỏi quyền lực của kẻ ác. Chính Sa-tan nhận ra điều này khi hắn nói: "Gióp há kính sợ Đức Chúa Trời luống công sao?" "Chẳng phải người đã bảo vệ anh ta, ngôi nhà của anh ta và tất cả những gì anh ta có sao?" (Gióp 1:9 và 10). Phương tiện mà Đức Chúa Trời dùng để bảo vệ dân Ngài được trình bày qua lời của người viết Thi Thiên: "Thiên sứ của Đức Giê-hô-va đóng trại chung quanh những người kính sợ Ngài và giải cứu họ" (Thi Thiên 34:7). Đấng Cứu Rỗi đã phán khi nói về những người tin vào Ngài: "Hãy coi chừng, đừng khinh thường một ai trong những kẻ bé mọn này, vì ta nói cho các người biết rằng các thiên sứ của Ngài ở trên trời không ngừng thấy mặt Cha ta trên trời" (Ma-thi-ơ 18: 10). Các thiên thần được ủy nhiệm phục vụ con cái Chúa luôn được tiếp cận với sự hiện diện của Ngài.

Do đó, dân Chúa, bị phơi bày trước quyền lực lừa dối và sự ác ý liên tục của hoàng tử bóng tối, và xung đột với mọi thế lực của sự dữ, được đảm bảo rằng họ được các thiên thần trên trời không ngừng canh gác. Và sự bảo vệ này không được đưa ra một cách không cần thiết. Nếu Thiên Chúa bảo đảm cho con cái của Ngài lời hứa về ân sủng và sự bảo vệ thì đó là vì có những tác nhân tà ác mạnh mẽ phải đối đầu - vô số tác nhân đầy quyết tâm và không mệt mỏi mà sự độc ác và quyền lực của chúng không ai có thể coi thường hoặc bỏ qua một cách an toàn.

Những linh hồn ma quỷ, được tạo ra từ thuở ban đầu vô tội, có bản chất, sức mạnh và vinh quang ngang bằng với những sinh vật thánh thiện hiện là sứ giả của Chúa. Nhưng một khi đã phạm tội, họ cùng nhau làm ô danh Đức Chúa Trời và hủy diệt loài người. Hợp nhất với Satan trong cuộc nổi loạn của hắn và bị ném xuống từ Thiên đường, qua mọi thời đại kế tiếp, họ đã hợp tác với hắn trong cuộc chiến chống lại quyền lực thần thánh. Kinh thánh cho chúng ta biết về liên minh và chính phủ của họ, về các mệnh lệnh khác nhau, về trí thông minh và sự tinh vi của họ cũng như về những âm mưu xấu xa của họ chống lại hòa bình và hạnh phúc của con người.

Lịch sử Cựu Ước đôi khi đề cập đến sự tồn tại và hoạt động của ông; nhưng chính trong thời gian Chúa Kitô còn ở trên Trái đất, các linh hồn ma quỷ đã thể hiện sức mạnh của chúng một cách ấn tượng nhất. Chúa Kitô đến để thực hiện kế hoạch cứu chuộc con người, còn Satan quyết định khẳng định quyền thống trị thế giới của hắn. Ông đã tìm cách gieo rắc sự thờ hình tượng ở mọi nơi trên Trái đất, ngoại trừ vùng đất Palestine. Ở vùng đất duy nhất chưa hoàn toàn đầu hàng trước ảnh hưởng của kẻ cám dỗ, Chúa Kitô đã đến để chiếu sáng cho dân chúng ánh sáng Thiên đàng. Chúa Giêsu đang dang rộng vòng tay yêu thương của Ngài, mời gọi tất cả những ai muốn tìm thấy sự tha thứ và bình an trong Ngài. Đội quân bóng tối nhận thấy rằng họ không có quyền kiểm soát vô hạn và họ hiểu rằng nếu sứ mệnh của Đấng Christ thành công thì triều đại của Ngài sẽ sớm kết thúc. Satan nổi cơn thịnh nộ như một con sư tử bị nhốt trong lồng và ngang ngược phô diễn sức mạnh của mình trên cả thế xác lẫn linh hồn con người.

Việc một số người bị quỷ ám đã được ghi rõ trong Tân Ước. Do đó, những người bị đau khổ không chỉ đơn thuần mắc phải những căn bệnh có nguyên nhân tự nhiên. Đấng Christ có sự hiểu biết hoàn hảo về những người mà Ngài đang tiếp xúc, đồng thời nhận ra sự hiện diện và hành động trực tiếp của các linh hồn xấu.

Một ví dụ nổi bật về số lượng, sức mạnh và sự độc ác của chúng cũng như quyền năng và lòng thương xót của Đấng Christ được đưa ra trong câu chuyện Kinh thánh về việc chữa lành những người bị quỷ ám ở vùng đất Gadarenes. Những kẻ điên khốn nạn đó, bất chấp mọi kiềm chế, quần quai, sùi bọt mép, giận dữ, gào thét khắp không gian, ngược đãi bản thân và gây nguy hiểm cho tất cả những ai đến gần chúng.

Cơ thể đẫm máu, biến dạng và tâm trí mất trí của họ mang đến một cảnh tượng đẹp mắt cho hoàng tử bóng tối. Một trong những con quỷ kiểm soát những người đau khổ đã tuyên bố: "Quân đoàn là tên của tôi, vì chúng tôi rất đông" (Mác 5:9). Tại

Trong quân đội La Mã, một quân đoàn bao gồm từ ba đến năm nghìn người. Các đạo quân của Satan cũng được tổ chức thành các nhóm, và riêng nhóm mà những con quỷ này thuộc về đã có số lượng không dưới một quân đoàn.

Theo lệnh của Chúa Giêsu, các ác thần đã bỏ rơi nạn nhân của chúng, để họ bình thần ngồi dưới chân Chúa, phục tùng, thông minh và nhân hậu. Nhưng lũ quỷ được phép ném một đàn lợn xuống biển, và đối với cư dân vùng đất Gadarenes, sự mất mát của họ có giá trị lớn hơn những phước lành mà Chúa Kitô đã ban tặng, và vị Thầy thuốc thiêng liêng đã được mời rời đi. Đây là kết quả mà Sa-tan muốn đạt được. Khi đổ lỗi cho sự thất bại của mình là do Chúa Giêsu, ông đã khơi dậy nỗi sợ hãi ích kỷ của dân chúng và ngăn cản họ lắng nghe lời Ngài. Sa-tan liên tục buộc tội các Cơ-đốc nhân là nguyên nhân gây ra mất mát, ô nhục và đau khổ, thay vì để sự sỉ nhục rơi vào chính mình và những người đại diện của hắn.

Nhưng mục đích của Đấng Christ không bị thất vọng. Ngài đã cho phép các ác thần tiêu diệt đàn lợn, như một sự sỉ nhục đối với những người Do Thái vì lợi nhuận mà nuôi những con vật ô uế này. Nếu Đấng Christ không kiềm chế được ma quỷ, chúng sẽ ném không chỉ bầy heo mà cả những người chăn chiên và chủ của chúng xuống biển. Việc bảo tồn cả mục sư và chủ sở hữu chỉ nhờ vào quyền năng của Ngài, được thực hiện một cách thương xót để giải cứu họ. Ngoài ra, sự kiện này được phép xảy ra để các môn đệ có thể chứng kiến quyền lực tàn ác của Satan đối với cả con người và động vật. Đấng Cứu Rỗi muốn những người theo Ngài nhận thức được kẻ thù mà họ sẽ phải đối mặt, để họ không bị lừa dối và khuất phục bởi những sự lừa dối của mình. Ý muốn của Ngài cũng là người dân trong vùng đó có thể nhìn thấy quyền năng này để phá vỡ xiềng xích của Sa-tan và giải thoát những người bị giam cầm. Và mặc dù Chúa Giêsu đã ra đi, những người được giải thoát một cách kỳ diệu vẫn ở lại để loan báo lòng thương xót của Đấng Ân Nhân của họ.

Những sự kiện khác có tính chất tương tự cũng được ghi lại trong Kinh Thánh. Con gái của người phụ nữ Syrophenician đã bị quỷ dữ hành hạ một cách khốn khổ mà Chúa Giêsu đã dùng lời của Ngài để đuổi ra (Mác 7:26-30). Một người "bị quỷ ám, mù và câm" (Ma-thi-ơ 12:22), một thanh niên bị câm, thường "ném anh ta vào lửa và nước để giết anh ta" (Mác 9:17-27), người điên, bị hành hạ bởi "thần ô uế" (Lc 4:33-36) đã quấy rối sự yên tĩnh của ngày Sabát trong hội đường Capernaum, tất cả đều được Chúa Cứu Thế đầy lòng thương xót chữa lành. Trong hầu hết các trường hợp, Chúa Kitô gọi ma quỷ là một thực thể thông minh, ra lệnh cho hắn phải rời xa nạn nhân và không hành hạ anh ta nữa. Những người thờ phượng ở Ca-bê-na-um, khi nhìn thấy quyền năng vĩ đại của Ngài, "tất cả đều kinh ngạc và nói với nhau rằng: "Người có uy quyền và quyền năng ra lệnh cho các thần ô uế và chúng phải xuất ra là lời gì vậy?" (Lu-ca 4:36).

Những người bị quỷ ám thường được miêu tả là đang ở trong tình trạng vô cùng đau khổ; nhưng có những ngoại lệ cho quy tắc này. Để có được sức mạnh siêu nhiên, một số người đã tự nguyện chịu ảnh hưởng của ma quỷ. Rõ ràng những điều này không có xung đột với lũ quỷ. Thuộc loại này thuộc về những người có linh bói toán: Simon, pháp sư, Elymas, phù thủy, và người phụ nữ trẻ đã theo Phao-lô và Si-la ở Phi-líp.

Không ai có nguy cơ rơi vào ảnh hưởng của các ác thần hơn những người, bất chấp lời chứng trực tiếp và phong phú của Kinh thánh, phủ nhận sự tồn tại và hoạt động của ma quỷ và các thiên thần của hắn. Trong khi chúng ta phớt lờ những mưu kế của họ, thì họ có một lợi thế gần như không thể tưởng tượng được, và nhiều người tuân theo những gợi ý của họ trong khi họ cho rằng mình đang làm theo sự chỉ dẫn của trí tuệ của chính mình. Đây là lý do tại sao khi ngày tận thế đến gần, khi Satan sẽ hoạt động với sức mạnh lớn hơn để lừa dối và

tiêu diệt, anh ta tuyên truyền khắp nơi niềm tin rằng anh ta không tồn tại. Phương pháp hành động của anh ta bao gồm việc che giấu bản thân và cách làm việc của mình.

Không có gì khiến kẻ quyền rũ vĩ đại lo sợ bằng việc chúng ta trở nên quen thuộc với những mưu kế của hắn. Để nguy trang tốt hơn tính cách và mục đích của mình, anh ta đã khiến anh ta được thể hiện theo cách không khơi dậy những cảm xúc lớn hơn những cảm xúc chế giễu và khinh thường. Anh ta thích bị miêu tả là lũ bạch hoặc kính tằm, nửa thú nửa người. Thật thú vị khi nghe tên của bạn được sử dụng như một đối tượng giải trí và chế nhạo bởi những người tin rằng họ thông minh và có hiểu biết tốt.

Chính vì anh ta che đậy bản thân bằng kỹ năng hoàn hảo nên câu hỏi được đặt ra rộng rãi là: "Liệu một sinh vật như vậy có thực sự tồn tại không?" Đây là bằng chứng về sự thành công của ông trong việc đưa ra các lý thuyết trình bày những lời nói dối liên quan đến lời chứng rõ ràng của Kinh thánh thường được chấp nhận trong giới tôn giáo. Chính vì Sa-tan có thể dễ dàng kiểm soát tâm trí của những người không nhận thức được ảnh hưởng của hắn nên Lời Chúa cho chúng ta rất nhiều ví dụ về công việc xấu xa của hắn, tiết lộ cho chúng ta những thế lực bí mật của hắn, và do đó khiến chúng ta cảnh giác trước những cuộc tấn công của hắn. .

Quyền lực và sự độc ác của Sa-tan và quân chủ của hắn có thể khiến chúng ta cảnh giác, mặc dù thực tế là chúng ta có thể tìm được nơi trú ẩn và sự giải thoát trong quyền năng siêu việt của Đấng Cứu Chuộc. Chúng ta cần thận bảo vệ ngôi nhà của mình bằng chốt và ổ khóa để bảo vệ tài sản và tính mạng của mình khỏi những kẻ ác; nhưng chúng ta hiếm khi nghĩ đến những thiên thần ác quỷ luôn tìm cách tiếp cận chúng ta và chống lại những kẻ mà chúng ta có sức mạnh riêng để tấn công mà không có phương pháp phòng thủ. Nếu được phép, chúng có thể khiến tâm trí chúng ta xao lãng, bừa bộn, hành hạ thân xác, hủy hoại của cải và cuộc sống của chúng ta. Niềm vui duy nhất của họ là đau khổ và hủy diệt. Thật đáng kinh hoàng là tình trạng của những người chống lại những yêu cầu của Thiên Chúa và nhượng bộ trước những cám dỗ của Satan, cho đến khi Thiên Chúa để họ cho sự kiểm soát của các ác thần. Nhưng những người theo Đấng Christ luôn được an toàn trong sự chăm sóc của Ngài. Các thiên thần có quyền lực vượt trội được gửi đến từ Thiên đường để bảo vệ họ. Kẻ ác không thể vượt qua được sự canh phòng mà Đức Chúa Trời đã đặt trên dân Ngài.

Chương 32

Bầy của Satan

Cuộc xung đột lớn giữa Đấng Christ và Sa-tan, đã kéo dài gần sáu nghìn năm, sẽ sớm kết thúc, và kẻ ác sẽ gia tăng nỗ lực gấp đôi để phá hủy công tác của Đấng Christ thay cho con người, và gài bẫy các linh hồn trong cạm bẫy của hắn. Anh ta muốn giam cầm mọi người trong bóng tối và sự không ăn năn cho đến khi sự trung gian của Đấng Cứu Rỗi chấm dứt và không còn hy sinh cho tội lỗi - đây là mục tiêu mà anh ta tìm cách đạt được.

Khi không có nỗ lực đặc biệt nào để chống lại quyền lực của hắn, khi sự thờ ơ chiếm ưu thế trong giáo hội và trên thế giới, Satan không bối rối; vì anh ta không có nguy cơ mất đi những người mà anh ta đang giam giữ theo ý muốn của mình. Nhưng khi người ta chú ý đến những điều vĩnh cửu và các linh hồn hỏi: "Tôi phải làm gì để được cứu?" thì anh ta chăm chú, tìm cách chống lại sức mạnh của mình trước quyền năng của Chúa Kitô và chống lại ảnh hưởng của Chúa Thánh Thần.

Kinh Thánh tuyên bố rằng, vào một dịp nọ, khi các thiên sứ của Đức Chúa Trời đến trình diện trước mặt Chúa, Sa-tan cũng đi vào giữa họ (Gióp 1:6), không phải để cúi lạy trước Vua đời đời, mà để khuyến khích những âm mưu độc ác của hắn chống lại Ngài. Bạn đúng đắn. Với cùng một mục tiêu, Ngài hiện diện khi con người tụ tập để thờ phượng Thiên Chúa. Mặc dù ẩn giấu khỏi tầm nhìn, anh ta đang làm việc chăm chỉ để kiểm soát tâm trí của những người thờ phượng. Tương tự như một vị tướng giàu kinh nghiệm, ông lên kế hoạch trước cho kế hoạch của mình. Khi thấy sứ giả của Đức Chúa Trời xem xét Kinh thánh, ông ghi nhớ chủ đề sẽ trình bày với dân chúng. Sau đó, anh ta sử dụng tất cả trí thông minh và sự hiểu biết sâu sắc của mình để kiểm soát tình hình để thông điệp không đến được với những người mà anh ta đang lừa dối vào thời điểm này. Người cần được cảnh báo nhất sẽ tham gia vào một giao dịch thương mại nào đó cần có sự hiện diện của anh ta hoặc bằng một cách nào khác, sẽ bị ngăn cản nghe những lời có thể là hương thơm của sự sống cho cuộc sống.

Sa-tan lo sợ nhìn các tội tở của Chúa vì bóng tối tâm linh đang bao trùm dân chúng. Hãy nghe lời cầu nguyện nhiệt thành của các thừa tác viên cầu xin ân sủng và sức mạnh thiêng liêng để phá bỏ bùa mê thờ ơ, cẩu thả và lừa dối. Sau đó, với lòng nhiệt thành mới, anh ta bận rộn với mưu kế của mình. Nó cảm dỗ đàn ông chiều theo sự thèm muốn hoặc một số hình thức tự thỏa mãn khác, do đó làm giảm đi sự nhạy cảm của họ, khiến họ không nghe được chính những điều họ cần học nhất.

Sa-tan biết rõ rằng tất cả những ai mà hắn có thể khiến họ lơ là cầu nguyện và xem xét Kinh thánh sẽ bị hắn tấn công. Vì thế, hãy sáng chế ra mọi thủ đoạn có thể để thu hút tâm trí. Luôn luôn có một giai cấp sùng đạo, thay vì theo đuổi sự hiểu biết về chân lý, họ lại biến tôn giáo của mình thành việc tìm kiếm sự thiếu nhân cách hoặc sai lầm về đức tin ở những người mà họ không đồng ý. Những người như vậy là bàn tay giúp đỡ của Sa-tan. Những người tố cáo anh em không phải là ít. Họ luôn làm việc khi Đức Chúa Trời làm việc, và các tội tở của Ngài đang bày tỏ lòng tôn kính thực sự đối với Ngài. Chúng sẽ tô màu giả tạo cho lời nói và hành động của những người yêu mến và tuân theo lẽ thật. Họ sẽ đại diện cho những tội tở hăng hái, nhiệt thành và hy sinh nhất của Đấng Christ là những kẻ lừa dối và bị lừa dối. Công việc của hắn là bóp méo động cơ của mọi hành động đúng đắn và cao thượng, lan truyền những lời bóng gió và khơi dậy sự nghi ngờ trong tâm trí những người thiếu kinh nghiệm. Bằng mọi cách có thể tưởng tượng được, họ sẽ tìm cách tạo ra những gì trong sạch và bị coi là đáng ghét và lừa dối.

Nhưng không ai cần phải bị lừa dối về họ. Người ta có thể dễ dàng nhận ra họ là con của ai, họ noi theo tấm gương và công việc của ai. "Nhìn quả của chúng người sẽ biết chúng." (Ma-thi-ơ 7:16). Cách cư xử của hắn giống với cách cư xử của Sa-tan, kẻ vu khống đáng ghê tởm, "kẻ tố cáo anh em chúng ta" (Khải huyền 12:10).

Kẻ lừa dối vĩ đại có nhiều đặc vụ sẵn sàng đưa ra bất kỳ và tất cả các loại lỗi lầm để gài bẫy các linh hồn: những tà giáo được chuẩn bị để thỏa mãn những sở thích và khả năng khác nhau của những người mà hắn muốn tiêu diệt. Mục tiêu của hắn là đưa những phần tử không thành thật và không được tái sinh vào hội thánh, điều này sẽ khuyến khích sự nghi ngờ và vô tín, ngăn cản tất cả những ai mong muốn nhìn thấy sự tiến bộ trong công tác của Đức Chúa Trời và cùng với đó là sự thăng tiến. Nhiều người không có đức tin thật nơi Đức Chúa Trời hoặc Lời Ngài chấp nhận một số nguyên tắc lẽ thật và tự cho mình là Cơ-đốc nhân. Vì vậy, họ có thể thâm nhập vào những lỗi lầm của mình như những học thuyết kinh thánh.

Quan điểm cho rằng những điều con người tin tưởng không quan trọng là một trong những trò lừa dối thành công nhất của Satan. Ngài biết rằng sự thật nhận được trong tình yêu sẽ thánh hóa tâm hồn người nhận nó. Vì vậy, ông không ngừng tìm cách thay thế nó bằng những lý thuyết và truyện ngụ ngôn sai lầm hoặc một phúc âm khác. Ngay từ đầu, các tông đồ của Đức Chúa Trời đã tranh đấu với các giáo sư giả, không chỉ với tư cách là những kẻ đòi trụ mà còn với tư cách là những kẻ truyền bá những sự giả dối gây tai hại cho tâm hồn. Ê-li, Giê-rê-mi, Phao-lô kiên quyết và can đảm chống lại những kẻ làm cho con người quay lưng lại với Lời Chúa. Sự khoan dung coi đức tin tôn giáo đúng đắn là không quan trọng không được lòng những người thánh thiện bảo vệ chân lý.

Những cách giải thích mơ hồ và huyền ảo về Kinh thánh cũng như nhiều lý thuyết mâu thuẫn liên quan đến đức tin tôn giáo được tìm thấy trong thế giới Cơ đốc giáo là công việc của kẻ thù lớn của chúng ta nhằm làm rối loạn tâm trí khiến chúng không thể nhận ra lẽ thật. Và sự bất hòa và chia rẽ tồn tại giữa các giáo hội theo đạo Cơ đốc, phần lớn là do thói quen phổ biến là bóp méo Kinh thánh để ủng hộ một lý thuyết ưa thích. Thay vì cẩn thận nghiên cứu Lời Chúa với tấm lòng khiêm nhường để có được sự hiểu biết về ý muốn của Ngài, nhiều người chỉ tìm cách khám phá điều gì đó đặc biệt hoặc độc đáo.

Để ủng hộ những học thuyết sai lầm hoặc những thực hành chống Kitô giáo, một số người bám vào những đoạn Kinh thánh tách biệt khỏi bối cảnh, có lẽ trích dẫn nửa câu để làm bằng chứng cho quan điểm của họ, trong khi phần còn lại, nếu được hiển thị, sẽ mang ý nghĩa hoàn toàn ngược lại. Với cái nhìn sâu sắc như rắn, họ tự rào cản mình bằng những lời tuyên bố không mạch lạc được chuẩn bị sẵn để phù hợp với ham muốn xác thịt của họ. Nhiều người cố tình xuyên tạc Lời Chúa theo cách này. Những người khác, có trí tưởng tượng tích cực, bám vào các hình tượng và biểu tượng của Thánh thư, giải thích chúng theo trí tưởng tượng của họ, ít coi lời chứng của Kinh thánh là lời giải thích của chính họ, và sau đó trình bày những tưởng tượng của riêng họ như những lời dạy của Kinh thánh. . .

Bất cứ khi nào việc nghiên cứu Kinh Thánh được thực hiện mà không có lời cầu nguyện, không có tinh thần ngoan ngoãn và khiêm tốn, thì những đoạn rõ ràng và đơn giản nhất cũng như những đoạn khó nhất sẽ bị bóp méo khỏi ý nghĩa thực sự của chúng. Các nhà lãnh đạo Giáo hoàng chọn những phần Kinh thánh phục vụ tốt nhất cho mục đích của họ, giải thích chúng khi họ thấy phù hợp, rồi trình bày chúng cho mọi người, đồng thời từ chối cho họ đặc quyền được nghiên cứu Kinh thánh và hiểu những chân lý thiêng liêng của nó cho chính họ. Kinh Thánh trọn bộ phải được trao cho mọi người như đã được viết ra. Thà họ không được hướng dẫn về Kinh Thánh còn hơn là nhận được sự dạy dỗ của Kinh Thánh bị bóp méo một cách tàn nhẫn.

Kinh Thánh có mục đích hướng dẫn cho tất cả những ai mong muốn làm quen với ý muốn của Đấng Tạo Hóa. Đức Chúa Trời đã ban cho loài người lời tiên tri chắc chắn. Các thiên thần và

Chính Đấng Christ đã đến để cho Đa-ni-ên và Giăng biết những điều sắp xảy đến. Những vấn đề quan trọng liên quan đến sự cứu rỗi của chúng ta không hề bị che giấu trong bí ẩn. Chúng không được tiết lộ theo cách gây bối rối và đánh lừa những người chân thành tìm kiếm sự thật. Chúa đã phán qua tiên tri Ha-ba-cúc: "Hãy viết lại Khải tượng và đọc rõ ràng, để ai đi ngang qua cũng có thể đọc được". (Hab. 2:2). Lời Chúa là rõ ràng đối với tất cả những ai nghiên cứu nó với tấm lòng thống hối. Mọi tâm hồn thực sự chân thành sẽ đến với ánh sáng của lẽ thật. "Ánh sáng được gieo cho người công bình" (Thi Thiên 97). : 11) Và không một giáo hội nào có thể tiến bộ trong sự thánh thiện trừ khi các thành viên của nó nhiệt thành tìm kiếm sự thật, như kho báu được giấu kín.

Trước tiếng kêu của tự do, con người trở nên mù quáng trước những lừa dối của kẻ thù, trong khi anh ta thấy mình luôn nỗ lực đều đặn để đạt được mục tiêu của mình. Khi anh ta thành công trong việc vượt qua Kinh thánh thông qua sự suy đoán của con người, luật pháp của Chúa bị gạt sang một bên và các giáo hội thấy mình ở dưới sự nô lệ của tội lỗi, mặc dù họ tuyên bố mình thoát khỏi tội lỗi.

Đối với nhiều người, nghiên cứu khoa học đã trở thành một lời nguyền. Thiên Chúa cho phép một luồng ánh sáng chiếu xuống thế giới trong những khám phá khoa học và nghệ thuật. Nhưng ngay cả những bộ óc vĩ đại nhất, nếu họ không được Lời Chúa hướng dẫn trong nghiên cứu của mình, cũng sẽ bối rối trong nỗ lực điều tra mối quan hệ giữa khoa học và Khải Huyền.

Kiến thức của con người, cả về vật chất lẫn tinh thần, đều mang tính cục bộ và không hoàn hảo. Vì vậy, nhiều người không thể hòa hợp quan điểm khoa học của họ với những lời phát biểu trong Kinh thánh. Nhiều người chấp nhận những lý thuyết và suy đoán đơn thuần là những sự thật khoa học và cảm thấy rằng Lời Đức Chúa Trời phải được kiểm nghiệm bằng những sự dạy dỗ của "cái gọi là khoa học giả tạo". Đấng Tạo Hóa và các công việc của Ngài vượt quá tầm hiểu biết của bạn; và bởi vì họ không thể giải thích chúng bằng các quy luật tự nhiên nên lịch sử Kinh thánh bị coi là không đáng tin cậy. Những người nghi ngờ độ tin cậy của các ghi chép trong Cựu Ước và Tân Ước thường tiến thêm một bước nữa và nghi ngờ sự tồn tại của Chúa và gán sức mạnh vô hạn cho Tự nhiên. Sau khi buông neo, họ bị bỏ rơi và đắm sâu vào những rạn san hô vô tín.

Vì vậy, nhiều người lạc xa đức tin và bị ma quỷ dụ dỗ. Con người đã cố gắng để trở nên khôn ngoan hơn Đấng Tạo Hóa của họ; triết học nhân loại đã cố gắng thâm nhập và giải thích những điều bí ẩn mà mãi mãi không bao giờ được tiết lộ. Nếu loài người tìm hiểu và hiểu những điều Đức Chúa Trời đã bày tỏ về chính Ngài và các mục đích của Ngài, thì họ sẽ có được cái nhìn về sự vinh hiển, uy nghi và quyền năng của Đức Giê-hô-va, đến nỗi họ sẽ ý thức được sự hữu hạn của chính mình, bằng lòng với những gì đã được tiết lộ cho họ. họ, chính họ và con cái của họ.

Tuyệt tác lừa dối của Sa-tan là khiến tâm trí con người phải tìm kiếm và phỏng đoán về những điều mà Đức Chúa Trời chưa cho biết và Ngài không có ý định cho chúng ta hiểu. Đây là cách Lucifer mất vị trí trên Thiên đường.

Anh ta không hài lòng vì tất cả những bí mật về mục đích của Chúa không được giao phó cho anh ta. Sau đó, anh ta hoàn toàn phớt lờ những gì được tiết lộ liên quan đến công việc của chính mình, ở vị trí cao quý được giao cho anh ta. Kích động sự bất bình tương tự ở các thiên thần dưới quyền của mình, anh ta đã khiến họ suy sụp. Giờ đây, vị tổng lãnh thiên thần sa ngã đang tìm cách lấp đầy tâm trí con người bằng tinh thần tương tự, đồng thời khiến họ không tôn trọng những điều răn trực tiếp của Đức Chúa Trời.

Những người không sẵn lòng chấp nhận những lẽ thật rõ ràng và sắc bén của Kinh Thánh liên tục tìm kiếm những câu chuyện ngụ ngôn thú vị để xoa dịu lương tâm của họ. Các học thuyết được trình bày càng kém tinh thần, tự chối bỏ và hạ nhục thì chúng sẽ càng nhận được nhiều ân huệ hơn. Những người này làm suy giảm khả năng trí tuệ của họ

phục vụ những ham muốn xác thịt của họ. Quá khôn ngoan theo nghĩa riêng của họ để xem xét Kinh thánh với tâm hồn ăn năn và cầu nguyện nhiệt thành để được Chúa hướng dẫn, họ không có khả năng tự vệ trước sự lừa dối. Satan sẵn sàng thỏa mãn ước muốn của tấm lòng và bày ra những sự lừa dối của hắn thay cho sự thật. Đây là cách giáo hoàng giành được quyền thống trị tâm trí con người, và bằng cách bác bỏ sự thật, vì nó liên quan đến thập giá, những người theo đạo Tin lành cũng đi theo con đường tương tự. Tất cả những ai bỏ bê Lời Chúa để nghiên cứu những lợi ích và chính trị, kéo xung đột với thế giới, sẽ bị bỏ mặc cho tà giáo đáng trách thay vì lẽ thật tôn giáo.

Mọi hình thức sai sót có thể tưởng tượng được sẽ được chấp nhận bởi những người cố tình bác bỏ sự thật. Người nào kinh hãi nhìn vào một sai lầm sẽ dễ dàng chấp nhận một sai lầm khác. Sứ đồ Phao-lô, khi nói về những người "không đón nhận lòng yêu mến lẽ thật để được cứu," đã tuyên bố: "Vì lý do đó, Đức Chúa Trời sẽ sai họ làm những việc lầm lạc, để họ tin vào sự dối trá, để mọi người đều bị xét đoán". là những kẻ không tin lẽ thật, nhưng ưa sự gian ác" (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:10-12). Với lời cảnh báo như vậy trước mắt, chúng ta cần phải cảnh giác về những giáo lý mà chúng ta nhận được.

Trong số những hoạt động thành công nhất của kẻ lừa dối vĩ đại là những lời dạy giả dối và những điều kỳ diệu dối trá của thuyết tâm linh. Cái trang thành một thiên thần ánh sáng, anh ta giảng lười ở nơi ít ngờ tới nhất. Nếu loài người nghiên cứu Sách của Đức Chúa Trời với lòng nhiệt thành cầu nguyện để họ có thể hiểu được nó, thì họ sẽ không bị bỏ rơi trong bóng tối để tiếp nhận những giáo lý sai lầm. Nhưng vì chối bỏ lẽ thật nên họ rơi vào bẫy lừa dối.

Một sai lầm nghiêm trọng khác là học thuyết phủ nhận thiên tính của Đấng Christ, cho rằng Ngài không tồn tại trước khi Ngài đến thế giới này. Lý thuyết này được một tầng lớp đông đảo ủng hộ, những người tuyên bố tin vào Kinh thánh; Tuy nhiên, lý thuyết này mâu thuẫn với những tuyên bố rõ ràng nhất của Đấng Cứu Rỗi liên quan đến mối quan hệ của Ngài với Đức Chúa Cha, đặc tính thiêng liêng của Ngài và sự tồn tại từ trước của Ngài. Nó không thể được tiếp nhận nếu không xuyên tạc Kinh thánh một cách phi lý nhất. Điều này không chỉ hạ thấp quan niệm của con người về công tác cứu chuộc mà còn làm xói mòn niềm tin vào Kinh thánh là sự mặc khải của Đức Chúa Trời. Mặc dù điều này khiến nó trở nên nguy hiểm hơn nhưng cũng khiến nó khó đối mặt hơn. Nếu con người bác bỏ lời chứng của Kinh thánh được soi dẫn liên quan đến thần tính của Đấng Christ, thì việc tranh luận với họ về điểm này là vô ích; vì không có lập luận nào, dù có thuyết phục đến đâu, có thể thuyết phục được họ. "Con người tự nhiên không hiểu được những điều thuộc về Thánh Linh của Đức Chúa Trời, bởi vì chúng có vẻ ngu ngốc đối với anh ta; và anh ta không thể hiểu được chúng, bởi vì chúng được nhận biết một cách thiêng liêng." (I Cô-rinh-tô 2:14). Không ai bảo vệ sai lầm này có thể có một quan niệm thực sự về đặc tính hay sứ mệnh của Chúa Kitô hoặc về kế hoạch vĩ đại của Thiên Chúa dành cho việc cứu chuộc con người.

Tuy nhiên, một sai lầm tinh vi và ác độc khác là niềm tin lan truyền nhanh chóng rằng Satan không tồn tại với tư cách là một cá thể; rằng cái tên này được sử dụng trong Kinh thánh chỉ để đại diện cho những ý nghĩ và ham muốn xấu xa của con người.

Lời dạy được lặp lại rộng rãi từ các bài giảng phổ biến đến nỗi sự tái lâm lần thứ hai của Đấng Christ là việc Ngài đến với mỗi cá nhân khi chết là một công cụ xảo quyệt để chuyển hướng tâm trí con người khỏi việc đích thân Ngài đến trên mây trời. Trong nhiều năm, Sa-tan đã nói: "Kìa, hắn đang ở trong nhà" (Ma-thi-ơ 24:23-26); và nhiều linh hồn đã hư mất vì chấp nhận lời nói dối này.

Sự khôn ngoan của thế gian dạy rằng cầu nguyện là không cần thiết. Những nhà khoa học tuyên bố rằng không thể có câu trả lời thực sự cho lời cầu nguyện; rằng điều này sẽ vi phạm pháp luật, một phép lạ và phép lạ không tồn tại. Họ nói rằng Vũ trụ được điều hành bởi những quy luật cố định và chính Chúa không làm gì trái với những quy luật này. Vì vậy, họ đại diện cho Thiên Chúa bị ràng buộc bởi luật lệ của chính Ngài, như thể việc thực thi các luật lệ thiêng liêng có thể loại trừ sự tự do của Thiên Chúa. Sự giảng dạy như vậy trái ngược với lời chứng

của Kinh thánh. Chẳng phải Đấng Christ và các sứ đồ của Ngài đã làm phép lạ sao? Đấng Cứu Rỗi đầy lòng thương xót đang sống ngày nay và sẵn lòng nghe lời cầu nguyện bằng đức tin cũng như khi Ngài bước đi giữa loài người một cách rõ ràng. Tự nhiên hợp tác với siêu nhiên. Đó là một phần trong kế hoạch của Thiên Chúa nhằm ban cho chúng ta, để đáp lại lời cầu nguyện bằng đức tin, những gì Ngài sẽ không ban cho chúng ta nếu chúng ta không cầu xin.

Vô số học thuyết sai lầm và những ý tưởng tưởng tượng đang lan tràn trong các giáo hội thuộc các đạo tự xưng theo Đấng Christ. Không thể ước tính được kết quả tồi tệ của việc dỡ bỏ một trong những cột mốc đã được Lời Chúa ấn định. Rất ít người mạo hiểm làm điều này dừng lại ở việc bác bỏ một sự thật duy nhất. Đa số tiếp tục gạt bỏ hết nguyên tắc của lẽ thật sang một bên cho đến khi họ thực sự trở thành những người không tin.

Những sai lầm của thần học phổ thông đã khiến nhiều tâm hồn hoài nghi, những người lẽ ra đã có thể tin vào Kinh thánh. Họ không thể chấp nhận những học thuyết xúc phạm ý thức công bằng, lòng thương xót và lòng nhân từ của họ; và một khi những điều này được trình bày như những lời dạy của Kinh Thánh, họ sẽ từ chối tiếp nhận nó như là Lời của Đức Chúa Trời.

Và đây chính là ý định mà Sa-tan tìm cách thực hiện. Không có gì hấn mong muốn hơn là phá hủy niềm tin vào Thiên Chúa và Lời của Ngài. Satan đứng đầu đội quân nghi ngờ vĩ đại và dùng hết sức mạnh của mình để thu phục các linh hồn vào hàng ngũ của hắn. Nghi ngờ đang trở thành mốt. Có một tầng lớp đông đảo nhìn Lời Chúa với sự nghi ngờ, vì lý do tương tự như Tác giả của nó, vì nó chỉ trích và lên án tội lỗi. Những người không sẵn sàng tuân theo yêu cầu của anh ta sẽ cố gắng tiêu diệt quyền lực của anh ta. Họ đọc Kinh thánh hoặc nghe những lời dạy trong Kinh thánh được giải thích từ bục giảng thiêng liêng chỉ để tìm lỗi ở họ hoặc bài giảng.

Không ít người trở thành người vô tín để biện minh hoặc bào chữa cho việc họ lơ là bổn phận. Những người khác áp dụng các nguyên tắc hoài nghi vì kiêu ngạo hoặc lười biếng. Quá yêu thích sự buông thả bản thân để có thể thực hiện bất cứ điều gì xứng đáng với danh dự, vốn đòi hỏi sự cam kết và từ bỏ bản thân, họ tìm cách bảo đảm cho mình danh tiếng là người sở hữu trí tuệ vượt trội thông qua việc phê bình Kinh thánh. Có nhiều điều trong Kinh thánh mà trí óc hữu hạn, không được soi sáng bởi sự khôn ngoan thiêng liêng, không thể hiểu được; và thế là họ tìm cơ hội để chỉ trích nó. Có nhiều người dường như cho rằng đó là một đức tính tốt

đặt mình vào bên của sự hoài nghi, hoài nghi và không chung thủy. Tuy nhiên, dưới vỏ bọc của sự chân thành, rõ ràng những người này bị thúc đẩy bởi sự tự tin và kiêu hãnh. Nhiều người thích tìm thấy điều gì đó trong Kinh Thánh có thể khiến người khác bối rối. Một số ban đầu chỉ trích và tranh luận, chỉ vì thích tranh cãi. Họ không hiểu rằng họ đang rơi vào bẫy của kẻ săn mồi.

Tuy nhiên, sau khi bày tỏ sự hoài nghi một cách công khai, họ cảm thấy mình phải giữ vững lập trường của mình. Vì vậy, họ đoàn kết với kẻ ác và đóng cánh cửa thiên đường cho chính mình.

Đức Chúa Trời đã ban cho bằng chứng đầy đủ trong Lời Ngài về đặc tính thiêng liêng của Ngài. Những lẽ thật vĩ đại liên quan đến sự cứu chuộc của chúng ta được thể hiện rõ ràng. Với sự giúp đỡ của Chúa Thánh Thần, Đấng được hứa cho tất cả những ai chân thành tìm kiếm Ngài, mỗi người có thể tự mình hiểu được những lẽ thật này. Đức Chúa Trời đã ban cho con người một nền tảng vững chắc để họ đặt niềm tin vào đó.

Tuy nhiên, trí tuệ hữu hạn của con người không thể hiểu hết được kế hoạch và mục đích của Đấng Vô hạn. Chúng ta không bao giờ có thể khám phá được Thiên Chúa qua việc tìm hiểu. Chúng ta không được dùng bàn tay tự phụ để vén bức màn mà đằng sau Ngài đang che đậy sự uy nghiêm của Ngài. Vị sứ đồ đã thốt lên: "Sự phán xét của Ngài nào ai thấu được, đường lối Ngài nào ai thấu hiểu được!" (Rô-ma 11:33). Chúng ta có thể hiểu cách Ngài đối xử với chúng ta và động cơ mà Ngài hành động, để chúng ta có thể nhận ra tình yêu và lòng thương xót vô hạn của Ngài kết hợp với quyền năng vô hạn. Cha Thiên Thượng của chúng ta

ra lệnh cho mọi việc một cách khôn ngoan và công bằng, và chúng ta không được bất mãn và thiếu tin tưởng mà phải cúi đầu phục tùng một cách tôn kính. Ngài sẽ tiết lộ cho chúng ta nhiều mục đích của Ngài, nhiều điều tốt cho chúng ta nên biết, và hơn thế nữa là chúng ta phải tin tưởng vào Bàn tay toàn năng, vào Trái tim tràn đầy tình yêu thương.

Mặc dù Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta nhiều bằng chứng về đức tin nhưng Ngài chưa bao giờ loại bỏ mọi lý do bào chữa cho sự vô tín. Mọi người đang tìm kiếm cái móc để treo những nghi ngờ của mình sẽ tìm thấy chúng. Và những ai từ chối chấp nhận và tuân theo Lời Chúa cho đến khi mọi sự phản đối được loại bỏ, và không còn chỗ cho sự nghi ngờ, sẽ không bao giờ bị đưa ra ánh sáng.

Không tin cậy vào Thiên Chúa là kết quả tự nhiên của một tấm lòng không được đổi mới. chống nghịch Ngài, nhưng đức tin được Đức Thánh Linh soi dẫn và chỉ hướng thịnh khi được vun trồng. Không ai có thể trở nên mạnh mẽ trong đức tin nếu không có nỗ lực quyết tâm. Sự vô tín càng mạnh mẽ hơn khi được khuyến khích, và nếu con người, thay vì cứ dựa vào những bằng chứng mà Chúa đã ban để duy trì đức tin của họ, nếu họ cho phép mình đặt câu hỏi và ca thán, thì họ sẽ thấy rằng những nghi ngờ của họ càng được xác nhận nhiều hơn.

Nhưng những người nghi ngờ những lời hứa của Thiên Chúa và không tin vào sự chắc chắn của Ân điển của Ngài, họ đang làm nhục Ngài; và ảnh hưởng của nó, thay vì thu hút người khác đến với Đấng Christ, lại có xu hướng lôi kéo họ rời xa Ngài. Đây là những cây kìm năng suất, vươn rộng cành sẫm màu, ngăn ánh sáng mặt trời chiếu vào các cây khác và gây ra hiện tượng để chúng teo đi và chết dưới bóng lạnh giá. Công việc của những người này sẽ xuất hiện như một nhân chứng cứng rắn chống lại họ. Họ đang gieo rắc sự nghi ngờ và hoài nghi và sẽ tạo ra một vụ mùa bội thu.

Chỉ có một con đường để đi theo cho tất cả những ai chân thành mong muốn thoát khỏi nghi ngờ. Thay vì thắc mắc và phàn nàn về những điều họ không thể hiểu, hãy để họ lắng nghe ánh sáng đã chiếu rọi trên họ và họ sẽ nhận được nhiều ánh sáng hơn. Hãy hoàn thành mọi nghĩa vụ mà bạn đã hiểu rõ, và bạn sẽ có thể hiểu và hoàn thành những nghĩa vụ mà bạn vẫn còn nghi ngờ.

Sa-tan có thể trình bày một sự giả mạo rất giống với lẽ thật đến nỗi nó đánh lừa những người sẵn sàng bị lừa dối, những người muốn thoát khỏi sự chối bỏ bản thân và sự hy sinh mà lẽ thật đòi hỏi. Nhưng anh ta không thể giữ dưới quyền lực của mình một linh hồn thực sự mong muốn biết sự thật bằng bất cứ giá nào. Chúa Kitô là sự thật và là "ánh sáng soi đường cho mọi người đến thế gian" (Ga 1,9). Thần lẽ thật được sai đến để hướng dẫn loài người vào mọi lẽ thật. Và bởi thẩm quyền của Con Thiên Chúa, người ta đã tuyên bố: "Hãy tìm và bạn sẽ thấy." "Nếu ai muốn làm theo ý muốn Ngài, thì cũng theo giáo lý đó mà biết điều đó có đến từ Đức Chúa Trời hay không." (Ma-thi-ơ 7:7; Giăng 7:17).

Những người theo Chúa Kitô biết rất ít về những âm mưu mà Satan và những kẻ theo đạo của hắn đang thực hiện để chống lại họ. Tuy nhiên, Đấng ngự trên Thiên đàng sẽ đảm bảo rằng tất cả những mưu kế này đều hướng tới việc hoàn thành các kế hoạch sâu xa của Ngài. Chúa cho phép dân Ngài phải chịu thử thách cám dỗ rực lửa, không phải vì Ngài vui lòng trước sự hoạn nạn và thống khổ của họ, mà vì quá trình này là điều cần thiết cho chiến thắng cuối cùng của họ. Ngài không thể, phù hợp với vinh quang của chính Ngài, che chở họ khỏi cám dỗ, vì mục đích của cuộc thử thách là chuẩn bị cho họ chống lại mọi sự lôi cuốn của sự dữ.

Cả những kẻ gian ác lẫn ma quỷ đều không thể cản trở công việc của Đức Chúa Trời hoặc che giấu sự hiện diện của Ngài với dân Ngài nếu họ, với tấm lòng thống hối và phục tùng, xưng nhận và từ bỏ tội lỗi của mình, và trong đức tin nhận lấy những lời hứa của Ngài. Mọi cám dỗ, mọi ảnh hưởng trái ngược, dù công khai hay bí mật, đều có thể chiến thắng thành công, "không phải bằng sức mạnh hay bạo lực, mà bằng Thần Khí của Ta, Chúa các đạo binh phán vậy". (Xa 4:6).

"Mắt Chúa dõi theo người công chính, tai Ngài lắng nghe lời cầu nguyện của họ... Và ai sẽ làm hại bạn nếu bạn nhiệt thành làm điều tốt?" (I Phi-e-rơ 3:12 và 13). Khi Ba-la-am bị dụ dỗ bởi lời hứa ban thưởng dồi dào, dùng bùa chú trên Y-sơ-ra-ên và dâng của lễ dâng lên Đức Giê-hô-va để tìm cách giáng lời nguyền rủa xuống dân Ngài, Thánh Linh của Đức Giê-hô-va đã ngăn chặn điều ác mà ông định tuyên bố, và Ba-la-am bị buộc phải làm điều đó. Để nói: "Làm sao tôi có thể nguyền rủa kẻ Chúa không nguyền rủa? Và làm sao tôi có thể ghét khi Chúa không ghét?" "Xin cho linh hồn tôi chết cái chết của người công chính, và kết cuộc của tôi cũng giống như của bạn." Khi của lễ được dâng lên một lần nữa, nhà tiên tri độc ác đã tuyên bố: "Này, tôi được lệnh phải chúc phước: vì Ngài đã ban phước, và tôi không thể rút lại được. Ngài không thấy sự gian ác nơi Y-sơ-ra-ên, cũng chẳng thấy sự gian ác nơi Gia-cóp; Giê-hô-va Đức Chúa Trời của người ở cùng người, và trong người, và giữa họ có nghe tiếng kêu của một vị vua." "Vì chẳng có quyền lực nào chống lại Gia-cóp, cũng chẳng có bói khoa nào có thể chống lại Y-sơ-ra-ên.

Vào lúc này người ta sẽ nói về Gia-cóp và Y-sơ-ra-ên: Đức Chúa Trời đã làm những việc gì vậy!" (Dân 23:8, 10, 21 và 23). Bàn thờ thứ ba vẫn được dựng lên và Ba-la-am lại cố gắng nguyền rủa. Nhưng, qua sự miễn cưỡng Trên môi miệng của nhà tiên tri, Thánh Linh của Đức Chúa Trời tuyên bố sự thịnh vượng của những người được Ngài chọn, và quở trách sự điên rồ và độc ác của kẻ thù của họ: "Phước cho những người ban phước cho người, và đáng nguyền rủa cho những kẻ nguyền rủa người" (Num . 24:9).

Vào thời điểm đó, dân Y-sơ-ra-ên trung thành với Đức Chúa Trời và miễn là họ vẫn tuân theo luật pháp của Ngài thì không một quyền lực trần thế hay địa ngục nào có thể thắng được họ. Nhưng lời nguyền rủa mà Balaam không được phép tuyên bố trên dân của Đức Chúa Trời, cuối cùng ông đã thành công trong việc giáng xuống họ bằng cách dụ dỗ họ phạm tội. Bằng cách vi phạm các điều răn của Chúa, họ sau đó tách mình ra khỏi Ngài và bị bỏ lại để cảm nhận sức mạnh của kẻ hủy diệt.

Sa-tan nhận thức rõ rằng linh hồn yếu đuối nhất còn lại trong Đấng Christ cũng đủ sức đối mặt với đạo quân bóng tối, và rằng, nếu hắn bộc lộ bản thân một cách công khai, hắn sẽ bị gặp và bị đánh bại. Vì vậy, anh ta tìm cách loại bỏ những người lính của thập tự giá khỏi các pháo đài hùng mạnh của họ, đồng thời phục kích lực lượng của mình, sẵn sàng tiêu diệt tất cả những ai mạo hiểm vào địa hình của anh ta. Chỉ qua sự tin cậy khiêm tốn nơi Thượng Đế và tuân theo tất cả các giáo lệnh của Ngài thì chúng ta mới có thể được an toàn.

Không một người đàn ông hay đàn bà nào được an toàn trong một ngày hay một giờ nếu không cầu nguyện. Chúng ta nên đặc biệt cầu xin Chúa ban cho sự khôn ngoan để hiểu Lời Ngài. Đã tiết lộ những sự lừa dối của kẻ cám dỗ và những phương tiện mà chúng có thể bị chống lại thành công. Sa-tan là chuyên gia trích dẫn Kinh thánh, đưa ra cách giải thích riêng cho những đoạn mà hắn hy vọng sẽ gài bẫy chúng ta. Chúng ta phải nghiên cứu Kinh Thánh với tấm lòng khiêm nhường, không bao giờ quên sự vâng phục Thiên Chúa.

Trong khi chúng ta phải liên tục bảo vệ mình khỏi cạm bẫy của Satan, chúng ta phải liên tục cầu nguyện trong đức tin: "Xin chờ để chúng tôi bị cám dỗ".

Chương 33

Sai lầm lớn đầu tiên

Vào thời điểm sớm nhất trong lịch sử loài người, Sa-tan đã bắt đầu nỗ lực lừa dối loài người chúng ta. Kẻ đã kích động cuộc nổi dậy trên Thiên đường mong muốn lãnh đạo cư dân trên Trái đất đoàn kết với mình trong cuộc đấu tranh chống lại chính quyền của Chúa. A-đam và Ê-va đã hoàn toàn hạnh phúc khi tuân theo Luật pháp của Đức Chúa Trời, và sự thật này là bằng chứng liên tục chống lại lời tuyên bố rằng Sa-tan đã đưa ra trên Thiên đường rằng Luật pháp của Đức Chúa Trời là áp bức và trái ngược với lợi ích của các tạo vật của Ngài. Ngoài ra, lòng ghen tị của Satan càng trở nên dậy khi hắn nhìn thấy nơi ở xinh đẹp được chuẩn bị cho cặp vợ chồng vô tội. Hắn quyết tâm khiến họ sụp đổ, để sau khi tách họ ra khỏi Đức Chúa Trời và đặt họ dưới quyền lực của mình, hắn có thể giành được quyền sở hữu trái đất và thiết lập vương quốc của mình ở đó, đối lập với Đấng Tối Cao.

Nếu Sa-tan bộc lộ bản chất thực sự của mình, hắn sẽ bị đẩy lùi ngay lập tức, vì A-đam và Ê-va đã được cảnh báo chống lại kẻ thù nguy hiểm này, nhưng hắn hoạt động trong bóng tối, che đậy mục đích của mình, để có thể đạt được mục tiêu một cách hiệu quả hơn. Dùng con rắn làm vật trung gian, lúc đó là một sinh vật có vẻ ngoài hấp dẫn, ông nói với Ê-va rằng: "Có phải Đức Chúa Trời đã phán: Các ngươi không được ăn mọi cây trong vườn không?" (Sáng Thế Ký 3:1). Nếu cô từ chối tranh cãi với kẻ cám dỗ, cô sẽ được an toàn; nhưng cô đã mạo hiểm tranh luận với anh ta và trở thành nạn nhân của sự lừa dối của anh ta. Đây là cách mà nhiều người luôn bị đánh bại. Họ nghi ngờ và tranh luận về những yêu cầu của Đức Chúa Trời, và thay vì tuân theo mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, họ chấp nhận những lý thuyết của con người không làm gì khác hơn là che đậy những sự lừa dối của Sa-tan.

"Người đàn bà thưa rằng: Chúng ta có thể ăn trái cây trong vườn; nhưng trái của cây ở giữa vườn, Đức Chúa Trời đã phán rằng: Các ngươi không được ăn trái đó và các ngươi cũng không được ăn. chạm vào kéo chết. Sau đó, con rắn nói với người phụ nữ: Bạn sẽ không chết. Vì Đức Chúa Trời biết rằng ngày nào ngươi ăn, mắt ngươi sẽ mở ra, và ngươi sẽ biết điều thiện điều ác như Đức Chúa Trời" (Sáng-thế Ký 3:2-5). Ông tuyên bố rằng họ sẽ trở nên giống Chúa, sở hữu trí tuệ cao hơn trước và họ sẽ có thể bước vào trạng thái tồn tại cao hơn. Eva đã sa vào cám dỗ; và do ảnh hưởng của nó, Adam đã bị xúi giục phạm tội. Họ chấp nhận lời của con rắn rằng Đức Chúa Trời không có ý như Ngài thực sự đã nói; họ không tin tưởng vào Đấng Tạo Hóa của mình và tưởng tượng rằng Ngài đang hạn chế quyền tự do của họ, và rằng họ có thể đạt được sự khôn ngoan và tôn cao to lớn bằng cách vi phạm Luật pháp của Ngài.

Nhưng A-đam, sau khi phạm tội, đã thấy ý nghĩa của câu nói: "Ngày nào ngươi ăn chắc chắn sẽ chết?" Anh ta có thấy chúng biểu thị, như Sa-tan đã khiến anh ta tin, rằng anh ta sắp được dẫn vào một trạng thái tồn tại cao quý hơn không? Khi đó chắc chắn sự vi phạm sẽ mang lại lợi ích to lớn và Sa-tan sẽ chứng tỏ mình là ân nhân cho nhân loại. Tuy nhiên, Adam đã chứng minh rằng đây không phải là ý nghĩa của lời tuyên bố thiêng liêng. Thiên Chúa tuyên bố rằng, như một hình phạt cho tội lỗi của mình, con người phải trở về mảnh đất nơi mình đã được sinh ra: "ngươi là bụi đất, ngươi sẽ trở về bụi đất" (Sáng thế ký 3:19). Lời của Sa-tan, "mắt các ngươi sẽ mở ra," chỉ đúng theo nghĩa này: sau khi A-đam và Ê-va không vâng lời Đức Chúa Trời, mắt họ đã mở ra để nhận ra sự điên rồ của mình; họ biết đến điều ác và ném trái đắng của sự phạm giới.

Ở giữa vườn địa đàng mọc lên cây sự sống, trái của nó có sức mạnh kéo dài sự sống. Nếu A-đam vẫn vâng lời Đức Chúa Trời thì ông đã có quyền tự do đến gần cái cây này và ông sẽ sống đời đời. Nhưng khi phạm tội, ông không được ăn cây sự sống và phải chết. Câu thần thánh: "Người là cát bụi, và người sẽ trở về cát bụi", ám chỉ sự diệt vong hoàn toàn của sự sống.

Sự bất tử, được hứa ban cho con người với điều kiện phải vâng lời, đã bị mất đi do sự phạm giới. Adam không thể truyền lại cho hậu thế những gì anh ta không sở hữu; và sẽ không có hy vọng nào cho dòng giống sa ngã nếu Đức Chúa Trời không qua sự hy sinh của Con Ngài, đặt sự bất tử vào tầm tay của họ. Trong khi "sự chết đã trải trên mọi người, vì mọi người đều có tội," Đấng Christ "bởi Phúc âm ra ánh sáng sự sống và sự bất tử" (Rô-ma 5:12, II Ti-mô-thê 1:10). Và chỉ nhờ Chúa Kitô mới có thể đạt được sự bất tử. Chúa Giêsu nói: "Ai tin Con thì được sự sống đời đời; Nhưng ai chống nghịch Con sẽ không thấy sự sống" (Giăng 3:36). Mỗi người đều có thể đạt được phúc lành vô lượng này nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện. Tất cả "những ai cứ làm điều thiện, tìm kiếm vinh quang, danh dự và sự bất tử" sẽ nhận được sự sống đời đời (Rô-ma 2:7).

Kẻ duy nhất hứa cho A-đam sự sống đời đời trong sự bất tuân là kẻ lừa dối vĩ đại. Và lời tuyên bố của con rắn với Eva ở vườn Địa Đàng - "chắc chắn người sẽ không chết" - Đó là bài giảng đầu tiên về sự bất tử của linh hồn. Và chính lời tuyên bố này, được thành lập hoàn toàn dựa trên thẩm quyền của Sa-tan, đã vang vọng từ các bục giảng của các tôn giáo theo đạo Cơ-đốc, và được đa số nhân loại đón nhận dễ dàng như tổ tiên đầu tiên của chúng ta đã đón nhận. Trước câu Chúa: "Linh hồn nào phạm tội sẽ chết" (Ê-xê-chi-ên 18:20), có ý nghĩa như sau: linh hồn phạm tội sẽ không chết nhưng sẽ sống đời đời. Chúng ta không thể không khâm phục sự ngoan cố kỳ lạ mà loài người quá cả tin đối với lời nói của Sa-tan và quá hoài nghi đối với Lời Chúa.

Nếu con người, sau khi sa ngã, được tự do tiếp cận cây sự sống, thì họ sẽ sống mãi mãi, và do đó tội lỗi sẽ được bất tử. Nhưng một chê-ru-bim và một thanh gươm lửa đã canh giữ "con đường đến cây sự sống" (Sáng Thế Ký 3:24), và không thành viên nào trong gia đình A-đam được phép đi qua hàng rào này và hưởng trái sự sống. Vì vậy không có tội nhân bất tử.

Nhưng sau khi sa ngã, Satan ra lệnh cho các thiên thần của hắn nỗ lực đặc biệt để khắc sâu niềm tin vào sự bất tử tự nhiên của con người; và đã xúi giục người ta nhận lỗi này, nên dẫn họ đến kết luận rằng kẻ có tội sẽ sống trong cảnh khốn cùng đời đời. Giờ đây, hoàng tử bóng tối, thông qua các tay sai của mình, thể hiện Chúa như một bạo chúa báo thù, tuyên bố rằng Ngài tống vào địa ngục tất cả những ai không làm hài lòng Ngài và khiến họ mãi mãi phải chịu hậu quả của cơn thịnh nộ của Ngài; và rằng trong khi họ phải chịu đựng nỗi thống khổ không thể diễn tả được và quằn quại trong ngọn lửa vĩnh cửu, Đấng Tạo Hóa của họ vẫn hài lòng nhìn họ.

Vì vậy, kẻ thù không đội trời chung đã đảo ngược Đấng Tạo Hóa và Đấng Ân Nhân của nhân loại bằng những thuộc tính của chính mình. Sự tàn ác là satan. Thiên Chúa là tình yêu; và mọi thứ Ngài tạo ra đều trong sạch, thánh thiện và đáng yêu cho đến khi tội lỗi xuất hiện bởi kẻ nổi loạn vĩ đại đầu tiên. Chính Satan là kẻ thù căm thù con người phạm tội, và sau đó tiêu diệt họ nếu có thể; khi anh ta đảm bảo với mình về nạn nhân của mình, anh ta vui mừng trước sự tàn phá mà mình đã gây ra. Nếu được phép, anh ta sẽ giam cầm toàn bộ loài người trong lưới của mình. Nếu không có sự can thiệp của quyền năng thần thánh, không một đứa con trai hay con gái nào của Adam có thể trốn thoát.

Ngài đang tìm cách chiến thắng loài người ngày nay, giống như Ngài đã chiến thắng tổ phụ đầu tiên của chúng ta, làm lung lay niềm tin của họ nơi Đấng Tạo Hóa và khiến họ nghi ngờ sự khôn ngoan của chính phủ Ngài cũng như tính công bằng của luật pháp Ngài. Sa-tan và các sứ giả của hắn đại diện cho Đức Chúa Trời còn tệ hơn chính họ, để biện minh cho sự gian ác và phản loạn của chính họ. Cái lớn

Kẻ lừa dối cố gắng đổ lỗi cho tính cách độc ác khủng khiếp của hắn đối với Cha trên trời của chúng ta, để hắn có thể khiến mình xuất hiện như một người bị tổn thương nặng nề khi bị trục xuất khỏi Thiên đường, bởi vì hắn sẽ không phục tùng chính phủ bất công như vậy. Ngài cho thế giới thấy sự tự do mà họ có thể được hưởng dưới sự cai trị dịu dàng của Ngài, trái ngược với chế độ nô lệ do các sắc lệnh nghiêm khắc của Đức Giê-hô-va áp đặt. Vì vậy hắn đã thành công trong việc lôi kéo các linh hồn rời bỏ giao ước của họ với Thiên Chúa.

Thật ghê tởm đối với mọi cảm giác yêu thương, thương xót và thậm chí cả cảm giác công bằng của chúng ta là học thuyết cho rằng sau khi chết, những kẻ chết độc ác sẽ bị hành hạ bằng lửa và diêm sinh trong địa ngục cháy vĩnh viễn, rằng vì tội lỗi của cuộc đời ngắn ngủi trên trần gian mà họ phải chịu đau khổ. Chẳng nào Chúa còn sống. Tuy nhiên, học thuyết này nói chung đã được giảng dạy rộng rãi và vẫn được kết hợp vào nhiều tín ngưỡng của các tôn giáo theo đạo Cơ đốc. Một bác sĩ thần học đã nói: "Cảnh tượng đau khổ trong địa ngục sẽ làm tăng thêm niềm vui của các thánh mãi mãi. Khi họ nhìn thấy những chúng sinh khác có cùng bản chất như mình và sinh ra trong cùng hoàn cảnh, chìm đắm trong đau khổ như vậy, trong khi họ ở trong hoàn cảnh khác như vậy, họ sẽ cảm thấy vui hưởng hạnh phúc ở mức độ lớn hơn." Một người khác dùng những lời sau đây: "Trong khi lệnh trừng phạt được thi hành vĩnh viễn đối với những đối tượng bị phản nộ, làn khói đau khổ của họ sẽ vĩnh viễn bốc lên trước mắt những người là đối tượng của lòng thương xót, những người, thay vì thông cảm với họ, sẽ hãy kêu lên: Amen! Hallelujah! Hãy thờ phượng Chúa!"

Sự dạy dỗ như vậy có thể được tìm thấy ở đâu trong các trang Lời Chúa? Liệu những người được cứu chuộc trên Thiên đàng sẽ không còn chút cảm giác thương xót, thương xót, thậm chí còn có chút nhân tính? Liệu những cảm xúc này sẽ được thay thế bằng sự thờ ơ của những kẻ vô cảm hay sự tàn ác của những kẻ man rợ? Không, không - đó không phải là lời dạy trong Sách của Thiên Chúa. Những ý kiến bày tỏ ở trên có thể đến từ những người có học thức và thậm chí là những người lương thiện, nhưng họ bị lừa dối bởi sự nguy hiểm của Sa-tan. Anh ta khiến họ hiểu sai cách diễn đạt rõ ràng của Kinh thánh, khiến ngôn ngữ mang màu sắc cay đắng và ác độc vốn thuộc về anh ta chứ không phải của Đấng Tạo Hóa. Chúa Giê-hô-va phán: "Như Ta hằng sống, Ta không vui khi kẻ ác phải chết, nhưng vui khi kẻ ác từ bỏ đường lối và lối sống của mình. Hãy từ bỏ con đường gian ác của mình, vì sao các người phải chết, hỡi nhà Y-sơ-ra-ên?" (Ê-xê-chi-ên 33:11).

Chúa sẽ được gì nếu chúng ta thừa nhận rằng Ngài thích chứng kiến những cuộc tra tấn không ngừng; Ai vui mừng trước những tiếng rên rỉ, tiếng kêu đau đớn và sự nguyện rửa của những chúng sinh đau khổ mà Ngài giam giữ trong ngọn lửa địa ngục? Liệu những âm thanh khủng khiếp này có phải là âm nhạc lọt vào tai Tình Yêu Vô Tận? Người ta cho rằng việc gây ra đau khổ vô tận cho kẻ ác sẽ thể hiện sự căm ghét tội lỗi của Chúa như một tội ác phá hoại hòa bình và trật tự của vũ trụ. Ôi, sự báng bổ khủng khiếp! Như thể sự căm ghét tội lỗi của Thiên Chúa là lý do khiến Ngài duy trì tội lỗi. Vì, theo lời dạy của các nhà thần học này, việc tiếp tục tra tấn không hy vọng được thương xót sẽ khiến những nạn nhân bất hạnh phát điên, và bằng cách bày tỏ sự tức giận bằng những lời nguyện rửa và báng bổ, họ càng làm tăng thêm gánh nặng tội lỗi. Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời không thể tăng lên bằng cách liên tục gia tăng và duy trì tội lỗi qua các thời đại không ngừng.

Trí óc con người không thể ước tính được sự ác độc do tà giáo gây ra và bị dày vò vĩnh viễn. Tôn giáo của Kinh thánh, đầy tình yêu thương và lòng nhân ái, và tràn đầy lòng trắc ẩn, bị che phủ bởi sự mê tín và bị bao phủ bởi nỗi kinh hoàng. Khi xem xét những màu sắc sai lầm mà Sa-tan đã vẽ ra về tính cách của Đức Chúa Trời, chúng ta có thể tự hỏi rằng Đấng Tạo Hóa đầy lòng thương xót của chúng ta lại bị hoài nghi, sợ hãi và thậm chí bị ghét bỏ không? Những ý tưởng gây sốc liên quan đến Thiên Chúa đã được truyền bá

về thế giới từ những lời dạy của bực giảng đã tạo ra hàng ngàn, hơn thế, hàng triệu người hoài nghi và những kẻ ngoại đạo.

Thuyết về sự đau khổ đời đời là một trong những giáo lý sai lầm cấu thành nên thứ rượu gồm ghiếc của Ba-by-lôn mà nó cho muôn dân uống” (Khải huyền 14:8, 17:2). Việc các thừa tác viên của Chúa Kitô có thể chấp nhận tà giáo này và công bố nó từ bực giảng thánh thực sự là một điều huyền bí. Cầu mong họ nhận được nó từ Rome, như họ cũng đã nhận được ngày Sa-bát giả. Chắc chắn rằng nó đã được dạy bởi những người vĩ đại và tốt bụng; nhưng ánh sáng trong vấn đề này đã không được ban cho họ như đối với chúng tôi. Họ chỉ chịu trách nhiệm về ánh sáng chiếu rọi vào thời đại của họ; chúng ta phải trả lời cho người tỏa sáng trong ngày của chúng ta. Nếu chúng ta quay lưng lại với lời chứng của Lời Chúa và chấp nhận những giáo lý sai lầm vì tổ phụ chúng ta đã dạy chúng, thì chúng ta sẽ rơi vào sự kết án đã tuyên bố trên Ba-by-lôn, chúng ta đang uống rượu ghê tởm của nó.

Một tầng lớp lớn mà học thuyết về sự dày vò vĩnh viễn đang phản đối đang hướng tới sai lầm ngược lại. Họ thấy rằng Kinh thánh miêu tả Đức Chúa Trời là đầy tình yêu thương và lòng trắc ẩn, và họ không thể tin rằng Ngài sẽ phó thác các tạo vật của Ngài vào ngọn lửa của địa ngục cháy mãi mãi. Nhưng với niềm tin rằng linh hồn bất tử một cách tự nhiên, họ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc kết luận rằng cuối cùng toàn thể nhân loại sẽ được cứu. Nhiều người coi những lời đe dọa của Kinh thánh chỉ nhằm mục đích khiến đàn ông sợ hãi phải vâng lời chứ không phải ứng nghiệm theo nghĩa đen. Vì vậy, tội nhân có thể sống trong những thú vui ích kỷ, coi thường những yêu cầu của Đức Chúa Trời và vẫn hy vọng cuối cùng được Ngài đón nhận. Một giáo lý như vậy, dựa vào lòng thương xót của Đức Chúa Trời, nhưng không biết đến sự công bình của Ngài, làm hài lòng tâm lòng xác thịt và khuyến khích kẻ ác trong sự gian ác của chúng.

Để cho thấy những người tin vào sự cứu rỗi phổ quát đã bóp méo ý nghĩa của Kinh thánh như thế nào để ủng hộ những giáo điều hủy diệt tâm hồn của họ, chỉ cần trích dẫn những tuyên bố của chính họ. Tại đám tang của một người vô thần trẻ tuổi, người đã bị tai nạn chết ngay lập tức, một mục sư theo chủ nghĩa Phổ quát đã chọn làm văn bản cho mình câu nói từ Kinh thánh liên quan đến Đa-vít: “Ông ấy đã an ủi mình về Am-nôn, người đã chết” (2 Sa-mu-ên 13:39).

Diễn giả nói: “Tôi thường được hỏi số phận của những người rời bỏ thế giới trong tội lỗi, có thể chết trong tình trạng say xỉn, hoặc những người chết với vết máu của tội ác chưa được giặt trên quần áo sẽ ra sao, hoặc người chết như thế nào mà chàng trai trẻ này chết, chưa hề lập nghiệp hoặc chưa hề có kinh nghiệm về tôn giáo. Chúng ta hãy hài lòng với Kinh thánh, câu trả lời của họ sẽ giải quyết được vấn đề to lớn. Amnon vô cùng tội lỗi; anh ta không ăn năn, anh ta say rượu và trong lúc say rượu đã bị giết. Đa-vít là nhà tiên tri của Đức Chúa Trời, ông hẳn đã biết Am-nôn ở đời sau sẽ tốt hay xấu. Những biểu hiện của trái tim bạn là gì? 'Linh hồn của Vua David mong muốn được nhìn thấy Absalom: vì ông được an ủi vì Amnon, khi thấy rằng ông đã chết.'

“Chúng ta nên suy ra điều gì từ những lời này? Chẳng phải sự đau khổ vô tận không phải là một phần niềm tin tôn giáo của ông sao? Vì vậy, chúng tôi hiểu điều đó, và ở đây chúng tôi tìm thấy một lập luận thuyết phục để ủng hộ giả thuyết dễ chịu nhất, sáng suốt nhất và nhân từ nhất về sự thanh tịnh, hòa bình và phổ quát tối thượng. Ông được an ủi khi thấy con trai mình đã chết. Là vì? Vì nhờ con mất tiên tri, ông có thể nhìn về tương lai huy hoàng, và thấy đứa con đó đã thoát khỏi mọi cám dỗ, được giải thoát khỏi sự giam cầm và được thanh tẩy khỏi sự hư hoại của tội lỗi, và sau khi đã được thanh tẩy và soi sáng đầy đủ, được nhận vào hội chúng của tinh thần phần chân và vui vẻ. Niềm an ủi duy nhất của ông là, được thoát khỏi tình trạng tội lỗi và đau khổ hiện tại, đứa con trai yêu dấu của ông đã về nơi có hơi thở cao cả nhất của Chúa Thánh Thần.

Thần khí sẽ được đổ xuống trên tâm hồn đen tối của anh ta; nơi tâm trí anh ta sẽ được mở ra để đón nhận sự khôn ngoan của Thiên đường và những cảm giác ngây ngất ngọt ngào của tình yêu bất diệt, và do đó được chuẩn bị với bản chất thánh thiện để tận hưởng sự yên nghỉ và tình bạn của di sản vĩnh cửu.

“Trong những suy nghĩ này, chúng tôi ngụ ý rằng chúng tôi tin rằng sự cứu rỗi của Thiên đàng không phụ thuộc vào bất kỳ cách nào vào những gì chúng tôi có thể làm trong cuộc sống này; cũng không phải về một sự thay đổi tâm hồn hiện tại, cũng không phải về một niềm tin hiện tại, hay một tuyên bố tôn giáo hiện tại.”

Vì thế, vị thừa tác viên tuyên xưng của Chúa Kitô nhắc lại lời nói dối của con rắn ở Vườn Địa Đàng: “Người sẽ không chết đâu”. “Ngày nào người ăn nó, mắt người sẽ mở ra và người sẽ giống như Đức Chúa Trời”. Ngài tuyên bố rằng những kẻ tội lỗi xấu xa nhất—kẻ giết người, kẻ trộm và kẻ ngoại tình—sẽ được chuẩn bị sau khi chết để bước vào vinh quang bất diệt.

Kẻ xuyên tạc Kinh thánh này rút ra kết luận ở đâu? Từ một câu đơn giản thể hiện sự phục tùng của Đa-vít đối với sự quan phòng của Chúa. Tâm hồn ông “mong được gặp Áp-sa-lôm, vì ông được an ủi về Amnon, kẻ đã chết”. Sự đau buồn sâu sắc này đã bị thời gian bỏ rơi, và những suy nghĩ của anh từ cái chết đến đứa con trai còn sống của mình, tự đầy dọa vì sợ bị trừng phạt xứng đáng cho tội ác của mình. Đây là bằng chứng cho thấy Amnon say rượu, loạn luân sau khi chết đã được đưa ngay đến nơi ở hạnh phúc, để được thanh tẩy và chuẩn bị ở đó cho cuộc hội ngộ của các thiên thần vô nhiễm! Một câu chuyện ngụ ngôn thú vị, chắc chắn, rất phù hợp để thỏa mãn trái tim xác thịt! Đó là học thuyết của chính Sa-tan và nó có hiệu lực một cách hiệu quả. Liệu chúng ta có ngạc nhiên khi thấy có rất nhiều sự gian ác với sự hướng dẫn như vậy không?

Hành vi của giáo sư giả này minh họa cho hành vi của nhiều người khác. Rất ít từ trong Kinh thánh bị tách rời khỏi bối cảnh của chúng, trong nhiều trường hợp, điều này có nghĩa hoàn toàn trái ngược với cách giải thích được đưa ra cho chúng; những đoạn văn rời rạc này bị xuyên tạc và dùng để chứng minh những giáo lý không có nền tảng trong Lời Đức Chúa Trời. Lời khai được trích dẫn làm bằng chứng cho thấy người say rượu Amnon đang ở trên Thiên đường chỉ là một suy luận đơn thuần, mâu thuẫn trực tiếp với tuyên bố rõ ràng và tích cực của Kinh thánh rằng không người say rượu nào sẽ được thừa hưởng vương quốc của Đức Chúa Trời (1 Cô-rinh-tô 6:10). Đây là cách những người nghi ngờ, không tin tưởng và hoài nghi biến sự thật thành đối trá. Và vô số người đã bị lừa dối bởi sự nguy hiểm của họ và bị ru ngủ trong cái nôi của sự an toàn xác thịt.

Nếu đúng là linh hồn của tất cả mọi người đều trực tiếp lên Thiên đàng vào giờ chết, thì chúng ta có thể khao khát điều đó thay vì sự sống. Nhiều người đã bị niềm tin này dẫn dắt để chấm dứt sự tồn tại của họ. Khi bị đè nặng bởi những rắc rối, bối rối và thất vọng, dường như thật dễ dàng để cắt đứt sợi dây mỏng manh của cuộc sống và lao mình vào hạnh phúc của thế giới vĩnh cửu.

Đức Chúa Trời đã đưa ra trong Lời Ngài bằng chứng dứt khoát rằng Ngài sẽ trừng phạt những người vi phạm luật pháp của Ngài. Những ai tự hào rằng Ngài quá nhân từ nên không thể thi hành công lý đối với tội nhân, chỉ cần nhìn lên thập tự giá Đồi Sọ. Cái chết của Con Thiên Chúa vô nhiễm nguyên tội chứng tỏ rằng “tiền công của tội lỗi là cái chết”

(Rô-ma 6:23), rằng mọi hành vi vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời đều phải nhận sự trừng phạt xứng đáng. Đấng Christ, Đấng vô nhiễm, đã trở nên tội lỗi vì con người. Ngài mang tội vi phạm và trốn tránh mặt Cha Ngài, tấm lòng Ngài tan nát và sự sống Ngài bị hủy diệt. Và sự hy sinh này được thực hiện để tội nhân có thể được cứu chuộc. Không có cách nào khác con người có thể được giải thoát khỏi hình phạt của tội lỗi. Mọi linh hồn từ chối tham gia vào sự đền tội nhận được với cái giá như vậy đều phải gánh chịu tội lỗi và hình phạt cho sự vi phạm trong chính con người mình.

Chúng ta hãy xem Kinh Thánh dạy gì về kẻ ác và không ăn năn, những người theo chủ nghĩa phổ quát coi Thiên đường là những thiên thần thánh thiện và hạnh phúc.

“Kẻ nào khát, Ta sẽ cho miễn phí từ nguồn nước sự sống” (Khải Huyền 21:6).
Lời hứa này chỉ dành cho những ai đang khát. Không ai ngoại trừ những người cảm thấy

cần nước sự sống và ai tìm kiếm nó dù mất đi mọi thứ khác, sẽ nhận được nó. "Ai thắng sẽ được thừa hưởng những điều này, ta sẽ là Đức Chúa Trời của người ấy, còn người ấy sẽ là con trai ta".

(Khải Huyền 21:7). Ở đây, các điều kiện cũng được quy định. Để thừa hưởng mọi thứ, chúng ta phải chống lại tội lỗi và chiến thắng nó.

Chúa tuyên bố qua tiên tri Isaia: "Hãy nói với người công chính rằng họ sẽ được bình an". "Khốn cho kẻ ác! Khốn cho chúng nó vì sẽ bị báo đáp tùy theo việc tay mình làm" (Ê-sai 3:10 và 11). Người khôn ngoan nói: "Dù kẻ tội lỗi có làm điều ác trăm lần, và đời nó vẫn còn dài, tôi biết chắc chắn rằng những người kính sợ Đức Chúa Trời sẽ được phước. Nhưng kẻ ác sẽ không được phước" (Truyền Đạo 8:12 và 13). Và Phao-lô làm chứng rằng tội nhân đang tích trữ cho mình "sự thịnh nộ cho ngày thịnh nộ, khi sự phán xét công bình của Đức Chúa Trời sẽ được tỏ ra, Đấng sẽ thưởng cho mỗi người tùy theo việc họ làm". "Sự hoạn nạn và thống khổ ập xuống tâm hồn mọi kẻ làm ác" (Rô-ma 2:6 và 9).

"Ai không tiết độ, ô uế, tham lam, thờ thần tượng, thì không được thừa kế cơ nghiệp trong vương quốc của Đấng Christ và của Đức Chúa Trời" (Ê-phê-sô 5:5). "Hãy theo đuổi sự hòa thuận với mọi người và sự thánh thiện, nếu không có điều đó thì không ai sẽ thấy Chúa" (Hê-bơ-rơ 12:14). "Phúc thay ai tuân giữ các Điều Răn của Người, để họ có quyền đến cây sự sống và có thể vào thành qua các cổng. Nhưng ở bên ngoài là loài chó, những kẻ phù phép, những kẻ ô uế, những kẻ giết người, những kẻ thờ thần tượng, và mọi kẻ ưa thích và thực hành sự dối trá" (Khải Huyền 22:14 và 15).

Đức Chúa Trời đã ban cho con người lời tuyên bố về đặc tính của Ngài và phương pháp xử lý tội lỗi của Ngài. "Lạy Chúa, là Đức Chúa Trời, là Đấng nhân từ, hay nhịn nhục, đầy dẫy lòng thương xót và thành tín; Đấng giữ lòng thương xót đến ngàn đời, Đấng tha thứ gian ác, vi phạm và tội lỗi, nhưng không tha kẻ có tội." (Xuất Ê-díp-tô Ký 34:6 và 7). "Ngài sẽ tiêu diệt mọi kẻ ác." "Còn những kẻ vi phạm sẽ bị tiêu diệt từng người một; dòng dõi kẻ ác sẽ bị tiêu diệt." (Thi Thiên 145:20, 37:38). Quyền lực và thẩm quyền của chính phủ thần thánh sẽ được sử dụng để lật đổ cuộc nổi loạn, tuy nhiên mọi biểu hiện về công lý trừng phạt của nó sẽ hoàn toàn hài hòa với đặc tính của Đức Chúa Trời là Đấng nhân từ, nhịn nhục và nhân từ.

Thiên Chúa không ép buộc ý muốn hay sự phán xét của bất cứ ai. Anh ta không thích sự tuân phục mù quáng. Ngài muốn các tạo vật trong tay Ngài yêu mến Ngài vì Ngài xứng đáng được yêu thương. Ngài muốn họ vâng lời Ngài vì họ có sự đánh giá sáng suốt về sự khôn ngoan, công bằng và nhân từ của Ngài. Và tất cả những ai có quan niệm đúng đắn về những đức tính này sẽ yêu mến Ngài vì họ bị Ngài thu hút bởi sự ngưỡng mộ những đặc tính của Ngài.

Các nguyên tắc về lòng nhân từ, lòng thương xót và tình yêu thương được Đấng Cứu Rỗi giảng dạy và nêu gương là bản ghi lại ý muốn và đặc tính của Đức Chúa Trời. Đấng Christ tuyên bố rằng Ngài không dạy gì ngoại trừ những điều Ngài đã nhận được từ Cha Ngài. Đức Chúa Trời thi hành công lý của Ngài đối với kẻ ác, vì lợi ích của vũ trụ, và thậm chí vì lợi ích của những người bị Ngài phán xét. Ngài sẽ làm cho họ hạnh phúc nếu Ngài có thể làm điều đó theo luật pháp của chính phủ Ngài và sự công chính của tính cách Ngài. Ngài bao bọc họ bằng những cái chạm của tình yêu Ngài, ban cho họ sự hiểu biết về luật pháp của Ngài và bước theo họ với lòng thương xót của Ngài; nhưng họ khinh thường tình yêu của Ngài, vô hiệu hóa luật pháp của Ngài và khước từ lòng thương xót của Ngài. Trong khi họ liên tục nhận được những món quà của Ngài, họ đã làm nhục Đấng ban tặng; họ ghét Đức Chúa Trời vì họ biết Ngài ghét tội lỗi của họ. Chúa chịu đựng sự gian ác của mình trong một thời gian dài, nhưng giờ quyết định sẽ kết thúc, khi số phận của Ngài sẽ được định đoạt. Sau đó liệu Ngài có ràng buộc những kẻ phản loạn này về phía Ngài không? Liệu Ngài có buộc họ phải làm theo ý muốn của Ngài không?

Những người đã chọn Sa-tan làm lãnh đạo của mình và bị quyền lực của hắn kiểm soát đều không được chuẩn bị để bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

Sự kiêu ngạo, lừa dối, phóng túng, độc ác đã ăn sâu vào tính cách của anh ta. Họ có thể

được vào Thiên Đàng, sống vĩnh viễn với những kẻ mà họ khinh thường và căm ghét ở Trái Đất? Sự thật sẽ không bao giờ làm hài lòng kẻ nói dối, sự nhu mì sẽ không thỏa mãn sự phù phiếm và kiêu ngạo, sự trong sạch không được chấp nhận đối với kẻ hư hỏng, tình yêu vị tha dường như không hấp dẫn đối với kẻ ích kỷ. Thiên đàng có thể mang lại niềm vui gì cho những người hoàn toàn chìm đắm trong những lợi ích ích kỷ của Trái đất?

Liệu những người suốt đời phản nghịch Thiên Chúa có thể bất ngờ được đưa lên Thiên đàng và chứng kiến trạng thái hoàn hảo cao cả và thánh thiện luôn tồn tại ở đó, mọi tâm hồn tràn đầy tình yêu, mọi khuôn mặt rạng ngời niềm vui, âm nhạc cuồng nhiệt trong những giai điệu du dương nâng cao để tôn vinh Thiên Chúa và Chiên Con, và những tia sáng không ngừng chiếu trên những người được cứu chuộc từ khuôn mặt của Đấng ngự trên ngai, nguyện những ai có lòng đầy hận thù Thiên Chúa, chân lý và thánh thiện, có thể hòa nhập với đám đông trên trời và hòa vào tiếng ca ngợi của họ? Liệu họ có thể nhận được sự vinh hiển của Đức Chúa Trời và Chiên Con không? - Không, không, họ bị thử thách nhiều năm để hình thành tính cách của Trời, nhưng họ chưa bao giờ rèn luyện tâm trí yêu sự trong sạch, họ chưa bao giờ học được tiếng Trời và bây giờ thì đã quá muộn. Một cuộc sống nổi loạn chống lại Thiên Chúa khiến họ không thích hợp với Thiên đàng.

Sự tinh khiết, thánh thiện và bình an của nó sẽ là một cực hình đối với họ, vinh quang của Thiên Chúa sẽ là ngọn lửa thiêu đốt đối với họ. Họ khao khát được thoát khỏi thánh địa đó. Họ vui vẻ đón nhận sự hủy diệt, để họ có thể được ẩn giấu khỏi khuôn mặt của Đấng đã chết để cứu chuộc họ. Số phận của kẻ ác được quyết định bởi sự lựa chọn của chính họ.

Việc ông bị loại khỏi Thiên đàng là một hành động theo ý riêng của ông, đồng thời là một hành động công bằng và thương xót từ phía Thiên Chúa.

Như nước lũ, ngọn lửa của ngày trọng đại sẽ công bố lời phán quyết của Chúa rằng kẻ ác không thể cứu chữa được. Họ không sẵn sàng phục tùng uy quyền thiêng liêng. Họ đã được thực hiện trong cuộc nổi dậy; và khi cuộc đời kết thúc, đã quá muộn để chuyển dòng suy nghĩ của bạn sang hướng ngược lại, đã quá muộn để chuyển từ vi phạm sang vâng phục, từ hận thù sang yêu thương.

Bằng cách tha mạng cho Ca-in, kẻ sát nhân, Đức Chúa Trời đã cho thế gian một ví dụ về hậu quả của việc cho phép một tội nhân tiếp tục sống một cuộc đời gian ác tràn lan. Qua ảnh hưởng của sự dạy dỗ và tấm gương của Ca-in, vô số con cháu của ông đã bị dẫn vào tội lỗi, cho đến khi "sự hung ác của loài người rất nhiều trên mặt đất, và lòng họ luôn xấu xa" "trái đất trở nên bại hoại trước mặt Đức Chúa Trời". và đầy bạo lực" (Sáng Thế Ký 6:5 và 11).

Với lòng thương xót đối với thế giới, Đức Chúa Trời đã quét sạch những cư dân gian ác vào thời Nô-ê và với lòng thương xót, Ngài đã tiêu diệt những cư dân bại hoại của Sô-đôm. Thông qua quyền lực lửa đối của Sa-tan, những kẻ làm điều ác có được sự cảm thông và ngưỡng mộ, và do đó không ngừng lôi kéo người khác vào cuộc nổi loạn. Vào thời Ca-in và Nô-ê, thời Áp-ra-ham và Lót cũng vậy; và ở thời đại chúng ta cũng vậy. Chính vì lòng thương xót đối với vũ trụ mà cuối cùng Đức Chúa Trời sẽ tiêu diệt những kẻ khước từ ân điển của Ngài.

"Vì tiền công của tội lỗi là sự chết, còn quà tặng của Đức Chúa Trời là sự sống đời đời trong Đấng Christ Giê-su, Chúa chúng ta" (Rô-ma 6:23). Sự sống là cơ nghiệp của người công chính, còn cái chết là phần của kẻ ác. Mô-sê đã tuyên bố với dân Israel: "Hãy coi chừng hôm nay Ta đề nghị sự sống và điều thiện, cái chết và điều ác" (Đnl 30:15). Cái chết mà những câu kinh thánh này đề cập đến không phải là cái chết được tuyên bố đối với A-đam, vì toàn thể nhân loại phải chịu hình phạt vì sự vi phạm của ông. Đó là "cái chết thứ hai" được đặt đối lập với sự sống vĩnh cửu.

Hậu quả của tội lỗi A-đam là sự chết đã truyền đến toàn thể nhân loại. Mọi người đều xuống mộ như nhau. Và thông qua những điều khoản của kế hoạch cứu rỗi, tất cả đều sẽ được đưa ra khỏi nắm mồ của mình. "Sẽ có sự sống lại của người công bình và không công bình" (Công vụ 24:15). "Như trong A-đam mọi người đều chết, thì trong Đấng Christ mọi người đều sẽ sống lại" (1 Cô-rinh-tô 15:22). Nhưng có sự phân biệt giữa hai hạng người sẽ được sống lại. ".tất cả những ai ở trong mồ mà nghe tiếng Ngài và ra khỏi: ai đã làm lành thì sống lại để được sống; còn kẻ làm ác sẽ sống lại để chịu phán xét" (Giăng 5:28 và 29). Những người "được kể là xứng đáng" sống lại để được sống thì "có phước và thánh". "Trên những điều này cái chết thứ hai không có quyền lực"

(Khải Huyền 20:6). Nhưng những người không nhờ sự ăn năn và đức tin mà được tha thứ thì phải nhận hình phạt vi phạm: "tiền công của tội lỗi". Họ sẽ phải chịu những hình phạt khác nhau về thời gian và cường độ, "tùy theo việc làm của họ", nhưng cuối cùng kết thúc bằng cái chết thứ hai. Vì, theo công lý và lòng thương xót của Ngài, Thiên Chúa không thể cứu tội nhân trong tội lỗi của họ, nên Ngài tước đoạt của họ sự tồn tại mà những vi phạm của Ngài đã làm tổn hại và chính Ngài đã tỏ ra mình không xứng đáng với sự tồn tại đó. Một nhà văn được soi dẫn nói: "Một chút nữa kẻ ác sẽ không còn nữa; người sẽ tìm chỗ mình mà không tìm được" (Thi Thiên 37:10). Và một người khác tuyên bố: "Họ sẽ như chưa từng có" (Obadiah 16). Bị bao phủ bởi sự ô nhục, họ rơi vào sự lãng quên vĩnh viễn, tuyệt vọng.

Như vậy tội lỗi sẽ kết thúc, với tất cả sự nguyên rửa và hủy hoại do nó gây ra. Tác giả Thi Thiên nói: "Chúa tiêu diệt kẻ ác và xóa tên chúng nó mãi mãi; Về phần kẻ thù, chúng đã bị tiêu diệt, tàn tích của chúng là vĩnh viễn."

(Thi Thiên 9:5 và 6). John, trong Khải Huyền, đang hướng tới cõi vĩnh hằng, nghe thấy một điệp khúc ca ngợi phổ quát, không bị xáo trộn bởi bất kỳ nốt bất hòa nào. Mọi tạo vật trên trời và dưới đất đều tôn vinh Đức Chúa Trời (Khải huyền 5:13).

Khi đó sẽ không còn những linh hồn lầm lạc xúc phạm đến Thiên Chúa, quần quai trong đau khổ vô tận, sẽ không còn những chúng sinh quần quai trong địa ngục hòa tiếng kêu của mình với những bài hát của kẻ được tuyển chọn.

Dựa trên sai lầm cơ bản về sự bất tử tự nhiên, học thuyết về lương tâm trong cái chết, một học thuyết giống như học thuyết về sự đau khổ vĩnh viễn, trái ngược với những lời dạy của Kinh thánh, những mệnh lệnh của lý trí và tình cảm của con người. Theo niềm tin phổ biến, những người được cứu chuộc trên Thiên đường nhận thức được mọi điều xảy ra trên Trái đất, và đặc biệt là về cuộc sống của những người bạn mà họ đã bỏ lại. Nhưng làm sao có thể là nguồn vui cho người chết khi biết được những phiền não, khốn cùng của người sống, chứng kiến tội lỗi của người thân mình đã phạm và chứng kiến họ chịu đựng mọi đau khổ, thất vọng, ưu phiền của cuộc đời?

Những người bay lượn bên cạnh bạn bè của họ trên Trái đất sẽ được hưởng bao nhiêu phước lành của Thiên đường? Và thật kinh tởm biết bao khi tin rằng ngay khi hơi thở rời khỏi cơ thể, linh hồn của kẻ phạm tội sẽ bị ném vào ngọn lửa địa ngục! Những người phải nhìn thấy bạn bè của mình đi vào nắm mồ mà không chuẩn bị trước, để bước vào cõi vĩnh hằng của sự nguyên rửa và tội lỗi!

Nhiều người đã phát điên vì ý nghĩ dày vò này. Kinh Thánh nói gì về những điều này? David tuyên bố rằng con người không có ý thức khi chết. "Thần khí chúng nó mất đi, chúng nó trở về bụi đất; trong ngày đó mọi kế hoạch của chúng nó đều tiêu tan" (Thi Thiên 146:4). Sa-lô-môn cũng đưa ra lời chứng tương tự: "Vì kẻ sống biết mình sẽ chết, còn kẻ chết chẳng biết gì cả". "Tình yêu, hận thù và đố kỵ đối với họ đã diệt vong; mãi mãi họ không có phần trong bất cứ điều gì được thực hiện dưới ánh mặt trời." "Nơi bạn đi không có việc làm, không có kế hoạch, không có kiến thức, không có sự khôn ngoan nào cả" (Truyền Đạo 9:5, 6 và 10).

Để đáp lại lời cầu nguyện của ông, Ê-xê-chia được kéo dài thêm mười lăm năm, vị vua biết ơn đã dâng lên Đức Chúa Trời một lời khen ngợi vì lòng thương xót lớn lao của Ngài. Trong bài hát của mình, anh ấy kể lý do tại sao anh ấy vui mừng: "Mồ mà không thể ca ngợi bạn, cái chết cũng không tôn vinh bạn; những kẻ đi xuống hố không chờ đợi sự chung thủy của bạn. Người sống, chỉ người sống mới ca ngợi Chúa như con làm hôm nay" (Ê-sai 38:18 và 19). Thần học bình dân trình bày những người công bình đã chết như đang ở trên Thiên đàng, đã được hưởng phước lành và ca ngợi Đức Chúa Trời bằng cái lưỡi bất tử; nhưng Ê-xê-chia không thể nhìn thấy viễn cảnh huy hoàng như vậy trong cái chết. Lời của ông phù hợp với lời chứng của tác giả Thi Thiên: "Vì trong sự chết chẳng ai nhớ đến Ngài; trong mồ, ai sẽ khen ngợi người?" (Thi Thiên 6:5). "Kẻ chết không ca ngợi Chúa, Kẻ đi xuống đất yên lặng cũng không ca ngợi" (Thi Thiên 115:17).

Thánh Phêrô, vào ngày Lễ Ngũ Tuần, đã tuyên bố rằng tộc trưởng Đavít "đã chết và đã được chôn, và mộ của ngài vẫn còn giữa chúng ta cho đến ngày nay". "Vì Đavít đã không lên trời" (Cv 2:29 và 34). Việc Đa-vít sẽ ở trong mồ cho đến ngày sống lại chứng tỏ người công chính không được lên Thiên đàng khi họ chết. Chỉ nhờ sự sống lại, và nhờ sự kiện Đấng Christ đã sống lại, Đa-vít cuối cùng mới có thể ngồi bên hữu Đức Chúa Trời.

Và Phao-lô đã nói: "Vì nếu kẻ chết không sống lại thì Đấng Christ cũng không sống lại. Và nếu Đấng Christ đã không sống lại thì đức tin của anh em cũng vô ích và anh em vẫn còn ở trong tội lỗi mình. Hơn nữa, ai ngủ trong Đấng Christ đều bị hư mất" (1 Cô-rinh-tô 15:16-18). Nếu trong bốn ngàn năm, những người công chính khi chết đã lên thẳng Thiên Đàng, thì làm sao Phao-lô có thể nói rằng, nếu không có sự sống lại, "những ai đã ngủ trong Đấng Christ đều sẽ hư mất?" Sẽ không cần đến sự hồi sinh.

Vị tử đạo Tyndale, bảo vệ giáo lý về giấc ngủ của người chết, đã tuyên bố: "Bạn, bằng cách đặt họ [những linh hồn đã chết] lên Thiên đàng, địa ngục và luyện ngục, đã phá hủy lập luận mà qua đó Đấng Christ và Phao-lô chứng minh sự sống lại". "Nếu các linh hồn ở trên Thiên đàng, hãy cho tôi biết tại sao họ không ở trong tình trạng tốt như các thiên thần? Vậy thì động lực nào cho sự sống lại?"

Một thực tế không thể chối cãi là niềm hy vọng về phước lành bất tử trong cái chết đã dẫn đến sự thờ ơ phổ biến đối với giáo lý Kinh Thánh về sự sống lại. Xu hướng này đã được chỉ ra bởi Tiến sĩ Adam Clarke, người vào đầu thế kỷ hiện tại đã nói: "Giáo lý về sự sống lại dường như đã được các tín đồ Đấng Christ thời ban đầu coi là có hệ quả lớn hơn nhiều so với hiện nay! Làm thế nào nó có thể được? Các sứ đồ liên tục thúc giục điều đó và qua đó thúc giục những người theo Chúa phải siêng năng, vâng phục và can đảm. Và những người kế nhiệm ông ở thời nay cũng ít khi nhắc đến điều đó! Khi các sứ đồ rao giảng, những Cơ-đốc nhân đầu tiên đã tin, và khi chúng tôi rao giảng, người nghe của chúng tôi cũng tin. Không có giáo lý nào trong phúc âm quan trọng hơn; và không có học thuyết nào trong hệ thống thuyết giảng hiện nay lại bị coi thường hơn thế!"

Điều này tiếp tục cho đến khi sự thật vinh quang về sự phục sinh gần như bị thế giới Kitô giáo che khuất và mất đi tầm nhìn. Do đó, một nhà văn tôn giáo được công nhận, bình luận về những lời của Phao-lô trong I Têss. 4:13-18 nói: "Đối với tất cả các mục đích an ủi thực tế, giáo lý về sự bất tử có phúc của người công chính thay thế cho chúng ta bất kỳ giáo lý đáng nghi ngờ nào về sự tái lâm của Chúa. Khi chúng ta chết Chúa đến với chúng ta. Đây là điều chúng ta phải mong đợi và là điều chúng ta phải cảnh giác. Người chết đã bước vào vinh quang. Họ không chờ đợi tiếng kèn nhận được sự phán xét và phước lành."

Khi Chúa Giêsu chuẩn bị rời xa các môn đệ, Người không nói với họ rằng họ sẽ sớm đến với Người mà nói: "Ta đi dọn chỗ cho các con". "Khi Thầy đi dọn chỗ cho các con, Thầy sẽ trở lại đón tiếp các con vào với Thầy" (Ga 14,2 và 3).

Sau này, Phao-lô nói với chúng ta rằng "chính Chúa, với lời truyền lệnh của Ngài, với tiếng nói của tổng lãnh thiên thần và tiếng kèn của Đức Chúa Trời, sẽ từ trời xuống, và những người chết trong Đấng Christ sẽ sống lại trước; Khi đó chúng ta, những người còn sống, sẽ cùng họ được cất lên trên mây để gặp Chúa trên không trung, và như vậy chúng ta sẽ ở với Chúa mãi mãi". Và ông nói thêm: "Vậy hãy an ủi nhau bằng những lời này" (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:16-18). Sự tương phản giữa những lời an ủi này và những lời của vị mục sư theo chủ nghĩa Phổ quát được trích dẫn ở trên thật tuyệt vời làm sao!

Người sau an ủi những người bạn đang đau buồn của mình bằng cách đảm bảo rằng, dù người quá cố có tội lỗi đến đâu, sau khi trút hơi thở cuối cùng, người đó sẽ được đón nhận giữa các thiên thần. Thánh Phaolô hướng các anh em của mình tới sự tái lâm trong tương lai của Chúa, khi xiềng xích sẽ bị phá bỏ và "những kẻ chết trong Chúa Kitô" sẽ được sống lại để được sự sống đời đời.

Trước khi bắt cứ ai vào dinh thự của người được chúc phúc, trường hợp của họ phải được điều tra, tính cách và hành động của họ phải được xem xét trước mặt Chúa.

Mọi người phải bị xét xử theo điều ghi trong sách và được khen thưởng tùy theo việc làm của mình. Sự phán xét này không được thực hiện vào lúc chết. Hãy lưu ý những lời của Phao-lô: "Vì Ngài đã định một ngày để phán xét thế gian một cách công bình, bởi một người mà Ngài đã chỉ định và tin tưởng trước hết mọi người, bằng cách khiến người đó sống lại từ cõi chết". (Công vụ 17:31). Ở đây, vị sứ đồ đã tuyên bố rõ ràng rằng một thời điểm cụ thể, do đó là tương lai, đã được ấn định cho Sự Phán xét thế giới.

Giu-đe đề cập đến cùng thời kỳ đó: "và các thiên thần, những người không giữ nguyên trạng thái ban đầu mà bỏ rơi nơi ở của mình, thì bị giam trong bóng tối, trong xiềng xích đời đời, cho đến ngày phán xét của Ngày trọng đại". Và một lần nữa ông trích dẫn những lời của Enoch: "Này, Chúa đã đến giữa muôn dân thánh của Ngài, để thi hành sự phán xét trên tất cả" (Jude 6, 14, 15). John tuyên bố rằng ông đã nhìn thấy "những kẻ chết, lớn và nhỏ, đứng trước ngài. Sau đó các cuốn sách được mở ra;" "và kẻ chết bị xét xử tùy theo việc làm của họ, theo lời đã chép trong sách" (Khải Huyền 20:12).

Nhưng nếu người chết đã được hưởng phúc lành của Thiên đàng hoặc đang quần quai trong lửa Địa ngục thì cần gì phải có Sự phán xét trong tương lai? Những lời dạy của Lời Chúa liên quan đến những điểm quan trọng này không hề mơ hồ hay mâu thuẫn; chúng có thể được hiểu bởi những tâm trí bình thường. Nhưng chính tâm nào có thể nhìn thấy được sự khôn ngoan và công lý trong lý thuyết hiện nay? Liệu những người công chính, sau khi điều tra vụ án của họ trong Bản án, liệu có nhận được sự trang trí: "Hỡi đầy tớ ngay lành và trung thành, tốt lắm," "hãy vào hưởng niềm vui của Chúa người" (Ma-thi-ơ 25:21) khi họ đã được ở với Ngài ở trong sự hiện diện của Ngài, có lẽ trong thời gian dài? Liệu kẻ ác có được gọi ra khỏi nơi đau khổ để nhận bản án của Đấng phán xét toàn Trái đất: "Hỡi kẻ đáng nguyên rủa, hãy rời xa ta mà đi vào lửa địa ngục?" (Ma-thi-ơ 25:41). Ôi, sự nhạo báng mang tính nghi lễ! Xúc phạm đáng xấu hổ đến sự khôn ngoan và công lý của Thiên Chúa!

Lý thuyết về linh hồn bất tử là một trong những học thuyết sai lầm mà La Mã, vay mượn từ ngoại giáo, đã đưa vào tôn giáo Cơ đốc giáo. Martin Luther đã xếp nó vào số "vô số truyện ngụ ngôn về những sắc lệnh hèn hạ của người La Mã". Bình luận về lời của Sa-lô-môn trong Truyền đạo rằng người chết không biết gì, nhà cải cách nói: "Một bằng chứng khác cho thấy người chết vô cảm. Do đó, Sa-lô-môn nghĩ rằng người chết thường ngủ và không suy nghĩ gì. Họ nghỉ ngơi, không đếm ngày hay năm, nhưng khi thức dậy, họ sẽ cảm thấy như thể họ vừa mới ngủ được một lát."

Không có đoạn nào trong Kinh thánh có tuyên bố rằng người công chính sẽ được khen thưởng và kẻ ác sẽ bị trừng phạt vào lúc chết.

Các tộc trưởng và các nhà tiên tri không để lại sự đảm bảo như vậy. Chúa Kitô và các tông đồ của Ngài đã không

đã đề cập một chút về điều này. Kinh thánh dạy rõ ràng rằng người chết không lên Thiên đường ngay lập tức mà được thể hiện như đang ngủ cho đến ngày sống lại (1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:14, Gióp 14:10-12). Cùng ngày mà sợi chỉ bạc bị đứt và chiếc chén vàng bị vỡ (Truyền đạo 12:6), tư tưởng của loài người đều hư mất. Những người xuống mộ đều im lặng. Họ không biết gì về những gì được thực hiện dưới ánh mặt trời (Gióp 14:21). Phước lành nghỉ ngơi cho người công chính mệt mỏi! Thời gian dù dài hay ngắn đối với họ cũng chỉ là một khoảnh khắc. Họ đang ngủ và được đánh thức bởi tiếng kèn của Chúa để đến với sự bất tử vinh quang. "Kèn sẽ thổi, kẻ chết sẽ sống lại được không hay hư nát... Khi thân thể hay hư nát này mặc lấy sự không hay hư nát, và kẻ hay chết đã mặc lấy sự bất tử, thì lời đã viết sẽ ứng nghiệm: Sự chết bị nuốt chửng trong sự đắc thắng. " (I Cô-rinh-tô 15:52-54). Khi họ thức dậy sau giấc ngủ sâu, họ sẽ tiếp tục dòng suy nghĩ của mình ngay tại nơi nó bị gián đoạn. Cảm giác cuối cùng là nỗi thống khổ của cái chết, ý nghĩ cuối cùng là họ đang rơi vào quyền lực của năm mò.

Khi họ sống lại từ ngôi mộ, ý nghĩ vui mừng đầu tiên của họ sẽ vang vọng trong tiếng kêu chiến thắng: "Hỡi tử thần, chiến thắng của người ở đâu? Hỡi tử thần, vết đốt của người ở đâu?" (I Cô-rinh-tô 15:55).

Chương 34

Thuyết thông linh

Chức vụ của các thiên sứ thánh, như được trình bày trong Kinh thánh, là một lễ thật an ủi và quý giá nhất đối với mỗi người theo Đấng Christ. Nhưng sự dạy dỗ của Kinh Thánh về điểm này đã bị lu mờ và xuyên tạc bởi những sai lầm của thần học phổ thông. Học thuyết về sự bất tử tự nhiên, lần đầu tiên mượn từ triết học ngoại giáo, và được đưa vào đức tin Cơ-đốc trong bóng tối của sự bội đạo lớn, đã bóp nghẹt lễ thật được dạy rõ ràng trong Kinh thánh đến nỗi "người chết không biết gì cả". Nhiều người tin rằng linh hồn của người chết là "những linh hồn phục vụ, được phái đến để phục vụ những người sẽ thừa kế sự cứu rỗi". Và điều này bất chấp lời chứng của Kinh thánh liên quan đến sự tồn tại của các thiên thần trên trời và mối liên hệ của họ với lịch sử loài người, trước khi có bất kỳ người chết nào.

Học thuyết về ý thức của con người khi chết, đặc biệt là niềm tin rằng linh hồn người chết sẽ quay trở lại phục vụ người sống, đã mở đường cho Chủ nghĩa Tâm linh hiện đại. Nếu người chết được đón vào sự hiện diện của Chúa và các thiên thần thánh thiện, được ban cho kiến thức vượt xa những gì họ sở hữu trước đây: tại sao họ không quay trở lại Trái đất để soi sáng và hướng dẫn người sống? Đúng, như các nhà thần học nổi tiếng dạy, linh hồn của người chết đang bay lơ lửng trên bạn bè của họ trên Trái đất; tại sao họ không được phép giao tiếp với họ để cảnh báo họ chống lại cái ác hoặc an ủi họ trong những đau khổ? Làm sao những người tin vào ý thức của con người khi chết lại có thể bác bỏ những gì đến với họ như ánh sáng thiêng liêng được truyền đạt bởi các linh hồn được tôn vinh? Đây là một kênh được coi là thiêng liêng, qua đó Sa-tan hoạt động để hoàn thành mục đích của hắn. Các thiên thần sa ngã thực hiện mệnh lệnh của hắn xuất hiện như những sứ giả từ thế giới tâm linh. Trong khi tuyên bố sẽ đưa người sống giao tiếp với người chết, hoàng tử tà ác thực hiện ảnh hưởng hấp dẫn của mình lên tâm trí họ.

Anh ta có quyền mang đến cho loài người diện mạo của người đã khuất. Sự giả mạo là hoàn hảo: hình thức, từ ngữ và giọng điệu quen thuộc được tái tạo với độ chính xác tuyệt vời. Nhiều người được an ủi khi biết chắc rằng những người thân yêu của họ đang được hưởng phúc lành của Thiên Đàng; và không hề nghi ngờ nguy hiểm, họ chú ý đến "dụ dỗ thần linh và giáo lý của ma quỷ".

Có bao nhiêu người đã bị dẫn dắt để tin rằng người chết thực sự quay trở lại để giao tiếp với họ, do đó, Sa-tan khiến họ thấy rằng những người xuống mồ đều không chuẩn bị trước. Những người này nói rằng họ hạnh phúc trên Thiên đàng và thậm chí còn chiếm giữ những địa vị cao quý ở đó; và do đó sai lầm được dạy rộng rãi là không có sự khác biệt giữa người công chính và kẻ ác. Những vị khách đến từ thế giới linh hồn đôi khi đưa ra những lời cảnh báo và cảnh báo được chứng minh là đúng. Sau đó, ngay khi có được lòng tin, họ trình bày những giáo lý trực tiếp hủy hoại niềm tin vào Kinh thánh. Với vẻ ngoài quan tâm sâu sắc đến phúc lợi của bạn bè trên Trái đất, họ bóng gió về những sai sót nguy hiểm nhất. Việc họ nói một số sự thật và đôi khi có thể đoán trước các sự kiện trong tương lai khiến cho những tuyên bố của họ có vẻ đáng tin cậy, và những lời dạy sai lầm của họ được đám đông chấp nhận một cách siêng năng và tin tưởng một cách mù quáng, như thể chúng là những sự thật thiêng liêng nhất. Kinh Thánh. Luật pháp của Đức Chúa Trời bị gạt sang một bên, Thánh Linh ân điển bị khinh thường, huyết của giao ước bị coi là ô uế. Các linh hồn phủ nhận thiên tính của Đấng Christ, và thậm chí đặt Đấng Tạo Hóa ngang hàng với chính họ. Vì thế dưới lớp nguy trang mới,

kẻ nổi loạn vĩ đại tiếp tục thực hiện cuộc chiến chống lại Chúa bắt đầu trên Thiên đường và tiếp tục trên Trái đất trong khoảng sáu nghìn năm.

Nhiều người cố gắng giải thích những biểu hiện của thuyết thông linh bằng cách cho rằng chúng là sự lừa đảo và thủ đoạn của đồng cốt. Nhưng mặc dù sự thật là kết quả của hành vi gian lận thường được coi là biểu hiện thực sự, nhưng cũng có những biểu hiện rõ ràng về sức mạnh siêu nhiên. Những lời than thở bí ẩn mà thuyết tâm linh hiện đại bắt đầu không phải là kết quả của sự lừa đảo hay sự xảo quyệt của con người, mà là công việc trực tiếp của các thiên thần ác quỷ, những kẻ đã đưa ra một trong những thủ đoạn lừa dối thành công nhất trong việc hủy diệt các linh hồn. Nhiều người sẽ bị mắc bẫy bởi niềm tin rằng Thuyết thông linh chỉ là trò lừa bịp của con người; nhưng khi họ đối mặt với những biểu hiện mà đặc tính siêu nhiên không thể phủ nhận, họ sẽ bị lừa dối và dẫn đến việc chấp nhận chúng là quyền năng vĩ đại của Đức Chúa Trời.

Những người này bỏ qua lời chứng của Kinh thánh liên quan đến những điều kỳ diệu do Sa-tan và tay sai của hắn thực hiện. Chính nhờ sự giúp đỡ của Sa-tan mà các pháp sư của Pha-ra-ôn đã có thể chống lại công việc của Đức Chúa Trời. Phao-lô làm chứng rằng trước khi Đấng Christ đến lần thứ hai sẽ có những biểu hiện tương tự về quyền lực của Sa-tan. Sự đến của Chúa phải được đi trước bởi "việc làm của Sa-tan bằng mọi quyền năng, bằng những dấu kỳ, phép lạ giả dối, và đủ mọi trò gian dối gian ác" (II Tê-sa-lô-ni-ca 2: 9 và 10). Và sứ đồ Giăng, khi mô tả quyền năng làm phép lạ sẽ được biểu lộ trong những ngày sau rốt, đã tuyên bố: "Ngài làm những dấu lạ lớn, đến nỗi lửa từ trời cũng phải rơi xuống đất trước mặt loài người. Hắn quyến rũ dân cư trên đất bằng những dấu lạ hắn được giao để thực hiện" (Khải Huyền 13:13 và 14). Không có sự mạo danh đơn thuần nào được dự đoán ở đây. Con người bị lừa dối bởi những phép lạ mà tay sai của Satan có quyền thực hiện chứ không phải những điều họ có ý định thực hiện.

Hoàng tử bóng tối, kẻ từ lâu đã hưởng sức mạnh trí tuệ vượt trội của mình vào công việc lừa dối, đã khéo léo điều chỉnh những cảm dỗ của mình đối với đàn ông thuộc mọi tầng lớp và hoàn cảnh. Đối với những người có văn hóa và tinh tế, hắn trình bày Thuyết thông linh ở khía cạnh tinh tế và trí tuệ nhất của nó, và do đó thành công trong việc thu hút nhiều người đến với sự lừa dối của hắn. Sự khôn ngoan mà Thuyết thông linh truyền đạt được sứ đồ Gia-cơ mô tả, "không phải từ trên cao mà đến, mà là trần tục, thú vật và ma quỷ" (Gia-cơ 3:15). Tuy nhiên, điều này kẻ lừa dối vĩ đại che giấu khi che đậy nó sẽ phục vụ mục đích của hắn tốt hơn. Đáng có thể xuất hiện với ánh hào quang của các thiên thần trên trời trước Chúa Kitô trong sa mạc cám dỗ, sẽ đến với con người một cách hấp dẫn nhất, như một thiên thần ánh sáng. Anh ta lôi cuốn lý trí bằng cách trình bày những chủ đề cao cả, đánh thức các giác quan bằng những khung cảnh quyến rũ và hướng dẫn tình cảm bằng những hình ảnh hùng hồn về tình yêu và lòng bác ái. Anh ta kích thích trí tưởng tượng đến những chuyến bay siêu phàm và khiến đàn ông tự hào về trí tuệ của chính mình đến mức trong lòng họ khinh thường Đấng vĩnh cửu. Sinh vật quyền năng này có khả năng vận chuyển Đấng Cứu Chuộc của thế giới lên một ngọn núi rất cao, và trước mắt Ngài, tất cả các vương quốc trên Trái đất và vinh quang của nó, sẽ bày ra những cảm dỗ của mình đối với loài người theo cách làm biến dạng giác quan của mọi người. những người không được bảo vệ bởi sức mạnh thần thánh.

Satan, ngày nay, quyến rũ đàn ông như hắn đã dụ dỗ Eva ở Vườn Địa Đàng, bằng những lời xu nịnh, gieo vào lòng họ niềm khao khát có được những kiến thức bị cấm, tham vọng sôi nổi thông qua việc tự tôn cao bản thân. Chính sự vượt ve của những tệ nạn này đã khiến anh ta sa ngã, và thông qua chúng, anh ta cố gắng gây ra sự hủy hoại cho loài người. Ông tuyên bố: "Các người sẽ giống như Đức Chúa Trời, biết điều thiện và điều ác" (Sáng Thế Ký 3:5). Thuyết thông linh dạy "rằng con người là một sinh vật đang tiến triển; rằng số phận của bạn từ khi sinh ra là tiến bộ, thậm chí đến cõi vĩnh hằng, hướng tới Thần thánh." Và một lần nữa: "Mỗi lương tâm sẽ phán xét chính mình chứ không phải lương tâm khác". "Sự phán xét sẽ công bằng, vì đó là sự phán xét của bản thân. (.) Tòa án thuộc về bạn." Một giáo viên tâm linh cho biết, khi "ý thức tâm linh" trở thành

thức tỉnh trong anh: "Đồng bào của tôi đều là những á thần bất tử." Và một người khác tuyên bố: "Mọi người công chính và hoàn hảo đều là Đấng Christ".

Như vậy, thay vì công lý và sự hoàn hảo của Thiên Chúa vô hạn, đối tượng đích thực của sự tôn thờ; Thay vì sự công bình hoàn hảo của luật pháp, tiêu chuẩn thực sự về thành tựu của con người, Sa-tan đã đặt bản chất tội lỗi, sai lầm của con người làm đối tượng duy nhất để thờ phượng, quy tắc phán xét hoặc tiêu chuẩn duy nhất của tính cách. Đây là sự tiến bộ không phải đi lên mà là đi xuống.

Có một quy luật mang tính trí tuệ và tinh thần mà nhờ chiêm niệm chúng ta được biến đổi. Tâm trí dần dần thích nghi với những đối tượng mà nó được phép tập trung vào. Con người sẽ không bao giờ vượt quá tiêu chuẩn về sự trong sạch, lòng tốt hay sự thật của mình. Nếu bản thân là lý tưởng cao nhất của bạn, bạn sẽ không bao giờ đạt được điều gì cao quý hơn. Ngược lại, nó sẽ liên tục rơi xuống ngày càng thấp. Chỉ có ân sủng của Thiên Chúa mới có quyền nâng cao con người. Nếu để mặc nó, đường đi của nó chắc chắn sẽ đi xuống.

Đối với những người buông thả bản thân, những người yêu thích thú vui, những kẻ nhục dục, Thuyết thông linh thể hiện dưới một lớp ngụy trang kém tinh vi hơn so với khi nó thể hiện với những người tinh tế và trí thức hơn; ở dạng thô thiển, họ tìm thấy những gì hài hòa với khuynh hướng của họ. Satan nghiên cứu mọi biểu hiện của sự yếu đuối trong bản chất con người, vạch ra những tội lỗi mà mỗi người có khuynh hướng phạm, và sau đó thấy rằng không thiếu cơ hội để thỏa mãn những khuynh hướng xấu xa. Nó cám dỗ con người vượt quá những gì chính đáng, khiến họ, qua sự thiếu kiểm chế, làm suy yếu sức mạnh thể chất, đạo đức và tinh thần của mình. Anh ta đã và đang hủy diệt hàng ngàn người thông qua sự buông thả của đam mê, do đó tàn bạo toàn bộ bản chất của con người. Và để hoàn thành công việc của mình, ông tuyên bố, thông qua các linh hồn, rằng "kiến thức thực sự đặt con người lên trên mọi luật pháp"; rằng "bất cứ điều gì là đúng"; rằng "Thiên Chúa không lên án"; và rằng "mọi tội lỗi đã phạm đều vô tội".

Do đó, khi mọi người tin rằng ham muốn là luật cao nhất, ai có thể thắc mắc rằng sự tham nhũng và sa đọa tràn lan khắp nơi? Vô số người háo hức chấp nhận những lời dạy cho phép họ tự do tuân theo những thôi thúc của trái tim xác thịt. Dây cương của sự tự chủ được đặt trong tay của dục vọng, sức mạnh của tâm trí bị biến đổi và phụ thuộc vào những khuynh hướng thú tính, và Sa-tan hân hoan gài bẫy hàng ngàn người tự xưng là môn đồ của Đấng Christ vào lưới của hắn.

Nhưng không ai bị lừa dối bởi những tuyên bố dối trá của Thuyết thông linh. Chúa đã ban cho thế giới đủ ánh sáng để họ có thể khám phá ra cái bẫy.

Như đã trình bày, lý thuyết tạo nên nền tảng tương tự của Thuyết thông linh đang gây tranh cãi với những tuyên bố rõ ràng nhất trong Kinh thánh. Kinh thánh tuyên bố rằng người chết không biết gì, tư tưởng của họ đã hư mất; họ không tham gia vào bất cứ việc gì được thực hiện dưới ánh mặt trời; Họ không biết gì về niềm vui hay nỗi buồn của những người thân yêu của họ trên Trái đất.

Hơn nữa, Đức Chúa Trời nghiêm cấm mọi sự liên lạc được cho là với linh hồn người chết. Vào thời người Do Thái, có một tầng lớp người có ý định, giống như những nhà tâm linh ngày nay, duy trì liên lạc với người chết. Nhưng "linh hồn quen thuộc", cách gọi của những vị khách đến từ thế giới khác, được Kinh thánh tuyên bố là "linh hồn của quỷ" (So sánh Dân số ký 25:1-2; Thi thiên 106:28; I Cô-rinh-tô 10:20). ; Khải Huyền 16:14). Công việc kết giao với những linh hồn quen thuộc bị Chúa tuyên bố là một điều ghê tởm và bị nghiêm cấm dưới hình phạt tử hình (Lê-vi Ký 19:31; 20:27).

Chính cái tên phù thủy giờ đây đã bị coi thường. Tuyên bố cho rằng con người có thể giao tiếp với linh hồn ma quỷ được coi là một

truyện ngụ ngôn về thời kỳ đen tối. Nhưng Chủ nghĩa thông linh, với số lượng hàng trăm nghìn, vâng, hàng triệu người, đã tìm đường vào giới khoa học, xâm chiếm các nhà thờ và tìm được sự ưu ái trong các đại hội lập pháp, và thậm chí cả trong triều đình của các vị vua - sự lừa dối khổng lồ này chẳng qua là một sự hồi sinh, trong một chiêu bài mới, về phép thuật phù thủy bị lên án và bị cấm trong quá khứ.

Nếu không có bằng chứng nào khác về đặc tính thực sự của Thuyết thông linh, thì mọi Cơ đốc nhân cũng đủ biết rằng thần linh không phân biệt được giữa công lý và tội lỗi, giữa những sứ đồ cao quý và trong sạch nhất của Đấng Christ và những tội tở hủ hòng nhất của Sa-tan. Đại diện cho những kẻ hèn hạ nhất đang ở trên Thiên đường, được tôn cao ở đó, Sa-tan nói với thế giới: "Không quan trọng bạn xấu xa đến đâu, không quan trọng bạn tin hay không tin vào Đức Chúa Trời và Kinh thánh. Sống theo cách bạn muốn; Thiên đường là nhà của bạn." Các giáo sư tâm linh hầu như tuyên bố: "Ai làm điều ác thì được Chúa coi là tốt và Ngài hài lòng về họ; hoặc: Đức Chúa Trời phán xét ở đâu? (Mal. 2:17)." Lời Chúa phán: "Khốn cho những kẻ gọi dữ là lành, gọi thiện là ác; Đấng biến bóng tối thành ánh sáng và ánh sáng thành bóng tối!" (Ê-sai 5:20).

Các sứ đồ, được nhân cách hóa bởi những linh hồn dối trá này, được thể hiện là mâu thuẫn với những gì họ đã viết dưới sự soi dẫn của Đức Thánh Linh khi họ còn ở trên đất. Họ phủ nhận nguồn gốc thiêng liêng của Kinh thánh, và do đó vô hiệu hóa nền tảng của niềm hy vọng Kitô giáo, đồng thời dập tắt ánh sáng soi đường dẫn đến Thiên đàng. Sa-tan đang làm cho thế giới tin rằng Kinh thánh chỉ là hư cấu, hoặc cùng lắm là một cuốn sách phù hợp với tuổi thơ của nhân loại, nhưng hiện nay nên bị bỏ qua hoặc bị vứt bỏ vì lỗi thời. Và để thay thế Lời Chúa, hắn có những biểu hiện duy linh. Đây là kênh hoàn toàn nằm trong tầm kiểm soát của bạn; bằng cách đó, anh ta có thể khiến thế giới tin vào những gì anh ta muốn. Anh ta đặt chính xác nơi anh ta muốn, trong bóng tối, Cuốn sách sẽ phán xét cả anh ta và những người theo anh ta; hắn làm cho Đấng Cứu Rỗi của thế giới dường như không khác gì một người bình thường. Và cũng giống như người lính La Mã canh giữ ngôi mộ của Chúa Giê-su đã tung tin đồn thất thiệt mà các thầy tế lễ và trưởng lão đã nói ra để phủ nhận sự phục sinh của Ngài, những người tin vào những biểu hiện của thuyết thông linh cũng cố gắng làm ra vẻ như không có phép lạ nào trong hoàn cảnh đó. về cuộc đời của Đấng Cứu Rỗi. Do đó, sau khi tìm cách gạt Chúa Giê-su ra khỏi tầm chú ý, họ thu hút sự chú ý đến những phép lạ của chính họ, tuyên bố rằng những điều này vượt xa công việc của Chúa Kitô.

Chắc chắn rằng thuyết thông linh hiện nay đang thay đổi hình thức và che giấu một số khía cạnh khó chịu nhất của nó, nó đang đội lốt Cơ đốc giáo. Nhưng những tuyên bố của ông trên diễn đàn và trên báo chí đã xuất hiện trước công chúng trong khoảng bốn mươi năm, và trong đó tính cách thực sự của ông vẫn được bộc lộ. Những lời dạy này không thể bị phủ nhận hay che giấu.

Ngay cả ở dạng hiện tại, nó không đáng được khoan dung hơn trước, mà trên thực tế nó còn nguy hiểm hơn trước do sự lừa dối tinh vi hơn. Trong khi trước đây anh ta tấn công Chúa Kitô và Kinh thánh, thì bây giờ anh ta tuyên bố chấp nhận cả hai. Nhưng Kinh thánh được giải thích theo cách làm hài lòng những tấm lòng chưa được đổi mới, trong khi những lẽ thật trang trọng và quan trọng của nó chẳng có tác dụng gì. Tình yêu thương được coi là thuộc tính cao quý nhất của Thiên Chúa, nhưng nó lại bị suy thoái thành một thứ tình cảm yếu đuối, ít có sự phân biệt giữa thiện và ác. Sự công bình của Đức Chúa Trời, những lời quở trách về tội lỗi của Ngài, những đòi hỏi của luật pháp thánh khiết của Ngài, tất cả đều bị giấu kín. Mọi người được dạy coi decalogue là một lá thư chết. Những câu chuyện ngụ ngôn thú vị và quyến rũ làm say mê các giác quan và khiến đàn ông từ chối Kinh thánh là nền tảng cho đức tin của họ. Chúa Kitô vẫn thực sự bị chối bỏ như trước; nhưng Sa-tan đã làm mù mắt người ta đến nỗi không thể nhận ra sự lừa dối.

Rất ít người có quan niệm đúng đắn về sức mạnh lừa dối của Thuyết thông linh và mối nguy hiểm khi rơi vào ảnh hưởng của nó. Nhiều người giải quyết nó chỉ để thỏa mãn sự tò mò của họ. Họ không có niềm tin thực sự vào anh ta, và sẽ vô cùng kinh hoàng khi nghĩ đến việc từ bỏ sự thống trị của các linh hồn. Nhưng họ dần dần vào vùng đất cấm, và kẻ hủy diệt hùng mạnh sử dụng quyền lực của mình đối với họ trái với ý muốn của họ. Phải một lần họ bị thuyết phục để phục tùng tâm trí của mình theo sự chỉ đạo của nó, và điều đó khiến họ trở thành tù nhân. Với sức riêng của mình, họ không thể phá bỏ bùa chú phù thủy và quyến rũ. Không có gì ngoài quyền năng của Thiên Chúa, được ban để đáp lại lời cầu nguyện nhiệt thành của đức tin, mới có thể giải thoát những linh hồn bị giam cầm này.

Tất cả những ai chiều theo những nét tính cách tội lỗi hoặc cố tình áp ủ một tội lỗi đã biết đều đang mời gọi Sa-tan cám dỗ. Họ tách mình ra khỏi Chúa và sự chăm sóc của các thiên thần của Ngài; và khi kẻ ác bày ra những trò lừa dối của mình, chúng không thể tự vệ được và dễ dàng trở thành con mồi. Do đó, những người đặt mình dưới quyền lực của nó ít biết con đường của họ sẽ kết thúc ở đâu.

Sau khi đạt được sự sụp đổ của họ, kẻ cám dỗ sẽ sử dụng họ làm đặc vụ của mình để dụ người khác hủy hoại.

Nhà tiên tri Ê-sai nói: "Khi người ta nói với các người: Hãy hỏi những thầy đồng và thầy bói, những kẻ riu rít và lầm bầm, dân chúng há chẳng cầu vấn Đức Chúa Trời của họ sao? Liệu người chết có được hỏi ý kiến thay mặt cho người sống không? Theo luật pháp và lời khai! Nếu họ không nói như vậy, họ sẽ không bao giờ nhìn thấy bình minh" (Ê-sai 8:19 và 20). Nếu đàn ông muốn nhận được lẽ thật được bày tỏ rõ ràng trong Kinh thánh, về bản chất của con người và tình trạng của người chết, thì họ sẽ thấy trong những lời tuyên bố và biểu hiện của Thuyết thông linh, hoạt động của Sa-tan bằng quyền lực và những dấu kỳ phép lạ giả. Nhưng thay vì từ bỏ sự tự do mà tấm lòng xác thịt yêu quý và từ bỏ những tội lỗi mà họ yêu thích, thì đám đông lại nhắm mắt trước ánh sáng và tiếp tục bất chấp những lời cảnh báo, trong khi Sa-tan dệt nên những sự lừa dối của hắn xung quanh họ, và họ trở thành con mồi của họ. . "Bởi vì họ không chấp nhận lòng yêu mến sự thật để được cứu độ", nên "Chúa sai họ thực hiện hành động sai trái, để ghi công cho sự dối trá"

(II Thess. 2:10 và 11).

Những người phản đối lời dạy của Thuyết thông linh đang tấn công không chỉ con người mà còn cả Satan và các thiên thần của hắn. Họ đã tiến hành chiến tranh chống lại các quyền lực, quyền lực và các ác thần ở các nơi trên trời. Satan không nhường một tấc đất trừ khi bị sức mạnh của các sứ giả trên trời đẩy lui. Dân của Đức Chúa Trời có thể đáp ứng điều đó, như Đấng Cứu Rỗi của chúng ta đã làm, bằng những lời: "Có lời chép". Sa-tan có thể trích dẫn Kinh thánh ngày nay giống như thời Đấng Christ và sẽ bóp méo lời dạy của Kinh thánh để hỗ trợ cho sự lừa dối của hắn. Những ai đứng vững trong thời điểm nguy hiểm này phải tự mình hiểu được lời chứng của Kinh thánh.

Nhiều người sẽ phải đương đầu với những tà linh mạo danh người thân hoặc bạn bè thân thiết, tuyên bố những tà giáo nguy hiểm nhất. Những vị khách này sẽ thu hút sự cảm thông dửng dưng nhất của chúng ta và thực hiện những phép lạ để duy trì những tuyên bố của họ. Chúng ta phải chuẩn bị để chống lại chúng với lẽ thật trong Kinh Thánh rằng người chết không biết gì và những kẻ xuất hiện như vậy là linh hồn của ma quỷ.

"Giờ thử thách sẽ đến trên khắp thế gian, để thử thách dân cư trên đất" đang ở ngay trước mắt chúng ta (Khải huyền 3:10).

Những ai có đức tin không vững chắc nơi Lời Chúa sẽ bị lừa dối và đánh bại. Sa Tan "làm mọi cách lừa dối bất chính" để giành quyền kiểm soát con cái loài người; và sự lừa dối của họ sẽ không ngừng gia tăng. Nhưng anh ta chỉ có thể đạt được mục tiêu khi đàn ông tự nguyện nhượng bộ anh ta.

những cám dỗ. Những ai chân thành tìm kiếm sự hiểu biết về lẽ thật và đang cố gắng thanh lọc tâm hồn mình bằng sự vâng phục, nhờ đó làm những gì có thể để chuẩn bị cho cuộc xung đột, sẽ tìm được nơi ẩn náu an toàn nơi Đức Chúa Trời của lẽ thật. "Vì con đã giữ lời nhện nhục của ta nên ta cũng sẽ giữ con".

(Khải Huyền 3:10), là lời hứa của Đấng Cứu Rỗi. Ngài thà nhanh chóng gửi tất cả các thiên thần trên Thiên đường đến bảo vệ dân Ngài còn hơn là để một linh hồn nào tin cậy vào Ngài bị Sa-tan đánh bại.

Tiên tri Isaia cho thấy sự lừa dối khủng khiếp sẽ xảy đến với kẻ ác, khiến họ tin rằng họ được an toàn trước sự phán xét của Thiên Chúa: "Chúng tôi đã lập giao ước với cái chết, và với Đời sau, chúng tôi đã lập ước; Khi cơn lũ tai họa đi qua, nó sẽ không đến với chúng ta, bởi vì chúng ta có sự dối trá để nương tựa và dưới sự giả dối, chúng ta đã ẩn mình." (Ê-sai 28:15). Trong lớp được mô tả ở đây bao gồm những người cố chấp không ăn năn, tự an ủi mình với sự đảm bảo rằng không có hình phạt nào dành cho tội nhân; rằng toàn thể nhân loại, dù bại hoại đến đâu, cũng sẽ được tôn lên Thiên đường để trở nên giống như các thiên thần của Chúa. Nhưng, thậm chí còn rõ ràng hơn, là những người từ bỏ những sự thật mà Thiên đường đã cung cấp để bảo vệ những người công chính trong ngày khó khăn, và chấp nhận nương náu bằng những lời dối trá do Satan đưa ra thay cho họ - những ảo tưởng giả tạo của Thuyết thông linh, tạo nên một giao ước với cái chết và một thỏa thuận như địa ngục.

Điều kỳ lạ là sự mù quáng của những người thuộc thế hệ này không thể diễn tả được. Hàng ngàn người chối bỏ Lời Chúa vì cho rằng Lời ấy không đáng tin, và nhiệt tình đón nhận sự lừa dối của Sa-tan. Những người hoài nghi và chế nhạo lên án sự cuồng tín của những người đấu tranh cho đức tin của các tiên tri và các sứ đồ, và tự giải trí bằng cách gọi những lời tuyên bố long trọng của Kinh thánh về Đấng Christ và kế hoạch cứu rỗi cũng như việc thăm viếng những người chối bỏ lẽ thật là lối bịch. Họ giả vờ thương xót những tâm hồn hẹp hòi, yếu đuối và mê tín đến nỗi họ nhận ra những yêu cầu của Thiên Chúa và tuân theo những yêu cầu của luật pháp Ngài. Trên thực tế, họ thể hiện sự đảm bảo như thể họ đã lập một thỏa thuận với cái chết và một giao ước với địa ngục - như thể họ đã dựng lên một rào cản không thể vượt qua, không thể xuyên thủng giữa họ và sự báo thù của Chúa. Không gì có thể đánh thức nỗi sợ hãi của bạn. Họ đã hoàn toàn khuất phục trước kẻ cám dỗ, họ kết hợp mật thiết với hắn và thấm nhuần tinh thần của hắn một cách hoàn hảo đến mức họ không có sức mạnh cũng như ý chí để thoát khỏi cạm bẫy của hắn.

Satan từ lâu đã chuẩn bị cho nỗ lực cuối cùng của mình để đánh lừa thế giới. Nền tảng công việc của ông được đặt bởi lời đảm bảo dành cho Ê-va ở Vườn Ê-đen: "Người sẽ không chết". "Ngày nào người ăn mất người sẽ mở ra, người sẽ biết điều thiện và điều ác như Đức Chúa Trời" (Sáng-thế Ký 3:4 và 5). Dần dần, anh ta đã chuẩn bị đường cho kiệt tác lừa dối của mình trong sự phát triển của Thuyết thông linh. Anh ta vẫn chưa đạt được sự hoàn thành đầy đủ các thiết kế của mình; nhưng những điều này sẽ đạt được trong thời gian còn lại cuối cùng. Nhà tiên tri nói: "Tôi thấy ba tà linh, giống như ếch nhái;... là tà linh, làm các dấu lạ, đến gặp các vua trên khắp thế giới để tập hợp họ lại cho trận chiến trong Ngày vĩ đại của tất cả." Đức Chúa Trời - Quyền năng" (Khải Huyền 16:13 và 14). Ngoại trừ những người được quyền năng của Đức Chúa Trời gìn giữ nhờ đức tin vào Lời Ngài, toàn bộ thế giới sẽ mắc vào lưới lừa dối này. Mọi người nhanh chóng bị ru ngủ trong sự an toàn chết người, chỉ để rồi bị đánh thức bởi cơn thịnh nộ của Chúa.

Chúa Giê-hô-va phán: "Ta sẽ đặt sự phán xét làm thước đo, lấy sự công bình làm dây dọi; mưa đá sẽ quét sạch nơi ẩn náu của sự dối trá, và nước sẽ cuốn trôi nơi ẩn náu. Giao ước của bạn với cái chết sẽ bị hủy bỏ và thỏa thuận của bạn với thế giới bên kia sẽ không tồn tại; và khi cơn lũ tai họa đi qua, các người sẽ bị nó đè bẹp" (Ê-sai 28:17 và 18).

Chương 35

Tính chất và ý định của Giáo hoàng

Chủ nghĩa La Mã hiện được những người theo đạo Tin lành coi trọng hơn nhiều so với những năm trước. Ở những quốc gia mà đạo Công giáo không còn phát triển và những người theo chủ nghĩa Giáo hoàng đang thực hiện đường lối hòa giải để giành được ảnh hưởng, ngày càng có sự thờ ơ đối với các học thuyết tách biệt các nhà thờ Cải cách khỏi hệ thống cấp bậc của Giáo hoàng; Ý kiến đang có cơ sở rằng xét cho cùng, chúng ta không quá khác biệt về những điểm quan trọng như người ta tưởng, và một sự nhượng bộ nhỏ từ phía chúng ta sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về Rome. Đã có lúc những người theo đạo Tin Lành đánh giá cao quyền tự do lương tâm được mua bằng rất nhiều giá.

Họ dạy con cái mình ghét giáo hoàng và cho rằng việc tìm kiếm sự hòa hợp với La Mã sẽ là không trung thành với Chúa. Nhưng những tình cảm được thể hiện ngày nay thật khác biệt biết bao!

Những người bảo vệ giáo hoàng tuyên bố rằng nhà thờ đã bị vu khống; và thế giới Tin lành có xu hướng chấp nhận tuyên bố này. Nhiều người cho rằng thật không công bằng khi phán xét giáo hội ngày nay về những điều ghê tởm và phi lý đã đánh dấu sự thống trị của giáo hội trong suốt nhiều thế kỷ ngu dốt và tăm tối. Họ bào chữa cho sự tàn ác khủng khiếp của mình là kết quả của sự man rợ của thời đại, và cho rằng ảnh hưởng của nền văn minh hiện đại đã làm thay đổi cảm xúc của họ.

Phải chăng những người này đã quên những tuyên bố về tính không thể sai lầm được đưa ra trong tám trăm năm bởi sức mạnh kiêu ngạo này? Không hề bị bỏ rơi, tuyên bố này đã được khẳng định vào thế kỷ 19 với tính tích cực hơn bao giờ hết.

Vì La Mã tuyên bố rằng giáo hội "chưa bao giờ sai lầm và cũng không bao giờ có thể sai lầm", làm sao nó có thể từ bỏ những nguyên tắc đã định hình đường lối của mình trong quá khứ?

Giáo hội giáo hoàng sẽ không bao giờ từ bỏ tuyên bố của mình về tính không thể sai lầm. Mọi điều ông làm khi bắt bớ những người bác bỏ giáo điều của ông đều chứng tỏ ông đúng; và liệu cô ấy có lặp lại những hành động tương tự nếu có cơ hội? Hãy bãi bỏ các biện pháp hạn chế hiện đang được áp đặt bởi các chính phủ thế tục và để La Mã được khôi phục lại quyền lực trước đây của mình, và chế độ chuyên chế và đàn áp sẽ nhanh chóng hồi sinh.

Một nhà văn hiện đại (JOSIAH MẠNH, DD, trong *Our Country*, trang 46-48) do đó nói lên thái độ của hàng giáo phẩm giáo hoàng đối với quyền tự do lương tâm, và về những mối nguy hiểm đặc biệt đe dọa Hoa Kỳ xét về sự thành công của chính sách của nước này:

"Có nhiều người sẵn sàng cho rằng bất kỳ nỗi sợ hãi nào đối với Công giáo La Mã ở Hoa Kỳ là do sự cuồng tín hoặc tính trẻ con. Những người như vậy không thấy đặc điểm và thái độ thù địch của Chủ nghĩa La Mã đối với các thể chế tự do của chúng ta, hoặc không thấy có dấu hiệu gì về sự phát triển của nó. Vậy trước tiên chúng ta hãy so sánh một số nguyên tắc cơ bản của chính phủ chúng ta với những nguyên tắc của Giáo hội Công giáo.

"Hiến pháp Hoa Kỳ đảm bảo quyền tự do lương tâm.

Không có gì đắt hơn hoặc cơ bản hơn. Gửi Đức Piô IX, trong Thông điệp ngày 15 tháng 8 năm 1854, đã nói: 'Những học thuyết vô lý và sai lầm hay những lời kêu gọi bảo vệ quyền tự do lương tâm là lỗi lầm tai hại nhất - một cơn dịch bệnh, trong số tất cả những bệnh dịch khác, phải là nỗi sợ hãi đối với mọi người. Một bang.' Cũng chính vị giáo hoàng này, trong Thông điệp ngày 8 tháng 12 năm 1864, đã nguyên rủa "những người khẳng định quyền tự do lương tâm".

và tôn thờ tôn giáo', cũng như 'những tuyên bố như khẳng định rằng nhà thờ không thể sử dụng vũ lực.'

"Giai điệu hòa bình của Rome ở Hoa Kỳ không có nghĩa là phải thay đổi quan điểm. Cô ấy bao dung ở những nơi cô ấy bắt lực. Giám mục O'Connor nói: 'Tự do tôn giáo chỉ được dung thứ cho đến khi việc chống đối có thể được thực hiện mà không gây nguy hiểm cho thế giới Công giáo.'" "Tổng giám mục Saint Louis đã từng nói: 'Dị giáo và vô tín ngưỡng là tội ác; và ở các quốc gia Thiên chúa giáo, chẳng hạn như ở Ý và Tây Ban Nha, nơi tất cả người dân đều theo đạo Thiên chúa và nơi đạo Công giáo là một phần thiết yếu của luật pháp quốc gia, họ bị trừng phạt như những tội ác khác.'"

"Mọi hồng y, tổng giám mục và giám mục trong Giáo hội Công giáo đều tuyên thệ trung thành với giáo hoàng, trong đó có những lời sau: "Những kẻ dị giáo, những kẻ xa lạ và những kẻ nổi loạn chống lại chúa chúng ta là giáo hoàng, hoặc những người kẻ vị ngài, tôi sẽ bức hại cùng với tất cả sức mạnh của tôi, sức mạnh của tôi".

Đúng là có những Kitô hữu đích thực trong sự hiệp thông của Giáo hội Công giáo. Hàng ngàn người trong hội thánh đó đang hầu việc Chúa theo ánh sáng tốt nhất mà họ có. Họ không được phép tiếp cận Lời Ngài và do đó họ không nhận ra lẽ thật. Họ chưa bao giờ nhìn thấy sự tương phản giữa một sự phục vụ chân thành sống động và một vòng tròn các nghi lễ và hình thức đơn thuần. Thiên Chúa quan sát với lòng thương xót dịu dàng đối với những linh hồn này, khi họ được nuôi dưỡng trong một đức tin lừa dối và không thỏa mãn. Anh ta sẽ khiến những tia sáng xuyên qua bóng tối dày đặc bao quanh họ. Ngài sẽ tiết lộ cho họ sự thật, giống như sự thật nơi Chúa Giêsu, và nhiều người vẫn sẽ đứng về phía dân Ngài.

Nhưng chủ nghĩa La Mã, với tư cách là một hệ thống, ngày nay không còn hòa hợp với phúc âm của Đấng Christ hơn bất kỳ giai đoạn nào trước đây trong lịch sử của nó. Các giáo hội Tin Lành đang ở trong bóng tối dày đặc, nếu không họ sẽ nhận ra những dấu hiệu của thời đại. Giáo hội La Mã có những kế hoạch và cách thức hoạt động sâu rộng. Nó đang dùng mọi thủ đoạn để mở rộng ảnh hưởng và tăng cường quyền lực nhằm chuẩn bị cho một cuộc xung đột quyết liệt và quyết liệt nhằm giành lại quyền kiểm soát thế giới, để một lần nữa thiết lập cuộc đàn áp và xóa bỏ những gì đạo Tin lành đã làm. Đạo Công giáo đang có chỗ đứng về mọi mặt (Xem Phụ lục, Chú giải 10). Hãy lưu ý sự phổ biến của các trường cao đẳng và chủng viện của họ ở Mỹ, phần lớn được tài trợ bởi những người theo đạo Tin lành. Hãy lưu ý sự phát triển của chủ nghĩa nghi lễ ở Anh và tình trạng thường xuyên rời bỏ hàng ngũ người Công giáo. Những điều này sẽ khơi dậy sự lo lắng của tất cả những người coi trọng các nguyên tắc thanh khiết của phúc âm.

Những người Tin lành đã bận tâm đến việc này và đã bảo trợ cho giáo hoàng; họ đã có những thỏa hiệp và nhượng bộ mà chính những người theo chủ nghĩa giáo hoàng cũng ngạc nhiên khi thấy và không thể hiểu được. Mọi người đang nhắm mắt làm ngơ trước tính cách thực sự của Chủ nghĩa La Mã và trước những mối nguy hiểm về quyền lực tối cao của nó vẫn chưa được nhìn thấy thoáng qua. Người dân cần được thức tỉnh để chống lại những bước tiến của kẻ thù nguy hiểm nhất đối với tự do dân sự và tôn giáo.

Nhiều người theo đạo Tin lành cho rằng đạo Công giáo không hấp dẫn và việc thờ phượng của họ là một vòng tròn tẻ nhạt của những nghi lễ vô nghĩa. Ở đây họ mắc sai lầm. Mặc dù chủ nghĩa La Mã dựa trên sự lừa dối, nhưng nó không phải là một sự mạo danh thô thiển và khiếm nhã. Việc thờ phượng của Nhà thờ La Mã là một nghi lễ rất ấn tượng. Các nghi thức trang trọng và màn trình diễn của họ mê hoặc mọi giác quan của người dân và làm im lặng tiếng nói của lý trí và lương tâm. Khung cảnh thật mê hoặc. Những nhà thờ tráng lệ, những cuộc rước hoành tráng, những bàn thờ bằng vàng, những hòm đựng thánh tích nạm đá quý, những bức tranh chọn lọc và những tác phẩm điêu khắc tinh xảo thu hút tình yêu cái đẹp. Âm nhạc là vô song. Những nốt trầm của cây đại phong cầm hòa quyện với giai điệu của nhiều giọng ca vang vọng giữa những hành lang có mái vòm cao ngất ngưỡng của những thánh đường vĩ đại, không thể không gây ấn tượng trong tâm trí với sự kính trọng và tôn kính.

Sự lộng lẫy bên ngoài, sự hào hoa và nghi lễ chỉ làm thất vọng những khao khát của tâm hồn bệnh tật và tội lỗi, là bằng chứng của sự sa đọa bên trong. Tôn giáo của Đấng Christ không cần những sự thu hút như vậy mới đáng khen ngợi. Trong những tia sáng chói lọi của thập giá, Kitô giáo đích thực hiện ra rất thuần khiết và đáng yêu đến nỗi không một sự trang trí bên ngoài nào có thể nâng cao giá trị đích thực của nó. Đó là vẻ đẹp của sự thánh thiện, một tinh thần hiền lành và trầm lặng, có giá trị đối với Thiên Chúa.

Sự xuất sắc của phong cách không nhất thiết là dấu hiệu của tư tưởng trong sáng và cao thượng. Những quan niệm cao đẹp về nghệ thuật, những trau chuốt tinh tế về gu thẩm mỹ, thường tồn tại trong những tâm trí trần thế và gợi cảm. Chúng thường được Satan sử dụng để khiến con người quên đi những nhu cầu của linh hồn, đánh mất tầm nhìn về tương lai, cuộc sống bất tử, khiến họ lạc lối khỏi Đấng Trợ giúp vô hạn của mình và chỉ sống cho thế gian này.

Một tôn giáo của những nghi lễ bên ngoài hấp dẫn tâm lòng chưa được đổi mới. Sự hào hoa và nghi lễ của việc thờ phượng Công giáo có một sức mạnh quyến rũ, mê hoặc, khiến nhiều người bị lừa dối; và họ coi Giáo hội La Mã như chính cánh cổng Thiên đàng, không ai ngoại trừ những người đã đặt chân vững chắc trên nền tảng của sự thật và có trái tim được đổi mới bởi Thánh Linh của Chúa, thì được bảo vệ khỏi ảnh hưởng của nó. Hàng ngàn người không có sự hiểu biết thực nghiệm về Đấng Christ sẽ bị dẫn đến việc chấp nhận những hình thức tin kính bất lực. Một tôn giáo như thế này chính là điều mà quần chúng mong muốn.

Tuyên bố của nhà thờ về quyền tha thứ khiến những người theo chủ nghĩa La Mã cảm thấy thoải mái khi phạm tội; và sắc lệnh xưng tội, nếu không có nó thì sẽ không được đảm bảo sự tha thứ, cũng có xu hướng cho phép điều ác xảy ra. Kẻ nào quỳ gối trước những người sa ngã, và mở ra những suy nghĩ và trí tưởng tượng thẳm kín trong lòng cho một người sa ngã, thì đang làm giảm nhân tính của họ và làm suy thoái mọi bản năng cao quý của tâm hồn họ. Khi vạch trần tội lỗi của cuộc đời mình với một linh mục - một phạm nhân sa ngã và tội lỗi, thường xuyên bị rượu chè và sự dâm dăng làm hư hỏng - tiêu chuẩn tính cách của ông ta bị hạ thấp và hậu quả là bị ô nhiễm. Quan niệm của họ về Đức Chúa Trời đã bị suy thoái thành giống như loài người sa ngã; bởi vì linh mục vẫn còn là đại diện của Thượng đế. Lời thú nhận hèn hạ này của con người với con người là nguồn gốc bí mật mà từ đó phần lớn tội ác đã tuôn ra, làm băng hoại thế giới và chuẩn bị cho sự hủy diệt cuối cùng. Tuy nhiên, đối với một người thích buông thả bản thân, thú nhận bản thân với một người đồng loại còn thú vị hơn là mở rộng tâm hồn mình cho Chúa. Bản chất con người thích làm việc sám hối hơn là từ bỏ tội lỗi; Việc hành xác xác thịt bằng dây thừng, cây tầm ma và dây xích còn dễ hơn là đóng đinh những ham muốn xác thịt. Cái ách nặng nề mà tâm lòng xác thịt sẵn sàng mang thay vì chịu phục dưới ách của Đấng Christ.

Có một sự tương đồng nổi bật giữa Giáo hội Rôma và Giáo hội Do Thái vào thời điểm Chúa Kitô đến lần đầu tiên. Trong khi người Do Thái bí mật chà đạp mọi nguyên tắc của luật pháp Đức Chúa Trời, thì bề ngoài họ rất nghiêm khắc trong việc tuân thủ các giới răn của luật pháp, đặt gánh nặng lên đó bằng những hình thức tống tiền và truyền thống khiến việc tuân theo trở nên đau đớn và mệt mỏi. Giống như người Do Thái tuyên bố tôn kính Luật pháp, người La Mã cũng tuyên bố tôn kính thập tự giá. Họ đề cao biểu tượng đau khổ của Chúa Kitô, trong khi họ chối bỏ Đấng mà biểu tượng này đại diện trong cuộc sống của họ.

Những người theo đạo Papist đặt thánh giá trên nhà thờ, trên bàn thờ và trên lễ phục của họ. Dấu hiệu thánh giá được nhìn thấy ở khắp mọi nơi. Ở mọi nơi bề ngoài có vẻ đều được tôn vinh và tôn vinh. Nhưng những lời dạy của Đấng Christ bị chôn vùi dưới vô số truyền thống vô nghĩa, những cách giải thích sai lầm và những sự tống tiền khắt khe. Những lời của Đấng Cứu Rỗi liên quan đến những người Do Thái đạo đức giả còn áp dụng nhiều hơn nữa

sức mạnh cho các nhà lãnh đạo Công giáo: "Họ buộc những gánh nặng khó mang và đặt trên vai con người; thế mà chính họ cũng không muốn động ngón tay vào" (Ma-thi-ơ 23:4). Những tâm hồn lương tâm thường xuyên phải sống trong nỗi kinh hoàng, sợ hãi cơn thịnh nộ của một Thiên Chúa bị xúc phạm, trong khi các chức sắc trong giáo hội lại sống trong dục vọng và khoái lạc nhục dục.

Việc tôn thờ ảnh tượng và thánh tích, cầu khẩn các thánh và tôn vinh giáo hoàng là những chiêu trò lừa dối của Satan nhằm khiến tâm trí con người xa rời Thiên Chúa và Con Ngài. Để đảm bảo sự hủy diệt của họ, hấn cố gắng chuyển hướng sự chú ý của họ khỏi Đấng duy nhất có thể tìm thấy sự cứu rỗi. Ngài sẽ hướng các linh hồn đến bất cứ vật gì có thể thay thế Đấng đã phán: "Hỡi những ai khó nhọc và gánh nặng, hãy đến với ta, ta sẽ cho nghỉ ngơi bồi dưỡng" (Ma-thi-ơ 11:28).

Đó là nỗ lực không ngừng của Sa-tan nhằm xuyên tạc về đặc tính của Đức Chúa Trời, bản chất của tội lỗi và những hậu quả thực sự đang bị đe dọa trong cuộc tranh cãi lớn. Những lời ngụy biện của họ làm giảm bớt nghĩa vụ của luật thiêng liêng và cho phép con người phạm tội. Đồng thời, nó khiến họ nuôi dưỡng những quan niệm sai lầm về Thiên Chúa, đến nỗi họ nhìn Ngài với ánh mắt sợ hãi và căm ghét thay vì yêu mến. Sự tàn ác vốn có trong tính cách của anh ta là do Đấng Tạo Hóa; nó được thể hiện trong các hệ thống tôn giáo và được thể hiện trong các phương thức thờ cúng. Vì vậy, tâm trí của con người bị mù quáng và Sa-tan coi họ là tay sai của hấn để gây chiến chống lại Đức Chúa Trời. Do những quan niệm sai lầm về các thuộc tính thần thánh, các quốc gia ngoại giáo đã tin rằng sự hy sinh con người là cần thiết để đảm bảo sự úy ái của Thần thánh, và những hành vi tàn ác khủng khiếp đã được thực hiện dưới nhiều hình thức thờ thần tượng khác nhau. Giáo hội Công giáo, hợp nhất các hình thức ngoại giáo và Cơ đốc giáo, và giống như ngoại giáo, hầu như không đại diện cho bản chất của Thiên Chúa, đã sử dụng đến những thực hành không kém phần tàn ác và phản cảm. Vào thời La Mã thống trị, đã có những công cụ tra tấn để buộc người dân phải chấp nhận học thuyết của nó. Có một khoản tiền dành cho những người không muốn nhượng bộ trước những yêu cầu của họ. Có những vụ thảm sát ở quy mô mà người ta sẽ không bao giờ biết đến cho đến khi được tiết lộ tại Sự phán xét. Các chức sắc của Giáo hội, do chủ nhân Satan lãnh đạo, đã nghiên cứu để phát minh ra những cách gây ra sự tra tấn lớn nhất có thể mà không kết liễu mạng sống của nạn nhân. Quá trình địa ngục được lặp đi lặp lại đến giới hạn chịu đựng tối đa của con người, cho đến khi thiên nhiên đầu hàng và người đau khổ đón nhận cái chết như một sự giải thoát ngọt ngào.

Đó là rất nhiều đối thủ của Rome. Đối với các thành viên của mình, nó có kỷ luật bằng roi vọt, hành hạ vì đói và tất cả những hình thức hành xác có thể hình dung được, đau đớn nhất có thể tưởng tượng được. Để được Thiên Chúa úy ái, hính nhân đã vi phạm Lề Luật Thiên Chúa, vi phạm quy luật tự nhiên. Họ được dạy phải phá bỏ mọi ràng buộc mà Ngài đã thiết lập để ban phước và mang lại niềm vui cho con người ở lại trên Trái đất. Các nghĩa trang của Giáo hội chứa đựng hàng triệu nạn nhân, những người đã dành cả cuộc đời mình vào những công việc vô ích để khuất phục những tình cảm tự nhiên của mình, kiềm chế mọi suy nghĩ và cảm xúc đồng cảm với đồng loại của mình như xúc phạm đến Chúa. Nếu chúng ta muốn hiểu sự tàn ác kiên quyết của Satan, được thể hiện qua hàng trăm thế kỷ, không phải với những người chưa bao giờ nghe nói đến Thiên Chúa, nhưng ngay trong lòng Kitô giáo và trong toàn bộ bề rộng của nó, chúng ta chỉ cần nhìn vào lịch sử của Chủ nghĩa La Mã. Thông qua hệ thống lừa dối khổng lồ này, chúa tể của cái ác đã đạt được mục đích mang lại sự ô nhục cho Chúa và đau khổ cho con người.

Khi chúng ta thấy rằng anh ta thành công trong việc cải trang và hoàn thành công việc của mình thông qua những người lãnh đạo hội thánh, chúng ta có thể hiểu rõ hơn tại sao anh ta lại có ác cảm lớn như vậy đối với Kinh thánh. Nếu đọc cuốn sách này, lòng thương xót và tình yêu của Thiên Chúa sẽ được biểu lộ; người ta sẽ thấy rằng Ngài không đặt những gánh nặng nề nề này lên con người. Tất cả những gì Ngài yêu cầu là một trái tim tan vỡ và thống hối, một tinh thần khiêm tốn, vâng phục.

Trong cuộc đời, Đấng Christ không nêu gương nào cho những người nam cũng như nữ nhốt mình trong tu viện để chuẩn bị cho Thiên đàng, Ngài không bao giờ dạy rằng phải kìm nén tình yêu thương và sự cảm thông. Trái tim Đấng Cứu Rỗi tràn ngập tình yêu. Con người càng tiến gần đến sự hoàn thiện về đạo đức thì sự nhạy cảm của họ càng tinh tế hơn, nhận thức sâu sắc hơn về tội lỗi và sự thông cảm sâu sắc hơn đối với những người đau khổ. Giáo hoàng tuyên bố mình là đại diện của Chúa Kitô; nhưng nhân vật của anh ta có thể so sánh với nhân vật của Đấng Cứu Rỗi như thế nào? Có phải Chúa Kitô luôn nổi tiếng với việc chuyển người ta vào tù hoặc hành hạ vì họ không tôn kính Ngài là Vua Thiên đàng? Có phải tiếng Ngài đã kết án tử hình những ai không chấp nhận Ngài không? Khi Ngài bị dân làng Sa-ma-ri khinh miệt, sứ đồ Giăng vô cùng phẫn nộ và hỏi: "Lạy Chúa, Chúa có muốn chúng con khiến lửa từ trời xuống thiêu hủy họ như Ê-li không?" (Lu-ca 9:54). Chúa Giêsu nhìn các môn đệ với lòng thương xót và quở trách tinh thần chai đá của họ rằng: "Con Người đến không phải để hủy diệt linh hồn loài người, nhưng để cứu rỗi họ" (Lc 9:56). Tinh thần của vị đại diện đã tuyên khấn của Người khác biệt bao so với tinh thần được Chúa Kitô biểu lộ.

Giáo hội Công giáo hiện nay đang thể hiện một bộ mặt dễ chịu với thế giới, che đậy những lời xin lỗi về những tội ác khủng khiếp của mình bằng những lời xin lỗi. Mẹ đã mặc lấy y phục của Chúa Kitô; nhưng nó vẫn không thay đổi. Mọi nguyên tắc về chế độ giáo hoàng đã tồn tại trong các thời đại trước đều tồn tại cho đến ngày nay. Những học thuyết được phát minh trong thời kỳ đen tối vẫn được duy trì. Không ai bị lừa cả. Giáo hoàng mà những người theo đạo Tin lành hiện nay rất sẵn lòng tôn vinh cũng chính là giáo hoàng đã cai trị thế giới vào thời Cải cách, khi những người theo Chúa đứng lên, bắt chấp mạng sống của mình, để vạch trần tội ác của mình. Cô ấy sở hữu cùng một niềm kiêu hãnh và sự kiêu căng ngạo mạn mà cô ấy đã thống trị các vị vua và hoàng tử và tự cho mình là đặc quyền của Thiên Chúa. Tinh thần của nó bây giờ còn độc ác và chuyên chế không kém gì khi nó phá hủy tự do của con người và giết chết các thánh của Đấng Tối Cao.

Chế độ giáo hoàng chính xác là điều mà lời tiên tri đã tuyên bố: sự bội đạo trong những ngày sau rốt (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3 và 4). Đó là một phần trong chính sách của anh ta là đảm nhận tính cách cho phép anh ta đạt được mục đích của mình tốt hơn; nhưng bên dưới vẻ ngoài thay đổi của con tắc kè hoa, ẩn chứa nọc độc bất biến của con rắn. Nó tuyên bố: "chúng ta không cần phải giữ niềm tin và lời hứa với những kẻ dị giáo". Quyền lực này, kỷ lục đã được viết bằng máu của các vị thánh trong hàng ngàn năm, giờ đây được công nhận là một phần của nhà thờ của Chúa Kitô?

Không phải vô cơ mà tuyên bố đã được đưa ra ở các nước theo đạo Tin lành rằng đạo Công giáo ít khác biệt nhiều với đạo Tin lành so với thời trước. Đã có một sự thay đổi; nhưng sự thay đổi không nằm ở giáo hoàng. Đạo Công giáo quả thực trông rất giống đạo Tin lành hiện nay, bởi vì đạo Tin lành đã suy thoái rất nhiều kể từ thời những nhà Cải Cách.

Trong khi các giáo hội Tin lành đang tìm kiếm sự ưu ái của thế giới thì lòng bác ái giả tạo đã làm họ mù quáng. Họ tin rằng thật công bằng khi nghĩ đến điều tốt trong mọi điều xấu; và, như một kết quả tất yếu, cuối cùng họ sẽ nghĩ xấu thay vì nghĩ tốt. Thay vì đứng ra bảo vệ đức tin từng được ban cho các vị thánh, giờ đây dường như họ đang xin lỗi Rôma vì quan điểm thiếu bác ái đối với các vị, cầu xin sự tha thứ vì sự cuồng tín của họ.

Một tầng lớp lớn, ngay cả những người không ưa chuộng Chủ nghĩa La Mã, hiểu rất ít về mối nguy hiểm nảy sinh từ quyền lực và ảnh hưởng của nó. Nhiều người tuyên bố rằng bóng tối trí tuệ và đạo đức thịnh hành trong thời Trung cổ đã tạo điều kiện cho sự truyền bá các giáo điều, mê tín và áp bức của nó, và rằng trí thông minh cao hơn của thời hiện đại, sự phổ biến rộng rãi của kiến thức và sự tự do ngày càng tăng trong các vấn đề tôn giáo, ngăn cản một sự hồi sinh của sự không khoan dung và chuyên chế. Ngay cả ý nghĩ rằng tình trạng như vậy sẽ tồn tại trong thời đại khai sáng này cũng bị chế giễu. Đúng là ánh sáng vĩ đại, trí tuệ, đạo đức và tôn giáo, đang chiếu sáng

về thế hệ này. Trong những trang mở của Lời thánh của Thiên Chúa, ánh sáng từ Thiên đường đã chiếu xuống thế giới. Nhưng cần phải nhớ rằng ánh sáng càng lớn thì bóng tối của những kẻ xuyên tạc hoặc bác bỏ nó càng lớn.

Việc nghiên cứu Kinh thánh kèm theo lời cầu nguyện sẽ cho những người theo đạo Tin lành thấy tính cách thực sự của chế độ giáo hoàng, đồng thời khiến họ ghê tởm và tránh xa nó; nhưng nhiều người có quan điểm riêng khôn ngoan đến nỗi họ cảm thấy không cần thiết phải khiêm nhường tìm kiếm Thiên Chúa để được dẫn đến chân lý. Mặc dù họ tự hào về trình độ học vấn của mình nhưng họ lại không biết gì về cả Kinh thánh lẫn quyền năng của Đức Chúa Trời. Họ cần một điều gì đó để xoa dịu lương tâm và họ tìm kiếm những gì ít thiêng liêng và nhục nhã hơn. Điều họ muốn là một cách quên Thiên Chúa, và cách này trở thành một phương pháp tưởng nhớ Ngài. Giáo hoàng có khả năng thích nghi tốt để đáp ứng nhu cầu của tất cả những điều này. Ngài chuẩn bị cho hai hạng người bao gồm hầu hết mọi người - những người muốn được cứu nhờ công đức của chính mình và những người muốn được cứu trong tội lỗi của mình. Đây là bí mật về sức mạnh của bạn.

Một ngày đen tối về trí tuệ đã tỏ ra thuận lợi cho sự thành công của triều đại giáo hoàng. Người ta vẫn sẽ chứng minh rằng một ngày có ánh sáng trí tuệ tuyệt vời cũng thuận lợi cho sự thành công của nó. Ngày xưa, khi con người không có Lời Chúa, không có sự hiểu biết về lẽ thật, thì mắt họ bị bịt mắt, hàng ngàn người vướng vào, không thấy lưới giăng dưới chân mình. Ở thế hệ này, có nhiều người hoa mắt trước ánh sáng suy đoán của con người, "thứ gọi sai là khoa học"; Họ không phân biệt được lưới và vào đó dễ dàng như thể bị bịt mắt. Đức Chúa Trời đã thiết kế rằng khả năng trí tuệ của con người phải được coi là món quà từ Đấng Tạo Hóa và chúng phải được sử dụng để phục vụ sự thật và công lý; nhưng khi lòng kiêu hãnh và tham vọng được áp ủ, và con người đề cao lý thuyết của mình lên trên Lời Chúa, thì trí thông minh có thể gây tai hại lớn hơn sự thiếu hiểu biết. Do đó, khoa học sai lầm của thế kỷ 19, vốn làm xói mòn niềm tin vào Kinh Thánh, sẽ chứng tỏ hiệu quả trong việc chuẩn bị con đường cho việc chấp nhận ngôi vị giáo hoàng, với những hình thức dễ chịu, cũng như việc lưu giữ kiến thức đã mở đường cho sự mở rộng của nó. Thời kỳ đen tối.

Trong các phong trào đang diễn ra ở Hoa Kỳ nhằm đảm bảo các thể chế và hoạt động của giáo hội nhận được sự hỗ trợ của Nhà nước, những người Tin lành đang đi theo bước chân của những người theo chủ nghĩa Giáo hoàng (Xem Phụ lục, Chú thích 11). Hơn nữa, họ đang mở cửa cho giáo hoàng giành lại quyền lực tối cao ở Mỹ theo đạo Tin Lành đã mất ở Cựu Thế giới. Và điều mang lại ý nghĩa lớn hơn cho phong trào này là mục tiêu chính được dự tính là việc thực thi việc tuân theo Chúa nhật - một phong tục có nguồn gốc từ Rome, và được cô tuyên bố là dấu hiệu quyền lực của mình. Đây là tinh thần của giáo hoàng - tinh thần tuân thủ các phong tục trần tục, tôn trọng các truyền thống của con người trên các điều răn của Thiên Chúa - đang thấm nhuần vào các giáo hội Tin Lành, và dẫn dắt họ thực hiện công việc tôn vinh Chúa Nhật giống như giáo hoàng đã làm. đã làm trước họ.

Nếu người đọc muốn biết phương tiện nào sẽ được sử dụng trong cuộc thi sắp tới, anh ta chỉ cần theo dõi hồ sơ về những phương tiện mà La Mã đã sử dụng cho cùng một mục tiêu trong các thời đại trước. Nếu bạn muốn biết những người theo chủ nghĩa Giáo hoàng và Tin lành thống nhất sẽ đối phó như thế nào với những người bác bỏ giáo điều của họ, hãy xem tinh thần mà La Mã thể hiện đối với ngày Sa-bát và những người bảo vệ ngày Sa-bát.

Các sắc lệnh của hoàng gia, các hội đồng chung và các sắc lệnh của nhà thờ được hỗ trợ bởi quyền lực thế tục là những bước mà ngày lễ ngoại giáo đạt được vị trí danh dự trong thế giới Cơ đốc giáo. Biện pháp công khai đầu tiên áp đặt việc tuân theo Chủ nhật là luật do Constantine ban hành (321 sau Công Nguyên). Sắc lệnh này yêu cầu cư dân thành phố phải nghỉ ngơi vào "ngày đáng kính của mặt trời", nhưng lại cho phép

Những người đàn ông quê mùa vẫn tiếp tục với công việc nông nghiệp của mình. Mặc dù gần như là một luật ngoại giáo, nhưng nó được hoàng đế áp đặt khi ông chấp nhận Cơ đốc giáo trên danh nghĩa.

Vì mệnh lệnh của hoàng gia dường như không thể thay thế đầy đủ quyền lực thần thánh, nên Eusebius, một giám mục tìm kiếm sự ủng hộ của các hoàng tử, là bạn thân và là người xu nịnh của Constantine, đã đưa ra tuyên bố rằng Chúa Kitô đã chuyển ngày nghỉ ngơi từ ngày Sabát sang ngày Sa-bát. ngày chủ nhật. Thậm chí không có một lời chứng đơn giản nào về Kinh thánh được đưa ra để làm bằng chứng cho giáo lý mới. Eusebius thậm chí còn vô thức nhận ra sự giả dối của nó và chỉ ra những tác giả thực sự của sự thay đổi.

Ông nói, "tất cả mọi việc phải làm trong ngày Sa-bát, chúng tôi đã chuyển sang ngày của Chúa." Nhưng lập luận ủng hộ ngày Chúa nhật, dù vô căn cứ, lại khuyến khích con người chà đạp ngày Sabát của Chúa.

Tất cả những ai muốn được thế giới vinh danh đều chấp nhận ngày lễ phổ biến này.

Ngay sau khi ngôi vị giáo hoàng đã được thiết lập vững chắc, công việc tôn vinh Chúa Nhật được tiếp tục. Có một thời, người ta làm công việc đồng áng không đến nhà thờ và ngày thứ bảy vẫn được coi là ngày Sa-bát. Nhưng một cách bình tĩnh và có kiểm soát, một sự thay đổi đã được thực hiện. Các thẩm phán liên quan đến chức vụ thiêng liêng bị cấm thi hành phán quyết trong bất kỳ cuộc tranh cãi dân sự nào vào Chủ nhật. Ngay sau đó, tất cả mọi người, thuộc mọi tầng lớp, được lệnh phải kiêng làm công việc bình thường, bị phạt tiền đối với những người tự do và đánh roi đối với người hầu. Sau đó, người ta ra quyết định rằng người giàu sẽ bị phạt mất một nửa tài sản của họ; và cuối cùng, nếu họ nhất quyết không vâng lời, họ sẽ bị bắt làm nô lệ. Những người thuộc tầng lớp thấp hơn phải chịu sự trục xuất vĩnh viễn.

Phép lạ cũng được sử dụng. Trong số những điều kỳ diệu khác được kể lại, người ta kể rằng một người nông dân đi cày ruộng vào ngày Chủ nhật đã làm sạch chiếc cày của mình bằng một chiếc bàn là đâm vào tay anh ta và suốt hai năm anh ta không thể rút nó ra "vì quá đau đớn và xấu hổ". ."

Sau đó, Đức Thánh Cha ra lệnh cho các linh mục giáo xứ cảnh cáo những người vi phạm ngày Chúa nhật và thuyết phục họ đến nhà thờ cầu nguyện, kéo tai họa lớn sẽ giáng xuống mình và những người xung quanh. Một hội đồng giáo hội đã chấp thuận lập luận được sử dụng thường xuyên kể từ đó, ngay cả bởi những người theo đạo Tin lành, rằng vì thực tế là một số người đã bị sét đánh chết khi làm việc vào Chủ nhật nên đó phải là ngày Sabát. "Nó có thể nhìn thấy được" -

các vị giám chức nói - "Chúa không hài lòng biết bao đối với những người bỏ bê ngày này". Sau đó, một lời kêu gọi đã được đưa ra tới các linh mục và các thừa tác viên, các vị vua và hoàng tử, cũng như tất cả các tín hữu "làm càng nhiều càng tốt để ngày này được khôi phục lại vinh dự, và vì lợi ích của các tôn giáo theo đạo Thiên chúa, được tuân thủ một cách sùng kính hơn". đúng lúc." vì đã đến."

Vì các sắc lệnh của hội đồng tỏ ra không đủ, chính quyền thế tục được yêu cầu ban hành một sắc lệnh có thể gây ra nỗi kinh hoàng trong lòng người dân và buộc họ phải kiêng làm việc vào Chủ nhật. Tại một công đồng được tổ chức ở Roma, tất cả các quyết định trước đó đã được tái khẳng định một cách mạnh mẽ và trang trọng hơn.

Chúng cũng được đưa vào luật giáo hội và được áp đặt bởi các cơ quan dân sự trên khắp hầu hết các nước theo đạo Cơ đốc.

Mặc dù vậy, việc thiếu thẩm quyền của Kinh Thánh ủng hộ việc tuân giữ Chúa Nhật đã gây ra nhiều khó khăn. Dân chúng đặt câu hỏi về quyền của các thầy dạy họ trong việc bác bỏ lời tuyên bố tích cực của Đức Giê-hô-va: "Ngày thứ bảy là ngày Sa-bát của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người" để tôn vinh ngày mặt trời. Để bù đắp cho sự thiếu hụt bằng chứng của Kinh thánh, cần phải có những biện pháp khác. Một luật sư nhiệt thành của Sunday, người đã đến thăm các nhà thờ ở Anh vào cuối thế kỷ 12, đã bị những nhân chứng trung thành chống lại sự thật; và những nỗ lực của anh ấy không có kết quả đến nỗi anh ấy đã rời bỏ đất nước trong một thời gian

thời gian để tìm cách củng cố lời dạy của mình. Khi trở về, sự thiếu sót đã được lấp đầy và giờ đây anh đã thành công hơn trong công việc. Anh ta mang theo một cuộn giấy mà anh ta trình bày là của chính Đức Chúa Trời; trong đó có mệnh lệnh cần thiết cho việc tuân giữ ngày Chúa nhật, với những lời đe dọa khủng khiếp nhằm làm kinh hoàng những kẻ không vâng lời.

Người ta tuyên bố rằng tài liệu quý giá này, một sự lừa đảo hèn hạ như thể chế mà nó định bảo vệ, đã từ trên trời rơi xuống và được tìm thấy ở Jerusalem, trên bàn thờ Thánh Simeon, trên Golgotha. Nhưng trên thực tế, nơi ông đến là dinh giáo hoàng ở Rome. Gian lận và ngoại tình để nâng cao quyền lực và sự thịnh vượng của nhà thờ trong mọi thời đại đã được hệ thống giáo hoàng coi là đúng đắn.

Cuộn bị cấm làm việc từ giờ thứ chín, ba giờ chiều thứ bảy, cho đến khi mặt trời mọc vào thứ hai; và uy quyền của ông đã được tuyên bố là đã được xác nhận bằng nhiều phép lạ. Người ta nói rằng những người làm việc quá thời gian quy định đã bị tê liệt. Một người nông dân đang cố gắng xay lúa mì của mình thì thấy một vệt máu thay vì bột mì và bánh xe cối xay dừng lại mặc dù lượng nước dồi dào. Một người phụ nữ đã cho bột vào lò và khi lấy ra thì thấy bột còn sống, mặc dù lò rất nóng. Một người khác đã chuẩn bị bột để nướng bánh mì vào giờ thứ chín, nhưng quyết định để nó sang một bên cho đến thứ Hai, thì ngày hôm sau, nó đã biến thành bánh mì và được nướng bằng sức mạnh thần thánh. Một người đàn ông nướng bánh mì sau giờ thứ chín ngày thứ Bảy, khi bẻ bánh vào sáng hôm sau, thấy máu chảy ra từ bánh. Bằng những phát minh ngớ ngẩn và mê tín như vậy, những người ủng hộ Chủ nhật đã cố gắng biến nó thành thiêng liêng.

Ở cả Scotland và Anh, việc tôn trọng ngày Chủ nhật được đảm bảo tốt hơn bằng cách hợp nhất nó với một phần của ngày Sa-bát cổ xưa. Tuy nhiên, thời gian nên được giữ thiêng liêng lại khác nhau. Một sắc lệnh của Vua Scotland tuyên bố rằng Thứ Bảy phải được coi là ngày thánh từ trưa trở đi, và từ thời điểm đó cho đến sáng Thứ Hai không ai được tham gia vào công việc trần tục.

Tuy nhiên, bất chấp mọi nỗ lực nhằm thiết lập sự thiêng liêng của ngày Chúa nhật, cũng chính những người theo giáo hoàng này đã công khai thú nhận thẩm quyền thiêng liêng của ngày Sabát và nguồn gốc con người của thể chế mà ngày Sabát đã được thay thế. Vào thế kỷ 16, một hội đồng giáo hoàng đã ra lệnh rõ ràng: "tất cả các Kitô hữu hãy nhớ rằng ngày thứ bảy đã được Thiên Chúa thánh hiến và được chấp nhận và tuân theo, không chỉ bởi người Do Thái, mà còn bởi tất cả những người tuyên bố tôn thờ Thiên Chúa; tuy nhiên chúng ta, những người theo đạo Thiên Chúa, đã đổi ngày Sa-bát thành ngày của Chúa." Những người chà đạp luật pháp thiêng liêng không phải là không biết gì về bản chất công việc của họ. Họ đã cố tình đặt mình lên trên Chúa.

Một minh họa đáng kinh ngạc về chính sách của La Mã đối với những người không đồng ý với bà được đưa ra trong cuộc đàn áp kéo dài và đẫm máu đối với người Waldenses, một số người trong số họ là những người giữ ngày Sabát. Những người khác cũng chịu đau khổ tương tự vì trung thành với điều răn thứ tư. Lịch sử của các nhà thờ ở Ethiopia đặc biệt quan trọng. Giữa bóng tối của Thời kỳ Tăm tối, các Kitô hữu ở Trung Phi đã bị thế giới lãng quên và bị lãng quên, và trong nhiều thế kỷ họ được hưởng quyền tự do trong việc thực hành đức tin của mình. Nhưng cuối cùng La Mã cũng biết đến sự tồn tại của ông, và hoàng đế Ethiopia nhanh chóng buộc phải công nhận giáo hoàng là đại diện của Chúa Kitô.

Những nhượng bộ khác theo sau. Một sắc lệnh đã được ban hành cấm giữ ngày Sabát, dưới những hình phạt nghiêm khắc nhất. Tuy nhiên, chế độ chuyên chế của giáo hoàng nhanh chóng trở thành một cái ách cay đắng đến mức người Ethiopia quyết tâm bẻ gãy nó khỏi cổ họ. Sau một cuộc đấu tranh khủng khiếp, những người theo chủ nghĩa La Mã đã bị trục xuất khỏi lãnh thổ thống trị của họ và đức tin cổ xưa đã được khôi phục. Các nhà thờ vui mừng trước sự tự do của họ và không bao giờ quên bài học họ đã học được về sự lừa dối, cuồng tín và quyền lực chuyên chế của La Mã. Họ đã

bằng lòng ở lại giữa vương quốc đảo của họ, nơi mà phần còn lại của Kitô giáo không biết đến.

Các nhà thờ ở Châu Phi đã tuân giữ ngày Sa-bát giống như nhà thờ giáo hoàng đã tuân giữ trước khi hoàn toàn bội đạo. Trong khi họ tuân theo ngày thứ bảy để tuân theo điều răn của Chúa, họ không làm việc vào Chủ nhật theo phong tục của nhà thờ. Bằng cách đạt được quyền lực tối cao, La Mã đã chà đạp vào ngày nghỉ ngơi của Chúa để tôn vinh ngày nghỉ của mình; nhưng các nhà thờ ở Châu Phi, chưa được biết đến trong khoảng một nghìn năm, đã không tham gia vào sự bội đạo này. Khi rơi vào sự cai trị của La Mã, họ buộc phải gạt bỏ ngày Sa-bát thật và tôn cao ngày Sa-bát giả, nhưng họ chỉ lấy lại được độc lập và quay trở lại tuân theo điều răn thứ tư.

Những ghi chép về quá khứ này tiết lộ rõ ràng sự thù địch của La Mã đối với ngày Sabát thực sự và những người bảo vệ nó, cũng như những phương tiện mà nó sử dụng để tôn vinh thể chế đã tạo ra nó. Lời Chúa dạy rằng những điều này sẽ được lặp lại khi những người theo Giáo hoàng và Tin lành đoàn kết trong việc tôn vinh Chúa Nhật.

Lời tiên tri trong Khải Huyền 13 tuyên bố rằng quyền lực được tượng trưng bởi con thú có sừng giống như chiên con sẽ khiến "đất và dân cư trên đất" phải tôn thờ giáo hoàng - ở đây được tượng trưng bởi con thú "như con báo". Con thú có hai sừng cũng sẽ bảo "dân cư trên đất làm tượng cho con thú", và hơn thế nữa, nó sẽ ra lệnh cho tất cả mọi người, "nhỏ và lớn, giàu và nghèo, tự do và nô lệ", phải nhận "dấu của con thú" (Khải Huyền 13:11-16). Người ta đã chứng minh rằng Hợp chủng quốc Hoa Kỳ là cường quốc được đại diện bởi con thú có hai sừng giống như con cừu non, và lời tiên tri này sẽ ứng nghiệm khi Hoa Kỳ áp đặt việc tuân theo Chủ nhật mà Rome tuyên bố là ngày đặc biệt được công nhận. quyền lực tối cao của anh ấy. Nhưng trong sự tôn vinh vị giáo hoàng này, Hoa Kỳ sẽ không đơn độc. Ảnh hưởng của La Mã ở các quốc gia từng công nhận quyền cai trị của bà vẫn chưa bị phá hủy. Và lời tiên tri báo trước sự phục hồi quyền lực của hần: "Tôi thấy một trong những cái đầu của hần như bị đánh chết, nhưng vết thương chí mạng đó đã được chữa lành; và cả trái đất đều kinh ngạc khi đi theo con thú" (Khải Huyền 13:3). Tỷ lệ vết thương chí mạng cho thấy việc bãi bỏ chế độ giáo hoàng vào năm 1798. Sau đó, nhà tiên tri nói: "vết thương chí mạng của ông đã được chữa lành, và cả Trái đất đều kinh ngạc khi đi theo con thú". Phao-lô tuyên bố rõ ràng rằng con người tội lỗi sẽ tồn tại cho đến lần tái lâm (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:8). Cho đến tận cùng thời gian, anh ta sẽ tiếp tục công việc lừa dối của mình. Và nhà mặc khải tuyên bố, đề cập đến giáo hoàng: "tất cả những ai sống trên trái đất sẽ tôn thờ bà, những người chưa được ghi trong Sách Sự Sống."

(Khải Huyền 13:8). Ở cả Cựu Thế giới và Tân Thế giới, giáo hoàng sẽ nhận được sự tôn kính thông qua vinh dự được trao cho việc thiết lập Chủ nhật, vốn chỉ dựa vào thẩm quyền của Giáo hội La Mã.

Trong gần bốn mươi năm, những người nghiên cứu lời tiên tri ở Hoa Kỳ đã trình bày lời chứng này với thế giới. Trong các sự kiện hiện đang diễn ra, người ta thấy có sự tiến triển nhanh chóng hướng tới việc ứng nghiệm lời tiên đoán này. Với những người theo đạo Tin lành, họ cũng tuyên bố về thẩm quyền thiêng liêng để tuân giữ ngày Chủ nhật và cũng thiếu bằng chứng kinh thánh giống như những người cai trị giáo hoàng đã tạo ra các phép lạ để thay thế một điều răn của Chúa. Khẳng định rằng sự phán xét của Chúa sẽ giáng xuống con người do họ vi phạm thời gian nghỉ ngơi vào Chủ nhật sẽ được lặp lại; Điều này đã được tuyên bố ngày hôm nay. Và một phong trào đòi buộc phải tuân giữ ngày Chúa nhật đang nhanh chóng có được chỗ đứng.

Tuyệt vời ở sự khôn ngoan và sáng suốt của nó là Giáo hội La Mã. Bạn có thể đọc được tương lai. Cô chờ đợi thời cơ của mình, thấy rằng các nhà thờ Tin lành đang bày tỏ lòng tôn kính với cô khi chấp nhận ngày Sa-bát giả, và họ đang chuẩn bị áp đặt nó.

bằng chính những phương tiện mà chính cô đã sử dụng những ngày qua. Những người bác bỏ ánh sáng của sự thật vẫn sẽ tìm kiếm sự giúp đỡ của quyền lực tự gọi mình là không thể sai lầm này, để tôn vinh một thể chế bắt nguồn từ nó. Không khó để đoán xem cô ấy sẽ sẵn sàng giúp đỡ những người theo đạo Tin lành như thế nào trong công việc này. Ai hiểu rõ hơn các nhà lãnh đạo giáo hoàng về cách đối phó với những người không vâng phục nhà thờ?

Giáo hội La Mã, với tất cả các chi nhánh trên khắp thế giới, tạo thành một tổ chức rộng lớn, dưới sự kiểm soát của giáo hoàng và có nhiệm vụ phục vụ lợi ích của mình. Hàng triệu tín đồ của ông, ở mọi quốc gia trên thế giới, được hướng dẫn coi mình là người đoàn kết trong liên minh với giáo hoàng. Dù quốc tịch hay chính phủ của bạn là gì, bạn phải đặt thẩm quyền của nhà thờ lên trên tất cả những người khác.

Mặc dù họ có thể tuyên thệ hứa trung thành với Nhà nước, nhưng đằng sau lời thề này là lời thề tuân theo La Mã, miễn cho họ bất kỳ lời hứa nào trái với lợi ích của họ.

Những người theo đạo Tin lành ít biết họ đang làm gì khi đề nghị chấp nhận sự hỗ trợ của Rome trong công việc tôn vinh Chúa Nhật. Trong khi họ đang quyết tâm thiết lập mục đích của mình thì La Mã lại có ý định tái lập quyền lực của mình, lấy lại quyền lực tối cao đã mất. Hãy để lịch sử chứng minh những nỗ lực xảo quyệt và bèn bỉ của họ nhằm can thiệp vào công việc của các quốc gia; và đã đứng vững trên đôi chân của mình, để đạt được mục đích của riêng mình, thậm chí phải trả giá bằng sự hủy hoại của các hoàng tử và dân chúng. Chủ nghĩa La Mã công khai tuyên bố rằng giáo hoàng có thể "tuyên bố những bản án và phán quyết trái với luật pháp của các quốc gia, với luật của Thiên Chúa và con người" (The "Decretalia").

Và hãy nhớ rằng Rome tự hào về việc không bao giờ thay đổi. Các nguyên tắc của Gregory VII và Innocent III vẫn là các nguyên tắc của Giáo hội Công giáo La Mã. Và, nếu cô ấy có sức mạnh, cô ấy sẽ thực hiện chúng một cách mạnh mẽ như những thế kỷ trước. Hãy để nguyên tắc từng được thiết lập ở Hoa Kỳ, rằng nhà thờ có thể sử dụng hoặc kiểm soát quyền lực của Nhà nước; rằng việc tuân thủ tôn giáo có thể bị áp đặt bởi luật pháp thế tục; tóm lại, quyền lực của nhà thờ và nhà nước phải thống trị lương tâm, và chiến thắng của La Mã ở đất nước này được đảm bảo.

Lời Chúa đã cảnh báo về mối nguy hiểm sắp xảy ra; hãy để nó không được chú ý đến và thế giới Tin Lành sẽ biết được mục đích thực sự của La Mã chỉ khi đã quá muộn để thoát khỏi cạm bẫy. Cô ấy đang âm thầm phát triển quyền lực. Các học thuyết của nó đang phát huy ảnh hưởng của chúng trong các tòa án lập pháp, trong các nhà thờ và trong trái tim con người. Cô ấy đang xây dựng những công trình kiến trúc cao lớn và đồ sộ của mình, trong những góc ngách bí mật, nơi những cuộc đàn áp trong quá khứ sẽ lặp lại. Một cách ngấm ngấm và không hề nghi ngờ, nó đang tăng cường lực lượng để đạt được mục đích của riêng mình khi đến lúc thực hiện cuộc đảo chính. Tất cả những gì cô ấy muốn là một cơ hội, và nó đã được trao cho cô ấy. Chúng ta sẽ sớm thấy và cảm nhận được mục đích của cơ thể La Mã là gì. Bất cứ ai tin và vâng theo Lời Đức Chúa Trời đều sẽ bị chỉ trích và bắt bớ.

Chương 36

Xung đột sắp xảy ra - Nguyên nhân của nó

Kể từ khi xảy ra cuộc tranh cãi lớn trên Thiên đàng, mục đích của Sa-tan là phá hủy Luật pháp của Đức Chúa Trời. Để đạt được điều này, hắn đã bắt đầu cuộc nổi loạn chống lại Đấng Tạo Hóa; và mặc dù bị đuổi khỏi Thiên đàng, anh ta vẫn tiếp tục cuộc chiến tương tự trên Trái đất. Lừa dối con người và do đó xúi giục họ vi phạm Luật pháp của Đức Chúa Trời là mục tiêu mà hắn kiên quyết theo đuổi. Cho dù nó đạt được bằng cách gạt bỏ toàn bộ luật pháp hay bằng cách bác bỏ một trong những giới luật của nó thì kết quả cuối cùng vẫn như nhau. Ai vi phạm "một điểm" là coi thường toàn bộ luật pháp; ảnh hưởng và tấm gương của anh ta thuộc về phía vi phạm; anh ta trở nên "có tội với mọi người" (Gia-cơ 2:10).

Để tìm cách khinh thường các luật lệ của Đức Chúa Trời, Sa-tan đã bóp méo các giáo lý trong Kinh Thánh, và giờ đây những sai lầm đã được đưa vào đức tin của hàng ngàn người tự xưng là tín Kinh Thánh. Cuộc xung đột lớn cuối cùng giữa sự thật và sai lầm không gì khác hơn là cuộc đấu tranh cuối cùng của cuộc tranh cãi kéo dài liên quan đến luật pháp của Đức Chúa Trời. Bây giờ chúng ta đang tham gia vào trận chiến này - một trận chiến giữa luật pháp của con người và giới răn của Đức Giê-hô-va, giữa tôn giáo của Kinh thánh và tôn giáo của truyện ngụ ngôn và truyền thống.

Các cơ quan sẽ đoàn kết chống lại sự thật và công lý trong cuộc xung đột này hiện đang hoạt động tích cực. Lời thánh của Thiên Chúa, đã được truyền cho chúng ta với cái giá rất nhiều đau khổ và máu, lại ít được quan tâm. Kinh Thánh có sẵn cho mọi người, nhưng ít người thực sự chấp nhận nó như một sự hướng dẫn cho cuộc sống. Sự không chung thủy đang phổ biến đến mức đáng báo động, không chỉ trên thế giới mà còn trong Giáo hội.

Nhiều người đã phủ nhận những giáo lý vốn là trụ cột của đức tin Kitô giáo. Những lẽ thật vĩ đại về sự sáng tạo được trình bày bởi các tác giả được soi dẫn, sự sa ngã của con người, sự chuộc tội và sự trường tồn của luật pháp Đức Chúa Trời, trên thực tế đã bị phần lớn thế giới tự xưng là Cơ đốc giáo bác bỏ, toàn bộ hoặc một phần. Hàng ngàn người tự hào về sự khôn ngoan và tính độc lập của mình coi đó là bằng chứng của sự yếu đuối khi đặt niềm tin tuyệt đối vào Kinh thánh; họ nghĩ rằng niềm kiêu hãnh của họ là bằng chứng về tài năng vượt trội, và họ học cách suy đoán về Kinh thánh, đồng thời tâm linh hóa và bóp méo những lẽ thật quan trọng nhất của Kinh thánh. Nhiều bộ trưởng đang giảng dạy cho các thành viên của họ, và nhiều giáo viên đang hướng dẫn học sinh của mình rằng luật pháp của Đức Chúa Trời đã được thay đổi hoặc bãi bỏ; và những người coi các yêu cầu của nó vẫn còn hiệu lực, phải được tuân theo theo nghĩa đen, sẽ bị coi là chỉ đáng bị chế giễu hoặc khinh thường.

Khi chối bỏ lẽ thật, con người chối bỏ Tác giả của mình. Bằng cách chà đạp luật pháp của Đức Chúa Trời, họ phủ nhận thẩm quyền của Đấng ban luật pháp. Việc tạo ra một thần tượng của những học thuyết và lý thuyết sai lầm cũng dễ như đẽo ra từ gỗ hoặc đá. Bằng cách xuyên tạc các thuộc tính của Đức Chúa Trời, Sa-tan khiến con người hình thành quan niệm sai lầm về đặc tính của Ngài. Trong nhiều trường hợp, một thần tượng triết học được tôn lên thay cho Đức Giê-hô-va; trong khi Đức Chúa Trời hằng sống, như Ngài được bày tỏ trong Lời Ngài, trong Đấng Christ, và trong các công trình sáng tạo, lại được rất ít người thờ phượng. Hàng ngàn người tôn thờ thiên nhiên trong khi phủ nhận Chúa của thiên nhiên. Mặc dù dưới một hình thức khác, việc thờ thần tượng vẫn tồn tại trong thế giới Cơ đốc giáo ngày nay cũng đúng như nó đã từng tồn tại ở Israel cổ đại vào thời Ê-li. Vị thần của nhiều nhà thông thái, triết gia, nhà thơ, chính trị gia, nhà báo - vị thần của các vòng tròn

thời trang lịch sử, từ nhiều trường cao đẳng và đại học, thậm chí từ một số tổ chức thần học - nó tốt hơn Baal, thần mặt trời của Phoenicia một chút.

Không có sai lầm nào được thế giới Thiên chúa giáo chấp nhận lại chống lại uy quyền của Thiên đàng một cách táo bạo hơn, không có sai lầm nào phản đối trực tiếp hơn mệnh lệnh của lý trí, không có sai lầm nào có kết quả nguy hiểm hơn học thuyết hiện đại, vốn nhanh chóng có được chỗ đứng, đó là quy luật của Chúa không Nó mạnh mẽ hơn cho đàn ông. Mỗi quốc gia đều có luật lệ đòi hỏi sự tôn trọng và tuân theo; không chính phủ nào có thể tồn tại nếu không có họ; và có thể nào người ta quan niệm rằng Đấng Tạo Hóa của trời và đất không có luật nào để quản lý những sinh vật mà Ngài đã tạo ra? Giả sử các bộ trưởng nổi tiếng dạy công khai rằng các đạo luật quản lý đất nước của họ và bảo vệ quyền của công dân không mang tính ràng buộc - rằng chúng hạn chế quyền tự do của người dân và do đó không cần phải tuân theo; Những người như vậy sẽ được dung thứ trên bục giảng trong bao lâu? Nhưng việc coi thường luật pháp của các bang và quốc gia có phải là một hành vi phạm tội lớn hơn việc chà đạp lên những giới luật thiêng liêng vốn là nền tảng của mọi chính quyền?

Sẽ nhất quán hơn nhiều nếu các quốc gia bãi bỏ các đạo luật của họ và cho phép người dân hành động theo ý họ muốn hơn là việc Đấng Tối cao của vũ trụ bãi bỏ luật pháp của Ngài và khiến thế giới không có tiêu chuẩn để lên án kẻ có tội hoặc biện minh cho hành vi phạm tội của mình. nghe lời. Liệu chúng ta có biết hậu quả của việc vô hiệu hóa luật pháp của Đức Chúa Trời không? Thí nghiệm đã được thử. Kinh khủng thay những cảnh tượng diễn ra ở Pháp khi chủ nghĩa vô thần trở thành quyền lực kiểm soát. Sau đó, người ta đã chứng minh cho thế giới rằng việc vứt bỏ những hạn chế mà Chúa đã áp đặt là chấp nhận sự cai trị của những kẻ bạo chúa tồi tệ nhất. Khi tiêu chuẩn công lý bị gạt sang một bên, con đường rộng mở cho hoàng tử tà ác thiết lập quyền lực của mình trên Trái đất.

Bất cứ nơi nào các giới răn thiêng liêng bị bác bỏ, tội lỗi không còn có vẻ tội lỗi hoặc sự công bình đáng ao ước. Những người từ chối phục tùng sự quản trị của Đức Chúa Trời hoàn toàn không thích hợp để tự quản lý mình. Thông qua những lời dạy độc hại của họ, tinh thần không phục tùng đã ăn sâu vào trái tim của trẻ em và thanh thiếu niên, những người có bản chất không khoan dung với sự kiểm soát; và tình trạng phóng túng vô luật pháp xảy ra trong xã hội. Trong khi chế nhạo sự căm giận của những người tuân theo yêu cầu của Đức Chúa Trời, đám đông lại háng hái chấp nhận những lời lừa dối của Sa-tan. Họ kiểm chế sự dâm dăng và thực hành những tội lỗi dẫn đến sự phán xét trên dân ngoại.

Kẻ dạy dân xem nhẹ điều răn của Chúa, gieo sự bất tuân, để gạt sự bất tuân. Hãy để những hạn chế do luật pháp thần thánh áp đặt hoàn toàn bị gạt sang một bên, và luật lệ của con người sẽ sớm bị coi thường. Bởi vì Đức Chúa Trời cấm những hành vi bất lương, tham lam, dối trá và lừa đảo, nên con người sẵn sàng chà đạp các luật lệ của Ngài như một trở ngại cho sự thịnh vượng tạm thời của họ; nhưng kết quả của việc loại bỏ những giới luật này sẽ như họ không lường trước được. Nếu luật không có hiệu lực thì tại sao lại sợ vi phạm? Tài sản sẽ không còn an toàn nữa. Đàn ông sẽ chiếm đoạt tài sản của hàng xóm bằng bạo lực; và người mạnh nhất sẽ trở thành người giàu nhất. Bản thân cuộc sống sẽ không được tôn trọng. Lời thề hôn nhân sẽ không còn là ngọn cờ thiêng liêng bảo vệ gia đình nữa. Kẻ nào có sức mạnh, nếu muốn, sẽ dùng bạo lực cướp vợ hàng xóm. Điều răn thứ năm sẽ được gác lại cùng với điều răn thứ tư. Trẻ em sẽ không sợ lấy đi mạng sống của cha mẹ mình nếu làm như vậy chúng có thể đạt được ước muốn trong tấm lòng đòi bại của mình. Thế giới văn minh sẽ trở thành một lũ cướp và giết người; và hòa bình, nghỉ ngơi và hạnh phúc sẽ bị trục xuất khỏi Trái đất.

Học thuyết cho rằng con người được miễn tuân theo những yêu cầu của Đức Chúa Trời đã làm suy yếu sức mạnh của nghĩa vụ đạo đức và mở ra những cánh cửa tội ác tràn ngập trên thế giới. Sự vô pháp luật, sự phóng túng và tham nhũng đang lan rộng khắp chúng ta như một cái bẫy áp bức. Satan đang hoạt động trong gia đình. Của bạn

lá cờ vẫn tung bay, ngay cả trong những người theo đạo Thiên Chúa. Có hận thù, nghi ngờ xấu xa, đạo đức giả, cãi vã, dối trá, chia rẽ, phản bội những chân lý thiêng liêng, đam mê dâm dăng. Toàn bộ hệ thống nguyên tắc và học thuyết tôn giáo lẽ ra phải là nền tảng và nền tảng của đời sống xã hội, lại tỏ ra là một khối bất ổn, sẵn sàng sụp đổ. Những tên tội phạm hèn hạ nhất, khi bị tống vào tù vì tội ác của chúng, thường trở thành đối tượng của những món quà và sự chú ý, như thể chúng đã đạt được một danh hiệu đáng ghen tị. Tính cách và tội ác của anh ta được công chúng biết đến nhiều. Báo chí đăng tải những chi tiết phản cảm về tên phó, từ đó xúi giục người khác thực hiện hành vi lừa đảo, trộm cắp và giết người; và Satan vui mừng trước sự thành công của những âm mưu địa ngục của hắn. Sự say mê của thói xấu, lối sống dâm dăng, sự gia tăng khủng khiếp của sự thiếu chừng mực và sự gian ác ở mọi trật tự và mức độ, sẽ đánh thức tất cả những ai kính sợ Chúa để tìm hiểu xem có thể làm gì để ngăn chặn dòng chảy của sự dữ.

Các tòa án công lý đều tham nhũng. Các thống đốc bị thúc đẩy bởi lòng tham muốn đạt được và ham muốn thú vui nhục dục. Sự thiếu độ lượng đã làm u ám khả năng của nhiều người, đến nỗi Sa-tan gần như hoàn toàn kiểm soát được họ. Các luật gia bị biến thái, bị mua chuộc, bị lừa dối. Say sưa và chè chén, đam mê, đổ kỵ, bất lương đủ loại, đều hiện diện ở những người quản lý luật pháp. "Công lý đã đứng xa xa; vì lẽ thật vấp ngã ngoài đường, sự công bình không thể vào được" (Ê-sai 59:14).

Sự gian ác và bóng tối tâm linh ngự trị dưới quyền tối cao của La Mã là kết quả tất yếu của việc bà đàn áp Kinh thánh; nhưng tìm đâu ra nguyên nhân của sự bất trung tràn lan, của việc bác bỏ luật pháp của Thiên Chúa, và hậu quả là sự sa đọa, dưới ánh sáng phúc âm tràn đầy trong một thời đại tự do tôn giáo?

Giờ đây, khi Sa-tan không còn có thể kiểm soát thế giới bằng cách che giấu Kinh thánh nữa, hắn phải dùng đến những cách khác để đạt được mục tiêu tương tự. Việc hủy hoại niềm tin vào Kinh thánh phục vụ mục đích của nó cũng như hủy hoại chính Kinh thánh. Bằng cách đưa ra niềm tin rằng luật pháp của Chúa không còn hiệu lực, anh ta đã dẫn dắt con người vi phạm một cách hiệu quả như thể họ hoàn toàn không biết gì về các giới luật của nó. Và bây giờ, cũng như nhiều thời đại trước, anh ấy đã làm việc thông qua nhà thờ để tiếp tục phát triển các thiết kế của mình. Các tổ chức tôn giáo ngày nay đã từ chối lắng nghe những sự thật không được ưa chuộng được nêu rõ trong kinh thánh, và để chống lại chúng, họ đã áp dụng những cách giải thích và lập trường đã gieo mầm mống hoài nghi trên diện rộng. Bám vào sai lầm của giáo hoàng về sự bất tử tự nhiên của con người và ý thức khi chết, họ bác bỏ cách bảo vệ duy nhất chống lại sự lừa dối của Thuyết thông linh. Học thuyết về sự đau khổ đời đời đã khiến nhiều người không tin vào Kinh Thánh. Và khi những yêu cầu của điều răn thứ tư được đưa ra trước dân chúng, người ta thấy rằng việc tuân theo ngày thứ bảy, ngày Sa-bát, đã được truyền lệnh; và như cách duy nhất để giải phóng họ khỏi một nhiệm vụ mà họ không sẵn sàng thực hiện, các giáo viên bình dân tuyên bố rằng luật pháp của Chúa không còn hiệu lực nữa. Vì thế họ cùng nhau bỏ luật pháp và ngày Sa-bát. Khi công việc cải cách ngày Sa-bát lan rộng, việc bác bỏ luật thiêng liêng để tránh những lời tuyên bố của điều răn thứ tư sẽ trở nên gần như phổ biến. Lời dạy của các nhà lãnh đạo tôn giáo đã mở đường cho sự không chung thủy, thuyết thông linh, khinh thường luật thánh của Đức Chúa Trời, và những nhà lãnh đạo này phải gánh chịu trách nhiệm khủng khiếp về sự gian ác tồn tại trong thế giới Cơ đốc giáo.

Chính giai cấp này cũng tuyên bố rằng tình trạng tham nhũng lan rộng nhanh chóng phần lớn là do sự xúc phạm đến cái gọi là "Ngày Sabát của Cơ đốc giáo" và rằng việc thực thi việc tuân giữ Chúa nhật sẽ cải thiện đáng kể đạo đức của xã hội. Tuyên bố này được đặc biệt nhấn mạnh ở Mỹ, nơi mà giáo lý về ngày Sabát đích thực đã được rao giảng rộng rãi nhất. Ở đây công việc điều độ, một trong những công cuộc cải cách đạo đức nổi bật và quan trọng nhất, là

thường được kết hợp với phong trào Chủ nhật, và những người ủng hộ phong trào sau này thể hiện mình đang nỗ lực thúc đẩy lợi ích cao nhất của xã hội; và những ai không chịu đoàn kết với họ sẽ bị tố cáo là kẻ thù của sự ôn hòa và cải cách. Nhưng việc một phong trào chỉ ra lỗi có liên quan đến một tác phẩm tự nó hay không phải là lý lẽ ủng hộ lỗi. Chúng ta có thể nguy trang chất độc bằng cách trộn nó với thức ăn lành mạnh, nhưng chúng ta không thể biến đổi bản chất của nó. Ngược lại, nó trở nên nguy hiểm hơn vì có nhiều khả năng bị vô tình sử dụng. Một trong những sự lừa dối của Satan là kết hợp vừa đủ sự thật với sự giả dối để tạo cho nó sự hợp lý. Những người lãnh đạo phong trào Chủ nhật có thể ủng hộ những cải cách mà người dân cần, những nguyên tắc phù hợp với Kinh thánh, nhưng vẫn có một yêu cầu đi ngược lại với luật pháp của Chúa.

Không gì có thể biện minh cho việc họ gạt bỏ những điều răn của Thiên Chúa để ủng hộ giới luật của con người.

Qua hai lỗi lầm lớn, sự bắt tử của linh hồn và sự thánh hóa của ngày Chúa nhật, Satan sẽ dẫn dắt con người vào sự lừa dối của hắn. Trong khi cái trước đặt nền tảng cho Thuyết thông linh, thì cái sau tạo ra mối quan hệ đồng cảm với La Mã. Những người theo đạo Tin lành ở Hoa Kỳ sẽ là những người đầu tiên dang tay vượt qua vịnh để bắt tay với Chủ nghĩa Tâm linh; họ sẽ vượt qua vực thẳm và nắm trong tay quyền lực La Mã; và dưới ảnh hưởng của liên minh ba nước này, đất nước này sẽ theo bước chân của Rome trong việc chà đạp quyền lương tâm.

Vì Thuyết thông linh giống với Cơ đốc giáo trên danh nghĩa ngày nay hơn nên nó có sức mạnh lừa dối và quyến rũ lớn hơn. Chính Satan cũng đã hoán cải theo trật tự hiện tại. Anh ấy sẽ xuất hiện với tư cách là một thiên thần ánh sáng. Thông qua tác nhân của Thần linh, các phép lạ sẽ được thực hiện: người bệnh sẽ được chữa lành và nhiều điều kỳ diệu không thể phủ nhận sẽ được thực hiện.

Ngày nay khó có thể phân biệt được ranh giới giữa những người tự xưng là tín đồ Đáng Christ và những kẻ ác. Các thành viên của Giáo hội yêu thích những gì thế giới yêu thích và sẵn sàng đoàn kết với điều đó; và Satan quyết tâm **hợp nhất họ (Giọng RÚT TIỀN)** trong một cơ thể, và do đó củng cố chính nghĩa của hắn bằng cách kéo tất cả họ vào hàng ngũ Thuyết thông linh. Những người theo giáo hoàng, những người tự hào về phép lạ như một dấu hiệu chắc chắn của nhà thờ chân chính, sẽ dễ dàng bị đánh lừa bởi sức mạnh kỳ diệu này; và những người theo đạo Tin lành đã vứt bỏ tấm khiên của sự thật cũng sẽ bị lừa dối. Những người theo Giáo hoàng, Tin lành và những người trần tục sẽ chấp nhận hình thức tin kính mà không có quyền lực, và họ sẽ thấy trong sự kết hợp này một phong trào vĩ đại hướng tới sự hoán cải của thế giới và sự khởi đầu của thiên niên kỷ được chờ đợi từ lâu.

Thông qua thuyết tâm linh, Satan xuất hiện như một ân nhân của chủng tộc, chữa khỏi bệnh tật cho con người và tuyên bố đưa ra một hệ thống đức tin tôn giáo mới và cao quý hơn; nhưng đồng thời anh ta làm việc như một kẻ hủy diệt. Những cám dỗ của hắn đang khiến nhiều người bị hủy hoại. Sự thiếu chừng mực hạ bệ lý trí; theo sau là sự đam mê nhục dục, chiến đấu và đổ máu. Satan thích thú với chiến tranh; bởi vì nó kích thích những đam mê tội tệ nhất của tâm hồn, rồi kéo nạn nhân của nó vào cõi vĩnh hằng đắm chìm trong thói xấu và máu. Mục đích của họ là kích động các quốc gia gây chiến với nhau; vì nhờ đó hắn có thể khiến tâm trí mọi người rời xa công việc chuẩn bị để đứng vững trong ngày của Thượng Đế.

Satan cũng hoạt động thông qua các yếu tố để thu hoạch mùa gặt của những linh hồn chưa được chuẩn bị. Anh ta đã nghiên cứu những bí mật của phòng thí nghiệm tự nhiên và sử dụng tất cả sức mạnh của mình để kiểm soát các nguyên tố trong phạm vi Chúa cho phép. Khi hắn đến tìm cách hành hạ Gióp, đàn chiên, người chăn cừu, người hầu, nhà cửa, trẻ em đều bị tàn phá nhanh chóng biết bao, rắc rối này nối tiếp rắc rối khác trong chốc lát. Và Chúa

Đấng bảo vệ các tạo vật của Ngài và ngăn chặn chúng khỏi quyền lực của kẻ hủy diệt. Nhưng thế giới Cơ-đốc giáo đã tỏ ra khinh thường luật pháp của Đức Giê-hô-va; và Chúa sẽ làm đúng những gì Ngài đã tuyên bố, Ngài sẽ rút lại các phước lành của Ngài khỏi thế gian, đồng thời loại bỏ sự quan tâm bảo vệ của Ngài đối với những người đang chống lại luật pháp của Ngài cũng như giảng dạy và ép buộc những người khác làm điều tương tự. Sa-tan có quyền kiểm soát tất cả những người mà Đức Chúa Trời không đặc biệt bảo vệ. Anh ta sẽ ủng hộ và làm thịnh vượng một số người, để tiếp tục thực hiện các kế hoạch của riêng mình, đồng thời sẽ mang lại bất hạnh cho những người khác, đồng thời khiến mọi người tin rằng chính Chúa đang làm khổ họ.

Trong khi xuất hiện trước con cái loài người như một thầy thuốc vĩ đại có thể chữa khỏi mọi bệnh tật của họ, hắn sẽ mang đến bệnh tật và thảm họa, cho đến khi các thành phố đông dân trở thành hoang tàn và hoang tàn. Ngay cả bây giờ anh ấy cũng đang làm việc. Trong những tai nạn và thiên tai trên đất liền và trên biển, trong những trận hỏa hoạn lớn, trong những cơn lốc xoáy dữ dội và những trận mưa đá kinh hoàng, trong những cơn bão, trận lụt lớn, lốc xoáy, sóng thần và động đất, ở mọi nơi và dưới hàng nghìn hình thức, Sa-tan đang thực thi quyền lực của mình. Anh ta phá hủy mùa gặt đang chín, kéo theo nạn đói và đau khổ. Những chuyến viếng thăm này sẽ ngày càng trở nên thường xuyên và tai hại hơn. Sự hủy diệt sẽ xảy đến với cả loài người lẫn loài vật. “Đất đai tang tóc và tàn lụi”, “các nơi cao của dân tộc... mòn mỏi. Đất đai bị ô ứ vì dân cư ở đó, vì họ vi phạm luật pháp, vi phạm luật lệ và bội giao ước đời đời” (Ê-sai 24). : 4 và 5).

Và khi đó kẻ lừa dối vĩ đại sẽ thuyết phục mọi người rằng những người phục vụ Chúa đang gây ra những tệ nạn này. Tầng lớp đã chọc giận Thiên Chúa sẽ đổ mọi bất hạnh của họ cho những người mà việc tuân theo các điều răn của Đức Chúa Trời là lời khiển trách vĩnh viễn đối với những kẻ vi phạm. Người ta sẽ tuyên bố rằng đàn ông và đàn bà đang xúc phạm đến Thiên Chúa khi vi phạm Chúa Nhật, rằng tội lỗi của họ đã mang đến những tai họa không ngừng nghỉ cho đến khi việc tuân giữ Chúa Nhật được thực thi nghiêm ngặt, và rằng những ai tuyên bố điều răn thứ tư, do đó phá hủy sự tôn kính bởi Chủ nhật, họ là những kẻ kích động dân chúng, ngăn cản họ được phục hồi ân huệ thiêng liêng và sự thịnh vượng tạm thời. Do đó, lời buộc tội nổi bật trong quá khứ chống lại tội tở của Đức Chúa Trời sẽ được lặp lại, và trên cơ sở vững chắc như nhau. “Khi A-háp thấy Ê-li, A-háp nói với ông rằng: Có phải người là kẻ gây rối cho Y-sơ-ra-ên không? Chúa và đi theo các thần Ba-anh” (I Các Vua 18:17 và 18).

Khi cơn giận của dân chúng bị kích động bởi những lời buộc tội sai trái, họ sẽ theo đuổi đường lối đối với các sứ giả của Đức Chúa Trời rất giống với đường lối mà Y-sơ-ra-ên bội đạo đã theo đối với Ê-li.

Quyền năng làm phép lạ được thể hiện qua thuyết tâm linh sẽ gây ảnh hưởng đối với những người chọn vâng lời Chúa hơn là vâng lời con người. Thông tin liên lạc từ các linh hồn sẽ tuyên bố rằng Chúa đã cử họ đến để thuyết phục những người từ chối ngày Chủ nhật về lỗi lầm của họ, khẳng định rằng luật pháp của đất đai phải được tuân theo như luật của Chúa. Họ sẽ than thở về tình trạng vô đạo to lớn trên thế giới, tán thành lời chứng của các giáo sư tôn giáo rằng tình trạng suy thoái đạo đức là do việc xúc phạm ngày Chúa Nhật. Sự phẫn nộ đối với tất cả những ai từ chối chấp nhận lời khai của anh ta sẽ rất lớn.

Chính sách của Sa-tan trong cuộc xung đột cuối cùng này với dân Đức Chúa Trời cũng giống như chính sách mà hắn đã sử dụng để mở ra cuộc tranh cãi lớn trên trời: hắn tuyên bố thúc đẩy sự ổn định của chính phủ thần thánh nhưng lại bí mật chỉ đạo mọi nỗ lực nhằm lật đổ chính phủ này. Và chính công việc mà anh ấy đang cố gắng hoàn thành, anh ấy đã cống nạp cho các thiên thần trung thành. Chính sách lừa dối tương tự đã đánh dấu lịch sử của Giáo hội La Mã. Cô ấy đã tuyên bố đóng vai trò là đại diện của Thiên đường, đồng thời tìm cách tôn cao bản thân hơn Chúa và thay đổi luật pháp của Ngài. Dưới chính phủ của

Rôma, những người phải chịu chết vì lòng trung thành với Tin Mừng đều bị tố cáo là những kẻ làm ác; họ được cho là liên minh với Satan; và mọi phương tiện có thể được sử dụng để che đậy sự xấu hổ của họ, khiến họ xuất hiện trước mắt mọi người và thậm chí với chính họ như những tên tội phạm hèn hạ nhất. Vì vậy, nó sẽ là bây giờ. Khi Sa-tan tìm cách tiêu diệt những người tôn trọng luật pháp của Đức Chúa Trời, hắn sẽ khiến họ bị buộc tội là những kẻ vi phạm pháp luật, là những người làm ô danh Đức Chúa Trời và đưa ra sự phán xét trên thế giới.

Đức Chúa Trời không bao giờ ép buộc ý chí hay lương tâm; nhưng nguồn lực thường xuyên của Satan - để giành quyền kiểm soát những người mà hắn không thể quyến rũ - là sự chống đối bằng sự tàn ác. Thông qua nỗi sợ hãi hoặc sức mạnh, anh ta vận hành để chi phối ý thức và đảm bảo sự tôn kính cho chính mình. Để đạt được điều này, anh ta làm việc thông qua cả chính quyền tôn giáo và thế tục, khiến họ áp đặt luật pháp của con người bất chấp luật pháp của Chúa.

Những người tôn trọng ngày Sa-bát trong Kinh thánh sẽ bị tố cáo là kẻ thù của luật pháp và trật tự, vì làm sụp đổ những hạn chế đạo đức của xã hội, gây ra tình trạng hỗn loạn và tham nhũng, đồng thời mời gọi sự phán xét của Chúa trên Trái đất. Sự cản trở tận tâm của họ sẽ bị gọi là cố chấp, bướng bỉnh và khinh thường quyền hành. Họ sẽ bị buộc tội không trung thành với chính phủ. Những mục sư từ chối nghĩa vụ của luật thiêng liêng sẽ trình bày từ bực giảng nghĩa vụ tuân theo các cơ quan dân sự như đã được Chúa truyền chức. Trong các phòng lập pháp và tòa án công lý, những người tuân giữ các điều răn sẽ bị vu khống và lên án. Lời của bạn sẽ được tô màu giả; cách giải thích tồi tệ nhất sẽ được đặt vào động cơ của bạn.

Khi các nhà thờ Tin lành bác bỏ những lập luận rõ ràng của kinh thánh để bảo vệ luật pháp của Đức Chúa Trời, họ sẽ muốn bịt miệng những người có đức tin mà họ không thể lật đổ bằng Kinh thánh. Mặc dù họ làm ngơ trước sự thật, nhưng giờ đây họ đang áp dụng một con đường sẽ dẫn họ đến việc bách hại những người tận tâm từ chối làm những gì mà phần còn lại của thế giới Cơ đốc giáo đang làm, và thừa nhận những yêu sách về ngày Sa-bát của giáo hoàng.

Các chức sắc của Giáo hội và Nhà nước sẽ đoàn kết để mua chuộc, thuyết phục hoặc ép buộc mọi tầng lớp tôn vinh ngày Chủ nhật. Việc thiếu thảm quyền thiêng liêng sẽ được cung cấp bởi các sắc lệnh áp bức. Tham nhũng chính trị đang hủy hoại tình yêu công lý và tôn trọng sự thật; và ngay cả ở nước Mỹ tự do, các thống đốc và nhà lập pháp, để đảm bảo sự ủng hộ của công chúng, sẽ nhượng bộ trước yêu cầu phổ biến về một đạo luật bắt buộc phải tuân theo ngày Chủ nhật. Tự do lương tâm, vốn phải trả giá bằng sự hy sinh to lớn, sẽ không còn được tôn trọng nữa. Trong cuộc xung đột đang đến gần, chúng ta sẽ thấy ví dụ về lời nói của nhà tiên tri: "Con rồng nổi giận với người phụ nữ và đi gây chiến với những người thuộc dòng dõi còn lại của bà, là những người tuân giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và có lời chứng của Đức Chúa Giê-su, và đứng trên cát biển" (Khải Huyền 12:17).

Chương 37

Kinh Thánh—Một sự che chở

"Theo luật pháp và lời chứng! Nếu họ không nói theo lời này, sẽ không có bình minh cho họ." (Ê-sai 8:20). Dân Chúa hướng đến Kinh thánh như một biện pháp bảo vệ họ khỏi ảnh hưởng của các giáo sư giả và quyền lực lừa dối của các linh hồn đen tối. Sa-tan dùng mọi thủ đoạn có thể để ngăn cản con người tiếp thu kiến thức về Kinh thánh, vì những lời dạy rõ ràng của Lời Chúa đã vạch trần những sự lừa dối của nó. Trong mỗi cuộc phục hưng công việc của Chúa, tên trùm ma quỷ thấy mình bị kích động bởi hoạt động mãnh liệt hơn. Bây giờ hãy sử dụng những nỗ lực tốt nhất của bạn cho cuộc chiến cuối cùng chống lại Chúa Kitô và những người theo Ngài. Vụ lừa đảo lớn cuối cùng sẽ sớm được đưa ra trước mắt chúng ta. Kẻ địch lại Đấng Christ sẽ thực hiện những công việc kỳ diệu của hắn trước mắt chúng ta. Sự giả mạo sẽ rất gần với sự thật đến nỗi không thể phân biệt được giữa hai điều đó ngoại trừ Kinh Thánh. Qua lời chứng của Sách Thánh, mọi lời tuyên bố và mọi phép lạ đều phải được kiểm nghiệm.

Những người cố gắng tuân theo tất cả các giáo lệnh của Thượng Đế sẽ phải chịu sự chống đối và chế giễu. Họ chỉ có thể chống cự trong Chúa. Để đối mặt với thử thách trước mắt, họ cần hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời như được bày tỏ trong Lời Ngài; Họ chỉ có thể tôn vinh Ngài bằng cách có quan niệm đúng đắn về tính cách, sự cai trị và mục đích của Ngài và hành động phù hợp với chúng.

Không ai ngoài những người đã củng cố tâm trí bằng lẽ thật của Kinh Thánh mới có thể đứng vững trong cuộc tranh cãi lớn cuối cùng. Một bài kiểm tra gay gắt sẽ đến với mọi tâm hồn: liệu tôi có vâng lời Chúa hơn là vâng lời loài người không? Giờ phút quyết định sắp đến gần. Đôi chân của chúng ta có đặt trên tảng đá Lời Chúa không thay đổi không? Chúng ta có sẵn sàng đứng vững để bảo vệ các điều răn của Thiên Chúa và đức tin của Chúa Giêsu không?

Trước khi bị đóng đinh, Đấng Cứu Rỗi đã giải thích cho các môn đồ của Ngài rằng Ngài phải bị giết và sống lại từ trong mộ; Các thiên thần trên trời hiện diện để khắc ghi lời Chúa vào tâm trí những người theo Chúa Kitô. Nhưng các môn đệ mong chờ sự giải thoát tạm thời khỏi ách thống trị của La Mã, và không thể chịu đựng được ý nghĩ rằng Đấng mà họ đặt mọi hy vọng vào lại phải chịu một cái chết ô nhục. Những từ họ cần nhớ đã thoát ra khỏi tâm trí họ; và khi thời điểm xét xử đến, họ không hề chuẩn bị. Cái chết của Đấng Christ đã hoàn toàn tiêu diệt niềm hy vọng của họ, như thể Ngài không cảnh báo trước cho họ. Trong các lời tiên tri, tương lai mở ra trước mắt chúng ta một cách rõ ràng như đã được mạc khải cho các môn đệ qua lời của Chúa Kitô. Các sự kiện liên quan đến việc kết thúc thời gian thử thách và công việc chuẩn bị cho thời kỳ đau khổ được trình bày rõ ràng. Nhưng đám đông không có gì lớn hơn

hiểu biết về những lẽ thật quan trọng này hơn là họ sẽ có được nếu chúng chưa bao giờ được mạc khải cho họ. Sa-tan luôn rình rập để giạt lấy mọi ấn tượng khiến họ không ngoan để được cứu, và lúc khó khăn họ sẽ thấy họ không được chuẩn bị.

Khi Đức Chúa Trời gửi đến loài người những lời cảnh báo quan trọng đến mức chúng được đại diện bởi các thiên thần thánh bay trên bầu trời, Ngài yêu cầu mọi người có khả năng lý luận phải chú ý đến thông điệp đó.

Những sự phán xét khủng khiếp chống lại việc thờ lạy con thú và hình tượng nó (Khải Huyền 14:9-11), nên hướng dẫn mọi người nghiên cứu ứng dụng các lời tiên tri để tìm hiểu dấu hiệu của con thú là gì và họ nên tránh nhận dấu đó như thế nào. Tuy nhiên, quần chúng bình dân lại bị tai trước sự thật, thích truyện ngụ ngôn hơn. Sự đồ Phao-lô nhìn vào

những ngày cuối cùng, đã nói: "Sẽ đến lúc họ không còn phải chịu đựng những giáo lý đúng đắn." (II Ti-mô-thê 4:3). Thời điểm đó đã đến rồi. Đám đông không khao khát lẽ thật trong Kinh thánh vì nó cản trở những ham muốn của tấm lòng tội lỗi, yêu thế gian của họ; và Satan cung cấp cho họ những sự lừa dối mà họ yêu thích.

Nhưng Đức Chúa Trời sẽ có một dân tộc trên Trái đất duy trì Kinh thánh và chỉ Kinh thánh làm tiêu chuẩn cho mọi giáo lý và là nền tảng của mọi cải cách. Ý kiến của những người có học thức, những suy luận của khoa học, những tín điều hay quyết định của các hội đồng giáo hội, nhiều và trái ngược nhau như các nhà thờ, đại diện cho tiếng nói của đa số - không điều nào trong số này và không phải tất cả chúng nên được coi là bằng chứng ủng hộ hay chống lại bất kỳ điều gì. điểm đức tin tôn giáo. Trước khi chấp nhận bất kỳ giáo lý hay giới răn nào, chúng ta nên yêu cầu một cách rõ ràng "Chúa phán như vậy".

Satan không ngừng cố gắng thu hút sự chú ý đến con người hơn là Thiên Chúa. Ông hướng dẫn mọi người tìm đến các giám mục, mục sư và giáo sư thần học như những người hướng dẫn họ, thay vì tra cứu Kinh thánh để tự mình biết bổn phận của mình là gì. Sau đó, bằng cách kiểm soát tâm trí của những nhà lãnh đạo này, anh ta có thể tác động đến đám đông theo ý muốn của mình.

Khi Chúa Kitô đến để rao giảng lời sự sống, dân chúng vui mừng lắng nghe Người; và nhiều người, kể cả các thầy tế lễ và các quan trưởng, đã tin Ngài. Nhưng các thầy tế lễ cả và người dân trong nước nhất quyết lên án và bác bỏ những lời dạy của Ngài. Mặc dù họ thấy mọi cố gắng tìm cách buộc tội Ngài đều vô ích; mặc dù họ không thể không cảm nhận được ảnh hưởng của sức mạnh và trí tuệ thần thánh khi xem xét lời của Ngài, tuy nhiên họ vẫn ẩn náu trong thành kiến.

Họ bác bỏ bằng chứng rõ ràng nhất về đặc tính thiên sai của Ngài, vì sợ rằng họ sẽ bị buộc phải trở thành môn đệ của Ngài. Những đối thủ này của Chúa Giêsu là những người mà dân chúng, từ thời thơ ấu, đã được dạy phải tôn kính, những người mà họ đã quen với việc ngậm cúai đầu. Họ hỏi: "Sao các nhà lãnh đạo và các thầy thông giáo khôn ngoan của chúng ta lại không tin vào Chúa Giê-su? Những người ngoan đạo này sẽ không tiếp nhận Ngài nếu Ngài là Đấng Christ sao?" Chính ảnh hưởng của những người thầy như vậy đã khiến dân tộc Do Thái chối bỏ Đấng Cứu Chuộc của mình.

Tinh thần hoạt động trong các linh mục và các nhà lãnh đạo đó vẫn được thể hiện ở nhiều người có lòng sùng đạo cao độ. Họ từ chối xem xét lời chứng của Kinh thánh liên quan đến những lẽ thật đặc biệt dành cho thời kỳ này. Họ chỉ vào số lượng, sự giàu có và sự nổi tiếng của họ, đồng thời coi thường những người ủng hộ lẽ thật vì số lượng ít, nghèo nàn và không được ưa chuộng, có một đức tin tách biệt họ với thế giới.

Đấng Christ đã tiên đoán rằng việc tuân theo thẩm quyền quá mức của các thầy thông giáo và người Pha-ri-si sẽ không chấm dứt khi người Do Thái bị phân tán. Với tầm nhìn tiên tri, Ngài đã thấy trước việc đề cao quyền lực của con người để cai trị lương tâm, vốn là lời nguyện rửa khùng khiếp đối với hội thánh trong mọi thời đại. Và những lời tố cáo đáng sợ của Ngài đối với các thầy thông giáo và người Pha-ri-si, cũng như những lời cảnh báo dân chúng đừng đi theo những kẻ lãnh đạo mù quáng này, đã được ghi lại như lời khuyên răn cho các thế hệ tương lai.

Giáo hội La Mã có quyền giải thích Kinh thánh cho giới giáo sĩ. Với cáo buộc rằng chỉ có giáo sĩ mới có thẩm quyền giải thích Lời Chúa, Kinh thánh đã bị tước đoạt khỏi dân chúng. Mặc dù cuộc Cải cách giúp mọi người có thể tiếp cận Kinh thánh, nhưng nguyên tắc tương tự được La Mã duy trì cũng ngăn cản đám đông trong các nhà thờ Tin lành tự mình kiểm tra Kinh thánh. Những người này được dạy phải chấp nhận lời dạy của họ theo cách giải thích của nhà thờ; và có hàng nghìn người không dám nhận bất cứ điều gì, mặc dù được Kinh thánh tiết lộ rõ ràng, điều đó trái ngược với tín ngưỡng của họ hoặc lời dạy đã được thiết lập của nhà thờ của họ.

Mặc dù Kinh Thánh được cho là chứa đầy những lời cảnh báo chống lại các giáo sư giả, nhưng nhiều người vẫn sẵn sàng giao phó quyền giám hộ linh hồn của họ cho các giáo sĩ. Ngày nay có hàng ngàn người tuyên xưng tôn giáo, những người không thể đưa ra lý do nào khác cho quan điểm đức tin của mình ngoài lý do mà họ đã được các nhà lãnh đạo tôn giáo hướng dẫn. Họ lướt qua những lời giảng dạy của Đấng Cứu Rỗi mà hầu như không để ý đến chúng và đặt niềm tin tuyệt đối vào lời nói của các mục sư. Nhưng các bộ trưởng có phải là không thể sai lầm? Làm sao chúng ta có thể phó thác tâm hồn mình cho sự hướng dẫn của họ trừ khi chúng ta biết từ Lời Chúa rằng họ là những người mang ánh sáng? Thiếu can đảm đạo đức để đi chệch khỏi con đường cũ kỹ của thế giới khiến nhiều người đi theo bước chân của những người có học thức. Và do miễn cưỡng tự mình điều tra, họ đang trở nên bị xiềng xích một cách vô vọng bởi chuỗi sai lầm. Họ thấy rằng lẽ thật lần này được mặc khải rõ ràng trong Kinh Thánh và họ cảm nhận được quyền năng của Chúa Thánh Thần đang đối theo lời công bố của nó, tuy nhiên họ lại để cho sự chống đối của hàng giáo phẩm làm họ quay lưng lại với ánh sáng. Dù lý trí và lương tâm bị thuyết phục nhưng những tâm hồn bị lừa dối này cũng không dám nghĩ khác với mục sư; và nhận thức cá nhân, những lợi ích vĩnh cửu của anh ta bị hy sinh cho sự vô tín, kiêu ngạo và thành kiến của người khác.

Có nhiều phương tiện mà Sa-tan sử dụng thông qua ảnh hưởng của con người để giải bẫy những kẻ bị hấn giam cầm. Ngài thu hút đám đông đến với mình, trói buộc họ bằng những mối dây tình cảm như lụa với những kẻ thù của thập giá Chúa Kitô. Dù mối quan hệ của bạn là gì - cha con, vợ chồng hay xã hội - thì hiệu quả đều như nhau; những người chống lại sự thật sử dụng quyền lực của họ để kiểm soát lương tâm, và những linh hồn bị giam giữ dưới ảnh hưởng của họ không có đủ can đảm hoặc độc lập để tuân theo xác tín về nghĩa vụ của chính họ.

Sự thật và vinh quang của Thiên Chúa không thể tách rời. Với Kinh Thánh trong tay, chúng ta không thể tôn vinh Đức Chúa Trời bằng cách giữ những quan điểm sai lầm. Nhiều người cho rằng việc ai đó tin vào điều gì không quan trọng chỉ cần cuộc sống của họ là chính đáng. Nhưng cuộc sống được định hình bởi niềm tin. Nếu ánh sáng và lẽ thật ở trong tầm tay của chúng ta, và chúng ta bỏ qua việc tận hưởng đặc quyền được nghe và nhìn thấy chúng, thì hầu như chúng ta đã từ chối chúng và chọn bóng tối thay vì ánh sáng.

"Có một con đường, có vẻ đúng đối với con người, nhưng cuối cùng lại là con đường chết." (Châm ngôn 16:25). Sự thiếu hiểu biết không phải là lý do bào chữa cho lỗi lầm hay tội lỗi khi có mọi cơ hội để biết ý muốn của Chúa. Một người đàn ông đang đi du lịch và đến một nơi có nhiều con đường và có một biển báo chỉ dẫn mỗi con đường dẫn đến đâu. Nếu anh ta không tính đến chỉ dẫn trên biển báo và đi theo bất kỳ con đường nào có vẻ đúng đối với anh ta, anh ta có thể rất chân thành, nhưng rất có thể anh ta sẽ thấy mình đi sai đường.

Đức Chúa Trời ban cho chúng ta Lời Ngài để chúng ta có thể làm quen với những lời dạy của Ngài và biết những điều Ngài đòi hỏi nơi chúng ta. Khi người luật sĩ đến hỏi Chúa Giêsu: "Tôi phải làm gì để được sự sống đời đời làm gia nghiệp?", Đấng Cứu Rỗi dẫn ông đến Kinh Thánh và nói: "Trong luật đã viết gì? Ông đọc thế nào?" Sự thiếu hiểu biết sẽ không bào chữa cho dù già hay trẻ, cũng như không giải thoát họ khỏi hình phạt do họ vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời, bởi vì mọi người đều có trong tay sự trình bày trung thực về luật đó, các nguyên tắc và yêu sách của nó. Có ý định tốt thôi chưa đủ; Làm những gì người ta cho là đúng, hay những gì bộ trưởng nói là đúng thì chưa đủ. Sự cứu rỗi linh hồn của họ đang bị đe dọa, và họ nên tự mình tra cứu Kinh thánh. Mặc dù niềm tin của bạn có thể mạnh mẽ; mặc dù họ có thể dựa vào những gì bộ trưởng biết là đúng, nhưng đó không phải là cơ sở của họ. Họ có một bản đồ hiển thị tất cả các hướng dẫn tới Thiên đường và họ không nên đưa ra giả định về bất cứ điều gì.

Nhiệm vụ đầu tiên và cao nhất của mọi sinh vật có lý trí là tìm hiểu từ Kinh thánh đâu là lẽ thật, sau đó bước đi trong ánh sáng, khuyến khích người khác noi gương họ. Ngày này qua ngày khác, chúng ta phải siêng năng nghiên cứu Kinh Thánh, cân nhắc từng ý tưởng và so sánh từng câu với nhau. Với sự giúp đỡ thiêng liêng, chúng ta phải hình thành ý kiến cho chính mình, cũng như chúng ta phải trả lời cho chính mình trước Chúa.

Những lẽ thật được tiết lộ rõ ràng nhất trong Kinh thánh đã bị che phủ trong sự nghi ngờ và bóng tối bởi những người có học thức, những người giả vờ là rất thông thái, dạy rằng Kinh thánh có một ý nghĩa huyền bí, bí mật, một ý nghĩa tâm linh không được thể hiện rõ ràng trong ngôn ngữ được sử dụng. Những người này là những giáo sư giả. Chính với một lớp người như thế mà Chúa Giêsu đã tuyên bố: "Các người sai lầm vì không biết Kinh Thánh cũng như quyền năng của Thiên Chúa". (Mác 12:24). Ngôn ngữ của Kinh Thánh phải được giải thích theo ý nghĩa hiển nhiên của nó, trừ khi sử dụng biểu tượng hoặc hình ảnh. Đấng Christ đã hứa: "Nếu ai muốn làm theo ý muốn Ngài, thì cứ theo giáo lý đó mà biết điều đó có đến từ Đức Chúa Trời hay không". (Giăng 7:17). Nếu con người hiểu Kinh thánh như nó vốn có; Nếu không có những giáo sư giả để đánh lừa và làm rối trí tâm trí họ, thì một công việc sẽ được hoàn thành khiến các thiên thần vui mừng, và điều đó sẽ đưa hàng ngàn hàng ngàn người hiện đang lang thang trong sai lầm vào trong đàn của Đấng Christ.

Chúng ta phải áp dụng mọi khả năng của trí óc để nghiên cứu Kinh thánh, và sử dụng sự hiểu biết trong sự hiểu biết, trong khả năng có thể được của con người, những điều sâu nhiệm của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, chúng ta không được quên rằng sự ngoan ngoãn và phục tùng của trẻ là đặc trưng của tinh thần học hỏi thực sự. Những khó khăn gặp phải trong Kinh thánh không bao giờ có thể khắc phục được bằng cách sử dụng các phương pháp tương tự khi tiếp cận các vấn đề triết học. Chúng ta không nên tham gia vào việc nghiên cứu Kinh thánh với sự tự tin như nhiều người bước vào lĩnh vực khoa học, mà thay vào đó với sự phụ thuộc ngoan đạo vào Chúa và mong muốn chân thành muốn biết ý muốn của Ngài. Chúng ta phải đến với một tinh thần khiêm tốn và dễ dạy để có được kiến thức về Đấng Ta Là vĩ đại. Nếu không, các thiên sứ ác sẽ làm mù tâm trí chúng ta và làm cứng lòng chúng ta để chúng ta không bị ấn tượng bởi lẽ thật.

Nhiều phần Kinh thánh mà các học giả cho là bí ẩn hoặc bị bỏ qua vì không quan trọng, lại chứa đầy sự an ủi và hướng dẫn cho những người đã được dạy trong trường Đấng Christ. Một lý do khiến nhiều nhà thần học không hiểu rõ hơn về Lời Chúa là họ nhầm lẫn làm ngơ trước những lẽ thật mà họ không muốn thực hành. Việc hiểu lẽ thật Kinh Thánh không phụ thuộc nhiều vào sức mạnh trí tuệ được áp dụng vào nghiên cứu, mà phụ thuộc vào mục đích duy nhất, vào lòng khao khát công lý nhiệt thành.

Không bao giờ nên học Kinh Thánh mà không cầu nguyện. Chỉ có Chúa Thánh Thần mới có thể làm cho chúng ta cảm nhận được tầm quan trọng của những điều dễ hiểu hoặc ngăn cản chúng ta bóp méo những sự thật khó hiểu. Chức năng của các thiên thần trên trời là chuẩn bị tâm hồn để hiểu Lời Chúa theo cách khiến chúng ta bị mê hoặc bởi vẻ đẹp của Lời Chúa, được khuyến khích bởi những lời cảnh báo của Lời Chúa hoặc được khích lệ và củng cố bởi những lời hứa của Lời Chúa. Chúng ta nên thực hiện lời yêu cầu của người viết Thi Thiên: "Xin mở mắt tôi để tôi có thể thấy những điều kỳ diệu từ luật pháp của Ngài". (Thi Thiên 119:18). Những cám dỗ thường có vẻ không thể cưỡng lại được bởi vì, do lơ là cầu nguyện và học Kinh Thánh, kẻ bị cám dỗ không thể dễ dàng ghi nhớ những lời hứa của Đức Chúa Trời và đối mặt với Sa-tan bằng vũ khí của Kinh thánh. Nhưng các thiên thần đang vây quanh những người sẵn lòng học hỏi những điều thiêng liêng; và vào lúc rất cần, họ sẽ mang đến cho bạn những sự thật mà bạn đang cần. Vì vậy, "khi kẻ thù ập đến như nước lũ, Thánh Linh của Chúa sẽ dựng cờ chống lại nó" (Ê-sai 59:19).

Chúa Giêsu đã hứa với các môn đệ của Người: “Đấng Phụ Trợ, là Thánh Thần mà Chúa Cha sẽ nhân danh Thầy sai đến, Người sẽ dạy anh em mọi điều và sẽ nhắc nhở anh em mọi điều Thầy đã nói với anh em” (Ga 14:26). Nhưng những lời dạy của Đấng Christ trước tiên phải được ghi nhớ, để Thánh Linh của Đức Chúa Trời có thể kêu gọi chúng ta ghi nhớ chúng trong lúc nguy hiểm. Đa-vít nói: “Con đã giấu Lời Chúa trong lòng con, để con không phạm tội cùng Chúa” (Thi Thiên 119:11).

Tất cả những ai coi trọng lợi ích vĩnh cửu của mình đều phải cảnh giác trước sự xâm phạm của chủ nghĩa hoài nghi. Chính nền tảng của sự thật sẽ bị tấn công. Không thể nào nằm ngoài tầm với của những lời mĩa mai và nguy hiểm, những lời dạy thâm hiểm và tai hại của sự không chung thủy thời hiện đại. Satan thích ứng những cám dỗ của mình với mọi tầng lớp. Anh ta tấn công những người mù chữ bằng sự nhạo báng hoặc khinh thường, trong khi anh ta gặp những người có học thức bằng những phản đối khoa học và lý luận triết học, được tính toán giống nhau để kích động sự nghi ngờ hoặc khinh thường Kinh thánh. Ngay cả những người trẻ có ít kinh nghiệm cũng có thể nghi ngờ những nguyên tắc cơ bản của Kitô giáo. Và sự không chung thủy của tuổi trẻ, dù hơi hợt, cũng có ảnh hưởng của nó. Vì vậy, nhiều người đã chế nhạo đức tin của tổ phụ họ và khinh thường Thánh Linh ân điển (Hê-bơ-rơ 10:29). Nhiều cuộc đời hứa hẹn vinh danh Chúa và đem lại phước hạnh cho thế gian đã bị thiêu đốt bởi hơi thở đáng ghét của sự vô tín. Tất cả những ai tin tưởng vào những quyết định ngạo mạn của lý trí con người, và tưởng tượng rằng có thể giải thích những bí ẩn thiêng liêng và đạt đến sự thật mà không cần sự trợ giúp của sự khôn ngoan thiêng liêng, đều bị mắc kẹt trong xiềng xích của Satan.

Chúng ta đang sống trong thời kỳ trang trọng nhất trong lịch sử thế giới này. Số phận của vô số loài người trên Trái đất sắp được quyết định. Hạnh phúc trong tương lai của chúng ta cũng như sự cứu rỗi của những linh hồn khác đều phụ thuộc vào con đường mà chúng ta đang theo đuổi. Chúng ta cần được Thánh Linh lẽ thật hướng dẫn. Mỗi người theo Đấng Christ nên nhiệt thành hỏi: “Lạy Chúa, Ngài muốn con làm gì?” Chúng ta cần hạ mình xuống trước mặt Chúa bằng việc kiêng ăn và cầu nguyện, đồng thời suy gẫm nhiều về Lời Ngài, đặc biệt là về những cảnh phán xét. Bây giờ chúng ta nên tìm kiếm một trải nghiệm sâu sắc và sống động về những điều thuộc về Đức Chúa Trời. Chúng ta không có một phút nào để lãng phí. Những sự kiện có tầm quan trọng sống còn đang diễn ra xung quanh chúng ta; Chúng ta đang ở trong địa hình mê hoặc của Satan. Đừng ngủ, hơi lính gác của Chúa; kẻ thù đang rình rập rất gần chúng ta, sẵn sàng bất cứ lúc nào, nếu bạn trở nên thư giãn và buồn ngủ, sẽ lao vào bạn và biến bạn thành con mồi của hắn.

Nhiều người lầm tưởng về địa vị thực sự của họ trước mặt Chúa. Họ tự khen mình về những việc xấu họ không làm và quên liệt kê những việc tốt và cao quý mà Chúa yêu cầu họ nhưng lại lơ là thực hiện. Chỉ là những cái cây trong vườn của Chúa thôi thì chưa đủ. Họ phải đáp ứng những mong đợi của Ngài bằng cách sinh ra bông trái. Ngài buộc họ phải chịu trách nhiệm về việc họ không làm được tất cả những điều tốt mà họ có thể làm nhờ ân điển ban sức mạnh của Ngài. Trong thiên thư chúng được ghi lại là những mối phiền toái trên trái đất. Tuy nhiên, ngay cả trường hợp của lớp này cũng không hẳn là tuyệt vọng. Tấm lòng yêu thương nhịn nhục vẫn nài xin những ai đã khinh thường lòng thương xót Chúa và lạm dụng ân sủng của Ngài. “Vì vậy, Ngài phán: Hãy thức dậy, hơi kẻ đang ngủ và trở dậy từ cõi chết, thì Đấng Christ sẽ soi sáng cho người. Vậy nên hãy cẩn thận trong cách ăn ở... chuộc lại thời gian; vì những ngày thật xấu xa.”

(Ê-phê-sô 5:14-16).

Khi thời điểm thử thách đến, những ai lấy Lời Chúa làm nguyên tắc sống của mình sẽ lộ diện. Vào mùa hè, bạn không nhận thấy bất kỳ sự khác biệt nào giữa cây thường xanh và các cây khác. Nhưng khi những cơn gió mùa đông thổi qua, cây thường xanh vẫn không thay đổi, trong khi những cây khác rụng lá và trụi lá. Vì vậy, bây giờ người xưng là Cơ đốc nhân có tấm lòng giả dối có thể không được phân biệt với người Cơ đốc chân chính; nhưng thời gian sẽ đến, và nó ở ngay trước mắt chúng ta, khi

sự khác biệt sẽ thấy rõ. Sự chống đối nổi lên, sự cuồng tín và không khoan dung lại nổi lên, sự đàn áp lại bùng lên, những kẻ không thành thật và đạo đức giả sẽ dao động và từ bỏ đức tin của mình. Nhưng người Kitô hữu chân chính sẽ đứng vững như đá, đức tin sẽ ngày càng mạnh mẽ và niềm hy vọng sẽ sáng ngời hơn trong những ngày thịnh vượng.

Tác giả Thi Thiên nói: "Tôi suy ngẫm về lời chứng của Ngài". "Nhờ các điều răn Chúa, tôi đã hiểu biết, nên tôi ghét mọi đường lối giả dối." (Thi Thiên 119:99 và 104).

"Phúc thay người tìm được sự khôn ngoan." "Người ấy sẽ như cây trồng bên dòng nước, đâm rễ vào dòng suối, không sợ nắng nóng mà lá vẫn xanh tươi, gặp năm khô hạn cũng không nhọc công, cũng không ngừng sinh trái. " (Châm ngôn 3:13; Giê-rê-mi 17:8).

Chương 38

Cảnh báo cuối cùng

"Tôi lại thấy một vị thiên sứ khác từ trời xuống, có quyền năng lớn lao, và vinh quang của người chiếu sáng trái đất. Người kêu lớn tiếng rằng: Ba-by-lôn lớn đã sụp đổ, đã sụp đổ, và trở thành nơi ở của ma quỷ, và sự giao hợp của mọi thần ô uế, và sự giao hợp của mọi loài chim ô uế và đáng ghét." "Tôi lại nghe một tiếng khác từ trên trời đến rằng: Hỡi dân ta, hãy ra khỏi thành ấy, kéo các người dự phần tội lỗi với nó và lãnh những tai họa của nó chăng". (Kh 18:1, 2 và 4).

Đoạn văn này hướng tới thời điểm mà lời thông báo về sự sụp đổ của Ba-by-lôn, như được thiên sứ thứ hai trong Khải Huyền 14 công bố, phải được lặp lại với việc đề cập thêm về những sự bại hoại đã len lỏi vào các tổ chức khác nhau cấu thành nên Ba-by-lôn kể từ khi thông điệp đó được đưa ra. Được đưa ra lần đầu tiên vào mùa hè năm 1844. Tình trạng khủng khiếp của thế giới tôn giáo được mô tả ở đây. Với mỗi lần chối bỏ sự thật, tâm trí con người sẽ trở nên u ám hơn và trái tim họ dễ lây lan hơn, cho đến khi các cá nhân cố thủ trong sự không chung thủy táo bạo. Bất chấp những lời đe dọa của thần thánh, họ sẽ tiếp tục chà đạp một trong những giới luật của điều răn, cho đến khi họ bắt bớ những ai coi nó là thiêng liêng. Đáng Christ bị coi thường với thái độ khinh thường Lời Ngài và con người. Khi những lời dạy của thuyết tâm linh được các nhà thờ chấp nhận, những hạn chế áp đặt lên trái tim xác thịt sẽ được dỡ bỏ và nghề tôn giáo sẽ trở thành tấm áo che đậy cho tội ác hèn hạ nhất. Niềm tin vào những biểu hiện tâm linh mở ra cánh cửa cho các linh hồn lừa dối và học thuyết của ma quỷ, và do đó ảnh hưởng của các thiên thần ác quỷ sẽ được cảm nhận trong các nhà thờ.

Về Ba-by-lôn, vào thời điểm mà lời tiên tri ấn định, có lời tuyên bố: "Tội lỗi của nó đã chôn cất lên trời, và Đức Chúa Trời đã nhớ lại những tội lỗi của nó". (Ngày tận thế. 18:5). Cô ấy đã lấp đầy mức độ tội lỗi của mình và sự hủy diệt sắp ập đến với cô ấy. Nhưng Đức Chúa Trời vẫn còn một dân ở Ba-by-lôn; và, trước sự phán xét của Ngài, những người trung thành này phải được gọi ra khỏi nó, để không dự phần vào tội lỗi của nó và gánh chịu những tai họa của nó. Đây là lý do tại sao phong trào này được tượng trưng bằng hình ảnh thiên thần từ trên trời xuống, chiếu sáng Trái đất bằng vinh quang của mình và kêu lớn một cách mạnh mẽ, công bố tội lỗi của Babylon. Liên quan đến thông điệp của cô ấy, người ta nghe thấy tiếng gọi: "Hỡi dân Ta, hãy ra khỏi cô ấy." Những lời cảnh báo này, cùng với thông điệp của thiên thần thứ ba, tạo thành lời cảnh báo cuối cùng được đưa ra cho cư dân trên Trái đất.

Kết quả mà thế giới cuối cùng sẽ gặt hái thật đáng sợ. Các quyền lực trên Trái đất, đoàn kết để tiến hành cuộc chiến chống lại các điều răn của Chúa, sẽ ra lệnh rằng tất cả, "nhỏ và lớn, giàu và nghèo, tự do và nô lệ" (Khải huyền 13:16), phải tuân theo phong tục của nhà thờ bằng cách quan sát thứ bảy sai lầm. Tất cả những ai từ chối tuân thủ sẽ bị trừng phạt bởi các quy tắc của luật dân sự và cuối cùng sẽ bị tuyên bố đáng chết. Mặt khác, luật pháp của Đức Chúa Trời, áp đặt ngày nghỉ ngơi của Đấng Tạo Hóa, đòi hỏi sự vâng phục và với cơn thịnh nộ chính đáng của Đức Chúa Trời, đe dọa tất cả những ai vi phạm giới răn của Ngài.

Với vấn đề đã được nêu rõ như vậy, bất cứ ai vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời để tuân theo mệnh lệnh của con người sẽ nhận được dấu ấn của con thú. Anh ta chấp nhận dấu hiệu trung thành với quyền lực mà anh ta chọn tuân theo thay vì Chúa. Lời cảnh báo từ Thiên đàng là: "Nếu ai thờ lạy con thú và hình ảnh nó, đồng thời nhận dấu ấn của nó trên trán hoặc trên tay, thì người đó cũng sẽ uống rượu thịnh nộ của Đức Chúa Trời, rượu được rót nguyên chất vào cốc. cơn thịnh nộ của Ngài" (Khải Huyền 14:9 và 10).

Nhưng không ai phải hứng chịu cơn thịnh nộ của Chúa cho đến khi sự thật được trình bày trong tâm trí và lương tâm của họ và bị họ bác bỏ. Có nhiều người chưa bao giờ có cơ hội được nghe những sự thật đặc biệt lần này. Nghĩa vụ của điều răn thứ tư chưa bao giờ được trình bày với họ theo đúng nghĩa của nó. Đáng đọc được mọi tâm hồn và cần nhắc mọi động cơ sẽ không cho phép bất cứ ai mong muốn hiểu biết về sự thật bị lừa dối về kết quả của cuộc xung đột này. Sắc lệnh sẽ không được áp đặt một cách mù quáng đối với người dân. Mỗi người sẽ nhận được đủ ánh sáng để đưa ra quyết định của mình một cách thông minh.

Thứ Bảy sẽ là bài kiểm tra lớn về lòng trung thành, vì đây là điểm đặc biệt gây tranh cãi về sự thật. Khi thử thách cuối cùng đến với loài người, lúc đó ranh giới phân biệt sẽ được vạch ra giữa những người phục vụ Đức Chúa Trời và những người không phục vụ Ngài. Trong khi việc giữ ngày Sa-bát giả, phù hợp với luật của Nhà nước và trái với điều răn thứ tư, là một lời tuyên xưng trung thành với quyền lực chống lại Thiên Chúa, việc tuân giữ ngày Sa-bát thật, tuân theo luật Chúa, là bằng chứng về lòng trung thành với Đấng Tạo Hóa. Trong khi một lớp, bằng cách chấp nhận dấu hiệu phục tùng các quyền lực trần thế, nhận được dấu ấn của con thú, thì lớp kia, thích dấu hiệu vâng phục quyền lực thần linh, nhận được dấu ấn của Thiên Chúa.

Cho đến nay, những người trình bày sự thật trong thông điệp của thiên thần thứ ba thường bị coi là những người chỉ đưa ra cảnh báo. Những dự đoán của ông rằng sự không khoan dung tôn giáo sẽ giành quyền kiểm soát ở Hoa Kỳ, rằng Giáo hội và Nhà nước sẽ đoàn kết để đàn áp những người tuân giữ các điều răn của Chúa, đã bị bác bỏ vì vô căn cứ và vô lý. Người ta đã tuyên bố một cách tự tin rằng quốc gia này không bao giờ có thể trở thành một cái gì khác hơn những gì nó luôn là: một nước bảo vệ tự do tôn giáo. Tuy nhiên, vì vấn đề bắt buộc phải tuân theo Chúa Nhật đang được dư luận rộng rãi, nên sự kiện, vốn bị nghi ngờ và không tin từ lâu, đã được xác nhận, như thể đã ở trước cửa; và thông điệp thứ ba sẽ tạo ra một hiệu ứng mà trước đó không thể có được.

Trong mọi thế hệ, Đức Chúa Trời đã sai đầy tớ Ngài đến để quở trách tội lỗi, cả trên thế gian lẫn trong hội thánh. Nhưng mọi người muốn những điều suôn sẻ được nói với họ, và sự thật, trong sáng và đơn giản, không được chấp nhận. Nhiều nhà cải cách khi bắt đầu công cuộc đã quyết tâm hết sức thận trọng tấn công tội lỗi của giáo hội và dân tộc. Họ hy vọng, bằng tấm gương sống thuần khiết của Cơ đốc nhân, sẽ dẫn dắt mọi người quay trở lại với các giáo lý của Kinh thánh. Nhưng Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trên họ, giống như Ngài đã đến trên Ê-li, thúc giục ông quở trách tội lỗi của một vị vua không tin kính và một dân bội đạo. Họ không thể kiềm chế việc rao giảng những cách diễn đạt rõ ràng của Kinh thánh—những giáo lý mà họ đã miễn cưỡng trình bày. Họ cảm thấy (SMART MARK LOVED) bị thôi thúc phải hăng hái tuyên bố sự thật và mối nguy hiểm đang đe dọa tâm hồn họ. Những lời Chúa ban cho họ, họ tuyên bố một cách không sợ hãi, không quan tâm đến hậu quả có thể xảy ra, và dân chúng buộc phải nghe theo lời cảnh báo.

Như vậy thông điệp của thiên thần thứ ba sẽ được công bố. Khi đến lúc nó được ban cho quyền năng lớn lao hơn, Chúa sẽ hoạt động thông qua những công cụ khiêm tốn, hướng dẫn tâm trí của những người tận hiến cho việc phục vụ Ngài. Đúng hơn, các công nhân sẽ có đủ điều kiện nhờ sự xúc dầu của Thánh Linh Ngài hơn là nhờ sự chuẩn bị về mặt học vấn có được trong các cơ sở giáo dục. Những người có đức tin và cầu nguyện sẽ bị buộc phải ra đi với lòng nhiệt thành thánh thiện, rao giảng những lời Thiên Chúa ban cho họ. Tội lỗi của Babylon sẽ bị phơi bày. Những kết quả ghê tởm của việc bắt buộc phải tuân theo giáo hội do chính quyền dân sự áp đặt, sự xâm lược của thuyết duy linh, sự tiến triển bí mật nhưng nhanh chóng của quyền lực giáo hoàng, tất cả sẽ bị vạch trần. Bởi những lời cảnh báo long trọng này, mọi người sẽ rất ấn tượng. Hàng ngàn hàng ngàn người chưa bao giờ nghe những lời như thế này sẽ lắng nghe chúng. Họ sẽ kinh ngạc khi nghe lời chứng rằng Ba-by-lôn chính là giáo hội đã sụp đổ vì những lỗi lầm và tội lỗi của mình, vì đã khước từ lẽ thật được gửi đến cho mình từ đấng

Khi dân chúng quay về với những vị thầy xưa với câu hỏi trần trụi: "Mọi chuyện có thực sự như thế này không?", các quan lại kể những câu chuyện ngụ ngôn, tiên tri những điều dễ chịu, để xoa dịu nỗi sợ hãi và làm im lặng lương tâm cao độ của họ. Nhưng vì nhiều người từ chối hài lòng với quyền lực đơn thuần của con người, yêu cầu một lời rõ ràng "Chúa phán như vậy", nên mục vụ bình dân, giống như những người Pha-ri-si thời xưa, đầy phần nộ vì quyền lực của họ bị tra hỏi, sẽ tố cáo thông điệp sắp đến. từ Satan, và sẽ xúi giục đám đông yêu tội lỗi lãng mạ và bắt bớ những người tuyên bố điều đó.

Khi cuộc tranh cãi lan rộng sang các lĩnh vực mới và khi mọi người chú ý đến luật pháp bị chà đạp của Đức Chúa Trời, Sa-tan sẽ hành động. Sức mạnh hỗ trợ thông điệp sẽ chỉ khiến những người phản đối nó tức giận. Các giáo sĩ sẽ dùng những nỗ lực gần như siêu phàm để tắt ánh sáng vì sợ nó sẽ chiếu sáng đàn chiên của họ. Bằng mọi cách trong khả năng của mình, họ sẽ cố gắng tránh thảo luận về những vấn đề quan trọng này. Giáo hội sẽ kêu gọi cánh tay mạnh mẽ của quyền lực dân sự, và trong công việc này những người theo Giáo hoàng và Tin lành sẽ đoàn kết lại. Khi phong trào áp đặt ngày Chúa nhật trở nên táo bạo và quyết liệt hơn, luật pháp sẽ được đưa ra để chống lại những người tuân giữ các điều răn. Họ sẽ bị đe dọa phạt tiền và bỏ tù, và một số sẽ được đề nghị các vị trí có ảnh hưởng cũng như các phần thưởng và lợi ích khác, như một sự xúi giục từ bỏ đức tin của họ. Nhưng câu trả lời kiên định của ông là: "Hãy dùng Lời Chúa cho chúng tôi thấy lỗi lầm của chúng tôi," cùng một yêu cầu được Luther đưa ra trong những hoàn cảnh tương tự. Những người bị buộc tội trước tòa án sẽ đưa ra lời chứng minh mạnh mẽ về sự thật, và một số người nghe họ sẽ đứng lên tuân theo tất cả các điều răn của Thiên Chúa. Do đó, ánh sáng sẽ được mang đến cho hàng ngàn người lẽ ra không biết gì về những lẽ thật này.

Việc tận tâm vàng theo Lời Chúa sẽ bị coi là nổi loạn.

Bị Sa-tan làm mù quáng, người cha sẽ tàn nhẫn và nghiêm khắc đối với đứa con có đức tin; ông chủ hoặc bà chủ sẽ áp bức nhân viên tuân theo các điều răn. Tình cảm sẽ bị thu hồi; trẻ em sẽ bị tước quyền thừa kế và bị đuổi khỏi nhà. Những lời của sứ đồ Phao-lô sẽ được ứng nghiệm theo nghĩa đen: "Tất cả những ai sống tin kính trong Đức Chúa Giê-su Christ đều sẽ bị bắt bớ". (II Ti-mô-thê 3:12). Bởi vì những người bảo vệ sự thật sẽ từ chối tôn trọng ngày nghỉ Chủ nhật, một số người trong số họ sẽ bị tống vào tù, bị lưu đày và những người khác bị đối xử như nô lệ. Dưới con mắt khôn ngoan của con người, tất cả những điều này bây giờ dường như là không thể, nhưng khi Thần kiểm chế của Đức Chúa Trời rút lui khỏi con người và họ nằm dưới sự kiểm soát của Sa-tan, kẻ ghét những giới răn thiêng liêng, thì những điều kỳ lạ sẽ xảy ra. Con tim có thể rất tàn nhẫn khi lòng kính sợ và tình yêu Thiên Chúa bị loại bỏ.

Khi cơn bão đến gần, rất nhiều tầng lớp đã tuyên xưng đức tin vào thông điệp của thiên thần thứ ba, nhưng chưa được thánh hóa nhờ tuân theo lẽ thật, từ bỏ vị trí của mình và gia nhập hàng ngũ kẻ thù. Thông qua sự kết hợp với thế giới và tham gia vào tinh thần của nó, họ nhìn mọi thứ gần như giống nhau; và khi thử thách đến, họ sẽ thấy mình đã chuẩn bị sẵn sàng để chọn bên dễ hơn và được ưa chuộng hơn. Những người có tài năng và cách cư xử dễ mến, từng vui mừng trước sự thật, lại sử dụng khả năng của mình để lừa dối và đánh lừa các linh hồn. Họ trở thành kẻ thù cay đắng nhất của những người anh em cũ của họ. Khi những người giữ ngày Sa-bát bị đưa ra trước tòa án để trả lời vì đức tin của họ, những kẻ bội đạo này sẽ là tay sai hiệu quả nhất của Sa-tan để vạch trần họ dưới ánh sáng giả dối và buộc tội họ, đồng thời, thông qua những lời chứng và lời nói bóng gió giả dối, xúi giục những kẻ cai trị chống lại họ.

Trong thời kỳ bắt bớ này, đức tin của các tông đồ Chúa sẽ bị thử thách. Họ trung thành đưa ra lời cảnh báo, chỉ dán mắt vào Chúa và Lời Ngài. Thánh Linh của Đức Chúa Trời hành động trong lòng họ, ép buộc họ phải nói. Được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành thánh thiện và sự thôi thúc thiêng liêng không thể cưỡng lại, họ đã hoàn thành nhiệm vụ của mình mà không ngừng tính toán một cách lạnh lùng những hậu quả của việc rao giảng cho dân chúng Lời Chúa đã ban cho họ.

Họ không hỏi ý kiến lợi ích thế tục, cũng không tìm cách bảo toàn danh tiếng hay mạng sống của mình. Tuy nhiên, khi cơn bão chống đối và tổn thương ập đến với họ, một số người, bị áp bức vì lo lắng, sẽ sẵn sàng kêu lên: "Nếu chúng tôi thấy trước hậu quả của lời nói của mình, chúng tôi đã có thể giữ được hòa bình". Họ thấy mình bị bao quanh bởi những khó khăn. Satan tấn công họ bằng những cám dỗ khốc liệt. Công việc họ đảm nhận dường như vượt xa khả năng hoàn thành của họ. Họ đang bị đe dọa hủy diệt. Tuy nhiên, nhiệt huyết truyền cảm hứng cho họ đã không còn nữa, nó không thể quay trở lại. Sau đó, cảm thấy hoàn toàn bất lực, họ chạy đến chỗ người có quyền năng để lấy sức mạnh. Họ nhớ rằng những lời họ nói không phải của họ mà là của Đấng đã truyền lệnh cho họ đưa ra lời cảnh báo. Đức Chúa Trời đặt lẽ thật vào lòng họ và họ không thể không công bố lẽ thật đó.

Những thử thách tương tự đã được những người của Đức Chúa Trời trải qua trong quá khứ. Wycliffe, Huss, Luther, Tyndale, Baxter, Wesley, nhấn mạnh rằng tất cả các học thuyết phải được Kinh thánh chứng minh, đồng thời tuyên bố rằng họ sẽ từ bỏ mọi thứ mà Kinh thánh lên án. Cuộc đàn áp nổ ra chống lại những người đàn ông này với cơn thịnh nộ không thể nguôi ngoai, tuy nhiên, họ không ngừng tuyên bố sự thật. Mỗi thời kỳ khác nhau trong lịch sử hội thánh đều được đánh dấu bằng sự phát triển của một số lẽ thật đặc biệt, phù hợp với nhu cầu của dân Chúa lúc bấy giờ. Mỗi sự thật mới đã khắc một con đường giữa hận thù và chống đối. Những người được ban phước với ánh sáng của Ngài đều trải qua những cám dỗ và thử thách. Chúa ban một lẽ thật đặc biệt cho dân chúng trong những trường hợp khẩn cấp. Ai dám không tuyên bố điều đó? Ngài ra lệnh cho các tông đồ của Ngài đưa ra lời mời gọi cuối cùng về lòng thương xót cho thế giới. Họ không thể giữ im lặng ngoại trừ lúc linh hồn họ gặp nguy hiểm. Các đại sứ của Đấng Christ không liên quan gì đến hậu quả. Họ phải thực hiện bổn phận của mình và phó thác kết quả cho Đức Chúa Trời.

Khi sự chống đối ngày càng dữ dội hơn, tông đồ của Đức Chúa Trời lại bối rối; bởi vì đối với họ, có vẻ như họ đã tạo ra cuộc khủng hoảng. Nhưng lương tâm và Lời Chúa bảo đảm với họ rằng hướng đi của họ là đúng, và dù thử thách vẫn tiếp diễn, họ được thêm sức để chịu đựng. Cuộc xung đột trở nên trầm trọng và sâu sắc hơn, nhưng niềm tin và lòng dũng cảm của họ ngày càng tăng lên cùng với tình trạng khẩn cấp. Lời chứng của ông là: "Chúng tôi không dám cố làm xáo trộn Lời Chúa, chia rẽ luật thánh của Ngài, coi phần này là cần thiết và phần kia không, muốn được thiên hạ ưa chuộng. Chúa mà chúng tôi phục vụ có thể giải thoát chúng tôi. Chúa Kitô đã chiến thắng quyền lực của Trái đất. Chúng ta có sợ một thế giới đã bị đánh bại không?"

Sự bắt bớ dưới nhiều hình thức khác nhau là sự phát triển của một nguyên tắc sẽ tồn tại chừng nào Satan còn tồn tại và Cơ đốc giáo còn sở hữu sức mạnh sống còn. Không ai có thể phụng sự Đức Chúa Trời mà không gặp phải sự chống đối từ đội quân bóng tối. Những thiên thần xấu xa sẽ tấn công bạn vì sợ rằng ảnh hưởng của chúng sẽ cướp đi con mỗi khỏi tay bạn. Những kẻ ác, bị khiển trách bởi gương của các tín hữu, sẽ liên kết với các thế lực của sự dữ, tìm cách tách họ ra khỏi Thiên Chúa bằng những cám dỗ cám dỗ. Khi những điều này không thành công, quyền lực cưỡng bức được kêu gọi để ép buộc lương tâm.

Nhưng bao lâu Chúa Giêsu còn là người cầu thay cho con người trong đền thánh trên trời, thì những người cai trị cũng như người dân sẽ cảm nhận được ảnh hưởng kiềm chế của Chúa Thánh Thần. Ở một mức độ nào đó, nó vẫn thực hiện quyền kiểm soát đối với luật pháp của đất nước. Nếu không có những giới luật này thì tình hình thế giới sẽ còn tồi tệ hơn bây giờ rất nhiều. Trong khi nhiều người cai trị của chúng ta là tay sai tích cực của Sa-tan, Đức Chúa Trời cũng có những công cụ của Ngài trong số những người lãnh đạo đất nước. Kẻ thù thúc giục tông đồ của hấn đề xuất những biện pháp có thể cản trở rất nhiều đến công việc của Đức Chúa Trời; nhưng những chính khách kính sợ Chúa lại được các thiên thần thánh thiện tác động để phản đối những mệnh đề đó bằng những lý lẽ không thể giải đáp được. Vì vậy, cuộc đấu tranh của con người sẽ ngăn chặn được dòng chảy mạnh mẽ của cái ác. Sự chống đối của kẻ thù của sự thật sẽ bị kiềm chế

để thông điệp của thiên thần thứ ba có thể hoàn thành công việc của mình. Khi lời cảnh báo cuối cùng được đưa ra, nó sẽ thu hút sự chú ý của những người nổi tiếng mà qua đó Chúa đang hành động, và một số người trong số họ sẽ chấp nhận lời cảnh báo đó và cùng dân Chúa vượt qua mọi thời kỳ khó khăn.

Thiên thần nào tham gia công bố thông điệp của thiên thần thứ ba phải chiếu sáng toàn trái đất bằng vinh quang của mình. Ở đây một tác phẩm có phạm vi toàn cầu và sức mạnh phi thường được dự đoán. Phong trào Cơ Đốc Phục Lâm từ năm 1840 đến năm 1844 là sự biểu hiện vinh quang về quyền năng của Đức Chúa Trời. Thông điệp của thiên thần đầu tiên đã được đưa đến mọi địa điểm truyền giáo trên thế giới, và ở một số quốc gia, sự quan tâm tôn giáo lớn nhất đã được chứng kiến ở bất kỳ quốc gia nào kể từ cuộc Cải cách vào thế kỷ 16. Nhưng điều này phải vượt xa sự chuyển động mạnh mẽ dưới sự cảnh báo cuối cùng của thiên thần thứ ba.

Công việc này sẽ tương tự như công việc của ngày Lễ Ngũ Tuần. Giống như "cơn mưa đầu mùa" được ban xuống khi Đức Thánh Linh tuôn đổ, vào lúc bắt đầu rao giảng phúc âm, để tạo ra sự nảy mầm của hạt giống quý giá, "cơn mưa cuối mùa" sẽ được ban xuống vào lúc kết thúc để làm chín hạt giống. mùa gặt. "Chúng ta hãy biết và tiếp tục biết Chúa; Ngài sẽ ra đi như buổi sáng, và Ngài sẽ đến với chúng ta như mưa, như mưa cuối mùa tưới đất" (Ose. 6:3). "Còn các người, hỡi con cái Si-ôn, hãy vui mừng hân hoan trong Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người, vì Ngài sẽ ban cho các người một thầy dạy sự công bình, và sẽ ban mưa, mưa đầu mùa và mưa cuối mùa" (Giô-ên 2:23). Đức Chúa Trời phán: "Và trong những ngày sau rốt, sẽ xảy ra rằng ta sẽ đổ Thần ta trên mọi xác thịt." "Sẽ xảy ra là ai kêu cầu danh Chúa thì sẽ được cứu" (Công vụ 2:17 và 21). Công việc vĩ đại của phúc âm không được kết thúc với sự biểu hiện ít hơn về quyền năng của Đức Chúa Trời so với công việc đánh dấu sự khởi đầu của nó. Những lời tiên tri đã ứng nghiệm trong cơn mưa đầu mùa, vào lúc bắt đầu công bố Tin Mừng, một lần nữa phải được ứng nghiệm trong cơn mưa cuối mùa, vào lúc kết thúc. Đây là "kỳ nghỉ ngơi" mà sứ đồ Phi-e-rơ đã nghĩ đến khi ông nói: "Vậy anh em hãy ăn năn và hoán cải, để tội lỗi anh em được xóa bỏ và kỳ nghỉ ngơi sẽ đến từ trước mặt Chúa, và gửi đến với Chúa Giêsu Kitô" (Cv 3:19 và 20).

Những tội tớ Chúa, với những khuôn mặt được chiếu sáng và rực sáng sự thánh hiến, sẽ vội vã từ nơi này sang nơi khác để loan báo thông điệp từ Thiên Đàng, bằng hàng ngàn tiếng nói trên khắp Trái đất, lời cảnh báo sẽ được đưa ra. Các phép lạ sẽ được thực hiện, người bệnh sẽ được chữa lành, những dấu kỳ phép lạ sẽ theo sau những người tin Chúa. Sa-tan cũng làm những phép lạ đối trá, thậm chí khiến lửa từ trời rơi xuống trước mắt loài người (Khải. 13:13). Vì vậy, cư dân trên Trái đất sẽ được dẫn dắt để đảm nhận vị trí của họ.

Thông điệp sẽ được truyền tải không phải bằng lý lẽ mà bằng niềm tin sâu sắc vào Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Các lập luận đã được trình bày. Hạt giống đã được gieo bây giờ sẽ nảy mầm và sinh hoa trái. Các ấn phẩm do các giáo sĩ phân phát đã có ảnh hưởng. Tuy nhiên, nhiều người có ấn tượng sâu sắc trong tâm trí đã bị ngăn cản không thể hiểu biết đầy đủ về lẽ thật hoặc tuân theo lẽ thật. Giờ đây những tia sáng xuyên thấu khắp nơi, sự thật được nhìn thấy trong sự rõ ràng của nó, và những người con chân thành của Chúa đã phá bỏ những mối ràng buộc đã giam giữ họ.

Những mối quan hệ gia đình, những mối quan hệ ở nhà thờ giờ đây đều bất lực để giữ họ lại. Bất chấp tất cả những công cụ được kết hợp lại để chống lại lẽ thật, một số lượng lớn đã đứng về phía Chúa.

Chương 39

Thời gian đau khổ

"Lúc đó Michael, đại hoàng tử, người đại diện cho con cái của dân tộc bạn, sẽ nổi lên và sẽ có một thời kỳ khó khăn, chưa từng có kể từ khi có một quốc gia cho đến thời điểm đó; nhưng vào thời điểm đó dân tộc của bạn sẽ được giao, tất cả những ai được tìm thấy có tên trong cuốn sách." (Đa-ni-ên 12:1).

Khi thông điệp của thiên thần thứ ba đi đến hồi kết, lòng thương xót sẽ không còn ủng hộ những cư dân tội lỗi trên trái đất nữa. Dân Chúa sẽ hoàn thành công việc của họ. Ông đã nhận được "cơn mưa cuối mùa", "sự tươi mát từ sự hiện diện của Chúa" (Cv 3:19), và sẵn sàng cho giờ thử thách trước mặt Ngài. Trên thiên đường, các thiên thần vội vã chạy từ nơi này đến nơi khác. Một thiên thần trở về từ Trái đất thông báo rằng công việc của anh ấy đã hoàn thành; cuộc thử nghiệm cuối cùng được áp dụng cho thế giới và tất cả những ai tỏ ra trung thành với giới răn thiêng liêng đều nhận được "dấu ấn của Đức Chúa Trời hằng sống" (Khải Huyền 7:2). Sau đó, Chúa Giêsu kết thúc chức vụ cầu thay của Ngài trong đền thánh trên trời. Ngài giơ tay lên và nói lớn: "Xong rồi," và toàn thể đoàn thiên thần rời bỏ vương miện của họ khi Chúa Kitô long trọng tuyên bố. "Kẻ bất chính, cứ làm điều bất chính nữa; kẻ ô uế, cứ ô uế nữa; kẻ công bình, cứ làm điều công bình nữa; kẻ là thánh, cứ để hấn nên thánh nữa." (Ngày tận thế.

22:11). Tất cả các trường hợp đã được quyết định cho sự sống hay cái chết. Đấng Christ đã chuộc tội cho dân Ngài và xóa bỏ tội lỗi của họ. Số môn học của Ngài đã hoàn thành; "Vương quốc, quyền thống trị và uy nghi của các vương quốc dưới khắp thiên đàng" (Đa-ni-ên 7:27) sắp được ban cho những người thừa kế sự cứu rỗi, và Chúa Giê-su sẽ trị vì với tư cách là Vua của các vua và Chúa của mọi người. chúa tể.

Khi Ngài rời khỏi thánh điện, bóng tối bao trùm cư dân trên Trái đất. Trong thời kỳ đáng sợ đó, người công chính phải sống trước mặt Đức Chúa Trời thánh khiết, không có người cầu thay. Sự kiểm chế dành cho kẻ ác đã được dỡ bỏ và cuối cùng Sa-tan đã hoàn toàn kiểm soát được những người không ăn năn. Sự nhịn nhục của Thiên Chúa đã chấm dứt. Thế gian khước từ lòng thương xót của Ngài, khinh thường tình yêu của Ngài và chà đạp luật pháp của Ngài. Kẻ ác đã vượt quá giới hạn thử thách; Thánh Linh của Đức Chúa Trời liên tục bị chống cự và cuối cùng đã bị loại bỏ. Không có sự che chở của ân sủng Thiên Chúa, họ không có sự bảo vệ chống lại ma quỷ. Sau đó, Satan sẽ ném cư dân trên Trái đất vào cơn đại nạn cuối cùng. Khi các thiên thần của Thiên Chúa ngừng kiểm soát những cơn gió hủy diệt của đăm mê con người, mọi yếu tố tranh chấp sẽ được giải tỏa. Cả thế giới sẽ bị bao phủ trong một đồng đỏ nát còn khủng khiếp hơn sự tàn phá Jerusalem trong quá khứ.

Một thiên thần duy nhất đã tiêu diệt tất cả những đứa con đầu lòng của người Ai Cập và khiến Trái đất tràn ngập những lời than thở. Khi Đa-vít xúc phạm đến Đức Chúa Trời bằng cách kiểm tra dân số, một thiên sứ đã gây ra sự hủy diệt khủng khiếp và tội lỗi của ông sẽ bị trừng phạt. Sức mạnh hủy diệt tương tự được sử dụng bởi các thiên thần thánh thiện dưới sự chỉ huy của Chúa sẽ được các thiên thần ác quỷ sử dụng khi Ngài cho phép. Hiện đã có những thế lực sẵn sàng, chỉ chờ sự cho phép của thần thánh để gieo rắc sự hoang tàn đi khắp nơi.

Những người tôn trọng luật pháp của Chúa đã bị buộc tội đưa ra sự phán xét trên thế giới và sẽ bị coi là nguyên nhân gây ra những cơn co giật khủng khiếp của Thiên nhiên, của chiến tranh và đổ máu giữa con người, của mọi thứ đang khiến Trái đất tràn ngập bất hạnh. Quyền lực đi theo lời cảnh báo cuối cùng đã khiến kẻ ác nổi giận; Cơn thịnh nộ của Ngài bùng cháy chống lại tất cả những ai nhận được thông điệp và Satan sẽ khiến tinh thần hận thù và bất bớ trở nên mãnh liệt hơn nữa.

Cuối cùng khi sự hiện diện của Đức Chúa Trời bị loại bỏ khỏi dân tộc Do Thái, các thầy tế lễ và người dân không để ý đến điều đó. Mặc dù bị Satan kiểm soát và bị thao túng bởi những đam mê khủng khiếp và đồi trụy nhất, họ vẫn coi mình là những người được Chúa chọn. Công việc đền thờ tiếp tục; của lễ được dâng lên trên các bàn thờ ô uế của họ, và phước lành thiêng liêng hàng ngày được cầu xin cho những người phạm tội đổ máu của Con Đức Chúa Trời yêu dấu và đang bách hại các thừa tác viên và các sứ đồ của Ngài cho đến chết. Vì vậy, khi quyết định không thể thay đổi của thánh đường được tuyên bố và số phận của thế giới được định đoạt mãi mãi, cư dân trên Trái đất sẽ không hề hay biết về điều đó. Các hình thức tôn giáo sẽ tiếp tục được duy trì bởi một dân tộc mà cuối cùng Thánh Linh của Đức Chúa Trời sẽ bị rút lui; và lòng nhiệt thành của quý dữ mà chúa tể của cái ác sẽ truyền cảm hứng cho họ để thực hiện những kế hoạch xấu xa của hắn sẽ tương tự như lòng nhiệt thành đối với Chúa.

Vì ngày Sa-bát đã trở thành điểm gây tranh cãi đặc biệt trong khắp các tôn giáo theo đạo Cơ-đốc, và các nhà chức trách tôn giáo và thế tục đã kết hợp để buộc phải tuân thủ ngày Chủ nhật, nên việc một thiểu số kiên trì từ chối phục tùng yêu cầu phổ biến sẽ khiến nó trở thành đối tượng của sự hành quyết toàn cầu. . Người ta sẽ cáo buộc rằng một số ít người vẫn phản đối thể chế của nhà thờ và luật pháp tiểu bang sẽ không được hưởng sự khoan dung; rằng thà để những người này phải chịu đau khổ còn hơn là cả quốc gia rơi vào tình trạng hỗn loạn và vô luật pháp. Lập luận tương tự đã được sử dụng để chống lại Đấng Christ bởi "các nhà lãnh đạo của nhân dân" hơn một ngàn chín trăm năm trước. Caiaphas suy đoán đã nói: "Một người phải chết thay cho dân, kéo cả dân tộc bị diệt vong" (Ga 11:50). Lập luận này sẽ có vẻ thuyết phục; và cuối cùng một sắc lệnh sẽ được ban hành chống lại những ai thánh hóa ngày Sabát của điều răn thứ tư, tố cáo họ là đáng phải chịu những hình phạt nghiêm khắc nhất và cho dân chúng quyền tự do giết họ sau một thời gian nhất định. Chủ nghĩa La Mã ở Thế giới Cựu và đạo Tin lành bội đạo ở Tân thế giới sẽ có cách hành xử tương tự đối với những người tôn trọng mọi giới luật thiêng liêng.

Khi đó, dân Chúa sẽ rơi vào những cảnh khốn cùng và thống khổ được tiên tri mô tả là thời kỳ khó khăn của Gia-cóp: "Chúa phán thế này: Chúng ta nghe thấy một tiếng run rẩy, sợ hãi, nhưng không phải là bình an. đã làm cho mọi khuôn mặt đều hốc hác? A! Vì ngày đó lớn đến nỗi không có ngày nào giống như vậy! Đó là thời gian truân cho Gia-cóp, nhưng ông sẽ được giải thoát khỏi đó" (Giê-rê-mi 30: 5-7).

Đêm đau khổ của Gia-cóp, khi ông chiến đấu cầu nguyện để được giải thoát khỏi tay Ê-sau (Sáng thế ký 32:24-30), tượng trưng cho trải nghiệm của dân Chúa trong thời kỳ khốn khổ. Vì thủ đoạn lừa dối được thực hiện để đảm bảo phước lành của cha mình, ban đầu có ý định dành cho Esau, Gia-cóp đã bỏ trốn để lấy mạng, sợ hãi trước những lời đe dọa chết người do anh trai mình thốt ra. Sau nhiều năm sống lưu vong, ông rời đi theo lệnh của Chúa để trở về quê hương cùng với phụ nữ, trẻ em và đàn gia súc. Khi đến biên giới của xứ, ông vô cùng kinh hãi trước tin Ê-sau chỉ huy một nhóm chiến binh đang đến gần và chắc chắn có ý định trả thù. Đoàn lữ hành của Jacob, không có vũ khí và không có khả năng tự vệ, dường như đã sẵn sàng thất thủ, trở thành nạn nhân của bạo lực và thảm sát. Và gánh nặng lo lắng và sợ hãi lại thêm sức nặng của sự tự trách móc bản thân; vì chính tội lỗi của ông đã gây ra mối nguy hiểm này. Hy vọng duy nhất của anh là lòng thương xót của Chúa; cách phòng thủ duy nhất của bạn nên là lời cầu nguyện.

Tuy nhiên, Jacob không làm gì cả, trong khả năng có thể, để sửa chữa lỗi lầm đã gây ra và tránh mối nguy hiểm đang đe dọa. Vì vậy, những người theo Chúa Kitô, khi thời điểm khó khăn đang đến gần, nên cố gắng hết sức để đặt mình dưới ánh sáng thích hợp nhằm giải trừ thành kiến và tránh mối nguy hiểm đe dọa quyền tự do lương tâm.

Sau khi đã gửi gia đình đi trước để họ không chứng kiến nỗi thống khổ của ông, Gia-cóp bị bỏ lại một mình để cầu thay với Chúa. Anh ta thú nhận tội lỗi của mình và thừa nhận, với lòng biết ơn, lòng thương xót của Chúa đối với anh ta, trong khi, với sự khiêm nhường sâu sắc, anh ta cầu xin hãy thực hiện giao ước đã lập với cha mẹ mình, cũng như những lời hứa với anh ta trong khải tượng ban đêm ở Bê-tên và trên đất liền. Cuộc lưu đày của ông. Cuộc khủng hoảng của cuộc đời anh đã đến; mọi thứ đang bị đe dọa. Trong bóng tối và cô tịch, ông tiếp tục cầu nguyện và hạ mình trước Thiên Chúa. Đột nhiên, anh cảm thấy một bàn tay đặt lên vai mình. Nghĩ rằng đó là kẻ thù đang cố gắng giết chết mình, anh ta chiến đấu với kẻ tấn công bằng tất cả nghị lực có được từ sự tuyệt vọng. Vào lúc bình minh, kẻ lạ mặt sử dụng sức mạnh siêu phàm của mình. Khi chạm vào anh ta, người đàn ông cường tráng dường như bị tê liệt và ném mình, khóc lóc và cầu xin, lên cổ kẻ phản diện bí ẩn của mình. Bây giờ Gia-cóp biết rằng ông đã vật lộn với Thiên sứ của Giao ước. Dù bị tàn tật và phải chịu đựng nỗi đau đớn tột cùng nhưng anh vẫn không từ bỏ mục đích của mình. Trong một thời gian dài, ông đã phải chịu đựng sự bối rối, ăn năn và thống khổ về tội lỗi của mình. Bây giờ anh cần chắc chắn rằng mình đã được tha thứ. Vị khách thiêng liêng chuẩn bị rời đi; Tuy nhiên, Gia-cóp bám chặt vào Ngài để cầu xin một phước lành. Thiên thần khẳng định: "Hãy để tôi đi, vì bình minh đã mọc"; nhưng tộc trưởng kêu lên: "Tôi sẽ không để Ngài đi, trừ khi Ngài ban phước lành cho tôi." Sự tự tin, sự vững vàng và kiên trì được thể hiện ở đây biết bao! Nếu lời tuyên bố này là một lời tuyên bố khoe khoang và ngạo mạn thì Gia-cóp sẽ bị tiêu diệt ngay lập tức. Nhưng sự chắc chắn của ông là của một người đã thú nhận sự yếu đuối và bất xứng của mình, nhưng vẫn tin cậy vào lòng thương xót của Đức Chúa Trời, Đấng giữ giao ước của Ngài.

"Ông đã chiến đấu với Thiên thần và thắng thế" (Ose. 12:4). Bằng sự nhục nhã, sám hối và tự quy phục, con người lầm lạc và tội lỗi này đã chiến thắng Thiên Chúa, đã run rẩy nhưng kiên quyết bám vào những lời hứa của Thiên Chúa, và trái tim Tình Yêu Vô Biên không thể ngoảnh mặt trước lời cầu xin của tội nhân. Để chứng tỏ sự chiến thắng của anh ấy và khuyến khích những người khác noi gương anh ấy, tên của anh ấy đã được đổi từ tên nhắc nhở anh ấy về tội lỗi của mình thành tên ăn mừng chiến thắng của anh ấy. Và việc Gia-cóp thắng Đức Chúa Trời là sự bảo đảm rằng ông sẽ thắng loài người. Anh không còn sợ phải đối mặt với cơn thịnh nộ của anh trai mình vì Chúa là người bảo vệ anh.

Sa-tan đã buộc tội Gia-cóp trước các thiên sứ của Đức Chúa Trời, đòi quyền tiêu diệt ông vì tội lỗi của ông. Nó đã xúi giục Ê-sau tiến hành chống lại mình, và trong đêm dài đấu tranh của tộc trưởng, Sa-tan đã cố gắng gieo vào trong ông cảm giác tội lỗi, nhằm mục đích làm ông nản lòng và phá vỡ sự gắn bó của ông với Đức Chúa Trời. Jacob gần như bị đẩy đến tuyệt vọng; nhưng anh biết rằng nếu không có sự trợ giúp của Chúa, anh sẽ phải chịu thua.

Anh đã thành tâm sám hối tội lỗi lớn lao của mình và cầu xin lòng thương xót của Chúa. Anh ta không từ bỏ mục đích của mình mà còn bám chặt vào Thiên thần và kiên quyết thực hiện lời cầu xin của anh ta bằng những tiếng kêu la nhiệt thành và đau đớn cho đến khi anh ta thắng thế.

Như Sa-tan đã xúi giục Ê-sau tấn công Gia-cóp thế nào, hắn cũng sẽ xúi giục kẻ ác tiêu diệt dân Chúa trong lúc khó khăn. Và khi ông buộc tội Gia-cóp, ông sẽ tố cáo dân Chúa. Anh ta coi cư dân trên thế giới là thần dân của mình; nhưng nhóm nhỏ tuân giữ các điều răn của Đức Chúa Trời đang chống lại quyền tối cao của Ngài. Nếu anh ta có thể xóa bỏ sự tồn tại của mình khỏi Trái đất, chiến thắng của anh ta sẽ trọn vẹn.

Anh ta thấy rằng các thiên thần thánh thiện đang bảo vệ họ và cho rằng tội lỗi của họ đã được tha thứ; nhưng anh ta không biết rằng vụ án của anh ta đã được giải quyết ở thánh đường trên trời. Kẻ thù không đội trời chung có kiến thức chính xác về tội lỗi của những người đó (LOẠI BỎ "chúng" VÀ CHÈN "vào") mà hắn đã cám dỗ họ phạm phải, và trình bày những vi phạm này trước Chúa dưới ánh sáng ngoại suy nhất, nói rằng những người này rất đáng bị trừng phạt. bị loại trừ khỏi sự ưu ái của Thiên đường như chính mình. Tuyên bố rằng Chúa không thể tha thứ một cách công bằng

tội lỗi của họ và tiêu diệt anh ta và các thiên thần của anh ta. Anh ta tuyên bố chúng là con mồi của mình và yêu cầu giao chúng vào tay anh ta để tiêu diệt chúng.

Trong khi Sa-tan buộc tội dân Chúa vì tội lỗi của họ thì Chúa cho phép hấn cảm dỗ họ đến mức tối đa. Sự tin tưởng của bạn vào Chúa, đức tin và sự vững vàng sẽ được kiểm tra nghiêm ngặt. Khi họ nhìn lại quá khứ của mình, niềm hy vọng của họ giảm dần, vì trong suốt cuộc đời họ chỉ có thể nhìn thấy rất ít điều tốt đẹp. Họ hoàn toàn nhận thức được sự yếu đuối và không xứng đáng của mình. Sa-tan cố gắng làm họ khiếp sợ với ý nghĩ rằng trường hợp của họ là vô vọng, rằng vết nhơ suy thoái của họ sẽ không bao giờ được xóa bỏ. Hấn hy vọng sẽ hủy diệt đức tin của họ theo cách khiến họ đầu hàng trước những cảm dỗ và quay lưng lại với lòng trung thành với Đức Chúa Trời.

Mặc dù dân Chúa bị bao vây bởi những kẻ thù tìm mọi cách để tiêu diệt họ, nhưng nổi thống khổ mà họ phải chịu không phải do sợ bị bách hại vì lẽ thật. Họ sợ rằng họ chưa ăn năn mọi tội lỗi và vì một số lỗi lầm của họ, lời hứa của Đấng Cứu Rỗi sẽ không được thực hiện: "Ta sẽ giữ các ngươi khỏi giờ cảm dỗ sẽ đến trên toàn thế giới" (Khải huyền 3). :10) . Nếu họ có thể chắc chắn về sự tha thứ, họ sẽ không chùn bước trước sự tra tấn hay cái chết; nhưng nếu họ không xứng đáng và mất mạng vì những khiếm khuyết về nhân cách, thì danh thánh của Đức Chúa Trời sẽ bị coi thường.

Từ mọi phía, họ nghe thấy những âm mưu nguy hiểm và quan sát hoạt động tích cực của cuộc nổi dậy. Trong họ, một khao khát mãnh liệt bùng lên, một khao khát cháy bỏng của tâm hồn, rằng sự bội giáo lớn lao này có thể chấm dứt và sự bất kính của kẻ ác chấm dứt. Nhưng khi họ cầu xin Đức Chúa Trời chấm dứt công việc phản loạn, thì với cảm giác tự trách móc sâu sắc, họ nhận ra rằng mình không có sức mạnh để chống lại làn sóng mạnh mẽ của tà ác và đẩy lùi nó. Họ cảm thấy rằng nếu họ luôn cố gắng hết khả năng của mình để phục vụ Chúa Kitô, ngày càng tiến lên mạnh mẽ thì các hình thức của Satan sẽ có ít sức mạnh hơn để chống lại họ.

Họ đau buồn trước mặt Đức Chúa Trời, chỉ ra rằng họ đã ăn năn nhiều tội lỗi trong quá khứ và cầu xin lời hứa của Đấng Cứu Rỗi: "Hãy nắm giữ sức mạnh của Ta và làm hòa với Ta; thậm chí, hãy để Ngài làm hòa với Ta" (Ê-sai 27: 5) . . Đức tin của bạn không thất bại vì lời cầu nguyện của bạn không được đáp lại ngay lập tức. Mặc dù phải chịu nỗi lo lắng sâu sắc nhất, nỗi kinh hoàng sâu sắc và nỗi đau đớn tột cùng, nhưng lời cầu bầu của họ vẫn không ngừng. Họ tận dụng sức mạnh của Chúa như Gia-cóp đã sử dụng Thiên thần; và ngôn ngữ của tâm hồn anh ấy là, "Tôi sẽ không để Ngài đi, trừ khi Ngài ban phước cho tôi."

Nếu trước đây Gia-cóp không ăn năn về tội gian lận để có được quyền thừa kế thì Đức Chúa Trời đã không nghe lời cầu nguyện của ông và thương xót bảo toàn mạng sống của ông. Vì vậy, trong lúc khó khăn, nếu dân Chúa có những tội lỗi chưa xưng ra trước mặt họ trong khi bị tra tấn bởi nỗi sợ hãi và đau khổ thì họ sẽ bị đánh bại. Sự tuyệt vọng sẽ loại bỏ đức tin của họ và họ không thể có đủ tự tin để cầu xin Đức Chúa Trời giải cứu họ. Nhưng mặc dù họ có ý thức sâu sắc về sự không xứng đáng của mình, nhưng họ không hề bộc lộ những lỗi lầm tiềm ẩn. Tội lỗi của họ đã được xem xét trước và được xóa bỏ trong cuộc phán xét và không thể gợi lại trong trí nhớ của họ.

Sa-tan khiến nhiều người tin rằng Đức Chúa Trời sẽ bỏ qua sự bất trung của họ trong những vấn đề nhỏ nhặt trong cuộc sống; nhưng Chúa chứng tỏ trong mối quan hệ của Ngài với Gia Cóp rằng Ngài sẽ không chấp nhận hay dung túng điều ác bằng bất cứ cách nào. Tất cả những ai cố bào chữa hoặc che giấu tội lỗi của mình, để chúng ở lại trong Sách Thiên Đàng mà không thú nhận và tha thứ, sẽ bị Sa-tan đánh bại. Nghề nghiệp của họ càng cao và vị trí họ chiếm giữ càng danh giá thì hành vi của họ trước Đức Chúa Trời càng nghiêm túc và chiến thắng của kẻ thù lớn càng chắc chắn. Những người trì hoãn

chuẩn bị cho ngày của Đức Chúa Trời, họ không thể đạt được điều đó trong lúc khó khăn hoặc trong bất kỳ thời điểm nào sau đó. Trường hợp của tất cả những điều này là vô vọng.

Những người xưng là Cơ-đốc nhân mà không chuẩn bị cho cuộc xung đột khủng khiếp cuối cùng sẽ thú nhận tội lỗi của mình một cách tuyệt vọng bằng những lời lẽ thống khổ vô vọng, trong khi kẻ ác lại vui mừng trong nỗi thống khổ của họ. Những lời thú nhận này có cùng đặc điểm với những lời thú nhận của Esau hoặc Judas, của những người than thở về kết quả của sự vi phạm, nhưng không phải về tội lỗi của họ. Họ không cảm thấy ăn năn thực sự hay ghê tởm cái ác.

Họ nhận ra tội lỗi của mình vì sợ bị trừng phạt, nhưng, giống như Pharaoh ngày xưa, họ sẽ quay lại thách thức Thiên đường nếu các bản án được dỡ bỏ.

Câu chuyện về Giacóp cũng là một sự chắc chắn rằng Thiên Chúa sẽ không khước từ những ai bị tội lỗi lừa dối, cám dỗ và dụ dỗ, nhưng là những ai đã quay về với Ngài với lòng sám hối thực sự. Trong khi Satan tìm cách tiêu diệt tầng lớp này, Thiên Chúa sẽ gửi

Thiên thần của bạn để an ủi và bảo vệ bạn trong lúc nguy hiểm. Các cuộc tấn công của Satan rất khốc liệt và quyết tâm; những sai lầm của họ thật khủng khiếp; nhưng mắt Chúa ở trên dân Ngài, và tai Ngài nghe tiếng kêu la của họ. Nỗi đau khổ của họ quá lớn, ngọn lửa của lò lửa dường như sắp thiêu rụi họ; nhưng Người luyện kim sẽ trình bày chúng như vàng được thử trong lửa. Tình yêu của Chúa đối với con cái Ngài trong giai đoạn thử thách khốc liệt nhất của họ cũng mạnh mẽ và dịu dàng như trong những ngày thịnh vượng nhất của họ. Nhưng chúng phải bị bỏ vào lò lửa hục; bản chất trần thế của bạn cần được tiêu hủy để hình ảnh của Chúa Kitô có thể được phản ánh một cách hoàn hảo.

Thời kỳ đau khổ và thống khổ đang chờ đợi chúng ta sẽ đòi hỏi một đức tin có thể chịu đựng sự mệt mỏi, chậm trễ và đói khát—một đức tin không hề thất bại mặc dù bị thử thách gay gắt. Thời gian ân hận được trao cho mọi người để chuẩn bị cho thời gian đó. Gia-cóp thắng thế vì ông kiên trì và quyết tâm. Chiến thắng của ông là bằng chứng về sức mạnh của lời cầu nguyện khẩn thiết. Tất cả những ai giữ vững lời Chúa như ngài đã làm, nhiệt thành và kiên trì như tộc trưởng sẽ thành công như ngài. Những ai không sẵn lòng từ bỏ bản thân, không chịu đau khổ trước Chúa, không sẵn sàng cầu nguyện lâu dài và nhiệt thành xin Ngài ban phúc lành, sẽ không nhận được phúc lành. Vật lộn với Chúa – ít người biết điều đó có nghĩa là gì! Biết bao người đã để cho Thiên Chúa thu hút mình bằng sự thống hối trong tâm hồn, với lòng khao khát mãnh liệt, cho đến khi mọi khả năng đều đạt đến mức tối đa! Khi những làn sóng tuyệt vọng không ngôn ngữ nào có thể diễn tả được cuốn vào người cầu xin, biết bao người có đức tin vững chắc vào những lời hứa của Thiên Chúa!

Những người ít thực hành đức tin giờ đây có nhiều nguy cơ rơi vào quyền lực của sự lừa dối của Sa-tan và mệnh lệnh ràng buộc lương tâm. Và ngay cả khi họ có vượt qua được thử thách, họ cũng sẽ bị ném vào nỗi thống khổ và phiền muộn sâu sắc hơn trong lúc khó khăn, bởi vì họ chưa bao giờ có được thói quen tin cậy vào Chúa. Những bài học về đức tin mà họ đã bỏ qua, họ sẽ buộc phải học dưới áp lực khủng khiếp của sự chán nản.

Chúng ta cần làm quen với Chúa ngay bây giờ bằng cách chứng minh những lời hứa của Ngài. Các thiên thần ghi lại từng lời cầu nguyện nhiệt thành và chân thành. Chúng ta thà từ bỏ những thỏa mãn ích kỷ còn hơn bỏ bê sự hiệp thông với Thiên Chúa. Sự nghèo khó sâu xa nhất, sự từ bỏ mình nhất, được Chúa chấp nhận, còn tốt hơn giàu sang, danh dự, tiện nghi và tình bạn mà không có Chúa. Chúng ta phải dành thời gian để cầu nguyện. Nếu chúng ta để cho tâm trí mình bị cuốn hút bởi những lợi ích thế tục, Chúa có thể cho chúng ta thời gian để loại bỏ khỏi chúng ta những thần tượng, nhà cửa hoặc đất đai màu mỡ bằng vàng.

Những người trẻ sẽ không bị quyến rũ vào tội lỗi nếu họ từ chối đi theo bất kỳ con đường nào ngoại trừ con đường mà họ có thể tìm kiếm phúc lành của Thiên Chúa. Nếu những sứ giả mang lời cảnh báo cuối cùng và long trọng cho thế giới cầu nguyện xin Chúa ban phúc lành, không phải một cách lạnh lùng, vô tư và lừa dối, mà nhiệt thành và trong đức tin, như Gia-cóp đã làm, thì họ sẽ khám phá ra nhiều nơi mà họ có thể nói: "Tôi đã nhìn thấy

Đức Chúa Trời mặt đối mặt và linh hồn tôi được cứu" (Sáng Thế Ký 32:30). Họ sẽ được Trời coi như vua, có quyền thắng cả Đức Chúa Trời và loài người.

"Thời kỳ hoạn nạn chưa từng có" sắp đến với chúng ta; và chúng ta sẽ cần một trải nghiệm mà hiện nay chúng ta không có, và nhiều người quá lười biếng để có được. Điều thường xảy ra là nỗi thống khổ được tưởng tượng là lớn hơn thực tế; Tuy nhiên, điều này không đúng với cuộc khủng hoảng đang diễn ra trước mắt chúng ta. Câu chuyện sống động nhất không thể đạt tới tầm quan trọng của bằng chứng. Trong thời gian thử thách đó, mỗi linh hồn phải đứng lên bảo vệ chính mình trước mặt Thiên Chúa. Chúa Giê-hô-va phán: "Ngay cả khi Nô-ê, Đa-ni-ên và Gióp ở trên Trái đất, như ta sống, họ sẽ không giải cứu con trai hay con gái mà chỉ giải cứu linh hồn của chính họ nhờ sự công bình của họ" (Ê-xê-chiên 14:20).

Bây giờ, trong khi Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm vĩ đại đang chuộc tội cho chúng ta, chúng ta phải tìm cách trở nên hoàn thiện trong Đấng Christ. Thậm chí không một ý nghĩ nào có thể khiến Đấng Cứu Rỗi của chúng ta khuất phục trước sức mạnh của sự cám dỗ. Sa-tan tìm trong lòng con người một nơi nào đó để đặt chân; một số ham muốn tội lỗi được áp ủ, nhờ đó những cám dỗ khẳng định quyền lực của chúng. Nhưng Đấng Christ đã tự mình tuyên bố: "Chúa đời này đã đến, và trong Ta chẳng có gì" (Giăng 14:30).

Sa-tan không thể tìm thấy điều gì nơi Con Đức Chúa Trời có thể giúp hắn giành được chiến thắng. Ngài đã tuân giữ các điều răn của Cha Ngài, và không có tội lỗi nào trong Ngài mà Sa-tan có thể lợi dụng. Đây là tình trạng mà những người sẽ đứng vững trong lúc khó khăn phải được tìm thấy.

Chính ở đời này chúng ta phải tách mình ra khỏi tội lỗi, nhờ đức tin vào huyết. sự chuộc tội của Đấng Christ. Đấng Cứu Rỗi quý giá mời gọi chúng ta hiệp nhất với Ngài, kết nối sự yếu đuối của chúng ta với sức mạnh của Ngài, sự thiếu hiểu biết của chúng ta với sự khôn ngoan của Ngài, sự bất xứng của chúng ta với công lao của Ngài. Sự quan phòng của Thiên Chúa là trường học trong đó chúng ta phải học sự hiền lành và khiêm nhường của Chúa Giêsu. Chúa luôn đặt trước chúng ta không phải con đường chúng ta sẽ chọn, con đường có vẻ dễ dàng và dễ chịu hơn, mà là những mục tiêu thực sự của cuộc sống. Phần của chúng tôi là cộng tác với các cơ quan mà Thiên đường sử dụng để làm cho tính cách của chúng tôi phù hợp với khuôn mẫu thiêng liêng. Không ai có thể sao lãng hoặc trì hoãn công việc này mà không gặp nguy hiểm khủng khiếp cho tâm hồn mình.

Trong Khải tượng, sứ đồ Giăng nghe thấy một tiếng lớn trên trời kêu lên: "Khốn cho những người ở trên đất và dưới biển, vì ma quỷ đã xuống với các người và nổi cơn thịnh nộ dữ dội vì biết rằng nó có một thời gian ngắn. thời gian" (Apoc. 12: 12). Kinh hoàng thay những cảnh tượng tạo ra sự biểu hiện của giọng nói thiên đường này. Cơn thịnh nộ của Sa-tan tăng lên khi thời gian rút ngắn lại, và công việc lừa dối và hủy diệt của hắn sẽ đạt đến đỉnh điểm trong thời điểm khó khăn.

Những hình ảnh khủng khiếp về bản chất siêu nhiên sẽ sớm được tiết lộ trên thiên đường, như những dấu hiệu về sức mạnh ma quỷ có khả năng làm phép lạ. Các linh hồn ma quỷ sẽ đi đến các vị vua trên Trái đất và toàn thế giới để gài bẫy họ bằng sự lừa dối và thuyết phục họ tham gia cùng Satan trong cuộc đấu tranh cuối cùng của hắn chống lại chính quyền Thiên đường. Thông qua những đặc vụ này, cả hoàng đế và thần dân sẽ bị lừa dối như nhau. Mọi người sẽ đứng lên tuyên bố mình là Chúa Kitô và tuyên bố danh hiệu cũng như sự thờ phượng chỉ thuộc về Đấng Cứu Chuộc của thế giới. Họ sẽ thực hiện những phép lạ chữa lành tuyệt vời, tuyên bố rằng họ có những điều mặc khải từ Thiên đường trái ngược với lời chứng của Kinh thánh.

Là hành động cao điểm của vở kịch lừa dối vĩ đại, chính Satan sẽ nhân cách hóa Chúa Kitô. Giáo hội từ lâu đã tuyên bố coi sự xuất hiện của Đấng Cứu Rỗi là sự viên mãn mọi hy vọng của mình. Khi đó kẻ lừa dối vĩ đại sẽ làm ra vẻ rằng Đấng Christ đã đến. Ở những nơi khác nhau trên Trái đất, Satan sẽ hiện diện giữa loài người như một sinh vật uy nghiêm, sáng chói chói lọi, giống như lời mô tả về Con Thiên Chúa do John ban cho trong sách Khải Huyền (ch. 1:13-15). Sự vinh quang bao quanh anh ta không có gì vượt qua được mà đôi mắt phàm trần đã nhìn thấy. Tiếng reo hò chiến thắng

Họ vang lên trong không trung: "Chúa Kitô đã đến! Chúa Kitô đã đến!" Mọi người phủ phục dưới chân Ngài, trong khi Ngài giơ tay và ban phước lành cho họ, giống như Chúa Kitô đã chúc phúc cho các môn đồ của Ngài khi Ngài còn ở trần gian. Giọng nói của Ngài trêu mến và mềm mại, đầy giai điệu. , trình bày một số lễ thật đầy ân điển trên trời mà Đấng Cứu Rỗi đã tuyên bố; chữa lành bệnh tật cho dân chúng, và rồi, với tư cách được cho là Đấng Christ, tuyên bố đã đổi ngày Sa-bát thành Chúa Nhật, và ra lệnh cho mọi người phải giữ ngày thánh mà Ngài đã ban phước cho những ai kiên trì tuân theo ngày thứ bảy là đang báng bỏ danh Ngài, bằng cách từ chối lắng nghe các thiên thần của Ngài được gửi đến với họ bằng ánh sáng và sự thật. Đây là sự lừa dối mạnh mẽ và gần như không thể cưỡng lại được.

Giống như những người Sa-ma-ri bị Simon Magus lừa dối, đám đông từ nhỏ đến lớn đều lắng nghe những trò phù thủy này và nói rằng: "Đây là quyền năng vĩ đại của Đức Chúa Trời" (Cv 8:10).

Nhưng dân của Đức Chúa Trời sẽ không bị lừa dối. Những lời dạy của Đấng Christ giả này không phù hợp với Kinh thánh. Phước lành của Ngài được ban cho những người tôn thờ con thú và hình ảnh của nó, cùng một tầng lớp mà Kinh thánh tuyên bố rằng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, không trộn lẫn với lòng thương xót, sẽ đổ xuống.

Tuy nhiên, hơn nữa, Satan sẽ không được phép làm sai lệch cách thức Chúa Kitô đến. Đấng Cứu Rỗi cảnh báo dân Ngài không nên bị lừa dối về điểm này, và báo trước rõ ràng cách thức Ngài đến lần thứ hai. "Những Christ giả và tiên tri giả sẽ nổi lên, làm những dấu lớn, phép lạ, nếu có thể được thì họ cũng lừa dối ngay cả những người được chọn... Vì vậy, nếu họ nói với các ngươi rằng: Kia, Ngài ở trong đồng vắng, đừng ra ngoài kia, Ngài ở trong nhà, các ngươi đừng tin. Vì như chớp phát ra từ phương Đông, nháng đến phương Tây, thì sự Con Người đến cũng sẽ như vậy."

(Ma-thi-ơ 24:24-27). Việc sắp tới này không thể bị làm giả. Nó sẽ được mọi người biết đến và chứng kiến trên khắp thế giới.

Chỉ những người siêng năng nghiên cứu Kinh thánh và yêu mến lẽ thật mới được bảo vệ khỏi sự lừa dối mạnh mẽ đang giam cầm thế giới.

Qua lời chứng của Kinh Thánh, họ sẽ phát hiện ra kẻ lừa dối đang cải trang. Thời điểm thử thách sẽ đến với tất cả mọi người. Thông qua việc sàng lọc cám dỗ, các Kitô hữu chân chính sẽ được tiết lộ. Có phải dân của Đức Chúa Trời bây giờ đã vững vàng trong Lời Ngài đến nỗi họ sẽ không nhượng bộ trước những bằng chứng của giác quan mình không? Trong cơn khủng hoảng như vậy, liệu bạn có bám vào Kinh Thánh và chỉ Kinh Thánh không? Sa-tan sẽ cố gắng, nếu có thể được, ngăn cản họ có được sự chuẩn bị cần thiết để đứng vững trong ngày đó. Anh ta sẽ sắp xếp các tình huống theo cách để chặn đường họ; anh ta sẽ làm họ xấu hổ bằng của cải trần gian; Ngài sẽ khiến họ phải mang một gánh nặng nặng nề và mệt mỏi, để lòng họ trĩu nặng những lo toan đời này và ngày thử thách sẽ đến với họ như kẻ trộm.

Khi sắc lệnh được ban hành bởi những người cai trị khác nhau của Kitô giáo chống lại những người tuân theo các điều răn, loại bỏ sự bảo vệ của chính phủ đối với họ, để họ vào tay những kẻ mong muốn sự hủy diệt của họ, thì dân Chúa sẽ chạy trốn khỏi các thành phố và thị trấn và tập hợp lại. cùng nhau thành từng nhóm, sống ở những nơi hoang vắng và cô đơn nhất. Nhiều người sẽ tìm nơi ẩn náu trong pháo đài trên núi. Tương tự như những người theo đạo Cơ đốc ở thung lũng Piedmont, họ sẽ biến những nơi cao trên Trái đất thành thánh địa của mình, tạ ơn Chúa vì "những pháo đài trên đá" (Ê-sai 33:16). Nhưng nhiều người, thuộc mọi quốc gia, thuộc mọi tầng lớp cao và thấp, giàu và nghèo, da đen và da trắng, sẽ bị ném vào cảnh nô lệ bất công và tàn ác nhất. Những người thân yêu của Chúa sẽ trải qua những ngày đau khổ, bị còng tay, bị song sắt giam giữ, bị kết án tử hình và dường như bị bỏ đói trong ngục tối tăm tối và ghê tởm. Sẽ không có tai người nào mở ra để nghe tiếng kêu than của họ; không có bàn tay con người nào sẵn sàng giúp đỡ họ.

Liệu Chúa có quên dân Ngài trong giờ thử thách này không? Phải chăng Ngài đã quên Nô-ê trung thành khi sự phán xét của Đức Chúa Trời giáng xuống thế giới trước thời hồng thủy? Phải chăng Ngài đã quên Lót khi lửa từ trời giáng xuống thiêu rụi các thành ở đồng bằng? Bạn có quên Giô-sép, người bị bao vây bởi những kẻ thờ thần tượng ở Ai Cập không? Phải chăng Ngài đã quên Ê-li khi lời thề của Giê-sa-bên đe dọa ông về số phận của các tiên tri Ba-anh? Phải chăng ông đã quên Giê-rê-mi trong hang động tối tăm và ẩm ướt của nhà tù? Bạn có quên ba người Do Thái xứng đáng trong lò lửa hực không? Hay Daniel trong hang sư tử?

“Nhưng Si-ôn phán rằng: Chúa đã bỏ tôi, Chúa đã quên tôi rồi. Một người phụ nữ có thể quên quá nhiều về đứa con mình nuôi nấng đến mức không cảm thấy tiếc cho nó, đứa con trong bụng mình? Nhưng cho dù người này có quên đi thì anh cũng sẽ không quên em. Nay, Ta đã khắc người trong lòng bàn tay Ta.” (Ê-sai 49:14-16). Đức Giê-hô-va vạn quân đã phán: “Ai chạm vào người là chạm vào con người của mắt Ngài” (Xa-cha-ri 2:8).

Mặc dù kẻ thù ném họ vào nhà tù, những bức tường ngục tối không thể cản trở sự giao tiếp giữa linh hồn họ và Chúa Kitô. Người biết tất cả những điểm yếu của mình, người quen với mọi thử thách, là người có quyền lực trên trần thế. Các thiên thần sẽ đến với họ trong phòng biệt giam, mang lại ánh sáng và bình an từ Thiên đường, nhà tù sẽ giống như một cung điện; vì những người giàu đức tin sẽ ở đó, và những bức tường u ám sẽ được chiếu sáng bằng ánh sáng thiên đàng, như khi Phao-lô và Si-la cầu nguyện và hát ngợi khen vào lúc nửa đêm trong ngục tối Phi-líp.

Sự phán xét của Đức Chúa Trời sẽ giáng xuống tất cả những kẻ tìm cách áp bức và tiêu diệt dân Ngài. Sự nhین nhục lâu dài của họ đối với kẻ ác khiến họ táo bạo hơn trong tội lỗi, nhưng hình phạt dành cho họ, dù được trì hoãn từ lâu, cũng không kém phần chắc chắn và khủng khiếp đối với tội lỗi. “Đức Giê-hô-va sẽ dấy lên như trên núi Phê-ra-xim, và sẽ nổi giận như trong thung lũng Ga-ba-ôn, để làm công việc Ngài, công việc lạ lùng của Ngài, và thực hiện việc làm của Ngài, việc làm kỳ lạ của Ngài” (Ê-sai 28:21). Đối với Thiên Chúa nhân lành của chúng ta, hành động trừng phạt là một hành động kỳ lạ. Chúa Giê-hô-va phán: “Chúa Giê-hô-va phán như ta hằng sống, ta không vui về cái chết của kẻ ác” (Ê-xê. 33:11). Chúa là “nhân từ và nhân hậu, chậm giận, đầy nhân từ và chân thật... tha thứ gian ác, vi phạm và tội lỗi.” Tuy nhiên, “kẻ có tội không được coi là vô tội”. Đức Giê-hô-va chậm giận nhưng có quyền năng lớn, chẳng kể kẻ có tội là vô tội” (Xuất Ê-díp-tô Ký 34:6 và 7; Na-hum 1:3). Bằng những hành động công bình khủng khiếp, Ngài sẽ đòi lại quyền lực cho kẻ bị Ngài chà đạp luật pháp Mức độ nghiêm trọng của quả báo đang chờ đợi kẻ vi phạm có thể được đánh giá bởi sự miễn cưỡng của Chúa trong việc thực thi công lý. Quốc gia mà Ngài đã tồn tại trong một thời gian dài mà Ngài sẽ không trừng phạt cho đến khi nó đạt đến mức độ tội ác của mình trong các tài khoản của Đức Chúa Trời, cuối cùng Ngài sẽ uống chén thịnh nộ không chút thương xót.

Khi Đấng Christ ngừng cầu thay trong nơi thánh, cơn thịnh nộ không thương xót sẽ đổ xuống trên những ai tôn thờ con thú và hình tượng của nó, đồng thời nhận dấu hiệu của nó (Khải huyền 14:9 và 10). Những tai họa đổ xuống Ai Cập khi Đức Chúa Trời sắp giải cứu Y-sơ-ra-ên có tính chất tương tự như những sự phán xét khốc liệt và khủng khiếp nhất sẽ giáng xuống thế giới ngay trước cuộc giải cứu cuối cùng của dân Đức Chúa Trời.

Tác giả sách Khải Huyền đã nói khi mô tả những tai họa khủng khiếp này: “Một vết thương xấu xa và ác độc giáng xuống trên những người có dấu con thú và thờ lạy hình tượng của nó”.

Biển “biến thành máu như máu người chết, mọi sinh vật đều chết trong biển”.

Và những dòng sông và nguồn nước “biến thành máu”. Dù những tai họa này thật khủng khiếp, công lý của Chúa vẫn được minh oan hoàn toàn. Thiên sứ của Đức Chúa Trời tuyên bố: “Ngài thật công bình, ôi Lạy Chúa... tại sao Ngài lại phán xét những điều này? Vì chúng đã làm đổ máu các thánh đồ và các đấng tiên tri, nên Ngài cũng cho chúng uống máu; vì họ xứng đáng được như vậy”

(Khải Huyền 16:2-6). Khi kết án tử hình dân Chúa, họ đã thực sự gánh lấy tội lỗi bằng máu của mình, như thể do chính tay họ đổ ra. TRONG

Theo cách tương tự, Chúa Giêsu tuyên bố người Do Thái vào thời của Ngài phạm tội về tất cả máu của các vị thánh đã đổ ra kể từ thời Abel; vì họ có cùng một tinh thần và đang tìm cách thực hiện công việc giống như những kẻ sát hại các nhà tiên tri.

Trong trận dịch sau đó, Mặt trời được ban quyền "dùng lửa thiêu đốt loài người. Và loài người bị thiêu đốt bởi sức nóng lớn" (câu 8 và 9). Do đó, các nhà tiên tri đã mô tả tình trạng của Trái đất vào thời điểm khủng khiếp đó: "Và Trái đất [thật] buồn (...) vì mùa màng trên đồng ruộng đã bị tàn lụi." "Cây cối ngoài đồng đều khô héo, niềm vui của loài người cũng khô héo". "Hạt giống mọc nát dưới lớp đất của nó, kho thóc bị bỏ hoang." "Làm sao gia súc rên rỉ! Đàn bò bối rối, vì không có đồng cỏ: ... sông cạn, lửa đã thiêu rụi đồng cỏ của sa mạc." Chúa Giê-hô-va phán: "Trong ngày đó, những bài hát trong đền thờ sẽ là tiếng kêu đau đớn; xác chết sẽ rất nhiều, chúng sẽ bị ném ra khắp nơi trong im lặng" (Giô-ên 1:10-12, 17-20; A-mốt 8:3).

Những bệnh dịch này không phổ biến, nếu không tất cả cư dân trên Trái đất sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn. Tuy nhiên, chúng sẽ là những tai họa khủng khiếp nhất mà con người từng biết đến. Mọi phán xét đối với con người trước khi kết thúc thời gian thử thách đều pha trộn lòng thương xót. Huyết cầu thay của Đấng Christ đã ngăn cản tội nhân nhận trọn phần tội lỗi của mình; nhưng trong sự phán xét cuối cùng, cơn thịnh nộ được đổ ra không chút thương xót.

Vào ngày đó, đám đông sẽ khao khát sự che chở của lòng thương xót Chúa, điều mà bấy lâu nay họ đã khinh miệt. Chúa Giê-hô-va phán: "Chúa Giê-hô-va phán: Này, sẽ đến những ngày ta sẽ giáng một nạn đói xuống trên đất, không phải đói bánh, cũng không phải khát nước, nhưng là đói nghe lời Chúa. biển này đến biển khác, từ Bắc tới Đông; họ sẽ chạy khắp nơi để tìm kiếm lời Chúa, nhưng không tìm được" (A-mốt 8:11 và 12).

Dân Chúa sẽ không thoát khỏi đau khổ; nhưng dù họ có bị bắt bớ, khốn khổ, dù họ có chịu đựng gian khổ và thiếu ăn, họ cũng sẽ không bị diệt vong. Đức Chúa Trời đã chăm sóc Ê-li sẽ không bỏ qua bất kỳ đứa con vị tha nào của Ngài. Ai đếm tóc trên đầu mình sẽ chăm sóc chúng; và trong lúc đói kém họ sẽ được no nê. Trong khi kẻ ác đang chết vì đói và dịch bệnh, các thiên thần sẽ bảo vệ người công chính và đáp ứng nhu cầu của họ. Đối với người "bước đi trong sự công bình" có lời hứa: "Người sẽ được bánh ăn, nước uống sẽ chắc chắn.

Kẻ khốn cùng khốn cùng tìm nước mà không được, lưỡi khô vì khát; nhưng ta, Đức Giê-hô-va, sẽ nhậm lời chúng, ta, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, sẽ không bỏ rơi chúng" (Ê-sai 33:16; 41:17).

"Mặc dù cây vả không nở hoa, cây nho không ra trái; hoa màu của cây ô-liu không còn, đồng ruộng không sinh sản lương thực; chiên ngoài đồng bị bắt đi, và không có bò trong chuồng, song những ai kính sợ Ngài sẽ vui mừng. Họ sẽ ở trong Chúa và vui mừng trong Đức Chúa Trời cứu rỗi mình" (Ha-bơ-rơ 3:17 và 18).

"Chúa là Đấng gìn giữ con, Chúa là bóng che bên hữu con. Ban ngày mặt trời không làm hại con, mặt trăng cũng không làm hại ban đêm. Chúa sẽ gìn giữ con khỏi mọi điều ác, Ngài sẽ gìn giữ linh hồn con. "

"Ngài sẽ giải thoát bạn khỏi cạm bẫy của kẻ săn chim, và khỏi dịch lệ chết người. Ngài sẽ che phủ bạn bằng lông vũ của Ngài, và dưới cánh Ngài, bạn sẽ được an toàn; Chân lý của Ngài là cái khiên và cái khiên. Bạn sẽ không sợ hãi hùng ban đêm, chẳng sợ mũi tên bay ban ngày, chẳng sợ dịch lệ rình rập trong bóng tối, chẳng sợ sự hủy diệt hủy diệt giữa trưa. Hàng ngàn người sẽ ngã bên cạnh bạn, và hàng vạn người bên phải bạn, nhưng bạn sẽ không bị đánh. Chỉ bằng mắt người mới nhìn, và người sẽ thấy phần thưởng của kẻ ác. Bởi vì, lạy Chúa, Ngài là nơi nương náu của con! Đấng Tối Cao là nơi ở của bạn. Sẽ chẳng có tai họa nào xảy đến cho người, cũng chẳng có tai vạ nào đến gần trại người" (Thi Thiên 121:5-7; 91:3-10).

Tuy nhiên, trước mắt con người, có vẻ như dân Chúa phải sớm đóng ấn chứng tá của mình bằng máu của chính mình, giống như đã xảy ra với các vị tử đạo tiên nhiệm. Chính họ bắt đầu lo sợ rằng Chúa đã bỏ rơi họ để rơi vào quyền lực của kẻ thù. Đó là thời gian đau đớn khủng khiếp. Ngày đêm họ kêu cầu Chúa giải thoát. Kẻ ác vui mừng và tiếng kêu nhạo báng vang lên: đức tin của chúng bây giờ ở đâu? Tại sao Chúa không giải thoát các bạn khỏi tay chúng tôi nếu các bạn thực sự là dân của Ngài?

Nhưng các thánh đồ đang chờ đợi nhớ lại Chúa Giê-su chết trên thập tự giá trên Đồi Can-vê, và các thầy tế lễ cả cùng các quan trưởng đã chế nhạo rằng: "Nó đã cứu kẻ khác mà cứu mình không được. Nếu nó là Vua dân Y-sơ-ra-ên thì bây giờ hãy xuống khỏi thập tự giá đi, còn chúng ta thì sẽ tin Ngài" (Ma-thi-ơ 27:42). Giống như Gia-cóp, mọi người đều đang vật lộn với Đức Chúa Trời. về mặt của bạn bộc lộ mâu thuẫn nội tâm. Màu xanh xao in rõ trên mọi khuôn mặt. Tuy nhiên, lời cầu bầu nhiệt thành của họ không ngừng.

Nếu con người có thể nhìn tình hình bằng tầm nhìn thiên thượng, họ sẽ nhìn thấy những nhóm thiên thần có quyền năng xuất sắc, đóng quân xung quanh những người giữ lời kiên nhẫn của Đấng Christ. Với sự dịu dàng trìu mến, các thiên thần đã chứng kiến nỗi thống khổ của bạn và nghe thấy những lời cầu nguyện của bạn. Họ đang chờ đợi lời từ Chỉ huy để cứu họ khỏi nguy hiểm. Nhưng họ cần đợi thêm một thời gian nữa. Dân của Đức Chúa Trời phải uống chén và chịu báp-têm. Sự chậm trễ khiến họ đau buồn lại là câu trả lời tốt nhất cho những lời thỉnh cầu của họ. Khi họ cố gắng tin tưởng chờ đợi Chúa hành động, họ được dẫn dắt để thực hành đức tin, đức cậy và sự kiên nhẫn, những điều mà họ ít thực hiện trong trải nghiệm tôn giáo của mình. Tuy nhiên, vì tình yêu của những người được bầu chọn, thời gian khó khăn sẽ được rút ngắn lại. "Và Thiên Chúa há chẳng minh oan cho những kẻ Người đã tuyển chọn, những người ngày đêm kêu cầu Người sao? Tôi bảo cho các ông biết, Người sẽ nhanh chóng xét xử họ" (Lc 18:7 và 8). Sự kết thúc sẽ đến nhanh hơn đàn ông mong đợi.

Lúa mì sẽ được thu gom và bó lại thành từng bó cho vào kho của Đức Chúa Trời; cỏ lùng sẽ được bó lại thành từng bó cho ngọn lửa hủy diệt.

Những người canh gác thiên đường, trung thành với tiền gửi của họ, tiếp tục thực hiện cảnh giác của họ. Mặc dù một sắc lệnh chung đã ấn định thời gian mà những người tuân theo các điều răn có thể bị giết, nhưng trong một số trường hợp, kẻ thù của họ tìm cách đoán trước sắc lệnh đó và trước thời gian quy định sẽ cố gắng xóa sổ sự tồn tại của họ. Nhưng không ai có thể vượt qua được những người bảo vệ quyền năng đứng xung quanh mọi tâm hồn trung thành. Một số bị tấn công khi họ chạy trốn khỏi các thành phố và thị trấn; nhưng những thanh kiếm giờ lên chống lại họ vỡ tan và rơi xuống đất bất lực như rơm. Những người khác được bảo vệ bởi các thiên thần dưới hình dạng chiến binh.

Trong mọi thời đại, Đức Chúa Trời đã làm việc qua các thiên sứ thánh để giải cứu và giải cứu dân Ngài. Các thiên thần đã tham gia tích cực vào công việc của con người. Họ xuất hiện trong trang phục rực rỡ như tia chớp; chúng đã đến như những người đội lốt lữ khách. Các thiên thần đã hiện ra dưới hình dạng con người trước các tội tớ của Chúa. Họ đã nghỉ trưa dưới gốc cây sồi, dường như đã thấm mệt. Họ đã chấp nhận lòng hiếu khách của những ngôi nhà con người. Họ đã đóng vai trò là người hướng dẫn cho những du khách ngạc nhiên về đêm. Họ tự tay đốt lửa trên bàn thờ.

Họ còn mở cửa ngục và giải thoát các tội tớ Chúa. Mặc áo giáp thiên thượng, họ đến để đỡ tảng đá ra khỏi ngôi mộ nơi Đấng Cứu Rỗi nằm.

Trong hình dạng con người, các thiên thần thường được tìm thấy trong hội đồng của những người công chính, và họ cũng đến thăm hội đồng của những kẻ ác, giống như họ đến Sodom để báo cáo về hành động của mình, để xác định xem họ có vượt qua giới hạn của Sự nhậm nhục của Chúa. Chúa vui thích vì lòng thương xót; và vì số ít người thực sự phụng sự Ngài, nên Ngài hạn chế tai họa và kéo dài sự yên tĩnh cho quần chúng. Những kẻ tội lỗi chống lại Thiên Chúa ít hiểu rằng họ mắc nợ một số ít người trung thành mà họ thích chế giễu và áp bức suốt đời.

Mặc dù thực tế là những người cai trị thế giới này phớt lờ sự thật, nhưng các thiên thần thường là người phát ngôn trong hội đồng của họ. Mắt loài người đã nhìn thấy chúng; tai người đã nghe lời cầu xin của họ; mỗi người đã phản đối lời đề nghị của họ và chế nhạo lời khuyên của họ; bàn tay con người đã đối đầu với họ bằng những lời lăng mạ và ngược đãi. Trong các phòng hội đồng và tòa án, những sứ giả trên trời này đã thể hiện sự quen thuộc sâu sắc với lịch sử loài người. Họ đã chứng tỏ mình có khả năng bào chữa cho chính nghĩa của những người bị áp bức hơn những người bảo vệ có năng lực và hùng hồn nhất. Họ đã đánh bại các mục đích và ngăn chặn những điều ác có thể làm cản trở đáng kể công việc của Đức Chúa Trời và gây ra đau khổ lớn lao cho dân Ngài.

Trong lúc nguy hiểm và khốn khổ, "sứ thần của Chúa đóng trại chung quanh những người kính sợ Ngài và giải cứu họ" (Thi Thiên 34:7).

Với lòng khao khát tha thiết, dân Chúa chờ đợi những dấu hiệu về vị Vua sắp đến của họ. Khi những người canh gác trên tường được hỏi: "Người bảo vệ, chuyện gì đã xảy ra vào ban đêm"? Câu trả lời được đưa ra không chút do dự: "Buổi sáng sắp đến và đêm cũng đến" (Ê-sai 21:11 và 12). Ánh sáng chiếu lên những đám mây phía trên đỉnh núi. Chẳng bao lâu nữa, vinh quang của Ngài sẽ được tỏ hiện. Mặt trời công lý sắp mọc. Buổi sáng và buổi tối đã đến gần - bình minh của ngày không bao giờ kết thúc đối với người công chính và màn đêm vĩnh cửu buông xuống đối với kẻ ác.

Khi các tín hữu đang gặp khó khăn gửi lời cầu nguyện đến Chúa, bức màn ngăn cách họ với điều vô hình dường như gần như được vén lên. Bầu trời rực sáng khi ngày vĩnh cửu lộ dạng và giống như giai điệu của những bài hát thiên thần, những lời này vang vọng bên tai: "Hãy đứng vững trong lòng trung thành của bạn. Sự giúp đỡ đang đến." Chúa Kitô, Đấng Chiến thắng toàn năng, ban cho những chiến binh mệt mỏi của Ngài vương miện vinh quang bất diệt; và giọng nói của Ngài vang vọng qua những cánh cổng hé mở: "Này, Ta ở cùng các con. Đừng sợ."

Tôi quen với mọi nỗi đau khổ của bạn; Tôi gánh chịu nỗi buồn của bạn. Bạn không chiến đấu chống lại kẻ thù chưa được chứng minh. Ta đã chiến đấu thay cho các người, và nhân danh Ta, các người còn hơn cả những kẻ chiến thắng."

Đấng Cứu Rỗi quý báu sẽ gửi sự giúp đỡ ngay khi chúng ta cần nó nhất. Con đường lên Thiên Đàng được thánh hiến bởi dấu chân Ngài. Mỗi chiếc gai làm đau chân chúng ta là làm tổn thương Ngài. Mỗi thập giá chúng ta được kêu gọi vác, Ngài đã gánh trước chúng ta. Chúa cho phép xung đột nhằm mục đích chuẩn bị tâm hồn cho hòa bình. Thời kỳ khốn khổ là thời kỳ thử thách khủng khiếp cho dân sự Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, đây là lúc để mọi tín đồ chân chính ngược mắt lên và bằng đức tin, nhìn thấy vòm hứa hẹn bao quanh mình.

"Những ai được Chúa cứu chuộc sẽ trở lại và đến Si-ôn trong niềm vui; niềm vui đời đời sẽ ở trên đầu họ; niềm vui mừng hân hoan sẽ tràn ngập họ, nỗi buồn rầu rĩ sẽ biến mất.

Ta là Đấng an ủi con; Vậy người là ai mà sợ loài người hay chết, hay con loài người sẽ trở thành cỏ khô? Và bạn quên Chúa, Đấng đã tạo dựng nên bạn... và suốt ngày bạn cứ sợ hãi cơn thịnh nộ của kẻ gây rối, khi hấn chuẩn bị hủy diệt sao? Đâu là cơn giận dữ của điều khiến bạn lo lắng? Kẻ bị đày ải sẽ sớm được thả ra, hấn sẽ không chết trong hang, và sẽ không thiếu bánh. Vì ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các người, là Đấng phân rẽ biển và sóng gầm thét. Chúa các đạo binh chính là danh Ngài. Ta đã đặt lời Ta vào miệng người, và che phủ người bằng bóng bàn tay Ta" (Ê-sai 51:11-16).

Vì vậy, bây giờ hãy nghe điều này, hỡi những kẻ bị áp bức và say rượu, nhưng không phải vì rượu. Chúa của bạn, Đức Giê-hô-va và Đức Chúa Trời của bạn, Đấng sẽ bào chữa cho lý lẽ của dân Ngài: Này, ta lấy khỏi tay người chiếc cốc do dự, phân của chén thịnh nộ của Ta; các người sẽ không uống nó nữa. Nhưng tôi sẽ đặt nó vào tay những người làm bạn đau buồn, những người nói với tâm hồn bạn rằng: "Hãy cúi xuống để chúng tôi có thể vượt qua bạn; Ngài đã biến lưng mình thành đất và đường cho người lữ hành" (Ê-sai 51:21-23).

Đôi mắt của Chúa, nhìn xuống qua nhiều thế kỷ, đã tập trung vào cuộc khủng hoảng mà dân Ngài phải đối mặt khi các thế lực trần thế dàn trận chống lại họ. Giống như người bị lú đờ, họ sẽ sợ chết vì đói hoặc bạo lực. Nhưng Đấng Thánh đã phân chia Biển Đỏ trước mặt dân Y-sơ-ra-ên sẽ biểu lộ quyền năng vô hạn của Ngài bằng cách giải thoát họ khỏi cảnh giam cầm. "Chúng sẽ là của Ta, Đức Giê-hô-va vạn quân phán, trong ngày đó Ta sẽ biến chúng thành kho báu cho Ta; Ta sẽ thương xót chúng như một người thương xót con trai mình hầu việc mình" (Mal. 3:17). Nếu máu của các chứng nhân trung thành của Chúa Kitô đã đổ ra vào thời điểm đó, thì máu đó không giống như máu của các vị tử đạo, như hạt giống được gieo để sinh ra mùa gặt cho Thiên Chúa. Lòng chung thủy của bạn sẽ không phải là bằng chứng để thuyết phục người khác về sự thật; vì trái tim chai đá đã từ chối những làn sóng thương xót, cho đến khi chúng không thể quay trở lại được nữa. Nếu bây giờ những người công chính bị bỏ mặc trở thành con mồi cho kẻ thù của họ, đó sẽ là chiến thắng dành cho hoàng tử bóng tối. Tác giả Thi Thiên nói: "Trong ngày gian truân, Ngài sẽ giấu tôi trong lều Ngài; Ngài sẽ giấu tôi trong nơi kín đáo của đền tạm Ngài" (Thi Thiên 27:5). Chúa Kitô đã truyền dạy: "Hỡi dân Ta, hãy đi vào phòng, đóng cửa lại và chỉ ẩn mình một lát cho đến khi cơn thịnh nộ qua đi. Vì vậy, Chúa sẽ ra khỏi chỗ của Người để trừng phạt dân cư thành này." trái đất vì sự gian ác của họ" (Ê-sai 26:20 và 21). Vinh quang sẽ là sự giải cứu của những người kiên nhẫn chờ đợi sự tái lâm của Ngài và tên của họ được ghi vào sổ sự sống.

Chương 40

Sự giải thoát của Dân Thiên Chúa

Khi việc bảo vệ luật pháp của con người bị rút khỏi những người tôn trọng luật pháp của Chúa, ở những vùng đất khác nhau sẽ có một phong trào đồng thời nhằm tiêu diệt họ. Khi thời điểm được ấn định trong sắc lệnh đến gần, nhân dân sẽ âm mưu tiêu diệt giáo phái đáng ghét. Người ta sẽ xác định rằng chỉ trong một đêm, cuộc tấn công quyết định sẽ hoàn tất, điều này sẽ hoàn toàn làm im lặng những tiếng nói bất đồng và không tán thành.

Dân Chúa - một số bị giam trong tù, số khác ẩn náu trong những nơi ẩn náu đơn độc trong rừng núi - vẫn cầu xin sự bảo vệ của Thiên Chúa, trong khi ở mọi địa phương, những nhóm người có vũ trang, bị các đạo binh thiên thần ác quỷ điều khiển, đang chuẩn bị cho công việc tai hại này. . . Giờ đây, vào giờ phút tốt cùng nhất, Thiên Chúa của Israel sẽ can thiệp để giải thoát những người được Người tuyển chọn. Đức Giê-hô-va phán: "Giữa các người sẽ có tiếng hát vang lên như trong đêm cử hành; lòng vui mừng như người đi đánh đàn, sẽ đến núi của Đức Giê-hô-va, đến Vàng Đá của Đức Giê-hô-va". Đức Giê-hô-va sẽ khiến họ nghe tiếng vinh hiển của Ngài, Ngài sẽ hạ cánh tay Ngài xuống trong cơn thịnh nộ, và thấy ngọn lửa thiêu đốt của Ngài, cùng với chớp nhoáng, lũ lụt và mưa đá." (Ê-sai 30:29 và 30).

Với những tiếng la hét chiến thắng, chế nhạo và nguyên rủa, vô số kẻ ác chuẩn bị lao vào con mồi của chúng thì kìa, một bóng tối dày đặc, sâu hơn bóng tối của màn đêm, ập xuống Trái đất. Sau đó, cầu vồng tỏa sáng rực rỡ với vinh quang từ ngai Đức Chúa Trời, băng qua các tầng trời, dường như bao bọc từng nhóm trong lời cầu nguyện. Đám đông giận dữ đột nhiên dừng lại. Tiếng gầm nhạo báng của họ im bật. Đối tượng của cơn thịnh nộ giết người của anh ta bị lãng quên. Với những điềm báo khủng khiếp, họ chiêm ngưỡng biểu tượng của giao ước thiêng liêng, khao khát được che chắn dưới ánh hào quang dịu nhẹ của nó.

Dân Chúa nghe một giọng nói trong trẻo du dương nói: "Hãy nhìn lên"; và ngược mắt lên trời, họ nhìn thấy vòm trời hứa hẹn. Những đám mây những đám mây đen và đáng sợ bao phủ bầu trời quay đi và giống như Ê-tiên, kiên định nhìn lên trời và nhìn thấy vinh quang của Đức Chúa Trời và Con người ngồi trên ngai của Ngài. Hãy phân biệt trong hình dáng thiêng liêng của Ngài những dấu vết của sự sỉ nhục; và từ miệng Ngài, họ nghe thấy lời cầu xin được trình bày trước Chúa Cha và các thánh thiên thần: "Con muốn những kẻ Cha đã ban cho Con, Con ở đâu, họ cũng ở với Con." (Giăng 17:24).

Lại có một giọng nói du dương đặc trưng vang lên: "Họ đến! Họ đến!"

Thánh thiện, vô tội và vô nhiễm. Họ đã giữ lời kiên nhẫn của Ta; họ sẽ bước đi giữa các thiên thần"; và đôi môi nhợt nhạt và run rẩy của những người giữ vững đức tin sẽ thốt ra tiếng kêu chiến thắng.

Chính vào lúc nửa đêm, Thiên Chúa biểu lộ quyền năng của Ngài để giải phóng dân Ngài. Mặt trời xuất hiện tỏa sáng với sức mạnh của nó. Những dấu kỳ và phép lạ nối tiếp nhau một cách nhanh chóng. Kẻ ác kinh hoàng và kinh ngạc nhìn cảnh tượng đó, trong khi người công bình quan sát với sự mãn nguyện long trọng về những dấu hiệu giải thoát của họ. Mọi thứ trong Tự nhiên dường như không theo quy luật bình thường của nó. Dòng điện ngừng chảy. Những đám mây đen dày đặc xuất hiện và va chạm vào nhau. Giữa bầu trời giông bão, người ta thấy một không gian trong sáng vinh quang khôn tả, từ đó có tiếng của Đức Chúa Trời như tiếng của nhiều dòng nước phán rằng: "Xong rồi". (Khải huyền 16:17).

Thanh âm này chấn động trời đất. Có một trận động đất mạnh "chưa từng có kể từ khi con người xuất hiện trên trái đất; trận động đất này lớn đến mức nào"

trận động đất" (Khải huyền 16:18). Khoảng không dường như mở ra và đóng lại. Vinh quang của ngài Đức Chúa Trời dường như chiếu sáng khắp không gian trên trời. Những ngọn núi lắc lư như lau sậy bị gió tung bay, và những tảng đá gồ ghề bị ném từ phía ... Có tiếng gầm như bão sắp đến, biển nổi cuồn cuộn.

âm thanh chói tai của cơn cuồng phong, giống như tiếng nói của quỷ dữ đang thực hiện sứ mệnh hủy diệt. Toàn bộ Trái đất dâng cao và giãn nở như những làn sóng biển. Bề mặt của nó bị phân mảnh. Chính nền tảng của nó dường như đã sụp đổ. Các dãy núi đang chìm xuống. Quần đảo dân cư biến mất. Các cảng biển, đã trở nên giống như Sô-đôm vì sự gian ác của chúng, đã bị dòng nước cuồng nộ nuốt chửng. Ba-by-lôn vĩ đại đã nhớ lại trước mặt Đức Chúa Trời, "để trao cho nó chén rượu thịnh nộ của Ngài" (Khải huyền 16:19 và 21). Những trận mưa đá khổng lồ, mỗi trận có "sức nặng bằng một tạ lông", đang thực hiện công việc hủy diệt của mình. Các thành phố tuyệt vời nhất trên trái đất được liệt kê dưới đây. Những cung điện trang nghiêm, nơi các vĩ nhân trên thế giới rải rác của cải để tôn vinh bản thân, biến thành đồng đổ nát trước mắt họ. Các bức tường của nhà tù nứt ra, và dân của Đức Chúa Trời, những người bị giam cầm vì đức tin của họ, đã được thả ra.

Các ngôi mộ mở ra và "nhiều người ngủ trong bụi đất sẽ thức dậy, một số để được sự sống đời đời, còn một số khác sẽ phải chịu sự xấu hổ và khinh miệt đời đời" (Đan. 12:2). Tất cả những ai đã chết trong đức tin vào sứ điệp của thiên thần thứ ba đều sống lại từ trong mồ một cách vinh hiển, để nghe giao ước bình an thiêng liêng với những ai tuân giữ luật pháp của Ngài. "Kẻ đã đâm Ngài" (Khải huyền 1:7), những kẻ chế nhạo sự thống khổ của Đấng Christ, và những kẻ chống đối hung bạo nhất lẽ thật của Ngài và dân Ngài, hãy đứng dậy một lần nữa để chiêm ngưỡng Ngài trong vinh quang của Ngài, và nhìn thấy vinh quang được ban cho Người, cho những ai trung tín và vâng phục.

Những đám mây dày đặc vẫn che phủ bầu trời; tuy nhiên, Mặt trời thỉnh thoảng đi qua chúng, trông giống như ánh mắt báo thù của Đức Giê-hô-va. Những tia sét dữ dội giáng xuống từ bầu trời, bao bọc Trái đất trong một ngọn lửa. Bên trên tiếng sấm rền khủng khiếp, những giọng nói bí ẩn và đáng sợ tuyên bố sự diệt vong của kẻ ác. Lời nói ra không phải ai cũng hiểu được; nhưng chúng được hiểu rõ ràng bởi các giáo sư giả. Những người trước đây vô tư, kiêu ngạo và thách thức, vui mừng trong sự tàn ác của họ đối với những người tuân giữ điều răn của Đức Chúa Trời, giờ đây đã bị nghiền nát bởi sự kinh hoàng và run rẩy vì sợ hãi. Tiếng kêu của họ được nghe thấy trên âm thanh của các yếu tố. Ma quỷ nhận ra thiên tính của Đấng Christ và run rẩy trước quyền năng của Ngài, trong khi loài người đang kêu la xin thương xót và bò trong nỗi kinh hoàng hèn hạ.

Các nhà tiên tri thời xưa đã nói khi họ nhìn thấy ngày của Đức Chúa Trời trong một khái niệm thánh thiện: "Hãy than khóc, vì ngày của Chúa đã gần đến; ngày ấy đến từ Đấng Toàn năng như sự hoang tàn". (Ê-sai 13:6). "Hãy đi vào trong những tảng đá và ẩn mình trong bụi đất để tránh sự hiện diện đáng sợ của Chúa và vinh quang uy nghiêm của Ngài. Con mắt kiêu ngạo của loài người sẽ bị hạ xuống, và sự kiêu ngạo của loài người sẽ bị hạ xuống; và chỉ một mình Chúa sẽ bị hạ thấp." được tôn cao trong ngày đó. Vì ngày của Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ nghịch cùng mọi kẻ kiêu ngạo và kiêu ngạo, và mọi kẻ tự đề cao mình, để bị hạ xuống." "Ngày đó, người ta sẽ ném các thần tượng bằng bạc và thần tượng bằng vàng mà mình đã làm ra cho chuốt chùi và dơi, rồi đi vào các kẽ đá, vào các hang đá. vì sự hiện diện của Chúa, và vì vinh quang uy nghiêm của Ngài, khi Ngài xuất hiện để ám ảnh trái đất." (Ê-sai 2:10, 20 và 21).

Qua khe hở giữa các đám mây, một ngôi sao tỏa sáng với độ sáng tăng gấp bốn lần so với bóng tối. Nó mang lại niềm hy vọng và niềm vui cho các tín hữu, nhưng cũng mang lại sự nghiêm khắc và phẫn nộ cho những kẻ vi phạm luật pháp của Chúa. Những người đã hy sinh mọi thứ cho Đấng Christ giờ đây được an toàn, ẩn náu như ở một nơi ẩn náu.

bí mật về dinh thự của Chúa. Họ đã bị thử thách và trước thế gian cũng như trước những kẻ khinh thường lẽ thật, họ đã làm chứng về lòng trung thành của mình với Đấng đã chết vì họ. Một sự thay đổi tuyệt vời sẽ đến với những người kiên định giữ vững sự chính trực của mình, ngay cả khi đối mặt với cái chết. Họ bất ngờ được giải thoát khỏi bóng tối và sự bạo ngược khủng khiếp của những kẻ biến thành ác quỷ. Khuôn mặt của họ gần đây xanh xao, lo lắng và hốc hác, giờ đây toát lên sự ngưỡng mộ, niềm tin và tình yêu. Giọng ông cất lên trong bài hát đắc thắng: “Đức Chúa Trời là nơi nương náu và sức lực của chúng tôi, Ngài sẵn giúp đỡ trong cơn gian truân. Vì vậy, chúng tôi chẳng sợ hãi dù đất có chuyển động, Dù núi non có bị lay chuyển vào giữa biển. nước gầm thét và chuyển động, mặc dù núi non rung chuyển vì sự dữ dội của nó.” (Thi thiên 46:1-3).

Khi những lời tin tưởng thánh thiện này dâng lên Thiên Chúa, những đám mây tan dần và bầu trời đầy sao, vinh quang không thể diễn tả được tương phản với bầu trời đen kịt và nặng trĩu ở mỗi bên. Ánh hào quang của thành phố thiên đường tỏa ra từ những cánh cửa hé mở. Sau đó, một bàn tay xuất hiện in bóng trên bầu trời đang cầm hai tấm bia đá xếp chồng lên nhau. Nhà tiên tri nói: “Trời sẽ tuyên bố sự công bình của Ngài, vì chính Đức Chúa Trời là thẩm phán”. (Thi Thiên 50:6). Luật thiêng liêng đó, công lý của Thiên Chúa, được công bố giữa sấm sét và lửa từ Sinai như một hướng dẫn của cuộc sống, giờ đây được tiết lộ cho loài người như quy tắc phán xét. Bàn tay mở các tấm bảng và do đó các giới luật của decalogue được thể hiện, được vạch ra như thể bằng một cây bút lửa. Lời nói rõ ràng đến mức mọi người đều có thể đọc được. Ký ức được đánh thức, bóng tối mê tín và dị giáo bị quét sạch khỏi tâm trí mọi người, và mười điều răn thiêng liêng, ngắn gọn, toàn diện và có thẩm quyền, được trình bày trước mắt tất cả cư dân trên trái đất.

Không thể diễn tả hết nỗi kinh hoàng và tuyệt vọng của những người hả hê trước những điều răn thiêng liêng của Chúa. Chúa đã ban cho họ luật pháp của Ngài; lẽ ra họ có thể so sánh tính cách của anh với tính cách của cô và phát hiện ra những khuyết điểm của cô trong khi vẫn còn cơ hội để ăn năn và cải tạo. Nhưng để được thiên hạ ưu ái, họ đã gạt bỏ giới luật của mình và dạy người khác phạm tội. Họ ra sức buộc dân Chúa phải xúc phạm ngày Sa-bát của Ngài. Bây giờ họ thấy mình bị lên án bởi luật pháp mà họ từng coi thường. Với sự rõ ràng khủng khiếp, họ nhận ra rằng họ không còn lời bào chữa nào nữa. Họ chọn người mà họ muốn phục vụ và tôn thờ. “Rồi các người sẽ lại thấy sự khác biệt giữa người công chính và kẻ gian ác, giữa người hầu việc Đức Chúa Trời và kẻ không phục vụ Ngài.” (Mal. 3:18).

Những kẻ thù của luật pháp Chúa, từ người phục vụ cho đến kẻ hèn mọn nhất trong số họ, đều có một quan niệm mới về lẽ thật và bổn phận. Quá muộn để họ nhận ra rằng ngày Sabát của điều răn thứ tư là dấu ấn của Thiên Chúa hằng sống. Quá muộn để họ nhận ra rằng điều răn thứ tư là dấu ấn của Thiên Chúa hằng sống. Quá muộn để họ phát hiện ra bản chất thực sự của ngày Sa-bát giả mạo và nền tảng cát mà họ đã xây dựng trên đó.

Họ nhận ra rằng họ đang chiến đấu chống lại Chúa. Các giáo viên tôn giáo đã dẫn dắt các linh hồn đến chỗ diệt vong trong khi tuyên bố sẽ hướng dẫn họ đến cổng Thiên đường. Cho đến ngày phán xét cuối cùng, người ta sẽ không biết trách nhiệm của con người trong chức vụ thiêng liêng lớn đến mức nào và hậu quả của sự không chung thủy của họ khủng khiếp đến mức nào. Chỉ trong cõi vĩnh hằng, chúng ta mới có thể ước tính chính xác cái giá phải trả của việc mất đi một linh hồn.

Thật khủng khiếp sẽ là sự tàn lụi của người mà Chúa phán: Hỡi đầy tớ gian ác, hãy lui đi.

Tiếng của Thiên Chúa vang lên từ trời, công bố ngày giờ Chúa Giêsu đến và truyền giao ước vĩnh cửu cho dân Người. Giống như tiếng sấm mạnh mẽ nhất, Lời Ngài vang vọng khắp Trái đất. Dân Israel của Thiên Chúa lắng nghe họ với ánh mắt nhìn lên cao. Dung nhan Người được chiếu sáng bằng vinh quang của Người, sáng ngời như khuôn mặt của Môsê khi Người từ Sinai xuống. Kẻ ác không thể nhìn vào chúng. Và khi phước lành được ban cho những ai tôn vinh Đức Chúa Trời bằng cách tuân giữ ngày Sa-bát của Ngài, thì có tiếng kêu chiến thắng vang dội.

Chẳng bao lâu sau, một đám mây đen nhỏ xuất hiện ở phía Đông, có kích thước bằng nửa bàn tay con người. Đó là đám mây bao quanh Đấng Cứu Rỗi, và từ xa dường như bị bao phủ trong bóng tối. Dân Thiên Chúa biết rằng đây là dấu lạ về Con Người. Trong sự im lặng trang trọng, họ dán mắt vào nó khi nó đến gần Trái đất, trở nên sáng hơn và rực rỡ hơn cho đến khi nó trở thành một đám mây trắng lớn, với phần chân mang ánh sáng rực rỡ như ngọn lửa thiêu rụi, phía trên là cầu vồng của buổi hòa nhạc. Chúa Giêsu tiến lên như một kẻ chinh phục đầy quyền năng.

Bây giờ không phải với tư cách là "Người Đau Khổ", để uống chén đắng tử nhục và khốn khổ, mà là Đấng chiến thắng trên Trời và dưới Đất để phán xét kẻ sống và kẻ chết. "Thành tín và chân thật," Ngài "xét đoán và chiến đấu vì sự công bình." Và "các đạo quân trên trời theo Ngài"

(Kh 19:11 và 14). Với những bài thánh ca có giai điệu thiên đàng, các thiên thần thánh thiện, trong vô số và vô số, đồng hành cùng Ngài trên con đường của Ngài. Bầu trời dường như tràn ngập những hình dạng rực rỡ - hàng nghìn, hàng triệu triệu.

Không ngôi bút nào của con người có thể khắc họa được cảnh tượng này, cũng không trí óc phàm trần nào có thể tìm thấy chính mình đủ điều kiện để hình dung được sự huy hoàng của nó. "Sự vinh hiển Ngài bao phủ các tầng trời" và trái đất tràn ngập sự ca ngợi Ngài. Và sự chói sáng của Ngài giống như ánh sáng." (Ha-bê 3:3, 4). Khi đám mây càng đến gần hơn, tất cả đều nhìn thấy Chúa của sự sống. Giờ đây không còn mào gai nào có thể làm biến dạng đầu thánh, nhưng có một vương miện vinh quang ngự trên đầu Ngài. vàng trán thánh thiện, vẻ mặt thần thánh vượt xa ánh sáng rực rỡ chói lóa của Mặt trời giữa trưa, "Và trên áo và trên đùi Ngài, Ngài đã viết danh này: Vua của các vua và Chúa của các chúa" (Khải huyền 19:16).

Trước sự hiện diện của Ngài "mọi khuôn mặt đều trở nên hốc hác"; nỗi kinh hoàng tuyệt vọng đời đời sẽ giáng xuống trên những ai khước từ lòng thương xót của Thiên Chúa. "Trái tim họ tan chảy, đầu gối run rẩy", "và mặt họ tái nhợt." (Giê-rê-mi 30:6; Na-hum 2:10). Người công chính run rẩy kêu lên: "Ai có thể đứng vững?" Bài hát của các thiên thần im bật và có một khoảng thời gian im lặng khủng khiếp. Sau đó, người ta nghe thấy giọng nói của Chúa Giêsu rằng: "Ân sủng của Ta đủ cho người." Khuôn mặt của những người công chính được chiếu sáng và niềm vui tràn ngập mọi trái tim, từ trái đất.

Vua của các vua ngự xuống trên đám mây, được bao bọc trong ngọn lửa rực cháy. Các tầng trời cuộn lại như một cuộn giấy, và trái đất rung chuyển trước mặt Ngài, và tất cả các ngọn núi và hải đảo đều di chuyển khỏi vị trí của chúng. "Đức Chúa Trời chúng ta sẽ đến, không im lặng; trước mặt Ngài sẽ có lửa thiêu đốt, xung quanh Ngài sẽ có bão lớn. Ngài sẽ gọi trời từ trên cao và dưới đất để phán xét dân Ngài." (Thi Thiên 50:3 và 4).

"Và các vị vua trên trái đất, những người vĩ đại, những người giàu có, những quan chức, và những người quyền lực, mọi người hầu và mọi người tự do, đều ẩn mình trong các hang động và trong các tảng đá trên núi; và họ có phán cùng núi và đá rằng: Hãy sập xuống đè chúng tôi đi, giấu chúng tôi khỏi mặt Đấng ngồi trên ngai và khỏi cơn thịnh nộ của Chiên Con; vì ngày thịnh nộ lớn của Ngài sắp đến, và ai có thể đứng nổi?" (Khải Huyền 6:15-17).

Những trò đùa chế nhạo đã dừng lại. Nằm khấp môi. Tiếng sấm của vũ khí và sự hỗn loạn của trận chiến "với tiếng ồn ào, và áo quần vấy máu" (Ê-sai 9:5) im bật. Bây giờ không còn nghe thấy gì ngoài tiếng cầu xin và tiếng khóc lóc, than thở. Từ đôi môi mà cho đến nay vẫn bị chế giễu, tiếng kêu thoát ra: "Ngày thịnh nộ lớn của Ngài sắp đến, và ai có thể đứng vững được?" Kẻ ác xin được chôn dưới núi đá, hơn là được nhìn thấy mặt Đấng mà chúng khinh miệt và khước từ.

Họ biết giọng nói đó xuyên vào tai người chết. Biết bao lần những lời kêu gọi ngọt ngào, nài xin của họ đã mời gọi họ ăn năn! Đã bao nhiêu lần Mẹ được nghe qua những lời khẩn cầu cảm động của một người bạn, một người anh, một Đấng Cứu Chuộc!

Đối với những người khước từ ân điển của Ngài, không có tiếng nói nào khác có thể đầy ắp như vậy.

lên án, đầy những lời tố cáo, giống như lời kêu gọi từ lâu: "Hãy từ bỏ con đường xấu xa của mình, vì tại sao bạn lại phải chết?"

(Ê-xê-chiên 33:11). Ôi, giọng nói này có thể xa lạ với họ! Chúa Giêsu nói: "Ta đã gọi, các người đã từ chối; vì Ta đã giơ tay ra mà không ai nghe; còn các người từ chối mọi lời khuyên dạy của Ta, và không muốn lời quở trách của Ta". (Châm ngôn 1:24 và 25).

Giọng nói đó gọi lên những ký ức mà họ sẵn lòng xóa đi - những lời cảnh báo bị phớt lờ, những lời mời bị từ chối, những đặc quyền bị bỏ qua.

Có những người đã chế nhạo Đấng Christ trong sự sỉ nhục của Ngài. Với sức mạnh khủng khiếp, Ngài gọi lên trong tâm trí những lời của Đấng Đau Khổ, khi được thượng tế triệu tập, Ngài long trọng tuyên bố: "Các người sẽ sớm thấy Con Người ngự bên hữu quyền năng và ngự trên mây trời mà đến". ."

(Ma-thi-ơ 26:64). Bây giờ họ nhìn thấy Ngài trong vinh quang của Ngài, tuy nhiên họ phải nhìn thấy Ngài ngồi bên hữu Quyền năng.

Những người chế nhạo Ngài là Con Đức Chúa Trời giờ đây không nói nên lời. Có vua Hê-rốt kiêu ngạo, đã chế nhạo tước hiệu hoàng gia của Ngài, ra lệnh cho bọn lính chế nhạo tôn Ngài làm vua. Có những người với bàn tay độc ác đã mặc cho Ngài chiếc áo dài màu tím, và đặt trên vàng trán thiêng liêng của Ngài một mào gai. Kẻ cũng đặt vào tay Ngài một cách không chút kháng cự một hình dáng giống như một vương trượng, và cúi đầu trước Ngài trong sự nhạo báng báng bô.

Những kẻ đã đánh Chúa sự sống và nhỏ vào Ngài giờ đây quay mặt đi khỏi cái nhìn xuyên thấu, tìm cách chạy trốn khỏi vinh quang thịnh hành của sự hiện diện của Ngài. Những kẻ đóng đinh vào tay chân Ngài, và người lính đâm vào cạnh sườn Ngài, nhìn những dấu vết này với sự kinh hoàng và hối hận.

Với sự sống động khủng khiếp, các linh mục và hoàng tử nhớ lại các sự kiện ở Calvary. Run rẩy vì kinh hãi, họ nhớ lại mình đã lắc đầu trong sự hân hoan của quỷ Satan như thế nào và kêu lên: "Nó đã cứu người khác mà không thể tự cứu mình. Nếu nó là Vua dân Y-sơ-ra-ên, bây giờ hãy để nó xuống khỏi thập tự giá, và chúng ta sẽ tin vào điều đó." Ngài." ; tin cậy vào Chúa; hãy giải phóng Ngài ngay bây giờ, nếu bạn yêu mến Ngài." (Ma-thi-ơ 27:42 và 43).

Họ nhớ rất rõ dụ ngôn về những người nông dân không chịu chia hoa quả vườn nho cho chủ, ngược đãi đầy tớ và giết chết con trai ông.

Họ cũng nhớ đến câu mà chính họ đã tuyên bố: chủ vườn nho "sẽ cho kẻ ác phải chết nhục nhã". Trong tội lỗi và hình phạt của những kẻ bất trung đó, các linh mục và trưởng lão nhìn thấy hành vi của chính mình và cả bản án công bằng. Bây giờ một tiếng kêu đau đớn chết người nổi lên. Lớn hơn cả tiếng kêu: "Đóng đinh nó, đóng đinh nó", vang vọng khắp các đường phố Giêrusalem, vang lên tiếng kêu khủng khiếp và tuyệt vọng: "Người là Con Thiên Chúa! Người là Đấng Messia đích thực!" Họ tìm cách thoát khỏi sự hiện diện của Vua trên muôn vua.

Trong những hang động sâu thẳm của Trái đất, bị chia cắt bởi cuộc chiến của các nguyên tố, họ cố gắng ẩn náu trong vô vọng.

Trong cuộc sống của tất cả những người chối bỏ sự thật, có những lúc lương tâm thức tỉnh, khi ký ức hiện lên hồi ức đau khổ về một cuộc đời đạo đức giả, và tâm hồn bị quấy rầy bởi những nỗi buồn vô ích. Nhưng điều này là gì khi so sánh với sự hối hận về ngày đó khi "nỗi sợ hãi đến như sự hủy diệt, khi sự hủy diệt đến như một cơn bão!" (Châm ngôn 1:27)? Những kẻ muốn tiêu diệt Đấng Christ và những người trung thành của Ngài giờ đây đang làm chứng cho vinh quang đang ngự trên họ. Giữa nỗi kinh hoàng của họ, họ nghe thấy giọng nói của các vị thánh trong những giai điệu vui tươi, kêu lên: "Kìa, đây là Thiên Chúa của chúng ta, Đấng mà chúng ta đã chờ đợi, và Ngài sẽ cứu chúng ta." (Ê-sai 25:9).

Giữa những chuyển động của Trái đất, giữa tia chớp và tiếng sấm rền, tiếng Con Thiên Chúa gọi các vị thánh đang ngủ yên. Ngài nhìn vào mộ của những người công chính rồi giơ tay lên trời kêu lên: "Hãy thức dậy, thức dậy, thức dậy đi, hỡi những kẻ ngủ trong bụi đất, và hãy trở dậy!" Trên khắp chiều dài và chiều rộng của Trái đất,

người chết sẽ nghe thấy tiếng đó, và ai nghe được sẽ sống. Và cả Trái đất sẽ vang lên tiếng bước chân của đội quân vô cùng đông đảo của mọi quốc gia, bộ lạc, ngôn ngữ và con người. Từ ngục tối của cái chết, họ bước ra, khoác lên mình vinh quang bất tử, kêu lên: "Hỡi cái chết, nọc độc của người ở đâu? Ôi địa ngục, chiến thắng của người ở đâu?" (I Cô-rinh-tô 15:55).

Và những người công chính sống động và các vị thánh phục sinh đồng thanh vang lên tiếng kêu chiến thắng dài và hân hoan.

Mọi người rời khỏi ngôi mộ với độ cao như khi họ bước vào. A-đam, nằm trong số đông những người được sống lại, có tầm vóc to lớn và hình dáng oai vệ, nhưng nhỏ hơn Con Đức Chúa Trời một chút. Nó thể hiện sự tương phản rõ rệt với con người của các thế hệ sau. Chỉ từ khía cạnh duy nhất này, sự thoái hóa khủng khiếp của chủng tộc đã được thể hiện. Tuy nhiên, tất cả đều xuất hiện với sức sống và năng lượng của tuổi trẻ vĩnh cửu. Ban đầu, con người được tạo dựng giống như Thiên Chúa, không chỉ về tính cách mà còn về hình thức và đặc điểm. Tội lỗi đã làm biến dạng và gần như xóa sạch hình ảnh Thiên Chúa; nhưng Đấng Christ đã đến để phục hồi những gì đã mất. Ngài sẽ biến đổi thân xác hèn hạ của chúng ta, uốn nắn nó theo thân thể vinh hiển của Ngài. Những hình thức phàm trần, dễ hư hỏng, không còn ăn sủng và bị hoen ố bởi tội lỗi, trở nên hoàn hảo, đẹp đẽ và bất tử. Mọi dị tật, khiếm khuyết đều được để lại trong lăng mộ. Được phục hồi lại cây sự sống ở vườn Ê-đen đã mất từ lâu, những người được chuộc sẽ phát triển đến tầm vóc trọn vẹn của dòng giống trong thời kỳ vinh quang nguyên thủy. Những tàn tích cuối cùng của lời nguyện tội lỗi sẽ được loại bỏ, và những người trung thành với Chúa Kitô sẽ xuất hiện "trong vẻ đẹp của Chúa là Thiên Chúa chúng ta", phản ánh trong tinh thần, linh hồn và thể xác hình ảnh hoàn hảo của Chúa họ. Ồ!

Sự cứu chuộc tuyệt vời! Nó đã được đồn đại từ lâu, đã được chờ đợi từ lâu, đã được chiêm ngưỡng với sự mong đợi háo hức, nhưng chưa bao giờ được hiểu rõ!

Những người sống công chính được biến đổi "trong giây lát, trong nháy mắt". Theo tiếng Chúa, họ được tôn vinh; bây giờ họ được trở nên bất tử và cùng với các vị thánh sống lại, họ được đưa lên gặp Chúa của họ trên không trung. Các thiên thần "sẽ tập hợp những người được Ngài tuyển chọn từ khắp bốn phương, từ đầu trời này đến đầu kia." Những đứa trẻ nhỏ được các thiên thần thánh thiện bế vào vòng tay của mẹ. Những người bạn xa cách từ lâu bởi cái chết được đoàn tụ không bao giờ bị chia cắt nữa, và với những bài hát vui vẻ, họ cùng nhau đi đến thành phố của Chúa.

Ở mỗi bên của cỗ xe mây đều có đôi cánh, và bên dưới nó có thể nhìn thấy những bánh xe sống động; và khi chiếc xe bay lên, các bánh xe kêu lên: "Thánh", và đôi cánh di chuyển, kêu lên "Thánh", và đoàn tùy tùng thiên thần kêu lên: "Thánh, thánh, thánh, Chúa là Thiên Chúa toàn năng". Và những người được cứu kêu lên: "Ha-lê-lu-gia!" – khi chiếc xe tiếp tục đi về phía New Jerusalem.

Trước khi vào thành phố của Đức Chúa Trời, Đấng Cứu Rỗi ban cho những người theo Ngài biểu tượng chiến thắng và trao cho họ phù hiệu của vương quốc. Đôi cánh rực rỡ của những người được cứu chuộc xếp thành hình vòng rỗng, xung quanh Vua của họ, hình dáng uy nghiêm vượt xa các vị thánh và các thiên thần, khuôn mặt tỏa ra tình yêu thương trọn vẹn đối với tất cả mọi người. Qua vô số những người được cứu chuộc, mọi con mắt đều đổ dồn về Ngài, mọi con mắt đều nhìn thấy vinh quang của Đấng mà "diện mạo của Ngài bị biến dạng quá mức, hơn bất kỳ ai khác, và hình dáng của Ngài hơn cả con cái loài người". Trên đầu những người chiến thắng, Chúa Giêsu đặt vương miện vinh quang bằng chính tay phải của Ngài. Đối với mỗi người đều có một chiếc vương miện mang "tên mới" của mình (Khải huyền 2:17) và dòng chữ: "Thánh cho Chúa". Trong mỗi tay đều có lòng bàn tay của người chiến thắng và cây đàn hạc rực rỡ. Sau đó, khi các thiên thần cầm quyền đánh đàn, tất cả các bàn tay đều di chuyển khéo léo trên dây đàn tạo nên những bản nhạc ngọt ngào với những hợp âm phong phú và du dương. Sự ngây ngất khôn tả làm cho mọi trái tim rung động, mọi tiếng cất lên lời khen ngợi tri ân: "Kính gửi Đấng yêu thương chúng ta, và trong

Huyết Ngài rửa sạch chúng ta khỏi tội lỗi, biến chúng ta thành vua và thầy tế lễ của Đức Chúa Trời và Cha Ngài; Nguyễn Ngài được vinh hiển và quyền năng đời đời vô cùng." (Khải Huyền 1:5 và 6).

Trước vô số người được giải cứu là thành thánh. Chúa Giêsu hoàn toàn mở những cánh cổng ngọc trai và những quốc gia đã tuân theo sự thật bước vào. Ở đó họ chiêm ngưỡng Thiên đường của Thiên Chúa, quê hương của Adam trong sự ngây thơ của ông. Sau đó, giọng nói đó, say mê hơn bất kỳ bản nhạc nào mà con người từng nghe, nói: "Cuộc xung đột của bạn đã kết thúc." "Nào những kẻ Cha Ta chúc phúc, hãy đến thừa hưởng Vương Quốc dọn sẵn cho các người ngay từ thuở tạo thiên lập địa".

Khi ấy lời cầu nguyện của Đấng Cứu Rỗi thay cho các môn đồ của Ngài đã được ứng nghiệm: "Con muốn những kẻ Cha đã ban cho Con, Con ở đâu, họ cũng ở với Con".

"Không chỗ trách được, vui mừng, trước vinh quang của Ngài" (Jude 24), Chúa Kitô dâng họ lên Chúa Cha như của lễ chuộc bằng máu của Ngài, khi tuyên bố: "Con ở đây với những đứa con mà Cha đã ban cho Con". "Tôi đã giữ những gì bạn đã cho tôi." Ô! Kỳ quan của tình yêu cứu chuộc! Sự sung sướng của giờ phút mà Chúa Cha vô cùng, nhìn những người được giải thoát, chiêm ngưỡng hình ảnh của Ngài, không có sự hiện diện của sự bất hòa của tội lỗi và lời nguyện của nó được loại bỏ, khi con người một lần nữa hòa hợp với thần thánh!

Với tình yêu khôn tả, Chúa Giêsu chào đón các tín hữu của Người và chào đón họ vào "niềm vui của Chúa các con". Niềm vui của Đấng Cứu Thế hệ tại việc nhìn thấy, trong vương quốc vinh quang, những linh hồn được cứu nhờ sự thống khổ và nhục nhã của Ngài. Và những người được cứu chuộc sẽ là những người dự phần vào hạnh phúc của Ngài, khi họ chiêm ngưỡng giữa những người được chúc phúc những người đã giành được cho Chúa Kitô qua lời cầu nguyện, công sức và hy sinh vì tình yêu của họ. Khi họ tụ tập quanh ngai trắng lớn, một niềm vui khôn tả sẽ tràn ngập tâm hồn họ khi họ nhìn thấy những người mà họ đã chinh phục được cho Đấng Christ, và thấy rằng người này đã chinh phục được những người khác, và những người khác nữa, tất cả đều được đưa đến thiên đường yên nghỉ, đến đó. hãy đặt vương miện của họ dưới chân Chúa Giêsu và ca ngợi Ngài về vô số thế kỷ vinh cửu.

Giây phút những người được cứu chuộc được chào đón và đón vào thành của Thiên Chúa, một tiếng kêu thờ phượng hân hoan vang vọng trong không khí. Hai Adams sắp gặp nhau. Con Thiên Chúa đứng với đôi tay dang rộng để đón nhận người cha của loài người chúng ta—người mà Ngài đã tạo ra và đã phạm tội chống lại Đấng Tạo Hóa của Ngài, và vì tội lỗi của họ mà dấu vết của sự đóng đinh xuất hiện trên cơ thể của Đấng Cứu Rỗi. Ngay khi Adam nhìn thấy những vết sẹo của những chiếc đinh tàn ác, ông không sắp mình xuống ngục Chúa, mà hạ mình xuống dưới chân Ngài và kêu lên: "Xứng đáng, xứng đáng thay Chiên Con đã bị giết!" Một cách dịu dàng, Đấng Cứu Rỗi nâng anh ta lên, mời anh ta nhìn lại ngôi nhà Edenic mà từ đó anh ta đã bị lưu đày quá lâu.

Sau khi bị trục xuất khỏi Eden, cuộc sống của Adam trên Trái đất tràn ngập nỗi buồn. Mỗi chiếc lá héo, mỗi nạn nhân bị hiến tế, mỗi sự suy thoái trên bộ mặt tươi đẹp của thiên nhiên, mỗi vết nhơ trên sự trong sạch của con người, đều là một lời nhắc nhở mới mẻ về tội lỗi của họ.

Thật khủng khiếp là sự đau đớn hối hận của anh ta khi anh ta nhìn thấy sự tội lỗi đang lan tràn, và để đáp lại những lời cảnh báo của họ, anh ta phải đối mặt với lời buộc tội chống lại anh ta là nguyên nhân gây ra tội lỗi. Với lòng khiêm tốn kiên nhẫn, ông đã gánh chịu hình phạt phạm tội trong gần một nghìn năm. Ông đã trung thành ăn năn tội lỗi của mình, tin cậy vào công nghiệp của Đấng Cứu Rỗi đã hứa và chết với hy vọng được sống lại. Con Thiên Chúa đã cứu chuộc sự thất bại và sa ngã của con người; và giờ đây, nhờ công việc chuộc tội, A-đam được phục hồi quyền thống trị đầu tiên của mình.

Trong niềm vui tràn ngập, anh nhìn thấy những cái cây đã từng là niềm vui của anh - chính những cây mà chính anh đã hái quả trong những ngày còn ngây thơ và vui vẻ. Anh quan sát những dây leo mà chính tay anh đã chăm sóc, những bông hoa mà anh đã từng rất vui vẻ chăm sóc. Tâm trí bạn nắm giữ thực tế của cảnh tượng; anh ấy hiểu rằng đây thực sự là Eden được phục hồi,

bây giờ còn đẹp hơn lúc anh bị trục xuất khỏi đó. Đấng Cứu Rỗi dẫn anh ta đến cây sự sống, hái trái vinh hiển và ra lệnh cho anh ta ăn. Adam nhìn xung quanh và thấy vô số người trong gia đình mình đã được cứu chuộc trong Thiên đường của Chúa. Sau đó, ông ném vương miện rực rỡ của mình xuống chân Chúa Giêsu và sắp mình xuống ngực Người, ôm lấy Đấng Cứu Chuộc. Ngài gảy cây đàn hạc vàng của mình và các mái vòm trên trời vang lên bài ca chiến thắng: "Xứng đáng, xứng đáng, xứng đáng là Chiên Con đã bị giết và sống lại!" Con cháu của A-đam bắt nhịp và ném vương miện của họ dưới chân Đấng Cứu Rỗi khi họ cúi đầu trước Ngài trong sự thờ phượng.

Cuộc gặp gỡ này được chứng kiến bởi các thiên thần đã khóc khi Adam sa ngã và vui mừng khi Chúa Giêsu, sau khi phục sinh, lên trời, mở mộ cho tất cả những ai tin vào danh Ngài. Giờ đây họ nhìn thấy công việc cứu chuộc đã được hoàn thành và cùng nhau cất tiếng hát ca ngợi.

Trên biển pha lê, trước ngai, trong biển thủy tinh trộn lẫn với lửa - thật rực rỡ với vinh quang của Thiên Chúa - tập hợp vô số những người "đã chiến thắng con thú, và hình ảnh của nó, và trên dấu ấn của anh ấy, và qua số tên của bạn"

(Khải Huyền 15:2). Cùng với Chiên Con trên Núi Si-ôn, "có đàn hạc của Đức Chúa Trời," có một trăm bốn mươi bốn ngàn người đã được cứu chuộc giữa loài người; và người ta nghe thấy, giống như tiếng của nhiều dòng nước và như tiếng sấm lớn, "tiếng của những người chơi đàn hạc đang chơi đàn hạc của họ." Và họ hát một "bài ca mới trước ngai—một bài hát mà không ai có thể biết được ngoại trừ một trăm bốn mươi bốn ngàn. Đó là Bài ca của Môi-se và Chiên Con—bài thánh ca về sự giải cứu. Không ai ngoài một trăm bốn mươi -bốn nghìn, bạn có thể học bài hát đó, vì đó là âm nhạc của trải nghiệm của bạn - và chưa có ai từng có trải nghiệm tương tự. "Đây là những người đi theo Chiên Con bất cứ nơi nào Ngài đi." "Những bài hát này, đã được dịch từ Đất, trong số những người sống, được coi là trái đầu mùa của Đức Chúa Trời và Chiên Con" (Khải huyền 14:1-5; 15:3).

"Đó là những kẻ đã ra khỏi cơn đại nạn" (Khải Huyền 7:14); họ đã trải qua một thời kỳ khó khăn chưa từng có kể từ khi có một quốc gia; họ đã phải chịu đựng sự hành xác trong thời kỳ khó khăn của Gia-cóp; họ vẫn không có người cầu thay trong thời gian phán xét cuối cùng của Đức Chúa Trời. Nhưng họ đã được trả tự do vì "họ đã giặt và tẩy trắng áo mình trong máu Chiên Con". "Trong miệng họ chẳng thấy có chút dối trá nào, vì họ vô tội" trước mặt Đức Chúa Trời. "Vì thế, họ đứng trước ngai Đức Chúa Trời, ngày đêm hầu việc Ngài trong đền thờ Ngài; Đấng ngồi trên ngai sẽ che phủ họ." (Khải huyền 7:15). Họ chiêm ngưỡng Trái đất bị nạn đói và dịch bệnh tàn phá; họ nhìn thấy Mặt trời trừng phạt loài người bằng nhiệt độ cao, và chính họ cũng phải chịu đựng đau khổ, đói khát. Nhưng "họ sẽ không bao giờ phải đói, không bao giờ khát nữa, mặt trời cũng như sự bình lặng sẽ không bao giờ đến với họ. Vì Chiên Con ở giữa ngai sẽ chăn nuôi họ và dẫn họ đến những suối nước." của sự sống, và Đức Chúa Trời sẽ lau sạch nước mắt trên mắt họ" (Khải Huyền 7:16 và 17).

Trong mọi thời đại, những người được Đấng Cứu Rỗi chọn đã được giáo dục và kỷ luật trong trường thử thách. Họ đi dọc theo những con đường hẹp trên Trái đất; họ đã được thanh tẩy trong lò hoạn nạn. Vì Chúa Giêsu mà họ đã chịu đựng sự chống đối, hận thù và vu khống. Họ đã theo Ngài qua những xung đột sâu sắc; họ đã thực hiện sự chối bỏ bản thân và trải qua những thất vọng cay đắng. Qua kinh nghiệm đau đớn của mình, họ hiểu được sự ác độc của tội lỗi, sức mạnh, cảm giác tội lỗi và những bất hạnh của nó; và họ nhìn anh với ánh mắt ghê tởm. Ý thức về sự hy sinh vô hạn để chữa khỏi bệnh khiến họ trở nên khiêm tốn trước mắt họ, đồng thời khiến trái tim họ tràn ngập lòng biết ơn và khen ngợi, điều mà những người chưa từng sa ngã không thể đánh giá cao được. Họ yêu mến nhiều vì đã được tha nhiều. Đã dự phần những đau khổ của Đấng Christ, họ có đủ tư cách để dự phần vinh quang của Ngài.

Những người thừa kế của Thiên Chúa đến từ gác mái, từ túp lều, từ ngục tối, từ giàn giáo, từ núi non, từ sa mạc, từ hang động trên Trái đất và biển cả. Trên Trái đất họ đã

“bất lực, khốn khổ và bị ngược đãi”. Hàng triệu người đã xuống mồ với sự ô nhục vì họ kiên quyết không chịu khuất phục trước những tham vọng lừa dối của Satan. Họ bị tòa án loài người đánh giá là tội phạm xấu xa nhất.

Nhưng bây giờ “chính Đức Chúa Trời là Đấng xét đoán” (Thi thiên 50:6). Bây giờ các quyết định trần gian đã bị đảo ngược.

“Ngài sẽ cất đi sự sỉ nhục của dân Ngài.” (Ê-sai 25:8). “Người ta sẽ gọi họ là: Những người thánh thiện, được Chúa cứu chuộc.” Ngài quyết định “rằng họ sẽ được ban vẻ đẹp cho tro bụi, dầu vui mừng cho nỗi buồn, áo khen ngợi cho tinh thần nặng nề” (Ê-sai 62:12; 61:3). Họ không còn yếu đuối, đau khổ, bị đầy ải và bị áp bức. Từ nay anh em sẽ ở với Chúa mãi mãi.

Họ đứng trước ngai vàng trong bộ trang phục sang trọng hơn những bộ trang phục mà những người quyền quý nhất trên Trái đất từng mặc. Họ được trao vương miện với những chiếc vương miện vinh quang hơn những chiếc vương miện từng được đặt trên đầu của các vị vua trần gian. Những ngày đau khổ và nước mắt sẽ mãi mãi qua đi. Vua vinh quang lau nước mắt trên mọi gương mặt; mọi nguyên nhân gây đau đớn đều bị loại bỏ. Giữa những cành cọ đung đưa, họ hát lên một bài thánh ca trong trẻo, ngọt ngào và du dương; tất cả các giọng nói hòa vào một bản hòa âm tràn ngập các vòm trời với bài hát: “Sự cứu rỗi cho Thiên Chúa chúng ta là Đấng ngự trên ngai và cho Chiên Con. Và tất cả cư dân trên Thiên đàng đáp lại như thế này:” Amen. Hãy ngợi khen, vinh hiển, khôn ngoan, tạ ơn, tôn trọng, quyền phép và sức mạnh thuộc về Đức Chúa Trời chúng ta đời đời vô cùng.” (Khải Huyền 7:10 và 12).

Trong cuộc sống này, chúng ta chỉ có thể bắt đầu hiểu được chủ đề tuyệt vời về sự cứu chuộc. Với sự hiểu biết hữu hạn của mình, chúng ta có thể xem xét rất kỹ sự sỉ nhục và vinh quang, sự sống và cái chết, công lý và lòng thương xót, những điều gặp nhau trên thập tự giá. Tuy nhiên, ngay cả với nỗ lực mãnh liệt nhất của khả năng tinh thần, chúng ta cũng không thể hiểu được ý nghĩa đầy đủ nhất của nó. Chiều dài và chiều rộng, chiều sâu và chiều cao của tình yêu cứu chuộc chỉ được hiểu một cách mơ hồ. Kế hoạch cứu chuộc sẽ không được hiểu đầy đủ ngay cả khi những người được giải cứu nhìn thấy như họ được thấy và biết như họ được biết. Nhưng trong suốt thời đại vĩnh cửu, những sự thật mới sẽ liên tục được mở ra cho những tâm trí ngạc nhiên và vui mừng. Mặc dù những nỗi buồn phiền, đau đớn và căm giận trên Trái đất đã qua đi và nguyên nhân của chúng đã được loại bỏ, nhưng dân Chúa sẽ luôn có một sự hiểu biết rõ ràng và thông minh về cái giá phải trả cho sự cứu rỗi của họ là bao nhiêu.

Thập giá của Đấng Christ sẽ là sự hiểu biết và bài ca của những người được cứu chuộc trong suốt cõi đời đời. Trong Đấng Christ vinh hiển họ sẽ nhìn thấy Đấng Christ bị đóng đinh. Sẽ không bao giờ quên rằng Đấng mà quyền năng của Ngài đã tạo ra và duy trì vô số thế giới trong không gian bao la—Đấng Yêu dấu của Thượng Đế, Đấng Uy nghiêm trên Thiên đàng, Đấng mà các chê-ru-bim và các thiên thần huy hoàng vui mừng tôn thờ—đã hạ mình nâng đỡ con người. rơi; rằng Ngài mang lấy mặc cảm tội lỗi và sự sỉ nhục về tội lỗi cũng như sự ảm đạm của Cha Ngài, cho đến khi tai họa của một thế giới hư mất làm tan nát tấm lòng Ngài và dập tắt sự sống của Ngài trên thập tự giá Đồi Sọ. Rằng Đấng Tạo Hóa của mọi thế giới, Đấng Phán xét mọi số phận, sẽ từ bỏ vinh quang và hạ mình vì tình yêu con người, sẽ thu hút sự ngưỡng mộ và tôn thờ vĩnh cửu của Vũ trụ. Khi các quốc gia được cứu chuộc nhìn lên Đấng Cứu Chuộc của họ và nhìn thấy vinh quang vĩnh cửu của Chúa Cha chiếu sáng trên gương mặt Ngài; khi họ nhìn lên ngai của Ngài từ cõi đời đời đến cõi đời đời, và biết rằng vương quốc của Ngài sẽ không bao giờ kết thúc, họ đã cất lên một bài thánh ca xuất thần: “Xứng đáng, xứng đáng là Chiên Con đã bị giết và chuộc chúng ta về cho Đức Chúa Trời bằng điều quý giá nhất của Ngài.” máu!”

Màu nhiệm thập giá giải thích mọi màu nhiệm khác. Trong ánh sáng đến từ Đồi Can-vê, những thuộc tính của Thiên Chúa khiến chúng ta sợ hãi và kinh hãi trở nên đẹp đẽ và hấp dẫn. Lòng thương xót, sự dịu dàng và tình phụ tử bị coi là nhằm lẫn với sự thánh thiện, công bằng và quyền năng. Khi chúng ta chiêm ngưỡng sự uy nghiêm của ngai cao cả và siêu phàm của Ngài, chúng ta thấy đặc tính của Ngài trong những biểu hiện đầy ân sủng và hiểu được, hơn bao giờ hết, ý nghĩa của tước hiệu triu mến đó, “Lạy Cha chúng con”.

Người ta sẽ hiểu rằng Đấng có trí tuệ vô hạn không thể nghĩ ra kế hoạch nào để cứu chuộc chúng ta ngoại trừ kế hoạch đòi hỏi sự hy sinh của Con Ngài. Sự đền bù cho sự hy sinh này là niềm vui lấp đầy Trái đất với những sinh vật được cứu chuộc, thánh thiện, hạnh phúc và bất tử. Kết quả cuộc chiến của Đấng Cứu Rỗi với quyền lực bóng tối là niềm vui của những người được cứu chuộc, mang lại vinh quang cho Đức Chúa Trời đến muôn đời. Và giá trị của mỗi linh hồn là thế mà Chúa Cha bằng lòng với cái giá phải trả; và chính Chúa Kitô, khi nhìn thấy thành quả của sự hy sinh cao cả của Ngài, cũng hài lòng.

Chương 41

Sự hoang tàn của Trái đất

"Tội lỗi của cô ấy đã chồng chất lên trời, và Chúa đã ghi nhớ những tội ác của cô ấy."
"Trong chiếc cốc mà cô ấy đã cho bạn uống, hãy cho cô ấy gấp đôi. Khi cô ấy tự tôn vinh mình và đang vui sướng, hãy cho cô ấy nhiều như vậy khi đau khổ và than khóc, vì cô ấy nói trong lòng: Tôi ngồi như một nữ hoàng, Tôi không phải là góa phụ, cũng không thấy than khóc. Vì vậy, trong một ngày, sẽ có dịch bệnh, chết chóc, tang chế, đói kém, và nó sẽ bị thiêu trong lửa, vì Chúa là Thiên Chúa, Đấng xét xử nó, là Đấng mạnh mẽ. Và các vua trên đất, những kẻ đã phạm tội gian dâm với nó và sống trong sự vui sướng, họ sẽ khóc lóc và than khóc về nó... rằng: Khốn thay, khốn thay cho Ba-by-lôn vĩ đại đó, thành phố hùng mạnh đó! Vì sự phán xét của nó đã đến trong một giờ nữa" (Khải Huyền 18:5-10).

"Các thương gia trên trái đất", những người "đã trở nên giàu có nhờ vô số thú vui của nó," "sẽ đứng xa xa, vì sợ sự hành hạ của nó, sẽ khóc lóc và than thở rằng: Khốn thay, khốn thay, thành phố vĩ đại đó! Đó là mặc áo vải gai mịn, đồ tía và đồ tươ, trang sức bằng vàng, đá quý và ngọc trai! Vì trong một giờ, biết bao của cải đã bị tiêu tan." (Kh 18:3, 15 và 16).

Đó là những sự phán xét giáng xuống Ba-by-lôn, vào ngày cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng xuống. Cô ấy đã đo lường tội ác của họ; Thời của bạn đã đến; đã chín muồi cho sự hủy diệt.

Khi tiếng nói của Chúa đảo ngược sự giam cầm của dân Ngài, sẽ có sự thức tỉnh khủng khiếp của những người đã mất tất cả trong cuộc xung đột lớn lao của cuộc sống. Trong thời gian thử thách có hiệu lực, họ đã bị mù quáng bởi những sự lừa dối của Sa-tan và biện minh cho hành vi tội lỗi của mình. Người giàu tự hào về sự vượt trội của mình so với những người kém may mắn hơn; nhưng họ đã đạt được sự giàu có nhờ vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời. Họ bỏ bê việc cho kẻ đói ăn, cho kẻ rách rưới mặc, đối xử công bằng và yêu thương lòng nhân tử. Họ tìm cách đề cao bản thân và nhận được sự tôn kính của đồng loại. Giờ đây họ đã bị tước đoạt mọi thứ đã khiến họ trở nên vĩ đại, trở nên nghèo khó và không có khả năng tự vệ. Họ kính hoàng nhìn thấy sự tàn phá của các thần tượng mà họ đã chọn thay vì Đấng Tạo Hóa của họ. Họ đã bán linh hồn mình cho của cải và thú vui trần thế, và không tìm cách trở nên giàu có trước mặt Chúa. Kết quả: cuộc đời anh hoàn toàn thất bại; niềm vui của bạn bây giờ sẽ trở thành vị đắng của mặt đắng; kho báu của họ đã bị hư hỏng. Lợi nhuận cả đời bị cướp đi chỉ trong một khoảnh khắc. Người giàu tiếc nuối nhìn cung điện của mình bị phá hủy, vàng bạc của họ bị tiêu tán. Nhưng những lời than thở của họ bị dập tắt bởi nỗi sợ hãi ám ảnh họ về việc bị diệt vong cùng với thần tượng của mình.

Kẻ ác đầy đau buồn, không phải vì tội bỏ bê Chúa và đồng loại, mà vì Chúa đã chiến thắng. Họ tiếc nuối rằng kết quả lại là điều họ đang chứng kiến; nhưng chúng không ăn năn về sự gian ác của mình.

Nếu có thể, họ sẽ không thử tìm cách nào đó để chiến thắng.

Thế giới nhìn thấy những người mà họ chế giễu và chế giễu, những người mà họ tìm cách loại bỏ, vượt qua dịch bệnh, bão tố và động đất mà không bị tổn hại gì.

Đáng là ngọn lửa thiêu đốt đối với những kẻ vi phạm luật pháp của Ngài, chính là nơi trú ẩn an toàn cho dân Ngài.

Vị mục sư đã hy sinh lễ thật để được lòng mọi người giờ đây đã nhận ra tính chất và ảnh hưởng của những lời dạy của mình. Rõ ràng là đôi mắt toàn trí đã dõi theo anh khi anh đứng trên bục giảng, khi anh đi qua đường phố, khi anh hòa nhập với mọi người trong những khung cảnh khác nhau của cuộc sống. Mỗi

cảm xúc của tâm hồn, từng dòng viết, từng lời nói, từng hành động khiến con người phải thư giãn trong nơi ẩn náu của sự giả dối, đều đang gieo hạt giống; và giờ đây, trong những tâm hồn đau khổ và điều tàn vấy quanh mình, anh nhìn thấy mùa gặt.

Chúa phán: "Họ chữa lành vết thương cho con gái dân Ta một cách nhẹ nhàng và nói: Hòa bình, hòa bình, khi không có hòa bình". "Chúa đã làm buồn lòng người công bình bằng sự giả dối, trong khi Ta chưa làm buồn lòng người, và Chúa đã làm cho tay kẻ ác trở nên mạnh mẽ, hầu cho nó không từ bỏ đường ác mà được sống." (Giê-rê-mi 8:11; Ê-xê-chiên 13:22).

"Khốn thay cho những kẻ chần chừ phá hủy và phân tán đàn chiên trên đồng cỏ của Ta... Nay, Ta sẽ trừng phạt các người vì những việc làm xấu xa của các người." "Hỡi những người chần chừ, hãy gào thét và lăn trong tro, hỡi người đứng đầu đàn, vì ngày của các người đã đến là ngày các người bị giết... Và sẽ không có sự trốn chạy nào cho những người chần chừ, cũng không có sự cứu rỗi nào cho người đứng đầu đàn." (Giê-rê-mi 23:1 và 2; 25:34 và 35).

Các bộ trưởng và người dân thấy rằng họ chưa duy trì được mối quan hệ đúng đắn với Chúa. Họ thấy rằng họ đã nổi loạn chống lại Tác giả của mọi luật lệ đúng đắn và công bằng. Việc coi thường giới răn thiêng liêng đã sinh ra hàng ngàn nguồn gốc của tội ác, bất hòa, hận thù và tội ác, cho đến khi Trái đất trở thành một chiến trường rộng lớn, một hố sâu tham nhũng. Đây là khái tượng hiện xuất hiện trước những người bác bỏ lẽ thật và ưa thích sự sai lầm.

Không ngôn ngữ nào có thể diễn tả được nỗi khao khát mà những kẻ bất tuân và bất trung cảm nhận được về điều mà họ đã vĩnh viễn đánh mất: sự sống đời đời. Những người đàn ông mà thế giới ngưỡng mộ vì tài năng và tài hùng biện giờ đây đã nhìn nhận những điều này dưới ánh sáng thực sự của họ. Họ nhận ra mình đã đánh mất những gì do vi phạm, và họ quỳ dưới chân những người mà họ khinh thường và chế nhạo lòng trung thành của họ, thú nhận rằng Đức Chúa Trời yêu thương họ.

Người dân thấy rằng họ đã bị lừa dối. Họ tố cáo nhau đã bị ném vào sự hủy diệt. Nhưng tất cả đều đoàn kết lại với nhau và đưa ra những lời lên án cay đắng nhất đối với các bộ trưởng. Những mục sư bất trung tiên tri những điều tốt đẹp; họ khiến người nghe vô hiệu hóa luật Chúa và bắt bớ những ai muốn thánh hóa luật đó.

Giờ đây, trong cơn tuyệt vọng, những giáo viên này đã thú nhận hành vi lừa đảo của mình trước thế giới. Đám đông đang vô cùng phẫn nộ. "Chúng tôi bị lạc rồi!" họ kêu lên; "và bạn là nguyên nhân dẫn đến sự hủy hoại của chúng tôi"; và họ quay lại chống lại những người chần chừ giả. Những người từng vô cùng ngưỡng mộ họ sẽ thốt ra những lời nguyện rửa khùng khiếp nhất đối với họ. Những bàn tay từng trao vòng nguyệt quế cho họ sẽ đứng lên hủy diệt họ. Những thanh kiếm lẽ ra phải hiến tế dân Chúa giờ lại chuyển sang tiêu diệt kẻ thù của họ. Khắp nơi đều có xung đột và đổ máu.

"Tiếng ồn ào sẽ vang đến tận cùng trái đất, vì Đức Giê-hô-va tranh chấp với các dân tộc; Ngài sẽ xét xử mọi xác thịt; Ngài sẽ giao kẻ ác cho gươm đao." (Jer.

25:31). Trong sáu nghìn năm cuộc xung đột lớn đã tiếp diễn; Con Thiên Chúa và các sứ giả trên trời của Ngài đang chiến đấu chống lại quyền lực của ma quỷ để cảnh báo, soi sáng và cứu rỗi con cái loài người. Bây giờ mọi người đã đưa ra quyết định của mình; kẻ ác đã hoàn toàn tham gia cùng Sa-tan trong cuộc chiến chống lại Đức Chúa Trời. Đã đến lúc Đức Chúa Trời đòi lại thẩm quyền của luật pháp bị Ngài khinh thường. Bây giờ cuộc tranh cãi không chỉ với Sa-tan mà còn với con người. "Đức Giê-hô-va tranh luận với các nước"; "anh ta sẽ giao kẻ ác cho thanh kiếm."

Dấu hiệu của sự giải cứu được đặt trên những người "thờ dài và than thở vì mọi điều ghê tởm đã phạm". Bây giờ thần chết xuất hiện, được thể hiện trong tầm nhìn của Ezekiel bởi những người đàn ông với vũ khí hủy diệt, người được ra lệnh: "Giết ông già, thanh niên, trinh nữ, trẻ em trai và phụ nữ, cho đến khi bạn tiêu diệt được chúng; nhưng bất cứ ai có dấu hiệu, đừng đến gần và hãy bắt đầu từ nơi thánh của Ta." Nhà tiên tri nói: "Và họ bắt đầu với những người đàn ông lớn tuổi nhất ở trước nhà." (Ê-xê-chiên 9:1-6). Công việc hủy diệt bắt đầu giữa những người tự xưng là người bảo vệ tinh thần của nhân dân. Những người canh gác giả là những người đầu tiên

ngã. Không có ai để thương hại hay tha thứ. Đàn ông, đàn bà, trinh nữ và trẻ nhỏ đều cùng nhau chết.

"Chúa sẽ ra khỏi vị trí của Ngài để trừng phạt cư dân trên Trái đất vì tội ác của họ, và Trái đất sẽ vạch trần máu của họ và sẽ không che đậy những người đã bị giết nữa." (Ê-sai 26:21). "Và đây sẽ là tai họa mà Chúa sẽ dùng để giáng xuống mọi dân tộc gây chiến với Giê-ru-sa-lem: Thịt chúng sẽ bị tiêu hủy khi chúng còn đứng, mắt chúng sẽ mục nát trong hốc mắt và lưỡi chúng sẽ thối rữa trong miệng chúng.

Trong ngày đó cũng sẽ xảy ra rằng Đức Giê-hô-va sẽ gây tai họa lớn cho họ; vì mỗi người sẽ nắm tay bạn mình, và mỗi người sẽ giơ tay chống lại tay bạn mình" (Xa-cha-ri 14:12 và 13). Bởi cơn thịnh nộ khủng khiếp của Đức Chúa Trời trút xuống, những cư dân gian ác trên trái đất sẽ sa ngã—các thầy tế lễ, các quan cai trị, và dân chúng, giàu và nghèo, cao và thấp. của trái đất đến đầu kia của trái đất; họ sẽ không bị thương tiếc, không được thu thập, cũng không được chôn cất" (Giê-rê-mi 25:33).

Khi Đấng Christ đến, những kẻ ác sẽ bị quét sạch khỏi mặt đất: bị linh hồn từ miệng Ngài tiêu diệt và bị tiêu diệt bởi ánh sáng vinh quang của Ngài. Chúa Kitô dẫn dân của Ngài vào thành phố của Thiên Chúa, và Trái đất không có cư dân ở đó. "Này, Đức Giê-hô-va làm cho mặt đất trống rỗng, làm cho nó hoang vu, lật đổ mặt đất và làm tan lạc dân cư trên đó." "Trái đất sẽ hoàn toàn trống rỗng và sẽ bị cướp bóc hoàn toàn, vì Chúa đã phán lời này." "Bởi vì họ vi phạm luật pháp, thay đổi luật lệ và phá bỏ giao ước vĩnh cửu. Vì vậy, sự rửa sạch tiêu diệt đất, và dân cư ở đó sẽ bị hoang vu, nên dân cư trên đất sẽ bị thiêu hủy." (Ê-sai 24:1, 3, 4 và 6).

Toàn bộ Trái đất trông giống như một sa mạc hoang vắng. Những tàn tích của các thành phố và thị trấn bị trận động đất phá hủy, những cái cây bị bật gốc, những tảng đá thô bị biển ném ra hoặc bị ném từ chính trái đất, rải rác trên bề mặt của nó, trong khi những hang động rộng lớn chỉ ra nơi mà những ngọn núi bị tách ra khỏi nền móng của chúng.

Một sự kiện được báo trước sẽ xảy ra trong buổi lễ cuối cùng và long trọng của ngày chuộc tội. Khi chức vụ trong Nơi Chí Thánh đã hoàn tất, và tội lỗi của Y-sơ-ra-ên được cất khỏi nơi thánh nhờ huyết của của lễ chuộc tội, thì con dê tế thần được dâng sống trước mặt Đức Giê-hô-va; và trước sự chứng kiến của hội chúng, thầy tế lễ thượng phẩm đã xưng nhận trên mình "mọi gian ác của dân Y-sơ-ra-ên, và mọi vi phạm của họ, tùy theo mọi tội lỗi của họ," đặt chúng lên đầu con dê. (Lev.

16:21). Theo cách tương tự, khi công tác chuộc tội được hoàn thành trong thánh đường trên trời, thì trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời, các thiên thần trên trời và đội quân của những người được cứu chuộc, tội lỗi của dân Đức Chúa Trời sẽ đổ lên đầu Sa-tan. Anh ta sẽ bị tuyên bố là có tội về tất cả những điều ác mà anh ta đã khiến họ phạm phải. Và cũng giống như vật tế thần được gửi đến một vùng đất không có người ở, Satan sẽ bị đày xuống Trái đất hoang vắng, nơi sẽ được coi là một sa mạc không có dân cư và âm đạm.

John, nhà mặc khải tiên đoán về sự trục xuất của Satan, và tình trạng hỗn loạn và hoang tàn mà trái đất phải gánh chịu; và tuyên bố rằng tình trạng như vậy sẽ tồn tại trong một nghìn năm. Sau khi trình bày cảnh Chúa đến lần thứ hai và tiêu diệt kẻ ác, lời tiên tri tiếp tục: "Tôi thấy một thiên sứ từ trời xuống, tay cầm chìa khóa vực sâu, tay cầm một sợi dây lớn. con rồng, con rắn cổ xưa, là ma quỷ và Sa-tan, đã trói hấn trong một ngàn năm, ném hấn xuống vực sâu, nhốt hấn ở đó và phong ấn hấn, để hấn không còn lừa dối các quốc gia nữa, cho đến khi ngàn năm kết thúc. Và điều quan trọng là anh ta phải được thả ra trong một thời gian." (Khải Huyền 20:1-3).

Cụm từ "vực thẳm" tượng trưng cho Trái đất trong tình trạng hỗn loạn và tối tăm được thể hiện rõ trong các đoạn văn khác. Liên quan đến tình trạng của trái đất "ban đầu", Kinh thánh ghi rằng nó "không có hình dạng và trống rỗng, bóng tối bao trùm mặt vực sâu".

(Sáng Thế Ký 1:2). Lời tiên tri dạy rằng ít nhất một phần nó sẽ trở lại tình trạng đó.

Hương về ngày trọng đại của Đức Chúa Trời, nhà tiên tri Giê-rê-mi tuyên bố: "Tôi nhìn trái đất, kia, nó hoang vắng và trống rỗng, các tầng trời không có ánh sáng. Tôi nhìn xem các núi, và kia, chúng đều rung chuyển, và tất cả những ngọn đồi rung chuyển. Tôi nhìn và thấy không có người, tất cả chim trời đã chạy trốn. Tôi cũng thấy vùng đất màu mỡ trở thành sa mạc, và tất cả các thành phố của nó đều bị phá hủy" (Giê-rê-mi 4). :23-26).

Đây sẽ là ngôi nhà của Satan cùng với những thiên thần xấu xa của hắn trong một ngàn năm. Bị giới hạn ở Trái đất, anh ta sẽ không có quyền truy cập vào các thế giới khác để cám dỗ và quấy rối những người chưa từng sa ngã. Theo nghĩa này thì anh ta bị mắc kẹt; không còn ai để anh ta có thể thực thi quyền lực của mình. Anh ta hoàn toàn tách biệt khỏi công việc lửa đối và hủy hoại mà trong nhiều thế kỷ là niềm vui duy nhất của anh ta.

Tiên tri Isaia, khi chiêm ngưỡng thời gian sa ngã của Satan trong tương lai, đã thốt lên: "Hỡi sao mai, con gái của bình minh, người từ trời rơi xuống đất thế nào! Người đã bị ném xuống đất như thế nào, người là kẻ đã làm suy yếu các quốc gia! Và người là kẻ đã làm suy yếu các quốc gia! đã nói trong lòng bạn: Ta sẽ lên Thiên đàng, trên các vì sao của Chúa, ta sẽ tôn cao ngai vàng của ta... ta sẽ giống như Đấng Tối cao, thế nhưng, người sẽ bị đưa xuống địa ngục, xuống vực sâu thẳm. Ai nhìn thấy bạn sẽ chiêm ngưỡng bạn, họ sẽ quan sát bạn và nói: "Đây có phải là người đã làm cho trái đất rung chuyển và là người đã làm cho các vương quốc rung chuyển không? Ai đã biến thế giới thành sa mạc và tàn phá các thành phố của nó? Ai đã làm điều đó?" không để những kẻ bị hấn bắt được tự do về nhà sao?" (Ê-sai 14:12-17).

Trong sáu ngàn năm, công việc phản loạn của Sa-tan đã "làm rung chuyển trái đất".

Ngài đã biến "thế giới thành sa mạc" và phá hủy "các thành phố của họ". Và "anh ta sẽ không để những người bị giam giữ của mình được tự do." Trong sáu nghìn năm, nhà của ông đã tiếp nhận dân của Đức Chúa Trời, và ông sẽ giam giữ họ mãi mãi; nhưng Chúa Kitô đã phá vỡ xiềng xích của họ và giải thoát các tù nhân.

Ngay cả kẻ ác giờ đây cũng bị đặt ngoài tầm quyền lực của Satan, và, một mình với các thiên thần xấu xa của hắn, hắn sẽ ở lại để quan sát hậu quả của lời nguyện mà tội lỗi đã gây ra. "Tất cả các vị vua của các dân tộc, vàng, tất cả bọn họ, mỗi người đều nằm trong lăng mộ của mình một cách danh dự. Nhưng bạn bị ném ra khỏi nấm mồ, giống như một tên khốn..."

Bạn sẽ không được tập trung cùng với họ trong ngôi mộ, bởi vì bạn đã phá hủy đất đai của bạn và giết chết người dân của bạn." (Ê-sai 14:18-20).

Trong một ngàn năm, Satan sẽ lang thang từ nơi này sang nơi khác trên trái đất hoang vắng, để suy ngẫm về hậu quả của cuộc nổi loạn chống lại luật pháp của Chúa. Trong thời gian này sự đau khổ của bạn sẽ rất mãnh liệt. Kể từ khi sa ngã, cuộc sống hoạt động không ngừng nghỉ đã xua đuổi suy tư; bây giờ anh ta bị tước bỏ quyền lực, và phải suy ngẫm về vai trò của mình kể từ cuộc nổi loạn đầu tiên chống lại chính quyền Thiên đàng, đồng thời báo trước với nỗi sợ hãi và run rẩy về tương lai khủng khiếp, khi anh ta phải đau khổ vì tất cả những điều ác mà mình đã làm, và bị trừng phạt vì những tội lỗi mà anh ta đã phạm.

Đối với dân Chúa, sự giam cầm của Sa-tan sẽ mang lại sự mãn nguyện và vui mừng. Nhà tiên tri nói: "Sẽ đến ngày Đức Chúa Trời cho các người được nghỉ ngơi, khỏi sự lao khổ, run rẩy và khỏi sự phục dịch khác nghiệt mà họ đã bắt các người phục vụ, thì các người sẽ nói lời này nghịch lại vua Ba-by-lôn." [ở đây đại diện cho Satan], và bạn sẽ nói: Làm sao mà kẻ áp bức đã chấm dứt!... Chúa đã bẻ gãy cây trượng của kẻ ác và vương trượng của những kẻ thống trị.

Kẻ đã lấy cơn giận dữ mà hành hại các dân, bằng dịch lệ không ngừng, kẻ đã lấy cơn giận mà cai trị các dân, bây giờ bị bắt bớ, không ai có thể ngăn cản được" (Ê-sai 14:3-6).

Trong suốt một ngàn năm giữa lần sống lại thứ nhất và thứ hai, sự phán xét kẻ ác diễn ra. Sự đổ Phao-lô chỉ ra sự phán xét này như một sự kiện xảy ra sau lần đến thứ hai. "Chờ xét đoán gì trước thời hạn, cho đến khi Chúa đến, Đấng cũng sẽ đem những điều giấu kín trong bóng tối ra ánh sáng và bày tỏ những tư tưởng trong lòng." (I Cô-rinh-tô 4:5). Đa-ni-ên tuyên bố rằng khi Đấng Thượng Cổ đến, "sự phán xét đã được ban cho các thánh của Đấng Tối Cao" (Đa-ni-ên 7:22). Vào thời điểm đó, người công chính trị vì như những vị vua và

linh mục của Thiên Chúa. John, trong Khải Huyền, nói: "Tôi thấy những ngai vàng, và họ ngồi trên đó, và họ được trao quyền phán xét." "Họ sẽ là tư tế của Thiên Chúa và của Chúa Kitô, và sẽ trị vì với Người một ngàn năm". (Kh 20:4 và 6). Chính vào thời điểm này, như Phao-lô đã tiên đoán, "các thánh sẽ phán xét thế gian" (I Cô-rinh-tô 6:2). Hợp nhất với Chúa Kitô, họ phán xét kẻ ác, so sánh hành động của họ với bộ luật - Kinh thánh - quyết định từng trường hợp tùy theo hành động được thực hiện trong thân xác. Sau đó, hình phạt mà kẻ ác phải gánh chịu sẽ được ấn định tùy theo việc làm của chúng và được ghi đối diện với tên của chúng trong sổ tử thần.

Ngoài ra, Sa-tan và các thiên sứ ác cũng bị Đấng Christ và dân Ngài phán xét. Thánh Phaolô nói: "Anh em há chẳng biết chúng ta sẽ xét xử các thiên thần sao?" (I Cô-rinh-tô 6:3). Và Giu-đe tuyên bố rằng "các thiên thần đã không giữ quyền cai trị của mình, nhưng rời bỏ nơi ở của mình, thì ở trong bóng tối và trong ngục đời đời cho đến ngày phán xét của ngày trọng đại đó" (Giu-đe 6).

Sự sống lại lần thứ hai sẽ xảy ra vào cuối ngàn năm. Khi đó kẻ ác sẽ sống lại từ cõi chết, xuất hiện trước mặt Đức Chúa Trời để thi hành "bản án bằng văn bản". Vì vậy, nhà mặc khải John, sau khi mô tả sự sống lại của những người công chính, đã nói: "Nhưng những người chết còn lại không sống lại cho đến khi mãn hạn một ngàn năm." (Khải Huyền 20:5).

Và Isaia tuyên bố về kẻ ác: "Chúng sẽ bị tập trung lại như những tù nhân trong ngục tối, và chúng sẽ bị nhốt trong ngục, và sau nhiều ngày chúng sẽ được thăm viếng."

(Ê-sai 24:22).

Chương 42

Sự kết thúc của xung đột

Vào cuối ngàn năm, Chúa Kitô trở lại Trái đất. Ngài đi cùng với đoàn quân những người được cứu chuộc và được vô số thiên thần hộ tống. Vào lúc anh ta đi xuống với sự uy nghiêm khủng khiếp, anh ta ra lệnh cho những kẻ chết độc ác đứng dậy để nhận bản án của họ. Chúng xuất hiện như một đội quân hùng mạnh, vô số như cát biển.

Thật là một sự tương phản với những người sống lại trong lần sống lại thứ nhất! Những người công chính được mặc lấy tuổi trẻ và vẻ đẹp bất tử. Kẻ ác mang đặc điểm của bệnh tật và cái chết.

Đôi mắt của tất cả đám đông đó quay lại nhìn vinh quang của Con Thiên Chúa. Đồng thanh, đạo binh của kẻ ác kêu lên: "Phúc thay Đấng nhân danh Chúa mà đến!" Không phải tình yêu dành cho Chúa Giêsu đã truyền cảm hứng cho câu nói này. Sức mạnh của sự thật buộc họ phải mở miệng xưng tội một cách vô tình. Ngay khi họ đi xuống mồ, kẻ ác cũng ra khỏi đó, với cùng một sự thù nghịch chống lại Đấng Christ và cùng một tinh thần nổi loạn. Họ sẽ không có thời gian ân sủng mới để sửa chữa những khiếm khuyết của kiếp trước. Họ sẽ không thu được gì từ nó. Cả đời vi phạm cũng không làm mềm lòng họ. Nếu có thời kỳ ân sủng thứ hai thì thời kỳ này cũng giống như thời kỳ đầu tiên, nhằm trốn tránh những yêu cầu thiêng liêng và kích động sự nổi loạn chống lại Ngài.

Đấng Christ ngự xuống Núi Ô-liu, nơi Ngài thăng thiên sau khi phục sinh và là nơi các thiên thần lặp lại lời hứa về sự trở lại của Ngài. Tiên tri nói: "Chúa là Thiên Chúa của tôi sẽ đến, và tất cả các thánh sẽ ở với bạn." "Trong ngày đó, chân Ngài sẽ đứng trên núi ô-li-ve, đối diện Giê-ru-sa-lem về phía đông; và núi Ô-liu sẽ bị xé ra ở giữa... và sẽ có một thung lũng rất rộng lớn." "Chúa sẽ làm vua khắp trái đất; trong ngày đó sẽ có một người là Chúa và một người sẽ là danh Ngài." (Xa 14:5, 4 và 9). Khi Giêrusalem Mới, trong vẻ huy hoàng hấp dẫn của nó, ngự trên nơi được thanh tẩy và chuẩn bị đón nhận nó, Chúa Kitô cùng với dân của Người và các thiên thần tiến vào thành thánh.

Sau đó, Satan chuẩn bị cho cuộc chiến đẫm máu cuối cùng để giành quyền tối cao. Khi bị tước bỏ quyền lực và tách khỏi công việc lừa dối, hoàng tử tà ác cảm thấy đau khổ và chán nản; nhưng khi kẻ ác sống lại, anh ta nhìn thấy đám đông đông đảo ở bên mình, hy vọng của anh ta sống lại, và anh ta quyết tâm không bỏ cuộc trong cuộc tranh cãi lớn. Anh ta sẽ thành lập tất cả các đội quân lạc lối dưới ngọn cờ của mình, và thông qua họ, anh ta sẽ cố gắng thực hiện các kế hoạch của mình. Kẻ ác là tù nhân của Satan.

Từ chối Chúa Kitô, họ chấp nhận sự cai trị của thủ lĩnh phiến quân. Họ sẵn sàng tiếp nhận những đề xuất của bạn và áp dụng mệnh lệnh của bạn vào thực tế. Tuy nhiên, phù hợp với sự xảo quyệt nguyên thủy của mình, anh ta không nhận mình là Satan. Anh ta tự nhận mình là hoàng tử, chủ sở hữu hợp pháp của thế giới, người có quyền thừa kế bất hợp pháp từ anh ta. Anh ta đại diện cho những thần dân bị lừa dối của mình như một người cứu chuộc, đảm bảo với họ rằng sức mạnh của anh ta đã đưa họ trở lại từ nấm mồ và anh ta sắp giải cứu họ khỏi chế độ chuyên chế tàn ác nhất.

Khi sự hiện diện của Đấng Christ bị loại bỏ, Sa-tan thực hiện những điều kỳ diệu để hỗ trợ cho những tuyên bố của hắn. Anh ấy làm cho kẻ yếu trở nên mạnh mẽ và truyền cảm hứng cho mọi người bằng tinh thần và nghị lực của chính mình. Anh ta đề xuất dẫn họ chống lại trại của các vị thánh và chiếm lấy thành phố của Chúa. Với sự hân hoan của quỷ Satan, anh ta chỉ vào hàng triệu người chưa được kể đã sống lại từ cõi chết và tuyên bố rằng, với tư cách là thủ lĩnh của họ, anh ta có đủ khả năng lật đổ thành phố và giành lại ngai vàng và vương quốc của mình.

Trong số đông đó có nhiều người thuộc chủng tộc sống lâu đã tồn tại trước trận lụt; những người có tầm vóc cao cả và trí tuệ bao la, những người chịu sự kiểm soát và thống trị của các thiên thần sa ngã, đã cống hiến tất cả kỹ năng và kiến thức của mình để tôn vinh bản thân; những người có những tác phẩm nghệ thuật kỳ diệu khiến thế giới thần tượng hóa tài năng của họ, nhưng những phát minh tàn ác và độc ác của họ đã làm băng hoại trái đất và làm biến dạng hình ảnh của Chúa, khiến Chúa phải xóa họ khỏi khuôn mặt tạo vật của Ngài. Có những vị vua và tướng lĩnh đã chinh phục các quốc gia, những người dũng cảm không bao giờ thua trận, những chiến binh kiêu hãnh và đầy tham vọng, những người có cách tiếp cận khiến các vương quốc phải rung chuyển. Trong cái chết họ không trải qua sự thay đổi nào. Khi họ sống lại từ nấm mồ, họ tiếp tục dòng suy nghĩ của mình ngay tại nơi nó đã dừng lại. Họ bị thúc đẩy bởi cùng một khao khát chiến thắng đã chi phối họ trước khi họ gục ngã.

Đầu tiên, Satan hỏi ý kiến các thiên thần của hắn, sau đó là các vị vua, những kẻ chinh phục và những người hùng mạnh. Họ nhìn vào sức mạnh và số lượng của bên mình, và tuyên bố rằng quân đội trong thành phố nhỏ so với quân của họ, và kẻ đó có thể bị đánh bại. Họ đặt ra kế hoạch chiếm hữu sự giàu có và vinh quang của Giê-ru-sa-lem Mới. Mọi người ngay lập tức bắt đầu chuẩn bị cho trận chiến.

Thợ thủ công lành nghề chế tạo dụng cụ quân sự. Các nhà lãnh đạo quân sự, nổi tiếng vì thành công, tổ chức đám đông chiến binh thành các đại đội và sư đoàn.

Lệnh tiến quân cuối cùng đã được đưa ra, và vô số đội quân bắt đầu di chuyển, một đội quân chưa từng được những kẻ chinh phục trên trái đất tập hợp lại và không bao giờ có thể sánh bằng với các lực lượng đồng minh ở mọi thời đại kể từ khi cuộc chiến bắt đầu trên Trái đất. Satan, chiến binh mạnh nhất, chỉ huy đội tiên phong và các thiên thần của hắn hợp lực cho trận chiến cuối cùng này. Các vị vua và chiến binh tạo nên đám rước võ thuật của họ, và đám đông đi theo từng đoàn lớn, mỗi đoàn có người chỉ huy được chỉ định. Với độ chính xác quân sự, hàng ngũ nhỏ gọn tiến qua bề mặt bị chia cắt và bất thường của Trái đất, hướng tới thành phố của Chúa. Theo lệnh của Chúa Giê-su, các cánh cổng của Giê-ru-sa-lem Mới bị đóng lại, và quân đội của Sa-tan bao vây thành phố, chuẩn bị tấn công.

Một lần nữa Đấng Christ lại xuất hiện trước mắt kẻ thù của Ngài. Phía trên thành phố, trên nền vàng bóng, có một ngai vàng cao và uy nghiêm. Con Đức Chúa Trời ngồi trên ngai này, và xung quanh Ngài là thần dân của vương quốc Ngài.

Không ngôn ngữ nào có thể diễn tả được, không ngòi bút nào có thể diễn tả được quyền năng và sự oai nghi của Đấng Christ. Vinh quang của Đức Chúa Cha Hằng Hữu bao quanh Con Ngài. Sự hiện diện rạng ngời của Ngài tràn ngập thành phố của Chúa và vượt ra ngoài các cổng, khiến toàn bộ Trái đất tràn ngập ánh sáng của nó.

Gần ngai nhất là những người đã từng sót sống vì chính nghĩa của Satan, nhưng lại là những người, giống như những thanh củi được nhổ ra khỏi lửa, đã đi theo Đấng Cứu Rỗi của họ với lòng sùng mộ sâu sắc và mãnh liệt. Tiếp theo là những người đã hoàn thiện nhân cách Kitô giáo giữa sự giả dối và bất trung, những người tôn trọng luật Thiên Chúa khi thế giới Kitô giáo tuyên bố bãi bỏ nó, và hàng triệu người ở mọi lứa tuổi đã tử đạo vì đức tin của họ. Và xa hơn nữa là "vô số người, không ai có thể đếm được, từ mọi quốc gia, bộ tộc, dân tộc và ngôn ngữ... mặc áo dài trắng và tay cầm cành chà là" (Khải huyền 7:9).

Cuộc chiến của anh ấy đã kết thúc, chiến thắng đã giành được. Họ thi đấu trong cuộc đua và nhận được giải thưởng. Cành cọ trong tay họ là biểu tượng của sự chiến thắng, chiếc áo choàng trắng là biểu tượng cho sự công bình không tì vết của Chúa Kitô, giờ đây thuộc về họ.

Những người được cứu chuộc cất lên một bài ca ngợi vang dội qua các cổng vòm trên trời: "Cứu rỗi cho Đức Chúa Trời chúng ta, Đấng ngự trên ngai, và cho Chiên Con".

Các thiên thần và seraphim cùng hòa giọng trong sự thờ phượng. Có (Thượng hiệu bị loại bỏ THÔNG MINH) suy ngẫm về sức mạnh và sự ác của Satan, người được cứu chuộc,

hơn bao giờ hết, không có sức mạnh nào ngoài Chúa Kitô có thể khiến họ trở thành những người chiến thắng.

Trong đám đông huy hoàng đó, không có ai cho rằng sự cứu rỗi là do công đức của chính mình, như thể mình đã chiến thắng bằng sức mạnh và lòng tốt của chính mình.

Không có gì được nói về những gì họ đã làm hoặc những gì họ phải chịu đựng; điệp khúc của mỗi bài hát, nốt chủ đạo của mỗi bài thánh ca là: "Sự cứu rỗi cho Đức Chúa Trời chúng ta và Chiến Con".

Trước sự chứng kiến của những cư dân tụ tập trên Trái đất và Thiên đường, lễ đăng quang cuối cùng của Con Thiên Chúa đã diễn ra. Và giờ đây, được trao quyền lực và uy nghi tối cao, Vua của các vua tuyên án những kẻ nổi loạn chống lại chính phủ của Ngài, và thi hành công lý đối với những kẻ đã vi phạm luật pháp của Ngài và áp bức dân Ngài. Nhà tiên tri của Đức Chúa Trời phán: "Tôi thấy một ngai lớn màu trắng và Đấng ngồi trên đó, mà đất và trời đều chạy trốn khỏi sự hiện diện của Ngài, không tìm được chỗ nào cho họ. Và tôi thấy những người chết, cả lớn lẫn nhỏ, đứng trước mặt Ngài." Ngài, và các sách đều mở ra, và một cuốn sách khác cũng mở ra, tức là sách sự sống; kẻ chết bị xét xử theo lời đã chép trong sách, tùy theo việc làm của họ." (Kh 20:11 và 12).

Ngay khi các sổ ghi chép được mở ra và ánh mắt của Chúa Giêsu dán chặt vào ác, họ nhận thức được mọi tội lỗi mình đã phạm. Họ nhìn thấy chính xác nơi chân mình đã trượt trên con đường thanh khiết và thánh thiện, cũng như sự nổi loạn và kiêu ngạo đã khiến họ vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời đến mức nào. Những cám dỗ quyến rũ bị thu hút bởi sự buông thả của tội lỗi, những phúc lành hư hỏng, sự khinh miệt đối với các sứ giả của Thiên Chúa, những lời cảnh báo bị từ chối, những làn sóng thương xót bị đẩy lùi bởi trái tim dễ lây lan và không ăn năn - tất cả đều xuất hiện như thể được viết bằng những chữ lửa.

Phía trên ngai có thánh giá; và, tương tự như một tầm nhìn toàn cảnh, những cảnh cám dỗ và sa ngã của A-đam được chiếu lên cũng như các bước tiếp theo trong kế hoạch cứu chuộc vĩ đại. Sự giáng sinh khiêm nhường của Đấng Cứu Thế; Tuổi thơ giản dị và vâng lời của Ngài; lễ rửa tội của ông ở sông Jordan; ăn chay và cám dỗ trong sa mạc; Chức vụ công khai của Ngài, tiết lộ cho con người những phước lành quý giá nhất của Thiên đàng; những ngày đầy những hành động yêu thương và thương xót, những đêm Người cầu nguyện và canh thức trong núi non hiu quạnh; những âm mưu đồ kỵ, thù hận và xấu xa mà lợi ích của Ngài đã được đền đáp; nỗi thống khổ khủng khiếp và bí ẩn ở Vườn Ghết-sê-ma-nê, dưới sức nặng đè nặng của tội lỗi toàn thế giới; Sự phản bội của anh dưới bàn tay của đám đông sát nhân; những sự kiện khủng khiếp của đêm kinh hoàng đó-Người tù không chống cự, bị các môn đệ yêu quý nhất của Ngài bỏ rơi, bị kéo lê một cách thô bạo trên các đường phố Giêrusalem; Con Thiên Chúa đã hân hoan bị vạch trần trước Annas, bị tố cáo trong dinh thượng tế, trước tòa án Philatô, trước tên Herod hèn nhát và độc ác, bị chế nhạo, lăng mạ, tra tấn và kết án tử hình - tất cả đều được khắc họa một cách sống động.

Và bây giờ, trước đám đông không ngừng nghỉ, những cảnh cuối cùng được hé lộ - Người đau khổ kiên nhẫn bước đi trên con đường Đồi Sọ, Hoàng tử Thiên đường bị treo trên thập tự giá; các linh mục kiêu ngạo và đám đông chế giễu chế nhạo cơn hấp hối cuối cùng của Ngài, bóng tối siêu nhiên; trái đất rung chuyển, những viên đá vụn, những ngôi mộ mở toang đánh dấu thời điểm Đấng Cứu Thế từ bỏ sự sống.

Cảnh tượng khủng khiếp xuất hiện đúng như những gì nó đã xảy ra. Sa-tan, các thiên sứ của hần và thần dân của hần không có quyền rời mắt khỏi bức tranh do chính chúng tạo ra. Mỗi diễn viên nhớ lại phần họ đã đóng. Herod, giết chết những đứa trẻ vô tội ở Bethlehem để cố gắng tiêu diệt Vua Israel; Herodias đáng bị hành quyết, linh hồn tội lỗi của hần mang trong mình dòng máu của John the Baptist; Philatô yếu đuối và cơ hội; những người lính chế giễu; các linh mục và hoàng tử, cũng như đám đông giận dữ kêu lên: "Máu của hần đổ xuống đầu chúng tôi và con cháu chúng tôi!" - mọi người đều suy ngẫm về mức độ tội lỗi của mình.

Trong vô vọng, họ tìm cách ẩn mình khỏi sự uy nghiêm thiêng liêng của khuôn mặt Ngài, rục rĩ hơn cả.

Mặt trời, trong khi những người được chuộc ném vương miện của họ dưới chân Đấng Cứu Rỗi, kêu lên: "Ngài đã chết vì tôi!"

Trong số đông những người được giải cứu có các tông đồ của Chúa Kitô, Thánh Phaolô anh hùng, Thánh Phêrô nhiệt thành, Thánh Gioan yêu dấu và yêu thương, cùng các anh em trung thành của họ, và cùng với họ vô số các vị tử đạo, đang ở bên ngoài các bức tường, với mọi thứ hèn hạ. và đáng ghê tởm là những người mà họ đã bị bắt bớ, bỏ tù và giết chết. Nó đầy rẫy

Nero, con quái vật tàn ác và xấu xa, nhìn thấy niềm vui và sự tôn vinh của những người mà hắn đã từng tra tấn, và trong nỗi thống khổ cùng cực của họ, hắn đã tìm thấy niềm vui ma quái. Mẹ anh ở đó để chứng kiến thành quả lao động của chính mình; để xem những nét xấu xa trong tính cách được truyền sang con trai ông ta như thế nào, những đam mê được kích thích và phát triển bởi ảnh hưởng và tấm gương của ông ta, đã sinh ra những tội ác khiến cả thế giới rung chuyển như thế nào.

Có những linh mục và giám mục người Pop, những người tự xưng là đại sứ của Đấng Christ, nhưng lại sử dụng sự tra tấn, ngục tối và cây cọc để thống trị lương tâm của dân Ngài. Có những giáo hoàng kiêu ngạo tự tôn mình lên trên Thiên Chúa và có ý định thay đổi luật lệ của Đấng Tối Cao. Những người được gọi là giáo phụ đó có một khoản nợ phải trả cho Đức Chúa Trời và họ sẵn lòng bỏ đi.

Rất muộn họ mới nhận ra rằng Đấng Toàn Tri rất sốt sắng với luật pháp của Ngài, và Ngài sẽ không bao giờ xóa tội cho kẻ phạm tội. Giờ đây họ nhận ra rằng Đấng Christ đồng nhất mối quan tâm của Ngài với mối quan tâm của những người đau khổ của Ngài; và cảm nhận được sức mạnh của lời Ngài: "Như các người đã làm điều đó với một trong những người anh em hèn mọn nhất của Ta, là các người đã làm điều đó với Ta." (Ma-thi-ơ 25:40).

Toàn bộ thế giới độc ác bị đưa ra trước tòa án thần thánh với tội danh phản quốc chống lại chính quyền Thiên đường. họ không có lý do gì; và bản án tử hình vĩnh viễn được tuyên cho họ.

Giờ đây mọi người đều thấy rõ rằng tiền công của tội lỗi không phải là sự độc lập cao quý và sự sống vĩnh cửu mà là cảnh nô lệ, sự hủy hoại và cái chết. Kẻ ác nhìn thấy những gì họ đã mất mát vì cuộc sống phản loạn của họ. Sức nặng vĩnh cửu tuyệt vời nhất của vinh quang đã bị coi thường khi được dâng lên; nhưng bây giờ anh ấy có vẻ đáng khao khát biết bao! "Tất cả những điều này," linh hồn lạc lối kêu lên, "tôi lẽ ra có thể có được; nhưng tôi thích đặt những thứ này ra xa khỏi mình. Ôi! Thật ngu xuẩn! Tôi đã đánh đổi hòa bình, hạnh phúc và danh dự để lấy bất hạnh, ô nhục và tuyệt vọng." Mọi người đều thấy rằng việc họ bị loại khỏi Thiên đường là công bằng. Bằng cuộc sống của mình, họ đã tuyên bố: "Chúng tôi không muốn tên Giêsu này cai trị chúng tôi".

Như bị mê hoặc, kẻ ác chiêm ngưỡng lễ đăng quang của Con Thiên Chúa. Họ chiêm ngắm trong tay Ngài những bảng luật lệ thiêng liêng, những luật lệ mà họ khinh thường và vi phạm. Họ chứng kiến sự bùng nổ của sự ngạc nhiên, ngây ngất và tôn thờ của những người được cứu, và khi làn sóng giai điệu lan truyền khắp đám đông bên ngoài thành phố, tất cả họ đồng thanh kêu lên: "Lạy Chúa là Đức Chúa Trời Toàn Năng, vĩ đại và kỳ diệu thay!

Hỡi Vua của các thánh, đường lối Ngài là công bình và chân thật" (Khải huyền 15:3), và họ phủ phục thờ lạy Chúa sự sống.

Satan dường như bị tê liệt khi nó chiêm ngưỡng vinh quang và uy nghi của Chúa Kitô. Đấng từng là thiên sứ che phủ nơi mình đã ngã xuống. Một seraphim rục rịch, "con trai của bình minh", đã thay đổi, xuống cấp biết bao! Từ hội đồng nơi ông được vinh danh, ông mãi mãi bị loại trừ. Bây giờ hãy nhìn thấy một người khác đang đứng rất gần Chúa Cha, trông coi vinh quang của Người. Anh ta nhìn thấy vương miện được đặt trên đầu của Chúa Kitô bởi một thiên thần có tầm vóc cao lớn và sự hiện diện uy nghiêm, và anh ta biết rằng vị trí cao quý của thiên thần này có thể là của anh ta.

Ký ức gợi lên ngôi nhà của sự ngây thơ và trong sạch của bạn, sự bình an và mãn nguyện vốn là của bạn cho đến khi bạn hạ mình lầm bầm chống lại Thiên Chúa và ghen tị với Chúa Kitô. Những lời buộc tội, sự nổi loạn và lừa dối của anh ta để có được sự thông cảm và ủng hộ của các thiên thần, sự cố chấp ngoan cố của anh ta trong việc không nỗ lực phục hồi bản thân khi Chúa

lẽ ra sẽ được tha thứ—mọi thứ hiện ra một cách sống động trước mắt anh ta. Hãy ôn lại công việc của anh ta giữa loài người và kết quả của nó—sự thù địch của con người đối với đồng loại của mình, sự tàn phá khủng khiếp về sinh mạng, sự trở dậy và sụp đổ của các vương quốc, sự sụp đổ của ngai vàng, chuỗi hỗn loạn, xung đột và cách mạng kéo dài. Anh ta nhớ lại những nỗ lực không ngừng của mình để chống lại công việc của Đấng Christ, và khiến con người ngày càng chìm sâu hơn vào sự diệt vong. Hãy thấy rằng âm mưu của quỷ satan của bạn đã bắt lực trong việc tiêu diệt những người đã gửi tiền của họ hãy tin cậy vào Chúa Giêsu. Khi nhìn vào vương quốc của mình, thành quả của cuộc đấu tranh của mình, Satan chỉ thấy sự thất bại và đổ nát. Ông đã khiến đám đông tin rằng thành phố của Chúa sẽ dễ dàng trở thành miếng mồi ngon; nhưng bạn biết điều này là sai. Nhiều lần, trong quá trình xung đột lớn, ông đã bị đánh bại và buộc phải nhượng bộ. Anh ta biết rất rõ sức mạnh và sự uy nghiêm của Eternal.

Mục đích của kẻ nổi loạn vĩ đại luôn là để biện minh cho bản thân và chứng minh rằng chính phủ thần thánh phải chịu trách nhiệm về cuộc nổi loạn. Để đạt được mục đích này, ông đã tập trung toàn bộ sức mạnh của trí tuệ khổng lồ. Ông đã làm việc có chủ ý và có hệ thống, và đạt được thành công đáng kinh ngạc, nhằm hướng đám đông khổng lồ đến sự chấp nhận phiên bản của ông về cuộc tranh cãi lớn đang diễn ra từ lâu. Trong hàng nghìn năm, kẻ cầm đầu âm mưu này đã coi sự thật là sự giả dối. Nhưng đã đến lúc cuộc nổi loạn cuối cùng phải bị tiêu diệt, lịch sử cũng như bản chất của Sa-tan đã lộ rõ. Trong nỗ lực vĩ đại cuối cùng của hắn nhằm truất ngôi Đấng Christ, tiêu diệt dân của Ngài và chiếm hữu thành phố của Đức Chúa Trời, kẻ lừa dối hoàn toàn bị vạch mặt. Những người đã tập hợp lại phía sau anh ta đều nhìn thấy sự thất bại hoàn toàn của chính nghĩa của họ. Những người theo Chúa Kitô và các thiên thần trung thành nhìn thấy toàn bộ âm mưu của họ chống lại chính phủ của Thiên Chúa. Anh ta là mục tiêu của sự hành quyết toàn cầu.

Sa-tan thấy rằng sự nổi loạn tự nguyện của hắn không phù hợp với Thiên đàng, hắn đã rèn luyện các khả năng của mình để gây chiến chống lại Đức Chúa Trời; sự thuần khiết, yên bình và hòa hợp của Thiên đàng sẽ là cực hình đối với anh ta. Những cáo buộc của họ chống lại lòng thương xót và công lý của Thiên Chúa giờ đây đã im lặng. Sự mất uy tín mà ông cố gắng giáng xuống Đức Giê-hô-va hoàn toàn đổ lên đầu ông. Và bây giờ Satan cúi xuống và thú nhận sự công bằng của bản án của mình.

"Lạy Chúa, ai sẽ không kính sợ Ngài và tôn vinh danh Ngài? Vì chỉ một mình Ngài là thánh; nên mọi dân tộc sẽ đến quỳ lạy trước Ngài, vì sự phán xét của Ngài đã rõ ràng." (Khải Huyền 15:4). Mọi thắc mắc về sự thật và sai lầm trong cuộc xung đột lâu đời nay đã được làm sáng tỏ. Kết quả của cuộc nổi loạn, hậu quả của việc phủ nhận các quy luật thiêng liêng, đã được thể hiện trước mắt mọi trí tuệ được tạo ra. Hậu quả của sự cai trị của Satan, trái ngược với sự cai trị của Chúa, đã được trình bày cho toàn bộ Vũ trụ. Việc làm của chính Satan đã lên án hắn. Sự khôn ngoan của Thiên Chúa, sự công bằng và lòng tốt của Ngài cuối cùng đã được minh oan.

Rõ ràng là toàn bộ cách giải quyết của Ngài trong cuộc tranh cãi lớn đều hướng tới lợi ích vĩnh cửu của dân Ngài và của tất cả các thế giới mà Ngài đã tạo ra. "Mọi công việc của Ngài sẽ ca ngợi Ngài, ôi Lạy Chúa, và các thánh của Ngài sẽ chúc tụng Ngài" (Tv 145:10). Lịch sử tội lỗi sẽ tồn tại đến muôn đời như một bằng chứng cho thấy sự tồn tại của lề luật Thiên Chúa gắn liền với hạnh phúc của mọi loài được Ngài tạo dựng với tất cả mọi người. Trước sự thật của cuộc xung đột lớn, toàn bộ Vũ trụ, cả người trung thành và kẻ nổi loạn, đều đồng thanh tuyên bố: "Hỡi Vua của các vị thánh, chính là đường lối của Ngài."

Sự hy sinh cao cả của Chúa Cha và Chúa Con vì con người đã được trình bày rõ ràng trước Vũ trụ. Rồi đến giờ để Đấng Christ chiếm giữ vị trí công bình của Ngài, và được tôn vinh trên các quyền lực và quyền lực cùng mọi danh hiệu được nêu ra. Chính vì niềm vui đặt trước mặt Ngài - có thể mang lại nhiều con cái đến vinh quang - mà Ngài đã chịu đựng thập tự giá và khinh thường sự ô nhục. Và mặc dù nỗi buồn và sự ô nhục lớn đến mức không thể tưởng tượng được, nhưng niềm vui và vinh quang còn lớn lao hơn. Ngài nhìn những người được cứu chuộc, được đổi mới theo hình ảnh của Ngài, mang trong mỗi trái tim ấn tượng hoàn hảo về thần linh, mọi khuôn mặt đều phản ánh giống Vua của họ.

Ngài nhìn thấy chúng là kết quả công việc của linh hồn Ngài và hài lòng. Sau đó, với một giọng nói vang đến đám đông người công chính cũng như kẻ gian ác, Ngài tuyên bố: "Đây là sự mua bán máu của Ta! Vì những kẻ này Ta đã chịu đau khổ, vì những kẻ này Ta đã chết, để họ có thể ở trước mặt Ta cho đến đời đời." . " Và một bài hát ca ngợi vang lên từ những người mặc áo trắng quanh ngài: "Chiên Con đã bị giết xứng đáng nhận được quyền năng, giàu có, khôn ngoan, sức mạnh, danh dự, vinh quang và những việc làm tạ ơn."

(Khải huyền 5:12).

Mặc dù Sa-tan buộc phải thừa nhận sự công chính của Đức Chúa Trời và cúi đầu trước quyền tối cao của Đấng Christ, nhưng tính cách của hắn vẫn không thay đổi. Tinh thần nổi loạn, như một dòng nước mạnh, lại bùng phát. Tràn đầy điên cuồng, anh quyết định không đầu hàng trong cuộc xung đột lớn. Đã đến lúc diễn ra cuộc đấu tranh cuối cùng và tuyệt vọng chống lại Vua Thiên đường, Ngài lao vào giữa thần dân của mình và cố gắng truyền cảm hứng cho họ bằng cơn thịnh nộ của chính mình, thúc đẩy họ tham gia một trận chiến ngay lập tức. Nhưng trong số vô số hàng triệu người bị hắn dụ dỗ nổi loạn, giờ đây không có ai nhận ra sự úp viêt của hắn. Sức mạnh của anh ta đã đến hồi kết. Kẻ ác chứa đầy lòng căm thù Thiên Chúa giống như sự căm ghét của Satan; nhưng họ thấy rằng trường hợp của họ là vô vọng, rằng họ không thể thắng được Đức Giê-hô-va. Cơn giận dữ của họ nổi lên chống lại Satan và chống lại những người là tay sai của hắn trong việc lừa dối, và với cơn thịnh nộ của ma quỷ, họ quay lại chống lại họ.

Chúa phán: "Bởi vì các người coi tấm lòng mình như tấm lòng của Đức Chúa Trời, này, ta sẽ đem đến cho các người những kẻ xa lạ, những kẻ ghê gớm nhất trong các dân tộc, những kẻ sẽ rút gươm chống lại vẻ đẹp khôn ngoan của các người và làm ô uế các người. hãy xuống hố... Và ta sẽ khiến người chết, hồi thiên sứ bảo vệ, giữa những viên đá rục lửa... Ta ném người xuống đất, ta đặt người trước mặt các vị vua, để họ có thể nhìn vào người... Và ta đã biến bạn thành tro bụi trên Trái đất, trong mắt tất cả những ai nhìn thấy bạn... Bạn đã trở thành một người vô cùng kinh ngạc và bạn sẽ không bao giờ trở lại nữa mãi mãi." (Ê-xê-chiên 28:6-8, 16-19).

"Tất cả áo giáp của những người chiến đấu bằng tiếng ồn, và quần áo dính máu sẽ bị đốt cháy, chúng sẽ là thức ăn cho lửa." "Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va giáng trên mọi dân tộc, và cơn thịnh nộ của Ngài giáng trên mọi đạo binh của họ: Ngài đã tiêu diệt chúng hoàn toàn, đã phó chúng cho sự tàn sát." "Trên kẻ ác, Ngài sẽ mưa bão, lửa, diêm sinh và gió bão; hãy xem phần chén của nó." (Ê-sai 9:5; 34:2; Thi thiên 11:6). Lửa từ Thiên Chúa từ trên trời rơi xuống. Trái đất mở ra. Những vũ khí ẩn sâu trong nó đã được rút ra. Ngọn lửa nuốt chửng bùng lên từ mọi kẻ hở. Bản thân những tảng đá đang bốc cháy. Ngày sẽ cháy như lò lửa sắp đến. Các nguyên tố tan chảy với nhau do sức nóng khủng khiếp, Trái đất và các công trình trên đó cũng bị đốt cháy (Mal. 4:1; II Phi-e-rơ 3:10). Bề mặt Trái đất dường như là một khối nóng chảy-một hồ lửa rộng lớn đầy bão tố. Thời phán xét và diệt vong của kẻ ác đã đến - "ngày báo thù của Chúa, một năm báo ứng cho cuộc tranh đấu của Si-ôn" (Ê-sai 34:8).

Kẻ ác nhận phần thưởng của chúng trên đất (Châm ngôn 11:31). Đức Giê-hô-va vạn quân phán: "Chúng nó sẽ như trấu, ngày đến sẽ đốt chúng nó đi". (Mal. 4:1). Một số bị tiêu diệt trong chốc lát, trong khi một số khác phải chịu đựng nhiều ngày. Mọi người đều bị trừng phạt tùy theo việc làm của mình. Tội lỗi của người công chính đã được chuyển sang tay Sa-tan, và hắn phải chịu đau khổ không chỉ vì sự phản loạn của chính mình mà còn vì tất cả những tội lỗi mà hắn đã khiến dân Chúa phạm phải. Hình phạt của anh ta phải lớn hơn nhiều so với những người anh ta đã lừa dối. Sau khi những người bị dụ dỗ bởi sự lừa dối của anh ta bỏ mạng, anh ta vẫn phải sống và đau khổ. Trong ngọn lửa thanh tẩy, kẻ ác cuối cùng cũng bị tiêu diệt, cả rễ lẫn cành-Sa-tan gốc rễ và những kẻ đi theo hắn là cành cây. Hình phạt đầy đủ của pháp luật đã được áp dụng; những đòi hỏi của công lý đã được đáp ứng, và Trời và Đất, nhìn xem Ngài, tuyên bố công lý của Đức Giê-hô-va.

Công việc hủy diệt của Satan mãi mãi kết thúc. Trong sáu nghìn năm, ông đã thực hiện ý muốn của mình, khiến Trái đất tràn ngập bất hạnh và gây đau buồn khắp Vũ trụ. Mọi tạo vật cũng đã rên rỉ và quằn quại trong cơn chuyển dạ.

Giờ đây các tạo vật của Chúa mãi mãi thoát khỏi sự hiện diện và cảm dỗ của Ngài. "Bây giờ hãy yên nghỉ, cả Trái đất giờ đã hòa bình! - [người công chính] vui mừng kêu lên." (Là một.

14:7). Và tiếng reo hò ca ngợi và chiến thắng vang lên từ toàn bộ Vũ trụ trung thành. Người ta nghe thấy "tiếng của một đám đông lớn," "như tiếng của nhiều dòng nước và tiếng của sấm sét mạnh mẽ," rằng: "Ha-lê-lu-gia! Vì Chúa là Đức Chúa Trời toàn năng ngự trị." (Khải Huyền 19:6).

Trong khi Trái đất bị bao phủ trong ngọn lửa hủy diệt, những người công chính vẫn sống an toàn trong Thành phố Thánh. Đối với những người dự phần vào sự sống lại thứ nhất, cái chết thứ hai không có quyền lực. Trong khi đối với kẻ ác, Đức Chúa Trời là ngọn lửa thiêu đốt thì đối với dân Ngài, Ngài là Mặt trời và Tầm khiên (Khải huyền 20:6; Thi thiên 84:11).

"Tôi nhìn thấy trời mới và đất mới. Vì trời thứ nhất và đất thứ nhất đã qua đi." (Khải huyền 21:1). Ngọn lửa thiêu đốt kẻ ác thanh lọc Trái đất. Mọi dấu vết của lời nguyên đều bị quét sạch. Không có địa ngục nào cháy mãi mãi sẽ giữ được hậu quả khủng khiếp của tội lỗi trước khi được giải cứu.

Chỉ còn lại một ký ức: Đấng Cứu Chuộc của chúng ta sẽ luôn mang những dấu hiệu về việc Ngài bị đóng đinh. Trên vầng trán bị thương, ở cạnh sườn, ở tay chân Ngài là dấu vết duy nhất của công việc tàn ác mà tội lỗi đã thực hiện. Nhà tiên tri đã nói khi nhìn thấy Chúa Kitô trong vinh quang của Ngài: "Những tia sáng phát ra từ tay Ngài, và đó là nơi ẩn náu sức mạnh của Ngài." (Habie 3:4). Bàn tay Ngài, bên sườn bị thương của Ngài từ đó dòng suối đỏ thẫm chảy ra, hòa giải con người với Đức Chúa Trời—có vinh quang của Đấng Cứu Rỗi, có "nơi ẩn náu của sức mạnh Ngài". "Có quyền năng cứu rỗi" qua hy tế cứu chuộc, vì thế Ngài có sức mạnh để thi hành công lý cho những ai khinh thường lòng thương xót của Thiên Chúa. Và dấu hiệu của sự sỉ nhục của Ngài là vinh dự cao nhất của Ngài; Qua thời đại vĩnh cửu, những vết thương trên Đồi Sọ sẽ bày tỏ sự ca ngợi Ngài và tuyên bố quyền năng của Ngài.

"Hỡi tháp chiến, ngọn núi của con gái Si-ôn, sẽ đến với người; phải, quyền thống trị đầu tiên sẽ đến với người." (Mic. 4:8). Đã đến thời điểm mà những người thánh thiện mong đợi kể từ khi thanh kiếm rực lửa đóng cửa Địa Đàng đối với cặp vợ chồng đầu tiên - thời điểm "chuộc lại phần sở hữu của Thiên Chúa" (Ê-phê-sô 1:14). Trái đất, ban đầu được trao cho con người làm vương quốc, bị con người giao nộp vào tay Satan và bị kẻ thù hùng mạnh nắm giữ rất lâu, đã được phục hồi nhờ kế hoạch cứu chuộc vĩ đại. Mọi thứ bị mất do tội lỗi đều được phục hồi. Đức Giê-hô-va phán như vậy: Đấng đã hình thành trái đất và làm nên nó; Ngài đã thiết lập nó; Ngài không tạo ra nó trống không, nhưng đã hình thành nó để có người ở." (Ê-sai 45:18). Mục đích ban đầu của Đức Chúa Trời trong việc tạo dựng Trái đất được hoàn thành khi nó được coi là ngôi nhà vĩnh cửu của những người được cứu chuộc. "Người công chính sẽ thừa hưởng Trái đất và ở đó mãi mãi." (Thi thiên 37:29).

Nỗi sợ làm cho tài sản thừa kế trong tương lai trở nên quá vật chất đã khiến nhiều người tin vào chính những sự thật khiến chúng ta coi đó là quê hương của mình. Đấng Christ bảo đảm với các môn đồ rằng Ngài đã đi chuẩn bị chỗ ở cho họ trong nhà Cha Ngài. Những người chấp nhận sự dạy dỗ của Lời Đức Chúa Trời sẽ không hoàn toàn không biết gì về nơi ở trên trời. Chưa hết, "điều mắt chưa thấy, tai chưa nghe, lòng người chưa hề nghĩ tới, đó là điều Thiên Chúa đã dọn sẵn cho những ai yêu mến Người" (I Cor. 2:9). Ngôn ngữ loài người không đủ để diễn tả phần thưởng của người công chính. Nó sẽ chỉ được biết đến bởi những người chiêm ngưỡng nó. Không trí óc hữu hạn nào có thể hiểu được vinh quang của Thiên đường của Chúa.

Trong Kinh Thánh, cơ nghiệp của người được cứu được gọi là đất nước (Hê-bơ-rơ 11:14-16). Ở đó, Người chăn trên trời dẫn đàn chiên của Ngài đến những suối nước sống. Cây sự sống mỗi tháng ra quả, và lá của cây dùng để chữa lành cho các dân tộc. Có những dòng suối không ngừng chảy, trong như pha lê, bên cạnh là những hàng cây đung đưa

bóng của nó che phủ những con đường đã dọn sẵn cho sự chuộc tội của Chúa. Ở đó, những đồng bằng rộng lớn vươn lên thành những ngọn đồi xinh đẹp, và những ngọn núi của Chúa nâng cao những đỉnh cao hùng vĩ của chúng. Tại những vùng đồng bằng yên bình này, bên cạnh những dòng suối sống động đó, dân Chúa, những người hành hương và lữ hành bấy lâu nay, sẽ tìm được một mái ấm.

"Dân Ta sẽ ở trong nơi bình an, trong nơi ở an toàn và nơi yên nghỉ yên tĩnh." "Sẽ không còn nghe nói đến bạo lực trong xứ người, về sự hoang tàn hay tàn phá trong biên giới người nữa; nhưng người sẽ gọi tường thành mình là sự cứu rỗi, và cổng thành người sẽ ca ngợi." "Họ sẽ xây nhà và ở, trồng vườn nho và ăn trái. Họ sẽ không xây cho người khác ở, cũng không trồng cho người khác ăn; (...) Những người được chọn của Ta sẽ được hưởng công việc của tay họ." (Ê-sai 32:18; 60:18; 65:21 và 22).

Ở đó, "sa mạc và những nơi khô cằn sẽ vui mừng về điều này; đồng vắng sẽ vui mừng và nở hoa như một bông hồng". "Thay vì gai, cây sồi sẽ mọc lên, và cây sim sẽ mọc thay cho bụi cây." (Ê-sai 35:1; 55:13). "Sói sẽ ở với chiên con, báo nằm với dê con... và một cậu bé sẽ dẫn dắt chúng." Chúa phán: "Sẽ không có sự tổn hại hay thiệt hại nào xảy ra trên khắp ngọn núi thánh của Ta" (Ê-sai 11:6 và 9).

Nỗi đau không thể tồn tại trong bầu không khí thiên đường. Sẽ không còn những giọt nước mắt, những tang lễ, những biểu hiện đau buồn. "Sẽ không còn sự chết, than khóc, kêu la... vì những điều trước đây đã qua rồi." (Khải Huyền 21:4). "Không dân cư nào sẽ nói rằng: Tôi đau; vì dân ở đó sẽ bị tội ác mình nuốt mất." (Ê-sai 33:24).

Có Giê-ru-sa-lem Mới, thủ đô của Trái đất mới vinh quang, giống như "vương miện vinh quang trong tay Chúa, và vương miện hoàng gia trong tay Đức Chúa Trời người" (Ê-sai 62:3). "Ánh sáng của Ngài giống như một viên đá quý nhất, như một viên đá thạch anh, như một viên pha lê sáng ngời." "Các dân tộc sẽ bước đi trong ánh sáng thành đó, và các vua trên đất sẽ đem vinh quang và danh dự của mình vào đó". (Kh 21:11 và 24). Chúa phán: "Ta sẽ vui mừng tại Giê-ru-sa-lem, Ta sẽ vui mừng nơi dân Ta". (Ê-sai 65:19). "Này, đền tạm của Đức Chúa Trời ở giữa loài người, vì Ngài sẽ ở với họ, và họ sẽ là dân Ngài, và chính Đức Chúa Trời sẽ ở với họ và sẽ là Đức Chúa Trời của họ". (Khải Huyền 21:3).

Trong thành phố của Chúa "sẽ không có đêm." Không ai cần hoặc muốn nghỉ ngơi. Sẽ không có mệt mỏi trong việc làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời và ca ngợi danh Ngài. Chúng ta sẽ luôn cảm nhận được sự trong lành của buổi sáng và chúng ta sẽ luôn còn lâu mới đến hồi kết. "Họ sẽ không cần đèn hay ánh sáng mặt trời vì Chúa là Đức Chúa Trời sẽ soi sáng cho họ." (Khải Huyền 22:5). Ánh sáng của Mặt trời sẽ bị vượt qua bởi độ sáng không chói đến mức khó chịu nhưng vẫn vượt xa độ sáng của giữa trưa. Vinh quang của Thiên Chúa và Chiên Con tràn ngập thành thánh với ánh sáng bất diệt. Những người được cứu chuộc bước đi trong vinh quang của một ngày vĩnh cửu, không cần ánh sáng Mặt trời.

"Tôi không thấy ngôi đền nào ở đó cả, vì đền thờ là Chúa là Thiên Chúa toàn năng và Chiên Con." (Khải Huyền 21:22). Dân Thiên Chúa có đặc ân duy trì sự hiệp thông cởi mở với Chúa Cha và Chúa Con. "Bây giờ chúng ta nhìn xuyên qua một tấm gương một cách bí ẩn." (I Cô-rinh-tô 13:12).

Hôm nay chúng ta chiêm ngưỡng hình ảnh Thiên Chúa được phản chiếu như trong một tấm gương, trong các công trình của Thiên nhiên và trong cách Ngài đối xử với con người; nhưng sau đó chúng ta sẽ nhìn thấy Ngài mặt đối mặt, không có bức màn đen tối ở giữa. Chúng ta sẽ ở trước sự hiện diện của Ngài, và chúng ta sẽ nhìn thấy sự vinh hiển của mặt Ngài.

Ở đó những người được chuộc sẽ biết như họ được biết đến. Tình yêu và sự cảm thông mà chính Thiên Chúa đã gieo vào tâm hồn sẽ tìm thấy ở đó tình yêu và sự cảm thông chân thật nhất và nhẹ nhàng nhất. Sự hiệp thông trong sáng với các đấng thánh, đời sống xã hội hài hòa với các thiên thần và với các tín hữu thuộc mọi thời đại, những người đã giặt và tẩy trắng áo họ trong máu Con Chiên, những mối dây thiêng liêng hiệp nhất "toàn thể

gia đình trên trời và dưới đất" (Eph. 3:15) - tất cả những điều này giúp tạo nên hạnh phúc của những người được cứu chuộc.

Ở đó, những tâm trí bất tử sẽ chiêm ngưỡng, với niềm vui sướng không biết mệt mỏi, những điều kỳ diệu của sức mạnh sáng tạo và những bí ẩn của tình yêu cứu chuộc. Sẽ không có kẻ thù độc ác, lửa dối nào cám dỗ chúng ta quên Thiên Chúa. Mọi khoa sẽ phát triển, mọi năng lực sẽ được nâng cao. Việc tiếp thu kiến thức sẽ không làm mệt mỏi tinh thần hay cạn kiệt năng lượng. Ở đó những công việc vĩ đại nhất có thể được thực hiện, những khát vọng cao nhất có thể được thực hiện và những tham vọng cao cả nhất có thể được hoàn thành; và vẫn sẽ xuất hiện những đỉnh cao mới cần vượt tới, những kỳ quan mới để ngưỡng mộ, những chân lý mới cần hiểu, những mục tiêu mới để kích thích sức mạnh của trí óc, tâm hồn và thể xác.

Tất cả kho báu của Vũ trụ sẽ được mở ra cho những người được Chúa cứu chuộc nghiên cứu. Được giải thoát khỏi cái chết, họ sẽ bay không mệt mỏi đến những thế giới xa xôi - những thế giới rung chuyển vì buồn bã trước cảnh tượng khốn cùng của con người, và tràn ngập những bài hát vui mừng khi nghe tin về một linh hồn được giải cứu. Với niềm vui sướng khôn tả, những đứa trẻ trên Trái đất được sở hữu niềm vui và trí tuệ của những sinh vật bất tử. Tham gia vào kho tàng kiến thức và kiến thức thu được qua nhiều thế kỷ và hàng thế kỷ chiêm niệm các công trình của Thiên Chúa. Với tầm nhìn không bị mờ, họ nhìn vào vinh quang của sự sáng tạo - mặt trời, các vì sao và các hệ thống, tất cả theo thứ tự đã được ấn định, xoay quanh ngai của Đức Chúa Trời. Trong mọi sự vật, từ nhỏ nhất đến lớn lao nhất, danh của Đấng Tạo Hóa đều được viết ra, và trong mọi sự sự phong phú về quyền năng của Ngài đều được biểu lộ.

Và khi những năm vĩnh cửu trôi qua, chúng sẽ mang đến những điều mặc khải ngày càng phong phú và vinh quang về Thượng Đế và Đấng Ky Tô. Khi kiến thức ngày càng tiến bộ thì tình yêu thương, sự tôn kính và hạnh phúc cũng sẽ tăng lên. Con người càng biết nhiều về Đức Chúa Trời thì họ càng ngưỡng mộ đặc tính của Ngài hơn. Khi Chúa Giêsu mở ra cho họ sự phong phú của ơn cứu chuộc và những thành tựu kỳ diệu của cuộc xung đột lớn lao với Satan, tâm hồn của những người được cứu chuộc sẽ run rẩy với lòng sùng mộ nhiệt thành hơn, và với niềm vui sướng cuồng nhiệt hơn, họ sẽ gảy những cây đàn hạc vàng; và hàng ngàn hàng ngàn, hàng triệu hàng triệu tiếng nói hợp lại để tạo nên dàn hợp xướng hùng mạnh ca ngợi.

"Hãy nghe mọi vật dựng nên trên trời, dưới đất, bên dưới đất, dưới biển, cùng mọi vật ở trong đó, hãy nói với Đấng ngồi trên ngai và Chiên Con! hãy tạ ơn, tôn quý, vinh hiển và quyền phép cho đến đời đời." (Khải huyền 5:13).

Cuộc xung đột lớn đã kết thúc. Tội lỗi và tội nhân không còn tồn tại nữa. Toàn bộ vũ trụ được thanh lọc. Một nhịp đập hài hòa và hạnh phúc xuyên suốt sự sáng tạo rộng lớn. Từ Đấng tạo dựng nên vạn vật, sự sống, ánh sáng và niềm vui tuôn chảy qua mọi cõi không gian vô tận. Từ nguyên tử nhỏ nhất đến thế giới vĩ đại nhất, mọi vật, hữu hình và vô tri, trong vẻ đẹp đáng kinh ngạc và niềm vui trọn vẹn, đều tuyên bố rằng Thiên Chúa là tình yêu.

ruột thừa

Ghi chú chung

LƯU Ý 1 – tr. 53 - Nội dung luật Chủ nhật của Constantine, được ban hành năm 321 sau Công nguyên, như sau:

“Cầu mong tất cả các thẩm phán và cư dân của thành phố cũng như các cá nhân thuộc mọi ngành nghề thương mại được nghỉ ngơi trong ngày đáng kính của Mặt trời; nhưng những người sống ở nông thôn có toàn quyền tự do giải quyết các công việc nông nghiệp, bởi vì thường không có ngày nào thích hợp hơn để gieo ngô và trồng vườn nho; kéo thời cơ trôi qua và con người đánh mất những món quà mà Thiên đường ban tặng.”

Về luật này, đầy thẩm quyền, Bách khoa toàn thư Britannica nói đơn giản: “Chính Constantine Đại đế là người đầu tiên ban hành luật liên quan đến việc tuân thủ đúng đắn ngày Chủ Nhật, và là người đồng ý với Eusebius, quyết định rằng luật này phải được cử hành thường xuyên thông qua vương triều Roma. Trước ông và ngay cả trong thời đại của ông, họ đã giữ ngày Sabát của người Do Thái và cả Chúa nhật nữa”. Liên quan đến mức độ tôn kính của ngày Chúa Nhật, và cách thức tuân giữ nó, Mosheim nói rằng do luật do Constantine ban hành, ngày đầu tuần được “tuân giữ một cách trang trọng hơn trước.”¹ Tuy nhiên, Constantine cho phép tất cả các loại công việc nông nghiệp vào ngày chủ nhật. Giám mục Taylor tuyên bố rằng “các Kitô hữu nguyên thủy thực hiện mọi loại công việc vào ngày của Chúa.”² Tuyên bố tương tự cũng được Moxer đưa ra: “Ngày [Chủ nhật] không được tuân thủ đầy đủ liên quan đến việc kiêng công việc kinh doanh chung; họ [những người theo đạo Cơ đốc] cũng không nhận thấy họ được nghỉ ngơi nhiều hơn trong các công việc chung (đó là điều cần thiết vào thời đó) so với thời gian thờ phượng thần thánh.”³ Cox nói: Không có bằng chứng nào cho thấy, vào thời [Constantine] của ông, hoặc sau này, việc cử hành này được coi là một tổ chức có bản chất tương ứng với lễ Giáng sinh, Thứ Sáu Tuần Thánh hoặc các lễ hội khác của nhà thờ.”⁴

LƯU Ý 2 – tr. 54. Trong chương thứ mười hai của Sách Khải Huyền, chúng ta có biểu tượng con rồng lớn sắc đỏ. Trong câu thứ chín của chương này, biểu tượng này được giải thích như sau: “Và con rồng lớn đã bị xua đuổi, con rắn cổ xưa đó, được gọi là ma quỷ và Satan, kẻ quyến rũ cả thế giới, vâng, nó đã bị ném xuống trái đất và cùng với anh ấy là các thiên thần của anh ấy. Không còn nghi ngờ gì nữa, con rồng chủ yếu đại diện cho Satan. Nhưng kẻ thù không đội trời chung không xuất hiện trên Trái đất; nó hoạt động thông qua các đại lý. Chính nơi con người của những kẻ ác đã tìm cách tiêu diệt Chúa Giêsu ngay khi Ngài sinh ra. Bất cứ khi nào Sa-tan thành công trong việc kiểm soát một chính phủ hoàn toàn đến mức hắn có thể thực hiện những mưu đồ của hắn thì quốc gia đó trong một thời gian sẽ trở thành đại diện của hắn. Đây là trường hợp của tất cả các quốc gia ngoại giáo lớn. Ví dụ, xem Ê-xê-chi-ên 28, trong đó Sa-tan được đại diện bởi vua Ty-rơ. Điều này xảy ra bởi vì anh ta đã kiểm soát hoàn toàn chính phủ này. Trong những thế kỷ đầu tiên của kỷ nguyên Cơ đốc giáo, La Mã, trong số tất cả các quốc gia ngoại giáo, là đại diện chính của Satan trong việc chống lại phúc âm, và do đó nó có biểu tượng là con rồng.

Nhưng đã đến lúc chủ nghĩa ngoại giáo ở Đế quốc La Mã phải khuất phục trước Cơ đốc giáo chính thức. Vì vậy, như đã nói trên p. 54, “chủ nghĩa ngoại giáo đã nhường chỗ cho giáo hoàng. Con rồng đã ban cho con thú “quyền năng, ngai và uy quyền lớn”. Nghĩa là, sau đó Satan bắt đầu hoạt động thông qua chế độ giáo hoàng, giống như lúc đầu hắn đã làm thông qua tà giáo. Nhưng ngôi giáo hoàng không được tượng trưng bởi con rồng, bởi vì nó là

Cần phải đưa vào một biểu tượng khác để cho thấy sự thay đổi về hình thức chống đối Thiên Chúa. Trước khi xuất hiện chức giáo hoàng, mọi sự chống đối Luật pháp của Đức Chúa Trời đều tập trung dưới hình thức ngoại giáo—Đức Chúa Trời đã bị thách thức một cách công khai; nhưng sau thời gian đó, sự chống đối vẫn tiếp tục dưới chiêu bài liên minh với Ngài. Tuy nhiên, chế độ giáo hoàng cũng không kém gì một công cụ của Satan cũng như La Mã ngoại giáo, vì tất cả quyền lực, ngai vàng và thẩm quyền lớn lao của giáo hoàng đều được trao cho nó .. bởi con rỗng. Và vì vậy, mặc dù giáo hoàng tuyên bố là người đại diện của Chúa Kitô, nhưng trên thực tế, ông ấy là người đại diện của Satan - kẻ phản Chúa.

Con thú tượng trưng cho ngôi vị giáo hoàng được trình bày trong Khải Huyền 13; Theo cùng một dòng tiên tri, người ta thấy “một con thú khác” đang “sống dậy” (Kh 13:11-14), thực thi “tất cả quyền lực của con thú đầu tiên trước mặt nó”, tức là trước mặt nó. Vì vậy, con thú khác này cũng phải là một thế lực bất bớ; và điều này được thể hiện qua việc cô ấy nói “như một con rỗng”. Giáo hoàng nhận toàn bộ quyền lực từ Satan, và con thú hai sừng cũng thực thi quyền lực tương tự; cô ấy cũng trở thành đặc vụ trực tiếp của Satan. Và tính chất satan của hắn còn được thể hiện rõ hơn qua hành động ép tôn thờ hình ảnh con thú bằng những phép lạ giả. “Ngài cũng làm những dấu lạ lớn lao, đến nỗi lửa từ trên trời cũng rơi xuống đất trước mặt loài người. Anh ta quyến rũ những người sống trên Trái đất vì những dấu hiệu mà anh ta được giao để thực hiện trước con thú.”

Sức mạnh bách hại đầu tiên được đại diện bởi chính con rỗng. Trong tà giáo có sự liên minh công khai với Satan và sự thách thức công khai. Trong quyền lực bất bớ thứ hai, con rỗng bị che đậy, nhưng linh của Sa-tan hoạt động trong đó - con rỗng cung cấp quyền lực. Trong sức mạnh truy đuổi thứ ba, mọi dấu vết của con rỗng đều biến mất và một con thú giống như con cừu xuất hiện. Nhưng khi cô ấy nói, giọng rỗng của cô ấy bộc lộ sức mạnh ma quỷ ẩn giấu bên dưới vẻ bề ngoài, và chứng tỏ mình cùng một gia đình với hai thế lực tiền nhiệm. Trong mọi sự chống đối Đấng Christ và tôn giáo thanh khiết của Ngài, “con rắn cổ xưa được gọi là ma quỷ và Sa-tan”—“chúa của thế gian này”—là quyền lực thúc đẩy. Các thế lực trần thế đang đàn áp chỉ đơn giản là những công cụ trong tay họ.

LƯU Ý 3 – tr. 328. Để đọc giả có thể thấy quan điểm hợp lý của William Miller về các thời kỳ tiên tri, chúng tôi xin chép lại đoạn trích sau, được xuất bản lần đầu trên tờ Advent Herald, Boston, vào tháng 3 năm 1850, để trả lời một phóng viên:

“Chính theo Canon của Ptolemy mà thời kỳ tiên tri vĩ đại kéo dài bảy mươi tuần đã được ấn định. Canon này đặt năm thứ bảy của Artaxerxes vào năm 457 trước Công nguyên; và tính chính xác của tài liệu này được thể hiện qua việc xảy ra hơn 20 lần nhật thực. Bảy mươi tuần tính từ ngày ban hành sắc lệnh liên quan đến việc khôi phục Giê-ru-sa-lem. Không có sắc lệnh nào từ năm thứ bảy đến năm thứ hai mươi của Artaxerxes. Bốn trăm chín mươi năm, bắt đầu từ năm thứ bảy, bắt đầu từ năm 457 trước Công nguyên và kết thúc vào năm 34 sau Công nguyên. Nếu bắt đầu vào năm thứ hai mươi thì chúng phải bắt đầu vào năm 444 trước Công nguyên và kết thúc vào năm 47 sau Công nguyên. Vì không có sự kiện quan trọng nào xảy ra vào năm 47 sau Công nguyên để đánh dấu sự đóng cửa của nó, chúng ta không thể tính từ năm thứ hai mươi. Vì vậy, chúng ta phải xem xét năm thứ bảy triều đại Artaxerxes. Chúng ta không thể thay đổi niên đại của năm 457 trước Công nguyên mà không chứng minh được tính không chính xác của Kinh điển của Ptolemy. Để làm được điều này, cần phải chứng minh rằng số lượng lớn các lần nhật thực mà độ chính xác của nó đã được chứng minh nhiều lần, đã không được tính toán chính xác; và một kết luận như vậy sẽ làm thay đổi toàn bộ niên đại theo trình tự thời gian và khiến việc thiết lập các kỷ nguyên cũng như việc điều chỉnh các thời đại hoàn toàn nằm trong tầm tay của mỗi người mơ mộng, do đó niên đại sẽ không có giá trị gì lớn hơn việc bói toán. Vì bảy mươi tuần lẽ phải kết thúc vào năm 34 SCN, trừ khi năm thứ bảy của triều đại Artaxerxes bị ấn định sai, và vì nó không thể được sửa đổi nếu không có một số bằng chứng cho thấy điều đó, nên chúng tôi hỏi, điều gì sẽ xảy ra?

bằng chứng đánh dấu sự kết thúc của thời kỳ này? Thời điểm các sứ đồ quay sang dân ngoại phù hợp với thời điểm này hơn bất kỳ thời điểm nào khác đã được đề cập. Và vụ đóng đinh, vào năm 31 sau Công Nguyên, vào giữa tuần trước, được hỗ trợ bởi rất nhiều lời chứng không thể dễ dàng vô hiệu".

Vì bảy mươi tuần và 2.300 ngày có cùng điểm khởi đầu, phép tính của Miller ngay lập tức được xác nhận bằng cách lấy 2.300 năm trừ đi 457 năm trước Chúa Kitô. Như thế này:

2.300

- 457

1843 sau Công Nguyên

Do đó, năm 1843 được coi là kéo dài đến mùa xuân năm 1844. Tóm lại, lý do cho điều này là: vào thời cổ đại, năm không bắt đầu vào giữa mùa đông như ngày nay, mà vào lúc trăng non đầu tiên sau xuân phân. Do đó, vì khoảng thời gian 2.300 ngày bắt đầu trong một năm được tính theo phương pháp cũ nên cần phải áp dụng phương pháp tương tự vào cuối năm. Do đó, năm 1843 được coi là kết thúc vào mùa xuân chứ không phải mùa đông.

Nhưng 2.300 ngày không thể được tính từ đầu năm 457 trước Công nguyên, vì sắc lệnh của Artaxerxes—là điểm khởi đầu—chỉ có hiệu lực cho đến mùa thu năm đó. Vì vậy, 2.300 ngày, bắt đầu từ mùa thu năm 457 trước Công nguyên, phải kéo dài đến mùa thu năm 1844 sau Công nguyên.

Sự thật này ban đầu không được Miller và cộng sự của ông nhận ra. Họ mong đợi sự xuất hiện của Chúa Kitô vào năm 1843 hoặc vào mùa xuân năm 1844; do đó có sự thất vọng đầu tiên và sự chậm trễ rõ ràng. Chính việc phát hiện ra thời điểm chính xác, liên quan đến những lời chứng khác trong Kinh thánh, đã dẫn đến một phong trào được gọi là "tiếng kêu lúc nửa đêm" vào năm 1844. Và, cho đến ngày nay, sự tính toán mang tính tiên tri đã đặt dấu chấm hết cho 2.300 ngày vào mùa thu năm 1844. . vẫn không bị thách thức.

LƯU Ý 4 - tr. 373 - Câu chuyện về những người Cơ Đốc Phục Lâm may áo dài để họ bay lên "để gặp Chúa trên không trung" được bịa ra bởi những người muốn chứng minh chính nghĩa của họ. Nó đã được công bố một cách khéo léo đến mức nhiều người đã tin vào điều đó. Nhưng cuộc điều tra cẩn thận đã chứng minh sự giả dối của nó. Trong nhiều năm, một phần thưởng lớn đã được đưa ra để chứng minh rằng điều này đã diễn ra.

Tuy nhiên, không thành công. Không ai yêu mến sự xuất hiện của Chúa mà lại không hiểu những lời dạy của Kinh thánh đến mức cho rằng cần phải may quần áo cho dịp đó. Trang phục duy nhất mà các thánh đồ cần có để gặp Chúa sẽ là trang phục công chính của Đấng Christ. Xem Apoc. 19:8.

LƯU Ý 5 - tr. 374 - Tiến sĩ Geo. Bush, giáo sư tiếng Do Thái và văn học phương Đông tại Đại học Thành phố New York, trong một bức thư gửi cho William Miller, đăng trên tờ Advent Herald vào tháng 3 năm 1844, đã đưa ra một số thừa nhận quan trọng liên quan đến tính toán của ông về thời kỳ tiên tri. Tiến sĩ nói.
Bush:

"Theo tôi hiểu, bạn cũng không nên phản đối điều đó đối với bạn hoặc bạn bè của bạn, những người đã dành nhiều thời gian và sự chú ý cho việc nghiên cứu niên đại của các nhà tiên tri, cũng như làm việc chăm chỉ để xác định ngày bắt đầu và kết thúc của những thời kỳ vĩ đại này. Nếu những điều này thực sự được Chúa Thánh Thần ban cho trong các sách tiên tri thì chắc chắn rằng chúng được ban cho với mục đích là chúng cần được nghiên cứu và có lẽ trong

cuối cùng đã hiểu đầy đủ. Và không một người nào cố gắng làm sáng tỏ chúng một cách tôn kính lại bị buộc tội là đã suy đoán ngu ngốc... Khi coi một ngày là thuật ngữ tiên tri trong một năm, tôi tin rằng bạn được hỗ trợ bởi nhà chú giải lành mạnh nhất, cũng như những cái tên nổi bật của Mede, Ngài Isaac Newton, Bishop Newton, Kirby, Scott, Keith và nhiều người khác, những người từ lâu đã đi đến kết luận giống như bạn về vấn đề này. Tất cả họ đều đồng ý rằng các thời kỳ chính mà Daniel và John đề cập thực sự đã hết vào khoảng thời gian này trên thế giới, và sẽ là một logic kỳ lạ nếu thuyết phục bạn về tà giáo bằng cách giữ cùng quan điểm được nêu rõ trong nhận xét của các nhà thần học lỗi lạc này". "Kết quả của bạn trong lĩnh vực điều tra này không gây ấn tượng nhiều với tôi đến mức ảnh hưởng đến bất kỳ lợi ích to lớn nào của sự thật và nghĩa vụ." "Lỗi của bạn, theo tôi hiểu, nằm ở một hướng khác chứ không phải ở trình tự thời gian của bạn." "Bạn hoàn toàn sai lầm về bản chất của những sự kiện sẽ xảy ra khi những giai đoạn này kết thúc. Đây là lý do chính và trực tiếp khiến những lời giải thích của ông bị coi là xúc phạm... Sự kiện vĩ đại trước thế giới không phải là một đám cháy vật chất, mà là sự tái tạo về mặt đạo đức của nó. Mặc dù ý nghĩa mà Đấng Christ đã nói có liên quan đến sự đi qua của đế quốc thứ tư, quyền lực của Ottoman và sự thành lập vương quốc của Ngài có thể không thể nghi ngờ được, tuy nhiên điều được xác minh là một sự đến thuộc linh trong quyền năng của phúc âm Ngài, trong sự tuôn đổ rộng rãi của Thánh Linh của Ngài và trong sự quản trị vinh quang của sự quan phòng của Ngài." Hiển nhiên, Tiến sĩ Bush nghĩ rằng sự hoán cải của thế giới là sự kiện đánh dấu sự kết thúc của 2.300 ngày. Cả Miller và Bush đều đúng về vấn đề thời gian, nhưng lại nhầm lẫn về sự kiện xảy ra vào cuối thời kỳ vĩ đại.

Những học thuyết do Miller giảng dạy không bắt nguồn từ ông. Mọi điểm nâng cao trong những lời giải thích mang tính tiên tri của ông, nếu được xem xét riêng biệt, đều được một số đối thủ của ông thừa nhận. Do đó, không có ai lên án tất cả các quan điểm của ông, và những người cố gắng bác bỏ ông nhận thấy rằng giữa họ có sự đa dạng lớn như giữa Miller và những người bác bỏ này. Họ không chỉ phải bác bỏ lý thuyết của Miller mà còn buộc phải sửa lý thuyết của nhau. Trong trường hợp đó, lập luận của ông chắc chắn có thể có ít sức nặng đối với những người đã chấp nhận quan điểm của Miller.

Để chống lại Miller, những người được coi là lãnh đạo của tư tưởng tôn giáo đã sẵn sàng từ bỏ các nguyên tắc giải thích Tin Lành lâu đời. Từ Boston Recorder (Giáo đoàn Chính thống) cho biết: "Phải thừa nhận rằng niềm tin của chúng tôi vào những cách giải thích mà phần lớn anh em chúng tôi tin tưởng trước đây, đã bị lung lay rất nhiều, điều này tạo thành nền tảng cho những lý thuyết vô căn cứ của Miller."

Với quyết tâm bác bỏ quan điểm của Miller, một số người đã sẵn sàng tham gia cùng những người theo chủ nghĩa Phổ quát trong việc áp dụng các phương pháp không xác định và tâm linh hóa chúng, thay vì sử dụng các nguyên tắc giải thích theo nghĩa đen vốn là một đặc điểm thiết yếu của đức tin Tin lành. Về những lập luận do Giáo sư Stuart và Bush trình bày, Nhà truyền giáo New York đã bày tỏ như sau: "Khuyh hướng của những quan điểm này là hủy bỏ bằng chứng kinh thánh về bất kỳ học thuyết nào về ngày tận thế thực sự, về ngày phán xét cuối cùng, hoặc về ngày phán xét chung. sự phục sinh của cơ thể. Chúng tôi khẳng định rằng phong cách giải thích có xu hướng thiên về chủ nghĩa phổ quát. Và chúng tôi sẵn sàng chứng minh xu hướng này." Đây cũng là điều mà nhà phổ quát Hartford đã nói về GS. Stuart: "Ông ấy có quyền phủ quyết không khoan nhượng đối với những cách giải thích phổ biến về Đa-ni-ên và Khải Huyền, đồng thời tham gia cùng những người theo chủ nghĩa phổ quát để khẳng định rằng hầu hết nội dung của chúng đều có sự tham chiếu đặc biệt cũng như sự ứng nghiệm của nó trong các cảnh và sự kiện diễn ra vài năm sau đó."

sách đã được viết. Vì vậy, các mục sư bình dân đã chuẩn bị tâm trí cho hàng ngàn người để họ nhẹ nhàng quan sát lời chứng của Kinh thánh.

LƯU Ý 6 - tr. 411 - Ý nghĩ rằng Trái đất là nơi tôn nghiêm được suy ra từ các văn bản dạy rằng nó sẽ được thanh lọc và chuẩn bị trở thành nơi ở vĩnh cửu của các vị thánh, phù hợp với thiết kế ban đầu của Đấng Tạo Hóa. Những người Cơ Đốc Phục Lâm hiểu vấn đề này một cách chính xác như lời dạy của Wesley và những người khác. Tâm trí của anh ta không thể nghĩ đến bất kỳ nơi ở nào khác hoặc những thứ khác cần được thanh lọc. Những văn bản duy nhất mà chúng tôi biết trình bày ủng hộ Trái đất hoặc nơi cư trú của con người như một nơi tôn nghiêm rõ ràng không đồng tình với quan điểm này. Chúng được giới hạn ở ba, như chúng ta sẽ thấy: "Chúa sẽ đưa nó vào và trồng nó trên núi thừa kế của Ngài, tại nơi mà Ngài đã chuẩn bị, lạy Chúa, làm nơi ngự của Ngài, trong thánh điện, lạy Chúa. Lạy Chúa, nơi tay Chúa đã thiết lập." (Ví dụ 15:17). Không chiếm thời gian hoặc không gian để đưa ra lời giải thích về văn bản, mục đích hiện tại là đủ để chỉ ra rằng văn bản này không chấp nhận ý tưởng coi Trái đất như một nơi tôn nghiêm. Dù người ta muốn gán cho nó ý nghĩa gì, lời dạy là khi đó con người không ở trong thánh địa mà ở trên Trái đất. Sau đó, người ta cho rằng câu thơ đề cập đến phần đất mà họ sắp được giới thiệu, cụ thể là Palestine. Lập trường này không được ủng hộ bởi quan điểm thứ hai chữ.

"Joshua đã viết những lời này trong Sách Luật của Chúa; Ông lấy một tảng đá lớn và đặt nó dưới gốc cây sồi, trong nơi thánh [một số bản dịch dịch là 'nơi thánh'] của Chúa." (Giô-suê 24:26). Tảng đá và cây sồi được đặt ở Palestine, gần chứ không phải trong thánh địa của Chúa. Và văn bản còn lại thậm chí còn hạn chế hơn và có tính kết luận ngang bằng đối với suy luận được sử dụng ở đây.

"Ngài dẫn họ [dân Ngài] đến thánh địa của Ngài, tới ngọn núi mà tay phải Ngài đã chiếm được." (Thi thiên 78,54). Ngọn núi này là Moriah, trên đó ngôi đền của Solomon được xây dựng. Tuy nhiên, được đưa đến với Ngài được coi là "được đưa đến ngưỡng cửa đền thánh của Ngài". Như vậy, những văn bản này không chứng minh Trái đất là nơi tôn nghiêm mà ngược lại.

Lời cầu nguyện của Giô-sa-phát đưa ra một ý tưởng thực tế về mối quan hệ giữa Đất đai và thánh địa: "Hỡi Đức Chúa Trời của chúng ta, há chẳng phải Ngài đã đuổi dân cư của vùng đất này khỏi trước dân Y-sơ-ra-ên của Ngài, và há chẳng phải Ngài ban nó mãi mãi cho hậu thế sao? của Áp-ra-ham, bạn của bạn? Họ đã ở tại đó và xây một nơi thánh cho danh Ngài." (II Sử ký 20:7 và 8). Điều này tương ứng với thứ tự được đưa ra trong Exodus. 25:8: "Họ sẽ biến Ta thành nơi thánh để Ta ngự giữa họ." Cũng trong cuốn sách đó, có mô tả chi tiết về nơi thánh, việc xây dựng và phê duyệt của Chúa. Quá trình thanh tẩy thánh địa được mô tả trong Lê-vi ký 16. Sau khi dân Y-sơ-ra-ên chiếm hữu Ca-na-an, Sa-lô-môn đã xây dựng một ngôi đền trong đó có nơi thánh và nơi rất thánh; và các kim khí của thánh đường du hành, được xây dựng ở vùng hoang dã Sinai, đã được chuyển đến đền thờ. Sau đó, nơi này trở thành thánh đường - nơi ngự trị vinh quang của Chúa trên Trái đất.

Một số người hiểu thánh đường trần gian là biểu tượng của nhà thờ, lập luận từ các văn bản rằng nhà thờ được gọi là đền thờ của Chúa. Nhưng không có gì lạ trong Kinh thánh khi trong một số mối liên hệ, cùng một hình ảnh được dùng để tượng trưng cho những đồ vật khác nhau. Kinh Thánh dạy rõ ràng rằng những nơi thánh của nơi thánh dưới đất là "những vật ở trên trời" (Ê-bơ-rơ 9:23). Cụm từ "đền thờ của Đức Chúa Trời" đôi khi được dùng để chỉ nơi thánh trên trời, và đôi khi là nhà thờ. Ý nghĩa của nó, trong mỗi trường hợp, phải được xác định theo ngữ cảnh.

LƯU Ý 7 - tr. 429 - Trong một thời gian ngắn sau sự thất vọng năm 1844, hầu hết tất cả những người Cơ Đốc Phục Lâm, kể cả Miller, đều tin rằng thế giới đã nhận được thông điệp cảnh báo cuối cùng. Họ khó có thể nghĩ khác về đức tin của họ nơi sứ điệp họ đã đưa ra—"Giờ phán xét của Ngài sắp đến."
(Kh 14:6 và 7). Đương nhiên, họ cho rằng lời tuyên bố này sẽ chấm dứt thời kỳ.

Nhưng ý tưởng cho rằng công tác phúc âm đã hoàn tất đã sớm bị bác bỏ, ngoại trừ một số người cuồng tín không muốn được tư vấn hoặc nhận bất kỳ chỉ dẫn nào. Một tầng lớp đã từ bỏ quan điểm rằng "cánh cửa quản chế đã đóng" đã dẫn đến quyết định này vì họ phát hiện ra rằng những thông điệp khác sẽ được công bố sau lời tuyên bố "Giờ phán xét của Ngài đang đến" và rằng thông điệp của vị thiên sứ thứ ba, vị thiên sứ cuối cùng, sẽ đi đến "mọi nước, mọi chi phái, mọi ngôn ngữ và mọi dân tộc". Họ biết được rằng sự phán xét diễn ra trên Thiên đàng, trước khi Chúa đến; rằng sự phán xét dành cho những người công chính được hoàn thành trọn vẹn trong khi Chúa Giê-su vẫn đứng làm Đấng Biện hộ cho họ trước ngai của Chúa Cha; rằng sự sống vĩnh cửu được ban ngay cho các thánh đồ khi Đấng Cứu Rỗi của họ đến, điều này chứng tỏ rằng họ đã được xét xử và được trắng án.

Dưới ánh sáng của thông điệp thứ ba, họ cũng nhận được sự soi sáng về thánh điện và sự thanh tẩy của nó, nhờ đó họ biết được rằng công việc tượng trưng của ngày chuộc tội, được hoàn thành ở nơi thánh nhất, chỉ ra thông điệp mà họ đã đưa ra. Họ thấy có hai bức màn hoặc cửa trong đền thờ của Đức Chúa Trời (Hê. 9:3), và lúc đó một bức đóng và bức kia mở ra. Với lòng nhiệt thành thành thành và niềm hy vọng mới, họ đã rao giảng những lẽ thật này và thúc giục đồng loại của họ bằng đức tin tìm kiếm lối vào nơi thánh thiện nhất, bên trong bức màn thứ hai, nơi Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm vĩ đại của chúng ta bước vào để xóa bỏ tội lỗi của tất cả những người trung thành của Ngài, khỏi Abel cho đến ngày nay.

LƯU Ý 8 - tr. 435 - Khải huyền 14:6 và 7 tiên đoán về lời công bố thông điệp của thiên thần đầu tiên. Sau đó, nhà tiên tri tiếp tục: "Một thiên thần khác theo sau, vị thứ hai, nói: Ba-by-lôn vĩ đại đã sụp đổ, đã sụp đổ... Và một thiên thần khác, vị thứ ba, đi theo họ." Từ ở đây được dịch là "đi theo" có nghĩa là, trong cách xây dựng giống như trong văn bản này, "đi cùng". Do đó, Liddell và Scott đã dịch thuật ngữ này: "Theo sau anh ấy, đi theo hoặc đi cùng anh ấy". Robinson nói: "Theo sau, đồng hành hoặc đi cùng". Đây chính là từ được sử dụng trong Mác 5:24: "Chúa Giêsu đi với ông. Một đoàn dân đông đi theo Ngài, chen chúc Ngài." Nó cũng được dùng để nói về 144.000 người được cứu chuộc, người ta nói về họ: "Dù Chiên Con đi đâu thì họ cũng là môn đồ của họ". Trong cả hai trường hợp, rõ ràng ý tưởng được nắm bắt là đi cùng nhau, đồng hành cùng. Vì vậy, trong I Cor.

(BỊ XÓA ĐẦU THÔNG MINH) 10:4, nơi chúng tôi đọc về con cái Y-sơ-ra-ên rằng họ "uống tử cùng một nguồn thiêng liêng; bởi vì họ đã uống từ một hòn đá thiêng liêng đi theo họ", từ "đi theo" được dịch từ cùng một từ tiếng Hy Lạp, và ghi chú bên lề là: "Tôi đã đi cùng họ". Như vậy chúng ta hiểu rằng ý tưởng của Apoc. 14:8 và 9 không chỉ đơn giản là thiên thần thứ hai và thứ ba đi theo thiên thần thứ nhất vào một thời điểm nhất định, mà họ còn đi cùng với ngài. Ba tin nhắn không gì khác hơn là một tin nhắn ba. Có ba trong số họ chỉ theo thứ tự xuất hiện của họ. Nhưng đã xảy ra, chúng vẫn ở bên nhau và không thể tách rời.

LƯU Ý 9 - tr. Năm 335 - Các giám mục Rôma bắt đầu, từ rất sớm, yêu cầu tất cả các giáo hội phải vâng phục. Sự tranh chấp giữa các giáo hội Đông và Tây về Lễ Phục sinh là một minh họa nổi bật cho điều này. Tranh chấp này diễn ra vào thế kỷ thứ 2. Mosheim nói: "Các Kitô hữu của thế kỷ này đã cử hành các lễ hội tưởng nhớ cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô... Ngày được coi là ngày giỗ của Ngài

của Chúa Kitô được gọi là Ngày Vượt Qua hay Lễ Phục Sinh." Giống như người Do Thái, tín đồ Đấng Christ cử hành "lễ hội thiêng liêng, trong đó họ chia sẻ thịt chiên vượt qua để tưởng nhớ bữa tiệc thánh". Những người theo đạo Cơ đốc ở Tiểu Á đã cử hành lễ này vào ngày 14 của tháng đầu tiên của người Do Thái, khi người Do Thái cử hành Lễ Vượt Qua của họ và khi Chúa Kitô được cho là đã ăn Chiên Con Vượt Qua với các môn đệ của Ngài. Ba ngày sau đó, một lễ hội được tổ chức để tôn vinh sự sống lại. Mặt khác, các nhà thờ phương Tây đã kỷ niệm sự phục sinh của Chúa Kitô vào Chủ nhật sau Lễ Phục sinh, cử hành lễ Vượt qua vào đêm trước Chủ nhật, do đó liên kết việc cử hành cái chết của Chúa Kitô với sự phục sinh của Ngài.

"Vào cuối thế kỷ đó [thế kỷ thứ hai], Victor, giám mục thành Rome, đã cố gắng ép buộc các Kitô hữu châu Á, thông qua thẩm quyền được cho là của luật pháp và sắc lệnh của mình, tuân theo quy tắc mà các Kitô hữu phương Tây đã tuân thủ về mặt này. Do đó... ngài đã viết một lá thư có thẩm quyền cho các giám mục châu Á, ra lệnh cho họ noi gương các Kitô hữu phương Tây về thời gian cử hành lễ Phục sinh. Người châu Á đáp lại yêu cầu ngạo mạn này... bằng sự sẵn lòng và quyết tâm, nói rằng họ sẽ không bao giờ từ bỏ phong tục do tổ tiên họ truyền lại. Sau đó, những tiếng sấm sét của sự tuyệt thông bắt đầu âm ỉ. Victor, tức giận trước phản ứng kiên quyết của các giám mục Châu Á, đã cắt đứt quan hệ với họ, cho rằng họ không xứng đáng với danh nghĩa anh em của mình, và loại họ ra khỏi mọi mối liên hệ với Giáo hội Rome."1 Điều này, Bower nói, là "điều đầu tiên diễn tập tiềm quyền giáo hoàng."

Tuy nhiên, trong một thời gian, những nỗ lực của Victor đều không có kết quả. Không có sự chú ý nào đến những bức thư của ông, và người châu Á tiếp tục làm theo tập tục cổ xưa của họ. Nhưng, nhận được sự ủng hộ của thế lực đế quốc mà nhà thờ đã kiểm soát trong nhiều thế kỷ để phục vụ mục đích của mình, cuối cùng La Mã đã giành chiến thắng. Công đồng Nicea, "do sự nhã nhặn của Constantine Đại đế, đã ra lệnh cử hành lễ trọng thể Lễ Phục Sinh trong cùng một ngày, ở mọi nơi và theo phong tục của Rôma."2 Sắc lệnh này, "được ủng hộ trên cơ sở quyền lực của một vị hoàng đế vĩ đại", mang tính chất quyết định. "Không ai, ngoại trừ một số người ly giáo rải rác thỉnh thoảng xuất hiện, dám phản đối nghị quyết của thượng hội đồng nổi tiếng này."3

LƯU Ý 10 – tr. 565 - Không có phong trào nào đáng chú ý hơn trong thời đại ngày nay, và không có phong trào nào gây ra nhiều hậu quả quan trọng đối với con người và các quốc gia hơn là ảnh hưởng nhanh chóng của giáo hoàng trong các vấn đề quốc gia. Giáo hoàng đang nhanh chóng vươn lên vị trí có ảnh hưởng nhất trong bất kỳ tổ chức nào trên trái đất. Ở châu Âu, chưa kể ở các quốc gia Công giáo vốn lệ thuộc vào giáo hoàng, Thủ tướng Bismarck đã khiến nước Đức hầu như phải tuân theo mệnh lệnh của giáo hoàng; Nước Anh mời Giáo hoàng can thiệp vào công việc chính trị vì cuộc cãi vã của cô với Ireland; và ngay cả Sa hoàng Nga cũng sẵn sàng đưa ra lời đề nghị với giáo hoàng. Nhân dịp Năm Thánh vàng về quyền tối thượng của Đức Lêo XIII, thực tế ai cũng biết rằng, ngoại trừ vương quốc Ý và các vương quốc thống nhất Thụy Điển và Na Uy, mọi quốc gia, dù theo đạo Tin lành hay Công giáo, đều bày tỏ lòng kính trọng đối với Rôma.

Nếu bất kỳ quốc gia nào có thể được mong đợi sẽ tránh xa ảnh hưởng của La Mã, thì Hợp chủng quốc Hoa Kỳ nên đứng trên hết, vì quốc gia này đã cam kết theo hiến pháp để miễn trừ mình khỏi "việc thành lập hoặc cấm việc tự do thực hiện một tôn giáo". Tuy nhiên, quốc gia này không hề đứng sau các quốc gia khác trong việc siêng năng trả tiền cho Rome. Khi các đại biểu của Giáo hoàng đến Mỹ, mang theo Đức Hồng Y Gibbons với phẩm giá La Mã của ông, một con tàu chính phủ đã khởi hành từ cảng New York để gặp họ, mang cờ Giáo hoàng thay vì cờ Mỹ ở nơi danh dự. Và tại lễ tấn phong của Đức Hồng Y

Vườn với màu tím của hoàng tử giáo hoàng, Tổng thống Cleveland đã gửi cho ông thư chúc mừng. Người Công giáo cải đạo cho biết một số lượng lớn các thượng nghị sĩ và đại diện chính trị đã gửi con cái của họ đến trường Cao đẳng Dòng Tên ở Georgetown - một trong những vùng ngoại ô của thủ đô quốc gia - chứ không phải các cơ sở giáo dục khác ở Washington, điều này chứng tỏ rằng số lượng lớn thượng nghị sĩ và đại diện chính trị này là người Công giáo, hoặc rằng Rome có nhiều ảnh hưởng đối với các thượng nghị sĩ và đại diện chính trị hơn tất cả các cơ sở giáo dục của Washington gộp lại. Trước thực tế này, không có gì ngạc nhiên khi Rome quyết định xây dựng trường đại học quốc gia ở thủ đô của đất nước.

LQC Lamar, Bộ trưởng Nội vụ trong chính quyền Cleveland, bị cáo buộc đã trao nhiều chức vụ trong bộ của mình cho người Công giáo hơn là thành viên của các giáo phái khác. Câu trả lời của ông là "nếu người Công giáo La Mã được biết đến là đồng đảng hơn thành viên của các giáo phái khác, thì đó là vì họ yêu cầu nhiều hơn những người khác." Và ông giải thích điều này bằng cách nói rằng Giáo hội Công giáo ở Washington có "một vị giám đốc năng nổ và không mệt mỏi, người tích cực tìm kiếm cơ hội cho công việc truyền giáo và tiếp cận giáo dục giữa những người Ấn Độ". Liên minh Cơ đốc giáo cho biết 4/5 số trường học bản địa do chính phủ sở hữu dưới sự kiểm soát tôn giáo đã được trao cho người Công giáo La Mã. Trợ lý cho Tổng luật sư của Bộ Nội vụ, thuộc Chính quyền Cleveland, ông Zach. Montgomery, là một người Công giáo La Mã với tất cả sự thù địch của Công giáo La Mã đối với các trường công lập, và không ngần ngại sử dụng vị trí và ảnh hưởng chính thức của mình để chứng minh điều này. Trong nhiệm kỳ của mình tại Viện Carroll, ông đã công khai tố cáo hệ thống trường công là dị giáo, phản đối cha mẹ và hủy hoại hạnh phúc. Và Thượng viện Hoa Kỳ hoàn toàn nhận ra sự thù địch của mình đối với các trường công khi việc bổ nhiệm ông làm Trợ lý Tổng Luật sư được xác nhận. Từ New Yorker Observer cho biết bệnh viện công duy nhất nhận được viện trợ của chính phủ là bệnh viện Công giáo La Mã.

Trong một lá thư gửi cho Ngài Warner Miller, một trong những đại biểu của New York tham dự Đại hội toàn quốc của Đảng Cộng hòa năm 1888, Ngài John Jay, đại sứ mới của Áo, nói rằng ngay cả người Công giáo La Mã hiện nay "đã thảo luận một cách lạnh lùng về việc sẵn sàng khiến Hoa Kỳ phải chấp nhận chính sách của mình". một dân tộc hoàn toàn phục tùng Vatican thông qua phiếu bầu của người Ireland. Đức Tổng Giám mục Lynch của Canada đã viết cho Lord Randolph Henry Spencer Churchill (The Churchman, New York, ngày 2 tháng 4 năm 1887): "Cuộc bỏ phiếu của người Ireland là một yếu tố quan trọng ở Mỹ". "Sức mạnh của các tổ chức của bạn đang tăng lên mỗi ngày." "Họ đã nắm giữ cán cân quyền lực trong các cuộc bầu cử tổng thống và các cuộc bầu cử khác." Sau đó, **(BỊ XÓA DẤU THÔNG MINH)** Ông Jay tuyên bố: "Thông báo về việc bổ nhiệm ông Chamberlain làm Ủy viên Thủy sản ngay sau đó là lời nhắc nhở rằng không có hiệp ước nào mà ông đưa ra sẽ phải được sửa đổi. Đề nghị rằng ông Phelps, đại sứ của chúng tôi tại Anh, có thể được bổ nhiệm làm bộ trưởng tư pháp, đã gây ra một thông báo ngay lập tức rằng việc đề cử có thể bị đánh bại... Gần đây người ta đã tuyên bố rằng tại Thượng viện Hoa Kỳ (16 tháng 2 năm 1888), tại một cuộc tranh luận về ngân sách dành cho "viện trợ quốc gia trong việc thiết lập hỗ trợ tạm thời cho các trường học phổ thông... rằng một thượng nghị sĩ đã cho diễn giả xem bức thư gốc của một linh mục Dòng Tên. Trong bức thư này, ông yêu cầu một thành viên Quốc hội phản đối ngân sách và vô hiệu hóa nó, nói rằng họ đã tổ chức mọi thứ, trên khắp đất nước, để phá hủy nó; rằng họ đã thành công trong Ủy ban Quốc hội và chắc chắn họ sẽ phá hủy ngân sách này. Và có một thực tế là ngân sách này, đã được Thượng viện thông qua ba lần, ở ba Quốc hội khác nhau, mỗi lần có nhiều phiếu ủng hộ hơn, đã bị bác bỏ nhiều lần trong cuộc họp.

Ủy ban Quốc hội bởi những người biết rằng có đa số trong Hạ viện ủng hộ ngân sách; và trong sáu năm, luật pháp của Quốc hội [do đó] đã bị cản trở."

Giáo hội Công giáo kiểm soát 0 ạt nền báo chí thế tục trong nước; và các tờ báo tôn giáo "Tin lành" lớn, chẳng hạn như New York Evangelist, Christian at Work, Christian Union, và Independent, tất cả đều bày tỏ lòng tôn kính đối với giáo hoàng. Thánh sử, ngày 29 tháng 3 năm 1888, công nhận Đức Hồng Y Gibbons là "hồng y duy nhất" của mình; Tờ Independent chúc Đức Lêô XIII "một triều đại lâu dài và những lời chúc tốt đẹp nhất cho sự thành công trong chính sách tự do của ngài"; Christian at Work ca ngợi ông là "Đức Thánh Cha" và nhân danh "toàn bộ thế giới Cơ đốc giáo" tôn vinh ông là "người đàn ông đáng kính có lòng trung thành với Chúa và lòng nhiệt thành đối với phúc lợi của nhân loại cũng hiển nhiên như sự tự do của ông khỏi nhiều lỗi lầm". và sự không khoan dung của những người tiền nhiệm"; và Liên minh Cơ đốc giáo ngày 26 tháng 1 năm 1888, công nhận ông là "hoàng tử thế tục" và "giáo hoàng tối cao".

LƯU Ý 11 – tr. 573 – Những phong trào này thể hiện rõ ràng dưới nhiều hình thức và cách thức khác nhau, nhưng tổ chức tiêu biểu cho hầu hết mỗi hình thức và hoạt động bằng mọi cách để đạt được mục đích của mình là Hiệp hội Cải cách Quốc gia. Nó bắt nguồn từ một hội nghị đại diện cho "mười một giáo phái Cơ đốc giáo khác nhau, từ bảy bang của Liên minh". Giờ đây, cô nhận được sự ủng hộ của những người đàn ông nổi tiếng từ "tất cả các chi nhánh của nhà thờ", Liên minh Khí hậu Cơ đốc giáo Quốc gia của Phụ nữ và đảng Cấm. Bà đề xuất sửa đổi Hiến pháp, "để thành lập một chính phủ Cơ đốc giáo", "công nhận Đức Chúa Trời toàn năng là nguồn gốc của mọi thẩm quyền và quyền lực trong chính quyền dân sự, Chúa Giê-su Christ là Thống đốc của các quốc gia, ý muốn của Ngài được tiết lộ là quy luật tối cao của Trái đất"; do đó đặt "tất cả các luật lệ, thể chế và công ước của chính phủ Cơ đốc giáo dựa trên cơ sở không thể phủ nhận của luật cơ bản của Trái đất." Một trong những đề xuất của nó, được công bố bởi David Gregg, DD, mục sư của Nhà thờ Park Street, Boston, là Nhà nước có "quyền chỉ huy lương tâm của con người". Một điều khác, được Christian Statesman công bố, là chính phủ "phải áp đặt lên tất cả những người đến giữa chúng ta những luật lệ đạo đức Kitô giáo". Một điều khác, do Linh mục EB Graham trình bày, là "nếu những người phản đối Kinh thánh không đánh giá cao chính phủ của chúng ta và các đặc điểm Cơ đốc giáo của nó, hãy để họ đến một vùng đất hoang vắng, hoang vắng nào đó và nhân danh ma quỷ, và vì lợi ích của hần.", khuất phục nó và thành lập chính phủ của riêng họ dựa trên những ý tưởng vô thần và ngoại đạo, và sau đó, nếu họ có thể ở lại đó, hãy để họ ở lại cho đến chết."

Một điều khác, được giải thích bởi Jonathan Edwards, DD, là người Do Thái và tất cả những người theo đạo Cơ đốc tuân theo ngày thứ bảy đều được phân loại là người vô thần, và "nên coi vấn đề này (Cải cách Quốc gia) như một đảng, với những người vô thần "không thể sống chung với nhau". lục địa", với cuộc Cải cách Kitô giáo Quốc gia.

Bất cứ ai cũng có thể thấy ngay rằng việc thiết lập lý thuyết Cải cách Quốc gia về chính phủ sẽ không gì khác hơn là thể chế của một chế độ thần quyền. Và trên thực tế, đây chính là điều họ đề xuất thiết lập. Họ nói rằng "một nền cộng hòa được cai trị như vậy là của Ngài, thông qua người dân, và đó là một nền thần quyền thực sự và đích thực giống như chính phủ Israel." Một bài bình luận hàng tháng của WCTU Quốc gia do bà Willard viết về Chúa trong Chính phủ nói: "Chế độ thần quyền thực sự vẫn chưa đến, [và] sự đấng quang của Chúa Kitô trong luật pháp và các nhà lập pháp, vì vậy tôi tận tâm cầu nguyện, với tư cách là một Cơ đốc nhân và một người yêu nước, cho quyền lợi của phụ nữ." quyền bầu cử." Trong bài phát biểu thường niên tại Đại hội toàn quốc WCTU năm 1887, bà Willard nói: vương quốc của Chúa Kitô "phải bước vào vương quốc luật pháp thông qua công chính trị. Có đủ những người ôn hòa ở cả hai [Đảng Dân chủ và Cộng hòa".] , để tiếp quản chính quyền và ban cho chúng ta lệnh cấm toàn quốc đối với đảng trong tương lai gần, đó phải là Đảng của Chúa... Chúng ta cầu trời đừng để họ yên nghỉ... cho đến khi họ... thực hiện một lời thề vàng phục Chúa Kitô trong chính trị, và

diễn hành như một đội quân vĩ đại đến các cuộc bầu cử để thờ phượng Chúa. Tôi tin chắc rằng sự kiên nhẫn và làm việc liên tục của phụ nữ Cơ đốc giáo sẽ phản ứng chính trị trong thế hệ tiếp theo, và Đảng của Chúa sẽ đi đầu." Một nền thần quyền do con người tạo ra chỉ là một kế hoạch của chính phủ đặt con người vào vị trí của Đức Chúa Trời. Đó chính xác là lý thuyết mà chế độ giáo hoàng đã được dựng lên, và đó chính xác là chế độ giáo hoàng. Lý thuyết Cải cách Quốc gia trong chính phủ này sẽ không gì khác hơn là việc dựng lên một hình ảnh sống động về giáo hoàng. Bảo vệ lý thuyết của giáo hoàng, như các bên này đã làm, không có gì đáng ngạc nhiên khi họ nóng lòng đảm bảo sự hợp tác của giáo hoàng để làm cho kế hoạch này thành công. Tờ Christian Statesman là cơ quan chính thức của Hiệp hội Cải cách Quốc gia, và trong bài xã luận số ra ngày 11-12-1884, tờ báo này tuyên bố: "Chúng tôi chân thành và vui vẻ thừa nhận sự thật rằng tại các nước cộng hòa ở Nam Mỹ, ở Pháp và những nơi khác. Ở các nước châu Âu, người Công giáo La Mã được công nhận là những người bảo vệ Cơ đốc giáo quốc gia, và phản đối mọi đề xuất về chủ nghĩa thế tục... Bất cứ khi nào họ sẵn sàng cộng tác với sự phản kháng đối với sự tiến bộ của chủ nghĩa vô thần chính trị, chúng tôi sẽ sẵn lòng chung tay với họ. Tại Hội nghị Thế giới về Cơ đốc giáo Quốc gia - vốn phải được bảo đảm trong những ngày không xa - nhiều quốc gia có thể chỉ có người Công giáo La Mã đại diện mà thôi." Và cũng trên tờ báo đó, trong ấn bản ngày 31 tháng 8 năm 1881, Linh mục Sylvester Scovil đã tuyên bố: "Lợi ích chung này [của tất cả mọi người]

các buổi lễ tôn giáo vào Thứ Bảy-Chủ nhật] phải cùng cố quyết tâm làm việc của chúng ta cũng như sự sẵn sàng cộng tác về mọi mặt với các công dân Công giáo La Mã của chúng ta. Chúng tôi có thể bị một số lời từ chối trong những lời đề nghị đầu tiên của mình, và vẫn chưa đến lúc Giáo hội Công giáo đồng ý bắt tay với các giáo hội khác; nhưng đã đến lúc phải tiến bộ nhiều lần và vui vẻ chấp nhận hợp tác dưới bất kỳ hình thức nào họ sẵn sàng đưa ra. Đây là một trong những nhu cầu của tình hình. Mối liên hệ giữa hai nhánh lớn của Cơ đốc giáo về các vấn đề pháp lý đạo đức là điều đáng được các nhà tư tưởng giỏi nhất của chúng ta và những người có kinh nghiệm dày dặn trong những vấn đề như vậy xem xét." Hoàn toàn đồng ý với điều này là Thông điệp năm 1885 của Giáo hoàng Leo XIII, trong đó ra lệnh rằng "tất cả những người Công giáo phải làm mọi thứ trong khả năng của mình để khiến cho hiến pháp của các quốc gia và luật pháp của họ phải được mô phỏng theo các nguyên tắc của giáo hội chân chính, và tất cả các nhà văn và nhà văn Công giáo". Các nhà báo không bao giờ nên bỏ qua, dù chỉ trong chốc lát, những quy định trên." Do đó, vì mục đích của Hiệp hội Cải cách Quốc gia giống với mục đích của Rome, nên có thể mong đợi rằng họ sẽ thể hiện sự sẵn sàng "vui vẻ chung tay". Và bất cứ khi nào đạo Tin lành giành được quyền kiểm soát quyền lực dân sự, dù có hoặc không có sự giúp đỡ của La Mã, thì đó sẽ là việc nâng cao hình ảnh cho giáo hoàng.

LƯU Ý 12 - tr. 578 - Vẫn còn những người quan sát ngày Sa-bát trong Kinh thánh ở Abyssinia [nay là Ethiopia]. Joseph Wolff, trong tờ báo năm 1838 của mình, kể về chuyến thăm đất nước đó, đã nói rằng "Ngày Sa-bát của người Do Thái, tức là ngày thứ bảy, được tuân thủ nghiêm ngặt đối với người Abyssinians ở tỉnh Hamazien".

LƯU Ý 13 - tr. 605, 613 - Từ "dấu ấn" được dùng trong Kinh thánh theo nhiều nghĩa khác nhau, ngay cả trong đời sống bình thường. Định nghĩa được đưa ra bởi Webster, cuốn từ điển đầy đủ nhất, là: "Cái xác nhận, phê chuẩn hoặc thiết lập; bảo vệ; những gì xác thực; những gì đảm bảo, cho phép hoặc xác nhận." Các thuật ngữ "dấu" và "dấu", cũng do ông cung cấp, được dùng trong Kinh thánh như từ đồng nghĩa với dấu ấn, như trong Rô-ma 4:11.

Trong giao ước được lập với Nô-ê, nó được dùng với ý nghĩa an toàn hoặc bằng chứng về sự ổn định. Cây cung trên mây được đưa ra như một dấu hiệu hay sự tưởng nhớ rằng Chúa không còn

sẽ hủy diệt Trái đất bằng một trận lụt (Sáng thế ký 9:13). Trong giao ước với Áp-ra-ham, phép cắt bì là một dấu hiệu hay sự tưởng nhớ. Nó đã phê chuẩn hoặc đảm bảo; vì những ai không có dấu hiệu này sẽ bị loại bỏ (Sáng Thế Ký 17:11, 14). Dấu hiệu hay đài tưởng niệm này là một tổ chức, một nghi lễ. Gesenius đưa ra "tưởng niệm" như một định nghĩa của từ được tìm thấy trong văn bản gốc. Nhưng một đài tưởng niệm, theo nghĩa tưởng nhớ, tưởng nhớ, là một dấu hiệu hoặc dấu hiệu.

Trong cuộc xuất hành. 31:17 và Ê-xéc. 20:12, 20, ngày Sabát của Chúa được gọi là một dấu hiệu. Nó là sự tưởng nhớ công việc của Đấng Tạo Hóa và do đó là dấu hiệu về quyền năng và thần tính của Ngài (Rô. 1:20). Nó cũng là một thể chế, giống như phép cắt bao quy đầu; nhưng có một sự khác biệt: phép cắt bì là một dấu hiệu trong xác thịt, trong khi ngày Sa-bát là một dấu hiệu trong tâm trí. "Hãy thánh hóa những ngày Sa-bát của Ta, vì chúng sẽ là dấu hiệu giữa Ta và các người, để các người biết rằng Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các người." (Ê-xê-chiên 20:20).

Ở Ê-xê-ch. 9:4, từ dùng trong nguyên bản được dịch ra. Gesenio nói đó là "một dấu hiệu, một dấu hiệu". Bản Septuagint trình bày trong văn bản này cùng một từ được sử dụng trong nguyên bản tiếng Hy Lạp của Rô-ma 4:11, được dịch là "dấu hiệu". Do đó, các từ dấu hiệu, nhãn hiệu và con dấu được áp dụng cho những sự vật giống nhau hoặc được sử dụng với ý nghĩa tương tự trong Kinh thánh.

Ê-xê-ch. 9:4 và Rev. 7:2 và 3 nói rằng có một dấu hiệu hoặc dấu hiệu được đặt trên trán của tôi tớ Đức Chúa Trời. Cả hai văn bản đều đề cập đến thời điểm mà sự hủy diệt hoàn toàn sẽ đến với kẻ ác. Con dấu được đặt trên dân Chúa như một sự bảo vệ, để bảo vệ họ khỏi cái ác sắp xảy ra. Nhưng "trán" rõ ràng được dùng như một hình tượng để biểu thị trí tuệ hoặc tâm trí, còn "trái tim" được dùng để biểu thị tính cách hoặc tình cảm. Đánh dấu hoặc dán lên trán cũng giống như "viết vào tâm trí" (Hê-bơ-rơ 10:16).

Ngày Sabát là dấu hiệu của Thiên Chúa; Ngài là con dấu của luật pháp Ngài (Ê-sai 8:16). Nó là biểu tượng cho uy quyền và quyền năng của Ngài. Đó là một dấu hiệu để chúng ta có thể biết rằng nó đến từ Chúa, và do đó nó được cho là được đặt trên trán. Những người thờ phượng con thú (Khải Huyền 13) được cho là sẽ nhận được dấu ấn của nó trên trán hoặc trên tay của họ. Như trán tượng trưng cho trí tuệ, bàn tay tượng trưng cho quyền lực (xem Tv 89:48: "Hay là Người sẽ giải thoát linh hồn mình khỏi nanh vuốt của mò mả?"). Sự thờ phượng bắt buộc không được Đức Chúa Trời chấp nhận; Những người hầu của ông chỉ được phong ấn ở trán. Nhưng điều đó được các thế lực gian ác chấp nhận; nó luôn được hệ thống cấp bậc La Mã mong muốn. Xem chương 25 để biết bằng chứng về bản chất của nhãn hiệu này. Dấu hiệu hay dấu ấn của Đức Chúa Trời là ngày Sa-bát của Ngài, còn dấu hiệu hay dấu hiệu của con thú thì đối lập trực tiếp với nó. Đó là ngày thứ Bảy giả mạo vào "ngày của mặt trời". Theo Khải Huyền 14:9-12, những ai không nhận dấu con thú thì tuân giữ các điều răn của Đức Chúa Trời; và ngày Sa-bát thuộc giới thứ tư. Họ giữ ngày Sabát của Chúa; họ có dấu hiệu hoặc con dấu của Ngài. Tầm quan trọng của dấu hiệu này được thể hiện ở chỗ: điều răn thứ tư là điều răn duy nhất trong luật phân biệt Đấng Tạo Hóa với các thần giả. So sánh với Jer. 10:10-12; Công vụ 17:23 và 24; Ngày tận thế. 14:6, 7, v.v. Và Ngài là phần luật pháp của Ngài mà nếu được tuân theo sẽ khiến dân Ngài phải chịu sự bắt bớ. Nhưng khi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng xuống những kẻ bắt bớ Ngài, những kẻ đang cố gắng áp đặt dấu hiệu hoặc dấu hiệu của con thú, thì họ sẽ hiểu tầm quan trọng của ngày Sa-bát-dấu ấn của Đức Chúa Trời hằng sống.

Những người quay lưng lại với những gì Chúa phán khi tiếng Ngài làm rung chuyển trái đất sẽ thú nhận lỗi lầm tai hại của họ khi tiếng Ngài làm rung chuyển trời và đất (Hê-bơ-rơ 12:25, 26; Giô-ên 3:9-16, et al.). Xem thêm trang. 639 và 640 của cuốn sách này.

Giấy tiểu sử

COLUMBA - Phúc âm đến nước Anh vào thế kỷ thứ hai; kể từ đó, nhờ công lao của Succat, hay Thánh Patrick, vào thế kỷ thứ tư, nó đã lan sang Ireland. Cuộc xâm lược nước Anh của người Saxon ngoại giáo vào năm 449 sau Công nguyên đã dẫn đến việc đức tin Kitô giáo gần như bị nhỏ tận gốc rễ ở Anh và Scotland. Nhưng nó đã hồi sinh, một trăm năm sau, nhờ công việc của Columba, một người Ireland bản địa, đến từ một trong những nhà thờ đã phát triển nhờ nỗ lực của Succat. Columba đang làm việc chăm chỉ để truyền bá phúc âm trên đất nước của mình thì người ta chú ý đến tình trạng của những người Pict ngoại giáo (cư dân cổ xưa ở Scotland), và ông quyết tâm thực hiện sự cải đạo của họ. Cùng với một số người bạn đồng hành, anh định cư trên hòn đảo nhỏ Iona, ngoài khơi bờ biển phía tây Scotland. Một nhà thờ và một trường đại học mọc lên ở đó, và thông qua những nhà truyền giáo được gửi đến đó, phúc âm đã được rao giảng khắp một vùng đáng kể ở Châu Âu.

Columba sinh ra trong một gia đình giàu có, có "tâm vóc cao quý và cách cư xử cao thượng. Ông là một người có nhận thức sâu sắc và tính cách mạnh mẽ; một trong những bộ óc bậc thầy có khả năng ảnh hưởng và định hình người khác." "Anh ấy rất yêu thích Lời Chúa và dành nhiều thời gian để đọc, nghiên cứu và sao chép nó. Ông cũng dành hàng giờ để cầu nguyện và hướng dẫn các cộng đồng dưới sự chăm sóc của ông, cố gắng hướng dẫn họ những nghề hữu ích cũng như kiến thức Kitô giáo".

Người đàn ông này đã đích thân làm việc và đạt được thành công lớn ở Scotland và Anh, đồng thời đã đến thăm Ireland nhiều lần. Những ngày cuối cùng của anh ấy dành cho Iona, "hòn đảo của trái tim anh ấy", như anh ấy thường gọi. Cảnh cuối cùng của cuộc đời anh thật cảm động. Một ngày trước khi qua đời, khi được đưa lên đỉnh đồi nhìn ra nhà truyền giáo và trang trại nhỏ của mình, ông đã xem xét nó rất kỹ và giơ cả hai tay lên, cầu xin phước lành thiêng liêng cho nó. "Trở về túp lều của mình, anh ta tiếp tục công việc hàng ngày là chép lại Thánh vịnh và đi đến nơi có viết: 'Ai tìm kiếm Chúa sẽ không thiếu thốn điều gì', anh ta

nói: Ở đây, ở cuối trang, tôi phải dừng lại.' Khi chuông reo buổi sáng, anh đến nhà thờ và trước khi các anh em của anh có thể vui vẻ cùng anh, Columba đã ngất xỉu trước bàn thờ. Không thể nói được, anh ấy cố gắng yếu ớt một lần nữa để giơ tay phải lên và chúc phúc cho họ, và với niềm vui rạng ngời trên khuôn mặt, anh ấy đã yên nghỉ mãi mãi."

Columba sinh ra ở Gartan, Quận Donegal, Ireland, vào năm 521 sau Công Nguyên, và qua đời ở Iona, Scotland, vào năm 597 sau Công nguyên. W..

THE WALDENSES - Người ta nói rằng cái tên "Waldensians" bắt nguồn từ Peter Waldo, một thương gia đến từ Lyon, Pháp, sống vào khoảng năm 1150 sau Công nguyên. Có cơ hội cống hiến hết mình cho việc nghiên cứu các chữ cái trong quá trình hoạt động thương mại của mình, ông được hướng dẫn Kinh Thánh; và, khi nhận được lễ thật của phúc âm, ông đã cống hiến cuộc đời mình cho công việc của một nhà truyền giáo. Ông đã đóng góp một công lao quan trọng cho sự nghiệp Cải cách bằng cách tự mình thực hiện và giám sát việc tìm cách thực hiện bản dịch Tân Ước sang ngôn ngữ Lãng mạn, sau đó là ngôn ngữ của miền nam nước Pháp. Đây là bản dịch Kinh thánh hoàn chỉnh đầu tiên sang một trong những ngôn ngữ của Châu Âu thời Trung cổ và là bản dịch duy nhất được sử dụng phổ biến.

Nhưng những người theo đạo Cơ đốc đầu tiên, được gọi là người Waldensians hay Vaudois, đã tồn tại trước thời của Waldo. Ngay từ thời xa xưa, đã có những Cơ đốc nhân ủng hộ đức tin của giáo hội tông truyền và làm chứng chống lại sự chuyên chế và tham nhũng của chủ nghĩa La Mã. Giáo phận Milano – bao gồm vùng đồng bằng Lombardy, dãy núi Piedmontese Alps và vùng

các tỉnh ở miền nam nước Pháp – vượt quá phạm vi lãnh thổ tạm thời của Tòa thánh La Mã; và phải đến giữa thế kỷ 11, Milan mới công nhận quyền lực tối cao của giáo hoàng. Thậm chí khi đó nhiều người đã bác bỏ hành động của các giám mục của họ, và ở vùng núi Piedmont, họ vẫn duy trì nền độc lập khỏi La Mã. Ở miền nam nước Pháp, người Albigensians đưa ra sự phản kháng tương tự đối với sự tiếm quyền của dân chúng.

Cuộc đàn áp bắt đầu dưới thời Innocent III, vào thế kỷ 13, dẫn đến sự tuyệt chủng của người Albigensians; và tiếp tục bạo lực giết người chống lại người Waldensians trong nhiều thế kỷ. Vì hòa bình, nhiều người cuối cùng đã phải dùng đến sự phù hợp bên ngoài với Rome. Nhưng với cuộc Cải cách, cuộc sống mới đã làm sinh động cư dân vùng thung lũng Piedmontese. Một lần nữa họ lại làm chứng cho đức tin của mình, và ngọn lửa bách hại lại bùng lên. Thường thì quân lính được cử đi chống lại họ. Vụ thẩm sát nối tiếp vụ thẩm sát. Những cuộc tra tấn khủng khiếp nhất được thực hiện bởi ma quỷ dưới hình dạng con người đối với người già, phụ nữ bất lực và trẻ nhỏ. Năm 1685, cuộc chinh phục đã hoàn thành. Tất cả cư dân sống sót của các thung lũng đều bị kéo đến lấp đầy nhà tù của những kẻ chinh phục họ. Sự cầu thả, tàn ác và dịch bệnh đã thực hiện công việc bắt chính của chúng; và trong vòng chưa đầy một năm, trong số mười bốn nghìn người vào đó, chỉ còn lại ba nghìn khi cửa nhà tù mở ra. Họ bị kết án lưu đày, và vào cuối mùa đông, một lượng lớn người đã vượt dãy Alps để tìm nơi ẩn náu. Hàng trăm người đã thiệt mạng và sau những đau khổ khủng khiếp, những người sống sót đã đến được cổng Geneva. Vài năm sau, một phần nhóm này quay trở lại vùng núi của mình và giành lại quyền sở hữu ngôi nhà bỏ hoang của mình.

Vào thế kỷ 18, cuộc đàn áp tôn giáo đã lắng xuống. Tuy nhiên, vào năm 1799, người Waldensians vẫn phải chịu nhiều hạn chế dân sự; con cái của họ thường bị bắt cóc hoặc cưỡng bức để được giáo dục theo đức tin Công giáo, và họ phải nộp phần mười cho các giáo sĩ La Mã. Mãi đến năm 1848, họ mới được những người cai trị Piedmont chấp nhận để được hưởng mọi quyền lợi chính trị và xã hội. Tuy nhiên, tại các Quốc gia Giáo hoàng, giáo hoàng vẫn nắm quyền tối cao và quyền lực của ông là mối đe dọa thường trực đối với tự do tôn giáo. Nhưng vào năm 1870, pháo đài của giáo hoàng sụp đổ. Tân Ước được in ở Rome bởi bàn tay của những người Waldensians trẻ tuổi, ngay dưới cửa sổ của Vatican. Một trong những nhà tù đã được chuyển thành nhà xuất bản, và trong phòng tra tấn từng vang vọng tiếng kêu la của các vị tử đạo của Chúa Giêsu, máy in đã được lắp đặt và từ đó Phúc âm hòa bình được gửi đi khắp trái đất.

JOHN WYCLIFFE - Hay John of Wycliffe, "người vĩ đại nhất trong số những nhà cải cách trước cuộc Cải cách", sinh vào khoảng năm 1324 tại ngôi làng cùng tên, ở Yorkshire, Anh. Ông mất năm 1384. Người ta biết rất ít về những năm đầu đời của ông. Ông học tại Đại học Oxford, nơi vào thời điểm đó có khoảng 30.000 sinh viên theo học. Cho đến gần cuối đời, ông vẫn tiếp tục cư trú và giảng dạy ở đó. Bằng cách bảo vệ hành động của Edward III trong việc từ chối yêu cầu triều cống của Giáo hoàng, cũng như các quyền của người dân khi được bổ nhiệm để đối phó với các sứ thần của Giáo hoàng ở các Quốc gia Thấp, Wycliffe đã nhận được sự tin tưởng và chấp thuận của nhà vua và người dân. Mặc dù bị theo đuổi bởi sự thù địch không biết mệt mỏi của giáo hoàng và những người cộng tác với ông và cuối cùng bị loại khỏi trường đại học, ông vẫn được nhà vua bổ nhiệm vào hiệu trưởng Lutterworth, nơi ông cống hiến hết mình cho việc dịch Kinh thánh sang tiếng mẹ đẻ của mình. "Wycliffe tự nhận mình là một học giả, nhà ngoại giao và nhà thuyết giáo." "Kiến thức tuyệt vời và năng lực trí tuệ của anh ấy đã cho phép anh ấy tạo ra ảnh hưởng vượt trội tại trường đại học. Nhưng Kinh thánh là nguyên tắc và nền tảng của nó. Những bài giảng của ông thực sự thấm đẫm nó. Mục đích của ông luôn là bảo vệ sự thật về Đấng Christ."

JOHN HUSS, người Hussinetz, Bohemia, sinh năm 1378, là người đứng đầu trong số những người được Wycliffe truyền ngọn đuốc chân lý cho những nhà cải cách của thế kỷ XVI. Ông được đào tạo tại Đại học Praha và năm 1402 trở thành hiệu trưởng

của cơ sở giáo dục đó và là nhà truyền giáo của Nhà nguyện Bethlehem, ông không hiểu sự thật rõ ràng như Wycliffe; duy trì các học thuyết của giáo hoàng mà nhà cải cách người Anh đã từ bỏ. Nhưng ông bảo vệ lẽ thật cơ bản vĩ đại về tính không thể sai lầm của Kinh thánh, và trung thành chỉ trích những tội xấu của nhà thờ; Ngài đã hy sinh mạng sống mình để làm chứng cho lòng trung thành của mình. Nó bị đốt cháy ở Constance vào năm 1415.

"Huss ít được chú ý hơn nhiều về khối lượng tài năng và khả năng tinh thần của anh ấy, hơn là sự thẳng thắn khi anh ấy hình thành niềm tin của mình, sự kiên trì khi anh ấy duy trì chúng, sự nhiệt tình vị tha mà anh ấy thể hiện chúng. Không thể nói rằng ông đã bổ sung thêm bất cứ điều gì vào kho tàng tri thức của thế giới. Nhưng sự đóng góp của anh ấy vào vốn đạo đức của mình là rất lớn." Ông được vinh danh một cách xứng đáng là "một trong những vị tử đạo dũng cảm nhất đã hy sinh mạng sống vì sự nghiệp trung thực và tự do, vì sự tiến bộ và phát triển trong ánh sáng".

JEROME OF PRAGUE, người bạn tận tụy của Huss, là hậu duệ của một gia đình quý tộc Bohemian. Sau nhiều năm học tại Đại học Praha, ông theo đuổi việc học tại các trường đại học hàng đầu của Pháp, Đức và Anh, nhận bằng Tiến sĩ Thần học ở mỗi trường. Tại Oxford, ông làm quen với các bài viết của Wycliffe và nghiên cứu chúng một cách hết sức nhiệt tình. Ông nói: "Cho đến nay, chúng ta chưa thấy gì ngoài vỏ bọc của khoa học; Wycliffe là người đầu tiên mở hạt nhân."

Ông đã nỗ lực dịch các tác phẩm của Wycliffe sang ngôn ngữ Bohemian, và khi trở về thành phố của mình, ông đã cùng Huss truyền bá các học thuyết Cải cách. Jerônimo sinh vào khoảng năm 1365 và bị thiêu rụi ở thành phố Constança vào năm 1416.

MARTIN LUTHER - Eisleben, một thị trấn nhỏ nằm trong Rừng Thuringian, Saxony, là nơi sinh của Luther, nhà cải cách vĩ đại nhất trong số các nhà cải cách. Sinh năm 1483, khi thời kỳ Phục hưng của văn chương đã bắt đầu và tâm trí con người thức tỉnh khỏi cơn mê của chủ nghĩa thời trung cổ, Luther, dưới bàn tay của Thiên Chúa, là người đã giải thoát họ khỏi ách nô lệ mê tín. Thời thơ ấu, ông được gửi đến trường Mansfeld ở Magdeburg và Eisenach, và ngay cả khi đó ông đã bộc lộ năng lực trí tuệ nhạy bén. Ở Eisenach, khi đang hát trước các ngôi nhà và xin bánh nhân danh Chúa Kitô, anh đã thu hút sự chú ý của Úrsula Cotta tốt bụng, người đã chào đón anh vào nhà và tận tình chăm sóc như một người mẹ cho cậu sinh viên nghèo khổ đó. Năm 1501, Luther vào Đại học Erfurt. Bốn năm sau, ông đổi việc học để đi tu. Ông được thụ phong linh mục năm 1507, và năm sau đó được mời đảm nhận một ghế tại Đại học Wittenberg. Những luận điểm nổi tiếng chống lại sự ân xá được xuất bản vào năm 1517 và vào năm 1521, ông xuất hiện trước Nghị viện của Worms. Trong 25 năm, sắc lệnh truy tố đã được ban hành đối với anh ta. Tuy nhiên, giống như Wycliffe, anh ấy đã chết trong thanh thản. Mặc dù gần như toàn bộ cuộc đời hoạt động của ông dành ở Wittenberg, nhưng việc chôn cất ông diễn ra ở Eisleben, thành phố quê hương của ông, nơi ông kiệt sức vì lao động tích cực và qua đời vào ngày 18 tháng 2 năm 1546.

"Cuộc sống thể xác của Luther phần lớn là một cuộc sống đau khổ. Hình dáng của anh ấy, trong những năm đầu, rất mảnh khảnh, mặc dù trong những năm sau đó, anh ấy đã có được thân hình hơi mập mạp. Tuy nhiên, khuôn mặt tròn trịa mà chúng ta thấy trong những bức chân dung sau này của ông được cho là kết quả không phải của sự cường tráng mà là do xu hướng phù nề - sự tích tụ chất lỏng trong các mô - do những khó khăn trước đó. Thói quen của anh ấy rất tiết chế. Giọng anh không to cũng không mạnh; anh ta có tia sét, nhưng không có sấm sét, qua đó tạo ra hiệu ứng mạnh mẽ trong lời nói của anh ta."

"Nhân vật của Luther rất rõ ràng trong cuộc đời ông nên hầu như không cần thiết phải theo dõi đường lối của ông. Anh ta ngây thơ đến mức nếu cả thế giới cùng nhau che đậy lỗi lầm của anh ta thì chính tay anh ta sẽ vạch trần chúng. Sự mạnh mẽ của ông xuất phát từ bản chất mạnh mẽ, vững vàng trong niềm tin, chiến đấu vì sự thật chống lại kẻ thù.

không ngừng nghỉ. Ông là người vị tha, nhiệt huyết, lương thiện, bất khuất trước nguy hiểm, đầy dịu dàng và nhân văn. Luther là một trong những tinh thần sáng tạo vĩ đại của loài người, mạnh mẽ trong lời nói và hành động, không ai sánh bằng với tư cách là một diễn giả bình dân, một trong những người bình thường, nhưng lại là một hoàng tử trong số các hoàng tử, một người con của đức tin, một con trai của Chúa - và đó là được tất cả mọi người thừa nhận."

PHILIP MELANCTON, bạn và cộng tác viên của Luther trong cuộc Cải cách ở Đức, sinh năm 1497. Ông là con trai của một bậc thầy của Bretten, ở công quốc Baden, đồng thời là học trò của Reuchlin nổi tiếng, người đã làm việc như vậy. Khó có thể giới thiệu việc nghiên cứu tiếng Hy Lạp và tiếng Do Thái ở Đức. Sức mạnh và sự hiểu biết rõ ràng của Melanchthon khiến việc tiếp thu kiến thức trở nên thú vị. Năm 12 tuổi, ông vào Đại học Heidelberg và lấy bằng tiến sĩ ở tuổi 17. Vào khoảng thời gian này, ông đổi tên từ Schwartzerd ("đất đen") thành từ nhân loại Hy Lạp Melanchthon, cũng có nghĩa tương tự. Vào thời đó, không có gì lạ khi những người đàn ông biết chữ dịch tên của họ từ tiếng Đức sang tiếng Latin hoặc tiếng Hy Lạp. Ở tuổi 21, Melanchthon được mời đến ghế chủ tịch khoa tiếng Hy Lạp tại Wittenberg, và sau đó bắt đầu tình bạn với Luther và tình bạn này sẽ tiếp tục cho đến khi nhà cải cách vĩ đại qua đời.

Melanchthon so sánh Luther với Elijah và gọi ông là "một người tràn đầy Thánh Linh của Đức Chúa Trời". Và Luther, so sánh mình với Melanchthon, đã viết: "Tôi đã tham gia vào cuộc chiến chống lại đám đông và ma quỷ, đó là lý do tại sao sách của tôi rất hiếu chiến. Tôi là người tiên phong thô lỗ, cần làm đường, nhưng Thầy Philip đã đến nhẹ nhàng, nhẹ nhàng, gieo hạt và tưới nước bằng cả trái tim, như Chúa đã ban tặng cho anh những hồng ân". Chính trí óc logic của Melanchthon và cây bút minh họa của ông đã viết Lời thú tội Augsburg, lời thú tội rõ ràng, mạnh mẽ, đơn giản và sang trọng đã được ngay cả kẻ thù của ông công nhận. Melanchthon qua đời ở Wittenberg năm 1560 và được chôn cất cạnh Luther trong nhà thờ lâu đài.

ULRICH ZWINGLIIO sinh vào ngày đầu năm mới 1484, tại thị trấn nhỏ Wildhaus, trong một thung lũng hẹp ở phía tây nam Thụy Sĩ. Ông là nhà cải cách đầu tiên ở Thụy Sĩ và công việc của ông có ảnh hưởng lớn. Zurich là bối cảnh của những tác phẩm quan trọng nhất của ông. Ông được gọi đến thành phố đó vào năm 1519, và vào năm 1525, cuộc Cải cách đã diễn ra ở đó mà không có bạo lực và hầu như không có xáo trộn. Trong khi các thành phố và quận khác chấp nhận đức tin cải cách thì các bang của giáo hoàng lại cảm vũ khí phản đối quyền tự do tôn giáo. Trong cuộc chiến sau đó, Zwingli, người làm tuyên úy cho lực lượng cải cách, đã ngã xuống cánh đồng Cappel vào ngày 11 tháng 10 năm 1531.

"Zwingli là một nhà cải cách nổi tiếng, một học giả có năng lực, một nhà thuyết giáo hùng hồn, một nhà cộng hòa yêu nước và một chính khách có tầm nhìn xa trông rộng. Ông thiếu thiên tài và chiều sâu của Luther và Calvin, sự uyên bác của Melanchthon và Oecolampadius, nhưng ông ngang bằng với họ về mục đích trung thực và tính chính trực, lòng dũng cảm anh hùng và sự tận tâm vì sự nghiệp Cải cách, và vượt qua họ về tính tự do.

JOHN OECOLAMPADIUS - Oecolampadius được gọi là "nhà cải cách của Basel", nhưng mức độ ảnh hưởng rộng lớn của ông khiến ông được tôn vinh rộng rãi hơn. Về phẩm chất đạo đức và trí tuệ, ông có nét giống Melanchthon một cách đáng kinh ngạc. "Có rất nhiều ví dụ trong thời kỳ Cải Cách khi Chúa vui lòng sai các môn đồ của Ngài đi theo từng cặp khi Ngài có một công việc lớn lao phải làm. Luther sát cánh cùng Melanchthon, Calvin sát cánh cùng Beza, và Oecolampadius sát cánh cùng Zwingli."

Oecolampadius sinh năm 1482, tại vương quốc Württemberg lúc bảy giờ. Đầu tiên, ông đánh giá cao các tác phẩm của Luther, và vào năm 1522, khi được mời đến Basel, ông bắt đầu công việc của mình với tư cách là một nhà cải cách. Vào thời điểm đó, thành phố này là trung tâm trí tuệ quan trọng nhất của Thụy Sĩ, là trụ sở của trường đại học duy nhất và nhà in lớn nhất. Oecolampadius sớm được bổ nhiệm vào một chiếc ghế trong

trường đại học; và vào năm 1529, cuộc Cải cách diễn ra ở Basel. Oecolampadius chết ở đó vào năm 1531.

JACQUES LEFÈVRE, một học giả xuất sắc và là một trong những nhà cải cách đầu tiên của Pháp, sinh khoảng năm 1450 và mất năm 1536. Lefèvre là giáo sư tại Đại học Paris khi ông bắt đầu nghiên cứu Kinh Thánh vào năm 1507. Ông xuất bản các bài bình luận về các phần khác nhau của Kinh thánh, và vào năm 1521, một trong những tác phẩm của ông bị lên án là dị giáo. Tuy nhiên, nhờ sự ủng hộ của Francis I và Công chúa Margaret, các thủ tục tố tụng chống lại ông đã được hoãn lại. Năm 1523, bản Tân Ước bằng tiếng Pháp của ông được đưa ra ánh sáng. Tuy nhiên, sau trận chiến ở Paris và vụ bắt giữ Francis ở Madrid, đảng Dân túy đã thực hiện những biện pháp mạnh mẽ nhất chống lại những người cải cách, và Lefèvre, khi đó đã 75 tuổi, đã trốn sang Strasbourg. Ngay sau khi nhà vua được thả, ông được đưa trở lại; và sau khi xuất bản bản dịch Cựu Ước, ông lui về Nerac, nơi ở của Margaret xứ Navarre, nơi ông qua đời. Lefèvre chấp nhận các nguyên tắc cơ bản của Cải cách và duy trì chúng trong các bài viết của mình, tuy nhiên, ông vẫn duy trì mối liên hệ của mình với Nhà thờ La Mã với hy vọng rằng Cải cách có thể diễn ra trong chính nhà thờ. Là học giả và người yêu chuộng hòa bình, ông tránh xung đột công khai. Nhưng việc thiếu can đảm để thú nhận sự thật đã tạo ra sự hối hận cay đắng trong những giờ cuối cùng. Với nước mắt và nỗi thống khổ tột cùng, ngài kêu lên: "Tôi bị kết án. Tôi đã che giấu sự thật mà lẽ ra tôi phải công bố và làm chứng một cách công khai". Ngày đêm ông không ngừng khóc, nhưng cuối cùng ông trút gánh nặng lên Chúa Kitô và chết trong niềm tin tưởng vào lòng thương xót của Thiên Chúa.

GUILHERME FAREL, một trong những nhà tiên phong đáng chú ý nhất của cuộc Cải cách Thụy Sĩ và Pháp, sinh ra ở Dauphiny, một tỉnh ở miền đông nước Pháp, vào năm 1489. Ông là một sinh viên thành đạt và tận tâm, đồng thời trở thành giáo viên tại một trong những trường cao đẳng ở Paris. Tiếp nhận các nguyên tắc của đức tin Cải cách, ông đã áp dụng tất cả sức mạnh của bản chất nhiệt thành của mình vào công việc phúc âm. Bị buộc phải chạy trốn khỏi Paris, anh đến sống ở Basel và hình thành một tình bạn nồng ấm với Zwingli và Oecolampadius, những người bị thu hút bởi nghị lực và lòng vị tha của anh, mặc dù họ nhận thấy sự thiếu thận trọng của anh, điều này đôi khi khiến anh trở nên thiếu thận trọng và thậm chí là hấp tấp. Nhưng Erasmus, chính trị gia bảo thủ và uyên bác, không thể dung thứ cho nhà cải cách không khoan nhượng và nhờ ảnh hưởng của ông ta đã buộc Farel phải rời Basel. Tuy nhiên, phần lớn thời gian tồn tại lâu dài và hiệu quả của ông được dành ở Thụy Sĩ, làm công việc vừa rộng lớn vừa nguy hiểm, dẫn đến việc hình thành đức tin Cải cách ở một phần đáng kể của đất nước đó.

Năm 1532, Farel được bổ nhiệm làm đại biểu của những người cải cách tại Thượng hội đồng Waldensian diễn ra ở thung lũng Angrogna. Ông được người Waldensians đánh giá cao và có ảnh hưởng mạnh mẽ đến họ. Trải qua nhiều thăng trầm, nguy hiểm và đau khổ, ông tiếp tục hoạt động cho phong trào Cải cách cho đến ngày qua đời, xảy ra ở Neuchâtel, năm 1565. "Farel là một người nhiệt thành và bốc đồng; giống một nhà truyền giáo hơn là một nhà tổ chức; giống một người bài trừ thánh tượng hơn là một nhà thần học." Beza nói rằng trong lời rao giảng của mình "ông ấy đã xuất sắc ở một mức độ cao siêu nhất định, đến nỗi không ai có thể nghe thấy tiếng sấm của ông ấy mà không run rẩy".

JOHN CALVIN - Ở Noyon, Picardy, cách Paris khoảng 110 km về phía tây bắc, Calvin sinh năm 1509; ông qua đời tại thành phố Geneva năm 1564. Calvin sớm từ bỏ chủ nghĩa La Mã và buộc phải chạy trốn khỏi Pháp vào năm 1534. Năm 1536, ông xuất bản ở Basel tác phẩm nổi tiếng nhất của mình, Viện Tôn giáo Cơ đốc. Cùng năm đó, ông bắt đầu công việc của mình tại Geneva, nơi ông đã dành phần lớn thời gian còn lại của cuộc đời mình. Ở đó, các phương pháp cai trị và cải cách của ông được tuân thủ nghiêm ngặt, đây là điều kiện mà ông đồng ý ở lại. Dưới chính quyền của ông, mọi hình thức vô đạo đức đều bị đàn áp bằng

mức độ nghiêm trọng. Ngoài những người tị nạn đến Geneva từ khắp châu Âu, hàng nghìn sinh viên đã đổ xô đến đó, bị thu hút bởi sự nổi tiếng trong các bài phát biểu của họ và của Beza.

“Thói quen của Calvin rất đặm bạc và khiêm tốn. Ông có một sự hiểu biết rất rõ ràng, một trí nhớ phi thường, một mục đích vững chắc và không linh hoạt mà không một sự phản đối nào có thể vượt qua, không có sự thất bại trong nhiều chủ đề và không có thăng trầm nào lay chuyển được. Anh ấy rất tận tâm và chân thành trong các nguyên tắc của mình.” Một số hành động không khoan dung đã phủ bóng đen lên sự nghiệp công khai của ông, nhưng tính cách của ông trong đời sống riêng tư không hề có tí vết. Là một nhà truyền giáo, tác giả, mục sư và lãnh đạo Phong trào Cải cách trên khắp Châu Âu, phạm vi công việc của ông gần như không thể tin được. Sức khỏe của ông rất yếu nhưng ông vẫn tiếp tục làm việc cho đến gần ngày mất. Anh ta chọn cách sống nghèo, từ chối bỏ sung vào mức lương vốn đã khiêm tốn của mình và từ chối nhận quà ngoại trừ mục đích tặng cho người nghèo. Mặc dù liên tục bị buộc tội tích lũy tài sản nhưng sau khi qua đời, ông chỉ để lại hơn 200 đô la tín dụng. Theo yêu cầu của ông, ông được chôn cất không trang trọng và không có tượng đài nào đánh dấu nơi an nghỉ của ông.

MENNO SIMONS, “một nhà cải cách mà tinh thần tông đồ và công việc của họ không được sự công nhận xứng đáng”. Ông sinh vào khoảng năm 1492 ở vùng phía bắc Hà Lan. Ông qua đời tại thành phố Holstein năm 1559.

Năm 1536, Menno rút khỏi nhà thờ La Mã. Sự phản đối của ông đối với lễ rửa tội cho trẻ sơ sinh đã tách ông ra khỏi các nhà thờ Lutheran và Cải cách. Đó là nỗ lực nhiệt thành của ngài, đồng thời kiên quyết chống lại chủ nghĩa cuồng tín, nhằm khôi phục lại trong nhà thờ sự trong sạch và giản dị của thời các tông đồ. Việc tuyên xưng đức tin cá nhân nơi Đấng Christ là điều kiện tiên quyết để được rửa tội, và đời sống trong sạch là điều kiện để trở thành thành viên nhà thờ.

HANS TAUSEN, sinh ở Đan Mạch năm 1494, mất năm 1561. Năm 1524, ông bắt đầu rao giảng các học thuyết Cải cách. Ông là nhà truyền giáo đầu tiên của Phong trào Cải cách ở Đan Mạch và cùng với Bugenhagen, tác nhân chính thành lập Phong trào Cải cách ở quốc gia đó.

OLAF VÀ LAURENTIUS PETRI sinh ra ở Orebro, Thụy Điển, Orebro, Thụy Điển, Orebro, năm 1497 và Orentius, năm 1499. Olaf qua đời ở Stockholm năm 1552 và Laurentius ở Uppsala năm 1573. Họ là những công cụ chính trong việc thiết lập Phong trào Cải cách ở Thụy Điển dưới sự bảo hộ của Nhà vua Gustavus Vasa.

WILLIAM TYNDALE, một trong những nhà cải cách lỗi lạc nhất người Anh thế kỷ 16, sinh năm 1484. Ngay sau khi chấp nhận đức tin Cải cách, ông bày tỏ mong muốn dịch Kinh thánh sang tiếng Anh, và buộc phải chạy trốn sang lục địa để trốn thoát. áp bức. . Tân Ước được in ở Cologne và Worms vào năm 1525. Lịch sử tiếp theo của nó bị che phủ trong bóng tối. Ông đã tham gia vào việc dịch và in Cựu Ước cũng như xuất bản một số tác phẩm trình bày các học thuyết của Cải cách. Để tránh các sự giả của nhà vua và các quan chức, ông đã bí mật theo đuổi công việc của mình và che giấu cẩn thận những nơi ẩn náu của mình đến mức chúng vẫn hoàn toàn không được biết đến cho đến ngày nay. Năm 1534, ông quyết định tới Antwerp và bị bắt tại đây. Tại lâu đài Vilvorden, cách Brussels vài km, ông bị siết cổ và thiêu sống vào ngày 6 tháng 10 năm 1536.

Người ta vẫn chưa chứng minh được liệu Henry VIII có vai trò trực tiếp trong việc hành quyết ông hay không, nhưng ông đã không nỗ lực cứu nhà cải cách. Lời cầu nguyện cuối cùng của vị tử đạo là: “Lạy Chúa, xin mở mắt cho vua nước Anh”.

Giá trị công việc của Tyndale với tư cách là người dịch Kinh thánh và người thúc đẩy cuộc Cải cách ở Anh chưa bao giờ được đánh giá đúng mức. Hàng triệu người ở khắp mọi nơi trên trái đất được hưởng ân phước từ Kinh Thánh tiếng Anh, nợ ông một lời cảm ơn. Phiên bản được ủy quyền dựa trên Kinh thánh Tyndale. Vào thời điểm khi

những lời dạy của ông đã định hình quan điểm của nhiều nhà lãnh đạo Phong trào Cải cách ở Anh, những người cũng đóng ấn chứng ngôn của họ bằng chính máu của mình.

HUGH LATIMER, đôi khi được gọi là "John Knox của nước Anh," sinh năm 1470. Cha ông là một quan chức trong gia đình hoàng gia, người mà, như Latimer thường nói, "đã nuôi dạy các con trai mình trong lòng sùng đạo và kính sợ Chúa". Latimer được đào tạo tại Cambridge và là một tín đồ nhiệt thành của Giáo hoàng, nhưng, nhờ nỗ lực của vị tử đạo Bilney, ông đã chấp nhận các học thuyết của Cải cách. Sự trình bày chân thực một cách thân mật của ông đã giành được sự ưu ái của Henry VIII, người đã tiến cử ông với Giám mục của Worcester. Nhưng khi vượt qua "hành động đẫm máu gồm sáu điều khoản", áp đặt niềm tin vào sự biến thể, cùng với những sai sót khác của người Popish, Latimer đã nhanh chóng từ bỏ quan điểm của mình. Sau đó anh ta bị bắt và giam giữ làm tù nhân trong Tháp trong sáu năm. Được trả tự do sau khi Vua Edward VI lên ngôi, ông được phong làm giám mục, nhưng ông kiên quyết từ chối danh dự và tiếp tục trung thành khiển trách những tệ nạn thế tục. Khi Nữ hoàng Mary lên ngôi, ông lại bị giam trong Tháp. Dù đã 80 tuổi nhưng ông không được tôn trọng vì tuổi cao. Latimer giữ vững đức tin của mình và bị thiêu rụi tại Oxford vào năm 1555. Ông không phải là người có học thức cao, nhưng ông ăn nói rõ ràng và can đảm, trung thực và tận tụy, một lời trách móc về tội lỗi của cả giới thượng lưu lẫn giới thượng lưu. các tầng lớp thấp.

NICHOLAS RIDLEY, giám mục và tử đạo người Anh, nổi tiếng về kiến thức và lòng đạo đức, sinh năm 1500. Ngài học tại Cambridge cũng như tại các trường đại học nổi tiếng nhất ở Pháp và Hà Lan. Nhờ sự ưu ái của Cranmer, ông được bổ nhiệm làm tuyên úy cho Vua Henry, và dưới triều đại của Edward, ông trở thành Giám mục Luân Đôn. Sau khi Mary lên ngôi, ông bị thiêu trên cọc cùng với Latimer vào năm 1555. Bị từ chối cho phép phát biểu trừ khi từ chức, ông nói: "Chừng nào còn hơi thở của sự sống trong cơ thể tôi, tôi sẽ không bao giờ phủ nhận Chúa Giêsu Kitô của tôi và Sự thật của anh ấy. Chúa sẽ ở bên tôi."

Trong đời sống riêng tư, Giám mục Ridley được biết đến như "một mẫu mực của lòng đạo đức, khiêm tốn, tiết độ và trật tự". Fox gọi ông là "một người đàn ông có những phẩm chất xuất sắc. uyên bác và giờ đây, không còn nghi ngờ gì nữa, đã được ghi vào Sách Cuộc Đời."

JOHN KNOX, nhà cải cách của Scotland, sinh năm 1505. Ông được đào tạo tại Đại học Glasgow và thụ phong linh mục Công giáo. Các tác phẩm của Jerome và Augustine cũng như ảnh hưởng của vị tử đạo Wishart đã giải phóng ông khỏi xiềng xích của La Mã, và ông trở thành nhà truyền giáo phúc âm. Khi Lâu đài Saint Andrews bị người Pháp chiếm, Knox bị bắt làm tù binh và đưa đến Rouen, nơi anh ta phục vụ trong 19 tháng với tư cách là nô lệ trên thuyền buồm. Sau khi được thả, tình hình ở Scotland đã ngăn cản sự trở lại của ông, và ông đã dành một thời gian ở Anh, làm tuyên úy cho Edward VI. Khi Nữ hoàng Mary lên ngôi, ông đến Frankfurt và Geneva và ở mỗi nơi đều làm mục sư cho những người Anh lưu vong. Ông được Calvin đánh giá cao, người có học thuyết được ông bảo vệ. Trở về Scotland vào năm 1559, ông bị coi là kẻ sống ngoài vòng pháp luật và nổi loạn vì ảnh hưởng của những người theo chủ nghĩa La Mã, nhưng không sợ gì cả, ông vẫn tiếp tục công việc của mình và tham gia tích cực vào việc thành lập Phong trào Cải cách ở đất nước đó cho đến khi qua đời vào năm 1572.

JOHN BUNYAN, tác giả nổi tiếng thế giới của cuốn sách Sự tiến bộ của người hành hương, sinh ra ở Anh vào năm 1628. Ông là con trai của một thợ thiếc ở thị trấn Elstow, và được học để tiếp tục công việc kinh doanh giống như cha mình. Tuy nhiên, Bunyan đã cố gắng đạt được một số nền giáo dục cơ bản và mặc dù ít thiên về tôn giáo nhưng anh có những phẩm chất đạo đức hơn hầu hết các bạn cùng lớp. Có một thời gian ông phục vụ trong quân đội của Quốc hội. Ở đó một trong những người bạn đồng hành của anh ta đã bị giết khi đang ở

bài giảng của bạn. Bunyan cảm thấy bàn tay thần thánh đã can thiệp để cứu mạng anh; do đó ông đã phải chú ý đến các vấn đề tôn giáo. Sau một cuộc xung đột kéo dài và căng thẳng, anh đã tìm thấy sự bình an trong Đấng Christ. Anh ấy gia nhập Baptists và trở thành một nhà thuyết giáo và sau một thời gian, anh ấy trở thành một trong những diễn giả xuất sắc nhất của họ.

Năm 1660, dưới các biện pháp áp bức nhằm buộc phải Khôi phục, Bunyan bị tống vào nhà tù Bedford, nơi ông bị giam 12 năm. Để nuôi sống gia đình, anh bắt đầu làm dây giày cho ủng, nhưng anh kiên quyết từ chối hy sinh đức tin hoặc trốn thoát khỏi nhà tù bằng những mưu kế mà lẽ ra anh có thể dễ dàng thực hiện được. Ông được đề nghị tự do với điều kiện phải từ bỏ việc rao giảng; Anh ta cũng được thông báo rằng nếu tiếp tục bất chấp pháp luật, anh ta sẽ bị kết án trục xuất và tử hình nếu trở về Anh. Câu trả lời của anh ấy là: "Nếu bạn để tôi rời đi hôm nay, tôi sẽ giảng lại vào ngày mai". Nhưng những kẻ bắt bớ ông đã thất vọng vì cuốn sách Sự tiến bộ của người hành hương mà ông viết trong tù đang giảng dạy những lẽ thật về sự cứu rỗi ở bất cứ nơi nào nói tiếng Anh. Tác phẩm này đã được dịch sang mọi ngôn ngữ của Kitô giáo. Nó đã trở thành một trong những cuốn sách được yêu thích, mà sau Kinh thánh, một nhà truyền giáo đến dân ngoại đã dịch cho những người đồng công của mình.

Sau khi được trả tự do, Bunyan đã rao giảng rất nhiệt tình và thành công, được phong là "Giám mục Bunyan". Kinh thánh là người bạn đồng hành thường xuyên của ông, là nguồn trí tuệ và là nguồn cảm hứng cho thiên tài của ông. Sự từ bỏ bản thân vì sự thật và vì lợi ích của người khác là quy tắc sống của anh. Bunyan qua đời ở tuổi 60, hậu quả của việc gặp phải một cơn bão khi trở về sau nỗ lực hòa giải thành công giữa hai cha con. Có một vài ví dụ đáng chú ý hơn về giáo dục, về sức mạnh biến đổi của Kinh thánh trên cả trí tuệ và trái tim, hơn những ví dụ được trình bày trong câu chuyện của John Bunyan.

JOHN WESLEY, người sáng lập Methodism, sinh ra ở Epworth, Anh, vào năm 1703. Cha ông là mục sư trong Giáo hội Anh giáo. Mẹ của anh, người mà anh nhận được những chỉ dẫn và giáo dục đầu tiên, là một người phụ nữ có trí thông minh tuyệt vời và lòng đạo đức sâu sắc, kiên định và khôn ngoan trong kỷ luật và là một giáo viên khéo léo. Ông học tại Oxford và nổi tiếng nhờ sự uyên bác của mình. "Câu lạc bộ Santo" nổi tiếng được thành lập ở đó -

John và Charles Wesley, Withefield và những người khác hợp nhất trong việc thực hành các bài tập đạo đức, chăm sóc người nghèo và người bệnh, thăm các nhà tù, v.v.

Năm 1725, Wesley được tấn phong vào chức vụ. Khi một sứ mệnh đến Georgia được lên kế hoạch để cải đạo người da đỏ, và một lời kêu gọi được đưa ra "với các giáo sĩ quen coi thường những đồ trang trí và tiện nghi của cuộc sống, những khổ hạnh về thể chất và đời sống thiên định", Wesley đã đáp lại lời kêu gọi. Trong hai năm, anh vẫn ở thuộc địa, nhưng không có cơ hội hoàn thành mục tiêu sứ mệnh của mình. Wesley trở lại Anh năm 1738; cùng năm đó, ông hoàn toàn chấp nhận học thuyết về sự công chính hóa bằng đức tin và bắt đầu rao giảng học thuyết đó. Ngài đặc biệt cống hiến hết mình cho công việc mang Tin Mừng đến với những tầng lớp nghèo khổ và bị bỏ rơi. Nhận thấy các nhà thờ đang đóng cửa đối với mình, cuối cùng anh quyết định rao giảng công khai. Ông nói: "Tôi khó có thể chấp nhận được cách thuyết giảng kỳ lạ này trên cánh đồng... suốt đời tôi (cho đến gần đây) rất cố chấp về mọi điểm liên quan đến sự đoan trang và trật tự, tôi nghĩ rằng đó gần như là sự cứu rỗi các linh hồn. Là tội lỗi nếu việc đó không được thực hiện trong nhà thờ." Cho đến ngày qua đời năm 1791, ông vẫn tiếp tục làm việc ở Scotland, Anh và Ireland.

Trong suốt cuộc đời mình, ông đã đi hơn 400.000 km và thuyết giảng 40.000 bài giảng, ngoài ra còn giám sát tất cả các nhà thờ và giáo đoàn của mình, giải quyết một khối lượng thư từ khổng lồ và chuẩn bị các bài viết đồ sộ của mình.

GEORGE WITHEFIELD, một trong những nhà truyền giáo vĩ đại nhất thời hiện đại, sinh ra ở Gloucester, Anh. Được đào tạo tại Oxford và là thành viên của Câu lạc bộ Methodist, ông là người đầu tiên trong số các bạn đồng trang lứa tuyên bố cải đạo. Whitefield là

được thụ phong vào năm 1736 và đặc biệt làm việc để mang lại lợi ích cho nhiều người mà các buổi lễ nhà thờ thông thường không thể tiếp cận được. Ông đã đến thăm nước Mỹ bảy lần, thuyết giảng ở tất cả các thành phố lớn. Ông cũng làm việc nhiều ở Anh, Scotland và Ireland, đồng thời cũng đến Hà Lan. Whitefield không đồng ý với Wesley về học thuyết tiền định, và sự tách biệt này dẫn đến sự xuất hiện của hai nhánh - những người theo chủ nghĩa Calvin và những người theo chủ nghĩa Giám lý Wesleyan. Ông qua đời năm 1770, ở tuổi 56, khi đang chuẩn bị cho chuyến hành trình truyền giáo lần thứ bảy xuyên nước Mỹ.

Sức mạnh thuyết giảng của Whitefield đã được mọi tầng lớp công nhận; Đám đông đổ xô đến nghe ông và những cuộc phục hưng lớn tiếp nối công việc của ông. Không có gì lạ khi ông giảng ba đến bốn lần một ngày. Một ngày trước khi qua đời, ông đã phát biểu ở Exeter, Massachusetts, khiến khán phòng lớn bị đình chỉ trong hai giờ. Whitefield đến Newburyport với ý định rao giảng ở đó vào ngày hôm sau. Khi anh đang định về phòng nghỉ ngơi, anh nhìn thấy một đám đông đang tụ tập ở hành lang nơi anh ở. Anh ấy dừng lại và nói chuyện với mọi người từ đầu cầu thang, cho đến khi ngọn nến của anh ấy tắt trên đèn chùm. Sáng hôm sau người ta phát hiện ông đã chết.

JOHN ROBINSON, người chăn cừu hành hương, sinh ra ở Anh vào năm 1575. Ông được đào tạo tại Cambridge và trở thành mục sư của Giáo hội được thành lập. Tuy nhiên, cảm thấy quyền tối cao của giáo hội do nhà vua ban cho không phù hợp với lời dạy của Chúa Kitô, ông quyết định tách ra. Quyết định này thật đau đớn đối với anh và khi đề cập đến nó, anh nói: "Nếu sự thật không ở trong trái tim tôi 'như ngọn lửa thiêu đốt trong xương', tôi sẽ không bao giờ cắt đứt những mối ràng buộc này... mà chỉ chịu đựng ánh sáng của Chúa đã bị bóng tối của những người khác cướp mất khỏi trái tim vô ơn của tôi." Robinson là một trong số những người lưu vong tìm được nơi ẩn náu ở Hà Lan và trở thành mục sư của Nhà thờ Hành hương ở Leyden, nơi ông được đánh giá cao cả về lòng đạo đức và học bổng của mình. Khi những người hành hương quyết định tìm nhà ở Mỹ, họ cảm thấy cần phải chia nhóm, và vì phần lớn vẫn ở Leyden để theo anh em của họ đến cùng, họ đã yêu cầu mục vụ của họ. Nhưng Robinson không đi cùng đàn chiên của mình đến Tân Thế giới. Ông qua đời tại Leyden năm 1625.

Sau đó gia đình ông tham gia những người lưu vong, và con cháu của ông nằm trong số những người định cư ở New England.

Có thể thấy tính cách của Robinson trong bài phát biểu chia tay những người hành hương. Ông là một trong số ít người ở mọi thời đại áp ủ niềm hy vọng cải cách - những người thay vì đặt niềm tin vào tín điều hay giáo lý của nhà thờ thì lại đặt đức tin trên nền tảng vĩnh cửu của Lời Chúa.

ROGER WILLIAMS, người nổi tiếng ủng hộ tự do tôn giáo, sinh ra ở Wales, khoảng năm 1600. Ông qua đời ở Rhode Island, năm 1683. Ông được Giáo hội Anh giáo phong chức linh mục. Nhưng ngay sau đó, như chính ông đã nói, "lương tâm của ông đã khuấy động ông chống lại nhà thờ quốc gia, các buổi lễ và các giám mục của nó." Ông đến Mỹ năm 1631, nhưng vì quá cực đoan và thẳng thắn, ngay cả đối với các thuộc địa Thanh giáo, ông bị kết án trục xuất. Một trong những quy định được các nhà lập pháp đó chuẩn bị là: "Nếu một người hoặc nhiều người, trong phạm vi quyền tài phán này, từ chối trước các thẩm phán quyền hoặc thẩm quyền hợp pháp của họ, để trừng phạt những vi phạm bên ngoài đối với bảng đầu tiên (của decalogue)... sẽ bị kết án, lưu đầy hoặc trục xuất." Khi Williams kiên quyết phủ nhận quyền tài phán của các thẩm phán trong các vấn đề tôn giáo, anh ta đã bị lên án.

Ông từng bị buộc tội chứa chấp những tư tưởng tiên tiến gây nguy hiểm cho hòa bình và trật tự của đất nước. Nhưng sau khi thành lập Rhode Island, ông đã thành lập một cộng đồng trong đó quyền tự do tôn giáo hoàn hảo chiếm ưu thế và là nơi áp dụng những lời dạy này.

được phép tự do. Tuy nhiên, tính mạng, tài sản và chính quyền dân sự ở đó vẫn được đảm bảo như ở Massachusetts. Vì vậy, người ta đã chứng minh rằng những lời dạy của Williams không gây nguy hiểm cho hòa bình và trật tự của Bang; rằng những cáo buộc chống lại anh ta là vô căn cứ và việc trục xuất anh ta khỏi Massachusetts là không công bằng.

"Tính cách của Williams, với tư cách là một người đàn ông và một người theo đạo Cơ đốc, không thể chê trách được. Ngay cả những đối thủ trung thành nhất của ông cũng nói về cá nhân ông với sự tôn trọng lớn lao. Williams là một người bạn đặc biệt của người da đỏ. Ông nghiên cứu ngôn ngữ của họ, tôn trọng và bảo vệ quyền đất đai của họ, và khi thuộc địa Massachusetts và các khu định cư của người da trắng khác bị đe dọa bởi sự thù địch của người bản địa, nhờ kiến thức và tình bạn của mình với các thủ lĩnh chính, ông đã có thể tránh được những nguy hiểm sắp xảy ra. . " Đây là cách Williams đền đáp những bất công phải gánh chịu.

GUILHERME MILLER, nhà giải thích các lời tiên tri nổi tiếng, sinh ra ở Pittsfield, Massachusetts, vào năm 1782. Tuy nhiên, trong phần lớn cuộc đời ông, nhà của ông lại ở Low Hampton, New York, nơi ông qua đời vào năm 1849. sĩ quan của quân đội cách mạng, Miller phục vụ trong Chiến tranh năm 1812 với tư cách là đại úy quân đội. Anh ta đã hấp thụ những cảm xúc thần thánh trước khi nhập ngũ, nhưng tính cách chính trực của anh ta đã khiến anh ta chán ghét sự đòi hỏi của trại đến nỗi sau khi chiến tranh kết thúc, anh ta vui vẻ từ bỏ sự nghiệp quân sự của mình.

Việc chủ nghĩa thần linh phủ nhận sự tồn tại trong tương lai đã ngăn cản Miller hoàn toàn đồng ý với học thuyết này, mặc dù ông không chấp nhận Kinh thánh là được soi dẫn. Tuy nhiên, khi phát hiện ra rằng Kinh thánh tự giải thích nó thay vì chấp nhận những lời dạy thần học hiện tại như là minh chứng cho sự mặc khải, cả hai khó khăn đều biến mất. Từ năm 1818, khi kết luận rằng sự đến của Đấng Christ đã gần kề, ông tiếp tục nhiệt thành điều tra vấn đề trong 13 năm, nhưng ông chỉ bày tỏ quan điểm của mình một cách riêng tư.

Khi ông bắt đầu thuyết trình trước công chúng vào năm 1831 và từ thời điểm đó cho đến năm 1844, ông đã thuyết giảng bốn nghìn bài giảng ở 500 thành phố khác nhau. Khoảng 200 bộ trường chấp nhận lập luận của Miller và 500 nhà thuyết giáo tham gia vào lời tuyên bố của ông. Ở gần 1.000 địa phương, các hội thánh tín hữu đã được xây dựng với số lượng khoảng 50.000 người. Chỉ nhờ công lao của Miller, không dưới 6.000 linh hồn đã được cải đạo theo Đấng Christ, và con số có lẽ còn lớn hơn nhiều. Trong số những người cải đạo, khoảng 700 người đã công khai vô thần trước khi tham dự các bài giảng của ông.

Mặc dù nhầm lẫn về thời gian chính xác của lần đến thứ hai, niềm tin của ông vẫn không lay chuyển về cách thức và sự gần gũi của sự tái lâm của Chúa. Vào năm 1845, ông viết: "Tôi đã cân nhắc một cách khách quan những ý kiến phản đối những quan điểm này, nhưng nhận thấy rằng không có lập luận nào được Kinh Thánh ủng hộ mà theo quan điểm của tôi, quan điểm của tôi đã vô hiệu. Do đó, tôi không thể không tận tâm chờ đợi sự trở lại của Chúa tôi và khuyến khích đồng bào của tôi, trong khi tôi có cơ hội, hãy sẵn sàng cho sự kiện trọng đại đó." Tuy nhiên, anh cảm thấy nhiệm vụ của mình gần như đã hoàn thành. Miller nói: "Tôi sẽ để cho những người anh em trẻ của tôi đấu tranh cho sự thật." Trong nhiều năm tôi đã làm việc một mình; Bây giờ Chúa đã đẩy lên những người sẽ thay thế vị trí của tôi." Tuy nhiên, thỉnh thoảng ông vẫn tiếp tục rao giảng, miễn là bệnh tật ở tuổi tác cho phép. Miller chết với niềm tin trọn vẹn vào những học thuyết mà ông đã tuyên bố.

JOSEPH WOLFF, nhà truyền giáo và du khách nổi tiếng người Do Thái, sinh năm 1795 tại Bavaria, Đức. "Được ưu ái với tài năng ngôn ngữ, khả năng nhận thức nhạy bén, khí chất mạnh mẽ và sự thận trọng cao độ, ngay từ khi còn nhỏ ông đã có quan hệ với những người đàn ông nổi tiếng đến từ một số nước châu Âu. Năm 1812, Wolff được rửa tội tại thành phố Praha bởi một tu sĩ dòng Biển Đức. Ở Rome nơi nó sẽ diễn ra

Được đào tạo như một nhà truyền giáo, ông đã cống hiến hết mình cho việc nghiên cứu các ngôn ngữ phương Đông, với ý định mang phúc âm đến cho người Do Thái và người Hồi giáo. Ông được sự ưu ái của Giáo hoàng Pius VII, nhưng quan điểm tự do mà ông bày tỏ nhiều lần khiến ông bị nghi ngờ trong mắt Tòa án dị giáo, và Wolff phải rời trường đại học và thành phố vĩnh cửu. Ở Anh, anh nhanh chóng kết bạn. Những người sáng lập Hiệp hội người Do Thái ở Luân Đôn, nhận ra năng khiếu đặc biệt của ông trong công việc truyền giáo, đã thúc đẩy việc ông được nhận vào Đại học Cambridge, nơi ông tiếp tục nghiên cứu về phương Đông.

"Trong cuộc đời phiêu lưu của mình với tư cách là một du khách-ở Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ và các vùng của Châu Phi-Wolff đã làm quen với các vị vua và hoàng tử, cũng như với những người đàn ông uyên bác thuộc mọi cấp bậc giáo hội. Trước những nguy hiểm lớn nhất, anh đã thể hiện lòng dũng cảm bất khuất và sự thông minh tuyệt vời. Wolff thuyết giảng khắp nơi-đôi khi bằng tiếng mẹ đẻ, đôi khi bằng các ngôn ngữ khác nhau-và bất cứ nơi nào ông đến, ông đều biết cách thu hút sự quan tâm của những người đàn ông và phụ nữ nổi bật nhất trong việc đẩy mạnh sứ mệnh của mình". Một mối vì cuộc sống công việc và thời tiết trong những chuyến du hành, ông trải qua những năm cuối đời với tư cách là giám đốc một giáo xứ ở Anh, nơi ông qua đời vào năm 1862.

JOHN ALBERT BENDEL sinh tại Württemberg năm 1687 và qua đời năm 1751. Ông được thế giới công nhận là một người có óc phân định sâu sắc, học rộng và có lòng đạo đức vững chắc. Ông là tác giả của vô số cuốn sách - cả phê bình lẫn chú giải - có giá trị lớn về Kinh thánh, vẫn là một phần kho báu của người nghiên cứu Kinh thánh. Quy tắc giải thích của Bengel là "không thêm gì vào Kinh thánh, nhưng rút ra mọi điều từ chúng và không để bất cứ điều gì trong đó bị ẩn giấu".

LOUIS GAUSSEN, sinh năm 1790, quê ở Geneva và là giáo sĩ của Giáo hội Cải cách. Gausсен được khắp Thụy Sĩ biết đến như một người chân thành ủng hộ Cơ đốc giáo truyền giáo. Ông liên kết với Tiến sĩ Jean Merle D'Aubigné và những người khác, tìm cách thay thế triết lý duy lý đã xâm chiếm Geneva bằng đức tin kinh thánh. Ông đã vấp phải sự phản đối gay gắt và cuối cùng bị đình chỉ công tác. Năm 1834, ông đảm nhận chức chủ tịch thần học tại Trường Truyền giáo Geneva mới thành lập và trở thành tác giả của một số tác phẩm về Kinh thánh. Cái chết của ông xảy ra vào năm 1863.

PIUS IX VÀ SẮC ĐỊNH KHUYẾT ĐỊNH - Chúng tôi rút ra từ Luận thuyết của Gladstone, "Các sắc lệnh của Vatican", tường thuật về việc ban hành sắc lệnh về tính không thể sai lầm của Giáo hoàng Pius IX: Công đồng Vatican đã long trọng khai mạc, giữa vô số tiếng chuông vang lên và tiếng chuông vang lên. Canon of San Angelo, vào ngày 8 tháng 12 năm 1869, tại Vương cung thánh đường Vatican. Trong phiên họp công khai thứ tư, vào ngày 18 tháng 7 năm 1870, sắc lệnh về tính bất khả ngộ của Giáo hoàng đã được công bố. Tài liệu này không chỉ khẳng định quyền lực của giáo hoàng La Mã đối với tất cả các giáo hội, mà còn trao cho ông " quyền tài phán trực tiếp , mà tất cả người Công giáo, cả mục sư và người dân, phải phục tùng trong các vấn đề không chỉ về đức tin và đạo đức, mà cả về kỷ luật và chính quyền". Ông tuyên bố rằng Giáo hoàng, khi phát biểu "trong những tuyên bố chính thức của mình đối với thế giới Cơ đốc giáo, về các vấn đề liên quan đến đức tin và đạo đức, là không thể sai lầm," và rằng các quyết định của ông là cuối cùng và không thể thay đổi được.

Hành động báng bỗ tối cao này của Giáo hoàng nhanh chóng dẫn đến sự sụp đổ quyền lực tạm thời của Giáo hoàng. Vào nửa cuối tháng 9 năm 1870, sáu tuần sau khi sắc lệnh không thể sai lầm được công bố, "Đế quốc Pháp, vốn là chỗ dựa chính cho quyền lực tạm thời của Giáo hoàng, đã sụp đổ với sự đầu hàng của Napoléon III, tại pháo đài Huguenot cũ của Sedan, tới Vua William của nước Nga theo đạo Tin Lành. Và vào ngày 20 tháng 9, quân đội Ý, nhân danh Vua Victorio Emmanuele, đã chiếm giữ Rome, thủ đô tương lai của nước Ý thống nhất." Kể từ ngày Đức Piô IX xuất hiện trước người dân Rôma, trong lời tuyên bố của ngài.

không thể sai lầm, anh ta không bao giờ được nhìn thấy ở nơi công cộng nữa. Bị tước bỏ quyền lực tạm thời và không muốn phục tùng chính quyền quốc gia, vị giáo hoàng kiêu hãnh của Rome vẫn là một người tự giam mình trong Cung điện Vatican cho đến khi qua đời vào năm 1878.